BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 9 (pgs 1079-1194)

Michael D. Robbins

S9S1 Part I

TCF 1079- 1083

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

a. Radiation and Cyclic Law. Scattered throughout this *Treatise*, are numerous indications of the cyclic nature of this phenomenon, and students should bear in mind that in all which concerns radiation, as in all else, **there will be periods of quiescence, and periods of intensified activity.**

1. This is an indication of importance. We are now living through a time of greatly increasing human radiation but there will ebbs and flows in the process. The Tibetan sometimes warns us that the period of opportunity now present will not always be present.

I urge upon all workers the remembrance that the day of opportunity is with us and that it has its term. (TWM 561)

TCF 1078- 1083

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị phần Bình Luận này được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

a. Bức xạ và Định luật Chu kỳ. Rải rác khắp *Luận thuyết* này có rất nhiều chỉ dẫn về bản chất chu kỳ của hiện tượng này, và các đạo sinh nên ghi nhớ rằng trong mọi điều liên quan đến bức xạ, cũng như trong mọi điều khác, **sẽ có những giai đoạn tĩnh lặng, và những giai đoạn hoạt động tăng cường.**

1. Đây là một chỉ dẫn quan trọng. Hiện nay chúng ta đang sống qua một thời kỳ bức xạ nhân loại gia tăng mạnh mẽ, nhưng trong tiến trình này sẽ có những lúc lên xuống. Chân sư Tây Tạng đôi khi cảnh báo chúng ta rằng thời kỳ cơ hội hiện nay sẽ không luôn luôn hiện diện.

Tôi thúc giục tất cả những người hoạt động hãy ghi nhớ rằng ngày cơ hội đang ở cùng

chúng ta và nó có thời hạn của nó. (TWM 561)

This will be seen quite clearly in connection with the fourth kingdom of nature.

Điều này sẽ được thấy hết sức rõ ràng trong liên hệ với giới thứ tư của bản chất.

2. Apparently, then, this is a period of cyclic activation.

2. Vậy thì dường như đây là một thời kỳ hoạt hóa theo chu kỳ.

3. Also, we are far more likely to notice these periods of activation within our own kingdom than within lower and higher kingdoms of nature.

3. Ngoài ra, chúng ta có nhiều khả năng nhận thấy những thời kỳ hoạt hóa này trong chính giới của mình hơn là trong các giới thấp hơn và cao hơn của bản chất.

A period of radioactivity is being entered upon now in which men and women will achieve a larger realisation;

Một thời kỳ phóng xạ đang được bước vào hiện nay, trong đó những người nam và nữ sẽ đạt được một sự chứng nghiệm lớn lao hơn;

4. We remember that this book was published almost eighty-five years ago.

4. Chúng ta nhớ rằng cuốn sách này đã được xuất bản gần tám mươi lăm năm trước.

5. Certainly a larger realisation has come to humanity via the consciousness movement and the media explosion.

5. Chắc chắn một sự chứng nghiệm lớn lao hơn đã đến với nhân loại qua phong trào tâm thức và sự bùng nổ của truyền thông.

they will begin to transcend their human limitations, and to enter the fifth kingdom one by one, and unit by unit.

họ sẽ bắt đầu vượt qua những giới hạn nhân loại của mình, và bước vào giới thứ năm từng người một, và từng đơn vị một.

6. And, we might suspect, eventually in groups. The evolutionary process on our planet will be greatly hastened when human beings can enter the fifth kingdom in groups and it is part of the intention of our Planetary Logos that group entry be greatly facilitated.

6. Và, chúng ta có thể ngờ rằng, cuối cùng là theo nhóm. Tiến trình tiến hoá trên hành tinh chúng ta sẽ được thúc đẩy rất mạnh khi con người có thể bước vào giới thứ năm theo nhóm, và việc nhập giới theo nhóm được tạo điều kiện rất nhiều là một phần trong ý định của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

This period, as far as the larger cycle is concerned, began when the Door of Initiation was opened in Atlantean days,

Thời kỳ này, xét theo chu kỳ lớn hơn, đã bắt đầu khi Cánh Cửa Điểm đạo được mở ra trong thời Atlantis,

7. We might presume this opening to have occurred in the fifth sub-race of the Atlantean rootrace. (Study the *Hidden History of Humanity* by Phillip Lindsay, for fascinating details.)

7. Chúng ta có thể giả định rằng sự mở ra này đã xảy ra trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc Atlantis. (Hãy nghiên cứu *Lịch Sử Huyền Bí của Nhân Loại* của Phillip Lindsay để biết những chi tiết rất hấp dẫn.)

but many lesser cycles have occurred, **for the influx into the fifth kingdom is equally governed by cyclic law, by periodic ebb and flow**.

nhưng nhiều chu kỳ nhỏ hơn đã xảy ra, **vì dòng nhập vào giới thứ năm cũng được chi phối bởi định luật chu kỳ, bởi sự lên xuống tuần hoàn**.

8. Thus it is incumbent upon us to seize opportunity. We are presently in the midst of opportunity.

8. Vì vậy, chúng ta có bổn phận nắm lấy cơ hội. Hiện nay chúng ta đang ở giữa thời kỳ cơ hội.

9. We live in a period in which transformational alchemy is being proven within the fourth kingdom.

9. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ mà thuật luyện kim chuyển đổi đang được chứng minh trong giới thứ tư.

10. Opportunities to enter the fifth kingdom of nature occur constantly for individuals, but periods when the entry of greater numbers is more likely occur cyclically.

10. Những cơ hội để bước vào giới thứ năm của bản chất luôn luôn xảy ra đối với từng cá nhân, nhưng những thời kỳ mà số lượng lớn hơn có khả năng nhập giới hơn thì xảy ra theo chu kỳ.

11. We could wonder if second and fifth ray cycles would not be particularly conducive to entry into the Kingdom of Souls.

11. Chúng ta có thể tự hỏi liệu các chu kỳ cung hai và cung năm có đặc biệt thuận lợi cho việc bước vào Thiên Giới của các linh hồn hay không.

At the close of the fourth root race there was a period of **distinctive** radioactivity, **and many hundreds of men passed out of the fourth Creative Hierarchy into another and a higher one**.

Vào lúc kết thúc giống dân gốc thứ tư đã có một thời kỳ **phóng xạ rõ rệt**, **và nhiều trăm người đã đi ra khỏi Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư để bước vào một Huyền Giai khác và cao hơn**.

12. This is not a transition between kingdoms but a much greater type of elevation—from Creative Hierarchy to Creative Hierarchy. Did members of the Fourth Creative Hierarchy make a transition into the fifth Creative Hierarchy of Solar

12. Đây không phải là một sự chuyển tiếp giữa các giới mà là một loại thăng nâng lớn lao hơn nhiều—từ Huyền Giai Sáng Tạo này sang Huyền Giai Sáng Tạo khác. Có phải các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư đã chuyển tiếp vào Huyền Giai Sáng Tạo thứ

Angels, and if so, did it mean that they had to 'travel' to Sirius on the Way of Higher Evolution in order to do so?

năm của các Thái dương Thiên Thần hay không, và nếu vậy, điều đó có nghĩa là họ phải "du hành" đến Sirius trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu để làm như thế chăng?

13. We note that the Tibetan is not specifying the particular Creative Hierarchy into which members of the Fourth Creative Hierarchy made transition. Is there a mystery here? It is not reasonably conceivable that they could have transitioned into a Creative Hierarchy still higher than the Hierarchy of Solar Angels, which is the usual destination for the majority of human beings in the Fourth Creative Hierarchy.

13. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không xác định Huyền Giai Sáng Tạo cụ thể mà các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư đã chuyển vào. Có một huyền nhiệm ở đây chăng? Không thể hình dung một cách hợp lý rằng họ có thể đã chuyển vào một Huyền Giai Sáng Tạo còn cao hơn Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần, vốn là đích đến thông thường của đa số nhân loại trong Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư.

14. The Atlantean rootrace saw the development of the type of human beings who would, particularly, tread the Fourth Cosmic Path to Sirius, as their manas would not be as highly developed as the Initiates of the present Aryan Race. Sirius trains human beings to become Solar Angels and receives those for whom the stimulation of manas is a necessity.

14. Giống dân gốc Atlantis đã chứng kiến sự phát triển của loại người đặc biệt sẽ bước trên Con Đường Vũ Trụ thứ Tư đến Sirius, vì manas của họ sẽ không phát triển cao bằng các Điểm đạo đồ của Nhân Loại Arya hiện nay. Sirius huấn luyện con người để trở thành các Thái dương Thiên Thần và tiếp nhận những ai mà sự kích thích manas là một điều cần thiết đối với họ.

Many posts held hitherto by Venusian Entities were vacated in order that our humanity might occupy them, and a vast interchain [Page 1079] radiation went on as many of the Kumaras and certain lesser existences quitted our earth chain, and entered upon subtler, and more advanced work.

Nhiều chức vụ từ trước đến nay do các Thực Thể Kim Tinh nắm giữ đã được bỏ trống để nhân loại chúng ta có thể đảm nhiệm, và một sự phóng xạ liên-Dãy rộng lớn [Page 1079] đã diễn ra khi nhiều vị Kumaras và certain lesser existences rời khỏi dãy địa cầu của chúng ta, và bước vào công việc tinh tế hơn, tiến bộ hơn.

15. This, we see, was a very major transition and perhaps such a transition can be expected at the close of every complete rootrace but not at the close of subraces.

15. Như vậy, chúng ta thấy đây là một sự chuyển tiếp rất lớn, và có lẽ một sự chuyển tiếp như thế có thể được chờ đợi vào lúc kết thúc mỗi giống dân gốc hoàn chỉnh, nhưng không phải vào lúc kết thúc các giống dân phụ.

16. When DK speaks of “Venusian Entities”, He may well be speaking of those who came with Sanat Kumara to the Earth-chain from the Venus-chain of our own planetary scheme.

16. Khi Chân sư DK nói về “các Thực Thể Kim Tinh”, rất có thể Ngài đang nói đến những vị đã cùng Đức Sanat Kumara đến Dãy Địa Cầu từ Dãy Kim Tinh trong chính hệ hành tinh của chúng ta.

17. Sanat Kumara came to our chain and globe with many Kumaras (one hundred four, plus Himself, or one hundred seven with Him as the hundred and eighth, depending upon the references). This great period of radiation, therefore, did not necessarily see these liberated Entities leaving our planetary scheme.

17. Đức Sanat Kumara đã đến dãy và bầu hành tinh của chúng ta cùng với nhiều Kumaras (một trăm lẻ bốn vị, cộng với chính Ngài, hoặc một trăm lẻ bảy vị với Ngài là vị thứ một trăm lẻ tám, tùy theo các tham chiếu). Vì vậy, thời kỳ phóng xạ lớn lao này không nhất thiết chứng kiến các Thực Thể đã được giải thoát ấy rời khỏi hệ hành tinh của chúng ta.

18. It seems that until the close of the fourth root-race, the positions within Hierarchy were occupied by the Confreres of Sanat Kumara, Who came with Him into our Earth-chain and to our Earth-globe and, together, founded Shamballa and the Spiritual Hierarchy.

18. Có vẻ như cho đến lúc kết thúc giống dân gốc thứ tư, các vị trí trong Thánh Đoàn đều do các Huynh Đệ của Đức Sanat Kumara đảm nhiệm, là những vị đã cùng Ngài đến Dãy Địa Cầu và bầu Địa Cầu của chúng ta, và cùng nhau sáng lập Shamballa cùng Thánh đoàn tinh thần.

19. Liberation, we see, is often, an inter-chain affair. Liberation beyond the planet is something much greater.

19. Như chúng ta thấy, giải thoát thường là một việc liên-Dãy. Sự giải thoát vượt ngoài hành tinh là điều gì đó lớn lao hơn nhiều.

20. Even if human beings tread Paths to other constellations, we could wonder if they always remain in some manner associated with our Solar Logos and solar system. So much depends upon solving the mystery of the origin of the Monad.

20. Ngay cả nếu con người bước trên các Con Đường đến những chòm sao khác, chúng ta vẫn có thể tự hỏi liệu họ có luôn luôn còn liên kết theo một cách nào đó với Thái dương Thượng đế và hệ mặt trời của chúng ta hay không. Rất nhiều điều tùy thuộc vào việc giải quyết huyền nhiệm về nguồn gốc của chân thần.

21. When we think of human beings beginning their particular Path on the Way of Higher Evolution, we should note the possible steps along the way. One such step might be development upon a chain other

21. Khi nghĩ đến việc con người bắt đầu Con Đường riêng biệt của họ trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu, chúng ta nên lưu ý những bước có thể có trên đường đi. Một bước như thế có thể là sự phát triển trên một dãy khác

than our fourth chain yet within our planetary scheme.

với dãy thứ tư của chúng ta nhưng vẫn ở trong hệ hành tinh của chúng ta.

Then the activity gradually ebbed until **a recurring cycle brought in influences which produced a new radiation,** though not of such a strength as in the preceding period.

Rồi hoạt động ấy dần dần suy giảm cho đến khi **một chu kỳ tái diễn mang vào những ảnh hưởng tạo ra một sự phóng xạ mới,** tuy không mạnh bằng trong thời kỳ trước đó.

22. The Law of Cycles is profoundly important in determining periods of opportunity. Because the Masters of the Wisdom know a great many of these cycles, They are able to serve the planetary process in an intelligent and scientific manner.

22. Định luật Chu kỳ có tầm quan trọng sâu xa trong việc xác định những thời kỳ cơ hội. Bởi vì các Chân sư Minh Triết biết rất nhiều chu kỳ như thế, nên Các Ngài có thể phụng sự tiến trình hành tinh một cách thông minh và khoa học.

23. We see, however, that DK is not actually naming the cycles.

23. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng DK thực ra không nêu tên các chu kỳ ấy.

24. It is precisely the specific knowledge of cycles which the Masters seek to withhold from the members of the Black Lodge. If such evil entities were sufficiently informed, they would know more specifically how to thwart Divine Plan.

24. Chính tri thức cụ thể về các chu kỳ là điều mà các Chân sư tìm cách giữ kín đối với các thành viên của Hắc đoàn. Nếu những thực thể ác hại ấy được thông tin đầy đủ, họ sẽ biết cụ thể hơn cách làm cản trở Thiên Cơ.

Another period of radioactivity occurred during the time of the Buddha and many achieved Arhatship in those days.

Một thời kỳ phóng xạ khác đã xảy ra vào thời Đức Phật và nhiều người đã đạt quả vị A La Hán trong những ngày ấy.

25. The Buddha was surrounded (whether symbolically or actually) by nine hundred Arhats.

25. Đức Phật được bao quanh (dù theo nghĩa biểu tượng hay thực sự) bởi chín trăm vị A La Hán.

26. If initiates of the fourth degree (or almost of that degree) were His students, we must realize something about His own initiatory status.

26. Nếu các điểm đạo đồ cấp bốn (hoặc gần cấp đó) là học trò của Ngài, chúng ta phải nhận ra điều gì đó về địa vị điểm đạo của chính Ngài.

That period was the highest point of what is occultly termed "**a cycle of the third degree**," and a similar degree of radiatory

Thời kỳ ấy là đỉnh cao của điều mà trong huyền bí học được gọi là "**một chu kỳ của**

activity has not been reached since that time.

cấp độ thứ ba," và từ đó đến nay chưa đạt lại được một mức hoạt động phóng xạ tương tự.

27. This is very interesting. As high as that period was relative to periods which followed it, it was not of strength equal to the period of radiation which occurred at the close of the Atlantean root race.

27. Điều này rất thú vị. Dù thời kỳ ấy cao đến đâu so với những thời kỳ tiếp theo, nó vẫn không mạnh bằng thời kỳ phóng xạ đã xảy ra vào lúc kết thúc giống dân gốc Atlantis.

28. When we read the words "a cycle of the third degree", it can be wondered whether third ray Monads were involved (as the Buddha, from all we can understand in *A Treatise on Cosmic Fire*, is a Monad on the third ray).

28. Khi đọc những chữ "một chu kỳ của cấp độ thứ ba", người ta có thể tự hỏi liệu các chân thần cung ba có liên quan hay không (vì Đức Phật, theo tất cả những gì chúng ta có thể hiểu từ *Luận về Lửa Vũ Trụ*, là một chân thần trên cung ba).

29. We can say with confidence that the cycle which peaked at the time of the Buddha was characterized by a tremendous emphasis on the spiritual use of the mind.

29. Chúng ta có thể nói một cách chắc chắn rằng chu kỳ đạt đỉnh vào thời Đức Phật được đặc trưng bởi một sự nhấn mạnh to lớn vào việc sử dụng trí tuệ theo tinh thần.

Human radiation of **a very slight nature** was felt about the time of Christ, but **it only lasted for a couple of hundred years,**

Bức xạ nhân loại **ở mức rất nhẹ** đã được cảm nhận vào khoảng thời Đức Christ, nhưng **nó chỉ kéo dài khoảng vài trăm năm,**

30. This seems to tell us something about the part of the Christian Era which was truly transformative. Once the Church of Rome took over Christianity (the Catholic Church having, we are told, a first ray soul and not a soul on the second ray) it seems the period of radiation did not continue.

30. Điều này dường như cho chúng ta biết điều gì đó về phần của Kỷ nguyên Cơ Đốc thực sự có tính chuyển đổi. Một khi Giáo hội La Mã tiếp quản Cơ Đốc giáo (mà theo chúng ta được biết, Giáo hội Công giáo có linh hồn cung một chứ không phải linh hồn cung hai) thì dường như thời kỳ phóng xạ ấy đã không tiếp tục.

and though individuals here and there have since achieved the goal, **yet no large numbers have passed successfully through the fires of transmutation, and thus transcended the fourth kingdom**.

và mặc dù những cá nhân rải rác đây đó từ đó đến nay đã đạt được mục tiêu, **nhưng chưa có số lượng lớn nào đi qua thành công những ngọn lửa chuyển hoá, và do đó vượt qua giới thứ tư**.

31. We learn something important—to pass through the fires of transmutation is equivalent to transcending the fourth

31. Chúng ta học được một điều quan trọng —đi qua những ngọn lửa chuyển hoá tương đương với việc vượt qua giới thứ tư và bước

kingdom and entering the fifth. It would seem, however, that full entry into the fifth kingdom does not occur at the first initiation, even though it is often said that the first degree signifies entry into that kingdom. Between the first and fifth degrees much transmutation remains to be accomplished.

vào giới thứ năm. Tuy nhiên, dường như việc nhập trọn vẹn vào giới thứ năm không xảy ra ở lần điểm đạo thứ nhất, dù người ta thường nói rằng cấp độ thứ nhất biểu thị sự bước vào giới ấy. Giữa cấp độ thứ nhất và thứ năm vẫn còn rất nhiều sự chuyển hoá phải được hoàn tất.

32. Although we are told, "may transmutation disappear", we see that it is a very enduring process active in a man (in various ways) until he becomes a Master of the Wisdom.

32. Mặc dù chúng ta được bảo rằng "cầu mong sự chuyển hoá biến mất", chúng ta thấy rằng đó là một tiến trình rất bền bỉ, hoạt động trong một con người (theo nhiều cách khác nhau) cho đến khi y trở thành một Chân sư Minh Triết.

The cycle is again on the upward turn; **about the fourteenth century the human kingdom began to be noticeably radioactive,**

Chu kỳ hiện lại đang trên đà đi lên; **vào khoảng thế kỷ mười bốn, giới nhân loại bắt đầu trở nên phóng xạ một cách rõ rệt,**

33. By this DK probably means from the 1300's onwards. We can correlate this period with the earliest phases of the Renaissance.

33. Theo DK, điều này có lẽ có nghĩa là từ những năm 1300 trở đi. Chúng ta có thể liên hệ thời kỳ này với các giai đoạn sớm nhất của thời Phục Hưng.

and we are on the way to the fulfilment of a "cycle of the second order" or of a **period of transcendence of a still greater activity than in the time of the Buddha**.

và chúng ta đang trên đường đi đến sự hoàn tất của một "chu kỳ của trật tự thứ hai" hay của một **thời kỳ siêu vượt với hoạt động còn lớn hơn thời Đức Phật**.

34. The appearance of the Christ in Palestine some 2000 years ago was, apparently, the seed of a coming fulfillment of a "cycle of the second order".

34. Sự xuất hiện của Đức Christ tại Palestine khoảng 2000 năm trước, dường như là hạt giống của sự hoàn tất sắp đến của một "chu kỳ của trật tự thứ hai".

35. We do not know precisely why the terms "third order" and "second order" are being used or if they relate to the monadic rays or soul rays of those concerned. They could relate, in general, to the ray on which the transmutative process occurs.

35. Chúng ta không biết chính xác vì sao các thuật ngữ "trật tự thứ ba" và "trật tự thứ hai" được dùng, hay liệu chúng có liên hệ đến các cung chân thần hoặc cung linh hồn của những người liên quan hay không. Nói chung, chúng có thể liên hệ đến cung mà trên đó tiến trình chuyển hoá xảy ra.

36. The periods of "transcendence" discussed, indicate transcendence of the human kingdom.

36. Những thời kỳ "siêu vượt" được bàn đến cho thấy sự siêu vượt giới nhân loại.

It will become demonstrably great when certain conditions have been fulfilled.

Nó sẽ trở nên lớn lao một cách hiển nhiên khi một số điều kiện nhất định đã được hoàn tất.

37. Are we to believe that greatness of this fulfillment will be seen during the Aquarian Age? This is probable.

37. Chúng ta có nên tin rằng sự lớn lao của sự hoàn tất này sẽ được thấy trong Kỷ nguyên Bảo Bình không? Điều này có khả năng cao.

First, when the present world chaos has subsided.

Thứ nhất, khi tình trạng hỗn loạn thế giới hiện nay đã lắng xuống.

38. As yet (2009) this is far from the case.

38. Cho đến nay (2009) điều này còn rất xa mới thành hiện thực.

Next, when the present generation has consummated its work of reconstruction.

Kế đến, khi thế hệ hiện nay đã hoàn tất công việc tái thiết của mình.

39. Did this occur? We must remember that these words were written before 1925 and a huge destruction followed in the late 1930's and early 1940's.

39. Điều này đã xảy ra chưa? Chúng ta phải nhớ rằng những lời này được viết trước năm 1925 và một sự tàn phá khổng lồ đã tiếp theo vào cuối thập niên 1930 và đầu thập niên 1940.

40. However, we do not know what Master DK means by the "present generation". He could be referring to incarnating groups of souls over a rather lengthy period of time. Regardless of the evident destruction of the times, we could still be in what has been called a 'period of reconstruction'.

40. Tuy nhiên, chúng ta không biết Chân sư DK muốn nói gì qua "thế hệ hiện nay". Ngài có thể đang nói đến những nhóm linh hồn nhập thể trong một khoảng thời gian khá dài. Bất kể sự tàn phá hiển nhiên của thời đại, chúng ta vẫn có thể đang ở trong điều từng được gọi là một "thời kỳ tái thiết".

Third, when the coming great Lord has entered upon His mission upon earth, thereby increasing the vibration in every kingdom of nature, but particularly in the second and fourth.

Thứ ba, khi vị Chúa Tể vĩ đại sắp đến đã bắt đầu sứ mệnh của Ngài trên địa cầu, nhờ đó làm gia tăng rung động trong mọi giới của bản chất, nhưng đặc biệt là trong giới thứ hai và thứ tư.

41. We must remember that when these words were written it had not yet been decided whether the Great Lord, Lord Maitreya, the Christ, was destined to bring His mayavirupa into manifestation upon the dense physical plane, or whether He might descend no 'lower' than the etheric plane in His planned redemption of humanity. The etheric plane is still an 'earthy' plane and could include the Christ's "mission upon earth".

41. Chúng ta phải nhớ rằng khi những lời này được viết ra, vẫn chưa quyết định liệu Vị Chúa Tể Vĩ Đại, Đức Maitreya, Đức Christ, có được định sẵn mang mayavirupa của Ngài vào biểu hiện trên cõi hồng trần đậm đặc hay không, hay liệu Ngài có thể không giáng xuống "thấp" hơn cõi dĩ thái trong công cuộc cứu chuộc nhân loại đã được hoạch định của Ngài. Cõi dĩ thái vẫn là một cõi "thuộc địa cầu" và có thể bao gồm "sứ mệnh của Đức Christ trên địa cầu".

42. Apparently, we are not to anticipate the great consummation of this "cycle of the second order" until the actual Reappearance of the Christ.

42. Dường như chúng ta không nên chờ đợi sự hoàn tất lớn lao của "chu kỳ của trật tự thứ hai" này cho đến khi Đức Christ thực sự Tái Lâm.

43. We see and understand that the human kingdom and the vegetable kingdom (the second) would, according to numerical resonance, have their vibrations particularly increased by means of the coming of the second ray Lord of the Hierarchy.

43. Chúng ta thấy và hiểu rằng giới nhân loại và giới thực vật (giới thứ hai), theo sự cộng hưởng số học, sẽ có rung động của chúng được gia tăng đặc biệt nhờ sự quang lâm của Đấng Chúa Tể cung hai của Thánh Đoàn.

Fourth, when the movement, inaugurated at the close of each century by the Trans-Himalayan Lodge **is under way**, and the psycho-scientific Egos who are its agents have made their presence felt.

Thứ tư, khi phong trào, được Trans-Himalayan Lodge khởi xướng vào cuối mỗi thế kỷ, **đang được tiến hành**, và các Chân ngã tâm lý-khoa học là những tác nhân của phong trào ấy đã làm cho sự hiện diện của họ được cảm nhận.

44. It is evident that Master DK had very great expectations for the emergence of spirituality in the 20th century. There certainly has been a great movement for the expansion and deepening of consciousness during the last third of the 20th century, and presumably many "psycho-scientific Egos" have made their presence felt. The initiates and Masters (though largely unseen or unrecognized) have been effective in raising the general spiritual awareness of humanity.

44. Rõ ràng là Chân sư DK đã có những kỳ vọng rất lớn đối với sự xuất hiện của tinh thần tính trong thế kỷ 20th. Quả thực đã có một phong trào lớn nhằm mở rộng và đào sâu tâm thức trong một phần ba cuối của thế kỷ 20th, và có lẽ nhiều "Chân ngã tâm lý-khoa học" đã làm cho sự hiện diện của họ được cảm nhận. Các điểm đạo đồ và các Chân sư (dù phần lớn không được thấy hoặc không được nhận biết) đã hữu hiệu trong việc nâng cao nhận thức tinh thần chung của nhân loại.

45. While initiates, however, have appeared, the Masters, in general, have not. Very probably there was a delay in the planned Externalization of the Hierarchy due to the release of atomic energy and all the dangers entailed in that release.

45. Tuy nhiên, trong khi các điểm đạo đồ đã xuất hiện, thì nhìn chung các Chân sư vẫn chưa. Rất có thể đã có một sự trì hoãn trong Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn đã được hoạch định do việc giải phóng năng lượng nguyên tử và mọi nguy hiểm kéo theo từ sự giải phóng đó.

46. We gather that Master DK may have anticipated the fulfillment of the cycle of the second order even in the last century. During that latter part of that century it was anticipate that the Christ would reappear. This we can gather from various references and inferences.

46. Chúng ta hiểu rằng Chân sư DK có thể đã dự đoán sự hoàn tất của chu kỳ trật tự thứ hai ngay trong thế kỷ trước. Trong phần sau của thế kỷ ấy, người ta đã dự đoán rằng Đức Christ sẽ tái lâm. Điều này chúng ta có thể rút ra từ nhiều tham chiếu và suy luận khác nhau.

Finally, [the fifth requirement] when a movement is instituted by the Lodge, working in connection with the fourth root race;

Sau cùng, [điều kiện thứ năm] khi một phong trào được Thánh đoàn thiết lập, hoạt động trong liên hệ với giống dân gốc thứ tư;

47. This apparently has not yet occurred, just as the return of the Masters into visible presence has not yet occurred.

47. Điều này dường như vẫn chưa xảy ra, cũng như việc các Chân sư trở lại trong sự hiện diện hữu hình vẫn chưa xảy ra.

it will [Page 1080] also be part of the stimulative process, and will result in the **rendering radioactive of some of the foremost thinkers of that race**.

nó sẽ [Page 1080] cũng là một phần của tiến trình kích thích, và sẽ dẫn đến việc **làm cho một số nhà tư tưởng hàng đầu của giống dân ấy trở nên phóng xạ**.

48. The fourth root-race exemplified largely through the populations of Japan and China, has undergone considerable development following the Second World War, but probably this is only the very beginning of that which the Tibetan is indicating.

48. Giống dân gốc thứ tư, được biểu hiện phần lớn qua dân cư Nhật Bản và Trung Quốc, đã trải qua sự phát triển đáng kể sau Thế Chiến Thứ Hai, nhưng có lẽ đây chỉ mới là khởi đầu của điều mà Chân sư Tây Tạng đang chỉ ra.

It will be their day of opportunity, and so great is the importance attached to this that a Member of the Lodge, **Confucius as he has been called in the past**, will incarnate in order to superintend the work.

Đó sẽ là ngày cơ hội của họ, và tầm quan trọng gắn với điều này lớn đến nỗi một Thành Viên của Thánh đoàn, **Khổng Tử như Ngài đã được gọi trong quá khứ**, sẽ nhập thể để giám sát công việc.

49. Here we have an amazing prophecy, confirming Confucius (in His present state of development) as a Master of the Wisdom.

49. Ở đây chúng ta có một lời tiên tri đáng kinh ngạc, xác nhận Khổng Tử (trong trạng thái phát triển hiện nay của Ngài) là một Chân sư Minh Triết.

50. We realize that during the Maoist period there was a tremendous repudiation of traditional Confucianism. May be expect to see something of a restoration of balance as Confucius draws near?

50. Chúng ta nhận ra rằng trong thời kỳ Mao-ít đã có một sự phủ nhận mãnh liệt đối với Nho giáo truyền thống. Liệu chúng ta có thể chờ đợi thấy một sự phục hồi cân bằng nào đó khi Khổng Tử đến gần chăng?

The preliminary steps are being taken now, and Egos are coming in who will endeavour to direct the energies of this race on to the right line **though the peak of the cycle of stimulation will not be until the middle of the next century**.

Những bước sơ khởi hiện đang được tiến hành, và các Chân ngã đang nhập thế, những vị sẽ cố gắng hướng các năng lượng của giống dân này đi theo đường lối đúng đắn **dù đỉnh cao của chu kỳ kích thích sẽ không đến cho tới giữa thế kỷ tới**.

51. Probably the process of directing the energies of the fourth rootrace toward the right line is now in process, but the period around 2050 will mark the peak of this movement.

51. Có lẽ tiến trình hướng các năng lượng của giống dân gốc thứ tư theo đường lối đúng đắn hiện đang diễn ra, nhưng giai đoạn quanh năm 2050 sẽ đánh dấu đỉnh cao của phong trào này.

52. Assuming that this prophecy will be fulfilled, it is a source of very great encouragement.

52. Giả sử lời tiên tri này sẽ được hoàn tất, thì đó là một nguồn khích lệ rất lớn.

It is needless for me to point out that **all such movements are first felt as disturbing**, and only when the dust of turmoil, and the noise of clashing forces have died away will *purpose* be seen emerging.

Tôi không cần phải chỉ ra rằng **mọi phong trào như thế trước hết đều được cảm nhận như gây xáo trộn**, và chỉ khi bụi của hỗn loạn, và tiếng ồn của các mãnh lực xung đột đã lắng xuống thì *mục đích* mới được thấy đang xuất hiện.

53. Are we to imagine that the Chinese Communist Revolution held the seeds of these future developments? Certainly, it was the greatest disturbance through which China has passed in recent history. Then also, there was WWII, which may not have

53. Chúng ta có nên hình dung rằng Cách mạng Cộng sản Trung Quốc chứa đựng những hạt giống của các phát triển tương lai này không? Chắc chắn đó là sự xáo trộn lớn nhất mà Trung Quốc đã trải qua trong lịch sử gần đây. Ngoài ra còn có Thế Chiến II, điều

been foreseen by the Masters at the time of this writing.

có thể đã không được các Chân sư thấy trước vào lúc những dòng này được viết ra.

54. Or could the Tibetan possibly be previsioning disturbances in the fourth root-race which have not yet made themselves apparent. Only time will tell, and not too much time remains before the predicted peak of the cycle of stimulation which He is discussing.

54. Hay có thể Chân sư Tây Tạng đang linh thị trước những xáo trộn trong giống dân gốc thứ tư mà đến nay vẫn chưa biểu lộ rõ. Chỉ thời gian mới trả lời được, và không còn quá nhiều thời gian trước đỉnh cao được tiên đoán của chu kỳ kích thích mà Ngài đang bàn đến.

This is very apparent in at the present time.

Điều này rất rõ ràng vào thời điểm hiện nay.

55. Apparently the Russian Revolution of 1917-1918 was seen to have spiritual possibilities. Later DK stated that the Masters had withdrawn Their stimulation from that process because a wrong (and probably materialistic) emphasis had developed

55. Dường như Cách mạng Nga 1917-1918 đã được xem là có những khả năng tinh thần. Về sau DK nói rằng các Chân sư đã rút sự kích thích của Các Ngài khỏi tiến trình ấy vì một sự nhấn mạnh sai lầm (và có lẽ duy vật) đã phát triển

56. It seems that very great social disturbances are required if planetary *purpose* is to make its way into expression.

56. Dường như những xáo trộn xã hội rất lớn là cần thiết nếu *mục đích* hành tinh muốn tìm đường đi vào biểu hiện.

A great factor and one that it is hard to explain so that the average thinker can understand it is **the cyclic coming in** of egos who are at a point in evolution where they **are ready for their first radioactive life.**

Một yếu tố lớn lao, và là điều khó giải thích để nhà tư tưởng trung bình có thể hiểu được, là **sự nhập vào theo chu kỳ** của các chân ngã đang ở một điểm tiến hoá mà tại đó họ **sẵn sàng cho đời sống phóng xạ đầu tiên của mình.**

57. Such egos, presumably, carry their increasing radioactivity into expression and contribute to the type of disturbances we have been discussing.

57. Có lẽ những chân ngã như thế mang sự phóng xạ đang gia tăng của họ vào biểu hiện và góp phần vào loại xáo trộn mà chúng ta đã bàn đến.

58. We may judge that such egos, on the brink of radioactivity, do not come into incarnation in a random fashion but cyclically. Are such cycles similar on all the rays?

58. Chúng ta có thể phán đoán rằng những chân ngã như thế, đang ở bên bờ của tính phóng xạ, không nhập thể một cách ngẫu nhiên mà theo chu kỳ. Những chu kỳ như thế có giống nhau trên mọi cung không?

59. When DK speaks of "their first radioactive life" is He speaking of the incarnation in which these egos take their first initiation? The world is now preparing for humanity in large numbers to take the first initiation (so often preceded by drastic experiences under Vulcan and Pluto). Is DK saying that when many are ready for the first initiation the results will work out in a manner which is disturbing and disruptive to the status-quo?

59. Khi DK nói về "đời sống phóng xạ đầu tiên của họ", phải chăng Ngài đang nói đến kiếp nhập thể mà trong đó các chân ngã này nhận lần điểm đạo thứ nhất? Hiện nay thế giới đang chuẩn bị để nhân loại với số lượng lớn nhận lần điểm đạo thứ nhất (thường được đi trước bởi những kinh nghiệm quyết liệt dưới Vulcan và Sao Diêm Vương). Phải chăng DK đang nói rằng khi nhiều người sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ nhất thì các kết quả sẽ diễn ra theo cách gây xáo trộn và phá vỡ nguyên trạng?

In **one great department of hierarchical endeavour** all egos are divided into two groups, **according to their cycle** and **according to their type of energy**.

Trong **một bộ phận lớn của nỗ lực thuộc Thánh đoàn** mọi chân ngã được chia thành hai nhóm, **theo chu kỳ của họ** và **theo loại năng lượng của họ**.

60. The Tibetan lists two groups below. Roughly, the first group seems to indicate developmental differences between the Monads or Egos listed. The second group seems to differentiate the units listed according to varying types of energy. Perhaps this rough differentiation cannot be applied in all cases.

60. Chân sư Tây Tạng liệt kê hai nhóm ở dưới. Đại thể, nhóm thứ nhất dường như chỉ ra những khác biệt phát triển giữa các chân thần hoặc chân ngã được liệt kê. Nhóm thứ hai dường như phân biệt các đơn vị được liệt kê theo những loại năng lượng khác nhau. Có lẽ sự phân biệt đại thể này không thể áp dụng trong mọi trường hợp.

These grades are in turn subdivided **according to the quality** and **the vibratory effect to be induced upon any one kingdom of nature by** their united, or single, incarnation.

Những cấp bậc này lại được phân chia nhỏ hơn **theo phẩm tính** và **hiệu quả rung động sẽ được gây ra trên bất kỳ giới nào của bản chất bởi** sự nhập thể chung hay riêng lẻ của họ.

61. Which "great department of hierarchical endeavour" is indicated? One of the Three Great Departments ruled by the Manu, the Bodhisattva or the Mahachohan, or another?

61. "Bộ phận lớn của nỗ lực thuộc Thánh đoàn" nào đang được chỉ ra? Một trong Ba Bộ Phận Lớn do Đức Manu, Đức Bồ Tát hay Đức Mahachohan cai quản, hay một bộ phận khác?

62. There are divisions according to cycle and divisions according to energy (presumably ray energy). Perhaps division according to cycle is a hierarchical division.

62. Có những phân chia theo chu kỳ và những phân chia theo năng lượng (có lẽ là năng lượng cung). Có lẽ sự phân chia theo chu kỳ là một sự phân chia thuộc Thánh

Egos are at different points in their overall developmental cycles, though cyclic division could also indicate differing points of entry into incarnation over the long span of human evolution. Division according to quality and vibratory effect seem to be very technical matters.

đoàn. Các chân ngã ở những điểm khác nhau trong các chu kỳ phát triển tổng quát của họ, dù sự phân chia theo chu kỳ cũng có thể chỉ những điểm nhập thể khác nhau trong suốt trường kỳ tiến hoá của nhân loại. Sự phân chia theo phẩm tính và hiệu quả rung động dường như là những vấn đề rất kỹ thuật.

63. Suffice it to say, the entry of such groups individually or in groups is not left to chance. The entry is well timed and the effects of such entry well calculated.

63. Chỉ cần nói rằng, sự nhập thế của những nhóm như thế, riêng lẻ hay theo nhóm, không bị phó mặc cho ngẫu nhiên. Sự nhập thế được định thời rất chuẩn xác và các hiệu quả của sự nhập thế ấy được tính toán kỹ lưỡng.

This might be illustrated by pointing out that by the gradual coming in of human beings who are **vegetarians by natural inclination** and by the appearance of **egos who are interested specifically in the welfare and nurture of the animals** (as is the case so noticeably now) we have **the cyclic appearance of a whole group of human units** who have **a definite karmic relation to the third kingdom.**

Điều này có thể được minh họa bằng cách chỉ ra rằng nhờ sự nhập thế dần dần của những con người **ăn chay do khuynh hướng tự nhiên** và nhờ sự xuất hiện của **những chân ngã đặc biệt quan tâm đến phúc lợi và sự nuôi dưỡng các loài vật** (như hiện nay thấy rất rõ) chúng ta có **sự xuất hiện theo chu kỳ của cả một nhóm đơn vị nhân loại** có **một liên hệ nghiệp quả xác định với giới thứ ba.**

64. May this “cyclic appearance” relate to a definite phase in the nine hundred year third ray cycle during which this group made its appearance? This nine hundred year cycle began in 1425.

64. Phải chăng “sự xuất hiện theo chu kỳ” này liên hệ đến một giai đoạn xác định trong chu kỳ cung ba chín trăm năm mà trong đó nhóm này đã xuất hiện? Chu kỳ chín trăm năm này bắt đầu vào năm 1425.

65. We have seen tremendous developments in understanding the animal kingdom through the entry of this group. One would imagine that, as a group, they are strongly influenced by Venus and Mercury, but not by Mars. Venus provides the humanitarian influence and the tendency towards vegetarianism (Venus rules the vegetable kingdom). Mercury provides the will to know, understand and cultivate the intelligence of members of the animal kingdom where possible.

65. Chúng ta đã thấy những phát triển to lớn trong việc thấu hiểu giới động vật nhờ sự nhập thế của nhóm này. Người ta có thể hình dung rằng, với tư cách một nhóm, họ chịu ảnh hưởng mạnh của Sao Kim và Sao Thủy, nhưng không phải của Sao Hỏa. Sao Kim cung cấp ảnh hưởng nhân đạo và khuynh hướng hướng đến ăn chay (Sao Kim cai quản giới thực vật). Sao Thủy cung cấp ý chí muốn biết, thấu hiểu và vun bồi trí thông minh của các thành viên trong giới động vật khi có thể.

This relation is of a kind differing in specific detail from **the meat-eating, and oft inhuman, groups of the past five hundred years.**

Mối liên hệ này thuộc một loại khác biệt về chi tiết cụ thể so với **những nhóm ăn thịt, và thường vô nhân đạo, của năm trăm năm qua.**

66. DK seems to point to the coming if of a group (in the early fifteenth century) which was cruel to animals and "oft inhuman". The likelihood is that this group was ruled by Mars. One wonders why He refers to the figure of five hundred years, as such meat-eating and cruelty certainly antedated the early fifteenth century. Probably, He has a specific group in mind and probably the degree of their inhumanity is even greater.

66. DK dường như chỉ đến sự xuất hiện của một nhóm (vào đầu thế kỷ mười lăm) tàn nhẫn với động vật và "thường vô nhân đạo". Khả năng là nhóm này do Sao Hỏa cai quản. Người ta tự hỏi vì sao Ngài lại nhắc đến con số năm trăm năm, vì việc ăn thịt và sự tàn nhẫn như thế chắc chắn đã có trước đầu thế kỷ mười lăm. Có lẽ Ngài đang nghĩ đến một nhóm cụ thể, và có lẽ mức độ vô nhân đạo của họ còn lớn hơn nữa.

67. This group, as was the more humane group, operated under its own cycle and probably consisted of those on all the rays. Each group had a certain impact on a certain kingdom—in this case the animal kingdom.

67. Nhóm này, cũng như nhóm nhân đạo hơn, hoạt động dưới chu kỳ riêng của nó và có lẽ gồm những người thuộc mọi cung. Mỗi nhóm có một tác động nhất định lên một giới nhất định—trong trường hợp này là giới động vật.

68. When we read of this second group we should remember what DK stated about the tremendous havoc wreaked upon the human kingdom by the animal kingdom before human beings discovered the methods of defending themselves.

68. Khi đọc về nhóm thứ hai này, chúng ta nên nhớ điều DK đã nói về sự tàn phá khủng khiếp mà giới động vật đã gây ra cho giới nhân loại trước khi con người khám phá ra các phương pháp tự vệ.

It might be of profit and of interest if we here enumerated some of the occult terms applied to some of these [Page 1081] differentiated groups,

Sẽ có ích và thú vị nếu ở đây chúng ta liệt kê một số thuật ngữ huyền bí được áp dụng cho một số nhóm phân biệ[Page 1081] t này,

69. We may see below that some of these divisions may be monadic divisions and in some cases egoic divisions (though still monadic essentially).

69. Chúng ta có thể thấy ở dưới rằng một số phân chia này có thể là những phân chia chân thần và trong một số trường hợp là những phân chia chân ngã (dù về bản chất vẫn là chân thần).

70. That which is given below is profoundly occult and is readily open to accurate interpretation.

70. Điều được đưa ra dưới đây có tính huyền bí sâu xa và rất dễ mở ra cho sự diễn giải chính xác.

remembering that we are only touching upon a few out of a vast number, and only name those the terminology of which conveys information and educational benefit to the student:

hãy nhớ rằng chúng ta chỉ đang chạm đến một vài nhóm trong vô số nhóm, và chỉ nêu tên những nhóm mà thuật ngữ của chúng truyền đạt thông tin và lợi ích giáo dục cho đạo sinh:

71. In other words there are groups named in such a way that the names, if imparted to students, would convey no real information or educational benefit to them.

71. Nói cách khác, có những nhóm được đặt tên theo cách mà nếu truyền đạt các tên ấy cho đạo sinh thì cũng không chuyển tải thông tin thực sự hay lợi ích giáo dục nào cho họ.

72. The further we read in *A Treatise on Cosmic Fire*, the more we realize that it is a book written essentially in outline form, as strange as that may seem to the reader overwhelmed by the magnitude of what it conveys. It conveys only briefly what the Tibetan could convey if His objective was even a relative complete treatment of the subjects investigated.

72. Càng đọc sâu vào *Luận về Lửa Vũ Trụ*, chúng ta càng nhận ra rằng đó về cơ bản là một cuốn sách được viết dưới dạng đại cương, dù điều này có vẻ lạ lùng đối với độc giả bị choáng ngợp bởi tầm vóc của những gì nó truyền đạt. Nó chỉ truyền đạt một cách ngắn gọn những gì Chân sư Tây Tạng có thể truyền đạt nếu mục tiêu của Ngài là một sự khảo luận tương đối đầy đủ về các chủ đề được khảo sát.

73. The first group listing seems to be developmental. The categories seem to be separated hierarchically, with the first named being the lowest in vibratory

73. Danh sách nhóm đầu tiên dường như mang tính phát triển. Các phạm trù dường như được phân tách theo thứ bậc, với nhóm được nêu đầu tiên là thấp nhất về phát triển

development though this may not always be the case.

74. In studying the egoic lotus closely, there may be reason to believe that the names of these groups correspond to the number of unfolding or unfolded petals in the egoic lotus.

1. The units of inertia,

75. This is a tamasic group, and may correspond to those human beings in whom the first petal of the ego has been unfolding or is unfolded. The name seems to indicate the low degree to which they are unresponsive.

76. The lower energies of Taurus and Vulcan may be involved. The first tier of petals can, with reason, be correlated to the earth signs.

2. Atoms of rhythmic centralisation,

77. We must remember that a human being is, in the terminology of *A Treatise on Cosmic Fire*, essentially an "atom".

78. Of the three earth signs, Taurus (ruled by Venus) is the sign most reasonably associated with this second petal. There is also much of Libra (also ruled by Venus). Taurus, Libra and Venus are all conducive to the development of rhythm. We can see this especially in the oscillatory activity of Libra and the repetitive behavior of Taurus.

79. We seem to be dealing with an oscillation which leads increasingly to the focusing of the self. Perhaps there is a

rung động, dù điều này có thể không phải lúc nào cũng đúng.

74. Khi nghiên cứu kỹ Hoa Sen Chân Ngã, có thể có lý do để tin rằng tên của các nhóm này tương ứng với số cánh hoa đang khai mở hoặc đã khai mở trong hoa sen chân ngã.

1. Các đơn vị của quán tính,

75. Đây là một nhóm tamas, và có thể tương ứng với những con người mà trong họ cánh hoa thứ nhất của chân ngã đã đang khai mở hoặc đã khai mở. Tên gọi dường như chỉ ra mức độ thấp mà họ không đáp ứng.

76. Các năng lượng thấp của Kim Ngưu và Vulcan có thể có liên quan. Tầng cánh hoa thứ nhất có thể, một cách hợp lý, được liên hệ với các dấu hiệu hành thổ.

2. Các nguyên tử của sự tập trung trung tâm theo nhịp điệu,

77. Chúng ta phải nhớ rằng một con người, theo thuật ngữ của *Luận về Lửa Vũ Trụ*, về cơ bản là một "nguyên tử".

78. Trong ba dấu hiệu hành thổ, Kim Ngưu (do Sao Kim cai quản) là dấu hiệu hợp lý nhất để liên hệ với cánh hoa thứ hai này. Cũng có nhiều yếu tố của Thiên Bình (cũng do Sao Kim cai quản). Kim Ngưu, Thiên Bình và Sao Kim đều thuận lợi cho sự phát triển của nhịp điệu. Chúng ta có thể thấy điều này đặc biệt trong hoạt động dao động của Thiên Bình và hành vi lặp lại của Kim Ngưu.

79. Dường như chúng ta đang xử lý một sự dao động ngày càng dẫn đến việc tập trung cái ngã. Có lẽ có một cảm nhận ngày càng

growing sense of the self at the center of experience and this apprehension is appreciated not consistently but rhythmically. If the group opening or having opened the second petal is indicated, this greater realization of the self-at the center is accompanied rhythmically by the recognition of the self of others. In other words, there is some departure from primitive, instinctual selfishness.

tăng về cái ngã ở trung tâm của kinh nghiệm, và sự nắm bắt này được trân trọng không phải một cách liên tục mà theo nhịp điệu. Nếu nhóm đang khai mở hoặc đã khai mở cánh hoa thứ hai được chỉ ra, thì sự chứng nghiệm lớn hơn này về cái ngã-tại-trung-tâm đi kèm theo nhịp điệu với sự nhận biết cái ngã của người khác. Nói cách khác, có một sự rời xa nào đó khỏi tính ích kỷ nguyên thủy, bản năng.

80. The dual forces of the astral plane (the ebbs and flows of desire energy) seem to be indicated. This is a petal in which the powerful emergence of the astral body is to be seen.

80. Các mãnh lực nhị nguyên của cõi cảm dục (sự lên xuống của năng lượng dục vọng) dường như được chỉ ra. Đây là một cánh hoa trong đó sự xuất hiện mạnh mẽ của thể cảm dục được thấy rõ.

3. Units of primary radiation,

3. Các đơn vị của bức xạ sơ cấp,

81. The word “primary” gives a hint. The very first tier of petals is the “primary” tier—and signifies the earliest threefold developmental phase of man—a phase associated with Brahma rather than Vishnu.

81. Từ “sơ cấp” gợi một đầu mối. Chính tầng cánh hoa đầu tiên là tầng “sơ cấp”—và biểu thị giai đoạn phát triển tam phân sớm nhất của con người—một giai đoạn gắn với Brahma hơn là Vishnu.

82. Interestingly, certain egoic lotuses with an extra-planetary origin arrive on our earth with the first and third petals well in process of unfoldment, and they are called “Primary Lotuses” (For them, however, the second petal is not at all unfolded.). The Primary Lotuses emphasize the third petal (with which they are equipped) and their task is to work on the unfoldment of the second. Is DK indicating that “units of primary radiation” have reasonable unfoldment in all three of the first tier of petals and are thus beings who can act, feel and think—in process of completing the first (primary) of three developmental phases in the unfoldment of the egoic lotus?

82. Thật thú vị, một số Hoa Sen Chân Ngã có nguồn gốc ngoài hành tinh đến địa cầu chúng ta với cánh hoa thứ nhất và thứ ba đã ở trong tiến trình khai mở khá xa, và chúng được gọi là “Primary Lotuses”. (Tuy nhiên, đối với họ, cánh hoa thứ hai hoàn toàn chưa khai mở.) Các Primary Lotuses nhấn mạnh cánh hoa thứ ba (mà họ đã được trang bị) và nhiệm vụ của họ là làm việc trên sự khai mở của cánh hoa thứ hai. Phải chăng DK đang chỉ ra rằng “các đơn vị của bức xạ sơ cấp” có sự khai mở hợp lý trong cả ba cánh hoa của tầng thứ nhất và do đó là những hữu thể có thể hành động, cảm nhận và suy nghĩ—đang trong tiến trình hoàn tất giai đoạn phát triển thứ nhất (sơ cấp) trong ba giai đoạn của sự khai mở Hoa Sen Chân Ngã?

4. The sons of heavy rhythm,

83. Not much is indicated by this name. It seems to indicate those who are rather more advanced that “units of inertia”.

84. We could wonder, reading this fourth name, if it is profitable to consider these graded groups as related to the sequential unfoldment of the egoic lotus, as this particular name does not seem to be especially indicative of such unfoldment. But because later names are more convincingly indicative, we can retain our hypothesis, thinking that it may have something of value to offer.

85. Again there seems to be an earth sign, Taurean, Vulcanian indication. We must remember that the Moon is one of our greatest symbols of rhythm, with its waxing and waning phases.

86. The fourth petal can with reason, be associated with Cancer and with the Moon and is the last of the strictly lunar petals. It must be admitted, however, that there is no reason why those who are focussed within this petal and its processes should exhibit a rhythm which is any heavier than the rhythm exhibited by the earlier three groups.

87. We do get the sense that the rhythm expressed is stronger than that in the case of group two (“atoms of rhythmic centralisation”).

88. The fourfold personality elemental is indicated at this fourth petal, and the personality with its rhythms resistant to solar life, can be consider a factor which

4. Những người con của nhịp điệu nặng nề,

83. Không có nhiều điều được chỉ ra bởi tên gọi này. Dường như nó chỉ ra những người tiến bộ hơn đôi chút so với “các đơn vị quán tính”.

84. Khi đọc tên gọi thứ tư này, chúng ta có thể tự hỏi liệu có ích lợi chăng khi xem các nhóm phân cấp này như có liên hệ với sự khai mở tuần tự của Hoa Sen Chân Ngã, vì tên gọi đặc thù này dường như không đặc biệt gợi rõ sự khai mở ấy. Nhưng bởi vì các tên gọi về sau gợi rõ hơn một cách thuyết phục, chúng ta có thể giữ lại giả thuyết của mình, nghĩ rằng nó có thể mang lại một điều gì đó có giá trị.

85. Một lần nữa, dường như có một chỉ dấu hành thổ, Kim Ngưu, Vulcan. Chúng ta phải nhớ rằng Mặt Trăng là một trong những biểu tượng lớn nhất của chúng ta về nhịp điệu, với các pha tròn dần và khuyết dần của nó.

86. Cánh hoa thứ tư có thể, một cách hợp lý, được liên kết với Cự Giải và với Mặt Trăng, và là cánh hoa cuối cùng thuộc về các cánh hoa thuần túy nguyệt tính. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng không có lý do nào để những người được tập trung trong cánh hoa này và các tiến trình của nó lại biểu lộ một nhịp điệu nặng nề hơn nhịp điệu được biểu lộ bởi ba nhóm trước.

87. Chúng ta quả thật có được cảm giác rằng nhịp điệu được biểu lộ mạnh hơn so với trường hợp của nhóm hai (“các nguyên tử của sự tập trung hóa theo nhịp điệu”).

88. Hành khí phàm ngã tứ phân được chỉ ra tại cánh hoa thứ tư này, và phàm ngã với các nhịp điệu kháng cự sự sống thái dương có

forces energy to descend below the diaphragm (R&I 10)

89. The names of these groups are so occult that we can only offer possible hints as to their meaning. The true reasons for the names must later be revealed or fathomed by the acute intuition.

90. No doubt Master DK had a reason for listing these groups in this order and the hypothesis that these thirteen groups relate to thirteen of the divisions of the egoic lotus (the twelve petals and the jewel) is one way of accounting for the order in which the groups are presented.

5. The points of fiery excellence (a name given oft to magnetic, highly-evolved types),

91. There seems to have been a great leap from the vibratory state of group four to that of group five. If the presentation of the group so it seems sequential and progressive, have some groups been omitted between group four and group five?

92. We recall that DK mentioned three kinds of advanced lotuses:

a. Radiant Lotuses

b. Lotuses with Perfume

c. Lotuses of Revelation (TCF 854)

93. It may be possible to correlate this fifth group with the first group of "Radiant Lotuses". After all, the fifth petal corresponds to the radiant and magnetic

thể được xem là một yếu tố buộc năng lượng giáng xuống dưới cơ hoành (R&I 10)

89. Tên gọi của các nhóm này quá huyền bí đến nỗi chúng ta chỉ có thể đưa ra những gợi ý khả dĩ về ý nghĩa của chúng. Những lý do thực sự cho các tên gọi ấy về sau phải được mặc khải hoặc được trực giác sắc bén thấu suốt.

90. Không nghi ngờ gì Chân sư DK có một lý do khi liệt kê các nhóm này theo trật tự này, và giả thuyết cho rằng mười ba nhóm này liên hệ với mười ba phân bộ của Hoa Sen Chân Ngã (mười hai cánh hoa và viên ngọc) là một cách để giải thích trật tự trong đó các nhóm được trình bày.

5. Những điểm của sự xuất sắc rực lửa (một tên gọi thường được dành cho các loại người từ tính, tiến hóa cao),

91. Dường như đã có một bước nhảy lớn từ trạng thái rung động của nhóm bốn sang nhóm năm. Nếu sự trình bày các nhóm, theo như có vẻ, là tuần tự và tiến dần, thì có phải một số nhóm đã bị bỏ qua giữa nhóm bốn và nhóm năm chăng?

92. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã nhắc đến ba loại Hoa Sen tiến hóa cao:

a. Hoa Sen Rạng Ngời

b. Hoa Sen Có Hương Thơm

c. Hoa Sen của Mặc Khải (TCF 854)

93. Có thể tương quan nhóm thứ năm này với nhóm thứ nhất là "Hoa Sen Rạng Ngời". Xét cho cùng, cánh hoa thứ năm tương ứng với dấu hiệu Sư Tử rạng ngời và từ tính, và

sign Leo and it is at the fifth petal that the radiant, solar influences begin to demonstrate noticeably.

94. A fully unfolded fifth petal indicates an initiate of the first degree, that initiation also being ruled particularly by Leo (when found either as the Sun-sign of the Rising-sign in the individual horoscope).

95. We really have no idea whether DK is preserving a strict hierarchical order in the presentation of these groups and their names. There are some indications that He is doing so, but other group names leave raise doubts.

96. We are coming to realize that man is an "atom", a "unit", a "point" and a "son". He is also a "flame" and, as well, a "spark". All these terms give important hints about the essential nature of man as a Monad and, to a certain extent, as an Ego.

6. Tertiary points of secondary fire,

97. This particular group name fits well with the 'petal-hypothesis' we have been using.

98. Secondary fire may be considered to be "solar fire", the type of fire which undergoes expression and development in the *second* tier of petals of the egoic lotus.

99. We may offer an hypothesis that tertiary points are found in relation to the *third* petal of any tier of petals, and that, correspondingly, secondary points would be

chính tại cánh hoa thứ năm mà các ảnh hưởng rạng ngời, thái dương bắt đầu biểu lộ một cách đáng chú ý.

94. Một cánh hoa thứ năm khai mở hoàn toàn chỉ ra một điểm đạo đồ của cấp thứ nhất, mà lần điểm đạo ấy cũng đặc biệt được cai quản bởi Sư Tử (khi được tìm thấy hoặc là dấu hiệu Mặt Trời hoặc là dấu hiệu mọc trong lá số chiêm tinh cá nhân).

95. Chúng ta thực sự không biết liệu Chân sư DK có đang giữ một trật tự phẩm cấp nghiêm ngặt trong việc trình bày các nhóm này và tên gọi của chúng hay không. Có một số chỉ dấu cho thấy Ngài đang làm như vậy, nhưng những tên gọi nhóm khác lại làm dấy lên nghi ngờ.

96. Chúng ta đang dần nhận ra rằng con người là một "nguyên tử", một "đơn vị", một "điểm" và một "người con". Y cũng là một "ngọn lửa" và đồng thời là một "tia lửa". Tất cả những thuật ngữ này đưa ra những gợi ý quan trọng về bản chất cốt yếu của con người như một chân thần và, ở một mức độ nào đó, như một chân ngã.

6. Những điểm tam cấp của lửa thứ cấp,

97. Tên gọi nhóm đặc thù này rất phù hợp với 'giả thuyết cánh hoa' mà chúng ta đã sử dụng.

98. Lửa thứ cấp có thể được xem là "Lửa Thái dương", loại lửa trải qua sự biểu lộ và phát triển trong *thứ hai* tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

99. Chúng ta có thể đưa ra một giả thuyết rằng các điểm tam cấp được tìm thấy trong liên hệ với *cánh hoa thứ ba* của bất kỳ tầng cánh hoa nào, và tương ứng, các điểm thứ

associated with the second petal and primary points with the first petal. (The manner in which the term "primary" is used in relation to the third group would be different than indicated in this hypothesis.)

cấp sẽ được liên kết với cánh hoa thứ hai và các điểm sơ cấp với cánh hoa thứ nhất. (Cách thức mà thuật ngữ "sơ cấp" được dùng trong liên hệ với nhóm thứ ba sẽ khác với điều được chỉ ra trong giả thuyết này.)

100. So, indeed, we *may* be speaking of those in whom the sixth petal is unfolding.

100. Vì vậy, quả thật, chúng ta *có thể* đang nói đến những người nơi họ cánh hoa thứ sáu đang khai mở.

101. The types found expressing in relation to petal five and petal six are fundamentally different. Through the fifth petal genius (radiant and even spectacular) may be expressed, but through the sixth, contrition, humility and drastic self-disciplining in an attempt to live up to a higher and imposed standard.

101. Các loại người được thấy biểu lộ trong liên hệ với cánh hoa năm và cánh hoa sáu thì khác nhau một cách căn bản. Qua cánh hoa thứ năm, thiên tài (rạng ngời và thậm chí ngoạn mục) có thể được biểu lộ, nhưng qua cánh hoa thứ sáu, sự thống hối, khiêm nhường và tự kỷ luật nghiêm khắc trong nỗ lực sống cho xứng với một tiêu chuẩn cao hơn và được áp đặt sẽ được biểu lộ.

7. Magnetic flames (given to chelas and initiates of certain degrees),

7. Những ngọn lửa từ tính (được dành cho các đệ tử và các điểm đạo đồ ở những cấp độ nhất định),

102. One thinks of the "Lotuses with Perfume" (the second type of developed lotuses indicated by DK) as perfume is so much a phenomenon involving magnetism.

102. Người ta nghĩ đến "Hoa Sen Có Hương Thơm" (loại Hoa Sen phát triển thứ hai do Chân sư DK chỉ ra) vì hương thơm là một hiện tượng gắn liền rất nhiều với từ tính.

103. The third tier of petals includes three petals to which the Rod of Initiation is applied and their unfoldment signifies the taking of the first three initiations (though probably none of them is *fully* unfolded until the third initiation is taken).

103. Tầng cánh hoa thứ ba bao gồm ba cánh hoa mà Thần Trượng Điểm đạo được áp vào, và sự khai mở của chúng biểu thị việc tiếp nhận ba lần điểm đạo đầu tiên (dù có lẽ không cánh nào trong số đó *hoàn toàn* khai mở cho đến khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận).

104. There seems to be the suggestion that the chelas who are "Magnetic Flames" are probationary initiates and have not yet taken the third degree.

104. Dường như có gợi ý rằng các đệ tử là "Những Ngọn Lửa Từ Tính" là các điểm đạo đồ dự bị và chưa tiếp nhận cấp thứ ba.

105. The emphasis is upon the expression of solar fire as dominant over fire by friction.

105. Trọng tâm đặt trên sự biểu lộ của Lửa Thái dương như trội hơn Lửa ma sát.

8. Positive sons of electricity,

8. Những người con dương tính của điện,

106. Here we sense that the nucleus of the egoic lotus is gaining in power. Some degree of electric fire is in demonstration.

106. Ở đây chúng ta cảm nhận rằng hạt nhân của Hoa Sen Chân Ngã đang tăng trưởng quyền năng. Một mức độ nào đó của Lửa Điện đang được biểu lộ.

107. We may infer that the Rod of Initiation is applied to the eighth petal at the second initiation. It is to be noted that at this initiation the Divine Will (the factor of positivity within man) enters fuller expression. Desire in its lower aspect is overcome.

107. Chúng ta có thể suy ra rằng Thần Trượng Điểm đạo được áp vào cánh hoa thứ tám trong lần điểm đạo thứ hai. Cần lưu ý rằng trong lần điểm đạo này, Ý Chí thiêng liêng (yếu tố dương tính bên trong con người) đi vào sự biểu lộ đầy đủ hơn. Dục vọng trong phương diện thấp của nó bị vượt qua.

9. Rotating units of the seventh order,

9. Những đơn vị quay tròn của cấp thứ bảy,

108. The term "seventh order" is difficult to explain in this context. The factor of rotation is of importance for at various points in the developmental process of the egoic lotus, the tiers of petals begin to rotate, and at one point the following occurs:

108. Thuật ngữ "cấp thứ bảy" khó giải thích trong bối cảnh này. Yếu tố quay tròn rất quan trọng vì tại nhiều điểm khác nhau trong tiến trình phát triển của Hoa Sen Chân Ngã, các tầng cánh hoa bắt đầu quay tròn, và tại một thời điểm thì điều sau đây xảy ra:

Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and revolves around the central Jewel, so that we have, not only the activity of the petals, not only the activity of the living points or the deva lives within the petal circumference, **but likewise the unified activity of each tier of the threefold lotus.** At a specific stage in evolution, prior to the opening of the central veiling bud, the three tiers of petals, considered as a unit, begin to revolve, so that the entire lotus appears to be in motion. **At the final stages the central circle of petals opens, revealing that which is hid, and revolves around the Jewel, only in a**

Mỗi vòng cánh hoa, khi tiến hoá tiếp diễn, cũng trở nên hoạt động và quay quanh Viên Ngọc trung tâm, để chúng ta không chỉ có hoạt động của các cánh hoa, không chỉ có hoạt động của các điểm sống hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa, **mà còn có hoạt động hợp nhất của mỗi tầng của hoa sen tam phân.** Ở một giai đoạn đặc thù trong tiến hoá, trước khi nụ che phủ trung tâm mở ra, ba tầng cánh hoa, được xem như một đơn vị, bắt đầu quay tròn, khiến toàn bộ hoa sen dường như đang chuyển động. **Ở các giai đoạn cuối cùng, vòng cánh hoa trung tâm mở ra, để lộ điều bị che giấu, và quay quanh Viên Ngọc,**

contrary direction to the rapidly circulating outer lotus. The reason may not here be revealed for it is hid in the nature of the electric Fire of Spirit itself. (TCF 1118)

nhưng theo một hướng ngược lại với hoa sen bên ngoài đang lưu chuyển nhanh chóng. Lý do không thể được tiết lộ ở đây vì nó ẩn giấu trong chính bản chất của Lửa Điện của tinh thần. (TCF 1118)

109. After the ninth petal is fully unfolded at the third initiation, there develops a unified revolution of the three tiers around the central Jewel. Perhaps this tier rotation commences when as the various synthesizing petals are gradually opened, because the rotation of three together is a synthetic motion. Perhaps the rotation of all three tiers including the lower nine petals is not fully achieved until all three synthesizing petals are seen rotating in the "contrary direction" as indicated above.

109. Sau khi cánh hoa thứ chín được khai mở hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ ba, một sự quay vòng hợp nhất của ba tầng quanh Viên Ngọc trung tâm phát triển. Có lẽ sự quay vòng của các tầng này bắt đầu khi các cánh hoa tổng hợp khác nhau dần dần mở ra, bởi vì sự quay của cả ba cùng nhau là một chuyển động tổng hợp. Có lẽ sự quay của cả ba tầng, bao gồm chín cánh hoa thấp, không hoàn toàn đạt được cho đến khi cả ba cánh hoa tổng hợp được thấy đang quay theo "hướng ngược lại" như đã chỉ ra ở trên.

110. We can understand that these tier rotations would correspond indicate certain inner cycles which could have a demonstrable outer effect within the personality.

110. Chúng ta có thể hiểu rằng những sự quay vòng của các tầng này sẽ tương ứng với, và chỉ ra, những chu kỳ bên trong nhất định có thể tạo ra một hiệu quả bên ngoài có thể chứng minh được trong phàm ngã.

111. While the term "seventh order" remains for us obscure, there is suggested the completion of form. The form of the egoic lotus is completed at the fourth degree. All nine petals are open, but so are the three synthesizing petals.

111. Dù thuật ngữ "cấp thứ bảy" vẫn còn mơ hồ đối với chúng ta, vẫn có một gợi ý về sự hoàn tất của hình tướng. Hình tướng của Hoa Sen Chân Ngã được hoàn tất ở cấp thứ tư. Cả chín cánh hoa đều mở ra, nhưng ba cánh hoa tổng hợp cũng vậy.

112. Of course this is only one possible interpretation, and the truth may be otherwise.

112. Dĩ nhiên đây chỉ là một cách diễn giải khả dĩ, và chân lý có thể khác đi.

113. When we deal with the factor of rotation, the number *three* is brought to mind, for the third ray rules the factor of rotation even as the second ray rules the factor of revolution and the first ray, the factor of pulsation.

113. Khi chúng ta bàn đến yếu tố quay tròn, con số *ba* được gợi lên trong tâm trí, vì cung ba cai quản yếu tố quay tròn cũng như cung hai cai quản yếu tố tuần hoàn và cung một cai quản yếu tố dao động.

114. The third initiation, incidentally, suggests a summation of one phase of the third aspect of divinity and is, from a certain angle, related to the third ray, which is related to the number *nine.* We are dealing here with the ninth group.

114. Nhân tiện, lần điểm đạo thứ ba gợi ý một sự tổng kết của một giai đoạn thuộc phương diện thứ ba của thiên tính và, từ một góc độ nào đó, có liên hệ với cung ba, vốn liên hệ với con số *chín.* Ở đây chúng ta đang bàn đến nhóm thứ chín.

10. Points of light of the fourth progression,

10. Những điểm ánh sáng của sự tiến triển thứ tư,

115. Does the idea of the "fourth progression" indicate the fourth initiation?

115. Ý niệm về "sự tiến triển thứ tư" có chỉ ra lần điểm đạo thứ tư chăng?

116. We find DK referring to the fourth initiation as the "fourth great cycle of attainment" (R&I 23)

116. Chúng ta thấy Chân sư DK gọi lần điểm đạo thứ tư là "chu kỳ thành tựu lớn thứ tư" (R&I 23)

117. As well, the "fourth progression" may refer to a developmental process in the fourth or synthesizing tier of petals leading to the fourth initiation. Perhaps we cannot associate this tenth group exclusively with the unfoldment of the tenth petal. Perhaps it includes the unfoldment of all three.

117. Đồng thời, "sự tiến triển thứ tư" có thể chỉ đến một tiến trình phát triển trong tầng cánh hoa thứ tư hay tầng tổng hợp dẫn đến lần điểm đạo thứ tư. Có lẽ chúng ta không thể liên kết riêng nhóm thứ mười này với sự khai mở của cánh hoa thứ mười. Có lẽ nó bao gồm sự khai mở của cả ba.

11. Electric sparks,

11. Những tia lửa điện,

118. Some association with electric fire is present.

118. Có hiện diện một sự liên kết nào đó với Lửa Điện.

119. As well, we can imagine an association with the Jewel in the Lotus, which is an extension and expression of the true "electric spark"—the Monad.

119. Đồng thời, chúng ta có thể hình dung một sự liên kết với Viên Ngọc trong Hoa Sen, vốn là sự mở rộng và biểu lộ của "tia lửa điện" đích thực—chân thần.

120. Are these "electric sparks" liberated Monads? Or those in whom the influence of the monadic spark has become dominant.

120. Những "tia lửa điện" này có phải là các chân thần được giải thoát không? Hay là những người nơi họ ảnh hưởng của tia lửa chân thần đã trở nên trội hơn.

121. It seems difficult to relate this group exclusively to those in whom the love petal

121. Dường như khó có thể liên hệ riêng nhóm này với những người nơi họ cánh hoa

in the synthesis tier is unfolded and solar fire is expressed at the eleventh petal and the term “electric spark” suggests electric fire.

bác ái trong tầng tổng hợp được khai mở và Lửa Thái dương được biểu lộ tại cánh hoa thứ mười một, trong khi thuật ngữ “tia lửa điện” lại gợi ý Lửa Điện.

12. Units of negative resistance,

12. Những đơn vị của sự kháng cự âm tính,

122. This may not imply low development. So much depend upon that which is being resisted. While the term “negative resistance” seems at face value *negative* and resistant to the evolutionary forces, we cannot be sure

122. Điều này có thể không hàm ý sự phát triển thấp. Rất nhiều điều tùy thuộc vào cái đang bị kháng cự. Dù thuật ngữ “sự kháng cự âm tính” thoạt nhìn có vẻ *tiêu cực* và kháng cự các mãnh lực tiến hoá, chúng ta không thể chắc chắn.

123. Or these units could, indeed, act in a manner contrary to the evolutionary stream. However, the listing of these groups has seemed progressive with the higher numbers indicating a more evolved state. The resistance *could* be resistance to all that is negative and ‘devolutionary’.

123. Hoặc quả thật các đơn vị này có thể hành động theo cách trái ngược với dòng tiến hoá. Tuy nhiên, việc liệt kê các nhóm này dường như có tính tiến dần, với các con số cao hơn chỉ ra một trạng thái tiến hóa hơn. Sự kháng cự *có thể* là sự kháng cự đối với mọi điều tiêu cực và ‘giáng hạ tiến hoá’.

124. It seems certain, however, that we must find a way to distinguish them from the “Units of inertia” listed much earlier.

124. Tuy nhiên, dường như chắc chắn rằng chúng ta phải tìm ra một cách để phân biệt họ với “các đơn vị quán tính” đã được liệt kê sớm hơn nhiều.

13. The equilibrised atoms.

13. Các nguyên tử quân bình hóa.

125. There is reason to believe that this thirteenth group indicates those who have an egoic lotus which stands in full revelation. Such an atom (i.e., human Monad in an egoic lotus) has completed one very important phase of development and is “equilibrised” with respect to that phase. After this equilibrium has been reached, it is disturbed by various types of destructive forces—those of the Monad, those from the buddhic plane and those from the tiny atomic units within the atomic triangle. Thus, the causal body is destroyed.

125. Có lý do để tin rằng nhóm thứ mười ba này chỉ ra những người có Hoa Sen Chân Ngã đứng trong sự mặc khải trọn vẹn. Một nguyên tử như thế (tức chân thần nhân loại trong một Hoa Sen Chân Ngã) đã hoàn tất một giai đoạn phát triển rất quan trọng và được “quân bình hóa” đối với giai đoạn ấy. Sau khi sự quân bình này đạt được, nó bị xáo trộn bởi nhiều loại mãnh lực hủy diệt—những mãnh lực của chân thần, những mãnh lực từ cõi Bồ đề và những mãnh lực từ các đơn vị nguyên tử nhỏ bé bên trong tam giác nguyên tử. Như thế, thể nguyên nhân bị hủy diệt.

126. In any case, the term "equilibrised" indicates a completed phase of development (whatever that phase may be).

126. Trong bất kỳ trường hợp nào, thuật ngữ "quân bình hóa" chỉ ra một giai đoạn phát triển đã hoàn tất (dù giai đoạn ấy có thể là gì).

127. However, this group of thirteen *may* include those who have transcended the fourth degree, in which case enumeration according to the unfoldment of the twelve petals of the egoic lotus will not be fully accurate.

127. Tuy nhiên, nhóm mười ba này *có thể* bao gồm những người đã vượt qua cấp thứ tư, trong trường hợp đó việc đếm theo sự khai mở của mười hai cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã sẽ không hoàn toàn chính xác.

128. It is clear that at this point in our occult understanding, interpretation of the meaning of these names must be speculative.

128. Rõ ràng là tại điểm này trong sự thấu hiểu huyền bí của chúng ta, việc diễn giải ý nghĩa của các tên gọi này hẳn phải mang tính suy đoán.

Many more names might be given but these will suffice to indicate the **general nature of these energy summations**,

Nhiều tên gọi khác nữa có thể được đưa ra nhưng những tên này sẽ đủ để chỉ ra **bản chất tổng quát của những tổng hợp năng lượng này**,

129. Let us pay attention to the term "energy summations". It seems to hint that the groups are named according to an *increasing* degree of energy, with the units of higher energy being listed later and those of lesser energy, earlier. The earlier names would indicate lesser 'sums' of energy and the later names, greater 'sums'.

129. Chúng ta hãy chú ý đến thuật ngữ "những tổng hợp năng lượng". Dường như nó gợi ý rằng các nhóm được đặt tên theo một mức độ năng lượng *gia tăng*, với các đơn vị có năng lượng cao hơn được liệt kê về sau và những đơn vị có năng lượng thấp hơn được liệt kê trước. Những tên gọi trước sẽ chỉ ra những 'tổng số' năng lượng nhỏ hơn và những tên gọi sau, những 'tổng số' lớn hơn.

under which all the members of the human family are gathered and placed according to:

theo đó tất cả các thành viên của gia đình nhân loại được tập hợp và sắp xếp theo:

a. Their rhythm,

a. Nhịp điệu của họ,

b. Their quality,

b. Phẩm tính của họ,

c. Their heat,

c. Nhiệt của họ,

d. Their light,

e. Their magnetic influence,

f. Their radiation,

g. Their activity.

130. All these categories seem progressive. All are capable of increase and the increase of each of the following—increase of rhythm, of quality, of heat, of light, of magnetic influence, of radiation and of activity—indicates an increase of evolutionary unfoldment.

This tabulation is but an extension of the major one which grouped all **Egos under the divisions of colour, sound and vibration.**

131. The inner charts and tabulations, we learn, must be of exceeding comprehensiveness and complexity.

132. The thirteen points we have been studying are only *minor* divisions when compared with three *major* divisions: colour, sound and vibration.

133. By the quality of each of these three, the relative ascendancy of each unit, atom, point, spark, flame, "son", etc. can be gauged.

A similar enumeration has also grouped the atoms in the other **kingdoms** of nature, and [Page 1082] even the Dhyan Chohans of the highest rank find their place in the hierarchical archives of this fifth (or third) department.

d. Ánh sáng của họ,

e. Ảnh hưởng từ tính của họ,

f. Sự bức xạ của họ,

g. Hoạt động của họ.

130. Tất cả các phạm trù này dường như có tính tiến dần. Tất cả đều có khả năng gia tăng, và sự gia tăng của từng điều sau đây—gia tăng nhịp điệu, phẩm tính, nhiệt, ánh sáng, ảnh hưởng từ tính, sự bức xạ và hoạt động—đều chỉ ra sự gia tăng của sự khai mở tiến hoá.

Bảng phân loại này chỉ là một sự mở rộng của bảng chính đã nhóm tất cả **các Chân ngã dưới những phân bộ của màu sắc, âm thanh và rung động.**

131. Chúng ta biết rằng các biểu đồ và bảng phân loại bên trong hẳn phải cực kỳ toàn diện và phức tạp.

132. Mười ba điểm mà chúng ta đã nghiên cứu chỉ là những phân bộ *phụ* khi so với ba phân bộ *chính*: màu sắc, âm thanh và rung động.

133. Bằng phẩm tính của mỗi một trong ba điều này, sự trội hơn tương đối của mỗi đơn vị, nguyên tử, điểm, tia lửa, ngọn lửa, "người con", v.v. có thể được đo lường.

Một sự liệt kê tương tự cũng đã nhóm các nguyên tử trong các **giới** khác của thiên nhiên, và [Page 1082] ngay cả các Dhyan Chohan ở cấp bậc cao nhất cũng tìm thấy vị trí của mình trong các hồ sơ phẩm cấp của phân bộ thứ năm (hay thứ ba) này.

134. Is the fifth department one in which all manner of minute classifications are made for karmic purposes?

134. Có phải phân bộ thứ năm là nơi mọi loại phân loại chi li được thực hiện vì các mục đích nghiệp quả chăng?

135. We seem to be studying classifications which appear in the Mahachohan's Department, and it would seem to be of use to the Lords of Karma and Their multitude of karmic agents.

135. Dường như chúng ta đang nghiên cứu những sự phân loại xuất hiện trong Phân bộ của Đức Mahachohan, và dường như điều đó hữu ích cho các Đấng Nghiệp Quả và vô số tác nhân nghiệp quả của Các Ngài.

136. DK is telling us that the members of *all* the kingdoms and Creative Hierarchies are grouped in such a manner. He has given us a grouping of members of the Fourth Creative Hierarchy (and, it seems, especially of the fourth kingdom within that Fourth Creative Hierarchy) but there are other groupings of those in other kingdoms and Hierarchies. These other groupings cannot be of immediate usefulness to us when we cannot yet fathom the grouping within our own kingdom or Creative Hierarchy.

136. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các thành viên của *mọi* giới và các Huyền Giai Sáng Tạo đều được nhóm lại theo cách như vậy. Ngài đã cho chúng ta một sự phân nhóm các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư (và, dường như, đặc biệt là của giới thứ tư bên trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư ấy) nhưng còn có những sự phân nhóm khác của những người trong các giới và Huyền Giai khác. Những sự phân nhóm khác này không thể có ích lợi trực tiếp cho chúng ta khi chúng ta còn chưa thể thấu suốt sự phân nhóm bên trong chính giới hay Huyền Giai Sáng Tạo của mình.

137. The term "Dhyan Chohans" may point equally to those in both higher *kingdoms* (such as the Kingdom of Planetary Lives) and also to those in higher *Creative Hierarchies* —such as the Triads, Divine Builders and Divine Lives.

137. Thuật ngữ "Dhyan Chohans" có thể chỉ ngang nhau đến những người trong cả các *giới* cao hơn (chẳng hạn như Giới của Các Sự Sống Hành tinh) và cả những người trong các *Huyền Giai Sáng Tạo* cao hơn—chẳng hạn như các Tam nguyên tinh thần, các Đấng Kiến Tạo thiêng liêng và các Sự Sống thiêng liêng.

138. The intricate relations between kingdoms and Creative Hierarchies are especially difficult to unravel. Sometimes it seems that within every Creative Hierarchy are to be found various kingdoms, but not always.

138. Những mối liên hệ phức tạp giữa các giới và các Huyền Giai Sáng Tạo đặc biệt khó tháo gỡ. Đôi khi dường như trong mỗi Huyền Giai Sáng Tạo đều có thể tìm thấy nhiều giới khác nhau, nhưng không phải lúc nào cũng vậy.

A cyclic tabulation is of equal interest but is of a totally different nature, carrying to the

Một bảng phân loại theo chu kỳ cũng đáng quan tâm không kém nhưng lại có bản chất

initiated and intuitive investigator many hints of **an evolutionary and historical value.**

hoàn toàn khác, mang đến cho **nhà khảo cứu được điểm đạo và trực giác** nhiều gợi ý có **giá trị tiến hoá và lịch sử.**

139. This list seems to group Monads into different classifications, not so much (or at least, not so exclusively) on the basis of their degree of development or unfoldment (though that may be entailed) but in relation to their origins and their evolutionary progress together.

139. Danh sách này dường như nhóm các chân thần vào những phân loại khác nhau, không hẳn (hoặc ít nhất không hoàn toàn) trên cơ sở mức độ phát triển hay khai mở của họ (dù điều đó có thể được bao hàm), mà trong liên hệ với nguồn gốc của họ và sự tiến hoá chung của họ.

Again we might append a brief epitome of some of the expressions used and of some of the names under which **human beings** are grouped in the archives of this the seventh department:

Một lần nữa chúng ta có thể thêm vào một bản tóm lược ngắn về một số cách diễn đạt được dùng và về một số tên gọi dưới đó **con người** được nhóm lại trong các hồ sơ của phân bộ thứ bảy này:

140. We note that this particular listing is from the “seventh department”. DK presents the pieces of an immense jigsaw puzzle, and only the intuition can connect the pieces or supply the missing ones— *until* more secrets are imparted.

140. Chúng ta lưu ý rằng bảng liệt kê đặc thù này thuộc về “phân bộ thứ bảy”. Chân sư DK trình bày những mảnh ghép của một bức tranh ghép khổng lồ, và chỉ trực giác mới có thể nối các mảnh lại với nhau hoặc bổ sung những mảnh còn thiếu— *cho đến khi* nhiều bí mật hơn được truyền đạt.

141. The fifth department may be considered the third department within the greater Department of the Mahachohan. The seventh department, if we use this method of positioning departments would be the fifth in the greater Third Department of the Mahachohan.

141. Phân bộ thứ năm có thể được xem là phân bộ thứ ba bên trong Phân bộ lớn hơn của Đức Mahachohan. Phân bộ thứ bảy, nếu chúng ta dùng phương pháp định vị các phân bộ này, sẽ là phân bộ thứ năm trong Đại Phân bộ Thứ Ba của Đức Mahachohan.

142. It seems that in different “departments” different types of groupings are utilized.

142. Dường như trong những “phân bộ” khác nhau, những loại phân nhóm khác nhau được sử dụng.

1. Units of the fire-mist stage,

1. Những đơn vị của giai đoạn sương-lửa,

143. These Monads are, it seems, associated with the logoic plane, i.e., with the "Sea of Fire". If we interpret the “fire-mist” in this

143. Những chân thần này, dường như, được liên kết với cõi logoi, tức là với “Biển Lửa”. Nếu chúng ta diễn giải “sương-lửa” theo cách

way, a field of activity beyond the monadic plane is indicated.

144. The degree to which such Monads have precipitated into manifestation could also be questioned, for the “fire-mist’ indicates the earliest stages in nebular formation.

2. Points of lunar origin,

145. This category seems fairly straightforward, indicating those who achieved individualization on the Moon-chain.

146. Obviously, the Moon-chain can never stand as the *ultimate* origin of any Monad. The true origin of the Monad is a matter for deep philosophical speculation, but is, in fact, unknown to us.

3. Sons of the sun,

147. It may be that these Monads have their origin within our Sun, but then, it may well be the case that *the vast majority* of Monads ‘living’ within our solar system have their origin in the Sun (i.e., in some aspect of the Solar Logos). DK refers to the Monad as “that which finds its home within the sun” (IHS 196)

148. From another perspective, those who have achieved the third degree could be called “Sons of the Sun” for they have taken the first truly *solar* initiation.

149. These “Sons of the Sun”, may be conceived as having their origin within *this*

này, thì một trường hoạt động vượt quá cõi chân thần được chỉ ra.

144. Mức độ mà những chân thần như thế đã ngưng tụ vào biểu hiện cũng có thể bị đặt thành câu hỏi, vì “sương-lửa” chỉ ra những giai đoạn sớm nhất trong sự hình thành tinh vân.

2. Những điểm có nguồn gốc nguyệt tính,

145. Phạm trù này dường như khá rõ ràng, chỉ ra những người đã đạt được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng.

146. Hiển nhiên, Dãy Mặt Trăng không bao giờ có thể đứng như nguồn gốc *tối hậu* của bất kỳ chân thần nào. Nguồn gốc thực sự của chân thần là một vấn đề để suy đoán triết học sâu xa, nhưng trên thực tế, chúng ta không biết.

3. Những người con của mặt trời,

147. Có thể những chân thần này có nguồn gốc bên trong Mặt Trời của chúng ta, nhưng rồi cũng rất có thể là *đại đa số* các chân thần “sống” trong hệ mặt trời của chúng ta đều có nguồn gốc trong Mặt Trời (tức là trong một phương diện nào đó của Thái dương Thượng đế). Chân sư DK gọi chân thần là “điều tìm thấy ngôi nhà của nó bên trong mặt trời” (IHS 196)

148. Từ một góc nhìn khác, những người đã đạt cấp thứ ba có thể được gọi là “Những Người Con của Mặt Trời” vì họ đã tiếp nhận lần điểm đạo thực sự *thái dương* đầu tiên.

solar system rather than within the previous one.

149. Những "Người Con của Mặt Trời" này có thể được quan niệm là có nguồn gốc bên trong *hệ mặt trời này* thay vì trong hệ trước.

4. Devas of the fourth degree,

4. Các thiên thần của cấp thứ tư,

150. DK tells us that this second listing is a group if "human beings", and yet we see the term "devas". Are the beings in this fourth category actually *devic* Monads? Are they human beings who have spent cycles in the deva kingdom? We can only propose such questions, then await a time of clarification in the future.

150. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng bảng liệt kê thứ hai này là một nhóm gồm "con người", thế nhưng chúng ta lại thấy thuật ngữ "thiên thần". Có phải các hữu thể trong phạm trù thứ tư này thực sự là các chân thần *thiên thần* không? Có phải họ là những con người đã trải qua các chu kỳ trong giới thiên thần không? Chúng ta chỉ có thể nêu ra những câu hỏi như thế, rồi chờ đợi một thời điểm được làm sáng tỏ trong tương lai.

151. Again, since the term "fourth degree" is used, the fourth initiation could in some manner be indicated.

151. Một lần nữa, vì thuật ngữ "cấp thứ tư" được dùng, lần điểm đạo thứ tư có thể được chỉ ra theo một cách nào đó.

5. Flames from interplanetary spheres,

5. Những ngọn lửa từ các khối cầu liên hành tinh,

152. These Monads may have their immediate origin (immediate, before being transferred to the Earth-scheme) *on* other planetary schemes, or, there seems to be a suggestion that there may be points of origin *between* the various planetary spheres.

152. Những chân thần này có thể có nguồn gốc trực tiếp của mình (trực tiếp, trước khi được chuyển sang hệ hành tinh Địa Cầu) *trên* các hệ hành tinh khác, hoặc dường như có một gợi ý rằng có thể có những điểm xuất phát *giữa* các khối cầu hành tinh khác nhau.

153. One can also wonder about obscure origins what has been called the "inner round".

153. Người ta cũng có thể tự hỏi về những nguồn gốc mờ tối trong điều đã được gọi là "cuộc tuần hoàn bên trong".

154. Certainly, such Monads do not belong originally to our Earth-scheme.

154. Chắc chắn những chân thần như thế nguyên thủy không thuộc về hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

155. Because they are "flames", a high degree of monadic development is suggested.

155. Bởi vì họ là "những ngọn lửa", một mức độ phát triển chân thần cao được gợi ý.

6. Atoms from the crimson sphere—a reference to certain Egos who have come to the earth from the planetary scheme **whose note is red**,

156. The language is occult, mixing and blending the terminology of colour and sound.

157. The obvious choice for the origin of these Monads is the planetary scheme of Mars, with which the color red is always associated. Interestingly, the Tibetan gives "crimson" as the colour for Aries which is ruled by Mars.

158. When DK speaks of "Egos" there may be a suggestion that certain of the petals of the egoic lotus were unfolded before these Egos began to express within the Earth-scheme.

7. The successful Vyasians,

159. Vyasa was a very ancient Teacher, we are told, and helped men prove that death is an illusion. Perhaps these were Monads or Egos grouped around Him or instructed by Him.

160. Were there 'unsuccessful' Vyasians? That remains to be seen.

161. Did such Monads/Egos achieve in ancient days when their Teacher was instructing humanity, or are these still those among us who could be called "successful Vyasians"?

6. Những nguyên tử từ khối cầu đỏ thắm—một quy chiếu đến một số Chân ngã đã đến trái đất từ hệ hành tinh **có chủ âm là màu đỏ**,

156. Ngôn ngữ này mang tính huyền bí, pha trộn và hòa lẫn thuật ngữ của màu sắc và âm thanh.

157. Sự lựa chọn hiển nhiên cho nguồn gốc của những chân thần này là hệ hành tinh của Sao Hỏa, vốn luôn được liên kết với màu đỏ. Điều thú vị là Chân sư Tây Tạng đưa ra "đỏ thắm" như màu sắc của Bạch Dương, dấu hiệu được cai quản bởi Sao Hỏa.

158. Khi Chân sư DK nói đến "các Chân ngã", có thể có một gợi ý rằng một số cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã đã được khai mở trước khi các Chân ngã này bắt đầu biểu lộ trong hệ hành tinh Địa Cầu.

7. Những Vyasian thành công,

159. Chúng ta được cho biết rằng Vyasa là một Huấn sư rất cổ xưa, và đã giúp những người nam và nữ chứng minh rằng cái chết là một ảo tưởng. Có lẽ đây là những chân thần hoặc Chân ngã được nhóm quanh Ngài hoặc được Ngài huấn luyện.

160. Có những Vyasian 'không thành công' chăng? Điều đó còn phải chờ xem.

161. Có phải những chân thần/Chân ngã như thế đã thành tựu trong thời cổ xưa khi Huấn sư của họ đang huấn luyện nhân loại, hay đây vẫn là những người giữa chúng ta có thể được gọi là "những Vyasian thành công"?

162. In any case, it seems apparent that these Monads or Egos were linked to the Teacher Vyasa or to the stream of teaching which emanated from Him.

162. Trong bất kỳ trường hợp nào, dường như rõ ràng rằng những chân thần hay Chân ngã này đã được liên kết với Huấn sư Vyasa hoặc với dòng huấn giáo phát xuất từ Ngài.

8. The points in the third planetary petal, and groups of others related to the twelve petalled planetary lotus,

8. Những điểm trong cánh hoa hành tinh thứ ba, và những nhóm khác có liên hệ với hoa sen hành tinh mười hai cánh,

163. Are we speaking of the twelve-petalled heart center of our own Planetary Logos?

163. Có phải chúng ta đang nói về trung tâm tim mười hai cánh của chính Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta chăng?

164. Or are we speaking of an entire planetary scheme as being the third petal in the twelve-petalled lotus of the *Solar* Logos.

164. Hay chúng ta đang nói về toàn bộ một hệ hành tinh như là cánh hoa thứ ba trong hoa sen mười hai cánh của Thái dương *Thượng đế*.

165. Which, then, from the solar systemic perspective, *is* "third planetary petal"? Is it Venus, considering the planets in their order from the Sun—including Vulcan in order?

165. Vậy thì, từ quan điểm hệ mặt trời, cái gì *là* "cánh hoa hành tinh thứ ba"? Có phải là Sao Kim, nếu xét các hành tinh theo thứ tự từ Mặt Trời—kể cả Vulcan trong thứ tự ấy?

166. It the "twelve petalled planetary lotus" our very own planetary scheme?

166. Có phải "hoa sen hành tinh mười hai cánh" là chính hệ hành tinh của chúng ta không?

167. OR, could Jupiter as the hypothesized twelve-petalled heart center of the Solar Logos be considered the "twelve-petalled planetary lotus"?

167. HAY, có thể Sao Mộc như trung tâm tim mười hai cánh được giả định của Thái dương Thượng đế được xem là "hoa sen hành tinh mười hai cánh" chăng?

168. We may remember that in studying various groups of Egos, the "Lotuses of Brahman" originated on both Venus and Jupiter. (TCF 841)

168. Chúng ta có thể nhớ rằng khi nghiên cứu các nhóm Chân ngã khác nhau, "Các Hoa Sen của Brahman" có nguồn gốc trên cả Sao Kim lẫn Sao Mộc. (TCF 841)

9. The lovers of low vibration,

9. Những kẻ yêu thích rung động thấp,

169. This name indicates, so it seems, a stage of development rather than a point of origin.

169. Tên gọi này, dường như, chỉ ra một giai đoạn phát triển hơn là một điểm xuất phát.

Perhaps among units of all origins, there are those who love low vibration.

Có lẽ trong các đơn vị thuộc mọi nguồn gốc, có những người yêu thích rung động thấp.

170. One wonders whether a primitive expression of Vulcanian energy could be classified as "low vibration". But then, perhaps points from the various non-sacred planets could be classified in this way.

170. Người ta tự hỏi liệu một biểu lộ nguyên sơ của năng lượng Vulcan có thể được xếp loại là "rung động thấp" hay không. Nhưng rồi, có lẽ những điểm từ các hành tinh không thiêng liêng khác nhau có thể được xếp loại theo cách này.

10. The rejectors of the eighth scheme,

10. Những kẻ khước từ hệ hành tinh thứ tám,

171. From one perspective, Saturn is the eighth scheme, but from another, Mercury is the planet always associated with the number eight.

171. Từ một góc nhìn, Sao Thổ là hệ hành tinh thứ tám, nhưng từ một góc nhìn khác, Sao Thủy là hành tinh luôn được liên kết với số tám.

172. The following reference may hold a clue about those who reject the third manifested Creative Hierarchy.

172. Quy chiếu sau đây có thể chứa một đầu mối về những người khước từ Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện thứ ba.

Each Hierarchy manifests a triple energy or an aspect of each of the above, and that necessitates a ninefold differentiation, for the two first are triple, as is the third. **It is the rejection of the Triadal lives by units in the fourth Hierarchy, that of the human Monads, which precipitates a man eventually into the eighth sphere. He refuses to become a Christ, a Saviour and remains self-centred.** (EA 41)

Mỗi Huyền Giai biểu lộ một năng lượng tam phân hay một phương diện của mỗi điều kể trên, và điều đó đòi hỏi một sự biến phân cửu phân, vì hai Huyền Giai đầu là tam phân, cũng như Huyền Giai thứ ba. **Chính sự khước từ các sự sống Tam nguyên tinh thần bởi các đơn vị trong Huyền Giai thứ tư, tức Huyền Giai của các chân thần nhân loại, đã kết tủa một con người cuối cùng vào khối cầu thứ tám. Y từ chối trở thành một Đức Christ, một Đấng Cứu Thế và vẫn tập trung vào bản thân.** (EA 41)

173. From another perspective, if Saturn is the eighth scheme could its rejection suggest a rejection of the Brahmic aspect? Could this rejection, then, signify a kind of elevation into higher spheres?

173. Từ một góc nhìn khác, nếu Sao Thổ là hệ hành tinh thứ tám thì sự khước từ nó có thể gợi ý sự khước từ phương diện Brahma chăng? Vậy thì sự khước từ này có thể biểu thị một loại nâng lên vào các khối cầu cao hơn chăng?

11. The points of triple resistance,

174. Again, interpretation depends upon *what* is being resisted. Is it something higher or low? Is the good being resisted in a triple way or is threefold evil similarly resisted?

12. The followers of the ARHAT,

175. Are these the followers of the Buddha? There are certainly many of the "Sons of Men" today and during the course of the last 2500 years who have been followers of the Buddha.

176. We see that some of these monadic groupings are associated with particular Teachers and also particular locations in our solar system. As such, these groupings do not necessarily indicate evolutionary status, as seemed apparent in the first list of thirteen.

13. The cyclic sons of peace,

177. We might presume that this group had a close relation to the planet Venus.

178. What is their cycle? How often do they manifest? Are they coming in for the one thousand year 'binding' of "Satan" following the "Second Coming"?

14. The recurring sons of war,

179. Does this group of Monads or Egos have a *regular* cycle or do they *recur* whenever

11. Những điểm của sự kháng cự tam phân,

174. Một lần nữa, sự diễn giải tùy thuộc vào *điều gì* đang bị kháng cự. Có phải đó là điều gì cao hơn hay thấp hơn? Điều thiện có đang bị kháng cự theo cách tam phân hay điều ác tam phân đang bị kháng cự theo cách tương tự?

12. Những người theo ARHAT,

175. Có phải đây là những người theo Đức Phật chăng? Chắc chắn có rất nhiều "những người con của nhân loại" ngày nay và trong suốt 2500 năm qua đã là những người theo Đức Phật.

176. Chúng ta thấy rằng một số phân nhóm chân thần này được liên kết với những Huấn sư đặc thù và cả những vị trí đặc thù trong hệ mặt trời của chúng ta. Vì vậy, những sự phân nhóm này không nhất thiết chỉ ra tình trạng tiến hoá, như đã có vẻ rõ trong danh sách đầu tiên gồm mười ba nhóm.

13. Những người con chu kỳ của hòa bình,

177. Chúng ta có thể giả định rằng nhóm này có liên hệ mật thiết với hành tinh Sao Kim.

178. Chu kỳ của họ là gì? Họ biểu hiện thường xuyên đến mức nào? Có phải họ đang đi vào cho sự "trói buộc" một ngàn năm của "Satan" tiếp sau "Sự Quang Lâm Lần Thứ Hai" chăng?

14. Những người con tái diễn của chiến tranh,

179. Có phải nhóm chân thần hay Chân ngã này có một chu kỳ *đều đặn* hay họ *tái diễn*

conditions make it possible for them to recur.

bất cứ khi nào các điều kiện khiến họ có thể tái diễn.

180. It would seem that their point of origin is Mars, and if not Mars, then, at least, they would seem to be strongly influenced by that planet.

180. Dường như điểm xuất phát của họ là Sao Hỏa, và nếu không phải Sao Hỏa, thì ít nhất họ dường như chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của hành tinh ấy.

181. We might inquire whether there exist in active manifestation on our planet and at this time a large grouping of those in this category. We might also inquire if they are related to the sixth ray either in their soul nature or monadic nature.

181. Chúng ta có thể hỏi liệu hiện đang có trong biểu hiện hoạt động trên hành tinh của chúng ta và vào thời điểm này một nhóm lớn những người thuộc phạm trù này hay không. Chúng ta cũng có thể hỏi liệu họ có liên hệ với cung sáu trong bản chất linh hồn hay bản chất chân thần của họ hay không.

15. The specks within the planetary eye,

15. Những đốm nhỏ bên trong con mắt hành tinh,

182. It would seem that this could be an advanced group which was part of the Planetary Logos' ability to *see.*

182. Dường như đây có thể là một nhóm tiến hóa cao, là một phần trong khả năng *thấy* của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

183. In this connection we are told that "The Monad is to the planetary Logos what the third eye is to man, esoterically understood." (DINA II 310)

183. Trong mối liên hệ này, chúng ta được cho biết rằng "Chân thần đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng như con mắt thứ ba đối với con người, theo nghĩa huyền bí." (DINA II 310)

184. Specks are like points, and points are lives.

184. Những đốm nhỏ giống như những điểm, và những điểm là các sự sống.

185. This might also be a particular group of Monads associated with the ajna center of the Planetary Logos. We have read that all human Monads find their place in a particular center within the Planetary Logos and the ajna center (associated with the function of seeing) is one of the higher ones.

185. Đây cũng có thể là một nhóm chân thần đặc thù được liên kết với trung tâm ajna của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Chúng ta đã đọc rằng mọi chân thần nhân loại đều tìm thấy vị trí của mình trong một trung tâm đặc thù bên trong Đức Hành Tinh Thượng Đế, và trung tâm ajna (được liên kết với chức năng thấy) là một trong những trung tâm cao hơn.

186. We have also to ask whether, in some way, these specks actually assist the sight of the Planetary Logos or *impede* it? We remember the reference in the Bible to "motes" and "specks" within the eye.

186. Chúng ta cũng phải hỏi liệu, theo một cách nào đó, những đốm nhỏ này thực sự hỗ trợ thị lực của Đức Hành Tinh Thượng Đế hay *cản trở* nó? Chúng ta nhớ đến quy chiếu trong Kinh Thánh về "motes" và "specks" bên trong con mắt.

16. The recognised points within the chakras. These naturally exist in ten groups.

16. Những điểm được nhận biết bên trong các luân xa. Những điểm này tự nhiên tồn tại trong mười nhóm.

187. This is a very strong hint that we are to think in terms not of only seven chakras but of *ten.*

187. Đây là một gợi ý rất mạnh rằng chúng ta phải suy nghĩ không chỉ theo bảy luân xa mà theo *mười.*

188. The spleen, alta major center, the seven head centers considered as one grouping, the heart-in-the-head center—all of these are possible chakras to be added to the normal enumeration of seven in order to make the requisite ten.

188. Lá lách, trung tâm alta major, bảy trung tâm đầu được xem như một nhóm, trung tâm tim-trong-đầu—tất cả những điều này đều là những luân xa khả dĩ được thêm vào cách liệt kê thông thường là bảy để tạo thành con số mười cần thiết.

189. Now, are we talking about the ten chakras within a Planetary Logos, and thus, perhaps, of His ten chains, as points of origin for various types of Monads currently expressing themselves through our planetary scheme? (DK tells us that, at various times, our Planetary Logos has ten, seven or three chains.)

189. Vậy, có phải chúng ta đang nói về mười luân xa bên trong một Đức Hành Tinh Thượng Đế, và do đó, có lẽ, về mười Dãy của Ngài, như những điểm xuất phát cho các loại chân thần khác nhau hiện đang biểu lộ qua hệ hành tinh của chúng ta chăng? (Chân sư DK cho chúng ta biết rằng, vào những thời điểm khác nhau, Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có mười, bảy hoặc ba Dãy.)

190. Or are we talking about the chakras of the Solar Logos. The various Planetary Logoi and Their schemes fulfilling the role of chakras within the system of our Solar Logos? DK might be telling us that various types of Monads or Egos come from all the planetary schemes. If we count Vulcan, we have ten such schemes.

190. Hay là chúng ta đang nói về các luân xa của Thái dương Thượng đế? Các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau và các hệ hành tinh của Các Ngài đang đảm nhiệm vai trò các luân xa bên trong hệ thống của Thái dương Thượng đế của chúng ta chăng? Có thể Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các loại chân thần hay chân ngã khác nhau đến từ mọi hệ hành tinh. Nếu tính cả Vulcan, chúng ta có mười hệ như thế.

Each name conveys to the mind of the initiate some knowledge as to the **place in evolution of the Monad concerned**, the nature of its incarnations, and its place in cyclic evolution. [Page 1083]

Mỗi danh xưng truyền đạt cho trí tuệ của điểm đạo đồ một số tri thức về **vị trí trong tiến hoá của chân thần liên hệ**, bản chất các lần lâm phàm của nó, và vị trí của nó trong tiến hoá chu kỳ. [Page 1083]

191. Let us tabulate what the names of these groups conveys to the initiate:

191. Chúng ta hãy lập bảng những gì các danh xưng của các nhóm này truyền đạt cho điểm đạo đồ:

a. The place in evolution of the Monad concerned

a. Vị trí trong tiến hoá của chân thần liên hệ

b. The nature of the Monad's incarnations.

b. Bản chất các lần lâm phàm của chân thần.

c. The place of the Monad in cyclic evolution

c. Vị trí của chân thần trong tiến hoá chu kỳ

d. We should also add that a number of monadic *points of origin* are to be found on this tabulation, but not, it seems, in the prior listing.

d. Chúng ta cũng nên thêm rằng một số *điểm xuất phát* chân thần được tìm thấy trong bảng này, nhưng dường như không có trong danh sách trước đó.

192. We do note that DK has used the word "Monad", so it is, indeed, of Monads we are speaking, yet, also at time, of the Monad's expression as an Ego (i.e., as a spiritual triad or as an Ego in a causal body on the higher mental plane). Sometimes when Master DK speaks of "Egos" He is really referencing Monads. Monads do express through an auric "egg" just as Egos do.

192. Chúng ta quả thật lưu ý rằng Chân sư DK đã dùng từ "chân thần", vì vậy quả thực chúng ta đang nói về các chân thần, nhưng đồng thời đôi khi cũng nói về sự biểu hiện của chân thần như một chân ngã (tức là như một Tam nguyên tinh thần hay như một chân ngã trong thể nguyên nhân trên Cõi thượng trí). Đôi khi khi Chân sư DK nói về "các Chân ngã", Ngài thực sự đang quy chiếu đến các chân thần. Các chân thần cũng biểu hiện qua một "noãn" hào quang giống như các chân ngã vậy.

The same method of grouping is used in connection with all the kingdoms though **only in the case of the fourth and the fifth kingdoms are individual atoms dealt with**;

Cùng một phương pháp phân nhóm được dùng liên hệ với mọi giới mặc dù **chỉ trong trường hợp của giới thứ tư và giới thứ năm thì các nguyên tử cá biệt mới được đề cập đến**;

193. This is interesting. In kingdoms earlier than the fourth and later than the fifth the *group* expression must obviously be paramount.

193. Điều này thật thú vị. Trong các giới trước giới thứ tư và sau giới thứ năm, sự biểu hiện *nhóm* hiển nhiên phải là tối quan trọng.

194. Below the fourth kingdom we have *unconscious* group expression. Beyond the fifth kingdom we have *super-conscious* group expression.

194. Bên dưới giới thứ tư, chúng ta có sự biểu hiện nhóm *vô thức*. Vượt quá giới thứ năm, chúng ta có sự biểu hiện nhóm *siêu thức*.

the tabulations and records for the other kingdoms are concerned with groups. **When a group is known, the nature, vibration, and rhythm of the atom within that group is immediately apparent.**

các bảng biểu và hồ sơ của các giới khác đều liên quan đến các nhóm. **Khi một nhóm được biết đến, bản chất, rung động và nhịp điệu của nguyên tử bên trong nhóm ấy lập tức trở nên hiển nhiên.**

195. A very interesting thought—the state of the group reveals the state of the atom. Are the individual atoms within these groups, then, so similar, that the group state would reveal the individual atomic state?

195. Một tư tưởng rất thú vị—trạng thái của nhóm tiết lộ trạng thái của nguyên tử. Vậy thì các nguyên tử cá biệt bên trong các nhóm này có giống nhau đến mức trạng thái của nhóm sẽ tiết lộ trạng thái nguyên tử cá nhân hay không?

196. We also see that in the fifth kingdom of nature, the Kingdom of Souls, the factor of individuality is still very important. This has definite implications for man's development. We certainly do not lose our individuality when we enter the fifth kingdom. If anything, it is intensified, though the relationship of that individuality to various groups is also increasingly emphasized.

196. Chúng ta cũng thấy rằng trong giới thứ năm của thiên nhiên, Thiên Giới, yếu tố cá thể tính vẫn còn rất quan trọng. Điều này có những hàm ý rõ rệt đối với sự phát triển của con người. Chắc chắn chúng ta không đánh mất cá thể tính của mình khi bước vào giới thứ năm. Nếu có gì, thì nó còn được tăng cường, mặc dù mối liên hệ của cá thể tính ấy với các nhóm khác nhau cũng ngày càng được nhấn mạnh hơn.

S9S1 Part II

TCF - 1083--1087

TCF - 1083--1087

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ

font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

IV. THE TURNING OF THE WHEEL [12]

IV. SỰ XOAY CHUYỂN CỦA BÁNH XE 12

Footnote:

Chú thích:

Man must understand the nature of the wheel in which he is turned, called in Sanskrit the wheel of Samsara.

Con người phải thấu hiểu bản chất của bánh xe trong đó y bị xoay chuyển, được gọi trong tiếng Phạn là bánh xe Luân hồi.

1. This is the wheel which turns through the World of Illusion, bringing successive rebirths.

1. Đây là bánh xe quay xuyên qua Thế Giới Đang Trở Thành, mang đến những lần tái sinh kế tiếp nhau.

This latter word derived from the root Sru, to move, indicates a motion wheel or the great wheel of changing life in which the human entities have been called upon to work

Từ sau này, phát sinh từ gốc Sru, nghĩa là chuyển động, chỉ một bánh xe chuyển động hay bánh xe lớn của đời sống đổi thay trong đó các thực thể nhân loại đã được kêu gọi phải hoạt động

2. The operative word is “work”. This is the world which functions under the aegis of Saturn, Lord of the lower worlds and especially of the systemic physical plane.

2. Từ tác động ở đây là “hoạt động”. Đây là thế giới vận hành dưới sự bảo trợ của Sao Thổ, chúa tể của các cõi thấp và đặc biệt là cõi hồng trần hệ thống.

and which must never be abandoned out of compassion for man and in obedience to the law of oneness which connects the many, in the opinion of all true yogees and Sri Krishna.

và thế giới ấy không bao giờ được từ bỏ vì lòng từ bi đối với con người và vì sự tuân phục định luật nhất thể nối kết số nhiều, theo quan điểm của mọi yogi chân chính và của Sri Krishna.

3. According to the Pledge of the Bodhisattva, one will return to this lower world voluntarily for the sake of the salvation of all sentient beings.

3. Theo Lời Nguyện của Đức Bồ Tát, người ta sẽ tự nguyện trở lại thế giới thấp này vì sự cứu độ của mọi chúng sinh hữu tình.

4. Even though, after a certain point of development, we *need not* return, we do so because we feel ourselves at one with all those who have not liberated themselves from the wheel.

4. Dù rằng, sau một điểm phát triển nào đó, chúng ta *không cần* trở lại, chúng ta vẫn làm như vậy vì cảm thấy mình là một với tất cả những ai chưa tự giải thoát khỏi bánh xe.

The Teacher gives the nature of the samsaric wheel in a certain peculiar way which deserves to be thought over by you all. He says "all bhootas spring up from food and food from Parjanya or rain. Rain comes out of yagna and yagna out of Karma.

Huấn sư trình bày bản chất của bánh xe luân hồi theo một cách đặc biệt nào đó đáng để tất cả các bạn suy ngẫm. Ngài nói: "mọi bhoota phát sinh từ thức ăn và thức ăn từ Parjanya hay mưa. Mưa phát sinh từ yagna và yagna từ Karma.

5. The chain of causation is as follows:

5. Chuỗi nhân quả như sau:

a. From food, bhootas

a. Từ thức ăn, bhoota

b. From Parjanya or rain, food

b. Từ Parjanya hay mưa, thức ăn

c. From yagna, rain

c. Từ yagna, mưa

d. From Karma, yagna (a ritual of sacrifice)

d. Từ Karma, yagna (một nghi lễ hi sinh)

e. From the Veda, Karma

e. Từ Veda, Karma

f. From the Eternal, Karma

f. Từ Đấng Vĩnh Cửu, Karma

6. The seven involved are: bhootas, food, rain, yagna, Karma, Veda, the Eternal

6. Bảy yếu tố liên hệ là: bhoota, thức ăn, mưa, yagna, Karma, Veda, Đấng Vĩnh Cửu

Karma is out of the Veda and Veda is of the Eternal." Here you see a Septenary gamut is given with the bhoota (or manifested form) at one end and the eternal substance unmanifested to us at the other end.

Karma phát sinh từ Veda và Veda thuộc về Đấng Vĩnh Cửu." Ở đây bạn thấy một âm giai thất phân được đưa ra với bhoota (hay hình tướng biểu hiện) ở một đầu và chất liệu vĩnh cửu không biểu hiện đối với chúng ta ở đầu kia.

7. Spirit is matter and matter is Spirit.

7. Tinh thần là vật chất và vật chất là tinh thần.

If we divide this seven according to the theosophical plane of a lower four dominated over by a higher triad, we get form, food, rain and yagna as the lower four and karma, Veda and eternal substance as the higher triad.

Nếu chúng ta chia bảy yếu tố này theo bình diện Thông Thiên Học về một bộ bốn thấp bị chi phối bởi một tam nguyên cao hơn, chúng ta có hình tướng, thức ăn, mưa và yagna là bốn thấp, còn karma, Veda và chất liệu vĩnh cửu là tam nguyên cao hơn.

8. We note that "Veda" finds its place correlated with the second aspect. It is the great "Teaching"

8. Chúng ta lưu ý rằng "Veda" tìm thấy vị trí của nó tương quan với phương diện thứ hai. Đó là "Giáo Huấn" vĩ đại

The eternal substance that pervades all space, worked on by the world song and giving rise to all the laws of karma that govern the development of the world, develops a lower four and this four is started by yagna—**the spirit of evolution that connects the higher and lower or in Puranic fashion, the spirit that seeks to add to the harmony of the unmanifested by giving it a field of disharmony to work upon and establish its own greatness.**

Chất liệu vĩnh cửu thấm khắp không gian, được bài ca thế gian tác động lên và làm phát sinh mọi định luật nghiệp quả chi phối sự phát triển của thế giới, phát triển thành một bộ bốn thấp và bộ bốn này được khởi động bởi yagna—**tinh thần của tiến hoá nối kết cao và thấp, hay theo lối Purana, tinh thần tìm cách bổ sung vào sự hài hoà của cái không biểu hiện bằng cách ban cho nó một trường bất hoà để tác động lên và thiết lập sự vĩ đại riêng của nó.**

9. This philosophical explanation is very interesting. Yagna finds itself in the fourth place and thus correlates with the fourth ray and possesses a linking function. Yagna is defined here as "the spirit of evolution".

9. Lời giải thích triết học này rất thú vị. Yagna ở vào vị trí thứ tư và do đó tương quan với cung bốn và sở hữu một chức năng nối kết. Yagna ở đây được định nghĩa là "tinh thần của tiến hoá".

This spirit of yagna in its way to produce the manifested form gives rise to the Parjanya or rain. The word Parjanya is applied to rain and often times to a spirit whose function is to produce rain.

Tinh thần yagna này trên đường tạo ra hình tướng biểu hiện làm phát sinh Parjanya hay mưa. Từ Parjanya được áp dụng cho mưa và nhiều khi cho một tinh thần có chức năng tạo ra mưa.

10. We can interpret this as signifying that the "spirit of evolution" working upon the inharmoniously related substance results in a precipitation symbolized by "rain".

10. Chúng ta có thể diễn giải điều này như hàm ý rằng "tinh thần của tiến hoá" tác động lên chất liệu được liên hệ một cách bất hài

hoà sẽ dẫn đến một sự ngưng tụ được biểu tượng bằng "mưa".

—Some Thoughts on the Gita, p. 127.

—Vài Suy Tưởng về Gita, tr. 127.

We come now to the consideration of another point, and one of very real moment; it emerges out of what we have been saying anent cycles and is the **basis of all periodic phenomena.**

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét một điểm khác, và là một điểm thật sự quan trọng; nó xuất hiện từ những gì chúng ta đã nói liên quan đến các chu kỳ và là **nền tảng của mọi hiện tượng tuần hoàn.**

One of the most elementary of scientific truths is that the earth revolves upon its axis, and that it travels around the sun.

Một trong những chân lý khoa học sơ đẳng nhất là Trái Đất quay trên trục của nó, và nó chuyển động quanh mặt trời.

11. In the modern world, it took a long time to establish this reality.

11. Trong thế giới hiện đại, phải mất một thời gian dài mới xác lập được thực tại này.

One of the truths less recognised, **yet withal of equal importance**,

Một trong những chân lý ít được công nhận hơn, **nhưng đồng thời cũng quan trọng ngang bằng**,

12. This, from the Tibetan's greatly expanded perspective…

12. Điều này, từ viễn tượng được mở rộng rất lớn của Chân sư Tây Tạng…

is that the entire solar system equally revolves upon its axis but in a cycle so vast as to be beyond the powers of ordinary man to comprehend, and which necessitates mathematical formulae [Page 1084] of great intricacy.

là toàn bộ hệ mặt trời cũng quay trên trục của nó nhưng trong một chu kỳ rộng lớn đến mức vượt ngoài khả năng lĩnh hội của con người bình thường, và điều này đòi hỏi những công thức toán học [Page 1084] cực kỳ phức tạp.

13. Not just one formula but many…

13. Không chỉ một công thức mà là nhiều công thức…

14. Technically, the phrase should be "rotates upon its axis". We are not speaking of the rotation of the Sun upon its axis—a motion which takes 25.38 Earth days at the solar equator, and about 27 days if sunspots are used as the reference points.

14. Về mặt kỹ thuật, cụm từ đúng phải là "xoay trên trục của nó". Chúng ta không nói về sự quay của Mặt Trời trên trục của nó—một chuyển động mất 25,38 ngày Trái Đất tại xích đạo mặt trời, và khoảng 27 ngày nếu dùng các vết đen mặt trời làm điểm quy chiếu.

15. From the Wikipedia we read:

There is no fixed rate of rotation of the Sun (Solar), on its own axis. However, at the equator, the Sun's rotation period is 25.38 days. This slows considerably as latitude increases.

The orbital path of the solar system in the heavens around its cosmic centre is now being sensed,

16. In this case the term “solar system” (probably, but not exclusively) means precisely our one-Sun solar system.

17. We have to be careful with the term “solar system” as any system of stars (thus a constellation) can be considered a ‘solar system’. In this manner the term “solar system” can be used for occult blinding.

18. We must also ask “By whom is this orbital path being sensed?”—apparently there are few astronomers who think of this type of revolution as possible.

and the general drift also of our constellation is being taken into consideration as a welcome hypothesis.

19. In this case we have *no assurance* that the term “constellation” means our one-Sun solar system. It *may* or it may not. The term “our constellation” could also mean the stars of the Constellational Logos of which our one-Sun solar system is hypothetically a part. This Constellational Logos has been hypothesized as the Lord of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One"—a cosmic

15. Từ Wikipedia chúng ta đọc được:

Không có tốc độ quay cố định nào của Mặt Trời (Solar) trên trục của chính nó. Tuy nhiên, tại xích đạo, chu kỳ quay của Mặt Trời là 25,38 ngày. Tốc độ này chậm đi đáng kể khi vĩ độ tăng lên.

Quỹ đạo của hệ mặt trời trên thiên giới quanh trung tâm vũ trụ của nó hiện đang được cảm nhận,

16. Trong trường hợp này, thuật ngữ “hệ mặt trời” (có lẽ, nhưng không chỉ) có nghĩa chính xác là hệ mặt trời một-mặt-trời của chúng ta.

17. Chúng ta phải cẩn thận với thuật ngữ “hệ mặt trời” vì bất kỳ hệ sao nào (do đó là một chòm sao) cũng có thể được xem là một ‘hệ mặt trời’. Theo cách này, thuật ngữ “hệ mặt trời” có thể được dùng cho sự che mờ huyền bí.

18. Chúng ta cũng phải hỏi “Ai đang cảm nhận quỹ đạo này?”—rõ ràng có rất ít nhà thiên văn nghĩ rằng loại chuyển động quay này là khả hữu.

và xu hướng chung của chòm sao của chúng ta cũng đang được xét đến như một giả thuyết đáng hoan nghênh.

19. Trong trường hợp này chúng ta *không có gì bảo đảm* rằng thuật ngữ “chòm sao” có nghĩa là hệ mặt trời một-mặt-trời của chúng ta. Nó *có thể* là như vậy hoặc không. Thuật ngữ “chòm sao của chúng ta” cũng có thể có nghĩa là các ngôi sao của Chòm Sao Thượng đế mà hệ mặt trời một-mặt-trời của chúng ta theo giả thuyết là một phần trong đó. Chòm Sao Thượng đế này đã được giả thuyết là

structure which DK mentions with some frequency.

Chúa Tể của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một"—một cấu trúc vũ trụ mà Chân sư DK nhắc đến khá thường xuyên.

20. But if DK means that "our solar system" is identical with "our constellation", He has named our solar system in two different ways within the confines of one sentence. This should awaken out attention. We should be alert to the thought that we may be in the middle of a process of 'occult blinding'—the deliberate veiling of certain information which He is conveying "between the lines" as it were.

20. Nhưng nếu Chân sư DK muốn nói rằng "hệ mặt trời của chúng ta" đồng nhất với "chòm sao của chúng ta", thì Ngài đã gọi hệ mặt trời của chúng ta bằng hai cách khác nhau trong phạm vi một câu. Điều này nên đánh thức sự chú ý của chúng ta. Chúng ta nên tỉnh táo trước ý nghĩ rằng có thể mình đang ở giữa một tiến trình 'che mờ huyền bí'—sự che phủ có chủ ý một số thông tin mà Ngài đang truyền đạt "giữa các dòng chữ", có thể nói như vậy.

21. There is speculation by some deeper students of cosmology that our solar system may not be *only* a one-Sun solar system, but should be considered a "constellation", because (as the theory goes—gathered to an extent from *The Secret Doctrine*), Mars was once a sun. Jupiter, so the theory goes, may one day become a sun—perhaps in the next solar system. As well, all the planets, including our Sun began as comets. This we have from *The Secret Doctrine* in the discussion of Maritanda (our Sun) and His "Seven Brothers".

21. Có sự suy đoán của một số đạo sinh sâu sắc hơn về vũ trụ học rằng hệ mặt trời của chúng ta có thể không *chỉ* là một hệ mặt trời một-mặt-trời, mà nên được xem là một "chòm sao", bởi vì (theo giả thuyết ấy—được rút ra phần nào từ *Giáo Lý Bí Nhiệm*), Sao Hỏa đã từng là một mặt trời. Sao Mộc, theo giả thuyết ấy, một ngày nào đó có thể trở thành một mặt trời—có lẽ trong hệ mặt trời kế tiếp. Hơn nữa, mọi hành tinh, kể cả Mặt Trời của chúng ta, đều bắt đầu như những sao chổi. Điều này chúng ta có được từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* trong phần bàn về Maritanda (Mặt Trời của chúng ta) và "Bảy Huynh Đệ" của Ngài.

Scientists have not yet admitted into their calculations the fact that our solar system is revolving around a cosmic centre along with six other constellations of even greater magnitude in the majority of cases than ours, only one being approximately of the same magnitude as our solar system.

Các nhà khoa học vẫn chưa thừa nhận trong các phép tính của họ sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta đang quay quanh một trung tâm vũ trụ cùng với sáu chòm sao khác có độ lớn trong đa số trường hợp còn lớn hơnhệ của chúng ta, chỉ có một chòm sao xấp xỉcùng độ lớn với hệ mặt trời của chúng ta.

22. The terms "solar system" and "constellations" are, it seems, deliberately mixed. The implication *could* be:

22. Các thuật ngữ "hệ mặt trời" và "các chòm sao" dường như được cố ý trộn lẫn. Hàm ý *có thể* là:

a. That our solar system is really a constellation and is revolving with six other constellations around a cosmic centre.

b. That our solar system is simply a conventional solar system but is linked with six other constellations which *together* are revolving around the same cosmic centre.

c. That the our solar system is a one-sun solar system which, along with several other mostly one-sun (or perhaps two-sun) solar systems in the "Seven Solar Systems of Which Ours is One", is revolving around a common cosmic centre, taking either the literal or symbolical 250,000 years to do so together.

23. In the matter of magnitude, only Alpha Centauri (A and B) at 1.5 and.5 solar luminosities respectively are of approximately the same magnitude as our Sun. All the other stars hypothesized as grouped with Sol in His "cosmic group" have significantly higher solar luminosities.

24. If we start considering that six other true (i.e., conventional) constellations revolve around a common cosmic centre (constellations such as the Great Bear, Draco, Orion, Antares, etc.—which ever we choose), then the Tibetan has made a *huge* understatement when speaking of these constellations as being "of even greater magnitude in the majority of cases than ours". The statement is disproportional, as, if we consider the combined magnitudes of all the stars in those constellations relative to Sol, they are thousands and even hundreds of thousands of times more luminous than Sol. In this case, only Sirius (at approximately 25 solar luminosities and

a. Rằng hệ mặt trời của chúng ta thực sự là một chòm sao và đang quay cùng với sáu chòm sao khác quanh một trung tâm vũ trụ.

b. Rằng hệ mặt trời của chúng ta chỉ đơn giản là một hệ mặt trời theo nghĩa thông thường nhưng được liên kết với sáu chòm sao khác mà *cùng nhau* đang quay quanh cùng một trung tâm vũ trụ.

c. Rằng hệ mặt trời của chúng ta là một hệ mặt trời một-mặt-trời, cùng với một số hệ mặt trời khác phần lớn cũng là một-mặt-trời (hoặc có lẽ hai-mặt-trời) trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một", đang quay quanh một trung tâm vũ trụ chung, mất 250.000 năm theo nghĩa đen hoặc biểu tượng để cùng làm như vậy.

23. Về vấn đề độ lớn, chỉ Alpha Centauri (A và B) với độ sáng mặt trời lần lượt là 1,5 và 0,5 mới xấp xỉ cùng độ lớn với Mặt Trời của chúng ta. Tất cả các sao khác được giả thuyết là được nhóm với Sol trong "nhóm vũ trụ" của Ngài đều có độ sáng mặt trời cao hơn đáng kể.

24. Nếu chúng ta bắt đầu xét rằng sáu chòm sao thực sự khác (tức là các chòm sao theo nghĩa thông thường) quay quanh một trung tâm vũ trụ chung (những chòm sao như Đại Hùng, Draco, Orion, Antares, v.v.—bất cứ chòm nào chúng ta chọn), thì Chân sư Tây Tạng đã nói giảm đi *rất nhiều* khi nói về các chòm sao này là "có độ lớn còn lớn hơn trong đa số trường hợp so với hệ của chúng ta". Phát biểu ấy thiếu cân xứng, vì nếu chúng ta xét tổng độ lớn của mọi sao trong các chòm sao ấy so với Sol, chúng sáng hơn Sol hàng nghìn và thậm chí hàng trăm nghìn lần. Trong trường hợp này, chỉ Sirius (với khoảng 25 độ sáng mặt trời và nếu được xem là một "chòm sao") mới rất lỏng lẻo là 'xấp xỉ' cùng

if considered as a “constellation”) would be very loosely ‘approximately’ of the same magnitude as Sol, and that is a great stretch. The phrase “of even greater magnitude” is *a modest statement* more fitting for the comparison of Procyon (7.73 $L_{\odot}$), Altair (10.6 [$L_{\odot}$) Vega (37 ± 3 $L_{\odot}$), Sirius (25.4 (A) /

độ lớn với Sol, và đó cũng là một sự kéo giãn rất lớn. Cụm từ “có độ lớn còn lớn hơn” là *một phát biểu khiêm tốn* phù hợp hơn cho sự so sánh giữa Procyon (7.73 $L_{\odot}$), Altair (10.6 [$L_{\odot}$) Vega (37 ± 3 $L_{\odot}$), Sirius (25.4 (A) /

0.026 (B) $L_{\odot}$), etc. with our Sun.”

0.026 (B) $L_{\odot}$), v.v. với Mặt Trời của chúng ta.”

25. I consider it is a perilous assumption to take this statement by the Tibetan (the one concerning revolving constellations accompanied by our revolving solar system) *literally* until we check out those astronomical facts available to us. I suspect that when we do so, we will have demonstrated to us the *literal impossibility* of such concurrent *constellational* revolutions. I suggest that the revolution of seven associated *suns* (not “constellations”—as that term us conventionally understood) will *not* be shown to be impossible.

25. Tôi cho rằng thật nguy hiểm nếu hiểu phát biểu này của Chân sư Tây Tạng (phát biểu liên quan đến các chòm sao quay cùng với hệ mặt trời đang quay của chúng ta) theo nghĩa *đen* trước khi chúng ta kiểm tra những dữ kiện thiên văn hiện có. Tôi ngờ rằng khi làm như vậy, chúng ta sẽ thấy được *sự bất khả hữu theo nghĩa đen* của những cuộc quay đồng thời mang tính *chòm sao* như thế. Tôi gợi ý rằng sự quay của bảy *mặt trời* liên hệ (không phải “các chòm sao”—theo cách thuật ngữ ấy thường được hiểu) sẽ *không* bị chứng minh là bất khả hữu.

26. In occultism, the “cosmic centre” around which our solar system (or “our constellation”) and also the six other constellations, is considered to revolve is the Pleiades and especially Alcyone as the leading star of the Pleiades.

26. Trong huyền bí học, “trung tâm vũ trụ” mà quanh đó hệ mặt trời của chúng ta (hay “chòm sao của chúng ta”) và cả sáu chòm sao khác được xem là quay quanh chính là Pleiades và đặc biệt là Alcyone như ngôi sao dẫn đầu của Pleiades.

This cosmic centre in turn forms part of a great wheel

Trung tâm vũ trụ này đến lượt nó tạo thành một phần của một bánh xe lớn

27. This could be our galaxy, or it could be a much lesser cosmic structure, for we may infer with reason that there are ever-larger wheels on the way to the galactic wheel, (which of course is probably involved in its own type of revolution around a still greater center, etc.)

27. Đây có thể là thiên hà của chúng ta, hoặc có thể là một cấu trúc vũ trụ nhỏ hơn nhiều, vì chúng ta có thể suy ra một cách hợp lý rằng luôn có những bánh xe ngày càng lớn hơn trên đường đi đến bánh xe thiên hà, (dĩ nhiên bản thân bánh xe thiên hà có lẽ cũng tham dự vào loại chuyển động quay riêng

của nó quanh một trung tâm còn lớn hơn nữa, v.v.)

28. There are many ever more inclusive "wheels" in our galaxy, until at last the galaxy as a cosmic wheel is considered.

28. Có nhiều "bánh xe" ngày càng bao gồm hơn trong thiên hà của chúng ta, cho đến cuối cùng thiên hà như một bánh xe vũ trụ được xét đến.

29. We are dealing with chakra systems of ever-increasing scope.

29. Chúng ta đang đề cập đến các hệ thống luân xa có phạm vi ngày càng tăng.

till—to the eye of the illumined seer—the entire vault of Heaven

cho đến khi—đối với con mắt của nhà thông nhãn được soi sáng—toàn bộ vòm Trời

30. Presumably, this "vault" is not only the externally visible vault, but the 'subjective vault' and also the vault as expanded by all our instruments of observations—telescopes and sensing devices of all kinds.

30. Có lẽ "vòm" này không chỉ là vòm bên ngoài có thể thấy được, mà còn là 'vòm chủ quan', và cả vòm được mở rộng bởi mọi dụng cụ quan sát của chúng ta—kính thiên văn và các thiết bị cảm nhận đủ loại.

is seen to be in motion.

được thấy là đang chuyển động.

31. The stars within the "vault of heaven" are certainly not *fixed* stars.

31. Các ngôi sao bên trong "vòm trời" chắc chắn không phải là những ngôi sao *cố định*.

All the constellations, viewing them as a whole, **are impelled in one direction**.

Tất cả các chòm sao, khi nhìn chúng như một toàn thể, **đều bị thúc đẩy theo một hướng**.

32. We could *possibly* be within the galactic frame of reference, speaking of *all* constellations included within our *galaxy*, all revolving (whether clockwise or counter-clockwise) in the same direction around the center of the galaxy.

32. Chúng ta *có thể* đang ở trong hệ quy chiếu thiên hà, nói về *mọi* chòm sao được bao gồm trong *thiên hà* của chúng ta, tất cả đều quay (dù theo chiều kim đồng hồ hay ngược chiều kim đồng hồ) theo cùng một hướng quanh trung tâm thiên hà.

33. We could also be in a maximally large context, with DK positing that the entire Universe is the 'Greatest of All Possible Wheels", and that all constellations revolve together around the 'common center' of this

33. Chúng ta cũng có thể đang ở trong một bối cảnh lớn tối đa, với việc Chân sư DK giả định rằng toàn thể Vũ Trụ là 'Bánh Xe Lớn Nhất trong Mọi Bánh Xe Có Thể Có', và rằng mọi chòm sao cùng quay quanh 'trung tâm chung' của Bánh Xe này—dù đó là gì đi nữa.

Wheel—whatever that might be. I do not think we should resist the analogy.

Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên kháng cự phép loại suy ấy.

34. In any case, it seems that there is no contrary movement of some constellations when compared to others. *All* are moving together and probably, we can assume, *revolving* together around a common center.

34. Dù sao đi nữa, dường như không có chuyển động ngược chiều của một số chòm sao khi so với những chòm sao khác. *Tất cả* đều đang cùng chuyển động và có lẽ, chúng ta có thể giả định, cùng *quay* quanh một trung tâm chung.

35. When we look carefully at the word "constellations" and attempt to define it in a general sense, we realize that it means 'an organized gathering of related items'. Planets can be constellated together: Suns can be constellated; what we normally call constellations of stars can be constellated so that we have constellations of our customary constellations; and on and on, until we have constellations of galaxies and of super-galaxies, etc. The term "constellation" is a *generic term* suggested systematic, organic relationship. Therefore, this statement about "all the constellations" could refer to all manner of 'constellations' in the entire Universe.

35. Khi chúng ta xem xét cẩn thận từ "chòm sao" và cố gắng định nghĩa nó theo nghĩa tổng quát, chúng ta nhận ra rằng nó có nghĩa là 'một tập hợp có tổ chức của những yếu tố liên hệ'. Các hành tinh có thể được kết thành chòm; các mặt trời có thể được kết thành chòm; những gì chúng ta thường gọi là các chòm sao có thể được kết thành chòm để chúng ta có các chòm sao của những chòm sao quen thuộc; và cứ thế mãi, cho đến khi chúng ta có các chòm sao của các thiên hà và của các siêu thiên hà, v.v. Thuật ngữ "chòm sao" là một *thuật ngữ tổng quát* gợi ý một mối liên hệ có hệ thống, hữu cơ. Vì vậy, phát biểu này về "mọi chòm sao" có thể quy chiếu đến mọi loại 'chòm sao' trong toàn thể Vũ Trụ.

36. Occult blinding occurs through a shifting of the meaning of terms. The reader is blinded because, as the shifting occurs, the reader's attention is not drawn to the shifting. Thus, confusion will result unless the prepared and perceptive reader knows of deeper structures, relationship and dynamics than are referenced in the blinded text.

36. Sự che mờ huyền bí xảy ra qua sự chuyển đổi ý nghĩa của các thuật ngữ. Người đọc bị che mờ vì, khi sự chuyển đổi xảy ra, sự chú ý của người đọc không được hướng đến sự chuyển đổi ấy. Do đó, sự lẫn lộn sẽ phát sinh trừ phi người đọc đã chuẩn bị và có tri giác biết đến những cấu trúc, mối liên hệ và động lực sâu hơn những gì được quy chiếu trong văn bản bị che mờ.

37. We do not know whether DK has taken the picture that far (i.e., as far as the one and only Ultimate Universal System of all cosmic systems or constellations), but we must be alert to the possibility of 'level blinds', by means of which DK speaks of several levels

37. Chúng ta không biết liệu Chân sư DK có đưa bức tranh đi xa đến thế hay không (tức là xa đến mức chỉ còn một Hệ Vũ Trụ Tối Hậu duy nhất của mọi hệ hay chòm sao vũ trụ), nhưng chúng ta phải tỉnh táo trước khả năng có những 'sự che mờ cấp độ', nhờ đó

simultaneously or may switch levels suddenly without alerting the reader.

Chân sư DK nói về nhiều cấp độ đồng thời hoặc có thể đột ngột chuyển cấp độ mà không báo cho người đọc biết.

38. We find this 'level blinding' in *The Secret Doctrine* when discussing our tiny solar system and the entire Universe "in the same breath". Who, after all, *is The Eternal Parent,* and yet hints are being given about the birth of our solar system at the same time.

38. Chúng ta thấy kiểu 'che mờ cấp độ' này trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi bàn về hệ mặt trời nhỏ bé của chúng ta và toàn thể Vũ Trụ "trong cùng một hơi nói". Rốt cuộc, *Đấng Song Thân Vĩnh Cửu là ai,* và tuy vậy đồng thời vẫn có những gợi ý được đưa ra về sự sinh ra của hệ mặt trời chúng ta.

The old Commentary expresses this obscure truth as follows:

Cổ Luận diễn tả chân lý mơ hồ này như sau:

"The one wheel turns. One turn alone is made, and every sphere, and suns of all degrees, follow its course. The night of time is lost in it, and kalpas measure less than seconds in the little day of man.

"Bánh xe duy nhất quay. Chỉ một vòng quay được thực hiện, và mọi khối cầu, cùng các mặt trời ở mọi cấp độ, đều theo tiến trình của nó. Đêm của thời gian tan biến trong đó, và các đại kiếp đo lường còn ít hơn giây phút trong ngày nhỏ bé của con người.

39. While we could be speaking of a galaxy, it is not certain that we are, given the time scales below. We have estimates that our Sun orbits our galaxy in a period of from 200 million to 250 million years, but we do not know how long it takes the galaxy to turn on itself. If our solar atom has a rotational period of about 100,000 years according to DK, then the rotation of the galactic atom (if of the same nature as the rotation of the solar atom) could endure for an immense period—much longer of course than the supposed total age of the universe as projected by contemporary science!

39. Dù chúng ta có thể đang nói về một thiên hà, điều đó không chắc chắn, xét theo các thang thời gian dưới đây. Chúng ta có những ước tính rằng Mặt Trời của chúng ta quay quanh thiên hà trong một chu kỳ từ 200 triệu đến 250 triệu năm, nhưng chúng ta không biết thiên hà mất bao lâu để tự quay trên chính nó. Nếu nguyên tử mặt trời của chúng ta có chu kỳ quay khoảng 100.000 năm theo Chân sư DK, thì sự quay của nguyên tử thiên hà (nếu có cùng bản chất với sự quay của nguyên tử mặt trời) có thể kéo dài trong một thời kỳ mênh mông—dĩ nhiên lâu hơn rất nhiều so với tổng tuổi giả định của vũ trụ như khoa học đương đại phóng chiếu!

40. The "one wheel" could, of course, be the 'One and Only Universal Wheel'. Can it be thought that this 'Greatest of All Wheels' turns but once? It is conceivable, but if it must turn *faster* with the appearance of

40. Dĩ nhiên, "bánh xe duy nhất" có thể là 'Bánh Xe Vũ Trụ Duy Nhất'. Có thể nghĩ rằng 'Bánh Xe Lớn Nhất trong Mọi Bánh Xe' này chỉ quay một lần chăng? Điều đó có thể hình dung được, nhưng nếu nó phải quay *nhanh*

every ‘new’ universe, then, since every universe has been preceded by an infinitude of universes, the 'Universal Wheel' would *always* be turning at ‘infinite speed’ which is an impossibility.

hơn với sự xuất hiện của mỗi vũ trụ ‘mới’, thì vì mỗi vũ trụ đều đã được đi trước bởi vô số vô hạn các vũ trụ, ‘Bánh Xe Vũ Trụ’ sẽ *luôn luôn* quay với ‘tốc độ vô hạn’, điều này là bất khả hữu.

Ten million million kalpas pass, and twice ten million million Brahmic cycles and yet one hour of cosmic time is not completed.

Mười triệu triệu đại kiếp trôi qua, và hai lần mười triệu triệu chu kỳ Brahma nữa, vậy mà một giờ của thời gian vũ trụ vẫn chưa hoàn tất.

41. A kalpa, according to H.P.B. has the duration of 4,320,000,000 Earth years. If we add the kalpic night we get 8,640,000,000 Earth years.

41. Theo H.P.B., một đại kiếp có thời lượng 4.320.000.000 năm Trái Đất. Nếu cộng thêm đêm đại kiếp, chúng ta có 8.640.000.000 năm Trái Đất.

42. One “Brahmic cycle” (if by this we mean an “Occult Century”, is 311,040,000,000,000 years. But if a Brahmic cycle is smaller—such as a “Day of Brahma”, then the overall ‘Age of the Universe’ would be much greater.

42. Một “chu kỳ Brahma” (nếu bởi đó chúng ta muốn nói một “Thế Kỷ Huyền Bí”) là 311.040.000.000.000 năm. Nhưng nếu một chu kỳ Brahma nhỏ hơn—chẳng hạn như một “Ngày của Brahma”, thì toàn bộ ‘Tuổi của Vũ Trụ’ sẽ lớn hơn rất nhiều.

43. I did a fanciful calculation some years ago for the number of Earth years involved in this somewhat poetic description by DK It was a figure with a great number of zeros—something like—
5,501,980,800,000,000,000,000,000,000
–this is something like **5 octillion years**. So, if the H.P.B. record on time (TCF 39) is substantial, as some of us think it is, and if the Tibetan’s quotation from the Old Commentary is not simply poetry, we are dealing with a simply *huge figure* which would far transcend the one turn of a galactic wheel—whatever that really means anyway. We could look at this figure as the Duration of our Universe *occultly considered.*

43. Tôi đã thực hiện một phép tính đầy tưởng tượng vài năm trước về số năm Trái Đất liên hệ trong mô tả phần nào thi vị này của Chân sư DK. Đó là một con số với rất nhiều số không—đại loại như—
5,501,980,800,000,000,000,000,000,000
–tức khoảng **5 octillion năm**. Vì vậy, nếu ghi chép của H.P.B. về thời gian (TCF 39) là đáng kể, như một số chúng ta nghĩ, và nếu trích dẫn của Chân sư Tây Tạng từ Cổ Luận không chỉ đơn thuần là thi ca, thì chúng ta đang đối diện với một con số *khổng lồ* sẽ vượt xa một vòng quay của bánh xe thiên hà—dù điều đó thực sự có nghĩa gì đi nữa. Chúng ta có thể xem con số này như Thời Lượng của Vũ Trụ của chúng ta khi được *xét theo huyền bí học.*

44. Let us suppose that a Brahmic cycle is but a “Day of Brahma”. Then we would have to multiply the huge figure above by 360 x 100 or by 36,000 and the speculative ‘Age of

44. Giả sử rằng một chu kỳ Brahma chỉ là một “Ngày của Brahma”. Khi đó chúng ta sẽ phải nhân con số khổng lồ trên với 360 x 100 hay với 36.000 và ‘Tuổi của Vũ Trụ’ theo suy

the Universe' would be: 1.980713088^{32}. Another three zeros or so would be added to the 5 octillion figure. By USA and "Modern British" figures we would have a figure above 200 nonillion Earth years.

đoán sẽ là: 1.98071308832. Thêm khoảng ba số không nữa sẽ được cộng vào con số 5 octillion. Theo cách tính của Hoa Kỳ và "Anh hiện đại", chúng ta sẽ có một con số trên 200 nonillion năm Trái Đất.

45. Of course, such calculations are ridiculously fanciful, but they may give a clue concerning the huge number of Earth-years which the universe may endure. This would certainly involve subjective endurance as well. Relatively, the number of years which an entity spends in strictly *objective* existence is short compared with the total span of spiritual, subjective and objective endurance.

45. Dĩ nhiên, những phép tính như thế là đầy tưởng tượng đến mức phi lý, nhưng chúng có thể cho một đầu mối liên quan đến số năm Trái Đất khổng lồ mà vũ trụ có thể tồn tại. Điều này chắc chắn cũng sẽ bao gồm sự tồn tại chủ quan. Tương đối mà nói, số năm mà một thực thể trải qua trong sự tồn tại hoàn toàn *khách quan* là ngắn so với toàn bộ khoảng thời gian tồn tại tinh thần, chủ quan và khách quan.

Within the wheel,

Bên trong bánh xe,

46. We are speaking either of the 'Greatest of All Wheels' or of the 'Galactic Wheel'.

46. Chúng ta đang nói hoặc về 'Bánh Xe Lớn Nhất trong Mọi Bánh Xe' hoặc về 'Bánh Xe Thiên Hà'.

forming that wheel, are all the lesser wheels from the first to the tenth dimension.

tạo thành bánh xe ấy, là tất cả những bánh xe nhỏ hơn từ chiều thứ nhất đến chiều thứ mười.

47. We must bear in mind that the Tibetan and other writers on deep occult matters, frequently switch the scope of their perspective without telling us they have done so. The vastest of all universal perspectives may be considered side-by-side with a much smaller perspective, and no warning given that different contexts which are being discussed.

47. Chúng ta phải ghi nhớ rằng Chân sư Tây Tạng và các tác giả khác viết về những vấn đề huyền bí sâu xa thường xuyên chuyển đổi phạm vi viễn tượng của họ mà không cho chúng ta biết họ đã làm như vậy. Viễn tượng vũ trụ rộng lớn nhất có thể được đặt cạnh một viễn tượng nhỏ hơn nhiều, và không có cảnh báo nào rằng các bối cảnh đang được bàn đến là khác nhau.

48. The entire Universe may have ten dimensions. This will mean that when we draw representations of systemic planes, cosmic planes, super-cosmic planes, we will have to determine how far to go.

48. Toàn thể Vũ Trụ có thể có mười chiều. Điều này sẽ có nghĩa rằng khi chúng ta vẽ các biểu đồ về các cõi hệ thống, các cõi vũ trụ, các cõi siêu vũ trụ, chúng ta sẽ phải xác định nên đi xa đến đâu.

49. On this scale of ten dimensions, where would a galaxy fit? If we could determine this, we would have a marker. Is the atom of substance representative the first dimension? Is man representative of the second? Is a Planetary Logos representative of the third? Is a Solar Logos representative of the fourth?

49. Trên thang mười chiều này, một thiên hà sẽ phù hợp ở đâu? Nếu chúng ta có thể xác định điều này, chúng ta sẽ có một dấu mốc. Nguyên tử của chất liệu có đại diện cho chiều thứ nhất không? Con người có đại diện cho chiều thứ hai không? Một Hành Tinh Thượng Đế có đại diện cho chiều thứ ba không? Một Thái dương Thượng đế có đại diện cho chiều thứ tư không?

50. Or should the dimensions be considered strictly in relation to planes? Would we begin with a sub-sub-plane and from that level begin increasing sizes to a subplane, a systemic plane, a cosmic plane, a super-cosmic plane, etc., or would we begin simply with a systemic plane? These are questions which we are in no position to answer at this time.

50. Hay các chiều nên được xét hoàn toàn trong tương quan với các cõi? Chúng ta sẽ bắt đầu với một cõi phụ-phụ và từ cấp độ đó bắt đầu tăng dần kích thước lên một cõi phụ, một cõi hệ thống, một cõi vũ trụ, một cõi siêu vũ trụ, v.v., hay chúng ta sẽ bắt đầu đơn giản với một cõi hệ thống? Đây là những câu hỏi mà hiện nay chúng ta không ở vị thế để trả lời.

51. Of course, within *any* system (holographically considered) there could also be ten dimensions—representative of the Tree of Life. So there may be concrete applications of this ten-dimension idea as well as the ultimate universal application.

51. Dĩ nhiên, bên trong *bất kỳ* hệ thống nào (được xét theo toàn ảnh), cũng có thể có mười chiều—đại diện cho Cây Sự Sống. Vì vậy có thể có những ứng dụng cụ thể của ý tưởng mười chiều này cũng như ứng dụng vũ trụ tối hậu.

These in their cyclic turn hold in their spheres of force other and lesser wheels.

Đến lượt mình, những bánh xe này trong vòng quay chu kỳ của chúng giữ trong các khối cầu mãnh lực của chúng những bánh xe khác và nhỏ hơn.

52. It seems that wheels of the major ten dimensions have within themselves lesser wheels which might be called 'sub-dimensional wheels'.

52. Dường như các bánh xe của mười chiều lớn tự chúng chứa những bánh xe nhỏ hơn có thể được gọi là 'các bánh xe dưới-chiều'.

53. Therefore, only certain wheels are considered representative of the ten dimensions of cosmos. Yet there are many other wheels. Who knows how many lesser wheels may be contained in each of the major dimensions of cosmos?

53. Vì vậy, chỉ một số bánh xe nhất định mới được xem là đại diện cho mười chiều của vũ trụ. Tuy nhiên còn có nhiều bánh xe khác. Ai biết được có bao nhiêu bánh xe nhỏ hơn có thể được chứa trong mỗi chiều lớn của vũ trụ?

Yet many suns compose the cosmic One.

Tuy vậy nhiều mặt trời hợp thành Đấng Duy Nhất vũ trụ.

54. Notice here the use of the term “cosmic One”. This establishes that the term “cosmic” is entirely flexible, for we are far, far beyond anything we might name as the *conventional* "One About Whom Naught May Be Said"—considering Him (as I think there is a tendency to do mistakenly, as the only Being to which the term “Cosmic Logos” *must* apply). Of course, as I have stated, philosophically, the "One About Whom Naught May Be Said" could be a Galactic Logos, OR, ultimately, it could be, with greatest philosophical accuracy, the ABSOLUTE, the ABSOLUTE INFINITUDE, the NAMELESS ONE, about WHOM, literally, *naught* can be said!

54. Hãy lưu ý ở đây việc dùng thuật ngữ “Đấng Duy Nhất vũ trụ”. Điều này xác lập rằng thuật ngữ “vũ trụ” hoàn toàn linh hoạt, vì chúng ta đang ở rất, rất xa vượt ngoài bất cứ điều gì chúng ta có thể gọi là *thông thường* "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—nếu xét Ngài (như tôi nghĩ có một khuynh hướng sai lầm là làm như vậy) như Hữu thể duy nhất mà thuật ngữ “Vũ Trụ Thượng đế” *phải* áp dụng. Dĩ nhiên, như tôi đã nói, về mặt triết học, "Đấng Bất Khả Tư Nghị" có thể là một Thiên Hà Thượng đế, HOẶC, rốt ráo hơn, với độ chính xác triết học lớn nhất, có thể là TUYỆT ĐỐI, VÔ HẠN TUYỆT ĐỐI, ĐẤNG VÔ DANH, về ĐẤNG ấy, theo nghĩa đen, *không điều gì* có thể được nói ra!

55. So when we speak of a “Cosmic Logos” it does not seem justified to me to attach that name *solely* to what we conventionally think of as a "One About Whom Naught May Be Said"—i.e., a Super-Cosmic Logos. The word “cosmic” is utterly flexible. Even our Planetary Logoi are considered *cosmic* Beings and so is our Solar Logos. I suggest that we do not become too concrete or fixed about the term “cosmic”.

55. Vì vậy khi chúng ta nói về một “Vũ Trụ Thượng đế”, đối với tôi dường như không chính đáng khi gắn danh xưng ấy *chỉ riêng* cho điều mà chúng ta thường nghĩ là một "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—tức là một Siêu Vũ Trụ Thượng đế. Từ “vũ trụ” hoàn toàn linh hoạt. Ngay cả các Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng được xem là các Hữu thể *vũ trụ* và Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng vậy. Tôi gợi ý rằng chúng ta đừng trở nên quá cụ thể hay cố định về thuật ngữ “vũ trụ”.

Wheels within wheels, spheres within spheres. Each pursues his course and attracts or rejects his brother, and yet cannot

Những bánh xe trong các bánh xe, những khối cầu trong các khối cầu. Mỗi cái theo đuổi lộ trình của mình và hút hoặc đẩy

escape from the encircling arms of the mother.

56. By the "mother" in this case, for me, the 'universally diversified Mulaprakriti' is suggested. We are dealing with the Law of Attraction universally applied.

57. The "Mother" embraces all B/beings of any kinds except for the Universal Spirit, Itself.

When the wheels of the fourth dimension, of which our sun is one

58. Now, suddenly, the whole scenario is collapsed down to intra-galactic matters. We have just made a huge level-leap. We can investigate this, but I do not think that only six more types of aggregations exist between our solar wheel, and the 'Ultimate Universal Wheel'. We need some astronomy here to discuss varieties of Sub-Universal Wheels leading progressively and sequentially to the 'Ultimate Universal Wheel'—i.e., varieties for which there presently exists evidence.

59. The addition of Constellational Wheels, Super-Constellational Wheels (of which the "One About Whom Naught May Be Said" could be one)—would take us already to a sixth dimension, and so I think it can be clearly seen, that if we proceed in *this* manner we will not even go beyond our galaxy before the 10th dimension (calculated in this manner) is reached.

60. This being the case, it seems clear that a dimensional model of cosmos relating categories of planes to the ten dimensions is the best model. With this type of model,

huynh đệ của mình, nhưng vẫn không thể thoát khỏi vòng tay bao bọc của người mẹ.

56. Với tôi, "người mẹ" trong trường hợp này gợi ý 'Mulaprakriti được biến phân một cách phổ quát'. Chúng ta đang đề cập đến Định luật Hấp Dẫn được áp dụng một cách phổ quát.

57. "Người Mẹ" ôm trọn mọi hữu thể thuộc bất kỳ loại nào ngoại trừ chính Tinh thần Vũ Trụ.

Khi những bánh xe của chiều thứ tư, mà mặt trời của chúng ta là một trong số đó

58. Giờ đây, đột nhiên, toàn bộ bối cảnh được thu gọn xuống các vấn đề nội thiên hà. Chúng ta vừa thực hiện một bước nhảy cấp độ rất lớn. Chúng ta có thể khảo sát điều này, nhưng tôi không nghĩ rằng chỉ có thêm sáu loại tập hợp nữa tồn tại giữa bánh xe mặt trời của chúng ta và 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'. Chúng ta cần một ít thiên văn học ở đây để bàn về các loại Bánh Xe Dưới-Vũ Trụ dần dần dần và tuần tự đến 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'—tức là những loại mà hiện nay đã có bằng chứng tồn tại.

59. Việc cộng thêm các Bánh Xe Chòm Sao, các Bánh Xe Siêu-Chòm Sao (trong đó "Đấng Bất Khả Tư Nghị" có thể là một)—đã đưa chúng ta đến chiều thứ sáu, và vì vậy tôi nghĩ có thể thấy rõ rằng, nếu chúng ta tiếp tục theo *cách* này thì chúng ta thậm chí sẽ chưa vượt ra ngoài thiên hà của mình trước khi đạt đến chiều thứ 10th (được tính theo cách này).

60. Vì là như vậy, dường như rõ ràng rằng một mô hình chiều kích của vũ trụ liên hệ các phạm trù cõi với mười chiều là mô hình tốt nhất. Với loại mô hình này, chỉ một vài

only a few of the very many types of wheels will be considered representative of the ten major dimensions.

trong rất nhiều loại bánh xe sẽ được xem là đại diện cho mười chiều chính.

61. The major representative of any dimension will always have as a plane of expression the atomic subplane of a series of seven subplanes.

61. Đại diện chính của bất kỳ chiều nào cũng sẽ luôn có cõi biểu hiện là cõi phụ nguyên tử của một chuỗi bảy cõi phụ.

62. It behooves us to be humble in the face of these huge aggregations or 'constellations' (generically considered). We have to remember that there are Beings (not necessarily the greatest 'Archetypal Universal Beings'—such as the Universal Twelve, or the Universal Seven) in relation to which our Solar Logos is simply as a "crystal" or a "cell". We cannot pontificate about the nature of the Universe. If DK tells us that it is "wasted energy" to speculate about the (conventional) "One About Whom Naught May Be Said" (a Being, great to us but tiny on the universal scale), then it would be quite ridiculous to think that we could know anything about Occult Universal Structure of those Great 'Constellations' in relation to which our entire galaxy could be considered but a 'cell'.

62. Chúng ta cần phải khiêm tốn trước những tập hợp hay "chòm sao" khổng lồ này (xét một cách tổng quát). Chúng ta phải nhớ rằng có những Đấng (không nhất thiết là những 'Đấng Vũ Trụ Nguyên Mẫu' vĩ đại nhất—như Bộ Mười Hai Vũ Trụ, hay Bộ Bảy Vũ Trụ) mà trong tương quan với Các Ngài, Thái dương Thượng đế của chúng ta chỉ đơn giản như một "tinh thể" hay một "tế bào". Chúng ta không thể lớn tiếng phán định về bản chất của Vũ Trụ. Nếu Chân sư DK bảo chúng ta rằng việc suy đoán về "Đấng Bất Khả Tư Nghị" (theo nghĩa quy ước) là "năng lượng bị lãng phí" (một Đấng vĩ đại đối với chúng ta nhưng nhỏ bé trên quy mô vũ trụ), thì quả thật hết sức lố bịch nếu nghĩ rằng chúng ta có thể biết điều gì đó về Cấu Trúc Vũ Trụ Huyền Bí của những 'Chòm Sao' vĩ đại ấy, mà trong tương quan với chúng, toàn bộ thiên hà của chúng ta chỉ có thể được xem như một 'tế bào'.

63. The danger is that the mind can go anywhere and feel very good about itself, and yet we have not even controlled our astral bodies! Nor filled our minds with love! Nor become soul-infused! So—we are in the midst of a huge joke (albeit an irresistible one) if we really think we can talk about these subjects with occult or scientific accuracy. Yet we persist, as the flea yearns to know something about the purposes of the Solar Logos.

63. Điều nguy hiểm là trí tuệ có thể đi đến bất cứ đâu và cảm thấy rất hài lòng về chính nó, thế mà chúng ta thậm chí còn chưa kiểm soát được các thể cảm dục của mình! Cũng chưa làm cho trí tuệ mình tràn đầy bác ái! Cũng chưa trở nên được linh hồn thấm nhuần! Vì vậy—chúng ta đang ở giữa một trò đùa lớn lao (dù là một trò đùa không thể cưỡng lại) nếu thật sự nghĩ rằng mình có thể nói về những chủ đề này với sự chính xác huyền bí hay khoa học. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cứ tiếp tục, như con bọ chét khao khát

biết điều gì đó về các mục đích của Thái dương Thượng đế.

and all that is of lesser force and higher number, such as the eighth and ninth degrees,

và tất cả những gì có mãnh lực nhỏ hơn và số lượng cao hơn, như các cấp độ thứ tám và thứ chín,

64. A very interesting hint about numbers used to classify potency. For instance, Betelgeuse is a Solar Logos of the second order and Sol of the fourth.

64. Một gợi ý rất thú vị về các con số được dùng để phân loại mức độ mãnh lực. Chẳng hạn, Betelgeuse là một Thái dương Thượng đế thuộc bậc thứ hai và Sol thuộc bậc thứ tư.

65. From this perspective, the higher the order number, the lesser the force of the Being involved.

65. Từ góc nhìn này, số bậc càng cao thì mãnh lực của Đấng liên hệ càng nhỏ hơn.

66. It might be advisable to think that if our Sun is of the fourth order and is to be considered a wheel of the fourth dimension, we have to ask, "Within what type of system of dimensions is our Sun a representative of the fourth dimension?" Is such a system galactic, super-galactic, etc., or is it the 'Ultimate System?

66. Có lẽ nên nghĩ rằng nếu Mặt Trời của chúng ta thuộc bậc thứ tư và được xem là một bánh xe của chiều thứ tư, thì chúng ta phải hỏi: "Trong loại hệ thống chiều kích nào Mặt Trời của chúng ta là đại diện cho chiều thứ tư?" Hệ thống ấy là thiên hà, siêu thiên hà, v.v., hay là 'Hệ Tối Hậu'?

67. It may be the case that within every major dimensional wheel, there are ten subsidiary wheels. We are asking then, "Within what type of Wheel is our Sun a representative of the fourth dimension?" This is no small question.

67. Có thể là trong mỗi bánh xe chiều kích chính đều có mười bánh xe phụ. Khi ấy chúng ta đang hỏi: "Trong loại Bánh Xe nào Mặt Trời của chúng ta là đại diện cho chiều thứ tư?" Đây không phải là một câu hỏi nhỏ.

68. The words "eighth and ninth degrees" are problematic. Usually as the number or the "degree" rises, the power of the Being concerned rises.

68. Các từ "cấp độ thứ tám và thứ chín" là điều có vấn đề. Thông thường, khi con số hay "cấp độ" tăng lên, quyền năng của Đấng liên hệ cũng tăng lên.

69. Perhaps, then, we will have to focus on the meaning of "lesser force". Can it suggest that Beings of the eighth or ninth degrees have lesser *force* within the lower worlds but much greater *energy* within the higher worlds?

69. Có lẽ, vậy thì, chúng ta sẽ phải tập trung vào ý nghĩa của "mãnh lực nhỏ hơn". Liệu điều đó có thể gợi ý rằng các Đấng ở cấp độ thứ tám hay thứ chín có *mãnh lực* nhỏ hơn trong các cõi thấp nhưng lại có *năng lượng* lớn hơn rất nhiều trong các cõi cao chăng?

turn upon themselves, devour each other, and turn and rend their mother, then will the cosmic wheel be ready for a faster revolution."

quay vào chính mình, nuốt chửng lẫn nhau, rồi quay lại xé nát mẹ mình, khi ấy bánh xe vũ trụ sẽ sẵn sàng cho một cuộc xoay chuyển nhanh hơn."

70. In *this* case, the Cosmic Wheel *could* be the galaxy. It is hard to conceive that the 'Ultimate Universal Wheel' turns more than *once.* As we have just been told:

70. Trong *trường hợp* này, Bánh Xe Vũ Trụ *có thể* là thiên hà. Thật khó hình dung rằng 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu' lại quay nhiều hơn *một lần.* Như chúng ta vừa được cho biết:

"The one wheel turns. One turn alone is made...

"Bánh xe duy nhất quay. Chỉ một vòng quay được thực hiện...

71. The process of *devouring* each other is related to the stages of obscuration, synthesis and absorption.

71. Tiến trình *nuốt chửng* lẫn nhau có liên hệ với các giai đoạn mờ khuất, tổng hợp và hấp thụ.

72. Each B/being has a "mother" which is but an aspect of the 'One Universal Mother'. To 'rend the mother' signifies the destruction of the form which encapsulates the subtle principles and the volatile essence, and the subsequent escape of those subtle principles and that volatile essence into a greater, synthesizing sphere.

72. Mỗi Đ/đấng đều có một "người mẹ", mà chỉ là một phương diện của 'Người Mẹ Vũ Trụ Duy Nhất'. "Xé nát người mẹ" biểu thị sự hủy diệt hình tướng bao bọc các nguyên khí vi tế và tinh chất dễ bay hơi, cùng sự thoát ra sau đó của các nguyên khí vi tế ấy và tinh chất dễ bay hơi ấy vào một khối cầu tổng hợp lớn hơn.

73. We must be aware that DK or the writer of the Old Commentary in this case, slides between levels, just as H.P.B. seems to do in *The Secret Doctrine*. The student must be very alert to see when the level discussed is changed.

73. Chúng ta phải ý thức rằng Chân sư DK hay tác giả của Cổ Luận trong trường hợp này chuyển trượt giữa các cấp độ, cũng như H.P.B. dường như làm trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*. Đạo sinh phải hết sức tỉnh táo để nhận ra khi nào cấp độ đang được bàn đến đã thay đổi.

74. He did this when He began to talk of the "wheel of the fourth dimension". Suddenly we were out of the context of the 'Ultimate Universal Wheel'.

74. Ngài đã làm điều này khi Ngài bắt đầu nói về "bánh xe của chiều thứ tư". Đột nhiên chúng ta đã ra khỏi ngữ cảnh của 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'.

It will, therefore, be apparent that the power of man to conceive of these whirling constellations,

Do đó, sẽ rõ ràng rằng năng lực của con người trong việc hình dung các chòm sao xoay chuyển này,

75. DK seems to pointing to the rotational and revolutionary movements of constellations of all kinds.

75. Chân sư DK dường như đang chỉ đến các chuyển động quay tròn và tuần hoàn của mọi loại chòm sao.

to measure their interaction, and to realise their essential unity is not as yet great enough.

đo lường sự tương tác của chúng, và chứng nghiệm sự hợp nhất cốt yếu của chúng vẫn chưa đủ lớn.

76. Again, a magnificent understatement!

76. Lại thêm một cách nói giảm tuyệt vời!

77. Perhaps, even in the case of the Masters, the ability to measure such interaction is "not yet great enough".

77. Có lẽ, ngay cả trong trường hợp các Chân sư, khả năng đo lường sự tương tác như thế cũng "chưa đủ lớn".

We are told that even to the [Page 1085] liberated Dhyan Chohan the mystery of that which lies beyond his own solar Ring-Pass-Not is hid.

Chúng ta được bảo rằng ngay cả đối với vị [Page 1085] Dhyan Chohan đã được giải thoát, huyền nhiệm của điều nằm vượt quá vòng-giới-hạn thái dương của chính ngài vẫn bị che giấu.

78. Shall we pause for a moment of humility, or shall we debate strenuously over what is hidden to "liberated Dhyan Chohans"? Who are these "liberated Dhyan Chohans"? Initiates of the sixth degree?; of the seventh?; initiates beyond? We are *not* They, and so any pontificating about that which lies beyond our "solar Ring Pass-Not" is pure folly, though fascinating to contemplate.

78. Chúng ta sẽ dừng lại một lúc trong sự khiêm tốn, hay sẽ tranh luận quyết liệt về điều bị che giấu đối với "các Dhyan Chohan đã được giải thoát"? Những "Dhyan Chohan đã được giải thoát" này là ai? Các điểm đạo đồ cấp sáu chăng?; cấp bảy chăng?; hay các điểm đạo đồ vượt cao hơn? Chúng ta *không* phải là Các Ngài, và vì vậy mọi sự lớn tiếng phán định về điều nằm vượt quá "vòng-giới-hạn thái dương" của chúng ta đều là sự điên rồ thuần túy, dù rất hấp dẫn để chiêm ngưỡng.

Certain influences indicate to Him

79. It seems that Master DK is speaking of the perceptions of a liberated Dhyan Chohan.

80. We notice that Master DK is capitalizing the word “Him”, indicating a Being of very great stature, *and* the limitations of knowledge to which such a Being is subject.

and certain lines of force demonstrate to Him the fact that some constellations are knit with His system

81. Remember the generic quality of the word “system”. It is like the word “constellation”—utterly protean, and the sooner we get used to the uncomfortable idea that we are dealing with slippery terms, the less foolishly rigid we will become. Can you imagine how the experts in Hierarchy look at our calculations when DK implored us not to make any calculations at all because too little is known?

I would conjure students here to refrain from attempting (in years to come) to form cyclic computations of any kind, for as yet the many constellations which exist only in physical matter of an etheric nature are unknown and unseen. Yet they are potent in influence and until etheric vision is developed, all calculations will be full of error. **It suffices for man as yet to master his own dharma, to fulfil group karma, and to dominate what is called "his stars.**" (TCF 1058)

Một số ảnh hưởng chỉ cho Ngài biết

79. Dường như Chân sư DK đang nói về các tri giác của một Dhyan Chohan đã được giải thoát.

80. Chúng ta nhận thấy Chân sư DK viết hoa từ “Ngài”, cho thấy một Đấng có tầm vóc rất lớn, *và* những giới hạn của tri thức mà một Đấng như vậy vẫn phải chịu.

và một số đường mãnh lực chứng minh cho Ngài sự kiện rằng một số chòm sao được kết dệt với hệ thống của Ngài

81. Hãy nhớ phẩm tính tổng quát của từ “hệ thống”. Nó giống như từ “chòm sao”—hoàn toàn biến hóa, và chúng ta càng sớm quen với ý tưởng không mấy dễ chịu rằng mình đang xử lý những thuật ngữ trơn tuột, thì chúng ta sẽ càng bớt cứng nhắc một cách ngớ ngẩn. Các bạn có thể hình dung các chuyên gia trong Thánh Đoàn nhìn các phép tính của chúng ta như thế nào khi Chân sư DK đã khẩn khoản bảo chúng ta đừng thực hiện bất kỳ phép tính nào cả vì biết quá ít chăng?

Tôi muốn khẩn thiết yêu cầu các đạo sinh ở đây đừng cố gắng (trong những năm sắp tới) hình thành các phép tính chu kỳ dưới bất kỳ hình thức nào, vì hiện nay nhiều chòm sao chỉ tồn tại trong vật chất hồng trần có bản chất dĩ thái vẫn chưa được biết đến và chưa được thấy. Tuy nhiên, chúng có ảnh hưởng mạnh mẽ, và cho đến khi linh thị dĩ thái được phát triển, mọi phép tính đều sẽ đầy sai lầm. **Hiện nay, đối với con người, chỉ cần làm chủ chính dharma của mình, hoàn thành nghiệp quả nhóm, và chế ngự điều được gọi là "các ngôi sao của mình".**" (TCF 1058)

82. Yet, we persist, as we seem fated to do—to calculate and compute. But let us not think we have spoken the last word on the greater universal structures and the dynamics of those structures.

82. Tuy nhiên, chúng ta vẫn cứ tiếp tục, dường như do số phận thúc đẩy—tính toán và đo đếm. Nhưng đừng nghĩ rằng chúng ta đã nói lời cuối cùng về các cấu trúc vũ trụ lớn hơn và động lực học của những cấu trúc ấy.

in a close and corporate union. We know that the Great Bear, the Pleiades, Draco or the Dragon are in some way associated **with the solar system** but as yet He knows not their function nor the nature of the other constellations.

trong một sự hợp nhất chặt chẽ và tập thể. Chúng ta biết rằng Đại Hùng Tinh, Pleiades, Draco hay Rồng bằng cách nào đó có liên hệ **với hệ mặt trời** nhưng hiện nay Ngài chưa biết chức năng của chúng cũng như bản chất của các chòm sao khác.

83. We are speaking of the limitations of knowledge which characterize a liberated Dhyan Chohan.

83. Chúng ta đang nói về những giới hạn tri thức vốn đặc trưng cho một Dhyan Chohan đã được giải thoát.

84. These are the constellations familiar to us when we think about the 'Members' (as chakras and principles) of our local "One About Whom Naught May Be Said". In this case the term "solar system" can mean exactly that—a one-Sun solar system, or it could include the system of the Cosmic Logos (of the first order—and such exist, TCF 292-293) in which our one-Sun solar system is but a part—a seventh part of its major structure.

84. Đây là những chòm sao quen thuộc với chúng ta khi nghĩ về các 'Thành Viên' (như các luân xa và các nguyên khí) của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta. Trong trường hợp này, thuật ngữ "hệ mặt trời" có thể mang đúng nghĩa đó—một hệ mặt trời một Mặt Trời, hoặc nó có thể bao gồm hệ thống của Đấng Vũ Trụ Thượng đế (thuộc bậc thứ nhất—và những Đấng như vậy có tồn tại, TCF 292-293) mà trong đó hệ mặt trời một Mặt Trời của chúng ta chỉ là một phần—một phần bảy của cấu trúc chính của Ngài.

85. DK seems to be telling us that even the liberated Dhyan Chohan does not know the function of the Great Bear, the Pleiades, and Draco. (Do *we*, then, think we do?)

85. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng ngay cả Dhyan Chohan đã được giải thoát cũng không biết chức năng của Đại Hùng Tinh, Pleiades và Draco. (Vậy thì *chúng ta* có nghĩ mình biết không?)

86. He is also saying that other constellations are associated with our "solar system", but that the liberated Dhyan Chohan does not know *which* constellations. Do we think *we* do?

86. Ngài cũng đang nói rằng các chòm sao khác có liên hệ với "hệ mặt trời" của chúng ta, nhưng Dhyan Chohan đã được giải thoát không biết đó là những chòm sao *nào*. Chúng ta có nghĩ rằng *mình* biết không?

It must also be remembered that the turning of our tiny systemic wheel,

Cũng phải nhớ rằng sự quay của bánh xe hệ thống nhỏ bé của chúng ta,

87. The "systemic wheel", in this instance, is probably the wheel of our one-Sun solar system.

87. "Bánh xe hệ thống", trong trường hợp này, có lẽ là bánh xe của hệ mặt trời một Mặt Trời của chúng ta.

and the revolution of a cosmic wheel

và cuộc tuần hoàn của một bánh xe vũ trụ

88. A "cosmic wheel" in this instance is probably wheel of a Cosmic Logos—a Being which has for its major chakras seven Solar Logoi.

88. Một "bánh xe vũ trụ" trong trường hợp này có lẽ là bánh xe của một Đấng Vũ Trụ Thượng đế—một Đấng có bảy Thái dương Thượng đế làm các luân xa chính của Ngài.

can be hastened, or retarded, by influences emanating from unknown or unrealised constellations whose association with a systemic or a cosmic Logos is as mysterious relatively as the effect individuals have upon each other in the human family.

có thể được thúc nhanh, hoặc bị trì hoãn, bởi các ảnh hưởng phát ra từ những chòm sao chưa biết hoặc chưa được chứng nghiệm, mà sự liên hệ của chúng với một Thượng đế hệ thống hay một Đấng Vũ Trụ Thượng đế cũng huyền nhiệm một cách tương đối như ảnh hưởng mà các cá nhân tác động lên nhau trong gia đình nhân loại.

89. Here we are saying that a systemic wheel can be affected by other known and unknown systemic wheels and by cosmic wheels (or even greater wheels). We are also suggesting that cosmic wheels can be affected by other known and unknown cosmic wheels (and even greater wheels). As well, it is possible that cosmic wheels can be affected by systemic wheels which are lesser in scope than cosmic wheels.

89. Ở đây chúng ta đang nói rằng một bánh xe hệ thống có thể bị ảnh hưởng bởi các bánh xe hệ thống khác đã biết và chưa biết, và bởi các bánh xe vũ trụ (hay thậm chí các bánh xe lớn hơn nữa). Chúng ta cũng đang gợi ý rằng các bánh xe vũ trụ có thể bị ảnh hưởng bởi các bánh xe vũ trụ khác đã biết và chưa biết (và cả những bánh xe lớn hơn nữa). Đồng thời, cũng có thể các bánh xe vũ trụ bị ảnh hưởng bởi các bánh xe hệ thống có phạm vi nhỏ hơn bánh xe vũ trụ.

90. Even the greatest Intelligences on Earth do not know all of these various causal relationships.

90. Ngay cả những Trí Tuệ vĩ đại nhất trên Trái Đất cũng không biết tất cả những quan hệ nhân quả đa dạng này.

This effect is hidden in logoic karma and is **beyond the ken of man.**

Hiệu ứng này được che giấu trong nghiệp quả logoi và **vượt ngoài tầm hiểu biết của con người.**

91. We read the words, "beyond the ken of man". In this case we are probably not speaking of the influences of the 'Ultimate Universal Wheel', but maximally of a galaxy and probably of lesser "cosmic wheels"—yes, all of them *cosmic wheels*, existing *beyond* our solar system—"cosmic" in that sense.

91. Chúng ta đọc những lời, "vượt ngoài tầm hiểu biết của con người". Trong trường hợp này, có lẽ chúng ta không nói về các ảnh hưởng của 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu', mà tối đa là của một thiên hà và có lẽ của những "bánh xe vũ trụ" nhỏ hơn—đúng vậy, tất cả chúng đều là *bánh xe vũ trụ*, tồn tại *vượt ra ngoài* hệ mặt trời của chúng ta—"vũ trụ" theo nghĩa đó.

92. DK is suggesting that our little systemic wheel (much smaller than the Systemic Wheels listed a little way down the page) can be influenced by Beings much greater than Cosmic Logoi (however we choose to conceive of Cosmic Logoi).

92. Chân sư DK đang gợi ý rằng bánh xe hệ thống nhỏ bé của chúng ta (nhỏ hơn rất nhiều so với các Bánh Xe Hệ Thống được liệt kê ở phía dưới trang một chút) có thể bị ảnh hưởng bởi những Đấng lớn hơn rất nhiều so với các Đấng Vũ Trụ Thượng đế (dù chúng ta chọn hình dung các Đấng Vũ Trụ Thượng đế như thế nào).

93. I maintain here that the term "cosmic" applies to multiple kinds of extra-systemic wheels. Our Solar Logos is *not* a Cosmic Logos, and the chakras of a Cosmic Logos consist of solar systems. I believe we must proceed incrementally with no gaps if possible. Thus my sequential and incremental treatment of the Tabulation on TCF 293 (well prepared by DK's discussion on TCF 292)

93. Ở đây tôi khẳng định rằng thuật ngữ "vũ trụ" áp dụng cho nhiều loại bánh xe ngoài-hệ-thống. Thái dương Thượng đế của chúng ta *không* phải là một Đấng Vũ Trụ Thượng đế, và các luân xa của một Đấng Vũ Trụ Thượng đế gồm các hệ mặt trời. Tôi tin rằng chúng ta phải tiến hành từng bước, nếu có thể thì không để khoảng trống nào. Vì thế mới có cách tôi xử lý tuần tự và tăng tiến Bảng Tổng Kết ở TCF 293 (được chuẩn bị kỹ bởi phần thảo luận của Chân sư DK ở TCF 292)

The wheels in order of their importance might be enumerated as follows:

Các bánh xe theo thứ tự quan trọng của chúng có thể được liệt kê như sau:

The wheel of the universe, or the sumtotal of all stars and starry systems.

94. I call this the 'Ultimate Universal Wheel. BUT, let us be careful because sometimes the term "universe" or "universal" can apply even to a solar system.

"**When our solar universe came into being,** we are told in the allegorical language of the ancient scriptures, there "was war in Heaven"; "the sun and his seven brothers" did not function with true unanimity; hence (and herein lies a hint) our Earth is not one of the seven sacred planets. (EP I 394)

"This "fall of the angels" was a tremendous event in the history of our planet, but was nevertheless only a passing and interesting phenomenon in the history of the solar system, and **a trifling incident in the affairs of the seven constellations, of which our solar system is but one.** Pause and consider this statement for a moment, and so readjust your sense of values. The standard of happenings varies in importance according to the angle of vision, and what (from the angle of our Earth's unfoldment in consciousness) may be a factor of prime importance and of determining value may (from the angle of the universe) be of trifling moment. (EP I 395)

95. The mutability of the term "solar system" is evident above. In my view, DK can easily call "solar systems" as "constellations" because a constellation is a *system* of *solar* stars, and He can easily call "constellations" "solar systems", because in a solar system, a number of heavenly bodies are 'constellated' together.

Bánh xe của vũ trụ, hay tổng thể của mọi ngôi sao và các hệ sao.

94. Tôi gọi đây là 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'. NHƯNG, hãy cẩn thận vì đôi khi thuật ngữ "vũ trụ" hay "phổ quát" có thể áp dụng ngay cả cho một hệ mặt trời.

"**Khi vũ trụ thái dương của chúng ta đi vào hiện hữu,** như chúng ta được kể bằng ngôn ngữ ngụ ngôn của các thánh thư cổ xưa, đã có "chiến tranh trên Thiên Đàng"; "mặt trời và bảy huynh đệ của nó" đã không vận hành trong sự nhất trí chân thực; vì thế (và chính trong đây có một gợi ý) Trái Đất của chúng ta không phải là một trong bảy hành tinh thiêng liêng. (EP I 394)

"Sự "sa ngã của các thiên thần" này là một biến cố to lớn trong lịch sử hành tinh của chúng ta, nhưng tuy vậy chỉ là một hiện tượng thoáng qua và thú vị trong lịch sử của hệ mặt trời, và **là một sự cố nhỏ nhặt trong công việc của bảy chòm sao, mà hệ mặt trời của chúng ta chỉ là một trong số đó.** Hãy dừng lại và suy xét phát biểu này trong chốc lát, rồi điều chỉnh lại ý thức về giá trị của bạn. Chuẩn mực của các biến cố thay đổi về tầm quan trọng tùy theo góc độ tầm nhìn, và điều gì (xét từ góc độ sự khai mở tâm thức của Trái Đất chúng ta) có thể là một yếu tố quan trọng hàng đầu và có giá trị quyết định, thì lại có thể (xét từ góc độ của vũ trụ) chỉ là điều nhỏ nhặt. (EP I 395)

95. Tính biến đổi của thuật ngữ "hệ mặt trời" hiển nhiên trong đoạn trên. Theo quan điểm của tôi, Chân sư DK hoàn toàn có thể gọi "các hệ mặt trời" là "các chòm sao" vì một chòm sao là một *hệ thống* các sao *thái dương*, và Ngài cũng có thể dễ dàng gọi "các chòm sao" là "các hệ mặt trời", vì trong một hệ mặt trời,

một số thiên thể được ‘kết chòm’ lại với nhau.

96. This means that the term “our solar system” can mean precisely our one-Sun solar system, or it can also mean the ‘system of seven solar systems which together form the constellation of a Cosmic Logos’. I know this is a disputed point, but anyone who thinks that DK is rigid in His terminology has not carefully compared a sufficient number of references using the same or similar terms.

96. Điều này có nghĩa là thuật ngữ “hệ mặt trời của chúng ta” có thể chỉ chính xác hệ mặt trời một Mặt Trời của chúng ta, hoặc cũng có thể chỉ ‘hệ thống gồm bảy hệ mặt trời cùng nhau tạo thành chòm sao của một Đấng Vũ Trụ Thượng đế’. Tôi biết đây là một điểm còn tranh cãi, nhưng bất cứ ai nghĩ rằng Chân sư DK cứng nhắc trong thuật ngữ của Ngài thì chưa đối chiếu cẩn thận đủ số lượng các tham chiếu dùng cùng hay những thuật ngữ tương tự.

97. It behooves us to contemplate the term, the "Wheel of the Universe". It is far more than the wheel of a solar system. In fact, it is the largest of all possible wheels.

97. Chúng ta cần chiêm ngưỡng thuật ngữ “Bánh Xe của Vũ Trụ”. Nó lớn hơn rất nhiều so với bánh xe của một hệ mặt trời. Thật vậy, đó là bánh xe lớn nhất trong mọi bánh xe có thể có.

98. If by the "Wheel of the Universe" means only our ‘Galactic Wheel’, then a very huge occult blind is in effect.

98. Nếu “Bánh Xe của Vũ Trụ” chỉ có nghĩa là ‘Bánh Xe Thiên Hà’ của chúng ta, thì một màn che huyền bí rất lớn đang có hiệu lực.

A cosmic wheel, or a group of seven constellations. These are grouped according to:

Một bánh xe vũ trụ, hay một nhóm bảy chòm sao. Chúng được nhóm lại theo:

99. If we are not to jump from the Ultimate Universal Wheel to a relatively tiny wheel of a "One About Whom Naught May Be Said" in our galaxy (skipping the galactic level altogether), then this “cosmic wheel” is *minimally* a galactic wheel, and I would not be surprised if it is not *a still larger structure*, because galaxies, themselves are members of “families” and other still greater groups. The Logoi manifesting through these huge galactic aggregations or ‘constellations’ *should not be skipped.*

99. Nếu chúng ta không nhảy từ Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu xuống một bánh xe tương đối nhỏ bé của một “Đấng Bất Khả Tư Nghị” trong thiên hà của chúng ta (bỏ qua hẳn cấp độ thiên hà), thì “bánh xe vũ trụ” này *ít nhất* là một bánh xe thiên hà, và tôi sẽ không ngạc nhiên nếu nó không phải là *một cấu trúc còn lớn hơn nữa*, vì bản thân các thiên hà cũng là thành viên của các “gia đình” và những nhóm còn lớn hơn nữa. Các Thượng đế biểu hiện qua những tập hợp thiên hà hay ‘chòm sao’ khổng lồ này *không nên bị bỏ qua.*

100. So we see the ambiguity of the term "cosmic wheel". In one respect, and most often, it means the wheel of a Cosmic Logos (a Being with either seven suns as its major chakras, or in some instances, seven seven-sunned constellations as its chakras). BUT, the term "cosmic wheel" can also indicate a far greater structure—even a super-galactic structure.

100. Vì vậy chúng ta thấy tính mơ hồ của thuật ngữ "bánh xe vũ trụ". Ở một phương diện, và thường là như vậy, nó có nghĩa là bánh xe của một Đấng Vũ Trụ Thượng đế (một Đấng có hoặc bảy mặt trời làm các luân xa chính của mình, hoặc trong một số trường hợp là bảy chòm sao bảy-mặt-trời làm các luân xa). NHƯNG, thuật ngữ "bánh xe vũ trụ" cũng có thể chỉ một cấu trúc lớn hơn rất nhiều—thậm chí là một cấu trúc siêu thiên hà.

101. Usually a "cosmic wheel" (being the vehicle of a Cosmic Logos) is well within a galaxy. I am suggesting, however, that the term "cosmic wheel" could indicate the wheel of a Galactic Logos or the wheel of a Being even greater.

101. Thông thường một "bánh xe vũ trụ" (là vận cụ của một Đấng Vũ Trụ Thượng đế) nằm hoàn toàn trong một thiên hà. Tuy nhiên, tôi đang gợi ý rằng thuật ngữ "bánh xe vũ trụ" có thể chỉ bánh xe của một Thiên Hà Thượng đế hay bánh xe của một Đấng còn lớn hơn nữa.

102. This point of view could, I know, be disputed by some, but I think it is logical in this context.

102. Tôi biết quan điểm này có thể bị một số người tranh luận, nhưng tôi nghĩ nó hợp lý trong ngữ cảnh này.

103. The "constellations" in which a "cosmic wheel" is divided, must be immense structures—whether intra-galactic, galactic or super-galactic ('level' of these seven constellations will depend upon our determination of the nature of a "cosmic wheel").

103. Các "chòm sao" mà một "bánh xe vũ trụ" được phân chia thành phải là những cấu trúc mênh mông—dù là nội thiên hà, thiên hà hay siêu thiên hà ('cấp độ' của bảy chòm sao này sẽ tùy thuộc vào việc chúng ta xác định bản chất của một "bánh xe vũ trụ").

a. Their magnitude,

a. Độ lớn của chúng,

b. Their vibration,

b. Rung động của chúng,

c. Their colour,

c. Màu sắc của chúng,

d. Their influence upon each other.

d. Ảnh hưởng của chúng lên nhau.

104. Minimally DK is, in my view, speaking of the magnitude, vibration, color and

104. Theo quan điểm của tôi, ít nhất Chân sư DK đang nói về độ lớn, rung động, màu sắc

mutual influence of the systems of Galactic Logoi—and he could be referencing even greater Logoi and Their super-galactic systems. But we cannot know this.

và ảnh hưởng hỗ tương của các hệ thống của các Thiên Hà Thượng đế—và Ngài thậm chí có thể đang ám chỉ những Thượng đế còn lớn hơn nữa cùng các hệ thống siêu thiên hà của Các Ngài. Nhưng chúng ta không thể biết điều này.

105. Let us pause to consider that these stupendous Logoi can be classified by the descriptors above.

105. Hãy dừng lại để suy xét rằng những Thượng đế kỳ vĩ này có thể được phân loại theo các mô tả trên.

106. This means, bring the matter as close to 'home' as possible, that the Logos of our Milky Way Galaxy has a certain galactic magnitude, a certain vibration to be compared with the vibrations of other Galactic Logoi, a certain colour and an influence upon other Galactic Logoi just as They influence Him.

106. Điều này có nghĩa là, đưa vấn đề đến gần 'nhà' nhất có thể, rằng Thượng đế của Thiên Hà Ngân Hà của chúng ta có một độ lớn thiên hà nhất định, một rung động nhất định để so sánh với các rung động của những Thiên Hà Thượng đế khác, một màu sắc nhất định và một ảnh hưởng lên các Thiên Hà Thượng đế khác cũng như Các Ngài ảnh hưởng lên Ngài.

107. In the case of our Milky Way Galaxy and the galaxy called Andromeda, we know they are rapidly approaching each other and can certainly be considered 'interactive' on the galactic level.

107. Trong trường hợp Thiên Hà Ngân Hà của chúng ta và thiên hà được gọi là Andromeda, chúng ta biết rằng chúng đang nhanh chóng tiến lại gần nhau và chắc chắn có thể được xem là 'tương tác' ở cấp độ thiên hà.

These cosmic wheel**s**, according to the esoteric books, are divided **into** forty-nine groups, each comprising millions of septenary constellations.

Những bánh xe vũ trụ**này**, theo các sách huyền bí, được phân chia **thành** bốn mươi chín nhóm, mỗi nhóm gồm hàng triệu chòm sao thất phân.

108. "Divided into" can mean the following:

108. "Phân chia thành" có thể có nghĩa như sau:

a. Subdivision: in this case, an original unit is definitely subdivided into lesser units.

a. Phân chia nhỏ: trong trường hợp này, một đơn vị ban đầu rõ ràng được phân chia thành các đơn vị nhỏ hơn.

b. Classification: Because used the plural "cosmic wheels" instead of the singular, "cosmic wheel", there is a possibility that the term "divided into" means "classified into". In other words, instead of one cosmic wheel being subdivided into forty-nine lesser groups, cosmic wheels themselves can be classified as of forty-nine types.

b. Phân loại: Vì dùng số nhiều "những bánh xe vũ trụ" thay vì số ít "bánh xe vũ trụ", nên có khả năng thuật ngữ "phân chia thành" có nghĩa là "được phân loại thành". Nói cách khác, thay vì một bánh xe vũ trụ được phân chia thành bốn mươi chín nhóm nhỏ hơn, thì chính các bánh xe vũ trụ có thể được phân loại thành bốn mươi chín loại.

c. The ambiguity arising from these two possibilities makes it difficult for us to pin-point the scope and status of a "cosmic wheel".

c. Sự mơ hồ phát sinh từ hai khả năng này khiến chúng ta khó xác định chính xác phạm vi và địa vị của một "bánh xe vũ trụ".

109. FIRST a "cosmic wheel" is divided into "seven constellations"—as we just learned above. This seems definitely to be *subdivision.*

109. TRƯỚC HẾT một "bánh xe vũ trụ" được phân chia thành "bảy chòm sao"—như chúng ta vừa biết ở trên. Điều này dường như rõ ràng là *sự phân chia nhỏ.*

110. But now something further is said suggesting that whatever we meant by "seven constellations" above, each of these seven must have many, many subsidiary "constellations" within each of them—probably at least a million. (Notice the various scopes which a term like "constellation" can represent.)

110. Nhưng giờ đây có điều gì đó được nói thêm, gợi ý rằng bất kể trước đó chúng ta hiểu "bảy chòm sao" theo nghĩa nào, thì mỗi một trong bảy chòm sao này phải có rất, rất nhiều "chòm sao" phụ bên trong—có lẽ ít nhất là một triệu. (Hãy lưu ý những phạm vi khác nhau mà một thuật ngữ như "chòm sao" có thể biểu thị.)

111. It seems most probable that, when speaking of "cosmic wheels", we are *minimally* speaking of Galactic Logoi. No other Being could be comprised of "millions of septenary constellations". This is far, far, far beyond the scope of any "One About Whom Naught May Be Said" of the kind usually mentioned by DK (though such a Being *could* very legitimately be thought of as manifesting through a "cosmic wheel"—

111. Dường như rất có khả năng là, khi nói về "những bánh xe vũ trụ", chúng ta *ít nhất* đang nói về các Thiên Hà Thượng đế. Không một Đấng nào khác có thể bao gồm "hàng triệu chòm sao thất phân". Điều này vượt xa, xa, xa phạm vi của bất kỳ "Đấng Bất Khả Tư Nghị" thông thường nào mà Chân sư DK thường nhắc đến (dù một Đấng như vậy *có thể* hoàn toàn chính đáng được nghĩ đến như đang biểu hiện qua một "bánh xe vũ trụ"—

given the more ordinary sense of the term "cosmic wheel")

112. As the term "divided into" is ambiguous, how we interpret it could have implications for our estimation of the scope of the Entities discussed.

a. One type of Cosmic Wheel *could* be of such scope that it contained forty-nine galaxies, or even forty-nine *groups* of galaxies. (We can assume that these "esoteric books" are all about the *real* Esoteric Astronomy.)

b. So if the Cosmic Wheels are structures larger than galaxies, the forty-nine groups could, each of them, be a galaxy or even a group of galaxies.

c. From another perspective, however, we could simply be speaking of a Cosmic Wheel as a *galaxy,* in which case, each of the forty-nine groups would be *intra-galactic* and would have millions of septenary constellations—a reasonable assumption. In this case the "forty-nine groups" and the "millions of septenary constellations" would all occur *within* a galaxy.

d. But these forty-nine groups would be the 'systems' ('solar systems' in an interesting sense) of huge Entities, in order, each of them to contain millions of septenary constellations.)

e. OR, from still another perspective—there could even be (depending on how we interpret "divided into") forty-nine groups of Cosmic Wheels in the Universe. Such groups would consist of Cosmic Wheels as chakras.

xét theo nghĩa thông thường hơn của thuật ngữ "bánh xe vũ trụ")

112. Vì thuật ngữ "phân chia thành" là mơ hồ, nên cách chúng ta diễn giải nó có thể ảnh hưởng đến sự ước lượng của chúng ta về phạm vi của các Thực Thể đang được bàn đến.

a. Một loại Bánh Xe Vũ Trụ *có thể* có phạm vi đến mức chứa bốn mươi chín thiên hà, hoặc thậm chí bốn mươi chín *nhóm* thiên hà. (Chúng ta có thể giả định rằng các "sách huyền bí" này đều nói về Thiên Văn Học Nội Môn *đích thực*.)

b. Vì vậy nếu các Bánh Xe Vũ Trụ là những cấu trúc lớn hơn các thiên hà, thì bốn mươi chín nhóm ấy, mỗi nhóm, có thể là một thiên hà hoặc thậm chí là một nhóm thiên hà.

c. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể đơn giản đang nói về một Bánh Xe Vũ Trụ như một *thiên hà,* trong trường hợp đó, mỗi một trong bốn mươi chín nhóm sẽ là *nội thiên hà* và sẽ có hàng triệu chòm sao thất phân—một giả định hợp lý. Trong trường hợp này, "bốn mươi chín nhóm" và "hàng triệu chòm sao thất phân" đều sẽ xuất hiện *bên trong* một thiên hà.

d. Nhưng bốn mươi chín nhóm này sẽ là các 'hệ thống' ('hệ mặt trời' theo một nghĩa thú vị) của những Thực Thể khổng lồ, để mỗi nhóm trong số đó chứa hàng triệu chòm sao thất phân.)

e. HOẶC, từ một góc nhìn khác nữa—thậm chí có thể có (tùy theo cách chúng ta diễn giải "phân chia thành") bốn mươi chín nhóm Bánh Xe Vũ Trụ trong Vũ Trụ. Những nhóm như thế sẽ gồm các Bánh Xe Vũ Trụ như các luân xa.

f. In the last analysis, what I am trying to say is that the smallest structure a Cosmic Wheel could be is a *galaxy*, but one can make a good case for a Cosmic Wheel (as presented in this context) being a structure *much larger* than a galaxy.

f. Rốt cuộc, điều tôi đang cố nói là cấu trúc nhỏ nhất mà một Bánh Xe Vũ Trụ có thể là một *thiên hà*, nhưng người ta có thể lập luận rất vững rằng một Bánh Xe Vũ Trụ (như được trình bày trong ngữ cảnh này) là một cấu trúc *lớn hơn rất nhiều* so với một thiên hà.

g. We need a study of all likely "cosmic wheels" (remember the protean nature of the term "cosmic") contained within a galaxy. After that we can study the manner in which galaxies aggregate, and how many dimensions of aggregation we are likely to encounter-- Cosmic Wheels within greater Cosmic Wheels, etc.—on our way to the 'Ultimate Universal Wheel'.

g. Chúng ta cần một nghiên cứu về mọi "bánh xe vũ trụ" khả dĩ (hãy nhớ bản chất biến hóa của thuật ngữ "vũ trụ") chứa trong một thiên hà. Sau đó chúng ta có thể nghiên cứu cách các thiên hà kết tập lại, và có bao nhiêu chiều kích kết tập mà chúng ta có thể gặp—các Bánh Xe Vũ Trụ bên trong những Bánh Xe Vũ Trụ lớn hơn, v.v.—trên đường tiến tới 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'.

For purposes of study by the Adepts, they are each known by a symbol, and these forty-nine symbols embody all that can be apprehended anent the size, magnitude, quality, vibratory activity, and objective of those great forms through which an Existence is experiencing.

Vì mục đích nghiên cứu của các chân sư, mỗi bánh xe ấy được biết đến bằng một biểu tượng, và bốn mươi chín biểu tượng này hàm chứa tất cả những gì có thể được lĩnh hội liên quan đến kích thước, độ lớn, phẩm tính, hoạt động rung động, và mục tiêu của những hình tướng vĩ đại mà qua đó một Hiện Hữu đang kinh nghiệm.

113. Let us say that, in all probability, either —

113. Chúng ta hãy nói rằng, rất có thể, hoặc là—

a. We are speaking of a Cosmic Wheel as the manifestation of a Being which has forty-nine galaxies as centers—really probably a Being who has centers consisting of a fusion of seven galaxies for each center, with each of these seven centers having lesser centers each of which is a galaxy.

a. Chúng ta đang nói về một Bánh Xe Vũ Trụ như sự biểu hiện của một Đấng có bốn mươi chín thiên hà làm các trung tâm—thật ra có lẽ là một Đấng có các trung tâm gồm sự dung hợp của bảy thiên hà cho mỗi trung tâm, và mỗi một trong bảy trung tâm này lại có các trung tâm nhỏ hơn, mỗi trung tâm trong số đó là một thiên hà.

b. OR—we are simply speaking of a Cosmic Wheel as a system of a Galactic Logos, each of which has forty-nine major subdivisions.

b. HOẶC—chúng ta chỉ đơn giản đang nói về một Bánh Xe Vũ Trụ như một hệ thống của một Thiên Hà Thượng đế, mà mỗi hệ thống có bốn mươi chín phân khu chính. Có lẽ trí

Probably the justifiably-reeling-mind would prefer this option.

c. Thus, either forty-nine galaxies are each known by a symbol, which tells all that can be known a great Super-Existence which embodies them—as in Option 1.

d. OR, we are speaking of *one galaxy* with forty-nine major subdivisions, each of which has a symbol. When the meanings of these forty-nine symbols are combined, all that can be known of a Galactic Logos is evident.

e. Maybe some students can think of still other options.

114. I am not happy with the very big jump from the 'Ultimate Universal Wheel' down to a tiny galaxy, but will admit it as a possible hypothesis. Who knows what DK is leaving out of the picture, just to provide us with some degree of clarity?

115. The question is—"Just how much do Masters *know* about the entire Universe—about the 'Ultimate Universal Wheel'? Probably They know something about our galaxy and local galaxies (like Andromeda) and even about our family of galaxies, but how far do Their minds go, when matters beyond this solar system are obscure to even a liberated Dhyan Chohan?

116. Obviously, all such knowledge would be, even to Them, *theoretical.*

117. The scale we are dealing with here is *huge*— far beyond anything listed on Chart V

tuệ đang quay cuồng nhưng vẫn còn chính đáng sẽ thích phương án này hơn.

c. Như vậy, hoặc là bốn mươi chín thiên hà mỗi thiên hà được biết đến bằng một biểu tượng, biểu tượng ấy cho biết tất cả những gì có thể biết về một Siêu-Hiện-Hữu vĩ đại đang bao hàm chúng—như trong Phương án 1.

d. HOẶC, chúng ta đang nói về *một thiên hà* với bốn mươi chín phân khu chính, mỗi phân khu có một biểu tượng. Khi ý nghĩa của bốn mươi chín biểu tượng này được kết hợp lại, tất cả những gì có thể biết về một Thiên Hà Thượng đế sẽ hiển lộ.

e. Có lẽ một số đạo sinh có thể nghĩ ra những phương án khác nữa.

114. Tôi không hài lòng với bước nhảy rất lớn từ 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu' xuống một thiên hà nhỏ bé, nhưng sẽ thừa nhận đó là một giả thuyết khả dĩ. Ai biết được Chân sư DK đang lược bỏ điều gì khỏi bức tranh, chỉ để cung cấp cho chúng ta một mức độ minh bạch nào đó?

115. Câu hỏi là—"Các Chân sư biết *bao nhiêu* về toàn thể Vũ Trụ—về 'Bánh Xe Vũ Trụ Tối Hậu'? Có lẽ Các Ngài biết điều gì đó về thiên hà của chúng ta và các thiên hà cục bộ (như Andromeda) và thậm chí về gia đình thiên hà của chúng ta, nhưng trí tuệ của Các Ngài đi xa đến đâu, khi những vấn đề vượt ngoài hệ mặt trời này còn mờ tối ngay cả đối với một Dhyan Chohan đã được giải thoát?

116. Hiển nhiên, mọi tri thức như vậy, ngay cả đối với Các Ngài, cũng sẽ là *có tính lý thuyết.*

117. Quy mô mà chúng ta đang xử lý ở đây là *khổng lồ*— vượt xa bất cứ điều gì được liệt kê

of TCF. And the word "cosmic" is being applied to these huge structures. Thus, I say, let us not rigidify the word "cosmic".

trên Biểu Đồ V của TCF. Và từ "vũ trụ" đang được áp dụng cho những cấu trúc khổng lồ này. Vì vậy, tôi nói, đừng làm cứng nhắc từ "vũ trụ".

The Chohans of high degree [Page 1086] know the forty-nine sounds which give the quality of the consciousness aspect of these great Beings

Các Chohan cấp cao [Page 1086] biết bốn mươi chín âm thanh tạo nên phẩm tính của phương diện tâm thức của những Đấng vĩ đại này

118. Either Galactic Logoi or Sub-Galactic Logoi (i.e., Intra-Galactic Logoi)…probably.

118. Hoặc là các Thiên Hà Thượng đế hoặc các Hạ-Thiên-Hà Thượng đế (tức các Nội-Thiên-Hà Thượng đế)… có lẽ vậy.

119. We surely know that there are not only forty-nine galaxies in cosmos! But there could easily be forty-nine super *groups* of galaxies—billions of galaxies in each.

119. Chắc chắn chúng ta biết rằng trong vũ trụ không chỉ có bốn mươi chín thiên hà! Nhưng hoàn toàn có thể có bốn mươi chín siêu *nhóm* thiên hà—mỗi nhóm có hàng tỷ thiên hà.

120. To each of these forty nine a particular symbol or sound could apply—but of course, this is a huge stretch.

120. Với mỗi một trong bốn mươi chín nhóm này, một biểu tượng hay âm thanh đặc thù có thể áp dụng—nhưng dĩ nhiên, đây là một sự kéo giãn rất lớn.

121. The mind would feel much more comfortable thinking one galaxy with forty-nine subsidiary logoi within it (each with its symbol and sound) or of forty nine galaxies (each with its symbol and sound)—these forty-nine being analogous to globes organized into chains ('galactic chains') and the chains organized into schemes ('galactic schemes')

121. Trí tuệ sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nhiều nếu nghĩ đến một thiên hà với bốn mươi chín thượng đế phụ bên trong nó (mỗi vị có biểu tượng và âm thanh riêng), hoặc nghĩ đến bốn mươi chín thiên hà (mỗi thiên hà có biểu tượng và âm thanh riêng)—bốn mươi chín thiên hà này tương tự như các bầu hành tinh được tổ chức thành các dãy ('các dãy thiên hà') và các dãy được tổ chức thành các hệ hành tinh ('các hệ hành tinh thiên hà')

Who are as far removed from the consciousness of our solar Logos as the consciousness of man is removed from that of a crystal.

Những Đấng ở xa khỏi tâm thức của Thái dương Thượng đế của chúng ta như tâm thức của con người xa khỏi tâm thức của một tinh thể.

122. Here we have another significant hint—and maybe one which will help us establish

122. Ở đây chúng ta có một gợi ý quan trọng khác—và có thể là một gợi ý sẽ giúp chúng ta

the 'level' on which these forty-nine Beings exist—a matter which is not easy of determination.

xác lập 'cấp độ' mà bốn mươi chín Đấng này tồn tại—một vấn đề không dễ xác định.

123. To any of these forty-nine Beings, our Solar Logos is as a crystal. This gives us reason to think that we are speaking of the forty-nine major Beings *within* a galaxy (though one would think there had to be a still more major *seven* and not *forty-nine*), for compared to a galaxy, our Solar Logos and His system could be considered as a "cell"—of which there are some trillions in the human body (just as there are billions of stars in many galaxies and even *trillions* in some larger galaxies). Thus, we can use this analogy as reasonable. So if a crystal is *greater* than a cell (though so much depends on what DK means by "crystal"), then the forty-nine Beings are *lesser* than Galactic Beings (Galactic Logoi), IF a Solar Logos can be considered a "cell" in relation to a Galactic Logos.

123. Đối với bất kỳ Đấng nào trong bốn mươi chín Đấng này, Thái dương Thượng đế của chúng ta giống như một tinh thể. Điều này cho chúng ta lý do để nghĩ rằng chúng ta đang nói về bốn mươi chín Đấng chính *bên trong* một thiên hà (dù người ta sẽ nghĩ rằng phải có một bộ *bảy* còn chính yếu hơn chứ không phải *bốn mươi chín*), vì so với một thiên hà, Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ thống của Ngài có thể được xem như một "tế bào"—mà trong cơ thể con người có đến hàng nghìn tỷ tế bào (cũng như trong nhiều thiên hà có hàng tỷ ngôi sao và thậm chí *hàng nghìn tỷ* trong một số thiên hà lớn hơn). Vì vậy, chúng ta có thể dùng phép loại suy này như một điều hợp lý. Do đó, nếu một tinh thể *lớn hơn* một tế bào (dù điều này còn tùy rất nhiều vào điều Chân sư DK muốn nói bằng "tinh thể"), thì bốn mươi chín Đấng ấy *nhỏ hơn* các Đấng Thiên Hà (các Thiên Hà Thượng đế), NẾU một Thái dương Thượng đế có thể được xem như một "tế bào" trong tương quan với một Thiên Hà Thượng đế.

124. If the forty-nine Great Beings are to our Solar Logos as the consciousness of man is removed from that of a crystal, we can assume that the distance between the conscious of a Galactic Logos and a Solar Logos is much greater. (I think it is reasonable to consider a Solar Logos as a cell to a Galactic Logos.) But, to what type of Being would our Solar Logos be as an atom or a subatomic particle?

124. Nếu bốn mươi chín Đấng Vĩ Đại đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta giống như khoảng cách giữa tâm thức con người và tâm thức của một tinh thể, thì chúng ta có thể giả định rằng khoảng cách giữa tâm thức của một Thiên Hà Thượng đế và một Thái dương Thượng đế còn lớn hơn nhiều. (Tôi nghĩ hợp lý khi xem một Thái dương Thượng đế như một tế bào đối với một Thiên Hà Thượng đế.) Nhưng, đối với loại Đấng nào thì Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ giống như một nguyên tử hay một hạt hạ nguyên tử?

125. What is our Solar Logos to the Ultimate Universal Logos?

125. Thái dương Thượng đế của chúng ta là gì đối với Thượng đế Vũ Trụ Tối Hậu?

126. But *is* a crystal greater than a cell? We are mixing inorganic and organic contexts here.

126. Nhưng *liệu* một tinh thể có lớn hơn một tế bào không? Ở đây chúng ta đang trộn lẫn các ngữ cảnh vô cơ và hữu cơ.

127. Of course, we do not know exactly what DK means by a “crystal”. Does He mean a unit in the mineral kingdom? Maybe a *higher* member of the mineral kingdom? Or, does He mean a chemical element? Or even a chemical atom?

127. Dĩ nhiên, chúng ta không biết chính xác Chân sư DK muốn nói gì bằng một “tinh thể”. Ngài có muốn nói một đơn vị trong giới kim thạch không? Có thể là một thành viên *cao hơn* của giới kim thạch chăng? Hay Ngài muốn nói một nguyên tố hóa học? Hoặc thậm chí một nguyên tử hóa học?

128. If by a “crystal” DK means a chemical atom, then a chemical atom is much smaller than a cell, and then the Seven Great Beings would have to be much, much larger than a Galactic Logos.

128. Nếu Chân sư DK dùng “tinh thể” để chỉ một nguyên tử hóa học, thì một nguyên tử hóa học nhỏ hơn rất nhiều so với một tế bào, và khi đó Bảy Đấng Vĩ Đại sẽ phải lớn hơn một Thiên Hà Thượng đế rất, rất nhiều.

129. Of this much we are certain: in speaking of “cosmic wheels” and the seven “constellations” and even millions of “constellations” into which they are subdivided, we surely are not speaking of any conventional "One About Whom Naught May Be Said", because compared to that (to us) supremely august Being, our Solar Logos is certainly no crystal—when reasonable theorists think that our Solar Logos is even a full heart chakra, and others, a minor chakra. But certainly not a crystal!

129. Có một điều chúng ta chắc chắn: khi nói về “những bánh xe vũ trụ” và bảy “chòm sao” và thậm chí hàng triệu “chòm sao” mà chúng được phân chia thành, chắc chắn chúng ta không nói về bất kỳ “Đấng Bất Khả Tư Nghị” thông thường nào, bởi vì so với Đấng (đối với chúng ta) uy nghi tối thượng ấy, Thái dương Thượng đế của chúng ta chắc chắn không phải là một tinh thể—khi những nhà lý thuyết hợp lý cho rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta thậm chí là trọn vẹn một luân xa tim, còn những người khác cho là một luân xa phụ. Nhưng chắc chắn không phải là một tinh thể!

130. So the Cosmic Wheels have forty-nine divisions each of which compared to our Solar Logos is of very great magnitude and scope. We are far beyond Chart V here.

130. Vì vậy các Bánh Xe Vũ Trụ có bốn mươi chín phân khu, mỗi phân khu trong tương quan với Thái dương Thượng đế của chúng ta đều có độ lớn và phạm vi rất lớn. Ở đây chúng ta đã vượt xa Biểu Đồ V.

131. As we see, also, there are numbers of ways to interpret what DK has said. This great subject is still veiled.

131. Như chúng ta cũng thấy, có nhiều cách để diễn giải điều Chân sư DK đã nói. Chủ đề lớn lao này vẫn còn bị che phủ.

The knowledge thus appreciated by the Chohans is naturally but theoretical

Tri thức được các Chohan lĩnh hội như vậy dĩ nhiên chỉ có tính lý thuyết

132. They, too, speculate. They could not possibly have practical knowledge of such Beings when our Solar Logos relates to them as a crystal relates to a man.

132. Các Ngài cũng suy đoán. Các Ngài tuyệt đối không thể có tri thức thực tiễn về những Đấng như thế khi Thái dương Thượng đế của chúng ta liên hệ với Các Ngài như một tinh thể liên hệ với một con người.

and conveys only **to their relatively limited consciousness** the general nature of the group of constellations,

và chỉ փոխանց đạt **đến tâm thức tương đối hữu hạn của Các Ngài** bản chất tổng quát của nhóm chòm sao ấy,

133. Remember how vast a "constellation" can be when there are seven constellations in a "cosmic wheel".

133. Hãy nhớ một "chòm sao" có thể bao la đến mức nào khi có bảy chòm sao trong một "bánh xe vũ trụ".

134. If we are attentive, we may notice that DK is involved in a 'level-drop' at this point. Certainly a conventional "Cosmic Logos" such as the "One About Whom Naught May Be Said", has within it seven major constellations. Such a Cosmic Logos is, of course, larger than one which has in it seven major solar systems.

134. Nếu chú tâm, chúng ta có thể nhận thấy rằng tại điểm này Chân sư DK đang thực hiện một sự 'hạ cấp độ'. Chắc chắn một "Thượng đế Vũ trụ" theo nghĩa thông thường như "Đấng Bất Khả Tư Nghị", chứa trong chính Ngài bảy chòm sao lớn. Dĩ nhiên, một Thượng đế Vũ trụ như thế lớn hơn một Đấng chỉ chứa trong mình bảy hệ mặt trời lớn.

and the force occasionally emanating from them which has at times to be taken into calculation.

và mãnh lực đôi khi phát ra từ chúng, mà vào những lúc nhất định phải được đưa vào tính toán.

135. Where do *we* (in our little solar system) fit in any one of these forty-nine Great Beings? Where does our "One About Whom Naught May Be Said", and in fact *seven* such "Ones About Whom Naught May Be Said" or even forty-nine of Them fit within such a Being in Whom there are "millions of septenary constellations"— *millions!* DK has taken us "off the map"—at least off of Chart V or off any map which we have so far generated.

135. *Chúng ta* (trong hệ mặt trời nhỏ bé của chúng ta) đứng ở đâu trong bất kỳ một nào của bốn mươi chín Đại Đấng ấy? "Đấng Bất Khả Tư Nghị" của chúng ta, và thật ra là *bảy* "Đấng Bất Khả Tư Nghị" như thế, hay thậm chí bốn mươi chín Đấng như thế, đứng ở đâu bên trong một Đấng như vậy, trong Đấng ấy có "hàng triệu chòm sao thất phân"— *hàng triệu!* Chân sư DK đã đưa chúng ta "ra khỏi bản đồ"—ít nhất là ra khỏi Biểu đồ V hoặc ra

khỏi bất kỳ bản đồ nào mà cho đến nay chúng ta đã dựng nên.

136. Of course, we could take the time to make the wildest speculations possible and generate such a map, but that would not help a whole lot in keeping humanity from entering WWIII.

136. Dĩ nhiên, chúng ta có thể dành thời gian để đưa ra những suy đoán táo bạo nhất có thể và dựng nên một bản đồ như thế, nhưng điều đó sẽ không giúp ích bao nhiêu trong việc ngăn nhân loại bước vào Thế Chiến III.

For instance, the interest awakened in the public mind lately by the **giant star Betelgeuse in the constellation of Orion** is due to the fact that at this particular time there has been an interplay of force between our tiny system and this giant one, and communication between the two informing Existences.

Chẳng hạn, mối quan tâm gần đây được khơi dậy trong trí óc công chúng bởi **ngôi sao khổng lồ Betelgeuse trong chòm Orion** là do vào chính thời điểm này đã có một sự tương tác mãnh lực giữa hệ thống nhỏ bé của chúng ta và hệ thống khổng lồ ấy, cùng sự giao tiếp giữa hai Thực Thể thấm nhuần ấy.

137. Note the huge level jump or 'level-drop'. DK is now down in our local "One About Whom Naught May Be Said". (Remember too, the R2 nature of Betelgeuse, and think what this could mean when DK uses it as a blind for Orion. But that is another subject).

137. Hãy lưu ý bước nhảy cấp độ lớn lao hay sự 'hạ cấp độ' này. Giờ đây Chân sư DK đã xuống đến "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta. (Cũng hãy nhớ bản chất cung hai của Betelgeuse, và suy nghĩ xem điều này có thể hàm ý gì khi Chân sư DK dùng nó như một bức màn che cho Orion. Nhưng đó là một chủ đề khác).

Systemic wheels or the atomic life of individual constellations.

Các bánh xe hệ thống hay sự sống nguyên tử của các chòm sao cá biệt.

138. In this case, each chakra is 'atomic' in nature.

138. Trong trường hợp này, mỗi luân xa có bản chất 'nguyên tử'.

139. From a very conventional perspective, solar systems are as 'atoms' within a Constellational Wheel—but let us remember, "atoms" are not necessarily tiny: man is an atom; a Planetary Logos is an atom; a Solar Logos is an atom:, etc.

139. Từ một quan điểm rất thông thường, các hệ mặt trời là những 'nguyên tử' bên trong một Bánh Xe Chòm Sao—nhưng chúng ta hãy nhớ rằng "nguyên tử" không nhất thiết là nhỏ bé: con người là một nguyên tử; một Hành Tinh Thượng Đế là một nguyên tử; một Thái dương Thượng đế là một nguyên tử; v.v.

These again are divided into 343 groups,

Những cái này lại được chia thành 343 nhóm,

140. So, again, are we speaking of *subdivision* or of *classification*?

140. Vậy, một lần nữa, chúng ta đang nói về *sự phân chia nhỏ* hay về *sự phân loại*?

141. A "group" in this context *could* be a Solar Logos with His group of planets.

141. Một "nhóm" trong ngữ cảnh này *có thể* là một Thái dương Thượng đế cùng với nhóm hành tinh của Ngài.

known to the Adept again through a series of characters forming a word which—through its ideographic nature—conveys essential information to the Adept.

lại được điểm đạo đồ biết đến qua một chuỗi ký tự tạo thành một từ mà—nhờ bản chất biểu ý của nó—truyền đạt thông tin cốt yếu cho điểm đạo đồ.

142. Are there 343 "words", one for each "systemic wheel"? Or are the "systemic wheels" divided into 343 parts?

142. Có phải có 343 "từ", một cho mỗi "bánh xe hệ thống"? Hay các "bánh xe hệ thống" được chia thành 343 phần?

The ideograph for our solar system may in part be disclosed—not the characters themselves but a digest of that for which the characters stand.

Biểu ý tự của hệ mặt trời chúng ta có thể phần nào được tiết lộ—không phải chính các ký tự mà là bản tóm lược về điều mà các kýtự ấy biểu thị.

143. It seems that for our little "systemic wheel" there is an ideograph, but our systemic wheel could be 1/343 of a greater systemic wheel.

143. Có vẻ như đối với "bánh xe hệ thống" nhỏ bé của chúng ta có một biểu ý tự, nhưng bánh xe hệ thống của chúng ta có thể là 1/343 của một bánh xe hệ thống lớn hơn.

144. Our little systemic wheel could be a seventh part of a Cosmic Logos, which was as seventh part of a "One About Whom Naught May Be Said" which was a seventh part of a 'Sub-Parabrahmic Logos". In this case, a "systemic wheel" which had 343 groups within it, would be of the stature of a 'Sub-Parabrahmic Logos'—one of the large circles in TCF Chart V, 344.

144. Bánh xe hệ thống nhỏ bé của chúng ta có thể là phần thứ bảy của một Thượng đế Vũ trụ, vốn là phần thứ bảy của một "Đấng Bất Khả Tư Nghị", vốn là phần thứ bảy của một 'Sub-Parabrahmic Logos'. Trong trường hợp này, một "bánh xe hệ thống" có 343 nhóm bên trong nó sẽ có tầm vóc của một 'Sub-Parabrahmic Logos'—một trong những vòng tròn lớn trong Biểu đồ V của TCF, 344.

145. As we descend to a consideration of "Systemic Wheels", let us not delude

145. Khi hạ xuống để xem xét các "Bánh Xe Hệ Thống", chúng ta đừng tự đánh lừa mình

ourselves into thinking that the word “systemic” is anything but protean.

146. When speaking of “systemic wheels” which are subdivided, we *may* be talking about tiny solar systems, but much more likely we are taking about Systemic Beings each of which contains 343 Solar Logoi. This would be a case of *subdivision.*

147. Again we have the question of the use of the term “divided into”.

a. Is each “Systemic Wheel” divided into 343 parts, each of these parts being a solar system?

b. Or are there 343 categories of Systemic Wheels—i.e., 343 classifications of Systemic Wheels.

c. I prefer the first option, which does not specify how may “systemic wheels” there are in a “cosmic wheel”.

d. To think that there were only 343 “systemic wheels” in a “cosmic wheel” would be far too few (at least if we consider the minimum size of a “cosmic wheel” to be a ‘Galactic Wheel’.

e. There might be 343 groupings of “systemic wheels” in a galaxy, but then the “systemic” wheels could each contain millions of stars!

f. I am assuming, in general, that there are forty-nine major Solar Logoi in a "One About Whom Naught May Be Said" and not 343, so the *minimum* ‘Enfolding Entity’ to be classified as a “systemic wheel” would be a ‘Sub-Parabrahmic Logos’ (one level higher

mà nghĩ rằng từ “hệ thống” là bất cứ điều gì khác ngoài tính biến hóa khôn lường.

146. Khi nói về các “bánh xe hệ thống” được phân chia nhỏ, chúng ta *có thể* đang nói về những hệ mặt trời nhỏ bé, nhưng nhiều khả năng hơn là chúng ta đang nói về các Đấng Hệ Thống, mỗi Đấng trong số đó chứa 343 Thái dương Thượng đế. Đây sẽ là trường hợp của *sự phân chia nhỏ.*

147. Một lần nữa chúng ta lại có câu hỏi về cách dùng cụm từ “được chia thành”.

a. Có phải mỗi “Bánh Xe Hệ Thống” được chia thành 343 phần, mỗi phần trong đó là một hệ mặt trời?

b. Hay có 343 loại Bánh Xe Hệ Thống—tức là 343 cách phân loại Bánh Xe Hệ Thống.

c. Tôi thiên về lựa chọn thứ nhất, vốn không xác định có bao nhiêu “bánh xe hệ thống” trong một “bánh xe vũ trụ”.

d. Nghĩ rằng chỉ có 343 “bánh xe hệ thống” trong một “bánh xe vũ trụ” thì sẽ là quá ít (ít nhất nếu chúng ta xem kích thước tối thiểu của một “bánh xe vũ trụ” là một ‘Bánh Xe Ngân Hà’.

e. Có thể có 343 nhóm “bánh xe hệ thống” trong một thiên hà, nhưng khi ấy các bánh xe “hệ thống” ấy mỗi cái có thể chứa hàng triệu ngôi sao!

f. Nói chung, tôi giả định rằng có bốn mươi chín Thái dương Thượng đế lớn trong một "Đấng Bất Khả Tư Nghị" chứ không phải 343, vì thế ‘Thực Thể Bao Hàm’ *tối thiểu* để được xếp loại là một “bánh xe hệ thống” sẽ là một ‘Sub-Parabrahmic Logos’ (cao hơn một cấp

than the conventional "One About Whom Naught May Be Said").

so với "Đấng Bất Khả Tư Nghị" theo nghĩa thông thường).

g. In any case, when discussing “systemic wheels”, we are, in my view, discussing Beings far greater than our Solar Logos, because the number 343 suggests certain fundamental combinations of units—a Being with 343 Solar Logoi, and lesser Beings consisting of 49 Solar Logoi and still lesser Beings consisting of 7 Solar Logoi—but all of them far greater than the Being expressing through one solar system.

g. Dù sao đi nữa, khi bàn về các “bánh xe hệ thống”, theo quan điểm của tôi, chúng ta đang bàn về những Đấng lớn lao hơn rất nhiều so với Thái dương Thượng đế của chúng ta, bởi vì con số 343 gợi ý những tổ hợp căn bản nhất định của các đơn vị—một Đấng có 343 Thái dương Thượng đế, và những Đấng nhỏ hơn gồm 49 Thái dương Thượng đế, và những Đấng còn nhỏ hơn nữa gồm 7 Thái dương Thượng đế—nhưng tất cả các Đấng ấy đều lớn hơn rất nhiều so với Đấng biểu lộ qua một hệ mặt trời.

i. Through one solar system a Solar Logos expresses.

i. Qua một hệ mặt trời, một Thái dương Thượng đế biểu lộ.

ii. Through *seven* solar systems—a Constellational Logos (i.e., Cosmic Logos of the kind given on TCF 293) expresses.

ii. Qua *bảy* hệ mặt trời—một Thượng đế Chòm Sao (tức Thượng đế Vũ trụ thuộc loại được nêu ở TCF 293) biểu lộ.

iii. Through *forty-nine* solar systems—a Super-Constellational Logos—A "One About Whom Naught May Be Said" or an “Unknown” expresses.

iii. Qua *bốn mươi chín* hệ mặt trời—một Thượng đế Siêu Chòm Sao—một "Đấng Bất Khả Tư Nghị" hay một “Đấng Vô Danh” biểu lộ.

iv. Through 343 solar systems—a ‘Super-Duper—Constellational Logos’ (forgive me) expresses. (This Being s seven times greater than a "One About Whom Naught May Be Said".) Is this a Cosmic Parabrahm or one level lower? Debate is needed and has been attempted, yielding no consensus.

iv. Qua 343 hệ mặt trời—một ‘Thượng đế Siêu-Siêu-Chòm Sao’ (xin thứ lỗi cho tôi) biểu lộ. (Đấng này lớn hơn gấp bảy lần một "Đấng Bất Khả Tư Nghị".) Đây có phải là một Vũ Trụ Parabrahm hay thấp hơn một cấp? Cần có tranh luận, và điều đó đã được thử thực hiện, nhưng không đạt được đồng thuận.

v. I consider a Cosmic Parabrahm to contain 2401 major Solar Logoi.

v. Tôi xem một Vũ Trụ Parabrahm là chứa 2401 Thái dương Thượng đế lớn.

h. I think it is obvious that the Logos manifesting through a “Systemic Wheel” is much greater than our Solar Logos. Again,

h. Tôi nghĩ hiển nhiên rằng Thượng đế biểu lộ qua một “Bánh Xe Hệ Thống” lớn hơn rất nhiều so với Thái dương Thượng đế của

"divided into" has to be analyzed, but in either case, if our Solar Logos is one of 343, then several greater, ascending Septenary Beings are implied.

chúng ta. Một lần nữa, "được chia thành" phải được phân tích, nhưng trong cả hai trường hợp, nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trong 343, thì một số Đấng Thất Phân lớn hơn, đi lên dần, được hàm ý.

i. Thus, caution is advised when dealing with the meaning of the word "systemic" just as "cosmic".

i. Vì vậy, cần thận trọng khi xử lý ý nghĩa của từ "hệ thống" cũng như từ "vũ trụ".

Our solar system is disclosed as being:

Hệ mặt trời của chúng ta được tiết lộ là:

a. A system of the fourth order, having its force centres upon the fourth cosmic plane,

a. Một hệ thống thuộc bậc thứ tư, có các trung tâm mãnh lực của nó trên cõi vũ trụ thứ tư,

148. Notice this—this is not about cosmic *ethers*. This is about the fourth ' *super-cosmic* ether'. To analogize, what type of force centers does man have upon the buddhic plane? Eventually, He surely has seven—but they can be on different subplanes of the buddhic plane, and I infer that the cosmic buddhic centers of our Solar Logos can also be on different subplanes of the fourth cosmic plane.

148. Hãy lưu ý điều này—đây không nói về các *dĩ thái* vũ trụ. Đây nói về dĩ thái ' *siêu-vũ-trụ* thứ tư'. Theo phép tương đồng, con người có loại trung tâm mãnh lực nào trên cõi Bồ đề? Cuối cùng, chắc chắn Ngài có bảy trung tâm—nhưng chúng có thể ở trên những cõi phụ khác nhau của cõi Bồ đề, và tôi suy ra rằng các trung tâm Bồ đề vũ trụ của Thái dương Thượng đế chúng ta cũng có thể ở trên những cõi phụ khác nhau của cõi vũ trụ thứ tư.

149. We have to compare the statement here with the one which shows our Solar Logos having His centers upon the fourth cosmic ether. Obviously, different orders of centers are involved.

149. Chúng ta phải so sánh phát biểu ở đây với phát biểu cho thấy Thái dương Thượng đế của chúng ta có các trung tâm của Ngài trên dĩ thái vũ trụ thứ tư. Hiển nhiên là có những cấp trung tâm khác nhau được liên hệ.

150. We can also ask: "Is our Solar Logos at such a developmental level that his cosmic buddhic centers are organized? Perhaps, to some extent, they would have to be.

150. Chúng ta cũng có thể hỏi: "Thái dương Thượng đế của chúng ta có ở một cấp phát triển như thế mà các trung tâm Bồ đề vũ trụ của Ngài đã được tổ chức chưa? Có lẽ, ở một mức độ nào đó, chúng hẳn phải như vậy.

151. We can also ask if man, as presently developed, has force centers on the buddhic

151. Chúng ta cũng có thể hỏi liệu con người, như hiện đang phát triển, có các

plane? Perhaps, to some extent, this would have to be the case, though such centers would have to be simply 'place holders'—latent, undeveloped centers in the vast majority of cases.

trung tâm mãnh lực trên cõi Bồ đề hay không? Có lẽ, ở một mức độ nào đó, điều này hẳn phải là trường hợp, dù những trung tâm như thế chỉ đơn giản là những 'vị trí giữ chỗ'—những trung tâm tiềm ẩn, chưa phát triển trong đại đa số trường hợp.

and making its objective manifestation from the fourth systemic plane,

và tạo ra biểu hiện khách quan của nó từ cõi hệ thống thứ tư,

152. The fourth cosmic ether…

152. Dĩ thái vũ trụ thứ tư…

via the fourth subplane of the systemic physical plane.

qua cõi phụ thứ tư của cõi hồng trần hệ thống.

153. Nothing surprising here. The real task is to match our various Planetary Logoi with positions on the fourth cosmic plane. A whole new field of inquiry…

153. Không có gì đáng ngạc nhiên ở đây. Nhiệm vụ thực sự là ghép các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau của chúng ta với các vị trí trên cõi vũ trụ thứ tư. Một lĩnh vực khảo cứu hoàn toàn mới…

b. Blue in colour, esoteric orange and green.

b. Màu xanh lam, một cách huyền bí là cam và lục.

154. VSK offers: "This is one of the most curious colour phrases, and puzzles me endlessly. Esoteric orange and green in this case seems to relate to the "first" (*third*-aspect or previous) solar system. So why would our current (exoterically?) blue system be *esoterically* orange and green? I could rather understand it is exoterically orange and green, and esoterically blue.

154. VSK nêu: "Đây là một trong những cụm từ về màu sắc kỳ lạ nhất, và khiến tôi bối rối mãi không thôi. Cam và lục huyền bí trong trường hợp này dường như liên hệ với hệ mặt trời "thứ nhất" (*phương diện thứ ba* hay trước đó). Vậy tại sao hệ thống hiện tại của chúng ta (theo ngoại môn?) là xanh lam mà lại *một cách huyền bí* là cam và lục? Tôi có thể hiểu hơn nếu nó là cam và lục theo ngoại môn, và xanh lam theo huyền bí.

155. The term "esoteric" in this case may simply indicate an implicate condition derived from the previous solar system.

155. Từ "huyền bí" trong trường hợp này có thể chỉ đơn giản biểu thị một trạng thái hàm ẩn bắt nguồn từ hệ mặt trời trước.

c. A system which is occultly known to the Adept as "in an airy sign in which the Bird can fly."

c. Một hệ thống mà theo huyền bí học, điểm đạo đồ biết đến là "ở trong một dấu hiệu hành khí nơi Con Chim có thể bay."

156. VSK offers: “The bird, we recall, is key to the symbol of the five liberated Hierarchies, or Kumaras. The one Kumara with the bird symbol however is associated with Taurus; not airy. However, the solar system is of a higher magnitude than five kumaras of this world period. Would it even relate to any of the twelve signs of our zodiac, or refer rather to the (cosmic) buddhic plane, which is fourth order? And airy.”

156. VSK nêu: “Như chúng ta nhớ, con chim là chìa khóa cho biểu tượng của năm Huyền Giai được giải thoát, hay các Kumara. Tuy nhiên, vị Kumara có biểu tượng con chim lại liên hệ với Kim Ngưu; không phải hành khí. Tuy vậy, hệ mặt trời có tầm mức cao hơn năm kumara của chu kỳ thế giới này. Liệu nó có liên hệ với bất kỳ một trong mười hai dấu hiệu hoàng đạo của hoàng đạo chúng ta không, hay đúng hơn là chỉ đến cõi Bồ đề (vũ trụ), vốn thuộc bậc thứ tư? Và có tính hành khí.”

157. Cosmologist Niklas Nihlen has pointed out that the section of space in which our solar system *and, in my view,* “our constellation” can be found is associated with “Birds”.

157. Nhà vũ trụ học Niklas Nihlen đã chỉ ra rằng vùng không gian trong đó hệ mặt trời của chúng ta *và, theo quan điểm của tôi,* “chòm sao của chúng ta” có thể được tìm thấy, được liên kết với “Các Loài Chim”.

158. More research is needed here. The buddhic nature of our solar system is apparent, for the flying bird is an Egyptian Symbol of the liberation of “Ba” (the human Jiva) and Horus (the Solar Angel) at the fourth initiation.

158. Cần thêm nghiên cứu ở đây. Bản chất Bồ đề của hệ mặt trời chúng ta là hiển nhiên, vì con chim đang bay là một Biểu tượng Ai Cập của sự giải thoát “Ba” (Jiva con người) và Horus (Thái dương Thiên Thần) ở lần điểm đạo thứ tư.

159. In much of the foregoing it has been my objective to place our Solar Logos and even our local "One About Whom Naught May Be Said" in a more *cosmic* context, and show how tiny They really are. I wish to demonstrate that we have to proceed cautiously and with utmost humility as we investigate these subjects. Terms are fluid; contexts are far more vast than we can imagine; and there are many rungs on the ladder connecting one dimension or stage of being with a higher—rungs of which we have absolutely no clear idea.

159. Trong phần lớn những điều vừa trình bày, mục tiêu của tôi là đặt Thái dương Thượng đế của chúng ta và ngay cả "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta vào một bối cảnh *vũ trụ* hơn, và cho thấy Các Ngài thực sự nhỏ bé đến mức nào. Tôi muốn chứng minh rằng chúng ta phải tiến hành một cách thận trọng và với sự khiêm cung tối đa khi khảo cứu những chủ đề này. Các thuật ngữ thì linh động; các bối cảnh thì bao la hơn rất nhiều so với điều chúng ta có thể tưởng tượng; và có nhiều nấc thang trên chiếc thang nối một chiều kích hay giai đoạn hiện hữu với một chiều kích cao hơn—những nấc mà chúng ta hoàn toàn không có ý niệm rõ ràng nào.

d. A system formed of “three fires which form a fourth.”

160. The three fires may relate to thee three elements which combine, eventually, to produce liberation into the buddhic element of “air”.

161. On the other hand, the three fires which we are used to discussing—fire by friction, solar fire and electric fire—may be considered three aspects of an inclusive fourth fire.

e. A system in which the Bird has “four tail feathers” [Page 1087] and hence can occultly “mount to a higher plane and find its fifth.”

162. Our Solar Logos is to achieve, minimally, the fourth cosmic initiation through this particular solar system.

163. To find the fifth “tail feather” may be considered equivalent to taking the fifth cosmic initiation—which may also be possible in this second major solar system.

164. VSK offers: “This does relate to the symbols of the Five Kumaras—a symbol which has a bird with five tail feathers. (And, for illustration, has been the drawing for FCF Yahoogroups homepage.) Does the *fifth* then relate to atmic plane?”

165. The following s of our solar system are *extremely* occult in nature.

d. Một hệ thống được hình thành từ “ba lửa tạo thành lửa thứ tư.”

160. Ba lửa có thể liên hệ với ba nguyên tố kết hợp lại, cuối cùng tạo ra sự giải thoát vào nguyên tố Bồ đề là “khí”.

161. Mặt khác, ba lửa mà chúng ta quen bàn đến—Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện—có thể được xem là ba phương diện của một lửa thứ tư bao gồm.

e. Một hệ thống trong đó Con Chim có “bốn lông đuôi lớn” [Page 1087] và do đó có thể theo huyền bí “bay lên một cõi cao hơn và tìm thấy chiếc thứ năm của nó.”

162. Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ đạt được, tối thiểu, lần điểm đạo vũ trụ thứ tư qua chính hệ mặt trời này.

163. Tìm thấy chiếc “lông đuôi” thứ năm có thể được xem là tương đương với việc nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ năm—điều này cũng có thể khả hữu trong hệ mặt trời lớn thứ hai này.

164. VSK nêu: “Điều này quả thật liên hệ với các biểu tượng của Năm Kumara—một biểu tượng có con chim với năm lông đuôi. (Và để minh họa, đó đã là hình vẽ cho trang chủ FCF Yahoogroups.) Vậy chiếc *thứ năm* có liên hệ với cõi atma chăng?”

165. Những điều sau đây về hệ mặt trời của chúng ta có bản chất *cực kỳ* huyền bí.

f. A system which has four major cycles, and minor periods of manifestation which are multiples of that figure.

f. Một hệ thống có bốn chu kỳ lớn, và những thời kỳ biểu hiện nhỏ là bội số của con số ấy.

166. Does this mean that of seven cycles, four of them are major?

166. Điều này có nghĩa là trong bảy chu kỳ, có bốn chu kỳ là lớn chăng?

167. Because our solar system is one of the fourth order, will only four rays work through it (majorly) at any one time?

167. Bởi vì hệ mặt trời của chúng ta thuộc bậc thứ tư, liệu chỉ có bốn cung hoạt động qua nó (một cách chủ yếu) tại bất kỳ một thời điểm nào chăng?

168. To this, we may relate the thought that our Solar Logos is in his fourth 'solar systemic round'.

168. Với điều này, chúng ta có thể liên hệ ý tưởng rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở trong 'cuộc tuần hoàn hệ mặt trời' thứ tư của Ngài.

g. A system which in the alchemical phraseology of the Masters is viewed as being "a product of the fourth;

g. Một hệ thống mà trong thuật ngữ luyện kim của các Chân sư được xem là "một sản phẩm của cái thứ tư;

169. The fourth in a series of six or seven solar systems is the antedating solar system of our present fifth solar system (second major solar system).

169. Cái thứ tư trong một chuỗi sáu hay bảy hệ mặt trời là hệ mặt trời đi trước hệ mặt trời thứ năm hiện tại của chúng ta (hệ mặt trời lớn thứ hai).

the fourth itself in process of transmutation;

chính cái thứ tư ấy đang trong tiến trình chuyển hoá;

170. The personality nature of our Solar Logos is in process of transmutation.

170. Bản chất phàm ngã của Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trong tiến trình chuyển hoá.

171. As well, we could say that the fourth systemic plane in the dense physical body of our Solar Logos is in process of transmutation.

171. Đồng thời, chúng ta cũng có thể nói rằng cõi hệ thống thứ tư trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trong tiến trình chuyển hoá.

and the living stone with four shells."

và hòn đá sống với bốn lớp vỏ."

172. Graduates of 'Earth-School' are to become "Living Stones"

172. Những người tốt nghiệp 'Trường học Trái Đất' sẽ trở thành "Những Hòn Đá Sống"

173. Our Solar Logos is not yet a cosmic Initiate of the third or fourth degree. At the fourth degree He would become a "Living Stone".

173. Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phải là một điểm đạo đồ vũ trụ ở cấp thứ ba hay thứ tư. Ở cấp thứ tư, Ngài sẽ trở thành một "Hòn Đá Sống".

174. The "shells" can be considered as coverings of the "stone" or cosmic "Jewel in the Lotus".

174. Các "lớp vỏ" có thể được xem là những lớp bao bọc của "hòn đá" hay "Ngọc Châu trong Hoa Sen" vũ trụ.

175. The shells could also be considered the mental, emotional, etheric and dense physical nature of our Solar Logos.

175. Các lớp vỏ cũng có thể được xem là bản chất trí tuệ, cảm xúc, dĩ thái và hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

All this can be seen at one glance by the Master who has the ideographic word before Him.

Tất cả điều này có thể được Chân sư nhìn thấy trong một cái nhìn duy nhất khi Linh từ biểu ý ở trước Ngài.

176. The ideographic word definitely refers to our tiny one-Sun solar system. The words apparently do not refer to the greater "systemic wheels".

176. Linh từ biểu ý chắc chắn chỉ đến hệ mặt trời một Mặt Trời nhỏ bé của chúng ta. Các Linh từ ấy dường như không chỉ đến những "bánh xe hệ thống" lớn hơn.

Other ideograms are available for His use which give Him the immediate information as He studies the influences contacting our solar system.

Có những biểu ý tự khác sẵn có để Ngài sử dụng, cho Ngài thông tin tức thời khi Ngài nghiên cứu các ảnh hưởng tiếp xúc với hệ mặt trời của chúng ta.

177. The information available to the Masters is very great and conveyed in the most economical terms.

177. Thông tin sẵn có cho các Chân sư là rất lớn lao và được truyền đạt bằng những thuật ngữ tiết kiệm nhất.

178. Other solar systems influence our solar system; other constellations as well and aggregations of constellations (which are also, in a way, constellations). For each of these, we presume, there is an ideogram.

178. Những hệ mặt trời khác ảnh hưởng đến hệ mặt trời của chúng ta; những chòm sao khác cũng vậy, và cả những tập hợp chòm sao (mà theo một cách nào đó cũng là những chòm sao). Với mỗi cái trong số này, chúng ta giả định, đều có một biểu ý tự.

Planetary wheels. For these there are ten modes of expression.

179. DK not telling us how many planetary wheels there are in our solar system.

180. There are over 115 planets (visible and 'invisible') in our solar system, but perhaps only ten can be considered major, and of these ten, perhaps only seven.

181. Yet each has a tenfold mode of expression—three major modes and, relatively, seven minor.

Chain wheels, called in some of the books rounds.

182. Thus far, a "wheel" has been a vehicle of expression for some type of Being or Logos.

183. A "round" does not fit this criterion. A round is a kind of 'circular evolutionary motion' within a "chain wheel".

184. A chakra is a wheel. A wheel turns and a chakra, also, turns.

185. There are a number of rounds in any "chain wheel".

The revolution of any one globe.

186. A "globe" too must be considered to rotate and also, in its own way, revolve.

Các bánh xe hành tinh. Đối với những cái này có mười phương thức biểu lộ.

179. Chân sư DK không cho chúng ta biết có bao nhiêu bánh xe hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta.

180. Có hơn 115 hành tinh (hữu hình và 'vô hình') trong hệ mặt trời của chúng ta, nhưng có lẽ chỉ mười có thể được xem là chính yếu, và trong mười ấy, có lẽ chỉ bảy.

181. Tuy nhiên, mỗi cái đều có phương thức biểu lộ thập phân—ba phương thức chính và, tương đối, bảy phương thức phụ.

Các bánh xe dãy, trong một số sách được gọi là các cuộc tuần hoàn.

182. Cho đến nay, một "bánh xe" là một vận cụ biểu lộ cho một loại Đấng hay Thượng đế nào đó.

183. Một "cuộc tuần hoàn" không phù hợp với tiêu chuẩn này. Một cuộc tuần hoàn là một loại 'chuyển động tiến hoá tuần hoàn' bên trong một "bánh xe dãy".

184. Một luân xa là một bánh xe. Một bánh xe quay, và một luân xa cũng quay.

185. Có một số cuộc tuần hoàn trong bất kỳ "bánh xe dãy" nào.

Sự quay vòng của bất kỳ một bầu hành tinh nào.

186. Một "bầu hành tinh" cũng phải được xem là tự quay và cũng, theo cách riêng của nó, quay quanh.

187. All spheres rotate and revolve, but the cycles involved in such rotation and revolution for chains and globes are not given to us.

187. Mọi khối cầu đều tự quay và quay quanh, nhưng các chu kỳ liên hệ đến sự tự quay và quay quanh như thế đối với các dãy và các bầu hành tinh không được ban cho chúng ta.

The cycle of the three worlds.

Chu kỳ của ba cõi giới.

188. Perhaps each of these is to be considered a developmental cycle.

188. Có lẽ mỗi cái trong số này phải được xem là một chu kỳ phát triển.

189. The reincarnating Ego pursued certain cycles through the three worlds.

189. Chân ngã tái sinh theo đuổi những chu kỳ nhất định xuyên qua ba cõi giới.

190. Probably each of the three worlds has its duration. The duration of the dense physical plane must be the shortest and the cycle of the mental plane the longest.

190. Có lẽ mỗi một trong ba cõi giới đều có thời lượng riêng. Thời lượng của cõi hồng trần đậm đặc hẳn là ngắn nhất và chu kỳ của cõi trí là dài nhất.

The wheel of a plane.

Bánh xe của một cõi.

191. Planes are spherical, we are told, and rotate.

191. Chúng ta được bảo rằng các cõi có hình cầu và tự quay.

192. There is probably a planar rotation for each Planetary Logos and for the planes of the Solar Logos—a larger cycle.

192. Có lẽ có một sự quay của cõi cho mỗi Hành Tinh Thượng Đế và cho các cõi của Thái dương Thượng đế—một chu kỳ lớn hơn.

193. Again, this is a very occult cycle.

193. Một lần nữa, đây là một chu kỳ rất huyền bí.

The revolution or cyclic appearance of a kingdom in nature.

Sự quay quanh hay sự xuất hiện theo chu kỳ của một giới trong thiên nhiên.

194. Kingdoms of nature are *systemic* expressions rather than strictly planetary expressions.

194. Các giới trong thiên nhiên là những biểu lộ *hệ thống* hơn là những biểu lộ thuần túy hành tinh.

195. Relatively, and within the three lower worlds, the mineral kingdom has the longest cycle and the human kingdom the shortest.

195. Tương đối mà nói, và trong ba cõi thấp, giới kim thạch có chu kỳ dài nhất và giới nhân loại ngắn nhất.

196. Every kingdom is life-unit in revolution. A kingdom of nature, too, is an atom in revolution and rotation.

196. Mỗi giới là một đơn vị sự sống đang quay quanh. Một giới trong thiên nhiên cũng là một nguyên tử đang quay quanh và tự quay.

This applies within a scheme but only to the four kingdoms in objective appearance.

Điều này áp dụng trong một hệ hành tinh nhưng chỉ cho bốn giới trong sắc tướng khách quan.

197. There are three subjective kingdoms: the Kingdom of Souls, the Kingdom of Planetary Lives, the Kingdom of Solar Lives.

197. Có ba giới chủ quan: Giới các Linh Hồn, Giới các Sự Sống Hành tinh, Giới các Sự sống Thái Dương.

198. The four kingdoms in objective appearance are the mineral kingdom, the vegetable kingdom, the animal kingdom and the human kingdom.

198. Bốn giới trong sắc tướng khách quan là giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại.

199. The cycles of appearance and disappearance are strictly determined, but among the units within any kingdom, there is room for some variability of cycles.

199. Các chu kỳ xuất hiện và biến mất được xác định nghiêm ngặt, nhưng giữa các đơn vị bên trong bất kỳ giới nào, vẫn có chỗ cho một mức độ biến thiên nào đó của các chu kỳ.

The revolution of a planetary centre producing monadic appearance.

Sự quay quanh của một trung tâm hành tinh tạo ra sự xuất hiện chân thần.

200. Every Monad is a constituent member of a planetary center—probably any one of the seven major planetary centers, but perhaps only the three highest—head, heart and throat. The first option is more likely.

200. Mỗi Chân thần là một thành viên cấu thành của một trung tâm hành tinh—có lẽ là bất kỳ một trong bảy trung tâm hành tinh lớn nào, nhưng cũng có thể chỉ là ba trung tâm cao nhất—đầu, tim và cổ họng. Khả năng thứ nhất có vẻ đúng hơn.

201. As the planetary center revolves, its constituent Monads undertake their pilgrimage and pass through different phases upon that pilgrimage.

201. Khi trung tâm hành tinh quay quanh, các Chân thần cấu thành của nó đảm nhận cuộc hành hương của mình và đi qua những

giai đoạn khác nhau trên cuộc hành hương ấy.

The monadic wheel, or the periodic appearance of units of the fourth Creative Hierarchy.

Bánh xe chân thần, hay sự xuất hiện định kỳ của các đơn vị của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

202. This occurs, it appears, somewhat independently of the turning of the wheel of a planetary center.

202. Có vẻ như điều này xảy ra phần nào độc lập với sự quay của bánh xe của một trung tâm hành tinh.

203. The "monadic wheel" has its cycles of ones and threes.

203. "Bánh xe chân thần" có các chu kỳ của số một và số ba.

204. Not all Monads from the same center come forth towards individualization at the same time. Once in incarnation, Monads also progress at different rates and at different times.

204. Không phải mọi Chân thần từ cùng một trung tâm đều xuất hiện hướng tới biệt ngã hóa cùng một lúc. Một khi đang lâm phàm, các Chân thần cũng tiến bộ với những nhịp độ khác nhau và vào những thời điểm khác nhau.

Thus we pass down the scale through all the kingdoms and forms till we arrive at the tiny revolution of an atom of substance.

Như vậy chúng ta đi xuống theo thang bậc qua mọi giới và hình tướng cho đến khi đến được sự quay vòng nhỏ bé của một nguyên tử chất liệu.

205. The 'rounds' through such an atom involve activation of and emphasis upon different spirillae.

205. Những 'cuộc tuần hoàn' qua một nguyên tử như thế liên hệ đến sự hoạt hóa và nhấn mạnh lên các loa tuyến khác nhau.

206. It would seem that all such spheres both rotate and revolve.

206. Có vẻ như mọi khối cầu như thế đều vừa tự quay vừa quay quanh.

207. In this section of text we have travelled from the ultimately universal down to the sub-microscopic.

207. Trong phần văn bản này, chúng ta đã du hành từ cái tối hậu phổ quát xuống đến cái dưới hiển vi.

S9S2 Part I

TCF 1088-1092:

TCF 1087-1092:

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. We have just been through one of the most expansive, far-ranging section of *A Treatise on Cosmic Fire*. The Tibetan has offered us His most *universal perspective* thus far. It is not that we are capable of accurately interpreting all that He has said, but our imaginations have been greatly stimulated. We also sense that there the factor of organization is supreme as we ascend to the 'heights' of cosmos.

1. Chúng ta vừa đi qua một trong những phần bao quát và trải rộng nhất của *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Chân sư Tây Tạng đã cống hiến cho chúng ta quan điểm *phổ quát nhất* của Ngài cho đến nay. Không phải là chúng ta có khả năng diễn giải chính xác tất cả những gì Ngài đã nói, nhưng sự tưởng tượng của chúng ta đã được kích thích mạnh mẽ. Chúng ta cũng cảm nhận rằng yếu tố tổ chức là tối thượng khi chúng ta đi lên những 'đỉnh cao' của vũ trụ.

In concluding our remarks concerning the diverse wheels of the universe, we will touch with brevity upon **the "wheels" which concern the human monad.**

Khi kết thúc những nhận xét của chúng ta về các bánh xe đa dạng của vũ trụ, chúng ta sẽ ngắn gọn đề cập đến **những "bánh xe" liên quan đến chân thần con người.**

2. This, then, will be the most practical of the expansive (though briefly stated) section on "wheels".

2. Như vậy, đây sẽ là phần thực tiễn nhất trong phần bàn rộng (dù được trình bày ngắn gọn) về các "bánh xe".

This is a subject but little dealt with as yet, though a few words have been spoken anent the egoic wheel.

Đây là một chủ đề cho đến nay còn rất ít được bàn đến, mặc dù đã có đôi lời được nói ra liên quan đến bánh xe chân ngã.

3. Really, the presentation on the "egoic wheel" has been very rich. Master DK has discussed different kinds of lotuses, their origin, their type of expression, etc. The subject of the Monad, however, is deeper and less accessible.

It must be borne in mind that the evolution of the [Page 1088] Monad is a much more intricate thing than appears in the books as yet given to the public.

4. With a little thought, one can surely imagine the verity of what Master DK tells us. The true nature of the Monad is hardly discussed and its origin left to the most far-reaching speculation. We cannot reasonably think that that which we call 'our Monad', originated in this solar system.\

In those books the **development of consciousness and its transition through the kingdoms of nature are the points dwelt upon.**

5. Given the present stage of human understanding this is to be expected. The subject of the development of consciousness (i.e., the development of soul) is sufficiently deep to engage the most profound thought of which we are capable. What further extensions of thought are needed to fathom the nature of the Monad?

6. You may link to the *On The Monad* table of contents. http://www.makara.us/04mdr/01writing/04tg/monad_toc.htm

3. Thật ra, phần trình bày về "bánh xe chân ngã" đã rất phong phú. Chân sư DK đã bàn về những loại hoa sen khác nhau, nguồn gốc của chúng, loại hình biểu lộ của chúng, v.v. Tuy nhiên, chủ đề về Chân thần thì sâu hơn và khó tiếp cận hơn.

Cần ghi nhớ rằng sự tiến hoá của [Page 1088] Chân thần là một điều phức tạp hơn nhiều so với điều hiện nay xuất hiện trong những quyển sách đã được trao cho công chúng.

4. Chỉ cần suy nghĩ một chút, người ta chắc chắn có thể hình dung tính chân thực của điều Chân sư DK nói với chúng ta. Bản chất đích thực của Chân thần hầu như không được bàn đến và nguồn gốc của nó bị bỏ mặc cho những suy đoán xa vời nhất. Chúng ta không thể hợp lý mà nghĩ rằng cái mà chúng ta gọi là 'Chân thần của mình' lại bắt nguồn trong hệ mặt trời này.\

Trong những quyển sách ấy, **sự phát triển của tâm thức và sự chuyển tiếp của nó qua các giới trong thiên nhiên là những điểm được nhấn mạnh.**

5. Với giai đoạn thấu hiểu hiện nay của con người, điều này là điều có thể chờ đợi. Chủ đề về sự phát triển của tâm thức (tức sự phát triển của linh hồn) đủ sâu để cuốn hút tư tưởng sâu sắc nhất mà chúng ta có khả năng đạt tới. Cần những mở rộng tư tưởng nào hơn nữa để dò thấu bản chất của Chân thần?

6. Các bạn có thể liên kết đến mục lục *Về Chân thần* http://www.makara.us/04mdr/01writing/04tg/monad_toc.htm

Yet there have been earlier cycles which it will be only possible to comprehend as the history and evolution of the planetary Logoi become gradually revealed.

Tuy nhiên đã có những chu kỳ sớm hơn mà chỉ có thể thấu hiểu được khi lịch sử và sự tiến hoá của các Hành Tinh Thượng Đế dần dần được tiết lộ.

7. Is the development and fate of the human Monad linked to the earlier development of the Planetary Logoi in which these Monads are now as "cells"? This seems to be what is being said.

7. Phải chăng sự phát triển và số phận của Chân thần con người được nối kết với sự phát triển trước kia của các Hành Tinh Thượng Đế, trong đó những Chân thần này hiện nay là những "tế bào"? Có vẻ như đó là điều đang được nói ra.

8. The history and evolution of the Planetary Logoi is only dimly hinted. We have gathered that they have passed through much earlier phases in which they were as man is now.

8. Lịch sử và sự tiến hoá của các Hành Tinh Thượng Đế chỉ mới được gợi ý mờ nhạt. Chúng ta đã thu thập được rằng Các Ngài đã đi qua nhiều giai đoạn sớm hơn, trong đó Các Ngài giống như con người hiện nay.

Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara. (TCF 272)

Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều. (TCF 272)

9. DK also hints at the participation of some of them in the previous solar system and probably in solar systems still earlier.

9. Chân sư DK cũng gợi ý về sự tham dự của một số vị trong số Các Ngài vào hệ mặt trời trước và có lẽ vào cả những hệ mặt trời còn sớm hơn nữa.

They [Monads] **are parts of His body of manifestation, cells within that greater vehicle, and thus vitalised by His life, qualified by His nature, and distinguished by His characteristics.**

Chúng [Monads] **là những phần của thể biểu lộ của Ngài, những tế bào bên trong vận cụ lớn hơn ấy, và do đó được sự sống của Ngài tiếp sinh lực, được bản chất của Ngài định tính, và được phân biệt bởi những đặc tính của Ngài.**

10. Monads are as cells within a Planetary Logos. Was there ever a time, or will there ever be a time, when the Monad can have an existence independent from its 'parent' Planetary Logos?

10. Các Chân thần như những tế bào bên trong một Hành Tinh Thượng Đế. Đã từng có, hay sẽ từng có, một thời điểm khi Chân thần có thể có một sự hiện hữu độc lập với Hành Tinh Thượng Đế 'mẹ' của nó chăng?

11. This actually, is a most important question. For instance, Monads tread many different Cosmic Paths on the Way of Higher Evolution. The Planetary Logos to which these Monads presently 'belong' cannot possibly be involved in all these Paths!

11. Thật ra đây là một câu hỏi hết sức quan trọng. Chẳng hạn, các Chân thần bước đi trên nhiều Con đường Tiến Hóa Cao Siêu khác nhau. Hành Tinh Thượng Đế mà các Chân thần này hiện nay 'thuộc về' tuyệt đối không thể nào cùng tham dự vào tất cả những Con Đường ấy!

This will take the history, therefore, of a Monad back to the earlier kalpas.

Do đó, điều này sẽ đưa lịch sử của một Chân thần trở lui về các kalpa sớm hơn.

12. By this, DK presumably means earlier "mahakalpas". If so there have been times with the Monad was distinctly free from its pilgrimage through the lower forms of matter—at least, so it would seem.

12. Bởi điều này, có lẽ Chân sư DK muốn nói đến những "mahakalpa" sớm hơn. Nếu vậy, đã từng có những thời kỳ khi Chân thần rõ rệt được tự do khỏi cuộc hành hương của nó qua những hình tướng thấp của vật chất—ít nhất, dường như là như thế.

Such history it is not possible to reveal, and no purpose would be served by such a revelation.

Không thể tiết lộ lịch sử như thế, và cũng không có mục đích nào được phụng sự bởi một sự mặc khải như thế.

13. Does this mean that the history simply *cannot* be revealed because there are no revealers capable of revealing it? Or does it mean that such history *may* not be revealed?

13. Điều này có nghĩa là lịch sử ấy đơn giản *không thể* được tiết lộ vì không có những đấng mặc khải nào có khả năng tiết lộ nó chăng? Hay điều đó có nghĩa là lịch sử như thế *không được phép* tiết lộ?

14. Why does Master DK tell us that no purpose would be served by such a revelation? Do we not suspect that some gain in perspective concerning monadic life would be accorded? Or would the revelation simply bring confusion?

14. Vì sao Chân sư DK nói với chúng ta rằng một sự mặc khải như thế sẽ không phục vụ mục đích nào? Chẳng phải chúng ta nghi rằng một số lợi ích về viễn cảnh liên quan đến sự sống chân thần sẽ được ban cho sao? Hay sự mặc khải ấy đơn giản chỉ đem lại sự rối rắm?

The fact only can be touched upon as it must be considered along general lines **if the true nature of the Self is to be accurately known.**

Sự kiện ấy chỉ có thể được chạm đến, vì nó phải được xét theo những đường nét tổng quát **nếu bản chất chân thực của Bản Ngã phải được biết một cách chính xác.**

15. The Monad *is* the true *Self*. We may think we may know much about the Self but what was the nature of the Self in former kalpas and mahakalpas?

We might consider that the Monad of the human being passes through cycles analogous to those through which the Heavenly Man travels.

16. The analogies will have to be closely watched. Much can thereby be learned about the progress of *both* types of 'M/men'.

17. But the key point to solve is whether the Monad always travels *with* a particular Planetary Logos.

There is, first, the vast cycle of unfoldment through which a "spark" passes.

18. The Monad is the "spark".

19. DK seems to hint that all of us have undergone some type of unfoldment (as Monads, as "sparks") within the previous solar system and will also do so within the next solar system.

This covers the period of **three major solar systems**—that preceding this one, the present, and the succeeding one.

20. What of *minor* solar systems? Were the "sparks" not present during the (perhaps) three minor solar systems which preceded the three major (of which we are presently in the second). (This, at least, is one way of looking at solar systemic evolution.)

15. Chân thần *là* Bản Ngã chân thực. Chúng ta có thể nghĩ rằng mình có thể biết nhiều về Bản Ngã, nhưng bản chất của Bản Ngã trong các kalpa và mahakalpa trước kia là gì?

Chúng ta có thể xét rằng chân thần của con người đi qua những chu kỳ tương tự như những chu kỳ mà Đấng Thiên Nhân trải qua.

16. Những sự tương đồng ấy sẽ phải được theo dõi chặt chẽ. Nhờ đó có thể học được nhiều về sự tiến bộ của *cả hai* loại 'M/người'.

17. Nhưng điểm then chốt cần giải quyết là liệu chân thần có luôn luôn di hành *cùng với* một Hành Tinh Thượng Đế nhất định hay không.

Trước hết, có chu kỳ khai mở bao la mà qua đó một "tia lửa" đi qua.

18. Chân thần là "tia lửa" ấy.

19. DK dường như gợi ý rằng tất cả chúng ta đều đã trải qua một loại khai mở nào đó (với tư cách các chân thần, như những "tia lửa") trong hệ mặt trời trước và cũng sẽ làm như vậy trong hệ mặt trời kế tiếp.

Điều này bao trùm giai đoạn của **ba hệ mặt trời lớn**—hệ đi trước hệ này, hệ hiện tại, và hệ kế tiếp.

20. Còn các *hệ mặt trời nhỏ* thì sao? Chẳng lẽ các "tia lửa" đã không hiện diện trong (có lẽ) ba hệ mặt trời nhỏ đi trước ba hệ lớn (mà hiện nay chúng ta đang ở trong hệ lớn thứ hai) sao? (Ít nhất, đây là một cách nhìn về sự tiến hoá của hệ mặt trời.)

21. Some theorists believe there will be seven solar systems altogether and DK seems to support this point.

21. Một số nhà lý thuyết tin rằng sẽ có tất cả bảy hệ mặt trời và DK dường như ủng hộ quan điểm này.

There will be seven systems, though we are only concerned with the three major systems, of which our present system is the second major system. (IHS 187)

Sẽ có bảy hệ, dù chúng ta chỉ quan tâm đến ba hệ lớn, trong đó hệ hiện tại của chúng ta là hệ lớn thứ hai. (IHS 187)

22. Yet at the same time it is said that the third major solar system is the "final" solar system.

22. Tuy nhiên đồng thời người ta lại nói rằng hệ mặt trời lớn thứ ba là hệ mặt trời "cuối cùng".

It is the redemption of unprincipled substance, its creative restoration and spiritual integration, which is Their goal; the fruits of Their labour will be seen in **the third and final solar system**. (ENA 65)

Chính sự cứu chuộc chất liệu vô nguyên khí, sự phục hồi sáng tạo của nó và sự tích hợp tinh thần của nó là mục tiêu của Các Ngài; thành quả lao động của Các Ngài sẽ được thấy trong **hệ mặt trời thứ ba và cuối cùng**. (ENA 65)

23. The matter has been seriously and intensively debated by a number of advanced students and no final conclusion (satisfactory to them all) has been reached.

23. Vấn đề này đã được một số đạo sinh tiến bộ tranh luận một cách nghiêm túc và mãnh liệt, và chưa đạt tới kết luận cuối cùng nào (thỏa đáng đối với tất cả họ).

24. Some also think that the minor solar systems are found *within* the three major solar systems. Such are the variety of perspectives which emerge when thinking seriously of these puzzles.

24. Một số người cũng nghĩ rằng các hệ mặt trời nhỏ được tìm thấy *bên trong* ba hệ mặt trời lớn. Đó là sự đa dạng của các viễn cảnh xuất hiện khi suy nghĩ nghiêm túc về những câu đố này.

In these three, the totality of the **cosmic** Past, Present, and Future, embodying the three aspects of the divine Life of the solar Logos, are carried to the point of perfection in an **individualised** Monad.

Trong ba hệ này, toàn thể **quá khứ, hiện tại và tương lai vũ trụ**, thể hiện ba phương diện của sự sống thiêng liêng của Thái dương Thượng đế, được đưa đến điểm hoàn hảo trong một chân thần **biệt ngã hóa**.

25. If the major three solar systems embody the "totality" of the cosmic past, present and future, one wonders how any minor solar

25. Nếu ba hệ mặt trời lớn thể hiện "toàn thể" quá khứ, hiện tại và tương lai vũ trụ, người ta tự hỏi làm sao bất kỳ hệ mặt trời nhỏ nào có thể đã đi trước hệ lớn thứ nhất?

systems could have preceded the first major system?

26. We also note that the word "cosmic" has been used relating our Solar Logos to the "cosmic" sphere.

27. Our Solar Logos is a *cosmic **Being*** but not yet a "Cosmic **Logos**".

28. Note the term "individualised Monad". Were all Monads individualized in the past solar system? This does not seem likely as the individualization was obviously taken by many in this second major solar system.

29. Perhaps it is only when the Monad is at last *individualized* through the creation of its Self-conscious Ego that the Past, Present and Future can be carried to perfection.

30. Yet, in a way, can we consider the Monad, per se, a kind of 'individualized being'? Certainly it is a distinct point of identity.

It must be remembered that **in this solar system, for instance, certain developments are only recapitulations of evolutionary processes undergone in an earlier solar system**; the clue to this lies in the consideration of the manasic or mind principle.

31. This is a very interesting thought. Is all monadic development (in *this* solar system) which leads up to mental expression, merely a recapitulation of that which transpired in an earlier solar system or earlier solar systems?

26. Chúng ta cũng lưu ý rằng từ "vũ trụ" đã được dùng khi liên hệ Thái dương Thượng đế của chúng ta với khối cầu "vũ trụ".

27. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một *Hữu thể vũ trụ* nhưng chưa phải là một "**Thượng đế Vũ trụ**".

28. Hãy lưu ý thuật ngữ "chân thần biệt ngã hóa". Phải chăng mọi chân thần đều đã được biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước? Điều này dường như không có khả năng, vì sự biệt ngã hóa hiển nhiên đã được nhiều đơn vị đảm nhận trong hệ mặt trời lớn thứ hai này.

29. Có lẽ chỉ khi chân thần cuối cùng được *biệt ngã hóa* thông qua việc tạo ra chân ngã có ngã thức của nó thì Quá khứ, Hiện tại và Tương lai mới có thể được đưa đến hoàn hảo.

30. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, liệu chúng ta có thể xem chân thần, chính nó, như một loại 'hữu thể biệt ngã hóa' không? Chắc chắn nó là một điểm bản sắc riêng biệt.

Cần nhớ rằng **chẳng hạn, trong hệ mặt trời này, một số phát triển chỉ là sự lặp lại của các tiến trình tiến hoá đã trải qua trong một hệ mặt trời trước**; đầu mối của điều này nằm trong việc xét nguyên khí manas hay nguyên khí trí tuệ.

31. Đây là một ý tưởng rất thú vị. Phải chăng mọi phát triển chân thần (trong *hệ mặt trời* này) dẫn đến sự biểu lộ trí tuệ chỉ đơn thuần là sự lặp lại điều đã xảy ra trong một hệ mặt trời trước hay các hệ mặt trời trước?

32. From this perspective, all manasic development of man in this solar system is really a recapitulation of the kind of development which was focal in the previous system.

32. Từ viễn cảnh này, mọi phát triển manas của con người trong hệ mặt trời này thực sự là sự lặp lại loại phát triển vốn là tiêu điểm trong hệ trước.

33. Yet, we may assume, that although there were some human Monads of our present solar system who were individualized in the previous, the majority of Monads of those who are expressing as men in this solar system, were individualized in *this* solar system.

33. Tuy nhiên, chúng ta có thể giả định rằng mặc dù có một số chân thần nhân loại của hệ mặt trời hiện tại đã được biệt ngã hóa trong hệ trước, đa số chân thần của những người đang biểu lộ như con người trong hệ mặt trời này đã được biệt ngã hóa trong *hệ mặt trời* này.

34. Perhaps, however, there were many Monads who expressed as men in the previous solar system, only some of them being transferred to the present solar system as "laggards" or as the "failures" of that system.

34. Tuy nhiên, có lẽ đã có nhiều chân thần biểu lộ như con người trong hệ mặt trời trước, chỉ một số trong đó được chuyển sang hệ mặt trời hiện tại như những "kẻ chậm tiến" hay như những "thất bại" của hệ ấy.

The solar Angels, the **intelligent individualising factor**, were (from certain angles of vision) the product of an earlier system,

Các Thái dương Thiên Thần, **nhân tố thông tuệ tạo nên sự biệt ngã hóa**, đã là (từ một số góc độ tầm nhìn) sản phẩm của một hệ trước,

35. These Solar Angels, we have been taught, were "men" in the previous solar system.

35. Chúng ta đã được dạy rằng các Thái dương Thiên Thần này là những "con người" trong hệ mặt trời trước.

36. This fact may tell us something about why Sirius (the source of Manas to our Solar Logos) was even more active in the previous solar system than in this one.

36. Sự kiện này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về lý do vì sao Sirius (nguồn Manas đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta) còn hoạt động mạnh hơn trong hệ mặt trời trước so với hệ này.

37. We must, however, consider which *angles* of vision Master DK is indicating. From which angles of vision were the "solar Angels" *not* the product of an earlier system?

37. Tuy nhiên, chúng ta phải xét Chân sư DK đang chỉ ra những *góc độ* tầm nhìn nào. Từ những góc độ tầm nhìn nào mà các "Thái

dương Thiên Thần" *không* phải là sản phẩm của một hệ trước?

and only waited for the time in the present system when the forms in the three kingdoms had reached the point of synthetic development which made it possible for them to be impressed and influenced from on high.

và chỉ chờ thời điểm trong hệ hiện tại khi các hình tướng trong ba giới đã đạt tới điểm phát triển tổng hợp khiến cho chúng có thể được gây ấn tượng và chịu ảnh hưởng từ bên trên.

38. The "wait" of the Solar Angels must have been very long, as the Second Outpouring needed to complete perhaps two-thirds of its process before the requisite point of synthetic development had been reached.

38. Sự "chờ đợi" của các Thái dương Thiên Thần hẳn phải rất dài, vì Lần Tuôn Đổ thứ hai cần hoàn tất có lẽ hai phần ba tiến trình của nó trước khi đạt tới điểm phát triển tổng hợp cần thiết.

39. From other angles vision, the Monads became active in relation to the lower kingdoms long before the Solar Angels began to exert their influence. This we learn when studying the "immetalization" of the Monad; its 'invegetalization', in this solar system 'inzoonation'.

39. Từ những góc độ tầm nhìn khác, các chân thần đã trở nên hoạt động trong liên hệ với các giới thấp từ rất lâu trước khi các Thái dương Thiên Thần bắt đầu phát huy ảnh hưởng của mình. Điều này chúng ta học được khi nghiên cứu sự "inmetalization" của chân thần; sự 'invegetalization' của nó, trong hệ mặt trời này là sự 'inzoonation'.

We [Page 1089] have in this concept an idea analogous to the entering in of those Monads, during Atlantean days, who, having individualised upon another chain,

Chúng ta [Page 1089] có trong khái niệm này một ý tưởng tương tự với sự đi vào của những chân thần ấy, trong thời Atlantis, những chân thần mà sau khi đã biệt ngã hóa trên một dãy khác,

40. This was the Moon-chain and the entry is hypothesized to have taken place in the third sub-race of the fourth rootrace. (c.f. *The Hidden History of Humanity* by Phillip Lindsay.)

40. Đây là Dãy Mặt Trăng và sự đi vào ấy được giả thuyết là đã diễn ra trong giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc thứ tư. (xem *Lịch Sử Ẩn Kín của Nhân Loại* của Phillip Lindsay.)

41. Technically, those who entered were already "Egos" having been individualized.

41. Về mặt kỹ thuật, những kẻ đi vào ấy đã là các "Chân ngã", vì đã được biệt ngã hóa.

42. From a deeper perspective, all Egos are essentially Monads.

42. Từ một viễn cảnh sâu hơn, mọi Chân ngã về bản chất đều là các chân thần.

tarried in the inter-planetary spaces until earth conditions were such that the occupation of adequate forms became possible.

đã lưu lại trong các khoảng không gian liên hành tinh cho đến khi các điều kiện trên Trái Đất trở nên như thế để việc chiếm giữ những hình tướng thích hợp trở nên khả hữu.

43. This was a condition of pralayic 'learning' which was necessary if these Egos were to be sufficiently prepared to enter the Earth-chain.

43. Đây là một trạng thái 'học hỏi' trong pralaya, cần thiết để các Chân ngã này có thể được chuẩn bị đầy đủ hầu đi vào Dãy Địa Cầu.

44. The phrase "inter-planetary spaces" needs examination. Did the tarrying take place within the sphere of the planetary scheme? Or did the pralaya occur outside the planetary ring-pass-not? It would seem more logical that the pralayic period occurred within the confines of the planetary ring-pass-not.

44. Cụm từ "các khoảng không gian liên hành tinh" cần được khảo sát. Sự lưu lại ấy có diễn ra trong khối cầu của hệ hành tinh không? Hay pralaya đã xảy ra bên ngoài vòng-giới-hạn hành tinh? Có vẻ hợp lý hơn khi cho rằng giai đoạn pralaya đã diễn ra trong phạm vi của vòng-giới-hạn hành tinh.

45. However, a number of individualized human beings from the previous solar system went into a condition of pralaya following that system and in preparation for entry into this second major solar system. In what 'location' was their pralaya? Could we say that it occurred in a kind of solar systemic 'devachan' on planes higher than the cosmic physical plane?

45. Tuy nhiên, một số hữu thể nhân loại đã được biệt ngã hóa từ hệ mặt trời trước đã đi vào trạng thái pralaya sau hệ ấy và để chuẩn bị đi vào hệ mặt trời lớn thứ hai này. Pralaya của họ ở "vị trí" nào? Chúng ta có thể nói rằng nó xảy ra trong một loại "devachan" của hệ mặt trời trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ chăng?

46. During the pralaya of an entire solar system, the etheric-physical body, the astral body and the lower mental body of the Solar Logos concerned must eventually dissipate.

46. Trong pralaya của toàn bộ một hệ mặt trời, thể dĩ thái-hồng trần, thể cảm dục và thể hạ trí của Thái dương Thượng đế liên hệ hẳn cuối cùng phải tiêu tan.

The correspondence is not exact but is indicative of the truth.

Sự tương ứng không hoàn toàn chính xác nhưng có tính chỉ dấu cho chân lý.

47. Between solar systems, during the solar pralaya, it can be assumed that the individualized Monads of the first solar system also 'learned' in such a manner that they would be prepared and equipped to

47. Giữa các hệ mặt trời, trong thời kỳ pralaya mặt trời, có thể giả định rằng các chân thần đã được biệt ngã hóa của hệ mặt trời thứ nhất cũng đã "học" theo cách như thế để chúng được chuẩn bị và trang bị hầu

enter the second solar system at in a fitting condition and at an appropriate time.

đi vào hệ mặt trời thứ hai trong một tình trạng thích hợp và vào một thời điểm thích đáng.

The vast cycle of unfoldment (which rendered later evolution possible) preceded this solar system, and might be regarded as the monadic correspondence to a cosmic wheel.

Chu kỳ khai mở bao la (đã làm cho sự tiến hoá về sau trở nên khả hữu) đã đi trước hệ mặt trời này, và có thể được xem như sự tương ứng chân thần với một bánh xe vũ trụ.

48. This analogy will require deep pondering. It seems certain that DK considers the Monad part of a much bigger structure of which its present expression is simply a fractional part.

48. Sự tương đồng này sẽ đòi hỏi sự suy gẫm sâu xa. Có vẻ chắc chắn rằng DK xem chân thần là một phần của một cấu trúc lớn hơn rất nhiều mà biểu hiện hiện tại của nó chỉ đơn thuần là một phần nhỏ.

49. We also gather that "cosmic wheels" can be considered both spatial and temporal perspectives.

49. Chúng ta cũng hiểu rằng "những bánh xe vũ trụ" có thể được xem như vừa là những viễn cảnh không gian vừa là những viễn cảnh thời gian.

50. Like a Solar Logos, will a Monad too have 'seven systems' or seven great incarnations? Or will it have only *six*— since the sixth of our solar systems is the "third and final" system?

50. Giống như một Thái dương Thượng đế, liệu một chân thần cũng sẽ có 'bảy hệ' hay bảy lần lâm phàm lớn chăng? Hay nó sẽ chỉ có *sáu*— vì hệ mặt trời thứ sáu của chúng ta là hệ "thứ ba và cuối cùng"?

51. Is the present incarnation through which so many human Monads are passing to be considered its second "major" incarnation or system?

51. Lần lâm phàm hiện tại mà qua đó rất nhiều chân thần nhân loại đang đi qua có được xem là lần lâm phàm hay hệ "lớn" thứ hai của nó không?

52. As we have learned by studying earlier sections of text, the term "cosmic wheel" is not exactly straightforward. It could be a structure so vast that, within it, galaxies are as chakras; or it could be a galaxy itself; or it could be, relatively a much smaller intra-galactic structure—the wheel, for instance, of a Cosmic Logos composed of seven major solar systems.

52. Như chúng ta đã học khi nghiên cứu các phần trước của bản văn, thuật ngữ "bánh xe vũ trụ" không hoàn toàn đơn giản. Nó có thể là một cấu trúc bao la đến mức trong đó các thiên hà giống như các luân xa; hoặc nó có thể chính là một thiên hà; hoặc tương đối mà nói, nó có thể là một cấu trúc nội thiên hà nhỏ hơn nhiều—chẳng hạn bánh xe của một Thượng đế Vũ trụ gồm bảy hệ mặt trời lớn.

53. When we use terms like “cosmic wheel” we are immediately confronted with DK’s tendency to use ‘level blinds’.

53. Khi chúng ta dùng những thuật ngữ như “bánh xe vũ trụ”, chúng ta lập tức đối diện với khuynh hướng của DK trong việc sử dụng những ‘bức màn cấp độ’.

In the old Commentary this point of development is hinted at in the words:

Trong Cổ Luận, điểm phát triển này được gợi ý qua những lời sau:

"The fifth did not appear as the product of the present.

"Cái thứ năm đã không xuất hiện như sản phẩm của hiện tại.

54. Here is could almost seem that we were discussing the fifth solar system (our second major solar system).

54. Ở đây dường như gần như có thể thấy rằng chúng ta đang bàn về hệ mặt trời thứ năm (hệ mặt trời lớn thứ hai của chúng ta).

55. On the other hand, we could well be dealing with the Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels.

55. Mặt khác, rất có thể chúng ta đang đề cập đến Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm của các Thái dương Thiên Thần.

56. Further, and on topic, we could be speaking of the fifth solar systemic ‘appearance’ of the human Monad.

56. Hơn nữa, và đúng chủ đề, chúng ta có thể đang nói về “sắc tướng” hệ mặt trời thứ năm của chân thần nhân loại.

The five spokes of that wheel had each a cycle of development,

Năm nan hoa của bánh xe ấy, mỗi nan đều có một chu kỳ phát triển,

57. Are we, then, presently in the fifth monadic phase?

57. Vậy thì hiện nay chúng ta đang ở trong giai đoạn chân thần thứ năm chăng?

and one in which they were welded at the centre."

và một chu kỳ trong đó chúng được hàn lại tại trung tâm."

58. Is the cycle of development in which “they were welded at the centre” speaking of a *very early primitive phase*, or of a phase which is to come? A stage in which all were not yet differentiated might not qualify as a “spoke” in the monadic wheel but there could be a developmental phase in which welding at the center occurred.

58. Chu kỳ phát triển trong đó “chúng được hàn lại tại trung tâm” có nói đến một *giai đoạn nguyên thủy rất sớm*, hay một giai đoạn sẽ đến? Một giai đoạn trong đó tất cả còn chưa phân hoá có thể không đủ tư cách là một “nan hoa” trong bánh xe chân thần, nhưng có thể có một giai đoạn phát triển trong đó việc hàn lại tại trung tâm đã xảy ra.

59. If we use the solar systemic analogy, such a 'welded' system might not qualify as a solar system either.

59. Nếu chúng ta dùng sự tương đồng của hệ mặt trời, một hệ được 'hàn' như thế cũng có thể không đủ tư cách là một hệ mặt trời.

60. There are analogies to be drawn between solar systemic cycles and monadic cycles—obviously.

60. Hiển nhiên có những sự tương đồng cần được rút ra giữa các chu kỳ hệ mặt trời và các chu kỳ chân thần.

61. It would seem that our monadic wheel has had at least five spokes and maybe a deeply primeval sixth. The next would be the seventh from this perspective, and again, there would be a welding at the center, but in fully expansive power and consciousness—a final synthesis.

61. Có vẻ như bánh xe chân thần của chúng ta đã có ít nhất năm nan hoa và có lẽ một nan thứ sáu cực kỳ nguyên sơ. Nan kế tiếp sẽ là nan thứ bảy theo viễn cảnh này, và một lần nữa sẽ có sự hàn lại tại trung tâm, nhưng trong quyền năng và tâm thức hoàn toàn mở rộng—một tổng hợp cuối cùng.

The Monad has cycles analogous, though on a miniature scale, to those of the one Life Who permeates and animates all lesser lives.[13] [Bible. I Peter 2:4]

Chân thần có những chu kỳ tương tự, dù ở quy mô thu nhỏ, với những chu kỳ của Sự sống duy nhất đang thấm nhuần và tiếp sinh lực cho mọi sự sống nhỏ hơn.13 [Bible. I Peter 2:4]

62. This Life can reasonably be considered the Solar Logos, though the idea is capable of vast extension including many varieties of Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi, etc.

62. Sự Sống này có thể được xem một cách hợp lý là Thái dương Thượng đế, dù ý tưởng ấy có thể được mở rộng rất lớn để bao gồm nhiều loại Thượng đế Vũ trụ và các Thượng đế Siêu Vũ trụ, v.v.

Certain of these cycles cover periods of time so vast, and so long past, that their history can only be conveyed to the investigating Adepts through the medium of sound and symbol.

Một số chu kỳ này bao trùm những khoảng thời gian bao la đến mức, và đã qua từ rất lâu, đến nỗi lịch sử của chúng chỉ có thể được truyền đạt cho các chân sư đang khảo cứu qua trung gian của âm thanh và biểu tượng.

63. We are now into some of the deepest mysteries, obscure even to the Adepts. Yet in our constant search for the Self (the Essence) this extremely ancient history will one day have to be considered.

63. Giờ đây chúng ta đang đi vào một số huyền nhiệm sâu xa nhất, mờ tối ngay cả đối với các chân sư. Tuy nhiên, trong cuộc truy tìm không ngừng của chúng ta đối với Bản Ngã (Tinh Hoa), lịch sử cực kỳ cổ xưa này một ngày kia sẽ phải được xem xét.

64. Perhaps the thing to be extracted is that the present monadic cycle is far from the Monad's *only* cycle, even though many of us have become accustomed to think in such limited terms. The Monad is not a thing with only a lengthy future and no lengthy past.

64. Có lẽ điều cần rút ra là chu kỳ chân thần hiện tại còn rất xa mới là chu kỳ *duy nhất* của chân thần, mặc dù nhiều người trong chúng ta đã quen suy nghĩ trong những giới hạn như thế. Chân thần không phải là một thực thể chỉ có một tương lai dài lâu mà không có một quá khứ dài lâu.

The details of that development are lost in the night of other kalpas,

Chi tiết của sự phát triển ấy bị mất hút trong đêm tối của những kalpa khác,

65. Again, while the Tibetan probably does mean "kalpas" with regard to some details of development, it seems certain from much of the foregoing text that He is also speaking of mahakalpas.

65. Một lần nữa, dù Chân sư Tây Tạng có lẽ thực sự muốn nói đến "các kalpa" đối với một số chi tiết phát triển, nhưng từ phần lớn bản văn đi trước, dường như chắc chắn rằng Ngài cũng đang nói đến các mahakalpa.

and all that can be seen are the *results*,—the cause must be accepted as existing, **though for us remaining inexplicable until the higher initiations are taken.**

và tất cả những gì có thể thấy chỉ là các *kết quả*,—nguyên nhân phải được chấp nhận là hiện hữu, **dù đối với chúng ta vẫn không thể giải thích được cho đến khi các điểm đạo cao hơn được tiếp nhận.**

66. Which initiations are these? Those beyond which the Tibetan has taken?

66. Đó là những điểm đạo nào? Những điểm đạo vượt quá những điểm mà Chân sư Tây Tạng đã tiếp nhận chăng?

67. Probably the Planetary Logoi are aware of the history of the Monads associated with Them.

67. Có lẽ các Hành Tinh Thượng Đế biết rõ lịch sử của các chân thần liên kết với Các Ngài.

68. Certainly the perspective under discussion give new emphasis to the sense of immortality which should pervade our consciousness.

68. Chắc chắn viễn cảnh đang được bàn tới này đem lại một sự nhấn mạnh mới cho cảm thức bất tử vốn phải thấm nhuần tâm thức chúng ta.

In the fact of the turning of the monadic Wheel covering the period of three solar systems,

Trong sự kiện bánh xe chân thần quay vòng bao trùm giai đoạn của ba hệ mặt trời,

69. Ba hệ mặt trời và còn hơn thế nữa... dường như là vậy. Nếu không, thì các hệ mặt

69. Three solar systems and more…it would seem. If not, then the earlier solar systems could be subsumed within the greater three.

69. Ba hệ mặt trời sớm hơn có thể được bao hàm trong ba hệ lớn hơn ấy.

70. We do recall that DK has just told us that there are at least five spokes in the monadic wheel and also a cycle of development in which these "spokes" were "welded at the centre".

70. Chúng ta nhớ rằng DK vừa nói với chúng ta rằng có ít nhất năm nan hoa trong bánh xe chân thần và cũng có một chu kỳ phát triển trong đó các "nan hoa" này được "hàn lại tại trung tâm".

lies hid the mystery of **monadic self-will**, and the secret as to why some of the Monads refused to incarnate,

ẩn giấu huyền nhiệm của **tự ý chí chân thần**, và bí mật về lý do vì sao một số chân thần từ chối lâm phàm,

71. Monads are essentially pure being but their foremost instrument is the will.

71. Các chân thần về bản chất là hữu thể thuần túy, nhưng công cụ hàng đầu của chúng là ý chí.

72. Can a B/being who is not individualized have "self-will"?

72. Một H/hữu thể chưa được biệt ngã hóa có thể có "tự ý chí" không?

73. Do the Monads *as Monads* refuse to incarnate, or is it the individualized Monads (Egos) who refuse to incarnate?

73. Phải chăng các chân thần *với tư cách chân thần* từ chối lâm phàm, hay chính các chân thần đã được biệt ngã hóa (các Chân ngã) từ chối lâm phàm?

74. For a Monad, incarnation would mean the generating of a causal body.

74. Đối với một chân thần, lâm phàm sẽ có nghĩa là tạo ra một thể nguyên nhân.

whilst others "fell," and thus proceeded along the present lines of evolution.

trong khi những chân thần khác "sa ngã", và do đó tiến hành theo những đường tiến hoá hiện tại.

75. This is a 'story' on the monadic level similar to the apparent 'refusal' of some of the Agnishvattas to incarnate in early man.

75. Đây là một 'câu chuyện' ở cấp độ chân thần tương tự với sự 'từ chối' bề ngoài của một số Agnishvatta không chịu lâm phàm vào con người sơ khai.

76. When did this refusal occur? Can we say that this refusal occurred in *this* solar system? Can we say that the refusal to incarnate (of at least some of the Monads)

76. Sự từ chối này xảy ra khi nào? Chúng ta có thể nói rằng sự từ chối này đã xảy ra trong *hệ mặt trời* này không? Chúng ta có thể nói rằng sự từ chối lâm phàm (ít nhất của một số

occurred at a time simultaneous to the refusal of the Solar Angels to assume a Self-extension within a human causal body?

chân thần) đã xảy ra đồng thời với sự từ chối của các Thái dương Thiên Thần không chịu đảm nhận một sự tự-mở-rộng trong một thể nguyên nhân nhân loại chăng?

77. We understand that there are still Monads who are "in manifestation" but not "in incarnation". This is true of many first ray Monads.

77. Chúng ta hiểu rằng vẫn còn những chân thần "đang biểu hiện" nhưng không "đang lâm phàm". Điều này đúng với nhiều chân thần cung một.

They refused to incarnate because of internal group conditions

Chúng từ chối lâm phàm vì những điều kiện nhóm bên trong

78. Note—we are here speaking of *monadic* group conditions.

78. Hãy lưu ý—ở đây chúng ta đang nói về những điều kiện nhóm *chân thần*.

79. We may remember from *Letters on Occult Meditation* that there are seven "great groups" of "Egos" on the monadic plane. (LOM 38-39)

79. Chúng ta có thể nhớ từ *Thư về Tham Thiền Huyền Bí* rằng có bảy "nhóm lớn" các "Chân ngã" trên cõi chân thần. (LOM 38-39)

brought about through the evolutionary processes of the past kalpas.

được tạo ra qua các tiến trình tiến hoá của những kalpa quá khứ.

80. At least one "refusal" involving Solar Angels occurred in Lemurian times. Did the monadic refusal occur simultaneously?

80. Ít nhất một sự "từ chối" liên quan đến các Thái dương Thiên Thần đã xảy ra vào thời Lemuria. Sự từ chối của chân thần có xảy ra đồng thời không?

81. Did the refusal to incarnate involve a number of third ray Monads from the previous solar system? Did this refusal also involve a large number of third ray Monads from the Moon-chain?

81. Sự từ chối lâm phàm có liên quan đến một số chân thần cung ba từ hệ mặt trời trước không? Sự từ chối này cũng có liên quan đến một số lượng lớn chân thần cung ba từ Dãy Mặt Trăng không?

It will, therefore, be apparent that the question of what constitutes **sin and evil** is far more intricate than even appears upon the surface.

Do đó, sẽ rõ ràng rằng câu hỏi điều gì cấu thành **tội lỗi và điều ác** phức tạp hơn rất nhiều so với điều thậm chí xuất hiện trên bề mặt.

82. DK đang khuyến khích chúng ta có một viễn cảnh huyền bí học sâu sắc liên quan đến

82. DK is encouraging us to take a deep occult perspective in relation to some of our most problematic moral dilemmas.

một số nan đề đạo đức khó khăn nhất của chúng ta.

83. He is referencing the “sin” involved in refusing to incarnate.

83. Ngài đang quy chiếu đến “tội lỗi” liên quan đến việc từ chối lâm phàm.

From our [Page 1090] limited vision, it appears to be "sin" to fall into incarnation, **and equally sin or self-will, self-satisfaction, to remain unevolved upon the higher planes**.

Từ tầm nhìn [Page 1090] hạn hẹp của chúng ta, dường như “sa vào” lâm phàm là “tội lỗi”, **và cũng là tội lỗi hay tự ý chí, tự mãn, khi vẫn không tiến hoá trên các cõi cao**.

84. We have a double-bind here. Perhaps only in the “middle way” is sin to be avoided.

84. Ở đây chúng ta có một thế lưỡng nan. Có lẽ chỉ trong “trung đạo” thì tội lỗi mới được tránh khỏi.

85. This second type of “sin” seems to involve an act of self-will which refuses compliance with a required planetary rhythm to which the self-willing unit is meant to conform.

85. Loại “tội lỗi” thứ hai này dường như liên quan đến một hành vi tự ý chí từ chối tuân theo một nhịp điệu hành tinh cần thiết mà đơn vị đầy tự ý chí ấy được dự định phải phù hợp theo.

86. The first type of “sin” arises from the thought that that which is subject to matter is sinful and that which is free of matter or ‘above’ matter is pure and sinless.

86. Loại “tội lỗi” thứ nhất phát sinh từ ý nghĩ rằng điều gì lệ thuộc vào vật chất là tội lỗi, còn điều gì thoát khỏi vật chất hay ‘ở trên’ vật chất thì thanh khiết và vô tội.

87. If “sin” is really a term describing the energies of the lower eighteen subplanes, one can understand this perspective.

87. Nếu “tội lỗi” thực sự là một thuật ngữ mô tả các năng lượng của mười tám cõi phụ thấp, người ta có thể hiểu được viễn cảnh này.

Yet both groups followed the law of their being,

Tuy nhiên cả hai nhóm đều tuân theo định luật của hữu thể mình,

88. Something about the ray nature or the developmental nature of the Monads who either “fell” or “refused to incarnate” determined their actions. DK is saying that they must not be blamed for “sin”.

88. Điều gì đó trong bản chất cung hay bản chất phát triển của các chân thần hoặc “sa ngã” hoặc “từ chối lâm phàm” đã quyết định hành động của chúng. DK đang nói rằng không nên quy trách chúng về “tội lỗi”.

89. Was it the second ray Monads who came in, in this second solar system? Was it the third ray Monads (already somewhat developed) who held back, refusing to incarnate until presented with appropriate vehicles?

89. Có phải các chân thần cung hai đã đi vào trong hệ mặt trời lớn thứ hai này không? Có phải các chân thần cung ba (đã phần nào phát triển) đã trì hoãn, từ chối lâm phàm cho đến khi được cung cấp những vận cụ thích hợp không?

90. In this latter case, however, they would already have had egoic lotuses, either from the previous solar system or from the previous chain, the Moon-chain.

90. Tuy nhiên, trong trường hợp sau này, chúng hẳn đã có các hoa sen chân ngã rồi, hoặc từ hệ mặt trời trước hoặc từ dãy trước, tức Dãy Mặt Trăng.

and the solution of the mystery lies in that which is to come.

và lời giải của huyền nhiệm nằm trong điều sẽ đến.

91. That which is to come is the sixth and final solar system (perhaps numbered the seventh in certain systems). DK may be speaking of first ray Monads who are the nucleus of "that which is to come". They "day" will occur in the next solar system though some few may achieve in this solar system.

91. Điều sẽ đến là hệ mặt trời thứ sáu và cuối cùng (có lẽ được đánh số là thứ bảy trong một số hệ thống). DK có thể đang nói về các chân thần cung một là hạt nhân của "điều sẽ đến". "Ngày" của chúng sẽ xảy ra trong hệ mặt trời kế tiếp dù một số ít có thể thành tựu trong hệ mặt trời này.

If the student will with care meditate upon the fact that the three lower planes—the mental, the astral, and the physical—form the dense physical body of the planetary Logos and are, therefore, no principle, **it will become apparent to him that through necessity certain units or cells in the body are more active in space and time than others**.

Nếu đạo sinh cẩn trọng tham thiền về sự kiện rằng ba cõi thấp—cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần—tạo thành thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế và do đó không phải là nguyên khí, **thì đối với y sẽ trở nên rõ ràng rằng do nhu cầu tất yếu, một số đơn vị hay tế bào trong thể ấy hoạt động trong không gian và thời gian nhiều hơn những đơn vị khác**.

92. This could be a hint indicating, most likely, third ray Monads—the "Monads of Activity". It is they who would be most likely to be "more active in space and time" than others who had less affinity with the lower three levels of the cosmic physical plane.

92. Đây có thể là một gợi ý chỉ ra, rất có thể, các chân thần cung ba—"các Chân thần của Hoạt động". Chính chúng là những chân thần có nhiều khả năng "hoạt động trong không gian và thời gian nhiều hơn" những chân thần khác vốn có ít sự tương hợp hơn với ba cấp thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

93. Of course, this would represent a perspective which would be the reverse of that just proposed above.

93. Dĩ nhiên, điều này sẽ biểu thị một viễn cảnh ngược lại với điều vừa được đề nghị ở trên.

94. We might think, however, that the third ray Monads who had not individualized in the previous solar system, were the first to engage in a "pilgrimage" within this particular solar system. Meanwhile, the third ray Monads who *had* individualize in the previous solar system, would be 'waiting' for their proper time to enter.

94. Tuy nhiên, chúng ta có thể nghĩ rằng các chân thần cung ba chưa được biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước là những chân thần đầu tiên tham gia vào một "cuộc hành hương" trong hệ mặt trời đặc biệt này. Trong khi đó, các chân thần cung ba đã *được* biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước sẽ 'chờ đợi' thời điểm thích hợp của chúng để đi vào.

95. The second ray Monads would enter *after* the third ray Monads who individualized in *this* solar system, but *before* the second ray Monads who belong to this system. Those second ray Monads would have to develop vehicles making egoic individualization possible, whereas the third ray Monads of the previous system would already have such vehicles.

95. Các chân thần cung hai sẽ đi vào *sau* các chân thần cung ba đã được biệt ngã hóa trong *hệ mặt trời* này, nhưng *trước* các chân thần cung hai thuộc về hệ này. Những chân thần cung hai ấy sẽ phải phát triển các vận cụ làm cho sự biệt ngã hóa chân ngã trở nên khả hữu, trong khi các chân thần cung ba của hệ trước đã có sẵn những vận cụ như thế.

96. Relative few second ray Monads individualized on the Moon-chain where as many third ray Monads did so.

96. Tương đối ít chân thần cung hai được biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng, trong khi nhiều chân thần cung ba đã làm được điều đó.

97. Probably involvement in the Moon-chain was the first 'descent' (in this solar system) of those Monads who individualized in the previous solar system, yet it is likely that the majority of those third ray Monads from the previous system did not incarnate on the Moon-chain, but only in early Lemurian days before individualization had occurred.

97. Có lẽ sự tham dự vào Dãy Mặt Trăng là lần "giáng xuống" đầu tiên (trong hệ mặt trời này) của những chân thần đã được biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước; tuy nhiên có khả năng là đa số các chân thần cung ba từ hệ trước đã không lâm phàm trên Dãy Mặt Trăng, mà chỉ lâm phàm trong những ngày đầu Lemuria trước khi sự biệt ngã hóa xảy ra.

He must also bear in mind that groups of **Monads come into incarnation according to which centre in a Heavenly Man of a particular planetary scheme,**

Y cũng phải ghi nhớ rằng các nhóm **chân thần đi vào lâm phàm tùy theo trung tâm nào trong một Đấng Thiên Nhân của một hệ hành tinh nhất định,**

98. We can judge that human Monads are found in at least three centers of a Planetary Logos—the head, heart and throat centers. Perhaps they are found in all seven. This has not yet been established but references do exist which seem to indicate that all seven centers may be 'home' to human Monads.

98. Chúng ta có thể phán đoán rằng các chân thần nhân loại được tìm thấy trong ít nhất ba trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế —các trung tâm đầu, tim và cổ họng. Có lẽ chúng được tìm thấy trong cả bảy trung tâm. Điều này chưa được xác lập, nhưng có những quy chiếu dường như cho thấy rằng cả bảy trung tâm đều có thể là 'quê nhà' của các chân thần nhân loại.

99. If the center in which the Monad is a part is undergoing vivification, the appearance of the Monad in incarnation is more likely during that period of vivification.

99. Nếu trung tâm mà chân thần là một phần của nó đang trải qua sự tiếp sinh lực, thì sự xuất hiện của chân thần trong lâm phàm có nhiều khả năng hơn trong giai đoạn tiếp sinh lực ấy.

100. We can see that the cycles of chakric stimulation in a particular Planetary Logos will have much to do with the appearance of certain Monads in incarnation.

100. Chúng ta có thể thấy rằng các chu kỳ kích thích luân xa trong một Hành Tinh Thượng Đế nhất định sẽ có rất nhiều liên hệ với sự xuất hiện của một số chân thần trong lâm phàm.

101. Of course, it should be remember that the centers in which Monads (as Monads and not as individualized Egos) are found are upon the monadic plane.

101. Dĩ nhiên, cần nhớ rằng các trung tâm trong đó các chân thần (với tư cách chân thần chứ không phải như các Chân ngã đã được biệt ngã hóa) được tìm thấy là ở trên cõi chân thần.

102. By the way, in the above, we could note that the term "Heavenly Man" seems to be differentiated from "planetary scheme". The "planetary scheme", in this case, seems to be the vehicle of the Heavenly Man.

102. Nhân tiện, trong đoạn trên, chúng ta có thể lưu ý rằng thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" dường như được phân biệt với "hệ hành tinh". Trong trường hợp này, "hệ hành tinh" dường như là vận cụ của Đấng Thiên Nhân.

or which centre of the solar Logos, is in process of vivification or cyclic activity,

hay trung tâm nào của Thái dương Thượng đế đang trong tiến trình tiếp sinh lực hay hoạt động theo chu kỳ,

103. Planetary schemes are "centres" in a Solar Logos.

103. Các hệ hành tinh là những "trung tâm" trong một Thái dương Thượng đế.

104. Certain planetary schemes are, as a whole, undergoing vivification or cyclic emphasis. During such periods, the Monads involved in the entire planetary scheme will be in some more active form of manifestation or demonstration.

104. Một số hệ hành tinh, xét như toàn thể, đang trải qua sự tiếp sinh lực hay sự nhấn mạnh theo chu kỳ. Trong những giai đoạn như thế, các chân thần liên hệ với toàn bộ hệ hành tinh sẽ ở trong một hình thức biểu hiện hay hiển lộ hoạt động hơn nào đó.

105. If, for instance, the Earth-scheme and the Venus-scheme are presently undergoing vivification by the Solar Logos, then the Monads found within the Earth-scheme and the Venus-scheme will be more active and more likely to be in incarnation than, for instance, the Monads found within a planetary scheme which is *not* undergoing solar logoic vivification.

105. Chẳng hạn, nếu hệ Địa Cầu và hệ Kim Tinh hiện đang trải qua sự tiếp sinh lực bởi Thái dương Thượng đế, thì các chân thần được tìm thấy trong hệ Địa Cầu và hệ Kim Tinh sẽ hoạt động hơn và có nhiều khả năng lâm phàm hơn, chẳng hạn, so với các chân thần được tìm thấy trong một hệ hành tinh *không* đang trải qua sự tiếp sinh lực của Thái dương Thượng đế.

106. We see, then, that monadic cycles are intimately related to the cycles of the Planetary Logoi and Solar Logoi.

106. Như vậy, chúng ta thấy rằng các chu kỳ chân thần liên hệ mật thiết với các chu kỳ của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế.

107. It should be said that the Earth, Venus, Saturn and perhaps Uranus are in process of kundalinic activation. Are Monads from these particular planets in incarnation more than the Monads from other planets? Yet Venus is entering a state of absorption so one would anticipate that Venusian Monads, too, would be entering a state of abstraction from incarnation (at least in the lower three worlds).

107. Cần nói rằng Trái Đất, Sao Kim, Sao Thổ và có lẽ Sao Thiên Vương đang trong tiến trình hoạt hóa kundalini. Phải chăng các chân thần từ những hành tinh đặc biệt này lâm phàm nhiều hơn các chân thần từ những hành tinh khác? Tuy nhiên Sao Kim đang đi vào một trạng thái hấp thu, vì thế người ta sẽ dự đoán rằng các chân thần Kim Tinh cũng sẽ đi vào một trạng thái trừu xuất khỏi lâm phàm (ít nhất trong ba cõi thấp).

108. The solar systemic 'rounds' will have to be considered. There may be seven such or perhaps nine. When the solar systemic 'round' reaches a particular planetary scheme it enters a stage of activation. Its chakras are activated and presumably, its *monadic* chakras as well, leading to the activation of a chakra's constituent Monads.

108. Các "cuộc tuần hoàn" của hệ mặt trời sẽ phải được xem xét. Có thể có bảy cuộc như thế hoặc có lẽ chín. Khi "cuộc tuần hoàn" của hệ mặt trời đạt tới một hệ hành tinh nhất định, nó đi vào một giai đoạn hoạt hóa. Các luân xa của nó được hoạt hóa và có lẽ cả các luân xa *chân thần* của nó nữa, dẫn đến sự hoạt hóa các chân thần cấu thành một luân xa.

109. Thus, there may be at least two forms of activation with regard to a planetary scheme: *round* activation and *kundalinic* activation.

109. Như vậy, có thể có ít nhất hai hình thức hoạt hóa liên quan đến một hệ hành tinh: hoạt hóa theo *cuộc tuần hoàn* và hoạt hóa theo *kundalini*.

110. The activation of a planetary scheme also has much to do with the particular initiation or sub-initiation through which the Solar Logos is passing.

110. Sự hoạt hóa của một hệ hành tinh cũng có rất nhiều liên hệ với điểm đạo hay tiểu điểm đạo đặc biệt mà Thái dương Thượng đế đang trải qua.

and that certain of the centres of a solar Logos **and *this particular solar system*** are **in a condition of partial pralaya** through the process of the **absorption of the lower solar life forces by the centres of higher vitality**.

và rằng một số trung tâm của một Thái dương Thượng đế **và *hệ mặt trời đặc thù này*** đang **ở trong một trạng thái giai kỳ qui nguyên bộ phận** thông qua tiến trình **hấp thu các mãnh lực sự sống thái dương thấp hơn bởi các trung tâm có sinh lực cao hơn**.

111. We have a very interesting statement here. Venus and Mercury have entered stages of obscuration we are told. Even the Earth is headed in that direction. Does DK mean these particular planets?

111. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất thú vị. Chúng ta được cho biết rằng Sao Kim và Sao Thủy đã đi vào các giai đoạn mờ khuất. Ngay cả Trái Đất cũng đang hướng theo chiều đó. DK có muốn nói đến chính những hành tinh đặc thù này không?

112. There are also planets which do not yet seem to have entered a stage of full activation. Though highly advanced planetary Entities express through these planets, the degree of planetary unfoldment seems to be delayed when compared with planets through which lesser planetary Entities express. For instance, it appears the Uranus and Neptune (and even Saturn and Jupiter) have not entered their fullest stages of activation.

112. Cũng có những hành tinh dường như chưa bước vào một giai đoạn hoạt hóa trọn vẹn. Dù các Thực Thể Hành Tinh rất cao cấp biểu lộ qua các hành tinh này, mức độ khai mở hành tinh dường như bị trì hoãn khi so với các hành tinh mà qua đó những Thực Thể Hành Tinh thấp hơn biểu lộ. Chẳng hạn, có vẻ như Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (và ngay cả Sao Thổ và Sao Mộc) chưa bước vào các giai đoạn hoạt hóa đầy đủ nhất của chúng.

113. There is also a most interesting hint—that our present solar system is in a state of "partial pralaya". Does this have something to do with the cycles of 'systemic rounds'

113. Cũng có một gợi ý hết sức thú vị—rằng hệ mặt trời hiện tại của chúng ta đang ở trong một trạng thái "giai kỳ qui nguyên bộ phận". Điều này có liên quan gì đến các chu kỳ của những "cuộc tuần hoàn hệ thống"

which are moving from planetary scheme to planetary scheme?

đang di chuyển từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác chăng?

114. A type of absorption of lower into higher is now occurring and this, it seems, signals a type of systemic pralaya during the period of absorption.

114. Hiện nay đang diễn ra một loại hấp thu cái thấp vào cái cao, và điều này, dường như, báo hiệu một loại giai kỳ qui nguyên hệ thống trong suốt thời kỳ hấp thu.

Again, he must remember that the entire aspect of the Divine Life is not intended to reach its full unfoldment at any time in this solar system but must wait for the vitalising impulses of a later.

Một lần nữa, y phải nhớ rằng toàn bộ phương diện của Sự sống thiêng liêng không được dự định đạt đến sự khai mở trọn vẹn của nó vào bất kỳ lúc nào trong hệ mặt trời này mà phải chờ các xung lực tiếp sinh lực của một thời kỳ muộn hơn.

115. Some Monads will remain in a relatively abstracted state in this solar system, as they are intended to reach full expression in the next solar system. This is especially true of first ray Monads. Third ray Monads should have much of their final expression in this solar system. Will such Monads even be carried over into the next solar system?

115. Một số Chân thần sẽ vẫn ở trong một trạng thái tương đối trừu xuất trong hệ mặt trời này, vì chúng được dự định đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn trong hệ mặt trời kế tiếp. Điều này đặc biệt đúng đối với các Chân thần cung một. Các Chân thần cung ba hẳn sẽ có phần lớn sự biểu lộ chung cuộc của chúng trong hệ mặt trời này. Những Chân thần như thế thậm chí có được mang sang hệ mặt trời kế tiếp không?

116. DK is being purposefully vague, it seems, when speaking of “a later”. In some references, it seems that the next solar system will be the last, and supposedly the next is the sixth! In one other reference, the thought that there will be seven solar systems is explicitly stated. There may be a resolution in the idea that, as for the Monad, there may be a primary, primitive solar system in which all the “spokes” of the solar systemic Wheel are gathered to the center and undifferentiated.

116. Dường như DK cố ý nói mơ hồ khi nói về “một thời kỳ muộn hơn”. Trong một số chỗ tham chiếu, dường như hệ mặt trời kế tiếp sẽ là hệ cuối cùng, và được cho là hệ kế tiếp là hệ thứ sáu! Trong một chỗ tham chiếu khác, ý tưởng rằng sẽ có bảy hệ mặt trời được phát biểu minh nhiên. Có thể có một cách dung hòa trong ý tưởng rằng, đối với Chân thần, có thể có một hệ mặt trời sơ khởi, nguyên thủy, trong đó mọi “nan hoa” của Bánh Xe hệ thống thái dương đều được thu về trung tâm và chưa biến phân.

This is due to the fact that there exist in this solar system effects of causes originating in earlier kalpas or—to word it otherwise—the karmic seeds of earlier logoic activities.

Điều này là do sự kiện rằng trong hệ mặt trời này tồn tại những hiệu quả của các nguyên nhân phát sinh trong các kalpa trước đó hay —nói theo cách khác—các hạt giống nghiệp quả của các hoạt động logoi trước kia.

117. Apparently, some causes from a previous solar system act as retardants in this solar system. We cannot assume that the Solar Logos was ever meant to achieve His full development in this solar system, but probably some aspects of His development in this solar system are delayed by the coming to fruition of "the karmic seeks of earlier logoic activities".

117. Hiển nhiên, một số nguyên nhân từ một hệ mặt trời trước đang hoạt động như những yếu tố làm chậm lại trong hệ mặt trời này. Chúng ta không thể giả định rằng Thái dương Thượng đế từng được định là phải đạt đến sự phát triển trọn vẹn của Ngài trong hệ mặt trời này, nhưng có lẽ một số phương diện trong sự phát triển của Ngài trong hệ mặt trời này bị trì hoãn bởi sự chín muồi của "các hạt giống nghiệp quả của các hoạt động logoi trước kia".

118. One can infer that it is the third ray influence (that of the "Primordial Ray") which acts as a retardant in this solar system. In the next solar system, we have reason to believe that the second ray influence will act as a retardant.

118. Người ta có thể suy ra rằng chính ảnh hưởng cung ba (ảnh hưởng của "Cung Nguyên Sơ") hoạt động như một yếu tố làm chậm lại trong hệ mặt trời này. Trong hệ mặt trời kế tiếp, chúng ta có lý do để tin rằng ảnh hưởng cung hai sẽ hoạt động như một yếu tố làm chậm lại.

Our solar Logos has not yet attained true rhythm, but for millenia of cycles the equilibrising process must go on.

Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa đạt được nhịp điệu chân chính, nhưng trong hàng ngàn chu kỳ, tiến trình quân bình hóa phải tiếp tục.

119. Our Solar Logos is not yet a fully soul-infused Solar Logos. His cosmic soul is not yet in full expression just as the soul of a human being who has taken the second initiation, but not the third, is not fully soul-infused.

119. Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phải là một Thái dương Thượng đế được linh hồn thấm nhuần trọn vẹn. Linh hồn vũ trụ của Ngài chưa biểu lộ đầy đủ, cũng như linh hồn của một con người đã trải qua lần điểm đạo thứ hai nhưng chưa qua lần điểm đạo thứ ba thì chưa được linh hồn thấm nhuần trọn vẹn.

120. When DK speaks of "the equilibrising process", is He speaking of the applied energy of Libra?

120. Khi DK nói về "tiến trình quân bình hóa", phải chăng Ngài đang nói đến năng lượng được áp dụng của Thiên Bình?

121. We remember that the second type of electricity has a particular equilibrizing function. Our Solar Logos is dealing, especially, with that type of electricity in this solar system—solar fire.

121. Chúng ta nhớ rằng loại điện thứ hai có một chức năng quân bình hóa đặc thù. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang đặc biệt xử lý loại điện đó trong hệ mặt trời này—Lửa Thái dương.

122. Libra has a close relation to solar fire, even though the third ray is said to be the ray manifesting through it at this time.

122. Thiên Bình có một liên hệ mật thiết với Lửa Thái dương, dù cung ba được nói là cung đang biểu lộ qua nó vào lúc này.

123. The achievement of equilibrium may be another way of speaking of having taken the fourth initiation. We must remember that one of thirteen types of Monads was called "The Equilibrised Atoms". (TCF 1081) When interpreting the meaning of that name for the Monads of a certain type, we suggested that it could indicate those human beings who had taken the fourth initiation.

123. Việc đạt được quân bình có thể là một cách khác để nói về việc đã trải qua lần điểm đạo thứ tư. Chúng ta phải nhớ rằng một trong mười ba loại Chân thần được gọi là "Các Nguyên Tử Đã Được Quân Bình". (TCF 1081) Khi diễn giải ý nghĩa của tên gọi đó đối với các Chân thần thuộc một loại nào đó, chúng ta đã gợi ý rằng nó có thể chỉ những con người đã trải qua lần điểm đạo thứ tư.

Nor has our planetary Logos achieved equilibrium,

Thái dương Thượng đế hành tinh của chúng ta cũng chưa đạt được quân bình,

124. Just as our Solar Logos has not yet taken the fourth cosmic initiation (but is expected to in this solar system), our Planetary Logos has not taken His cosmic fourth. The two types of 'cosmic fourths' are, one would suspect, of a *different order.*

124. Cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ tư (nhưng được kỳ vọng sẽ trải qua trong hệ mặt trời này), Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng chưa trải qua lần thứ tư vũ trụ của Ngài. Hai loại "lần thứ tư vũ trụ" này, người ta có thể ngờ rằng, thuộc một *trật tự khác nhau.*

125. Our Planetary Logos is, however, taking a minor fourth initiation and thus some degree of equilibrization is imminent—perhaps this equilibrization of our particular planetary chain.

125. Tuy nhiên, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua một lần điểm đạo thứ tư nhỏ hơn, và do đó một mức độ quân bình hóa nào đó đang cận kề—có lẽ là sự quân bình hóa của dãy hành tinh đặc thù của chúng ta.

and the even balancing of forces,

126. We may remember that the constellation Libra is particularly influential in our planetary scheme at this time.

therefore until His point in evolution and **His objective vision** is known

127. Our Planetary Logos has yet to fully develop cosmic vision.

128. It seems that a Logos or a man can be graded according to the quality of his vision.

and it is known also which centre in the solar body is vitalised by His life,

129. In some respects, this center is now known—the base of the spine center.

130. In *Esoteric Astrology* the following is said, clearly indicating, it would seem, the center in the solar body which is vitalized by the life of our Planetary Logos:

It relates finally the lowest centre at the base of the spine to the highest centre, the head centre. This is a correspondence to the relation of the Earth to the Sun. Think this out. (EA 25)

131. Esoteric Astrology however was written almost a decade after *A Treatise on Cosmic Fire* was published, and so it is clear that the Tibetan had not yet revealed the chakric

và sự quân bình đồng đều của các mãnh lực,

126. Chúng ta có thể nhớ rằng chòm sao Thiên Bình hiện nay có ảnh hưởng đặc biệt trong hệ hành tinh của chúng ta.

vì vậy cho đến khi điểm tiến hoá của Ngài và **tầm nhìn mục tiêu của Ngài** được biết đến

127. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta vẫn còn phải phát triển đầy đủ linh thị vũ trụ.

128. Dường như một Thượng đế hay một con người có thể được phân hạng theo phẩm tính của tầm nhìn của y.

và cũng được biết trung tâm nào trong thể thái dương được tiếp sinh lực bởi sự sống của Ngài,

129. Ở một số phương diện, trung tâm này hiện nay đã được biết—trung tâm đáy cột sống.

130. Trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* có nói như sau, dường như chỉ rõ trung tâm trong thể thái dương được tiếp sinh lực bởi sự sống của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

Cuối cùng nó liên hệ trung tâm thấp nhất ở đáy cột sống với trung tâm cao nhất, trung tâm đầu. Đây là một tương ứng với mối liên hệ của Trái Đất với Mặt Trời. Hãy suy ngẫm điều này. (EA 25)

131. Chiêm Tinh Học Nội Môn tuy nhiên được viết gần một thập niên sau khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được xuất bản, và vì vậy rõ ràng là Chân sư Tây Tạng khi ấy chưa tiết lộ chức

function of the Earth-scheme in that earlier and larger book.

năng luân xa của hệ Địa Cầu trong bộ sách trước đó và đồ sộ hơn ấy.

it will be the part of wisdom to refrain from dogmatic assertion, and a **too free utterance in connection with incarnating, and non-incarnating, Monads.**

sẽ là phần của minh triết nếu kiềm chế sự khẳng định giáo điều, và một **sự phát ngôn quá tự do liên quan đến các Chân thần đang lâm phàm và không lâm phàm.**

132. We are told that some sixty billion Monads are to be found in this solar system. It is presumably the case that among these are to be found both incarnating Monads and those presently out of incarnation. Many first ray Monads are presently out of incarnation, though in manifestation.

132. Chúng ta được cho biết rằng có khoảng sáu mươi tỉ Chân thần được tìm thấy trong hệ mặt trời này. Có lẽ đúng là trong số đó có cả các Chân thần đang lâm phàm lẫn những Chân thần hiện không lâm phàm. Nhiều Chân thần cung một hiện không lâm phàm, dù vẫn đang biểu lộ.

133. DK is asking us to show some restraint when speaking of these matters.

133. DK đang yêu cầu chúng ta biểu lộ một mức độ tiết chế nào đó khi nói về những vấn đề này.

134. The truth is, that although Master DK has presented us with so much, we really know so little.

134. Sự thật là, dù Chân sư DK đã trình bày cho chúng ta rất nhiều, chúng ta thực sự biết quá ít.

All are turning upon the monadic cosmic wheel;

Tất cả đều đang xoay chuyển trên bánh xe vũ trụ chân thần;

135. DK seems to be telling us that each Monad is part not only of a systemic wheel but is even more essentially a part of a "monadic cosmic wheel".

135. Dường như DK đang nói với chúng ta rằng mỗi Chân thần không chỉ là một phần của một bánh xe hệ thống mà còn, một cách cốt yếu hơn nữa, là một phần của một "bánh xe vũ trụ chân thần".

136. We may say that the Monad is "that which finds its place within the sun" but if this is the case, it even *more* essentially finds its place within that 'Sun' which is a Cosmic Logos.

136. Chúng ta có thể nói rằng Chân thần là "điều tìm thấy vị trí của nó bên trong mặt trời", nhưng nếu đúng như vậy, thì nó còn *cốt yếu hơn* nữa là tìm thấy vị trí của nó bên trong 'Mặt Trời' là một Vũ Trụ Thượng đế.

137. The lowest of the many types of cosmic wheels is that wheel for which seven suns are as chakras.

137. Thấp nhất trong nhiều loại bánh xe vũ trụ là bánh xe mà đối với nó bảy mặt trời là các luân xa.

each is being [Page 1091] swept into some form of activity upon the lesser revolution of this particular systemic wheel, **but not all in any particular cycle are to be found revolving upon a specific planetary wheel**.

mỗi Chân thần đang được [Page 1091] cuốn vào một hình thức hoạt động nào đó trên vòng quay nhỏ hơn của bánh xe hệ thống đặc thù này, **nhưng không phải tất cả, trong bất kỳ chu kỳ đặc thù nào, đều được thấy đang quay trên một bánh xe hành tinh đặc thù**.

138. Above the level of a planetary scheme—at least above the aspects of a planetary scheme which are in incarnation within the dense physical body of a Planetary Logos—are Monads which are refraining from taking incarnation.

138. Trên cấp độ của một hệ hành tinh—ít nhất là trên các phương diện của một hệ hành tinh đang lâm phàm trong thể xác đậm đặc của một Hành Tinh Thượng Đế—có những Chân thần đang kiềm không nhận lấy sự lâm phàm.

139. DK seems to be saying that although Monads are definitely associated with a particular systemic wheel, they are not necessarily, in all systemic cycles, associated with a particular *planetary* wheel. In what 'location', then, are such Monads to be found?

139. Dường như DK đang nói rằng dù các Chân thần chắc chắn có liên hệ với một bánh xe hệ thống đặc thù, chúng không nhất thiết, trong mọi chu kỳ hệ thống, đều liên hệ với một bánh xe *hành tinh* đặc thù. Vậy thì, ở "vị trí" nào có thể tìm thấy những Chân thần như thế?

Many wait for development and for **more appropriate seasons in interplanetary spaces**,

Nhiều Chân thần chờ đợi sự phát triển và những **mùa kỳ thích hợp hơn trong các không gian liên hành tinh**,

140. The term "interplanetary" has been appearing with some frequency and makes us wonder whether *between* the spheres of various planetary schemes there might not occur developmental opportunities for Monads.

140. Thuật ngữ "liên hành tinh" đã xuất hiện khá thường xuyên và khiến chúng ta tự hỏi liệu *giữa* các khối cầu của những hệ hành tinh khác nhau có thể không xuất hiện những cơ hội phát triển cho các Chân thần hay không.

141. A Logos, like our Solar Logos, is the 'home' for a Monad. Can Master DK be saying that a Planetary Logos is not necessarily a

141. Một Thượng đế, như Thái dương Thượng đế của chúng ta, là "nhà" của một Chân thần. Liệu Chân sư DK có thể đang nói rằng một Hành Tinh Thượng Đế không nhất

'home' for a Monad but, rather, simply an arena of expression?

142. To "wait to development" is to be in a kind of pralaya.

143. The word "seasons" is not chosen randomly, but for the sake of its cyclic implications.

and some must wait until the entering in of a new mahamanvantara.

144. DK is telling us that some Monads will not incarnate until the next mahamanvantara. Yet, it seems that presently they are in our solar system—though probably, on its very highest levels and far from those levels of precipitation which we call areas of monadic "incarnation".

Students should bear carefully in mind the words of H. P. B. where **he**

145. Again, H.P.B. is referred to as "he". Again, this is not merely a typo or an oversight.

146. DK is always dropping subtle hints which, if detected, can reveal a number of levels of the Teaching beneath the more obvious Teaching.

tells students of the *Secret Doctrine* that the stanzas and their Commentary deal primarily with our particular planetary Logos. This is oft forgotten.

147. Perhaps *primarily,* but there are surely initial stanzas which are far more cosmic in their scope. One can very reasonably

thiết là "nhà" của một Chân thần mà đúng hơn chỉ là một đấu trường biểu lộ?

142. "Chờ đợi để phát triển" là ở trong một loại giai kỳ qui nguyên nào đó.

143. Từ "mùa kỳ" không được chọn một cách ngẫu nhiên, mà vì những hàm ý chu kỳ của nó.

và một số phải chờ cho đến khi bước vào một Đại giai kỳ sinh hóa mới.

144. DK đang nói với chúng ta rằng một số Chân thần sẽ không lâm phàm cho đến Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp. Tuy nhiên, dường như hiện nay chúng đang ở trong hệ mặt trời của chúng ta—dù có lẽ ở những cấp độ cao nhất của nó và xa những cấp độ ngưng tụ mà chúng ta gọi là các khu vực "lâm phàm" của Chân thần.

Các đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ những lời của H. P. B. nơi **ông**

145. Một lần nữa, H.P.B. được nhắc đến là "ông". Một lần nữa, đây không chỉ đơn thuần là lỗi đánh máy hay sự sơ suất.

146. DK luôn đưa ra những gợi ý tinh tế mà, nếu được nhận ra, có thể tiết lộ một số cấp độ của Giáo Huấn nằm bên dưới Giáo Huấn hiển nhiên hơn.

nói với các đạo sinh của *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng các bài kệ và Cổ Luận của chúng chủ yếu bàn đến Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta. Điều này thường bị quên mất.

147. Có lẽ là *chủ yếu,* nhưng chắc chắn có những bài kệ mở đầu có phạm vi vũ trụ hơn nhiều. Người ta hoàn toàn có thể diễn giải

interpret these stanzas as *universal* while always being ready to see their planetary-logoic application.

những bài kệ này như là *phổ quát* trong khi luôn sẵn sàng thấy sự áp dụng hành tinh-logoi của chúng.

It may interest students to know that there are **certain colours**, veiling **these groups of non-incarnating Monads,**

Có thể điều này sẽ khiến các đạo sinh quan tâm khi biết rằng có **những màu sắc nhất định**, che phủ **những nhóm Chân thần không lâm phàm này,**

148. From what we have been able to gather, there are "non-incarnating Monads" both within planetary schemes and also in "interplanetary spaces".

148. Từ những gì chúng ta có thể thu thập được, có những "Chân thần không lâm phàm" cả bên trong các hệ hành tinh lẫn trong "các không gian liên hành tinh".

149. Simply because a Monad is within a planetary scheme does not necessarily mean that it is an "incarnating Monad".

149. Chỉ vì một Chân thần ở trong một hệ hành tinh không nhất thiết có nghĩa rằng nó là một "Chân thần đang lâm phàm".

150. It seems more likely that these "true" colours veil Monads which are "non-incarnating".

150. Có vẻ hợp lý hơn khi cho rằng những màu sắc "chân thực" này che phủ các Chân thần "không lâm phàm".

at present totally unknown to humanity.

hiện nay hoàn toàn chưa được nhân loại biết đến.

151. "Colour" we have often been told is a "veil". Could red be one such color? Occultly, it seems that the colour red is, to a degree, repulsed by our second ray solar system.

151. Chúng ta thường được bảo rằng "màu sắc" là một "tấm màn che". Liệu màu đỏ có thể là một màu như thế chăng? Một cách huyền bí, dường như màu đỏ, ở một mức độ nào đó, bị đẩy lùi bởi hệ mặt trời cung hai của chúng ta.

These will sweep into the consciousness of the human being in another solar system,

Những màu này sẽ tràn vào tâm thức của con người trong một hệ mặt trời khác,

152. Presumably, the next and final solar system.

152. Có lẽ là hệ mặt trời kế tiếp và cuối cùng.

or after the taking of the sixth Initiation.

hoặc sau khi trải qua lần điểm đạo thứ sáu.

153. At which time the Monad is a fully liberated Entity—an Entity fully liberated from any of the five lower worlds.

153. Vào lúc ấy Chân thần là một Thực Thể được giải thoát hoàn toàn—một Thực Thể được giải thoát hoàn toàn khỏi bất kỳ cõi nào trong năm cõi thấp.

154. Are we being told that these Monads, veiled by certain colours, can take the sixth initiation *without incarnating*? Or that only the human being who has taken the sixth initiation can become aware of them?

154. Có phải chúng ta đang được bảo rằng những Chân thần này, được che phủ bởi những màu sắc nhất định, có thể trải qua lần điểm đạo thứ sáu *mà không cần lâm phàm*? Hay chỉ có con người đã trải qua lần điểm đạo thứ sáu mới có thể nhận biết chúng?

155. While many Monads may take the sixth initiation in *this* solar system (and thus register these deeply recessed, "true colours"), far more will take this initiation in the next system—a system in which our Solar Logos is to take the sixth initiation.

155. Trong khi nhiều Chân thần có thể trải qua lần điểm đạo thứ sáu trong *hệ mặt trời* này (và do đó ghi nhận những "màu sắc chân thực" ẩn sâu này), thì còn nhiều hơn nữa sẽ trải qua lần điểm đạo này trong hệ kế tiếp—một hệ mà trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ trải qua lần điểm đạo thứ sáu.

All that we have on earth are reflections of the **true colours**,

Tất cả những gì chúng ta có trên Trái Đất chỉ là những phản chiếu của các **màu sắc chân thực**,

156. The occult colors of which we usually speak are simply reflections of deeply esoteric "true colours".

156. Những màu sắc huyền bí mà chúng ta thường nói đến chỉ đơn giản là những phản chiếu của các "màu sắc chân thực" nội môn sâu xa.

and likewise the reflection of the lowest aspect.

và cũng là phản chiếu của phương diện thấp nhất.

157. Is DK speaking of the reflection of the "lowest aspect" of these "true colours"—the Brahmic aspect of such colours?

157. DK có đang nói về phản chiếu của "phương diện thấp nhất" của những "màu sắc chân thực" này—phương diện Brahma của các màu sắc ấy chăng?

158. It would seem that there are three types of colours to be correlated with one of the

158. Dường như có ba loại màu sắc cần được tương liên với một trong các phương diện

divine aspects—Spirit, soul or body (i.e., personality).

thiêng liêng—Tinh thần, linh hồn hay thể (tức phàm ngã).

Every colour in the cosmos exists in three forms:

Mọi màu sắc trong vũ trụ đều tồn tại dưới ba hình thức:

1. The true colour.

1. Màu sắc chân thực.

2. The illusory **appearance** of the colour.

2. **vẻ ngoài** ảo tưởng của màu sắc.

3. Its reflection. [Presumably, the reflection of the "true colour"]

3. Phản chiếu của nó. [Có lẽ là phản chiếu của "màu sắc chân thực"]

159. The three aspects of divinity are here implied. The "true color" corresponds to the first aspect of divinity; the "illusory appearance of the colour", to the second aspect; the "reflection" of the colour to the third aspect.

159. Ba phương diện của thiên tính được hàm ý ở đây. "Màu sắc chân thực" tương ứng với phương diện thứ nhất của thiên tính; "vẻ ngoài ảo tưởng của màu sắc" tương ứng với phương diện thứ hai; "phản chiếu" của màu sắc tương ứng với phương diện thứ ba.

160. VSK Suggests: "This is a key suggestion as to why there are three colours, not just two (exoteric and esoteric), but three, perhaps similar to the manner in which astrological signs have three rulers: hierarchical (true), esoteric (illusory appearance) and exoteric (reflection). Does this mean that there is a true colour, and the esoteric would be illusory, and exoteric the reflection? I'm not sure. We have the earlier reference in regard to rays: the same ray, the complementary ray, and the antagonistic one. If we can overlay this trinity, then I'd say true is 'the same'; complementary is the illusion, and antagonistic is the reflection. This is very obscure, and knowing exoteric colour optics does not help (especially in this case, as the illusion and the reflection would be the same things), and there is no colour 'in the cosmos' (as it is a physiological event and not something that has existence independent of perceiver).

160. VSK gợi ý: "Đây là một gợi ý then chốt về lý do tại sao có ba màu, chứ không chỉ hai (ngoại môn và nội môn), mà là ba, có lẽ tương tự như cách các dấu hiệu hoàng đạo có ba chủ tinh: huyền giai (chân thực), nội môn (vẻ ngoài ảo tưởng) và ngoại môn (phản chiếu). Điều này có nghĩa là có một màu chân thực, và màu nội môn sẽ là vẻ ngoài ảo tưởng, còn màu ngoại môn là phản chiếu chăng? Tôi không chắc. Chúng ta có chỗ tham chiếu trước đó liên quan đến các cung: cùng một cung, cung bổ sung, và cung đối kháng. Nếu chúng ta có thể chồng bộ ba này lên, thì tôi sẽ nói chân thực là 'cùng một'; bổ sung là ảo tưởng; và đối kháng là phản chiếu. Điều này rất mơ hồ, và việc biết quang học màu sắc ngoại môn không giúp được gì (đặc biệt trong trường hợp này, vì vẻ ngoài ảo tưởng và phản chiếu sẽ là cùng một thứ), và không có màu sắc nào 'trong vũ trụ' cả (vì đó là một hiện tượng sinh lý học chứ không phải điều gì có sự tồn tại độc lập với người tri giác).

161. When attempting to overlay the trinity of a planet, its polar-opposite and its complementary, there may not be an exact fit with the trinity of “true”, “illusory” and “reflection”. In the planetary trinity, the planet which is the polar opposite may be higher in the scale of development than the complementary planet, as Venus, the polar opposite of the Earth is higher in the scale of development than Mar, the inferred complementary planet of Earth.

161. Khi cố gắng chồng bộ ba của một hành tinh, hành tinh đối cực của nó và hành tinh bổ sung của nó lên nhau, có thể sẽ không có sự khớp chính xác với bộ ba “chân thực”, “ảo tưởng” và “phản chiếu”. Trong bộ ba hành tinh, hành tinh là đối cực có thể cao hơn trên thang phát triển so với hành tinh bổ sung, như Sao Kim, đối cực của Trái Đất, cao hơn trên thang phát triển so với Sao Hỏa, hành tinh bổ sung được suy ra của Trái Đất.

162. Of course, if we begin with Venus, then Earth may be correlated with the “illusory appearance” and Mars with the reflection. Yet, Earth is definitely the polar-opposite of Venus. Is Mars, then, to be considered the complementary planet of Venus just as it is of Earth?

162. Dĩ nhiên, nếu chúng ta bắt đầu với Sao Kim, thì Trái Đất có thể được tương liên với “vẻ ngoài ảo tưởng” và Sao Hỏa với phản chiếu. Tuy nhiên, Trái Đất chắc chắn là đối cực của Sao Kim. Vậy thì Sao Hỏa có được xem là hành tinh bổ sung của Sao Kim cũng như của Trái Đất không?

163. Thus, the three trinities, while offering interesting comparisons, may not offer exact analogies.

163. Vì vậy, ba bộ ba này, dù đưa ra những so sánh thú vị, có thể không đưa ra những tương đồng chính xác.

164. I would also suggest that we consider the three fundamental musical relationships: the tonic, the dominant and the sub-dominant notes. The opposites are found in the tonic and dominant. The sub-dominant is reasonably to be correlated with the function called “complementary”.

164. Tôi cũng xin gợi ý rằng chúng ta hãy xét đến ba tương quan âm nhạc căn bản: âm chủ, âm át và âm dưới át. Các đối cực được tìm thấy trong âm chủ và âm át. Âm dưới át có thể được tương liên một cách hợp lý với chức năng được gọi là “bổ sung”.

165. Thus we have four trinities which, when compared, may provide illumination:

165. Như vậy chúng ta có bốn bộ ba mà, khi được so sánh, có thể đem lại sự soi sáng:

a. True, illusory and reflected colours

a. Các màu chân thực, ảo tưởng và phản chiếu

b. Hierarchical, esoteric and exoteric planetary rulers

b. Các chủ tinh hành tinh huyền giai, nội môn và ngoại môn

c. A planet, its polar opposite and its complement

c. Một hành tinh, đối cực của nó và hành tinh bổ sung của nó

d. The musical tonic, dominant and sub-dominant

d. Âm chủ, âm át và âm dưới át trong âm nhạc

166. Other trinities could no doubt be added and provide additional illumination.

166. Không nghi ngờ gì nữa, có thể thêm vào những bộ ba khác và cung cấp thêm sự soi sáng.

The reflection is that with which we are familiar;

Phản chiếu là điều mà chúng ta quen thuộc;

167. This is color as perceived by the personality consciousness.

167. Đây là màu sắc như được tri giác bởi tâm thức phàm ngã.

168. The reflection definitely correlates with the Brahmic aspect of divinity.

168. Phản chiếu chắc chắn tương liên với phương diện Brahma của thiên tính.

the **appearance, or that which veils the reality, is contacted and known when we see with the eye of the soul**, the Eye of Shiva,

vẻ ngoài, hay điều che phủ thực tại, được tiếp xúc và biết đến khi chúng ta nhìn bằng con mắt của linh hồn, Con Mắt của Shiva,

169. Here the "Eye of the Soul" is presented as the same as the "Eye of Shiva". In other contexts, these two are differentiated.

169. Ở đây "Con Mắt của Linh Hồn" được trình bày như đồng nhất với "Con Mắt của Shiva". Trong những ngữ cảnh khác, hai điều này được phân biệt.

170. Usually the third aspect of divinity is considered the "veil", but in this case, the second aspects serves this function, just as the soul or egoic lotus veils the Monad.

170. Thông thường phương diện thứ ba của thiên tính được xem là "tấm màn che", nhưng trong trường hợp này, phương diện thứ hai đảm nhiệm chức năng ấy, cũng như linh hồn hay hoa sen chân ngã che phủ Chân thần.

and **the true colour[14] is contacted after the fifth kingdom has been passed through**,

và **màu sắc chân thực14 được tiếp xúc sau khi giới thứ năm đã được vượt qua**,

171. The sixth kingdom is being entered—the Kingdom of Planetary Lives.

171. Giới thứ sáu đang được bước vào—Giới của Các Sự Sống Hành tinh.

172. This means that the “true colour” is only registered when a man has become more than a Master.

172. Điều này có nghĩa là “màu sắc chân thực” chỉ được ghi nhận khi một người đã trở thành hơn cả một Chân sư.

and group consciousness is merging in that of the divine.

và tâm thức nhóm đang hòa nhập vào tâm thức thiêng liêng.

173. This is movement from the “spiritual” to the “divine”, from the soul to the Monad.

173. Đây là sự chuyển động từ “tinh thần” sang “thiêng liêng”, từ linh hồn đến Chân thần.

174. The three colors must have a mathematical relationship, and as VSK suggests, there must be a relationship of complementarity to the true color and also a relationship of opposition. Whether we should use the term “antagonistic” in relation to that which is the polar opposite should be pondered.

174. Ba màu sắc hẳn phải có một tương quan toán học, và như VSK gợi ý, hẳn phải có một tương quan bổ sung với màu sắc chân thực và cũng có một tương quan đối lập. Liệu chúng ta có nên dùng thuật ngữ “đối kháng” liên hệ với điều là đối cực hay không là điều cần được suy ngẫm.

175. As stated above, when considering the colour trinity, we are inclined to consider the following planetary trinity: the Earth, the planet which is its polar opposite and the planet which is it complement.

175. Như đã nói ở trên, khi xét bộ ba màu sắc, chúng ta có khuynh hướng xét bộ ba hành tinh sau đây: Trái Đất, hành tinh là đối cực của nó và hành tinh là phần bổ sung của nó.

176. However, Venus is almost certainly to be considered the polar opposite of Earth, and Mars is lower in its vibration than both of them, so in this case the “opposite” could not easily be considered the “reflection” (which is the lowest member of the colour trinity).

176. Tuy nhiên, Sao Kim gần như chắc chắn phải được xem là đối cực của Trái Đất, và Sao Hỏa thấp hơn về rung động so với cả hai, nên trong trường hợp này “đối cực” không thể dễ dàng được xem là “phản chiếu” (vốn là thành viên thấp nhất của bộ ba màu sắc).

177. So perhaps there is not a complete parallel between the model for the true color, its reflection and its illusory appearance, and Venus (let us say as the analogue to the true color) Earth and Mars..

177. Vì vậy có lẽ không có một sự song hành hoàn toàn giữa mô hình của màu sắc chân thực, phản chiếu của nó và vẻ ngoài ảo tưởng của nó, với Sao Kim (giả sử như là loại suy cho màu sắc chân thực), Trái Đất và Sao Hỏa..

178. There may be another useful parallel: the Monad; the soul as its reflection; and the personality as its "shadow". In this case the term "reflection" is equivalent to "illusory appearance".

178. Có thể có một sự song hành hữu ích khác: Chân thần; linh hồn như phản chiếu của nó; và phàm ngã như "bóng" của nó. Trong trường hợp này thuật ngữ "phản chiếu" tương đương với "vẻ ngoài ảo tưởng".

179. If there are so many trinities in occult relationship, it seems logical that there should be a trinity in the realm of color.

179. Nếu có quá nhiều bộ ba trong tương quan huyền bí như vậy, thì dường như hợp lý khi phải có một bộ ba trong lĩnh vực màu sắc.

180. Looking again at the three notes of the chord—fundamental, subdominant and dominant—the subdominant (or the fourth) would be analogous to the "reflection" in terms of color, and the dominant would be the "illusory appearance". In other words, the dominant would 'veil' the tonic, just as the illusory appearance veils the true color. The subdominant or fourth is associated with green, with matter and, thus, with Brahma and is, consequently, a suitable correspondence to the "reflection" of the "true colour" whereas the dominant or fifth always corresponds to the soul and thus to the "illusory appearance", remembering that the soul veils the Monad.

180. Xét lại ba nốt của hợp âm—nốt căn bản, nốt dưới át và nốt át—thì nốt dưới át (hay nốt thứ tư) sẽ tương tự với "phản chiếu" về phương diện màu sắc, còn nốt át sẽ là "vẻ ngoài ảo tưởng". Nói cách khác, nốt át sẽ "che phủ" nốt chủ, cũng như vẻ ngoài ảo tưởng che phủ màu sắc chân thực. Nốt dưới át hay nốt thứ tư được liên kết với màu xanh lá, với vật chất và do đó với Brahma, và vì vậy là một tương ứng thích hợp với "phản chiếu" của "màu sắc chân thực", trong khi nốt át hay nốt thứ năm luôn tương ứng với linh hồn và do đó với "vẻ ngoài ảo tưởng", nhớ rằng linh hồn che phủ Chân thần.

181. We should remember that the tonic can be positioned (vibratorily) 'above' the dominant and not only below it.

181. Chúng ta nên nhớ rằng âm chủ có thể được đặt (về mặt rung động) "ở trên" âm át chứ không chỉ ở dưới nó.

182. Musicians will recognize that in the chord progression from subdominant to dominant to tonic, there is a gradual 'unveiling' and a sense of having reached the true and fundamental tone when the tonic is reached.

182. Các nhạc sĩ sẽ nhận ra rằng trong tiến trình hợp âm từ âm dưới át đến âm át rồi đến âm chủ, có một sự "vén mở" dần dần và một cảm giác đã đạt đến âm điệu chân thực và căn bản khi âm chủ được chạm tới.

183. Until the mathematical relationship between the three colours is solved, the true relationship will not be understood.

183. Chừng nào tương quan toán học giữa ba màu sắc chưa được giải quyết, thì tương quan chân thực sẽ chưa được thấu hiểu.

184. DK's statements concerning "true colour" alert us to how little we know about the nature of colour and why we must be cautious in creating tables of correspondences concerning colour.

184. Những phát biểu của DK liên quan đến "màu sắc chân thực" cảnh báo chúng ta về việc chúng ta biết quá ít về bản chất của màu sắc và vì sao chúng ta phải thận trọng khi tạo ra các bảng tương ứng liên quan đến màu sắc.

Footnote 14:

Cước chú 14:

Colour.—Originally meant a "covering." From root "celare" to cover or hide. Also Occultare, to hide.

Màu sắc.—Nguyên thủy có nghĩa là một "sự che phủ". Từ gốc "celare" nghĩa là che phủ hay ẩn giấu. Cũng như Occultare, nghĩa là ẩn giấu.

185. We are to understand that colour both conceals that which stands behind it and reveals something of its hidden nature as well.

185. Chúng ta phải hiểu rằng màu sắc vừa che giấu điều đứng phía sau nó vừa tiết lộ điều gì đó về bản chất ẩn kín của điều ấy nữa.

Symbology of colours. The language of the prism, of which "the seven mother colours have each seven sons," that is to say, forty-nine shades or "sons" between the seven, which graduated tints are so many letters or alphabetical characters.

Biểu tượng học của màu sắc. Ngôn ngữ của lăng kính, trong đó "bảy màu mẹ mỗi màu có bảy người con", nghĩa là bốn mươi chín sắc độ hay "người con" nằm giữa bảy màu, mà những sắc thái chuyển grad này là rất nhiều chữ cái hay ký tự mẫu tự.

186. If the language were Sanskrit with its forty-nine letters there could be an important correlation. Every letter in Sanskrit is a mantram, thus every shade of color could be correlated with one of these forty-nine mantrams or Words of Power. There are also some who divide the musical octave according to ratios using the number forty-nine. All these "spiritual numerals" can be correlated—colours, notes, syllables.

186. Nếu ngôn ngữ ấy là tiếng Phạn với bốn mươi chín chữ cái của nó thì có thể có một tương liên quan trọng. Mỗi chữ cái trong tiếng Phạn là một mantram, do đó mỗi sắc độ màu có thể được tương liên với một trong bốn mươi chín mantram hay Quyền năng từ này. Cũng có những người chia quãng tám âm nhạc theo các tỉ lệ dùng con số bốn mươi chín. Tất cả những "con số tinh thần" này đều có thể được tương liên—màu sắc, nốt nhạc, âm tiết.

187. With regard to Sanskrit, are there seven letters/sounds which are to be considered fundamental?

187. Liên quan đến tiếng Phạn, có phải có bảy chữ cái/âm thanh được xem là căn bản hay không?

The language of colours has, therefore, **fifty-six letters for the initiate**.

188. The seven "mother colours" and the forty-nine "sons" or graduated shades of each colour.

189. We must wonder whether *one* of the subsidiary, "son" colours, is not the same as the original 'Mother colour', just as one of the seven subsidiary Ashrams is identical in quality with the quality of the major Ashram of which it is a part.

Of these letters each septenary is absorbed by the mother colour as each of the seven mother colours is absorbed finally in the white ray, Divine Unity symbolised by these colours.

190. The "Divine Unity" is symbolized by the "white ray". The model here presented is useful when considering the absorption of the planets into still higher planets and these into synthesizing planets.

Students will, therefore, note that the **monadic cosmic wheel** can be [Page 1092] visioned in terms of "true colour,"

191. The "monadic cosmic wheel" is seven times greater (whether understood in terms of time or space) than the monadic solar systemic wheel.

Vì vậy, ngôn ngữ của màu sắc có **năm mươi sáu chữ cái đối với điểm đạo đồ**.

188. Bảy "màu mẹ" và bốn mươi chín "người con" hay các sắc độ chuyển grad của mỗi màu.

189. Chúng ta phải tự hỏi liệu *một* trong các màu phụ, "màu con", có phải không chính là màu "Mẹ" nguyên thủy, cũng như một trong bảy ashram phụ đồng nhất về phẩm tính với phẩm tính của ashram lớn mà nó là một phần của ashram ấy.

Trong các chữ cái này, mỗi bộ bảy được hấp thu bởi màu mẹ, cũng như mỗi một trong bảy màu mẹ cuối cùng được hấp thu vào cung trắng, Hợp Nhất thiêng liêng được tượng trưng bởi các màu sắc này.

190. "Hợp Nhất thiêng liêng" được tượng trưng bởi "cung trắng". Mô hình được trình bày ở đây hữu ích khi xét đến sự hấp thu các hành tinh vào những hành tinh còn cao hơn nữa và các hành tinh này vào các hành tinh tổng hợp.

Vì vậy, các đạo sinh sẽ lưu ý rằng **bánh xe vũ trụ chân thần** có thể được [Page 1092] hình dung theo thuật ngữ "màu sắc chân thực",

191. "Bánh xe vũ trụ chân thần" lớn hơn bảy lần (dù được hiểu theo thời gian hay không gian) so với bánh xe hệ thống thái dương chân thần.

192. Seven cycles of the humanity Monad are analogous to the "monadic cosmic wheel" and one cycle of the human Monad is analogous to a solar systemic wheel.

192. Bảy chu kỳ của Chân thần nhân loại tương tự với "bánh xe vũ trụ chân thần", và một chu kỳ của Chân thần con người tương tự với một bánh xe hệ thống thái dương.

193. This "true colour" is really the "*primary* colour" in the sense that the monadic ray is the "*primary* ray".

193. "Màu sắc chân thực" này thực sự là "màu sắc *chính yếu* " theo nghĩa rằng cung chân thần là "cung *chính yếu* ".

and is seen by the illumined seer as the combined blending of the primary colours of the three solar systems.

và được nhà thông nhãn được soi sáng nhìn thấy như sự hòa trộn kết hợp của các màu chính yếu của ba hệ mặt trời.

194. Will this "blending of the primary colours" yield the 'colour' *white*?

194. Liệu "sự hòa trộn của các màu chính yếu" này có tạo ra 'màu' *trắng* không?

195. It seems that we will find seven demonstrations within the greater three and all subsidiary colours within the three primaries.

195. Dường như chúng ta sẽ tìm thấy bảy biểu hiện bên trong bộ ba lớn hơn và mọi màu phụ bên trong ba màu chính yếu.

196. VSK relates: "Primaries of pigment are yellow, blue, and red and the primaries of light are green, blue, and red. (Primaries of photo-sensitive material are magenta, cyan, and yellow.)"

196. VSK liên hệ: "Các màu chính yếu của sắc tố là vàng, lam và đỏ, còn các màu chính yếu của ánh sáng là lục, lam và đỏ. (Các màu chính yếu của vật liệu nhạy sáng là đỏ tía, lục lam và vàng.)"

197. We have definitely been told that the colour of the previous solar system (a *major* solar system) was *green*. As well we are informed that our present solar system is the *blue* system. It can be inferred that the next solar system will be the *red* system.

197. Chúng ta chắc chắn đã được bảo rằng màu sắc của hệ mặt trời trước (một hệ mặt trời *lớn*) là *xanh lá*. Đồng thời chúng ta cũng được cho biết rằng hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là hệ *xanh lam*. Có thể suy ra rằng hệ mặt trời kế tiếp sẽ là hệ *đỏ*.

Yet—at some distant time—red will be the basis of a solar system, and in the perfect merging of red, green and blue will come eventually the completed [221] work of the Logos and the consummation of the pure white light.

Tuy nhiên—vào một thời điểm xa xôi nào đó—đỏ sẽ là nền tảng của một hệ mặt trời, và trong sự hòa nhập hoàn hảo của đỏ, xanh lá và xanh lam, cuối cùng sẽ đến công trình hoàn tất [221] của Thượng đế và sự viên mãn của ánh sáng trắng thuần khiết.

The activity system was green.

Hệ hoạt động là xanh lá.

The love system is blue.

Hệ bác ái là xanh lam.

The power system will be red. (LOM 220-221)

Hệ quyền năng sẽ là đỏ. (LOM 220-221)

198. It is clear that a 'consummation in white' will exist for our Solar Logos. Does this imply the existence of a seventh solar system or a consummation to occur above the solar systemic level?

198. Rõ ràng sẽ có một 'sự viên mãn trong màu trắng' đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta. Điều này có hàm ý sự tồn tại của một hệ mặt trời thứ bảy hay một sự viên mãn xảy ra trên cấp độ vượt quá cấp độ hệ thống thái dương không?

199. With respect to the solar systems, the primaries of *light* are used.

199. Liên quan đến các hệ mặt trời, các màu chính yếu của *ánh sáng* được sử dụng.

200. We may infer that 'consummation in white' also awaits the human Monad.

200. Chúng ta có thể suy ra rằng một 'sự viên mãn trong màu trắng' cũng đang chờ đợi Chân thần con người.

The monadic **systemic** wheel, **which concerns this solar system alone**,

Bánh xe **hệ thống** chân thần, **liên quan riêng đến hệ mặt trời này**,

201. Yet one *human* monadic cycle occurs in one solar system.

201. Tuy nhiên, một chu kỳ chân thần *con người* xảy ra trong một hệ mặt trời.

is distinguished by being the totality of the **seven colours of the seven Heavenly Men,**

được phân biệt bởi là tổng thể của **bảy màu của bảy Đấng Thiên Nhân,**

202. Compared to colour as demonstrated on the monadic plane, these seven colours could be "illusory appearances" rather than "true colours".

202. So với màu sắc như được biểu lộ trên cõi chân thần, bảy màu này có thể là "những sắc tướng ảo huyễn" hơn là "màu sắc chân thực".

203. We note that the "monadic cosmic wheel" is represented by three primary colours and the monadic systemic wheel by seven other colours (perhaps illusory appearances).

203. Chúng ta lưu ý rằng "bánh xe vũ trụ chân thần" được biểu thị bằng ba màu chính yếu và bánh xe hệ thống chân thần bằng bảy màu khác (có lẽ là những sắc tướng ảo huyễn).

204. Thus we have the important number ten when combining the monadic cosmic wheel and one monadic systemic wheel.

204. Do đó, khi kết hợp bánh xe vũ trụ chân thần và một bánh xe hệ thống chân thần, chúng ta có con số quan trọng là mười.

205. If we consider the three solar systems, we will have the number twenty-one. Adding the three of the monadic cosmic wheel, we will have a significant number of completion—twenty-four (the number of Shamballa, and perhaps the number of the prototype of Shamballa).

205. Nếu xét ba hệ mặt trời, chúng ta sẽ có con số hai mươi mốt. Cộng thêm ba của bánh xe vũ trụ chân thần, chúng ta sẽ có một con số hoàn tất đầy thâm nghĩa—hai mươi bốn (con số của Shamballa, và có lẽ là con số của nguyên mẫu của Shamballa).

and from the vision of the adept of the fifth Initiation

và từ linh thị của chân sư của lần điểm đạo thứ năm

206. Who, let us remember, cannot yet see "true colours"...

206. Xin nhớ rằng, vị ấy vẫn chưa thể thấy được "màu sắc chân thực"...

is the sumtotal of the primary colours of the egoic groups of the differing planetary schemes.

là tổng số các màu chính yếu của các nhóm chân ngã thuộc những hệ hành tinh khác nhau.

207. Whatever the context we may be considering, there are only *three* primary colours.

207. Dù chúng ta có thể đang xét trong ngữ cảnh nào đi nữa, chỉ có *ba* màu chính yếu.

208. The egoic groups (though one can estimate that there are seven such in each planetary scheme) are designated in terms of three primary colors. Presumably, these colours are "appearances" rather than "true" colours.

208. Các nhóm chân ngã (dù có thể ước tính rằng có bảy nhóm như thế trong mỗi hệ hành tinh) được chỉ định theo ba màu chính yếu. Có lẽ các màu này là "sắc tướng" hơn là những màu "chân thực".

The monadic planetary wheel,

Bánh xe hành tinh chân thần,

209. We see that DK is simply extending the analogy which He used when dealing with macrocosmic matters in the material covered in the previous commentary.

209. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK chỉ đơn giản mở rộng phép loại suy mà Ngài đã dùng khi bàn đến các vấn đề đại thiên địa trong phần tài liệu được trình bày trong phần bình luận trước.

210. We are *still* however, dealing with the Monad within large contexts—cosmic, systemic and planetary.

210. Tuy nhiên, chúng ta *vẫn* đang bàn đến Chân thần trong những bối cảnh lớn—vũ trụ, hệ thống và hành tinh.

211. The individual Monad, per se, is not yet the primary focus, but rather the placement of the Monad within the greater wheels.

211. Chính Chân thần cá biệt vẫn chưa là trọng tâm chính, mà đúng hơn là vị trí của Chân thần trong các bánh xe lớn hơn.

which concerns the **particular group of Monads incarnating in a particular scheme**,

liên quan đến **nhóm Chân thần đặc thù đang lâm phàm trong một hệ hành tinh đặc thù**,

212. We have traced the Monad from its cosmic context in foregoing solar systems; we have examined the Monad within our present solar system; now we examine the Monad within the context of a particular planetary scheme.

212. Chúng ta đã truy theo Chân thần từ bối cảnh vũ trụ của nó trong các hệ mặt trời trước đây; chúng ta đã khảo sát Chân thần trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta; giờ đây chúng ta khảo sát Chân thần trong bối cảnh của một hệ hành tinh đặc thù.

213. Though the sumtotal of Monads incarnating in any one planetary scheme can be differentiated into three great types and twenty-one lesser types, they, as a whole, share a unifying factor—that factor which directed them into incarnation in the same planetary scheme.

213. Dù tổng số các Chân thần đang lâm phàm trong bất kỳ một hệ hành tinh nào có thể được phân biệt thành ba loại lớn và hai mươi mốt loại nhỏ hơn, nhưng xét như một toàn thể, chúng chia sẻ một yếu tố hợp nhất —yếu tố đã hướng dẫn chúng đi vào lâm phàm trong cùng một hệ hành tinh.

is seen by the seer as the blending of egoic groups, but with the difference that the colour is a dual one, and the colouring of the personality ray of the incarnating Ego is also seen.

được nhà thông nhãn thấy như sự hòa trộn của các nhóm chân ngã, nhưng với điểm khác biệt là màu sắc ấy có tính nhị phân, và màu sắc của cung phàm ngã của Chân ngã đang lâm phàm cũng được thấy.

214. When the planetary scheme is brought into the picture the dimension of personality enters. A single solar system reflects the egoic expression of the Monad, and three major solar systems taken together suggest the dynamics of the Monad on its own plane and throughout its seven (or major three) incarnations.

214. Khi hệ hành tinh được đưa vào bức tranh, chiều kích phàm ngã đi vào. Một hệ mặt trời đơn lẻ phản ánh biểu hiện chân ngã của Chân thần, và ba hệ mặt trời chính được xét chung với nhau gợi ra động lực của Chân thần trên cõi riêng của nó và xuyên suốt bảy lần lâm phàm (hay ba lần chính) của nó.

215. The “cosmic monadic wheel” is purely monadic.

215. “Bánh xe vũ trụ chân thần” thuần túy là chân thần.

216. The “systemic monadic wheel” is both monadic and egoic.

216. “Bánh xe hệ thống chân thần” vừa là chân thần vừa là chân ngã.

217. The “planetary monadic wheel” is monadic, egoic and includes the personality dimension.

217. “Bánh xe hành tinh chân thần” là chân thần, chân ngã và bao gồm chiều kích phàm ngã.

218. Thus far we have the following:

218. Cho đến đây chúng ta có những điều sau:

a. The cosmic wheel of the Monad consisting, presumably, of seven demonstrations including three major demonstrations. (The relationship between seven possible demonstrations and six such demonstrations remains to be worked out.)

a. Bánh xe vũ trụ của Chân thần, có lẽ gồm bảy sự biểu lộ, trong đó có ba sự biểu lộ chính. (Mối liên hệ giữa bảy sự biểu lộ khả hữu và sáu sự biểu lộ như thế vẫn còn cần được làm sáng tỏ.)

b. That systemic wheel of the Monad dealing with a single demonstration in a single solar system.

b. Bánh xe hệ thống của Chân thần, liên quan đến một sự biểu lộ đơn nhất trong một hệ mặt trời đơn nhất.

c. The planetary wheel of the Monad focusing on its expression in one solar system and through a particular planetary scheme.

c. Bánh xe hành tinh của Chân thần, tập trung vào biểu hiện của nó trong một hệ mặt trời và qua một hệ hành tinh đặc thù.

219. The human Monad turns on three great wheels. Turning on the greatest wheel, the “cosmic monadic wheel” it need not have an egoic expression. Turning on the “systemic monadic wheel” some Monads waiting in “interplanetary spaces” and “not in incarnation” also need not have an egoic expression. And certainly they need not have a personality expression. Turning on a “monadic planetary wheel” they are in a cycle in which they will have (during various egoic cycles) a personality expression.

219. Chân thần nhân loại quay trên ba bánh xe lớn. Khi quay trên bánh xe lớn nhất, “bánh xe vũ trụ chân thần”, nó không nhất thiết phải có biểu hiện chân ngã. Khi quay trên “bánh xe hệ thống chân thần”, một số Chân thần đang chờ trong “các không gian liên hành tinh” và “không lâm phàm” cũng không nhất thiết phải có biểu hiện chân ngã. Và chắc chắn chúng không nhất thiết phải có biểu hiện phàm ngã. Khi quay trên một “bánh xe hành tinh chân thần”, chúng ở trong một chu kỳ mà trong đó chúng sẽ có

(trong các chu kỳ chân ngã khác nhau) một biểu hiện phàm ngã.

220. The threefold colour of the Monad is the combination of its "true colour", its egoic expression (which is an "illusory appearance") and its personality expression (which is a "reflection" of the "true colour").

220. Màu sắc tam phân của Chân thần là sự kết hợp của "màu sắc chân thực" của nó, biểu hiện chân ngã của nó (là một "sắc tướng ảo huyễn") và biểu hiện phàm ngã của nó (là một "phản chiếu" của "màu sắc chân thực").

S9S2 Part II

TCF 1092-1097

TCF 1092-1097

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

The egoic cycle, or the turning of the wheel of the incarnating Ego,

Chu kỳ chân ngã, hay sự quay của bánh xe của Chân ngã đang lâm phàm,

1. This signifies the Ego passing through the cycles which pertain to it.

1. Điều này biểu thị Chân ngã đi qua các chu kỳ thuộc về nó.

2. We have just been discussing the passing of the Monad through various wheels—cosmic, systemic and planetary.

2. Chúng ta vừa mới bàn về sự đi qua của Chân thần qua các bánh xe khác nhau—vũ trụ, hệ thống và hành tinh.

is of the most practical interest to man, and has already been somewhat dealt with.

là điều có mối quan tâm thực tiễn nhất đối với con người, và đã phần nào được bàn đến rồi.

3. Really, the turning of the egoic wheel is the theme of so much that Master DK has written. His works focus profoundly on soul culture.

3. Thật ra, sự quay của bánh xe chân ngã là chủ đề của rất nhiều điều mà Chân sư DK đã viết. Các tác phẩm của Ngài tập trung sâu sắc vào sự tu dưỡng linh hồn.

For purposes of clarity and elucidation, **this wheel may also be seen as turning in three cycles and as making three kinds of revolutions**, covering varying periods of time.

Để rõ ràng và minh giải, **bánh xe này cũng có thể được xem như quay trong ba chu kỳ và tạo nên ba loại vòng quay**, bao trùm những khoảng thời gian khác nhau.

4. The Monad too was seen to turn in three cycles.

4. Chân thần cũng đã được thấy là quay trong ba chu kỳ.

5. Such egoic cycles and revolutions will determine the periods of incarnation and the duration of such periods for members of an egoic group.

5. Những chu kỳ và vòng quay chân ngã như thế sẽ quyết định các thời kỳ lâm phàm và thời lượng của những thời kỳ ấy đối với các thành viên của một nhóm chân ngã.

6. Given three cycles and three kinds of revolutions, we have the number *nine* fulfilled.

6. Với ba chu kỳ và ba loại vòng quay, chúng ta có con số *chín* được hoàn tất.

7. When considering the above, we should also remember the following:

7. Khi xét điều trên, chúng ta cũng nên nhớ điều sau đây:

The egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes, and not in groups of fours and sevens as do the personality cycles, and the same ratio must be predicated of the central cycles of a Heavenly Man and of a solar Logos. (TCF 304)

Các chu kỳ chân ngã tiến hành theo những nhóm bảy và nhóm ba, chứ không theo những nhóm bốn và bảy như các chu kỳ phàm ngã, và cùng một tỉ lệ ấy phải được giả định cho các chu kỳ trung tâm của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế. (TCF 304)

8. We would be mistaken to think that human incarnation occurs with relentless regularity. There may be long periods of

8. Chúng ta sẽ sai lầm nếu nghĩ rằng sự lâm phàm của con người xảy ra với tính đều đặn không ngừng. Có thể có những khoảng thời

time when a human Ego is simply out of incarnation. The incarnations will be determined by egoic cycles but also influence, one may presume, by monadic cycles as well.

gian dài khi một Chân ngã nhân loại đơn giản là ở ngoài lâm phàm. Các lần lâm phàm sẽ được quyết định bởi các chu kỳ chân ngã nhưng cũng, có thể giả định, chịu ảnh hưởng bởi các chu kỳ chân thần nữa.

9. Something of importance is revealed about the egoic and personality cycles of the Heavenly Man and Solar Logos—the numbers involved in these cycles is the same as for the human Ego and personality.

9. Một điều quan trọng được tiết lộ về các chu kỳ chân ngã và phàm ngã của Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế—các con số liên quan trong những chu kỳ này cũng giống như đối với Chân ngã và phàm ngã của con người.

10. This whole matter is extremely intricate and surely represents some of the deeper aspects of the "Science of the Initiates".

10. Toàn bộ vấn đề này cực kỳ phức tạp và chắc chắn biểu hiện một số phương diện sâu xa hơn của "Khoa Học của các Điểm đạo đồ".

There is first, *the Wheel of the chain,* or the cycling of the Monad around an entire chain, and **its passage through all the globes and kingdoms.**

Trước hết có *Bánh Xe của dãy,* hay sự tuần hoàn của Chân thần quanh toàn bộ một dãy, và **sự đi qua của nó qua mọi bầu hành tinh và các giới.**

11. Quite a hint is here given. Can we, by higher analogy, assume that the Wheel of a Scheme involves the cycling of the Monad around an entire Scheme and its passage through call chains?

11. Ở đây có một gợi ý khá lớn. Liệu bằng định luật tương đồng cao hơn, chúng ta có thể giả định rằng Bánh Xe của một Hệ Hành Tinh bao hàm sự tuần hoàn của Chân thần quanh toàn bộ một Hệ Hành Tinh và sự đi qua của nó qua mọi dãy chăng?

12. And what of the monadic Wheel of the Solar System—to what extent is there a cycling of the Monad around the entire solar system?

12. Và còn bánh xe chân thần của Hệ Mặt Trời thì sao—ở mức độ nào có sự tuần hoàn của Chân thần quanh toàn bộ hệ mặt trời?

13. Or is the Monad confined simply to one planetary scheme? It would seem *not* to be the case, as the Monad can dwell in "interplanetary spaces".

13. Hay Chân thần chỉ bị giới hạn đơn thuần trong một hệ hành tinh? Có vẻ *không* phải như vậy, vì Chân thần có thể cư ngụ trong "các không gian liên hành tinh".

14. And what of the Monad in relation to the "monadic cosmic wheel"? We can wonder whether a Monad may not circulate through seven major solar systems, just as it

14. Và Chân thần liên hệ với "bánh xe vũ trụ chân thần" thì sao? Chúng ta có thể tự hỏi liệu một Chân thần có thể không tuần hoàn qua bảy hệ mặt trời chính, cũng như nó tuần

circulates through seven globes and seven chains?

15. It is interesting to consider that the Monad, as it expresses through a given planetary chain will pass through *all* globes and *all* kingdoms in that chain. This leaves open quite an extensive future for the human Monad expressing on our fourth globe at this time.

16. We are familiar with the idea that there have been stages of inmineralization, invegetalization, and inzoonation of the Monad. It probably seems reasonable to us that the Monad will demonstrate within the Kingdom of Souls and the Kingdom of Planetary Lives as well. Will every Monad demonstrate through the Kingdom of Solar Lives? This would take the demonstration beyond the scope of the planetary scheme, would it not? And, eventually, it is likely.

The consideration of this is complicated by the fact that **in any particular chain, the Monads seldom begin and end their evolution; they seldom emerge, pass through their cycle and achieve their objective**.

17. DK is speaking of a kind of principle of 'overlap'. Cycles begun on one chain are continued on the next and may be completed on still another or others.

18. Many of those who are pursuing their monadic development on this fourth chain of the Earth-scheme began their monadic pilgrimage on the third chain, the Moon-chain, and may not complete their monadic pilgrimage on this fourth chain at all. In

hoàn qua bảy bầu hành tinh và bảy dãy hay không?

15. Thật thú vị khi xét rằng Chân thần, khi biểu hiện qua một dãy hành tinh nhất định, sẽ đi qua *mọi* bầu hành tinh và *mọi* giới trong dãy ấy. Điều này để ngỏ một tương lai khá rộng lớn cho Chân thần nhân loại đang biểu hiện trên bầu hành tinh thứ tư của chúng ta vào lúc này.

16. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng đã có những giai đoạn khoáng vật hóa, thực vật hóa và động vật hóa của Chân thần. Có lẽ đối với chúng ta, điều hợp lý là Chân thần cũng sẽ biểu lộ trong Giới các Linh Hồn và Giới các Sự Sống Hành tinh nữa. Liệu mọi Chân thần có biểu lộ qua Giới các Sự sống Thái Dương không? Điều này sẽ đưa sự biểu lộ vượt ra ngoài phạm vi của hệ hành tinh, phải không? Và rốt cuộc, điều đó có lẽ là như vậy.

Việc xem xét điều này trở nên phức tạp bởi sự kiện rằng **trong bất kỳ dãy đặc thù nào, các Chân thần hiếm khi bắt đầu và kết thúc sự tiến hoá của mình; chúng hiếm khi xuất hiện, đi qua chu kỳ của mình và đạt được mục tiêu của mình**.

17. Chân sư DK đang nói về một loại nguyên lý "chồng lấn". Những chu kỳ bắt đầu trên một dãy được tiếp tục trên dãy kế tiếp và có thể được hoàn tất trên một hay nhiều dãy khác nữa.

18. Nhiều người đang theo đuổi sự phát triển chân thần của mình trên dãy thứ tư này của hệ Địa Cầu đã bắt đầu cuộc hành hương chân thần của mình trên dãy thứ ba, Dãy Mặt Trăng, và có thể hoàn toàn không hoàn tất cuộc hành hương chân thần của mình trên dãy thứ tư này. Thật ra, cuộc hành

fact, this pilgrimage may not be completed until the next solar system.

hương này có thể chỉ được hoàn tất trong hệ mặt trời kế tiếp.

It is not possible to dissociate a chain from its preceding or succeeding chain.

Không thể tách rời một dãy khỏi dãy đứng trước hay dãy tiếp sau nó.

19. Just as it is not possible to dissociate chakras in any chakric system from one another...

19. Cũng như không thể tách rời các luân xa trong bất kỳ hệ thống luân xa nào khỏi nhau...

20. Further, it is not possible to associate one solar system (pervaded by the consciousness of the same Solar Logos) from another.

20. Hơn nữa, không thể tách rời một hệ mặt trời (được thấm nhuần bởi tâm thức của cùng một Thái dương Thượng đế) khỏi một hệ mặt trời khác.

21. There are important hints here about the transference of energy from one chakra to another.

21. Ở đây có những gợi ý quan trọng về sự chuyển dịch năng lượng từ luân xa này sang luân xa khác.

22. We are considering some subjects which were popular with early Theosophists. It is likely that what DK is saying is adding important additional perspectives.

22. Chúng ta đang xét một số chủ đề vốn phổ biến với các nhà Thông Thiên Học thời kỳ đầu. Có khả năng điều Chân sư DK đang nói bổ sung những góc nhìn quan trọng khác.

Many Monads who achieved self-consciousness in the moon chain only entered into renewed activity **in the middle of the fourth root race**;

Nhiều Chân thần đã đạt được ngã thức trong Dãy Mặt Trăng chỉ đi vào hoạt động trở lại **vào giữa giống dân gốc thứ tư**;

23. DK speaks of entry in the "middle" of the fourth rootrace. Other theorists have wondered whether this type into the fourth rootrace might not have occurred earlier in its history—for instance, during the third subrace, though, perhaps, from a certain perspective the third root-race can be considered as occurring "in the middle" of the fourth root-race.

23. Chân sư DK nói về sự đi vào ở "giữa" giống dân gốc thứ tư. Các nhà lý thuyết khác đã tự hỏi liệu loại đi vào giống dân gốc thứ tư này có thể đã xảy ra sớm hơn trong lịch sử của nó hay không—thí dụ, trong giống dân phụ thứ ba, dù có lẽ, từ một góc nhìn nào đó, giống dân gốc thứ ba có thể được xem như xảy ra "ở giữa" giống dân gốc thứ tư.

others, who have individualised on this earth, will not succeed in reaching their goal upon this planet.

những Chân thần khác, đã biệt ngã hóa trên Trái Đất này, sẽ không thành công trong việc

đạt đến mục tiêu của mình trên hành tinh này.

24. By “upon this planet” does DK mean ‘upon or within this planetary scheme’? The use of the term “planet” must be watched very carefully as sometimes it may mean simply a globe and at other times the complete planetary scheme.

24. Bởi “trên hành tinh này”, Chân sư DK có muốn nói “trên hay trong hệ hành tinh này” không? Việc dùng thuật ngữ “hành tinh” phải được theo dõi rất cẩn thận vì đôi khi nó có thể chỉ đơn giản có nghĩa là một bầu hành tinh và những lúc khác lại là toàn bộ hệ hành tinh hoàn chỉnh.

25. If there is some accuracy to this thought, will the goal for those who individualized on Earth be reached on *some other* planet? Or upon a fresh incarnation of the Planetary Logos of our Earth in yet another solar system?

25. Nếu ý nghĩ này có phần chính xác nào đó, thì mục tiêu của những Chân thần đã biệt ngã hóa trên Trái Đất sẽ đạt được trên *một hành tinh khác nào đó*? Hay trên một lần lâm phàm mới của Chân Linh Hành Tinh của Trái Đất chúng ta trong một hệ mặt trời khác nữa?

26. Or will the goal be reached within another chain and upon a globe in that chain —both of them still residing within our present planetary scheme?

26. Hay mục tiêu sẽ được đạt đến trong một dãy khác và trên một bầu hành tinh trong dãy ấy—cả hai vẫn còn nằm trong hệ hành tinh hiện tại của chúng ta?

27. Some Monads, we know, we definitely not finish their pilgrimage until the next solar system.

27. Chúng ta biết rằng một số Chân thần chắc chắn sẽ không hoàn tất cuộc hành hương của mình cho đến hệ mặt trời kế tiếp.

28. As well, the life wave moves from chain to chain, and so it is possible that if certain Monads have not finished their pilgrimage within our present fourth chain, they may do so with the fifth, sixth or seventh, and upon globes found within those chains.

28. Hơn nữa, làn sóng sự sống di chuyển từ dãy này sang dãy khác, và vì vậy có thể là nếu một số Chân thần chưa hoàn tất cuộc hành hương của mình trong dãy thứ tư hiện tại của chúng ta, chúng có thể làm điều đó trong dãy thứ năm, thứ sáu hay thứ bảy, và trên các bầu hành tinh nằm trong những dãy ấy.

29. “In my Father’s House there are many mansions.” We have very little idea of the various intra-planetary and extra-planetary ‘locations’ to which our destiny may take us.

29. “Trong Nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở.” Chúng ta có rất ít ý niệm về những “địa điểm” nội hành tinh và ngoại hành tinh khác nhau mà định mệnh có thể đưa chúng ta đến.

There is here a correspondence to systemic evolution, and there is an analogy between the Monads who **refused** to [Page 1093] incarnate and the Egos who were **unable** to take bodies in the Lemurian or third root race.

Ở đây có một sự tương ứng với tiến hoá hệ thống, và có một phép loại suy giữa những Chân thần đã **từ chối** việc [Page 1093] lâm phàm và những Chân ngã đã **không thể** nhận lấy thể xác trong giống dân Lemuria hay giống dân gốc thứ ba.

30. We have two kinds of 'refusals' or 'inabilities'. Every time Master DK speaks of a refusal to incarnate, He somehow justifies it as appropriate to the refusing Entity.

30. Chúng ta có hai loại "từ chối" hay "không thể". Mỗi khi Chân sư DK nói về một sự từ chối lâm phàm, bằng cách nào đó Ngài đều biện minh rằng điều ấy là thích hợp đối với Thực Thể từ chối.

31. Presumably the Egos who were unable to take bodies in the Lemurian or third root race were faced with vehicles which were too gross for their needs. Often those events in Lemuria are discussed in terms of a 'refusal' but here DK speaks of an 'inability'.

31. Có lẽ những Chân ngã không thể nhận lấy thể xác trong giống dân Lemuria hay giống dân gốc thứ ba đã phải đối diện với những vận cụ quá thô nặng đối với nhu cầu của họ. Thường thì những biến cố ở Lemuria được bàn đến theo nghĩa một sự "từ chối", nhưng ở đây Chân sư DK nói đến một sự "không thể".

32. Monads who refused to incarnate must have been those who did not descend to engage in the individualization process. OR, if they had individualized in another system, may have waited before resuming the egoic nature they had built in that system. The matter is obscure. We do not know how an egoic lotus built in a previous solar system would survive pralaya. Probably the potentialities to regenerate such an egoic lotus in the present solar system would exist within the Monad. Egoic vehicles could be re-created on the basis of such potentialities.

32. Những Chân thần từ chối lâm phàm hẳn là những Chân thần đã không giáng xuống để tham dự vào tiến trình biệt ngã hóa. HOẶC, nếu chúng đã biệt ngã hóa trong một hệ thống khác, chúng có thể đã chờ đợi trước khi tiếp tục lại bản chất chân ngã mà chúng đã xây dựng trong hệ thống ấy. Vấn đề này còn mơ hồ. Chúng ta không biết một Hoa Sen Chân Ngã được xây dựng trong một hệ mặt trời trước sẽ tồn tại qua giai kỳ qui nguyên như thế nào. Có lẽ những tiềm năng để tái tạo một Hoa Sen Chân Ngã như thế trong hệ mặt trời hiện tại sẽ tồn tại bên trong Chân thần. Các vận cụ chân ngã có thể được tái tạo trên cơ sở những tiềm năng ấy.

There is next, *the Wheel of a globe,* or the process of evolution upon any particular globe.

Tiếp theo là *Bánh Xe của một bầu hành tinh,* hay tiến trình tiến hoá trên bất kỳ bầu hành tinh đặc thù nào.

33. We remember that DK has said the Monad will evolve through *all* globes in a chain (and all kingdoms).

33. Chúng ta nhớ rằng Chân sư DK đã nói Chân thần sẽ tiến hoá qua *mọi* bầu hành tinh trong một dãy (và mọi giới).

34. We are examining the different 'spheres' in which or on which monadic evolution proceeds.

34. Chúng ta đang khảo sát những "khối cầu" khác nhau trong đó hay trên đó sự tiến hoá chân thần diễn ra.

35. Yet the section we have begun refers most specifically to *egoic* evolution.

35. Tuy nhiên, phần mà chúng ta đã bắt đầu lại đề cập đặc biệt nhất đến tiến hoá *chân ngã*.

The student must bear in mind that the Monad, after planetary dissolution, passes the time between incarnations on other and subtler globes, which are the correspondence to the **interplanetary** and **intersystemic** spheres.

Đạo sinh phải ghi nhớ rằng Chân thần, sau sự tan rã hành tinh, trải qua thời gian giữa các lần lâm phàm trên những bầu hành tinh khác và vi tế hơn, vốn là sự tương ứng với các khối cầu **liên hành tinh** và **liên hệ thống**.

36. This also is a potentially obscure statement. As I said, we have to keep watch on the meaning of the word "planet" and "planetary". In this case, it seems that the word "planetary" relates to our particular globe. The dissolution of our globe seems to make it possible for the Monad to pass time on other and subtler globes in our chain.

36. Đây cũng là một phát biểu có thể mơ hồ. Như tôi đã nói, chúng ta phải theo dõi ý nghĩa của từ "hành tinh" và "thuộc hành tinh". Trong trường hợp này, có vẻ từ "thuộc hành tinh" liên hệ đến bầu hành tinh đặc thù của chúng ta. Sự tan rã của bầu hành tinh chúng ta dường như khiến Chân thần có thể trải qua thời gian trên những bầu hành tinh khác và vi tế hơn trong dãy của chúng ta.

37. What, then, is an 'interplanetary sphere'? What is an 'intersystemic sphere'? Are the subtler chains to be considered as interplanetary spheres or must these spheres exist in the 'spaces' between planets? From one perspective, the subtler chains could be considered as interplanetary spheres, but from another, subtle planetary schemes (spheres for which the densest vehicle is etheric, astral or mental) could be interplanetary spheres.

37. Vậy thì một "khối cầu liên hành tinh" là gì? Một "khối cầu liên hệ thống" là gì? Có phải các dãy vi tế hơn được xem là các khối cầu liên hành tinh hay những khối cầu này phải tồn tại trong các "không gian" giữa các hành tinh? Từ một góc nhìn, các dãy vi tế hơn có thể được xem là các khối cầu liên hành tinh, nhưng từ một góc nhìn khác, các hệ hành tinh vi tế (những khối cầu mà vận cụ đậm đặc nhất là dĩ thái, cảm dục hay trí tuệ) có thể là các khối cầu liên hành tinh.

38. As for “intersystemic spheres”, if our Sun and its solar system were considered as but one chain in a sevenfold greater Logos, some of those seven systems could be considered subtler than ours, and thus host life expression after our more tangible solar system had disappeared.

38. Còn về “các khối cầu liên hệ thống”, nếu Mặt Trời của chúng ta và hệ mặt trời của nó được xem chỉ như một dãy trong một Thượng đế lớn hơn thất phân, thì một số trong bảy hệ thống ấy có thể được xem là vi tế hơn hệ của chúng ta, và do đó là nơi cư ngụ của biểu hiện sự sống sau khi hệ mặt trời hữu hình hơn của chúng ta đã biến mất.

39. What we are attempting to discern is whether and to what extent “inter-planetary spaces” are the same as “interplanetary spheres”. There seems to be a difference implied. “Spaces” are not necessarily “spheres”, and indeed, there are subtle “spheres” between known and manifested planets and solar systems. We do remember (TCF 1089) that DK speaking of Monads tarrying in “inter-planetary spaces”. Are such spaces upon or within “interplanetary spheres”?

39. Điều chúng ta đang cố gắng phân biện là liệu và ở mức độ nào “các không gian liên hành tinh” có giống với “các khối cầu liên hành tinh” hay không. Dường như có một sự khác biệt được hàm ý. “Không gian” không nhất thiết là “khối cầu”, và quả thật, có những “khối cầu” vi tế giữa các hành tinh và hệ mặt trời đã biết và biểu hiện. Chúng ta nhớ rằng (TCF 1089) Chân sư DK có nói về các Chân thần lưu lại trong “các không gian liên hành tinh”. Những không gian ấy có ở trên hay trong “các khối cầu liên hành tinh” không?

40. We should also consider that (just as there are planets which have not yet manifested tangibly or are in process of dissolution having relinquished their physical form) there are probably subtle Suns which have not manifested tangibly. We are told that 6/7^{ths} of the Stellar Logoi are not in manifestation. Could the subtle spheres of which these great Beings are the Logoi be considered “intersystemic spheres”?

40. Chúng ta cũng nên xét rằng (cũng như có những hành tinh chưa biểu hiện một cách hữu hình hoặc đang trong tiến trình tan rã sau khi đã từ bỏ hình tướng hồng trần của mình) có lẽ cũng có những Mặt Trời vi tế chưa biểu hiện một cách hữu hình. Chúng ta được cho biết rằng 6/7phần bảy của các Thượng đế Tinh Tú không ở trong biểu hiện. Liệu các khối cầu vi tế mà các Hữu Thể Vĩ Đại này là các Thượng đế của chúng có thể được xem là “các khối cầu liên hệ thống” không?

41. One simply remembers that “in my Fathers house there are many mansions…”.

41. Người ta chỉ đơn giản nhớ rằng “trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở…”.

There is also, *the Wheel of a race,* or the lesser cycle of incarnations—

Cũng có *Bánh Xe của một nhân loại,* hay chu kỳ nhỏ hơn của các lần lâm phàm—

42. These wheels are still considered to be the locus of monadic incarnations, within a lesser cycle.

42. Những bánh xe này vẫn được xem là nơi chốn của các lần lâm phàm chân thần, trong một chu kỳ nhỏ hơn.

forming a definite series—wherein the incarnating Monad cycles through a number of lives in a particular race.

tạo thành một chuỗi xác định—trong đó Chân thần đang lâm phàm tuần hoàn qua một số đời sống trong một nhân loại đặc thù.

43. The numbers involved are probably not left to chance, although the precise number must also be dependent upon the diligence of the Monad.

43. Những con số liên quan có lẽ không bị phó mặc cho ngẫu nhiên, dù con số chính xác cũng phải tùy thuộc vào sự tinh tấn của Chân thần.

44. In this way that we would have to think in terms of “sevens” and “threes” because in relation to root-races, the egoic expression of the Monad is definitely involved.

44. Theo cách này, chúng ta sẽ phải suy nghĩ theo những “bộ bảy” và “bộ ba” bởi vì liên hệ với các giống dân gốc, biểu hiện chân ngã của Chân thần chắc chắn có liên quan.

45. As well it is advisable to think in terms of “fours” and “sevens”, because when dealing with root-races, the personality is also definitely involved.

45. Đồng thời cũng nên suy nghĩ theo những “bộ bốn” và “bộ bảy”, bởi vì khi bàn đến các giống dân gốc, phàm ngã cũng chắc chắn có liên quan.

All these cycles of periodic manifestation are concerned primarily with the appearance, or the **manifesting of the "sparks" upon one or other of the three planes in the three worlds**,

Tất cả những chu kỳ biểu hiện định kỳ này chủ yếu liên quan đến sự xuất hiện, hay **sự biểu hiện của các “tia lửa” trên một hay một cõi khác trong ba cõi thấp**,

46. Such manifestation definitely involves egoic expression.

46. Sự biểu hiện như thế chắc chắn bao hàm biểu hiện chân ngã.

or in some part of the physical body of the planetary Logos.

hay trong một phần nào đó của thể xác của Hành Tinh Thượng Đế.

47. These cycles and periods do not relate only to the appearance of the “spark” upon the systemic etheric-physical plane. The Monad can also appear on subtler planes and the appearance count as an ‘incarnation’.

47. Những chu kỳ và thời kỳ này không chỉ liên hệ đến sự xuất hiện của “tia lửa” trên cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống. Chân thần cũng có thể xuất hiện trên những cõi vi tế hơn và sự xuất hiện ấy được tính là một “lần lâm phàm”.

48. It would seem, however, that the three lower worlds are precisely the physical body of the Planetary Logos. Perhaps the higher mental plane should be excluded.

48. Tuy nhiên, dường như ba cõi thấp chính là thể xác của Hành Tinh Thượng Đế. Có lẽ cõi thượng trí nên được loại ra.

49. We note the Tibetan's use of the term "sparks" for "Monads".

49. Chúng ta lưu ý cách Chân sư Tây Tạng dùng thuật ngữ "các tia lửa" cho "các Chân thần".

The lesser cycles deal with this; the greater turning of the wheel concerns also the appearance, **or flashing forth, of the sparks in the planetary or systemic etheric body, or on the four higher planes of our solar system.**

Các chu kỳ nhỏ hơn liên quan đến điều này; sự quay lớn hơn của bánh xe cũng liên quan đến sự xuất hiện, **hay sự bùng phát, của các tia lửa trong thể dĩ thái hành tinh hay hệ thống, hoặc trên bốn cõi cao hơn của hệ mặt trời chúng ta.**

50. Of the cycles thus far mentioned, which can be designated as "lesser" and which "greater"?

50. Trong các chu kỳ đã được nêu cho đến nay, những chu kỳ nào có thể được gọi là "nhỏ hơn" và những chu kỳ nào là "lớn hơn"?

51. Manifestation through root-races and globes seem to be lesser. Manifestation through chains and planetary schemes seem greater. Certainly the solar systemic wheel and the cosmic monadic wheel are greater wheels and, no doubt, involve the cosmic etheric planes.

51. Biểu hiện qua các giống dân gốc và các bầu hành tinh dường như là nhỏ hơn. Biểu hiện qua các dãy và các hệ hành tinh dường như là lớn hơn. Chắc chắn bánh xe hệ thống mặt trời và bánh xe vũ trụ chân thần là những bánh xe lớn hơn và hẳn nhiên có liên quan đến các cõi dĩ thái vũ trụ.

52. We have to ask: "When, in the history of our planet (or any planet) or in the history of the solar system, did the Monads actually flash forth upon the cosmic etheric planes?" I think we will realize that this type of information is not given explicitly in our texts. In fact, it is barely hinted.

52. Chúng ta phải hỏi: "Khi nào, trong lịch sử hành tinh của chúng ta (hay bất kỳ hành tinh nào) hoặc trong lịch sử của hệ mặt trời, các Chân thần thực sự bùng phát trên các cõi dĩ thái vũ trụ?" Tôi nghĩ chúng ta sẽ nhận ra rằng loại thông tin này không được nêu minh nhiên trong các văn bản của chúng ta. Thật ra, nó hầu như chỉ được gợi ý.

53. Further, we must question, whether the sparks "flashed forth" from the Solar Logos or from our Planetary Logos? Or, perhaps, they flashed forth from some Planetary Logos other than ours. We have every reason to believe that the Monads now contained

53. Hơn nữa, chúng ta phải đặt câu hỏi liệu các tia lửa đã "bùng phát" từ Thái dương Thượng đế hay từ Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta? Hoặc có lẽ chúng đã bùng phát từ một Hành Tinh Thượng Đế nào khác ngoài vị của chúng ta. Chúng ta có mọi lý do để tin

within the planetary scheme of our Planetary Logos existed elsewhere in our solar system before our Planetary Logos took form. So many of them are said to come from other planets such as Vulcan, Venus or Jupiter—all sacred planets with sacred Planetary Logoi.

rằng các Chân thần hiện nay được chứa trong hệ hành tinh của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta đã hiện hữu ở nơi khác trong hệ mặt trời của chúng ta trước khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thành hình. Rất nhiều trong số chúng được nói là đến từ những hành tinh khác như Vulcan, Sao Kim hay Sao Mộc—tất cả đều là những hành tinh thiêng liêng với các Chân Linh Hành Tinh thiêng liêng.

We can picture to ourselves the glory of this concept; **the downpouring of the streams of fiery sparks;**

Chúng ta có thể hình dung cho mình vinh quang của khái niệm này; **sự tuôn đổ xuống của những dòng tia lửa rực lửa;**

54. From whence did they come? From certain aspects of our Solar Logos?

54. Chúng đến từ đâu? Từ những phương diện nào đó của Thái dương Thượng đế chúng ta chăng?

55. The word “downpouring” suggests emanation from planes subtler than the cosmic ethers.

55. Từ “tuôn đổ xuống” gợi ý sự xuất lộ từ những cõi vi tế hơn các cõi dĩ thái vũ trụ.

their flashing forth into points of intensified fire

sự bùng phát của chúng thành những điểm lửa được tăng cường

56. We must ask: “What were the Monads before they flashed forth into points of intensified fire?” It appears that a fiery spark becomes a point of intensified fire.

56. Chúng ta phải hỏi: “Các Chân thần là gì trước khi chúng bùng phát thành những điểm lửa được tăng cường?” Có vẻ như một tia lửa rực lửa trở thành một điểm lửa được tăng cường.

57. At the very root of our spiritual being lies *fire.*

57. Ngay nơi cội rễ của hữu thể tinh thần chúng ta có *Lửa.*

as they meet conditions which produce occult "ignition";

khi chúng gặp những điều kiện tạo ra sự “bốc cháy” huyền bí;

58. We have a situation much like that of a spaceship traveling at high speed entering

58. Chúng ta có một tình huống rất giống với một phi thuyền du hành ở tốc độ cao đi vào

the atmosphere of the Earth. Great heat is generated.

59. The “conditions” met presumably exist on the cosmic etheric planes.

60. We are again coming to the question: “What is the true origin of the Monad—at least its origin within the solar system”?

and the constant circulation of the forty-nine fires constructed of the sixty thousand million human Monads and the countless streams of deva monads:

61. There are said to be 140 billion deva Monads in this our second major solar system. Presumably this does not include every minute devic life.

62. Just as there are lower kingdoms embraced by the human Monad, so there must be lower deva ‘kingdoms’ embraced by the true deva Monads.

63. In our solar system there are 60 billion Monads.

64. What is interesting here is that the forty-nine fires are said to be “constructed of” these Monads and the deva Monads.

65. There are forty-nine “Sons of Fohat” (including the lesser “Sons”), forty-nine Ray Lives, and, perhaps, forty-nine “Spirits of Darkness”. It would seem that we should relate the 200 billion human and deva Monads to the “Spirits of Darkness”. In one significant respect the Monad dwells unrevealed and in darkness—until through the evolutionary process it is unveiled.

bầu khí quyển của Trái Đất. Nhiệt lượng lớn được tạo ra.

59. Những “điều kiện” được gặp phải có lẽ tồn tại trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

60. Chúng ta lại đang đi đến câu hỏi: “Nguồn gốc thực sự của Chân thần là gì—ít nhất là nguồn gốc của nó trong hệ mặt trời”?

và sự tuần hoàn liên tục của bốn mươi chín ngọn lửa được cấu thành từ sáu mươi tỷ Chân thần nhân loại và vô số dòng Chân thần thiên thần:

61. Người ta nói rằng có 140 tỷ Chân thần thiên thần trong hệ mặt trời lớn thứ hai này của chúng ta. Có lẽ điều này không bao gồm mọi sự sống thiên thần cực vi.

62. Cũng như có những giới thấp hơn được Chân thần nhân loại bao hàm, hẳn cũng phải có những “giới” thiên thần thấp hơn được các Chân thần thiên thần chân chính bao hàm.

63. Trong hệ mặt trời của chúng ta có 60 tỷ Chân thần.

64. Điều thú vị ở đây là bốn mươi chín ngọn lửa được nói là “được cấu thành từ” những Chân thần này và các Chân thần thiên thần.

65. Có bốn mươi chín “Con của Fohat” (kể cả những “Người Con” nhỏ hơn), bốn mươi chín Sự sống Cung, và có lẽ là bốn mươi chín “Thánh Linh của Bóng Tối”. Dường như chúng ta nên liên hệ 200 tỷ Chân thần nhân loại và thiên thần với các “Thánh Linh của Bóng Tối”. Ở một phương diện quan trọng, Chân thần cư ngụ trong trạng thái không

được mặc khải và trong bóng tối—cho đến khi qua tiến trình tiến hoá nó được vén mở.

fire on every side—a network of fiery rivers of living energy, **focal points of intensified brilliancy and everywhere the sparks.**

lửa ở mọi phía—một mạng lưới những dòng sông lửa của năng lượng sống, **những điểm hội tụ của sự rực sáng được tăng cường và khắp nơi là các tia lửa.**

66. Although the language is pictorial, chances are that it describes occult reality as perceived on the higher cosmic ethers.

66. Dù ngôn ngữ mang tính hình ảnh, rất có thể nó mô tả thực tại huyền bí như được tri nhận trên các cõi dĩ thái vũ trụ cao hơn.

67. It seems as if DK is describing Shamballa itself.

67. Dường như Chân sư DK đang mô tả chính Shamballa.

68. There also seems to be a difference between "sparks" and 'ignited sparks'---sparks which have become "points of intensified brilliancy".

68. Dường như cũng có một sự khác biệt giữa "các tia lửa" và các "tia lửa đã bốc cháy"---những tia lửa đã trở thành "những điểm rực sáng được tăng cường".

69. It would seem that the "sparks" exist on planes higher than the cosmic physical plane.

69. Dường như các "tia lửa" hiện hữu trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

There are a few more remarks to be made anent the turning of the various wheels, and we can then take up the consideration of motion and the sheaths.

Còn một vài nhận xét nữa cần được đưa ra liên quan đến sự quay của các bánh xe khác nhau, rồi sau đó chúng ta có thể bắt đầu xem xét chuyển động và các thể.

70. We are definitely dealing with technical matters touching on the Spirit of man. If the functioning of the egoic lotus is obscure to the mind of man, we are dealing with processes far more obscure and deeply recessed.

70. Chúng ta chắc chắn đang bàn đến những vấn đề kỹ thuật chạm đến tinh thần của con người. Nếu sự vận hành của Hoa Sen Chân Ngã còn mơ hồ đối với trí tuệ con người, thì chúng ta đang bàn đến những tiến trình còn mơ hồ hơn nhiều và ẩn sâu hơn nhiều.

Within all those wheels which we have enumerated, **are many lesser wheels all governed by the same laws,** actuated by the same three forms of activity,

Trong tất cả những bánh xe mà chúng ta đã liệt kê, **có nhiều bánh xe nhỏ hơn đều được chi phối bởi cùng những định luật,** được thúc đẩy bởi cùng ba hình

and all (in their totality) forming one great whole.

thức hoạt động, và tất cả (trong tính toàn thể của chúng) tạo thành một toàn thể vĩ đại.

71. The vision is one of "wheels within wheels" It is in examining these relationships that the Law of Analogy is indispensable. We can see that we are being given only faint indications of profound cyclic relationships. What is important is that we grasp the general picture. The details are left for apprehension by the intuition or for conferral during initiation.

71. Linh ảnh ở đây là "những bánh xe trong các bánh xe". Chính khi khảo sát những mối liên hệ này mà định luật tương đồng là điều không thể thiếu. Chúng ta có thể thấy rằng chúng ta chỉ đang được ban cho những chỉ dẫn rất mờ nhạt về những mối liên hệ chu kỳ sâu xa. Điều quan trọng là chúng ta nắm được bức tranh tổng quát. Các chi tiết được để lại cho trực giác lĩnh hội hoặc để được truyền dạy trong khi điểm đạo.

72. What we learn is that there are many wheels which are *not* discussed in the treatment here presented by the Tibetan.

72. Điều chúng ta học được là có nhiều bánh xe *không* được bàn đến trong phần trình bày ở đây của Chân sư Tây Tạng.

73. If we learn something about the Monad and its "wheels", the same can be applied to the Universal Wheel and to the various cosmic and systemic wheels.

73. Nếu chúng ta học được điều gì đó về Chân thần và các "bánh xe" của nó, thì điều ấy cũng có thể được áp dụng cho Bánh Xe Vũ Trụ và cho các bánh xe vũ trụ và hệ thống khác nhau.

It will be apparent [Page 1094] to all conscientious students

Điều đó sẽ hiển nhiên [Page 1094] đối với mọi đạo sinh tận tâm

74. Exactly what are Master DK's requirements for being "conscientious students"?

74. Chính xác thì những yêu cầu của Chân sư DK để trở thành "đạo sinh tận tâm" là gì?

that the founders of the symbolical method managed to convey in the symbol of the **wheel an idea of the triplicity of all atomic activity**:

rằng những người sáng lập phương pháp biểu tượng đã thành công trong việc truyền đạt, trong biểu tượng của **bánh xe, một ý niệm về tính tam phân của mọi hoạt động nguyên tử**:

a. The central point of active positive force — the hub

a. Điểm trung tâm của mãnh lực tích cực — trục bánh xe

dương tính

75. This is the first ray aspect of the wheel.

75. Đây là phương diện cung một của bánh xe.

b. The negative stream of life the radiating spokes.

b. Dòng sự sống âm tính các nan hoa tỏa ra.

76. The radius is the "relation between" and thus suggests the function of the second ray.

76. Bán kính là "mối liên hệ giữa" và do đó gợi ra chức năng của cung hai.

77. There comes a time when the wheel spins so fast that all semblance of spokes disappears. Only the center and the periphery remain visible.

77. Có lúc bánh xe quay nhanh đến mức mọi dáng vẻ của các nan hoa đều biến mất. Chỉ còn tâm điểm và chu vi là vẫn thấy được.

78. It seems strange that DK should call the radiating spokes "negative stream(s) of life". One would think that negativity would be assigned to the lives upon the periphery and an equilibrizing function to the radii.

78. Có vẻ lạ khi Chân sư DK gọi các nan hoa phát xạ là "những dòng sự sống âm". Người ta hẳn sẽ nghĩ rằng tính âm phải được gán cho các sự sống ở chu vi, còn các bán kính thì giữ một chức năng quân bình.

c. The sphere of activity itself, the circumference of the wheel.

c. Chính khối cầu hoạt động, chu vi của bánh xe.

the effect of the interplay of these two

kết quả của sự tương tác giữa hai điều này

79. The periphery suggests the third ray.

79. Chu vi gợi ý cung ba.

If the student can picture those wheels in activity, **if he can visualise all parts of the wheel as composed of lesser living wheels**, and if he can work into his picture a hint of the interplay of all these fiery essences, coloured with certain predominant hues, he will become aware of conditions, and see before him a picture which is ever apparent to the illuminated seer.

Nếu đạo sinh có thể hình dung những bánh xe ấy đang hoạt động, **nếu y có thể hình dung mọi phần của bánh xe đều được cấu thành bởi những bánh xe sống nhỏ hơn**, và nếu y có thể đưa vào bức hình của mình một gợi ý về sự tương tác của tất cả các tinh chất lửa này, được nhuốm bởi những sắc thái trội hơn nào đó, thì y sẽ nhận biết được các điều kiện, và thấy trước mắt mình một bức hình luôn luôn hiển hiện đối với nhà thông nhãn được soi sáng.

80. Master DK is trying to help us bridge towards seership. We understand that it is difficult for Him to describe exactly what He

80. Chân sư DK đang cố giúp chúng ta bắt cầu hướng tới thông nhãn. Chúng ta hiểu rằng Ngài khó có thể mô tả chính xác điều

sees, but He has given us a visualization exercise which we can attempt with profit.

Ngài thấy, nhưng Ngài đã trao cho chúng ta một bài tập hình dung mà chúng ta có thể thực hành một cách hữu ích.

81. It is interesting to consider that the parts of a greater wheel are wheels themselves—*lesser* wheels.

81. Thật thú vị khi suy xét rằng các phần của một bánh xe lớn hơn tự chúng cũng là những bánh xe— *những* bánh xe nhỏ hơn.

82. We have seen that there are many names for a Monad-- atoms, units, points, flames, sparks, sons, sparks. To this list we should add the word "essence".

82. Chúng ta đã thấy rằng có nhiều tên gọi dành cho một chân thần—nguyên tử, đơn vị, điểm, ngọn lửa, tia lửa, các con, tia lửa. Vào danh sách này, chúng ta nên thêm từ "tinh chất".

If, before doing this, he can vision the whole of the systemic wheel as in a constant state of circulation, in which the **tiny lesser lives**

Nếu trước khi làm điều này, y có thể linh thị toàn thể bánh xe hệ thống đang ở trong một trạng thái tuần hoàn không ngừng, trong đó các **sự sống nhỏ bé hơn li ti**

83. Exactly what does DK mean by "the tiny lesser lives"? Does He mean Monads, or, in fact, monadic essence or elemental essence?

83. Chính xác thì Chân sư DK muốn nói gì qua cụm "các sự sống nhỏ bé hơn li ti"? Ngài có muốn nói đến các chân thần, hay thật ra là tinh chất chân thần hoặc Tinh chất hành khí?

are impelled by the force of the central solar life to **pass throughout the extent of the wheel so that they come in contact with all parts of the wheel,**

được mãnh lực của sự sống thái dương trung tâm thúc đẩy để **đi xuyên suốt toàn bộ phạm vi của bánh xe để chúng tiếp xúc với mọi phần của bánh xe,**

84. This is a very important thought. Just as the Monad passes through all globes in a chain, is DK telling us that the Monad (relatively a "lesser life") comes in contact with all aspects of the solar system. Or does He mean that lives still lesser do so? It is the Solar Logos which impels the Monad and

84. Đây là một tư tưởng rất quan trọng. Cũng như chân thần đi qua mọi bầu hành tinh trong một Dãy, phải chăng Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng chân thần (tương đối là một "sự sống nhỏ hơn") tiếp xúc với mọi phương diện của hệ mặt trời? Hay Ngài muốn nói rằng những sự sống còn nhỏ hơn nữa làm như vậy? Chính Thái dương

possibly a host of lesser lives towards this type of 'systemic familiarity'.

Thượng đế là Đấng thúc đẩy chân thần và có thể cả một đạo quân những sự sống nhỏ hơn hướng tới loại "sự quen thuộc có tính hệ thống" này.

85. One would wonder how such a thoroughgoing circulation of the Monad and other lesser lives could be engineered.

85. Người ta hẳn sẽ tự hỏi làm sao một sự tuần hoàn triệt để như thế của chân thần và các sự sống nhỏ hơn khác có thể được tổ chức.

and are impressed by all the varying types of "power-substance,"

và bị ghi dấu bởi mọi loại "chất liệu-quyền năng" khác nhau,

86. Here is a new name for the substances which are encountered throughout the solar system—"power-substance(s)".

86. Đây là một tên gọi mới cho các chất liệu được gặp khắp hệ mặt trời—"chất liệu-quyền năng".

then the general nature of the method can be somewhat ascertained.

thì bản chất tổng quát của phương pháp có thể phần nào được xác định.

87. The vision is one of complete circulation and synthesis. The vision overcomes entirely the static tendencies of mind—the mind which is "narrow, set, one-pointed, not inclusive" (EP II 372).

87. Linh ảnh này là linh ảnh của sự tuần hoàn và tổng hợp hoàn toàn. Linh ảnh ấy hoàn toàn vượt thắng các khuynh hướng tĩnh tại của trí tuệ—trí tuệ vốn "hẹp, cố định, nhất tâm, không bao gồm" (EP II 372).

We use the term **"motion," but what do we really mean?** Simply, and literally, the manifestation of the energy generated through the bringing together of certain aspects of energy, and the triple result thereby produced;

Chúng ta dùng từ **"chuyển động", nhưng thật sự chúng ta muốn nói gì?** Đơn giản, và theo nghĩa đen, đó là sự biểu hiện của năng lượng được tạo ra qua việc đưa một số phương diện năng lượng lại với nhau, và kết quả tam phân nhờ đó được tạo ra;

88. "Motion" then, is the "manifestation of energy"

88. Vậy thì "chuyển động" là "sự biểu hiện của năng lượng"

the activities resulting from this stream of dynamic electrical energy, emanating from some centre, which **sweeps into response** all that it contacts, and which **holds** the responsive units in some form or another.

những hoạt động phát sinh từ dòng năng lượng điện động lực này, phát ra từ một trung tâm nào đó, dòng năng lượng ấy **cuốn mọi sự mà nó tiếp xúc vào sự đáp ứng** và **giữ** các đơn vị đáp ứng trong một hình tướng nào đó.

89. “Motion” is one of those words which is difficult to define. It always involves the idea of number, relativity and change of ‘position’.

89. “Chuyển động” là một trong những từ khó định nghĩa. Nó luôn bao hàm ý niệm về số lượng, tính tương đối và sự thay đổi “vị trí”.

90. When certain aspects of energy are brought together, that which we call “motion” appears.

90. Khi một số phương diện năng lượng được đưa lại với nhau, điều mà chúng ta gọi là “chuyển động” xuất hiện.

91. The first and third aspects of divinity are definitely related, for it is the dynamic impulsion of the first ray which sweeps all into activity.

91. Phương diện thứ nhất và thứ ba của thiên tính rõ ràng có liên hệ với nhau, vì chính xung lực động của cung một cuốn mọi sự vào hoạt động.

92. The first aspect of divinity *activates* and *holds.* It is thus responsible for the ignition of both the third and second aspects.

92. Phương diện thứ nhất của thiên tính *kích hoạt* và *giữ.* Vì thế nó chịu trách nhiệm cho sự bốc cháy của cả phương diện thứ ba lẫn thứ hai.

From the occult standpoint, all that **manifests** is spheroidal in form,

Theo quan điểm huyền bí học, mọi điều **biểu hiện** đều có hình cầu,

93. Manifestation occurs not only on the systemic dense physical plane, but on subtler planes. On the subtler planes (planes which are not the densest planes), the form of manifestation is spherical. On the dense physical plane, this is not the case, or far less frequently.

93. Sự biểu hiện không chỉ xảy ra trên cõi hồng trần đậm đặc có tính hệ thống, mà còn trên các cõi vi tế hơn. Trên các cõi vi tế hơn (những cõi không phải là các cõi đậm đặc nhất), hình thức biểu hiện là hình cầu. Trên cõi hồng trần đậm đặc, điều này không đúng, hoặc đúng ít thường xuyên hơn nhiều.

and is appropriately called a wheel, yet (in dense physical manifestation) the forms are diverse, and many, and unless etheric vision is present, the spheroidal forms of all lives are not apparent.

và được gọi một cách thích hợp là một bánh xe, tuy nhiên (trong biểu hiện hồng trần đậm đặc) các hình tướng thì đa dạng, và nhiều, và trừ phi có linh thị dĩ thái, các hình cầu của mọi sự sống sẽ không hiển lộ.

94. Is DK suggesting that the etheric body of all dense physical forms is spherical? This does not seem to be precisely so in the case of the etheric body of man.

94. Phải chăng Chân sư DK đang gợi ý rằng thể dĩ thái của mọi hình tướng hồng trần đậm đặc đều có dạng hình cầu? Điều này dường như không hoàn toàn đúng trong trường hợp thể dĩ thái của con người.

95. It can be said, however, that the etheric forms tend far more to sphericity than to the dense physical forms.

95. Tuy nhiên, có thể nói rằng các hình tướng dĩ thái có khuynh hướng tiến gần đến tính cầu hơn nhiều so với các hình tướng hồng trần đậm đặc.

How can this [Page 1095] be explained? There are three major reasons for this illusion, and these we might here touch upon, finding in the word "illusion"[15] the key to the mystery.

Điều này [Page 1095] có thể được giải thích như thế nào? Có ba lý do chính cho ảo tưởng này, và ở đây chúng ta có thể chạm đến chúng, tìm thấy trong từ "ảo tưởng"15 chìa khóa của huyền nhiệm.

96. Let us see what DK means by "illusion" in this context. Is He speaking of the 'illusion of non-sphericity' which occurs upon the dense physical plane?

96. Hãy xem Chân sư DK muốn nói gì qua từ "ảo tưởng" trong ngữ cảnh này. Phải chăng Ngài đang nói về "ảo tưởng của tính không hình cầu" xảy ra trên cõi hồng trần đậm đặc?

Footnote 15:

Cước chú 15:

Maya or Illusion. The word Maya is one which has to be properly understood by you in order that you may catch the spirit of the ancient philosophy. The derivation that is given for the word is Ma + Ya or not that. **Maya is therefore a power that makes a thing appear as what it is not,** or a power of illusion that arises out of limitation in the ancient concept of a true unity periodically appearing as multiplicity by **the power of Maya that coexists with that unity.**

Maya hay Ảo tưởng. Từ Maya là một từ mà bạn phải hiểu cho đúng để có thể nắm bắt tinh thần của triết học cổ xưa. Từ nguyên được đưa ra cho từ này là Ma + Ya hay không phải cái đó. **Vì vậy, Maya là một quyền năng khiến một vật xuất hiện như cái mà nó không phải là,** hay một quyền năng của ảo tưởng phát sinh từ sự giới hạn trong quan niệm cổ xưa về một hợp nhất chân thực định kỳ xuất hiện như tính đa tạp nhờ **quyền năng của Maya cùng đồng tồn tại với hợp nhất ấy.**

97. Dense physical forms are definitely maya. These forms are *not* what they appear to be. The spherical reality lies within. All of the inner vehicles either demonstrate or approximate sphericity. These vehicles are still a maya in a certain sense but are not so dense a maya at that which appears on the dense physical plane.

97. Các hình tướng hồng trần đậm đặc chắc chắn là ảo lực. Những hình tướng này *không* phải là điều chúng có vẻ như vậy. Thực tại hình cầu nằm bên trong. Tất cả các vận cụ bên trong hoặc biểu lộ hoặc xấp xỉ tính cầu. Các vận cụ này, theo một nghĩa nào đó, vẫn là ảo lực nhưng không phải là một ảo lực đậm đặc như điều xuất hiện trên cõi hồng trần đậm đặc.

We have been told in connection with the dense physical body that it is not considered

Chúng ta đã được bảo, liên quan đến thể xác hồng trần đậm đặc, rằng nó không được xem

a principle and **is not (in this second solar system) expressing those qualities which are characteristic of the solar Logos and His present incarnation.**

là một nguyên khí và **không phải (trong hệ mặt trời thứ hai này) đang biểu lộ những phẩm tính vốn là đặc trưng của Thái dương Thượng đế và lần lâm phàm hiện tại của Ngài.**

98. The hint or implication is that in the previous solar system, the dense physical body did express those qualities which were characteristic of the Solar Logos in that system. In other words, in that system, the dense physical body *was* a principle.

98. Gợi ý hay hàm ý ở đây là trong hệ mặt trời trước, thể xác hồng trần đậm đặc quả thật có biểu lộ những phẩm tính vốn là đặc trưng của Thái dương Thượng đế trong hệ ấy. Nói cách khác, trong hệ ấy, thể xác hồng trần đậm đặc *đã là* một nguyên khí.

99. A principle is that which expresses a fundamental, inherent aspect or quality of a generating *life*. For instance, atma, buddhi and manas are all inherent within the generating life we call the Monad.

99. Một nguyên khí là điều biểu lộ một phương diện hay phẩm tính căn bản, cố hữu của một sự sống *sinh thành*. Chẳng hạn, atma, Bồ đề và manas đều cố hữu bên trong sự sống sinh thành mà chúng ta gọi là chân thần.

We are told, further, that the grosser dense forms of substance, all that is objective and tangible upon the physical plane**, are vibrating to a key which is characteristic of the preceding system, being a left-over (if so it might be expressed) of an earlier kalpa.**

Hơn nữa, chúng ta được bảo rằng những hình tướng chất liệu hồng trần đậm đặc thô nặng hơn, mọi điều khách quan và sờ chạm được trên cõi hồng trần**, đều đang rung động theo một chủ âm vốn là đặc trưng của hệ trước, là phần còn sót lại (nếu có thể diễn đạt như vậy) của một đại kiếp trước.**

100. Note here that when DK uses the word "kalpa" in this context, He definitely means mahakalpa. If terms like "kalpa" and "mahakalpa" can be used interchangeably we have to be vigilant.

100. Hãy lưu ý ở đây rằng khi Chân sư DK dùng từ "kalpa" trong ngữ cảnh này, Ngài chắc chắn muốn nói mahakalpa. Nếu những từ như "kalpa" và "mahakalpa" có thể được dùng thay thế cho nhau, chúng ta phải cảnh giác.

101. The word "key" is important for its musical reference. The musical key of the previous solar system was FA—the note F, the green note. DK seems to be saying that

101. Từ "chủ âm" quan trọng vì liên hệ âm nhạc của nó. điệu thức âm nhạc của hệ mặt trời trước là FA—nốt F, nốt xanh lục. Chân sư DK dường như đang nói rằng mọi vật chất

all dense physical matter is vibrating to the note FA.

hồng trần đậm đặc đều đang rung động theo nốt FA.

These two points must be carefully borne in mind and latitude allowed for them, when endeavouring to express the truth anent motion.

Hai điểm này phải được ghi nhớ cẩn thận và phải dành chỗ cho chúng, khi cố gắng diễn đạt chân lý liên quan đến chuyển động.

102. The main illusion with which we are confronted is that motion, as it appears on the inner planes does not appear on the dense physical plane—unless to clairvoyant vision.

102. Ảo tưởng chính mà chúng ta đang đối diện là chuyển động, như nó xuất hiện trên các cõi bên trong, lại không xuất hiện trên cõi hồng trần đậm đặc—trừ đối với linh thị thông nhãn.

103. The motion characteristic of the second major solar system second major solar system inclines towards sphericity. This seems not to be the case with motion characteristic of the previous solar system.

103. Chuyển động đặc trưng của hệ mặt trời lớn thứ hai nghiêng về tính cầu. Điều này dường như không đúng với chuyển động đặc trưng của hệ mặt trời trước.

104. In general, different divine aspects produce different kinds of motion.

104. Nói chung, các phương diện thiêng liêng khác nhau tạo ra những loại chuyển động khác nhau.

Therefore, **a number of the atoms of matter** are as yet governed by an internal life which **has for its main, distinctive feature, the faculty of a much closer adhesion**, and a **decisiveness of grouping** that is inherently characteristic of the present body of manifestation of the solar system.

Do đó, **một số nguyên tử của vật chất** cho đến nay vẫn bị chi phối bởi một sự sống bên trong mà **đặc điểm chính, nổi bật của nó là năng lực bám dính chặt chẽ hơn nhiều**, và một **tính quyết định trong sự kết nhóm** vốn là đặc trưng cố hữu của thể biểu hiện hiện tại của hệ mặt trời.

105. In these words Master DK is accounting for the type of density which is characteristic of the systemic dense physical plane.

105. Trong những lời này, Chân sư DK đang giải thích loại đậm đặc vốn là đặc trưng của cõi hồng trần đậm đặc có tính hệ thống.

106. The type of adhesion and group characteristic of the second major solar system is much less dense, much looser.

106. Loại bám dính và kết nhóm đặc trưng của hệ mặt trời lớn thứ hai thì kém đậm đặc hơn nhiều, lỏng hơn nhiều.

107. The adhesion involved could also be seen as applying to all subplanes within the dense physical body of the Planetary Logos and even of the Solar Logos.

107. Sự bám dính liên hệ ở đây cũng có thể được xem là áp dụng cho mọi cõi phụ bên trong thể hồng trần đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế và ngay cả của Thái dương Thượng đế.

108. There is an implication here: motion induced by the third ray inclines to much greater adhesiveness and density than motion induced by the second ray.

108. Ở đây có một hàm ý: chuyển động do cung ba gây ra nghiêng về tính bám dính và đậm đặc lớn hơn nhiều so với chuyển động do cung hai gây ra.

109. As we respond increasingly to the second ray rather than the third we move towards the etherealization of those forms which have been produced by the life of the third ray.

109. Khi chúng ta ngày càng đáp ứng với cung hai hơn là cung ba, chúng ta tiến về sự dĩ thái hóa những hình tướng đã được tạo ra bởi sự sống của cung ba.

110. From another perspective, we are speaking about the overcoming of materialism.

110. Từ một góc nhìn khác, chúng ta đang nói về việc vượt thắng chủ nghĩa duy vật.

We must remember when considering this, that **all that is dense and gross in all forms, concerns only those forms on the three lower subplanes of the lowest systemic planes**;

Chúng ta phải nhớ khi xem xét điều này rằng **mọi điều đậm đặc và thô nặng trong mọi hình tướng chỉ liên quan đến những hình tướng trên ba cõi phụ thấp của các cõi thấp nhất có tính hệ thống**;

111. These three subplanes represent the *greatest* density on the cosmic physical plane. We are speaking of the systemic gaseous, liquid and dense subplanes.

111. Ba cõi phụ này biểu hiện mức độ đậm đặc *lớn nhất* trên cõi hồng trần vũ trụ. Chúng ta đang nói đến các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc có tính hệ thống.

112. It should be remembered, however, that there is much to relate to the lower eighteen subplanes of our cosmic physical plane to the energy of the previous solar system, and that, relatively, these eighteen subplanes are dense.

112. Tuy nhiên, cũng nên nhớ rằng có nhiều điều liên hệ mười tám cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta với năng lượng của hệ mặt trời trước, và rằng, một cách tương đối, mười tám cõi phụ này là đậm đặc.

113. The influence of the principles of the second major solar system really begins upon the cosmic ethers, though this influence makes its way, to a degree, into the dense physical body of the Solar Logos and appears as the lower principles of man.

113. Ảnh hưởng của các nguyên khí của hệ mặt trời lớn thứ hai thật sự bắt đầu trên các dĩ thái vũ trụ, dù ảnh hưởng này vẫn đi vào, ở một mức độ nào đó, thể hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế và xuất hiện như các nguyên khí thấp của con người.

the forms are constructed of matter of all the planes, but the percentage of gross matter is as we can plainly see but small.

các hình tướng được cấu tạo từ vật chất của mọi cõi, nhưng như chúng ta có thể thấy rõ, tỷ lệ vật chất thô nặng chỉ là nhỏ.

114. That which is to be redeemed is, proportionally, small, yet very resistant to the principles of the second major solar system.

114. Điều cần được cứu chuộc, xét theo tỷ lệ, là nhỏ, nhưng lại rất kháng cự đối với các nguyên khí của hệ mặt trời lớn thứ hai.

Interaction for the mineral monad exists, **and completely negatives the vibration of the three lower subplanes of the physical plane; it passes eventually into forms which are more closely allied to the "true form."**

Sự tương tác đối với chân thần khoáng vật có tồn tại, **và hoàn toàn phủ định rung động của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần; cuối cùng nó đi vào những hình tướng gần gũi hơn với "chân hình".**

115. DK seems to be hinting one of two contrasting possibilities:

115. Chân sư DK dường như đang gợi ra một trong hai khả năng tương phản:

a. That the mineral monad is ascendant over the vibration of the three lower subplanes of the systemic physical plane. In this case the mineral monad is an aspect of the principles of this solar system, and must overcome the very lowest vibrations of the systemic physical plane.

a. Rằng chân thần khoáng vật đang trội hơn rung động của ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần có tính hệ thống. Trong trường hợp này, chân thần khoáng vật là một phương diện của các nguyên khí của hệ mặt trời này, và phải vượt thắng những rung động thấp nhất của cõi hồng trần có tính hệ thống.

b. That the mineral monad is so atavistic that it negates the vibration which would normally be expressed upon the lowest dense physical subplanes.

b. Rằng chân thần khoáng vật mang tính thoái tổ mạnh đến mức nó phủ định rung động vốn bình thường sẽ được biểu lộ trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc thấp nhất.

116. Passing into forms which are more closely allied to "true form" is accomplished through *radioactivity*. For the mineral

116. Việc đi vào những hình tướng gần gũi hơn với "chân hình" được thực hiện qua *phóng xạ*. Đối với chân thần khoáng vật, sự

monad, ascent into "true form" means an engagement with the principles of the second solar system.

đi lên vào "chân hình" có nghĩa là dấn thân vào các nguyên khí của hệ mặt trời thứ hai.

The mineral monad has a problem slightly at variance with that of the other kingdoms, **for it is specifically an [Page 1096] expression of the lives which were classed as the failures of a previous solar system,**

Chân thần khoáng vật có một vấn đề hơi khác với các giới khác, **vì nó đặc biệt là một [Page 1096] biểu hiện của những sự sống từng được xếp vào loại thất bại của một hệ mặt trời trước,**

117. There are different kinds of failures. Some human beings existing in the first solar system were classified as "failures". The lives associated with the mineral monad are the lowest forms of failures from that system.

117. Có nhiều loại thất bại khác nhau. Một số con người hiện hữu trong hệ mặt trời thứ nhất đã được xếp loại là "thất bại". Những sự sống gắn với chân thần khoáng vật là những dạng thất bại thấp nhất từ hệ ấy.

and which were **doomed to immerse themselves in the forms of the mineral kingdom.**

và đã **bị định phải dìm mình vào các hình tướng của giới kim thạch.**

118. The word "doomed" is powerful.

118. Từ "bị định phải" rất mạnh.

119. These lives were "unprincipled" *in terms of second solar system principles.*

119. Những sự sống này là "không có nguyên khí" *xét theo các nguyên khí của hệ mặt trời thứ hai.*

120. It must be remembered that man, too, is, relatively, a 'mineral' (eventually a "living stone"). The kind of liberation which the mineral monad achieves applies to the liberation of man on a higher turn of the spiral.

120. Cần nhớ rằng con người cũng vậy, một cách tương đối, là một "khoáng vật" (cuối cùng là một "viên đá sống"). Loại giải thoát mà chân thần khoáng vật đạt được cũng áp dụng cho sự giải thoát của con người ở một vòng xoắn cao hơn.

Liberation for man comes when he succeeds in freeing himself from the vibration of the three lower planes of our solar system, from

Sự giải thoát cho con người đến khi y thành công trong việc giải phóng mình khỏi rung động của ba cõi thấp của hệ mặt trời chúng

that part of the logoic manifestation which constitutes His dense body, and which He does not therefore regard as a principle.

121. So we see the parallel here between liberation of the mineral monad and liberation for man. Both are involved with liberation from three lower subplanes. In the case of the mineral monad, the subplanes are *systemic*. In the case of man, the subplanes are *cosmic*.

It will, consequently, be apparent that there is a correspondence worthy of study to be found in the relation between the mineral monad, a human being, and a solar Logos.

122. And does the Solar Logos have to do the same. Is the Solar Logos confined to the three lowest *super-cosmic subplanes?* Is the Solar Logos, too, a "mineral"? He has been compared to a "crystal" when measured against certain Lives of huge scope.

123. From this perspective, the vegetable is already liberated; the Solar Angels are liberated: and perhaps a Solar Logos like the Logos of Sirius is already liberated from the subplanes in question.

Viewing these three as an esoteric triplicity much light may be gained by meditation upon them as

a. The residual vibration of system 1,

124. This concerns the mineral monad.

ta, khỏi phần biểu hiện của Thượng đế mà cấu thành thể đậm đặc của Ngài, và vì vậy Ngài không xem đó là một nguyên khí.

121. Vì vậy chúng ta thấy sự song hành ở đây giữa sự giải thoát của chân thần khoáng vật và sự giải thoát của con người. Cả hai đều liên quan đến sự giải thoát khỏi ba cõi phụ thấp. Trong trường hợp chân thần khoáng vật, các cõi phụ ấy là *có tính hệ thống*. Trong trường hợp con người, các cõi phụ ấy là *vũ trụ*.

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng có một sự tương ứng đáng để nghiên cứu trong mối liên hệ giữa chân thần khoáng vật, một con người, và một Thái dương Thượng đế.

122. Và Thái dương Thượng đế có phải cũng phải làm điều tương tự không? Phải chăng Thái dương Thượng đế bị giới hạn trong ba *cõi phụ siêu-vũ-trụ thấp nhất?* Phải chăng Thái dương Thượng đế cũng là một "khoáng vật"? Ngài đã từng được so sánh với một "tinh thể" khi được đo lường với một số Sự Sống có tầm mức vô cùng lớn.

123. Từ góc nhìn này, giới thực vật đã được giải thoát; các Thái dương Thiên Thần đã được giải thoát; và có lẽ một Thái dương Thượng đế như Thượng đế của Sirius đã được giải thoát khỏi các cõi phụ đang được nói đến.

Khi xem ba điều này như một bộ ba huyền bí, nhiều ánh sáng có thể đạt được bằng cách tham thiền về chúng như là

a. rung động tồn dư của hệ 1,

124. Điều này liên quan đến chân thần khoáng vật.

b. The medial point of activity of system 2,

125. This is a form of transitional, transmutative activity found presently in the second solar system.

126. An interesting way of thinking of man is as the "medial point of activity" between System One and System Two.

c. The subjective energy of the present system.

127. Truly subjective energy in the second solar system is found upon the cosmic mental plane, but a lower expression of this is found upon the cosmic etheric planes.

128. The consciousness of the Solar Logos is the true subjective energy of the present solar system.

In the comprehension of this, and in the realisation that there are forces present in nature which are **in the nature of left-overs**,

129. And, thus, the karma...The frictional collision between the forces of the previous solar system and those of the present system.

130. There are, as well, in every human being forces present "which are in the nature of left-overs". Can we detect these within our energy system?

we have the clue to much of the puzzling side of manifestation, to the cruelty and death, the suffering, and the agony which

b. điểm hoạt động trung gian của hệ 2,

125. Đây là một dạng hoạt động chuyển tiếp, chuyển hoá hiện đang có trong hệ mặt trời thứ hai.

126. Một cách suy nghĩ thú vị về con người là xem y như "điểm hoạt động trung gian" giữa Hệ Một và Hệ Hai.

c. năng lượng chủ quan của hệ hiện tại.

127. Năng lượng chủ quan đích thực trong hệ mặt trời thứ hai được tìm thấy trên cõi trí vũ trụ, nhưng một biểu hiện thấp hơn của nó được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

128. Tâm thức của Thái dương Thượng đế là năng lượng chủ quan đích thực của hệ mặt trời hiện tại.

Trong sự thấu hiểu điều này, và trong sự chứng nghiệm rằng có những mãnh lực hiện diện trong bản chất vốn **mang tính những phần còn sót lại**,

129. Và như thế là nghiệp quả... sự va chạm ma sát giữa các mãnh lực của hệ mặt trời trước và các mãnh lực của hệ hiện tại.

130. Trong mỗi con người cũng có những mãnh lực hiện diện "mang tính những phần còn sót lại". Chúng ta có thể nhận ra chúng trong hệ thống năng lượng của mình không?

chúng ta có được đầu mối để hiểu nhiều phương diện khó giải thích của sự biểu hiện, của sự tàn nhẫn và cái chết, của đau khổ và

are seen in the vegetable and animal kingdoms.

thống khổ được thấy trong giới thực vật và giới động vật.

131. DK did not mention the mineral kingdom, but often, under the hand of man, suffering is brought to the vegetable kingdom and the animal kingdom *via* the mineral kingdom.

131. Chân sư DK không nhắc đến giới kim thạch, nhưng thường thì dưới bàn tay con người, đau khổ được mang đến cho giới thực vật và giới động vật *qua* giới kim thạch.

132. The cruelty and suffering are apparently an attempt to change the energy structure of the "left-overs".

132. Sự tàn nhẫn và đau khổ rõ ràng là một nỗ lực nhằm thay đổi cấu trúc năng lượng của những "phần còn sót lại".

133. Such suffering gives man the incentive to cooperate with the desirable change.

133. Nỗi đau khổ như thế đem lại cho con người động lực để hợp tác với sự thay đổi đáng mong muốn.

In the term animal kingdom I include man's physical body.

Trong thuật ngữ giới động vật, tôi bao gồm cả thể xác của con người.

134. Hence the "disease, ills and bodily pains" of man. All this is related to the "Ancient Law of Evil Sharing".

134. Vì thế mới có "bệnh tật, ốm đau và đau đớn thân xác" của con người. Tất cả điều này liên hệ với "Định Luật Cổ Xưa về Sự Chia Sẻ Điều Ác".

We have also the clue to some aspects of the left hand Path,

Chúng ta cũng có đầu mối để hiểu một số phương diện của Con Đường tả đạo,

135. Those "aspects" which relate most to the densest levels of the systemic physical plane. Other aspects of the left hand path relate to the etheric and astral planes and also to the lower mental plane.

135. Những "phương diện" ấy liên hệ nhiều nhất đến các cấp độ đậm đặc nhất của cõi hồng trần có tính hệ thống. Những phương diện khác của tả đạo liên hệ đến các cõi dĩ thái và cảm dục, và cả cõi hạ trí nữa.

and a clue to the problem of the basic cause of the appearance of such existences as black magicians.

và một đầu mối cho vấn đề về nguyên nhân căn bản của sự xuất hiện của những hiện hữu như các nhà hắc thuật.

136. They are fixated upon that which in this solar system is *not* a principle.

136. Họ bị cố định vào điều mà trong hệ mặt trời này *không* phải là một nguyên khí.

137. This means, fixation upon the three densest physical subplanes but, more generally, fixation upon the eighteen subplanes which constitute the dense physical body of the Planetary Logos.

137. Điều này có nghĩa là sự cố định vào ba cõi phụ hồng trần đậm đặc nhất, nhưng nói rộng hơn là sự cố định vào mười tám cõi phụ cấu thành thể hồng trần đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế.

Just as no human being can escape the effects of energy generated by him in an early life,

Cũng như không một con người nào có thể thoát khỏi các tác động của năng lượng do chính y tạo ra trong một đời sống trước,

138. In speaking of the cause of disease, Master DK lists the following first: "first, a man's past wherein he pays the price of ancient error."

138. Khi nói về nguyên nhân của bệnh tật, Chân sư DK liệt kê điều sau đây trước tiên: "thứ nhất, quá khứ của một người trong đó y trả giá cho lỗi lầm xưa cũ."

so the solar Logos Himself is working out and so held back by influences which are the result of His earlier activities in System 1.

thì chính Thái dương Thượng đế cũng đang giải quyết và do đó bị trì kéo bởi những ảnh hưởng là kết quả của các hoạt động trước kia của Ngài trong Hệ 1.

139. Black magic is related to solar systemic karma and, with regard to its manifestation within our solar system, has its roots in the previous solar system.

139. Hắc thuật liên hệ với nghiệp quả hệ mặt trời và, xét về sự biểu hiện của nó trong hệ mặt trời chúng ta, có gốc rễ trong hệ mặt trời trước.

140. This type of lingering karma must also be characteristic of Entities far greater than a Solar Logos. The Law of Karma is a Cosmic Law.

140. Loại nghiệp quả kéo dài này hẳn cũng phải là đặc trưng của những Thực Thể còn lớn lao hơn nhiều so với một Thái dương Thượng đế. Định luật Nghiệp Quả là một Định luật Vũ trụ.

The dense physical forms are an illusion because they are due to the reaction of the eye to those forces about which we have been speaking.

Các hình tướng hồng trần đậm đặc là một ảo tưởng vì chúng là do phản ứng của mắt đối với những mãnh lực mà chúng ta đã nói đến.

141. The outer eye reveals illusion.

141. Con mắt bên ngoài phơi bày ảo tưởng.

142. Materialism is based upon veiled, incomplete perception.

142. Chủ nghĩa duy vật dựa trên tri giác bị che khuất và không trọn vẹn.

Etheric vision, or the power to see energy-substance, is true vision for the human being, just as the etheric is the true form.

143. Here we have an excellent definition of "etheric vision". Etheric vision is *true* vision for the human being.

144. When etheric vision becomes commonplace, the hold of materialism upon the consciousness of man will be broken.

But until [Page 1097] the race is further evolved, the eye is aware of, and responds to the heavier vibration only.

145. The eye, itself, must develop so that it can see the *true* form.

Gradually it will shake itself free from the lower and coarser reactions, and become an organ of **true vision**.

146. It almost seems as if the eye must "shake itself free" of lower types of atoms which prevent the apprehension of the true form via true vision.

It might be of interest here to remember the occult fact that as the atoms in the physical body of the human being pursue their evolution, they pass on and on to ever better forms,

147. We are speaking specifically of the evolution of dense physical atoms.

and eventually find their place within the eye, first of animals and then of man.

Linh thị dĩ thái, hay năng lực thấy chất liệu-năng lượng, là linh thị chân thực đối với con người, cũng như dĩ thái là chân hình.

143. Ở đây chúng ta có một định nghĩa rất hay về "linh thị dĩ thái". Linh thị dĩ thái là *linh thị chân thực* đối với con người.

144. Khi linh thị dĩ thái trở nên phổ biến, sự kìm giữ của chủ nghĩa duy vật đối với tâm thức con người sẽ bị phá vỡ.

Nhưng cho đến khi [Page 1097] nhân loại tiến hoá hơn nữa, mắt chỉ nhận biết và đáp ứng với rung động nặng nề hơn mà thôi.

145. Bản thân mắt phải phát triển để có thể thấy *chân* hình.

Dần dần nó sẽ tự giải thoát khỏi những phản ứng thấp hơn và thô nặng hơn, và trở thành một cơ quan của **linh thị chân thực**.

146. Hầu như có vẻ như mắt phải "tự giải thoát" khỏi những loại nguyên tử thấp hơn ngăn cản việc nắm bắt chân hình qua linh thị chân thực.

Ở đây có lẽ cũng đáng quan tâm khi nhớ đến sự kiện huyền bí rằng khi các nguyên tử trong thể xác của con người theo đuổi tiến hoá của chúng, chúng tiếp tục đi mãi vào những hình tướng ngày càng tốt hơn,

147. Chúng ta đang nói riêng về sự tiến hoá của các nguyên tử hồng trần đậm đặc.

và cuối cùng tìm được chỗ của chúng trong mắt, trước hết của động vật rồi đến của con người.

148. An amazing destination for the evolving atom.

149. I am remembering a group of Monads called “the specks within the planetary eye” (TCF 1082). The evolving human atoms must also find their way towards this much greater type of eye.

150. Into what types of ‘Eyes’ do higher evolving Beings eventually find their way?

This is the highest dense form into which they are built, and marks the consummation of the atom of dense matter.

151. Beyond this consummation, destiny as an etheric atom awaits.

152. We do see that atoms are ever changing relative position. This must be the case for higher atoms as well—men, Planetary Logoi, Solar Logoi, etc. Since these atoms are also *chakras,* it is safe to analogize that chakras change their relative position. A chakra which fulfills the function of the solar plexus, for instance, can become a heart center at some point in its evolutionary journey, or even a head center.

148. Một đích đến đáng kinh ngạc cho nguyên tử đang tiến hoá.

149. Tôi nhớ đến một nhóm chân thần được gọi là “những đốm trong con mắt hành tinh” (TCF 1082). Các nguyên tử người đang tiến hoá hẳn cũng phải tìm đường hướng tới loại mắt lớn lao hơn nhiều này.

150. Cuối cùng, các Hữu thể cao hơn đang tiến hoá sẽ tìm đường vào những loại “Mắt” nào?

Đây là hình tướng đậm đặc cao nhất mà chúng được xây dựng vào, và đánh dấu sự viên mãn của nguyên tử vật chất đậm đặc.

151. Vượt quá sự viên mãn này, một định mệnh như nguyên tử dĩ thái đang chờ đợi.

152. Chúng ta quả thật thấy rằng các nguyên tử luôn thay đổi vị trí tương đối. Điều này hẳn cũng đúng đối với các nguyên tử cao hơn—con người, các Hành Tinh Thượng Đế, các Thái dương Thượng đế, v.v. Vì các nguyên tử này cũng là *luân xa,* nên có thể suy theo định luật tương đồng rằng các luân xa thay đổi vị trí tương đối của chúng. Chẳng hạn, một luân xa thực hiện chức năng của tùng thái dương có thể trở thành một trung tâm tim ở một thời điểm nào đó trong hành trình tiến hoá của nó, hay thậm chí là một trung tâm đầu.

Occultly understood, the eye is formed through the interplay of certain streams of force, of which there are three in the animal, and five in the human being.

153. Such statements are amazing pieces of occultism.

154. The number three fits well with the animal kingdom, the third kingdom. The five for the human kingdom suggests its imminent transmutation into the Kingdom of Souls.

155. We can infer that the eye of the human being has far greater potentials than the eye of the animal, though some forms of animal sensitivity far exceed those of those the human being is thus far capable.

By their conjunction and interaction, they form what is called "the triple opening" or the "fivefold door" out of which the animal soul or the human spirit can "look out upon the world illusion."

156. The animal is meant to see with growing intelligence into the World of Illusion. Man is meant to look out upon the World of Illusion as a *soul*— characterized by the number *five.*

157. We are reminded that dense physical organs are formed by subtle energy streams.

158. We note that DK differentiates the words “soul” and “spirit”, applying the first to the animal and the second to man.

Theo huyền bí học, mắt được hình thành qua sự tương tác của một số dòng mãnh lực, trong đó có ba nơi động vật, và năm nơi con người.

153. Những phát biểu như thế là những mảnh huyền bí học thật đáng kinh ngạc.

154. Số ba rất phù hợp với giới động vật, giới thứ ba. Số năm đối với giới nhân loại gợi ý sự chuyển hoá sắp xảy ra của nó thành Vương Quốc của các linh hồn.

155. Chúng ta có thể suy ra rằng mắt của con người có những tiềm năng lớn hơn rất nhiều so với mắt của động vật, dù một số dạng nhạy cảm của động vật vượt xa những gì con người cho đến nay có thể làm được.

Bằng sự kết hợp và tương tác của chúng, chúng tạo thành điều được gọi là “khai mở tam phân” hay “cánh cửa ngũ phân”, từ đó linh hồn động vật hay tinh thần con người có thể “nhìn ra thế giới ảo tưởng.”

156. Động vật được dự định sẽ nhìn vào Thế Giới Ảo Tưởng với trí tuệ ngày càng tăng. Con người được dự định sẽ nhìn ra Thế Giới Ảo Tưởng như một *linh hồn*— được đặc trưng bởi con số *năm.*

157. Chúng ta được nhắc rằng các cơ quan hồng trần đậm đặc được hình thành bởi các dòng năng lượng vi tế.

158. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK phân biệt hai từ “linh hồn” và “tinh thần”, áp dụng từ thứ nhất cho động vật và từ thứ hai cho con người.

The final reason why the spheroidal **true form** of everything is **apparently not seen on the planet** can only at this stage be expressed through a quotation from an old esoteric manuscript in the Masters' archives:

159. The invisibility of the spheroidal form on the densest planes has something to do with the degree of evolution of our Planetary Logos—an "Imperfect God"

"The vision of the higher sphere is hidden in the destiny of the fourth form of substance.

160. This is the densest form of substance—dense physical matter itself.

161. The third aspect of divinity is a *veiling* aspect. It is that aspect which conditions dense physical matter and veils the true form, the etheric form.

The eye looks downwards and, behold, the atom disappears from view.

162. The atom is spherical. Only the illusory form appears. The true substantial atom cannot be seen.

163. Vision is limited by the density of the fourth form of substance.

The eye looks sideways and the dimensions merge, and again the atom disappears.

164. There may be occult physiological hints here given. Methods of cultivating etheric vision are given in such hints as these.

Lý do cuối cùng vì sao **chân hình** hình cầu của mọi sự **dường như không được thấy trên hành tinh** hiện chỉ có thể được diễn đạt qua một trích dẫn từ một bản thảo bí truyền cổ trong văn khố của các Chân sư:

159. Sự vô hình của hình tướng cầu trên các cõi đậm đặc nhất có liên hệ nào đó với mức độ tiến hoá của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—một "Thượng đế Bất Toàn"

"Linh thị của khối cầu cao hơn bị che giấu trong định mệnh của hình thức thứ tư của chất liệu.

160. Đây là hình thức đậm đặc nhất của chất liệu—chính vật chất hồng trần đậm đặc.

161. Phương diện thứ ba của thiên tính là một phương diện *che phủ*. Chính phương diện ấy tác động lên vật chất hồng trần đậm đặc và che phủ chân hình, tức hình tướng dĩ thái.

Con mắt nhìn xuống dưới và, kìa, nguyên tử biến mất khỏi tầm nhìn.

162. Nguyên tử có hình cầu. Chỉ hình tướng ảo tưởng là xuất hiện. Nguyên tử thực chất chân thực không thể được thấy.

163. Linh thị bị giới hạn bởi tính đậm đặc của hình thức thứ tư của chất liệu.

Con mắt nhìn ngang và các chiều kích hòa lẫn vào nhau, và một lần nữa nguyên tử lại biến mất.

164. Ở đây có thể có những gợi ý sinh lý học huyền bí được đưa ra. Những phương pháp

vun bồi linh thị dĩ thái được trao trong những gợi ý như thế này.

165. The true form cannot, however, be found through a horizontal activity. A sideways glance will only reveal forms which are similar to each other—all of them similarly veiled.

165. Tuy nhiên, chân hình không thể được tìm thấy qua một hoạt động theo chiều ngang. Một cái nhìn ngang chỉ phơi bày những hình tướng tương tự nhau—tất cả đều bị che phủ theo cùng một cách.

Outward it looks but sees the atom out of all proportion.

Nó nhìn ra ngoài nhưng thấy nguyên tử hoàn toàn mất cân xứng.

166. The non-spherical form is seen.

166. Hình tướng không hình cầu được thấy.

When the eye negates the downward vision, and sees all from within outwards, the spheres again will be seen."

Khi con mắt phủ nhận linh thị hướng xuống, và nhìn mọi sự từ bên trong ra bên ngoài, các khối cầu sẽ lại được nhìn thấy."

167. The etheric field of vision has to be established and then an object brought into sight. This will reveal the etheric nature of the object.

167. Trường nhìn dĩ thái phải được thiết lập, rồi một đối tượng được đưa vào tầm nhìn. Điều này sẽ tiết lộ bản chất dĩ thái của đối tượng.

168. With the cultivation of still more subtle forms of sight, the spherical forms still subtler vehicles will be revealed.

168. Với sự trau dồi những hình thức thị giác còn vi tế hơn nữa, các hình cầu của những vận cụ còn vi tế hơn sẽ được tiết lộ.

169. There are ways of negating the usual visual tendencies of the material eye. These must be explored and cultivated.

169. Có những cách để phủ nhận các khuynh hướng thị giác thông thường của mắt vật chất. Những cách ấy phải được khảo sát và trau dồi.

S9S3 Part I

TCF 1098-1102

TCF 1097-1102

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ

font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi mới nghiên cứu phần Bình Luận**

V. MOTION AND THE FORM-BUILDING IMPULSE

V. CHUYỂN ĐỘNG VÀ XUNG LỰC XÂY DỰNG HÌNH TƯỚNG

1. Motion and the Mental Sheath.

1. Chuyển động và thể trí.

In the first section of this treatise we dealt somewhat with various phases of activity when considering "fire by friction," and the fiery motion of substance itself.

Trong phần thứ nhất của bộ luận này, chúng ta đã phần nào bàn đến các giai đoạn khác nhau của hoạt động khi xem xét "Lửa ma sát", và chuyển động rực lửa của chính chất liệu.

1. We must always remember that Master DK differentiates “substance” from “matter”. Both are forms of energy-force, but when differentiated, substance is more subtle and *substands* that which is considered to be matter.

1. Chúng ta phải luôn nhớ rằng Chân sư DK phân biệt “chất liệu” với “vật chất”. Cả hai đều là những hình thức của mãnh lực-năng lượng, nhưng khi được phân biệt, chất liệu thì vi tế hơn và *nâng đỡ* điều được xem là vật chất.

2. The two words, however, are not always used with perfect discrimination.

2. Tuy nhiên, hai từ này không phải lúc nào cũng được dùng với sự phân biện hoàn toàn chính xác.

We will only touch on some further aspects of the matter, for it is necessary that the student should bear in mind certain [Page 1098] things. He should endeavour to ascertain the relationship between the universal mind (or the systemic mind)

Chúng ta sẽ chỉ đề cập đến một vài phương diện khác nữa của vấn đề, vì điều cần thiết là đạo sinh phải ghi nhớ một số [Page 1098] điều. Y nên cố gắng xác định mối liên hệ giữa Trí Tuệ Vũ Trụ (hay trí tuệ hệ thống)

3. We see here that the term “universal” does not relate to the *entire* Universe, but only to

3. Ở đây chúng ta thấy rằng từ “vũ trụ” không liên hệ đến toàn thể *Vũ trụ*, mà chỉ

our solar system. We must be alert to this specialized use of this word.

đến hệ mặt trời của chúng ta. Chúng ta phải tỉnh táo trước cách dùng chuyên biệt này của từ ấy.

and cosmic mind,

và trí tuệ vũ trụ,

4. In this case "cosmic mind" is of a nature vaster than "universal mind".

4. Trong trường hợp này "trí tuệ vũ trụ" có bản chất bao la hơn "Trí Tuệ Vũ Trụ".

and seek to comprehend the purpose of the mental sheath, which is one of the most interesting of the various bodies on account of **its fiery gaseous constitution**.

và tìm cách thấu hiểu mục đích của thể trí, vốn là một trong những thể lý thú nhất trong các thể khác nhau do **cấu tạo khí thể rực lửa của nó**.

5. Given the evolutionary status of the modern disciples, the mental sheath is of greatest importance.

5. Xét theo tình trạng tiến hoá của các đệ tử hiện đại, thể trí có tầm quan trọng lớn nhất.

He should also seek to bring about through meditation that mental control and alignment which will result in stabilisation, and a responsiveness to causal impression.

Y cũng nên tìm cách, qua tham thiền, mang lại sự kiểm soát trí tuệ và sự chỉnh hợp sẽ dẫn đến ổn định hóa, cùng sự đáp ứng đối với ấn tượng nguyên nhân.

6. If the fiery, gaseous condition of the mental vehicle is too volatile, there will be insufficient mental stabilisation to receive causal impression.

6. Nếu tình trạng rực lửa, khí thể của thể trí quá dễ biến động, sẽ không có đủ sự ổn định trí tuệ để tiếp nhận ấn tượng nguyên nhân.

7. In the system of Raja Yoga, one of the first requirements is the achievement of mental control and alignment.

7. Trong hệ thống Raja Yoga, một trong những đòi hỏi đầu tiên là đạt được sự kiểm soát trí tuệ và sự chỉnh hợp.

This will lead to the transmission of **egoic instruction** to the man on the physical plane.

Điều này sẽ dẫn đến sự truyền đạt **huấn thị chân ngã** đến con người trên cõi hồng trần.

8. If there is to be "egoic instruction" there must be the necessary stabilization and causal impression. I wonder if we have pondered with sufficient care the question

8. Nếu phải có "huấn thị chân ngã" thì phải có sự ổn định cần thiết và ấn tượng nguyên nhân. Tôi tự hỏi liệu chúng ta đã suy xét đủ cẩn trọng về vấn đề ấn tượng nguyên nhân

of causal impression. Do we actually receive it? Do we recognize it when there is impression?

hay chưa. Chúng ta có thực sự tiếp nhận nó không? Chúng ta có nhận ra khi có ấn tượng hay không?

Certain points in connection with the mental sheath require emphasising, though it is not our purpose to do more than call attention to their nature. Under the law of correspondence, the student should be able to arrive at certain conclusions and judge wisely the assignment of purpose and place to **the particular set of lunar pitris who form the vehicle.**

Một số điểm liên quan đến thể trí cần được nhấn mạnh, dù mục đích của chúng ta không phải làm gì hơn ngoài việc lưu ý đến bản chất của chúng. Theo định luật tương ứng, đạo sinh phải có khả năng đi đến một số kết luận và phán đoán một cách minh triết về sự quy định mục đích và vị trí cho **tập hợp đặc thù các thái âm tổ phụ tạo thành vận cụ.**

9. It would seem that Master DK is speaking specifically of the lower manasic vehicle, though we must remain alert to see whether He includes the three higher subplanes of the mental plane.

9. Có vẻ như Chân sư DK đang nói riêng về vận cụ manas thấp, dù chúng ta phải luôn tỉnh táo để xem liệu Ngài có bao gồm ba cõi phụ cao hơn của cõi trí hay không.

10. We note the plural: there is more than one lunar pitris involved in the constitution of the mental vehicle.

10. Chúng ta lưu ý số nhiều: có hơn một thái âm tổ phụ tham gia vào cấu tạo của thể trí.

The mental body is composed of only **four types of essence**, whereas the astral body and the physical are formed of seven types.

Thể trí chỉ được cấu thành từ **bốn loại tinh chất**, trong khi thể cảm dục và thể xác được tạo thành từ bảy loại.

11. No, it is clear that by “mental sheath” He means only that which we call the “lower mind”.

11. Không, rõ ràng là khi nói “thể trí” Ngài chỉ muốn nói đến điều mà chúng ta gọi là “hạ trí”.

12. When speaking of the various types of devas, the term “essence” is often used to characterize them. Perhaps this is because such devas are an essential aspect of any form within the three lower worlds.

12. Khi nói về các loại thiên thần khác nhau, từ “tinh chất” thường được dùng để đặc trưng cho họ. Có lẽ là vì các thiên thần như thế là một phương diện cốt yếu của bất kỳ hình tướng nào trong ba cõi thấp.

13. Can we say that the “set” of devas who compose the mental vehicle is a fourfold set?

13. Chúng ta có thể nói rằng “tập hợp” các thiên thần cấu thành vận cụ trí tuệ là một tập hợp tứ phân chăng?

The devas who compose this body are grouped together **as "the cohorts of the fourth order"**

14. The term “cohorts” is also frequently used to denote associated devas.

15. There are certainly four categories of such devas.

and have a close connection with that group of cosmic Lives who (through the impress of their influence upon solar matter) are responsible for the fact that our solar system is a system of the fourth order.

16. Are we to suppose that the cosmic Lives here mentioned have a close association with the four lower cosmic subplanes of the cosmic mental plane?

17. We must search the meaning of “solar matter”. May it be that type of matter utilized by our Solar Logos as He demonstrates His solar system upon the cosmic physical plane?

18. We are looking for the nature of the parallel suggested.

This group of Lives is manipulated and controlled, in the macrocosmic sense, from cosmic mental levels **via** the central spiritual sun, **and** through what is called in esoteric parlance "the fourth solar cavity."

Các thiên thần cấu thành thể này được nhóm lại với nhau **như "các đoàn quân của cấp thứ tư"**

14. Từ “đoàn quân” cũng thường được dùng để chỉ các thiên thần liên kết với nhau.

15. Chắc chắn có bốn loại thiên thần như thế.

và có một liên hệ mật thiết với nhóm các Sự sống vũ trụ mà (qua dấu ấn ảnh hưởng của họ trên vật chất thái dương) chịu trách nhiệm về sự kiện rằng hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thống thuộc cấp thứ tư.

16. Chúng ta có nên giả định rằng các Sự sống vũ trụ được nhắc đến ở đây có liên hệ mật thiết với bốn cõi phụ vũ trụ thấp của cõi trí vũ trụ hay không?

17. Chúng ta phải truy tìm ý nghĩa của “vật chất thái dương”. Có thể đó là loại vật chất được Thái dương Thượng đế của chúng ta sử dụng khi Ngài biểu lộ hệ mặt trời của Ngài trên cõi hồng trần vũ trụ chăng?

18. Chúng ta đang tìm bản chất của sự song hành được gợi ý.

Nhóm các Sự sống này được thao tác và kiểm soát, theo ý nghĩa đại thiên địa, từ các cấp độ trí tuệ vũ trụ **qua** Mặt trời Tinh thần Trung Ương, **và** qua điều được gọi trong thuật ngữ huyền bí là "khoang thái dương thứ tư."

19. The occultism is profound. When we speak of the Central Spiritual Sun in this context, we do not mean Alcyone, but rather the monadic nature of the Solar Logos.

19. Huyền bí học ở đây thật sâu xa. Khi nói đến Mặt trời Tinh thần Trung Ương trong ngữ cảnh này, chúng ta không có ý nói Alcyone, mà đúng hơn là bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế.

20. The word "via" is very important. One could almost think that that which the Tibetan calls the "central spiritual sun" is on a level hierarchically lower than the cosmic mental plane, though logically this cannot be the case.

20. Từ "qua" rất quan trọng. Người ta gần như có thể nghĩ rằng điều mà Chân sư Tây Tạng gọi là "Mặt trời Tinh thần Trung Ương" ở trên một cấp bậc thấp hơn cõi trí vũ trụ, dù về mặt logic điều này không thể là như vậy.

21. On the other hand, the Central Spiritual Sun may simply be part of a chain of command, perhaps receiving energy from a still higher center and conveying it to the Lives on the concrete levels of the cosmic mental plane, and thence to the "fourth solar cavity".

21. Mặt khác, Mặt trời Tinh thần Trung Ương có thể chỉ đơn giản là một phần của chuỗi chỉ huy, có lẽ tiếp nhận năng lượng từ một trung tâm còn cao hơn và chuyển nó đến các Sự sống trên các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ, rồi từ đó đến "khoang thái dương thứ tư".

22. The "fourth solar cavity" may have a reference to the 'head' structure of the Solar Logos, relating specifically to the seven head centers of the Solar Logos as found upon the cosmic physical plane. If we analogize from the brain structures of man, we recognize that within the brain are certain cavities of real occult importance.

22. "Khoang thái dương thứ tư" có thể liên hệ đến cấu trúc 'đầu' của Thái dương Thượng đế, đặc biệt liên hệ đến bảy trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế như được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ. Nếu chúng ta suy theo phép tương đồng từ các cấu trúc não bộ của con người, chúng ta nhận ra rằng bên trong não có những khoang nhất định mang tầm quan trọng huyền bí thực sự.

23. There is always one of the seven head centers which is most related to each of the chakras of the normal chakric system. In this case, we can imagine that the "fourth solar cavity" (if it is found within the head structure of the Solar Logos) is most related to the etheric heart center of the Solar Logos.

23. Luôn luôn có một trong bảy trung tâm đầu liên hệ nhiều nhất với mỗi luân xa trong hệ thống luân xa thông thường. Trong trường hợp này, chúng ta có thể hình dung rằng "khoang thái dương thứ tư" (nếu nó được tìm thấy trong cấu trúc đầu của Thái dương Thượng đế) liên hệ nhiều nhất với trung tâm tim dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

24. The planet Vulcan (estimated as having a fourth ray Monad) may be involved with this "fourth solar cavity". It is a planet which has a connection with both head and heart. It is said to be related to the Heart of the Sun.

24. Hành tinh Vulcan (được ước đoán là có chân thần cung bốn) có thể có liên hệ với "khoang thái dương thứ tư" này. Đó là một hành tinh có liên hệ với cả đầu lẫn tim. Nó được nói là có liên hệ với Trái Tim của Mặt Trời.

25. The relation of the "fourth solar cavity" to the four-chambered heart of man is also a strong possibility. The "fourth solar cavity" may relate to the fourfold heart itself and represent one of the two atria or two ventricles.

25. Mối liên hệ của "khoang thái dương thứ tư" với trái tim bốn ngăn của con người cũng là một khả năng rất mạnh. "Khoang thái dương thứ tư" có thể liên hệ với chính trái tim tứ phân và tượng trưng cho một trong hai tâm nhĩ hoặc hai tâm thất.

In anatomy, the **heart valves** maintain the unidirectional flow of blood in the heart by opening and closing depending on the difference in pressure on each side. They are mechanically similar to reed valves.

Trong giải phẫu học, các **van tim** duy trì dòng chảy một chiều của máu trong tim bằng cách mở và đóng tùy theo sự chênh lệch áp suất ở mỗi bên. Về mặt cơ học, chúng tương tự như van lưỡi gà.

There are four valves in the heart (not counting the valve of the coronary sinus, and the valve of the inferior vena cava):

Có bốn van trong tim (không tính van của xoang vành, và van của tĩnh mạch chủ dưới):

- The two *atrioventricular (AV) valves* between the atria and the ventricles.

- Hai *van nhĩ thất (AV)* giữa các tâm nhĩ và các tâm thất.

- The two *semilunar (SL) valves*, in the arteries leaving the heart.

- Hai *van bán nguyệt (SL)*, trong các động mạch rời khỏi tim.

If students will meditate upon the nature of the human heart and its various divisions, **and particularly upon one of the valves**, light upon this complex problem may be forthcoming.

Nếu các đạo sinh tham thiền về bản chất của trái tim con người và các phần khác nhau của nó, **và đặc biệt về một trong các van**, ánh sáng về vấn đề phức tạp này có thể xuất hiện.

26. From what is said here, it is evident that DK is focusing upon the heart—whether the human heart or the solar logoic heart and its chambers.

26. Từ những gì được nói ở đây, rõ ràng là DK đang tập trung vào trái tim—dù là trái tim con người hay trái tim thái dương logoi và các ngăn của nó.

27. The following material may help orient us to our subject.

27. Tài liệu sau đây có thể giúp định hướng chúng ta đối với đề tài của mình.

Structure of the Heart

Cấu trúc của Tim

The human heart is a four-chambered muscular organ, shaped and sized roughly like a man's closed fist with two-thirds of the mass to the left of midline.

Tim người là một cơ quan cơ bắp có bốn ngăn, hình dạng và kích thước gần giống như nắm tay khép lại của một người đàn ông, với hai phần ba khối lượng nằm về bên trái đường giữa.

The heart is enclosed in a pericardial sac that is lined with the parietal layers of a serous membrane. The visceral layer of the serous membrane forms the epicardium.

Tim được bao bọc trong một túi màng tim, được lót bằng các lớp thành của một màng thanh dịch. Lớp tạng của màng thanh dịch tạo thành ngoại tâm mạc.

Layers of the Heart Wall

Các lớp của thành tim

Three layers of tissue form the heart wall. The outer layer of the heart wall is the epicardium, the middle layer is the myocardium, and the inner layer is the endocardium.

Ba lớp mô tạo thành thành tim. Lớp ngoài của thành tim là ngoại tâm mạc, lớp giữa là cơ tim, và lớp trong là nội tâm mạc.

Chambers of the Heart

Các buồng tim

The internal cavity of the heart is divided into four chambers:

Khoang bên trong của tim được chia thành bốn buồng:

- Right atrium

- Tâm nhĩ phải

- Right ventricle

- Tâm thất phải

- Left atrium

- Tâm nhĩ trái

- Left ventricle

- Tâm thất trái

The two atria are thin-walled chambers that receive blood from the veins. The two ventricles are thick-walled chambers that forcefully pump blood out of the heart. Differences in thickness of the heart

Hai tâm nhĩ là những buồng có thành mỏng nhận máu từ các tĩnh mạch. Hai tâm thất là những buồng có thành dày bơm máu mạnh mẽ ra khỏi tim. Sự khác biệt về độ dày của thành các buồng tim là do sự

chamber walls are due to variations in the amount of myocardium present, which reflects the amount of force each chamber is required to generate.

khác nhau về lượng cơ tim hiện diện, phản ánh lượng lực mà mỗi buồng phải tạo ra.

The right atrium receives deoxygenated blood from systemic veins; the left atrium receives oxygenated blood from the pulmonary veins.

Tâm nhĩ phải nhận máu thiếu oxy từ các tĩnh mạch hệ thống; tâm nhĩ trái nhận máu giàu oxy từ các tĩnh mạch phổi.

Valves of the Heart

Các van của tim

Pumps need a set of valves to keep the fluid flowing in one direction and the heart is no exception. The heart has two types of valves that keep the blood flowing in the correct direction. The valves between the atria and ventricles are called atrioventricular valves (also called cuspid valves), while those at the bases of the large vessels leaving the ventricles are called semilunar valves.

Máy bơm cần một hệ van để giữ cho lưu chất chảy theo một hướng, và tim cũng không ngoại lệ. Tim có hai loại van giữ cho máu chảy đúng hướng. Các van giữa tâm nhĩ và tâm thất được gọi là van nhĩ thất (cũng gọi là van lá), trong khi những van ở đáy các mạch lớn rời khỏi tâm thất được gọi là van bán nguyệt.

The right atrioventricular valve is the tricuspid valve. The left atrioventricular valve is the bicuspid, or mitral, valve. The valve between the right ventricle and pulmonary trunk is the pulmonary semilunar valve. The valve between the left ventricle and the aorta is the aortic semilunar valve.

Van nhĩ thất phải là van ba lá. Van nhĩ thất trái là van hai lá, hay van mitral. Van giữa tâm thất phải và thân động mạch phổi là van bán nguyệt phổi. Van giữa tâm thất trái và động mạch chủ là van bán nguyệt động mạch chủ.

When the ventricles contract, atrioventricular valves close to prevent blood from flowing back into the atria. When the ventricles relax, semilunar valves close to prevent blood from flowing back into the ventricles.

Khi các tâm thất co lại, các van nhĩ thất đóng để ngăn máu chảy ngược vào các tâm nhĩ. Khi các tâm thất giãn ra, các van bán nguyệt đóng để ngăn máu chảy ngược vào các tâm thất.

Pathway of Blood through the Heart

Đường đi của máu qua tim

While it is convenient to describe the flow of blood through the right side of the heart and

Dù thuận tiện khi mô tả dòng máu đi qua phía phải của tim rồi qua phía trái, điều quan trọng là phải

then through the left side, it is important to realize that both atria and ventricles contract at the same time. The heart works as two pumps, one on the right and one on the left, working simultaneously. Blood flows from the right atrium to the right ventricle, and then is pumped to the lungs to receive oxygen. **From the lungs, the blood flows to the left atrium, then to the left ventricle. From there it is pumped to the systemic circulation.**

nhận ra rằng cả hai tâm nhĩ và tâm thất đều co bóp cùng lúc. Tim hoạt động như hai máy bơm, một ở bên phải và một ở bên trái, hoạt động đồng thời. Máu chảy từ tâm nhĩ phải đến tâm thất phải, rồi được bơm đến phổi để nhận oxy. **Từ phổi, máu chảy đến tâm nhĩ trái, rồi đến tâm thất trái. Từ đó nó được bơm vào hệ tuần hoàn toàn thân.**

Blood Supply to the Myocardium

Nguồn cung máu cho cơ tim

The myocardium of the heart wall is a working muscle that needs a continuous supply of oxygen and nutrients to function efficiently. For this reason, cardiac muscle has an extensive network of blood vessels to bring oxygen to the contracting cells and to remove waste products.

Cơ tim của thành tim là một cơ hoạt động cần được cung cấp liên tục oxy và dưỡng chất để vận hành hiệu quả. Vì lý do này, cơ tim có một mạng lưới mạch máu rộng lớn để đưa oxy đến các tế bào đang co bóp và loại bỏ các sản phẩm thải.

The right and left coronary arteries, branches of the ascending aorta, supply blood to the walls of the myocardium. After blood passes through the capillaries in the myocardium, it enters a system of cardiac (coronary) veins. Most of the cardiac veins drain into the coronary sinus, which opens into the right atrium.

Các động mạch vành phải và trái, là các nhánh của động mạch chủ lên, cung cấp máu cho các thành của cơ tim. Sau khi máu đi qua các mao mạch trong cơ tim, nó đi vào một hệ thống các tĩnh mạch tim (tĩnh mạch vành). Phần lớn các tĩnh mạch tim đổ vào xoang vành, xoang này mở vào tâm nhĩ phải.

Atrioventricular valves

Van nhĩ thất

This is an explanation of the echocardiogram above. MV: Mitral valve, TV: Tricuspid valve, AV: Aortic valve, Septum: Interventricular septum. Continuous lines demarcate septum and free wall seen in echocardiogram, dotted line is a suggestion of where the free wall of the right ventricle should be. The red line represents where the upper left loop in the echocardiogram

Đây là phần giải thích của siêu âm tim ở trên. MV: van mitral, TV: van ba lá, AV: van động mạch chủ, Septum: vách liên thất. Các đường liền nét phân định vách và thành tự do thấy được trong siêu âm tim, đường chấm là gợi ý về vị trí thành tự do của tâm thất phải. Đường đỏ biểu thị nơi vòng lặp trên bên trái trong siêu âm tim cắt qua vòng lặp 3D, đường xanh biểu thị vòng lặp dưới.

transects the 3D-loop, the blue line represents the lower loop.

An artificial heart valve may be used to surgically replace a patient's damaged valve.

Một van tim nhân tạo có thể được dùng để thay thế bằng phẫu thuật van bị tổn thương của bệnh nhân.

These are small valves that prevent backflow from the ventricles into the atria during systole. They are anchored to the wall of the ventricle by chordae tendineae, which prevent the valve from inverting.

Đây là những van nhỏ ngăn dòng chảy ngược từ các tâm thất vào các tâm nhĩ trong thời kỳ tâm thu. Chúng được neo vào thành tâm thất bằng các dây chằng gân, ngăn không cho van bị lộn ngược.

The chordae tendineae are attached to papillary muscles that cause tension to better hold the valve. Together, the papillary muscles and the chordae tendineae are known as the subvalvular apparatus. The function of the subvalvular apparatus is to keep the valves from prolapsing into the atria when they close. The subvalvular apparatus have no effect on the opening and closure of the valves, however. This is caused entirely by the pressure gradient across the valve.

Các dây chằng gân gắn vào các cơ nhú, tạo lực căng để giữ van tốt hơn. Cùng nhau, các cơ nhú và các dây chằng gân được gọi là bộ máy dưới van. Chức năng của bộ máy dưới van là giữ cho các van không sa vào tâm nhĩ khi chúng đóng lại. Tuy nhiên, bộ máy dưới van không ảnh hưởng đến việc mở và đóng các van. Điều này hoàn toàn do độ chênh áp qua van gây ra.

The closure of the AV valves is heard as the first heart sound (S1).

Sự đóng của các van AV được nghe như âm tim thứ nhất (S1).

Mitral valve

Van mitral

Main article: mitral valve

Bài chính: van mitral

Also known as the *bicuspid valve* contains two flaps. The mitral valve gets its name from the resemblance to a bishop's mitre (a type of hat). It allows the blood to flow from the left atrium into the left ventricle. It is on the left side of the heart and has two cusps.

Còn được gọi là *van hai lá*, gồm hai lá van. Van mitral có tên như vậy vì giống với mũ mitre của giám mục (một loại mũ). Nó cho phép máu chảy từ tâm nhĩ trái vào tâm thất trái. Nó nằm ở phía trái của tim và có hai múi.

Một biến chứng thường gặp của sốt thấp khớp là sự dày lên và hẹp của van mitral.

A common complication of rheumatic fever is thickening and stenosis of the mitral valve.

Tricuspid valve

Main article: tricuspid valve

The tricuspid valve is the three flapped valve on the right side of the heart, between the right atrium and the right ventricle which stops the backflow of blood between the two. It has three cusps.

Semilunar valves

These are located at the base of both the pulmonary trunk (pulmonary artery) and the aorta, the two arteries taking blood out of the ventricles. These valves permit blood to be forced into the arteries, but prevent backflow of blood from the arteries into the ventricles. [1] These valves do not have chordae tendineae, and are more similar to valves in veins than atrioventricular valves.

Aortic valve

Main article: aortic valve

The aortic valve lies between the left ventricle and the aorta. The aortic valve has three cusps. During ventricular systole, pressure rises in the left ventricle. When the pressure in the left ventricle rises above the pressure in the aorta, the aortic valve opens, allowing blood to exit the left ventricle into the aorta. When ventricular systole ends, pressure in the left ventricle rapidly drops. When the pressure in the left ventricle decreases, the aortic pressure forces the aortic valve to close. The closure of the aortic

Van ba lá

Bài chính: van ba lá

Van ba lá là van có ba lá ở phía phải của tim, giữa tâm nhĩ phải và tâm thất phải, ngăn dòng máu chảy ngược giữa hai buồng này. Nó có ba múi.

Van bán nguyệt

Chúng nằm ở đáy của cả thân động mạch phổi (động mạch phổi) và động mạch chủ, là hai động mạch đưa máu ra khỏi các tâm thất. Các van này cho phép máu bị đẩy vào các động mạch, nhưng ngăn dòng máu chảy ngược từ các động mạch vào các tâm thất. [1] Các van này không có dây chằng gân, và giống với các van trong tĩnh mạch hơn là các van nhĩ thất.

Van động mạch chủ

Bài chính: van động mạch chủ

Van động mạch chủ nằm giữa tâm thất trái và động mạch chủ. Van động mạch chủ có ba múi. Trong thời kỳ tâm thu của tâm thất, áp suất tăng trong tâm thất trái. Khi áp suất trong tâm thất trái tăng cao hơn áp suất trong động mạch chủ, van động mạch chủ mở ra, cho phép máu đi ra khỏi tâm thất trái vào động mạch chủ. Khi thời kỳ tâm thu của tâm thất kết thúc, áp suất trong tâm thất trái giảm nhanh. Khi áp suất trong tâm thất trái giảm, áp suất động mạch chủ buộc van động mạch chủ đóng lại. Sự đóng của van động mạch chủ góp phần tạo nên thành phần A2 của âm tim thứ hai (S2).

valve contributes the A2 component of the second heart sound (S2).

The most common congenital abnormality of the heart is the bicuspid aortic valve. In this condition, instead of three cusps, the aortic valve has two cusps. This condition is often undiagnosed until the person develops calcific aortic stenosis. Aortic stenosis occurs in this condition usually in patients in their 40s or 50s, an average of over 10 years earlier than in people with normal aortic valves.

Dị tật bẩm sinh thường gặp nhất của tim là van động mạch chủ hai lá. Trong tình trạng này, thay vì có ba múi, van động mạch chủ có hai múi. Tình trạng này thường không được chẩn đoán cho đến khi người đó phát triển chứng hẹp van động mạch chủ do vôi hóa. Hẹp van động mạch chủ trong tình trạng này thường xảy ra ở bệnh nhân trong độ tuổi 40 hoặc 50, trung bình sớm hơn hơn 10 năm so với những người có van động mạch chủ bình thường.

Pulmonary valve

Van phổi

Main article: pulmonary valve

Bài chính: van phổi

The pulmonary valve lies between the right ventricle and the pulmonary artery and also has three cusps.

Van phổi nằm giữa tâm thất phải và động mạch phổi, và cũng có ba múi.

28. The hint given by DK is fascinating but can probably best be left to those knowledge of human physiology is sufficient to elucidate the hint.

28. Gợi ý do DK đưa ra thật hấp dẫn, nhưng có lẽ tốt nhất nên để cho những ai có đủ hiểu biết về sinh lý học con người làm sáng tỏ gợi ý ấy.

29. The human heart has four divisions and four major valves.

29. Trái tim con người có bốn phần và bốn van chính.

30. When attempting to interpret the anatomical analogy, we may be correct in thinking that the dynamics concern the mitral valve which receives oxygenated blood from the lungs and pumps it to the rest of the system. It is the only valve which receives from a superior organ—superior in terms of anatomical 'position'.

30. Khi cố gắng diễn giải phép loại suy giải phẫu này, có thể chúng ta đúng khi nghĩ rằng động lực học liên quan đến van mitral, van này nhận máu giàu oxy từ phổi và bơm nó đến phần còn lại của hệ thống. Đây là van duy nhất nhận từ một cơ quan ở phía trên—ở phía trên theo nghĩa 'vị trí' giải phẫu.

31. The mitral valve has two flaps and is connected, therefore, to the second aspect of divinity. The tricuspid valve has three flaps and is involved of the return of blood to the

31. Van mitral có hai lá và do đó được nối với phương diện thứ hai của thiên tính. Van ba

right atrium *from the circulatory system as a whole.*

32. By analogy, the inflow that we are speaking of (i.e., from the cosmic mental plane) is not 'within' the system, but comes from higher Sources associated with the Spirit—i.e., the Central Spiritual Sun. The lungs relate to the Spirit aspect (first aspect) and also to the throat center (the mental plane and the third aspect).

33. We can see how profitable it could be to follow these analogies in fifth ray detail. I have only given a few hints. The entire picture can be put together by an esoteric anatomist/physiologist waiting to respond!

There is a **constant inflow of energy** from these great Entities on cosmic mental levels;

34. The thought of "inflow" suggests valves which are involved with the receptive function rather than with pumping blood to various parts of the system.

35. Oxygenated blood is received into the left atrium. As we follow the analogy and think cosmically, we can imagine this oxygenation as descending from points of inspiration on the cosmic mental plane (though instigated from still higher levels where the solar Central Spiritual Sun is focussed).

36. The "great Entities" are likely to be associated with cosmic 'solarity' than with cosmic 'lunarity' and hence with planes higher than the four lower cosmic subplanes of the cosmic mental plane.

lá có ba lá và liên quan đến sự trở về của máu vào tâm nhĩ phải *từ toàn bộ hệ tuần hoàn.*

32. Theo phép loại suy, dòng chảy vào mà chúng ta đang nói đến (tức là từ cõi trí vũ trụ) không ở 'bên trong' hệ thống, mà đến từ các Nguồn cao hơn liên kết với Tinh thần—tức là Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Phổi liên hệ với phương diện Tinh thần (phương diện thứ nhất) và cũng với trung tâm cổ họng (cõi trí và phương diện thứ ba).

33. Chúng ta có thể thấy việc theo đuổi các phép loại suy này trong chi tiết cung năm sẽ hữu ích biết bao. Tôi chỉ mới đưa ra một vài gợi ý. Toàn bộ bức tranh có thể được ghép lại bởi một nhà giải phẫu/sinh lý học huyền bí đang chờ để đáp ứng!

Có một **dòng năng lượng chảy vào liên tục** từ các Thực Thể vĩ đại này trên các cấp độ trí tuệ vũ trụ;

34. Ý nghĩ về "dòng chảy vào" gợi đến các van liên quan đến chức năng tiếp nhận hơn là bơm máu đến các phần khác nhau của hệ thống.

35. Máu giàu oxy được tiếp nhận vào tâm nhĩ trái. Khi theo phép loại suy và suy nghĩ theo nghĩa vũ trụ, chúng ta có thể hình dung sự oxy hóa này như giáng xuống từ những điểm cảm hứng trên cõi trí vũ trụ (dù được khởi phát từ những cấp độ còn cao hơn nơi Mặt trời Tinh thần Trung Ương của thái dương được tập trung).

36. Các "Thực Thể vĩ đại" này có lẽ liên hệ với 'tính thái dương' vũ trụ hơn là 'tính thái âm' vũ trụ, và do đó với những cõi cao hơn bốn cõi phụ vũ trụ thấp của cõi trí vũ trụ.

37. When we think of oxygenation we think of the *second* aspect. Oxygen and the second aspect are correlated. When considering the mental plane, the second aspect is far more closely associated with the higher mental plane than with the lower mental plane.

37. Khi nghĩ đến sự oxy hóa, chúng ta nghĩ đến phương diện *thứ hai*. Oxy và phương diện thứ hai có tương quan với nhau. Khi xét cõi trí, phương diện thứ hai liên hệ mật thiết với cõi thượng trí hơn nhiều so với cõi hạ trí.

this **inflow is the very life itself** of the **solar units** who are **the sumtotal of the four lower subplanes of the mental plane**,

dòng **chảy vào này chính là sự sống tự thân** của các **đơn vị thái dương** là những đơn vị **tổng thể của bốn cõi phụ thấp của cõi trí**,

38. DK does seem to be talking about the *systemic* mental plane otherwise He probably would have used the term " *cosmic* mental plane".

38. DK dường như quả thật đang nói về cõi trí *hệ thống* nếu không có lẽ Ngài đã dùng thuật ngữ "cõi trí *vũ trụ*".

39. It is, however, interesting that DK speaks of "solar units" as being the sumtotal of the four lower subplanes of the mental plane. Perhaps they are *solar* units simply because they are aspects of the solar system.

39. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là DK nói về các "đơn vị thái dương" như là tổng thể của bốn cõi phụ thấp của cõi trí. Có lẽ chúng là các đơn vị *thái dương* chỉ vì chúng là các phương diện của hệ mặt trời.

40. The devas of all subplanes of the systemic mental plane may well be Agnishvattas (and not only the devas of the three higher subplanes of the mental plane). If this is the case, we can understand why these devas of the concrete levels would be called "solar units". It is not easy to determine whether Agnishvattas extend their focus to the concrete levels of the systemic mental plane.

40. Các thiên thần của mọi cõi phụ của cõi trí hệ thống rất có thể đều là Agnishvattas (chứ không chỉ các thiên thần của ba cõi phụ cao hơn của cõi trí). Nếu đúng như vậy, chúng ta có thể hiểu vì sao các thiên thần ở các cấp độ cụ thể này lại được gọi là "đơn vị thái dương". Không dễ xác định liệu Agnishvattas có mở rộng tiêu điểm của họ đến các cấp độ cụ thể của cõi trí hệ thống hay không.

41. The two lower systemic planes are in a class by themselves and are definitely *lunar.* The mental plane is a transitional plane. Its highest three subplanes can definitely be called "solar", and its lower four subplanes may, perhaps, be called either "solar" or "lunar".

41. Hai cõi hệ thống thấp hơn thuộc về một loại riêng biệt và rõ ràng là *thái âm.* Cõi trí là một cõi chuyển tiếp. Ba cõi phụ cao nhất của nó chắc chắn có thể được gọi là "thái dương", và bốn cõi phụ thấp hơn của nó có lẽ có thể được gọi là hoặc "thái dương" hoặc "thái âm".

42. In any case, He seems to be saying that the solar lives on the systemic mental plane

42. Dù sao đi nữa, dường như Ngài đang nói rằng các sự sống thái dương trên cõi trí hệ

are vitalized by the cosmic lives on the concrete levels of the cosmic mental plane. The Life of these cosmic lives, however, should be thought of as arising from levels higher than the concrete levels of the cosmic mental plane.

thống được tiếp sinh lực bởi các sự sống vũ trụ trên các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ. Tuy nhiên, Sự sống của các sự sống vũ trụ này nên được xem là phát sinh từ những cấp độ cao hơn các cấp độ cụ thể của cõi trí vũ trụ.

and consequently the life [Page 1099] of the individual units who form the mental bodies of all human beings.

và do đó là sự sống [Page 1099] của các đơn vị cá biệt tạo thành thể trí của mọi con người.

43. We have to contrast the meaning of "solar units" with "individual units".

43. Chúng ta phải đối chiếu ý nghĩa của "đơn vị thái dương" với "đơn vị cá biệt".

44. It would seem that we are contrasting solar and lunar devas.

44. Có vẻ như chúng ta đang đối chiếu các thiên thần thái dương và thái âm.

45. In this presentation, it appears that "individual units" are of a lower order than "solar units".

45. Trong cách trình bày này, có vẻ như "các đơn vị cá biệt" thuộc một cấp thấp hơn "các đơn vị thái dương".

46. The "individual units" could, in this context, be considered "lunar pitris".

46. Trong ngữ cảnh này, "các đơn vị cá biệt" có thể được xem là "các thái âm tổ phụ".

47. DK is contrasting the construction of entire mental plane with the construction of individual mental bodies found upon that plane.

47. DK đang đối chiếu việc cấu tạo toàn bộ cõi trí với việc cấu tạo các thể trí cá nhân được tìm thấy trên cõi ấy.

It will be apparent to **all careful students**

Điều này sẽ hiển nhiên đối với **mọi đạo sinh cẩn trọng**

48. Careful with regard to the understanding of the Law of Correspondences…

48. Cẩn trọng trong việc thấu hiểu Định luật Tương Ứng…

that on all the planes, **the fourth subplane has a peculiar and close relation to the fourth Creative Hierarchy, that of the human monads, and this is**

rằng trên mọi cõi, **cõi phụ thứ tư có một liên hệ đặc biệt và mật thiết với Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, tức Huyền Giai**

peculiarly the case in connection with the mental body.

49. We have been alerted to the thought that the Monad expresses itself particularly in relation to the mental body of man. Within that lower mental vehicle, the fourth layer is particularly the focus.

50. Upon the fourth subplane of the mental vehicle of man, the personality finds its focus. There is a distinct link between the Monad of man and the personality as a whole. In astrology, one is represented by the Sun-sign (i.e., the personality) and the other by the point opposite the Sun—what we can call the 'monadic point'.

51. In sum, we find the fourth subplane of the mental plane a place for the meeting of important forces—monadic and personal.

Through the medium of the plane number (five), and the subplane number (four), the possibility of initiation for the human being becomes a fact and that particular form of activity which distinguishes his progress is brought about.

52. There is no initiation for man unless he has achieved a requisite degree of personality integration upon the fourth subplane of the mental plane (the fifth systemic plane, counting from above).

53. We have the implication, as well, that initiation is for those who are integrated personalities. An integrated personality has a strong focus upon the fourth subplane of the mental plane.

của các chân thần nhân loại, và điều này đặc biệt đúng trong liên hệ với thể trí.

49. Chúng ta đã được lưu ý đến ý tưởng rằng Chân thần biểu lộ chính nó đặc biệt trong liên hệ với thể trí của con người. Trong vận cụ hạ trí ấy, lớp thứ tư đặc biệt là tiêu điểm.

50. Trên cõi phụ thứ tư của vận cụ trí tuệ của con người, phàm ngã tìm thấy tiêu điểm của nó. Có một liên kết rõ rệt giữa Chân thần của con người và toàn bộ phàm ngã. Trong chiêm tinh học, một bên được biểu thị bởi dấu hiệu Mặt Trời (tức là phàm ngã) và bên kia bởi điểm đối diện Mặt Trời—điều mà chúng ta có thể gọi là 'điểm chân thần'.

51. Tóm lại, chúng ta thấy cõi phụ thứ tư của cõi trí là nơi gặp gỡ của những mãnh lực quan trọng—chân thần và cá nhân.

Qua trung gian của số cõi (năm), và số cõi phụ (bốn), khả năng điểm đạo đối với con người trở thành một sự kiện và hình thức hoạt động đặc thù phân biệt sự tiến bộ của y được mang lại.

52. Không có điểm đạo nào cho con người trừ phi y đã đạt được một mức độ tích hợp phàm ngã cần thiết trên cõi phụ thứ tư của cõi trí (cõi hệ thống thứ năm, tính từ trên xuống).

53. Chúng ta cũng có hàm ý rằng điểm đạo dành cho những phàm ngã tích hợp. Một Phàm ngã tích hợp có một tiêu điểm mạnh trên cõi phụ thứ tư của cõi trí.

Vì vậy, có hai **dòng năng lượng** chính chịu trách nhiệm về **hình thức của các thể trí**,

There are, therefore, two main **streams of energy** responsible for the **form of the mental sheaths**,

54. Why does DK use the plural here —"sheaths". Is He speaking about the mental sheaths of all human beings, or is He suggesting that there is (within the concrete mental vehicle of man) more than *one* mental sheath?

54. Tại sao DK lại dùng số nhiều ở đây—"các thể". Ngài đang nói về các thể trí của toàn thể nhân loại, hay Ngài đang gợi ý rằng có (bên trong vận cụ trí tuệ cụ thể của con người) hơn *một* thể trí?

a. That emanating from the fourth subplane of the cosmic mental plane, including consequently the remaining three subplanes.

a. Dòng phát ra từ cõi phụ thứ tư của cõi trí vũ trụ, do đó bao gồm cả ba cõi phụ còn lại.

55. Just as there is a link between the cosmic higher mental plane and the systemic higher mental plane, so there is between the fourth cosmic subplane of the cosmic mental plane and the fourth subplane of the systemic mental plane.

55. Cũng như có một liên kết giữa cõi thượng trí vũ trụ và cõi thượng trí hệ thống, thì cũng có một liên kết giữa cõi phụ vũ trụ thứ tư của cõi trí vũ trụ và cõi phụ thứ tư của cõi trí hệ thống.

56. The ultimate Source of energy forming the causal body of man emanates from the higher cosmic subplanes of the cosmic mental plane. Likewise, the formation of the lower mental sheath of man derives from the fourth cosmic subplane of the cosmic mental plane.

56. Nguồn năng lượng tối hậu tạo thành thể nguyên nhân của con người phát ra từ các cõi phụ vũ trụ cao hơn của cõi trí vũ trụ. Tương tự, sự hình thành thể hạ trí của con người bắt nguồn từ cõi phụ vũ trụ thứ tư của cõi trí vũ trụ.

57. Notice the hint that the nature and power of the lower three concrete subplanes are subsumed within the fourth subplane. This is apparently true cosmically as well as systemically.

57. Hãy lưu ý gợi ý rằng bản chất và quyền năng của ba cõi phụ trí cụ thể thấp được bao hàm trong cõi phụ thứ tư. Điều này hiển nhiên là đúng trên bình diện vũ trụ cũng như trên bình diện hệ thống.

b. That emanating from the aggregate of those lives who form the fourth Creative Hierarchy. As we know, the esoteric number of this Hierarchy is nine, the exoteric number being four.

b. Điều phát ra từ tổng thể những sự sống tạo thành Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư ấy. Như chúng ta biết, con số huyền bí của Huyền Giai này là chín, còn con số ngoại môn là bốn.

58. We find the Monad involved directly with the formation of the lower mental sheath of man for the aggregate of lives forming the Fourth Creative Hierarchy is an aggregation of human Monads.

58. Chúng ta thấy chân thần trực tiếp dự phần vào việc hình thành thể trí thấp của con người, vì tổng thể những sự sống tạo thành Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là một tập hợp các chân thần nhân loại.

59. The number nine, being a number closely associated with the third ray, is appropriately associated with the formation of the lower mental sheath. Mentality is particularly connected with both the third and fifth rays.

59. Số chín, vì là một con số gắn bó mật thiết với cung ba, nên được liên kết một cách thích đáng với sự hình thành thể trí thấp. Tính trí tuệ đặc biệt liên hệ với cả cung ba lẫn cung năm.

60. We see also that there must obviously be a link between the Entities found on the fourth level of the cosmic mental plane and the fourth Creative Hierarchy of human Monads.

60. Chúng ta cũng thấy rằng hiển nhiên phải có một mối liên kết giữa các Thực Thể được tìm thấy trên cấp độ thứ tư của cõi trí vũ trụ và Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại.

61. If we think about planar structure, we will see a connection between:

61. Nếu suy nghĩ về cấu trúc các cõi, chúng ta sẽ thấy một mối liên hệ giữa:

a. Lives upon the fourth cosmic subplane of the cosmic mental plane

a. Các sự sống trên cõi phụ vũ trụ thứ tư của cõi trí vũ trụ

b. Human Monads found upon the second cosmic ether

b. Các chân thần nhân loại được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ hai

c. Human Monads expressing as the Fourth Creative Hierarchy upon the fourth cosmic ether

c. Các chân thần nhân loại biểu lộ thành Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư trên dĩ thái vũ trụ thứ tư

d. The lives upon the fourth systemic ether (and lower mental subplanes) who go to the formation of the human mental body

d. Những sự sống trên dĩ thái hệ thống thứ tư (và các cõi phụ trí thấp) góp phần vào việc hình thành thể trí của con người

It is the blending of these two streams of force which (within the confines of the three worlds) results in the *progressive* activity of man.

Chính sự hòa trộn của hai dòng mãnh lực này, trong phạm vi ba cõi giới, tạo nên hoạt động *tiến triển* của con người.

62. We are given a highly occult origin for the ability of man to make progress. We realize that without his thinking principle, his lower mind, man could make no rapid progress.

62. Chúng ta được trao cho một nguồn gốc hết sức huyền bí của khả năng tiến bộ nơi con người. Chúng ta nhận ra rằng nếu không có nguyên khí tư tưởng của mình, tức hạ trí của mình, con người không thể tiến bộ nhanh chóng.

63. Human progress, then, depends upon cosmic stimulation, monadic stimulation and stimulation from the buddhic plane where the Fourth Creative Hierarchy of human Monads is focussed.

63. Vậy thì, sự tiến bộ của con người tùy thuộc vào sự kích thích vũ trụ, sự kích thích chân thần, và sự kích thích từ cõi Bồ đề, nơi Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại được tập trung.

When this is coupled with the **self-engendered action of the individual atoms of any sheath**, we have **spiral-progressive motion.**

Khi điều này được kết hợp với **hoạt động tự phát sinh của các nguyên tử cá biệt trong bất kỳ thể nào**, chúng ta có **chuyển động xoắn ốc-tiến triển.**

64. Let us tabulate those energies and streams of energies which are responsible for the progressive activity of man:

64. Chúng ta hãy lập bảng những năng lượng và những dòng năng lượng chịu trách nhiệm cho hoạt động tiến triển của con người:

a. A energy stream emanating from the fourth subplane of the cosmic mental plane

a. Một dòng năng lượng phát ra từ cõi phụ thứ tư của cõi trí vũ trụ

b. An energy stream emanating from the Fourth Creative Hierarchy of human Monads, presumably on the systemic monadic plane.

b. Một dòng năng lượng phát ra từ Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại, có lẽ ở cõi chân thần hệ thống.

c. A energy stream emanating from the principal focus of the Fourth Creative Hierarchy of humanity Monads, presumably upon the systemic buddhic plane.

c. Một dòng năng lượng phát ra từ tiêu điểm chính của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư của các chân thần nhân loại, có lẽ trên cõi Bồ đề hệ thống.

d. A stream of force arising from the individual atoms of the mental sheath (also, it seems including the lower sheaths).

d. Một dòng mãnh lực phát sinh từ các nguyên tử cá biệt của thể trí (và dường như cũng bao gồm các thể thấp).

65. It would seem that three aspects of divinity are involved here, producing “spiral-

65. Có vẻ như ba phương diện của thiên tính đều dự phần ở đây, tạo ra “chuyển động xoắn

progressive motion". Usually this is called "spiral-cyclic motion".

66. It is interesting to realize that without the individual action of the atoms of the sheaths there would be no spiral-progressive motion.

67. Spiral-cyclic motion requires stimulus from above and an upward urging from below (i.e., aspirational stimulation from the third aspect).

This is true macrocosmically and microcosmically, **for the activity of the cosmic physical plane (our seven systemic planes),**

68. Here DK is speaking of the general of macrocosmic spiral-cyclic activity.

is largely dependent upon the co-ordinated activity of certain force manifestations, which might be enumerated as follows:

a. That of the fourth Creative Hierarchy, who, in their aggregate, form the force centres.

69. This is the microcosmic correlation to the macrocosmic energy of the Central Spiritual Sun which works through energies on the cosmic mental plane, as mentioned above.

70. We remember that the Monads of the Fourth Creative Hierarchy form the force centers of the Planetary Logos—which of these centers have yet to be established— *all* of them or *some* of them.

ốc-tiến triển". Thông thường điều này được gọi là "chuyển động xoắn ốc-chu kỳ".

66. Thật thú vị khi nhận ra rằng nếu không có hoạt động cá biệt của các nguyên tử trong các thể thì sẽ không có chuyển động xoắn ốc-tiến triển.

67. Chuyển động xoắn ốc-chu kỳ đòi hỏi sự kích thích từ trên xuống và một sự thôi thúc đi lên từ dưới lên (tức là sự kích thích khát vọng từ phương diện thứ ba).

Điều này đúng trên bình diện đại thiên địa cũng như tiểu thiên địa, **vì hoạt động của cõi hồng trần vũ trụ (bảy cõi hệ thống của chúng ta),**

68. Ở đây Chân sư DK đang nói về tính tổng quát của hoạt động xoắn ốc-chu kỳ đại thiên địa.

phần lớn tùy thuộc vào hoạt động phối hợp của một số biểu hiện mãnh lực nhất định, có thể được liệt kê như sau:

a. Biểu hiện của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, những Đấng mà trong tổng thể của mình tạo thành các trung tâm lực.

69. Đây là tương quan tiểu thiên địa với năng lượng đại thiên địa của Mặt trời Tinh thần Trung Ương, vốn hoạt động qua các năng lượng trên cõi trí vũ trụ, như đã nói ở trên.

70. Chúng ta nhớ rằng các chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư tạo thành các trung tâm lực của Đức Hành Tinh Thượng Đế—trong số các trung tâm này, những trung tâm nào đã được thiết lập rồi, *tất cả* hay chỉ *một số* trong đó.

b. The emanating influences of the fourth cosmic ether, the buddhic plane, upon which is dependent, [Page 1100] throughout the system, the manifestation of that which is tangible and objective.

71. This group of emanating influences can, in this context, be considered of a lower order than the first mentioned—the force manifestations of the Fourth Creative Hierarchy though the focus of the Fourth Creative Hierarchy is the buddhic plane.

c. The opening up, **both macrocosmically and microcosmically**,

72. We see that DK is asking us to understand what He is saying in *both* the microcosmic and macrocosmic sense.

73. If we take the macrocosmic analogy for point “a.” above we shall be dealing with energies found upon the cosmic monadic plane.

74. If we take the macrocosmic analogy for point “b.” above, we shall be dealing with energies of the cosmic buddhic plane.

75. The macrocosmic point of view for point “c.” involves the "Jewel in the Lotus" of the Solar Logos on the highest subplane of the cosmic mental plane.

of the fourth aspect of the solar and human egoic lotus; this is the revelation of the "Jewel in the Lotus,"

b. Những ảnh hưởng phát xạ từ dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề, mà trên đó tùy thuộc, [Page 1100] trong toàn hệ thống, sự biểu lộ của điều gì là hữu hình và khách quan.

71. Trong văn cảnh này, nhóm các ảnh hưởng phát xạ này có thể được xem là thuộc một trật tự thấp hơn điều được nhắc đến trước tiên—các biểu hiện mãnh lực của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, mặc dù tiêu điểm của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là cõi Bồ đề.

c. Sự khai mở, **cả trên bình diện đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa**,

72. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta hiểu điều Ngài nói theo nghĩa *cả* tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

73. Nếu lấy phép loại suy đại thiên địa cho điểm “a.” ở trên, chúng ta sẽ bàn đến các năng lượng được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ.

74. Nếu lấy phép loại suy đại thiên địa cho điểm “b.” ở trên, chúng ta sẽ bàn đến các năng lượng của cõi Bồ đề vũ trụ.

75. Quan điểm đại thiên địa đối với điểm “c.” bao hàm “Ngọc trong Hoa Sen” của Thái dương Thượng đế trên cõi phụ cao nhất của cõi trí vũ trụ.

của phương diện thứ tư của Hoa Sen Chân Ngã thái dương và nhân loại; đây là sự mặc khải về “Ngọc trong Hoa Sen”,

76. There are two principle ways to consider the “Jewel in the Lotus” as the fourth aspect.

a. Each tier of petals in the egoic lotus is considered as one aspect, and the "Jewel in the Lotus" with its three enclosing petals is considered the fourth.

b. Or, as follows:

i. The members of the atomic triangle (actually found within the egoic lotus) as the first aspect.

ii. The outer nine petals of the egoic lotus as the second aspect.

iii. The inner three synthesizing petals as the third aspect.

iv. The "Jewel in the Lotus" as the fourth aspect.

v. From another perspective the "Jewel in the Lotus" should be seen as the first aspect within the egoic lotus and the numbering reversed.

and macrocosmically is **the perfect co-ordination of the three aspects through the medium of substance; this is the completion of logoic purpose, which is that of the fourth group**.

77. If there is a macrocosmic "Jewel in the Lotus" for the egoic lotus of the Solar Logos, it is probably involved in this process.

76. Có hai cách chính để xem “Ngọc trong Hoa Sen” như là phương diện thứ tư.

a. Mỗi tầng cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã được xem là một phương diện, và “Ngọc trong Hoa Sen” cùng với ba cánh hoa bao bọc nó được xem là phương diện thứ tư.

b. Hoặc như sau:

i. Các thành phần của tam giác nguyên tử (thực sự nằm trong Hoa Sen Chân Ngã) là phương diện thứ nhất.

ii. Chín cánh hoa bên ngoài của Hoa Sen Chân Ngã là phương diện thứ hai.

iii. Ba cánh hoa tổng hợp bên trong là phương diện thứ ba.

iv. “Ngọc trong Hoa Sen” là phương diện thứ tư.

v. Từ một góc nhìn khác, “Ngọc trong Hoa Sen” nên được xem là phương diện thứ nhất trong Hoa Sen Chân Ngã, và cách đánh số được đảo ngược lại.

và trên bình diện đại thiên địa là **sự phối hợp hoàn hảo của ba phương diện qua trung gian của chất liệu; đây là sự hoàn tất mục đích của Thượng đế, vốn là mục đích của nhóm thứ tư**.

77. Nếu có một “Ngọc trong Hoa Sen” đại thiên địa đối với Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế, thì nó có lẽ dự phần vào tiến trình này.

78. The three aspects are the Brahma, Vishnu and Shiva of the Solar Logos—the Three Persons of the Logoic Trinity.

78. Ba phương diện là Brahma, Vishnu và Shiva của Thái dương Thượng đế—Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế.

79. This revelation of the solar logoic "Jewel in the Lotus" would represent a significant step along the way towards the synthetic summation of the three major solar systems.

79. Sự mặc khải về "Ngọc trong Hoa Sen" thái dương-thượng đế này sẽ tượng trưng cho một bước quan trọng trên con đường tiến tới sự tổng kết tổng hợp của ba hệ mặt trời lớn.

80. The Solar Logos as a Logos "of the fourth order" is a member "of the fourth group".

80. Thái dương Thượng đế, với tư cách một Thượng đế "thuộc trật tự thứ tư", là một thành viên "của nhóm thứ tư".

81. The revelation of the solar logoic "Jewel in the Lotus" would necessarily occur *before* solar logoic consummation which, we may judge, will occur in the sixth (or even seventh) solar system through the sixth cosmic initiation and perhaps initiations beyond the sixth—perhaps the seventh.

81. Sự mặc khải về "Ngọc trong Hoa Sen" thái dương-thượng đế tất yếu sẽ xảy ra *trước* sự viên mãn thái dương-thượng đế, mà theo phán đoán của chúng ta sẽ xảy ra trong hệ mặt trời thứ sáu (hoặc thậm chí thứ bảy) qua lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu và có lẽ cả những lần điểm đạo vượt quá lần thứ sáu—có thể là lần thứ bảy.

82. We must also ask whether the fourth initiation in the case of the human being represents the perfect coordination of the three aspects of divinity or only a significant step along the way. We might say that Mastership is a more likely indication of the perfect coordination of the three.

82. Chúng ta cũng phải tự hỏi liệu lần điểm đạo thứ tư trong trường hợp con người có tượng trưng cho sự phối hợp hoàn hảo của ba phương diện thiên tính hay chỉ là một bước quan trọng trên đường đi. Chúng ta có thể nói rằng Chân sư quả vị có lẽ là dấu hiệu xác đáng hơn của sự phối hợp hoàn hảo của cả ba.

It might be expressed otherwise:

Có thể diễn đạt theo cách khác:

"When all is known of the significance of fourth dimensional existence,

"Khi mọi điều về thâm nghĩa của sự hiện hữu bốn chiều được biết rõ,

83. This will mean that the process of initiation is completed, for through the initiatory process, all chakras come to rotate in, at least, a fourth dimensional manner.

83. Điều này sẽ có nghĩa là tiến trình điểm đạo đã hoàn tất, vì qua tiến trình điểm đạo, mọi luân xa đều bắt đầu xoay chuyển ít nhất theo cách thức bốn chiều.

84. An initiate of the fourth degree knows much of "fourth dimensional existence" or buddhic existence, but it cannot be said of the fourth degree initiate that *all* is known.

84. Một điểm đạo đồ bậc bốn biết nhiều về "sự hiện hữu bốn chiều" hay sự hiện hữu Bồ đề, nhưng không thể nói về điểm đạo đồ bậc bốn rằng *mọi* điều đều đã được biết.

then the fourth order with the fifth will complete the sacred nine."

khi ấy trật tự thứ tư cùng với thứ năm sẽ hoàn tất số chín thiêng liêng."

85. Above, DK spoke of achieving the nine by combining the number of the fifth plane with the number of the central subplane on that plane. Here He derives the nine differently.

85. Ở trên, Chân sư DK đã nói về việc đạt được số chín bằng cách kết hợp số của cõi thứ năm với số của cõi phụ trung tâm trên cõi ấy. Ở đây Ngài rút ra số chín theo một cách khác.

86. From another perspective, fourth dimensional existence is existence upon the buddhic plane. Fifth dimensional existence is existence upon the mental plane.

86. Từ một góc nhìn khác, sự hiện hữu bốn chiều là sự hiện hữu trên cõi Bồ đề. Sự hiện hữu năm chiều là sự hiện hữu trên cõi trí.

87. One way of interpreting this is to combine the buddhic impulse of the Solar Angels with the manasic impulse of man, in order to derive the perfection of that which stands for man on any plane. Thus we would be speaking microcosmically of the completion of the Fourth Creative Hierarchy and, macrocosmically, of its higher correspondence cosmically considered.

87. Một cách giải thích điều này là kết hợp xung lực Bồ đề của các Thái dương Thiên Thần với xung lực manas của con người, để rút ra sự hoàn hảo của điều tượng trưng cho con người trên bất kỳ cõi nào. Như vậy, trên bình diện tiểu thiên địa, chúng ta sẽ nói về sự hoàn tất của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, và trên bình diện đại thiên địa, là về tương ứng cao hơn của nó khi được xét theo nghĩa vũ trụ.

88. The number of the manifested Fourth Creative Hierarchy is nine as well as four. We can imagine a cosmic correspondence to this numbering.

88. Con số của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư biểu hiện là chín cũng như bốn. Chúng ta có thể hình dung một tương ứng vũ trụ với cách đánh số này.

89. When dealing with "orders" the lower the number the 'higher' the order, from a spiritual perspective.

89. Khi bàn đến các "trật tự", số càng thấp thì trật tự càng "cao", xét từ quan điểm tinh thần.

d. The specific alignment, interplay or **free circulation** of force simultaneously through the following manifestations of the one life:

d. Sự chỉnh hợp, tương tác hay **sự lưu thông tự do** của mãnh lực đồng thời qua các biểu hiện sau đây của sự sống duy nhất:

90. We remember that we are speaking of the origin of spiral-cyclic activity or of "spiral-progressive motion" both macrocosmically and microcosmically.

90. Chúng ta nhớ rằng mình đang nói về nguồn gốc của hoạt động xoắn ốc-chu kỳ hay "chuyển động xoắn ốc-tiến triển" cả trên bình diện đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa.

91. This fourth point, "d.", deals with alignment and circulation.

91. Điểm thứ tư này, "d.", bàn đến sự chỉnh hợp và sự lưu thông.

92. We are dealing with systemic and cosmic alignments.

92. Chúng ta đang bàn đến các sự chỉnh hợp hệ thống và vũ trụ.

1. The logoic Quaternary and equally the human.

1. Bộ Tứ của Thượng đế và tương ứng là bộ tứ của con người.

93. DK continues to treat this subject both microcosmically and macrocosmically.

93. Chân sư DK tiếp tục xử lý chủ đề này cả theo nghĩa tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

94. The human quaternary is found upon the lower eighteen systemic subplanes. The "logoic Quaternary" is found upon the lower eighteen *cosmic* subplanes

94. Bộ tứ của con người được tìm thấy trên mười tám cõi phụ hệ thống thấp. "Bộ Tứ của Thượng đế" được tìm thấy trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp

2. The fourth systemic ether.

2. Dĩ thái hệ thống thứ tư.

95. The fourth systemic ether is within the dense physical body of the Solar Logos and Planetary Logos. In taking the macrocosmic correspondence, the ether involved should be the fourth cosmic ether or systemic buddhic plane.

95. Dĩ thái hệ thống thứ tư nằm trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và Đức Hành Tinh Thượng Đế. Khi lấy tương ứng đại thiên địa, dĩ thái liên quan phải là dĩ thái vũ trụ thứ tư hay cõi Bồ đề hệ thống.

3. The fourth cosmic ether, the buddhic.

3. Dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.

96. For the microcosm, the buddhic plane is part of the alignment. For the Solar Logos, the fourth super-cosmic ether, or cosmic buddhic plane, is involved.

96. Đối với tiểu thiên địa, cõi Bồ đề là một phần của sự chỉnh hợp. Đối với Thái dương Thượng đế, dĩ thái siêu-vũ trụ thứ tư, hay cõi Bồ đề vũ trụ, có liên quan.

4. The fourth Creative Hierarchy.

4. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

97. Microcosmically the highest of the four factors to be aligned are the Monads of the Fourth Creative Hierarchy. For the Solar Logos, the cosmic monadic plane is involved, as would be the cosmic Creative Hierarchy of which the Solar Logos is a part.

97. Trên bình diện tiểu thiên địa, yếu tố cao nhất trong bốn yếu tố cần được chỉnh hợp là các chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Đối với Thái dương Thượng đế, cõi chân thần vũ trụ có liên quan, cũng như Huyền Giai Sáng Tạo vũ trụ mà Thái dương Thượng đế là một phần của nó.

When this has been completed, the **goal universal**

Khi điều này đã được hoàn tất, **mục tiêu phổ quát**

98. This is the goal of the Solar Logos.

98. Đây là mục tiêu của Thái dương Thượng đế.

will have been reached,

sẽ đạt được,

99. The achievement of this vast goal involved the alignment (to varying degrees) of the personal consciousness of the Solar Logos and His egoic consciousness with His monadic consciousness.

99. Việc đạt được mục tiêu bao la này bao hàm sự chỉnh hợp, ở những mức độ khác nhau, giữa tâm thức phàm ngã của Thái dương Thượng đế và tâm thức chân ngã của Ngài với tâm thức chân thần của Ngài.

and the Logos will have assumed the desired control of His physical body;

và Thượng đế sẽ đảm nhận được sự kiểm soát mong muốn đối với thể xác của Ngài;

100. This means more than the logoic first initiation which is already past. It signifies the requisite control of the entire solar system.

100. Điều này có nghĩa nhiều hơn lần điểm đạo thứ nhất của Thượng đế vốn đã qua rồi. Nó biểu thị sự kiểm soát cần thiết đối với toàn bộ hệ mặt trời.

101. Does a human being achieve *complete* control of his physical body at the first initiation? Rather, it would seem that such control as is achieved must be considered a beginning. Complete control is more likely achieved at the fourth initiation at which time the physical body and all other personality vehicles (four of them from one reckoning) can be relinquished.

101. Con người có đạt được sự kiểm soát *hoàn toàn* đối với thể xác của mình ở lần điểm đạo thứ nhất không? Đúng hơn, có vẻ như sự kiểm soát đạt được khi ấy phải được xem là một khởi đầu. Sự kiểm soát hoàn toàn có lẽ chỉ đạt được ở lần điểm đạo thứ tư, khi thể xác và mọi vận cụ phàm ngã khác (bốn cái theo một cách tính) đều có thể được từ bỏ.

the human units will be then functioning upon the buddhic plane,

các đơn vị nhân loại khi ấy sẽ hoạt động trên cõi Bồ đề,

102. The model for this is given in the Table of Creative Hierarchies (EA 34-35)

102. Mô hình cho điều này được nêu trong Bảng các Huyền Giai Sáng Tạo (EA 34-35)

and the **groups of lives who form the mental bodies of the human beings**

và **các nhóm sự sống tạo thành các thể trí của con người**

103. These are devic lives—lunar pitris stimulated by Solar Pitris.

103. Đây là các sự sống thiên thần—các thái âm tổ phụ được kích thích bởi các thái dương tổ phụ.

(who are numerically allied with the above progression)

(vốn có liên hệ về số học với tiến trình nói trên)

104. The number here is *four.* Our Logos is of the fourth order. The Creative Hierarchy of human Monads is the fourth (manifested Creative Hierarchy). And the groups of lives forming the mental bodies of human beings are found in four groupings—one for each of the subplanes of the systemic mental plane.

104. Con số ở đây là *bốn.* Thượng đế của chúng ta thuộc trật tự thứ tư. Huyền Giai Sáng Tạo của các chân thần nhân loại là thứ tư (trong các Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện). Và các nhóm sự sống tạo thành các thể trí của con người được tìm thấy trong bốn nhóm—một nhóm cho mỗi cõi phụ của cõi trí hệ thống.

will have equally achieved.

cũng sẽ đạt được tương tự.

105. Master DK is drawing for us a picture of solar logoic and human consummation.

105. Chân sư DK đang vẽ cho chúng ta một bức tranh về sự viên mãn của Thái dương Thượng đế và của con người.

106. The lunar pitris will be ready to take another step along the path towards individualization.

106. Các thái âm tổ phụ sẽ sẵn sàng tiến thêm một bước nữa trên con đường hướng tới biệt ngã hóa.

Certain influences and forces play upon the mental sheath of any human being, and produce in it that activity which is termed "spiral progressive."

Một số ảnh hưởng và mãnh lực tác động lên thể trí của bất kỳ con người nào, và tạo ra trong đó hoạt động được gọi là "xoắn ốc-tiến triển".

107. This is the second time, in this context, that DK has used the term "spiral

107. Đây là lần thứ hai, trong văn cảnh này, Chân sư DK dùng thuật ngữ "xoắn ốc-tiến

progressive" instead of "spiral cyclic". We can assume that they are roughly equivalent terms—spiral-cyclic activity is "progressive".

triển" thay vì "xoắn ốc-chu kỳ". Chúng ta có thể giả định rằng chúng là những thuật ngữ gần như tương đương—hoạt động xoắn ốc-chu kỳ là "tiến triển".

108. What we are learning is that a number of factors are involved in producing spiral-cyclic activity or "spiral-progressive motion".

108. Điều chúng ta đang học là có một số yếu tố cùng dự phần vào việc tạo ra hoạt động xoắn ốc-chu kỳ hay "chuyển động xoắn ốc-tiến triển".

These forces might be briefly considered as comprising the following:

Có thể xét vắn tắt các mãnh lực này như bao gồm những điều sau đây:

109. We will find in the enumeration below that DK continues to offer both microcosmic and macrocosmic parallels.

109. Trong phần liệt kê dưới đây, chúng ta sẽ thấy Chân sư DK tiếp tục đưa ra cả những tương đồng tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa.

1. The energies of the atoms of substance which compose the mental body.

1. Các năng lượng của những nguyên tử chất liệu cấu thành thể trí.

110. This is the lowest of the groups here enumerated. These types of energies are elemental essence.

110. Đây là nhóm thấp nhất trong các nhóm được liệt kê ở đây. Những loại năng lượng này là Tinh chất hành khí.

111. If we seek the macrocosmic parallel, as listed in the two following points, we will speak of the energies of the atoms of substance which compose the planetary and systemic mental plane—really a part of the dense physical body of the Planetary Logos and Solar Logos.

111. Nếu tìm kiếm sự tương đồng đại thiên địa, như được liệt kê trong hai điểm tiếp theo, chúng ta sẽ nói đến các năng lượng của những nguyên tử chất liệu cấu thành cõi trí hành tinh và cõi trí hệ thống—thực ra là một phần của thể xác đậm đặc của Đức Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

112. The truly macrocosmic parallel would take us to the "atoms of substance" of the cosmic mental plane? Are there "atoms of substance" on the cosmic mental plane?

112. Sự tương đồng thật sự đại thiên địa sẽ đưa chúng ta đến với "các nguyên tử chất liệu" của cõi trí vũ trụ chăng? Có "các nguyên tử chất liệu" trên cõi trí vũ trụ không?

2. The energies of **the lunar father** who is the coherent [Page 1101] life of the **mental group body**.

2. Các năng lượng của **người cha thái âm**, là sự sống cố kết [Page 1101] của **thể nhóm trí tuệ**.

113. Here we are apparently speaking of a large lunar Entity embracing a collective of mental bodies.

113. Ở đây rõ ràng chúng ta đang nói đến một Thực Thể thái âm lớn bao trùm một tập thể các thể trí.

114. We must pause to consider whether this "lunar Father" must be considered a "cosmic" Being.

114. Chúng ta phải dừng lại để xét xem "người cha thái âm" này có phải được xem là một Hữu thể "vũ trụ" hay không.

115. There must also be a "lunar father" who is the coherent life of the *individual* mental body.

115. Hẳn cũng phải có một "người cha thái âm" là sự sống cố kết của thể trí *cá nhân*.

116. In point "2.", DK is either speaking of the aggregate of mental bodies of a number of human beings or of all human beings, or He is considering the mental body of man as a "group", which, in a way, it is.

116. Ở điểm "2.", Chân sư DK hoặc đang nói về tổng thể các thể trí của một số người hay của toàn thể nhân loại, hoặc Ngài đang xem thể trí của con người như một "nhóm", mà theo một nghĩa nào đó, đúng là như vậy.

These two groups concern the Not-Self, the third aspect of monadic manifestation.

Hai nhóm này liên quan đến Phi-Ngã, phương diện thứ ba của biểu hiện chân thần.

117. The "third aspect of monadic manifestation" concerns the lower eighteen systemic subplanes. The third aspect of solar logoic monadic manifestation concerns the eighteen cosmic subplanes.

117. "Phương diện thứ ba của biểu hiện chân thần" liên quan đến mười tám cõi phụ hệ thống thấp. Phương diện thứ ba của biểu hiện chân thần nơi Thái dương Thượng đế liên quan đến mười tám cõi phụ vũ trụ.

3. The **energies of the solar Angel, or Father,** which is the co-ordinating principle behind manifestation in the three worlds.

3. **Các năng lượng của Thái dương Thiên Thần, hay Người Cha,** là nguyên khí phối hợp đằng sau sự biểu hiện trong ba cõi giới.

118. From the macrocosmic perspective, this, again, would be a very great Being (probably having its origin on the cosmic mental plane).

118. Từ quan điểm đại thiên địa, đây một lần nữa sẽ là một Hữu thể rất vĩ đại (có lẽ có nguồn gốc trên cõi trí vũ trụ).

119. Just as the individual Solar Angel is the coordinating principle of the manifestation of individual man in the three worlds, so a type of cosmic Solar Angel (Who plays the role of Solar Angel to the Solar Logos) is the co-ordinating principle behind

119. Cũng như Thái dương Thiên Thần cá nhân là nguyên khí phối hợp của sự biểu hiện của từng con người trong ba cõi giới, thì một loại Thái dương Thiên Thần vũ trụ (Đấng đóng vai trò Thái dương Thiên Thần đối với Thái dương Thượng đế) là nguyên

manifestation (of the Solar Logos or Planetary Logos) in the three worlds.

khí phối hợp đằng sau sự biểu hiện (của Thái dương Thượng đế hay Đức Hành Tinh Thượng Đế) trong ba cõi giới.

120. As we follow this fivefold enumeration, we see that Master DK is presenting the same picture He presented above, though from a different angle.

120. Khi theo dõi sự liệt kê ngũ phân này, chúng ta thấy Chân sư DK đang trình bày cùng một bức tranh như Ngài đã trình bày ở trên, nhưng từ một góc độ khác.

4. The energies of the intelligent lives who form the body egoic.

4. Các năng lượng của những sự sống thông tuệ tạo thành thể chân ngã.

121. There is a great all-coordinating Solar Angel on the microcosmic level and a number of subsidiary Solar Angels.

121. Có một Thái dương Thiên Thần lớn lao phối hợp tất cả trên bình diện tiểu thiên địa và một số Thái dương Thiên Thần phụ thuộc.

122. Naturally, we will look for macrocosmic parallels.

122. Tự nhiên, chúng ta sẽ tìm kiếm những tương đồng đại thiên địa.

123. The egoic body is a *group* phenomenon —certainly microcosmically and, we can suspect, macrocosmically.

123. Thể chân ngã là một hiện tượng *nhóm* —chắc chắn là như vậy trên bình diện tiểu thiên địa và, như chúng ta có thể ngờ, cả trên bình diện đại thiên địa.

These lives **find their emanating source on other levels than the systemic.**

Những sự sống này **tìm thấy nguồn phát xạ của mình trên những cấp độ khác ngoài cấp độ hệ thống.**

124. This is true even for the major Solar Angel and lesser Solar Angels related to the human being. The cosmic mental plane is their ultimate source of emanation. The Solar Angels connected to the individual human being are *parts* of these greater Solar Angel manifesting on the higher cosmic mental plane.

124. Điều này đúng ngay cả đối với Thái dương Thiên Thần lớn và các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn liên hệ với con người. Cõi trí vũ trụ là nguồn phát xạ tối hậu của các Ngài. Các Thái dương Thiên Thần liên hệ với từng con người là những *phần* của Thái dương Thiên Thần lớn hơn ấy đang biểu hiện trên cõi trí vũ trụ cao hơn.

125. The emanating Source of the cosmic Solar Angels (Those Who serve as Solar Angels to such Beings as a Solar Logos) is to be found upon the *super* -cosmic mental plane, for which we have no maps drawn by

125. Nguồn phát xạ của các Thái dương Thiên Thần vũ trụ (Những Đấng phụng sự như các Thái dương Thiên Thần đối với những Hữu thể như một Thái dương Thượng đế) được tìm thấy trên cõi trí siêu-

Master DK, though perhaps drawn by some students.

vũ trụ, mà Chân sư DK không vẽ bản đồ cho chúng ta, dù có lẽ một số đạo sinh đã làm như vậy.*siêu*

These two groups concern the egoic principle, the middle principle which links the above and the below, and is the second aspect of monadic manifestation.

Hai nhóm này liên quan đến nguyên khí chân ngã, nguyên khí trung gian nối kết cái trên và cái dưới, và là phương diện thứ hai của biểu hiện chân thần.

126. We have, thus far, listed two groups—two correlated to the Brahmic aspect and two to the aspect of Vishnu—the egoic aspect.

126. Như vậy, cho đến nay chúng ta đã liệt kê hai nhóm—hai nhóm tương ứng với phương diện Brahma và hai nhóm tương ứng với phương diện Vishnu—phương diện chân ngã.

127. In both cases we have had a greater group E/entity and a number of lesser entities included within the greater.

127. Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều có một nhóm hay thực thể lớn hơn và một số thực thể nhỏ hơn được bao hàm trong cái lớn hơn.

128. Expanding the foregoing list, it should be said that there are really *several* levels to be considered in relation to both the lunar and solar perspectives:

128. Mở rộng danh sách trên, cần phải nói rằng thực ra có *một số* cấp độ cần được xét đến liên hệ với cả quan điểm thái âm lẫn thái dương:

129. From the lunar perspective:

129. Từ quan điểm thái âm:

a. The energies of the atoms of substance which compose the lunar pitri(s) of the lower mental body.

a. Các năng lượng của những nguyên tử chất liệu cấu thành (các) thái âm tổ phụ của thể trí thấp.

b. The energies of the four lesser lunar pitris and the collective larger lunar pitri of the lower mental body of the individual human being.

b. Các năng lượng của bốn thái âm tổ phụ nhỏ hơn và thái âm tổ phụ tập thể lớn hơn của thể trí thấp nơi từng con người.

c. The energies of that greater lunar pitri which contains the expression of all lunar pitris expressing through the lunar pitris of all human beings

c. Các năng lượng của thái âm tổ phụ lớn hơn ấy, vốn bao hàm sự biểu hiện của tất cả các thái âm tổ phụ đang biểu hiện qua các thái âm tổ phụ của mọi con người

d. The energy of what might be considered a *cosmic* lunar pitri on the fourth level of the cosmic mental plane which is the inspiring source for all systemically expressing lunar pitris. This cosmic lunar pitri subsumes all the cosmic lunar pitris of the three lower levels of the lower cosmic mental plane—cosmic subplanes five, six and seven counting from above.

d. Năng lượng của điều có thể được xem là một thái âm tổ phụ *vũ trụ* trên cấp độ thứ tư của cõi trí vũ trụ, là nguồn cảm hứng cho mọi thái âm tổ phụ đang biểu hiện trong hệ thống. Thái âm tổ phụ vũ trụ này bao hàm tất cả các thái âm tổ phụ vũ trụ của ba cấp độ thấp hơn của cõi trí vũ trụ thấp—các cõi phụ vũ trụ năm, sáu và bảy tính từ trên xuống.

130. From the solar perspective:

130. Từ quan điểm thái dương:

a. The energies of the atoms of substance which compose the solar pitri(s) of the egoic lotus or causal body.

a. Các năng lượng của những nguyên tử chất liệu cấu thành (các) thái dương tổ phụ của Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân.

b. The energies of the three lesser (or perhaps *nine* or even *twelve* lesser) Solar Angels and the collective larger Solar Angel which ensouls the entire egoic lotus of the individual human being.

b. Các năng lượng của ba (hoặc có lẽ *chín* hay thậm chí *mười hai*) Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn và Thái dương Thiên Thần tập thể lớn hơn phú linh cho toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã của từng con người.

c. The energies of that very great Solar Angel which contains the expression of all greater and lesser Solar Angels expressing through the egoic lotuses of all human beings.

c. Các năng lượng của Thái dương Thiên Thần rất vĩ đại ấy, vốn bao hàm sự biểu hiện của mọi Thái dương Thiên Thần lớn hơn và nhỏ hơn đang biểu hiện qua các Hoa Sen Chân Ngã của mọi con người.

d. The energy of what might be considered a *cosmic* Solar Angel on the higher levels of the cosmic mental plane, which is the inspiring source for all systemically demonstrating Solar Angels. This cosmic Solar Angel subsumes all the cosmic Solar Angels of the three higher levels of the higher cosmic mental plane—subplanes one, two and three counting from above.

d. Năng lượng của điều có thể được xem là một Thái dương Thiên Thần *vũ trụ* trên các cấp độ cao của cõi trí vũ trụ, là nguồn cảm hứng cho mọi Thái dương Thiên Thần đang biểu hiện trong hệ thống. Thái dương Thiên Thần vũ trụ này bao hàm tất cả các Thái dương Thiên Thần vũ trụ của ba cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ cao—các cõi phụ một, hai và ba tính từ trên xuống.

5. The energy emanating from the "Jewel in the Lotus" itself, the focal point of energy in the Upper Triad. **This concerns the Self, the highest aspect of monadic manifestation.**

5. Năng lượng phát ra từ chính “Ngọc trong Hoa Sen”, tiêu điểm năng lượng trong Tam nguyên tinh thần Thượng. **Điều này liên**

quan đến Ngã, phương diện cao nhất của biểu hiện chân thần.

131. This fifth energy is correlated with Spirit—either microcosmically or macrocosmically.

131. Năng lượng thứ năm này tương ứng với tinh thần—dù xét theo tiểu thiên địa hay đại thiên địa.

132. The "Jewel in the Lotus" is really an extension of the Monad (the *true* Jewel). This is true microcosmically and can be inferred to be true macrocosmically.

132. "Ngọc trong Hoa Sen" thực ra là một sự mở rộng của chân thần ("Ngọc" *đích thực*). Điều này đúng trên bình diện tiểu thiên địa và có thể suy ra là đúng trên bình diện đại thiên địa.

133. We recall from studying the earlier part of TCF that the third fire representing the Spirit is still to be found with its focal point upon the highest point of the higher mental plane, even though it represents the monadic plane.

133. Chúng ta nhớ từ việc nghiên cứu phần đầu của TCF rằng ngọn lửa thứ ba tượng trưng cho Tinh thần vẫn còn được tìm thấy với tiêu điểm của nó ở điểm cao nhất của cõi thượng trí, dù nó tượng trưng cho cõi chân thần.

The effects produced by the play of these five types of energy upon each other produce (through the medium of the mental unit) that which we term the mental sheath.

Những hiệu quả do sự tương tác của năm loại năng lượng này lên nhau tạo ra, qua trung gian của đơn vị hạ trí, điều mà chúng ta gọi là thể trí.

134. So all these five energy sources are responsible for the production of the mental sheath. We note that the medium of the mental unit is employed in the production of this sheath. We remember that the mental unit arose *before* the Solar Angel intervened to produce self-conscious mentality in animal man.

134. Vậy tất cả năm nguồn năng lượng này đều chịu trách nhiệm cho việc tạo ra thể trí. Chúng ta lưu ý rằng trung gian của đơn vị hạ trí được sử dụng trong việc tạo ra thể này. Chúng ta nhớ rằng đơn vị hạ trí đã xuất hiện *trước* khi Thái dương Thiên Thần can thiệp để tạo ra trí tuệ ngã thức nơi người thú.

the mental unit, which has appeared upon the fourth subplane through innate instinct approximating mentality. (TCF 709)

đơn vị hạ trí, vốn đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư qua bản năng bẩm sinh gần với trí tuệ. (TCF 709)

135. Another simplified way of listing these five energy sources is as follows:

135. Một cách đơn giản hóa khác để liệt kê năm nguồn năng lượng này như sau:

a. A variety of lesser constituents of the lower mental body

a. Nhiều thành phần nhỏ hơn của thể trí thấp

b. The integrative life of the lower mental body

b. Sự sống tích hợp của thể trí thấp

c. A variety of lesser constituents of the higher mental body

c. Nhiều thành phần nhỏ hơn của thể trí cao

d. The integrative life of the higher mental body

d. Sự sống tích hợp của thể trí cao

e. The energy of the "Jewel in the Lotus" representing the Monad.

e. Năng lượng của "Ngọc trong Hoa Sen" tượng trưng cho chân thần.

This **sheath** is after all only the aggregate of those atoms within a specific area with which the Thinker has to do, **which he holds magnetically within his ring-pass-not**,

Thể này, rốt cuộc, chỉ là tổng thể của những nguyên tử trong một khu vực xác định mà Đấng Tư Tưởng phải đề cập đến, **mà y giữ lại bằng từ tính trong vòng-giới-hạn của mình**,

136. We can say that the mental unit is the source (at least on the lower mental plane) of the magnetism which holds these atoms in aggregation).

136. Chúng ta có thể nói rằng đơn vị hạ trí là nguồn gốc (ít nhất trên cõi hạ trí) của từ điện giữ các nguyên tử này trong trạng thái tập hợp).

and which serve as the **medium for his mental expression,** according to his point of evolution.

và chúng phục vụ như **trung gian cho sự biểu lộ trí tuệ của y,** tùy theo điểm tiến hoá của y.

137. The mental sheath is a medium of expression for the power of thought.

137. Thể trí là một trung gian biểu lộ cho quyền năng của tư tưởng.

This same definition will be recognised as true of all atomic sheaths,

Cùng định nghĩa này sẽ được nhận ra là đúng đối với mọi thể nguyên tử,

138. Each sheath is the medium of expression for a certain power or principle.

138. Mỗi thể là trung gian biểu lộ cho một quyền năng hay nguyên khí nhất định.

and one of the things which students of the occult sciences will eventually do is to

và một trong những điều mà các đạo sinh của các khoa học huyền bí cuối cùng sẽ làm

investigate the nature of the informing lives of the sheaths,

là **khảo cứu bản chất của những sự sống thấm nhuần các thể,**

139. There are a great number of these, from the tiniest atomic units to lives which are on their way towards individualization.

139. Có rất nhiều sự sống như thế, từ những đơn vị nguyên tử nhỏ bé nhất đến những sự sống đang trên đường tiến tới biệt ngã hóa.

the qualities of the energies influencing such lives,

các phẩm tính của những năng lượng ảnh hưởng đến các sự sống ấy,

140. Influencing from 'above'…

140. Ảnh hưởng từ "trên" xuống…

and the character and force of the basic underlying principles.

và tính cách cùng mãnh lực của các nguyên khí căn bản nền tảng.

141. Each sheath is animated by an underlying principle.

141. Mỗi thể được làm sinh động bởi một nguyên khí nền tảng.

142. The mental sheath is underlay by the principle of manas.

142. Thể trí được đặt nền trên nguyên khí manas.

143. The lines of future scientific investigation are indicated.

143. Những đường hướng khảo cứu khoa học trong tương lai đã được chỉ ra.

They will thus arrive at facts concerning energies in the human kingdom which **will prove of inestimable value**.

Nhờ đó họ sẽ đi đến những sự kiện liên quan đến các năng lượng trong giới nhân loại, những điều **sẽ chứng tỏ có giá trị vô lượng**.

144. For the moment the true nature and structure of our energy system is "terra incognita" for all but initiated occult investigators.

144. Hiện nay, bản chất và cấu trúc đích thực của hệ thống năng lượng của chúng ta vẫn là "vùng đất chưa được biết đến" đối với tất cả mọi người, ngoại trừ các nhà khảo cứu huyền bí đã được điểm đạo.

145. Eventually we will understand our 'instrumentation' far more than we presently do.

145. Cuối cùng chúng ta sẽ hiểu "bộ máy" của mình nhiều hơn hiện nay rất nhiều.

S9S3 Part II

TCF 1102-1109

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

In order to keep the basic idea of this Treatise corresponding in its various divisions, I might call your attention to the **four points we considered relative to motion [Page 1102] in the physical and astral sheaths.** We found that the effects of such motion might be regarded as four altogether:

Separation.

Momentum.

Frictional Activity.

Absorption.

1. We found that these four dynamics, usually considered in relation to the physics

TCF 1102-1109

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Để giữ cho ý tưởng căn bản của bộ Luận này tương ứng trong các phần khác nhau của nó, tôi có thể lưu ý bạn đến **bốn điểm mà chúng ta đã xét liên quan đến chuyển động [Page 1102] trong các thể hồng trần và cảm dục.** Chúng ta thấy rằng các hiệu quả của chuyển động ấy có thể được xem là gồm bốn loại tất cả:

Sự tách biệt.

Động lượng.

Hoạt động ma sát.

Sự hấp thụ.

1. Chúng ta thấy rằng bốn động lực này, thường được xét trong liên hệ với vật lý học

of the dense physical plane, are also to be applied to the subtle vehicles.

Separation. This separation is brought about through the initial activity of the Ego who **produces the first of those forms**

2. The Ego in this case involves the participation of the Solar Angel.

3. The first of these forms is probably the mental vehicle.

which he intends to use during the cycle of incarnation,

4. Is DK speaking of only one short cycle of manifestation or of the entire cycle of all lives? The words "cycle of incarnation" indicate the second possibility.

through the bringing together of these energies

5. In this case, the energies of the mental vehicle…

through self-engendered impulse.

6. The Ego is responsible for the initiating impulse.

7. A distinct mental vehicle is created by separating its substance from all the substance of the mental plane.

He, for purposes of development, identifies himself with that form, and thus temporarily separates himself off from his own real Self.

của cõi hồng trần đậm đặc, cũng được áp dụng cho các vận cụ vi tế.

Sự tách biệt. Sự tách biệt này được tạo ra qua hoạt động ban đầu của chân ngã, Đấng **tạo ra hình tướng đầu tiên trong những hình tướng ấy**

2. Trong trường hợp này, chân ngã bao hàm sự tham dự của Thái dương Thiên Thần.

3. Hình tướng đầu tiên trong các hình tướng này có lẽ là thể trí.

mà y dự định sử dụng trong chu kỳ lâm phàm,

4. Phải chăng Chân sư DK đang nói về chỉ một chu kỳ biểu hiện ngắn ngủi hay về toàn bộ chu kỳ của mọi kiếp sống? Những từ "chu kỳ lâm phàm" cho thấy khả năng thứ hai.

qua việc tập hợp những năng lượng này

5. Trong trường hợp này, các năng lượng của thể trí…

qua xung lực tự phát sinh.

6. Chân ngã chịu trách nhiệm về xung lực khởi đầu.

7. Một thể trí riêng biệt được tạo ra bằng cách tách chất liệu của nó ra khỏi toàn bộ chất liệu của cõi trí.

Vì mục đích phát triển, y đồng hoá mình với hình tướng ấy, và do đó tạm thời tách mình ra khỏi Chân Ngã thực sự của chính mình.

8. This is an act of psychological separation.

8. Đây là một hành động tách biệt về mặt tâm lý.

9. We are speaking of the soul-in-incarnation (as an emanation of the Ego) identifying itself with the sheaths.

9. Chúng ta đang nói về linh hồn đang nhập thể (như một phát xạ của chân ngã) đồng hoá chính nó với các thể.

10. The soul on its own plane retains its knowledge of its own real Self.

10. Linh hồn trên cõi riêng của nó vẫn giữ tri thức về Chân Ngã thực sự của chính nó.

11. We are dealing with an example of retained egoic consciousness and a simultaneous, deliberate limiting of the consciousness of an emanated aspect.

11. Chúng ta đang xử lý một ví dụ về tâm thức chân ngã được duy trì và đồng thời là một sự giới hạn có chủ ý của tâm thức nơi một phương diện được phát xạ ra.

Through the veil of mental matter he

Qua bức màn của vật chất trí tuệ, y

12. The soul-in-incarnation…

12. Linh hồn đang nhập thể…

first knows separation, and undergoes his first experiences of the three worlds.

trước hết biết đến sự tách biệt, và trải qua những kinh nghiệm đầu tiên của y trong ba cõi giới.

13. A dual type of consciousness is operative: the retained knowledge of the Self *and* the limited knowledge of the real Self or Ego as the emanation of the Ego veils itself within the first sheath of mental matter.

13. Một loại tâm thức kép đang hoạt động: tri thức được duy trì về Chân Ngã *và* tri thức bị giới hạn về Chân Ngã thực sự hay chân ngã khi phát xạ của chân ngã tự che phủ mình trong thể đầu tiên bằng vật chất trí tuệ.

This deals with separation from the highest aspect.

Điều này liên quan đến sự tách biệt khỏi phương diện cao nhất.

14. This seems to be the main point which DK seeks to make—the dynamic of separation of the lower self from the Higher Self—a separation in consciousness.

14. Dường như đây là điểm chính mà Chân sư DK muốn nêu ra—động lực của sự tách biệt của phàm ngã khỏi Bản Ngã Cao Siêu—một sự tách biệt trong tâm thức.

15. And, yes, the matter of the sheaths through which the Ego will manifest is also

15. Và đúng vậy, vật chất của các thể mà qua đó chân ngã sẽ biểu hiện cũng được tách ra

separated from the sea of matter on any particular plane.

16. We are to grasp the idea that the factor of "separation" (so often applied in a strictly material manner) indicates a separation *in consciousness*. Perhaps this is not the kind of separation we might have expected, thinking as we so often do in material terms.

Viewing it from the personality standpoint, **separation is again to be seen, for the activity of the monadic sheath, its own internal volition produces the formation of a sphere of activity, distinct in its nature and governed by laws of its own, which—until a certain amount of alignment has been achieved during evolution—lives its own separate existence apart from the two lower sheaths, astral and physical.**

17. DK seems to be saying that because of the internal activity of the monadic sheath, there is produced a mental sheath which functions as a unit separate from the two lower sheaths—astral and physical. We know that there is a direct connection between the Monad and the mental sheath. The mental sheath is, in a certain sense, the representative of the personality of the Monad and its will or volition. We recall that the monadic ray has a particular effect upon the lower mental body.

18. It is alignment which ends the separate (and separative) existence of the lower mental sheath.

khỏi biển vật chất trên bất kỳ cõi nào nhất định.

16. Chúng ta phải nắm được ý tưởng rằng yếu tố "tách biệt" (vốn thường được áp dụng theo cách hoàn toàn vật chất) biểu thị một sự tách biệt *trong tâm thức*. Có lẽ đây không phải là loại tách biệt mà chúng ta có thể đã mong đợi, vì chúng ta thường suy nghĩ theo những thuật ngữ vật chất.

Nhìn từ quan điểm của phàm ngã, **sự tách biệt lại được thấy rõ, vì hoạt động của thể chân thần, ý chí nội tại riêng của nó tạo ra sự hình thành của một khối cầu hoạt động, khác biệt về bản chất và được chi phối bởi những quy luật riêng của nó, mà—cho đến khi một mức độ chỉnh hợp nào đó đã đạt được trong tiến hoá—sống sự tồn tại riêng biệt của chính nó tách khỏi hai thể thấp hơn, cảm dục và hồng trần.**

17. Dường như Chân sư DK đang nói rằng do hoạt động nội tại của thể chân thần, một thể trí được tạo ra, hoạt động như một đơn vị tách biệt khỏi hai thể thấp hơn—cảm dục và hồng trần. Chúng ta biết rằng có một liên hệ trực tiếp giữa chân thần và thể trí. Thể trí, theo một nghĩa nào đó, là đại diện cho phàm ngã của chân thần và ý chí hay tác ý của nó. Chúng ta nhớ rằng cung chân thần có một tác động đặc biệt lên thể trí thấp.

18. Chính sự chỉnh hợp chấm dứt sự tồn tại riêng biệt (và có tính chia cách) của thể trí thấp.

Thus it can be truly said that the "mind slays the Real"[16] [Voice of the Silence, pp. 14-15] and serves as the "**great Deluder**" of the Self in the one case,

Do đó có thể nói một cách chân thực rằng "trí tuệ giết chết Cái Thực"16 [Tiếng Nói của Im Lặng, tr. 14-15] và phục vụ như "**Kẻ Gây Mê Lầm vĩ đại**" của Chân Ngã trong một trường hợp,

19. Because the consciousness of the Self must function through the mind, that which the Self knows is, at first, lost to the soul-in-incarnation. The testimony of the mind, at first, does not reveal the Real. Later, it does.

19. Bởi vì tâm thức của Chân Ngã phải hoạt động qua trí tuệ, nên điều mà Chân Ngã biết lúc đầu bị mất đối với linh hồn đang nhập thể. Lúc đầu, chứng cứ của trí tuệ không mặc khải Cái Thực. Về sau, nó mặc khải.

and as the "**great Separator**" in another; it comes between the centralised egoic life and the personality existences.

và như "**Kẻ Tách Biệt vĩ đại**" trong một trường hợp khác; nó đứng giữa sự sống chân ngã được tập trung và những tồn tại của phàm ngã.

20. From this perspective, the mind inhibits the connection between the egoic consciousness and consciousness as experienced within the personality.

20. Từ góc nhìn này, trí tuệ ngăn trở sự nối kết giữa tâm thức chân ngã và tâm thức như được kinh nghiệm trong phàm ngã.

21. The mind is the seat of the lower ego and the lower ego is always separative just as the Higher Ego is unitive.

21. Trí tuệ là chỗ ngự của phàm ngã thấp, và phàm ngã thấp luôn luôn có tính chia cách cũng như Chân ngã Cao Siêu có tính hợp nhất.

This life of separation

Đời sống tách biệt này

22. I.e., a life lived with consciousness focused within the separative mind…

22. Tức là, một đời sống được sống với tâm thức tập trung trong trí tuệ chia cách…

becomes steadily stronger as the **rotary-spiral action of the mental body**

trở nên ngày càng mạnh hơn khi **hoạt động xoay tròn-ốc xoắn của thể trí**

23. The activity of the mental body is not only rotary, it is progressive, but it requires many ages before the spiral action leads the mind in to the perception of unity.

23. Hoạt động của thể trí không chỉ là xoay tròn, mà còn tiến triển, nhưng cần nhiều thời đại trước khi hoạt động ốc xoắn dẫn trí tuệ đến nhận thức về sự hợp nhất.

becomes intensified during the cycles of manifestation, and **the "individualised" [Page 1103] Idea becomes daily more dominant.**

24. The human being is, essentially, an "'individualised'" Idea. And Idea, we remember, is a Being incorporeal. The Monad really is an "Idea", and that Monad (i.e., the "Idea") individualizes.

25. We are speaking of the growth of the Ahamkara principle.

The "Ahamkara" principle,[17]

26. This principle is, at first, linked to that type of perception which occurs *through* the concrete mind. More fundamentally, Ahamkara is rooted on the higher mental plane.

27. Eventually, this higher form of Ahamkara, too, must be dissipated. This is the problem facing the candidate applying for the fourth degree.

as it is called in the *Secret Doctrine,* does its work, and **man becomes strongly self-centred, and self-conscious in the lower connotation of the term.**

28. Man becomes self-conscious as a *separate* and *separative* ego.

Footnote 17:

Ahamkara. The "I" making principle necessary in order that self-consciousness

được tăng cường trong các chu kỳ biểu hiện, và **Ý Tưởng "đã biệt ngã hóa" [Page 1103] trở nên ngày càng chi phối hơn.**

24. Con người, về bản chất, là một Ý Tưởng "đã biệt ngã hóa". Và Ý Tưởng, như chúng ta nhớ, là một Hữu Thể phi vật thể. Chân thần thực sự là một "Ý Tưởng", và chân thần ấy (tức "Ý Tưởng") biệt ngã hóa.

25. Chúng ta đang nói về sự tăng trưởng của nguyên khí Ahamkara.

Nguyên khí "Ahamkara",17

26. Nguyên khí này lúc đầu được liên kết với loại tri giác xảy ra *qua* trí cụ thể. Về căn bản hơn, Ahamkara bén rễ trên cõi thượng trí.

27. Cuối cùng, ngay cả hình thức Ahamkara cao hơn này cũng phải được làm tiêu tan. Đây là vấn đề đối diện với ứng viên xin vào cấp độ thứ tư.

như nó được gọi trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* thực hiện công việc của nó, và **con người trở nên tập trung vào bản thân mạnh mẽ, và có ngã thức theo hàm nghĩa thấp của thuật ngữ này.**

28. Con người trở nên có ngã thức như một chân ngã *riêng biệt* và *có tính chia cách.*

Chú thích 17:

Ahamkara. Nguyên khí tạo ra "Tôi", cần thiết để ngã thức có thể được tiến hoá, nhưng phải

may be evolved, but transcended when its work is over.

29. The "I"-making principle is a principle of limitation. It compels the consciousness to centralize upon the energies, forces and, in general, lesser lives which revolve around the lower permanent atoms and mental unit (and which take their sustenance from those members of the atomic triangle). Ahamkara is the 'triumph of the familiar over the extensive' through identification with the familiar and not the extensive.

30. Ahamkara, therefore, is a limited state of identification.

Later, as higher energies come into play and the effort is made to balance the three types of force manifestations in the three worlds through the three vehicles, **the Ego becomes aware of delusion and eventually frees himself.**

31. We are speaking of the growing awareness of the soul-in-incarnation. The Ego-on-its-own-plane (infused by the Solar Angel) is ever aware of the illusion/delusion to which the emanated extension of itself (the Ego-in-incarnation) is subject.

32. DK is telling us that misidentification is a delusion.

When this is in process of consummation during the final stages of evolution, **the mental body becomes a transmitter for force currents from the egoic mind**,

được vượt qua khi công việc của nó đã hoàn tất.

29. Nguyên khí tạo ra "Tôi" là một nguyên khí giới hạn. Nó buộc tâm thức phải tập trung vào các năng lượng, các mãnh lực và nói chung là các sự sống nhỏ hơn quay quanh các nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí (và nhận sự nuôi dưỡng từ những thành viên ấy của tam giác nguyên tử). Ahamkara là "chiến thắng của cái quen thuộc đối với cái bao la" thông qua sự đồng hoá với cái quen thuộc chứ không phải với cái bao la.

30. Vì vậy, Ahamkara là một trạng thái đồng hoá có giới hạn.

Về sau, khi các năng lượng cao hơn bắt đầu hoạt động và nỗ lực được thực hiện để quân bình ba loại biểu hiện mãnh lực trong ba cõi giới qua ba vận cụ, **chân ngã nhận biết sự mê lầm và cuối cùng tự giải thoát mình.**

31. Chúng ta đang nói về sự nhận biết ngày càng tăng của linh hồn đang nhập thể. Chân ngã-trên-cõi-riêng-của-nó (được Thái dương Thiên Thần thấm nhuần) luôn luôn nhận biết ảo tưởng/sự mê lầm mà phần mở rộng được phát xạ của chính nó (chân ngã-trong-lâm-phàm) phải chịu.

32. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự đồng hoá sai lầm là một sự mê lầm.

Khi điều này đang trong tiến trình hoàn tất ở các giai đoạn cuối của tiến hoá, **thể trí trở thành một bộ truyền dẫn cho các dòng mãnh lực từ thượng trí chân ngã**,

33. The lower mind can be “held steady in the light”.

33. Hạ trí có thể được “giữ vững trong ánh sáng”.

34. The “egoic mind” is the higher mind.

34. “Thượng trí chân ngã” là thượng trí.

the antaskarana between the higher mind and the mental sheath is built, and the "transmitting mind body" blends itself with the "reflecting astral body." Thus separation is negated.

antahkarana giữa thượng trí và thể trí được xây dựng, và “thể trí truyền dẫn” tự hòa trộn với “thể cảm dục phản chiếu”. Như vậy sự tách biệt bị phủ định.

35. This sequence for the ending of separation is so important, let us tabulate it:

35. Trình tự này cho sự chấm dứt tách biệt quan trọng đến mức, chúng ta hãy lập bảng nó ra:

a. The mental body becomes the transmitter for force currents from the egoic mind

a. Thể trí trở thành bộ truyền dẫn cho các dòng mãnh lực từ thượng trí chân ngã

b. The antahkarana between the higher mind and the mental sheath is built

b. antahkarana giữa thượng trí và thể trí được xây dựng

c. The “transmitting mind body” blends itself with the “reflecting astral body”

c. “Thể trí truyền dẫn” tự hòa trộn với “thể cảm dục phản chiếu”

36. The blending of the mental body and the astral body, however, does not signify the strengthening of the kama-manasic mind. Rather, the light of the soul working through the lower mental body finds its way into the astral body. The astral body can no longer deflect this mental light.

36. Tuy nhiên, sự hòa trộn của thể trí và thể cảm dục không có nghĩa là sự tăng cường của trí-cảm. Đúng hơn, ánh sáng của linh hồn hoạt động qua thể trí thấp tìm được đường đi vào thể cảm dục. Thể cảm dục không còn có thể làm chệch hướng ánh sáng trí tuệ này nữa.

37. The influence of the planet Venus is strongly involved in this process.

37. Ảnh hưởng của Sao Kim có liên hệ rất mạnh với tiến trình này.

Students will note, therefore, that the goal for the mental body

Vì vậy, các đạo sinh sẽ lưu ý rằng mục tiêu đối với thể trí

38. The lower mental body…

38. Thể trí thấp…

is simply that it should become a transmitter of the thoughts and wishes of the solar Angel, and should act as the agent for the Triad.

chỉ đơn giản là nó phải trở thành một bộ truyền dẫn của những tư tưởng và ước muốn của Thái dương Thiên Thần, và phải hoạt động như tác nhân cho Tam nguyên tinh thần.

39. The Tibetan has described for us the ideal destiny of the mental body:

39. Chân sư Tây Tạng đã mô tả cho chúng ta vận mệnh lý tưởng của thể trí:

a. That it should become the transmitter of the thoughts and wishes of the Solar Angel. Obviously the Solar Angel *thinks* and we learn here, as well, that it has wishes or desires

a. Rằng nó phải trở thành bộ truyền dẫn những tư tưởng và ước muốn của Thái dương Thiên Thần. Hiển nhiên Thái dương Thiên Thần *suy nghĩ* và ở đây chúng ta cũng biết rằng nó có những ước muốn hay ham muốn

b. That it should become the "agent for the Triad"

b. Rằng nó phải trở thành "tác nhân cho Tam nguyên tinh thần"

40. We could pause to think about the state of our own lower mental body: does it transmit the thoughts and wishes of the Solar Angel? Does it act as an agent for the spiritual triad?

40. Chúng ta có thể dừng lại để suy nghĩ về trạng thái của chính thể trí thấp của mình: nó có truyền đạt những tư tưởng và ước muốn của Thái dương Thiên Thần không? Nó có hoạt động như một tác nhân cho Tam Nguyên Tinh Thần không?

41. Such a mental body would be characterized by the symbol of the upright five-pointed star and not by the inverted five-pointed star.

41. Một thể trí như thế sẽ được đặc trưng bởi biểu tượng ngôi sao năm cánh dựng thẳng chứ không phải ngôi sao năm cánh đảo ngược.

The goal for the astral body is that it should be the reflector in a similar way of the buddhic impulses, which reach the emotional body via certain petals in the egoic lotus,

Mục tiêu đối với thể cảm dục là nó cũng phải là bộ phản chiếu theo cách tương tự của các xung lực Bồ đề, những xung lực đi đến thể cảm xúc qua một số cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã,

42. Among the petals by means of which buddhi reaches the astral body can be considered:

42. Trong số các cánh hoa mà nhờ đó Bồ đề đi đến thể cảm dục có thể kể đến:

a. All synthesis petals, since they are produced by the energy of the buddhi

a. Tất cả các cánh hoa tổng hợp, vì chúng được tạo ra bởi năng lượng của Bồ đề

b. The synthesis-love petal

b. Cánh hoa tổng hợp-bác ái

c. The sacrifice-love petal

c. Cánh hoa hi sinh-bác ái

d. The three love petals

d. Ba cánh hoa bác ái

e. The knowledge-love petal

e. Cánh hoa tri thức-bác ái

43. When the lines of transmission have become clear to us, we can facilitate (through imagination) the passage of energy.

43. Khi các đường truyền dẫn đã trở nên rõ ràng đối với chúng ta, chúng ta có thể tạo thuận lợi (qua sự tưởng tượng) cho sự đi qua của năng lượng.

and the astral permanent atom.

và nguyên tử trường tồn cảm dục.

44. The constituent members of the atomic triangle are always involved in the transmission of energy to the vehicles for which they act as the focal point.

44. Các thành phần cấu tạo của tam giác nguyên tử luôn luôn tham gia vào việc truyền dẫn năng lượng đến các vận cụ mà chúng hoạt động như tiêu điểm.

The process of equilibrising the forces in the personality (thus producing stability, and alignment) is brought about through the scientific manifestation of the electrical reactions of the three sheaths.

Tiến trình quân bình các mãnh lực trong phàm ngã (do đó tạo ra sự ổn định và chỉnh hợp) được thực hiện qua sự biểu hiện một cách khoa học của các phản ứng điện của ba thể.

45. Let us note that equilibrization of the astral body leads to its stabilization and its alignment with the other vehicles and with the buddhic sheath.

45. Chúng ta hãy lưu ý rằng sự quân bình của thể cảm dục dẫn đến sự ổn định của nó và sự chỉnh hợp của nó với các vận cụ khác và với thể Bồ đề.

46. We remember that the middlemost of the three types of electrical energy is an equilibrizing, balancing, harmonizing type of energy.

46. Chúng ta nhớ rằng loại năng lượng điện ở giữa trong ba loại là một loại năng lượng quân bình, cân bằng, điều hòa.

47. While the astral body is the vehicle most often out of control, all the vehicles of the personality must be equilibrized.

47. Trong khi thể cảm dục là vận cụ thường mất kiểm soát nhất, tất cả các vận cụ của phàm ngã đều phải được quân bình.

The *mental sheath* is regarded in its totality of force as positive.

Thể trí được xem xét trong toàn thể mãnh lực của nó là dương.

48. A related statement of importance is the following.

48. Một phát biểu liên hệ có tầm quan trọng là như sau.

A hint as to the truth lies in the fact that at present the astral body of man is positive to the physical plane, negative to the mental, and positive to the buddhic plane. **As evolution proceeds, the astral body should become positive to the mental, and thus prove incapable of being swayed by thought currents, and the separative processes of that plane**, andnegative to the buddhic plane, or receptive to the forces from that plane. When it has attained equilibrium, and the forces are evenly balanced, the astral body should become the transmitter from the buddhic plane, the fourth cosmic ether, via the gaseous, to the dense physical plane. (TCF 660)

Một gợi ý về chân lý nằm ở sự kiện rằng hiện nay thể cảm dục của con người là dương đối với cõi hồng trần, âm đối với cõi trí, và dương đối với cõi Bồ đề. **Khi tiến hoá tiếp diễn, thể cảm dục phải trở nên dương đối với thể trí, và do đó chứng tỏ không thể bị các dòng tư tưởng và các tiến trình chia cách của cõi ấy làm dao động**, vàâm đối với cõi Bồ đề, hay tiếp nhận các mãnh lực từ cõi ấy. Khi nó đã đạt được quân bình, và các mãnh lực được cân bằng đồng đều, thể cảm dục phải trở thành bộ truyền dẫn từ cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư, qua thể khí, đến cõi hồng trần đậm đặc. (TCF 660)

The *physical bodies*

Các thể hồng trần

49. By the plural does DK mean both the dense physical body and the etheric body?

49. Với số nhiều này, phải chăng Chân sư DK muốn nói cả thể xác đậm đặc lẫn thể dĩ thái?

are regarded as negative to the mental.

được xem là âm đối với thể trí.

50. It should not be problematic to control the physical bodies from a point of focus in the mental body.

50. Việc kiểm soát các thể hồng trần từ một điểm tập trung trong thể trí hẳn không phải là điều khó khăn.

51. The physical bodies are receptive to the mental body. This is meaning of a negative polarization of one vehicle to another.

51. Các thể hồng trần tiếp nhận thể trí. Đây là ý nghĩa của sự phân cực âm của một vận cụ đối với một vận cụ khác.

The *astral vehicle* is the point of the at-one-ment of the energies; it is the battleground whereon the dualities are adjusted to each other, and**equilibrium is attained**.

52. The astral body might be swayed by tendencies existing in the physical body but might also be directed by the light of the mental body.

53. We note, however, that in the paragraph imported from TCF 660, the astral body is to become positive to the mental body. This means that the astral body is not to be swayed automatically by the lower and separative processes of the mental body. It should, however, find itself in the position to be directed by the mental body when that body is filled with soul light. Soul light carries much of the buddhic influence.

54. DK seems to say that the astral body is the battleground between opposing physical and mental tendencies. The battle is between desires for the instinctual life and desires for the life of the soul as expressed through the illumined mind.

This is the underlying thought when the words "kama-manasic" body are used, **because for two-thirds of the pilgrim's journey this body serves a dual purpose**.

55. By the term “this body” DK seems to indicate the astral body.

56. Yet during the kama-manasic period, one cannot really divorce the functioning o the

Vận cụ cảm dục là điểm hợp nhất của các năng lượng; nó là chiến trường nơi các nhị nguyên tính được điều chỉnh với nhau, và**sự quân bình được đạt tới**.

52. Thể cảm dục có thể bị các khuynh hướng hiện hữu trong thể hồng trần làm dao động nhưng cũng có thể được định hướng bởi ánh sáng của thể trí.

53. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng trong đoạn được đưa vào từ TCF 660, thể cảm dục phải trở nên dương đối với thể trí. Điều này có nghĩa là thể cảm dục không được tự động bị các tiến trình thấp và chia cách của thể trí làm dao động. Tuy nhiên, nó phải ở vào vị thế để được thể trí định hướng khi thể ấy tràn đầy ánh sáng linh hồn. Ánh sáng linh hồn mang theo phần lớn ảnh hưởng Bồ đề.

54. Dường như Chân sư DK nói rằng thể cảm dục là chiến trường giữa các khuynh hướng hồng trần và trí tuệ đối nghịch nhau. Trận chiến là giữa những ham muốn cho đời sống bản năng và những ham muốn cho đời sống của linh hồn như được biểu lộ qua trí tuệ được soi sáng.

Đây là tư tưởng nền tảng khi những từ “thể trí cảm” được dùng, **bởi vì trong hai phần ba cuộc hành trình của người lữ khách, thể này phục vụ một mục đích kép**.

55. Qua thuật ngữ “thể này”, dường như Chân sư DK muốn chỉ thể cảm dục.

56. Tuy nhiên trong thời kỳ trí-cảm, người ta không thể thực sự tách rời hoạt động của thể

astral body from the lower mental body. Thus, for two-thirds of its functional existence the lower mental body would be inseparably engaged with the astral body and its thinking could be considered kama-manasic in nature.

cảm dục khỏi thể trí thấp. Vì vậy, trong hai phần ba thời kỳ tồn tại chức năng của nó, thể trí thấp sẽ gắn bó không thể tách rời với thể cảm dục và tư duy của nó có thể được xem là mang bản chất trí-cảm.

57. We could ask whether the relative complete opening of the third petal signifies the beginning of the end for kama-manasic thinking. Were this the case, then two thirds of the evolutionary period would be involved with the opening of the first two petals—a sobering thought until we realize that the majority of human beings today have only two petals open and are working on the opening of the third.

57. Chúng ta có thể hỏi liệu sự khai mở tương đối hoàn toàn của cánh hoa thứ ba có báo hiệu sự bắt đầu của đoạn kết đối với tư duy trí-cảm hay không. Nếu đúng như vậy, thì hai phần ba thời kỳ tiến hoá sẽ liên quan đến sự khai mở của hai cánh hoa đầu tiên—một ý nghĩ khiến người ta phải tỉnh táo cho đến khi chúng ta nhận ra rằng đa số nhân loại ngày nay mới chỉ có hai cánh hoa mở và đang làm việc để mở cánh hoa thứ ba.

It is only during the later stage that a [Page 1104] man **differentiates between will and desire**, and between his mental body and his desire body.

Chỉ trong giai đoạn sau này mà một [Page 1104] con người **phân biệt giữa ý chí và ham muốn**, và giữa thể trí của y với thể ham muốn của y.

58. It is clear that will pertains to the mental body and desire, obviously, to the desire body.

58. Rõ ràng là ý chí thuộc về thể trí và ham muốn, hiển nhiên, thuộc về thể ham muốn.

59. Man must reach a stage of relative mental focus before this type of differentiation or discrimination is possible.

59. Con người phải đạt đến một giai đoạn tập trung trí tuệ tương đối trước khi loại biến phân hay phân biện này trở nên khả hữu.

60. One of the watershed moments for the discrimination between will and desire is the second initiation. It is also the initiation where the tendency towards mental polarization is firmly established, though not completed until midway between the second and third initiations.

60. Một trong những thời điểm bước ngoặt đối với sự phân biện giữa ý chí và ham muốn là lần điểm đạo thứ hai. Đây cũng là lần điểm đạo mà khuynh hướng hướng tới sự phân cực trí tuệ được thiết lập vững chắc, dù chưa hoàn tất cho đến điểm ở giữa giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba.

61. At the second initiation the candidate must achieve a degree of “spiritual intelligence” and “an illumined mind”.

61. Ở lần điểm đạo thứ hai, ứng viên phải đạt được một mức độ “trí tuệ tinh thần” và “một trí tuệ được soi sáng”.

62. All in the foregoing section has been a discussion of the meta-physics of *Separation.*

62. Tất cả phần trên đây là một cuộc bàn đến về siêu hình học của *Sự Tách Biệt.*

63. We may realize that DK is offering us some very focussed information about the mental body which He has not shared before this point in the unfoldment of the text.

63. Chúng ta có thể nhận ra rằng Chân sư DK đang cung cấp cho chúng ta một số thông tin rất tập trung về thể trí mà trước điểm này trong sự khai mở của văn bản Ngài chưa chia sẻ.

Momentum: The activity of the mental sheath and its **gradually increasing**rate of vibration is **brought about by the inflow of energies of different kinds**.

Động lượng: Hoạt động của thể trí và **nhịp độ rung động tăng dần** của nó **được tạo ra bởi dòng chảy vào của những năng lượng thuộc nhiều loại khác nhau**.

64. The gradually increasing rate of vibration of the mental sheath is related to its momentum. We are discussing factors extraneous to the mental body which increase its rate of vibration.

64. Nhịp độ rung động tăng dần của thể trí có liên hệ với động lượng của nó. Chúng ta đang bàn đến những yếu tố bên ngoài thể trí làm tăng nhịp độ rung động của nó.

65. The normal formula for momentum in physics is: p= *m* v

65. Công thức thông thường của động lượng trong vật lý là: p= *m* v

66. Momentum overcomes friction. The greater the momentum the greater the likelihood of the perpetuation of motion. As well the greater the impact of the motion upon its environment.

66. Động lượng vượt qua ma sát. Động lượng càng lớn thì khả năng duy trì chuyển động càng cao. Đồng thời tác động của chuyển động lên môi trường của nó cũng càng lớn.

67. It appears that the greater the inflow of these energies, the greater the momentum.

67. Dường như dòng chảy vào của những năng lượng này càng lớn thì động lượng càng lớn.

These various factors, as they are brought to bear upon the mental sheath**produce an increased activity and speed in the rotary motion of the individual atoms**, and **also greater speed in the progress of the entire sheath.**

Những yếu tố khác nhau này, khi tác động lên thể trí**tạo ra hoạt động gia tăng và tốc độ lớn hơn trong chuyển động xoay tròn của các nguyên tử cá biệt**, và **cũng tạo ra tốc độ lớn hơn trong sự tiến triển của toàn bộ thể.**

68. The extraneous stimulative factors have two/three effects on the mental sheath:

a. The rotary motion of the individual atoms is increased

b. The developmental progress of the mental sheath *as a whole increases*. Atoms of low vibration are expelled and atoms of higher quality are drawn in.

c. Additionally, as we learn below, another effect, making three, is the increased spiral action of the various energies.

This means a more rapid transference of the atoms of low vibration out of the sheath and the substitution of atoms of high quality.

69. Two additional factors which contribute to this rapid transference and substitution are as follows:

a. The use of the OM

b. The action of the kundalini

c. As well the inflow of the extraneous energies contributes to the rapid transference

It involves also more rapid transition of the various energies, or increased spiral action.

70. The entire developmental process of the mental body is accelerated by the inflow.

68. Các yếu tố kích thích từ bên ngoài có hai/ ba tác động lên thể trí:

a. Chuyển động xoay tròn của các nguyên tử cá biệt được gia tăng

b. Sự tiến triển phát triển của thể trí *xét như một toàn thể gia tăng*. Các nguyên tử có rung động thấp bị trục xuất và các nguyên tử có phẩm tính cao hơn được thu hút vào.

c. Ngoài ra, như chúng ta sẽ học ở dưới, một hiệu quả khác, thành ra ba, là hoạt động xoắn ốc gia tăng của các năng lượng khác nhau.

Điều này có nghĩa là sự chuyển dịch nhanh hơn các nguyên tử có rung động thấp ra khỏi thể vỏ, và sự thay thế bằng các nguyên tử có phẩm chất cao.

69. Hai yếu tố bổ sung góp phần vào sự chuyển dịch và thay thế nhanh chóng này như sau:

a. Việc sử dụng OM

b. Hoạt động của kundalini

c. Đồng thời, sự tuôn vào của các năng lượng ngoại lai cũng góp phần vào sự chuyển dịch nhanh chóng

Điều này cũng bao hàm sự chuyển tiếp nhanh hơn của các năng lượng khác nhau, hay hoạt động xoắn ốc gia tăng.

70. Toàn bộ tiến trình phát triển của thể trí được gia tốc bởi sự tuôn vào này.

71. A body rotating rapidly tends to continue to rotate rapidly, and has a more 'momentous' effect upon its environment—a greater impact.

This is one of the factors resulting in more rapid incarnation, and more rapid assimilation of the experiences learnt.

72. A more rapidly vibrating mental body increases the rapidity with which experiences are assimilated. One might think that this, in turn, would contribute to more rapid or frequent incarnation.

73. Of course, a more highly developed individual has worked up more 'material' to 'bring into' devachan.

Curiously enough, from the standpoint of the average thinker,

74. In this case, *not* the disciple who wills to return as rapidly as possible for the purposes of service…

this factor causes longer devachanic periods,

75. On the average, a more highly developed mind (if found among those who are not yet disciples) causes longer devachanic periods. A true disciple, however, may have a very developed mind and yet his devachanic periods will be sacrificed for the sake of humanity and on behalf of ashramic purpose.

for these cycles of interior mental consideration are of ever increasing activity.

71. Một thể quay nhanh có khuynh hướng tiếp tục quay nhanh, và tạo ra một hiệu quả "trọng đại" hơn đối với môi trường của nó—một tác động lớn hơn.

Đây là một trong những yếu tố dẫn đến sự lâm phàm nhanh hơn, và sự đồng hoá nhanh hơn các kinh nghiệm đã học được.

72. Một thể trí rung động nhanh hơn làm tăng tốc độ mà các kinh nghiệm được đồng hoá. Người ta có thể nghĩ rằng điều này, đến lượt nó, sẽ góp phần vào sự lâm phàm nhanh hơn hoặc thường xuyên hơn.

73. Dĩ nhiên, một cá nhân phát triển cao hơn đã tích luỹ được nhiều "chất liệu" hơn để "mang vào" devachan.

Điều khá lạ là, từ quan điểm của nhà tư tưởng trung bình,

74. Trong trường hợp này, *không phải* là đệ tử muốn trở lại nhanh nhất có thể vì mục đích phụng sự…

yếu tố này gây ra các giai đoạn devachan dài hơn,

75. Trung bình mà nói, một trí tuệ phát triển cao hơn (nếu được thấy nơi những người chưa phải là đệ tử) gây ra các giai đoạn devachan dài hơn. Tuy nhiên, một đệ tử chân chính có thể có một trí tuệ rất phát triển mà các giai đoạn devachan của y vẫn sẽ bị hi sinh vì nhân loại và thay mặt cho mục đích ashram.

vì các chu kỳ chiêm ngưỡng trí tuệ nội tại này có hoạt động ngày càng gia tăng.

76. For the highly developed mental type, the sacrifice of devachan is a significant sacrifice.

77. This is an interesting definition of devachan: "a cycle of interior mental consideration".

They are **cycles of intense mental adjustment,** and of the **generation of force** until (towards the close of the cycle of incarnation) the activity which has been generated is so strong that **continuity of consciousness becomes an accomplished fact**.

78. Adding to the definition of devachan we find:

a. "Intense mental adjustment"

b. "The generation of force"

c. And adding what was above: "interior mental consideration"

79. One of the keys to continuity of consciousness is the intensification of the vibrational rate of the constituents of the mental body and, presumably, its increased rate of rotation as a whole.

80. DK is describing the method of transition from the taking of longer devachanic periods to a stage in which devachan is foregone altogether.

81. Through the generation of a certain type of mental force *in devachan,* continuity of consciousness is established.

76. Đối với kiểu người trí tuệ phát triển cao, việc hi sinh devachan là một sự hi sinh đáng kể.

77. Đây là một định nghĩa thú vị về devachan: "một chu kỳ chiêm ngưỡng trí tuệ nội tại".

Chúng là **những chu kỳ điều chỉnh trí tuệ mãnh liệt,** và của sự **phát sinh mãnh lực** cho đến khi (về cuối chu kỳ lâm phàm) hoạt động đã được phát sinh trở nên mạnh đến mức **sự liên tục của tâm thức trở thành một sự kiện đã hoàn thành**.

78. Bổ sung vào định nghĩa về devachan, chúng ta thấy:

a. "Sự điều chỉnh trí tuệ mãnh liệt"

b. "Sự phát sinh mãnh lực"

c. Và thêm điều đã nói ở trên: "sự chiêm ngưỡng trí tuệ nội tại"

79. Một trong những chìa khóa của sự liên tục của tâm thức là sự tăng cường nhịp độ rung động của các thành phần của thể trí và, có lẽ, tốc độ quay gia tăng của nó như một toàn thể.

80. Chân sư DK đang mô tả phương pháp chuyển tiếp từ việc trải qua các giai đoạn devachan dài hơn sang một giai đoạn trong đó devachan bị từ bỏ hoàn toàn.

81. Thông qua sự phát sinh một loại mãnh lực trí tuệ nhất định *trong devachan,* sự liên tục của tâm thức được thiết lập.

82. The soul already *has* continuity of consciousness, and the intensification of the mental process makes it possible for the soul's continuity of consciousness to pervade the lower mind.

82. Linh hồn vốn đã *có* sự liên tục của tâm thức, và sự tăng cường của tiến trình trí tuệ khiến cho sự liên tục của tâm thức của linh hồn có thể thấm nhập vào hạ trí.

83. In this sense we find that the devachanic periods are not simply a *relief* from the pressures of physical incarnation, but actually build more powerful and perceptive future incarnations.

83. Theo nghĩa này, chúng ta thấy rằng các giai đoạn devachan không chỉ đơn thuần là một sự *giải toả* khỏi các áp lực của sự lâm phàm hồng trần, mà thực sự còn xây dựng nên những lần lâm phàm tương lai mạnh mẽ và có tri giác hơn.

The man frequently then foregoes devachan as he needs it no more.

Con người khi ấy thường từ bỏ devachan vì y không còn cần đến nó nữa.

84. Thus, we see that devachan has not been simply a rest but a developmental necessity.

84. Do đó, chúng ta thấy rằng devachan không chỉ đơn thuần là một sự nghỉ ngơi mà là một nhu cầu phát triển.

85. Devachan can be foregone when the rapidity of mental adjustment and the generation of mental force/activity are so great that they negate the value of any achievement which a devachanic period would yield.

85. Devachan có thể bị từ bỏ khi tốc độ điều chỉnh trí tuệ và sự phát sinh mãnh lực/hoạt động trí tuệ lớn đến mức chúng phủ định giá trị của bất kỳ thành tựu nào mà một giai đoạn devachan có thể mang lại.

86. One would wonder, however, whether even a sufficiently selfless and dedicated individual could forego devachan even before he had no more need of it. If so, this would involve *sacrifice.*

86. Tuy nhiên, người ta sẽ tự hỏi liệu ngay cả một cá nhân đủ vô ngã và tận hiến có thể từ bỏ devachan ngay cả trước khi y không còn cần đến nó nữa hay không. Nếu vậy, điều này sẽ bao hàm sự *hi sinh.*

Other results

Các kết quả khác

87. Of increasing inflow of extraneous forces and of rapidly increasing spiral motion…

87. Của sự tuôn vào ngày càng tăng của các mãnh lực ngoại lai và của chuyển động xoắn ốc tăng nhanh…

are the fourth dimensional activity of the various "wheels," which begin not only to rotate but to "turn upon themselves," and

là hoạt động bốn chiều của các "bánh xe" khác nhau, chúng bắt đầu không chỉ quay

the vivification of the four spirillae of the mental unit.

mà còn "tự quay trên chính mình", và sự tiếp sinh lực cho bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí.

Each initiation sees the achievement of fourth dimensional activity in a particular vehicle. By the time the third initiation is reached the chakras of the lower manasic vehicle become fourth dimensional in their rotation and the full vivification of the mental unit occurs.

Mỗi lần điểm đạo đều chứng kiến sự thành tựu hoạt động bốn chiều trong một vận cụ đặc biệt. Vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ ba, các luân xa của vận cụ hạ manas trở nên bốn chiều trong sự quay của chúng và sự tiếp sinh lực trọn vẹn của đơn vị hạ trí xảy ra.

"The awakening upon the mental plane, and the gradually increasing activity of the centres and the senses. The effect in both cases tends to identification of the Self with its own essence in all groups and the rejection of the sheaths and the forms.

"Sự thức tỉnh trên cõi trí, và hoạt động tăng dần của các trung tâm và các giác quan. Hiệu quả trong cả hai trường hợp đều hướng đến sự đồng hoá của Bản Ngã với chính tinh tuý của nó trong mọi nhóm và sự loại bỏ các thể vỏ và các hình tướng.

This development is paralleled on the two higher planes simultaneously as in the lower, and as the astral senses come into perfected activity, the corresponding centres of force on the buddhic plane begin to function until the vibratory interplay between the two is consummated, and the force of the Triad can be felt definitely in the Personality via the astral.

Sự phát triển này được song hành đồng thời trên hai cõi cao hơn cũng như ở cõi thấp, và khi các giác quan cảm dục đi vào hoạt động hoàn hảo, các trung tâm mãnh lực tương ứng trên cõi Bồ đề bắt đầu vận hành cho đến khi sự tương tác rung động giữa hai bên được hoàn tất, và mãnh lực của Tam Nguyên Tinh Thần có thể được cảm nhận rõ rệt trong phàm ngã qua trung gian thể cảm dục.

Again the corresponding vortices on the atmic level come into active vibration as the mental centres become **fourth dimensional**, till we have a wonderful fiery activity demonstrating on all the three planes." (TCF 204)

Một lần nữa, các xoáy lực tương ứng trên cấp độ atma đi vào rung động tích cực khi các trung tâm trí tuệ trở nên **bốn chiều**, cho đến khi chúng ta có một hoạt động rực lửa kỳ diệu biểu hiện trên cả ba cõi." (TCF 204)

Some of the energies which **produce increased momentum in the mental sheath** might be enumerated,

Một số năng lượng **tạo ra động lượng gia tăng trong thể vỏ trí tuệ** có thể được liệt kê,

88. We are dealing with the production of increased momentum in the mental sheath. There are periods in the developmental

88. Chúng ta đang bàn đến việc tạo ra động lượng gia tăng trong thể vỏ trí tuệ. Có những giai đoạn trong lịch sử phát triển của con

history of man when each of the three vehicles is increased in its momentum.

người khi mỗi một trong ba vận cụ đều được gia tăng động lượng của nó.

and **as the students consider them it will again become apparent what a complicated thing human unfoldment really is**.

và **khi các đạo sinh xem xét chúng, sẽ lại trở nên hiển nhiên rằng sự khai mở của con người thực sự là một điều phức tạp biết bao**.

89. This is the main point—the complexity of the human developmental process.

89. Đây là điểm chính—tính phức tạp của tiến trình phát triển của con người.

90. We are as yet in no position to examine human unfoldment in occult detail, but we can gain new respect for how intricate and manifold the process really is. We can also realize that there are no easy and rapid solutions to solving the 'human problem'.

90. Chúng ta hiện chưa ở vị thế để khảo sát sự khai mở của con người trong chi tiết huyền bí, nhưng chúng ta có thể có được sự kính trọng mới đối với mức độ tinh vi và đa diện thực sự của tiến trình này. Chúng ta cũng có thể nhận ra rằng không có những giải pháp dễ dàng và nhanh chóng cho việc giải quyết "vấn đề con người".

These energies are:

Các năng lượng này là:

1. The **direct increasing influence of the solar Angel**.

1. Sự **ảnh hưởng trực tiếp ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần**.

This **influence is felt in four stages**:

Ảnh hưởng này **được cảm nhận trong bốn giai đoạn**:

As the three rows of petals unfold. [1105]

Khi ba hàng cánh hoa khai mở. [Page 1105]

91. One stage for each unfolding row of petals...

91. Một giai đoạn cho mỗi hàng cánh hoa khai mở...

As the "interior jewel" rays forth more powerfully.

Khi "bảo châu nội tại" phát ra tia sáng mạnh mẽ hơn.

92. The influence of the Solar Angel increases the momentum of the mental sheath.

92. Ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần làm gia tăng động lượng của thể vỏ trí tuệ.

93. The final one of these four stages involves the unfoldment of the synthesis petals as well *and* the final stimulation of the "Jewel in the Lotus". The three and one are considered together as a unit.

93. Giai đoạn cuối cùng trong bốn giai đoạn này bao hàm sự khai mở của các cánh hoa tổng hợp cũng như *và* sự kích thích cuối cùng của "Bảo Châu trong Hoa Sen". Ba và một được xét cùng nhau như một đơn vị.

94. The Solar Angel, thus, has, at a certain point of evolution, a very powerful effect upon the stimulation of the mental body.

94. Do đó, Thái dương Thiên Thần, tại một điểm tiến hoá nhất định, có một hiệu quả rất mạnh đối với sự kích thích thể trí.

2. The reflex action from the physical personality, or the **thought currents** **sent through in course of time from the physical brain**.

2. Tác động phản xạ từ phàm ngã hồng trần, hay các **dòng tư tưởng** **được truyền qua theo thời gian từ bộ não hồng trần**.

95. We realize that the increased stimulation of the mental vehicle comes not only from 'above' but from the personality itself.

95. Chúng ta nhận ra rằng sự kích thích gia tăng của vận cụ trí tuệ không chỉ đến từ "bên trên" mà còn từ chính phàm ngã.

96. We see that the physical brain is involved and that energy streams which the Tibetan calls "thought currents" are involved. The brain, we see, *does* transmit thought.

96. Chúng ta thấy rằng bộ não hồng trần có liên quan và các luồng năng lượng mà Chân sư Tây Tạng gọi là "dòng tư tưởng" cũng có liên quan. Như vậy, chúng ta thấy bộ não *quả thực* truyền dẫn tư tưởng.

97. May we say that these "thought currents" are the reflexive result of the direct and increasing impact of the Solar Angel upon the mental body?

97. Chúng ta có thể nói rằng các "dòng tư tưởng" này là kết quả phản xạ của sự tác động trực tiếp và ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần lên thể trí chăng?

3. The activities of the astral body.

3. Các hoạt động của thể cảm dục.

98. Perhaps it is surprising to realize that the mental sheath relies to a degree upon the astral body for its stimulation.

98. Có lẽ thật đáng ngạc nhiên khi nhận ra rằng thể vỏ trí tuệ ở một mức độ nào đó dựa vào thể cảm dục để được kích thích.

99. Usually the astral body is negative to the mental body until the later stages of etheric vehicle—as we have been told.

99. Thông thường thể cảm dục là âm tính đối với thể trí cho đến các giai đoạn sau của vận cụ dĩ thái—như chúng ta đã được cho biết.

4. The thought currents or energy units initiated by identification with groups, national, family, racial and egoic.

4. Các dòng tư tưởng hay các đơn vị năng lượng được khởi phát bởi sự đồng hoá với các nhóm, quốc gia, gia đình, chủng tộc và chân ngã.

100. It seems that Master DK is calling a thought current an "energy unit".

100. Có vẻ như Chân sư DK đang gọi một dòng tư tưởng là một "đơn vị năng lượng".

101. These currents (generated within various groups) are influential in one's life if one has identified himself with the particular group in which the current in generated.

101. Các dòng này (được tạo ra trong các nhóm khác nhau) có ảnh hưởng trong đời sống của một người nếu người ấy đã đồng hoá mình với nhóm đặc thù trong đó dòng ấy được tạo ra.

102. So we see that the groups in which we participate also stimulate the vibratory frequency of the mental vehicle, increasing its momentum.

102. Vì vậy, chúng ta thấy rằng các nhóm mà chúng ta tham gia cũng kích thích tần số rung động của vận cụ trí tuệ, làm gia tăng động lượng của nó.

5. The currents which impinge upon the mental bodies of all human beings **as different Rays pass in and out of incarnation.**

5. Các dòng tác động lên thể trí của mọi con người **khi các cung khác nhau đi vào và đi ra khỏi lâm phàm.**

103. This is a more occult form of stimulation. Rays and subrays cycle in and out of incarnation, and with this cycling comes an inevitable stimulation of the mental vehicle, again increasing its momentum.

103. Đây là một hình thức kích thích huyền bí hơn. Các cung và cung phụ tuần hoàn đi vào và đi ra khỏi lâm phàm, và cùng với sự tuần hoàn này là sự kích thích tất yếu của vận cụ trí tuệ, một lần nữa làm gia tăng động lượng của nó.

104. Since the majority of mental bodies are on the first, fourth or seventh rays, perhaps ray periods in which these ray are strong are *most* stimulative to the mental body of most individuals.

104. Vì đa số các thể trí thuộc cung một, cung bốn hoặc cung bảy, nên có lẽ những thời kỳ cung mà các cung này mạnh là những thời kỳ kích thích *nhiều nhất* đối với thể trí của đa số cá nhân.

6. The forces and energies which become active or latent during different cycles.

6. Các mãnh lực và năng lượng trở nên hoạt động hay tiềm ẩn trong các chu kỳ khác nhau.

105. Some of these *may* be zodiacal energies and planetary energies.

105. Một số trong các năng lượng này *có thể* là các năng lượng hoàng đạo và các năng lượng hành tinh.

106. Different chakric activations upon and within our planet may be involved. Our planet is constantly undergoing various kinds of chakric stimulation due to interior planetary processes and also do to inflows from other planets and from the Solar Logos as well.

106. Có thể có liên quan đến những sự hoạt hóa luân xa khác nhau trên và trong hành tinh của chúng ta. Hành tinh của chúng ta liên tục trải qua nhiều loại kích thích luân xa khác nhau do các tiến trình hành tinh nội tại và cũng do các luồng tuôn vào từ các hành tinh khác và từ Thái dương Thượng đế nữa.

7. The interplay between planets, or between systems and constellations, of which an illustration can be seen in the effect of Venusian energy upon our Earth

7. Sự tương tác giữa các hành tinh, hoặc giữa các hệ và các chòm sao, mà một minh họa có thể thấy trong hiệu quả của năng lượng Kim Tinh lên Trái Đất שלנו

107. Point "6." *may* have included zodiacal and planetary energies external to the Earth, but point "7." *definitely* concerns their influence and interplay.

107. Điểm "6." *có thể* đã bao gồm các năng lượng hoàng đạo và hành tinh ở bên ngoài Trái Đất, nhưng điểm "7." thì *rõ ràng* liên quan đến ảnh hưởng và sự tương tác của chúng.

108. We can probably isolate the particular planets which most influence the mental body—Mercury, Venus, Mars, Saturn, Uranus and perhaps Pluto.

108. Chúng ta có lẽ có thể tách ra những hành tinh đặc biệt ảnh hưởng nhiều nhất đến thể trí—Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hỏa, Sao Thổ, Sao Thiên Vương và có lẽ cả Sao Diêm Vương.

109. As well there are certain signs of the zodiac which can be closely connected with the mental vehicle: Aries, Gemini, Virgo, Scorpio, Aquarius. A reasonable case can probably be made for other signs as well.

109. Đồng thời cũng có một số dấu hiệu hoàng đạo có thể liên hệ chặt chẽ với vận cụ trí tuệ: Bạch Dương, Song Tử, Xử Nữ, Hổ Cáp, Bảo Bình. Có lẽ cũng có thể lập luận hợp lý cho các dấu hiệu khác nữa.

and many more factors too numerous to mention.

và còn nhiều yếu tố khác quá nhiều không thể kể ra.

110. We see how complex and multiple the matter is.

110. Chúng ta thấy vấn đề này phức tạp và đa tạp biết bao.

All these energies have their effects, and serve either to speed, or in some cases, to retard the evolutionary process.

Tất cả các năng lượng này đều có hiệu quả của chúng, và hoặc là dùng để đẩy nhanh, hoặc trong một số trường hợp, để làm chậm lại tiến trình tiến hoá.

111. Let us, for the sake of clarity, tabulate these seven influences which increase the activation and momentum of the mental vehicle:

111. Để cho rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng bảy ảnh hưởng này, những ảnh hưởng làm gia tăng sự hoạt hóa và động lượng của vận cụ trí tuệ:

a. Direct influence from the Solar Angel

a. Ảnh hưởng trực tiếp từ Thái dương Thiên Thần

b. The influence of thought currents transmitted by the physical brain

b. Ảnh hưởng của các dòng tư tưởng được truyền dẫn bởi bộ não hồng trần

c. The influence of the astral body

c. Ảnh hưởng của thể cảm dục

d. The influence of various groups with which a man may identify

d. Ảnh hưởng của các nhóm khác nhau mà một người có thể đồng hoá với

e. The influence of the incoming and outgoing rays

e. Ảnh hưởng của các cung đi vào và đi ra

f. The influence of other unspecified energies, perhaps of an intra-planetary nature

f. Ảnh hưởng của các năng lượng khác không được chỉ rõ, có lẽ mang bản chất nội hành tinh

g. The interplay of planetary, zodiacal and constellational energy

g. Sự tương tác của năng lượng hành tinh, hoàng đạo và chòm sao

h. Additional and numerous unnamed energies

h. Các năng lượng bổ sung và nhiều năng lượng vô danh khác

It should be borne in mind by students that all egoic groups come under the Law of Karma, but only as it affects the Heavenly Man, and not the law as it demonstrates in the three worlds.

Các đạo sinh cần ghi nhớ rằng mọi nhóm chân ngã đều nằm dưới Định luật Nghiệp Quả, nhưng chỉ trong chừng mực nó ảnh hưởng đến Đấng Thiên Nhân, chứ không phải định luật như nó biểu hiện trong ba cõi thấp.

112. The egoic groups are aspects of the Heavenly Man. The human being, considered as an Ego, reacts to planetary karma *within his Ego*.

112. Các nhóm chân ngã là các phương diện của Đấng Thiên Nhân. Con người, được xét như một Chân ngã, đáp ứng với nghiệp quả hành tinh *bên trong Chân ngã của y*.

113. DK seems to be saying that the karma of egoic groups does not demonstrate specifically of fully upon the physical plane. It would seem, however, that egoic karma would have some degree of impact upon the personalities representing these groups.

113. Chân sư DK dường như đang nói rằng nghiệp quả của các nhóm chân ngã không biểu hiện một cách đặc thù hay trọn vẹn trên cõi hồng trần. Tuy nhiên, có vẻ như nghiệp quả chân ngã sẽ có một mức độ tác động nào đó lên các phàm ngã đại diện cho các nhóm này.

This karmic law, which is the governing impulse of His centres,

Định luật nghiệp quả này, vốn là xung lực chi phối các trung tâm của Ngài,

114. The Planetary Logos has various kinds of centers on various levels. Presumably, each level of the spiritual triad has its centers. Egoic groups are found on manasic, buddhic and atmic levels. When such groups are found on buddhic and atmic levels they no longer are influenced by the presence of the Solar Angel.

114. Đức Hành Tinh Thượng Đế có nhiều loại trung tâm khác nhau trên nhiều cấp độ khác nhau. Có lẽ mỗi cấp độ của Tam nguyên tinh thần đều có các trung tâm của nó. Các nhóm chân ngã được tìm thấy trên các cấp độ manas, Bồ đề và atma. Khi các nhóm như thế được tìm thấy trên các cấp độ Bồ đề và atma, chúng không còn bị ảnh hưởng bởi sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần nữa.

115. The Planetary Logos also has centers on the monadic plane, and such centers probably operate in ways different from those centers of the Planetary Logos which are composed of egoic groups and which operate on lower levels.

115. Đức Hành Tinh Thượng Đế cũng có các trung tâm trên cõi chân thần, và các trung tâm như thế có lẽ vận hành theo những cách khác với những trung tâm của Đức Hành Tinh Thượng Đế được cấu thành bởi các nhóm chân ngã và hoạt động trên các cấp độ thấp hơn.

will show itself in peculiar ways, **and as the human monads compose those centres**,

sẽ biểu lộ theo những cách đặc thù, **và vì các chân thần nhân loại cấu thành các trung tâm ấy**,

116. Is the hint given that *all centres* of the Heavenly Man are composed of human monads? This thought seems confirmed in various references.

116. Có phải gợi ý được đưa ra ở đây là *mọi trung tâm* của Đấng Thiên Nhân đều được cấu thành bởi các chân thần nhân loại không? Tư tưởng này dường như được xác nhận trong nhiều dẫn chiếu khác nhau.

each group will have its own "activity" problems, will spiral through theround of Being in its own peculiar manner,

mỗi nhóm sẽ có những vấn đề riêng về "hoạt động" của nó, sẽ xoắn ốc xuyên qua cuộc tuần hoàn của Bản Thể theo cách đặc thù riêng của nó,

117. By the "round of Being" do we mean a chain round?

117. Với "cuộc tuần hoàn của Bản Thể", chúng ta có muốn nói đến một cuộc tuần hoàn của dãy không?

118. Obviously the rates of spiralling are different depending on the ray.

118. Hiển nhiên các tốc độ xoắn ốc là khác nhau tùy theo cung.

119. We see that Monads do, indeed, spiral through a "round of Being". We are not speaking only of the spiraling of egos in egoic groups.

119. Chúng ta thấy rằng các Chân thần quả thực xoắn ốc xuyên qua một "cuộc tuần hoàn của Bản Thể". Chúng ta không chỉ nói về sự xoắn ốc của các chân ngã trong các nhóm chân ngã.

120. When we speak of human Monads composing the centres of a Planetary Logos, we can mean to things:

120. Khi nói về các Chân thần nhân loại cấu thành các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta có thể muốn nói hai điều:

a. That Monads per se, and unencumbered by lower vehicles, compose those centers. These would be centers upon the monadic plane

a. Rằng chính các Chân thần, không bị vướng bận bởi các vận cụ thấp, cấu thành các trung tâm ấy. Đây sẽ là các trung tâm trên cõi chân thần

b. That Monads expressing within the spiritual triad and upon the higher mental plane through egoic lotuses compose these planetary logoic centers, which would be

b. Rằng các Chân thần biểu lộ trong Tam nguyên tinh thần và trên Cõi thượng trí qua các Hoa Sen Chân Ngã cấu thành các trung tâm hành tinh thượng đế này, vốn sẽ là các

lesser centers than monadic centers on the monadic plane.

trung tâm nhỏ hơn các trung tâm chân thần trên cõi chân thần.

and will demonstrate qualities and motions different from its brothers.

và sẽ biểu lộ những phẩm tính và chuyển động khác với các huynh đệ của nó.

121. What distinguishes the different groups of Monads working through the various centers of the Heavenly Man?

121. Điều gì phân biệt các nhóm Chân thần khác nhau đang hoạt động qua các trung tâm khác nhau của Đấng Thiên Nhân?

a. Different “activity problems”

a. Những “vấn đề hoạt động” khác nhau

b. Difference qualities

b. Những phẩm tính khác nhau

c. Different motions

c. Những chuyển động khác nhau

122. All of these are related to karmic law demonstrating in different ways according to the nature of the group affected.

122. Tất cả những điều này đều liên hệ với định luật nghiệp quả biểu hiện theo những cách khác nhau tùy theo bản chất của nhóm bị ảnh hưởng.

For instance, through withdrawal of energy and not through basic inertia those monads who are the sum total of the **centre of creative force of the Heavenly Man**

Chẳng hạn, thông qua sự rút lui năng lượng chứ không phải do quán tính căn bản, những chân thần là tổng số của **trung tâm của mãnh lực sáng tạo của Đấng Thiên Nhân**

123. This is, apparently, the sacral center of the Heavenly Man.

123. Đây, rõ ràng, là trung tâm xương cùng của Đấng Thiên Nhân.

124. If we are speaking of the sacral center, then it is apparent that human Monads can be go to the constitution of the lower centers of the Heavenly Man as well as the higher centers such as the throat center, heart center and head center.

124. Nếu chúng ta đang nói về trung tâm xương cùng, thì rõ ràng là các Chân thần nhân loại có thể đi vào cấu tạo của các trung tâm thấp của Đấng Thiên Nhân cũng như các trung tâm cao hơn như trung tâm cổ họng, trung tâm tim và trung tâm đầu.

show qualities of violent [Page 1106] reaction on the physical plane against certain "laws of nature"

biểu lộ những phẩm tính phản ứng [Page 1106] mãnh liệt trên cõi hồng trần chống lại một số “định luật của bản chất”

125. These may be considered laws governing natural sexuality. It can be

125. Những điều này có thể được xem là các định luật chi phối tính dục tự nhiên. Có thể

inferred that these human beings revolt against such laws and engage in various perversions.

suy ra rằng những con người này nổi loạn chống lại các định luật ấy và dính líu vào nhiều sự lệch lạc khác nhau.

126. We must remember, however, that correspondences to the sacral center in the Heavenly Man can be found not only on the systemic etheric plane but on the monadic plane as well, where such a center would be considered, presumably, that part of the head center of the Heavenly Man which correlated to His sacral center.

126. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng các tương ứng với trung tâm xương cùng trong Đấng Thiên Nhân không chỉ được tìm thấy trên cõi dĩ thái của hệ mà còn trên cõi chân thần nữa, nơi một trung tâm như thế có lẽ sẽ được xem là phần của trung tâm đầu của Đấng Thiên Nhân tương ứng với trung tâm xương cùng của Ngài.

and in the period of their transition from the lowest centre

và trong giai đoạn chuyển dịch của họ từ trung tâm thấp nhất

127. Again, the sacral center…

127. Một lần nữa, trung tâm xương cùng…

to the throat centre of the Heavenly Man, betray **qualities of revolt which make them a puzzle to their brothers**.

đến trung tâm cổ họng của Đấng Thiên Nhân, bộc lộ **những phẩm tính nổi loạn khiến họ trở thành một điều khó hiểu đối với các huynh đệ của họ**.

128. We see that certain types of human behavior have their deep occult roots in monadic transfer. Causes of obvious behavior, therefore, are not always so obvious.

128. Chúng ta thấy rằng một số loại hành vi của con người có những gốc rễ huyền bí sâu xa trong sự chuyển dịch chân thần. Vì vậy, các nguyên nhân của hành vi hiển nhiên không phải lúc nào cũng hiển nhiên.

129. We also are given to understand that simply because a Monad is associated with a particular center in a Heavenly Man does not mean that that Monad will always remain part of that center.

129. Chúng ta cũng được cho hiểu rằng chỉ vì một Chân thần gắn liền với một trung tâm đặc biệt trong một Đấng Thiên Nhân không có nghĩa là Chân thần ấy sẽ luôn luôn vẫn là một phần của trung tâm đó.

We have now to consider the "**frictional activity**" of the mental sheath, and the activity of the sheath as it manifests as absorption.

Giờ đây chúng ta phải xem xét "**hoạt động ma sát**" của thể vỏ trí tuệ, và hoạt động của thể vỏ khi nó biểu hiện như sự hấp thụ.

130. These are the two remaining categories.

130. Đây là hai loại còn lại.

These two concern, let us remember, the motion of the **mental sheath as a whole**. The result of this activity is **rotary-spiral progressive** action.

Xin nhớ rằng hai loại này liên quan đến chuyển động của **thể vỏ trí tuệ như một toàn thể**. Kết quả của hoạt động này là tác động **quay-xoắn ốc-tiến triển**.

131. The two foregoing types of activity (Separation and Momentum) involved not only the motion of the mental sheath as a whole, but the motion of aspects of the mental sheath.

131. Hai loại hoạt động vừa nói trên (Phân Ly và Động Lượng) không chỉ bao hàm chuyển động của thể vỏ trí tuệ như một toàn thể, mà còn cả chuyển động của các phương diện của thể vỏ trí tuệ.

132. We note how, in this section, DK is tending to discuss "rotary-spiral progressive" action instead of "spiral-cyclic activity". He also uses the term "spiral-progressive motion".

132. Chúng ta lưu ý rằng trong phần này, Chân sư DK có xu hướng bàn về tác động "quay-xoắn ốc-tiến triển" thay vì "hoạt động xoắn ốc-chu kỳ". Ngài cũng dùng thuật ngữ "chuyển động xoắn ốc-tiến triển".

Frictional activity. This, as is apparent from the words, deals with the "Fire by friction" aspect of substance, and therefore with the lowest aspect of the energy of the mental sheath.

Hoạt động ma sát. Điều này, như hiển nhiên từ chính các từ ngữ, liên quan đến phương diện "Lửa ma sát" của chất liệu, và do đó liên quan đến phương diện thấp nhất của năng lượng của thể vỏ trí tuệ.

133. Can we infer, then, that the foregoing types of activity—Separation and Momentum—dealt with higher aspects of the energy of the mental sheath?

133. Vậy thì, chúng ta có thể suy ra rằng các loại hoạt động vừa nói trên—Phân Ly và Động Lượng—đã liên quan đến các phương diện cao hơn của năng lượng của thể vỏ trí tuệ chăng?

The force of the Life within the sheath manifests in the attractive and repulsive action of the individual atoms, and this constant and ceaseless interplay results in the "occult heat" of the body, and its increased radiation.

Mãnh lực của Sự sống bên trong thể vỏ biểu hiện trong tác động hút và đẩy của các nguyên tử cá biệt, và sự tương tác liên tục không ngừng này tạo ra "nhiệt huyền bí" của thể, cùng sự bức xạ gia tăng của nó.

134. Increasing interplay results in increasing "occult heat". Increasing occult heat results in increased radiation.

134. Sự tương tác gia tăng dẫn đến "nhiệt huyền bí" gia tăng. Nhiệt huyền bí gia tăng dẫn đến sự bức xạ gia tăng.

135. We can also assume that that "attractive and repulsive action" results in

135. Chúng ta cũng có thể giả định rằng "tác động hút và đẩy" ấy dẫn đến sự tương tác ma

frictional interplay, and not only in form-building.

sát, chứ không chỉ dẫn đến việc xây dựng hình tướng.

136. Thus we see that the effects of the Law of Attraction (associated with the second aspect of divinity) can also be related to the fire of the third aspect of divinity (fire by friction)

136. Do đó, chúng ta thấy rằng các hiệu quả của Định luật Hấp Dẫn (gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính) cũng có thể liên hệ với lửa của phương diện thứ ba của thiên tính (lửa ma sát)

It is one of the factors also which produces the gradual building in of new atoms of substance (ever of a better and more adequate quality) and **the expulsion of that which fails to suffice as a medium for intelligent expression**.

Đây cũng là một trong những yếu tố tạo ra việc dần dần xây dựng vào các nguyên tử mới của chất liệu (luôn luôn có phẩm chất tốt hơn và thích đáng hơn) và **sự tống xuất những gì không đủ để làm môi trường cho sự biểu lộ thông minh**.

137. "Attractive and repulsive action" produces the exchange of substances—the building in of atoms of substance of higher quality and the ejection of atoms of insufficient quality.

137. "Tác động hút và đẩy" tạo ra sự trao đổi chất liệu—việc xây dựng vào các nguyên tử chất liệu có phẩm chất cao hơn và sự tống ra các nguyên tử có phẩm chất không đủ.

138. Three factors, then, lead to this type of substitution:

138. Vậy thì, có ba yếu tố dẫn đến loại thay thế này:

a. The use of the OM

a. Việc sử dụng OM

b. The natural purifying effect of the kundalini

b. Tác dụng thanh lọc tự nhiên của kundalini

c. Attractive and repulsive action between the atoms of any sheath

c. Tác động hấp dẫn và đẩy lui giữa các nguyên tử của bất kỳ thể nào

The mental unit is the synthesis of the four types of force with which we are dealing, and of the four expressions of it which we are in process of considering.

Đơn vị hạ trí là sự tổng hợp của bốn loại mãnh lực mà chúng ta đang đề cập đến, và của bốn biểu hiện của nó mà chúng ta đang trong tiến trình xem xét.

139. Here we have a very interesting statement: the mental unit expresses itself in four type of force expression:

139. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất thú vị: đơn vị hạ trí tự biểu lộ qua bốn loại biểu hiện của mãnh lực:

a. Separation

b. Momentum

c. Frictional Activity

d. Absorption

140. For each of these four, a different type of *force* is responsibility, and the mental unit is the synthesis of these forces.

141. Probably there is one subplane of the mental plane which is most associated with one of the four types of activity.

Each of the **groups of lives which are the living essence of four subplanes**

142. The living essence of *each* of the four mental subplanes is a *group* of lives.

and which focalise through one of the spirillae of the unit

143. Each subplane of the mental plane has a distinctive type of force, and each of these types focuses particularly through one of the spirillae of the mental unit.

144. Shall we consider this association with Separation correlating to the fourth subplane of the mental plane or Absorption?

and thus influence

a. The sheath itself

b. The man on the physical plane

a. Sự tách biệt

b. Động lượng

c. Hoạt động ma sát

d. Sự hấp thụ

140. Đối với mỗi loại trong bốn loại này, một loại *mãnh lực* khác nhau chịu trách nhiệm, và đơn vị hạ trí là sự tổng hợp của các mãnh lực này.

141. Có lẽ có một cõi phụ của cõi trí gắn bó nhiều nhất với một trong bốn loại hoạt động.

Mỗi **nhóm sự sống là tinh chất sống động của bốn cõi phụ**

142. Tinh chất sống động của *mỗi* trong bốn cõi phụ trí tuệ là một *nhóm* sự sống.

và được hội tụ qua một trong các loa tuyến của đơn vị

143. Mỗi cõi phụ của cõi trí có một loại mãnh lực đặc thù, và mỗi loại này hội tụ đặc biệt qua một trong các loa tuyến của đơn vị hạ trí.

144. Chúng ta có nên xem sự liên hệ này với Sự tách biệt là tương ứng với cõi phụ thứ tư của cõi trí hay với Sự hấp thụ chăng?

và như thế ảnh hưởng đến

a. Chính thể ấy

b. Con người trên cõi hồng trần

express in greater or less degree these four qualities.

145. Yet, there is a pervasive effect, for each of the four activities is expressed by each of the four groups of lives.

146. We see that the groups of lives associated with each of the four mental subplanes, have an effect upon the mental sheath, the man on the physical plane and on a certain part of the head center correlated to that group of lives of essences. This means that within the head center is are four centers, each of which correlates to one of the spirillae of the mental unit and most specifically to one of the four force expressions under discussion.

147. The lines of connection from one plane to another are important to bear in mind.

It might be noted here that the groups are called certain names by some occult teachers, which names convey [Page 1107] the idea of the active enterprise which is their predominant function.

148. We are about to name the groups of lives or essences to be found on the four subplanes of the lower mental plane.

The "Lives" on the fourth subplane (that on which mental unit has its place) are called **"The absorbers of the above and the below" or the "Transmitting faces of the fourth order."**

149. These are fascinating names for a most important transitional group. The goal of

biểu lộ ở mức độ nhiều hay ít bốn phẩm tính này.

145. Tuy nhiên, có một tác động lan tỏa, vì mỗi một trong bốn hoạt động đều được biểu lộ bởi mỗi một trong bốn nhóm sự sống.

146. Chúng ta thấy rằng các nhóm sự sống gắn liền với mỗi một trong bốn cõi phụ trí tuệ có tác động lên thể trí, con người trên cõi hồng trần, và lên một phần nhất định của trung tâm đầu tương ứng với nhóm sự sống tinh chất ấy. Điều này có nghĩa là bên trong trung tâm đầu có bốn trung tâm, mỗi trung tâm tương ứng với một trong các loa tuyến của đơn vị hạ trí và đặc biệt nhất với một trong bốn biểu hiện của mãnh lực đang được bàn đến.

147. Các đường liên kết từ cõi này sang cõi khác là điều quan trọng cần ghi nhớ.

Cần lưu ý ở đây rằng các nhóm này được một số huấn sư huyền bí gọi bằng những tên nhất định, những tên ấy truyền đạt [Page 1107] ý niệm về hoạt động tích cực vốn là chức năng nổi trội của chúng.

148. Chúng ta sắp nêu tên các nhóm sự sống hay các tinh chất được tìm thấy trên bốn cõi phụ của cõi hạ trí.

Các "Sự Sống" trên cõi phụ thứ tư (cõi mà đơn vị hạ trí có vị trí của nó) được gọi là **"Những kẻ hấp thụ cái ở trên và cái ở dưới" hoặc "Các khuôn mặt truyền dẫn của cấp bậc thứ tư."**

149. Đây là những tên gọi đầy hấp dẫn dành cho một nhóm chuyển tiếp cực kỳ quan

the human personality is to achieve mental focus upon the fourth subplane of the mental plane from which the first stages of true soul contact can be consciously launched.

trọng. Mục tiêu của phàm ngã con người là đạt được tập trung trí tuệ trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, từ đó những giai đoạn đầu tiên của sự tiếp xúc linh hồn chân chính có thể được khởi phát một cách hữu thức.

150. The name seems implies the ability to synthesize the three lower subplanes of the mental plane and perhaps all that transpires within the personality on the lower seventeen subplanes.

150. Tên gọi này dường như hàm ý khả năng tổng hợp ba cõi phụ thấp của cõi trí và có lẽ cả mọi điều diễn ra trong phàm ngã trên mười bảy cõi phụ thấp hơn.

151. The fourth order relates to the subplane on which these lives are found. It would seem that they are able to transmit soul energy from above and, possibly, transmit personality aspiration and intention towards the soul.

151. Cấp bậc thứ tư liên hệ đến cõi phụ nơi các sự sống này được tìm thấy. Dường như chúng có khả năng truyền năng lượng linh hồn từ bên trên xuống và, có thể, truyền khát vọng và ý định của phàm ngã hướng về linh hồn.

152. That they are called "faces" is of interest. The "face" is the most recognizable point of *identity,* and the personality is the first phase of integrated, self-conscious identity.

152. Việc chúng được gọi là "các khuôn mặt" thật đáng chú ý. "Khuôn mặt" là điểm dễ nhận biết nhất của *bản sắc,* và phàm ngã là giai đoạn đầu tiên của bản sắc tích hợp, có ngã thức.

153. We remember that we are dealing with certain devic lives, (in the book they are called "Lives") and their functions. Is something meant to be conveyed by the capitalization of the term or is this simply an editor's choice without other significance?

153. Chúng ta nhớ rằng mình đang đề cập đến một số sự sống thiên thần, (trong sách chúng được gọi là "Các Sự Sống") và các chức năng của chúng. Việc viết hoa thuật ngữ này có nhằm truyền đạt điều gì đó không, hay đây chỉ đơn thuần là lựa chọn biên tập không có ý nghĩa nào khác?

154. When the term "transmitter" is used in connection with a group of devas., that group is usually, relatively, a high group.

154. Khi thuật ngữ "kẻ truyền dẫn" được dùng liên hệ với một nhóm thiên thần, thì nhóm ấy thường là, một cách tương đối, một nhóm cao.

They receive energy and absorb from the Ego on the one hand in the first stage of the incarnation process,

Chúng tiếp nhận năng lượng và hấp thụ từ Chân ngã ở một phía trong giai đoạn đầu của tiến trình lâm phàm,

155. The Ego's energy is always feeding the development of the personality even in the very early stages of the incarnational process.

155. Năng lượng của Chân ngã luôn luôn nuôi dưỡng sự phát triển của phàm ngã ngay cả trong những giai đoạn rất sớm của tiến trình nhập thể.

156. Of course, DK could be speaking of the first stage of the process which leads to a particular incarnation and not to the entire process as a whole. Yet immediately below we learn that DK is definitely talking about the incarnational process (consisting of many individual incarnations) it its entirety.

156. Dĩ nhiên, Chân sư DK có thể đang nói về giai đoạn đầu của tiến trình dẫn đến một lần nhập thể cụ thể chứ không phải toàn bộ tiến trình như một tổng thể. Tuy nhiên, ngay bên dưới chúng ta biết rằng Chân sư DK chắc chắn đang nói về tiến trình nhập thể (gồm nhiều lần nhập thể cá biệt) trong toàn bộ của nó.

and on the other absorb the energies of the personality at the close of the period of manifestation.

và ở phía khác hấp thụ các năng lượng của phàm ngã vào lúc kết thúc thời kỳ biểu hiện.

157. Yes, it is the energies of the entire personality which these "transmitting faces" absorb. We would have to look into its synthetic function in relation to the two lower permanent atoms. It appears that these lives do not absorb *only* the energies of the lower three mental subplanes.

157. Đúng vậy, chính các năng lượng của toàn bộ phàm ngã mà những "khuôn mặt truyền dẫn" này hấp thụ. Chúng ta sẽ phải khảo sát chức năng tổng hợp của nó trong liên hệ với hai nguyên tử trường tồn thấp hơn. Có vẻ như các sự sống này không hấp thụ *chỉ* các năng lượng của ba cõi phụ trí tuệ thấp hơn.

158. We must remember that the forces accumulated in the members of the atomic triangle must be absorbed in some manner by the higher permanent atoms at the time of the fourth initiation.

158. Chúng ta phải nhớ rằng các mãnh lực tích lũy trong các thành viên của tam giác nguyên tử phải được các nguyên tử trường tồn cao hơn hấp thụ theo một cách nào đó vào thời điểm của lần điểm đạo thứ tư.

159. We will find that this particular group of lives functions according to both the first and last type of the four activities we have been studying: Separation and Absorption.

159. Chúng ta sẽ thấy rằng nhóm sự sống đặc biệt này hoạt động theo cả loại đầu tiên lẫn loại cuối cùng trong bốn hoạt động mà chúng ta đã nghiên cứu: Sự tách biệt và Sự hấp thụ.

They have, therefore, an activity which might be regarded as corresponding to the first aspect.

Do đó, chúng có một hoạt động có thể được xem là tương ứng với phương diện thứ nhất.

160. They are synthesizers just as the first aspect plays a synthesizing function. They are also found on the highest sub-level of the first (i.e., mental) level of the personality, hence the association with the number one.

160. Chúng là những kẻ tổng hợp cũng như phương diện thứ nhất đảm nhiệm một chức năng tổng hợp. Chúng cũng được tìm thấy trên cõi phụ cao nhất của cấp độ thứ nhất (tức trí tuệ) của phàm ngã, vì thế có sự liên hệ với số một.

When it is remembered that the cosmic process repeats itself on every plane, **and that the Ego in the three worlds stands for the unmanifested,** it will be seen that they are the **primal separators**, and the final "destroyers." [or absorbers].

Khi nhớ rằng tiến trình vũ trụ lặp lại trên mọi cõi, **và rằng Chân ngã trong ba cõi giới tượng trưng cho cái không biểu hiện,** người ta sẽ thấy rằng chúng là những **kẻ phân ly nguyên sơ**, và là những "kẻ hủy diệt" cuối cùng. [hay những kẻ hấp thụ].

161. Even though the newly incarnating human being does not yet have mental powers associated with the fourth subplane of the mental plane, these lives help to create a separated consciousness for the Ego-in-incarnation. They also contribute, one would think, to the destruction of the causal body at the fourth initiation when "the form… shatters the connection" (EH 502, Law X).

161. Mặc dù con người mới nhập thể chưa có các năng lực trí tuệ gắn với cõi phụ thứ tư của cõi trí, các sự sống này giúp tạo ra một tâm thức tách biệt cho Chân ngã đang lâm phàm. Người ta cũng có thể nghĩ rằng chúng góp phần vào sự hủy diệt thể nguyên nhân trong lần điểm đạo thứ tư khi "hình tướng… phá vỡ mối liên kết" (EH 502, Định luật X).

162. The role of the mental unit and of these lives native to the fourth subplane of the mental plane must be understood.

162. Vai trò của đơn vị hạ trí và của các sự sống bản địa nơi cõi phụ thứ tư của cõi trí phải được thấu hiểu.

163. These lives, it must be assumed, utilize the first spirilla of the mental unit.

163. Phải giả định rằng các sự sống này sử dụng loa tuyến thứ nhất của đơn vị hạ trí.

164. If we take the analogy, the lives of each subplane within those subplanes found within the personality, will utilize a spirilla of a particular permanent atom which corresponds to the number of the subplane.

164. Nếu chúng ta lấy theo phép tương đồng, các sự sống của mỗi cõi phụ trong những cõi phụ được tìm thấy trong phàm ngã sẽ sử dụng một loa tuyến của một nguyên tử trường tồn đặc thù tương ứng với số của cõi phụ ấy.

The lives of the next plane (which utilise the second spirilla of the mental unit) are called

Các sự sống của cõi kế tiếp (những sự sống sử dụng loa tuyến thứ hai của đơn vị hạ trí)

"The interacting points of cyclic momentum."

được gọi là **"Những điểm tương tác của động lượng chu kỳ."**

165. These are the lives of the fifth subplane of the mental plane (counting from above).. Notice that these deva lives are called "points". Men too, in their monadic nature, are called "points". Those treading the Path to Sirius are called "blissful dancing points of fanatical devotion". It is important for focus on those terms which indicate the essence of any being. The term "points" in relation to devic lives is used several times in different contexts.

165. Đây là các sự sống của cõi phụ thứ năm của cõi trí (đếm từ trên xuống). Hãy lưu ý rằng các sự sống thiên thần này được gọi là "những điểm". Con người cũng vậy, trong bản chất chân thần của mình, được gọi là "những điểm". Những ai đang bước trên Con đường đến Sirius được gọi là "những điểm nhảy múa chí phúc của lòng sùng tín cuồng nhiệt". Điều quan trọng là tập trung vào những thuật ngữ chỉ ra tinh chất của bất kỳ hữu thể nào. Thuật ngữ "những điểm" liên hệ với các sự sống thiên thần được dùng nhiều lần trong những ngữ cảnh khác nhau.

These points **which gather momentum** through the process of attraction and repulsion represent,

Những điểm này **thu nhận động lượng** qua tiến trình hấp dẫn và đẩy lui biểu hiện,

166. The interaction is caused by the Law of Attraction and Repulsion. It is fitting that these points work under this second law because they are found upon the second subplane of the four lower mental subplanes.

166. Sự tương tác được gây ra bởi Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui. Thật thích hợp khi những điểm này hoạt động dưới định luật thứ hai này vì chúng được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai trong bốn cõi phụ hạ trí.

167. Notice how the Law of Attraction and Repulsion is involved in the generation of momentum. The Law of Attraction and Repulsion is involved in the increase of *mass* (through form building). It also contributes to the increase of the rapidity or velocity of vibratory activity.

167. Hãy lưu ý cách Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui tham gia vào việc tạo ra động lượng. Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui tham gia vào sự gia tăng *khối lượng* (thông qua việc xây dựng hình tướng). Nó cũng góp phần làm tăng sự mau lẹ hay vận tốc của hoạt động rung động.

168. When considering the factor of momentum in our psychological lives, it is interesting to speculated upon the effect of the Law of Attraction and Repulsion in producing this momentum.

168. Khi xem xét yếu tố động lượng trong đời sống tâm lý của chúng ta, thật thú vị khi suy đoán về tác động của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui trong việc tạo ra động lượng này.

in the mental body, *dual force,* for it is only through the coming together and the separation of atoms, great and small, macrocosmic and microcosmic, that manifestation of any kind becomes possible.

trong thể trí, *mãnh lực kép,* vì chỉ thông qua sự đến gần nhau và tách rời nhau của các nguyên tử, lớn và nhỏ, đại thiên địa và tiểu thiên địa, mà bất kỳ loại biểu hiện nào mới trở nên khả hữu.

169. We can see the relation between the numbers five and two. These lives are located on the fifth subplane of the entire mental plane but on the second subplane of the four lower, concrete mental subplanes.

169. Chúng ta có thể thấy mối liên hệ giữa các số năm và hai. Các sự sống này nằm trên cõi phụ thứ năm của toàn bộ cõi trí nhưng trên cõi phụ thứ hai của bốn cõi phụ hạ trí cụ thể.

170. Through the Law of Attraction and Repulsion, atoms are separated from each other and come together in forms. The Law of Attraction separates various corresponding atoms from the general mixture and builds them into forms through magnetic power.

170. Thông qua Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui, các nguyên tử tách rời nhau và tụ lại trong các hình tướng. Định luật Hấp Dẫn tách các nguyên tử tương ứng khác nhau ra khỏi hỗn hợp chung và xây dựng chúng thành các hình tướng bằng quyền năng từ tính.

171. "The dual forces of the plane whereon the vital power which must be sought are seen" (TCF 1013) This plane is, particularly, the astral plane—the plane ruled very much very much by the Law of Attraction and Repulsion just as the second of the concrete mental subplanes demonstrates that law to a significant extent.

171. "Các mãnh lực kép của cõi nơi quyền năng thiết yếu phải được tìm kiếm được nhìn thấy" (TCF 1013) Cõi này đặc biệt là cõi cảm dục—cõi được cai quản rất nhiều bởi Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lui, cũng như cõi phụ thứ hai của các cõi phụ hạ trí cụ thể biểu lộ định luật ấy ở một mức độ đáng kể.

172. By analogy it would not be too much to suppose that the lives of the first subplane of the lower mental place correlated with the lower mental body as a whole; that the lives of the second/fifth subplane correlated with the astral plane; that the lives of the third/sixth subplane correlate with the etheric body: and the lives or the lowest of the subplanes of the lower mental body correlated with the dense physical body.

172. Theo phép tương đồng, sẽ không quá đáng nếu giả định rằng các sự sống của cõi phụ thứ nhất của cõi hạ trí tương ứng với toàn bộ thể hạ trí; rằng các sự sống của cõi phụ thứ hai/thứ năm tương ứng với cõi cảm dục; rằng các sự sống của cõi phụ thứ ba/thứ sáu tương ứng với thể dĩ thái; và rằng các sự sống của cõi thấp nhất trong các cõi phụ của thể hạ trí tương ứng với thể xác đậm đặc.

173. As attraction and repulsion continue their work upon any field of matter/form, the momentum/rapidity of the matter

173. Khi hấp dẫn và đẩy lui tiếp tục công việc của chúng trên bất kỳ trường vật chất/hình tướng nào, động lượng/sự mau lẹ của

within those forms increases. Another way to consider this is that harmony produces momentum. The various constituents of the mental body are drawn into harmonious aggregations. Inharmonious mixtures slow momentum.

vật chất bên trong các hình tướng ấy gia tăng. Một cách khác để xem xét điều này là sự hài hòa tạo ra động lượng. Các thành phần khác nhau của thể trí được hút vào những tập hợp hài hòa. Những hỗn hợp bất hòa làm chậm động lượng.

174. We notice that these four types of lives found on the mental subplanes are functioning according to the four factors: Separation, Momentum, Frictional Activity and Absorption.

174. Chúng ta nhận thấy rằng bốn loại sự sống này được tìm thấy trên các cõi phụ trí tuệ đang hoạt động theo bốn yếu tố: Sự tách biệt, Động lượng, Hoạt động ma sát và Sự hấp thụ.

On the subplane which is formed of lives functioning through the third spirilla,

Trên cõi phụ được cấu thành bởi các sự sống hoạt động qua loa tuyến thứ ba,

175. The principle is clear: there is always a close connection between the subplane number and the spirilla of the main atomic unit (mental unit, astral permanent atom, physical permanent atom) which generates a particular level of activity.

175. Nguyên lý thì rõ ràng: luôn luôn có một mối liên hệ chặt chẽ giữa số của cõi phụ và loa tuyến của đơn vị nguyên tử chính (đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục, nguyên tử trường tồn hồng trần) vốn tạo ra một cấp độ hoạt động đặc thù.

are found "**the points of frictional activity**" or the "**heat producers**"

được tìm thấy "**những điểm của hoạt động ma sát**" hay "**những kẻ tạo nhiệt**"

176. Wherever there is friction there is the production of heat.

176. Bất cứ nơi nào có ma sát, ở đó có sự tạo ra nhiệt.

and these three—the absorbers,

và ba nhóm này—những kẻ hấp thụ,

177. Found of the fourth concrete mental subplane…

177. Được tìm thấy trên cõi phụ hạ trí cụ thể thứ tư…

178. We have to be careful around the terms “absorb”, “absorber”, “absorption”, as there are functions occurring in connection with the highest of these four groups (the “separators”) which are also absorptive functions.

178. Chúng ta phải cẩn thận với các thuật ngữ “hấp thụ”, “kẻ hấp thụ”, “sự hấp thụ”, vì có những chức năng diễn ra liên hệ với nhóm cao nhất trong bốn nhóm này (những “kẻ phân ly”) mà cũng là những chức năng hấp thụ.

the points of momentum,

những điểm của động lượng,

179. Found on the second concrete mental subplane…

179. Được tìm thấy trên cõi phụ hạ trí cụ thể thứ hai…

and the heat producers,

và những kẻ tạo nhiệt,

180. Found on the third concrete mental subplane…

180. Được tìm thấy trên cõi phụ hạ trí cụ thể thứ ba…

pour their united forces through the "separated lives"

tuôn các mãnh lực hợp nhất của chúng qua "những sự sống tách biệt"

181. The “separated lives” are the “transmitting faces” of the fourth (or middle) subplane of the mental plane as a whole.

181. “Những sự sống tách biệt” là “các khuôn mặt truyền dẫn” của cõi phụ thứ tư (hay cõi ở giữa) của toàn bộ cõi trí.

182. Again we are reminded of the synthetic function displayed by the highest of the four groups—the group of “separated lives”.

182. Một lần nữa chúng ta được nhắc nhở về chức năng tổng hợp được biểu lộ bởi nhóm cao nhất trong bốn nhóm—nhóm “những sự sống tách biệt”.

which form the real barrier between **the next body** and the mental sheath.

là những gì tạo thành hàng rào thực sự giữa **thể kế tiếp** và thể trí.

183. The quality of various kinds of lives makes of them “barriers” or points of transmission.

183. Phẩm tính của nhiều loại sự sống khác nhau khiến chúng trở thành “hàng rào” hay những điểm truyền dẫn.

184. “The next body” in this context, is the causal body.

184. “Thể kế tiếp” trong ngữ cảnh này là thể nguyên nhân.

This is only possible when their work is unified and synthesised.

185. The unifying and synthesizing of the four groups of lives are occult processes contributing significantly to personality integration which is accomplished very much under the direction of the lower mind.

The student must here remember that the lives are the expression of one Life but that **one or other of the spirillae will be the agency for lives which express specific qualities**.

186. There is "one Life" governing the entire lower mental plane and, in the case of the individual, governing the lower mental sheath.

187. Associated with each spirilla are certain specific qualities. Such qualities are found associated with each subplane.

We are dealing specifically with the fourth effect of motion in [Page 1108] the mental sheath as it manifests throughout the entire vehicle.

188. Is DK designating this "fourth effect" as unification and synthesis? The work of synthesis would be accomplished by means of lives found on the highest of the four concrete mental subplanes.

189. If this is the case, we see that the "separated lives" are very influential throughout the lower mental body.

Absorption: This is the **faculty**

Điều này chỉ có thể xảy ra khi công việc của chúng được hợp nhất và tổng hợp.

185. Sự hợp nhất và tổng hợp của bốn nhóm sự sống là những tiến trình huyền bí góp phần đáng kể vào sự tích hợp phàm ngã, vốn được hoàn thành phần lớn dưới sự chỉ đạo của hạ trí.

Ở đây đạo sinh phải nhớ rằng các sự sống là biểu hiện của một Sự sống nhưng rằng **loa tuyến này hay loa tuyến khác sẽ là tác nhân cho các sự sống biểu lộ những phẩm tính đặc thù**.

186. Có "một Sự sống" cai quản toàn bộ cõi hạ trí và, trong trường hợp của cá nhân, cai quản thể hạ trí.

187. Gắn với mỗi loa tuyến là những phẩm tính đặc thù nhất định. Những phẩm tính ấy được tìm thấy gắn với mỗi cõi phụ.

Chúng ta đang đề cập riêng đến hiệu quả thứ tư của chuyển động trong [Page 1108] thể trí khi nó biểu lộ xuyên suốt toàn bộ vận cụ.

188. Chân sư DK có đang chỉ định "hiệu quả thứ tư" này là sự hợp nhất và tổng hợp chăng? Công việc tổng hợp sẽ được hoàn thành nhờ các sự sống được tìm thấy trên cõi cao nhất trong bốn cõi phụ hạ trí cụ thể.

189. Nếu đúng như vậy, chúng ta thấy rằng "những sự sống tách biệt" có ảnh hưởng rất lớn xuyên suốt toàn bộ thể hạ trí.

Sự hấp thụ: Đây là **năng lực**

190. The list of four types of activities—Separation, Momentum, Frictional Activity and Absorption—are here called *faculties.* A faculty is a power or capacity to accomplish a certain objective. Such powers are usually considered to be in the possession of an *identity.*

190. Danh sách bốn loại hoạt động—Sự tách biệt, Động lượng, Hoạt động ma sát và Sự hấp thụ—ở đây được gọi là những *năng lực.* Một năng lực là một quyền năng hay khả năng để hoàn thành một mục tiêu nhất định. Những quyền năng như thế thường được xem là thuộc sở hữu của một *bản sắc.*

which produces the **forms of the mental ring-pass-not,**

tạo ra các **hình tướng của vòng-giới-hạn trí tuệ,**

191. Two of the form-producing rays—ray seven and ray four—are involved, for these lives work upon the *fourth* of the concrete mental subplanes and yet upon the *seventh* of the mental subplanes if the mental body is considered as a whole.

191. Hai cung tạo hình tướng—cung bảy và cung bốn—có liên quan, vì các sự sống này hoạt động trên cõi phụ *thứ tư* của các cõi phụ hạ trí cụ thể, nhưng đồng thời trên cõi phụ *thứ bảy* của các cõi phụ trí tuệ nếu thể trí được xét như một toàn thể.

192. We can see that the lives on this seven mental subplane are much involved in producing *concrete* mental forms.

192. Chúng ta có thể thấy rằng các sự sống trên cõi phụ trí tuệ thứ bảy này tham gia rất nhiều vào việc tạo ra các hình tướng trí tuệ *cụ thể.*

and which (at the close of the cycle)

và điều này (vào lúc kết thúc chu kỳ)

193. In the case of man, simply a cycle of incarnation…

193. Trong trường hợp của con người, đơn giản là một chu kỳ nhập thể…

is the active principle behind devachanic manifestation.

là nguyên khí hoạt động đằng sau biểu hiện devachan.

194. This is interesting, as devachan is said to occur upon the *fourth* mental subplane (whereon the "separators" or "transmitting faces" are active). Of course, through numerical resonance, the lives of the *fourth* of the *concrete* mental subplanes and their activities would correspond to the lives of the fourth of all seven mental subplanes and their activities.

194. Điều này thật thú vị, vì devachan được nói là xảy ra trên cõi phụ trí tuệ *thứ tư* (nơi các "kẻ phân ly" hay "các khuôn mặt truyền dẫn" hoạt động). Dĩ nhiên, thông qua cộng hưởng số học, các sự sống của cõi phụ *thứ tư* trong các cõi phụ hạ trí *cụ thể* và các hoạt động của chúng sẽ tương ứng với các sự sống của cõi phụ thứ tư trong toàn bộ bảy cõi phụ trí tuệ và các hoạt động của chúng.

195. In devachan one can ‘out-picture’ the forms which ‘mental-desire’ dictates.

195. Trong devachan, người ta có thể ‘phóng hiện’ các hình tướng mà ‘trí-cảm dục’ chỉ định.

The student, through a consideration of the macrocosmic process, can arrive at a knowledge of the **separation of the mental body and its individual functioning**.

Đạo sinh, thông qua việc xem xét tiến trình đại thiên địa, có thể đi đến tri thức về **sự tách biệt của thể trí và hoạt động cá biệt của nó**.

196. The mental body is to be separated from the Ego at the beginning of the incarnational process (and the beginning of *any* particular incarnational process) but the mental body must not become impermeable to egoic influence or a very serious situation can develop.

196. Thể trí phải được tách khỏi Chân ngã vào lúc bắt đầu tiến trình nhập thể (và lúc bắt đầu của *bất kỳ* tiến trình nhập thể cá biệt nào), nhưng thể trí không được trở nên không thấm đối với ảnh hưởng chân ngã, nếu không một tình huống rất nghiêm trọng có thể phát triển.

197. The sense of ‘personal individuality’ is very much related to the separation of the lower mental body from the Ego. This lower mental vehicle has an “individual functioning”.

197. Cảm thức về ‘cá tính cá nhân’ liên hệ rất nhiều với sự tách biệt của thể hạ trí khỏi Chân ngã. Vận cụ hạ trí này có một “hoạt động cá biệt”.

It is anent the process of "heavenly withdrawal" that we are speaking;

Chúng ta đang nói về tiến trình "rút lui thiên giới";

198. By this, does Master DK mean the merging of the consciousness into that state of activity called “devachan”?

198. Qua điều này, Chân sư DK có muốn nói đến sự hòa nhập của tâm thức vào trạng thái hoạt động được gọi là “devachan” chăng?

under the law of analogy it is not easily possible to follow the various steps and stages and this for the following reasons:

theo định luật tương đồng, không dễ để theo dõi các bước và giai đoạn khác nhau, và điều này là vì những lý do sau đây:

All our planes, being the cosmic physical subplanes, form the logoic physical body. At His final withdrawal from manifestation,

Tất cả các cõi của chúng ta, vì là các cõi phụ hồng trần vũ trụ, tạo thành thể xác của Thượng đế. Khi Ngài rút lui cuối cùng khỏi biểu hiện,

199. And this would be considered a type of physical death of a cosmic kind…

199. Và điều này sẽ được xem như một loại chết hồng trần có tính vũ trụ…

He functions in His cosmic astral body, and the **cosmic devachan** is as yet far from Him, and impossible to conceive of.

Ngài hoạt động trong thể cảm dục vũ trụ của Ngài, và **devachan vũ trụ** vẫn còn rất xa đối với Ngài, và không thể quan niệm được.

200. When the human being 'dies' after a particular physical incarnation, time is spent before devachan is achieved.

200. Khi con người 'chết' sau một lần nhập thể hồng trần cụ thể, một khoảng thời gian sẽ trôi qua trước khi devachan đạt được.

201. For a Being like the Solar Logos, cosmic devachan would occur on the fourth subplane of the cosmic mental plane. This is the cosmic subplane which has figured so prominently in the larger section of text under discussion in this commentary.

201. Đối với một Hữu thể như Thái dương Thượng đế, devachan vũ trụ sẽ xảy ra trên cõi phụ thứ tư của cõi trí vũ trụ. Đây là cõi phụ vũ trụ đã nổi bật rất nhiều trong phần lớn hơn của đoạn văn đang được bàn đến trong phần bình giải này.

202. During the period between solar logoic incarnations, it can be inferred that the soul-in-incarnation of the Solar Logos spends 'time' in cosmic devachan.

202. Trong thời kỳ giữa các lần nhập thể của Thái dương Thượng đế, có thể suy ra rằng linh hồn đang nhập thể của Thái dương Thượng đế dành 'thời gian' trong devachan vũ trụ.

Certain points, therefore, anent man's "rest in Heaven" are all that is possible for us to deal with.

Do đó, chỉ có thể để chúng ta bàn đến một số điểm nhất định liên quan đến "sự nghỉ ngơi trên Thiên Đàng" của con người.

203. The "rest in Heaven" is the conventional and largely unenlightened way of viewing the devachanic experience.

203. "Sự nghỉ ngơi trên Thiên Đàng" là cách nhìn thông thường và phần lớn chưa giác ngộ về kinh nghiệm devachan.

204. We can understand that certain human beings, disaffected with conditions on Earth (and largely of a sixth ray nature) will tend to court death so that they may experience devachan in perpetuity (as they imagine it).

204. Chúng ta có thể hiểu rằng một số con người, bất mãn với các điều kiện trên Trái Đất (và phần lớn có bản chất cung sáu), sẽ có khuynh hướng tìm đến cái chết để có thể trải nghiệm devachan vĩnh viễn (theo như họ tưởng tượng).

Absorption into devachan is **absorption into a definite stage of consciousness within the logoic physical body**;

Sự hấp thụ vào devachan là **sự hấp thụ vào một giai đoạn tâm thức xác định bên trong thể hành tinh của Thượng đế**;

205. It is a state of mental activity found particularly of the fourth of the mental subplanes.

205. Đó là một trạng thái hoạt động trí tuệ được tìm thấy đặc biệt trên cõi phụ thứ tư của các cõi phụ trí tuệ.

devachan, therefore, is **occultly a state of consciousness**, **but of consciousness thinking in terms of time and space in the three worlds.**

do đó, devachan **một cách huyền bí là một trạng thái tâm thức**, **nhưng là tâm thức suy nghĩ theo các phạm trù thời gian và không gian trong ba cõi giới.**

206. Devachan, therefore, has its definite limitations, because the consciousness which characterizes it is still 'time-space consciousness'. It is not a liberated state.

206. Do đó, devachan có những giới hạn xác định của nó, bởi vì tâm thức đặc trưng cho nó vẫn là 'tâm thức thời-không'. Nó không phải là một trạng thái giải thoát.

207. That is why it is possible for the incarnating consciousness to outgrow the need for it. When this occurs the desire for devachan will no longer exist and the 'fruits' of devachan will no longer be necessary.

207. Đó là lý do vì sao tâm thức nhập thể có thể vượt qua nhu cầu đối với nó. Khi điều này xảy ra, ham muốn devachan sẽ ადარ tồn tại và các 'hoa trái' của devachan cũng sẽ ადარ cần thiết nữa.

It has therefore no location for the unit of consciousness, but has **location** from the standpoint of the Heavenly Man.

Do đó, nó không có vị trí đối với đơn vị tâm thức, nhưng lại có **vị trí** theo quan điểm của Đấng Thiên Nhân.

208. Here we have an interesting statement. Presumably we are speaking of a 'subplane location' on the highest levels of the dense physical body of the Planetary Logos. Devachan is not a condition found within the causal body.

208. Ở đây chúng ta có một phát biểu thú vị. Có lẽ chúng ta đang nói đến một 'vị trí cõi phụ' trên các cấp độ cao nhất của thể xác đậm đặc của Chân Linh Hành Tinh. Devachan không phải là một trạng thái được tìm thấy trong thể nguyên nhân.

209. Within a dense physical body, 'location' is easily established. Devachan, however, is not within the dense physical body of the human unit experiencing it.

209. Trong một thể xác đậm đặc, 'vị trí' được xác lập dễ dàng. Tuy nhiên, devachan không ở trong thể xác đậm đặc của đơn vị con người đang trải nghiệm nó.

Prakriti (matter) and consciousness are—in manifestation—inseparable.

Prakriti (vật chất) và tâm thức—trong biểu hiện—là bất khả phân.

210. According to the quality of the prakriti so will be the quality of consciousness working 'through' that prakriti as a medium.

210. Theo phẩm tính của prakriti thì phẩm tính của tâm thức hoạt động 'qua' prakriti ấy như một môi giới cũng sẽ như vậy.

The "devachan" of the occult books is connected with the consciousness of the logoic planetary body,

"Devachan" của các sách huyền bí được nối kết với tâm thức của thể hành tinh của Thượng đế,

211. Literally, the dense physical body of the Planetary Logos…

211. Theo nghĩa đen, thể xác đậm đặc của Chân Linh Hành Tinh…

and with the gaseous subplane of the cosmic physical plane.

và với cõi phụ thể khí của cõi hồng trần vũ trụ.

212. Thus, the 'activities' pursued in devachan by the semi-liberated consciousness are characterized by a far reduced level of friction and a far greater mobility than is the case on lower planes.

212. Vì vậy, các 'hoạt động' được theo đuổi trong devachan bởi tâm thức bán giải thoát được đặc trưng bởi mức độ ma sát giảm đi rất nhiều và tính động lớn hơn rất nhiều so với trường hợp ở các cõi thấp hơn.

It is, consequently, transcended the moment a man begins to function in the cosmic ethers, such as the fourth cosmic ether, the buddhic plane.

Do đó, nó bị vượt bỏ ngay khi con người bắt đầu hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ, chẳng hạn như dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề.

213. We can see then that when the building of the antahkarana is well in process, the transcendence of devachan will be underway.

213. Vậy thì chúng ta có thể thấy rằng khi việc xây dựng antahkarana đang tiến triển tốt, sự vượt bỏ devachan sẽ bắt đầu diễn ra.

214. Also, it is clear that the further one advances in the initiatory process, the less attraction there will be towards devachan.

214. Ngoài ra, rõ ràng là một người càng tiến xa trong tiến trình điểm đạo, thì sức hấp dẫn đối với devachan càng ít đi.

215. Buddhic content grows rapidly in consciousness from the time the first initiation is taken. By the time of the second initiation, buddhi has entered the astral body to a significant degree (as indicated by the rulership of the second initiation by three planets associated in one way or

215. Nội dung Bồ đề tăng trưởng nhanh chóng trong tâm thức kể từ khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận. Đến lần điểm đạo thứ hai, buddhi đã đi vào thể cảm dục ở một mức độ đáng kể (như được chỉ ra bởi việc lần điểm đạo thứ hai được cai quản bởi ba hành tinh liên hệ theo cách này hay cách khác với

another with buddhi—Venus, Jupiter and Neptune).

buddhi—Sao Kim, Sao Mộc và Sao Hải Vương).

216. But when does a man begin to function *fully* within the fourth cosmic ether? Only at the fourth initiation and by that time, the need for physical incarnation is transcended altogether.

216. Nhưng khi nào con người bắt đầu hoạt động *trọn vẹn* trong dĩ thái vũ trụ thứ tư? Chỉ ở lần điểm đạo thứ tư, và đến lúc ấy, nhu cầu lâm phàm vào thể xác đã hoàn toàn được vượt qua.

It is closely allied with certain karmic forces for,

Nó liên hệ mật thiết với một số mãnh lực nghiệp quả nào đó vì,

217. Karma preoccupies one with that which he has built.

217. Nghiệp quả khiến người ta bận tâm với điều mà y đã xây dựng.

whilst in devachan, the man is occupied with the aggregate of the thought forms he has built, [Page 1109] which are essentially of an occult, a mental, and a persistent nature.

trong khi ở devachan, con người bận rộn với tổng thể những hình tư tưởng mà y đã xây dựng, [Page 1109] vốn về bản chất là huyền bí, trí tuệ và bền vững.

218. These thought-structures are, relative to the various kind of 'building' undertaken in the three lower worlds, of a higher nature.

218. Những cấu trúc tư tưởng này, xét tương đối với các loại "xây dựng" khác nhau được thực hiện trong ba cõi thấp, có bản chất cao hơn.

219. In devachan, man is preoccupied with his own thought-structures—structures which are of the highest quality he has been able to achieve. We note that these forms are *not* desire forms.

219. Trong devachan, con người bận tâm với chính các cấu trúc tư tưởng của mình—những cấu trúc có phẩm tính cao nhất mà y đã có thể đạt được. Chúng ta lưu ý rằng những hình tướng này *không* phải là những hình tướng dục vọng.

It is in devachan that the man shapes and polishes the stones which are built into the Temple of Solomon.

Chính trong devachan mà con người tạo hình và mài giũa những viên đá được xây vào Đền thờ Solomon.

220. Thus we must think of devachan not only in terms of rest and pleasure but in terms of real occult work— *necessary* work. While devachan may not be necessary for those who are treading the Path of Initiation, it is certainly necessary for the

220. Vì vậy, chúng ta phải nghĩ về devachan không chỉ theo nghĩa nghỉ ngơi và khoái lạc mà còn theo nghĩa công việc huyền bí thực sự— *công việc* cần thiết. Dù devachan có thể không cần thiết đối với những ai đang bước trên Con Đường Điểm Đạo, nhưng chắc chắn

average man and even for the relatively advanced man.

nó cần thiết đối với người trung bình và ngay cả đối với người tương đối tiến bộ.

It is the workshop to which the **individual stones (good deeds and thoughts)** are taken for **fashioning**, after being extracted from the quarry of the personal life.

Đó là xưởng làm việc mà tại đó các **viên đá riêng lẻ (những việc lành và tư tưởng tốt)** được đưa đến để **được tạo tác**, sau khi được khai thác từ mỏ đá của đời sống cá nhân.

221. We can understand that materials of a low nature are not extracted and imported into this "workshop".

221. Chúng ta có thể hiểu rằng những vật liệu có bản chất thấp không được khai thác và đưa vào "xưởng làm việc" này.

222. The Masonic allusions will be evident to all Masons.

222. Những ám chỉ theo Hội Tam Điểm sẽ hiển nhiên đối với mọi hội viên Tam Điểm.

223. Of interest is the psychic faculty to be found upon the fourth subplane of the atmic plane—"perfection". That type of perfection is far beyond anything that could be achieved in devachan, but there is a lower resonance to it to be found in devachan. The perfecting of the "individual stones" is found in devachan.

223. Điều đáng chú ý là năng lực thông linh được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của cõi atma—"sự hoàn thiện". Loại hoàn thiện ấy vượt xa bất cứ điều gì có thể đạt được trong devachan, nhưng có một sự cộng hưởng thấp hơn của nó được tìm thấy trong devachan. Sự hoàn thiện các "viên đá riêng lẻ" được tìm thấy trong devachan.

224. There is also a Vulcanian connection, for Vulcan works metals and rough stones into a state of beauty and in devachan we are dealing with the *fourth* subplane of the mental plane—hence associated with the fourth ray of Harmony, Beauty and Art. One can imagine that the devachanic period is one of pure, aesthetic joy.

224. Cũng có một liên hệ với Vulcan, vì Vulcan gia công kim loại và đá thô thành trạng thái mỹ lệ, và trong devachan chúng ta đang đề cập đến cõi phụ *thứ tư* của cõi trí—do đó liên hệ với cung bốn của Hài Hòa, Mỹ Lệ và Nghệ Thuật. Người ta có thể hình dung rằng thời kỳ devachan là một thời kỳ hoan hỉ thuần túy, thẩm mỹ.

Being of mental matter, devachan might be regarded as a centre, or heart of peace, within the periphery of the sphere of influence of the mental unit.

Vì thuộc chất liệu trí tuệ, devachan có thể được xem như một trung tâm, hay trái tim của bình an, bên trong chu vi của khối cầu ảnh hưởng của đơn vị hạ trí.

225. From the fourth ray Integration Formula: "See truly with the opened eye of inner vision and you will find, not two but one; not war but peace; not isolation but a heart which rests upon the centre. Thus

225. Từ Công Thức Tích Hợp cung bốn: "Hãy thấy chân thực bằng con mắt đã mở của linh thị bên trong và bạn sẽ tìm thấy, không phải hai mà là một; không phải chiến tranh mà là bình an; không phải cô lập mà là một trái

shall the beauty of the Lord shine forth…" (EP II 363) A minor consummation on the beauteous fourth ray is found in devachan.

tim an nghỉ nơi trung tâm. Như thế vẻ đẹp của Chúa Tể sẽ chiếu rạng…" (EP II 363) Một sự viên mãn nhỏ trên cung bốn mỹ lệ được tìm thấy trong devachan.

226. The term "deva" is found in "devachan" and so we might expect to find a type of temporary harmonization with certain member of the deva kingdom.

226. Thuật ngữ "deva" được tìm thấy trong "devachan", vì vậy chúng ta có thể mong đợi tìm thấy một loại hài hòa hóa tạm thời với một số thành viên nào đó của giới thiên thần.

The four spirillae form four protecting streams of force.

Bốn loa tuyến tạo thành bốn dòng mãnh lực bảo vệ.

227. We are learning of various functions of the spirillae. They have a protective function in relation to devachan. Probably, they do not admit currents of a disruptive kind.

227. Chúng ta đang học về nhiều chức năng khác nhau của các loa tuyến. Chúng có một chức năng bảo vệ liên hệ với devachan. Có lẽ, chúng không cho phép các dòng năng lượng có tính phá vỡ đi vào.

228. Force fields of various kinds can serve a protective function.

228. Các trường lực thuộc nhiều loại khác nhau có thể đảm nhiệm một chức năng bảo vệ.

A correspondence to this stream of force can be seen in the four rivers which emanated from the Garden of Eden.

Một tương ứng với dòng mãnh lực này có thể được thấy trong bốn con sông phát xuất từ Vườn Địa Đàng.

229. Every important symbol found in the various scriptures of the world rests upon certain underlying occult realities.

229. Mọi biểu tượng quan trọng được tìm thấy trong các kinh điển khác nhau của thế giới đều dựa trên những thực tại huyền bí nền tảng nhất định.

230. The "Garden of Eden" in this case, is a force field generated by the mental unit and its four spirillae. Thus is the great Teaching both concealed and revealed (to those who have eyes to see).

230. "Vườn Địa Đàng" trong trường hợp này là một trường lực được tạo ra bởi đơn vị hạ trí và bốn loa tuyến của nó. Như vậy Giáo Huấn vĩ đại vừa được che giấu vừa được mặc khải (đối với những ai có mắt để thấy).

231. From this perspective, most fairly advanced human beings return to a kind of Garden of Eden between incarnations.

231. Từ góc nhìn này, phần lớn những con người khá tiến bộ đều trở về một loại Vườn Địa Đàng giữa các lần nhập thể.

Out of this garden man is driven into the world of physical incarnation and the Angel with the flaming sword protects the entrance,

Từ khu vườn này con người bị đẩy vào thế giới lâm phàm hồng trần, và Thiên Thần với thanh gươm rực lửa bảo vệ lối vào,

232. It would seem that the “Angel with the flaming sword” guards not only the world of the causal body, but the field of activity known as devachan on the fourth subplane of the mental plane.

232. Có vẻ như “Thiên Thần với thanh gươm rực lửa” không chỉ canh giữ thế giới của thể nguyên nhân, mà còn cả trường hoạt động được biết đến là devachan trên cõi phụ thứ tư của cõi trí.

driving him back from entry until the time comes when evolution has progressed so far that he can come to the portal laden with stones which can withstand the action of fire.

đẩy y trở lui không cho vào cho đến khi thời điểm đến, khi tiến hoá đã tiến xa đến mức y có thể đến trước cổng mang theo những viên đá có thể chịu được tác động của lửa.

233. This is another way of saying that primitive man has little if any devachanic experience. Early man has not yet been able to extract from the quarries of life such stones as can withstand the action of fire.

233. Đây là một cách khác để nói rằng con người nguyên thủy có rất ít, nếu có, kinh nghiệm devachan. Con người thời kỳ đầu chưa thể khai thác từ các mỏ đá của đời sống những viên đá có thể chịu được tác động của lửa như thế.

234. Yet there are other and lower levels of those states which are conventionally called “heaven” or “paradise”, and those levels, also, carry adequate compensation to disincarnate human beings longing for rest, peace and happiness.

234. Tuy vậy, vẫn có những cấp độ khác và thấp hơn của những trạng thái vốn theo quy ước được gọi là “thiên đàng” hay “địa đàng”, và những cấp độ ấy cũng mang lại sự bù đắp thích đáng cho những con người đã lìa xác đang khao khát nghỉ ngơi, bình an và hạnh phúc.

When he submits these stones to the fire

Khi y đặt những viên đá này vào lửa

235. Note the Vulcanian imagery.

235. Hãy lưu ý hình ảnh Vulcan.

and they stand the test, he can enter "Heaven" again, **his time though being limited by the nature and the quality of what he brought.**

và chúng vượt qua được phép thử, y có thể lại bước vào "Thiên Đàng", **nhưng thời gian của y bị giới hạn bởi bản chất và phẩm tính của điều y đã mang đến.**

236. These are fascinating and inspiring thoughts, yet indicate an activity which the true disciple must forego.

236. Đây là những tư tưởng hấp dẫn và truyền cảm hứng, tuy nhiên chúng chỉ ra một hoạt động mà người đệ tử chân chính phải từ bỏ.

237. DK is telling us that one can only enter devachan when one has brought that which can successfully be submitted to the devachanic process. If there is to be "rest from one's labors" the "labors" must have been sufficient to warrant the "rest".

237. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng người ta chỉ có thể đi vào devachan khi đã mang đến điều gì đó có thể được đưa qua tiến trình devachan một cách thành công. Nếu phải có "sự nghỉ ngơi sau lao nhọc", thì những "lao nhọc" ấy hẳn phải đủ để xứng đáng với "sự nghỉ ngơi".

When the consciousness within devachan **has absorbed all the essences of life experience** even that locality, or that aspect of matter, cannot enfold him, **and he escapes from limitation into the causal vehicle.**

Khi tâm thức bên trong devachan **đã hấp thụ mọi tinh túy của kinh nghiệm sống** thì ngay cả nơi chốn ấy, hay phương diện ấy của vật chất, cũng không thể bao bọc y nữa, **và y thoát khỏi giới hạn để đi vào vận cụ nguyên nhân.**

238. Devachan, for all its apparent joys, is a state of limitation and illusion.

238. Devachan, với tất cả những niềm vui bề ngoài của nó, là một trạng thái giới hạn và ảo tưởng.

239. In devachan, the essences of life experience are absorbed and, it may be inferred, built into the causal vehicle as permanent faculty.

239. Trong devachan, những tinh túy của kinh nghiệm sống được hấp thụ và, có thể suy ra, được xây vào vận cụ nguyên nhân như năng lực thường tồn.

240. In matters of occult development, one is not confined to any energy field without purpose.

240. Trong các vấn đề phát triển huyền bí, người ta không bị giam trong bất kỳ trường năng lượng nào mà không có mục đích.

241. From a certain perspective, devachan is Saturnian in nature and represents the final ring-pass-not within the worlds of form. From this perspective, entrance into the causal body after having exhausted the absorptive processes, is a liberative, Jupiterian experience.

241. Từ một góc nhìn nào đó, devachan có bản chất Saturn và tượng trưng cho vòng-giới-hạn cuối cùng bên trong các thế giới hình tướng. Từ góc nhìn này, việc đi vào thể nguyên nhân sau khi đã làm cạn kiệt các tiến trình hấp thụ là một kinh nghiệm giải thoát mang tính Sao Mộc.

S9S4 Part I

TCF 1110-1112

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

2. Motion in the Causal Body.

We have studied somewhat this activity as it manifests in fourfold fashion in the **mental sheath**

1. The fourfold motion of the *lower* mental body…

and the reason that there has not been much to say anent this matter has been that the mental sheath comes under the laws of the matter aspect, and is subject to the same rules as are the material vehicles of all existences. It is only matter of a finer grade.

2. Mind *is* matter. The mental vehicle is subject to the laws of the natural world.

TCF 1109-1112

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách AAB khác và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

2. Chuyển động trong thể nguyên nhân.

Chúng ta đã phần nào nghiên cứu hoạt động này khi nó biểu hiện theo cách tứ phân trong **thể trí**

1. Chuyển động tứ phân của *thể trí* hạ…

và lý do mà không có nhiều điều để nói về vấn đề này là vì thể trí thuộc về các định luật của phương diện vật chất, và chịu cùng những quy luật như các vận cụ vật chất của mọi hiện hữu. Nó chỉ là vật chất ở một cấp độ tinh tế hơn.

2. Trí tuệ *là* vật chất. Vận cụ trí tuệ chịu sự chi phối của các định luật của thế giới tự nhiên.

3. On the higher mental plane there are a different set of laws than operate on the lower mental plane. The first set of laws are *natural* laws.

3. Trên Cõi thượng trí có một tập hợp định luật khác với những định luật vận hành trên cõi hạ trí. Tập hợp định luật thứ nhất là những định luật *tự nhiên*.

The student, therefore, can apply what has been earlier said anent the astral and physical bodies [Page 1110] to the mental body, and thus negate the necessity of our entering upon the subject in greater detail.

Do đó, đạo sinh có thể áp dụng những gì đã được nói trước đây về thể cảm dục và thể xác [Page 1110] cho thể trí, và như vậy không cần chúng ta phải đi vào đề tài này chi tiết hơn nữa.

4. Master DK has given us an assignment. We see that He is working according to the Law of Economy and inviting us to do a little cross referencing.

4. Chân sư DK đã giao cho chúng ta một bài tập. Chúng ta thấy rằng Ngài đang làm việc theo Định luật Tiết Kiệm và mời gọi chúng ta thực hiện một ít đối chiếu tham chiếu.

5. We will, need, however, some discussion of the devic life which expresses itself through each subplane comprising the four levels of the lower manasic vehicle.

5. Tuy nhiên, chúng ta sẽ cần một số bàn luận về sự sống thiên thần biểu lộ qua mỗi cõi phụ cấu thành bốn cấp độ của vận cụ hạ manas.

The causal body differs from the Brahma aspect in that it is a **fuller** embodiment of the life of the second aspect,

Thể nguyên nhân khác với phương diện Brahma ở chỗ nó là một hiện thân **đầy đủ hơn** của sự sống của phương diện thứ hai,

6. This must mean that some aspect of the lower manasic vehicle must embody the second aspect to some extent. The mental body is, in some respect, a *form builder.*

6. Điều này hẳn có nghĩa là một phương diện nào đó của vận cụ hạ manas phải hiện thân phương diện thứ hai ở một mức độ nào đó. Thể trí, trong một số phương diện, là một *đấng kiến tạo hình tướng.*

7. The higher mental plane is conditioned especially by Venus and second ray.

7. Cõi thượng trí được tác động đặc biệt bởi Sao Kim và cung hai.

its predominant characteristics are those of the second aspect.

những đặc tính nổi trội của nó là những đặc tính của phương diện thứ hai.

8. This, however, cannot be said of the lower mental vehicle.

8. Tuy nhiên, điều này không thể nói về vận cụ hạ trí.

9. We will expect the factor of cohesion to be present on the higher mental plane. One of

9. Chúng ta sẽ mong đợi yếu tố cố kết hiện diện trên Cõi thượng trí. Một trong những

the names of the second ray is the "Ray of Attractive Coherency" (EA 411)

tên gọi của cung hai là "Cung của Sự Cố Kết Hấp Dẫn" (EA 411)

To study the nature of motion in the causal vehicle involves **much clarity of thought**, and due appreciation of the nature of that body.

Nghiên cứu bản chất của chuyển động trong vận cụ nguyên nhân đòi hỏi **nhiều sự sáng tỏ trong tư tưởng**, và sự đánh giá đúng đắn về bản chất của thể ấy.

10. This is essentially and abstract study. For disciples, a true and accurate understanding of the causal body is an important frontier. Just as all the vehicles have their particular dynamics, so does the causal body. We are only in the process of studying the dynamics of the etheric body. Psychologists study the dynamics of the astral body and lower mental body but not yet occultly. It till be long before the causal body is an object for scientific research. Yet for disciples, this process can begin, at least introspectively.

10. Đây về bản chất là một nghiên cứu trừu tượng. Đối với các đệ tử, sự thấu hiểu chân thực và chính xác về thể nguyên nhân là một biên cương quan trọng. Cũng như mọi vận cụ đều có động lực học riêng của chúng, thể nguyên nhân cũng vậy. Chúng ta mới chỉ đang trong tiến trình nghiên cứu động lực học của thể dĩ thái. Các nhà tâm lý học nghiên cứu động lực học của thể cảm dục và thể trí hạ, nhưng chưa theo cách huyền bí. Sẽ còn rất lâu trước khi thể nguyên nhân trở thành đối tượng của nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, đối với các đệ tử, tiến trình này có thể bắt đầu, ít nhất là bằng nội quan.

It should here be remembered that in considering the causal body, we are dealing specifically with the **vehicle of manifestation of a solar Angel who is its informing life and who is in process of constructing it, of perfecting it, and of enlarging it, and thus reflecting on a tiny scale the work of the Logos on His own plane.**

Ở đây cần nhớ rằng khi xem xét thể nguyên nhân, chúng ta đang đề cập một cách chuyên biệt đến **vận cụ biểu hiện của một Thái dương Thiên Thần là sự sống thấm nhuần nó và đang trong tiến trình kiến tạo nó, hoàn thiện nó, và mở rộng nó, nhờ đó phản ánh ở một quy mô rất nhỏ công việc của Thượng đế trên cõi riêng của Ngài.**

11. Here we have a very clear distinction between the Solar Angel and its instrument of expression, the causal body.

11. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt rất rõ giữa Thái dương Thiên Thần và công cụ biểu lộ của nó, tức thể nguyên nhân.

12. The causal body, we realize, is not completely constructed at the outset of the human developmental process. It is a very long time in formation.

12. Chúng ta nhận ra rằng thể nguyên nhân không được kiến tạo hoàn chỉnh ngay từ lúc khởi đầu của tiến trình phát triển nhân loại. Nó cần một thời gian rất dài để hình thành.

13. We see that it is the responsibility of the Solar Angel to construct, perfect and enlarge the causal body. Of course, the efforts of the disciple within the personality offers up the 'materials' which the Solar Angel uses in its building process.

13. Chúng ta thấy rằng trách nhiệm kiến tạo, hoàn thiện và mở rộng thể nguyên nhân thuộc về Thái dương Thiên Thần. Dĩ nhiên, những nỗ lực của người đệ tử bên trong phàm ngã dâng lên các "vật liệu" mà Thái dương Thiên Thần sử dụng trong tiến trình xây dựng của nó.

14. Analogically, the Solar Angel is a kind of miniature Solar Logos. The day may come when the Solar Angel steps upon the Path of the Solar Logoi.

14. Theo định luật tương đồng, Thái dương Thiên Thần là một loại Thái dương Thượng đế thu nhỏ. Có thể sẽ đến ngày Thái dương Thiên Thần bước lên Con đường của Các Thái dương Thượng đế.

Each part of the causal body is actuated by a type of force emanating from some **one or other great centre**,

Mỗi phần của thể nguyên nhân được tác động bởi một loại mãnh lực phát ra từ một **trung tâm lớn này hay trung tâm lớn khác**,

15. By this is meant most probably a planetary center or a planet.

15. Điều này rất có thể có nghĩa là một trung tâm hành tinh hay một hành tinh.

16. The parts of the causal body are the "Jewel in the Lotus", the synthesis petals, the sacrifice petals, the love petals and the knowledge petals. Each of these circles of petals is composed of three petals and each of these three has its own specific quality and, it would seem, source of activation.

16. Các phần của thể nguyên nhân là "Ngọc trong Hoa Sen", các cánh hoa tổng hợp, các cánh hoa hi sinh, các cánh hoa bác ái và các cánh hoa tri thức. Mỗi vòng cánh hoa này gồm ba cánh hoa và mỗi cánh trong ba cánh ấy có phẩm tính riêng biệt của nó và, dường như, nguồn kích hoạt riêng của nó.

and it might be of interest, therefore, if we considered **the component parts of this " Temple of the Soul,"** if we studied the type of animating activity and arrived at a knowledge of the forces playing upon it and through it.

và vì vậy có lẽ sẽ đáng quan tâm nếu chúng ta xem xét **các phần cấu thành của " Đền thờ của Linh Hồn" này,**nếu chúng ta nghiên cứu loại hoạt động phú linh và đạt đến sự hiểu biết về các mãnh lực đang tác động lên nó và xuyên qua nó.

17. This is a more complex activity than we might imagine.

17. Đây là một hoạt động phức tạp hơn điều chúng ta có thể tưởng tượng.

18. Depending upon how we count, the Temple of Solomon might have sixteen or

18. Tùy theo cách chúng ta đếm, Đền thờ Solomon có thể có mười sáu hoặc gần sáu

almost sixty parts. Many are the potential subdivisions.

mươi phần. Có rất nhiều phân chia tiềm năng.

19. The petals themselves, considered as force centers which have an influence upon the chakric system of the lower vehicles, are actuated by various kinds of superior energies and forces from various superior sources.

19. Bản thân các cánh hoa, khi được xem như những trung tâm lực có ảnh hưởng lên hệ thống luân xa của các vận cụ thấp, được tác động bởi nhiều loại năng lượng và mãnh lực cao siêu khác nhau từ nhiều nguồn cao siêu khác nhau.

We will take them one by one, beginning with the outer row of petals.

Chúng ta sẽ lần lượt xét từng phần, bắt đầu với hàng cánh hoa bên ngoài.

20. We call this aspect of the lotus both a row and a circle.

20. Chúng ta gọi phương diện này của hoa sen vừa là một hàng vừa là một vòng tròn.

The Knowledge Petals. These are the petals which represent the lowest aspect of the Triad

Các cánh hoa tri thức. Đây là những cánh hoa tượng trưng cho phương diện thấp nhất của Tam nguyên tinh thần

21. If this is the case, these petals represent the *manasic* aspect of the spiritual triad.

21. Nếu đúng như vậy, những cánh hoa này tượng trưng cho phương diện *manas* của Tam Nguyên Tinh Thần.

22. Each of the permanent atoms of the spiritual triad is connected to a particular tier of petals in the egoic lotus. Note Chart VIII, TCF 817. Also, Chart IX for a more detailed view.

22. Mỗi nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần được nối kết với một tầng cánh hoa riêng biệt trong Hoa Sen Chân Ngã. Hãy xem Biểu đồ VIII, TCF 817. Đồng thời xem Biểu đồ IX để có cái nhìn chi tiết hơn.

and are responsive to the lowest forms of egoic force.

và đáp ứng với những hình thức thấp nhất của mãnh lực chân ngã.

23. From whence this egoic force? The energy of the petals themselves are egoic force. Perhaps all types of egoic force emanate from the "Jewel in the Lotus", the forces of which ultimately emanate from the Monad.

23. Mãnh lực chân ngã này đến từ đâu? Năng lượng của chính các cánh hoa là mãnh lực chân ngã. Có lẽ mọi loại mãnh lực chân ngã đều phát ra từ "Ngọc trong Hoa Sen", mà các mãnh lực của nó rốt cuộc phát ra từ Chân thần.

24. The Solar Angel is equipped with various capacities. Knowledge, we might call the

24. Thái dương Thiên Thần được trang bị nhiều năng lực khác nhau. Tri thức, chúng

lowest of these capacities and it is to solar angelic knowledge that the three knowledge petals are responsive.

ta có thể gọi là thấp nhất trong những năng lực này, và chính đối với tri thức thái dương thiên thần mà ba cánh hoa tri thức đáp ứng.

These petals

Những cánh hoa này

25. The knowledge petals…

25. Các cánh hoa tri thức…

are three in number and come under the influence of certain streams of activity.

có số lượng là ba và chịu ảnh hưởng của một số dòng hoạt động nhất định.

26. These types of alignments are of crucial importance, because once known, the energies involved can be accessed and directed—imaginatively if in no other way.

26. Những loại chỉnh hợp này có tầm quan trọng quyết định, bởi vì một khi đã được biết, các năng lượng liên hệ có thể được tiếp cận và định hướng—ít nhất là bằng sự tưởng tượng nếu không bằng cách nào khác.

a. One stream of energy emanates from the lower triad of permanent atoms, particularly **the physical permanent atom, via that one of the three petals called the knowledge petal**.

a. Một dòng năng lượng phát ra từ tam nguyên thấp của các nguyên tử trường tồn, đặc biệt là **nguyên tử trường tồn hồng trần, qua một trong ba cánh hoa được gọi là cánh hoa tri thức**.

27. This is, relatively, a very material stream. It is interesting that a stream can enter the knowledge petals from an energy source which is relatively 'lower' than the petals themselves. These petals are not only influenced from 'above', though perhaps the most important influences come from above.

27. Đây, xét tương đối, là một dòng rất vật chất. Thật thú vị khi một dòng có thể đi vào các cánh hoa tri thức từ một nguồn năng lượng tương đối 'thấp' hơn chính các cánh hoa. Những cánh hoa này không chỉ chịu ảnh hưởng từ 'bên trên', dù có lẽ những ảnh hưởng quan trọng nhất đến từ bên trên.

28. The physical permanent atom is particularly related to the knowledge petal of the knowledge tier.

28. Nguyên tử trường tồn hồng trần đặc biệt liên hệ với cánh hoa tri thức của tầng tri thức.

29. By inference we might suppose **the astral permanent atom to be related to the love petal of the knowledge tier, and the mental unit to the sacrifice petal of the knowledge tier.**

29. Theo suy luận, chúng ta có thể giả định rằng **nguyên tử trường tồn cảm dục liên hệ với cánh hoa bác ái của tầng tri thức, và đơn vị hạ trí liên hệ với cánh hoa hi sinh của tầng tri thức.**

The stream of force engendered in the lower self

Dòng mãnh lực được tạo ra trong phàm ngã

30. Presumably from the members of the atomic triangle….

30. Có lẽ từ các thành phần của tam giác nguyên tử….

circulates in a triple stream (the reflection in the lower self of the threefold Path to God)

lưu chuyển trong một dòng tam phân (sự phản chiếu trong phàm ngã của Con Đường tam phân đến Thượng đế)

31. The threefold Path to God must be the Manasic Path, the Path of Love and the Path of Will as these Paths are exemplified within the spiritual triad.

31. Con Đường tam phân đến Thượng đế hẳn phải là Con Đường Manas, Con Đường Bác Ái và Con Đường Ý Chí như những Con Đường này được biểu hiện trong Tam nguyên tinh thần.

32. Presumably the stream is threefold. DK does not appear to be speaking a circulation which occurs three times. Perhaps the triple stream circulates with great rapidity numerous time.

32. Có lẽ dòng này là tam phân. Chân sư DK dường như không nói về một sự lưu chuyển xảy ra ba lần. Có lẽ dòng tam phân lưu chuyển với tốc độ rất lớn nhiều lần.

around **the atomic triangle at the base of the egoic lotus.**

xung quanh **tam giác nguyên tử ở đáy của Hoa Sen Chân Ngã.**

33. The position of this triangle is of real importance and Master DK repeats the location several times. All movements are orderly and occur according to law. The further we go into occultism, the more these movements will be revealed.

33. Vị trí của tam giác này thực sự quan trọng và Chân sư DK lặp lại vị trí ấy nhiều lần. Mọi chuyển động đều có trật tự và xảy ra theo quy luật. Chúng ta càng đi sâu vào huyền bí học, những chuyển động này càng được mặc khải.

When of sufficient strength and [Page 1111] purity, it affects the outer row of petals.

Khi đủ mạnh và [Page 1111] thanh khiết, nó tác động đến hàng cánh hoa bên ngoài.

34. Shall we say that the circulation of the lower stream must achieve sufficient ‘spiritual momentum’ before the knowledge petals can be affected.

34. Chúng ta có thể nói rằng sự lưu chuyển của dòng thấp phải đạt được đủ “động lượng tinh thần” trước khi các cánh hoa tri thức có thể bị tác động chăng.

35. Dường như sự lưu chuyển các năng lượng này xảy ra rất lâu trước khi sự lưu

35. It is as if this circulation of energies occurs well before the circulation can affect the outer row of petals.

chuyển ấy có thể tác động đến hàng cánh hoa bên ngoài.

36. Perhaps we are dealing with issues of resonance. Perhaps when the lower stream becomes resonant to the higher vibrations of the knowledge petals, their effect can be felt within those petals.

36. Có lẽ chúng ta đang đề cập đến những vấn đề cộng hưởng. Có lẽ khi dòng thấp trở nên cộng hưởng với những rung động cao hơn của các cánh hoa tri thức, hiệu quả của chúng có thể được cảm nhận trong những cánh hoa ấy.

This begins to be felt during the third period of man's evolution when he is an average intelligent unit or atom.

Điều này bắt đầu được cảm nhận trong thời kỳ thứ ba của tiến hoá con người khi y là một đơn vị hay nguyên tử trí tuệ trung bình.

37. First man becomes the average instinctual man; then man becomes the average emotional man and finally the "average intelligent unit or atom" of which DK speaks in this context.

37. Trước hết con người trở thành con người bản năng trung bình; rồi con người trở thành con người cảm xúc trung bình; và cuối cùng là "đơn vị hay nguyên tử trí tuệ trung bình" mà Chân sư DK nói đến trong bối cảnh này.

38. It is at such a point that **the third ray can become the personality ray**. We may remember that **personalities are initially found only on the fourth, fifth, sixth and seventh rays**.

38. Chính tại một điểm như thế mà **cung ba có thể trở thành cung phàm ngã**. Chúng ta có thể nhớ rằng **các phàm ngã ban đầu chỉ được tìm thấy trên các cung bốn, năm, sáu và bảy**.

This energy, when it blends with the inherent life of the **atomic lives which form the petals**, produces eventually that intimate fusing of soul and body which makes man a living soul.

Năng lượng này, khi hòa trộn với sự sống cố hữu của các **sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa**, cuối cùng tạo ra sự dung hợp mật thiết giữa linh hồn và thể khiến con người trở thành một linh hồn sống động.

39. The stream which we might call the 'body stream' comes from the lower permanent atoms, i.e., the members of the atomic triangle. When this stream blends with petal substance (which, in a way, is 'soul substance') we have the fusing of soul and body.

39. Dòng mà chúng ta có thể gọi là 'dòng của thể' đến từ các nguyên tử trường tồn thấp, tức các thành phần của tam giác nguyên tử. Khi dòng này hòa trộn với chất liệu cánh hoa (mà theo một nghĩa nào đó là 'chất liệu linh hồn') thì chúng ta có sự dung hợp của linh hồn và thân thể.

40. We see that to make a man a "living soul" some very specific occult energies are needed. We are given some of the important dynamics of the process producing soul-infusion.

40. Chúng ta thấy rằng để làm cho một con người trở thành một "linh hồn sống động" thì cần những năng lượng huyền bí rất chuyên biệt. Chúng ta được cho biết một số động lực học quan trọng của tiến trình tạo ra sự được linh hồn thấm nhuần.

41. We also see that the creation of the soul-infused human being is dependent upon personality energies. Without this energy-stream from 'below' soul infusion could not occur.

41. Chúng ta cũng thấy rằng việc tạo ra con người được linh hồn thấm nhuần phụ thuộc vào các năng lượng phàm ngã. Không có dòng năng lượng này từ 'bên dưới' thì sự thấm nhuần của linh hồn không thể xảy ra.

b. **Another stream** of energy emanates in time from the second tier of petals when in activity;

b. **Một dòng khác** năng lượng theo thời gian phát ra từ tầng cánh hoa thứ hai khi tầng này hoạt động;

42. We are still speaking of the knowledge petals and the three streams of energy-force which animate them.

42. Chúng ta vẫn đang nói về các cánh hoa tri thức và ba dòng năng lượng-mãnh lực làm sinh động chúng.

43. **It is a long time (perhaps millions of years) before there appears a stream of energy emanating from the second tier of petals**—especially considering the second tier as a whole.

43. **Phải mất một thời gian rất dài (có lẽ hàng triệu năm) trước khi xuất hiện một dòng năng lượng phát ra từ tầng cánh hoa thứ hai**—đặc biệt khi xét tầng thứ hai như một toàn thể.

this second tier is peculiarly instinctive with the life and quality of the Manasaputra in manifestation.

tầng thứ hai này đặc biệt mang tính bản năng với sự sống và phẩm tính của Manasaputra trong biểu hiện.

44. Here we have a very interesting statement. It is **through the study of the second tier of petals, especially, that the nature of the Manasaputra (or Solar Angel) associated with the man can be determined**.

44. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất thú vị. Chính **qua việc nghiên cứu tầng cánh hoa thứ hai, đặc biệt là như vậy, mà bản chất của Manasaputra (hay Thái dương Thiên Thần) liên hệ với con người có thể được xác định**.

45. Would we say that by such a study, we can determine the ray life of the Manasaputra?

45. Chúng ta có thể nói rằng qua một nghiên cứu như thế, chúng ta có thể xác định sự sống cung của Manasaputra chăng?

46. We seem still to be speaking of the influences which affect the knowledge petals. So far we have:

46. Dường như chúng ta vẫn đang nói về những ảnh hưởng tác động đến các cánh hoa tri thức. Cho đến nay chúng ta có:

a. Forces from the "three permanent atoms" considered as a threefold energy stream

a. Các mãnh lực từ "ba nguyên tử trường tồn" được xem như một dòng năng lượng tam phân

b. Energies arising from the second tier of petals.

b. Các năng lượng phát sinh từ tầng cánh hoa thứ hai.

The second tier of petals in any egoic lotus is the one that gives us the **key to the nature of the solar Angel,**

Tầng cánh hoa thứ hai trong bất kỳ Hoa Sen Chân Ngã nào là tầng cho chúng ta **chìa khóa về bản chất của Thái dương Thiên Thần,**

47. By "the nature of the solar Angel" is meant, apparently, the *ray* nature.

47. Theo nghĩa của "bản chất của Thái dương Thiên Thần" thì dường như đó là bản chất *cung*.

48. Apparently Solar Angels/souls on all the seven rays are revealed through the dynamics and qualities of the second tier of petals.

48. Dường như các Thái dương Thiên Thần/ linh hồn trên cả bảy cung đều được bộc lộ qua động lực học và phẩm tính của tầng cánh hoa thứ hai.

49. As well, the relative status of the Solar Angel involved may be revealed. The next portion of the sentence seems to hint at this possibility.

49. Ngoài ra, địa vị tương đối của Thái dương Thiên Thần liên hệ cũng có thể được tiết lộ. Phần kế tiếp của câu dường như gợi ý khả năng này.

just as the outer tier is—to the inner vision of the Adept—a clue to the point in evolution of the personality.

cũng như vòng ngoài là—đối với linh thị bên trong của chân sư—một đầu mối về điểm tiến hoá của phàm ngã.

50. This statement could certainly be pondered with profit.

50. Mệnh đề này chắc chắn có thể được suy ngẫm một cách hữu ích.

51. We may infer that just as the condition of the outer tier gives a clue to the point of evolution of the personality, so that **middle tier tells us something about the point of**

51. Chúng ta có thể suy ra rằng cũng như tình trạng của vòng ngoài cho một đầu mối về điểm tiến hoá của phàm ngã, thì **vòng giữa cho chúng ta biết điều gì đó về điểm**

evolution of the particular Solar Angel Who is informing the egoic lotus.

52. When considering the three outer petals, probably each of them is directly associated with one of the personality vehicles.

53. **Solar Angels are of various kinds**. Some emanate from the Heart of the Sun. Others emanate from the Central Spiritual Sun (considered as the truly "divine nature" of the Solar Logos.) There may well be a different in their status. We may infer that just as there are nine strata of consciousness in the Fourth Creative Hierarchy, so there may well be nine strata in the Fifth Creative Hierarchy.

54. Perhaps, as well, there are various planetary streams on which the Solar Angels enter our planet.

55. **Just as there is a definite inequality of rank among the Sons of Men, why should we not presume that the same is true of Solar Angels**?

By looking at the egoic lotus, the seer can tell the **nature** of the:

Personal self through the condition of the atomic triangle, and the outer tier of petals.

56. **The word "nature", of course, is ambiguous.** We could be dealing with either status, ray quality or something else.

57. All these six factors (six petal energies—three of them strongly influenced by the forces of the atomic triangle) are involved in the presentation of the personal self. These

tiến hoá của Thái dương Thiên Thần đặc thù đang thấm nhuần hoa sen chân ngã.

52. Khi xem xét ba cánh hoa ngoài, có lẽ mỗi cánh trong số đó được liên kết trực tiếp với một trong các vận cụ của phàm ngã.

53. **Các Thái dương Thiên Thần thuộc nhiều loại khác nhau**. Một số xuất lộ từ Trái Tim Mặt Trời. Những vị khác xuất lộ từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương (được xem là "bản chất thiêng liêng" đích thực của Thái dương Thượng đế.) Rất có thể có sự khác biệt về địa vị của các vị ấy. Chúng ta có thể suy ra rằng cũng như có chín tầng tâm thức trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, thì rất có thể cũng có chín tầng trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm.

54. Có lẽ, ngoài ra, còn có nhiều dòng hành tinh khác nhau mà theo đó các Thái dương Thiên Thần đi vào hành tinh chúng ta.

55. **Cũng như có một sự bất bình đẳng rõ rệt về cấp bậc giữa những người con của nhân loại, tại sao chúng ta lại không giả định rằng điều tương tự cũng đúng với các Thái dương Thiên Thần**?

Bằng cách nhìn vào hoa sen chân ngã, nhà thông nhãn có thể biết được **bản chất** của:

phàm ngã qua tình trạng của tam giác nguyên tử, và vòng cánh hoa ngoài.

56. **Dĩ nhiên, từ "bản chất" là mơ hồ.** Chúng ta có thể đang đề cập đến địa vị, phẩm tính cung hay điều gì khác.

57. Tất cả sáu yếu tố này (sáu năng lượng cánh hoa—ba trong số đó chịu ảnh hưởng mạnh của các mãnh lực từ tam giác nguyên tử) đều tham dự vào sự biểu hiện của phàm

six factors might be considered the personal aspects of the egoic lotus.

Higher Self, through the **colour and arrangement** of the **central tier of petals**.

58. Master DK hints at deep mysteries. Colour reveals quality. What can he mean by "arrangement"? Is it the interior organization of colour within each petal that is referenced?

This tier gives the **"family" of the solar Angel** through the **arrangement** of atomic lives which form the petals, and the **circulation** of the streams of forces in those petals.

59. Again, very potent hints focusing on:

a. The "family of solar Angels

b. The particular arrangement of the atomic lives which form the petals. This arrangement is one of the factors revealing the "family". We apparently are speaking of certain mysteries of Divine Geometry.

c. The particular type of circulation of the streams of force in those petals. Apparently different flow patterns are possible.

60. We know very little about the manner in which Solar Angels are divided into different groups. Here, DK uses the words "family" to indicate such distinctions. Perhaps Solar Angel can be differentiated according to ray, according to maturity or level of initiation, according to the period in which individualization occurred; according to its source of emanation from the Sun;

ngã. Sáu yếu tố này có thể được xem là các phương diện cá nhân của hoa sen chân ngã.

Bản Ngã Cao Siêu, qua **màu sắc và sự sắp xếp** của **vòng cánh hoa trung tâm**.

58. Chân sư DK gợi ra những huyền nhiệm sâu xa. Màu sắc tiết lộ phẩm tính. Ngài có thể muốn nói gì qua từ "sự sắp xếp"? Có phải đó là tổ chức nội tại của màu sắc bên trong mỗi cánh hoa được nhắc đến chăng?

Vòng này cho biết **"gia đình" của Thái dương Thiên Thần** qua **sự sắp xếp** của các sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa, và **sự lưu chuyển** của các dòng mãnh lực trong những cánh hoa ấy.

59. Một lần nữa, đây là những gợi ý rất mạnh, tập trung vào:

a. "gia đình" của các Thái dương Thiên Thần

b. Sự sắp xếp đặc thù của các sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa. Sự sắp xếp này là một trong những yếu tố tiết lộ "gia đình". Rõ ràng chúng ta đang nói đến những huyền nhiệm nhất định của Hình học Thiêng liêng.

c. Loại hình lưu chuyển đặc thù của các dòng mãnh lực trong những cánh hoa ấy. Rõ ràng có thể có những mô hình lưu động khác nhau.

60. Chúng ta biết rất ít về cách thức các Thái dương Thiên Thần được phân chia thành những nhóm khác nhau. Ở đây, DK dùng từ "gia đình" để chỉ những phân biệt như thế. Có lẽ Thái dương Thiên Thần có thể được biến phân theo cung, theo mức trưởng thành hay cấp độ điểm đạo, theo thời kỳ mà sự biệt ngã hóa xảy ra; theo nguồn xuất lộ của nó từ Mặt Trời; theo những hành tinh

according to other planets from which it may have ventured before taking up its task on Earth, etc.

61. Manner of division can depend on:

a. Origin

b. Status

c. Quality

d. Time of immersion on the higher mental plane

e. Etc.

62. The Solar Angels belong to a Creative Hierarchy as do human beings. If human beings can be differentiated, according to many evolutionary criteria, there is no reason to think that Solar Angels could not be. This possibility of differentiation is, it would seem, true of the members of *all* Creative Hierarchies.

Monad, through the **inner circle** of petals**; its stage of lower awareness is revealed in a similar way**.

63. Each circle of petals can be studied for a particular type of revelation.

64. Just as the quality and condition of the second tier were directly related to the nature of the Solar Angel, so the quality and condition of the third tier are direction related to the nature of the Monad.

khác mà nó có thể đã từng phiêu lưu qua trước khi đảm nhận nhiệm vụ trên Trái Đất, v.v.

61. Cách thức phân chia có thể tùy thuộc vào:

a. Nguồn gốc

b. Địa vị

c. Phẩm tính

d. Thời điểm nhập vào Cõi thượng trí

e. V.v.

62. Các Thái dương Thiên Thần thuộc về một Huyền Giai Sáng Tạo cũng như con người. Nếu con người có thể được biến phân theo nhiều tiêu chuẩn tiến hoá, thì không có lý do gì để nghĩ rằng các Thái dương Thiên Thần lại không thể như vậy. Khả năng biến phân này, dường như, là đúng đối với các thành viên của *mọi* Huyền Giai Sáng Tạo.

chân thần, qua **vòng trong** của các cánh hoa**; giai đoạn nhận biết thấp của nó được tiết lộ theo cách tương tự**.

63. Mỗi vòng cánh hoa có thể được nghiên cứu để có một loại mặc khải đặc thù.

64. Cũng như phẩm tính và tình trạng của vòng thứ hai liên hệ trực tiếp với bản chất của Thái dương Thiên Thần, thì phẩm tính và tình trạng của vòng thứ ba cũng liên hệ trực tiếp với bản chất của chân thần.

65. We know that the monadic ray is closely related to the mental vehicle and the three "mental petals" must be as well.

The Monadic Ray influences the mental body, after integration of the personality has been brought about. It causes the mind nature to achieve that clear vision which finds its consummation at the fourth initiation, and releases the man from the limitations of form. There is an analogy to this triplicity and an interesting symbolic relation in the three Initiators. (EP I 406)

66. Perhaps **the ray of the Monad can be determined particularly through a study of the sacrifice petals**, related as they are to the mental vehicle.

67. It is suggested that there is a "lower awareness" of the Monad and, **we may presume, a 'higher awareness'**.

68. The sacrificial nature of the Monad (a "Lord of ceaseless persevering devotion") is revealed through the sacrifice petals.

69. It would be of value to understand the particular manner in which the individual undertakes sacrifice. Probably there are three modes of so doing according to the three *major* monadic rays.

The number of the Ray concerned is known through the quality of the "light" of the concealed jewel.

70. Here we are speaking of the light which radiates eventually through the "Jewel in the Lotus". The color of the monadic ray will thus be revealed.

65. Chúng ta biết rằng cung chân thần liên hệ chặt chẽ với vận cụ trí tuệ và ba "cánh hoa trí tuệ" hẳn cũng như vậy.

Cung chân thần ảnh hưởng đến thể trí, sau khi sự tích hợp của phàm ngã đã được thực hiện. Nó khiến bản chất trí tuệ đạt được linh thị minh bạch, điều đạt đến sự viên mãn ở lần điểm đạo thứ tư, và giải thoát con người khỏi những giới hạn của hình tướng. Có một sự tương đồng với bộ ba này và một mối liên hệ biểu tượng thú vị trong ba Đấng Điểm đạo. (EP I 406)

66. Có lẽ **cung của chân thần có thể được xác định đặc biệt qua việc nghiên cứu các cánh hoa hi sinh**, vì chúng liên hệ với vận cụ trí tuệ.

67. Có ý kiến cho rằng có một "nhận biết thấp" của chân thần và, **chúng ta có thể giả định, một 'nhận biết cao'**.

68. Bản chất hi sinh của chân thần (một "Chúa Tể của sự tận tụy kiên trì không ngừng") được tiết lộ qua các cánh hoa hi sinh.

69. Sẽ rất có giá trị nếu hiểu được cách thức đặc thù mà cá nhân đảm nhận sự hi sinh. Có lẽ có ba phương thức làm như vậy tùy theo ba cung chân thần *chính*.

Số của cung liên hệ được biết qua phẩm tính của "ánh sáng" của viên ngọc ẩn kín.

70. Ở đây chúng ta đang nói về ánh sáng cuối cùng bức xạ qua "Viên Ngọc trong Hoa Sen". Như vậy màu sắc của cung chân thần sẽ được tiết lộ.

71. Could an imaginative evaluation of the light emanating from the "Jewel in the Lotus" be a method of helping to determine the monadic ray?

71. Liệu một sự đánh giá bằng tưởng tượng về ánh sáng phát ra từ "Viên Ngọc trong Hoa Sen" có thể là một phương pháp giúp xác định cung chân thần chăng?

In all these petals, groups of lives, solar and otherwise,

Trong tất cả những cánh hoa này, các nhóm sự sống, thái dương và những loại khác,

72. DK could be saying that some lives on the higher mental plane are "otherwise" than solar. Many of these essences are (we must remember) in the dense physical body of the Solar Logos.

72. DK có thể đang nói rằng một số sự sống trên Cõi thượng trí là những loại "khác" chứ không phải thái dương. Chúng ta phải nhớ rằng nhiều tinh chất trong số này ở trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

73. The atomic lives which compose the petals are 'other' than solar. In fact, they are what we call elemental essence, and some of them, "monadic essence". They are really "lunar" in their nature, belonging as they do to the dense physical body of the Solar Logos.

73. Các sự sống nguyên tử cấu thành các cánh hoa là những sự sống 'khác' chứ không phải thái dương. Thực ra, chúng là điều chúng ta gọi là Tinh chất hành khí, và một số trong đó là "tinh chất chân thần". Chúng thực sự có bản chất "thái âm", vì chúng thuộc về thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

are concerned, and **streams of energy from them focus through the petals.**

đều có liên quan, và **các dòng năng lượng từ chúng hội tụ xuyên qua các cánh hoa.**

74. Both solar and "lunar" lives are concerned.

74. Cả các sự sống thái dương lẫn "thái âm" đều có liên quan.

75. The petals, we see, are a meeting place for energies from the various lesser Solar Angels (those who control individual petals or entire tiers) and lunar lives concerned with the energies-forces of the atomic triangle.

75. Như chúng ta thấy, các cánh hoa là nơi gặp gỡ của các năng lượng từ nhiều Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn khác nhau (những vị kiểm soát từng cánh hoa riêng lẻ hay toàn bộ các vòng) và các sự sống thái âm liên hệ với các năng lượng-mãnh lực của tam giác nguyên tử.

This is apparent to the man **who has the key**.

Điều này hiển nhiên đối với người **có chìa khóa**.

76. One must unlock the mystery of the "Jewel in the Lotus" and all the many

76. Người ta phải mở khóa huyền nhiệm của "Viên Ngọc trong Hoa Sen" và tất cả nhiều

streams of energies which express through it. The sources of these energies must be revealed and it may be presumed that the monadic nature of the "Jewel in the Lotus" holds the key to identifying the energies-forces concerned.

dòng năng lượng biểu lộ qua nó. Các nguồn của những năng lượng này phải được tiết lộ, và có thể giả định rằng bản chất chân thần của "Viên Ngọc trong Hoa Sen" nắm giữ chìa khóa để nhận diện các năng lượng-mãnh lực liên hệ.

77. DK could also be telling us of "keynotes" related to that colour of light which emanates from the "Jewel in the Lotus".

77. DK cũng có thể đang nói với chúng ta về những "chủ âm" liên hệ với màu sắc ánh sáng phát ra từ "Viên Ngọc trong Hoa Sen".

78. We may infer that the note of the "Jewel in the Lotus" is the *keynote* for the entire egoic lotus and all its parts.

78. Chúng ta có thể suy ra rằng âm điệu của "Viên Ngọc trong Hoa Sen" là *chủ âm* cho toàn bộ hoa sen chân ngã và mọi phần của nó.

79. Yet as DK now describes, we are not only dealing with sound (when we read the word "key" we must think of sound) but with *symbol.*

79. Tuy nhiên, như DK nay mô tả, chúng ta không chỉ đề cập đến âm thanh (khi đọc từ "key", chúng ta phải nghĩ đến âm thanh) mà còn đến *biểu tượng.*

It is a curious fact that the streams of force which form the petals and [Page 1112] which are in constant flux produce apparently "key symbols" within the periphery of the egoic wheel, and thus reveal themselves through their activity.

Đó là một sự kiện kỳ lạ rằng các dòng mãnh lực tạo thành các cánh hoa và [Page 1112] đang trong trạng thái lưu biến không ngừng rõ ràng tạo ra những "biểu tượng chìa khóa" bên trong chu vi của bánh xe chân ngã, và do đó tự tiết lộ qua hoạt động của chúng.

80. We are speaking of the revelations of the 'Book of Nature'.

80. Chúng ta đang nói về những mặc khải của 'Cuốn Sách của Bản Chất'.

81. We often see such symbols drawn in Sanskrit within representations of the chakras. Such symbols, then, are not simply signs but are true embodiments of the energy streams they symbolize.

81. Chúng ta thường thấy những biểu tượng như thế được vẽ bằng tiếng Phạn trong các hình biểu hiện của các luân xa. Như vậy, những biểu tượng ấy không chỉ đơn thuần là dấu hiệu mà là những hiện thân đích thực của các dòng năng lượng mà chúng tượng trưng.

82. We are constantly in the midst of flowing energy streams. These streams must be recognized and mastered.

82. Chúng ta luôn luôn ở giữa những dòng năng lượng đang lưu động. Những dòng này phải được nhận biết và làm chủ.

83. Now we are in a position to learn more about the following:

83. Giờ đây chúng ta ở vào vị thế có thể học thêm về điều sau đây:

This tier gives the **"family" of the solar Angel** through the **arrangement** of atomic lives which form the petals, and the **circulation of the streams of forces in those petals.**

Vòng này cho biết **"gia đình" của Thái dương Thiên Thần** qua **sự sắp xếp** của các sự sống nguyên tử tạo thành các cánh hoa, và **sự lưu chuyển của các dòng mãnh lực trong những cánh hoa ấy.**

84. We learning that the circulation of the streams and forces in the petals produces certain symbols and that these symbols are what we might call 'key-symbols' which reveal the nature of the various parts of the egoic lotus and the various type of beings who express *through* the egoic lotus.

84. Chúng ta đang học rằng sự lưu chuyển của các dòng và mãnh lực trong các cánh hoa tạo ra những biểu tượng nhất định, và những biểu tượng này là điều chúng ta có thể gọi là 'biểu tượng chìa khóa', tiết lộ bản chất của các phần khác nhau của hoa sen chân ngã và các loại hữu thể khác nhau biểu lộ *qua* hoa sen chân ngã.

85. We see that the Master need not guess at the nature of the Solar Angel and Monad Who are informing or working through the egoic lotus. He can simply *see* their natures through the revelations afforded him by 'key-symbols'.

85. Chúng ta thấy rằng Chân sư không cần phải phỏng đoán về bản chất của Thái dương Thiên Thần và chân thần đang thấm nhuần hay hoạt động qua hoa sen chân ngã. Ngài chỉ cần *thấy* bản chất của các vị ấy qua những mặc khải mà 'các biểu tượng chìa khóa' đem lại cho Ngài.

c. **A third type of energy**

c. **Một loại năng lượng thứ ba**

86. We are now speaking of a third stream of energy following upon the threefold stream from the atomic triangle and the stream from the second tier of petals.

86. Giờ đây chúng ta đang nói đến một dòng năng lượng thứ ba tiếp theo sau dòng tam phân từ tam giác nguyên tử và dòng từ vòng cánh hoa thứ hai.

is that which—at the close of evolution—makes itself felt through the **inner circle** of petals, and which is the result of an inflow of monadic force, or atma.

là loại năng lượng—vào lúc kết thúc tiến hoá—tự làm cho mình được cảm nhận qua **vòng trong** của các cánh hoa, và là kết quả của một sự tuôn vào của mãnh lực chân thần, hay atma.

87. We must be cautious regarding the interpretation of the term “inner circle”. Sometimes it can mean the sacrifice petals and sometimes the synthesis petals.

87. Chúng ta phải thận trọng khi diễn giải thuật ngữ “vòng trong”. Đôi khi nó có thể có nghĩa là các cánh hoa hi sinh và đôi khi là các cánh hoa tổng hợp.

88. Perhaps it would be better if the term ‘inmost circle of petals’ were used to indicate the synthesis petals.

88. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu dùng thuật ngữ ‘vòng cánh hoa trong cùng’ để chỉ các cánh hoa tổng hợp.

89. We see three possible types of revelation of the Monad. It Monad reveals itself through the sacrifice petals, through the light of the Jewel and, now as well (if we are justified in saying so), through the synthesis petals—the “inner circle of petals” considered to be intimately related to the "Jewel in the Lotus".

89. Chúng ta thấy ba loại mặc khải khả dĩ của chân thần. Chân thần tự tiết lộ qua các cánh hoa hi sinh, qua ánh sáng của Viên Ngọc, và giờ đây thêm nữa (nếu chúng ta có cơ sở để nói như vậy), qua các cánh hoa tổng hợp—“vòng cánh hoa trong” được xem là liên hệ mật thiết với “Viên Ngọc trong Hoa Sen”.

90. Is the Tibetan referring, however, to the unfoldment of the synthesis petals surrounding the "Jewel in the Lotus" or is He still dealing with the sacrifice petals as the “inner circle” of petals? One could read it either ways, except that point “d.” seems to indicate that He is still confining Himself to the three sacrifice petals.

90. Tuy nhiên, Chân sư Tây Tạng đang nói đến sự khai mở của các cánh hoa tổng hợp bao quanh “Viên Ngọc trong Hoa Sen”, hay Ngài vẫn đang đề cập đến các cánh hoa hi sinh như là “vòng trong” của các cánh hoa? Người ta có thể đọc theo cả hai cách, ngoại trừ điểm “d.” dường như cho thấy rằng Ngài vẫn còn giới hạn chính mình vào ba cánh hoa hi sinh.

91. If this is the case, may we think that it is the *third* aspect of the Monad which is principally concerned with expression through the sacrifice petals.

91. Nếu đúng như vậy, liệu chúng ta có thể nghĩ rằng chính phương diện *thứ ba* của chân thần là phương diện chủ yếu liên hệ với sự biểu lộ qua các cánh hoa hi sinh hay không.

92. There are also *two* monadic rays—a major ray and a subray on the monadic plane. Through which aspects of the egoic lotus do these two rays express?

92. Ngoài ra còn có *hai* cung chân thần—một cung chính và một cung phụ trên cõi chân thần. Hai cung này biểu lộ qua những phương diện nào của hoa sen chân ngã?

93. Is it possible that the activity aspect of the Monad expresses through the sacrifice petals; that the wisdom aspect through the synthesis petals and that the will aspect of

93. Có thể nào phương diện hoạt động của chân thần biểu lộ qua các cánh hoa hi sinh; phương diện minh triết qua các cánh hoa tổng hợp; và phương diện ý chí của chân

the Monad through the "Jewel in the Lotus" itself?

94. It is interesting to hear monadic force called “atma”. Atma is surely an *aspect* of monadic force but we might say that buddhi is as well and manas also.

95. It would seem that **the innermost group of petals is particularly associated with buddhi and the "Jewel in the Lotus", particularly with atma**.

96. From another perspective, however, atma may related to the sacrifice petals; the energies of the monadic plane to the synthesis petals; and the core of the Monad (which we might consider a resident of the logoic plane) to the "Jewel in the Lotus".

d. Finally, therefore, when the petals are unfolded they are therefore transmitters of life or energy from three sources:

1. The lower self … Lunar Pitri Knowledge petals.

2. Ego..... Solar Angel Love petals.

3. Monad..... Father in Heaven Sacrifice petals.

97. One wonders, since a distinct devic being (i.e., a “lunar pitri” and a “Solar Angel”) is associated with the lower self and the Ego, whether another type of devic Being might not also associated with the monadic level. Perhaps such a *Being* might be drawn from the Creative Hierarchy of Divine Builders

thần qua chính “Viên Ngọc trong Hoa Sen” hay không?

94. Thật thú vị khi nghe mãnh lực chân thần được gọi là “atma”. Atma chắc chắn là một *phương diện* của mãnh lực chân thần, nhưng chúng ta cũng có thể nói rằng Bồ đề cũng vậy và manas cũng vậy.

95. Dường như **nhóm cánh hoa trong cùng đặc biệt liên hệ với Bồ đề và “Viên Ngọc trong Hoa Sen” đặc biệt liên hệ với atma**.

96. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, atma có thể liên hệ với các cánh hoa hi sinh; các năng lượng của cõi chân thần với các cánh hoa tổng hợp; và cốt lõi của chân thần (mà chúng ta có thể xem là một cư dân của cõi logoic) với “Viên Ngọc trong Hoa Sen”.

d. Cuối cùng, do đó, khi các cánh hoa được khai mở, chúng trở thành những bộ truyền dẫn sự sống hay năng lượng từ ba nguồn:

1. phàm ngã … thái âm tổ phụ các cánh hoa tri thức.

2. Chân ngã..... Thái dương Thiên Thần các cánh hoa bác ái.

3. chân thần..... Cha trên Trời các cánh hoa hi sinh.

97. Người ta tự hỏi, vì một hữu thể thiên thần riêng biệt (tức là một “thái âm tổ phụ” và một “Thái dương Thiên Thần”) được liên kết với phàm ngã và Chân ngã, liệu một loại Hữu thể thiên thần khác cũng có thể được liên kết với cấp độ chân thần hay không. Có lẽ một *Hữu thể* như thế có thể được rút ra từ Huyền Giai Sáng Tạo của các Đấng Kiến Tạo

(the “Burning Sons of Desire”) focusing on the monadic plane.

98. Such a hypothesis would suggest that a Solar Angel would find its truer home on triadal levels.

It then becomes possible for a still higher form of energy to be felt, that which is the energy of the **centre of the body of the Heavenly Man or planetary Logos, and which uses the "Jewel in the Lotus" as its focal point.**

99. We have a really amazing statement here, shedding light upon an unsuspected function of the "Jewel in the Lotus"—it serves as a focal point for energy from one of the centres in the body of the Heavenly Man.

100. Some such source centers might be purely cosmic etheric and found upon the systemic manasic, buddhic and atmic planes, but in a higher sense, some such centers could in fact be monadic—seven of them found upon the monadic plane. After all, what *are* the centers within a Planetary Logos? Are there not many of them and found on all planes of the cosmic physical plane?

101. From this perspective, the "Jewel in the Lotus", through the quality of its light, could be expressing energy from a monadic centre within the Heavenly Man.

102. We could infer then that human beings on a given monadic ray would belong to a particular center in a Heavenly Man.

Thiêng liêng (các “Người Con Rực Cháy của Dục Vọng”) hội tụ trên cõi chân thần.

98. Giả thuyết như vậy sẽ gợi ý rằng một Thái dương Thiên Thần sẽ tìm thấy quê hương chân thực hơn của mình trên các cấp độ tam nguyên tinh thần.

Khi đó, một hình thức năng lượng còn cao hơn nữa trở nên có thể được cảm nhận, đó là năng lượng của **trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế, và sử dụng “Viên Ngọc trong Hoa Sen” như điểm hội tụ của nó.**

99. Ở đây chúng ta có một mệnh đề thật sự đáng kinh ngạc, soi sáng một chức năng chưa từng được ngờ tới của “Viên Ngọc trong Hoa Sen”—nó phục vụ như một điểm hội tụ cho năng lượng từ một trong các trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân.

100. Một số trung tâm nguồn như thế có thể thuần túy là dĩ thái vũ trụ và được tìm thấy trên các cõi manas, Bồ đề và atma của hệ thống, nhưng theo một ý nghĩa cao hơn, một số trung tâm như thế thực ra có thể là chân thần—bảy trung tâm trong số đó được tìm thấy trên cõi chân thần. Rốt cuộc, các trung tâm bên trong một Hành Tinh Thượng Đế *là* gì? Chẳng phải có rất nhiều trung tâm như thế và được tìm thấy trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ hay sao?

101. Từ góc nhìn này, “Viên Ngọc trong Hoa Sen”, qua phẩm tính ánh sáng của nó, có thể đang biểu lộ năng lượng từ một trung tâm chân thần bên trong Đấng Thiên Nhân.

102. Khi đó, chúng ta có thể suy ra rằng những con người thuộc một cung chân thần nhất định sẽ thuộc về một trung tâm đặc thù trong một Đấng Thiên Nhân.

103. However, membership in such a center might depend not only on the monadic ray but on the degree of evolution of the Monad in question.

In this summation, we have dealt with the main types of energy manifesting in the egoic or causal body.

104. These types of energy come from the atomic triangle, from the level of the Ego itself, and from the Monad situation on planes higher than the egoic subplanes.

105. The egoic lotus is certainly not simply an impervious, self-contained unit of energy. It is 'fed' from many sources, and when these sources are understood, the simulation can be augmented.

Certain other influences must likewise be considered in connection with the outer tier of petals.

106. DK tries to give us as complete a picture as possible of "energy streams".

107. If we think of those words—"energy streams"—we will have in mind a very important picture of the reality underlying the outer form.

108. We began this discussion by speaking of sources of energy which influenced the outer tier of petals. During the process of discussion, however, DK seemed to focus on sources of energy working not only through

103. Tuy nhiên, tư cách thành viên trong một trung tâm như thế có thể không chỉ tùy thuộc vào cung chân thần mà còn vào mức độ tiến hoá của chân thần đang được xét.

Trong phần tổng kết này, chúng ta đã đề cập đến các loại năng lượng chính biểu hiện trong thể chân ngã hay thể nguyên nhân.

104. Những loại năng lượng này đến từ tam giác nguyên tử, từ cấp độ của chính Chân ngã, và từ chân thần ở trên các cõi phụ chân ngã.

105. Hoa sen chân ngã chắc chắn không chỉ đơn giản là một đơn vị năng lượng khép kín, không thấm nhập. Nó được 'nuôi dưỡng' từ nhiều nguồn, và khi những nguồn này được hiểu rõ, sự mô phỏng có thể được tăng cường.

Một số ảnh hưởng khác cũng phải được xem xét liên hệ với vòng cánh hoa ngoài.

106. DK cố gắng đem đến cho chúng ta một bức tranh đầy đủ nhất có thể về "các dòng năng lượng".

107. Nếu chúng ta nghĩ đến những từ ấy —"các dòng năng lượng"—chúng ta sẽ có trong tâm trí một hình ảnh rất quan trọng về thực tại nằm bên dưới hình tướng bên ngoài.

108. Chúng ta đã bắt đầu cuộc thảo luận này bằng cách nói về các nguồn năng lượng ảnh hưởng đến vòng cánh hoa ngoài. Tuy nhiên, trong tiến trình thảo luận, DK dường như tập trung vào các nguồn năng lượng hoạt

the outer tier, but through the middle and inner tiers.

e. There is the energy reaching directly to the knowledge petals from the manasic permanent atom.

109. DK has discussed three sources in relation to the knowledge petals (but also in relation to the love and sacrifice petals)—the threefold energy-stream from the atomic triangle; the energy stream manifesting through the second or love tier; the energy-stream emanating from the Monad.

110. DK focussed the two higher energy-streams through the second and inner tier respectively, but still seems to be suggesting that these higher energy-streams still have a relation to the outer of knowledge tier.

111. Now He speaks of the spiritual triad as source of energy-streams. Charts VIII and IX in TCF reveal this relationship.

The permanent atoms of the Spiritual Triad, as well as the bodies which are built around them,

112. From what point in the evolution process are such bodies actually built. Do they exist from the outset or are they built only later. Certainly they are "coordinated" only later.

bring in certain groups of deva lives which have not as yet been much considered.

113. One can, therefore, presume that the higher permanent atoms are an important

động không chỉ qua vòng ngoài mà còn qua các vòng giữa và trong.

e. Có năng lượng đi trực tiếp đến các cánh hoa tri thức từ nguyên tử trường tồn manas.

109. DK đã bàn đến ba nguồn liên hệ với các cánh hoa tri thức (nhưng cũng liên hệ với các cánh hoa bác ái và hi sinh)—dòng năng lượng tam phân từ tam giác nguyên tử; dòng năng lượng biểu hiện qua vòng thứ hai hay vòng bác ái; dòng năng lượng phát ra từ chân thần.

110. DK đã hội tụ hai dòng năng lượng cao hơn qua vòng thứ hai và vòng trong tương ứng, nhưng dường như vẫn đang gợi ý rằng những dòng năng lượng cao hơn này vẫn có liên hệ với vòng ngoài hay vòng tri thức.

111. Giờ đây Ngài nói đến Tam Nguyên Tinh Thần như là nguồn của các dòng năng lượng. Biểu đồ VIII và IX trong Luận về Lửa Vũ Trụ cho thấy mối liên hệ này.

Các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần, cũng như các thể được xây dựng quanh chúng,

112. Từ điểm nào trong tiến trình tiến hoá mà những thể như thế thực sự được xây dựng? Chúng có tồn tại ngay từ đầu hay chỉ được xây dựng về sau? Chắc chắn chúng chỉ được "phối hợp" về sau mà thôi.

đưa vào một số nhóm sự sống thiên thần nhất định mà cho đến nay chưa được xem xét nhiều.

113. Do đó, người ta có thể giả định rằng các nguyên tử trường tồn cao là một nguồn

source of energy streams into the egoic lotus.

114. Of what nature are the deva lives here mentioned and how are they related to the Creative Hierarchies which express upon the buddhic and atmic planes.

115. We will continue this exploration in the next commentary.

quan trọng của các dòng năng lượng đi vào hoa sen chân ngã.

114. Các sự sống thiên thần được nhắc đến ở đây có bản chất gì, và chúng liên hệ thế nào với các Huyền Giai Sáng Tạo biểu lộ trên các cõi Bồ đề và atma.

115. Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc khảo sát này trong phần bình luận kế tiếp.

S9S4 Part II

TCF 1112-1116

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

The permanent atoms of the Spiritual Triad, as well as the bodies which are built around them,

1. From what point in the evolutionary process are such bodies actually built? Do they exist from the outset when the permanent atoms around which they are organized are chosen by the Monad, or are

TCF 1112-1116

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần, cũng như các thể được xây dựng quanh chúng,

1. Từ điểm nào trong tiến trình tiến hoá mà những thể như thế thực sự được xây dựng? Chúng có tồn tại ngay từ đầu, khi các nguyên tử trường tồn mà quanh đó chúng được tổ chức được chân thần chọn lựa, hay chúng

they built only later? Certainly they are "coordinated" only later.

chỉ được xây dựng về sau? Chắc chắn chúng chỉ được "phối hợp" về sau mà thôi.

bring in certain groups of deva lives which have not as yet been much considered.

đưa vào một số nhóm sự sống thiên thần nhất định mà cho đến nay chưa được xem xét nhiều.

2. One can, therefore, presume that the higher permanent atoms are an important source of energy streams into the egoic lotus.

2. Do đó, người ta có thể giả định rằng các nguyên tử trường tồn cao là một nguồn quan trọng của các dòng năng lượng đi vào hoa sen chân ngã.

3. Of what nature are the deva lives here mentioned and how are they related to the Creative Hierarchies which express upon the buddhic and atmic planes?

3. Các sự sống thiên thần được nhắc đến ở đây có bản chất gì, và chúng liên hệ thế nào với các Huyền Giai Sáng Tạo biểu lộ trên các cõi Bồ đề và atma?

4. We will continue the exploration we began in the previous commentary.

4. Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc khảo sát mà chúng ta đã bắt đầu trong phần bình luận trước.

They are not the lunar pitris, as that term is commonly understood, but **have a direct connection with what is called "the cosmic moon"** or to that **dying solar system** which has the same relation to our system as the moon has to the earth chain.

Chúng không phải là các thái âm tổ phụ, theo cách thuật ngữ đó thường được hiểu, mà **có một liên hệ trực tiếp với điều được gọi là "mặt trăng vũ trụ"** hay với **hệ mặt trời đang chết** có cùng mối liên hệ với hệ thống chúng ta như Mặt Trăng có với Dãy Địa Cầu.

5. We are into some fascinating occultism here. The high substantial lives upon triadal levels are not lunar pitris but do carry a vibration analogous to the 'lunar' vibration. They are related to a dying *solar* system or "cosmic moon". DK draws the analogy to our Moon which is apparently part of the Earth-scheme.

5. Ở đây chúng ta đang đi vào một số huyền bí học thật hấp dẫn. Các sự sống chất liệu cao trên các cấp độ tam nguyên tinh thần không phải là thái âm tổ phụ, nhưng quả thật mang một rung động tương tự với rung động "thái âm". Chúng có liên hệ với một hệ mặt trời *đang chết* hay "mặt trăng vũ trụ". Chân sư DK nêu phép loại suy với Mặt Trăng của chúng ta, vốn dường như là một phần của hệ hành tinh Trái Đất.

6. From one perspective, we can wonder whether this "cosmic moon" is a type of

6. Từ một góc nhìn, chúng ta có thể tự hỏi liệu "mặt trăng vũ trụ" này có phải là một loại Mặt Trời đã tắt lịm, là di tích của cái đã

burnt-out Sun, the vestige of that which served as a Sun in the previous solar system.

7. If the cosmic moon under discussion has the same relation to our present solar system as our Moon has to the Earth-scheme, then it is a deleterious, retrogressive influence.

8. We have to determine to what extent this previous solar system is *dying*. Apparently there are some residual lives still living within it.

9. Perhaps the Monad did not play a very important part in the previous solar system. Perhaps the triadal lives represented the heights of attainment.

10. In any case, because these deva lives are located on triadal levels, they cannot be considered as primitive as the lunar lives who express within the lower three worlds.

This "cosmic [Page 1113] moon" **transmits its energy to the manasic atomic subplane**, via the planet Saturn.

11. This is so incredibly important. The "cosmic moon" *still has energy*, it seems, and is still active. Our own Moon has no true radiation of its own, we are told, but this does not seem to be the case for the "cosmic moon".

"Another point which should here be noted is that the influence of the moon is purely symbolic in nature and in effect and is simply the result of ancient thought and teaching (descended to us from Lemurian times) and is not based upon any true

từng phục vụ như một Mặt Trời trong hệ mặt trời trước hay không.

7. Nếu mặt trăng vũ trụ đang được bàn đến có cùng mối liên hệ với hệ mặt trời hiện tại của chúng ta như Mặt Trăng của chúng ta có với hệ hành tinh Trái Đất, thì nó là một ảnh hưởng có hại và thoái hóa.

8. Chúng ta phải xác định xem hệ mặt trời trước này *đang chết* đến mức nào. Dường như vẫn còn một số sự sống dư tồn đang sống bên trong nó.

9. Có lẽ chân thần đã không đóng một vai trò thật quan trọng trong hệ mặt trời trước. Có lẽ các sự sống tam nguyên tinh thần tượng trưng cho những đỉnh cao thành tựu.

10. Dù sao đi nữa, vì các sự sống thiên thần này tọa lạc trên các cấp độ tam nguyên tinh thần, chúng không thể bị xem là nguyên thủy như các sự sống thái âm, vốn biểu lộ trong ba cõi thấp.

Mặt trăng vũ trụ [Page 1113] này" **truyền năng lượng của nó đến cõi phụ nguyên tử manas**, qua hành tinh Sao Thổ.

11. Điều này vô cùng quan trọng. Có vẻ như "mặt trăng vũ trụ" *vẫn còn năng lượng* và vẫn còn hoạt động. Chúng ta được bảo rằng chính Mặt Trăng của chúng ta không có bức xạ đích thực nào của riêng nó, nhưng dường như điều này không đúng đối với "mặt trăng vũ trụ".

"Một điểm khác cần được lưu ý ở đây là ảnh hưởng của mặt trăng thuần túy có tính biểu tượng về bản chất và về hiệu quả, và chỉ đơn giản là kết quả của tư tưởng và giáo huấn cổ xưa (truyền lại cho chúng ta từ thời Lemuria), chứ không dựa trên bất kỳ bức xạ

radiation or influence. In those far off times, antedating even Lemuria and constituting in Lemurian days simply an ancient tradition, the moon appeared to be a living vital entity. But I would have you bear definitely in mind that today the moon is nothing more than a dead form. It has no emanation and no radiation of any kind and, therefore, has no effect of any kind. The moon, from the angle of the esoteric knower, is simply an obstruction in space—an undesirable form which must some day disappear. In esoteric astrology, the effect of the moon is noted as a thought effect and as the result of a powerful and most ancient thoughtform; nevertheless, the moon has no quality of her own and can transmit nothing to the Earth. Let me reiterate: The moon is a dead form; it has no emanation at all. That is why the moon is spoken of in the ancient teaching as "veiling either Vulcan or Uranus." This hint or inference has always been here and astrologers would do well to experiment with this suggestion I have made anent the moon and (instead of working with the moon) *let them work with Vulcan* when dealing with the undeveloped or average man *and with Uranus* when considering the highly developed man. They would find some interesting and convincing results eventuate". (EA 13)

hay ảnh hưởng thực sự nào. Trong những thời kỳ xa xưa ấy, còn trước cả Lemuria và trong thời Lemuria chỉ cấu thành một truyền thống cổ xưa, mặt trăng dường như là một thực thể sống đầy sinh lực. Nhưng tôi muốn các bạn ghi nhớ dứt khoát rằng ngày nay mặt trăng không là gì khác hơn một hình tướng chết. Nó không có phát xạ và không có bức xạ dưới bất kỳ loại nào, và vì thế không có bất kỳ hiệu quả nào. Mặt trăng, xét từ góc độ của thức giả huyền bí, chỉ đơn giản là một chướng ngại trong không gian—một hình tướng không mong muốn mà một ngày nào đó phải biến mất. Trong chiêm tinh học nội môn, hiệu quả của mặt trăng được ghi nhận như một hiệu quả tư tưởng và như kết quả của một hình tư tưởng rất mạnh mẽ và cực kỳ cổ xưa; tuy nhiên, mặt trăng không có phẩm tính nào của riêng nó và không thể truyền gì đến Trái Đất. Hãy để tôi nhắc lại: Mặt trăng là một hình tướng chết; nó hoàn toàn không có phát xạ. Đó là lý do vì sao trong giáo huấn cổ xưa người ta nói rằng mặt trăng "che giấu hoặc Vulcan hoặc Uranus". Gợi ý hay hàm ý này luôn luôn hiện diện ở đây, và các nhà chiêm tinh sẽ làm tốt nếu thử nghiệm với gợi ý tôi đã đưa ra liên quan đến mặt trăng và (thay vì làm việc với mặt trăng) *hãy để họ làm việc với Vulcan* khi đề cập đến con người chưa phát triển hay trung bình *và với Uranus* khi xem xét con người phát triển cao. Họ sẽ thấy xuất hiện một số kết quả thú vị và đầy sức thuyết phục". (EA 13)

12. The influences under discussion are not negligible in the life of man because the first (higher) anchor of the antahkarana (the manasic permanent atom) is under stimulation from both the "cosmic moon" and Saturn.

12. Các ảnh hưởng đang được bàn đến không thể xem nhẹ trong đời sống con người, bởi vì điểm neo đầu tiên (cao hơn) của antahkarana (nguyên tử trường tồn manas) đang chịu sự kích thích từ cả "mặt trăng vũ trụ" lẫn Sao Thổ.

13. When thinking of the manasic permanent atom we must always think of its

13. Khi nghĩ đến nguyên tử trường tồn manas, chúng ta phải luôn nghĩ đến mối liên

connection to the planet Saturn. As well, Saturn has a connection to the atmic plane and to the atmic permanent atom.

14. When considering Saturn and Uranus, it is always difficult to determine whether Uranus or Saturn should be related to the manasic permanent atom or the atmic permanent atom. It would seem that, to an extent, it is right to relate *both* planets to each of these permanent atoms.

It is a triple energy and there is an **esoteric connection** between this triple energy, and Saturn's rings.

15. Saturn receives a triple energy from the "cosmic moon". The rings of Saturn, considered the symbol of limitation, are related to this triple ancient energy. Saturn, too, is a planet always deeply associated with the number *three*— and its monadic ray (as well perhaps as its soul ray) is the third.

16. We might consider the influence of the "cosmic moon" as one of the channels for the third ray into our solar system.

17. It is interesting that astronomy may be in the process of discovering *more* than three rings to Saturn.

Saturn is best known for its elaborate ring system. They're made of icy particles orbiting the planet. The rings have distinct divisions, and astronomers have separate designations for each of Saturn's rings. But how many rings does Saturn have?

hệ của nó với hành tinh Sao Thổ. Ngoài ra, Sao Thổ cũng có một liên hệ với cõi atma và với nguyên tử trường tồn atma.

14. Khi xem xét Sao Thổ và Uranus, luôn luôn khó xác định liệu Uranus hay Sao Thổ nên được liên hệ với nguyên tử trường tồn manas hay nguyên tử trường tồn atma. Dường như, ở một mức độ nào đó, việc liên hệ *cả hai* hành tinh với mỗi nguyên tử trường tồn này là đúng.

Đó là một năng lượng tam phân và có một **mối liên hệ huyền bí** giữa năng lượng tam phân này và các vành đai của Sao Thổ.

15. Sao Thổ tiếp nhận một năng lượng tam phân từ "mặt trăng vũ trụ". Các vành đai của Sao Thổ, được xem là biểu tượng của sự giới hạn, có liên hệ với năng lượng cổ xưa tam phân này. Sao Thổ cũng là một hành tinh luôn gắn bó sâu sắc với con số *ba*—và cung chân thần của nó (cũng như có lẽ cả cung linh hồn của nó) là cung ba.

16. Chúng ta có thể xem ảnh hưởng của "mặt trăng vũ trụ" như một trong những kênh dẫn của cung ba đi vào hệ mặt trời của chúng ta.

17. Điều thú vị là thiên văn học có thể đang trong tiến trình khám phá *nhiều hơn* ba vành đai quanh Sao Thổ.

Sao Thổ được biết đến nhiều nhất nhờ hệ thống vành đai phức tạp của nó. Chúng được tạo thành từ các hạt băng quay quanh hành tinh. Các vành đai có những sự phân chia rõ rệt, và các nhà thiên văn có những ký hiệu riêng cho từng vành đai của Sao Thổ. Nhưng Sao Thổ có bao nhiêu vành đai?

The question is actually impossible to answer. Saturn has more than a dozen rings and gaps within the rings – and more are being discovered by spacecraft like NASA's Cassini. But the planet does have several major ring systems and gaps within them.

Câu hỏi này thật ra không thể trả lời dứt khoát. Sao Thổ có hơn một tá vành đai và các khoảng trống bên trong các vành đai—và còn nhiều cái nữa đang được các phi thuyền như Cassini của NASA khám phá. Nhưng hành tinh này quả thật có một số hệ vành đai chính và các khoảng trống bên trong chúng.

The two densest parts of the rings are the A and B rings, separated by the Cassini Division, and then the C Ring. So, is that 3 rings, or 4? Whatever the case, these comprise Saturn's main rings.

Hai phần dày đặc nhất của các vành đai là vành A và vành B, được ngăn cách bởi Khe Cassini, rồi đến vành C. Vậy đó là 3 vành đai hay 4? Dù thế nào đi nữa, chúng cấu thành các vành đai chính của Sao Thổ.

After the 3 main rings, you have the smaller, dusty rings: the D Ring, G Ring, E Ring, and others beyond that. There's also the F Ring, which is just outside the A Ring.

Sau 3 vành đai chính, bạn có các vành đai nhỏ hơn, đầy bụi: vành D, vành G, vành E, và những vành khác nữa ở xa hơn. Cũng có vành F, nằm ngay bên ngoài vành A.

That's 3 main rings and 5 dusty rings for a total of 8 rings, 9 if you count the Cassini Division.

Như vậy là 3 vành đai chính và 5 vành đai bụi, tổng cộng là 8 vành đai, hoặc 9 nếu tính cả Khe Cassini.

But there are even more rings around Saturn. There's the Janus Ring, the Methone Ring Arc, the Anthe Ring Arc and the Pallene Ring, as well as the Roche Division. 4 more rings and another division.

Nhưng quanh Sao Thổ còn có nhiều vành đai hơn nữa. Có vành Janus, Cung Vành Methone, Cung Vành Anthe và vành Pallene, cũng như Phân khu Roche. Thêm 4 vành đai nữa và một phân khu nữa.

That brings us to 12 rings and 2 divisions.

Như vậy tổng cộng là 12 vành đai và 2 phân khu.

But then there are also smaller divisions and gaps within the various rings that would bring the total to more than 30 (the Encke Gap, the Huygens Gap, the Dawes Gap, and many more).

Nhưng rồi cũng còn có những phân khu và khoảng trống nhỏ hơn bên trong các vành đai khác nhau, khiến tổng số tăng lên hơn 30 (Khe Encke, Khe Huygens, Khe Dawes, và nhiều nữa).

To answer the question, how many rings does Saturn have, you really need to find out how closely you're looking. From what you

Để trả lời câu hỏi Sao Thổ có bao nhiêu vành đai, bạn thật sự cần biết mình đang quan sát kỹ đến mức nào. Theo những gì bạn có thể

might be able to see, there are 3 rings. With powerful telescopes, you can make out 8 rings. And with spacecraft like Cassini orbiting Saturn, that total rises above 30.

Written by Fraser Cain

18. The connection here discussed is, however, "esoteric". Perhaps we will not be incorrect if we imagine that the principle of limitation which Saturn often represents is related to this ancient energy and its rings.

19. We must ask, however, whether the triple energy of this ancient "cosmic moon" is related to the planet Saturn per se, or to the perhaps more ancient material gathered around the planet in the form of rings.

The old Commentary expresses this truth about an interesting **group of sons of manas** as follows:

"These Sons of mind clung to the old and dying form, and refused to leave their Mother.

20. Who *are* these "Sons of mind"? It is far from entirely clear. If they are "brothers" of Saturn (as we will later see), they could well be Planetary Logoi of a lesser kind. Or they could be lesser forms of life such a human beings.

thấy, có 3 vành đai. Với những kính thiên văn mạnh, bạn có thể phân biệt được 8 vành đai. Và với các phi thuyền như Cassini quay quanh Sao Thổ, tổng số ấy tăng lên trên 30.

Viết bởi Fraser Cain

18. Tuy nhiên, mối liên hệ được bàn đến ở đây là "huyền bí". Có lẽ chúng ta sẽ không sai nếu hình dung rằng nguyên lý giới hạn mà Sao Thổ thường tượng trưng có liên hệ với năng lượng cổ xưa này và các vành đai của nó.

19. Tuy nhiên, chúng ta phải hỏi liệu năng lượng tam phân của "mặt trăng vũ trụ" cổ xưa này có liên hệ với chính hành tinh Sao Thổ, hay với chất liệu có lẽ còn cổ xưa hơn đang tụ tập quanh hành tinh dưới hình thức các vành đai.

Cổ Luận diễn tả chân lý này về một **nhóm những con của manas** thú vị như sau:

"Những Con của Trí Tuệ này bám chặt vào hình tướng cũ đang chết, và từ chối rời bỏ Mẹ của mình.

20. Những "Con của Trí Tuệ" này *là* ai? Điều đó hoàn toàn không rõ ràng. Nếu họ là những "huynh đệ" của Sao Thổ (như chúng ta sẽ thấy về sau), họ rất có thể là các Hành Tinh Thượng Đế thuộc loại thấp hơn. Hoặc họ có thể là những hình thức sự sống thấp hơn như con người.

21. From the Old Commentary, we consider the immediately previous solar system to be a "Mother" system. Through its third ray, Saturn is closely related to the "Mother aspect" but through its first ray, to the "Father aspect".

21. Từ Cổ Luận, chúng ta xem hệ mặt trời ngay trước đó là một hệ "Mẹ". Qua cung ba của mình, Sao Thổ có liên hệ mật thiết với "phương diện Mẹ", nhưng qua cung một của nó, với "phương diện Cha".

They **chose** to pass into dissolution with her

Họ **đã chọn** đi vào sự tan rã cùng với Mẹ.

22. Because they "chose" these "Sons of Mind" or "brothers" of Saturn were certainly self-conscious.

22. Bởi vì họ "đã chọn", những "Con của Trí Tuệ" hay những "huynh đệ" của Sao Thổ này chắc chắn là có ngã thức.

23. Such a choice would have represented a major solar systemic retrogression.

23. Một sự lựa chọn như thế hẳn đã tượng trưng cho một sự thoái hóa lớn của hệ mặt trời.

24. Could such "brothers" be those minor Planetary Logoi that ensoul the minor non-sacred planets (or planetoids) within our solar system? Could these Beings have ensouled those orbs we now call the moons of Saturn, Jupiter and Uranus etc., or those very minor planets associated with Pluto and beyond the orbit of Pluto? Are the asteroids related to these "brothers" who had thought to pass into dissolution with the Mother?

24. Liệu những "huynh đệ" như thế có thể là những Hành Tinh Thượng Đế nhỏ đang phú linh cho các hành tinh nhỏ không thiêng liêng (hay các tiểu hành tinh) trong hệ mặt trời của chúng ta chăng? Liệu các Đấng này có thể đã phú linh cho những thiên thể mà nay chúng ta gọi là các mặt trăng của Sao Thổ, Sao Mộc và Uranus v.v., hay những hành tinh rất nhỏ liên hệ với Sao Diêm Vương và vượt ra ngoài quỹ đạo Sao Diêm Vương chăng? Các tiểu hành tinh có liên hệ với những "huynh đệ" này, những vị đã nghĩ đến việc đi vào sự tan rã cùng với Mẹ, chăng?

25. Such a retrogressive attitude, we may infer, is as unhealthy for great Beings as it is for the human being.

25. Chúng ta có thể suy ra rằng một thái độ thoái hóa như thế cũng không lành mạnh đối với các Đấng vĩ đại như đối với con người.

but a younger son (Saturn) sought to rescue his brothers, and to this end **he built a triple bridge between the old and new**.

nhưng một người con trẻ hơn (Sao Thổ) đã tìm cách cứu các huynh đệ của mình, và vì mục đích ấy **y đã xây một cây cầu tam phân giữa cái cũ và cái mới**.

26. One wonders whether the three triadal principles of man could have been transferred into this solar system via this bridge. These three principles are still to be found within the realm of solar systemic Brahma. Thus are not found 'above' the atmic plane.

26. Người ta tự hỏi liệu ba nguyên khí tam nguyên tinh thần của con người có thể đã được chuyển sang hệ mặt trời này qua cây cầu ấy hay không. Ba nguyên khí này vẫn còn được tìm thấy trong phạm vi của Brahma hệ mặt trời. Vì thế chúng không được tìm thấy 'ở trên' cõi atma.

27. We remember that Saturn is associated with the *first* part of the antahkarana. We understand, from the "triple bridge" it created, Saturn's relationship to the antahkarana process.

27. Chúng ta nhớ rằng Sao Thổ được liên kết với phần *đầu tiên* của antahkarana. Từ "cây cầu tam phân" mà nó đã tạo ra, chúng ta hiểu mối liên hệ của Sao Thổ với tiến trình antahkarana.

28. It may be useful to realize that three energy "threads" unite in man, connecting the lower man to his highest principles. These threads are the sutratma, the antahkarana and the creative thread.

28. Có thể hữu ích khi nhận ra rằng ba "sợi dây" năng lượng hợp nhất trong con người, nối phàm nhân với các nguyên khí cao nhất của y. Những sợi dây này là sutratma, antahkarana và sợi dây sáng tạo.

29. To whom or to what is Saturn as a "son"? Could we say that He is a younger "son" to the Solar Logos? This does seem to be the case.

29. Sao Thổ là "con" của ai hay của cái gì? Chúng ta có thể nói rằng Ngài là một "người con" trẻ hơn của Thái dương Thượng đế chăng? Điều này dường như đúng là như vậy.

30. When we think of the "brothers" of Saturn, must we think of them as His peers, or can we think of them as *much* younger "brothers"—even as human Monads? It is possible, after all, that without the agency of Saturn, not only minor Planetary Logoi, but human Monads of a certain kind could have been trapped within the confines of the previous solar system.

30. Khi nghĩ đến những "huynh đệ" của Sao Thổ, chúng ta phải nghĩ đến họ như những vị ngang hàng với Ngài, hay có thể nghĩ đến họ như những "huynh đệ" trẻ hơn *rất nhiều* —thậm chí như các chân thần nhân loại? Rốt cuộc, có thể là nếu không có tác động của Sao Thổ, không chỉ các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ, mà cả các chân thần nhân loại thuộc một loại nào đó cũng có thể đã bị mắc kẹt trong những giới hạn của hệ mặt trời trước.

This bridge persists, and forms a path whereon escape is possible.

Cây cầu này vẫn tồn tại, và tạo thành một con đường trên đó sự thoát ra là có thể.

31. Phải chăng Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng ngay cả *bây giờ* cây cầu ấy "vẫn

31. Is DK telling us that even *now* the "bridge persists? Have not all lives who *could* make their escape, already *made* their escape?

tồn tại"? Chẳng phải mọi sự sống nào *có thể* thoát ra đều đã *thoát* rồi sao?

32. When DK tells us that escape is *still* possible, it is hard to believe that human Monads are among those who can still make their escape. Whether such Monads are *still* making their escape can be debated, but it would seem that *lesser forms of life* still composing the matter/substance of that decaying solar system also have the opportunity to make escape, and may still need to make such an escape, even though such escape may be unconscious. We must remember that in the chronology of Trans-Himalayan Occultism, the previous solar system ended many trillions of years ago.

32. Khi Chân sư DK bảo chúng ta rằng sự thoát ra *vẫn* còn có thể, thật khó tin rằng các chân thần nhân loại nằm trong số những vị vẫn còn có thể thoát ra. Việc những chân thần như thế có *vẫn* đang thoát ra hay không có thể còn tranh luận, nhưng dường như những *hình thức sự sống thấp hơn* vẫn còn cấu thành vật chất/chất liệu của hệ mặt trời đang suy tàn ấy cũng có cơ hội thoát ra, và có thể vẫn cần thực hiện sự thoát ra như thế, dù sự thoát ra ấy có thể là vô thức. Chúng ta phải nhớ rằng trong niên đại học của Huyền Bí Học Xuyên Hy Mã Lạp Sơn, hệ mặt trời trước đã chấm dứt từ nhiều ngàn tỉ năm trước.

33. We can see Saturn's function as a kind of antahkarana between dense physical planes, which cosmically, are not principled, and those levels which (from a cosmic perspective) are. Saturn then serves as a kind of bridge between cosmic density and cosmic ether. From the *cosmic* planetary perspective (i.e., considering our Planetary Logos as a cosmic Being), the higher mental plane can be considered a kind of fourth ether. Saturn acts as a bridge to the systemic higher mental plane where Venus presides.

33. Chúng ta có thể thấy chức năng của Sao Thổ như một loại antahkarana giữa các cõi hồng trần đậm đặc, mà về mặt vũ trụ không có nguyên khí, và những cấp độ mà (từ một góc nhìn vũ trụ) thì có. Khi ấy Sao Thổ phục vụ như một loại cầu nối giữa sự đậm đặc vũ trụ và dĩ thái vũ trụ. Từ góc nhìn hành tinh *vũ trụ* (tức là xét Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta như một Hữu thể vũ trụ), cõi thượng trí có thể được xem như một loại dĩ thái thứ tư. Sao Thổ hoạt động như một cây cầu đến cõi thượng trí hệ thống nơi Sao Kim chủ trì.

34. And certainly the reflection of this bridge persists today within our solar system.

34. Và chắc chắn sự phản chiếu của cây cầu này vẫn tồn tại ngày nay trong hệ mặt trời của chúng ta.

Some escaped and came to the help of the incarnating Sons of Mind who had left the Mother for the Father. The greater gulf was bridged. The lesser gulf persisted, and must

Một số đã thoát ra và đến giúp đỡ những Con của Trí Tuệ đang lâm phàm, những vị đã rời Mẹ để đến với Cha. Vực thẳm lớn hơn đã được bắt cầu. Vực thẳm nhỏ hơn vẫn tồn tại,

be bridged by the living Sons of Mind themselves."

(This latter clause, refers to the building of the antaskarana.)

35. We must focus carefully on the types of B/beings implicated in this discussion.

36. From one perspective, we could interpret the "incarnating Sons of Mind" as human beings who had individualized in the previous solar system. Those who escaped via the bridge could be the Solar Angels who are presently helping humanity evolve. Perhaps they, especially, help those who had ancient ties to the Mother (the previous solar system).

37. We do feel our Solar Angel trying to wean us away from tendencies prominent during the previous solar system and, later, during the Moon-chain.

38. The "great gulf" was that which existed between the previous and present solar system.

39. The "lesser" gulf exists between the dense physical body of the Planetary Logos (His cosmically unprincipled subplanes) and the three subplanes of the higher mental plane. Another but higher "lesser" gulf exists between the lower twenty subplanes (*including* the two lower subplanes of the higher mental plane) and the atomic level of the higher mental plane—the lowest point of the spiritual triad.

The energy transmitted from the **manasic permanent atom of each incarnating jiva**,

và phải được chính những Con của Trí Tuệ đang sống bắt cầu."

(Mệnh đề sau cùng này nói đến việc xây dựng antahkarana.)

35. Chúng ta phải tập trung cẩn thận vào các loại hữu thể/Hữu thể được hàm ý trong cuộc bàn luận này.

36. Từ một góc nhìn, chúng ta có thể diễn giải những "Con của Trí Tuệ đang lâm phàm" là những con người đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước. Những vị đã thoát ra qua cây cầu có thể là các Thái dương Thiên Thần hiện đang giúp nhân loại tiến hoá. Có lẽ chính các vị ấy đặc biệt giúp đỡ những ai đã có những mối liên hệ cổ xưa với Mẹ (hệ mặt trời trước).

37. Chúng ta thật sự cảm thấy Thái dương Thiên Thần của mình đang cố cai sữa chúng ta khỏi những khuynh hướng nổi trội trong hệ mặt trời trước và, về sau, trong Dãy Mặt Trăng.

38. "Vực thẳm lớn" là cái đã tồn tại giữa hệ mặt trời trước và hệ mặt trời hiện tại.

39. "Vực thẳm nhỏ hơn" tồn tại giữa thể xác hồng trần đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế (các cõi phụ không có nguyên khí của Ngài về mặt vũ trụ) và ba cõi phụ của cõi thượng trí. Một "vực thẳm nhỏ hơn" khác nhưng cao hơn tồn tại giữa hai mươi cõi phụ thấp hơn (*bao gồm* hai cõi phụ thấp hơn của cõi thượng trí) và cấp độ nguyên tử của cõi thượng trí—điểm thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần.

Năng lượng được truyền từ **nguyên tử trường tồn manas của mỗi jiva đang lâm phàm**,

40. The incarnating jiva can be considered *triple* even though, essentially, it is the Monad pure and simple.

40. Jiva đang lâm phàm có thể được xem là *tam phân* mặc dù, về bản chất, nó chỉ đơn giản là chân thần thuần túy.

41. From one perspective, it almost seems as if the "incarnating jiva" is the spiritual triad —in extension. Certainly the spiritual triad is part of each incarnating jiva or the jiva could not have a manasic permanent atom.

41. Từ một góc nhìn, gần như có vẻ "jiva đang lâm phàm" là Tam Nguyên Tinh Thần —trong sự mở rộng. Chắc chắn Tam Nguyên Tinh Thần là một phần của mỗi jiva đang lâm phàm, nếu không jiva đã không thể có nguyên tử trường tồn manas.

its union with its reflection, the energy of the mental unit,

sự hợp nhất của nó với phản chiếu của nó, năng lượng của đơn vị hạ trí,

42. Are we here saying that the mental unit is the reflection of the manasic permanent atom? It seems reasonable.

42. Ở đây có phải chúng ta đang nói rằng đơn vị hạ trí là phản chiếu của nguyên tử trường tồn manas không? Điều đó có vẻ hợp lý.

and the triple stream of force thus created on the mental plane,

và dòng mãnh lực tam phân do đó được tạo ra trên cõi trí,

43. It appears that when the manasic permanent atom is united to the mental unit a triple stream of force is created on the mental plane. We can think of this triple stream as consisting of the antahkarana, the sutratma and the creative thread.

43. Dường như khi nguyên tử trường tồn manas được hợp nhất với đơn vị hạ trí thì một dòng mãnh lực tam phân được tạo ra trên cõi trí. Chúng ta có thể nghĩ về dòng tam phân này như gồm antahkarana, sutratma và sợi dây sáng tạo.

44. We might also consider that the triple stream *represents* the personality, the soul and the Monad. In one way, the sutratma representatives the Monad; the antahkarana represents the soul; and the creative thread, the personality.

44. Chúng ta cũng có thể xem rằng dòng tam phân ấy *tượng trưng cho* phàm ngã, linh hồn và chân thần. Theo một cách nào đó, sutratma tượng trưng cho chân thần; antahkarana tượng trưng cho linh hồn; và sợi dây sáng tạo, cho phàm ngã.

45. The mental unit, then, is to be considered the "reflection" of the manasic

45. Vậy thì đơn vị hạ trí phải được xem là "phản chiếu" của nguyên tử trường tồn

permanent atom. The manasic permanent atom has three spirillae and the mental unit has four. We have, however, to determine *in exactly what manner* the mental unit is considered the reflection of the manasic permanent atom.

manas. Nguyên tử trường tồn manas có ba loa tuyến và đơn vị hạ trí có bốn. Tuy nhiên, chúng ta phải xác định *chính xác theo cách nào* đơn vị hạ trí được xem là phản chiếu của nguyên tử trường tồn manas.

46. Another triple stream of force can be considered the manasic permanent atom, the mental unit and the "Son of Mind".

46. Một dòng mãnh lực tam phân khác có thể được xem là nguyên tử trường tồn manas, đơn vị hạ trí và "Con của Trí Tuệ".

47. If from a larger perspective, Venus represents the manasic permanent atom and Earth the mental unit, we have to determine in what manner Earth is or is intended to be the reflection of Venus.

47. Nếu từ một góc nhìn lớn hơn, Sao Kim tượng trưng cho nguyên tử trường tồn manas và Trái Đất tượng trưng cho đơn vị hạ trí, thì chúng ta phải xác định theo cách nào Trái Đất là hay được dự định là phản chiếu của Sao Kim.

has its planetary reflection in the relation of Saturn to another planetary scheme, and the three rings which are **energy rings**, and symbols of an **inner verity**.

có phản chiếu hành tinh của nó trong mối liên hệ của Sao Thổ với một hệ hành tinh khác, và ba vành đai là những **vành đai năng lượng**, và là những biểu tượng của một **chân lý nội tại**.

48. From a certain perspective, Saturn can be considered the symbol of the manasic permanent atom; Venus the symbol of the Ego manifesting through the egoic lotus; and the Earth as the symbol of the mental unit.

48. Từ một góc nhìn nào đó, Sao Thổ có thể được xem là biểu tượng của nguyên tử trường tồn manas; Sao Kim là biểu tượng của chân ngã biểu lộ qua Hoa Sen Chân Ngã; và Trái Đất là biểu tượng của đơn vị hạ trí.

49. The other planetary scheme here mentioned *could be* none other than the Earth as the symbol of the mental unit. (We know of the close relation between Saturn and the Earth—Saturn as the mental body and Earth, the physical body of a great Third Ray Entity.) Sometimes Venus is said to represent the manasic permanent atom and Earth the mental unit.

49. Hệ hành tinh khác được nhắc đến ở đây *có thể* không gì khác hơn là Trái Đất như biểu tượng của đơn vị hạ trí. (Chúng ta biết mối liên hệ mật thiết giữa Sao Thổ và Trái Đất—Sao Thổ như thể trí và Trái Đất như thể xác của một Thực Thể cung ba vĩ đại.) Đôi khi người ta nói Sao Kim tượng trưng cho nguyên tử trường tồn manas và Trái Đất tượng trưng cho đơn vị hạ trí.

50. The “inner verity” is an inner structural truth. The antahkarana is a inner structural truth, and it is threefold.

50. “Chân lý nội tại” là một chân lý cấu trúc bên trong. Antahkarana là một chân lý cấu trúc bên trong, và nó là tam phân.

51. DK seems to be likening the rings of Saturn to the threefold nature of the antahkarana. He specifies most potently that the rings are “energy rings”, just as the antahkarana is to be considered a bridge of *energy* —a threefold bridge.

51. Chân sư DK dường như đang ví các vành đai của Sao Thổ với bản chất tam phân của antahkarana. Ngài nhấn mạnh rất mạnh rằng các vành đai là những “vành đai năng lượng”, cũng như antahkarana phải được xem là một cây cầu của *năng lượng*—một cây cầu tam phân.

52. We could make a comparison as follows:

52. Chúng ta có thể đưa ra một sự so sánh như sau:

Saturn	Manasic permanent atom
Rings of Saturn	Antahkarana
Earth	Mental unit

53. We are now discussing a number of energy-streams which impact the knowledge petals of the egoic lotus.

53. Hiện nay chúng ta đang bàn đến một số dòng năng lượng tác động lên các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã.

a. Energy also pours in upon the **knowledge petals** from the egoic group,

a. Năng lượng cũng tuôn vào các **cánh hoa tri thức** từ nhóm chân ngã,

54. We have earlier read of how energy from the three lower worlds influences the knowledge petals. Now we read of a much higher form of influence upon them—the influence arising from the members of any Ego’s egoic group.

54. Trước đây chúng ta đã đọc về cách năng lượng từ ba cõi thấp ảnh hưởng đến các cánh hoa tri thức. Giờ đây chúng ta đọc về một hình thức ảnh hưởng cao hơn nhiều lên chúng—ảnh hưởng phát sinh từ các thành viên của nhóm chân ngã của bất kỳ chân ngã nào.

hoặc từ **tổng hợp các cánh hoa tri thức của tất cả những hoa sen khác trong nhóm liên**

or from the **aggregated knowledge petals of all the other lotuses in the group affiliated with any particular solar Angel**.

kết với bất kỳ Thái dương Thiên Thần đặc thù nào.

55. It would seem that that knowledge content of one egoic group influences the knowledge content of any particular Ego or Solar Angel within that group.

55. Dường như nội dung tri thức của một nhóm chân ngã ảnh hưởng đến nội dung tri thức của bất kỳ chân ngã hay Thái dương Thiên Thần đặc thù nào trong nhóm ấy.

These groups have been earlier dealt with.

Những nhóm này đã được bàn đến trước đây.

56. Increasingly, and on the physical plane, it becomes possible to meet and interact with those who are part of the content of one's egoic group.

56. Ngày càng nhiều hơn, và trên cõi hồng trần, việc gặp gỡ và tương tác với những người là một phần trong nội dung của nhóm chân ngã của mình trở nên có thể.

b. Energy is transmitted also to the petals [the knowledge petals] via the groups and emanations from those **planetary schemes and streams of force which form the outer petals of that great centre which is our solar system**, and which we are told is seen from the higher planes as a **twelve-petalled lotus**.

b. Năng lượng cũng được truyền đến các cánh hoa [các cánh hoa tri thức] qua các nhóm và các phát xạ từ những **hệ hành tinh và các dòng mãnh lực tạo thành các cánh hoa bên ngoài của trung tâm vĩ đại là hệ mặt trời của chúng ta**, và như chúng ta được bảo, từ các cõi cao hơn nó được thấy như một **hoa sen mười hai cánh**.

57. We are speaking of the energy transmitted from various sources to the *knowledge petals* of the egoic lotus.

57. Chúng ta đang nói về năng lượng được truyền từ nhiều nguồn khác nhau đến các *cánh hoa tri thức* của Hoa Sen Chân Ngã.

58. We have read of transmission to these petals from the personality level and also from the knowledge petals of other Egos in an egoic group related to the soul/Solar Angel/egoic lotus in question. Now we read of transmission from certain "planetary schemes" which form the outer petals of the great lotus of our solar system. Some planetary schemes are more closely allied with the knowledge nature of the Solar Logos than with His love or will nature, and it is of these planetary schemes we are speaking.

58. Chúng ta đã đọc về sự truyền đến các cánh hoa này từ cấp độ phàm ngã và cũng từ các cánh hoa tri thức của những chân ngã khác trong một nhóm chân ngã có liên hệ với linh hồn/Thái dương Thiên Thần/Hoa Sen Chân Ngã đang được xét. Giờ đây chúng ta đọc về sự truyền từ một số "hệ hành tinh" tạo thành các cánh hoa bên ngoài của hoa sen vĩ đại là hệ mặt trời của chúng ta. Một số hệ hành tinh liên minh mật thiết hơn với bản chất tri thức của Thái dương Thượng đế hơn là với bản chất bác ái hay ý chí của Ngài,

và chính về những hệ hành tinh này mà chúng ta đang nói đến.

59. We can imagine, that Mars and Pluto are numbered among such schemes. Probably the schemes which we are discussing are not *sacred* schemes.

59. Chúng ta có thể hình dung rằng Sao Hỏa và Sao Diêm Vương được kể vào số những hệ như thế. Có lẽ các hệ mà chúng ta đang bàn đến không phải là những hệ *thiêng liêng*.

60. It is important to note that our solar system is perceived from higher planes as a "twelve-petalled lotus". This confirms the nature of our solar system as a heart center.

60. Điều quan trọng cần lưu ý là hệ mặt trời của chúng ta được nhận biết từ các cõi cao hơn như một "hoa sen mười hai cánh". Điều này xác nhận bản chất của hệ mặt trời chúng ta như một trung tâm tim.

61. We may ask, "In which greater Being is our Solar Logos a heart center." The Teaching tells us it is the "One About Whom Naught May Be Said", but again, we must ask *which* "One About Whom Naught May Be Said" and what is the scope of such a Being—a 'Constellational Logos' or a 'Super-Constellational Logos'?

61. Chúng ta có thể hỏi: "Trong Hữu thể lớn hơn nào mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim?" Giáo Huấn cho biết đó là "Đấng Bất Khả Tư Nghị", nhưng một lần nữa, chúng ta phải hỏi *Đấng* "Đấng Bất Khả Tư Nghị" nào và phạm vi của một Hữu thể như thế là gì—một 'Thượng đế Chòm Sao' hay một 'Thượng đế Siêu Chòm Sao'?

These streams [Page 1114] do not emanate from the seven sacred planets but from other planetary bodies within the solar Ring-Pass-Not.

Những dòng này [Page 1114] không phát ra từ bảy hành tinh thiêng liêng mà từ những thiên thể hành tinh khác bên trong vòng-giới-hạn mặt trời.

62. The idea suggested above is confirmed. The rays of the sacred planets do not focally stimulate the knowledge petals of the human egoic lotus.

62. Ý tưởng được gợi ra ở trên được xác nhận. Các cung của những hành tinh thiêng liêng không kích thích một cách tiêu điểm các cánh hoa tri thức của Hoa Sen Chân Ngã nhân loại.

63. We must remember that there are *many* planetary bodies within our solar ring-pass-not and through only a relatively few is a *sacred* Planetary Logos in process of expressing.

63. Chúng ta phải nhớ rằng có *nhiều* thiên thể hành tinh bên trong vòng-giới-hạn mặt trời của chúng ta, và chỉ qua một số tương đối ít trong đó mà một Hành Tinh Thượng Đế *thiêng liêng* đang trong tiến trình biểu lộ.

Streams of force from the Sacred Planets play upon the central tier of petals.

Các dòng mãnh lực từ các Hành Tinh Thiêng Liêng tác động lên hàng cánh hoa trung tâm.

64. Sacred planets have achieved a developed soul consciousness and thus, correspondingly, they affect the petals of the egoic lotus which most fully represent the nature and quality of the Ego/soul manifesting through egoic lotus.

64. Các hành tinh thiêng liêng đã đạt được một tâm thức linh hồn phát triển và vì thế, theo định luật tương ứng, chúng ảnh hưởng đến những cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã vốn biểu hiện đầy đủ nhất bản chất và phẩm tính của chân ngã/linh hồn đang biểu lộ qua Hoa Sen Chân Ngã.

65. It would seem impossible that at least some influence of sacred planets would not play upon the knowledge petals, as well, because *some* influence of such planets is *necessarily* involved in the types of experiences through which all human beings must pass when, for millions of years, they are involved in the unfoldment of the knowledge petals. Also, all human beings are born *in* or *under* all signs of the zodiac during that very length period and are thus influenced by such sacred Logoi as those manifesting through the planets Vulcan, Jupiter, Saturn, Mercury, Venus, Neptune and Uranus.

65. Dường như không thể có chuyện ít nhất một số ảnh hưởng của các hành tinh thiêng liêng lại không tác động lên cả các cánh hoa tri thức nữa, bởi vì *một số* ảnh hưởng của những hành tinh như thế *ắt hẳn* có liên quan đến các loại kinh nghiệm mà mọi con người đều phải trải qua khi, trong hàng triệu năm, họ tham dự vào sự khai mở của các cánh hoa tri thức. Ngoài ra, mọi con người đều sinh ra *trong* hay *dưới* mọi dấu hiệu hoàng đạo trong suốt khoảng thời gian rất dài ấy và do đó chịu ảnh hưởng của những Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng như các vị biểu lộ qua các hành tinh Vulcan, Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Hải Vương và Uranus.

66. What I am trying to say is that human beings pass through perhaps twenty million years of experience that relates to the development of their three personality vehicles and, eventually, to the development of the personality itself. It is inconceivable that the seven sacred planets would not be influential during such a lengthy process, even though the human being's response to such sacred planets would, for the vast majority of that time, be a *non-sacred* response.

66. Điều tôi đang cố nói là con người trải qua có lẽ hai mươi triệu năm kinh nghiệm liên hệ đến sự phát triển của ba vận cụ phàm ngã của họ và cuối cùng là đến sự phát triển của chính phàm ngã. Thật không thể tưởng tượng nổi rằng bảy hành tinh thiêng liêng lại không có ảnh hưởng trong một tiến trình dài lâu như thế, dù rằng sự đáp ứng của con người đối với những hành tinh thiêng liêng ấy, trong phần lớn tuyệt đại đa số thời gian đó, sẽ là một sự đáp ứng *không thiêng liêng*.

67. Probably the unfoldment of the central tier, however, is especially dependent upon

67. Tuy nhiên, có lẽ sự khai mở của tầng trung tâm đặc biệt tùy thuộc vào các dòng

streams of force directed from the *sacred* planets.

68. In general, we must agree that even sacred planets can have non-sacred effects. Vulcan, for instance, rules so many of the force patterns associated with the instinctual nature; Venus can indicate primitive magnetism between forms; Mercury can indicate the growth of early mentality; Jupiter may represent simply the urge to incorporate and to grow thereby; and certainly the hard effects of Saturn are present in the very hard karmic experiences through which primitive man must pass.

69. The first twenty million years, of so, are, on the average, concerned with the development of the outer tier—the knowledge petals.

Herein lies a hint to the wise student, and a clue to the nature of the **lower aspect of the solar Angel.**

70. In this text, the Solar Angel is closely associated with the petals of the egoic lotus. We must remember, however, that the Solar Angel *remains* even after its vehicle of manifestation on the higher mental plane is destroyed.

71. If we look at the egoic lotus as the embodiment of the Solar Angel, then the knowledge petals represent the "lower aspect of the solar Angel".

72. It becomes clear that the lower nature of the Solar Angel (manifesting through the

mãnh lực được hướng đến từ các hành tinh *thiêng liêng*.

68. Nói chung, chúng ta phải đồng ý rằng ngay cả các hành tinh thiêng liêng cũng có thể có những tác động không thiêng liêng. Chẳng hạn, Vulcan cai quản rất nhiều mô hình mãnh lực gắn liền với bản chất bản năng; Sao Kim có thể biểu thị từ điện nguyên sơ giữa các hình tướng; Sao Thủy có thể biểu thị sự tăng trưởng của trí tuệ sơ khai; Sao Mộc có thể chỉ đơn giản tượng trưng cho sự thôi thúc đồng hoá và nhờ đó mà tăng trưởng; và chắc chắn những tác động khắc nghiệt của Sao Thổ hiện diện trong các kinh nghiệm nghiệp quả rất khắc nghiệt mà con người nguyên thủy phải trải qua.

69. Hai mươi triệu năm đầu tiên, hoặc khoảng như vậy, trung bình liên quan đến sự phát triển của tầng bên ngoài—các cánh hoa tri thức.

Chính trong đây có một gợi ý cho đạo sinh minh triết, và một đầu mối về bản chất của **phương diện thấp của Thái dương Thiên Thần.**

70. Trong đoạn này, Thái dương Thiên Thần được liên kết chặt chẽ với các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng Thái dương Thiên Thần *vẫn còn tồn tại* ngay cả sau khi vận cụ biểu hiện của nó trên Cõi thượng trí đã bị hủy diệt.

71. Nếu chúng ta xem Hoa Sen Chân Ngã như hiện thân của Thái dương Thiên Thần, thì các cánh hoa tri thức tượng trưng cho "phương diện thấp của Thái dương Thiên Thần".

72. Rõ ràng là bản chất thấp của Thái dương Thiên Thần (biểu hiện qua Hoa Sen Chân

egoic lotus) is to be associated primarily with non-sacred planets. Another way of saying this is that the knowledge petals are particularly stimulated by the non-sacred planets.

Ngã) chủ yếu phải được liên kết với các hành tinh không thiêng liêng. Một cách khác để nói điều này là các cánh hoa tri thức đặc biệt được kích thích bởi các hành tinh không thiêng liêng.

73. We could take Earth, Mars and Pluto and trace their role in the development of the knowledge petals. There are other non-sacred planets which are also involved—for instance, the ones veiled by the Sun and the Moon.

73. Chúng ta có thể lấy Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương rồi truy xét vai trò của chúng trong sự phát triển của các cánh hoa tri thức. Cũng có những hành tinh không thiêng liêng khác có liên quan—chẳng hạn, những hành tinh được Mặt Trời và Mặt Trăng che phủ.

74. It is difficult to give a one-to-one assignment of these three non-sacred planets to the first three petals and all of them are involved in the processes of *all* petals.

74. Thật khó đưa ra một sự phân định một-một giữa ba hành tinh không thiêng liêng này với ba cánh hoa đầu tiên, và tất cả chúng đều tham dự vào các tiến trình của *mọi* cánh hoa.

75. Two possible sequences could be: Mars, Earth, Pluto or Earth, Mars, Pluto.

75. Hai chuỗi khả dĩ có thể là: Sao Hỏa, Trái Đất, Sao Diêm Vương hoặc Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Diêm Vương.

The Love Wisdom Petals.

Các Cánh Hoa Bác Ái – Minh Triết.

76. We note that what are usually called the "Love Petals" are here called the"Love *Wisdom* Petals". This is significant.

76. Chúng ta lưu ý rằng điều thường được gọi là "các Cánh hoa Bác ái" ở đây lại được gọi là các"Cánh hoa Bác Ái – *Minh Triết*". Điều này có ý nghĩa.

The streams of energy playing upon and through this second tier of petals closely resemble those already dealt with, but originate in differing groups of lives (lunar and solar).

Các dòng năng lượng tác động lên và xuyên qua tầng cánh hoa thứ hai này rất giống với những dòng đã được bàn đến, nhưng phát sinh từ những nhóm sự sống khác nhau (thái âm và thái dương).

77. We are searching for the original of certain energy streams playing through the three tiers of the egoic lotus.

77. Chúng ta đang tìm kiếm nguồn gốc của một số dòng năng lượng vận hành xuyên qua ba tầng của Hoa Sen Chân Ngã.

78. We have an interesting statement above: the origin of some of these streams affecting

78. Ở trên chúng ta có một phát biểu thú vị: nguồn gốc của một số dòng ảnh hưởng đến

the central tier of petals are *lunar* as well as *solar.* May we say that the astral body of the personality is connected to the love-wisdom petals? Sometimes these petals are called the "Petals of Love for the Astral Plane".

tầng cánh hoa trung tâm là *thái âm* cũng như *thái dương.* Chúng ta có thể nói rằng thể cảm dục của phàm ngã được nối kết với các cánh hoa bác ái – minh triết chăng? Đôi khi các cánh hoa này được gọi là "Các Cánh hoa Bác ái đối với Cõi cảm dục".

a. The **lowest form of energy**, reaching this circle, emanates from the lower self, via the astral permanent atom, and the second petal of the outer tier.

a. **Hình thức năng lượng thấp nhất**, đạt đến vòng này, phát ra từ phàm ngã, qua nguyên tử trường tồn cảm dục, và cánh hoa thứ hai của tầng bên ngoài.

79. Here we are given an important energy stream of influence, *ascending*, as it were, from 'below':

79. Ở đây chúng ta được cho biết một dòng năng lượng ảnh hưởng quan trọng, như thể *đi lên* từ "bên dưới":

a. From the astral permanent atom

a. Từ nguyên tử trường tồn cảm dục

b. To the love petal in the knowledge tier

b. Đến cánh hoa bác ái trong tầng tri thức

c. To the second tier of petals as a whole

c. Đến toàn bộ tầng cánh hoa thứ hai

It is transmuted astral energy;

Đó là năng lượng cảm dục đã được chuyển hoá;

80. We have the energy of the second tier of petals—the love-wisdom petals—called "transmuted astral energy".

80. Chúng ta có năng lượng của tầng cánh hoa thứ hai—các cánh hoa bác ái – minh triết —được gọi là "năng lượng cảm dục đã được chuyển hoá".

81. Only transmuted astral energy can find its way into the egoic lotus.

81. Chỉ có năng lượng cảm dục đã được chuyển hoá mới có thể tìm được đường đi vào Hoa Sen Chân Ngã.

82. We can infer that along the stream of energy connecting the astral plane with the buddhic plane, the energies of the second tier are to be found in an intermediate position.

82. Chúng ta có thể suy ra rằng dọc theo dòng năng lượng nối cõi cảm dục với cõi Bồ đề, các năng lượng của tầng thứ hai được tìm thấy ở một vị trí trung gian.

it is more powerful than its correspondence in the first tier,

nó mạnh hơn sự tương ứng của nó trong tầng thứ nhất,

83. Since the astral plane is the most coherent and powerful plane in our astral-buddhic solar system, the tier of petals fed by the astral plane is correspondingly the most powerful in the egoic lotus. We are being told here that it is more powerful than the knowledge tier.

owing to the inherent nature of the astral body, and the fact that it is augmented by the **energy of the outer tier itself.**

84. Not only does the astral body feed the love tier, but the knowledge tier does so as well (especially one petal of the knowledge tier)—thus greatly augmenting the strength of the love tier.

This is one of the factors which brings about the more rapid progress made towards the close of the evolutionary period.

85. We are being told that knowledge feeds love-wisdom. This type of dynamic can be associated with the planet Venus.

86. Towards the close of the evolutionary period, aspiration must be very keen and propulsive of the evolutionary process.

There are certain streams of force in the evolution of the Monad which might be regarded as embodying for it the line of least resistance and they are specifically beginning at the lowest:

87. In the following we are looking for the line of least resistance for monadic influence —regardless of the ray of the Monad.

a. Emanations from the vegetable kingdom.

83. Vì cõi cảm dục là cõi cố kết và mạnh mẽ nhất trong hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề của chúng ta, nên tầng cánh hoa được nuôi dưỡng bởi cõi cảm dục tương ứng cũng là tầng mạnh nhất trong Hoa Sen Chân Ngã. Ở đây chúng ta được cho biết rằng nó mạnh hơn tầng tri thức.

do bản chất cố hữu của thể cảm dục, và do sự kiện rằng nó được tăng cường bởi **năng lượng của chính tầng bên ngoài.**

84. Không những thể cảm dục nuôi dưỡng tầng bác ái, mà tầng tri thức cũng làm như vậy (đặc biệt là một cánh hoa của tầng tri thức)—do đó làm tăng cường rất lớn sức mạnh của tầng bác ái.

Đây là một trong những yếu tố đem lại sự tiến bộ nhanh hơn vào lúc gần cuối thời kỳ tiến hoá.

85. Chúng ta được cho biết rằng tri thức nuôi dưỡng bác ái – minh triết. Loại động lực này có thể được liên kết với hành tinh Sao Kim.

86. Vào lúc gần cuối thời kỳ tiến hoá, khát vọng hẳn phải rất mãnh liệt và thúc đẩy tiến trình tiến hoá.

Có những dòng mãnh lực nhất định trong sự tiến hoá của chân thần có thể được xem như hiện thân cho con đường ít trở ngại nhất đối với nó, và chúng được nêu ra một cách chuyên biệt bắt đầu từ mức thấp nhất:

87. Trong phần sau, chúng ta đang tìm kiếm con đường ít trở ngại nhất cho ảnh hưởng chân thần—bất kể cung của chân thần là gì.

a. Các phát xạ từ giới thực vật.

88. The Monad is 'located' on the *second* subplane (from 'above') of the cosmic physical plane and the vegetable kingdom is the *second* kingdom—hence the resonance and the communicating lines of influence.

88. Chân thần được "định vị" trên cõi phụ *thứ hai* (tính từ "trên xuống") của cõi hồng trần vũ trụ, và giới thực vật là giới *thứ hai*—do đó có sự cộng hưởng và các đường truyền ảnh hưởng.

b. Astral energy.

b. Năng lượng cảm dục.

89. Astral energy is focussed on the *second* subplane of the cosmic physical plane (counting from 'below'). The Monad is focused on the *second* subplane of the cosmic physical plane counting from 'above'.

89. Năng lượng cảm dục được tập trung trên cõi phụ *thứ hai* của cõi hồng trần vũ trụ (tính từ "dưới lên"). Chân thần được tập trung trên cõi phụ *thứ hai* của cõi hồng trần vũ trụ tính từ "trên xuống".

c. The energy of the second circle of petals.

c. Năng lượng của vòng cánh hoa thứ hai.

90. Again, the resonance occurs through the number *two.*

90. Một lần nữa, sự cộng hưởng xảy ra qua con số *hai.*

d. Buddhic force.

d. Mãnh lực Bồ đề.

91. Buddhi is the *sixth* principle and the Monad is focused on the *sixth* subplane of the cosmic physical plane counting from 'below'.

91. Bồ đề là nguyên khí *thứ sáu* và chân thần được tập trung trên cõi phụ *thứ sáu* của cõi hồng trần vũ trụ tính từ "dưới lên".

92. Jupiter, a planet expressing the second ray through its soul nature, is one of the rules of the buddhic plane. It is also the principal ruler of the monadic plane—hence a line of communication is established.

92. Sao Mộc, một hành tinh biểu lộ cung hai qua bản chất linh hồn của nó, là một trong những chủ tinh của cõi Bồ đề. Nó cũng là chủ tinh chính của cõi chân thần—do đó một đường truyền thông được thiết lập.

e. The activity of the second Logos, planetary or solar.

e. Hoạt động của Logos thứ hai, hành tinh hay thái dương.

93. The "second Logos" of our solar system is Vishnu, the expression of the second aspect of solar logoic Divinity. The second Planetary Logos may well be considered Venus, the monadic ray of which is both the sixth (the sub-monadic ray) and the second.

93. "Logos thứ hai" của hệ mặt trời chúng ta là Vishnu, biểu hiện của phương diện thứ hai của thiên tính logoi thái dương. Logos Hành Tinh thứ hai rất có thể được xem là Sao Kim, mà cung chân thần của nó vừa là cung sáu (cung dưới chân thần) vừa là cung hai.

This is, of course, only true of this solar system, being the **system of regenerative love**.

Dĩ nhiên, điều này chỉ đúng đối với hệ mặt trời này, vì đây là **hệ thống của bác ái tái sinh**.

94. We are given an important name for our solar system—the "system of regenerative love". We can imagine that Pluto plays its role in this regeneration through its relationship with Venus. The second ray soul of the Planetary Logos of Earth is also deeply involved.

94. Chúng ta được cho một tên gọi quan trọng của hệ mặt trời chúng ta—"hệ thống của bác ái tái sinh". Chúng ta có thể hình dung rằng Sao Diêm Vương đóng vai trò của nó trong sự tái sinh này qua mối liên hệ với Sao Kim. Linh hồn cung hai của Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất cũng can dự sâu xa vào đây.

95. Note that both Earth and Pluto (which are related in various other ways) are planets of *regeneration.*

95. Lưu ý rằng cả Trái Đất lẫn Sao Diêm Vương (vốn liên hệ với nhau theo nhiều cách khác) đều là những hành tinh của *sự tái sinh.*

b. Another form of influencing energy originates in the **inner circle of petals, which is the focal point [Page 1115] of force for the Monad**, considered as atma.

b. Một hình thức năng lượng ảnh hưởng khác phát sinh từ **vòng cánh hoa bên trong, là tiêu điểm [Page 1115] của mãnh lực đối với chân thần**, được xét như atma.

96. We continue to speak of the influences which impact the *central* tier of petals—the love-wisdom petals.

96. Chúng ta tiếp tục nói về các ảnh hưởng tác động lên tầng cánh hoa *trung tâm*—các cánh hoa bác ái – minh triết.

97. Influences from the sacrifice petals, thus, influence the second tier.

97. Như vậy, các ảnh hưởng từ các cánh hoa hi sinh tác động đến tầng thứ hai.

98. The sacrifice petals focalize monadic influence as that influence is represented by atma. The force of the Monad can, we see, be considered as "atma"—spiritual will.

98. Các cánh hoa hi sinh tiêu điểm hóa ảnh hưởng chân thần khi ảnh hưởng ấy được biểu hiện như atma. Như chúng ta thấy, mãnh lực của chân thần có thể được xem là "atma"—ý chí tinh thần.

It must be pointed out that the streams of force which form the "petals of will" have a **dynamic activity** and (when in action) produce very rapid unfoldment.

Cần chỉ ra rằng các dòng mãnh lực tạo thành "các cánh hoa ý chí" có một **hoạt động năng động** và (khi hoạt động) tạo ra sự khai mở rất nhanh chóng.

99. Not only does the human being influenced by the will petals evolve rapidly,

99. Không những con người chịu ảnh hưởng của các cánh hoa ý chí tiến hoá nhanh

but the petals themselves unfold far more rapidly than any of the other petals in the two lower tiers.

chóng, mà chính các cánh hoa ấy cũng khai mở nhanh hơn rất nhiều so với bất kỳ cánh hoa nào khác trong hai tầng thấp hơn.

100. The first aspect of divinity is *dynamic.* We are dealing here with the type of energy which is released during the period when the human being is undergoing initiation. We realize that there is much first ray in the process of initiation.

100. Phương diện thứ nhất của thiên tính là *năng động.* Ở đây chúng ta đang bàn đến loại năng lượng được giải phóng trong giai đoạn khi con người đang trải qua điểm đạo. Chúng ta nhận ra rằng có rất nhiều cung một trong tiến trình điểm đạo.

101. The streams of energy which influence the petals of will might be considered particularly *atmic* and are thus related to the Monad. Atma is the principle of man most closely related to the Monad.

101. Các dòng năng lượng ảnh hưởng đến các cánh hoa ý chí có thể được xem là đặc biệt *atma* và do đó liên hệ với chân thần. Atma là nguyên khí của con người liên hệ mật thiết nhất với chân thần.

It is the inner of the two types of force;

Đó là loại bên trong của hai loại mãnh lực;

102. DK seems to be speaking of the force of the love-wisdom petals and the force of the sacrifice petals. In this case the sacrifice petals are the *inner* of two types of forces.

102. Chân sư DK dường như đang nói về mãnh lực của các cánh hoa bác ái – minh triết và mãnh lực của các cánh hoa hi sinh. Trong trường hợp này, các cánh hoa hi sinh là loại *bên trong* của hai loại mãnh lực.

their mutual interplay provides the necessary stimulus, and results in the opening of the bud and the revelation of the Jewel.

sự tương tác hỗ tương của chúng cung cấp kích thích cần thiết, và đưa đến việc mở nụ và sự mặc khải của Bảo Châu.

103. When love-wisdom and sacrifice interplay, an energy is produced which leads to the opening of the inner bud of three synthesis petals and to the revelation of the "Jewel in the Lotus".

103. Khi bác ái – minh triết và hi sinh tương tác, một năng lượng được tạo ra dẫn đến việc mở nụ bên trong gồm ba cánh hoa tổng hợp và sự mặc khải của "Bảo Châu trong Hoa Sen".

104. We have been told that each of the synthesis petals opens to a degree at one of the first three initiations. We are learning that love-wisdom and will open the synthesis petals. The synthesis petals, themselves, are also to be considered energy centers. Their radiation becomes most

104. Chúng ta đã được cho biết rằng mỗi cánh hoa tổng hợp mở ra ở một mức độ nào đó tại một trong ba lần điểm đạo đầu tiên. Chúng ta đang học rằng bác ái – minh triết và ý chí mở các cánh hoa tổng hợp. Bản thân các cánh hoa tổng hợp cũng phải được xem là các trung tâm năng lượng. Sự bức xạ của

effective in the life of the man who has taken the third initiation.

chúng trở nên hữu hiệu nhất trong đời sống của người đã trải qua lần điểm đạo thứ ba.

The other types of energy [inclusive of triadal energies] find their correspondence with those already enumerated

Các loại năng lượng khác [bao gồm các năng lượng tam nguyên tinh thần] tìm thấy sự tương ứng của chúng với những loại đã được liệt kê

105. One of the interpretations of this sentence is that in each tier of petals there is a correspondence to one of the three complete tiers.

105. Một trong những cách giải thích câu này là trong mỗi tầng cánh hoa đều có một sự tương ứng với một trong ba tầng hoàn chỉnh.

106. From another perspective, each of the three major energies of the spiritual triad finds its particular correspondence in one of the three tiers of petals of the egoic lotus and in one of the petals of each tier.

106. Từ một góc nhìn khác, mỗi một trong ba năng lượng chính của Tam Nguyên Tinh Thần tìm thấy sự tương ứng đặc thù của nó trong một trong ba tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã và trong một cánh hoa của mỗi tầng.

but I seek only to mention one of them,—**that one** [type of energy] **which reaches the second tier of love petals, via the buddhic permanent atom.**

nhưng tôi chỉ tìm cách đề cập đến một trong số đó,—**loại ấy** [loại năng lượng] **đạt đến tầng thứ hai của các cánh hoa bác ái, qua nguyên tử trường tồn Bồ đề.**

107. This is a very important connection. Love from 'above' (buddhic) and love from 'below' (astral), and *both* contribute to the unfoldment of these central petals.

107. Đây là một sự nối kết rất quan trọng. Bác ái từ "bên trên" (Bồ đề) và bác ái từ "bên dưới" (cảm dục), và *cả hai* đều góp phần vào sự khai mở của các cánh hoa trung tâm này.

The energy thus originating is of a peculiarly interesting kind **being the basic energy of all manifestation**, and the **sum total of the forces which form the sevenfold heart of the physical sun,** and which are located within its sheltering luminosity.

Năng lượng phát sinh như vậy thuộc một loại đặc biệt thú vị **vì là năng lượng căn bản của mọi biểu hiện**, và là **tổng số các mãnh lực tạo thành trái tim thất phân của mặt trời hồng trần,** và được định vị trong quang huy che chở của nó.

108. Again, **a profoundly occult statement.**

108. Một lần nữa, đây là **một phát biểu huyền bí học hết sức sâu xa.**

109. Since buddhic energy emanates from the fourth cosmic ether it is responsible for all that manifests in the three lower worlds.

109. Vì năng lượng Bồ đề phát ra từ dĩ thái vũ trụ thứ tư, nên nó chịu trách nhiệm cho mọi điều biểu hiện trong ba cõi thấp. Điều

This is because a number of chakras of the Solar Logos and Planetary Logos (lower chakras, and vortices which represent higher chakras) are found on this fourth cosmic physical subplane. We have the analogy in the manner in which the chakras found upon the fourth *systemic* ether are responsible for manifestation as it occurs within the three densest of the systemic subplanes.

này là vì một số luân xa của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế (các luân xa thấp hơn, và các xoáy lực tượng trưng cho các luân xa cao hơn) được tìm thấy trên cõi phụ hồng trần vũ trụ thứ tư này. Chúng ta có sự tương đồng trong cách mà các luân xa được tìm thấy trên dĩ thái *hệ thống* thứ tư chịu trách nhiệm cho biểu hiện như nó xảy ra trong ba cõi phụ đậm đặc nhất của hệ thống.

110. Note, however, that we are not dealing here with the Heart of the Sun per se, but with the sevenfold heart of the *physical* sun.

110. Tuy nhiên, lưu ý rằng ở đây chúng ta không bàn đến chính Trái Tim Mặt Trời, mà là trái tim thất phân của mặt trời *hồng trần*.

111. Where is the *etheric* heart center of the Solar Logos to be found? Is it on the buddhic plane or on the monadic plane (which seems analogically necessary if one studies the positioning of the chakras of man on TCF Chart VIII)?

111. Trung tâm tim *dĩ thái* của Thái dương Thượng đế được tìm thấy ở đâu? Nó ở trên cõi Bồ đề hay trên cõi chân thần (điều dường như cần thiết theo định luật tương đồng nếu người ta nghiên cứu vị trí các luân xa của con người trên Biểu đồ VIII của TCF)?

112. Where is the heart center of the *physical* sun? It would have to be a *physical* location would it not—at least from the solar logoic point of view? If physical, it would have to be located within the *physical* body of the Solar Logos which is comprised of the three lowest subplanes of the cosmic physical plane, including the higher mental plane on which all tiers of petals are located.

112. Trung tâm tim của mặt trời *hồng trần* ở đâu? Hẳn nó phải là một vị trí *hồng trần*, phải vậy không—ít nhất là từ quan điểm của Thái dương Thượng đế? Nếu là hồng trần, nó hẳn phải được định vị trong thể *hồng trần* của Thái dương Thượng đế, vốn bao gồm ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ, kể cả Cõi thượng trí nơi mọi tầng cánh hoa đều tọa lạc.

113. So we must ask whether DK in this section of text is discussing only the energies of the fourth cosmic ether or whether the energies of the higher mental plane (those energies resonantly related to the buddhic plane) are *also* and *pointedly* being discussed.

113. Vì vậy, chúng ta phải hỏi liệu Chân sư DK trong phần văn bản này chỉ đang bàn đến các năng lượng của dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay các năng lượng của Cõi thượng trí (những năng lượng có liên hệ cộng hưởng với cõi Bồ đề) *cũng* và *một cách rõ rệt* đang được bàn đến.

114. We also seek to know the degree to which the planet Vulcan is related to the "sevenfold heart of the physical sun". It would seem that Vulcan is very much

114. Chúng ta cũng tìm cách biết mức độ mà hành tinh Vulcan có liên hệ với "trái tim thất phân của mặt trời hồng trần". Có vẻ như

located within its (the physical sun's) sheltering luminosity.

Vulcan rất nhiều được định vị trong quang huy che chở của nó (của mặt trời hồng trần).

They [probably energies from the love petals and the energy from the buddhic permanent atom] in their turn are transmitters of the life-impulses from the heart of the central Spiritual Sun,

Chúng [có lẽ là các năng lượng từ các cánh hoa bác ái và năng lượng từ nguyên tử trường tồn Bồ đề] đến lượt mình là những tác nhân truyền dẫn các xung lực sự sống từ trái tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương,

115. If the Central Spiritual Sun is the Monad of the Solar Logos, then the "heart of the central Spiritual Sun" is the *Heart of the Sun* on the cosmic mental plane—the soul nature of the Solar Logos.

115. Nếu Mặt trời Tinh thần Trung Ương là chân thần của Thái dương Thượng đế, thì "trái tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương" là *Trái Tim Mặt Trời* trên cõi trí vũ trụ —bản chất linh hồn của Thái dương Thượng đế.

116. If, however, the Central Spiritual Sun is considered the point in the heavens around which our solar system revolves, then we are dealing with a Source far more remote, and the heart of such a Central Spiritual Sun would be far greater than the Heart of the Sun as usually considered.

116. Tuy nhiên, nếu Mặt trời Tinh thần Trung Ương được xem là điểm trên thiên giới mà quanh đó hệ mặt trời chúng ta quay, thì chúng ta đang bàn đến một Nguồn xa xôi hơn rất nhiều, và trái tim của một Mặt trời Tinh thần Trung Ương như thế sẽ lớn lao hơn nhiều so với Trái Tim Mặt Trời như thường được quan niệm.

117. The greater probability is the first option, with the energy of the Heart of the Sun transmitting to the buddhic plane and thence of the love-wisdom tier of the egoic lotus.

117. Khả năng lớn hơn là phương án thứ nhất, với năng lượng của Trái Tim Mặt Trời truyền đến cõi Bồ đề và từ đó đến tầng bác ái – minh triết của Hoa Sen Chân Ngã.

so that we have a direct graded chain of transmitting energies.

để chúng ta có một chuỗi phân cấp trực tiếp của các năng lượng truyền dẫn.

a. The Heart of the central Spiritual Sun.

a. Trái Tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

118. Although the heart of the *true* Central Spiritual Sun (either the Pleiades or Alcyone as the representative of the Pleiades) is probably involved in this chain of transmission—ultimately—it is probable that the "Heart of the central Spiritual Sun"

118. Mặc dù trái tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương *đích thực* (hoặc là Pleiades hoặc Alcyone như đại diện của Pleiades) có lẽ rốt ráo vẫn can dự vào chuỗi truyền dẫn này, nhưng có khả năng rằng "Trái Tim của Mặt trời Tinh thần Trung Ương" (được nhắc đến

(here referenced) is the Heart of the Sun on the cosmic mental plane and not a still more remote or higher Source.

ở đây) là Trái Tim Mặt Trời trên cõi trí vũ trụ chứ không phải một Nguồn còn xa hơn hay cao hơn nữa.

b. The sevenfold heart of the physical Sun.

b. Trái tim thất phân của Mặt Trời hồng trần.

119. Much depends on whether the term "physical" includes the cosmic ethers. If the term means simply densely physical, the "sevenfold heart of the physical Sun" must be located within the lowest twenty-one systemic subplanes.

119. Nhiều điều tùy thuộc vào việc thuật ngữ "hồng trần" có bao gồm các dĩ thái vũ trụ hay không. Nếu thuật ngữ ấy chỉ có nghĩa là hồng trần đậm đặc, thì "trái tim thất phân của Mặt Trời hồng trần" hẳn phải được định vị trong hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp nhất.

c. The buddhic **devas**

c. Các **thiên thần** Bồ đề

120. Notice that DK refers here to the "buddhic devas" (the Agnisuryans) and not to the buddhic permanent atom.

120. Lưu ý rằng ở đây Chân sư DK nói đến "các thiên thần Bồ đề" (các Agnisuryan) chứ không nói đến nguyên tử trường tồn Bồ đề.

121. It would seem very probable that the Christ would have in His retinue many buddhic devas.

121. Có vẻ rất có khả năng rằng Đức Christ sẽ có trong đoàn tùy tùng của Ngài nhiều thiên thần Bồ đề.

122. The three sources just mentioned are all 'above' the dense physical vehicle of the Solar Logos.

122. Ba nguồn vừa được nhắc đến đều ở "bên trên" vận cụ hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

to

đến

d. The central circle of petals.

d. Vòng cánh hoa trung tâm.

e. The astral permanent atom.

e. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

f. The heart centre within the Head.

f. Trung tâm tim bên trong đầu.

123. By this center we probably mean the major heart center within the head center.

123. Bởi trung tâm này, có lẽ chúng ta muốn nói đến trung tâm tim chính yếu bên trong trung tâm đầu.

124. These three sources are all *within* the dense physical vehicle of the Solar Logos.

124. Ba nguồn này đều ở *bên trong* vận cụ hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

g. The heart centre.

g. Trung tâm tim.

125. We have been given a sevenfold transmission of great value and should commit it to memory. There may be some points missing from the transmission. One such point might be that one of the seven lesser head centers which corresponds to the heart center between the shoulder blades.

125. Chúng ta đã được trao cho một sự truyền dẫn thất phân có giá trị lớn và nên ghi nhớ nó. Có thể có một vài điểm còn thiếu trong sự truyền dẫn này. Một điểm như thế có thể là một trong bảy trung tâm đầu nhỏ tương ứng với trung tâm tim giữa hai bả vai.

126. Learning the resonant lines of energy transmission will be of great value for inducing the energy-flows concerned through the use of the creative imagination.

126. Việc học các đường cộng hưởng của sự truyền dẫn năng lượng sẽ có giá trị lớn trong việc tạo ra các dòng năng lượng liên hệ qua việc sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo.

This buddhic energy is the sumtotal of the life force of Vishnu or the Son, Who is the **transmitter and representative of a still greater cosmic Deity**.

Năng lượng Bồ đề này là tổng số lực sự sống của Vishnu hay Con, Đấng là **tác nhân truyền dẫn và đại diện của một Thượng đế vũ trụ còn vĩ đại hơn nữa**.

127. There is a way in which our entire Solar Logos can be considered as Vishnu, and not just the Second Person of the logoic Trinity.

127. Có một cách mà toàn bộ Thái dương Thượng đế của chúng ta có thể được xem là Vishnu, chứ không chỉ là Ngôi Thứ Hai của Tam Vị logoi.

128. This “still greater cosmic Deity” is probably along the Sirian line—either the Logos Who expresses through the star Sirius, or through the threefold constellation Sirius (Sirius A, Sirius B and Sirius C), or through the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" which may, from a certain perspective, be considered the ‘ *Sirian* System’.

128. “Thượng đế vũ trụ còn vĩ đại hơn nữa” này có lẽ thuộc tuyến Sirian—hoặc là Logos biểu hiện qua sao Sirius, hoặc qua chòm sao Sirius tam phân (Sirius A, Sirius B và Sirius C), hoặc qua "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một" mà từ một góc nhìn nào đó có thể được xem là Hệ thống ‘ *Sirian*’.

129. It is clear that we are speaking of a second ray transmission.

129. Rõ ràng là chúng ta đang nói về một sự truyền dẫn cung hai.

All the above serves to demonstrate the oneness of the tiniest unit with the one great informing Life, and shows the integral beauty of the scheme.

Tất cả những điều trên đều nhằm chứng minh tính nhất thể của đơn vị nhỏ bé nhất với Sự sống vĩ đại duy nhất đang thấm nhuần, và cho thấy vẻ đẹp toàn vẹn của hệ hành tinh.

130. No unit can be permanently excommunicated from the Whole.

130. Không một đơn vị nào có thể bị tuyệt thông vĩnh viễn khỏi Toàn Thể.

The life of the greatest cosmic Lord of Love

Sự sống của vị Chúa Tể Bác ái vũ trụ vĩ đại nhất

131. And Who is that Lord? Is it the Logos of Orion, or the Lord of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One"? The word “greatest” has been used and one might infer that this use could justifiably raise our speculation to the galactic level as we search for the identity of the “greatest cosmic Lord of Love”.

131. Và Đấng ấy là ai? Có phải là Logos của Orion, hay Chúa Tể của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một"? Từ “vĩ đại nhất” đã được dùng, và người ta có thể suy ra rằng cách dùng ấy có thể chính đáng nâng sự suy đoán của chúng ta lên cấp độ thiên hà khi chúng ta tìm kiếm căn tính của “vị Chúa Tể Bác ái vũ trụ vĩ đại nhất”.

pulsates in infinitesimal degree [1116] in the heart of His tiniest reflection,

đập nhịp ở mức độ vô cùng nhỏ bé [Page 1116] trong trái tim của phản chiếu nhỏ bé nhất của Ngài,

132. A holographic universe is suggest. We are dealing principally with the buddhic energy—and its still higher Source. We are told that buddhi lies at the heart of the tiniest atom of substance.

132. Một vũ trụ toàn ảnh được gợi ra. Chúng ta chủ yếu đang bàn đến năng lượng Bồ đề—và Nguồn còn cao hơn của nó. Chúng ta được cho biết rằng Bồ đề nằm ở trung tâm của nguyên tử chất liệu nhỏ bé nhất.

“They are, therefore, one and all an expression of His love nature, and it is for this reason that **buddhi is found at the heart of the tiniest atom, or what we call in this system, electric fire.** For the positive central life of every form is but an expression of cosmic buddhi, and the downpouring of a love which has its source in the Heart of the Solar Logos; this is itself an emanating principle from the ONE

“Do đó, tất cả chúng đều là biểu hiện của bản chất bác ái của Ngài, và chính vì lý do này mà **Bồ đề được tìm thấy ở trung tâm của nguyên tử nhỏ bé nhất, hay điều mà chúng ta gọi trong hệ thống này là Lửa Điện.** Vì sự sống trung tâm dương tính của mọi hình tướng chỉ là một biểu hiện của Bồ đề vũ trụ, và của sự tuôn đổ của một tình thương có nguồn cội trong Trái Tim của Thái dương Thượng đế; bản thân điều này là một nguyên khí phát xạ từ Đấng Duy Nhất Ở TRÊN

ABOVE OUR LOGOS, HE OF WHOM NAUGHT MAY BE SAID". (TCF 1225-1226)

THƯỢNG ĐẾ CỦA CHÚNG TA, Đấng Bất Khả Tư Nghị". (TCF 1225-1226)

133. We note above the identicality of buddhi and electric fire—at least in this second ray solar system. Is there then no *pure* electric fire within our system? Probably not.

133. Ở trên, chúng ta lưu ý sự đồng nhất giữa Bồ đề và Lửa Điện—ít nhất là trong hệ mặt trời cung hai này. Vậy thì trong hệ của chúng ta không có *thuần* Lửa Điện chăng? Có lẽ là không.

134. The tiniest particle may be the tiniest reflection of the greatest Lord of Love. The galaxy may be reflected in the tiniest particle.

134. Hạt nhỏ bé nhất có thể là sự phản chiếu nhỏ bé nhất của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại nhất của Bác ái. Thiên hà có thể được phản chiếu trong hạt nhỏ bé nhất.

and for this reason the atom man can likewise say "I too am God; His Life is mine."

và vì lý do này, con người nguyên tử cũng có thể nói: "Tôi cũng là Thượng đế; Sự Sống của Ngài là của tôi."

135. It becomes clear that one of our prime objectives is attainment of buddhic awareness so that we may *know* our identicality with the Great Logoi in Whom we live and move and have our being.

135. Rõ ràng là một trong những mục tiêu chính yếu của chúng ta là đạt được nhận biết Bồ đề để chúng ta có thể *biết* sự đồng nhất của mình với các Thượng đế Vĩ Đại, trong Các Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu.

S9S4 Part III

TCF 1116-1119

TCF 1116-1119

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô

presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

The Sacrifice Petals. The energies or forces flowing through, and thus producing activity in the **inner tier of petals,** the Sacrifice Petals, are again **similar in nature to those already enumerated**, plus a definite stimulation of power in two directions.

1. We have been dealing with the various influences which impact the three tiers of petals.

2. The sacrifice petals are called the inner tier or circle of petals but not the *inmost* circle.

3. All petals in every tier of petals have a certain similarity. They are *all* most strongly conditioned by the second aspect of divinity no matter how much they may be secondarily influence by other higher or lower sources.

4. The sacrifice petals are petals of *power.*

One stimulating influence comes from the **Will Aspect of the Monad**, and thus (through transmission) from the first Aspect of the planetary Logos, and the **other emanates from the "Sacred Bud which veils the Jewel.**"

5. We are considering the sources of stimulation of the sacrifice petals:

a. One source is the *will* aspect of the Monad. Note that the Monad also has a *wisdom*

đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Các cánh hoa hi sinh. Các năng lượng hay mãnh lực chảy qua, và do đó tạo ra hoạt động trong **vòng cánh hoa bên trong,** các cánh hoa hi sinh, lại một lần nữa **tương tự về bản chất với những gì đã được liệt kê**, cộng thêm một sự kích thích quyền năng rõ rệt theo hai hướng.

1. Chúng ta đã bàn đến các ảnh hưởng khác nhau tác động lên ba vòng cánh hoa.

2. Các cánh hoa hi sinh được gọi là vòng hay chu vi cánh hoa bên trong nhưng không phải là vòng *trong cùng*.

3. Mọi cánh hoa trong mỗi vòng cánh hoa đều có một sự tương đồng nhất định. *Tất cả* đều được phương diện thứ hai của thiên tính tác động mạnh mẽ nhất, bất kể chúng có thể chịu ảnh hưởng thứ yếu đến mức nào từ các nguồn cao hơn hay thấp hơn khác.

4. Các cánh hoa hi sinh là những cánh hoa của *quyền năng.*

Một ảnh hưởng kích thích đến từ **Phương diện Ý Chí của Chân thần**, và do đó (qua sự truyền dẫn) từ Phương diện thứ nhất của Hành Tinh Thượng Đế, còn **ảnh hưởng kia phát ra từ "Nụ Thiêng che phủ Viên Ngọc.**"

5. Chúng ta đang xem xét các nguồn kích thích của các cánh hoa hi sinh:

a. Một nguồn là phương diện *ý chí* của Chân thần. Lưu ý rằng Chân thần cũng có một

aspect and an *activity* aspect which probably stimulated the second and third tiers respectively.

phương diện *minh triết* và một phương diện *hoạt động* mà có lẽ đã kích thích lần lượt vòng thứ hai và thứ ba.

b. We are learning that that the *first* aspect of the Planetary Logos stimulates the first aspect of the Monad—the will aspect.

b. Chúng ta đang học rằng phương diện *thứ nhất* của Hành Tinh Thượng Đế kích thích phương diện thứ nhất của Chân thần—phương diện ý chí.

c. The second source is apparently from the synthesis petals considered as a “Sacred Bud” veiling the "Jewel in the Lotus". We are not sure whether DK is considering the "Jewel" per se as a source of stimulation for the sacrifice petals. Usually the “bud” is considered as one unit including the "Jewel in the Lotus".

c. Nguồn thứ hai dường như đến từ các cánh hoa tổng hợp được xem như một “Nụ Thiêng” che phủ "Viên Ngọc trong Hoa Sen". Chúng ta không chắc liệu Chân sư DK có đang xem chính "Viên Ngọc" như một nguồn kích thích cho các cánh hoa hi sinh hay không. Thông thường “nụ” được xem là một đơn vị bao gồm cả "Viên Ngọc trong Hoa Sen".

This is a particularly strong vibration because, when the inner circle is unfolded, the jewel is revealed,

Đây là một rung động đặc biệt mạnh vì khi vòng bên trong được khai mở, viên ngọc được hiển lộ,

6. The “Jewel” is at least *partially* revealed. The inner circle is completely unfolded by the time the third initiation is taken, but the “Jewel” is not then *fully* revealed—at least according to what Master DK has stated elsewhere about the continuing revelation of the “Jewel” leading up to the fourth initiation.

6. “Viên Ngọc” ít nhất được *hiển lộ một phần*. Vòng bên trong được khai mở hoàn toàn vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận, nhưng khi ấy “Viên Ngọc” vẫn chưa được *hiển lộ trọn vẹn* —ít nhất theo điều Chân sư DK đã nói ở nơi khác về sự hiển lộ tiếp diễn của “Viên Ngọc” dẫn đến lần điểm đạo thứ tư.

and the three "veils" or "sacred petals" open successively when the three tiers unfold.

và ba "màn che" hay "các cánh hoa thiêng" mở ra tuần tự khi ba vòng được khai mở.

7. We have some important synonyms here for the synthesis petals.

7. Ở đây chúng ta có một số từ đồng nghĩa quan trọng cho các cánh hoa tổng hợp.

8. They are called “veils” because they veil the “Jewel”. They are called “sacred petals” because they have been formed by a downflow of buddhic energy.

8. Chúng được gọi là “màn che” vì chúng che phủ “Viên Ngọc”. Chúng được gọi là “các cánh hoa thiêng” vì chúng đã được hình thành bởi một dòng năng lượng Bồ đề tuôn xuống.

9. The sacred petals open successively at each of the first three initiations—the knowledge-synthesis petal continuing to open during initiations two and three and the love-wisdom-synthesis petal opening at the second initiation continues to open as the third initiation is taken. Yet *full* opening so as to disclose the "Jewel in the Lotus" does not occur until the fourth initiation.

9. Các cánh hoa thiêng mở ra tuần tự ở mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên—cánh hoa tổng hợp tri thức tiếp tục mở trong các lần điểm đạo thứ hai và thứ ba, và cánh hoa tổng hợp bác ái–minh triết mở ra ở lần điểm đạo thứ hai tiếp tục mở khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận. Tuy nhiên, sự mở ra *trọn vẹn* để làm lộ "Viên Ngọc trong Hoa Sen" không xảy ra cho đến lần điểm đạo thứ tư.

It is thus apparent what numerous energising agencies are responsible for the "motion," occultly understood, of the egoic lotus.

Do đó rõ ràng là có rất nhiều tác nhân tiếp sinh lực chịu trách nhiệm cho "chuyển động", được hiểu theo huyền bí học, của hoa sen chân ngã.

10. This has been the whole point of our discussion—motion on the plane of mind and especially on the plane of higher mind.

10. Đó chính là toàn bộ trọng điểm của cuộc thảo luận của chúng ta—chuyển động trên cõi trí và đặc biệt trên cõi thượng trí.

11. Streams of energy are motion and induce motion.

11. Các dòng năng lượng là chuyển động và gây ra chuyển động.

12. We are now listing several agencies which energize the egoic lotus.

12. Hiện nay chúng ta đang liệt kê một số tác nhân tiếp sinh lực cho hoa sen chân ngã.

There is the **inherent life of the atomic units** forming each petal,

Có **sự sống cố hữu của các đơn vị nguyên tử** tạo thành mỗi cánh hoa,

13. These atomic units are comprised of the elemental essence of the higher mental plane.

13. Các đơn vị nguyên tử này được cấu thành từ Tinh chất hành khí của cõi thượng trí.

and the circulatory life of the petal itself, regarding it as an individual unit.

và sự sống tuần hoàn của chính cánh hoa, xét nó như một đơn vị cá biệt.

14. The “circulatory” life is distinct from the “inherent life”, though no doubt involves the latter.

14. Sự sống “tuần hoàn” khác biệt với “sự sống cố hữu”, dù chắc chắn có bao hàm điều sau.

There is likewise **the life of the circle of three petals** and to this we must add the unified activity of the outer three circles, or the blending of *knowledge forces* absorbed from the personal self, of *love forces* which are the natural energies of the solar Angel, and of *sacrifice forces* pouring in from the Monad.

Cũng có **sự sống của vòng ba cánh hoa** và vào đó chúng ta phải thêm hoạt động hợp nhất của ba vòng ngoài, hay sự hòa trộn của *các mãnh lực tri thức* được hấp thụ từ phàm ngã, của *các mãnh lực bác ái* là những năng lượng tự nhiên của Thái dương Thiên Thần, và của *các mãnh lực hi sinh* tuôn vào từ Chân thần.

15. Let us tabulate the types of forces involved in the energizing of the egoic lotus.

15. Chúng ta hãy lập bảng các loại mãnh lực liên quan đến việc tiếp sinh lực cho hoa sen chân ngã.

a. The inherent life of the atomic units forming each petal

a. Sự sống cố hữu của các đơn vị nguyên tử tạo thành mỗi cánh hoa

b. The circulatory life of the petal itself

b. Sự sống tuần hoàn của chính cánh hoa

c. The life of each circle of three petals

c. Sự sống của mỗi vòng ba cánh hoa

d. The unified activity of three outer circles of petals (the blending of the knowledge forces, the love forces and the sacrifice forces)

d. Hoạt động hợp nhất của ba vòng cánh hoa ngoài (sự hòa trộn của các mãnh lực tri thức, các mãnh lực bác ái và các mãnh lực hi sinh)

e. Still other forces to be added as explained below—the “Jewel” and presumably the energies of the inmost tier.

e. Những mãnh lực khác nữa sẽ được thêm vào như giải thích dưới đây—“Viên Ngọc” và có lẽ là các năng lượng của vòng trong cùng.

16. Notice that the three circles of petals are called “outer” in contrast to the circle of “sacred petals” or synthesis petals.

16. Hãy lưu ý rằng ba vòng cánh hoa được gọi là “bên ngoài” để đối chiếu với vòng “các cánh hoa thiêng” hay các cánh hoa tổng hợp.

17. It is important to realize that the *knowledge forces* are particularly absorbed from the personal self; that the *love forces* are the most natural of characteristic energies of the Solar Angel; and of course that the

17. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng *các mãnh lực tri thức* đặc biệt được hấp thụ từ phàm ngã; rằng *các mãnh lực bác ái* là những năng lượng đặc trưng tự nhiên nhất của Thái dương Thiên Thần; và dĩ nhiên rằng *các*

sacrifice forces pour in particularly from the Monad.

mãnh lực hi sinh đặc biệt tuôn vào từ Chân thần.

Thus we have a **marvellous aggregate** of streams of energies, all representing interior and still greater (because cosmic) energies.

Như vậy chúng ta có một **tổng thể kỳ diệu** của các dòng năng lượng, tất cả đều đại diện cho những năng lượng nội tại và còn lớn lao hơn nữa (vì là vũ trụ).

18. All the energies closer to the possibility of human comprehension are simply representatives of still greater interior, cosmic energies.

18. Tất cả các năng lượng gần với khả năng thấu hiểu của con người hơn chỉ đơn giản là những đại diện của các năng lượng nội tại, vũ trụ còn lớn lao hơn nữa.

19. Given enough study and persistence, we could, over time, connect the "highest" and the "lowest" in on concatenated stream of influence.

19. Nếu nghiên cứu đủ nhiều và kiên trì đủ mức, theo thời gian chúng ta có thể nối kết "cao nhất" và "thấp nhất" trong một dòng ảnh hưởng liên kết liên tục.

Finally, we have the dynamic force of the "Jewel" at the Heart,

Sau cùng, chúng ta có mãnh lực năng động của "Viên Ngọc" nơi Tâm điểm,

20. At the heart of the egoic lotus…

20. Tại tâm điểm của hoa sen chân ngã…

21. Just as the energy of the sacrifice petals is *dynamic* so is the energy of the "Jewel"—even more so.

21. Cũng như năng lượng của các cánh hoa hi sinh là *năng động* thì năng lượng của "Viên Ngọc" cũng vậy—thậm chí còn hơn thế nữa.

which is itself the **focal point for the life of the planetary Logos**,

chính nó là **tiêu điểm của sự sống của Hành Tinh Thượng Đế**,

22. Not just for the will aspect of the Planetary Logos—but for His *life* itself…

22. Không chỉ đối với phương diện ý chí của Hành Tinh Thượng Đế—mà còn đối với chính *sự sống* của Ngài…

23. Within the monadic triangle (consisting of Will, Wisdom and Activity) there must be a central point which is the very essence of the Monad. Such a central point is not discussed but it can be inferred by analogy. There must be an ultimate home for the liberated volatile essence, and this central

23. Trong tam giác chân thần (gồm Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động) hẳn phải có một điểm trung tâm là chính tinh túy của Chân thần. Điểm trung tâm như thế không được bàn đến nhưng có thể được suy ra theo định luật tương đồng. Phải có một nơi cư ngụ tối hậu cho tinh chất linh động đã được giải

point, more logoic than monadic, is, I think, finally to be correlated with the volatile essence.

thoát, và điểm trung tâm này, mang tính logoi hơn là chân thần, theo tôi, rốt cuộc phải được liên hệ với tinh chất linh động ấy.

and **through the planetary Logos of all the other Logoi**.

và **thông qua Hành Tinh Thượng Đế đến tất cả các Thượng đế khác**.

24. Probably the seven sacred planets influence the "Jewel in the Lotus" which is seven-faceted. Other and higher Logoi (for instance the Logoi of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One") probably also have their influence on the central "Jewel".

24. Có lẽ bảy hành tinh thiêng liêng ảnh hưởng đến "Viên Ngọc trong Hoa Sen", vốn có bảy mặt. Những Thượng đế khác và cao hơn nữa (thí dụ các Thượng đế của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một") có lẽ cũng có ảnh hưởng của Các Ngài lên "Viên Ngọc" trung tâm.

25. Even that Logos within the Great Bear most related to our Planetary Logos would have His very attenuated influence.

25. Ngay cả Thượng đế trong Đại Hùng Tinh có liên hệ nhiều nhất với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng sẽ có ảnh hưởng rất suy giảm của Ngài.

Thus the potentialities latent in the incarnating jiva are stupendous,

Như vậy các tiềm năng tiềm ẩn trong jiva đang lâm phàm là vô cùng lớn lao,

26. Let us remember this for our encouragement.

26. Chúng ta hãy ghi nhớ điều này để tự khích lệ mình.

and he can become as God,

và y có thể trở nên như Thượng đế,

27. This is the destiny for each of us.

27. Đây là định mệnh của mỗi chúng ta.

provided he submits to the evolutionary process, and does not "refrain [Page1117] from being stretched upon the wheel."

miễn là y thuận phục tiến trình tiến hoá, và không "tránh né [Page1117] from being stretched upon the wheel."

28. To be stretched means to be subject to all the experiences of the wheel.

28. Bị kéo căng có nghĩa là phải chịu mọi kinh nghiệm của bánh xe.

29. We are learning that there is no way to “become as God” without going through the completed evolutionary process.

29. Chúng ta đang học rằng không có cách nào để “trở nên như Thượng đế” mà không đi qua trọn vẹn tiến trình tiến hoá.

Thus the expansions of consciousness, which will admit an **individual point of spiritual life** into the councils,

30. A Monad is here being described as an "individual point of spiritual life".

31. What are the "councils"? One is reminded of the Council Chamber of the Most High, to which only a Monad can be admitted.

32. Yet the word "individual" could indicate the Ego on the higher mental plane as an *individuality*.

and the Wisdom of the Deity, are no idle promise but are guaranteed by the very constitution of the vehicle employed, and the place in the scheme of the "**developing Point**," as the Ego is sometimes called.

33. We can see why the Ego should be called a "developing Point". There is no reason, however, why the Monad should not be called something similar though the development of the Ego is more immediate and comprehensible to us.

34. Within the egoic lotus, the "Jewel in the Lotus" is the true "point" and it is the representative of the Monad—the still more *real* point.

Naught in time and space can hinder, for **every form being simply an expression of energised life, tends to serve every other form.**

Như vậy những sự mở rộng tâm thức, vốn sẽ cho phép một **điểm cá biệt của sự sống tinh thần** được bước vào các hội đồng,

30. Ở đây một Chân thần đang được mô tả như một "điểm cá biệt của sự sống tinh thần".

31. "Các hội đồng" là gì? Người ta nhớ đến Phòng Hội Đồng của Đấng Tối Cao, nơi chỉ một Chân thần mới có thể được thừa nhận vào.

32. Tuy nhiên, từ "cá biệt" có thể chỉ Chân ngã trên cõi thượng trí như một *cá thể tính*.

và Minh Triết của Thượng đế, không phải là một lời hứa suông mà được bảo đảm bởi chính cấu tạo của vận cụ được sử dụng, và bởi vị trí trong hệ hành tinh của "**Điểm đang phát triển**," như Chân ngã đôi khi được gọi như vậy.

33. Chúng ta có thể thấy vì sao Chân ngã nên được gọi là một "Điểm đang phát triển". Tuy nhiên, không có lý do gì khiến Chân thần không thể được gọi bằng một danh xưng tương tự, dù sự phát triển của Chân ngã gần gũi và dễ hiểu hơn đối với chúng ta.

34. Trong hoa sen chân ngã, "Viên Ngọc trong Hoa Sen" là "điểm" đích thực và nó là đại diện của Chân thần—điểm còn *thực* hơn nữa.

Không gì trong thời gian và không gian có thể cản trở, vì **mọi hình tướng, chỉ đơn giản là một biểu hiện của sự sống được tiếp sinh lực, đều có khuynh hướng phụng sự mọi hình tướng khác.**

35. Here is asserted the great interdependency of all living beings.

35. Ở đây khẳng định sự tương thuộc lớn lao của mọi sinh thể.

Stimulation of some kind, the tendency to increase the vibration of contacting streams of energy, the accentuation of the activity of each **centralised point**as it contacts other points in the general heightening of the vibration through the interplay of those forces, all this sweeps the entire system on to its consummation, and to the revelation of the "glory which shall some day be revealed.[18] [Bible. I. Peter, 5:1]

Sự kích thích thuộc một loại nào đó, khuynh hướng làm tăng rung động của các dòng năng lượng tiếp xúc, sự nhấn mạnh hoạt động của mỗi **điểm tập trung**khi nó tiếp xúc với các điểm khác trong sự nâng cao tổng quát của rung động qua sự tương tác của các mãnh lực ấy, tất cả điều này cuốn toàn bộ hệ thống tiến tới sự viên mãn của nó, và tới sự mặc khải của "vinh quang một ngày kia sẽ được hiển lộ.18 [Bible. I. Peter, 5:1]

36. Here we have a most beautiful statement of vibratory interdependence.

36. Ở đây chúng ta có một phát biểu hết sức đẹp đẽ về sự tương thuộc rung động.

37. No matter through what form a point may be expressing, each point is *essentially* the Monad.

37. Dù một điểm có thể đang biểu lộ qua hình tướng nào đi nữa, mỗi điểm về bản chất *cốt yếu* đều là Chân thần.

All these forces form the aggregate of what is called "fohatic life."

Tất cả các mãnh lực này tạo thành tổng thể của cái được gọi là "sự sống fohat".

38. The solar system is an aggregation of all manner of forces. This system manifests on the cosmic physical plane, one of the three domains of Fohat---the 'Lord of Cosmic Electricity'.

38. Hệ mặt trời là một tập hợp của đủ mọi loại mãnh lực. Hệ này biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, một trong ba lĩnh vực của Fohat---'Đấng Chúa Tể của Điện Vũ Trụ'.

39. From a deeper perspective, Fohat is Agni or the Life of the entire personality of the Solar Logos.

39. Từ một góc nhìn sâu hơn, Fohat là Agni hay Sự Sống của toàn bộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

As the system, or the body of the Logos, is carried forward through the energy in all its parts,

Khi hệ thống, hay thân thể của Thượng đế, được đưa tiến lên nhờ năng lượng trong mọi phần của nó,

40. Every part of the systemic body of the Logos contributes to the carrying forward of the *entire* body of the Logos.

40. Mỗi phần của thể hệ thống của Thượng đế đều góp phần đưa tiến lên toàn bộ *thân thể* của Thượng đế.

so is each infinitesimal part speeded on to its similar individual glorification.

thì mỗi phần vô cùng nhỏ bé cũng được thúc đẩy tiến tới sự vinh hiển cá biệt tương tự của nó.

41. There are many levels of glorification, each relative. Eventually will supervene the glorification of the One and Only Form—that of the Universe itself.

41. Có nhiều cấp độ vinh hiển, mỗi cấp đều tương đối. Cuối cùng sẽ xuất hiện sự vinh hiển của Hình Tướng duy nhất và độc nhất —đó là của chính Vũ Trụ.

The many which form the All, and the units which constitute the One, cannot be differentiated as the consummation is achieved.

Nhiều cái tạo thành Tất Cả, và các đơn vị cấu thành Đấng Duy Nhất, không thể bị phân biệt khi sự viên mãn được đạt đến.

42. Some glimmer of this possibility occurs to us in our highest states of consciousness.

42. Một thoáng nhận biết về khả năng này đến với chúng ta trong những trạng thái tâm thức cao nhất của mình.

43. “All in One and One in All”.

43. “Tất Cả trong Một và Một trong Tất Cả”.

They are merged, and **lost in the general "beatific light**," as it is sometimes called.

Chúng hòa nhập vào nhau, và **mất đi trong "ánh sáng chí phúc" phổ quát**, như đôi khi nó được gọi như vậy.

44. That psychic power called “beatitude” emanates from the atmic plane which is the “nirvanic plane”. We seem to be speaking, then, of the realization which begins to dawn on the successful Nirvani.

44. Quyền năng thông linh được gọi là “chí phúc” ấy phát ra từ cõi atma, tức là “cõi Niết Bàn”. Vậy thì dường như chúng ta đang nói đến sự chứng nghiệm bắt đầu hé rạng nơi nirvani thành công.

We can then extend the concept somewhat further, and realise the cosmic interplay which is likewise being carried forward.

Khi ấy chúng ta có thể mở rộng khái niệm này thêm đôi chút, và chứng nghiệm sự tương tác vũ trụ cũng đang được xúc tiến tương tự.

45. Master DK is in the midst of what of his consummatory summations. Periodically, as a Master Teacher, He reveals the gathering of all forms of life into one glorious consummation.

45. Chân sư DK đang ở giữa một trong những phần tổng kết viên mãn của Ngài. Theo chu kỳ, với tư cách một Chân sư huấn sư, Ngài mặc khải sự quy tụ của mọi hình thức sự sống vào một sự viên mãn huy hoàng duy nhất.

We can picture the cosmic stimulation and intensification which proceeds **as constellations form the units in the Whole instead of planets or human atoms**. Whole suns with their allied systems in their immensity play the part of atoms.

Chúng ta có thể hình dung sự kích thích và tăng cường vũ trụ diễn ra **khi các chòm sao tạo thành các đơn vị trong Toàn Thể thay vì các hành tinh hay các nguyên tử người**. Những mặt trời trọn vẹn cùng các hệ liên kết của chúng trong sự bao la của chúng đóng vai trò của các nguyên tử.

46. Suns as atoms! To what type of Being would a Sun be as an atom? We have already been told that to some Beings (let us say a Galactic Logos) a Sun is as a cell. To other types of Beings the Sun is as a crystal. The type of Being in relation to which the Sun is as an atom must be far larger than a Being manifesting through a galaxy or island universe.

46. Các mặt trời như những nguyên tử! Đối với loại Hữu thể nào thì một Mặt Trời lại như một nguyên tử? Chúng ta đã được cho biết rằng đối với một số Hữu thể (chúng ta hãy nói rằng một Thượng đế Thiên Hà), một Mặt Trời như một tế bào. Đối với những loại Hữu thể khác, Mặt Trời như một tinh thể. Loại Hữu thể mà đối với đó Mặt Trời như một nguyên tử hẳn phải lớn lao hơn rất nhiều so với một Hữu thể biểu lộ qua một thiên hà hay vũ trụ đảo.

Thus some idea may be gained of the unified purpose underlying the turning of the **great Wheel of the cosmic Heaven**,

Như vậy có thể đạt được một vài ý niệm về mục đích hợp nhất nằm bên dưới sự quay của **bánh xe vĩ đại của Thiên Đàng vũ trụ**,

47. Is Master DK speaking of the One and Only Wheel? The Wheel of the Universe? Or is He speaking of a Galactic Wheel—the vehicle of expression of a Galactic Logos?

47. Chân sư DK có đang nói về Bánh Xe duy nhất và độc nhất không? Bánh Xe của Vũ Trụ? Hay Ngài đang nói về một Bánh Xe Thiên Hà—vận cụ biểu lộ của một Thượng đế Thiên Hà?

and the working through of the life purposes of those stupendous Existences Who [Page 1118] hold a position in the cosmic Hierarchy similar to that of the "ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID."

và sự triển khai các mục đích sự sống của những Hiện Hữu vĩ đại ấy, là những Đấng [Page 1118] giữ một vị trí trong Thánh Đoàn vũ trụ tương tự như vị trí của "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ."

48. DK seems to be speaking of Beings Who are analogous to the Ones we have called the "One About Whom Naught May Be Said" and yet are far greater.

48. DK dường như đang nói về những Hữu thể tương tự với những Đấng mà chúng ta đã gọi là "Đấng Bất Khả Tư Nghị" nhưng còn vĩ đại hơn rất nhiều.

49. "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta chắc chắn có phạm vi nhỏ hơn rất

49. Our local "One About Whom Naught May Be Said" is certainly of far lesser scope than a Galactic Logos. This can be well-reasoned.

nhiều so với một Thượng đế Thiên Hà. Điều này có thể được suy luận hợp lý.

50. Of course the system of our local "One About Whom Naught May Be Said" *could* be called “the great Wheel of the cosmic Heaven”, but such a wheel performs in tiny terms (relatively) within the far greater Wheel through which a Galactic Logos finds expression.

50. Dĩ nhiên hệ thống của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" cục bộ của chúng ta *có thể* được gọi là “bánh xe vĩ đại của Thiên Đàng vũ trụ”, nhưng một bánh xe như thế vận hành trong những giới hạn rất nhỏ bé (tương đối) bên trong Bánh Xe lớn lao hơn rất nhiều mà qua đó một Thượng đế Thiên Hà tìm thấy sự biểu lộ.

It is not possible to give students an adequate idea of the beauty of the egoic lotus when it has reached the stage of complete unfoldment. The radiancy of its colour is not here referred to, but the brilliancy of the fires, and the rapid scintillation of the ceaselessly moving streams and points of energy.

Không thể mang lại cho các đạo sinh một ý niệm đầy đủ về vẻ đẹp của hoa sen chân ngã khi nó đã đạt đến giai đoạn khai mở hoàn toàn. Ở đây không nói đến sự rực rỡ của màu sắc nó, mà là sự chói sáng của các ngọn lửa, và sự lấp lánh mau lẹ của các dòng và các điểm năng lượng chuyển động không ngừng.

51. We have no other choice but to learn to see the egoic lotus for ourselves. We can *imagine* that to which Master DK alludes, but this feat of imagination cannot take the place of the development of direct sight. Towards that we strive.

51. Chúng ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tự mình học cách thấy hoa sen chân ngã. Chúng ta có thể *tưởng tượng* điều mà Chân sư DK ám chỉ, nhưng kỳ công tưởng tượng này không thể thay thế cho sự phát triển của linh thị trực tiếp. Chúng ta phấn đấu hướng tới điều đó.

52. Many things are hidden to us. We know the path to revelation. We have simply to tread that path with undying persistence.

52. Nhiều điều còn bị che giấu đối với chúng ta. Chúng ta biết con đường dẫn đến sự mặc khải. Chúng ta chỉ cần bước đi trên con đường ấy với sự kiên trì không tàn lụi.

Each petal pulsates with quivering fire "points,"

Mỗi cánh hoa rung động với những “điểm” lửa run rẩy,

53. These quivering “fire points” are devic lives. DK has sometime referred to devas as “points”.

53. Những “điểm lửa” run rẩy này là các sự sống thiên thần. DK đôi khi đã gọi các thiên thần là “các điểm”.

54. In fact, all *lives* are *points.*

54. Thật ra, mọi *sự sống* đều là *các điểm.*

and each tier of petals vibrates with life, whilst at the centre glows the Jewel,

và mỗi vòng cánh hoa rung động với sự sống, trong khi ở trung tâm Viên Ngọc rực sáng,

55. With a hue which is a reflection of the quality of the Monad…

55. Với một sắc thái là sự phản chiếu của phẩm tính của Chân thần…

raying forth streams of energy from the centre to the periphery of the outermost circle.

phóng ra các dòng năng lượng từ trung tâm đến chu vi của vòng ngoài cùng.

56. The "Jewel in the Lotus" as the reflection of the Monad participates in the consummation of the development of the egoic lotus.

56. "Viên Ngọc trong Hoa Sen", như sự phản chiếu của Chân thần, tham dự vào sự viên mãn của sự phát triển hoa sen chân ngã.

The fires of living energy circulate around each individual petal and the**method of interweaving and the circulation of the fires is (as may be well realised) sevenfold in nature according to the sevenfold nature of the Logos involved**.

Các ngọn lửa của năng lượng sống tuần hoàn quanh mỗi cánh hoa riêng biệt và **phương pháp đan kết và sự tuần hoàn của các ngọn lửa có bản chất thất phân (như có thể dễ dàng nhận ra) tùy theo bản chất thất phân của Thượng đế liên hệ**.

57. This means that the method of interweaving and circulation depend upon the monadic ray of the Monad concerned. Each Monad represents one of the seven sacred Planetary Logoi.

57. Điều này có nghĩa là phương pháp đan kết và tuần hoàn tùy thuộc vào cung chân thần của Chân thần liên hệ. Mỗi Chân thần đại diện cho một trong bảy Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng.

58. Though seven Logoi can be represented, ultimately three Great Logoi are represented —the three correlating with the *three major* rays of all Monads.

58. Dù bảy Thượng đế có thể được đại diện, rốt cuộc ba Thượng đế Vĩ Đại được đại diện— ba Đấng tương ứng với *ba cung chính* của mọi Chân thần.

Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and **revolves around the central Jewel**, so that we have, not only the **activity of the petals**, not only the **activity of the living points or the deva lives** within the petal circumference, but

Mỗi vòng cánh hoa cũng trở nên hoạt động khi tiến hoá tiến triển, và **quay quanh Viên Ngọc trung tâm**, để chúng ta không chỉ có **hoạt động của các cánh hoa**, không chỉ có **hoạt động của các điểm sống hay các sự sống thiên thần** bên trong chu vi cánh hoa,

likewise the **unified activity of each tier of the threefold lotus**.

59. DK is giving us a tantalizing image of final consummation. He is speaking to our imagination.

60. Let us tabulate the types of activity thus far described:

a. The activity of the petals

b. The activity of the living points or the deva lives within the petal circumference

c. The unified activity of each tier of the threefold lotus.

At a specific stage in evolution, prior to the opening of the central veiling bud,

61. We may presume that this stage occurs following the third initiation.

the three tiers of petals, considered as a unit, begin to revolve, so that the entire lotus appears to be in motion.

62. We have a rhythmic consummation of the activity aspect of divinity.

At the final stages the **central circle of petals opens**,

63. As the fourth initiation is occurring…

64. Other names for this "central circle of petals" are the "sacred petals", the "veils", the inmost petals, the synthesis petals.

mà còn có **hoạt động hợp nhất của mỗi vòng trong hoa sen tam phân**.

59. DK đang trao cho chúng ta một hình ảnh đầy khêu gợi về sự viên mãn cuối cùng. Ngài đang nói với sự tưởng tượng của chúng ta.

60. Chúng ta hãy lập bảng các loại hoạt động đã được mô tả cho đến nay:

a. Hoạt động của các cánh hoa

b. Hoạt động của các điểm sống hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa

c. Hoạt động hợp nhất của mỗi vòng trong hoa sen tam phân.

Ở một giai đoạn nhất định trong tiến hoá, trước khi nụ che phủ trung tâm mở ra,

61. Chúng ta có thể giả định rằng giai đoạn này xảy ra sau lần điểm đạo thứ ba.

ba vòng cánh hoa, được xem như một đơn vị, bắt đầu quay, khiến toàn bộ hoa sen dường như đang chuyển động.

62. Chúng ta có một sự viên mãn nhịp điệu của phương diện hoạt động của thiên tính.

Ở các giai đoạn cuối cùng, **vòng cánh hoa trung tâm mở ra**,

63. Khi lần điểm đạo thứ tư đang diễn ra…

64. Những tên gọi khác của "vòng cánh hoa trung tâm" này là "các cánh hoa thiêng liêng", "các bức màn", các cánh hoa trong cùng, các cánh hoa tổng hợp.

revealing that which is hid, and revolves around the Jewel, only in a contrary direction to the rapidly circulating outer lotus.

tiết lộ điều được che giấu, và xoay quanh Bảo Châu, nhưng theo chiều ngược lại với hoa sen bên ngoài đang tuần hoàn nhanh chóng.

65. Within the demonstration of the final egoic lotus we have wheel turning on itself.

65. Trong sự biểu lộ của hoa sen chân ngã chung cuộc, chúng ta có bánh xe tự xoay trên chính nó.

66. As an analogy, the rotation of the Earth (as seen from a vantage point in space) and its revolution around the Sun proceed from left to right, but the gyration of the Earth's axis proceeds from right to left.

66. Theo phép loại suy, sự tự quay của Trái Đất (khi được nhìn từ một điểm quan sát trong không gian) và sự quay quanh Mặt Trời của nó diễn ra từ trái sang phải, nhưng sự quay tròn của trục Trái Đất lại diễn ra từ phải sang trái.

The reason may not here be revealed for it is hid in the nature of the electric Fire of Spirit itself.

Lý do không thể được tiết lộ ở đây vì nó ẩn giấu trong chính bản chất của Lửa Điện của tinh thần.

67. We remember that electric fire really is a very high form of buddhic energy. Buddhi is the energy of harmonization in which both the pairs of opposites must be given equal representation. Both directions; Spirit as well as matter must be represented. The wheel *must* turn on itself.

67. Chúng ta nhớ rằng lửa điện thực sự là một hình thức rất cao của năng lượng Bồ đề. Bồ đề là năng lượng của sự điều hòa, trong đó cả hai cặp đối cực đều phải được biểu hiện ngang nhau. Cả hai chiều; tinh thần cũng như vật chất đều phải được biểu hiện. Bánh xe *phải* tự xoay trên chính nó.

68. If we knew with certainty the direction of the nine as compare to the direction of the inmost three, we would have confirmed for us the contrary tendencies of the third aspect of divinity and the second aspect of divinity.

68. Nếu chúng ta biết chắc chiều của chín cánh so với chiều của ba cánh trong cùng, thì chúng ta sẽ được xác nhận về các khuynh hướng đối nghịch của phương diện thứ ba của thiên tính và phương diện thứ hai của thiên tính.

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate.

Chính Bảo Châu vẫn huyền bí mà tĩnh tại, và không tuần hoàn.

69. Stasis is one of the qualities of the first ray and the "Jewel", no matter what may be the ray of the Ego or of the Monad,

69. Tính tĩnh tại là một trong những phẩm tính của cung một và "Bảo Châu", bất kể cung của Chân ngã hay của chân thần là gì,

represents in the structure of the egoic lotus, the first ray.

đều biểu hiện trong cấu trúc của hoa sen chân ngã cung một.

It is a point of peace;

Nó là một điểm bình an;

70. The term "peace" suggests Shamballa which is the foremost first ray Center within our planet.

70. Thuật ngữ "bình an" gợi đến Shamballa, là Trung tâm cung một hàng đầu trong hành tinh chúng ta.

it pulsates rhythmically as does the heart of man,

nó đập theo nhịp điệu như trái tim con người,

71. The pulsating heart is the home of the first aspect of divinity as well as the second.

71. Trái tim đang đập là nơi cư ngụ của phương diện thứ nhất của thiên tính cũng như phương diện thứ hai.

72. Pulsation conveying *life* is a dynamic of the first ray.

72. Sự rung đập chuyển tải *sự sống* là một động lực của cung một.

and from it ray forth eight streams of living fire

và từ đó phát ra tám dòng lửa sống

73. The number eight connects this dynamic of pulsation to the Logos of Sirius and, more proximately, to the Christ (the Heart of the Hierarchy).

73. Con số tám nối kết động lực rung đập này với Thượng đế của Sirius và, gần hơn, với Đức Christ (Trái Tim của Thánh Đoàn).

which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals.

vươn đến các đầu mút của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh.

74. How are there four love petals and four sacrifice petals? Why not five? May it be that *by the time the fourth initiation is occurring, the knowledge petals are already in the process of disintegration* and are not enumerated.

74. Làm sao lại có bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh? Tại sao không phải là năm? Có thể chăng rằng *vào lúc lần điểm đạo thứ tư đang diễn ra, các cánh hoa tri thức đã ở trong tiến trình tan rã* và không được tính đến.

75. Within the sacrifice tier are three sacrifice petals and within the love tier there is one.

75. Trong tầng hi sinh có ba cánh hoa hi sinh và trong tầng bác ái có một cánh.

76. Within the love tier there are three love petals and within the sacrifice tier there is one.

76. Trong tầng bác ái có ba cánh hoa bác ái và trong tầng hi sinh có một cánh.

This eight-fold [Page 1119] energy is atma-buddhi.

Năng lượng bát phân [Page 1119] này là atma-buddhi.

77. This is a most significant statement. And we are confirmed in thinking that atma is expressed through the sacrifice tier and buddhi through the love-wisdom tier.

77. Đây là một phát biểu hết sức có ý nghĩa. Và chúng ta được xác nhận khi nghĩ rằng atma được biểu lộ qua tầng hi sinh và buddhi qua tầng bác ái–minh triết.

78. The number eight relates to Sirius (the "Star of Mercury"), Scorpio (the eighth sign of the zodiac), Mercury (the "Guardian of the Eighth Gate") and the Christ (to Whom the number has been assigned—the Lord who relates the highest circle with the lowest).

78. Con số tám liên hệ với Sirius ("Ngôi Sao của Sao Thủy"), Hổ Cáp (dấu hiệu hoàng đạo thứ tám), Sao Thủy ("Đấng Canh Giữ Cổng Thứ Tám") và Đức Christ (Đấng mà con số này đã được gán cho—Đấng Chúa Tể liên kết vòng cao nhất với vòng thấp nhất).

It is **this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego**.

Chính **sự phát xạ cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể Chân ngã**.

79. Thus we learn that the "Jewel in the Lotus" is instrumental in causing the destruction of the egoic lotus.

79. Như vậy chúng ta biết rằng "Bảo Châu trong Hoa Sen" là tác nhân gây nên sự hủy diệt của hoa sen chân ngã.

80. The number "eight" is also intimately related to the process of destruction.

80. Con số "tám" cũng liên hệ mật thiết với tiến trình hủy diệt.

The knowledge petals, not being the subject of the attention of this central fire

Các cánh hoa tri thức, vì không là đối tượng chú ý của ngọn lửa trung tâm này

81. Here it is said and we learn why the rays are eight instead of ten.

81. Ở đây điều này được nói ra và chúng ta hiểu vì sao các tia là tám thay vì mười.

in due time cease to be active;

đến lúc thích hợp sẽ ngừng hoạt động;

82. The intuition gains ascendancy and transcends knowledge.

82. Trực giác giành thế thượng phong và vượt lên trên tri thức.

knowledge is superseded by divine wisdom and **the love petals have their forces equally absorbed.**

tri thức được thay thế bằng minh triết thiêng liêng và **các cánh hoa bác ái có các lực của chúng được hấp thu đồng đều.**

83. It would seem that the eight forces at length become the three as the energies of the love petals are absorbed.

83. Dường như rốt cuộc tám lực trở thành ba khi các năng lượng của các cánh hoa bác ái được hấp thu.

84. This absorption means that one of the forces of sacrifice (that one which worked through the sacrifice petal in the love tier) can no longer express, as its instrument has been absorbed.

84. Sự hấp thu này có nghĩa là một trong các lực của hi sinh (lực đã hoạt động qua cánh hoa hi sinh trong tầng bác ái) không còn có thể biểu lộ nữa, vì công cụ của nó đã bị hấp thu.

Naught is eventually left but the desire to "sacrifice,"

Rốt cuộc không còn gì ngoài khát vọng "hi sinh",

85. Thus, both knowledge and egoic love are transcended and the Will-to-Sacrifice remains—the energy of the sacrifice petals remains, prior to its dissipation.

85. Như vậy, cả tri thức lẫn bác ái chân ngã đều được vượt qua và Ý Chí-Từ Bỏ còn lại—năng lượng của các cánh hoa hi sinh còn lại, trước khi nó tiêu tán.

and as the vibratory impulse is akin to the nature of the living Jewel,

và vì xung lực rung động tương đồng với bản chất của Bảo Châu sống,

86. The "vibratory impulse" of sacrifice is akin to the nature of the "Jewel".

86. "Xung lực rung động" của sự hi sinh tương đồng với bản chất của "Bảo Châu".

it is synthesised in the central living unit and **only the Jewel of fire remains.**

nó được tổng hợp trong đơn vị sống trung tâm và **chỉ còn lại Bảo Châu lửa.**

87. The energy of the sacrifice petals is synthesized in the "Jewel in the Lotus"; the energy of atma is synthesized within the Monad proper.

87. Năng lượng của các cánh hoa hi sinh được tổng hợp trong "Bảo Châu trong Hoa Sen"; năng lượng của atma được tổng hợp trong chính chân thần.

88. When only the "Jewel of fire remains" are we reaching the point at which the "body incorruptible", the body of pure flame, will be produced?

88. Khi chỉ còn lại "Bảo Châu lửa", phải chăng chúng ta đang đạt đến điểm mà tại đó "thể bất hoại", thể của ngọn lửa thuần khiết, sẽ được tạo ra?

When all the petals have merged their forces elsewhere, **the process of revelation is completed.**

89. The process of revelation is accompanied by the process of absorption and synthesis.

The lower fires die out; the central fire is absorbed, and only the radiant point of electric fire persists.

90. That radiant point is the "Jewel in the Lotus" which remains until the egoic lotus is entirely dissipated.

Then a curious phenomenon is to be seen at the final Initiation.

91. The "final initiation" (if we are discussing the consummation of the divine of the egoic lotus) cannot be any initiation beyond the fourth.

92. One might be tempted, however, to think of the seventh initiation. Perhaps at that initiation there is a similar sevenfold display in relation to the monadic "Jewel" with the Temple of Ezekiel (the monadic vehicle in process of destruction).

The Jewel of fire blazes forth as seven jewels within the one, or as the sevenfold electric spark, and in the intensity of the blaze thus created is reabsorbed into the Monad or the One.

Khi tất cả các cánh hoa đã hợp nhất các lực của chúng ở nơi khác, **tiến trình mặc khải được hoàn tất.**

89. Tiến trình mặc khải đi kèm với tiến trình hấp thu và tổng hợp.

Các lửa thấp tắt dần; ngọn lửa trung tâm được hấp thu, và chỉ điểm rực sáng của lửa điện còn tồn tại.

90. Điểm rực sáng ấy là "Bảo Châu trong Hoa Sen", còn lại cho đến khi hoa sen chân ngã hoàn toàn tiêu tán.

Khi ấy một hiện tượng kỳ lạ được thấy vào lần Điểm đạo cuối cùng.

91. "Lần điểm đạo cuối cùng" (nếu chúng ta đang bàn về sự hoàn tất thiêng liêng của hoa sen chân ngã) không thể là bất kỳ lần điểm đạo nào vượt quá lần thứ tư.

92. Tuy nhiên, người ta có thể bị cám dỗ nghĩ đến lần điểm đạo thứ bảy. Có lẽ ở lần điểm đạo đó có một sự biểu lộ thất phân tương tự liên hệ với "Bảo Châu" chân thần cùng với Đền thờ Ezekiel (vận cụ chân thần đang trong tiến trình bị hủy diệt).

Bảo Châu lửa bùng cháy thành bảy bảo châu trong một, hay thành tia lửa điện thất phân, và trong cường độ của ngọn lửa được tạo ra như thế, nó được tái hấp thu vào chân thần hay Đấng Duy Nhất.

93. Our question has long been whether **this absorption into the Monad is *direct* or *mediated* via the spiritual triad.** There are other references which **suggest a meditated passage towards the Monad.**

93. Câu hỏi của chúng ta từ lâu là liệu **sự hấp thu này vào chân thần là *trực tiếp* hay *được trung gian* qua Tam Nguyên Tinh Thần.** Có những tham chiếu khác **gợi ý một sự chuyển tiếp có trung gian hướng về chân thần.**

94. It would seem that since the three circles of petals in the egoic lotus are stimulated by the three permanent atoms of the spiritual triad, that the synthesized energy of these tiers would be absorbed by the synthesis petals and thence by the permanent atoms of the spiritual triad—eventually finding their way into the Monad. But are the energies of the "Jewel in the Lotus", **per se absorbed *directly* into the Monad?** Some features of TCF Chart VIII could make us conclude they are.

94. Dường như vì ba vòng cánh hoa trong hoa sen chân ngã được kích thích bởi ba nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần, nên năng lượng được tổng hợp của các tầng này sẽ được hấp thu bởi các cánh hoa tổng hợp và từ đó bởi các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần—cuối cùng tìm đường vào chân thần. Nhưng các năng lượng của "Bảo Châu trong Hoa Sen", **chính chúng có được hấp thu *trực tiếp* vào chân thần không?** Một số đặc điểm của Biểu đồ VIII trong Luận về Lửa Vũ Trụ có thể khiến chúng ta kết luận là có.

95. Yet we must ponder the following which suggests that the energies of the "Jewel in the Lotus" become centralized in atma-buddhic *before* they reach the Monad proper:

95. Tuy vậy, chúng ta phải suy ngẫm điều sau đây, điều gợi ý rằng các năng lượng thăng lên của "Bảo Châu trong Hoa Sen" được tập trung trong atma-buddhi một thời gian *trước khi* chúng đạt đến chính chân thần:

The central electric fire becomes centralised in atma-buddhi. The Thinker or spiritual entity stands free of the three worlds, and functions consciously on the buddhic plane. Between these two stages of quiescent (though self-conscious) inertia and of that radiant activity which produces a balancing of forces, is a long series of lives. (TCF 764)

Ngọn lửa điện trung tâm trở nên tập trung trong atma-buddhi. Đấng Tư Tưởng hay thực thể tinh thần đứng tự do khỏi ba cõi giới, và hoạt động một cách hữu thức trên cõi Bồ đề. Giữa hai giai đoạn này của quán tính tĩnh lặng (dù vẫn có ngã thức) và của hoạt động rực sáng tạo ra sự quân bình các mãnh lực, là một chuỗi dài các kiếp sống. (TCF 764)

This blazing unit, through the combined heat of its being, burns up the causal body, and escapes back on to the planes of abstraction. (TCF 515)

Đơn vị rực cháy này, nhờ nhiệt lực kết hợp của bản thể nó, thiêu hủy thể nguyên nhân, và thoát trở lại lên các cõi trừu tượng. (TCF 515)

96. The following quotation also suggests that the ascending energies of the "Jewel in the Lotus" are focused for a time within the spiritual triad:

96. Đoạn trích sau đây cũng gợi ý rằng các năng lượng thăng lên của "Bảo Châu trong Hoa Sen" được hội tụ một thời gian trong Tam Nguyên Tinh Thần:

The Chohans of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes), and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds, having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom **into the monadic**. (TCF 485)

Các Chohan của lần Điểm đạo thứ sáu hoạt động trong dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái logoic (các cõi Bồ đề và atma), và đề cập đến sự chuyển tiếp của sự sống của tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong các thế giới ấy, với mục đích chuyển hoá các đơn vị trong giới tinh thần **thành chân thần**. (TCF 485)

97. We judge from this that such Chohans can work *through* the atmic and buddhic permanent atoms of the spiritual triad. At least some of them appear to be able to do this. They are not entirely abstracted onto the monadic plane.

97. Từ đây chúng ta phán đoán rằng các Chohan như thế có thể hoạt động *qua* các nguyên tử trường tồn atma và Bồ đề của Tam Nguyên Tinh Thần. Ít nhất một số vị dường như có thể làm được điều này. Các vị không hoàn toàn được trừu xuất lên cõi chân thần.

98. We gather from this reading of the focal section of text that **electric fire is *sevenfold***. We might also conclude that **not only is the "Jewel" seven-faceted but that the Monad is sevenfold.**

98. Từ cách đọc phần trọng tâm này của bản văn, chúng ta rút ra rằng **lửa điện là *thất phân***. Chúng ta cũng có thể kết luận rằng **không chỉ "Bảo Châu" có bảy mặt mà chân thần cũng là thất phân.**

This process is paralleled at the final consummation of solar evolution when the seven Suns blaze forth before the great Pralaya.

Tiến trình này được song hành ở sự hoàn tất cuối cùng của tiến hoá thái dương khi bảy Mặt Trời bùng cháy trước Đại Giai kỳ qui nguyên.

99. We seem to be speaking of the pralaya of the Solar Logos, not simply between His incarnations, but *after* His *entire* incarnational cycle is concluded. In other words, He will have no further need for a logoic causal body.

99. Dường như chúng ta đang nói về giai kỳ qui nguyên của Thái dương Thượng đế, không chỉ giữa các lần lâm phàm của Ngài, mà *sau khi* chu kỳ lâm phàm *toàn bộ* của Ngài kết thúc. Nói cách khác, Ngài sẽ không còn cần đến một thể nguyên nhân logoic nữa.

All these modes of expression are but pictures which serve to convey some small

Tất cả những phương thức diễn đạt này chỉ là những bức tranh nhằm truyền đạt một ý

idea of the beauty, and the **intricacy** of the divine process as it is carried on in the microcosm, and in the macrocosm.

100. Note the word "intricacy". Nature and Super-Nature are as complex as they are simple.

101. Master DK has given us a picture of two types of consummations, both occurring at a specific type of fourth initiation. One is the consummation for the evolving human being. The other is the consummation for the evolving Solar Logos.

They all serve to limit and circumscribe the reality, but to the man who has **the divine eye in process of opening**,

102. This opening will occur as the sacrifice petals are in process of opening.

103. We are speaking of the opening of the third eye.

104. Thus, we see the relation of sacrifice to vision.

and to him who has the faculty of the higher intuition awakened,

105. DK seems to suggest that **there are lower forms of intuition**. The intuition of which He speaks is that which comes from buddhic streams of energy.

106. **Lower forms of intuition may occur as buddhi stimulates faculties resonant to it within the three lower planes**—the love

niệm nhỏ nào đó về vẻ đẹp, và **sự phức tạp tinh vi** của tiến trình thiêng liêng khi nó được tiến hành trong tiểu thiên địa và trong đại thiên địa.

100. Hãy lưu ý từ "sự phức tạp tinh vi". Bản chất và Siêu-Bản-Chất phức tạp cũng như đơn giản.

101. Chân sư DK đã cho chúng ta một bức tranh về hai loại hoàn tất, cả hai đều xảy ra ở một loại lần điểm đạo thứ tư đặc thù. Một là sự hoàn tất dành cho con người đang tiến hoá. Loại kia là sự hoàn tất dành cho Thái dương Thượng đế đang tiến hoá.

Tất cả chúng đều có tác dụng giới hạn và khoanh vùng thực tại, nhưng đối với người đã có **con mắt thiêng liêng đang trong tiến trình khai mở**,

102. Sự khai mở này sẽ xảy ra khi các cánh hoa hi sinh đang trong tiến trình khai mở.

103. Chúng ta đang nói về sự khai mở của con mắt thứ ba.

104. Như vậy, chúng ta thấy mối liên hệ của sự hi sinh với tầm nhìn.

và đối với người đã có năng lực trực giác thượng đẳng được đánh thức,

105. DK dường như gợi ý rằng **có những hình thức trực giác thấp hơn**. Trực giác mà Ngài nói đến là trực giác đến từ các dòng năng lượng Bồ đề.

106. **Các hình thức trực giác thấp hơn có thể xuất hiện khi buddhi kích thích những năng lực cộng hưởng với nó trong ba cõi**

petals of the egoic lotus for instance, or even the astral body.

thấp—chẳng hạn các cánh hoa bác ái của hoa sen chân ngã, hoặc ngay cả thể cảm dục.

such pictures serve as a clue or key to the higher interpretation.

những bức tranh như thế đóng vai trò như một đầu mối hay chìa khóa cho sự diễn giải cao hơn.

107. The processes we seek to understand here are relatively formless, and yet DK is forced to speak in terms of form. To move from a formulated image or picture to an apprehension of the energy pattern lying behind the picture is an act of intuition.

107. Những tiến trình mà chúng ta tìm cách thấu hiểu ở đây tương đối vô tướng, vậy mà DK buộc phải nói bằng những thuật ngữ của hình tướng. Chuyển từ một hình ảnh hay bức tranh đã được định hình sang sự nắm bắt mô hình năng lượng nằm sau bức tranh là một hành động của trực giác.

They reveal to the student certain ideas as to the nature of fire.

Chúng tiết lộ cho đạo sinh một số ý tưởng về bản chất của lửa.

108. The nature, diversity and mobility of fire…

108. Bản chất, tính đa dạng và tính động của lửa…

S9S5 Part I

TCF 1120-1123:

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

TCF 1119-1123:

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, nhằm giúp dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Cước chú và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược để ở cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện ở cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích bản văn được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình giải**

In concluding what is to be said anent motion in the causal body, I would like to point out that it too—on its own plane—has the three characteristics of inertia, mobility and rhythm.

Để kết thúc những gì cần nói liên quan đến chuyển động trong thể nguyên nhân, tôi muốn chỉ ra rằng chính nó nữa—trên cõi riêng của nó—cũng có ba đặc tính là quán tính, tính động và nhịp điệu.

1. We have sometimes thought that these qualities (the three gunas) apply only to the eighteen lower subplanes. We see now that this is not the case.

1. Đôi khi chúng ta đã nghĩ rằng các phẩm tính này (ba guna) chỉ áp dụng cho mười tám cõi phụ thấp. Giờ đây chúng ta thấy rằng không phải như vậy.

Inertia characterises the stage prior to the **revolution** of the different tiers of petals,

Quán tính đặc trưng cho giai đoạn trước khi có sự **xoay vòng** của các tầng cánh hoa khác nhau,

2. Thus, the stage of inertia occurs not only before any of the major manasic initiations, but probably before the two the minor initiations described below.

2. Như vậy, giai đoạn quán tính không chỉ xảy ra trước bất kỳ lần điểm đạo manas lớn nào, mà có lẽ còn trước hai lần điểm đạo nhỏ được mô tả dưới đây.

Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and revolves around the central Jewel, so that we have, not only the activity of the petals, not only the activity of the living points or the deva lives within the petal circumference, **but likewise the unified activity of each tier of the threefold lotus.** (TCF 1118)

Mỗi vòng cánh hoa, khi tiến hoá tiếp diễn, cũng trở nên hoạt động và xoay quanh Bảo Châu trung tâm, đến nỗi chúng ta không chỉ có hoạt động của các cánh hoa, không chỉ có hoạt động của các điểm sống hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa, **mà còn có hoạt động hợp nhất của mỗi tầng trong hoa sen tam phân.** (TCF 1118)

At the stage which we are considering (that of the organisation and unfoldment of the first tier of petals), the egoic influence felt at the beginning is but small, but when the three petals become sufficiently active and alive through the energy accumulated and stored up in the [870] ego during the activities of the personal life, **a form of initiation then takes place which is a reflection (on a lower plane) of the great manasic initiations. The energy in the outer circle of petals causes it to spring apart from the next circle, and to unfold. This threefold energy becomes interactive**

Ở giai đoạn mà chúng ta đang xét (giai đoạn tổ chức và khai mở tầng cánh hoa thứ nhất), ảnh hưởng chân ngã được cảm nhận lúc ban đầu còn rất nhỏ, nhưng khi ba cánh hoa trở nên đủ hoạt động và sống động nhờ năng lượng được tích lũy và chứa đựng trong chân ngã [870] trong các hoạt động của đời sống phàm ngã, thì **một hình thức điểm đạo diễn ra, là sự phản chiếu (trên một cõi thấp hơn) của các lần điểm đạo manas lớn. Năng lượng trong vòng cánh hoa ngoài làm cho nó bung ra khỏi vòng kế tiếp, và khai mở. Năng lượng tam phân này trở nên tương tác và như thế một giai đoạn rất xác định**

and a very definite stage is thus reached. This series of initiations is seldom recognised within the physical brain consciousness owing to the relatively inchoate stage of the bodies, and the unresponsiveness of the brain matter. **Yet they are nevertheless initiations of a definite though less important character, and they involve primarily the display (within the personal life of the man) of an intelligent recognition of his group relationships on earth.** This recognition is frequently selfish in character, as, for instance, that which the union worker displays, but it is indicative of group interplay.

được đạt đến. Chuỗi điểm đạo này hiếm khi được nhận biết trong tâm thức bộ não hồng trần vì giai đoạn còn tương đối chưa định hình của các thể, và sự không đáp ứng của chất liệu não bộ. **Tuy nhiên, chúng vẫn là những lần điểm đạo có tính chất xác định dù kém quan trọng hơn, và chủ yếu liên quan đến sự biểu lộ (trong đời sống phàm ngã của con người) của một sự nhận biết thông minh về các mối liên hệ nhóm của y trên Trái Đất.** Sự nhận biết này thường mang tính ích kỷ, chẳng hạn như điều mà người hoạt động công đoàn biểu lộ, nhưng nó cho thấy sự tương tác nhóm.

A similar process takes place **when the second circle of petals is organised and ready for unfoldment.** This time the World Teacher, the Master and the Ego concerned are co-operating, for these smaller initiations deal with the love nature, with astral or emotional organisation, and with the recognition (by the man in his personal life) of some **form of unselfish love**, and of a love for some object, person or ideal which leads to **altruistic endeavor, and to the negation of the lower self.** (TCF 869-870)

Một tiến trình tương tự diễn ra **khi vòng cánh hoa thứ hai được tổ chức và sẵn sàng để khai mở.** Lần này Đức Chưởng Giáo, Chân sư và Chân ngã liên hệ cùng hợp tác, vì các lần điểm đạo nhỏ này đề cập đến bản chất bác ái, đến sự tổ chức cảm dục hay cảm xúc, và đến sự nhận biết (của con người trong đời sống phàm ngã của y) về một **hình thức bác ái vô kỷ** nào đó, và về tình thương đối với một đối tượng, một người hay một lý tưởng dẫn đến **nỗ lực vị tha, và sự phủ nhận phàm ngã.** (TCF 869-870)

3. We gather that the above, there are certain important questions to solve. One of them concerns whether the springing apart of the outer tier of petals occurs at the same time as the revolution of that tier. It is quite possible, even probable, that the springing apart occurs before the rotation.

3. Từ đoạn trên, chúng ta rút ra rằng có một số câu hỏi quan trọng cần giải quyết. Một trong số đó liên quan đến việc liệu sự bung ra của tầng cánh hoa ngoài có xảy ra đồng thời với sự xoay vòng của tầng ấy hay không. Hoàn toàn có thể, thậm chí có lẽ, là sự bung ra xảy ra trước sự quay.

and this **revolution** only begins [Page 1120] to be felt when the petals are becoming active.

và sự **xoay vòng** này chỉ bắt đầu [Page 1120] được cảm nhận khi các cánh hoa đang trở nên hoạt động.

4. It is apparent that only when all three petals in a tier are active can the revolution

4. Rõ ràng là chỉ khi cả ba cánh hoa trong một tầng đều hoạt động thì sự xoay vòng của

of the tier occur. The word "active" is important because it indicates a phase of petal development subsequent to that of "inertia". The term "activity" suggests the stage of "mobility" (the rajasic phase).

tầng ấy mới có thể xảy ra. Từ "hoạt động" là quan trọng vì nó chỉ một giai đoạn phát triển của cánh hoa tiếp sau giai đoạn "quán tính". Thuật ngữ "hoạt động" gợi đến giai đoạn "tính động" (giai đoạn rajas).

5. While the second tier of petals is becoming organized and ready for unfoldment, the outer tier becomes fully active (i.e., rotary)—exactly when we cannot yet say. May it be when the fifth petal is unfolding or, perhaps, only when the fifth petal is fully unfolded. If the latter is the case, then the third tier of petals will begin revolving only once the first initiation has been taken (for the full unfoldment of the fifth petal indicates the first initiation), but if the outer tier is completely unfolded before the fifth petal is completely unfolded, then the rotation of the outer tier can occur *before* the first initiation.

5. Trong khi tầng cánh hoa thứ hai đang được tổ chức và sẵn sàng để khai mở, tầng ngoài trở nên hoàn toàn hoạt động (tức là quay tròn)—chính xác vào lúc nào thì chúng ta chưa thể nói. Có thể là khi cánh hoa thứ năm đang khai mở hoặc, có lẽ, chỉ khi cánh hoa thứ năm đã hoàn toàn khai mở. Nếu trường hợp sau là đúng, thì tầng cánh hoa thứ ba sẽ chỉ bắt đầu quay khi lần điểm đạo thứ nhất đã được tiếp nhận (vì sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm cho thấy lần điểm đạo thứ nhất), nhưng nếu tầng ngoài hoàn toàn khai mở trước khi cánh hoa thứ năm hoàn toàn khai mở, thì sự quay của tầng ngoài có thể xảy ra *trước* lần điểm đạo thứ nhất.

It might be stated that the passing of the Pilgrim through the Hall of Ignorance corresponds to the period of "egoic inertia."

Có thể nói rằng việc Người Lữ Hành đi qua Phòng Vô Minh tương ứng với thời kỳ "quán tính chân ngã".

6. The true "Pilgrim" is the Monad. The term can, however, be reasonably though conventionally applied to the human being in the three lower worlds. The human being is not only the representative of the soul but of the Monad as well.

6. "Người Lữ Hành" đích thực là chân thần. Tuy nhiên, thuật ngữ này có thể được áp dụng một cách hợp lý, dù theo quy ước, cho con người trong ba cõi thấp. Con người không chỉ là đại diện của linh hồn mà còn của chân thần nữa.

7. The Hall of Ignorance pertains specifically to the work done within the outer tier of petals.

7. Phòng Vô Minh liên hệ đặc biệt đến công việc được thực hiện trong tầng cánh hoa ngoài.

8. We can see that any revolution thus far discussed in DK's text is **not the revolution/ rotation of the second tier of petals,** because by the time the second tier begins to revolve or rotate, **the sixth petal must be fully unfolded and the man must have**

8. Chúng ta có thể thấy rằng bất kỳ sự xoay vòng nào được bàn đến cho đến nay trong bản văn của DK đều **không phải là sự xoay vòng/sự quay của tầng cánh hoa thứ hai,** vì vào lúc tầng thứ hai bắt đầu xoay vòng hay quay, **cánh hoa thứ sáu phải hoàn toàn khai**

taken the second initiation. The revolution thus far indicated occurs much before this initiation.

mở và con người phải đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai. Sự xoay vòng được chỉ ra cho đến nay xảy ra sớm hơn nhiều trước lần điểm đạo này.

9. Just as the eighth petal is related to the sixth, so the fifth is related to the third. Just as the partial unfoldment of the eighth petal indicates the full unfoldment of the sixth, so the partial unfoldment of the fifth petal could indicate the full unfoldment of the third. This analogy might incline one to believe that **revolution/rotation of the outer or knowledge tier could occur *only* at the first of the manasic initiations** (when the fifth petal is completely unfolded), but that the *unfoldment* of the first tier (prior to it rotation) could be correlated to the first of the *minor* initiations—yet there is no certainty in this possibility. In fact, **the revolution/rotation of the first circle *could* occur before the first manasic initiation.**

9. Cũng như cánh hoa thứ tám liên hệ với cánh thứ sáu, cánh thứ năm cũng liên hệ với cánh thứ ba. Cũng như sự khai mở từng phần của cánh hoa thứ tám cho thấy sự khai mở trọn vẹn của cánh thứ sáu, thì sự khai mở từng phần của cánh hoa thứ năm có thể cho thấy sự khai mở trọn vẹn của cánh thứ ba. Phép loại suy này có thể khiến người ta tin rằng **sự xoay vòng/sự quay của tầng ngoài hay tầng tri thức chỉ có thể xảy ra *ở* lần điểm đạo manas thứ nhất** (khi cánh hoa thứ năm hoàn toàn khai mở), nhưng sự *khai mở* của tầng thứ nhất (trước khi nó quay) có thể được tương quan với lần điểm đạo *nhỏ* thứ nhất—tuy nhiên không có gì chắc chắn trong khả năng này. Thực ra, **sự xoay vòng/ sự quay của vòng thứ nhất *có thể* xảy ra trước lần điểm đạo manas thứ nhất.**

10. We are proceeding by inference here until direct sight can confirm the proper sequence of developments.

10. Ở đây chúng ta đang tiến hành bằng suy luận cho đến khi linh thị trực tiếp có thể xác nhận trình tự phát triển đúng đắn.

During this period, the permanent atoms are the most noticeable points of light in the lotus;

Trong giai đoạn này, các nguyên tử trường tồn là những điểm sáng dễ nhận thấy nhất trong hoa sen;

11. DK is speaking of the period of inertia within the development of the causal body. We must remember that deva lives are also "points" of life and light to be found within the petals of the egoic lotus.

11. DK đang nói về thời kỳ quán tính trong sự phát triển của thể nguyên nhân. Chúng ta phải nhớ rằng các sự sống thiên thần cũng là những "điểm" của sự sống và ánh sáng được tìm thấy trong các cánh hoa của hoa sen chân ngã.

12. DK may be telling us that during the period of inertia the permanent atoms are of greater brilliance of the petals themselves. This would correspond to the thought that during this period, the personality vehicles

12. DK có thể đang nói với chúng ta rằng trong thời kỳ quán tính, các nguyên tử trường tồn rực sáng hơn chính các cánh hoa. Điều này sẽ tương ứng với ý tưởng rằng trong thời kỳ này, các vận cụ phàm ngã tự

in themselves are much more prominent in expression than the soul *through* those personality vehicles.

chúng nổi bật hơn nhiều trong biểu hiện so với linh hồn *qua* các vận cụ phàm ngã ấy.

they constitute the "energy feeders" of the petal.

chúng cấu thành "những bộ tiếp năng lượng" của cánh hoa.

13. This is an important statement. The petals store *quality.* All that which is to be abstracted from the members of the atomic triangle and transmutatively worked into quality by the Solar Angel is first accumulated in the permanent atoms and mental unit of the atomic triangle.

13. Đây là một phát biểu quan trọng. Các cánh hoa lưu trữ *phẩm tính.* Tất cả những gì sẽ được trừu xuất từ các thành viên của tam giác nguyên tử và được Thái dương Thiên Thần chuyển hoá thành phẩm tính, trước hết đều được tích lũy trong các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí của tam giác nguyên tử.

14. It would seem logical to conclude that the physical permanent atom feeds the knowledge petals; the astral permanent atom feeds the love petals; and the mental unit feeds the sacrifice tier of petals.

14. Dường như hợp lý khi kết luận rằng nguyên tử trường tồn hồng trần nuôi dưỡng các cánh hoa tri thức; nguyên tử trường tồn cảm dục nuôi dưỡng các cánh hoa bác ái; và đơn vị hạ trí nuôi dưỡng tầng cánh hoa hi sinh.

Later, as the Pilgrim on the physical plane

Về sau, khi Người Lữ Hành trên cõi hồng trần

15. There is the Pilgrim on the spiritual planes (i.e., the Jiva leaving the "Father's Home", and the Pilgrim on the physical plane—i.e., the personalized Jiva.

15. Có Người Lữ Hành trên các cõi tinh thần (tức Jiva rời "Nhà của Cha"), và Người Lữ Hành trên cõi hồng trần—tức Jiva đã được cá thể hóa.

becomes more active and the egoic lotus is consequently unfolding with greater rapidity, the stage of *mobility* supervenes, and **the circles commence their revolution**.

trở nên hoạt động hơn và Hoa Sen Chân Ngã vì thế khai mở nhanh hơn, giai đoạn của *tính động* xuất hiện, và **các vòng bắt đầu sự quay vòng của chúng**.

16. Note the word "commence". It is not logical to conclude that the revolution of the second tier of petals occurs during the period of "mobility" though one *can* conclude this in relation to the outer tier of petals.

16. Hãy lưu ý từ "bắt đầu". Không hợp lý khi kết luận rằng sự quay vòng của tầng cánh hoa thứ hai xảy ra trong thời kỳ "tính động", mặc dù người ta *có thể* kết luận như vậy đối với tầng cánh hoa bên ngoài.

17. If the period of inertia occurs before the rotation of the petals, may we say that the period of *mobility* (rajas) signals the possibility of revolution/rotation, but not the revolution/rotation of *all* three tiers?

17. Nếu thời kỳ quán tính xảy ra trước sự quay vòng của các cánh hoa, liệu chúng ta có thể nói rằng thời kỳ của *tính động* (rajas) báo hiệu khả năng quay vòng/xoay chuyển, nhưng không phải sự quay vòng/xoay chuyển của *cả* ba tầng hay không?

18. We must realize that the different circles do not commence their revolution all at the same time. It seems necessary that the rotation of the second and third tiers can only occur during the period of "sattva" and not during the period of "mobility".

18. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng các vòng khác nhau không bắt đầu quay vòng cùng một lúc. Có vẻ cần thiết rằng sự xoay chuyển của tầng thứ hai và thứ ba chỉ có thể xảy ra trong thời kỳ "sattva" chứ không phải trong thời kỳ "tính động".

19. The period in which the two minor initiations are taken is the period of mobility.

19. Thời kỳ trong đó hai lần điểm đạo nhỏ được tiếp nhận là thời kỳ của tính động.

20. There are **at least five stages of development which we must keep in mind relative to any tier of petals** (though other thinkers might enumerate these stages differently):

20. Có **ít nhất năm giai đoạn phát triển mà chúng ta phải ghi nhớ liên quan đến bất kỳ tầng cánh hoa nào** (mặc dù những nhà tư tưởng khác có thể liệt kê các giai đoạn này theo cách khác):

a. Stimulation and organization

a. Kích thích và tổ chức

b. Gradual through probably incomplete unfoldment of individual petals

b. Sự khai mở dần dần nhưng có lẽ chưa hoàn toàn của từng cánh hoa riêng lẻ

c. Springing apart and full unfoldment of the tier and thus of all petals within the tier

c. Sự bung tách ra và khai mở trọn vẹn của tầng, và do đó của mọi cánh hoa trong tầng

d. Interactivity of the petals preparatory to revolution/rotation

d. Sự tương tác của các cánh hoa để chuẩn bị cho sự quay vòng/xoay chuyển

e. Revolution/rotation

e. Sự quay vòng/xoay chuyển

21. Again, these stages are listed on the basis of inference. **Direct vision could modify this tabulation of stages.**

21. Một lần nữa, các giai đoạn này được liệt kê trên cơ sở suy luận. **Linh thị trực tiếp có thể điều chỉnh sự phân loại các giai đoạn này.**

The energy in the outer circle of petals causes it to spring apart from the next circle, and to unfold. This threefold energy becomes interactive and a very definite stage is thus reached (TCF 869)

22. It is likely that **the first initiation begins what is called the period of "sattva".** By that time the first circle is surely revolving. From what is said immediately above, it seems likely that the revolution of the first circle begins *before* the first manasic initiation.

23. Thus, it is possible to reason both ways—that the rotation of the first tier may occur *before* the first manasic initiation or only as that initiation is occurring or only *when* the first manasic initiation is occurring. If I were to hazard an educated guess, I would say that since the sattvic period is the period of true initiation and since rotation of the outer tier begins when the period of *mobility* is underway, it is probable that the rotation of the first tier occurs before the first manasic initiation.

24. It would however be **mentally satisfying to conceive that the revolution of the first tier occurred at the first initiation**; **the revolution of the second at the second initiation; and the revolution of the third tier at the third initiation**. This scenario is probable with respect to the second and third tiers, but perhaps the non-correlation of the revolution of the first tier with the first initiation is the exception.

25. No reasoning can take the place of direct sight.

Năng lượng trong vòng cánh hoa bên ngoài khiến nó bung tách khỏi vòng kế tiếp và khai mở. Năng lượng tam phân này trở nên tương tác, và do đó một giai đoạn rất xác định được đạt đến (TCF 869)

22. Có khả năng là **lần điểm đạo thứ nhất khởi đầu điều được gọi là thời kỳ "sattva".** Vào lúc đó vòng thứ nhất chắc chắn đang quay vòng. Từ điều vừa được nói ngay trên, có vẻ có khả năng rằng sự quay vòng của vòng thứ nhất bắt đầu *trước* lần điểm đạo manas đầu tiên.

23. Do đó, có thể lý luận theo cả hai hướng—rằng sự xoay chuyển của tầng thứ nhất có thể xảy ra *trước* lần điểm đạo manas đầu tiên, hoặc chỉ khi lần điểm đạo ấy đang diễn ra, hoặc chỉ *khi* lần điểm đạo manas đầu tiên đang diễn ra. Nếu tôi phải đưa ra một phỏng đoán có cơ sở, tôi sẽ nói rằng vì thời kỳ sattva là thời kỳ của điểm đạo thực sự, và vì sự xoay chuyển của tầng ngoài bắt đầu khi thời kỳ của *tính động* đang tiến hành, nên có lẽ sự xoay chuyển của tầng thứ nhất xảy ra trước lần điểm đạo manas đầu tiên.

24. Tuy nhiên, sẽ **thỏa mãn về mặt trí tuệ nếu hình dung rằng sự quay vòng của tầng thứ nhất xảy ra vào lần điểm đạo thứ nhất**; **sự quay vòng của tầng thứ hai vào lần điểm đạo thứ hai; và sự quay vòng của tầng thứ ba vào lần điểm đạo thứ ba**. Kịch bản này có khả năng đúng đối với tầng thứ hai và thứ ba, nhưng có lẽ sự không tương ứng giữa sự quay vòng của tầng thứ nhất với lần điểm đạo thứ nhất là ngoại lệ.

25. Không một sự lý luận nào có thể thay thế trực kiến.

Finally, when the man treads the Path and his purpose is intensified, the central bud unfolds,

26. This begins to occur at the first initiation as the synthesis petals begin slowly to unfold. The partial unfoldment of each of the three synthesis petals is correlated with each of the first three initiations.

the revolution is unified,

27. Eventually the three tiers all turn together, and, we may presume, in the same direction.

and **through the raying forth of the fires of the Jewel, a specific rhythm is imposed upon the lotus,** and its energies are stabilised.

28. We are speaking of the establishment of a “specific rhythm” in the egoic lotus due to the action of the "Jewel". This action is dependent, we will learn, on the type of Monad involved and the “divine Prototype” or Planetary Logos of the Monad.

29. There are eight fires or rays raying forth from the "Jewel". The imposition of the “specific rhythm” is definitely part of the sattvic period within the egoic lotus process.

30. It is interesting to consider that before the raying forth of the fires of the "Jewel", the energies of the "Jewel" are not considered to be “stabilised”.

Sau cùng, khi con người bước trên Con Đường và mục đích của y được tăng cường, nụ trung tâm khai mở,

26. Điều này bắt đầu xảy ra vào lần điểm đạo thứ nhất khi các cánh hoa tổng hợp bắt đầu chậm rãi khai mở. Sự khai mở từng phần của mỗi một trong ba cánh hoa tổng hợp tương ứng với mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên.

sự quay vòng được hợp nhất,

27. Cuối cùng cả ba tầng đều cùng quay, và chúng ta có thể giả định là theo cùng một hướng.

và **qua sự phát xạ của các ngọn lửa từ Bảo Châu, một nhịp điệu đặc thù được áp đặt lên hoa sen,** và các năng lượng của nó được ổn định.

28. Chúng ta đang nói về việc thiết lập một “nhịp điệu đặc thù” trong Hoa Sen Chân Ngã do tác động của "Bảo Châu". Như chúng ta sẽ biết, tác động này tùy thuộc vào loại chân thần liên hệ và “Nguyên Mẫu” thiêng liêng hay Hành Tinh Thượng Đế của chân thần đó.

29. Có tám ngọn lửa hay cung phát xạ từ "Bảo Châu". Việc áp đặt “nhịp điệu đặc thù” rõ ràng là một phần của thời kỳ sattva trong tiến trình của Hoa Sen Chân Ngã.

30. Thật thú vị khi suy xét rằng trước sự phát xạ của các ngọn lửa từ "Bảo Châu", các năng lượng của "Bảo Châu" không được xem là “ổn định”.

31. There are *eight* rays in this “raying forth”. We must related the number eight to the process of stabilization.

31. Có *tám* cung trong sự “phát xạ” này. Chúng ta phải liên hệ số tám với tiến trình ổn định.

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; it pulsates rhythmically as does the heart of man, and **from it ray forth eight streams of living fire** which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold [Page 1119] energy is atma-buddhi. It is this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego. (TCF 1118-1119)

Bản thân Bảo Châu vẫn bất động một cách huyền bí, và không tuần hoàn. Nó là một điểm bình an; nó đập theo nhịp điệu như trái tim con người, và **từ đó phát ra tám dòng lửa sống động** vươn đến chóp của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh. Năng lượng bát phân [Page 1119] này là atma-buddhi. Chính sự phát xạ cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể của Chân ngã. (TCF 1118-1119)

This rhythm is diverse according to the type of Monad concerned, or the nature of the planetary Logos of a man's ray, his divine Prototype.

Nhịp điệu này khác nhau tùy theo loại chân thần liên hệ, hoặc bản chất của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung của một người, Nguyên Mẫu thiêng liêng của y.

32. Two things account for the nature of the rhythm imposed upon the egoic lotus during the raying forth from the "Jewel":

32. Có hai điều giải thích bản chất của nhịp điệu được áp đặt lên Hoa Sen Chân Ngã trong khi phát xạ từ "Bảo Châu":

a. The nature of the Monad

a. Bản chất của chân thần

b. The nature of the Planetary Logos to which the Monad ‘belongs’

b. Bản chất của Hành Tinh Thượng Đế mà chân thần ‘thuộc về’

33. Note that the word “divine” is used, indicating that the Monad is involved. We might wonder whether we are to relate the soul to the man’s “divine Prototype” or the Monad. The term “divine” suggests that “a man’s ray” is really his *monadic* ray.

33. Hãy lưu ý rằng từ “thiêng liêng” được dùng, cho thấy chân thần có liên hệ. Chúng ta có thể tự hỏi liệu phải liên hệ linh hồn với “Nguyên Mẫu” thiêng liêng của con người hay với chân thần. Từ “thiêng liêng” gợi ý rằng “cung của một người” thực ra là cung *chân thần* của y.

34. We will learn that there are *seven types of rhythm* which can be induced by the radiation of the "Jewel".

34. Chúng ta sẽ biết rằng có *bảy loại nhịp điệu* có thể được cảm ứng bởi sự bức xạ của "Bảo Châu".

By the use of **certain terms**, information is conveyed to the **Workers** of the planet,

Bằng việc sử dụng **một số thuật ngữ nhất định**, thông tin được truyền đạt đến **các Người Hoạt Động** của hành tinh,

35. The fact that the word "Workers" is capitalized, suggests that they are members of the Spiritual Hierarchy.

35. Việc từ "Người Hoạt Động" được viết hoa gợi ý rằng họ là các thành viên của Thánh đoàn tinh thần.

the Brotherhood of Light, as to the nature of Ego concerned, **the *quality* of his Ray**, the number of his vibration, and the point of evolution attained.

Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, về bản chất của Chân ngã liên hệ, **phẩm tính của cung của y**, con số rung động của y, và điểm tiến hoá đã đạt được.

36. Four factors illuminated by certain terms (often *secret* terms) are listed:

36. Bốn yếu tố được soi sáng bởi một số thuật ngữ nhất định (thường là các thuật ngữ *bí mật*) được liệt kê:

a. The nature of the Ego

a. Bản chất của Chân ngã

b. The quality of the Ego's Ray. We cannot be certain that DK is speaking *only* the egoic ray. Information re the monadic ray may also be conveyed.

b. Phẩm tính của cung của Chân ngã. Chúng ta không thể chắc rằng Chân sư DK chỉ nói về cung chân ngã. Thông tin liên quan đến cung chân thần cũng có thể được truyền đạt.

c. The number of the Ego's vibration

c. Con số rung động của Chân ngã

d. The point of evolution attained by the Ego

d. Điểm tiến hoá mà Chân ngã đã đạt được

It will be apparent therefore, why **it is not permitted here to make public the names of the seven rhythmic groups**.

Do đó sẽ hiển nhiên vì sao **ở đây không được phép công bố công khai tên của bảy nhóm nhịp điệu**.

37. One might wonder whether the names of some of these "seven rhythmic groups" might not be somewhat intuited from the terms presented in pages 1081 and 1082 when various monadic groupings are discussed.

37. Người ta có thể tự hỏi liệu tên của một số "bảy nhóm nhịp điệu" này có thể phần nào được trực giác nhận ra từ các thuật ngữ được trình bày ở trang 1081 và 1082 khi các nhóm chân thần khác nhau được bàn đến hay không.

38. We remember that the nature of the seven rhythmic groups depends upon the quality of the monadic ray and the nature of

38. Chúng ta nhớ rằng bản chất của bảy nhóm nhịp điệu tùy thuộc vào phẩm tính của cung chân thần và bản chất của "Nguyên

the "divine Prototype" or Planetary Logos to which the Monad 'belongs'.

Mẫu" thiêng liêng hay Hành Tinh Thượng Đế mà chân thần 'thuộc về'.

39. This implies that there are *seven* different types of Monads. In fact there can be seven different types of monadic *subrays* (and, thus, seven monadic differentiations), but, essentially, only *three* types of Monads, at least with regard to the *major* monadic ray. These implications are clear if one examines the first and second subplanes of the cosmic physical plane on Chart V of TCF 344). The seven/three division is clear.

39. Điều này hàm ý rằng có *bảy* loại chân thần khác nhau. Thực ra có thể có bảy loại *cung phụ* chân thần khác nhau (và do đó, bảy sự biến phân chân thần), nhưng về căn bản chỉ có *ba* loại chân thần, ít nhất là xét theo cung chân thần *chính*. Những hàm ý này rõ ràng nếu người ta khảo sát cõi phụ thứ nhất và thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ trên Biểu đồ V của TCF 344). Sự phân chia bảy/ba là rõ ràng.

40. Since rhythmic induction is essentially a monadic matter, the " *quality* of the Ego's ray" does seem to depend upon the Monad. Sometimes the term "Ego" even means "Monad". (Study EP II 211) We cannot be sure that this is not the case with respect to the reference under consideration.

40. Vì sự cảm ứng nhịp điệu về căn bản là một vấn đề chân thần, nên " *phẩm tính* của cung của Chân ngã" quả thật dường như tùy thuộc vào chân thần. Đôi khi thuật ngữ "Chân ngã" thậm chí còn có nghĩa là "chân thần". (Xem EP II 211) Chúng ta không thể chắc rằng đây không phải là trường hợp đối với chỗ dẫn đang được xét.

One of the effects produced in the lower man via the centres, **through the unified activity of the causal body**, is the co-ordination of the lower energies of the human being.

Một trong những hiệu quả được tạo ra nơi phàm nhân qua các trung tâm, **thông qua hoạt động hợp nhất của thể nguyên nhân**, là sự phối hợp các năng lượng thấp của con người.

41. This is a vitally important statement. We may wonder how the lower man comes, at last, to be an integrated personality. We see that the unified activity of the causal body is required for such coordination and gradual integration.

41. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng. Chúng ta có thể tự hỏi làm thế nào phàm nhân cuối cùng lại trở thành một Phàm ngã tích hợp. Chúng ta thấy rằng hoạt động hợp nhất của thể nguyên nhân là cần thiết cho sự phối hợp và tích hợp dần dần ấy.

42. *A truly integrated personality is an initiate of the third degree.* By the time the third degree is taken, *all three* tiers of petals are revolving! The inner revolution is the cause of the outer integration. Of course, there is necessarily a feedback loop between the causal body and the personality mechanism.

42. *Một phàm ngã thực sự tích hợp là một điểm đạo đồ của cấp độ thứ ba.* Vào lúc cấp độ thứ ba được tiếp nhận, *cả ba* tầng cánh hoa đều đang quay vòng! Sự quay vòng bên trong là nguyên nhân của sự tích hợp bên ngoài. Dĩ nhiên, tất yếu có một vòng phản hồi giữa thể nguyên nhân và bộ máy phàm ngã.

These lower energies, as we know, demonstrate through the medium of:

a. The three groups of centres in the three bodies.

b. The etheric body itself.

c. Certain centres in the physical body such as the pineal gland, the pituitary body and the spleen.

43. The above details the groups of energies which are to be coordinated and then integrated.

We are not here referring to the work of those centres as it is self-initiated because inherent in their very nature, [Page 1121] but to **the effects to be seen in them as the three tiers of petals function with increasing coherence, and the force latent in the Jewel makes its presence felt**.

44. This is an important distinction. The centers can be influenced by the man-as-personality. Such results are, as it were, "worked up from below". For a long while the centers in the various personality vehicles function (so it appears) in a characteristic manner without direct influence from the different parts of the causal body.

45. We are speaking of an additional type of work performed by the centers as they begin to be influenced by the tiers of petals (considered, themselves, as energy sources and centers) and by the "Jewel in the Lotus".

Như chúng ta biết, các năng lượng thấp này biểu lộ qua trung gian của:

a. Ba nhóm trung tâm trong ba thể.

b. Chính thể dĩ thái.

c. Một số trung tâm trong thể xác như tuyến tùng, tuyến yên và lá lách.

43. Phần trên trình bày chi tiết các nhóm năng lượng cần được phối hợp rồi tích hợp.

Ở đây chúng ta không đề cập đến công việc của các trung tâm ấy khi nó do chính chúng khởi xướng vì vốn có trong bản chất của chúng, [Page 1121] mà là đến **những hiệu quả được thấy nơi chúng khi ba tầng cánh hoa vận hành với sự cố kết ngày càng tăng, và mãnh lực tiềm tàng trong Bảo Châu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận**.

44. Đây là một sự phân biệt quan trọng. Các trung tâm có thể bị ảnh hưởng bởi con người-với-tư-cách-phàm ngã. Những kết quả như thế, có thể nói, được "làm ra từ bên dưới". Trong một thời gian dài, các trung tâm trong những vận cụ phàm ngã khác nhau vận hành (dường như là vậy) theo một cách đặc trưng mà không có ảnh hưởng trực tiếp từ các phần khác nhau của thể nguyên nhân.

45. Chúng ta đang nói đến một loại công việc bổ sung do các trung tâm thực hiện khi chúng bắt đầu bị ảnh hưởng bởi các tầng cánh hoa (bản thân chúng cũng được xem như các nguồn năng lượng và các trung tâm) và bởi "Bảo Châu trong Hoa Sen".

46. We must learn to consider the petals and tiers of the causal body as if they were influential sources, influential force centers.

46. Chúng ta phải học cách xem các cánh hoa và các tầng của thể nguyên nhân như thể chúng là những nguồn ảnh hưởng, những trung tâm mãnh lực có ảnh hưởng.

47. The petals and tiers, therefore, are not just 'passive accumulators' of quality 'worked up' from below. Because these petals and tiers are also influenced by the spiritual triad and by the Monad, they become centers of force *in their own right,* though their influence grows during the process which sees quality built into the causal body as a result of the labors of the personality.

47. Do đó, các cánh hoa và các tầng không chỉ là những 'bộ tích lũy thụ động' của phẩm tính được 'làm ra' từ bên dưới. Bởi vì các cánh hoa và các tầng này cũng bị ảnh hưởng bởi Tam Nguyên Tinh Thần và bởi chân thần, chúng trở thành những trung tâm mãnh lực *theo quyền năng riêng của chúng,* mặc dù ảnh hưởng của chúng tăng lên trong tiến trình chứng kiến phẩm tính được xây dựng vào thể nguyên nhân như là kết quả của những lao động của phàm ngã.

It might specifically be said that these effects show themselves in a threefold manner:

Có thể nói một cách cụ thể rằng những hiệu quả này biểu lộ theo cách tam phân:

48. We are speaking of the effects induced in the centers by developmental dynamics occurring within the causal body.

48. Chúng ta đang nói về những hiệu quả được cảm ứng trong các trung tâm bởi các động lực phát triển xảy ra trong thể nguyên nhân.

First, they cause the group of "wheels" or centres on each plane (or in each of the subtler vehicles)

Thứ nhất, chúng khiến nhóm các "bánh xe" hay trung tâm trên mỗi cõi (hay trong mỗi vận cụ vi tế hơn)

49. A major seven in the etheric body; a major seven in the astral body; and a major four in the lower mental body…

49. Một bộ bảy chính trong thể dĩ thái; một bộ bảy chính trong thể cảm dục; và một bộ bốn chính trong thể hạ trí…

to become fourth dimensional, and to function as "wheels which turn upon themselves."

trở nên bốn chiều, và vận hành như "những bánh xe tự quay trên chính mình."

50. This fourth dimensional rotation appears to be induced in a different vehicle at each initiation: in the etheric body at the first initiation; in the astral body at the

50. Sự quay vòng bốn chiều này dường như được cảm ứng trong một vận cụ khác nhau ở mỗi lần điểm đạo: trong thể dĩ thái ở lần điểm đạo thứ nhất; trong thể cảm dục ở lần

second initiation; and in the mental body at the third initiation.

điểm đạo thứ hai; và trong thể trí ở lần điểm đạo thứ ba.

Before initiation, all the centres will be rotating in **fourth-dimensional** order,but after initiation they become flaming wheels, and—seen clairvoyantly—are of rare beauty, The fire of Kundalini is then awakened and is progressing in the necessary spirals. **At the second initiation the emotional centres are similarly awakened, and at the third initiation those on the mental plane are touched.** The initiate can then stand in the Presence of the Great King, the One Initiator. (LOM 75)

Trước điểm đạo, tất cả các trung tâm sẽ quay theo trật tự **bốn chiều**,nhưng sau điểm đạo chúng trở thành những bánh xe rực lửa, và—được thấy bằng thông nhãn—có vẻ đẹp hiếm có, Lửa Kundalini khi ấy được đánh thức và đang tiến triển theo những xoắn ốc cần thiết. **Vào lần điểm đạo thứ hai, các trung tâm cảm xúc cũng được đánh thức tương tự, và vào lần điểm đạo thứ ba, những trung tâm trên cõi trí được chạm đến.** Khi đó điểm đạo đồ có thể đứng trong Hiện Diện của Đại Vương, Đấng Điểm đạo Duy Nhất. (LOM 75)

51. We have studied the appearance of fourth dimensional rotation of the chakras earlier in the book (as above). Now we see that the dynamics of the causal body (themselves induced by monadic dynamics) are largely responsible for such causal-body dynamics.

51. Chúng ta đã nghiên cứu trước đó trong sách về sự xuất hiện của sự quay vòng bốn chiều của các luân xa (như trên). Giờ đây chúng ta thấy rằng các động lực của thể nguyên nhân (bản thân chúng được cảm ứng bởi các động lực chân thần) phần lớn chịu trách nhiệm cho những động lực của thể nguyên nhân như thế.

Secondly, they produce the orderly distribution of force by the forming of various triangles of energy within the bodies.

Thứ hai, chúng tạo ra sự phân phối có trật tự của mãnh lực bằng cách hình thành các tam giác năng lượng khác nhau trong các thể.

52. The chakras can be grouped together in various triangular formations and these triangles must be stimulated and brought into full functioning activity.

52. Các luân xa có thể được nhóm lại với nhau trong nhiều cấu hình tam giác khác nhau, và các tam giác này phải được kích thích và đưa vào hoạt động vận hành trọn vẹn.

53. In all this we are learning how important it is to build the causal body into an effective instrument of influence.

53. Trong tất cả điều này, chúng ta đang học được rằng việc xây dựng thể nguyên nhân thành một công cụ ảnh hưởng hữu hiệu quan trọng đến mức nào.

This has been earlier dealt with, and it is only necessary here to point out **that it is the energy, accumulating in the causal body and from thence making its presence felt, which produces among the centres the esoteric circulation of force which eventually links each centre up in a peculiar geometrical fashion**, thus bringing every part of the nature of the lower man into subjection.

Điều này đã được bàn đến trước đây, và ở đây chỉ cần chỉ ra **rằng chính năng lượng, tích lũy trong thể nguyên nhân và từ đó làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận, tạo ra giữa các trung tâm sự tuần hoàn mãnh lực huyền bí mà cuối cùng liên kết mỗi trung tâm lại với nhau theo một cách hình học đặc thù**, nhờ đó đưa mọi phần của bản chất phàm nhân vào sự phục tùng.

54. These are extraordinary statements. Let us track the process:

54. Đây là những phát biểu phi thường. Hãy theo dõi tiến trình:

a. Energy accumulates in the causal body through the processes of personal effort and experience during repeated incarnations

a. Năng lượng tích lũy trong thể nguyên nhân qua các tiến trình nỗ lực cá nhân và kinh nghiệm trong những lần lâm phàm lặp đi lặp lại

b. This accumulated energy makes its presence felt within the personality through its vehicles and the chakras within those vehicles.

b. Năng lượng tích lũy này làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong phàm ngã qua các vận cụ của nó và các luân xa trong những vận cụ ấy.

c. This energy produces between the chakras of the various personality vehicles an “esoteric circulation of force”

c. Năng lượng này tạo ra giữa các luân xa của những vận cụ phàm ngã khác nhau một “tuần hoàn mãnh lực huyền bí”

d. This esoteric circulation of force eventually links the various centers in a particular geometrical fashion—again depending upon the ray of the Monad and the “divine Prototype” to which the Monad is related.

d. Tuần hoàn mãnh lực huyền bí này cuối cùng liên kết các trung tâm khác nhau theo một cách hình học đặc biệt—một lần nữa tùy thuộc vào cung của chân thần và “Nguyên Mẫu” thiêng liêng mà chân thần có liên hệ.

e. The chakras control all subsidiary parts of each vehicle including many minor and minute centers and also the endocrine glands of the dense physical body. Once the geometrical patterning is created, all aspects

e. Các luân xa kiểm soát mọi phần phụ thuộc của mỗi vận cụ, kể cả nhiều trung tâm nhỏ và cực nhỏ, và cả các tuyến nội tiết của thể xác đậm đặc. Một khi mô hình hình học được tạo ra, mọi phương diện của vận cụ phàm ngã đều bị đặt dưới sự chế ngự.

of the personality vehicle are brought under subjugation.

55. Although many details are discussed, we do see that the nature of the Monad lies behind all the dynamics here described.

55. Mặc dù nhiều chi tiết được bàn đến, chúng ta vẫn thấy rằng bản chất của chân thần nằm phía sau mọi động lực được mô tả ở đây.

56. We must realize that all that is accumulated and stored in the causal body becomes energetically influential with regard to future development of the personality.

56. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng mọi điều được tích lũy và cất giữ trong thể nguyên nhân đều trở nên có ảnh hưởng về mặt năng lượng đối với sự phát triển tương lai của phàm ngã.

Thirdly, they bring about the stimulation of certain of the **glands** of the body which are deemed at present purely physical, and thus **enable the solar Angel to grip and hold to His purpose the dense physical body.**

Thứ ba, chúng mang lại sự kích thích một số **tuyến** của thể mà hiện nay được xem là thuần túy hồng trần, và nhờ đó **giúp Thái dương Thiên Thần nắm giữ và duy trì thể xác đậm đặc theo mục đích của Ngài.**

57. This was suggested in our discussion but here is explicitly stated.

57. Điều này đã được gợi ý trong phần thảo luận của chúng ta nhưng ở đây được phát biểu minh nhiên.

58. Glandular stimulation (of a spiritual kind), therefore, is the result of developmental dynamics occurring within the causal body. We must always remember the degree to which the spiritual triad and the Monad influence the causal body. Chart VIII, p. 817, in *A Treatise on Cosmic Fire* illustrates this.

58. Do đó, sự kích thích tuyến thể (thuộc loại tinh thần) là kết quả của các động lực phát triển xảy ra trong thể nguyên nhân. Chúng ta phải luôn nhớ mức độ mà Tam Nguyên Tinh Thần và chân thần ảnh hưởng đến thể nguyên nhân. Biểu đồ VIII, tr. 817, trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* minh họa điều này.

59. Notice that the Solar Angel manages to achieve a very *physical grip* upon its instrument. All aspects of the lower man have to come under its control.

59. Hãy lưu ý rằng Thái dương Thiên Thần xoay xở để đạt được một sự *nắm giữ hồng trần* rất mạnh đối với công cụ của nó. Mọi phương diện của phàm nhân đều phải nằm dưới sự kiểm soát của nó.

It may be helpful if the student bears in mind the fact that **every centre may be considered as an evidence of**

Sẽ hữu ích nếu đạo sinh ghi nhớ sự kiện rằng **mọi trung tâm đều có thể được xem như một bằng chứng của năng**

solar energy or fire, manifesting as a medium of lower energy or fire by friction.

lượng thái dương hay lửa, biểu lộ như một môi giới của năng lượng thấp hơn hay lửa ma sát.

60. What actually is the origin of the chakras? Here we are told that the solar fire of the causal body is an important source of their manifestation. Yet the following quotation demonstrates that the *real* source of the chakras is the Monad:

60. Thực sự nguồn gốc của các luân xa là gì? Ở đây chúng ta được cho biết rằng lửa thái dương của thể nguyên nhân là một nguồn quan trọng cho sự biểu lộ của chúng. Tuy nhiên, đoạn trích sau cho thấy rằng nguồn *thực sự* của các luân xa là chân thần:

The centres are formed entirely of streams of force, **pouring down from the Ego, who transmits it from the Monad.** In this we have the secret of the gradual vibratory quickening of the centres as the Ego first comes into control, or activity, and later (after initiation) the Monad, thus bringing about changes and increased vitality within these spheres of fire or of pure life force. (TCF 166)

Các trung tâm được hình thành hoàn toàn từ những dòng mãnh lực, **tuôn xuống từ Chân ngã, Đấng truyền nó từ chân thần.** Trong điều này chúng ta có bí mật của sự tăng tốc rung động dần dần của các trung tâm khi Chân ngã trước tiên đi vào sự kiểm soát, hay hoạt động, và về sau (sau điểm đạo) là chân thần, nhờ đó mang lại những thay đổi và sinh lực gia tăng trong các khối cầu lửa hay mãnh lực sự sống thuần túy này. (TCF 166)

Where these centres exist **the solar Angel is enabled gradually to impose his rhythm and vibration upon that which vibrates to what is regarded as a lower rhythm**.

Ở nơi nào các trung tâm này hiện hữu **Thái dương Thiên Thần dần dần có thể áp đặt nhịp điệu và rung động của y lên cái đang rung động theo điều được xem là một nhịp điệu thấp hơn**.

61. The lower rhythm arises from energy patterns related to the third aspect of divinity and from an earlier chain and solar system.

61. Nhịp điệu thấp hơn phát sinh từ các mô hình năng lượng liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính và từ một dãy cùng một hệ mặt trời trước đó.

62. We must realize that chakras in the lower vehicles appeared long before the Solar Angel engaged with the type of animal which was to become man. The vehicle of man was animal-like before “animal-man” came into being and, thus long before the Solar Angel appeared on the scene.

62. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng các luân xa trong những vận cụ thấp đã xuất hiện rất lâu trước khi Thái dương Thiên Thần gắn kết với loại động vật sẽ trở thành con người. Vận cụ của con người đã mang tính động vật trước khi “người thú” xuất hiện và do đó rất lâu trước khi Thái dương Thiên Thần bước vào bối cảnh.

63. We have two rhythms being imposed:

a. One is imposed by the Monad (and its Prototype) and produces one of seven unnamed, mysterious rhythms within the causal body.

b. The other type of rhythm is imposed by the Solar Angel upon the vehicles of the personality. This rhythm is probably closely related to the rhythm imposed by the Monad and by the Planetary Logos to which the Monad is ultimately most closely related.

64. We see that there is a direct influence from the Monad even as it impacts developmental dynamics within the lowest of the personality vehicles.

Thus He gradually swings the entire lower form-substance into His control.

65. We are being given a new slant on how the control and subsequent coordination and integration of the personality are achieved.

Before the final liberation

66. In this instance, the "final liberation" is the fourth initiation.

but *after* the major part of the purificatory and aligning processes are complete, **the vehicles of the initiate present a wonderful appearance, due to the streams of energy from the egoic body which [Page 1122]can reach him.**

67. We have been told of the marvellous display presented by a fully developed causal body, but here we learn that the personality

63. Chúng ta có hai nhịp điệu được áp đặt:

a. Một nhịp điệu được áp đặt bởi chân thần (và Nguyên Mẫu của nó) và tạo ra một trong bảy nhịp điệu vô danh, huyền nhiệm trong thể nguyên nhân.

b. Loại nhịp điệu kia được Thái dương Thiên Thần áp đặt lên các vận cụ của phàm ngã. Nhịp điệu này có lẽ liên hệ chặt chẽ với nhịp điệu do chân thần và Hành Tinh Thượng Đế mà chân thần rốt cuộc có liên hệ mật thiết nhất áp đặt.

64. Chúng ta thấy rằng có một ảnh hưởng trực tiếp từ chân thần ngay cả khi nó tác động đến các động lực phát triển trong vận cụ thấp nhất của phàm ngã.

Như thế Ngài dần dần đưa toàn bộ chất liệu hình tướng thấp vào sự kiểm soát của Ngài.

65. Chúng ta đang được cung cấp một góc nhìn mới về cách sự kiểm soát và sau đó là sự phối hợp và tích hợp của phàm ngã được đạt tới.

Trước sự giải thoát cuối cùng

66. Trong trường hợp này, "sự giải thoát cuối cùng" là lần điểm đạo thứ tư.

nhưng *sau* khi phần lớn các tiến trình thanh luyện và chỉnh hợp đã hoàn tất, **các vận cụ của điểm đạo đồ trình hiện một sắc tướng kỳ diệu, do các dòng năng lượng từ thể chân ngã [Page 1122]có thể vươn đến y.**

67. Chúng ta đã được cho biết về sự phô bày kỳ diệu do một thể nguyên nhân phát triển đầy đủ trình hiện, nhưng ở đây chúng ta biết

vehicles of the initiate also present a "wonderful appearance".

rằng các vận cụ phàm ngã của điểm đạo đồ cũng trình hiện một "sắc tướng kỳ diệu".

The egoic lotus is unfolded, and the central "fire" displayed.

Hoa Sen Chân Ngã đã khai mở, và "lửa" trung tâm được phô bày.

68. The three synthesis petals have "burst open" revealing the "Jewel".

68. Ba cánh hoa tổng hợp đã "bung mở" để lộ "Bảo Châu".

Each petal and each circle of petals is pulsating with life and colour, and is in active movement, revolving with great rapidity

Mỗi cánh hoa và mỗi vòng cánh hoa đều đang rung động với sự sống và màu sắc, và đang chuyển động tích cực, quay vòng với tốc độ rất lớn

69. Presumably, in the science of the egoic lotus, there is a rate of revolution.

69. Có lẽ, trong khoa học về Hoa Sen Chân Ngã, có một tốc độ quay vòng.

70. Pulsation suggests the type of influence coming from the "Jewel in the Lotus". The action of the first ray is related to *pulsation.*

70. Sự rung động gợi ý loại ảnh hưởng đến từ "Bảo Châu trong Hoa Sen". Tác động của cung một liên hệ với *sự rung động.*

with the stream of living energy circulating in every part of the lotus.

với dòng năng lượng sống động đang tuần hoàn trong mọi phần của hoa sen.

71. Why does Master DK use the word "living"? Presumably, there is great devic activity in the fully unfolded egoic lotus.

71. Vì sao Chân sư DK dùng từ "sống động"? Có lẽ có hoạt động thiên thần rất lớn trong Hoa Sen Chân Ngã đã khai mở hoàn toàn.

The three permanent atoms glow and blaze and form, through their rapid revolution and interplay, what appears to be a blazing point of fire,

Ba nguyên tử trường tồn phát sáng và rực cháy, và qua sự quay vòng nhanh chóng cùng sự tương tác của chúng, tạo thành điều có vẻ như là một điểm lửa rực cháy,

72. First a triangle of three points is seen and then a blazing point of fire.

72. Trước tiên người ta thấy một tam giác gồm ba điểm, rồi sau đó là một điểm lửa rực cháy.

so that it has been called at times "the reflection of the Jewel in the Mother's forehead."

đến nỗi đôi khi nó đã được gọi là "sự phản chiếu của Bảo Châu trên trán của Mẹ."

73. We have here a connection between the "Jewel in the Lotus", the sign Taurus and the “blazing point of fire” formed by the rapid revolution of energy between the three members of the atomic triangle.

73. Ở đây chúng ta có một mối liên hệ giữa "Bảo Châu trong Hoa Sen", dấu hiệu hoàng đạo Kim Ngưu và “điểm lửa rực cháy” được hình thành bởi sự quay vòng nhanh chóng của năng lượng giữa ba thành viên của tam giác nguyên tử.

74. It is important to realize that the highly stimulated members of the atomic triangle (forming as they do, a “blazing point of fire”) are a “reflection” of the "Jewel in the Lotus".

74. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng các thành viên được kích thích cao độ của tam giác nguyên tử (vì chúng tạo thành một “điểm lửa rực cháy”) là một “phản chiếu” của “Viên Ngọc trong Hoa Sen”.

75. We are dealing with a number of simultaneous awakenings and the interplay of the awakening aspects of the egoic lotus.

75. Chúng ta đang đề cập đến một số sự thức tỉnh đồng thời và sự tương tác giữa các phương diện thức tỉnh của Hoa Sen Chân Ngã.

The eighteen centres on the three planes (four on the mental and seven on each of the two lower planes) **are radiant wheels of fire**,

Ba mươi tám trung tâm trên ba cõi (bốn trên cõi trí và bảy trên mỗi cõi trong hai cõi thấp) **là những bánh xe lửa rực sáng**,

76. This references the “wonderful appearance” of the personality vehicles adding to the spectacular display occurring within the egoic lotus.

76. Điều này quy chiếu đến “sắc tướng kỳ diệu” của các vận cụ phàm ngã, góp phần vào cảnh tượng huy hoàng đang diễn ra bên trong Hoa Sen Chân Ngã.

each group distinguished by a specific colour, and revolving with such rapidity that the eye can scarce follow them.

mỗi nhóm được phân biệt bởi một màu sắc đặc thù, và quay nhanh đến mức mắt hầu như không thể theo kịp chúng.

77. DK is speaking of an *inner* eye—certainly in the case of the astral and mental chakras.

77. Chân sư DK đang nói về một con mắt *bên trong* —chắc chắn là trong trường hợp các luân xa cảm dục và trí tuệ.

78. Presumably the etheric, astral and mental chakras each have their own distinctive color. We might associate violet with the etheric chakras, rose with the astral chakras and, perhaps, orange with the lower mental chakras.

78. Có lẽ các luân xa dĩ thái, cảm dục và trí tuệ mỗi loại đều có màu sắc đặc trưng riêng. Chúng ta có thể liên hệ màu tím với các luân xa dĩ thái, màu hồng với các luân xa cảm dục, và có lẽ màu cam với các luân xa hạ trí.

The bodies are formed of the highest grades of substance,

79. In this case, *atomic* substance. This is achieved at the period of the fourth initiation.

each individual atom, therefore, being capable of intensified vibration, and glowing with the light of its own central fire.

80. Master DK is speaking not only the atoms which are members of the atomic triangle but of all the atoms of substance in the various vehicles.

The etheric body especially is to be noticed as it is a transmitter at this stage of the purest type of prana,

81. There are four or five grades of prana, or at least four or five divisions of the etheric body, each division with its own type of prana.

82. The five types of prana are: Prana, Samana, Apana, Upana and Vyana. Perhaps each of these types comes in various grades of refinement.

83. We can assume that as initiations progress, the etheric body can transmit an increasingly pure type of prana. One would think that the prana most associated with the atomic subplane is the “purest type of prana”.

and deserves the name sometimes given to it of "the body of the Sun."

Các thể được tạo thành từ những cấp độ cao nhất của chất liệu,

79. Trong trường hợp này, đó là chất liệu *nguyên tử*. Điều này đạt được vào thời kỳ của lần điểm đạo thứ tư.

do đó, mỗi nguyên tử cá biệt đều có khả năng rung động tăng cường, và rực sáng bằng ánh sáng của ngọn lửa trung tâm riêng của nó.

80. Chân sư DK không chỉ nói về các nguyên tử là thành viên của tam giác nguyên tử mà còn về mọi nguyên tử chất liệu trong các vận cụ khác nhau.

Đặc biệt cần lưu ý đến thể dĩ thái vì ở giai đoạn này nó là bộ truyền dẫn loại prana tinh khiết nhất,

81. Có bốn hoặc năm cấp độ prana, hay ít nhất là bốn hoặc năm phân bộ của thể dĩ thái, mỗi phân bộ có loại prana riêng của nó.

82. Năm loại prana là: Prana, Samana, Apana, Upana và Vyana. Có lẽ mỗi loại này lại có nhiều cấp độ tinh luyện khác nhau.

83. Chúng ta có thể giả định rằng khi các lần điểm đạo tiến triển, thể dĩ thái có thể truyền dẫn một loại prana ngày càng tinh khiết hơn. Người ta có thể nghĩ rằng loại prana liên hệ nhiều nhất với cõi phụ nguyên tử là “loại prana tinh khiết nhất”.

và xứng đáng với danh xưng đôi khi được gọi là “thể của Mặt Trời”.

84. This “body of the Sun” appears only as the fourth initiation is about to be taken.

84. “Thể của Mặt Trời” này chỉ xuất hiện khi lần điểm đạo thứ tư sắp được tiếp nhận.

85. It would seem that there is an identicality between the “body of the Sun” and the “body of fire” or “body incorruptible” referenced on TCF 166.

85. Dường như có sự đồng nhất giữa “thể của Mặt Trời” và “thể lửa” hay “thể bất hoại” được nhắc đến trong TCF 166.

It is the envelope which holds the fires of the microcosmic system;

Đó là lớp bao chứa các ngọn lửa của hệ thống tiểu thiên địa;

86. DK is describing the etheric body. Eventually the etheric body can hold and transmit all the higher fires of the microcosmic system. Thus, via the etheric body, “heaven descends to Earth”.

86. Chân sư DK đang mô tả thể dĩ thái. Cuối cùng, thể dĩ thái có thể chứa đựng và truyền dẫn tất cả các ngọn lửa cao hơn của hệ thống tiểu thiên địa. Vì vậy, thông qua thể dĩ thái, “thiên giới giáng xuống Trái Đất”.

in it are centred not only the pranic fires, but those seven centres which are the transmitters of all the higher energies from the Ego, and from the two higher material bodies.

trong đó không chỉ tập trung các lửa prana, mà còn cả bảy trung tâm là những bộ truyền dẫn mọi năng lượng cao hơn từ chân ngã, và từ hai thể vật chất cao hơn.

87. DK is describing the etheric body at the time of the fourth initiation.

87. Chân sư DK đang mô tả thể dĩ thái vào thời điểm của lần điểm đạo thứ tư.

88. The “two higher material bodies” are the astral and lower mental bodies.

88. “Hai thể vật chất cao hơn” là thể cảm dục và thể hạ trí.

89. The Ego contains many energies, some of them direct influences from the spiritual triad and Monad.

89. Chân ngã chứa đựng nhiều năng lượng, một số trong đó là những ảnh hưởng trực tiếp từ Tam Nguyên Tinh Thần và chân thần.

All is centralised, and the etheric vehicle waits for use on the physical plane in co-operation with the dense medium **until the man can succeed in linking the consciousness of the two aspects of the dense body so that the continuity is preserved.**

Mọi sự đều được tập trung, và thể dĩ thái chờ được sử dụng trên cõi hồng trần trong sự hợp tác với môi trường đậm đặc **cho đến khi con người có thể thành công trong việc nối kết tâm thức của hai phương diện của thể đậm đặc để sự liên tục được bảo tồn.**

90. Master DK is describing one of the requirements for achieving continuity of consciousness.

90. Chân sư DK đang mô tả một trong những điều kiện cần thiết để đạt được sự liên tục của tâm thức.

91. It seems inferred that the etheric body is one of the two aspects of the dense body. Note DK did not say "dense *physical* body". The etheric body is still a physical body.

91. Dường như ở đây hàm ý rằng thể dĩ thái là một trong hai phương diện của thể đậm đặc. Lưu ý rằng Chân sư DK không nói "thể *hồng trần* đậm đặc". Thể dĩ thái vẫn là một thể hồng trần.

This work accomplished, the three centres which are of a strictly physical nature—the pineal gland, the pituitary body and the spleen-themselves become luminous and radiant,

Khi công việc này hoàn tất, ba trung tâm có bản chất hoàn toàn hồng trần—tuyến tùng, tuyến yên và lá lách—tự chúng trở nên sáng chói và rực rỡ,

92. The gland(s) associated with the alta major center is/are not mentioned.

92. Không thấy nhắc đến tuyến hay các tuyến liên kết với trung tâm alta major.

93. We see that the radiance, the wonderful appearance emerging at the time of the fourth initiation is not limited to the subtler aspects of man. There will be a radiant pineal gland, pituitary gland and spleen. The spleen is, of course, a 'solar organ' related to radiant prana.

93. Chúng ta thấy rằng sự rực sáng, sắc tướng kỳ diệu xuất hiện vào thời điểm lần điểm đạo thứ tư không chỉ giới hạn ở các phương diện vi tế hơn của con người. Sẽ có một tuyến tùng rực sáng, tuyến yên rực sáng và lá lách rực sáng. Dĩ nhiên, lá lách là một "cơ quan mặt trời" liên hệ với prana rực sáng.

and all the fires of the body are so stimulated that the atoms which form the physical sheath appear to radiate.

và mọi ngọn lửa của thể đều được kích thích đến mức các nguyên tử tạo thành vỏ bọc hồng trần dường như phát quang.

94. Even the tiny atoms of substance appear to radiate.

94. Ngay cả những nguyên tử chất liệu cực nhỏ cũng dường như phát quang.

95. We are speaking of vehicular illumination. We are not speaking solely of the subjective illumination.

95. Chúng ta đang nói về sự soi sáng của các vận cụ. Chúng ta không chỉ nói riêng về sự soi sáng chủ quan.

This is the occult truth behind the belief that **every messenger from the Lodge and every Saviour** [Page 1123] **of man is naturally a healer.**

96. The radiance induced in the vehicles at the fourth initiation and beyond makes this healing possible.

The forces which flow through a man whose atoms, centres, sheaths, and causal body form a coherent unit in full and radiant activity are of such strength and purity as to have a definite effect upon the nature of those they contact.

97. An illumined, integrated microcosm is a superb instrument of healing.

They heal, stimulate and increase the vibration of their fellow men.

98. Thus, all members of the Lodge are not only esoteric psychologists (as we have been told) but esoteric healers as well.

All this must be somewhat realised and **visioned before a man on the physical plane will be willing to undergo the purifying discipline**, and tread the Path whereby he finds his centre and works from that standpoint of power.

99. We now see one of the main reasons that Master DK described the process of the

Đây là chân lý huyền bí đứng sau niềm tin rằng **mọi sứ giả từ Thánh đoàn và mọi Đấng Cứu Thế** [Page 1123] **của nhân loại tự nhiên đều là một nhà chữa lành.**

96. Sự rực sáng được gây ra trong các vận cụ ở lần điểm đạo thứ tư và xa hơn nữa khiến việc chữa lành này trở nên khả hữu.

Các mãnh lực tuôn chảy qua một con người mà các nguyên tử, các trung tâm, các vỏ bọc và thể nguyên nhân tạo thành một đơn vị cố kết trong hoạt động trọn vẹn và rực sáng có sức mạnh và sự tinh khiết đến mức tạo ra một ảnh hưởng xác định lên bản chất của những người mà y tiếp xúc.

97. Một tiểu thiên địa được soi sáng và tích hợp là một công cụ chữa lành tuyệt vời.

Họ chữa lành, kích thích và gia tăng rung động của đồng loại mình.

98. Vì vậy, mọi thành viên của Thánh đoàn không chỉ là các nhà Tâm Lý Học Nội Môn (như chúng ta đã được cho biết) mà còn là các nhà Trị Liệu Huyền Môn nữa.

Tất cả điều này phải được chứng nghiệm phần nào và được **hình dung trước khi một con người trên cõi hồng trần sẵn lòng trải qua kỷ luật thanh luyện**, và bước đi trên Con Đường nhờ đó y tìm thấy trung tâm của mình và hoạt động từ lập trường quyền năng ấy.

99. Giờ đây chúng ta thấy một trong những lý do chính khiến Chân sư DK mô tả tiến

consummation of the development of the causal body: it provides an *incentive* to physical plane man to undergo the disciplines necessary to bring about this consummation.

trình hoàn tất sự phát triển của thể nguyên nhân: điều đó cung cấp một *động lực* cho con người trên cõi hồng trần để trải qua những kỷ luật cần thiết nhằm đưa đến sự hoàn tất này.

He has to align these various factors, or energy centres, and **thus bring on to the physical plane power to be used in the healing of the nations.**

Y phải chỉnh hợp các yếu tố khác nhau này, hay các trung tâm năng lượng, và **nhờ đó đưa xuống cõi hồng trần quyền năng được dùng vào việc chữa lành các quốc gia.**

100. We see that for the "healing of the nations" the illumination and radiance of even the dense physical body is required.

100. Chúng ta thấy rằng để "chữa lành các quốc gia", sự soi sáng và rực sáng ngay cả của thể xác đậm đặc cũng là điều cần thiết.

101. Also we are given a hint regarding one of the major planetary functions of the Spiritual Hierarchy.

101. Ngoài ra, chúng ta còn được gợi ý về một trong những chức năng hành tinh lớn của Thánh đoàn tinh thần.

When the glory of a man's inner God is seen, when his radiance shines forth then will it be said of him as of those who have preceded him along the Path: "Then shall the Sun of Righteousness arise with healing in his wings."[19] [Bible. Malachi, 4:2]

Khi vinh quang của Thượng đế bên trong một con người được nhìn thấy, khi sự rực sáng của y tỏa ra, thì người ta sẽ nói về y như đã nói về những vị đi trước y trên Con Đường: "Bấy giờ Mặt Trời của Chính Đạo sẽ mọc lên với sự chữa lành trong đôi cánh của mình."19 [Bible. Malachi, 4:2]

102. We are speaking of the 'glorification of man'—the manner in which he is brought to a state of radiant consummation.

102. Chúng ta đang nói về "sự vinh hiển hóa con người"—cách thức mà y được đưa đến một trạng thái hoàn tất rực sáng.

103. Many are the Biblical phrases which will be incompletely understood unless explained through philosophical, spiritual occultism.

103. Có nhiều cụm từ trong Kinh Thánh sẽ không được thấu hiểu trọn vẹn nếu không được giải thích qua huyền bí học tinh thần mang tính triết học.

S9S5 Part II

TCF 1123-1128:

TCF 1123-1128:

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu

classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

There are, in connection with human evolution, **certain factors** which produce definite and important results, when connected with each other through linking streams of energy and **therefore consciously functioning**.

Liên quan đến tiến hoá của con người, có **những yếu tố nhất định** tạo ra những kết quả xác định và quan trọng khi được nối kết với nhau qua các dòng năng lượng liên kết và **do đó hoạt động một cách hữu thức**.

1. In the linking lies the augmentation of power.

1. Chính trong sự nối kết có sự gia tăng quyền năng.

2. We are dealing with a Mercurian function. The goal is simultaneous, consciously interactive multi-dimensional consciousness.

2. Chúng ta đang đề cập đến một chức năng của Sao Thủy. Mục tiêu là tâm thức đa chiều đồng thời, tương tác hữu thức.

3. In this case, the factors to be linked are different aspects of the constitution of man.

3. Trong trường hợp này, các yếu tố cần được nối kết là những phương diện khác nhau trong cấu tạo của con người.

These factors might be considered as follows, dividing them into two groups, each of them emphasising the duality of the microcosmic manifestation:

Những yếu tố này có thể được xem xét như sau, chia chúng thành hai nhóm, mỗi nhóm nhấn mạnh nhị nguyên tính của biểu hiện tiểu thiên địa:

4. The following divisions suggest the dualism of mind and love. There are, of course, other relevant dualities.

Group I.

1. The Knowledge Petals.

2. The knowledge petal in each of the two inner circles.

5. The sacrifice petals are not included in *this* enumeration, but the sacrifice tier, too, has its knowledge petal.

6. Under point "2.", we are speaking of two petals, the total number being five knowledge petals.

3. The centres on the mental plane.

7. There are four of these as illustrated in TCF, Chart VIII, p. 817.

8. The splenic center of the lower mental plane is numbered as one of the centers.

4. The throat centre in etheric matter.

5. The alta major centre.

9. The alta major center is principally related to the third aspect of divinity, to Brahma.

6. The physical brain.

10. The brain is related to Saturn and the third aspect but it can also be considered from a first ray directorial perspective.

4. Những phân chia sau đây gợi ra tính nhị nguyên của trí tuệ và bác ái. Dĩ nhiên, còn có những nhị nguyên tính thích đáng khác.

Nhóm I.

1. Các cánh hoa tri thức.

2. Cánh hoa tri thức trong mỗi một của hai vòng bên trong.

5. Các cánh hoa hi sinh không được bao gồm trong *sự liệt kê* này, nhưng tầng hi sinh cũng có cánh hoa tri thức của nó.

6. Dưới điểm "2.", chúng ta đang nói về hai cánh hoa, tổng số là năm cánh hoa tri thức.

3. Các trung tâm trên cõi trí.

7. Có bốn trung tâm như thế, như được minh họa trong TCF, Biểu đồ VIII, tr. 817.

8. Trung tâm lá lách của cõi hạ trí được đánh số như một trong các trung tâm.

4. Trung tâm cổ họng trong chất liệu dĩ thái.

5. Trung tâm alta major.

9. Trung tâm alta major chủ yếu liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, với Brahma.

6. Bộ não hồng trần.

10. Bộ não liên hệ với Sao Thổ và phương diện thứ ba, nhưng cũng có thể được xem xét từ góc độ chỉ đạo trực tiếp của cung một.

11. All of the six factors listed above are along the line of the third aspect of divinity.

11. Tất cả sáu yếu tố được liệt kê ở trên đều nằm trên đường của phương diện thứ ba của thiên tính.

Group II.

Nhóm II.

1. The Love Petals.

1. Các cánh hoa bác ái.

2. The love petal in each circle. [Page 1124]

2. Cánh hoa bác ái trong mỗi vòng. [Page 1124]

12. Again, such a petal is found in both the knowledge tier and the sacrifice tier. All of the petals in the central tier are love petals though the central petal of the middle circle represents the greatest concentration of the quality of love. The total number of love petals, then, is five.

12. Một lần nữa, một cánh hoa như thế được tìm thấy trong cả tầng tri thức lẫn tầng hi sinh. Tất cả các cánh hoa trong tầng trung tâm đều là cánh hoa bác ái, dù cánh hoa trung tâm của vòng giữa biểu thị sự tập trung lớn nhất của phẩm tính bác ái. Như vậy, tổng số cánh hoa bác ái là năm.

3. The centres on the astral plane.

3. Các trung tâm trên cõi cảm dục.

13. There are seven such centers and they correspond exactly to the centers found on the etheric plane. The astral centers, however, are ruled by different rays. (cf. EH 51)

13. Có bảy trung tâm như thế và chúng tương ứng chính xác với các trung tâm được tìm thấy trên cõi dĩ thái. Tuy nhiên, các trung tâm cảm dục được cai quản bởi những cung khác nhau. (xem EH 51)

4. The heart centre in etheric matter.

4. Trung tâm tim trong chất liệu dĩ thái.

14. The heart center is the great conductor of the second aspect of divinity.

14. Trung tâm tim là bộ dẫn truyền lớn của phương diện thứ hai của thiên tính.

5. The pituitary body.

5. Tuyến yên.

15. This gland can be related to all three aspects, but at a fairly advanced stage becomes the organ (in the head) of the second aspect of divinity.

15. Tuyến này có thể liên hệ với cả ba phương diện, nhưng ở một giai đoạn khá tiến bộ thì trở thành cơ quan (trong đầu) của phương diện thứ hai của thiên tính.

6. The sympathetic nervous system.

6. Hệ thần kinh giao cảm.

The **sympathetic nervous system** (**SNS**) is one of the three parts of the autonomic nervous system, along with the enteric and parasympathetic systems. Its general action is to mobilize the body's resources under stress; to induce theflight-or-fight response. It is, however, constantly active at a basal level in order to maintain homeostasis.[1]

Hệ thần kinh giao cảm (**SNS**) là một trong ba phần của hệ thần kinh tự chủ, cùng với hệ ruột và hệ đối giao cảm. Tác động chung của nó là huy động các nguồn lực của cơ thể trong tình trạng căng thẳng; gây rađáp ứng chiến đấu hay bỏ chạy. Tuy nhiên, nó luôn hoạt động ở mức nền để duy trì hằng định nội môi.[1]

The actions of the parasympathetic nervous system can be summarized as "rest and digest", as opposed to the "fight-or-flight" effects of the sympathetic nervous system.

Các hoạt động của hệ thần kinh đối giao cảm có thể được tóm tắt là “nghỉ ngơi và tiêu hóa”, đối lập với các tác động “chiến đấu hay bỏ chạy” của hệ thần kinh giao cảm.

Sympathetic and parasympathetic divisions typically function in opposition to each other. But this opposition is better understood as complementary in nature rather than antagonistic. For an analogy, one may think of the sympathetic division as the accelerator and the parasympathetic division as the brake. The sympathetic division typically functions in actions requiring quick responses. The parasympathetic division functions with actions that do not require immediate reaction. A useful acronym to summarize the functions of the parasympathetic nervous system is SLUDD (salivation, lacrimation, urination,digestion and defecation).

Phân bộ giao cảm và phân bộ đối giao cảm thường hoạt động đối nghịch nhau. Nhưng sự đối nghịch này nên được hiểu đúng hơn là có tính bổ sung hơn là có tính đối kháng. Để ví dụ, người ta có thể nghĩ đến phân bộ giao cảm như bàn đạp ga và phân bộ đối giao cảm như phanh. Phân bộ giao cảm thường hoạt động trong những hành động đòi hỏi đáp ứng nhanh. Phân bộ đối giao cảm hoạt động với những hành động không đòi hỏi phản ứng tức thời. Một chữ viết tắt hữu ích để tóm tắt các chức năng của hệ thần kinh đối giao cảm là SLUDD (tiết nước bọt, tiết nước mắt, tiểu tiện,tiêu hóa và đại tiện).

(Wikipedia)

(Wikipedia)

16. The sympathetic nervous system seems to work under the Law of Attraction and Repulsion. In its nature, there is much that is related to Mars and to the sixth and fourth rays.

16. Hệ thần kinh giao cảm dường như hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Trong bản chất của nó, có nhiều điều liên hệ với Sao Hỏa và với cung sáu cùng cung bốn.

17. The parasympathetic system appears to work in relation to the planet Saturn.

17. Hệ đối giao cảm dường như hoạt động trong mối liên hệ với hành tinh Sao Thổ.

18. Of course, these planetary correlations are great simplifications.

18. Dĩ nhiên, những tương quan hành tinh này là những sự đơn giản hóa rất lớn.

These various alignments (when functioning with due adjustment) result in the **transmission of energy in the first case from the manasic permanent atom, and in the second case from the buddhic permanent atom**.

Những sự chỉnh hợp khác nhau này (khi hoạt động với sự điều chỉnh thích đáng) đưa đến **sự truyền dẫn năng lượng trong trường hợp thứ nhất từ nguyên tử trường tồn manas, và trong trường hợp thứ hai từ nguyên tử trường tồn Bồ đề**.

19. Here we see some ways in which the central nuclei (the permanent atoms) of the spiritual triad are related to the structure and functions of the causal body.

19. Ở đây chúng ta thấy một số cách mà các hạt nhân trung tâm (các nguyên tử trường tồn) của Tam Nguyên Tinh Thần liên hệ với cấu trúc và chức năng của thể nguyên nhân.

20. The manasic permanent atom is related to the knowledge petals and, thus, to the various factors listed above under the knowledge petals.

20. Nguyên tử trường tồn manas liên hệ với các cánh hoa tri thức và do đó với các yếu tố khác nhau được liệt kê ở trên dưới mục các cánh hoa tri thức.

21. The buddhic permanent atom is related to the love petals and, thus, to the various factors listed above under the love petals.

21. Nguyên tử trường tồn Bồ đề liên hệ với các cánh hoa bác ái và do đó với các yếu tố khác nhau được liệt kê ở trên dưới mục các cánh hoa bác ái.

It will be apparent, therefore, **how important it is that the student duly considers the process of bringing about a uniform alignment,** and a conscious appreciation of the vibratory processes of these two groups.

Do đó, sẽ rõ ràng **việc đạo sinh cân nhắc đúng mức tiến trình đưa đến một sự chỉnh hợp đồng đều quan trọng đến mức nào,** và một sự đánh giá hữu thức về các tiến trình rung động của hai nhóm này.

22. This is one of the major tasks upon our planet and even within our solar system. In both instances an attempt to align, coordinate and fuse the second and third aspects is underway.

22. Đây là một trong những nhiệm vụ lớn trên hành tinh chúng ta và ngay cả trong hệ mặt trời của chúng ta. Trong cả hai trường hợp, một nỗ lực nhằm chỉnh hợp, phối hợp và dung hợp phương diện thứ hai và thứ ba đang được tiến hành.

23. The alignment must be “uniform” and hence functionally stable. The desired alignment should be achievable at will.

23. Sự chỉnh hợp phải là “đồng đều” và do đó ổn định về mặt chức năng. Sự chỉnh hợp

mong muốn phải có thể đạt được theo ý muốn.

24. From a practical perspective, alignment represents both the beginning and the end of any esoteric process.

24. Từ góc độ thực tiễn, chỉnh hợp vừa là khởi đầu vừa là kết thúc của bất kỳ tiến trình huyền bí học nào.

As he brings this adjustment about, **the effect upon the physical plane will be the manifestation of the powers of the Soul**,

Khi y tạo ra sự điều chỉnh này, **ảnh hưởng trên cõi hồng trần sẽ là sự biểu lộ các quyền năng của linh hồn**,

25. The Solar Angel can be considered a blend of *both* the third and second aspects. They are manasadevas (thus high exponents of manas—these manasic abilities achieved in the previous solar system) and are also "hearts of fiery love".

25. Thái dương Thiên Thần có thể được xem là sự pha trộn của *cả* phương diện thứ ba lẫn thứ hai. Các Ngài là các manasadeva (do đó là những biểu hiện cao của manas—những năng lực manas này đã đạt được trong hệ mặt trời trước) và cũng là những "trái tim của bác ái rực lửa".

and of the healing capacity;

và năng lực chữa lành;

26. The healing capacity results from bringing the second aspect of divinity in contact with the third. Archetypal relationships restore distorted relationships in the lower worlds of form.

26. Năng lực chữa lành phát sinh từ việc đưa phương diện thứ hai của thiên tính tiếp xúc với phương diện thứ ba. Những tương quan nguyên mẫu phục hồi những tương quan bị méo mó trong các thế giới thấp của hình tướng.

the man will become a focal point for egoic energy and a server of his race.

con người sẽ trở thành một tiêu điểm cho năng lượng chân ngã và là một người phụng sự nhân loại mình.

27. This type of alignment is required if man is to become a focal point of egoic energy and a server. Without the alignment here discussed, the man can become neither.

27. Loại chỉnh hợp này là điều cần thiết nếu con người muốn trở thành một tiêu điểm của năng lượng chân ngã và một người phụng sự. Không có sự chỉnh hợp được bàn đến ở đây, con người không thể trở thành điều nào trong hai điều ấy.

28. The soul or Ego expressing through the form is the true server and healer just as it is the true magician.

28. Linh hồn hay chân ngã biểu lộ qua hình tướng mới là người phụng sự và nhà chữa

lành chân chính, cũng như là nhà huyền thuật chân chính.

The black magician brings about similar results by means of the first group,

Nhà hắc thuật tạo ra những kết quả tương tự bằng phương tiện của nhóm thứ nhất,

29. The black magician is powerfully *manasic* and, thus, it seems that the lowest aspect of the spiritual triad may be accessible to him.

29. Nhà hắc thuật có tính *manas* rất mạnh, và do đó dường như phương diện thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần có thể tiếp cận được đối với y.

only with the exception that **he cannot align the knowledge petals in the two inner groups,** as the love-wisdom aspect is atrophied in his case.

chỉ trừ một điều là **y không thể chỉnh hợp các cánh hoa tri thức trong hai nhóm bên trong,** vì phương diện Bác Ái – Minh Triết đã bị teo lại trong trường hợp của y.

30. The two inner groups are groups or circles of petals—the love petals and the sacrifice petals.

30. Hai nhóm bên trong là các nhóm hay các vòng cánh hoa—các cánh hoa bác ái và các cánh hoa hi sinh.

31. In this case, love is associated with the love petals and wisdom with the sacrifice petals.

31. Trong trường hợp này, bác ái được liên kết với các cánh hoa bác ái và minh triết với các cánh hoa hi sinh.

32. The love circle and the sacrifice circle each have a knowledge petal but, apparently, because these two circles deal with love and wisdom, the two knowledge petals which are part of these circles are inaccessible to the black magician.

32. Vòng bác ái và vòng hi sinh mỗi vòng đều có một cánh hoa tri thức nhưng, rõ ràng vì hai vòng này xử lý bác ái và minh triết, nên hai cánh hoa tri thức là thành phần của hai vòng này không thể tiếp cận được đối với nhà hắc thuật.

33. It has always been clear that black magicians work without love, but here it is also emphasized that they work without wisdom as well. A little reasoning proves this to be the case. It is hardly *wise* to set oneself against the Divine Plan and lose all opportunity for true progress within our solar system.

33. Từ lâu vẫn rõ ràng rằng các nhà hắc thuật hoạt động không có bác ái, nhưng ở đây cũng nhấn mạnh rằng họ hoạt động không có cả minh triết nữa. Chỉ cần một ít lý luận là đủ chứng minh điều này. Hầu như không *khôn ngoan* khi tự đặt mình chống lại Thiên Cơ và đánh mất mọi cơ hội tiến bộ chân chính trong hệ mặt trời của chúng ta.

He does, however, bring through the energy of the manasic permanent atom,

34. As suggested above. The manasic permanent atom is part of the spiritual triad, which triad is largely a reflection of the first aspect of divinity (though we cannot entirely include the influence of the second aspect).

35. The implication is that the black magician is bypassing the soul in a way quite different from the way in which the student of the White Lodge is told to 'bypass' the soul when building the antahkarana.

36. Although the black magician brings through energy from the manasic permanent atom, in building the type of antahkarana he builds, he does not seek polarization within his *own* manasic permanent atom.

for the force of Mahat (of which Manas is an expression) is closely connected with what is erroneously called "evil."

37. Mahat is pure cosmic Mind. DK seems to be relating the "force of Mahat" with the functions of the manasic permanent atom.

38. Mahat is a factor superior to manas.

39. We note that DK implies a more philosophical view of the nature of "evil". There are apparently other and more

Tuy nhiên, y vẫn đưa xuống qua năng lượng của nguyên tử trường tồn manas,

34. Như đã gợi ý ở trên. Nguyên tử trường tồn manas là một phần của Tam Nguyên Tinh Thần, mà Tam nguyên này phần lớn là một phản chiếu của phương diện thứ nhất của thiên tính (dù chúng ta không thể hoàn toàn loại trừ ảnh hưởng của phương diện thứ hai).

35. Hàm ý ở đây là nhà hắc thuật đang vượt qua linh hồn theo một cách hoàn toàn khác với cách mà đạo sinh của Thánh đoàn Chánh đạo được bảo phải "vượt qua" linh hồn khi xây dựng antahkarana.

36. Mặc dù nhà hắc thuật đưa xuống năng lượng từ nguyên tử trường tồn manas, nhưng khi xây dựng loại antahkarana mà y xây dựng, y không tìm kiếm sự phân cực trong chính nguyên tử trường tồn manas *của mình*.

vì mãnh lực của Mahat (mà Manas là một biểu hiện của nó) có liên hệ mật thiết với điều bị gọi sai lầm là "ác".

37. Mahat là Trí Tuệ vũ trụ thuần túy. Chân sư DK dường như đang liên hệ "mãnh lực của Mahat" với các chức năng của nguyên tử trường tồn manas.

38. Mahat là một yếu tố cao hơn manas.

39. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK hàm ý một quan điểm triết học hơn về bản chất của "ác". Rõ ràng có những cách khác và thông

intelligent ways of describing what we usually describe as "evil".

minh hơn để mô tả điều mà chúng ta thường gọi là "ác".

Mahat and cosmic Evil have a close connection.

Mahat và Ác vũ trụ có một mối liên hệ mật thiết.

40. Of this connection Master DK says very little. We understand that there is nothing evil about pure *mind*, per se, but that mind devoid of love can become an instrument of destruction, especially in relation to the programme of our second ray solar system.

40. Về mối liên hệ này, Chân sư DK nói rất ít. Chúng ta hiểu rằng không có gì là ác trong *trí tuệ* thuần túy, chính nó, nhưng trí tuệ thiếu bác ái có thể trở thành một công cụ hủy diệt, đặc biệt trong liên hệ với chương trình của hệ mặt trời cung hai của chúng ta.

The great Existences Who **are** the principle of Mahat in its cosmic sense

Các Đấng Hiện Hữu vĩ đại, Đấng **là** nguyên khí của Mahat theo ý nghĩa vũ trụ của nó

41. These are Beings beyond the scale of a Planetary Logos, though from one point of view, a Planetary Logos is a cosmic Being. DK, however, tells us that the black magician develops *extra-systemic* contacts along the mahatic line.

41. Đây là những Hữu thể vượt quá thang bậc của một Hành Tinh Thượng Đế, dù xét từ một quan điểm nào đó, một Hành Tinh Thượng Đế là một Hữu thể vũ trụ. Tuy nhiên, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nhà hắc thuật phát triển những tiếp xúc *ngoài-hệ-thống* dọc theo đường Mahat.

42. Note that DK did not say, "who express the principle of Mahat" but "Who are the principle of Mahat." We might wonder whether these Beings are necessarily embodied in planetary, logoic or constellational form. Perhaps not.

42. Lưu ý rằng Chân sư DK không nói, "những Đấng biểu lộ nguyên khí Mahat" mà là "những Đấng là nguyên khí Mahat." Chúng ta có thể tự hỏi liệu những Hữu thể này nhất thiết phải nhập thể trong hình thức hành tinh, logoic hay chòm sao hay không. Có lẽ là không.

are connected with the lesser existences who express systemic evil.

được nối kết với những hiện hữu nhỏ hơn biểu lộ điều ác có tính hệ thống.

43. There are three types of evil with which we are concerned: planetary evil, systemic evil and cosmic evil.

43. Có ba loại điều ác mà chúng ta quan tâm: điều ác hành tinh, điều ác hệ thống và điều ác vũ trụ.

44. We must always remember that we are in a second ray solar system, and that evil is a relative term. What is considered "evil" in

44. Chúng ta phải luôn nhớ rằng chúng ta đang ở trong một hệ mặt trời cung hai, và rằng điều ác là một thuật ngữ tương đối. Điều được xem là "ác" trong hệ mặt trời này

this solar system was probably not considered so in the previous solar system.

có lẽ đã không được xem như vậy trong hệ mặt trời trước.

They are the sum total of the separative instrument,

Chúng là tổng thể của công cụ phân ly,

45. DK seems to be telling us that the members of the Black Lodge, as we understand them to be in the context of our *solar system*, are an "instrument". Are they 'wielded' by these great cosmic Existences—the cosmic exponents or principles of Mahat?

45. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng các thành viên của Hắc đoàn, như chúng ta hiểu họ trong bối cảnh *hệ mặt trời* của chúng ta, là một "công cụ". Phải chăng họ được những Hiện hữu vũ trụ vĩ đại này—những đấng biểu hiện hay những nguyên khí vũ trụ của Mahat—"vận dụng"?

and **where separation in any *form* exists, there is to be found ignorance, and therefore evil.**

và **ở đâu sự phân ly dưới bất kỳ *hình tướng* nào tồn tại, ở đó có vô minh, và do đó có điều ác.**

46. Why is the term " *form* " italicized? Is separation when not associated with a form permissible and not evil? Certainly the factor of separation is necessary in the process of creation and has been discussed in *A Treatise on Cosmic Fire* as an aspect of the Brahmic energy and as the first effect of rotary motion.

46. Vì sao từ " *hình tướng* " được in nghiêng? Phải chăng sự phân ly, khi không gắn với một hình tướng, là điều được phép và không phải là ác? Chắc chắn yếu tố phân ly là cần thiết trong tiến trình sáng tạo và đã được bàn đến trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* như một phương diện của năng lượng Brahma và như hiệu quả đầu tiên của chuyển động quay.

47. What is really interesting here is the association of *ignorance* and evil. This is, in one way, a very Buddhist idea.

47. Điều thực sự thú vị ở đây là sự liên kết giữa *vô minh* và điều ác. Xét theo một phương diện, đây là một ý niệm rất Phật giáo.

48. The implication is also given that separation causes ignorance because it prevents contact with various aspects of the One Self. Without contact and resultant experience, there is ignorance of that which otherwise might be contacted. Where this ignorance prevails, there is no possibility of participating in the systemic *reunion* which is intended by the Solar Logos.

48. Hàm ý ở đây cũng cho thấy rằng sự phân ly gây ra vô minh vì nó ngăn cản sự tiếp xúc với nhiều phương diện của Đại Ngã Duy Nhất. Không có tiếp xúc và kinh nghiệm phát sinh từ đó, sẽ có sự vô minh đối với điều lẽ ra có thể được tiếp xúc. Nơi nào sự vô minh này ngự trị, nơi đó không có khả năng tham dự vào sự *tái hợp* có tính hệ thống mà Thái dương Thượng đế chủ định.

49. We have seen the principle of separation discussed as an important factor within the Brahmic aspect, but within the context of a second ray solar system in can conduce to evil unless properly supervised and regulated by the second aspect.

49. Chúng ta đã thấy nguyên lý phân ly được bàn đến như một yếu tố quan trọng trong phương diện Brahma, nhưng trong bối cảnh của một hệ mặt trời cung hai, nó có thể dẫn đến điều ác nếu không được phương diện thứ hai giám sát và điều hòa đúng đắn.

Separation negates comprehension, or knowledge of that which is to be found outside the separated consciousness, for separative knowledge entails identification with that which is expressing itself through the medium of a form.

Sự phân ly phủ nhận sự thấu hiểu, hay tri thức về điều được tìm thấy bên ngoài tâm thức bị tách biệt, vì tri thức phân ly bao hàm sự đồng hoá với điều đang biểu lộ chính nó qua trung gian của một hình tướng.

50. If there is identification *only* with form, then how can there be identification with that which lies *outside* the range of form—namely the spiritual worlds?

50. Nếu chỉ có sự đồng hoá *duy nhất* với hình tướng, thì làm sao có thể có sự đồng hoá với điều nằm *bên ngoài* phạm vi của hình tướng —tức là các thế giới tinh thần?

51. The separative being refuses to acknowledge Wholeness and Oneness and, thus, for a time, cannot grow into the Wholeness/Oneness, which growth is the Purpose of Deity.

51. Hữu thể phân ly từ chối thừa nhận Tính Toàn Thể và Tính Nhất Thể, và do đó, trong một thời gian, không thể tăng trưởng vào Tính Toàn Thể/Tính Nhất Thể ấy, mà sự tăng trưởng đó là Thiên Ý của Thượng đế.

Therefore, the Brothers of the Shadow can, and do, reach high levels along one aspect of consciousness, and touch certain specific heights of [Page 1125] spiritual evil,

Vì vậy, các huynh đệ của bóng tối có thể, và thực sự, đạt đến những cấp độ cao dọc theo một phương diện của tâm thức, và chạm đến những đỉnh cao nhất định của [Page 1125] điều ác tinh thần,

52. This is a strange expression—"heights of spiritual evil". What is suggested is a type of evil which lies beyond form, but which is definitely identified with the third aspect of divinity.

52. Đây là một cách diễn đạt lạ—"những đỉnh cao của điều ác tinh thần". Điều được gợi ý là một loại điều ác nằm vượt ngoài hình tướng, nhưng lại nhất định đồng hoá với phương diện thứ ba của thiên tính.

53. The words "certain specific" suggest the use by these "Brothers of the Shadow" of the fifth ray—the ray of certainty and of specificity.

53. Các từ "những... nhất định" gợi ý việc các "huynh đệ của bóng tối" này sử dụng cung năm—cung của sự xác định và tính đặc thù.

54. Elsewhere we are told that there is no such thing as 'purely spiritual evil'.

54. Ở nơi khác, chúng ta được cho biết rằng không có cái gọi là 'điều ác thuần túy tinh thần'.

55. We must remember that certain members of the Black Lodge (powerful members) are active on the higher mental plane and are thus focussed 'above' the lower three worlds (considering them as the eighteen lower subplanes). Yet the higher mental plane is still within the dense physical body of the Solar Logos and thus, metaphysically, within the field of His concrete form.

55. Chúng ta phải nhớ rằng một số thành viên của Hắc đoàn (những thành viên quyền năng) hoạt động trên Cõi thượng trí và do đó được tập trung 'ở trên' ba cõi thấp (nếu xem chúng là mười tám cõi phụ thấp). Tuy nhiên, Cõi thượng trí vẫn còn ở trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và do đó, về mặt siêu hình, vẫn ở trong trường của hình tướng cụ thể của Ngài.

going a great way along the line of Mahat, or knowledge, the principle of Universal Mind.

đi rất xa dọc theo đường Mahat, hay tri thức, nguyên khí của Vũ Trụ Trí.

56. There would be nothing wrong with this in itself, except that that which is learned is separatively turned against the Principle of Love.

56. Tự thân điều này sẽ không có gì sai, ngoại trừ việc điều được học hỏi lại bị quay sang chống lại Nguyên lý Bác ái một cách phân ly.

57. The implication to be gathered from DK's text is that while these highly intelligent, evil entities go "a great way along the line of Mahat", they do not go *all the way.*

57. Hàm ý rút ra từ bản văn của Chân sư DK là trong khi những thực thể ác đầy trí tuệ này đi "rất xa dọc theo đường Mahat", họ không đi *trọn vẹn con đường ấy.*

58. We note here that *knowledge* is discussed but not wisdom.

58. Ở đây chúng ta lưu ý rằng *tri thức* được bàn đến, nhưng không phải minh triết.

They can reach, in their later stages, **expansions of consciousness and of power that will take them far beyond the confines of our solar system**,

Trong các giai đoạn sau của họ, họ có thể đạt đến **những sự mở rộng tâm thức và quyền năng sẽ đưa họ vượt xa các giới hạn của hệ mặt trời chúng ta**,

59. An amazing thought! We come to realize that they are not confined to our planet or any planet or even to our solar system.

59. Một ý nghĩ đáng kinh ngạc! Chúng ta đi đến chỗ nhận ra rằng họ không bị giới hạn trong hành tinh của chúng ta hay bất kỳ hành tinh nào, thậm chí cũng không bị giới hạn trong hệ mặt trời của chúng ta.

60. In many references in *A Treatise on Cosmic Fire*, we learn that our solar system is confined to the cosmic physical plane. The focal point of cosmic evil (as we understand it) is the cosmic astral plane. This section of text suggests that these black magicians can function, minimally, on the cosmic astral plane. Perhaps they can also function on the lower levels of the cosmic mental plane which are under the influence of the mental unit of the Solar Logos.

60. Trong nhiều đoạn tham chiếu trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*, chúng ta biết rằng hệ mặt trời của chúng ta bị giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ. Tiêu điểm của điều ác vũ trụ (theo cách chúng ta hiểu) là cõi cảm dục vũ trụ. Đoạn văn này gợi ý rằng những nhà hắc thuật này tối thiểu có thể hoạt động trên cõi cảm dục vũ trụ. Có lẽ họ cũng có thể hoạt động trên các cấp thấp của cõi trí vũ trụ, vốn nằm dưới ảnh hưởng của đơn vị hạ trí của Thái dương Thượng đế.

61. The Forces of Light are, therefore, dealing with evil entities of vast scope and power. The average disciple is absolutely no match for them.

61. Do đó, Các Mãnh Lực của Ánh Sáng đang đối diện với những thực thể ác có phạm vi và quyền năng vô cùng rộng lớn. Người đệ tử trung bình tuyệt đối không thể sánh được với họ.

62. Implied in this statement is that that which we call “evil” is of much greater scope than the scope of our solar system. The problem with the third aspect of divinity and its misalignment with the second must, it seems, extend into constellational contexts, and perhaps beyond.

62. Hàm ý trong phát biểu này là điều mà chúng ta gọi là “ác” có phạm vi lớn hơn rất nhiều so với phạm vi của hệ mặt trời chúng ta. Vấn đề của phương diện thứ ba của thiên tính và sự không chỉnh hợp của nó với phương diện thứ hai dường như phải mở rộng vào các bối cảnh chòm sao, và có lẽ còn vượt xa hơn nữa.

and give them attributes and capacities **which prove a menace to the unfolding of the second Aspect**.

và ban cho họ những thuộc tính và năng lực **chứng tỏ là một mối đe dọa đối với sự khai mở của Phương diện thứ hai**.

63. The major divine task in this solar system is precisely the unfoldment of the second aspect of divinity. It is for this reason that the unfoldment of Mahat as a *separative* power is considered *evil*, at least in relation to our solar system, and, so it would seem, beyond.

63. Nhiệm vụ thiêng liêng chủ yếu trong hệ mặt trời này chính là sự khai mở của phương diện thứ hai của thiên tính. Chính vì lý do đó mà sự khai mở của Mahat như một quyền năng *phân ly* được xem là *ác*, ít nhất là trong liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta, và dường như còn vượt ra ngoài nữa.

64. In our solar system the Primordial Ray (the great Third Ray) strengthened by Mahat must become subservient to the Divine Ray (the Ray of Love-Wisdom).

64. Trong hệ mặt trời của chúng ta, Cung Nguyên Sơ (cung ba vĩ đại) được Mahat tăng cường phải trở nên phụ thuộc vào Thiêng Cung (Cung Bác Ái – Minh Triết).

The first group of alignments, when not balanced by the second group, is the line of the black magician;

Nhóm chỉnh hợp thứ nhất, khi không được cân bằng bởi nhóm thứ hai, là đường lối của nhà hắc thuật;

65. It is a purely manasic alignment and strengthens the selfish will.

65. Đó là một sự chỉnh hợp thuần manas và làm tăng cường ý chí ích kỷ.

it will lead him eventually out of the stream of fivefold energy we call *manasic* on to the cosmic path of fohatic energy, the strictly mahatic.

cuối cùng sẽ dẫn y ra khỏi dòng năng lượng ngũ phân mà chúng ta gọi là *manas* để đi vào con đường vũ trụ của năng lượng fohat, tức con đường thuần Mahat.

66. His path leads from manas to Mahat. The Path of Mahat is, here we learn, the "cosmic path of fohatic energy".

66. Con đường của y dẫn từ manas đến Mahat. Ở đây chúng ta biết rằng Con Đường của Mahat là "con đường vũ trụ của năng lượng fohat".

67. We are being told that the members of the Black Lodge can become Masters of certain aspects of cosmic electricity (Fohat) rendering them powerful and dangerous indeed.

67. Chúng ta đang được cho biết rằng các thành viên của Hắc đoàn có thể trở thành các Chân sư của một số phương diện của điện vũ trụ (Fohat), khiến họ thực sự đầy quyền năng và nguy hiểm.

68. Behind this picture of the acquisition of vast powers (even cosmically considered) lies the thought that they should not be pursuing the path to these powers.

68. Đằng sau bức tranh về việc thủ đắc những quyền năng to lớn này (ngay cả khi xét theo nghĩa vũ trụ) là ý nghĩ rằng họ không nên theo đuổi con đường dẫn đến những quyền năng ấy.

When on that Path two directions are possible to him;

Khi ở trên Con Đường đó, có hai hướng mở ra cho y;

69. This following description of paths which are open to the black magician is to be taken as an informative warning.

69. Mô tả sau đây về những con đường mở ra cho nhà hắc thuật cần được xem như một lời cảnh báo mang tính thông tin.

one will keep him in touch with the **natural substance** aspect concerned with the cosmic incarnations of *our* solar Logos;

một hướng sẽ giữ y tiếp xúc với phương diện **chất liệu tự nhiên** liên quan đến các lần lâm phàm vũ trụ của Thái dương Thượng đế *của* chúng ta;

70. In other words, he will remain associated with our Solar Logos, whether he works from a point within or without our solar system.

70. Nói cách khác, y sẽ vẫn còn liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta, dù y hoạt động từ một điểm ở bên trong hay bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

71. The term "natural substance" is interesting as it suggests the substance of which the three lower worlds in our solar system are composed.

71. Thuật ngữ "chất liệu tự nhiên" thật đáng chú ý vì nó gợi ý chất liệu mà ba cõi thấp trong hệ mặt trời của chúng ta được cấu thành từ đó.

the other will sweep him on **to that centre in the universe which is the emanating source of the mahatic principle**;

hướng kia sẽ cuốn y đi **đến trung tâm trong vũ trụ là nguồn phát xạ của nguyên lý Mahat**;

72. Still greater opportunities of a negative kind seem associated with this second path.

72. Những cơ hội còn lớn hơn, nhưng mang tính tiêu cực, dường như gắn liền với con đường thứ hai này.

73. It seems that there are different forms of Great Attractors. The type here referenced is purely mahatic.

73. Dường như có những hình thức khác nhau của các Trung Tâm Hấp Dẫn Vĩ Đại. Loại được nói đến ở đây thuần túy là mahatic.

74. What might that center be? Obviously DK will not reveal this as it would be of no profit to us and probably of considerable danger.

74. Trung tâm đó có thể là gì? Hiển nhiên Chân sư DK sẽ không tiết lộ điều này vì nó không đem lại lợi ích gì cho chúng ta và có lẽ còn khá nguy hiểm.

75. The term "universe" is used. It seems that the 'Grand Entirety' is not indicated. Probably such a mahatic center is within our galaxy and probably within the local part of our galaxy and part of the manifestation of

75. Thuật ngữ "vũ trụ" được dùng ở đây. Dường như "Toàn Thể Vĩ Đại" không được chỉ đến. Có lẽ một trung tâm mahatic như vậy nằm trong thiên hà của chúng ta và có lẽ trong phần cục bộ của thiên hà ấy, và là một

our "One About Whom Naught May Be Said". We have been told that the destiny of the members of our Black Lodge is resolved within the system of the "One About Whom Naught May Be Said".

phần của sự biểu hiện của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" của chúng ta. Chúng ta đã được cho biết rằng số phận của các thành viên Hắc đoàn của chúng ta được giải quyết trong hệ thống của "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

it is the focal point where is generated that type of energy which makes possible the *dense* physical manifestation of Gods and men.

đó là tiêu điểm nơi phát sinh loại năng lượng làm cho sự biểu hiện hồng trần *đậm đặc* của các Thượng đế và những người nam và nữ trở nên khả hữu.

76. This center then, is the generating point of all dense materiality. Those who work to strengthen the power of materialism are inspired from this source—no matter by how many removes.

76. Vậy thì trung tâm này là điểm phát sinh của mọi tính vật chất đậm đặc. Những ai hoạt động để tăng cường quyền lực của chủ nghĩa duy vật đều được truyền cảm hứng từ nguồn này—dù qua bao nhiêu tầng trung gian đi nữa.

In making this statement, it is necessary to bear in mind that the **dense physical sheath is never considered a principle**. It is ever deemed *occultly* evil.

Khi đưa ra phát biểu này, cần ghi nhớ rằng **vỏ bọc hồng trần đậm đặc không bao giờ được xem là một nguyên khí**. Nó luôn luôn được xem là *một cách huyền bí* ác.

77. The dense physical body is considered "*occultly* evil" certainly from the perspective of our Solar Logos, but does its identification with evil extend to extra systemic Beings? It seems so.

77. Thể xác hồng trần đậm đặc chắc chắn được xem là "*một cách huyền bí* ác" từ quan điểm của Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng việc nó bị đồng nhất với điều ác có mở rộng đến các Hữu thể ngoài-hệ-thống không? Dường như là có.

78. The center from which the energy of Mahat emanates is the sustainer of that (which in certain contexts) which must be considered the "past". How large are such contexts? We cannot yet know. We are told a little about the history of our Solar Logos but nothing at all about the past of the Cosmic Logos of which our Solar Logos is a part.

78. Trung tâm mà từ đó năng lượng của Mahat phát xạ ra là đấng duy trì cái mà (trong một số bối cảnh) phải được xem là "quá khứ". Những bối cảnh như vậy rộng lớn đến đâu? Chúng ta chưa thể biết. Chúng ta được biết đôi chút về lịch sử của Thái dương Thượng đế của chúng ta nhưng hoàn toàn không biết gì về quá khứ của Vũ Trụ Thượng đế mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phần trong đó.

The matter might be more simply expressed by stating that **the black adept is frankly**

Vấn đề có thể được diễn đạt đơn giản hơn bằng cách nói rằng **chân sư hắc đạo công**

concerned with what is termed "the residue of that which earlier was."

79. This is certainly true with regard to our solar system.

80. The black magician is dealing with *residues.* This does not seem a very attractive prospect. It's rather like looking for something of value in a garbage heap. It represents an alienation from the living principles of our solar system and probably of vaster systems beyond.

He responds to the vibration of the solar system of an earlier greater cycle in which the knowledge, **or the manasic principle, was the goal of achievement.**

81. The previous solar system is certainly implicated, but the one preceding it may also be if, indeed, our present solar system is the fifth.

82. In one respect, the black magician is severely retarded, at least with respect to the logoic agenda for our present solar system.

He does not respond to the impulse of this solar system, but **this lack of response is hid in the karma of the earlier manifestation**.

83. We have been told that in the previous solar system there was a rebellion. The black magician of today was probably numbered among the rebellious group. As to the cause of the rebellion, we are told that it is hidden. All such rebellion, however, must be rooted in an exercise of the will. We have been told

khai quan tâm đến điều được gọi là "phần cặn dư của cái đã từng hiện hữu trước kia."

79. Điều này chắc chắn đúng đối với hệ mặt trời của chúng ta.

80. Nhà hắc thuật đang xử lý những *phần cặn dư.* Đây dường như không phải là một viễn cảnh hấp dẫn cho lắm. Nó khá giống như đi tìm một thứ có giá trị trong một đống rác. Nó biểu thị một sự xa lìa khỏi các nguyên khí sống động của hệ mặt trời chúng ta và có lẽ cả của những hệ thống rộng lớn hơn vượt ngoài nó.

Y đáp ứng với rung động của hệ mặt trời thuộc một chu kỳ lớn trước kia, trong đó tri thức, **hay nguyên lý manas, là mục tiêu của sự thành tựu.**

81. Hệ mặt trời trước chắc chắn có liên can, nhưng hệ mặt trời trước đó nữa cũng có thể liên can nếu quả thực hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là hệ thứ năm.

82. Xét theo một phương diện, nhà hắc thuật bị chậm tiến nghiêm trọng, ít nhất là đối với chương trình logoic của hệ mặt trời hiện tại שלנו.

Y không đáp ứng với xung lực của hệ mặt trời này, nhưng **sự thiếu đáp ứng này được che giấu trong nghiệp quả của biểu hiện trước kia**.

83. Chúng ta đã được cho biết rằng trong hệ mặt trời trước đã có một cuộc nổi loạn. Nhà hắc thuật ngày nay có lẽ nằm trong nhóm nổi loạn ấy. Về nguyên nhân của cuộc nổi loạn, chúng ta được cho biết rằng nó bị che giấu. Tuy nhiên, mọi cuộc nổi loạn như vậy hẳn phải bén rễ trong một sự vận dụng ý chí. Chúng ta đã được cho biết rằng phần lớn các

that most black magicians are souls on the first ray—the ray of will.

nhà hắc thuật là những linh hồn trên cung một—cung của ý chí.

In every grouping,—whether in heaven or on earth—there is always evidenced a tendency by some units in the group to revolt, to rebel and to show some form of initiative different to that of the other units in the same grouping. When our solar universe came into being, we are told in the allegorical language of the ancient scriptures, there "was war in Heaven"; "the sun and his seven brothers" did not function with true unanimity; hence (and herein lies a hint) our Earth is not one of the seven sacred planets. There is, as we know, the ancient legend of the lost Pleiad, and there are many such stories. Again, in the council chamber of the Most High, there has not always been peace and understanding, but at times, war and disruption; this is made abundantly clear by several of the stories in the Old Testament. (EP I 394)

Trong mọi nhóm—dù ở thiên giới hay trên trần thế—bao giờ cũng có thể thấy nơi một số đơn vị trong nhóm một khuynh hướng nổi dậy, phản loạn và biểu lộ một hình thức chủ động nào đó khác với các đơn vị khác trong cùng nhóm. Khi vũ trụ thái dương của chúng ta xuất hiện, chúng ta được cho biết bằng ngôn ngữ ngụ ngôn của các thánh thư cổ xưa rằng đã "có chiến tranh trên Thiên Đàng"; "mặt trời và bảy huynh đệ của nó" đã không vận hành trong sự nhất trí chân chính; vì thế (và chính trong đây có một gợi ý) Trái Đất của chúng ta không phải là một trong bảy hành tinh thiêng liêng. Như chúng ta biết, có truyền thuyết cổ về Pleiades bị mất, và còn nhiều câu chuyện như thế. Lại nữa, trong hội đồng của Đấng Tối Cao, không phải lúc nào cũng có hòa bình và thấu hiểu, mà đôi khi có chiến tranh và đổ vỡ; điều này được làm sáng tỏ rất nhiều qua một số câu chuyện trong Cựu Ước. (EP I 394)

As we know, the Sons of Mind or the incarnating jivas are the returning nirvanis of a previous logoic incarnation.

Như chúng ta biết, Các Con của Trí Tuệ hay các jiva nhập thể là những nirvani quay trở lại của một lần lâm phàm logoic trước.

84. This statement must not be passed by superficially. In this case the "Sons of Mind" are *not* the human beings of the present day. They are far higher. They are, we must infer, Solar Angels. Solar Angels *are* the returning nirvanis of a previous logoic manifestation.

84. Không được lướt qua phát biểu này một cách hời hợt. Trong trường hợp này, "Các Con của Trí Tuệ" *không* phải là những con người ngày nay. Họ cao hơn rất nhiều. Chúng ta phải suy ra rằng họ là các Thái dương Thiên Thần. Các Thái dương Thiên Thần *là* những nirvani quay trở lại của một biểu hiện logoic trước.

85. It is not unusual to think of the "Sons of Mind" as *men,* of human Monads, who are, in fact, "jivas" now functioning as human beings in the second solar system. It *is* unusual to think of such human beings as "returning nirvanis". Those who are

85. Không phải là điều bất thường khi nghĩ về "Các Con của Trí Tuệ" như là *con người,* những Chân thần nhân loại, vốn thực sự là những "jiva" hiện đang hoạt động như những con người trong hệ mặt trời thứ hai. Điều *không* thường là nghĩ về những con

presently Solar Angels (and not men) were the returning nirvanis.

người như vậy như những "nirvani quay trở lại". Những vị hiện đang là Thái dương Thiên Thần (chứ không phải con người) mới là những nirvani quay trở lại.

They have achieved mind, and need love.

Họ đã đạt được trí tuệ, và cần bác ái.

86. If the Sons of Mind are the Solar Angels, they have certainly developed love, perhaps on Sirius or within the Sirian System, between logoic manifestations. The extent, however, to which they may yet develop love may be considerable.

86. Nếu Các Con của Trí Tuệ là các Thái dương Thiên Thần, thì chắc chắn họ đã phát triển bác ái, có lẽ trên Sirius hoặc trong Hệ Sirius, giữa các lần biểu hiện logoic. Tuy nhiên, mức độ mà họ còn có thể phát triển bác ái nữa có thể là rất đáng kể.

87. As for present humanity, it has not yet achieved *mind* in any fulness. The Solar Angels have. So men are still developing mind whereas the Solar Angels, replete with highly developed manas, are cultivating the fulness of love and are already, it would seem, far advanced in the process.

87. Còn đối với nhân loại hiện nay, nhân loại vẫn chưa đạt được *trí tuệ* một cách viên mãn. Các Thái dương Thiên Thần thì đã đạt được. Vì vậy con người vẫn đang phát triển trí tuệ, trong khi các Thái dương Thiên Thần, vốn tràn đầy manas phát triển cao, đang vun bồi sự viên mãn của bác ái và dường như đã tiến rất xa trong tiến trình ấy.

Some few,

Một số ít,

88. Should these few, who are now black magicians, have been present Solar Angels as well? The implication is there because many others temporally associated with them in that former time, are *now* Solar Angels!

88. Phải chăng số ít này, hiện nay là các nhà hắc thuật, cũng đã từng là các Thái dương Thiên Thần hiện nay? Hàm ý là như vậy, bởi vì nhiều vị khác từng gắn bó về mặt thời gian với họ trong thời kỳ trước kia ấy, *nay* là các Thái dương Thiên Thần!

through a mysterious cycle of events inexplainable to man in this solar system,

qua một chu kỳ biến cố huyền nhiệm không thể giải thích cho con người trong hệ mặt trời này,

89. The desire to know is piqued, but knowing is apparently impossible to us. Is it impossible even to highly advanced souls in our present solar system? Or is it only inexplicable to that being called "man"?

89. Khát vọng muốn biết bị khơi dậy, nhưng việc biết dường như là điều bất khả đối với chúng ta. Phải chăng điều đó là bất khả ngay cả đối với những linh hồn rất tiến hóa trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta? Hay chỉ là không thể giải thích cho hữu thể được gọi là "con người"?

repudiated opportunity

khước từ cơ hội

90. This required a conscious act of will. For individualized beings, will is free.

90. Điều này đòi hỏi một hành vi ý chí có ý thức. Đối với những hữu thể đã biệt ngã hóa, ý chí là tự do.

91. If Saturn is the 'God of Opportunity', it may be that they rejected Saturn's offering. Strangely, however, these beings are today very much under the 'lower' Saturnian vibration.

91. Nếu Sao Thổ là 'Thượng đế của Cơ Hội', thì có thể họ đã từ chối sự hiến tặng của Sao Thổ. Tuy nhiên, điều lạ là ngày nay những hữu thể này lại chịu ảnh hưởng rất mạnh của rung động Saturn 'thấp'.

and linked themselves

và tự nối kết mình

92. An act of attachment…

92. Một hành vi gắn chặt…

with that great deva existence which is the impulse [Page 1126] of the dense physical, and they cannot loose themselves.

với hiện hữu thiên thần vĩ đại là xung lực [Page 1126] của cõi hồng trần đậm đặc, và họ không thể tự giải thoát mình.

93. This deva existence, must be stupendous and perhaps of extra-systemic scope.

93. Hiện hữu thiên thần này hẳn phải vô cùng vĩ đại và có lẽ có phạm vi ngoài-hệ-thống.

94. If Mahat is responsible for the dense physical plane, then this great deva existence must be linked to Mahat and its *universal* source, for of the source of Mahat is has been said above:

94. Nếu Mahat chịu trách nhiệm về cõi hồng trần đậm đặc, thì hiện hữu thiên thần vĩ đại này hẳn phải được nối kết với Mahat và nguồn gốc *vũ trụ* của nó, vì về nguồn gốc của Mahat, ở trên đã nói rằng:

it is the focal point where is generated that type of energy which makes possible the

đó là tiêu điểm nơi phát sinh loại năng lượng làm cho sự biểu hiện hồng trần *đậm đặc* của

dense physical manifestation of Gods and men

các Thượng đế và những người nam và nữ trở nên khả hữu

95. Since the great deva existence is “the impulse of the dense physical” the *link* between it and the source of Mahat is confirmed.

95. Vì hiện hữu thiên thần vĩ đại là “xung lực của cõi hồng trần đậm đặc”, nên *mối nối kết* giữa nó và nguồn gốc của Mahat được xác nhận.

Their destination, as well as his, is hidden in the plans of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID,

Đích đến của họ, cũng như của y, được che giấu trong các kế hoạch của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ,

96. If the "One About Whom Naught May Be Said" is that "One About Whom Naught May Be Said" which is usually discussed, this whole matter takes on a intra-galactic context rather than an extra-galactic one.

96. Nếu "Đấng Bất Khả Tư Nghị" là “Đấng Bất Khả Tư Nghị” thường được bàn đến, thì toàn bộ vấn đề này mang bối cảnh nội thiên hà hơn là ngoài thiên hà.

97. So, it is being said, probably, that the local "One About Whom Naught May Be Said" knows the destiny of the black magicians who have linked themselves to the great deva existence above referenced.

97. Vì vậy, có lẽ điều đang được nói là “Đấng Bất Khả Tư Nghị” cục bộ biết số phận của các nhà hắc thuật đã tự nối kết với hiện hữu thiên thần vĩ đại được nhắc đến ở trên.

98. We note that all letters in the “ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID” are capitalized. Does this indicate an even greater OAWNMBS than the "One About Whom Naught May Be Said"?

98. Chúng ta lưu ý rằng mọi chữ trong “ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ” đều được viết hoa. Điều này có chỉ ra một OAWNMBS còn vĩ đại hơn cả “Đấng Bất Khả Tư Nghị” hay không?

and in this solar system there is no hope for them.

và trong hệ mặt trời này không có hy vọng nào cho họ.

99. Since they have repudiated the main principle of this solar system (the Love-Wisdom Principle) they are cast off and cannot be integrated into the pattern in process of creation during this solar system.

99. Vì họ đã khước từ nguyên lý chính của hệ mặt trời này (Nguyên lý Bác Ái – Minh Triết), nên họ bị loại bỏ và không thể được tích hợp vào mô hình đang trong tiến trình sáng tạo trong suốt hệ mặt trời này.

Fortunately, they are little likely to make themselves known to average man;

May thay, họ rất ít có khả năng tự làm cho mình được người thường biết đến;

100. Presumably, this means the average disciple as well.

100. Có lẽ điều này cũng có nghĩa là người đệ tử trung bình nữa.

it is the Adepts of the Good Law Who meet them the most often.

chính các chân sư của Chánh đạo là những vị gặp họ thường xuyên nhất.

101. Master M. has said of the Members of the Hierarchy that the "daggers of Satan are aimed at our backs".

101. Chân sư M. đã nói về các Thành viên của Thánh Đoàn rằng "những lưỡi dao găm của Satan đang nhắm vào lưng chúng ta".

102. For each level of attainment along the White Path there is generated a counterforce along the Path of Black Occultism.

102. Với mỗi cấp độ thành tựu trên chánh đạo, một phản lực tương ứng được phát sinh trên Con Đường của Huyền Bí Học Hắc Đạo.

103. Does this opposition rise to the very heights of the Universe? That is a question which those in this solar system are ill-equipped to answer.

103. Sự đối kháng này có vươn lên đến chính những đỉnh cao của Vũ trụ hay không? Đó là một câu hỏi mà những người trong hệ mặt trời này không đủ khả năng để trả lời.

The subject is most intricate,

Chủ đề này vô cùng phức tạp,

104. If Master DK uses the qualifier "most" we can be assured that solutions to problems related to this subject are inaccessible to us as disciples.

104. Nếu Chân sư DK dùng từ hạn định "vô cùng", chúng ta có thể chắc rằng những lời giải cho các vấn đề liên quan đến chủ đề này là điều chúng ta, với tư cách đệ tử, không thể tiếp cận được.

but **some light may come, if we remember that manas on the mental plane is found in two expressions**:—the mental unit on the form levels and the manasic permanent atom on the formless planes. **These two types of manas may be regarded as embodying the qualities of the two kinds, white and black.**

nhưng **một ít ánh sáng có thể đến nếu chúng ta nhớ rằng manas trên cõi trí được tìm thấy trong hai biểu hiện**:—đơn vị hạ trí trên các cấp độ hình tướng và nguyên tử trường tồn manas trên các cõi vô tướng. **Hai loại manas này có thể được xem như hiện thân cho phẩm tính của hai loại, trắng và đen.**

105. We have quite an amazing statement here. The mental unit can be associated with the black, retrogressive stream of energy. The manasic permanent atom (even though accessible to the black initiates) is to be understood as found upon the white stream.

105. Ở đây chúng ta có một phát biểu thật đáng kinh ngạc. Đơn vị hạ trí có thể được liên kết với dòng năng lượng đen, thoái hóa. Nguyên tử trường tồn manas (dù các điểm đạo đồ hắc đạo cũng có thể tiếp cận) phải được hiểu là nằm trên dòng trắng.

106. We are to understand that the practices of the black magician are relatively concrete.

106. Chúng ta phải hiểu rằng các thực hành của nhà hắc thuật tương đối cụ thể.

The mental unit or the mind aspect of a man, for instance, is after all but the sixth sense, and has to be transcended by the higher mind and the intuition.

Chẳng hạn, đơn vị hạ trí hay phương diện trí tuệ của một con người, rốt cuộc chỉ là giác quan thứ sáu, và phải được vượt qua bởi thượng trí và trực giác.

107. Here is a definite linking of the mental unit with the sixth sense—the common sense. This unit is, of course, of great value to progressing man—at least up to a point.

107. Ở đây có một sự nối kết rõ rệt giữa đơn vị hạ trí và giác quan thứ sáu—thường thức. Dĩ nhiên, đơn vị này có giá trị lớn đối với con người đang tiến bộ—ít nhất là đến một mức nào đó.

108. The seven must transcend the six. The "esoteric sense" must transcend the "common sense"/

108. Bảy phải vượt qua sáu. "Giác quan huyền bí" phải vượt qua "thường thức"/

The black brother carries the evolution of the senses on to a stage inconceivable to man now and **this sixth mahatic sense is of vaster extent and service to them than it ever is to the white Adept.**

Huynh đệ bóng tối đưa sự tiến hoá của các giác quan đến một giai đoạn mà con người hiện nay không thể hình dung nổi và **giác quan mahatic thứ sáu này có phạm vi rộng lớn hơn và hữu dụng đối với họ hơn nhiều so với đối với chân sư chánh đạo.**

109. Here we are told of the mysterious achievement of the black brother.

109. Ở đây chúng ta được cho biết về thành tựu huyền nhiệm của huynh đệ bóng tối.

110. The sixth mahatic sense is related to the sixth or common sense cultivated by man.

110. Giác quan mahatic thứ sáu có liên hệ với giác quan thứ sáu hay thường thức được con người vun bồi.

111. This sixth sense is necessary to the black magician because the intuition (as the member of the White Lodge understands it)

111. Giác quan thứ sáu này là cần thiết đối với nhà hắc thuật vì trực giác (theo cách thành viên của Thánh đoàn hiểu) là điều y

is inaccessible to him. Buddhi (so closely related to the divine principle under cultivation in this solar system) as the source of intuition, is inaccessible to the black brother.

không thể tiếp cận. Bồ đề, vốn liên hệ rất mật thiết với nguyên lý thiêng liêng đang được vun bồi trong hệ mặt trời này, với tư cách là nguồn của trực giác, là điều huynh đệ bóng tối không thể tiếp cận được.

Therefore, it will be apparent that for a long cycle of time, the black magician can persist and develop his powers because **one-third of the force of the egoic lotus is his and he knows well how to utilise it to the best advantage**.

Do đó, hiển nhiên là trong một chu kỳ thời gian dài, nhà hắc thuật có thể tiếp tục tồn tại và phát triển các quyền năng của y bởi vì **một phần ba mãnh lực của Hoa Sen Chân Ngã là của y và y biết rõ cách sử dụng nó sao cho có lợi nhất**.

112. We have to contrast this thought with the idea that the knowledge petal of both the love tier and the sacrifice tier is *not* available to the black magician.

112. Chúng ta phải đối chiếu tư tưởng này với ý niệm rằng cánh hoa tri thức của cả tầng bác ái lẫn tầng hi sinh đều *không* sẵn dùng cho nhà hắc thuật.

113. That part of the force of the egoic lotus which is available to him must stem from the knowledge petals, with some contact with the manasic permanent atom.

113. Phần mãnh lực của Hoa Sen Chân Ngã mà y có thể sử dụng phải xuất phát từ các cánh hoa tri thức, cùng với một ít tiếp xúc với Nguyên tử trường tồn manas.

He builds also an antaskarana,

Y cũng xây dựng một antaskarana,

114. Otherwise he could never develop his powers systemically and extra-systemically.

114. Nếu không, y sẽ không bao giờ có thể phát triển các quyền năng của mình một cách có hệ thống và ngoài hệ thống.

but of quality and objective different to that of the student of the white magic. It is called "the path of manasic evil," and bridges a gap between the mental unit of the magician concerned, **and certain correspondences on mental levels in the vehicles of the devas of that plane**.

nhưng có phẩm tính và mục tiêu khác với của đạo sinh Chánh Thuật. Nó được gọi là "con đường của ác manas", và bắc qua một khoảng cách giữa đơn vị hạ trí của nhà huyền thuật liên hệ, **và một số tương ứng nào đó trên các cấp độ trí tuệ trong các vận cụ của các thiên thần của cõi ấy**.

115. This is a fascinating piece of occultism. For the true disciples of the White Brothers, the antahkarana first contacts the manasic permanent atom and then the other permanent atoms in the spiritual triad and finally the Monad itself.

115. Đây là một đoạn huyền bí học thật hấp dẫn. Đối với các đệ tử chân chính của Huynh đệ Đoàn Chánh đạo, antahkarana trước hết tiếp xúc với Nguyên tử trường tồn manas, rồi đến các nguyên tử trường tồn khác trong

Tam nguyên tinh thần, và cuối cùng là chính chân thần.

116. For the black brother, the beginning of the antahkarana is the same (the mental unit).

116. Đối với huynh đệ bóng tối, điểm khởi đầu của antahkarana cũng giống như vậy (đơn vị hạ trí).

117. Are the "mental levels" referenced those of the lower mental plane or of the higher mental plane? Since the development is along the line of Mahat, and since the black magician has access to the manasic permanent atom, we cannot dismiss the idea that the antahkaranic link may be to certain devas of the higher mental plane, but there is no certainty.

117. Các "cấp độ trí tuệ" được nhắc đến ở đây là của cõi hạ trí hay của Cõi thượng trí? Vì sự phát triển diễn ra theo đường Mahat, và vì nhà hắc thuật có quyền tiếp cận Nguyên tử trường tồn manas, chúng ta không thể bác bỏ ý tưởng rằng mối liên kết antahkarana có thể hướng đến một số thiên thần của Cõi thượng trí, nhưng không có gì chắc chắn.

118. Given, however, the incredible cultivation of the mental unit and the of the sixth mahatic sense in the black magician, perhaps, after all, the devas into which the black antahkarana is built are to be found upon the lower mental plane.

118. Tuy nhiên, xét đến sự trau dồi phi thường của đơn vị hạ trí và của giác quan mahatic thứ sáu nơi nhà hắc thuật, có lẽ rốt cuộc các thiên thần mà antahkarana đen được xây vào phải được tìm thấy trên cõi hạ trí.

119. The link built is, therefore, not to his *own* deeper and higher nature but into the deva kingdom. This is literally a 'spiritual eccentricity'—the black magician flees his own center.

119. Vì vậy, mối liên kết được xây dựng không phải với bản chất sâu xa và cao hơn *của chính y* mà là đi vào giới thiên thần. Điều này theo nghĩa đen là một "sự lệch tâm tinh thần" — nhà hắc thuật chạy trốn khỏi chính trung tâm của mình.

Through this medium, and through *identification with the devas*, he can escape from the three worlds to spheres of evil incomprehensible to us.

Qua trung gian này, và qua *sự đồng hoá với các thiên thần*, y có thể thoát khỏi ba cõi giới để đến những khối cầu của điều ác mà chúng ta không thể hiểu nổi.

120. This is another extraordinary statement. So much depends upon what is meant by "the three worlds". From the solar logoic point of view, the higher mental plane is included. From the point of view of the

120. Đây là một phát biểu phi thường khác. Rất nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của "ba cõi giới". Theo quan điểm của Thái dương Thượng đế, Cõi thượng trí được bao gồm.

Planetary Logos, the higher mental plane is excluded.

Theo quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế, Cõi thượng trí bị loại ra.

121. The point to be grasped is that the black magician identifies with the devas and not with the normal path with which human beings identify—that of the Heavenly Man and of the Grand Heavenly Man.

121. Điểm cần nắm bắt là nhà hắc thuật đồng hoá với các thiên thần chứ không đồng hoá với con đường bình thường mà con người đồng hoá — tức con đường của Đấng Thiên Nhân và của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

122. The escape of the black magicians must minimally lead to the cosmic astral plane, but does it include the cosmic ethers?

122. Sự thoát đi của các nhà hắc thuật ít nhất phải dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ, nhưng liệu nó có bao gồm các cõi dĩ thái vũ trụ hay không?

The point to be remembered here is that the black magician remains ever a prisoner; he cannot escape from substance and from form.

Điểm cần ghi nhớ ở đây là nhà hắc thuật mãi mãi vẫn là một tù nhân; y không thể thoát khỏi chất liệu và khỏi hình tướng.

123. Thus he is subject to severe limitation. He lives under the influence of the lower aspect of Saturn when confined to this solar system. Perhaps, when he penetrates beyond it, he is subject to a higher correspondence of Saturn.

123. Do đó y chịu sự giới hạn nghiêm ngặt. Y sống dưới ảnh hưởng của phương diện thấp của Sao Thổ khi bị giam trong hệ mặt trời này. Có lẽ, khi y xuyên vượt ra ngoài nó, y chịu sự chi phối của một tương ứng cao hơn của Sao Thổ.

There is no need to enlarge further on this subject.

Không cần bàn rộng thêm về đề tài này.

124. DK has given us more than has ever been given elsewhere. What He has given almost exceeds our need to know. Perhaps it does.

124. Chân sư DK đã cho chúng ta nhiều hơn bất cứ nơi nào khác từng cho. Điều Ngài đã ban ra gần như vượt quá nhu cầu hiểu biết của chúng ta. Có lẽ quả thật là như vậy.

I would like to enumerate the lines of alignment of the [Page 1127] third group which eventually transcends the other two, and effects the final illumination and liberation of the man.

Tôi muốn liệt kê các đường chỉnh hợp của [Page 1127] nhóm thứ ba, nhóm rốt cuộc vượt lên trên hai nhóm kia và tạo ra sự soi sáng cùng giải thoát tối hậu của con người.

125. We remember that only two lines have been thus far given—the manasic/mahatic

125. Chúng ta nhớ rằng cho đến nay chỉ mới nêu ra hai đường — đường manasic/mahatic

and the buddhic. Rightly aspiring man is clearly tending towards the buddhic line.

và đường Bồ đề. Con người chí nguyện đúng đắn rõ ràng đang hướng về đường Bồ đề.

Group III.

Nhóm III.

1. The Sacrifice Petals.

1. Các cánh hoa hi sinh.

2. The sacrifice petals in the two outer groups.

2. Các cánh hoa hi sinh trong hai nhóm bên ngoài.

126. The conduit for sacrifice runs through the two outer circles. There are five sacrifice petals in all. While in the main body of the egoic lotus there are nine petals (exclusive of the innermost three), there are really *fifteen* petals when the petals are associated with the aspects they represent. Obviously, certain petals do double service.

126. Ống dẫn cho sự hi sinh chạy qua hai vòng ngoài. Tổng cộng có năm cánh hoa hi sinh. Trong khi ở thân chính của Hoa Sen Chân Ngã có chín cánh hoa (không kể ba cánh trong cùng), thì thực ra có *mười lăm* cánh hoa khi các cánh hoa được liên kết với các phương diện mà chúng biểu hiện. Hiển nhiên, một số cánh hoa đảm nhiệm chức năng kép.

3. The three major centres in each of the three planes of the three worlds, producing thus absorption of the lower four centres on each plane.

3. Ba trung tâm chính trong mỗi cõi của ba cõi giới, nhờ đó tạo ra sự hấp thu bốn trung tâm thấp trên mỗi cõi.

127. On the etheric plane and astral plane, there is a head, heart and throat center. But what can we say of the mental plane? Thus, far, on the higher mental plane, there is no head, heart and throat center, *unless* we think of the three tiers as substituting for these three. This is reasonable.

127. Trên cõi dĩ thái và cõi cảm dục, có một trung tâm đầu, tim và cổ họng. Nhưng chúng ta có thể nói gì về cõi trí? Cho đến nay, trên Cõi thượng trí, không có trung tâm đầu, tim và cổ họng, *trừ phi* chúng ta xem ba tầng như thay thế cho ba trung tâm này. Điều này là hợp lý.

128. From this point of view, the synthesis petals and "Jewel" would relate to the innermost structure of the head center—the twelve petalled major center in the head center and the "Jewel" in the midst of the crown.

128. Theo quan điểm này, các cánh hoa tổng hợp và “Ngọc” sẽ liên hệ với cấu trúc trong cùng của trung tâm đầu — trung tâm chính mười hai cánh hoa trong trung tâm đầu và “Ngọc” ở giữa vương miện.

4. The head centre, or the thousand-petalled lotus.

4. Trung tâm đầu, hay hoa sen ngàn cánh.

129. It would seem that the head center would also be listed under point “3.”.

129. Dường như trung tâm đầu cũng phải được liệt kê dưới điểm “3”.

5. The pineal gland, producing the vivification and irradiation of the entire lower nature.

5. Tuyến tùng, tạo ra sự tiếp sinh lực và sự chiếu xạ của toàn bộ bản chất thấp.

130. Here we have a description of the pineal gland which is arresting. Without the pineal gland there is no vivification and irradiation of the lower nature. The pineal gland is the physical organ of the Ego.

130. Ở đây chúng ta có một mô tả đáng chú ý về tuyến tùng. Không có tuyến tùng thì không có sự tiếp sinh lực và sự chiếu xạ của bản chất thấp. Tuyến tùng là cơ quan hồng trần của chân ngã.

131. Of course, the real source of the vivification and irradiation of the entire lower nature is the Monad itself and the pineal gland is presumably the physical organ not only of the soul but of the Monad, just as the soul (which stimulates the pineal gland) is the instrument of the Monad.

131. Dĩ nhiên, nguồn thực sự của sự tiếp sinh lực và sự chiếu xạ của toàn bộ bản chất thấp là chính chân thần, và tuyến tùng hẳn là cơ quan hồng trần không chỉ của linh hồn mà còn của chân thần, cũng như linh hồn (vốn kích thích tuyến tùng) là công cụ của chân thần.

These three groups of forces in man, when synthesised, produce eventually that perfect co-ordination and adaptation to all conditions, forms and circumstances which eventuate in **the escape of the liberated vital spark.**

Ba nhóm mãnh lực này trong con người, khi được tổng hợp, rốt cuộc tạo ra sự phối hợp hoàn hảo và sự thích ứng với mọi điều kiện, hình tướng và hoàn cảnh, đưa đến **sự thoát ra của tia lửa sinh lực đã được giải thoát.**

132. From one perspective we can consider this escape as occurring at the fourth initiation, but this is only the first phase of escape.

132. Theo một góc nhìn, chúng ta có thể xem sự thoát ra này xảy ra vào lần điểm đạo thứ tư, nhưng đây chỉ là giai đoạn đầu của sự thoát ra.

133. From another perspective, the escape can be conceived as occurring at the seventh initiation, when the “vital spark” or “volatile essence” escapes from the monadic vehicle altogether and finds its way onto the logoic plane.

133. Theo một góc nhìn khác, sự thoát ra có thể được quan niệm là xảy ra vào lần điểm đạo thứ bảy, khi “tia lửa sinh lực” hay “tinh chất dễ bay” thoát hẳn khỏi vận cụ chân thần và tìm đường lên cõi logoi.

134. The Buddha and the Christ have, it seems, made this escape—at least partially.

134. Dường như Đức Phật và Đức Christ đã thực hiện sự thoát ra này — ít nhất là một phần.

This is technically accomplished when the "bud" opens,

Về mặt kỹ thuật, điều này được hoàn thành khi “nụ” mở ra,

135. The opening of the bud occurs after the third initiation. The Hierophant stimulates or works with monadic energy at and following the third initiation.

135. Sự mở ra của nụ xảy ra sau lần điểm đạo thứ ba. Đấng Điểm đạo kích thích hoặc làm việc với năng lượng chân thần vào và sau lần điểm đạo thứ ba.

136. Yet the true first stage of the escape of the “volatile essence” cannot occur before the fourth degree.

136. Tuy nhiên, giai đoạn đầu đích thực của sự thoát ra của “tinh chất dễ bay” không thể xảy ra trước cấp thứ tư.

and it becomes possible for the Hierophant at initiation to liberate the energy of the Monad,

và điều đó khiến cho Đấng Điểm đạo trong lúc điểm đạo có thể giải phóng năng lượng của chân thần,

137. Via the third type of alignment given…

137. Qua loại chỉnh hợp thứ ba đã được nêu…

138. Is the energy liberated to descend into the egoic lotus and the personality, or is the vital spark encapsulated within the "Jewel in the Lotus" liberated to ascend towards the spiritual triad. If we are speaking or the third initiation, the first option seems more reasonable as the volatile essence in the "Jewel in the Lotus" cannot be liberated from the egoic lotus until the fourth initiation is taken.

138. Năng lượng được giải phóng để đi xuống Hoa Sen Chân Ngã và phàm ngã, hay tia lửa sinh lực được bao bọc trong “Ngọc trong Hoa Sen” được giải phóng để đi lên hướng về Tam nguyên tinh thần? Nếu chúng ta đang nói về lần điểm đạo thứ ba, phương án thứ nhất có vẻ hợp lý hơn, vì tinh chất dễ bay trong “Ngọc trong Hoa Sen” không thể được giải phóng khỏi Hoa Sen Chân Ngã cho đến khi lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận.

and to direct that energy

và định hướng năng lượng ấy

139. Monadic energy…

139. Năng lượng chân thần…

(through the agency of the Rod) so that **eventually it circulates free and untrammelled through every part of the lower threefold manifestation.**

(qua tác động của Thần Trượng Điểm đạo) để rồi **rốt cuộc nó lưu chuyển tự do và không bị ngăn trở qua mọi phần của biểu hiện tam phân thấp.**

140. We are speaking of the free circulation of monadic energy through every aspect of the lower threefold manifestation. The Rod of Power assists in this liberation.

140. Chúng ta đang nói đến sự lưu chuyển tự do của năng lượng chân thần qua mọi phương diện của biểu hiện tam phân thấp. Thần Trượng Quyền Năng hỗ trợ sự giải phóng này.

141. Here it seems confirmed that monadic power is liberated to circulate throughout the lower threefold manifestation. When the process begins, the monadic energy encased within the "Jewel in the Lotus" is not liberated from the egoic lotus. Only later at the fourth degree is this so.

141. Ở đây dường như được xác nhận rằng quyền năng chân thần được giải phóng để lưu chuyển khắp biểu hiện tam phân thấp. Khi tiến trình bắt đầu, năng lượng chân thần được bao bọc trong "Ngọc trong Hoa Sen" chưa được giải phóng khỏi Hoa Sen Chân Ngã. Chỉ về sau ở cấp thứ tư mới là như vậy.

142. Note the word, "eventually" however, because it is not until the fifth degree that one has a *perfect* flow of kundalini throughout the human energy system.

142. Tuy nhiên, hãy lưu ý từ "rốt cuộc", vì mãi đến cấp thứ năm người ta mới có một dòng chảy kundalini *hoàn hảo* xuyên suốt toàn bộ hệ thống năng lượng con người.

As it circulates, it destroys by burning, for **it arouses the kundalini aspect perfectly by the time the fifth Initiation is taken.**

Khi nó lưu chuyển, nó hủy diệt bằng cách thiêu đốt, vì **đến lúc lần Điểm đạo thứ năm được tiếp nhận, nó khơi dậy phương diện kundalini một cách hoàn hảo.**

143. We see that the arousal of the kundalini (in its final phases—its perfect arousal) depends upon the wielding of the Rod of Power. Lawfully, kundalini must rise in coordination with the liberation of the monadic energy and not independently as an artificial, hyper-stimulation of the third aspect.

143. Chúng ta thấy rằng sự khơi dậy kundalini (trong các giai đoạn cuối cùng của nó — sự khơi dậy hoàn hảo của nó) tùy thuộc vào việc sử dụng Thần Trượng Quyền Năng. Theo quy luật, kundalini phải dâng lên phối hợp với sự giải phóng năng lượng chân thần chứ không độc lập như một sự siêu kích thích nhân tạo đối với phương diện thứ ba.

144. By the time of the perfect arousal of kundalini, there is no causal body in the energy system.

144. Vào lúc kundalini được khơi dậy hoàn hảo, không còn thể nguyên nhân trong hệ thống năng lượng nữa.

The destroyer aspect becomes dominated, and the form is "burnt upon the altar."

Phương diện hủy diệt trở nên chi phối, và hình tướng bị "thiêu trên bàn thờ".

145. Are we speaking of the domination of the destroyer aspect of matter? There *is* such an aspect and it was this to which Hitler and His group responded.

145. Chúng ta có đang nói về sự thống trị của phương diện hủy diệt của vật chất không? Quả thật *có* một phương diện như thế, và chính nó là điều Hitler và nhóm của ông đã đáp ứng.

146. In a certain sense, it seems that we are speaking of the dominating power of the destroyer aspect.

146. Theo một nghĩa nào đó, dường như chúng ta đang nói về quyền năng chi phối của phương diện hủy diệt.

147. In any case, fire descends from heaven, and all that is obstructive in the lower form is consigned to the flames so that monadic energy may freely circulate through all aspects of the man and eventually be liberated into the spiritual triad and finally into the Monad on the monadic plane.

147. Dù sao đi nữa, lửa giáng xuống từ trời, và mọi điều gây cản trở trong hình tướng thấp đều bị phó vào ngọn lửa để năng lượng chân thần có thể lưu chuyển tự do qua mọi phương diện của con người và rốt cuộc được giải phóng vào Tam nguyên tinh thần, rồi cuối cùng vào chân thần trên cõi chân thần.

These ideas can also be studied in their larger aspect; a clue to the mystery of cosmic evil may be found in the difference existing between the sacred and non-sacred planets, and in the purpose and place, hitherto unrecognised, of the lives of the informing existences of the many planets and planetoids in the solar system. Some are purely mahatic or of the third Aspect, dominated by the devas.

Những ý tưởng này cũng có thể được nghiên cứu trong phương diện lớn hơn của chúng; một đầu mối cho huyền nhiệm của điều ác vũ trụ có thể được tìm thấy trong sự khác biệt hiện hữu giữa các hành tinh thiêng liêng và không thiêng liêng, và trong mục đích cùng vị trí, từ trước đến nay chưa được nhận biết, của các sự sống của những thực thể phú linh nơi nhiều hành tinh và tiểu hành tinh trong hệ mặt trời. Một số hoàn toàn là mahatic hay thuộc Phương diện thứ ba, bị các thiên thần chi phối.

148. A tremendous hint is here given. Various references tell us that the Solar Logos has a mental unit just as a man has. Of course, the Solar Logos also has a manasic permanent atom.

148. Ở đây đã đưa ra một gợi ý vô cùng to lớn. Nhiều chỗ tham chiếu cho chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí cũng như con người có. Dĩ nhiên, Thái dương Thượng đế cũng có một Nguyên tử trường tồn manas.

149. There is a correlation between the mental unit, certain devas, Mahat and cosmic evil.

149. Có một mối tương quan giữa đơn vị hạ trí, một số thiên thần, Mahat và điều ác vũ trụ.

150. There is a war on Earth (one of the non-sacred planets) to wrest control from the devas and thus from the third aspect of divinity.

150. Có một cuộc chiến trên Trái Đất (một trong những hành tinh không thiêng liêng) nhằm giành quyền kiểm soát khỏi các thiên thần và do đó khỏi phương diện thứ ba của thiên tính.

151. We do live in a largely devic solar system, and this, in itself, is not evil. But the devas which are intended for prominence in our solar system are of the *solar* variety and not of the retrogressive 'lunar' variety.

151. Quả thật chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời phần lớn mang tính thiên thần, và tự nó điều này không phải là ác. Nhưng các thiên thần được dự định giữ vai trò nổi bật trong hệ mặt trời của chúng ta thuộc loại *thái dương* chứ không phải loại "thái âm" thoái hóa.

152. As our Solar Logos undergoes the third cosmic initiation, the power of the solar logoic will begin to be liberated and as the Logos moves towards His fifth initiation, the analogous liberative burning will occur. Solar logoic kundalini has not yet been fully and liberatively awakened and released.

152. Khi Thái dương Thượng đế của chúng ta trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba, quyền năng của ý chí thái dương logoi sẽ bắt đầu được giải phóng, và khi Thượng đế tiến đến lần điểm đạo thứ năm của Ngài, sự thiêu đốt giải phóng tương tự sẽ xảy ra. Kundalini thái dương logoi vẫn chưa được đánh thức và giải phóng một cách đầy đủ và giải thoát.

Others (of which the sacred planets are examples) are controlled by the second Aspect,

Những hành tinh khác (mà các hành tinh thiêng liêng là ví dụ) được kiểm soát bởi Phương diện thứ hai,

153. On Earth, the war is between the second and third aspects, between the manasic permanent atom and the mental unit.

153. Trên Trái Đất, cuộc chiến là giữa phương diện thứ hai và thứ ba, giữa Nguyên tử trường tồn manas và đơn vị hạ trí.

154. Venus is one of the sacred planets on which the second aspect of divinity is definitely dominating. An earlier "war" on that planet (of which our earthly "war" is a present reflection) was won.

154. Sao Kim là một trong những hành tinh thiêng liêng mà trên đó phương diện thứ hai của thiên tính đang chi phối một cách rõ rệt. Một "cuộc chiến" trước kia trên hành tinh ấy (mà "cuộc chiến" trên địa cầu của chúng ta hiện nay là một phản ánh) đã được thắng.

and that second aspect will work through unconquerably into manifestation.

155. There is no resisting the triumph of the second aspect of divinity. We are in the midst of the struggle now and what happens with the planetary scheme of Earth has important solar systemic implications for the successful release of the Solar Logos.

156. It seems to be inferred that on a number of these sacred planets the second aspect of divinity has not yet conquered entirely.

[Page 1128] A few, like our Earth planet, are battlegrounds,

157. Is Mars a battleground or destined to be one? What about Pluto?

and the two Aspects are in collision, with the indication of the eventual triumph of the "white" magic.

158. There is already an “indication” of impending third cosmic initiation of our Solar Logos will produce results in our solar system akin to those to be produced within our Earth-scheme when the Planetary Logos of Earth takes His next major initiation and the "Judgment Day" occurs.

159. One of the major battles between white and black magic will occur during the seventh ray Age of Aquarius. Many manasic magicians will return and their work will have to be balanced by those who have attained in the field of white magic.

và phương diện thứ hai ấy sẽ tiến vào biểu hiện một cách không gì chinh phục nổi.

155. Không thể cưỡng lại sự toàn thắng của phương diện thứ hai của thiên tính. Hiện nay chúng ta đang ở giữa cuộc đấu tranh, và điều xảy ra với hệ hành tinh của Trái Đất có những hàm ý quan trọng đối với hệ mặt trời trong việc giải phóng thành công Thái dương Thượng đế.

156. Dường như có thể suy ra rằng trên một số hành tinh thiêng liêng này, phương diện thứ hai của thiên tính vẫn chưa hoàn toàn chinh phục.

[Page 1128] Một số ít, như hành tinh Trái Đất của chúng ta, là các chiến trường,

157. Sao Hỏa có phải là một chiến trường hay được định sẽ là một chiến trường không? Còn Sao Diêm Vương thì sao?

và hai Phương diện đang va chạm, với dấu hiệu về sự toàn thắng rốt cuộc của huyền thuật “trắng”.

158. Đã có một “dấu hiệu” cho thấy lần điểm đạo vũ trụ thứ ba sắp đến của Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ tạo ra trong hệ mặt trời những kết quả tương tự như những gì sẽ được tạo ra trong hệ Trái Đất của chúng ta khi Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất tiếp nhận lần điểm đạo lớn kế tiếp của Ngài và “Ngày Phán Xét” xảy ra.

159. Một trong những trận chiến lớn giữa Chánh Thuật và Hắc thuật sẽ xảy ra trong Kỷ nguyên Bảo Bình cung bảy. Nhiều nhà huyền thuật manas sẽ trở lại, và công việc của họ sẽ phải được quân bình bởi những người đã thành tựu trong lĩnh vực Chánh Thuật.

S9S6 Part I

TCF 1129 - 1132:

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

VI. EFFECTS OF SYNTHETIC MOTION

1. Introductory remarks on alignment.

The effects of the synthetic activity of the centres, sheaths and causal body produce:

Periodicity of manifestation.

1. The taking by the human Jiva of successive manifestations is the foremost microcosmic manifestation of this periodicity.

The linking of the Triangles.

2. This process render the etheric body a faithful representative of the higher energy sources within man—the causal body, the

TCF 1128 - 1132:

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

VI. CÁC HIỆU QUẢ CỦA CHUYỂN ĐỘNG TỔNG HỢP

1. Những nhận xét mở đầu về sự chỉnh hợp.

Các hiệu quả của hoạt động tổng hợp của các trung tâm, các thể vỏ và thể nguyên nhân tạo ra:

Tính chu kỳ của biểu hiện.

1. Việc Jiva nhân loại tiếp nhận những biểu hiện kế tiếp nhau là biểu hiện vi mô hàng đầu của tính chu kỳ này.

Sự liên kết của các Tam giác.

2. Tiến trình này khiến thể dĩ thái trở thành một đại diện trung thành của các nguồn năng lượng cao hơn bên trong con người —

spiritual triad, even the Monad. Triangles are also generate within the astral body and the lower mental body.

thể nguyên nhân, Tam nguyên tinh thần, thậm chí cả chân thần. Các tam giác cũng được tạo ra trong thể cảm dục và thể hạ trí.

The relation between:

Mối liên hệ giữa:

a. The alta major centre.

a. Trung tâm alta major.

b. The throat centre.

b. Trung tâm cổ họng.

c. The centres on the mental plane.

c. Các trung tâm trên cõi trí.

3. This is a relation established between centers through which the third aspect of divinity expresses.

3. Đây là một mối liên hệ được thiết lập giữa các trung tâm mà qua đó phương diện thứ ba của thiên tính biểu hiện.

If we summarize the thoughts conveyed here, we will find that it deals with some aspects of that very necessary alignment which must take place **prior to full ability to serve in final liberation**.

Nếu chúng ta tóm tắt những tư tưởng được truyền đạt ở đây, chúng ta sẽ thấy rằng nó bàn đến một số phương diện của sự chỉnh hợp rất cần thiết ấy, vốn phải diễn ra **trước khi có đầy đủ khả năng phụng sự trong sự giải thoát tối hậu**.

4. The lower form must be prepared before it can express the second. There must be coordination within the third aspect of divinity before the consciousness can disengage and be liberated from lower form.

4. Hình tướng thấp phải được chuẩn bị trước khi nó có thể biểu hiện phương diện thứ hai. Phải có sự phối hợp trong phương diện thứ ba của thiên tính trước khi tâm thức có thể tách ra và được giải thoát khỏi hình tướng thấp.

We have studied from many angles the component parts of man, the microcosm, and the mode whereby he manifests on earth in order to express that which lies hidden,

Chúng ta đã nghiên cứu từ nhiều góc độ các thành phần cấu tạo của con người, tiểu thiên địa, và phương thức mà y biểu hiện trên Trái Đất để diễn đạt điều đang ẩn tàng,

5. This is the point; the form is meant to be an instrument of the higher two periodical vehicles. The form (the third aspect) must express first the second aspect and then the third. The ability to express *fully* occurs only

5. Đây là điểm chính; hình tướng được dự định là một công cụ của hai vận cụ chu kỳ cao hơn. Hình tướng (phương diện thứ ba) trước hết phải biểu hiện phương diện thứ hai rồi sau đó là phương diện thứ ba. Khả năng

when the consciousness is liberated from the form.

biểu hiện *trọn vẹn* chỉ xảy ra khi tâm thức được giải thoát khỏi hình tướng.

and to make his energy felt in the group and place where he finds himself.

và làm cho năng lượng của y được cảm nhận trong nhóm và nơi chốn mà y thấy mình ở đó.

6. Our purpose as occultists-in-training is to become mediums for the transmission of specialize energies for service purposes.

6. Mục đích của chúng ta với tư cách những nhà huyền bí học đang được huấn luyện là trở thành những trung gian cho sự truyền dẫn các năng lượng chuyên biệt vì mục đích phụng sự.

The constitution of the causal body has been seen to consist of a triple form of energy, with a fourth and more dynamic type of force latent at the heart,

Cấu tạo của thể nguyên nhân đã được thấy là gồm một hình thức năng lượng tam phân, với một loại mãnh lực thứ tư và năng động hơn tiềm ẩn ở trung tâm,

7. Why does Master DK distinguish in this way between “energy” and “force”? In this case “force” is related to a more powerful type of energy.

7. Tại sao Chân sư DK lại phân biệt theo cách này giữa “năng lượng” và “mãnh lực”? Trong trường hợp này, “mãnh lực” liên hệ đến một loại năng lượng mạnh hơn.

8. We note that the potency of Shamballa is frequently called the “Shamballa force” as well as “Shamballa energy”. There are fifty-four references to “Shamballa force” and thirty-two to “Shamballa energy”. We might ask whether the term “force” is used more frequently when we are dealing with the *first ray* line.

8. Chúng ta lưu ý rằng tiềm lực của Shamballa thường được gọi là “mãnh lực Shamballa” cũng như “năng lượng Shamballa”. Có năm mươi bốn chỗ tham chiếu đến “mãnh lực Shamballa” và ba mươi hai chỗ đến “năng lượng Shamballa”. Chúng ta có thể hỏi liệu thuật ngữ “mãnh lực” có được dùng thường xuyên hơn khi chúng ta đề cập đến đường *cung một* hay không.

9. The fourth and dynamic type of force includes the potencies of both the synthesis petals and the central fire or "Jewel in the Lotus".

9. Loại mãnh lực thứ tư và năng động bao gồm các tiềm lực của cả các cánh hoa tổng hợp lẫn ngọn lửa trung tâm hay “Ngọc trong Hoa Sen”.

ready to demonstrate when the other three forms are active, thus utilising them as a vehicle.

sẵn sàng biểu lộ khi ba hình thức kia hoạt động, nhờ đó sử dụng chúng như một vận cụ.

10. The first ray line of energy is always applied when the other ray energies have completed their building process. The following two references from EP I demonstrate this:

10. Đường năng lượng cung một luôn luôn được áp dụng khi các năng lượng cung khác đã hoàn tất tiến trình kiến tạo của chúng. Hai trích dẫn sau từ EP I minh họa điều này:

2. Seek out the gentle way, Oh Lord of Power. **Wait** for thy brother on the path of Love. **He builds the forms that can withstand thy power**.

2. Hãy tìm con đường hiền hòa, hỡi Chúa Tể của Quyền Năng. **Hãy chờ** huynh đệ của ngươi trên con đường Bác ái. **Ngài xây dựng những hình tướng có thể chịu đựng quyền năng của ngươi**.

Quality..... dynamic power.

Phẩm tính..... quyền năng năng động.

3. **Withhold the hand until the time has come**. Then give the gift of death, Oh Opener of the Door.

3. **Hãy giữ tay lại cho đến khi thời điểm đã đến**. Rồi hãy ban tặng món quà của cái chết, hỡi Đấng Mở Cửa.

Quality.....sense of time. (EP I 65)

Phẩm tính.....ý thức về thời gian. (EP I 65)

We have noted also that there are also three forms of energy which we call the sheaths of the personal self, and which have also to be actively functioning before the triple egoic force can make itself felt through their medium.

Chúng ta cũng đã lưu ý rằng còn có ba hình thức năng lượng mà chúng ta gọi là các thể vỏ của phàm ngã, và chúng cũng phải hoạt động tích cực trước khi mãnh lực chân ngã tam phân có thể tự biểu lộ qua trung gian của chúng.

11. That which lies 'below' must reach a certain stage of completeness before the time is right for the activation of that which is immediately 'above'. The foundation must be built. The Third Ray Lord is called the "Builder of the Foundation" and His work must precede the world of the Second Ray Lord.

11. Điều nằm "bên dưới" phải đạt đến một giai đoạn hoàn chỉnh nào đó trước khi thời điểm thích hợp cho sự hoạt hóa của điều nằm ngay "bên trên". Nền móng phải được xây dựng. Đấng Chúa Tể Cung ba được gọi là "Đấng Kiến Tạo Nền Móng" và công việc của Ngài phải đi trước thế giới của Đấng Chúa Tể Cung hai.

Added to these factors, must be mentioned the seven centres in etheric matter which find their place in the etheric body, and which awaken and become active as the sheaths swing into rhythmic activity.

Cộng thêm vào các yếu tố này, phải kể đến bảy trung tâm trong vật chất dĩ thái, vốn tìm được vị trí của chúng trong thể dĩ thái, và thức tỉnh rồi trở nên hoạt động khi các thể vỏ chuyển vào hoạt động có nhịp điệu.

12. The idea of *rhythm* is related to the seventh ray.

12. Ý tưởng về *nhịp điệu* liên hệ với cung bảy.

13. DK is making a summary of the various vehicles, sheaths and centers so that we may have a complete inventory of the equipment through which the higher vehicles and their principles must eventually work.

13. Chân sư DK đang tóm lược các vận cụ, thể vỏ và trung tâm khác nhau để chúng ta có thể có một bản kiểm kê đầy đủ về bộ máy mà qua đó các vận cụ cao hơn và các nguyên khí của chúng rốt cuộc phải hoạt động.

Of these centres the **three major are of the main importance where[Page 1129] egoic alignment is concerned**, and their vital force only begins to make itself felt *after* the lower four are fully active.

Trong số các trung tâm này, **ba trung tâm chính là quan trọng nhất khi[Page 1129] sự chỉnh hợp chân ngã được xét đến**, và sinh lực của chúng chỉ bắt đầu tự biểu lộ *sau khi* bốn trung tâm thấp hoàn toàn hoạt động.

14. We may question the meaning of the "higher three". Anatomically, the highest three centers are the throat, ajna and head centers. But usually the head, heart and throat centers are consider the "major centres". Here, for instance, is an example:

14. Chúng ta có thể đặt câu hỏi về ý nghĩa của "ba trung tâm cao hơn". Về mặt giải phẫu, ba trung tâm cao nhất là trung tâm cổ họng, ajna và đầu. Nhưng thông thường, các trung tâm đầu, tim và cổ họng được xem là "các trung tâm chính". Chẳng hạn, đây là một ví dụ:

"The constitution of the ego, or Soul, is the factor of paramount importance to the Master in the task of training the disciple for hierarchical work. This necessarily involves the **three higher centres** (head, heart and throat)." (DINA I 762)

"Cấu tạo của chân ngã, hay linh hồn, là yếu tố có tầm quan trọng tối thượng đối với Chân sư trong nhiệm vụ huấn luyện đệ tử cho công việc của Thánh đoàn. Điều này tất yếu bao hàm **ba trung tâm cao hơn** (đầu, tim và cổ họng)." (DINA I 762)

15. There are many other examples.

15. Còn nhiều ví dụ khác nữa.

16. We note that the lower four centers (probably the base of the spine center, sacral center, solar plexus center and splenic center) must be *fully* active before the major three demonstrate real vitality.

16. Chúng ta lưu ý rằng bốn trung tâm thấp (có lẽ là trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương và trung tâm lá lách) phải *hoàn toàn* hoạt động trước khi ba trung tâm chính biểu lộ sinh lực thực sự.

17. Sometimes the ajna center is considered among the highest centers, unless the ajna is linked as one with the major head center.

17. Đôi khi trung tâm ajna được xem là thuộc các trung tâm cao nhất, trừ phi ajna

được liên kết như một với trung tâm đầu chính.

A second factor which works into the general scheme here is the latent triple kundalini fire which is aroused and mounts through the triple spinal channel **just as soon as the three major centres (the head, the heart and the throat) form an esoteric triangle,**

Một yếu tố thứ hai tác động vào tổng thể kế hoạch ở đây là hỏa kundalini tam phân tiềm ẩn được khơi dậy và đi lên qua ống tủy sống tam phân **ngay khi ba trung tâm chính (đầu, tim và cổ họng) tạo thành một tam giác huyền bí,**

18. Here it is confirmed; the head, heart and throat are the "major centres". The ajna is not included though in the latter days of evolution it has a special directorial function and a well-established connection with the spiritual triad.

18. Điều này được xác nhận ở đây; đầu, tim và cổ họng là các "trung tâm chính". Ajna không được bao gồm, dù trong những ngày sau cùng của tiến hoá nó có một chức năng chỉ đạo đặc biệt và một liên hệ trực tiếp đã được thiết lập vững chắc với Tam Nguyên Tinh Thần.

19. Something really important is here said about the *timing* of the rising of the kundalini fire. Only when the three centers here mentioned form an "esoteric triangle" can the kundalini rise. The rising seems to occur immediately as this esoteric triangle is complete.

19. Ở đây có nói một điều thật sự quan trọng về *thời điểm* hỏa kundalini đi lên. Chỉ khi ba trung tâm được nêu ở đây tạo thành một "tam giác huyền bí" thì kundalini mới có thể đi lên. Sự đi lên dường như xảy ra tức thì ngay khi tam giác huyền bí này hoàn tất.

20. A kind of penultimate rising occurs at the third initiation and it is at this time that the triangle demonstrates in significant completeness.

20. Một loại sự đi lên áp chót xảy ra vào lần điểm đạo thứ ba, và chính vào lúc này tam giác biểu lộ sự hoàn chỉnh có ý nghĩa.

21. We need to put these many items of information together to gain a complete picture of the process.

21. Chúng ta cần kết hợp nhiều mẩu thông tin này lại để có được một bức tranh hoàn chỉnh về tiến trình.

and can thus pass the fiery energy hidden in each centre in circulatory fashion.

và nhờ đó có thể chuyển năng lượng lửa ẩn giấu trong mỗi trung tâm theo cách tuần hoàn.

22. What is the nature of the energy which is passed from center to center? Apparently there are three types, one type of energy hidden in each center and circulated to the other two.

22. Bản chất của năng lượng được chuyển từ trung tâm này sang trung tâm khác là gì? Rõ ràng có ba loại, một loại năng lượng ẩn trong mỗi trung tâm và được luân chuyển sang hai trung tâm kia.

23. We may also suggest that the correlation of the head, heart and throat centers corresponds to the correlation of the head, ajna and alta major centers which occurs approximately at the time of the third initiation and is correlated with the first steady and reliable functioning or the third eye.

23. Chúng ta cũng có thể gợi ý rằng sự tương quan của các trung tâm đầu, tim và cổ họng tương ứng với sự tương quan của các trung tâm đầu, ajna và alta major, xảy ra xấp xỉ vào thời kỳ lần điểm đạo thứ ba và có liên hệ với sự hoạt động đầu tiên vững chắc và đáng tin cậy của con mắt thứ ba.

To summarise therefore: we have perfected alignment just as soon as the following factors have been put in touch with each other, or as soon as their motion or activity is synthesised;

Vì vậy, để tóm tắt: chúng ta có sự chỉnh hợp hoàn hảo ngay khi các yếu tố sau đây đã được đặt vào tiếp xúc với nhau, hoặc ngay khi chuyển động hay hoạt động của chúng được tổng hợp;

24. Master DK is giving us some of the technicalities of alignment. These can be used for meditative purposes.

24. Chân sư DK đang cho chúng ta một số chi tiết kỹ thuật của sự chỉnh hợp. Chúng có thể được dùng cho mục đích tham thiền.

this is a most important subject for students of meditation, and for those who tread the Path of attainment to consider and practically realise.

đây là một chủ đề hết sức quan trọng để các đạo sinh tham thiền, và để những ai bước trên Con Đường thành tựu suy xét và chứng nghiệm một cách thực tiễn.

25. These alignments can be visualized to good effect in the meditation process.

25. Các sự chỉnh hợp này có thể được hình dung với hiệu quả tốt trong tiến trình tham thiền.

1. The three tiers of petals.

1. Ba tầng cánh hoa.

2. The three sheaths.

2. Ba thể.

3. The three major centres.

3. Ba trung tâm chính.

4. The threefold Kundalini fire.

4. Hỏa Kundalini tam phân.

5. The threefold spinal channel.

6. The three head centres, the pineal gland, the pituitary body, the alta major centre.[20]

26. Point "6." deals with the physical correspondence to the triangle consisting of head, ajna and alta major center. To be entirely consistent the carotid body which is physical should be mentioned along with the other two strictly *physical* centers.

27. If this sixfold alignment is held in mind during advanced meditation process, there will be a linking up of significant aspects of the human energy system.

Footnote 20:

The alta major centre, which is formed at the point where the spinal channel contacts the skull and is therefore situated in the lowest part of the back of the head is formed of the lowest grade of etheric matter: matter of the fourth ether,

28. According to Chart VIII in TCF, four other chakras are also formed of matter of this lowest ether: the base of the spine center, the sacral center, the solar plexus center and the splenic center. (Cf. Chart VIII, TCF 817)

whereas the etheric centres of the disciples are composed of matter of the higher ethers.

29. This is a statement which must be researched carefully as (from Chart VIII, TCF 817) it is clear that DK locates the head center in the first ether, the heart center in

5. Ống tủy sống tam phân.

6. Ba trung tâm đầu, tuyến tùng, tuyến yên, trung tâm alta major.20

26. Điểm "6." bàn đến sự tương ứng hồng trần với tam giác gồm trung tâm đầu, ajna và trung tâm alta major. Để hoàn toàn nhất quán, thể cảnh động mạch cảnh vốn là hồng trần cần được nhắc đến cùng với hai trung tâm *hồng trần* nghiêm ngặt kia.

27. Nếu sự chỉnh hợp lục phân này được giữ trong trí trong tiến trình tham thiền cao cấp, sẽ có một sự liên kết các phương diện có ý nghĩa của hệ thống năng lượng con người.

Chú thích 20:

Trung tâm alta major, được hình thành tại điểm nơi ống tủy sống tiếp xúc với sọ và vì thế nằm ở phần thấp nhất phía sau đầu, được cấu tạo bằng loại vật chất dĩ thái thấp nhất: vật chất của dĩ thái thứ tư,

28. Theo Biểu đồ VIII trong Luận về Lửa Vũ Trụ, bốn luân xa khác cũng được cấu tạo bằng vật chất của loại dĩ thái thấp nhất này: trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng, trung tâm tùng thái dương và trung tâm lá lách. (Xem Biểu đồ VIII, TCF 817)

trong khi các trung tâm dĩ thái của các đệ tử được cấu tạo bằng vật chất của các dĩ thái cao hơn.

29. Đây là một phát biểu cần được khảo cứu cẩn thận vì (từ Biểu đồ VIII, TCF 817) rõ ràng DK đặt trung tâm đầu ở dĩ thái thứ nhất, trung tâm tim ở dĩ thái thứ hai, trung tâm cổ

the second, the throat center in the third and all other centers in the fourth ether.

họng ở dĩ thái thứ ba và mọi trung tâm khác ở dĩ thái thứ tư.

30. The testimony of Chart VIII (TCF 817) must be consulted when attempting to understand the etheric location of the various types of chakras.

30. Cần tham khảo chứng liệu của Biểu đồ VIII (TCF 817) khi cố gắng hiểu vị trí dĩ thái của các loại luân xa khác nhau.

31. We are led to a question: "When a vortex appears in a plane, does it remain only on the plane of its appearance or it is registered on and through planes lower than the plane of its appearance?"

31. Chúng ta được dẫn đến một câu hỏi: "Khi một xoáy lực xuất hiện trên một cõi, nó chỉ tồn tại trên cõi xuất hiện của nó hay nó còn được ghi nhận trên và xuyên qua các cõi thấp hơn cõi xuất hiện của nó?"

Another factor which must be allowed for in advanced stages of development,

Một yếu tố khác phải được tính đến trong các giai đoạn phát triển cao cấp,

32. DK is referencing stages of development which begin around the period of the third initiation.

32. DK đang quy chiếu đến các giai đoạn phát triển bắt đầu vào khoảng thời kỳ lần điểm đạo thứ ba.

is **the third eye** which is to the occultist and true white magician what the fourth energy centre (the jewel in the lotus) is to the lotus, or to the three tiers of petals.

là **con mắt thứ ba**, đối với nhà huyền bí học và nhà huyền thuật chánh đạo chân chính, cũng giống như trung tâm năng lượng thứ tư (viên ngọc trong hoa sen) đối với hoa sen, hay đối với ba tầng cánh hoa.

33. An important analogy is here given. The third eye is to the occultist/white magician what the "Jewel in the Lotus" is to the egoic lotus with its three tiers of petals. In this analogy each vehicle of the white magician corresponds to one of the three tiers of petals. The third eye corresponds to the "Jewel in the Lotus" plus the three synthesis petals.

33. Ở đây đưa ra một phép tương đồng quan trọng. Con mắt thứ ba đối với nhà huyền bí học/nhà huyền thuật chánh đạo cũng như "Viên Ngọc trong Hoa Sen" đối với Hoa Sen Chân Ngã với ba tầng cánh hoa của nó. Trong phép tương đồng này, mỗi vận cụ của nhà huyền thuật chánh đạo tương ứng với một trong ba tầng cánh hoa. Con mắt thứ ba tương ứng với "Viên Ngọc trong Hoa Sen" cộng với ba cánh hoa tổng hợp.

34. By the time the third initiation is taken the "Jewel in the Lotus" is somewhat disclosed (though not entirely so until the fourth degree) and the third eye is reasonable functional.

35. The unfolding of the petals of synthesis reveals the "Jewel in the Lotus" and the third eye is the ' *synthetic* eye'. We see the correspondences.

The correspondence is interesting:

The jewel in the lotus is the director of energy from the monad, whilst the third eye directs the energy of the Ego on the physical plane.

36. Here is another important analogy. The "Jewel in the Lotus" is the directing 'eye' of the Monad; the third eye is the directing eye of the Ego. In each case the 'eye' is 'located' in a more materially immersed position than the source the energy of which it directs.

37. Note the first ray (directorial) function of each type of 'eye'.

38. Thus the Monad sees on the higher mental plane through the agency of the "Jewel in the Lotus" while the Ego on the higher mental plane 'sees' on the etheric-physical plane through the agency of the third eye.

39. Through the "Jewel in the Lotus", however (as we will learn below) the Monad sees more than that which is to be seen on the higher mental plane and through the third eye, the Ego sees more than is to be seen on the etheric planes.

34. Vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận, "Viên Ngọc trong Hoa Sen" phần nào được hé lộ (dù chưa hoàn toàn cho đến cấp thứ tư) và con mắt thứ ba hoạt động khá hữu hiệu.

35. Sự khai mở của các cánh hoa tổng hợp làm lộ ra "Viên Ngọc trong Hoa Sen", và con mắt thứ ba là con mắt '*tổng hợp*'. Chúng ta thấy các tương ứng.

Sự tương ứng thật thú vị:

Viên ngọc trong hoa sen là cơ quan chỉ đạo năng lượng từ chân thần, trong khi con mắt thứ ba chỉ đạo năng lượng của chân ngã trên cõi hồng trần.

36. Đây là một phép tương đồng quan trọng khác. "Viên Ngọc trong Hoa Sen" là 'con mắt' chỉ đạo của Chân thần; con mắt thứ ba là con mắt chỉ đạo của chân ngã. Trong mỗi trường hợp, 'con mắt' được 'đặt' ở một vị trí chìm sâu hơn trong vật chất so với nguồn năng lượng mà nó chỉ đạo.

37. Hãy lưu ý chức năng cung một (chỉ đạo) của mỗi loại 'con mắt'.

38. Như vậy, Chân thần thấy trên Cõi thượng trí qua trung gian của "Viên Ngọc trong Hoa Sen", trong khi chân ngã trên Cõi thượng trí 'thấy' trên cõi dĩ thái-hồng trần qua trung gian của con mắt thứ ba.

39. Tuy nhiên, qua "Viên Ngọc trong Hoa Sen" (như chúng ta sẽ học ở dưới), Chân thần thấy nhiều hơn điều có thể được thấy trên Cõi thượng trí, và qua con mắt thứ ba, chân ngã thấy nhiều hơn điều có thể được thấy trên các cõi dĩ thái.

40. When visualizing the "Jewel in the Lotus", its connection to the Monad should always be held in mind. When visualizing the third eye, its connection to the Ego should likewise be held in mind.

40. Khi hình dung "Viên Ngọc trong Hoa Sen", mối liên hệ của nó với Chân thần luôn phải được giữ trong trí. Khi hình dung con mắt thứ ba, mối liên hệ của nó với chân ngã cũng phải được giữ trong trí như vậy.

The jewel in the Lotus is the centre of force which links [Page 1130]the buddhic and mental planes. When it is to be seen and felt, the man can function consciously on the buddhic plane. **The third eye links the awakened physical plane man with the astral or subjective world, and enables him to function consciously there**.

Viên ngọc trong Hoa Sen là trung tâm mãnh lực liên kết [Page 1130]cõi Bồ đề và cõi trí. Khi nó được thấy và cảm nhận, con người có thể hoạt động một cách hữu thức trên cõi Bồ đề. **Con mắt thứ ba liên kết con người hồng trần đã thức tỉnh với thế giới cảm dục hay chủ quan, và giúp y hoạt động một cách hữu thức ở đó**.

41. The important analogies continue.

41. Các phép tương đồng quan trọng tiếp tục được triển khai.

42. Each type of 'eye' (the "Jewel in the Lotus" and the third eye) are *linking* centers.

42. Mỗi loại 'con mắt' ("Viên Ngọc trong Hoa Sen" và con mắt thứ ba) đều là những trung tâm *liên kết*.

43. We can imagine 'feeling' the power of the "Jewel in the Lotus", but what is it that 'sees' the "Jewel"? Probably the 'seeing' occurs through the vision of a seer external to the one in whom the "Jewel" is being revealed. The 'feeling' of the activation of the "Jewel" is something that occurs within the energy system of the one in whom the "Jewel" is being revealed.

43. Chúng ta có thể hình dung việc 'cảm nhận' quyền năng của "Viên Ngọc trong Hoa Sen", nhưng cái gì là cái 'thấy' được "Viên Ngọc"? Có lẽ sự 'thấy' xảy ra qua linh thị của một nhà thông nhãn ở bên ngoài người mà nơi đó "Viên Ngọc" đang được hé lộ. Việc 'cảm nhận' sự hoạt hóa của "Viên Ngọc" là điều xảy ra bên trong hệ thống năng lượng của người mà nơi đó "Viên Ngọc" đang được hé lộ.

44. Note DK's use of the word "awakened". When discussing the opening of the third eye we are speaking of an initiate of the third degree (even though this eye is slowly and gradually opening during the span from the first degree to the third degree).

44. Hãy lưu ý cách DK dùng từ "đã thức tỉnh". Khi bàn về sự mở ra của con mắt thứ ba, chúng ta đang nói đến một điểm đạo đồ cấp ba (dù con mắt này mở ra chậm rãi và dần dần trong khoảng từ cấp một đến cấp ba).

45. It is probable that feeling the activation of the "Jewel" and the opening of the third

45. Có lẽ việc cảm nhận sự hoạt hóa của "Viên Ngọc" và sự mở ra của con mắt thứ ba

eye occur at a similar time in the developmental history of the individual.

xảy ra vào một thời điểm tương tự trong lịch sử phát triển của cá nhân.

46. We gather the impression that a certain amount of conscious functioning of the buddhic plane can occur after the third initiation once the three synthesis petals open sufficiently to reveal the jewel. However, polarization upon the buddhic plane can only occur after the fourth initiation.

46. Chúng ta có ấn tượng rằng một mức độ hoạt động hữu thức nào đó trên cõi Bồ đề có thể xảy ra sau lần điểm đạo thứ ba một khi ba cánh hoa tổng hợp mở đủ để lộ ra viên ngọc. Tuy nhiên, sự phân cực trên cõi Bồ đề chỉ có thể xảy ra sau lần điểm đạo thứ tư.

The jewel, or diamond concealed by the egoic lotus, is the window of the Monad or Spirit whereby he **looks *outward* into the three worlds**.

Viên ngọc, hay kim cương được che giấu bởi Hoa Sen Chân Ngã, là cửa sổ của Chân thần hay tinh thần, nhờ đó Ngài **nhìn *ra ngoài* vào ba cõi giới**.

47. We see that the vision of the Monad through the "Jewel in the Lotus" is not limited to the higher mental plane. It seems that planes lower than the higher mental are revealed.

47. Chúng ta thấy rằng linh thị của Chân thần qua “Viên Ngọc trong Hoa Sen” không bị giới hạn ở Cõi thượng trí. Dường như các cõi thấp hơn cõi thượng trí cũng được phơi bày.

48. Notice the equivalence of “Monad” and “Spirit”.

48. Hãy lưu ý sự tương đương giữa “Chân thần” và “Tinh thần”.

49. The implication of what is here said is that the Monad cannot ‘see’ into the three worlds until that "Jewel" is somewhat disclosed by the opening of the synthesis petals. This means that the Monad does not ‘see’ “outward” into the three worlds (especially the lower eighteen subplanes) until the third initiation, though perhaps some vision is accorded in the short space between the second and third degrees.

49. Hàm ý của điều được nói ở đây là Chân thần không thể ‘thấy’ vào ba cõi giới cho đến khi “Viên Ngọc” ấy phần nào được hé lộ nhờ sự mở ra của các cánh hoa tổng hợp. Điều này có nghĩa là Chân thần không ‘nhìn’ “ra ngoài” vào ba cõi giới (đặc biệt là mười tám cõi phụ thấp) cho đến lần điểm đạo thứ ba, dù có lẽ một ít linh thị được ban cho trong khoảng ngắn giữa cấp hai và cấp ba.

50. The thought above correlates with the teaching that the man consciously contacts the Monad at the third initiation, though ‘feeling after’ the Monad occurs between the second and third degree.

50. Tư tưởng trên tương ứng với giáo huấn rằng con người tiếp xúc hữu thức với Chân thần ở lần điểm đạo thứ ba, dù việc ‘dò tìm’ Chân thần xảy ra giữa cấp hai và cấp ba.

The third eye is the window of the Ego or soul functioning on the physical plane **whereby he looks inward into the three worlds**.

Con mắt thứ ba là cửa sổ của chân ngã hay linh hồn đang hoạt động trên cõi hồng trần, nhờ đó y **nhìn vào trong ba cõi giới**.

51. In both cases the object of vision is the *three worlds*. The contrast is between the *outward* -looking Monad and the *inward* -gazing soul-in-incarnation on the physical plane.

51. Trong cả hai trường hợp, đối tượng của linh thị là *ba cõi giới*. Sự tương phản nằm giữa Chân thần nhìn *ra ngoài* và linh hồn đang nhập thể trên cõi hồng trần đang nhìn *vào trong*.

52. If we think about this, we understand that it cannot be the Ego on the higher mental plane which looks *inward* into the three worlds because, to this Ego, the three worlds are not *interior* to its 'position' or 'station' on the higher mental plane. It must be the soul-in-incarnation (as an extension and expression of the Ego) that looks "inward".

52. Nếu suy nghĩ về điều này, chúng ta hiểu rằng không thể là chân ngã trên Cõi thượng trí nhìn *vào trong* ba cõi giới, bởi vì đối với chân ngã này, ba cõi giới không nằm *bên trong* 'vị trí' hay 'trạm' của nó trên Cõi thượng trí. Phải là linh hồn đang nhập thể (như một sự mở rộng và biểu hiện của chân ngã) đang nhìn "vào trong".

53. Of course we have just learned, as well, that the "Jewel in the Lotus" (considered as an 'eye' with respect to the Monad) reveals a plane higher than its normal station as well as the planes of the three worlds—i.e., it reveals the buddhic plane or at least provides the linking of the higher mental plane with the buddhic plane and the ability of the consciousness within the Ego to function on the buddhic plane. Thus, the "Jewel in the Lotus" (considered as an 'eye') does not reveal only that which is *lower* than itself or on the *same level* (the higher mental plane) but is also related to a dimension which is higher than its 'station' and perhaps to more than one higher dimension.

53. Dĩ nhiên, chúng ta cũng vừa học rằng "Viên Ngọc trong Hoa Sen" (được xem như một 'con mắt' đối với Chân thần) phơi bày một cõi cao hơn vị trí thông thường của nó cũng như các cõi của ba cõi giới—nghĩa là, nó phơi bày cõi Bồ đề hoặc ít nhất cung cấp sự liên kết của Cõi thượng trí với cõi Bồ đề và khả năng để tâm thức bên trong chân ngã hoạt động trên cõi Bồ đề. Như vậy, "Viên Ngọc trong Hoa Sen" (được xem như một 'con mắt') không chỉ phơi bày điều gì *thấp hơn* chính nó hay ở *cùng cấp độ* (Cõi thượng trí), mà còn liên hệ với một chiều kích cao hơn 'vị trí' của nó và có lẽ với hơn một chiều kích cao hơn.

The jewel in the lotus is situated between manas and buddhi whilst the third eye is found between the right and left eyes.

Viên ngọc trong hoa sen nằm giữa manas và Bồ đề, trong khi con mắt thứ ba được tìm thấy giữa mắt phải và mắt trái.

54. Another important point is given and it may raise more questions than it answers. We can take at face value that the "Jewel in the Lotus" is situated between manas and buddhi and that the lower correspondence of this 'situation' is a position between the left eye of manas and the right eye of buddhi. The third eye, however, is really recessed and is found etherically in the region of the pineal gland or, more specifically, *etherically between* the region of the pineal gland and the region of the pituitary body. We can imagine a "vesica pisces" created by the overlap between the etheric field surrounding the pineal gland and the etheric field surrounding the pituitary body. Three spherical fields (adding that of the alta major center) will make the "triquetra" or "Flower of Life". There is something in these figures which needs to be examined closely for hints about the origin and structure of the third eye.

54. Ở đây đưa ra một điểm quan trọng khác, và nó có thể làm nảy sinh nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời. Chúng ta có thể chấp nhận theo nghĩa đen rằng "Viên Ngọc trong Hoa Sen" nằm giữa manas và Bồ đề, và rằng sự tương ứng thấp của 'vị trí' này là một vị trí giữa mắt trái của manas và mắt phải của Bồ đề. Tuy nhiên, con mắt thứ ba thực sự nằm lùi vào trong và được tìm thấy về mặt dĩ thái trong vùng của tuyến tùng, hay cụ thể hơn, *về mặt dĩ thái giữa* vùng của tuyến tùng và vùng của tuyến yên. Chúng ta có thể hình dung một "vesica pisces" được tạo ra bởi sự chồng lấn giữa trường dĩ thái bao quanh tuyến tùng và trường dĩ thái bao quanh tuyến yên. Ba trường hình cầu (thêm trường của trung tâm alta major) sẽ tạo thành "triquetra" hay "Hoa Sự Sống". Có điều gì đó trong các hình này cần được khảo sát kỹ để tìm những gợi ý về nguồn gốc và cấu trúc của con mắt thứ ba.

55. But what is meant by a situating of the "Jewel in the Lotus" *between* manas and buddhi? Presumably the "Jewel in the Lotus" is still found on the higher mental plane, but possibly on the very 'edge' of the manasic sphere, perhaps on the first subplane.

55. Nhưng việc định vị "Viên Ngọc trong Hoa Sen" *giữa* manas và Bồ đề có nghĩa là gì? Có lẽ "Viên Ngọc trong Hoa Sen" vẫn được tìm thấy trên Cõi thượng trí, nhưng có thể ở ngay 'rìa' của khối cầu manas, có lẽ trên cõi phụ thứ nhất.

56. The Tibetan's diagrams, however, do not confirm this positioning but rather a positioning on the *second* subplane. If this is the case can the "Jewel in the Lotus" really be said to be "between" manas and buddhi. Rather it would seem solidly within upon the plane of higher manas though very 'near' to the buddhic plane.

56. Tuy nhiên, các sơ đồ của Chân sư Tây Tạng không xác nhận vị trí này mà đúng hơn là một vị trí trên cõi phụ *thứ hai*. Nếu đúng như vậy, liệu "Viên Ngọc trong Hoa Sen" thật sự có thể được nói là ở "giữa" manas và Bồ đề không? Đúng hơn, nó dường như nằm vững chắc trong cõi thượng manas, dù rất 'gần' cõi Bồ đề.

57. Of course, if by "manas" the Tibetan is referencing the *lower* mental plane, then the situating of the "Jewel in the Lotus" on the higher mental plane is, indeed, "between"

57. Dĩ nhiên, nếu Chân sư Tây Tạng dùng "manas" để chỉ cõi trí *thấp*, thì việc định vị "Viên Ngọc trong Hoa Sen" trên Cõi thượng

manas and buddhi, i.e., between the plane of lower manas and the buddhic plane.

58. In some ways it would not make sense for the "Jewel in the Lotus" to be situated on the *first* subplane of the higher mental plane, because the diagrams show lines connecting the "Jewel in the Lotus" (on the second subplane of the mental plane) to the manasic permanent atom (on the *first* subplane). If the "Jewel in the Lotus" were on the first subplane as the manasic permanent atom is, the connecting lines would not make sense. Further, the antahkaranic triangle (cf. TCF, Chart IX) would have to be interpreted in a very different manner.

59. So there is much to be investigated here.

One of the main functions of the Master in this cycle (though not in all cycles) is to teach His pupil **how to reconcile all these factors, how to synthesise their various modes of motion or expression, and how to co-ordinate them all so that the vibration is uniform.**

60. We see that there are many factors to reconcile and coordinate. This cycle (the fourth round), planetarily, is ruled by the fourth ray—the 'Ray of Reconciliation'. Harmonization and integration are the watchwords.

61. We may recoil from the complexity suggested, but, nonetheless, there are many factors to be managed and our aversion to managing them will not relieve us of the task.

trí quả thật là "giữa" manas và Bồ đề, nghĩa là giữa cõi hạ manas và cõi Bồ đề.

58. Theo một số phương diện, sẽ không hợp lý nếu "Viên Ngọc trong Hoa Sen" nằm trên cõi phụ *thứ nhất* của Cõi thượng trí, bởi vì các sơ đồ cho thấy những đường nối "Viên Ngọc trong Hoa Sen" (trên cõi phụ thứ hai của cõi trí) với nguyên tử trường tồn manas (trên cõi phụ *thứ nhất*). Nếu "Viên Ngọc trong Hoa Sen" ở trên cõi phụ thứ nhất như nguyên tử trường tồn manas, thì các đường nối sẽ không có ý nghĩa. Hơn nữa, tam giác antahkarana (xem TCF, Biểu đồ IX) sẽ phải được giải thích theo một cách rất khác.

59. Vì vậy, ở đây còn rất nhiều điều cần được khảo cứu.

Một trong những chức năng chính của Chân sư trong chu kỳ này (dù không phải trong mọi chu kỳ) là dạy đệ tử của Ngài **cách dung hòa tất cả các yếu tố này, cách tổng hợp các phương thức chuyển động hay biểu hiện khác nhau của chúng, và cách phối hợp tất cả chúng để rung động được đồng nhất.**

60. Chúng ta thấy có nhiều yếu tố cần được dung hòa và phối hợp. Chu kỳ này (cuộc tuần hoàn thứ tư), xét theo hành tinh, được cai quản bởi cung bốn—'Cung của sự Hòa Giải'. Sự hài hòa hóa và sự tích hợp là những khẩu hiệu chỉ đạo.

61. Chúng ta có thể chùn bước trước tính phức tạp được gợi ra, nhưng dù vậy vẫn có nhiều yếu tố phải được quản lý, và sự ác cảm của chúng ta đối với việc quản lý chúng sẽ không giải thoát chúng ta khỏi nhiệm vụ ấy.

Khi năng lượng từ chân ngã kiểm soát, hay áp đặt nhịp điệu của nó lên các thể khác

When energy from the Ego controls, or imposes its rhythm upon the various sheaths via their respective major centres,

nhau qua các trung tâm chính tương ứng của chúng,

62. For all sheaths have chakric centers, three of them "major"...

62. Vì mọi thể đều có các trung tâm luân xa, trong đó ba trung tâm là "chính"...

when the triple fire is mounting in orderly fashion via the triple channel, and when the three head centres are united in triangular fashion,

khi tam hỏa đi lên một cách có trật tự qua ống tam phân, và khi ba trung tâm đầu được hợp nhất theo hình tam giác,

63. This is both an etheric and physical process.

63. Đây vừa là một tiến trình dĩ thái vừa là một tiến trình hồng trần.

then **we have illumination or the irradiance of the entire personality life, darkness gives place to light,** and the Sun of Knowledge arises and dispels the darkness of ignorance.

thì **chúng ta có sự soi sáng hay sự chiếu rạng của toàn bộ đời sống phàm ngã, bóng tối nhường chỗ cho ánh sáng,** và Mặt Trời của Tri Thức mọc lên và xua tan bóng tối của vô minh.

64. Master DK is not merely speaking in terms symbolic.

64. Chân sư DK không chỉ nói theo nghĩa biểu tượng.

65. The full opening of the third eye is implied and the glorification of the man.

65. Hàm ý ở đây là sự mở hoàn toàn của con mắt thứ ba và sự vinh quang hóa của con người.

The minor centres are concerned with the internal co-ordination of the sheath, the major with the group co-ordination or the interrelation of one sheath to another.

Các trung tâm phụ liên quan đến sự phối hợp nội tại của thể, còn các trung tâm chính liên quan đến sự phối hợp nhóm hay mối tương quan của thể này với thể khác.

66. Here we have a sentence of great importance carrying an idea which is found, as far as I know, only in this section of text.

66. Ở đây chúng ta có một câu cực kỳ quan trọng, mang một ý tưởng mà theo chỗ tôi biết chỉ được tìm thấy trong phần văn bản này.

67. Before a sheath can be linked harmoniously to another, it must be harmoniously coordinated within itself.

67. Trước khi một thể có thể được liên kết hài hòa với một thể khác, nó phải được phối hợp hài hòa trong chính nó trước đã.

68. We are dealing with a process of *integration.* Each sheath must be integrated within its own nature and, then, the various sheaths must be integrated with each other.

68. Chúng ta đang bàn đến một tiến trình *tích hợp.* Mỗi thể phải được tích hợp trong bản chất riêng của nó, rồi sau đó các thể khác nhau phải được tích hợp với nhau.

69. The base of the spine center, solar plexus center and throat center are three important centers, each of them correlated with one of the personality vehicles. Coordinating and harmonizing these personality vehicles with each other involves the interplay of these three centers (though other centers will naturally figure into the process in a secondary manner).

69. Trung tâm đáy cột sống, trung tâm tùng thái dương và trung tâm cổ họng là ba trung tâm quan trọng, mỗi trung tâm tương quan với một trong các vận cụ của phàm ngã. Việc phối hợp và hài hòa các vận cụ phàm ngã này với nhau bao hàm sự tương tác của ba trung tâm ấy (dù các trung tâm khác dĩ nhiên cũng sẽ tham gia vào tiến trình theo cách thứ yếu).

The man becomes a burning and a shining light, radiating forth a light which burns from within.

Con người trở thành một ánh sáng rực cháy và chiếu sáng, phát tỏa ra một ánh sáng bừng cháy từ bên trong.

70. Here is a picture of a glorious consummation. It is not fanciful. It lies before each of us, sooner or later, according to the sincerity and intensity of our efforts.

70. Đây là hình ảnh của một sự viên mãn huy hoàng. Nó không phải là điều huyễn tưởng. Nó ở phía trước mỗi chúng ta, sớm hay muộn, tùy theo sự chân thành và cường độ nỗ lực của chúng ta.

71. We have three words: "burning", "shining" and "radiating". Perhaps we can link the three with the three aspects —"burning" with the third aspect; "shining" with the second aspect; "radiating" with the first aspect.

71. Chúng ta có ba từ: "rực cháy", "chiếu sáng" và "phát tỏa". Có lẽ chúng ta có thể liên kết ba từ này với ba phương diện—"rực cháy" với phương diện thứ ba; "chiếu sáng" với phương diện thứ hai; "phát tỏa" với phương diện thứ nhất.

72. Yet, all three words also relate to the display of energy which occurs immediately before and as the causal body is destroyed.

72. Tuy nhiên, cả ba từ cũng liên hệ đến sự biểu lộ năng lượng xảy ra ngay trước và khi thể nguyên nhân bị hủy diệt.

When the next step is accomplished, and **the energy of the Monad, focussed through the jewel, makes itself felt also on the physical plane, passing through the triple egoic lotus via the channels already utilised by the Ego**, [Page 1131] **we have a man who is "inspired," who is a spiritual**

Khi bước kế tiếp được hoàn thành, và **năng lượng của Chân thần, được tập trung qua viên ngọc, cũng làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trên cõi hồng trần, đi qua Hoa Sen Chân Ngã tam phân qua các kênh đã được chân ngã sử dụng từ trước**, [Page 1131] **chúng ta có một con người được**

creator, and who is himself "a Sun of Healing Radiance."

"cảm hứng", là một đấng sáng tạo tinh thần, và chính y là "một Mặt Trời của Quang Huy Chữa Lành."

73. How beautiful, how powerful this is! We see that the Monad eventually grounds itself in physical expression and utilizes well-established channels (channels long-established by the Ego) to reach the lowest levels.

73. Điều này đẹp biết bao, mạnh mẽ biết bao! Chúng ta thấy rằng cuối cùng Chân thần tự đặt nền trong biểu hiện hồng trần và sử dụng những kênh đã được thiết lập vững chắc (những kênh do chân ngã thiết lập từ lâu) để vươn tới các cấp độ thấp nhất.

74. It is sometimes thought that the Monad can descend no lower in its effectiveness than the "Jewel in the Lotus". This is obviously erroneous. The *inspired life* is the monadic life in full expression through the etheric body and thus through the dense physical body as well.

74. Đôi khi người ta nghĩ rằng Chân thần không thể giáng xuống thấp hơn "Viên Ngọc trong Hoa Sen" trong hiệu lực của nó. Điều này rõ ràng là sai lầm. Đời sống *được cảm hứng* là đời sống chân thần trong sự biểu hiện trọn vẹn qua thể dĩ thái và do đó cũng qua thể xác đậm đặc.

75. A hint is given concerning the healing power of the man who lives inspired by the Monad.

75. Một gợi ý được đưa ra liên quan đến quyền năng chữa lành của con người sống được Chân thần cảm hứng.

These are the objectives before all those who tread the path and the goal ahead for those who follow the necessary discipline of life, and the stages of unfoldment through meditation.

Đây là những mục tiêu đặt ra trước tất cả những ai bước trên đường đạo, và là mục đích ở phía trước cho những ai tuân theo kỷ luật sống cần thiết, cùng các giai đoạn khai mở qua tham thiền.

76. Periodically, DK seeks to offer us inspiration by offering a vision of the future.

76. Theo chu kỳ, DK tìm cách ban cho chúng ta cảm hứng bằng cách đưa ra một linh ảnh về tương lai.

77. This glorious consummation, however, will not take place unless the necessary disciplines are instituted. The true student of occultism realizes this.

77. Tuy nhiên, sự viên mãn huy hoàng này sẽ không xảy ra trừ khi các kỷ luật cần thiết được thiết lập. Đạo sinh chân chính của huyền bí học nhận ra điều này.

There are, needless to say, certain modes of work and mantric formulas known to the Masters which enable Them to hasten the process (when necessary)

Dĩ nhiên, có những phương thức làm việc và những công thức mantram nhất định mà các Chân sư biết, cho phép Các Ngài đẩy nhanh tiến trình (khi cần thiết)

78. And, apparently, it is “necessary” only infrequently!

78. Và rõ ràng, “cần thiết” chỉ xảy ra khá hiếm hoi!

for Their disciples, **but these are secrets scrupulously guarded and not frequently used**.

cho các đệ tử của Các Ngài, **nhưng đó là những bí mật được gìn giữ hết sức cẩn mật và không thường được sử dụng**.

79. The implication is that it is better to let the disciple achieve mostly by himself if possible. A more secure basis for still further accomplishment is thus created and the disciple inevitably learns much through his mistakes.

79. Hàm ý là tốt hơn nên để đệ tử tự mình thành tựu phần lớn nếu có thể. Nhờ vậy một nền tảng vững chắc hơn cho những thành tựu xa hơn nữa được tạo ra, và đệ tử tất yếu học được nhiều điều qua những sai lầm của mình.

The usual method, a lengthy and laborious one, is to let the pupil find out each step of the way for himself, to teach him the constitution of his own body, the nature of the sheaths, and the function and apparatus of energy and so let him gradually become aware of the forces latent in himself.

Phương pháp thông thường, một phương pháp dài lâu và nhọc nhằn, là để đệ tử tự khám phá từng bước trên đường đi, dạy y về cấu tạo của chính thể mình, bản chất của các thể, và chức năng cùng bộ máy của năng lượng, nhờ đó để y dần dần trở nên nhận biết các mãnh lực tiềm ẩn trong chính mình.

80. While this usual method is perhaps much slower, it is more secure. As awareness gradually dawns, the disciple comes to terms with forces, energies, principles and vehicles of which he is made aware. The foundation is thus very solidly built. There is danger is rushing this sensitive process, but sometimes in times of emergency the danger must be risked.

80. Dù phương pháp thông thường này có lẽ chậm hơn nhiều, nó lại an toàn hơn. Khi sự nhận biết dần dần ló rạng, đệ tử làm quen với các mãnh lực, năng lượng, nguyên khí và vận cụ mà y được làm cho nhận biết. Vì thế nền móng được xây dựng rất vững chắc. Có nguy hiểm trong việc thúc ép tiến trình nhạy cảm này, nhưng đôi khi trong thời kỳ khẩn cấp, nguy hiểm ấy phải được chấp nhận.

What is meant by the "three periodical vehicles" and the seven principles or qualities of force, is slowly revealed to him, and through experience, experiment, frequent failures, occasional success, mature reflection and introspection, and frequent incarnation, he is brought to the point where he has produced a certain measure of alignment through self-induced and continuous effort.

Điều được hàm ý bởi "ba vận cụ tuần hoàn" và bảy nguyên khí hay phẩm tính của mãnh lực được từ từ mặc khải cho y, và qua kinh nghiệm, thử nghiệm, nhiều lần thất bại, đôi khi thành công, suy tư chín chắn và nội quan, cùng nhiều lần lâm phàm, y được đưa đến điểm mà y đã tạo ra được một mức độ chỉnh hợp nào đó bằng nỗ lực tự khởi phát và liên tục.

81. Master DK does not glamorize the picture. We have all been through this laborious process with its many trials. We stand where we stand now (minimally as aspirants and disciples) by dint of great effort, and because we have persisted despite many failures.

81. Chân sư DK không tô hồng bức tranh. Tất cả chúng ta đều đã trải qua tiến trình nhọc nhằn này với nhiều thử thách của nó. Chúng ta đứng ở vị trí hiện nay (ít nhất là như những người chí nguyện và đệ tử) là nhờ nỗ lực lớn lao, và bởi vì chúng ta đã kiên trì bất chấp nhiều thất bại.

82. It is certainly better to build securely than, through insufficient preparation, to jeopardize the structure at a later date.

82. Chắc chắn tốt hơn là xây dựng vững chắc còn hơn, do chuẩn bị không đầy đủ, làm nguy hại đến cấu trúc vào một ngày sau đó.

He is then taught **how to utilise that alignment**, and **how to manipulate energy consciously** so that **he can bring about on the physical plane results in service that for many lives have been probably a dream or an impossible vision**.

Khi ấy y được dạy **cách sử dụng sự chỉnh hợp đó**, và **cách vận dụng năng lượng một cách hữu thức** để **y có thể tạo ra trên cõi hồng trần những kết quả trong phụng sự mà trong nhiều kiếp sống có lẽ chỉ là một giấc mơ hay một linh ảnh bất khả**.

83. Fulfillment is promised. Much patience is required in preparation for the advanced teaching conferred when the time is right.

83. Sự hoàn thành được hứa hẹn. Cần rất nhiều kiên nhẫn trong sự chuẩn bị cho giáo huấn cao cấp được ban truyền khi thời điểm thích hợp đến.

When he is proficient in these two things—stabilisation

Khi y đã thành thạo trong hai điều này—sự ổn định hóa

84. Through correct and rightly sustained alignment…

84. Qua sự chỉnh hợp đúng đắn và được duy trì đúng cách…

and manipulation—

và sự vận dụng—

85. Of the forces, energies, principles and vehicles emerging into awareness…

then, and only then, are committed to him the words and secrets which produce the demonstration on the physical plane of spiritual, or monadic, energy by means of the soul or egoic energy,

86. "Spiritual" energy is of the spiritual triad. Monadic energy is of the Spirit!

utilising in its turn the energy of the material forms in the worlds, or what we might call bodily energy.

87. There are certain words which facilitate the bringing through of triadal and monadic energy—through the use of egoic energy and the subsequent use of material energies.

88. There are magical words that produce a thorough alignment—'from top to bottom'.

This has been expressed in the following mystical and occult phrase:

"When the jewel sparkles as does the diamond under the influence of the rays of the blazing sun,

89. The "blazing sun" in this instance, is the Monad.

then the setting likewise [1132] gleams and rays forth light.

85. Về các mãnh lực, năng lượng, nguyên khí và các vận cụ đang đi vào nhận thức…

thì khi ấy, và chỉ khi ấy, những lời và bí mật tạo ra sự biểu hiện trên cõi hồng trần của năng lượng tinh thần, hay năng lượng chân thần, bằng phương tiện của năng lượng linh hồn hay chân ngã, mới được giao phó cho y,

86. Năng lượng "tinh thần" thuộc về Tam nguyên tinh thần. Năng lượng chân thần thuộc về Tinh thần!

đến lượt nó sử dụng năng lượng của các hình tướng vật chất trong các cõi, hay điều mà chúng ta có thể gọi là năng lượng thể xác.

87. Có những Linh từ nhất định giúp tạo điều kiện cho việc dẫn truyền năng lượng tam nguyên và chân thần—thông qua việc sử dụng năng lượng chân ngã và sau đó là việc sử dụng các năng lượng vật chất.

88. Có những Linh từ huyền thuật tạo ra một sự chỉnh hợp triệt để—"từ trên xuống dưới".

Điều này đã được diễn tả trong cụm từ thần bí và huyền bí học sau đây:

"Khi viên ngọc lấp lánh như viên kim cương dưới ảnh hưởng của các tia của mặt trời rực cháy,

89. "mặt trời rực cháy" trong trường hợp này là Chân thần.

thì giá đỡ cũng [Page 1132] sáng lên và phát ra ánh sáng.

90. This “setting” can be considered as the entire egoic lotus or simply the three inmost petals. Probably, however, we are speaking of the entire egoic lotus and its irradiation by intensified monadic light passing through the "Jewel".

As the diamond shines with increasing brilliance, the fire is generated which sets on fire that which held and enclosed."

91. That which has enclosed the "Jewel" is the entire egoic lotus. It is clear that a major impulse for the destruction of the egoic lotus comes from the "Jewel in the Lotus" and, ultimately, from the Monad.

90. “Giá đỡ” này có thể được xem là toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã hoặc chỉ đơn giản là ba cánh hoa trong cùng. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta đang nói đến toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã và sự chiếu xạ của nó bởi ánh sáng chân thần được tăng cường đi xuyên qua "Viên Ngọc".

Khi viên kim cương chiếu sáng với độ rực rỡ ngày càng tăng, ngọn lửa được phát sinh, thiêu cháy điều đã giữ và bao bọc nó."

91. Điều đã bao bọc "Viên Ngọc" là toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã. Rõ ràng một xung lực chủ yếu cho sự hủy diệt Hoa Sen Chân Ngã đến từ "Viên Ngọc trong Hoa Sen" và, rốt cuộc, từ Chân thần.

S9S6 Part II

TCF 1132 - 1137

Most of the Tibetan’s text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

2. Motion produces periodic manifestation.

We must here bear in mind, that we are considering **synthetic alignment in**

TCF 1132 - 1137

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Người ta đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ được tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

2. Chuyển động tạo ra sự biểu hiện theo chu kỳ.

Ở đây chúng ta phải ghi nhớ rằng, chúng ta đang xét đến **sự chỉnh hợp tổng hợp liên hệ**

connection with the second aspect, and are therefore dealing with the activity of those forms of divine manifestation which are **nearing their objective**.

với phương diện thứ hai, và do đó đang bàn đến hoạt động của những hình tướng biểu hiện thiêng liêng đang **tiến gần mục tiêu của chúng**.

1. The third aspect achieved its objective long ago. The second aspect is in process of achieving its objective within this solar system.

1. Phương diện thứ ba đã đạt mục tiêu của nó từ lâu. Phương diện thứ hai đang trong tiến trình đạt mục tiêu của nó trong hệ mặt trời này.

2. Just before the time of achievement comes the period of "synthetic alignment". This is true of the man approaching the higher initiations and of the Solar Logos approaching the period in which the lesser Planetary Logoi are absorbed into the greater. The final phases of absorption are conditioned by the first ray..

2. Ngay trước thời điểm thành tựu là giai đoạn của "sự chỉnh hợp tổng hợp". Điều này đúng với con người đang tiến gần các lần điểm đạo cao hơn và với Thái dương Thượng đế đang tiến gần giai đoạn trong đó các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ hơn được hấp thu vào Đấng lớn hơn. Các giai đoạn cuối của sự hấp thu được tác động bởi cung một..

3. We must always remember that the second aspect of divinity is the *form building* aspect.

3. Chúng ta phải luôn nhớ rằng phương diện thứ hai của thiên tính là phương diện *xây dựng hình tướng*.

This objective might be defined as **ability to vibrate synchronously with the greater unit of which it is a part**.

Mục tiêu này có thể được định nghĩa là **khả năng rung động đồng bộ với đơn vị lớn hơn mà nó là một phần của đơn vị ấy**.

4. This is an important technical method of describing consummation.

4. Đây là một phương pháp kỹ thuật quan trọng để mô tả sự viên mãn.

5. The purpose and will of the inclusive factor then drives all processes within the lesser factors which are absorbed in the greater.

5. Khi ấy mục đích và ý chí của yếu tố bao gồm thúc đẩy mọi tiến trình bên trong các yếu tố nhỏ hơn được hấp thu vào yếu tố lớn hơn.

6. Right relationship must be achieved with the greater unit which includes the lesser.

6. Phải đạt được mối liên hệ đúng đắn với đơn vị lớn hơn bao gồm đơn vị nhỏ hơn.

This must, therefore, be considered by the student in seven ways.

Do đó, đạo sinh phải xem xét điều này theo bảy cách.

7. The number *seven* is always associated with the second aspect of divinity. The study of the seven rays comes under the second aspect.

7. Con số *bảy* luôn luôn gắn liền với phương diện thứ hai của thiên tính. Việc nghiên cứu bảy cung thuộc về phương diện thứ hai.

8. Below, DK begins His numbering from below.

8. Dưới đây, Chân sư DK bắt đầu đánh số từ dưới lên.

The first three ways concern the **relation** of the perfected or nearly perfected units in the three kingdoms of nature with their immediate group soul,

Ba cách đầu tiên liên quan đến **mối liên hệ** của các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện trong ba giới của tự nhiên với hồn nhóm trực tiếp của chúng,

9. We are dealing with the relation of the units of mineral, vegetable and animal units to their immediate group soul.

9. Chúng ta đang bàn đến mối liên hệ của các đơn vị thuộc giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật với hồn nhóm trực tiếp của chúng.

10. The relation of which we are speaking can only occur when the units are perfected or nearly perfected.

10. Mối liên hệ mà chúng ta đang nói đến chỉ có thể xảy ra khi các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện.

11. We are dealing with 'vibratory consummation' indicated as synchronization.

11. Chúng ta đang bàn đến "sự viên mãn rung động" được biểu thị như sự đồng bộ hóa.

and their continued manifestation in any particular kingdom.

và sự biểu hiện tiếp tục của chúng trong bất kỳ giới đặc thù nào.

12. Perpetuation follows synchronization.

12. Sự kéo dài tiếp theo sau sự đồng bộ hóa.

13. Changes of kingdom also occur following the achievement of perfection within a given kingdom. For instance, the perfected or nearly perfected member of the animal kingdom is poised to become (when the proper cycle eventuates) a member of the human kingdom.

13. Sự thay đổi giới cũng xảy ra sau khi đạt được sự hoàn thiện trong một giới nhất định. Chẳng hạn, thành viên đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện của giới động vật sẵn sàng trở thành (khi chu kỳ thích hợp xảy đến) một thành viên của giới nhân loại.

Fourth, the relation of the disciple, or man on the path, to his immediate group, and the

Thứ tư, mối liên hệ của đệ tử, hay con người trên đường đạo, với nhóm trực tiếp của y, và

laws which govern his reappearance in physical incarnation.

các quy luật chi phối sự tái xuất hiện của y trong lâm phàm hồng trần.

14. The group is that greater unit which contains the human unit who has become a disciple, and is, thus, demonstrating as a perfected or nearly perfected unit.

14. Nhóm là đơn vị lớn hơn chứa đựng đơn vị nhân loại đã trở thành một đệ tử, và do đó đang biểu lộ như một đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện.

15. The group under consideration can be the Ashram or the various egoic groups, lesser and, eventually, greater.

15. Nhóm đang được xét đến có thể là ashram hoặc các nhóm chân ngã khác nhau, nhỏ hơn và cuối cùng là lớn hơn.

16. According to the cycles of the greater group of which man is a part, so will be the rhythm of appearance of the unit by means of physical incarnation.

16. Theo các chu kỳ của nhóm lớn hơn mà con người là một phần trong đó, nhịp điệu xuất hiện của đơn vị bằng phương tiện lâm phàm hồng trần cũng sẽ như vậy.

17. Connected with every ray group, there must be certain cyclic laws determining the reappearance of its units in physical incarnation.

17. Liên kết với mọi nhóm cung, hẳn phải có những quy luật chu kỳ nhất định quyết định sự tái xuất hiện của các đơn vị của nó trong lâm phàm hồng trần.

18. Every egoic group is found upon a particular ray, and the cyclic rhythms of that ray determine the times when the units in the egoic group appear and disappear.

18. Mọi nhóm chân ngã đều được tìm thấy trên một cung đặc thù, và các nhịp điệu chu kỳ của cung đó quyết định những thời điểm khi các đơn vị trong nhóm chân ngã xuất hiện và biến mất.

19. There are also groups of egos categorized by their stages of unfoldment and not by the ray which conditions them.

19. Cũng có những nhóm các chân ngã được phân loại theo các giai đoạn khai mở của chúng chứ không theo cung tác động lên chúng.

Fifth, the relation of a planetary Spirit to His group of planets,

Thứ năm, mối liên hệ của một Chân Linh Hành Tinh với nhóm hành tinh của Ngài,

20. A “planetary Spirit” is, a Planetary Logos.

20. Một “Chân Linh Hành Tinh” là một Hành Tinh Thượng Đế.

21. The group which contains Him as a unit, is a *group* of Planetary Logoi.

21. Nhóm chứa Ngài như một đơn vị là một *nhóm* các Hành Tinh Thượng Đế.

22. The section of text above can be read, also, as the relation of a Planetary Logos to the group of sub-Planetary Logoi (Chain Lords, for instance) which are included within His expression. But since we are speaking of the relation of the lesser to the greater, the first reading is probably more accurate.

22. Đoạn văn trên cũng có thể được đọc như là mối liên hệ của một Hành Tinh Thượng Đế với nhóm các Hành Tinh Thượng Đế phụ thuộc (chẳng hạn các Chúa Tể Dãy) được bao gồm trong sự biểu lộ của Ngài. Nhưng vì chúng ta đang nói về mối liên hệ của cái nhỏ hơn với cái lớn hơn, nên cách đọc thứ nhất có lẽ chính xác hơn.

and the processes of man's obscuration, or withdrawal, from physical plane manifestation.

và các tiến trình làm cho con người bị che khuất, hay rút lui, khỏi sự biểu hiện trên cõi hồng trần.

23. As a Planetary Logos containing the unit, man, reaches perfection or nearly so, its human units are withdrawn into obscuration. On our planet, this type of withdrawal of obscuration will not take place until after the "Judgment Day" in the fifth round—whether that round be a chain-round or scheme-round.

23. Khi một Hành Tinh Thượng Đế chứa đựng đơn vị con người đạt đến sự hoàn thiện hoặc gần như vậy, các đơn vị nhân loại của Ngài được rút vào sự che khuất. Trên hành tinh của chúng ta, kiểu rút lui vào sự che khuất này sẽ không xảy ra cho đến sau "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm—dù cuộc tuần hoàn đó là tuần hoàn dãy hay tuần hoàn hệ hành tinh.

24. Any Planetary Logos Who reaches His "Judgment Day" within a certain chain and during a certain round, is certainly beginning His process of obscuration.

24. Bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào đạt đến "Ngày Phán Xét" của Ngài trong một dãy nhất định và trong một cuộc tuần hoàn nhất định, chắc chắn đang bắt đầu tiến trình che khuất của Ngài.

25. The implication is that the Planetary Logos of Venus (very advanced compared to the Planetary Logos of the Earth) has certainly, long ago, experienced His "Judgment Day". One wonders whether those Venusian human units who did not pass the Venusian "Judgment Day" were sent to Earth just as the human units who do not pass the "Judgment Day" of our Planetary Logos will be sent, most probably, to Mars.

25. Hàm ý ở đây là Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim (rất tiến hóa so với Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất) hẳn đã trải qua "Ngày Phán Xét" của Ngài từ lâu. Người ta tự hỏi liệu những đơn vị nhân loại của Sao Kim đã không vượt qua "Ngày Phán Xét" của Sao Kim có được gửi đến Trái Đất giống như những đơn vị nhân loại không vượt qua "Ngày Phán Xét" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta rất có thể sẽ được gửi đến Sao Hỏa hay không.

Sixth, the relation of the major three planetary Spirits, or the three major aspects of the Logos and their manifestation.

Thứ sáu, mối liên hệ của ba Chân Linh Hành Tinh chính, hay ba phương diện chính của Thượng đế và sự biểu hiện của các Ngài.

26. There is reason to think of the "three major planetary Spirits" as the Logoi of the synthesizing planets, and yet these Planetary Logoi are usually numbered among the seven synthesizing planets.

26. Có lý do để nghĩ về "ba Chân Linh Hành Tinh chính" như các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp, tuy nhiên các Hành Tinh Thượng Đế này thường được tính trong số bảy hành tinh tổng hợp.

27. There are, as well, certain obscure Beings Who, each of them, require expression through three of our Planetary Logoi. We can think of them as the Three Logoi, included with the system of a Solar Logos and subsidiary to the Solar Logos. They can also be regarded as the Three Persons of the Logoic Trinity.

27. Ngoài ra còn có những Đấng mờ ẩn nhất định, mỗi Đấng trong số đó cần biểu lộ qua ba Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Chúng ta có thể nghĩ về các Ngài như Ba Thượng đế, được bao gồm trong hệ thống của một Thái dương Thượng đế và phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế. Các Ngài cũng có thể được xem là Ba Ngôi của Tam Vị Logoic.

28. It can be questioned whether the Logoi of the synthesizing planets embody the three major aspects of the Logos, fully, or whether the "Three Persons of the Logoic Trinity" are a still greater embodiment of these aspects.

28. Có thể đặt câu hỏi liệu các Thượng đế của các hành tinh tổng hợp có hiện thân đầy đủ ba phương diện chính của Thượng đế hay không, hay "Ba Ngôi của Tam Vị Logoic" là một hiện thân còn lớn lao hơn nữa của các phương diện này.

29. If one reads around EP II 99, one learns of these Three Beings. Although normally Uranus is considered related to the first aspect; Neptune to the second aspect; and Saturn to the third aspect, the groupings of three see Uranus included among three planets expression the *second* aspect and Neptune (it may be inferred) included among three planets through whom the *first aspect* expresses. This has to be solved.

29. Nếu đọc quanh EP II 99, người ta sẽ biết về Ba Đấng này. Mặc dù thông thường Sao Thiên Vương được xem là liên hệ với phương diện thứ nhất; Sao Hải Vương với phương diện thứ hai; và Sao Thổ với phương diện thứ ba, các nhóm bộ ba lại cho thấy Sao Thiên Vương được bao gồm trong ba hành tinh biểu lộ phương diện *thứ hai* và Sao Hải Vương (có thể suy ra như vậy) được bao gồm trong ba hành tinh qua đó phương diện *thứ nhất* biểu lộ. Điều này cần được giải quyết.

Seventh, the relation of the informing Life of a solar system to the **group of constellations** of which He forms part, and His periodic manifestation.

Thứ bảy, mối liên hệ của Sự sống phú linh cho một hệ mặt trời với **nhóm các chòm sao** mà Ngài tạo thành một phần trong đó, và sự biểu hiện theo chu kỳ của Ngài.

30. We continue discussing the relation of lesser groups (and their units) to greater, more inclusive groups.

30. Chúng ta tiếp tục bàn về mối liên hệ của các nhóm nhỏ hơn (và các đơn vị của chúng) với các nhóm lớn hơn, bao gồm hơn.

31. There are blinds in the section of text above. Does a Solar Logos form a part of a "group of constellations" or a group of Solar Logoi and the stars through which they express? If a Planetary Logos forms a part of a group of Planetary Logoi, then why should not a Solar Logos form a part of a group of solar systems instead of a group of "constellations"?

31. Có những bức màn che trong đoạn văn trên. Một Thái dương Thượng đế có tạo thành một phần của "nhóm các chòm sao" hay của một nhóm các Thái dương Thượng đế và các ngôi sao qua đó các Ngài biểu lộ? Nếu một Hành Tinh Thượng Đế tạo thành một phần của một nhóm các Hành Tinh Thượng Đế, thì tại sao một Thái dương Thượng đế lại không tạo thành một phần của một nhóm các hệ mặt trời thay vì một nhóm các "chòm sao"?

32. Everything depends on how the term "constellations" is used. From one perspective, a solar system is a "constellation" of planets. In other words, within a solar system, planets are constellated (or distributed through space and arranged according to cyclic law) in a certain manner.

32. Mọi sự tùy thuộc vào cách dùng thuật ngữ "chòm sao". Từ một góc nhìn, một hệ mặt trời là một "chòm sao" của các hành tinh. Nói cách khác, trong một hệ mặt trời, các hành tinh được sắp thành chòm (hay được phân bố trong không gian và được sắp xếp theo định luật chu kỳ) theo một cách nhất định.

33. There are ways in which Master DK seems to consider our solar system a constellation. Elsewhere, He considers it simply a solar system with one Sun. There are a number of contrasting references in the books.

33. Có những cách trong đó Chân sư DK dường như xem hệ mặt trời của chúng ta là một chòm sao. Ở nơi khác, Ngài xem nó đơn giản là một hệ mặt trời với một Mặt Trời. Có một số tham chiếu tương phản trong các sách.

34. There are constellations of stars, of course, but we must also allow the possibility that there are constellations of planets called solar systems.

34. Dĩ nhiên có những chòm sao của các ngôi sao, nhưng chúng ta cũng phải chấp nhận khả năng rằng có những chòm sao của các hành tinh được gọi là các hệ mặt trời.

These subjects have been touched upon when we studied incarnation and, earlier still, when considering pralaya or obscuration, but **we dealt then with them in general terms**.

Những chủ đề này đã được đề cập đến khi chúng ta nghiên cứu sự nhập thể và, còn sớm hơn nữa, khi xét đến giai kỳ qui nguyên hay sự che khuất, nhưng **khi ấy chúng ta đã bàn đến chúng theo những thuật ngữ tổng quát**.

35. Now, apparently, the method of our treatment is more specific.

35. Hiện nay, dường như phương pháp xử lý của chúng ta đặc thù hơn.

We might now deal more specifically with the final activities, or modes of motion, in these various congeries of lives,

Giờ đây chúng ta có thể bàn cụ thể hơn về các hoạt động cuối cùng, hay các phương thức chuyển động, trong những tập hợp sự sống khác nhau này,

36. Each greater unit is a congery of lives. Each of the lesser units we have been considering is *also* a congery of lives.

36. Mỗi đơn vị lớn hơn là một tập hợp các sự sống. Mỗi đơn vị nhỏ hơn mà chúng ta đã xét đến *cũng* là một tập hợp các sự sống.

37. Activities are "modes of motion". If we could understand the various modes of motion, we would understand the nature of every unit in which such modes are occurring.

37. Các hoạt động là "các phương thức chuyển động". Nếu chúng ta có thể hiểu các phương thức chuyển động khác nhau, chúng ta sẽ hiểu bản chất của mọi đơn vị trong đó các phương thức ấy đang xảy ra.

and **see what occurs during the final stages of conscious existence, and of limited manifestation**.

và **thấy điều gì xảy ra trong các giai đoạn cuối của sự tồn tại hữu thức, và của sự biểu hiện có giới hạn**.

38. The perfection or near perfection of a unit occurs for an B/being during its "final stages of conscious existence".

38. Sự hoàn thiện hay gần hoàn thiện của một đơn vị xảy ra đối với một hữu thể trong "các giai đoạn cuối của sự tồn tại hữu thức" của nó.

39. We are speaking of moments of consummation for seven different kinds of units.

39. Chúng ta đang nói về những thời điểm viên mãn đối với bảy loại đơn vị khác nhau.

40. There are some units in the sequence which, apparently, have been omitted and are not treated.

40. Có một số đơn vị trong chuỗi này dường như đã bị bỏ sót và không được bàn đến.

41. To review the lives we have been discussing are:

41. Để điểm lại, các sự sống mà chúng ta đã bàn đến là:

a. The perfected or nearly perfected units of the mineral kingdom

a. Các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện của giới kim thạch

b. The perfected or nearly perfected units of the vegetable kingdom

b. Các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện của giới thực vật

c. The perfected or nearly perfected units of the animal kingdom

c. Các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện của giới động vật

d. The perfected or nearly perfected units of the human kingdom

d. Các đơn vị đã hoàn thiện hoặc gần hoàn thiện của giới nhân loại

e. The group of Planetary Logoi in our solar system

e. Nhóm các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời của chúng ta

f. Either the three higher Planetary Logoi of our solar system (embodying the three major principles), or three still greater Lives corresponding to Brahma, Vishnu and Shiva (each of which functions through three Planetary Logoi and each of which expresses one of the three main aspects of divinity in our solar system).

f. Hoặc là ba Hành Tinh Thượng Đế cao hơn của hệ mặt trời chúng ta (hiện thân cho ba nguyên khí chính), hoặc là ba Sự sống còn lớn hơn tương ứng với Brahma, Vishnu và Shiva (mỗi Đấng hoạt động qua ba Hành Tinh Thượng Đế và mỗi Đấng biểu lộ một trong ba phương diện chính của thiên tính trong hệ mặt trời của chúng ta).

g. The group of "constellations" or the group of Solar Logoi to which our Solar Logos belongs.

g. Nhóm các "chòm sao" hay nhóm các Thái dương Thượng đế mà Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc về.

The subject [Page 1133] is peculiarly abstruse, particularly where the elemental groups are concerned,

Chủ đề này [Page 1133] đặc biệt thâm áo, nhất là khi liên quan đến các nhóm hành khí,

42. Elemental groupings must also have their moments of near perfection, perfection and release.

42. Các nhóm hành khí cũng phải có những thời điểm gần hoàn thiện, hoàn thiện và giải thoát của chúng.

43. It is in the next two commentaries that we will discuss the three groups of

elemental lives which find expression through the three kingdoms.

43. Chính trong hai phần bình luận kế tiếp chúng ta sẽ bàn đến ba nhóm sự sống hành khí biểu lộ qua ba giới.

44. When considering the relation of these three groups to the three kingdoms, yes, a degree of abstruseness enters.

44. Khi xét đến mối liên hệ của ba nhóm này với ba giới, đúng vậy, một mức độ thâm áo xuất hiện.

but certain interesting points might here be brought out which will bear the closest study.

nhưng ở đây có thể nêu ra một số điểm lý thú đáng được nghiên cứu hết sức kỹ lưỡng.

45. We prepare ourselves then, for truly detailed study.

45. Vậy chúng ta hãy chuẩn bị cho một sự nghiên cứu thực sự chi tiết.

Let us consider the three lower kingdoms first and pass later to the methods and activities of a human being, of a planetary Logos, and of a solar Logos.

Trước hết, hãy xét ba giới thấp rồi sau đó chuyển sang các phương pháp và hoạt động của một con người, của một Hành Tinh Thượng Đế, và của một Thái dương Thượng đế.

46. We note that we are omitting to consider the near perfection and perfection of the Lives which inform certain of the higher kingdoms of nature. As well, Globe Lords and Chain Lords are not being considered.

46. Chúng ta lưu ý rằng mình đang bỏ qua việc xem xét sự gần hoàn thiện và hoàn thiện của các Sự sống phú linh cho một số giới cao hơn của tự nhiên. Đồng thời, các Chúa Tể Bầu Hành Tinh và các Chúa Tể Dãy cũng không được xét đến.

47. We also note that in the section of text above only *six* categories are mentioned, whereas above DK enumerated seven.

47. Chúng ta cũng lưu ý rằng trong đoạn văn trên chỉ có *sáu* loại được nêu ra, trong khi trước đó Chân sư DK đã liệt kê bảy loại.

The appearance, and the final disappearance, of any manifested Life is intimately concerned with the possession, the evolutionary development, and the final disintegration, of the permanent atom.

Sự xuất hiện, và sự biến mất cuối cùng, của bất kỳ Sự sống biểu hiện nào đều liên hệ mật thiết với sự sở hữu, sự phát triển tiến hoá, và sự tan rã cuối cùng của nguyên tử trường tồn.

48. There are three conditions of the permanent atom to be considered in these final phases of the expression in form of any Life:

48. Có ba điều kiện của nguyên tử trường tồn cần được xem xét trong các giai đoạn cuối này của sự biểu lộ trong hình tướng của bất kỳ Sự sống nào:

a. The simple existence of the permanent atom without which there would be no *appearance* of the B/being on planes lower than the plane on which the monadic life of the B/being is focused.

a. Sự hiện hữu đơn thuần của nguyên tử trường tồn, nếu không có nó thì sẽ không có sự *xuất hiện* của hữu thể trên các cõi thấp hơn cõi mà sự sống chân thần của hữu thể ấy được tập trung vào.

b. The degree to which the permanent atom has developed

b. Mức độ mà nguyên tử trường tồn đã phát triển

c. The manner in which the permanent atom is preparing to be disintegrated, and finally, the manner in which it is disintegrated.

c. Cách thức mà nguyên tử trường tồn đang chuẩn bị để bị tan rã, và sau cùng, cách thức nó bị tan rã.

Permanent atoms, as the term is usually understood,

Các nguyên tử trường tồn, theo cách thuật ngữ này thường được hiểu,

49. When we have qualifying phrase such as this ("as the term is usually understood") we must be on the alert. Perhaps some equivalent to permanent atoms *are, after all,* to be found in relation to entities which are *not* self-consciousness, are not individualized and do *not* have relative permanence in time and space.

49. Khi chúng ta có một cụm từ hạn định như thế này ("theo cách thuật ngữ này thường được hiểu"), chúng ta phải cảnh giác. Có lẽ một cái gì đó tương đương với các nguyên tử trường tồn *xét cho cùng vẫn* được tìm thấy trong mối liên hệ với những thực thể *không* có ngã thức, không được biệt ngã hóa và *không* có tính trường tồn tương đối trong thời gian và không gian.

are the property of those lives only who have achieved self-consciousness, or individuality, and therefore relative permanence in time and space.

chỉ là sở hữu của những sự sống đã đạt được ngã thức, hay cá thể tính, và do đó có tính trường tồn tương đối trong thời gian và không gian.

50. This is a fascinating statement and one has to explore it carefully. What shall we say of the atoms appropriated by the Monad *before* individualization? As the Second Outpouring begins a number of atoms are appropriated by the Monad (EP I 168-169) Are these not "permanent atoms" existing long before individualization becomes possible?

50. Đây là một phát biểu hấp dẫn và người ta phải khảo sát nó cẩn thận. Chúng ta sẽ nói gì về các nguyên tử được Chân thần chiếm dụng *trước khi* biệt ngã hóa? Khi Lần Tuôn Đổ Thứ Hai bắt đầu, một số nguyên tử được Chân thần chiếm dụng (EP I 168-169). Chẳng phải đó là những "nguyên tử trường tồn" hiện hữu rất lâu trước khi sự biệt ngã hóa trở nên khả hữu sao?

51. Are not group souls based on collections of permanent atoms?

51. Chẳng phải các hồn nhóm được đặt nền trên những tập hợp các nguyên tử trường tồn sao?

52. The following statement requires examination in this regard:

52. Phát biểu sau đây cần được khảo sát về phương diện này:

"First. The anchoring of the permanent atoms within their group soul, or the union of matter and consciousness." (TCF 450)

"Thứ nhất. Sự neo giữ các nguyên tử trường tồn trong hồn nhóm của chúng, hay sự hợp nhất của vật chất và tâm thức." (TCF 450)

"11. The permanent atoms of men are upon the atomic subplane of each plane, with the one exception of the mental unit. **Those of the animal groups are upon the second subplane; those of the vegetable groups are upon the third subplane; those of the mineral groups are upon the fourth subplane.** There is, therefore, a close analogy between these focal points of force of the group—human or otherwise—and a chain, a globe, and a round, and in their due application comes enlightenment. (TCF 532)

"11. Các nguyên tử trường tồn của con người ở trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi, ngoại trừ đơn vị hạ trí. **Những nguyên tử của các nhóm động vật ở trên cõi phụ thứ hai; của các nhóm thực vật ở trên cõi phụ thứ ba; của các nhóm kim thạch ở trên cõi phụ thứ tư.** Do đó, có một sự tương đồng chặt chẽ giữa những tiêu điểm mãnh lực này của nhóm—nhân loại hay loại khác—với một hệ hành tinh, một dãy, một bầu hành tinh, và một cuộc tuần hoàn, và trong sự áp dụng đúng đắn của chúng có giác ngộ. (TCF 532)

53. The Planetary Logos appears to be the correspondence to the man; the Chain-Lord to the animal groups; the Globe-Lord to the vegetable groups; the round to the mineral groups.

53. Hành Tinh Thượng Đế dường như là sự tương ứng với con người; Chúa Tể Dãy với các nhóm động vật; Chúa Tể Bầu Hành Tinh với các nhóm thực vật; cuộc tuần hoàn với các nhóm kim thạch.

54. The grouping of the term "round" with the terms "scheme", "chain" and "globe" is always problematic as the term "round" refers to a cyclic process and not to an Entity, whereas the terms "scheme", "chain" and "globe" all refer to instruments of expression for Entities of various grades.

54. Việc nhóm thuật ngữ "cuộc tuần hoàn" với các thuật ngữ "hệ hành tinh", "dãy" và "bầu hành tinh" luôn luôn gây khó khăn vì thuật ngữ "cuộc tuần hoàn" chỉ một tiến trình chu kỳ chứ không chỉ một Thực Thể, trong khi các thuật ngữ "hệ hành tinh", "dãy" và "bầu hành tinh" đều chỉ những công cụ biểu lộ cho các Thực Thể thuộc nhiều cấp bậc khác nhau.

55. There seems to be the suggestion that the permanent atoms of schemes (which He does not mention in this context) and those

55. Dường như có gợi ý rằng các nguyên tử trường tồn của các hệ hành tinh (mà Ngài không nhắc đến trong ngữ cảnh này) và của

of chains and globes, which He does mention, are found on progressively 'lower' planes or subplanes.

The sumtotal of the permanent atoms of any particular kingdom form the streams of force or spirillae in the greater atoms of **solar entities** or of **lunar entities**, while the sumtotal of the permanent atoms of man *in the spiritual kingdom* (the three triadal atoms, atma-buddhi-manas) form the spiral streams of force within certain centres." (TCF 532)

56. Now can these permanent atoms of lesser kingdoms be said to belong to Monads and, thus, to those lives which have achieved self-consciousness? Perhaps. It may be that the members of the four lower kingdoms actually 'belong' to the Fourth Creative Hierarchy. This is suggested by what is called the "inmineralization", the "invegetalization" and "inzoonation" of the Monad.

57. From another perspective, can it be that the entities who have permanent atoms are the great Entities who manifest through the three kingdoms? Such great Entities are surely those who have achieved "self-consciousness, individuality and, thus, relative permanence in time and space".

58. It *does seem clear*, however, that permanent atoms *are, indeed, involved* in the manifestation of the mineral kingdom, the vegetable kingdom and the animal kingdom and not just the human kingdom.

59. Although the section of text quoted is not part of the material we are now studying, it seems fair to say (remembering that permanent atoms are "streams of

các dãy và các bầu hành tinh, mà Ngài có nhắc đến, được tìm thấy trên những cõi hay cõi phụ 'thấp' dần một cách tuần tự.

Tổng số các nguyên tử trường tồn của bất kỳ giới đặc thù nào tạo thành các dòng mãnh lực hay các loa tuyến trong các nguyên tử lớn hơn của **các thực thể thái dương** hay của **các thực thể thái âm**, trong khi tổng số các nguyên tử trường tồn của con người *trong giới tinh thần* (ba nguyên tử tam nguyên, atma-buddhi-manas) tạo thành các dòng xoắn ốc của mãnh lực bên trong một số trung tâm nhất định." (TCF 532)

56. Vậy những nguyên tử trường tồn này của các giới thấp hơn có thể được nói là thuộc về các Chân thần và do đó thuộc về những sự sống đã đạt được ngã thức hay không? Có lẽ có thể. Có thể là các thành viên của bốn giới thấp thực sự 'thuộc về' Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Điều này được gợi ý bởi điều được gọi là sự "khoáng vật hóa", sự "thực vật hóa" và sự "động vật hóa" của Chân thần.

57. Từ một góc nhìn khác, có thể chăng những thực thể có các nguyên tử trường tồn là các Thực Thể vĩ đại biểu lộ qua ba giới? Những Thực Thể vĩ đại như thế chắc chắn là những Đấng đã đạt được "ngã thức, cá thể tính và do đó có tính trường tồn tương đối trong thời gian và không gian".

58. Tuy nhiên, *dường như rõ ràng* rằng các nguyên tử trường tồn *quả thực có liên quan* đến sự biểu hiện của giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật chứ không chỉ riêng giới nhân loại.

59. Mặc dù đoạn văn được trích dẫn không phải là một phần của tài liệu mà hiện nay chúng ta đang nghiên cứu, dường như có thể nói một cách hợp lý (nhớ rằng các nguyên tử

force") that the lower permanent atoms form streams of force in lunar entities whereas the higher permanent atoms associated with a kingdom form streams of force in solar entities. The lunar entities here referenced may be larger in scope than we suspect. From one perspective, "Jehovah" as described in *The Secret Doctrine*, is a lunar Entity or god—a '*moon* god'.

trường tồn là "các dòng mãnh lực") rằng các nguyên tử trường tồn thấp tạo thành các dòng mãnh lực trong các thực thể thái âm, trong khi các nguyên tử trường tồn cao hơn gắn liền với một giới tạo thành các dòng mãnh lực trong các thực thể thái dương. Các thực thể thái âm được nhắc đến ở đây có thể có phạm vi lớn hơn chúng ta ngờ tới. Từ một góc nhìn, "Jehovah" như được mô tả trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, là một thực thể thái âm hay một vị thần—một '*thần mặt trăng*'.

The permanent atom may be viewed as **the focal point of manifestation** on any particular plane.

Nguyên tử trường tồn có thể được xem như **tiêu điểm của sự biểu hiện** trên bất kỳ cõi đặc thù nào.

60. This is one of the very good definitions of the permanent atom.

60. Đây là một trong những định nghĩa rất hay về nguyên tử trường tồn.

61. The functions of this focal point are principally, vitalization and magnetic aggregation.

61. Các chức năng của tiêu điểm này chủ yếu là tiếp sinh lực và kết tụ từ tính.

It serves, if I may use so peculiar a term, as the **anchor** for any particular individual in any particular sphere, and this is true of the three great groups of self-conscious Lives:

Nó phục vụ, nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ kỳ lạ như vậy, như là **mỏ neo** cho bất kỳ cá thể đặc thù nào trong bất kỳ khối cầu đặc thù nào, và điều này đúng với ba nhóm lớn của các Sự sống có ngã thức:

62. This is another useful term—an "anchor"—considering the permanent atom as an anchor for the expression of a particular kind of self-conscious "individual".

62. Đây là một thuật ngữ hữu ích khác—một "mỏ neo"—khi xem nguyên tử trường tồn như một mỏ neo cho sự biểu lộ của một loại "cá thể" có ngã thức đặc thù.

a. The incarnating Jivas, or human beings,

a. Các Jiva đang nhập thể, hay các con người,

b. The planetary Logoi,

b. các Hành Tinh Thượng Đế,

c. The solar Logos.

c. Thái dương Thượng đế.

63. Here we are speaking of range of "individuals', including the first individual—a man—and also far greater Individuals.

63. Ở đây chúng ta đang nói về một phạm vi các "cá thể", bao gồm cá thể đầu tiên—một con người—và cả những Cá Thể lớn lao hơn nhiều.

We must remember here that **all the atomic subplanes of the seven planes**

Ở đây chúng ta phải nhớ rằng **tất cả các cõi phụ nguyên tử của bảy cõi**

64. Solar or systemic planes…

64. Các cõi thái dương hay cõi hệ thống…

form the seven spirillae of the logoic permanent atom, for this has a close bearing upon the subject under consideration.

tạo thành bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn logoic, vì điều này có liên hệ chặt chẽ với chủ đề đang được xem xét.

65. This is an important statement. The physical permanent atom of the Solar Logos is not found only on the logoic plane. Its 'spirillac' constituents are found on all the seven planes, *though only on the atomic subplanes of all the planes.*

65. Đây là một phát biểu quan trọng. Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế không chỉ được tìm thấy trên cõi logoi. Các thành phần 'spirillac' của nó được tìm thấy trên cả bảy cõi, *dù chỉ trên các cõi phụ nguyên tử của mọi cõi.*

66. We must, however, explore more deeply the question of whether the seven systemic planes, themselves, can be considered as seven spirillae, or only the seven atomic subplanes of each of these seven systemic planes. The reference immediately below suggests that the planes in their entirety are the correspondence to the seven spirillae of the physical permanent atom of the Solar Logos.

66. Tuy nhiên, chúng ta phải khảo sát sâu hơn câu hỏi liệu chính bảy cõi hệ thống có thể được xem là bảy loa tuyến hay chỉ bảy cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi trong bảy cõi hệ thống ấy. Đoạn trích dẫn ngay bên dưới gợi ý rằng các cõi trong toàn thể của chúng là sự tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế.

Secondly, that all energy, demonstrating in the solar system, is after all the energy of the logoic physical permanent atom, having its nucleus on the atomic subplane of the cosmic physical. This physical permanent atom (as is the case with the corresponding atom of the incarnating jiva), has its place within the causal body of the Logos on His

Thứ hai, rằng mọi năng lượng biểu lộ trong hệ mặt trời, rốt cuộc đều là năng lượng của nguyên tử trường tồn hồng trần logoi, có hạt nhân của nó trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ. Nguyên tử trường tồn hồng trần này (cũng như trường hợp nguyên tử tương ứng của jiva đang lâm phàm), có vị trí của nó bên trong thể nguyên nhân của

own plane; it is, therefore, impressed by the totality of the force of the egoic cosmic lotus, or the attractive quality of cosmic love. This force is transmitted to the solar system in two ways: Through the medium of the Sun, which is in an occult sense the physical permanent atom; it, therefore, attracts, and holds attracted, all within its sphere of influence, thus producing the logoic physical body: **through the medium of the planes which are the correspondences to the seven spirillae of the physical permanent atom of a human being.** Thus a dual type of attractive force is found: one, basic and fundamental; the other more differentiated and secondary. (TCF 1180)

Thượng đế trên cõi riêng của Ngài; vì vậy, nó được ghi dấu bởi toàn bộ mãnh lực của hoa sen chân ngã vũ trụ, hay phẩm tính hấp dẫn của tình thương vũ trụ. Mãnh lực này được truyền vào hệ mặt trời theo hai cách: Qua trung gian Mặt Trời, vốn theo nghĩa huyền bí là nguyên tử trường tồn hồng trần; do đó nó thu hút, và giữ cho mọi sự trong phạm vi ảnh hưởng của nó bị thu hút, nhờ vậy tạo ra thể hồng trần logoi: **qua trung gian các cõi là những sự tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của một con người.** Vì vậy, có thể tìm thấy một loại mãnh lực hấp dẫn nhị phân: một loại căn bản và nền tảng; loại kia biến phân hơn và thứ yếu. (TCF 1180)

67. Perhaps the matter of all systemic planes is swept into motion which correlates with the motion of the atomic subplane of each of those systemic planes. Thus, perhaps, both thoughts are correct—that only the subplanes of each systemic plane constitute the seven spirillae of the logoic permanent atom, and, also, that all seven systemic planes themselves, constitute the seven spirillae of the logoic permanent atom.

67. Có lẽ vật chất của mọi cõi hệ thống được cuốn vào một chuyển động tương ứng với chuyển động của cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống ấy. Vì vậy, có lẽ cả hai ý tưởng đều đúng—rằng chỉ các cõi phụ của mỗi cõi hệ thống cấu thành bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn logoi, và đồng thời, chính cả bảy cõi hệ thống cũng cấu thành bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn logoi.

68. How shall we look at Saturn (the correspondence to the physical permanent atom of the Solar Logos) and the central planet of six other planetary schemes (Chart VI) in relation to the seven atomic subplanes of the seven subplanes of the cosmic physical plane?

68. Chúng ta nên nhìn Sao Thổ (sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế) và hành tinh trung tâm của sáu hệ hành tinh khác (Biểu đồ VI) trong liên hệ với bảy cõi phụ nguyên tử của bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ như thế nào?

69. DK does not speak specifically of the logoic *physical* permanent atom, but this is what He seems to mean.

69. Chân sư DK không nói một cách chuyên biệt về nguyên tử trường tồn *hồng trần* logoi, nhưng dường như đó là điều Ngài muốn nói.

The units, therefore, in the three lower kingdoms possess no permanent atoms but contribute to the formation of those atoms in the higher kingdoms.

Do đó, các đơn vị trong ba giới thấp không sở hữu các nguyên tử trường tồn nhưng góp phần vào sự hình thành các nguyên tử ấy trong các giới cao hơn.

70. This is another very important statement. Is it an apparent contradiction? We have read above of permanent atoms in animal groups, vegetable groups and mineral groups, and the planar location of the permanent atoms gathered into these groups has been given. Could these permanent atoms *really* belong to the Monads of the Fourth Creative Hierarchy? Are all minerals, vegetables and animals but incipient *men*?

70. Đây là một phát biểu rất quan trọng khác. Có phải đó là một mâu thuẫn bề ngoài chăng? Ở trên chúng ta đã đọc về các nguyên tử trường tồn trong các nhóm động vật, các nhóm thực vật và các nhóm khoáng vật, và vị trí theo cõi của các nguyên tử trường tồn được tập hợp vào các nhóm này đã được nêu ra. Liệu các nguyên tử trường tồn này có thể *thực sự* thuộc về các Chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư chăng? Phải chăng mọi khoáng vật, thực vật và động vật chỉ là những *con người* sơ khai?

71. Exactly what do the units in the three lower kingdoms *contribute* to the formation of permanent atoms in the higher kingdoms, or *how* do they do so. This is a very technical matter for which we have no immediate, complete answer.

71. Chính xác thì các đơn vị trong ba giới thấp *đóng góp* gì vào sự hình thành các nguyên tử trường tồn trong các giới cao hơn, hay *bằng cách nào* chúng làm điều đó. Đây là một vấn đề rất kỹ thuật mà chúng ta chưa có câu trả lời đầy đủ ngay lúc này.

72. It seems that what DK says below will be at least a partial answer.

72. Dường như điều Chân sư DK nói dưới đây ít nhất sẽ là một phần câu trả lời.

Certain wide generalisations might here be made, though too literal or too identified an interpretation should not be put upon them.

Ở đây có thể đưa ra một số khái quát hóa rộng lớn, dù không nên áp đặt lên chúng một cách giải thích quá sát nghĩa hay quá đồng hoá.

First, it might be said that the lowest or *mineral kingdom* provides that **vital something** which is the essence of the physical permanent atom of the human being.

Thứ nhất, có thể nói rằng giới thấp nhất hay *giới kim thạch* cung cấp cái **gì đó thiết yếu** vốn là tinh chất của nguyên tử trường tồn hồng trần của con người.

73. So the mineral kingdom contributes a type of energy which goes to the formation

73. Vì vậy giới kim thạch đóng góp một loại năng lượng đi vào sự hình thành nguyên tử trường tồn hồng trần của con người.

of the physical permanent atom of the human being.

74. The physical permanent atom of the human being is on the atomic subplane of the etheric plane. Above we read that the mineral permanent atom (or, perhaps, the physical permanent atom of the Entity expressing through the mineral kingdom) is on the fourth ether.

75. We are suggesting that the following question needs to be answered: "Could the permanent atoms involved in these groupings in the mineral, vegetable and animal kingdom belong in some way to the Lords Who inform these various kingdoms?

76. The term "vital something" is certainly not very specific, but at least we have a statement concerning the relationship between the mineral kingdom and the physical permanent atom of man.

77. It must be clear that in such considerations we have entered the domain of the fifth ray. At least it will require the occult application of the fifth ray to achieve clarity about the specifics of the processes described.

It provides that energy which is the **negative basis** for the [Page 1134]positive inflow which can be seen pouring in through the upper depression of the physical permanent atom.

78. This is technical language and an incentive to the scientists of the future for deeper understanding.

79. Is this energetic something provided by the mineral kingdom 'located' at the lower

74. Nguyên tử trường tồn hồng trần của con người nằm trên cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái. Ở trên chúng ta đọc thấy rằng nguyên tử trường tồn khoáng vật (hay có lẽ là nguyên tử trường tồn hồng trần của Thực Thể biểu lộ qua giới kim thạch) nằm trên dĩ thái thứ tư.

75. Chúng tôi gợi ý rằng câu hỏi sau đây cần được trả lời: "Liệu các nguyên tử trường tồn liên quan đến các nhóm này trong giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật có thể theo một cách nào đó thuộc về các Đấng phú linh cho các giới khác nhau này chăng?

76. Thuật ngữ "cái gì đó thiết yếu" dĩ nhiên không thật cụ thể, nhưng ít nhất chúng ta có một phát biểu về mối liên hệ giữa giới kim thạch và nguyên tử trường tồn hồng trần của con người.

77. Rõ ràng là trong những xem xét như thế, chúng ta đã bước vào lĩnh vực của cung năm. Ít nhất, sẽ cần đến sự áp dụng huyền bí của cung năm để đạt được sự sáng tỏ về các chi tiết của những tiến trình được mô tả.

Nó cung cấp năng lượng là **nền tảng âm** cho [Page 1134]dòng tuôn đổ dương có thể được thấy đang đổ vào qua chỗ lõm phía trên của nguyên tử trường tồn hồng trần.

78. Đây là ngôn ngữ kỹ thuật và là một sự khích lệ đối với các nhà khoa học tương lai để đạt đến sự thấu hiểu sâu hơn.

79. Phải chăng cái gì đó đầy năng lượng do giới kim thạch cung cấp này được 'định vị'

depression of the permanent atom, corresponding to the atomic south pole?

tại chỗ lõm phía dưới của nguyên tử trường tồn, tương ứng với cực nam nguyên tử?

80. Are we to imagine that this energy which is the "negative basis" *attracts* the energy which is called "the positive inflow pouring through the upper depression of the physical permanent atom?" This seems possible.

80. Chúng ta có nên hình dung rằng năng lượng là "nền tảng âm" này *thu hút* năng lượng được gọi là "dòng tuôn đổ dương đổ qua chỗ lõm phía trên của nguyên tử trường tồn hồng trần" chăng? Điều này dường như có thể.

Secondly, the ***vegetable kingdom*** **similarly provides the negative energy for the astral permanent atom of a man,** and …

Thứ hai, ***giới thực vật*** **tương tự cũng cung cấp năng lượng âm cho nguyên tử trường tồn cảm dục của con người,** và …

81. The correspondence between the vegetable kingdom and the astral permanent atom is frequently repeated.

81. Sự tương ứng giữa giới thực vật và nguyên tử trường tồn cảm dục được lặp lại thường xuyên.

82. Just what role this negative energy may play in the economy of the astral permanent atom has to be established. We may be advised to hold in mind that, as above, the astral permanent atom (somewhat heart-shaped we are told) may also have a north and south pole.

82. Chính xác thì năng lượng âm này có thể đóng vai trò gì trong định luật Tiết Kiệm của nguyên tử trường tồn cảm dục vẫn còn phải được xác lập. Chúng ta có thể được khuyên nên ghi nhớ rằng, trên sao, dưới vậy, nguyên tử trường tồn cảm dục (được cho biết là có phần giống hình trái tim) cũng có thể có cực bắc và cực nam.

83. It seems that the contributions of the lower kingdoms to the lower two permanent atoms of man and to the mental unit, induces an electrical flow which animates these members of man's atomic triangle.

83. Dường như những đóng góp của các giới thấp vào hai nguyên tử trường tồn thấp của con người và vào đơn vị hạ trí tạo ra một dòng điện làm sinh động các thành phần này của tam giác nguyên tử của con người.

… thirdly, the *animal kingdom* provides the negative force which **when energised by the positive is seen as the mental unit**.

… thứ ba, *giới động vật* cung cấp mãnh lực âm mà **khi được tiếp năng lượng bởi dương lực thì được thấy là đơn vị hạ trí**.

84. This is predictable, given the sequence established. Notice that we are not speaking of the manasic permanent atom but of the "mental unit".

84. Điều này có thể dự đoán được, xét theo chuỗi đã được thiết lập. Hãy lưu ý rằng chúng ta không nói về nguyên tử trường tồn manas mà nói về "đơn vị hạ trí".

85. When positive force meets negative force a focal point is established. DK, having given us a technical hint about how the mental unit is established, may also be giving us a hint about the manner in which the physical permanent atom and the astral permanent atom are established.

86. Interestingly, with regard to the physical permanent atom and the astral permanent atom, He speaks as if the atom already exists when the flow of energy passes from the upper depression to the lower. However, when speaking of the mental unit, He seems to be telling us about the flow *which creates* the mental unit.

87. If we pause and consider, we are being given some very occultly technical information.

This energy which is contributed by the three lower kingdoms is formed of the **very highest vibration of which that kingdom is capable**,

88. That which the lower kingdoms give to man is of their very best and highest.

89. Can we say that the diamond is the very best that the mineral kingdom has to offer. Is the diamond, then, related to the physical permanent atom of man?

90. It is certainly related to every jewel found at the heart of every chakra and also, one would presume, to the "Jewel in the Lotus".

85. Khi mãnh lực dương gặp mãnh lực âm, một tiêu điểm được thiết lập. Chân sư DK, sau khi đã cho chúng ta một gợi ý kỹ thuật về cách đơn vị hạ trí được thiết lập, cũng có thể đang cho chúng ta một gợi ý về cách thức nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục được thiết lập.

86. Điều thú vị là, liên quan đến nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục, Ngài nói như thể nguyên tử đã tồn tại sẵn khi dòng năng lượng đi từ chỗ lõm phía trên xuống phía dưới. Tuy nhiên, khi nói về đơn vị hạ trí, dường như Ngài đang cho chúng ta biết về dòng chảy *tạo ra* đơn vị hạ trí.

87. Nếu chúng ta dừng lại và suy xét, thì một số thông tin kỹ thuật rất huyền bí đang được trao cho chúng ta.

Năng lượng được đóng góp bởi ba giới thấp này được tạo thành từ **rung động cao nhất mà giới ấy có khả năng đạt tới**,

88. Điều mà các giới thấp trao cho con người là cái tốt nhất và cao nhất của chính chúng.

89. Chúng ta có thể nói rằng kim cương là điều tốt nhất mà giới kim thạch có thể cống hiến chăng? Vậy thì kim cương có liên hệ với nguyên tử trường tồn hồng trần của con người chăng?

90. Chắc chắn nó có liên hệ với mọi bảo châu được tìm thấy tại tim của mọi luân xa và cũng, người ta có thể giả định, với "Bảo Châu trong Hoa Sen".

và phục vụ như một mối liên kết giữa con người và các thể khác nhau của y, **tất cả đều**

and serves as a link between man and his various sheaths, **all of which are allied to one or other of the lower kingdoms.**

liên hệ với giới thấp này hay giới thấp khác.

a. The mental body... mental unit..... animal kingdom.

a. Thể trí... đơn vị hạ trí..... giới động vật.

b. The astral body... astral permanent atom... vegetable kingdom.

b. Thể cảm dục... nguyên tử trường tồn cảm dục... giới thực vật.

c. The physical body... physical permanent atom.. mineral kingdom.

c. Thể xác... nguyên tử trường tồn hồng trần.. giới kim thạch.

91. These are clear correspondences. We would expect the principle of crystallization to be found with the physical body; the qualities of vegetative life to be found within the astral body; the quality of mobility (characteristic of the animal kingdom) to be found within the mental body.

91. Đây là những sự tương ứng rõ ràng. Chúng ta sẽ mong đợi nguyên khí kết tinh được tìm thấy nơi thể xác; các phẩm tính của sự sống thực vật được tìm thấy trong thể cảm dục; phẩm tính của tính động (đặc trưng của giới động vật) được tìm thấy trong thể trí.

92. We must remember that when speaking of permanent atoms and of the mental unit, we are speaking of points of focus which are exceedingly small. We are also speaking of energy flows.

92. Chúng ta phải nhớ rằng khi nói về các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí, chúng ta đang nói về những điểm tập trung cực kỳ nhỏ. Chúng ta cũng đang nói về các dòng năng lượng.

93. The energy contributed by the three lower kingdoms is a *linking* energy, and allows Man (the Monad or 'point of being/ consciousness') to relate to his various sheaths.

93. Năng lượng do ba giới thấp đóng góp là một năng lượng *liên kết* và cho phép Con Người (Chân thần hay 'điểm hiện hữu/tâm thức') liên hệ với các thể khác nhau của y.

94. We are being told (at least in the case of the physical permanent atom and astral permanent atom, that the energy contributed by the two lower kingdoms, allows man the Monad to link to his sheaths *via* these two permanent atoms. The establishment of this "negative basis" induces the flow of attenuated monadic

94. Ít nhất trong trường hợp nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục, chúng ta được cho biết rằng năng lượng do hai giới thấp đóng góp cho phép con người là Chân thần liên kết với các thể của mình *thông qua* hai nguyên tử trường tồn này. Việc thiết lập "nền tảng âm" này tạo ra dòng năng lượng chân thần được

energy through the permanent atoms involved.

làm mảnh đi chảy qua các nguyên tử trường tồn liên quan.

95. The manner in which this flow is induced through the mental unit appears different, but a "negative basis" and positive flow are also involved.

95. Cách thức dòng chảy này được tạo ra qua đơn vị hạ trí dường như khác đi, nhưng một "nền tảng âm" và dòng chảy dương cũng đều có liên quan.

In man these three types of energy are brought together, and synthesised, and when **perfection of the personality** is reached, and the vehicles aligned, we have:

Trong con người, ba loại năng lượng này được đưa lại với nhau và được tổng hợp, và khi **sự hoàn thiện của phàm ngã** đạt tới, và các vận cụ được chỉnh hợp, chúng ta có:

a. The energy of the mental unit..... positive.

a. Năng lượng của đơn vị hạ trí..... dương.

b. The energy of the astral permanent atom... equilibrised.

b. Năng lượng của nguyên tử trường tồn cảm dục... được quân bình.

c. The energy of the physical permanent atom negative.

c. Năng lượng của nguyên tử trường tồn hồng trần âm.

96. When is the perfection of the personality reached? In some ways it is not until the fourth initiation. The number most associated with the personal elemental is *four.*

96. Khi nào sự hoàn thiện của phàm ngã đạt tới? Theo một số phương diện, phải đến lần điểm đạo thứ tư mới đạt được. Con số gắn liền nhất với hành khí phàm ngã là *bốn.*

97. This set of correspondences is repeated on a higher turn of the spiral within the egoic lotus and also within the spiritual triad.

97. Tập hợp các sự tương ứng này được lặp lại trên một vòng xoắn cao hơn bên trong Hoa Sen Chân Ngã và cũng bên trong Tam Nguyên Tinh Thần.

98. Within the egoic lotus, the three tiers of petals uphold the trinity of electrical relations. From a still larger perspective, the "Jewel" and the synthesis petals represent the positive pole; the nine normal petals of the ego represent the area of equilibrization; and the members of the atomic triangle the negative energy.

98. Bên trong Hoa Sen Chân Ngã, ba tầng cánh hoa nâng đỡ bộ ba các quan hệ điện. Từ một viễn cảnh còn lớn hơn, "Bảo Châu" và các cánh hoa tổng hợp biểu thị cực dương; chín cánh hoa bình thường của chân ngã biểu thị khu vực quân bình hóa; và các thành phần của tam giác nguyên tử biểu thị năng lượng âm.

99. If we discount the permanent atoms, then the "Jewel in the Lotus", itself, is the positive pole; the three synthesis petals the equilibrised area; the nine normal petals the negative field.

99. Nếu chúng ta không tính đến các nguyên tử trường tồn, thì chính "Bảo Châu trong Hoa Sen" là cực dương; ba cánh hoa tổng hợp là khu vực được quân bình; chín cánh hoa bình thường là trường âm.

100. The bringing together of these three types of energy and their synthesis is outpictured as the fiery vivification of the members of the atomic triangle and their fiery interaction which contributes significantly to the destruction of the causal body. This happens at the fourth initiation and signifies the true perfection of the personality.

100. Sự đưa ba loại năng lượng này lại với nhau và sự tổng hợp của chúng được biểu hiện ra như sự tiếp sinh lực bằng lửa cho các thành phần của tam giác nguyên tử và sự tương tác bằng lửa của chúng, điều góp phần đáng kể vào sự hủy diệt thể nguyên nhân. Điều này xảy ra vào lần điểm đạo thứ tư và biểu thị sự hoàn thiện đích thực của phàm ngã.

Man is then closely linked with the three lower kingdoms by the best that they can provide,

Khi ấy con người được liên kết chặt chẽ với ba giới thấp bởi điều tốt nhất mà chúng có thể cung cấp,

101. Could we say that the Solar Angel is closely liked with the human kingdom by the best which man (i.e., the human kingdom) can provide?

101. Chúng ta có thể nói rằng Thái dương Thiên Thần được liên kết chặt chẽ với giới nhân loại bởi điều tốt nhất mà con người (tức giới nhân loại) có thể cung cấp chăng?

and they have literally given him his permanent atoms, and enabled him to manifest through their activity.

và chúng đã thực sự trao cho y các nguyên tử trường tồn của y, và làm cho y có thể biểu lộ qua hoạt động của chúng.

102. Of the Monad appropriating its permanent atoms, we had not been told that they have been *taken* from the three lower *kingdoms*, but we have been told of the planes and subplanes from which they have been taken. (EP I 168-169) Here, however, the flat statement is made: that the lower kingdoms have "literally given to him his permanent atoms…"

102. Về việc Chân thần chiếm hữu các nguyên tử trường tồn của mình, chúng ta chưa từng được cho biết rằng chúng đã được *lấy* từ ba *giới* thấp, nhưng chúng ta đã được cho biết về các cõi và cõi phụ mà từ đó chúng đã được lấy ra. (EP I 168-169) Tuy nhiên, ở đây một phát biểu dứt khoát được đưa ra: rằng các giới thấp đã "thực sự trao cho y các nguyên tử trường tồn của y…"

103. It does appear, therefore, that the lower kingdoms pre-existed the taking by the human Monad of its lower permanent atoms

103. Vì vậy, quả thật dường như các giới thấp đã hiện hữu trước khi Chân thần nhân loại lấy các nguyên tử trường tồn thấp của

(i.e., the physical permanent atom and the astral permanent atom, especially). Does this mean that the atoms taken by the Monad are literally atoms which have been participating in the mineral kingdom, the animal kingdom, and even the animal kingdom? (Probably the mental unit was not 'taken' in the same way, though we might suppose that the manasic permanent atom was so 'taken' or appropriated, as were the buddhic permanent atom and the atmic permanent atom.

mình (đặc biệt là nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục). Điều này có nghĩa là các nguyên tử do Chân thần lấy đi thực sự là những nguyên tử đã từng tham dự vào giới kim thạch, giới động vật, và thậm chí cả giới động vật chăng? (Có lẽ đơn vị hạ trí đã không được 'lấy' theo cùng cách ấy, dù chúng ta có thể giả định rằng nguyên tử trường tồn manas đã được 'lấy' hay chiếm hữu như vậy, cũng như nguyên tử trường tồn Bồ đề và nguyên tử trường tồn atma.)

104. At the very least we can say that two of the three lower kingdoms have offered that type of energy which enters into the constitution of the physical permanent atom and astral permanent atom, and that one of these kingdoms, the animal kingdom, has contributed that energy which appears to have made the formation of the mental unit possible.

104. Ít nhất chúng ta có thể nói rằng hai trong ba giới thấp đã cống hiến loại năng lượng đi vào cấu tạo của nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục, và rằng một trong các giới ấy, giới động vật, đã đóng góp năng lượng dường như đã làm cho sự hình thành đơn vị hạ trí trở nên khả hữu.

105. Let us link what is said of the arising of the mental unit to the information on the contribution of the lower kingdoms to the atomic triangle of man:

105. Hãy liên kết điều được nói về sự phát sinh của đơn vị hạ trí với thông tin về sự đóng góp của các giới thấp vào tam giác nguyên tử của con người:

There appears a triangle on the mental plane, produced by manasic activity, and this triangle of fire begins slowly to circulate between the manasic permanent atom, and a point at the centre of the egoic lotus, **and thence to the mental unit, which has appeared upon the fourth subplane through innate instinct approximating mentality.** (TCF 709)

Một tam giác xuất hiện trên cõi trí, được tạo ra bởi hoạt động manas, và tam giác lửa này bắt đầu tuần hoàn chậm chạp giữa nguyên tử trường tồn manas, và một điểm ở trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã, **và từ đó đến đơn vị hạ trí, vốn đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư nhờ bản năng bẩm sinh xấp xỉ trí tuệ.** (TCF 709)

106. The position of the mental unit on the fourth subplane of the mental plane correlates it with the position of the mineral permanent atom (or the permanent atom of the Entity manifesting through the mineral

106. Vị trí của đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí khiến nó tương quan với vị trí của nguyên tử trường tồn khoáng vật (hay nguyên tử trường tồn của Thực Thể biểu lộ qua giới kim thạch) vì nguyên tử trường tồn ấy nằm trên cõi phụ dĩ thái thứ tư.

kingdom) since that permanent atom is on the fourth etheric subplane.

The above three groups

107. I.e., the three lower kingdoms…

might be studied also from the standpoint of the three Gunas:[21] [Page 1135]

1. Tamas....inertia....mineral kingdom.....physical permanent atom.

2. Rajas.....activity...vegetable kingdom...astral permanent atom.

3. Sattva....rhythm...animal kingdom.....mental unit.

108. This is a very interesting set of correspondences. We realize that for man to reach the Sattvic state, he must be mentally polarized.

109. The Libran relation to the mental unit makes a great deal of sense because Libra rules the mental unit (EA 302) and Libra is also the principle sign correlating with Sattva.

Footnote 21:

"Hence every manifested God is spoken of as a Trinity. The joining of these three Aspects, or phases of manifestation, at their outer points of contact with the circle, gives the basic Triangle of contact with Matter,

110. We seem to be speaking of the triangle inscribed within the circle.

Ba nhóm trên đây

107. Tức là, ba giới thấp…

cũng có thể được nghiên cứu từ quan điểm của ba Guna:21 [Page 1135]

1. Tamas....quán tính....giới kim thạch.....nguyên tử trường tồn hồng trần.

2. Rajas.....hoạt động...giới thực vật...nguyên tử trường tồn cảm dục.

3. Sattva....nhịp điệu...giới động vật.....đơn vị hạ trí.

108. Đây là một tập hợp sự tương ứng rất thú vị. Chúng ta nhận ra rằng để con người đạt tới trạng thái sattva, y phải phân cực trí tuệ.

109. Mối liên hệ của Thiên Bình với đơn vị hạ trí rất có ý nghĩa vì Thiên Bình cai quản đơn vị hạ trí (EA 302) và Thiên Bình cũng là dấu hiệu chủ yếu tương quan với sattva.

Cước chú 21:

“Vì thế mọi Thượng đế biểu hiện đều được nói đến như một Tam Vị. Sự kết hợp của ba Phương diện này, hay các giai đoạn biểu lộ này, tại các điểm tiếp xúc bên ngoài của chúng với vòng tròn, tạo ra Tam giác căn bản tiếp xúc với Vật chất,

110. Dường như chúng ta đang nói về tam giác nội tiếp trong vòng tròn.

111. The circle, in this case, seems to be the circle of matter through which the three points or aspects work.

111. Trong trường hợp này, vòng tròn dường như là vòng tròn vật chất mà qua đó ba điểm hay ba phương diện hoạt động.

which, with the three Triangles made with the lines traced by the Point, thus yields the divine Tetractys,

mà cùng với ba Tam giác được tạo thành bởi các đường do Điểm vạch ra, như vậy tạo nên Tetractys thiêng liêng,

112. When we look at the three triangles, one may have two points at the base line; another base line having three points; and still another base line, four points.

112. Khi chúng ta nhìn vào ba tam giác, một tam giác có thể có hai điểm trên đường đáy; một đường đáy khác có ba điểm; và một đường đáy khác nữa có bốn điểm.

sometimes called the Kosmic Quaternary, the three divine Aspects in contact with Matter, ready to create. These, in their totality, are the Oversoul of the kosmos that is to be.

đôi khi được gọi là Bộ Tứ Vũ Trụ, ba Phương diện thiêng liêng tiếp xúc với Vật chất, sẵn sàng sáng tạo. Những điều này, trong tính toàn thể của chúng, là đại hồn của vũ trụ sẽ thành.

113. This Oversoul is based upon the numbers three, four and ten.

113. Đại hồn này dựa trên các con số ba, bốn và mười.

114. A Tetraktys is a “Kosmic Quaternary” because there are *four* rows of points. As it represents the Kosmic Quaternary is the Tetraktys to begin with the first point on the logoic plane, and the second on the monadic plane, etc., or to be inverted?

114. Một Tetraktys là một “Bộ Tứ Vũ Trụ” vì có *bốn* hàng điểm. Vì nó biểu thị Bộ Tứ Vũ Trụ, vậy Tetraktys có phải bắt đầu với điểm thứ nhất trên cõi logoi, điểm thứ hai trên cõi chân thần, v.v., hay phải được đảo ngược?

"Under Form we may first glance at the effects of these Aspects as responded to from the side of Matter.

“Dưới phương diện Hình tướng, trước hết chúng ta có thể lướt nhìn các hiệu quả của những Phương diện này khi được đáp ứng từ phía Vật chất.

115. Form is the response of matter to the formative power of the archetypes.

115. Hình tướng là sự đáp ứng của vật chất đối với quyền năng tạo hình của các nguyên mẫu.

These are not, of course, due to the Logos of a system, but are the correspondences in universal Matter with the Aspects of the universal Self.

Dĩ nhiên, những điều này không phải do Thượng đế của một hệ thống tạo ra, mà là những sự tương ứng trong Vật chất vũ trụ với các Phương diện của Đại Ngã vũ trụ.

116. The forms found within "universal Matter" reflect the "Aspects of the universal Self".

116. Các hình tướng được tìm thấy trong "Vật chất vũ trụ" phản ánh các "Phương diện của Đại Ngã vũ trụ".

117. One would assume that the "universal Self" is a Being of immensely vaster scope than the "Logos of a system".

117. Người ta sẽ giả định rằng "Đại Ngã vũ trụ" là một Hữu thể có phạm vi bao la hơn vô cùng so với "Thượng đế của một hệ thống".

118. Form took its birth far outside the province of the Logos of our system, for instance.

118. Chẳng hạn, Hình tướng đã sinh ra từ rất xa bên ngoài phạm vi của Thượng đế hệ thống của chúng ta.

The Aspect of Bliss, or Will, imposes on Matter the quality of Inertia-Tamas, the power of resistance, stability, quietude.

Phương diện Chí phúc, hay Ý chí, áp đặt lên Vật chất phẩm tính Quán tính-Tamas, quyền năng kháng cự, ổn định, tĩnh tại.

119. This is a much higher correspondence to Tamas as Tamas is usually interpreted. There is 'inertia' in pure Spirit as well as in the unregenerate, unresponsive matter found within lower forms.

119. Đây là một sự tương ứng cao hơn nhiều đối với Tamas so với cách Tamas thường được diễn giải. Có 'quán tính' trong Tinh thần thuần túy cũng như trong vật chất chưa được tái sinh, không đáp ứng, được tìm thấy trong các hình tướng thấp hơn.

120. The statement in the section of text above suggests a relationship between the logoic plane and the systemic etheric-physical plane.

120. Phát biểu trong phần văn bản trên gợi ý một mối liên hệ giữa cõi logoi và cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

The Aspect of Activity gives to Matter its responsiveness to action—Rajas, mobility.

Phương diện Hoạt động ban cho Vật chất tính đáp ứng đối với hành động—Rajas, tính động.

121. This is a higher interpretation than that usually given to Rajas. This type of responsiveness seems aligned with sensitivity.

121. Đây là một cách diễn giải cao hơn so với cách thường được gán cho Rajas. Loại tính đáp ứng này dường như chỉnh hợp với tính nhạy cảm.

122. In the world of super-human evolution (and confining ourselves to the cosmic physical plane), the plane of atma is the plane of activity. It reflects itself on both the mental plane and on the etheric-physical plane.

The Aspect of Wisdom gives it Rhythm—Sattva, vibration, harmony.

123. Sattva is more than rhythm. It contains the factor of harmony which indicates an intelligence which correlates the vibrations of those factors which come into relationship.

124. The "Aspect of Wisdom" can be correlated with both the monadic plane and the buddhic plane. "Buddhi" is often translated as "wisdom".

It is by the aid of Matter thus prepared that the Aspects of Logoic Consciousness can manifest themselves as Beings."

125. Matter is prepared by Fohat for this type of manifestation. Without prepared matter, the manifestation of the Logoic Aspects of Consciousness as *Beings* is not possible.

126. In other words, the First Outpouring must precede the Second Outpouring and makes its work possible.

—*A Study in Consciousness,* by Annie Besant, p. 9.

122. Trong thế giới của tiến hoá siêu nhân loại (và nếu chỉ giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ), cõi atma là cõi của hoạt động. Nó phản chiếu chính nó trên cả cõi trí lẫn cõi dĩ thái-hồng trần.

Phương diện Minh triết ban cho nó Nhịp điệu—Sattva, rung động, hài hòa.

123. Sattva không chỉ là nhịp điệu. Nó chứa yếu tố hài hòa, yếu tố này chỉ ra một trí tuệ tương quan các rung động của những nhân tố đi vào mối liên hệ với nhau.

124. "Phương diện Minh triết" có thể được tương quan với cả cõi chân thần lẫn cõi Bồ đề. "Buddhi" thường được dịch là "minh triết".

Chính nhờ sự trợ giúp của Vật chất được chuẩn bị như thế mà các Phương diện của Tâm thức Logoi có thể biểu lộ như những Hữu thể."

125. Vật chất được Fohat chuẩn bị cho loại biểu lộ này. Nếu không có vật chất được chuẩn bị, sự biểu lộ của các Phương diện Tâm thức Logoi như những *Hữu thể* là không thể có.

126. Nói cách khác, lần tuôn đổ thứ nhất phải đi trước lần tuôn đổ thứ hai và làm cho công việc của lần thứ hai trở nên khả hữu.

—*Nghiên Cứu về Tâm thức,* của Annie Besant, tr. 9.

All these must be regarded only from the point of view of the personality, the lower self, or not-self.

Tất cả những điều này chỉ phải được xem xét từ quan điểm của phàm ngã, phàm ngã, hay vô ngã.

127. The Three Gunas are being considered from the point of view of the personality. However, they also apply to the higher aspects of man. In such a case, the personality upholds the position of Tamas; the soul expresses Rajas; the Spirit expresses Sattva.

127. Ba Guna đang được xem xét từ quan điểm của phàm ngã. Tuy nhiên, chúng cũng áp dụng cho các phương diện cao hơn của con người. Trong trường hợp ấy, phàm ngã giữ vị trí của Tamas; linh hồn biểu lộ Rajas; Tinh thần biểu lộ Sattva.

128. From another perspective, the personality can be sees as rajasic, the soul as sattvic and the Spirit as tamasic—resisting every attempt to change it—"unknown and unafraid, untouched, for aye unchanged." (DINA II 285)

128. Từ một góc nhìn khác, phàm ngã có thể được xem là rajasic, linh hồn là sattvic và Tinh thần là tamasic—kháng cự mọi nỗ lực muốn thay đổi nó—"không được biết đến và không sợ hãi, không bị chạm đến, mãi mãi không đổi thay." (DINA II 285)

In illustration of this idea, it might be pointed out that when the animal body of prehuman man was rhythmically adjusted, and had attained its highest or sattvic vibration,

Để minh họa cho ý tưởng này, có thể chỉ ra rằng khi thể động vật của con người tiền nhân loại được điều chỉnh theo nhịp điệu, và đã đạt tới rung động cao nhất hay sattvic của nó,

129. The highest type of vibration possible for this type of body....

129. Loại rung động cao nhất có thể có đối với loại thể này....

130. We do not know how such a vibration would have manifested. Obviously a type of equilibrium was created, waiting to be disturbed by the entry of a higher factor.

130. Chúng ta không biết rung động như thế sẽ biểu lộ ra sao. Hiển nhiên là một loại quân bình đã được tạo ra, chờ bị xáo trộn bởi sự đi vào của một yếu tố cao hơn.

then individualisation became possible, and a true human being

khi ấy biệt ngã hóa trở nên khả hữu, và một con người đích thực

131. The "true human being" was obviously not un-individualized, "prehuman man".

131. "Con người đích thực" hiển nhiên không phải là "con người tiền nhân loại" chưa được biệt ngã hóa.

appeared in manifestation.

xuất hiện trong biểu lộ.

132. Thus we see Libra involved with setting the stage of individualization. Libra saw to the 'marriage' of the Angel and the animal, and, interestingly, rules the mental unit which is strongly stimulated by the individualization process.

132. Vì vậy chúng ta thấy Thiên Bình có liên quan đến việc chuẩn bị sân khấu cho sự biệt ngã hóa. Thiên Bình đảm trách 'cuộc hôn phối' của Thiên Thần và con vật, và điều thú vị là nó cai quản đơn vị hạ trí, vốn được kích thích mạnh mẽ bởi tiến trình biệt ngã hóa.

Each kingdom is *positive* to the one next below it, and **between them is found that period of manifestation which bridges the two, and connects the positive and the negative.**

Mỗi giới đều *dương* đối với giới ngay bên dưới nó, và **giữa chúng được tìm thấy giai đoạn biểu lộ bắc cầu giữa hai giới, và nối kết dương với âm.**

133. For the human kingdom the implications are clear: the members of the fifth kingdom are "positive" to the members of the human kingdom. The greater influences the lesser.

133. Đối với giới nhân loại, hàm ý thật rõ ràng: các thành viên của giới thứ năm là "dương" đối với các thành viên của giới nhân loại. Cái lớn hơn ảnh hưởng cái nhỏ hơn.

134. Notice that Master DK is not speaking of *forms* of manifestation but of "periods of manifestation".

134. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK không nói về các *hình tướng* biểu lộ mà nói về "các giai đoạn biểu lộ".

135. In some ways it seems we are speaking of "missing links"—states of form and consciousness which are bridges between the kingdoms.

135. Theo một số phương diện, dường như chúng ta đang nói về những "mắt xích còn thiếu"—những trạng thái của hình tướng và tâm thức là các cây cầu giữa các giới.

The **types of most intense rajas or activity in the mineral kingdom** are found in those **forms** of life which are neither mineral nor vegetable but which bridge the two.

Các **loại rajas hay hoạt động mãnh liệt nhất trong giới kim thạch** được tìm thấy trong những **hình tướng** sự sống không phải là khoáng vật cũng không phải là thực vật nhưng bắc cầu giữa hai giới ấy.

136. Here, intermediate forms are cited, and not just a "period of manifestation".

136. Ở đây, các hình tướng trung gian được nêu ra, chứ không chỉ là một "giai đoạn biểu lộ".

137. I presume we are to think that when bridging forms are identified they will be characterised by “intense rajas”.

137. Tôi cho rằng chúng ta phải nghĩ rằng khi các hình tướng bắc cầu được nhận diện, chúng sẽ được đặc trưng bởi “rajas mãnh liệt”.

138. But, what precisely, are these forms?

138. Nhưng, chính xác thì các hình tướng này là gì?

139. It is possible that a relatively sattvic period is reached in a kingdom, before transition, and then, to impulse the transition to the next kingdom, a period of rajas is inaugurated. Information below, seems to contradict this possibility.

139. Có thể là một giai đoạn tương đối sattva đạt được trong một giới trước khi chuyển tiếp, và rồi, để thúc đẩy sự chuyển tiếp sang giới kế tiếp, một giai đoạn rajas được khởi sự. Thông tin dưới đây dường như mâu thuẫn với khả năng này.

140. We seem to have rajas associated with the bridging process between kingdoms and sattva with the actual merging into the next kingdom.

140. Dường như chúng ta thấy rajas gắn liền với tiến trình bắt cầu giữa các giới, còn sattva thì gắn với sự hòa nhập thực sự vào giới kế tiếp.

Similarly in the vegetable kingdom, the rajas period is seen in fullest expression just before the **activity becomes rhythmic** and the vegetable merges in the animal.

Tương tự, trong giới thực vật, giai đoạn rajas được thấy biểu lộ đầy đủ nhất ngay trước khi **hoạt động trở nên có nhịp điệu** và thực vật hòa nhập vào động vật.

141. It appears that the merging of a lower kingdom into a higher is characterized by sattva.

141. Có vẻ như sự hòa nhập của một giới thấp vào một giới cao được đặc trưng bởi sattva.

142. We are being told that without this rhythmic activity there is no merging of the lower kingdom into the higher.

142. Chúng ta đang được cho biết rằng nếu không có hoạt động có nhịp điệu này thì sẽ không có sự hòa nhập của giới thấp vào giới cao.

143. Probably the sequence is: a long tamasic period; the period of rajas climaxed by intense rajas as transition is undertaken between kingdoms; a brief period of sattva following upon intense rajas and signaling the concluding moments of the kingdom just before entrance into a new kingdom.

143. Có lẽ trình tự là: một giai đoạn tamas dài; giai đoạn rajas đạt cực điểm bằng rajas mãnh liệt khi sự chuyển tiếp giữa các giới được thực hiện; một giai đoạn sattva ngắn tiếp theo sau rajas mãnh liệt và báo hiệu những khoảnh khắc kết thúc của giới ngay trước khi đi vào một giới mới.

144. Such a moment of sattva is probably found in the human kingdom just before the fourth initiation when the full development of the causal body is achieved.

144. Một khoảnh khắc sattva như thế có lẽ được tìm thấy trong giới nhân loại ngay trước lần điểm đạo thứ tư khi sự phát triển trọn vẹn của thể nguyên nhân được hoàn tất.

145. Could we say that the entire period of initiation before the fourth initiation is one of intense rajas and really signals a transition between kingdoms—the human kingdom and the Kingdom of Souls?

145. Chúng ta có thể nói rằng toàn bộ giai đoạn điểm đạo trước lần điểm đạo thứ tư là một giai đoạn rajas mãnh liệt và thực sự báo hiệu một sự chuyển tiếp giữa các giới—giới nhân loại và Thiên Giới của các linh hồn—hay không?

In the animal kingdom the same is seen in the animals which individualise, passing out of the group soul into separated identity.

Trong giới động vật cũng thấy điều tương tự nơi những con vật biệt ngã hóa, đi ra khỏi hồn nhóm để vào bản sắc tách biệt.

146. Is there, then, a bridging form of life between the animal and the human? Is this what is sometimes meant by "animal man"?

146. Vậy thì có một hình thức sự sống bắt cầu giữa động vật và con người chăng? Đây có phải là điều đôi khi được hàm ý bởi "người thú" không?

147. Is the sattvic moment that actual moment of merging wherein the animal in process of transition from the animal kingdom to the human kingdom, actually *enters* the human kingdom?

147. Phải chăng khoảnh khắc sattva là chính khoảnh khắc hòa nhập thực sự, trong đó con vật đang trong tiến trình chuyển tiếp từ giới động vật sang giới nhân loại thực sự *đi vào* giới nhân loại?

These types of activity must be regarded as constituting for the mineral, physical activity, for the vegetable, sentient activity, and for the animal, rudimentary mental activity.

Những loại hoạt động này phải được xem là cấu thành, đối với giới kim thạch, hoạt động hồng trần; đối với giới thực vật, hoạt động cảm ứng; và đối với giới động vật, hoạt động trí tuệ sơ khai.

148. We see three kinds of activity which are added to the lower kingdom as it makes its transition into the higher. The immobile mineral becomes physically active. The relatively insentient vegetable becomes sentiently responsive. (Recent experiments have proven some degree of sentient response in the vegetable kingdom.) To the

148. Chúng ta thấy ba loại hoạt động được thêm vào giới thấp khi nó thực hiện sự chuyển tiếp vào giới cao. Khoáng vật bất động trở nên hoạt động về mặt hồng trần. Thực vật tương đối vô cảm trở nên đáp ứng có cảm giác. (Những thí nghiệm gần đây đã chứng minh một mức độ đáp ứng có cảm giác nào đó trong giới thực vật.) Vào con vật

unthinking animal is added rudimentary mental activity. Each transition adds to the scope of the units rising into a higher kingdom.

When this triple activity is achieved it might be noted that the dense physical body of the solar or planetary Logos is fully developed, and conscious contact can then [Page 1136] be made with the etheric or vital body. ***It is this contact which produces man,*** **for Spirit (as man understands the term) is after all but the energy, vitality, or essential life of the solar, or planetary Logos**. Its correspondence in man is prana.

149. Is Master DK saying that all three kinds of transitions must be in process if the human kingdom is to come into existence? Does the upreaching of the animal consciousness into the human require support from lower transitions of the mineral into the vegetable and the vegetable into the animal?

150. The Spirit/Monad of man (and not only the Solar Angel) is involved in the creation of the individualized animal we call the human being. We are reminded that the Spirit/ Monad is an aspect of *cosmic vitality* and has it 'location' within the cosmic ethers.

151. We find that the cosmic ethers are involved in the individualization process. The "Jewel in the Lotus" is conducted through the cosmic ethers as an expression of the Monad on its own plane, and the three synthesis petals are a results of buddhic downflow. The impulse which produces the ordinary nine petals seems to emanate from the higher mental plane, and probably from

không biết suy nghĩ được thêm vào hoạt động trí tuệ sơ khai. Mỗi sự chuyển tiếp đều mở rộng phạm vi của các đơn vị đang vươn lên một giới cao hơn.

Khi hoạt động tam phân này được hoàn tất cần lưu ý rằng thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế được phát triển đầy đủ, và khi đó sự tiếp xúc có ý thức có thể [Page 1136] được thiết lập với thể dĩ thái hay thể sinh lực. ***Chính sự tiếp xúc này tạo ra con người,*** **vì Tinh thần (theo cách con người hiểu thuật ngữ này) rốt cuộc chỉ là năng lượng, sinh lực, hay sự sống cốt yếu của Thái dương Thượng đế hoặc Hành Tinh Thượng Đế**. Đối phần của nó nơi con người là prana.

149. Có phải Chân sư DK đang nói rằng cả ba loại chuyển tiếp đều phải đang diễn ra nếu giới nhân loại muốn xuất hiện? Sự vươn lên của tâm thức động vật vào nhân loại có cần được nâng đỡ bởi các chuyển tiếp thấp hơn từ giới kim thạch sang giới thực vật và từ giới thực vật sang giới động vật không?

150. Tinh thần/chân thần của con người (chứ không chỉ Thái dương Thiên Thần) có liên quan trong việc tạo ra con vật đã được biệt ngã hóa mà chúng ta gọi là con người. Chúng ta được nhắc rằng Tinh thần/chân thần là một phương diện của *sinh lực vũ trụ* và có 'vị trí' của nó trong các dĩ thái vũ trụ.

151. Chúng ta thấy rằng các dĩ thái vũ trụ có liên quan đến tiến trình biệt ngã hóa. "Viên Ngọc trong Hoa Sen" được dẫn truyền qua các dĩ thái vũ trụ như một biểu hiện của chân thần trên cõi riêng của nó, và ba cánh hoa tổng hợp là kết quả của sự tuôn đổ từ Bồ đề. Xung lực tạo ra chín cánh hoa thông thường dường như phát xuất từ cõi thượng trí, và có lẽ từ nguyên tử trường tồn manas

the manasic permanent atom of the higher mental plane. (Again, see EP I 168-169)

152. We are learning that the appearance of man, the self-conscious human being, results from a process of bridging into the cosmic ethers. Man is the vehicle for the sustainment of this bridge between the two aspects of the physical body of the Solar Logos or Planetary Logos—the etheric portion and the dense physical portion.

153. It is interesting that only when that part of the Solar Logos which exists in the three lower worlds is prepared, can man be 'created'.

154. How interesting that man's Spirit/ Monad is to the Solar Logos as prana is to man.

A comprehension of this will be brought about if man realises that all the planes of our solar system are but the seven subplanes of the cosmic physical plane.

155. We are ever reminded of this point for good purpose.

It is the realisation of this which will eventually unite science and religion, **for what the scientist calls energy, the religious man calls God,**

156. Here is an utterly simple statement with profound implications If this conceptual gap (the gap separating the understanding of "God" and "energy") can be bridged we shall witness entirely new

của cõi thượng trí. (Xin xem lại EP I 168-169)

152. Chúng ta đang học rằng sự xuất hiện của con người, tức con người tự ý thức, là kết quả của một tiến trình bắt cầu vào các dĩ thái vũ trụ. Con người là vận cụ để duy trì cây cầu này giữa hai phương diện của thể xác của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế—phần dĩ thái và phần thể xác đậm đặc.

153. Thật thú vị khi chỉ khi phần đó của Thái dương Thượng đế hiện hữu trong ba cõi thấp được chuẩn bị xong, con người mới có thể được 'tạo ra'.

154. Thật thú vị biết bao khi Tinh thần/chân thần của con người đối với Thái dương Thượng đế cũng như prana đối với con người.

Sự thấu hiểu điều này sẽ đạt được nếu con người chứng nghiệm rằng mọi cõi của hệ mặt trời chúng ta chỉ là bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

155. Chúng ta luôn được nhắc nhở về điểm này vì một mục đích tốt đẹp.

Chính sự chứng nghiệm điều này rốt cuộc sẽ hợp nhất khoa học và tôn giáo, **vì điều mà nhà khoa học gọi là năng lượng, thì người có tôn giáo gọi là Thượng đế,**

156. Đây là một phát biểu hoàn toàn đơn giản nhưng có những hàm ý sâu xa. Nếu khoảng cách khái niệm này (khoảng cách phân cách sự hiểu biết về "Thượng đế" và "năng lượng") có thể được bắt cầu, chúng ta

possibilities of cooperation between religion and science.

sẽ chứng kiến những khả năng hợp tác hoàn toàn mới giữa tôn giáo và khoa học.

and yet the two are one, being but the manifested purpose, in physical matter, of **a great extra-systemic Identity.**

và tuy thế cả hai là một, vì chỉ là mục đích biểu hiện, trong vật chất hồng trần, của **một Bản Sắc vĩ đại ngoài-hệ-thống.**

157. This “extra-systemic Identity”, who is both “God” and “Energy” is probably the "One About Whom Naught May Be Said". Of course “God” and “Energy” extend far beyond this unfathomable Being—unfathomable to us. Ultimately, “God” and “Energy” are the One Universal Logos.

157. “Bản Sắc ngoài-hệ-thống” này, Đấng vừa là “Thượng đế” vừa là “Năng lượng”, có lẽ là "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Dĩ nhiên “Thượng đế” và “Năng lượng” còn vượt xa Hữu thể khôn dò này—khôn dò đối với chúng ta. Rốt ráo, “Thượng đế” và “Năng lượng” là Thượng đế Vũ Trụ Duy Nhất.

Nature is the appearance of the physical body of the Logos, and **the laws of nature are the laws governing the natural processes of that body**.

Thiên nhiên là sắc tướng của thể xác của Thượng đế, và **các định luật của thiên nhiên là những định luật chi phối các tiến trình tự nhiên của thể ấy**.

158. The physical body of the Solar Logos includes both its etheric and dense physical aspects.

158. Thể xác của Thái dương Thượng đế bao gồm cả hai phương diện dĩ thái và hồng trần đậm đặc của nó.

159. Can it be said that the “laws of nature” extend into the cosmic etheric body of the Solar Logos? We seem to be told this by the text above, yet in other parts of the Teaching, the cosmic etheric body of the Solar Logos seem to belong to the realm of ‘super-nature’.

159. Có thể nói rằng các “định luật của thiên nhiên” mở rộng vào thể dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế không? Dường như văn bản trên cho chúng ta biết như vậy, tuy nhiên ở những phần khác của Giáo Huấn, thể dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế dường như thuộc về lĩnh vực của ‘siêu nhiên’.

160. We must be alert to those occasions in which discussion of the physical body of the Solar Logos indicate *both* His etheric body and His dense physical body, and those occasions when it means *only* the dense physical body.

160. Chúng ta phải tỉnh táo trước những trường hợp trong đó việc bàn đến thể xác của Thái dương Thượng đế bao hàm *cả* thể dĩ thái của Ngài lẫn thể xác đậm đặc của Ngài, và những trường hợp khi nó chỉ có nghĩa là *chỉ* thể xác đậm đặc.

161. Also, while the physical body of the Logos might be *both* His etheric body and dense physical body, the “appearance” of

161. Ngoài ra, tuy thể xác của Thượng đế có thể là *cả* thể dĩ thái lẫn thể xác đậm đặc của Ngài, nhưng “sắc tướng” của thể xác ấy có

that physical body might be confined only to His dense physical body.

thể chỉ giới hạn nơi thể xác đậm đặc của Ngài mà thôi.

The Life of God, His energy, and vitality, are found **in every manifested atom**; His essence indwells all forms.

Sự Sống của Thượng đế, năng lượng và sinh lực của Ngài, được tìm thấy **trong mọi nguyên tử biểu hiện**; tinh túy của Ngài ngự bên trong mọi hình tướng.

162. In this context, the "Life of God" are the energies of His cosmic etheric nature.

162. Trong ngữ cảnh này, "Sự Sống của Thượng đế" là các năng lượng của bản chất dĩ thái vũ trụ của Ngài.

163. Is a "manifested atom" only the kind which appears within the lowest part of the very densest subplane of the cosmic physical plane, or are *all* atoms found upon/within the cosmic physical plane to be considered "manifested" atoms?

163. Một "nguyên tử biểu hiện" có phải chỉ là loại xuất hiện trong phần thấp nhất của cõi phụ đậm đặc nhất của cõi hồng trần vũ trụ, hay *mọi* nguyên tử được tìm thấy trên/trong cõi hồng trần vũ trụ đều phải được xem là những "nguyên tử biểu hiện"?

164. We have learned that all subplanes of the cosmic physical plane (and all sub-subplanes as well) are *atomic* in nature.

164. Chúng ta đã học rằng mọi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ (và cả mọi cõi phụ-phụ nữa) đều có bản chất *nguyên tử.*

This we call Spirit,

Đây là điều chúng ta gọi là Tinh thần,

165. "Spirit" is the Life of God, His Energy and vitality.

165. "Tinh thần" là Sự Sống của Thượng đế, Năng lượng và sinh lực của Ngài.

yet He Himself is **other than those forms**, just as man knows himself to be other than his bodies.

nhưng chính Ngài lại **khác với những hình tướng ấy**, cũng như con người biết mình khác với các thể của mình.

166. DK is speaking of the inner and higher principles of the Planetary Logos or Solar Logos found outside Their dense physical body.

166. DK đang nói về các nguyên khí bên trong và cao hơn của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, được tìm thấy bên ngoài thể xác đậm đặc của Các Ngài.

He knows himself to be a will, and a purpose,

Ngài biết mình là một ý chí và một mục đích,

167. Here we are speaking of the monadic nature of both the Solar Logos and Planetary

167. Ở đây chúng ta đang nói về bản chất chân thần của cả Thái dương Thượng đế lẫn

Logos. The center of energy from which this will and purpose arise is found on the cosmic monadic plane.

Hành Tinh Thượng Đế. Trung tâm năng lượng từ đó ý chí và mục đích này phát sinh được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ.

and as he progresses in evolution that purpose and will become to him ever more consciously defined.

và khi y tiến hoá, mục đích và ý chí ấy ngày càng trở nên được xác định một cách hữu thức hơn đối với y.

168. As we come to understand our interior nature more fully, we discover that its expression is our purpose and that the degree of power with which it expresses itself is the strength of our higher will.

168. Khi chúng ta đi đến chỗ thấu hiểu đầy đủ hơn bản chất nội tại của mình, chúng ta khám phá rằng sự biểu lộ của nó là mục đích của chúng ta và mức độ quyền năng mà nó biểu lộ chính là sức mạnh của ý chí cao hơn của chúng ta.

So with the planetary Logos and solar Logos. They dwell within, yet are found without, the planetary scheme or solar system.

Đối với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế cũng vậy. Các Ngài ngự bên trong, nhưng cũng được tìm thấy bên ngoài, hệ hành tinh hay hệ mặt trời.

169. The analogy to man is exact. The Planetary Logos expresses through a planetary scheme and yet has His higher principles and their vehicles "without" (thus dimensionally beyond) the planetary scheme. The Solar Logos expresses through a solar system and yet has His higher principles and their vehicles "without" (thus dimensionally beyond) the solar system.

169. Sự tương đồng với con người là chính xác. Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua một hệ hành tinh nhưng vẫn có các nguyên khí cao hơn của Ngài và các vận cụ của chúng ở "bên ngoài" (do đó vượt ra ngoài về mặt chiều kích) hệ hành tinh. Thái dương Thượng đế biểu lộ qua một hệ mặt trời nhưng vẫn có các nguyên khí cao hơn của Ngài và các vận cụ của chúng ở "bên ngoài" (do đó vượt ra ngoài về mặt chiều kích) hệ mặt trời.

170. As Master DK usually considers the solar system, it consists of the etheric-physical body of the Solar Logos. His cosmic astral body and cosmic mental body are not included nor is His cosmic egoic lotus.

170. Theo cách Chân sư DK thường xét hệ mặt trời, nó gồm thể dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế. Thể cảm dục vũ trụ và thể trí vũ trụ của Ngài không được bao gồm, và Hoa Sen Chân Ngã vũ trụ của Ngài cũng vậy.

It is useful to remember that in the three lower kingdoms, manifestation, or appearance on the physical plane, **is ever**

Thật hữu ích khi nhớ rằng trong ba giới thấp, sự biểu hiện, hay sắc tướng trên cõi hồng trần, **luôn luôn là *sự biểu hiện nhóm***

***group* manifestation and not the appearance of separated units**.

171. The appearance of separated units appears only with individualization.

172. However separated the apparent units of the lower kingdoms may appear to be, each one of them is part of a group appearance. The question remains: "What is the size of these groupings?" Also, "what higher beings do these groups express?"

Each group soul, as it is called, is divided into seven parts which**appear in each of the seven races of a world period**, and there is an interesting distinction between them and the units of the human kingdom.

173. We are being told that group souls connected with the mineral kingdom, the vegetable kingdom and animal kingdom are all divided into seven parts.

174. Apparently the seven parts of a group soul correspond to the "seven races of a world period". Presumably, these "seven races" are forms assumed by the entities which soon will be human (proto-humans) or are *human.*

175. Are we being told that each of the seven races of the human kingdom (including the proto-human types) has its own flora and fauna? Given the long duration of the root-races, this would be a distinct possibility.

176. We also appear to be told that all seven parts of a group soul appear in *each* of the seven human root-races of a world period. Though the seven parts may be the same

chứ không phải sự xuất hiện của các đơn vị tách biệt.

171. Sự xuất hiện của các đơn vị tách biệt chỉ xuất hiện cùng với biệt ngã hóa.

172. Dù các đơn vị biểu kiến của các giới thấp có vẻ tách biệt đến đâu, mỗi đơn vị trong số đó vẫn là một phần của một sắc tướng nhóm. Câu hỏi vẫn còn đó: "Kích thước của các nhóm này là bao nhiêu?" Và nữa, "những hữu thể cao hơn nào biểu lộ qua các nhóm này?"

Mỗi hồn nhóm, như nó được gọi, được chia thành bảy phần mà**xuất hiện trong mỗi một trong bảy nhân loại của một thời kỳ thế giới**, và có một sự phân biệt thú vị giữa chúng với các đơn vị của giới nhân loại.

173. Chúng ta đang được cho biết rằng các hồn nhóm liên hệ với giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật đều được chia thành bảy phần.

174. Rõ ràng bảy phần của một hồn nhóm tương ứng với "bảy nhân loại của một thời kỳ thế giới". Có lẽ những "bảy nhân loại" này là những hình tướng được đảm nhận bởi các thực thể sắp trở thành con người (tiền-nhân loại) hoặc là *con người.*

175. Có phải chúng ta đang được cho biết rằng mỗi một trong bảy nhân loại của giới nhân loại (bao gồm cả các loại tiền-nhân loại) đều có hệ động thực vật riêng của nó không? Xét đến thời lượng dài của các giống dân gốc, đây hẳn là một khả năng rõ rệt.

176. Chúng ta dường như cũng được cho biết rằng cả bảy phần của một hồn nhóm đều xuất hiện trong *mỗi* một trong bảy giống dân gốc của nhân loại trong một thời kỳ thế giới.

from root-race to root-race, the appearance of each part in a root-race may be in contrast with such an appearance in the next root-race.

Dù bảy phần có thể giống nhau từ giống dân gốc này sang giống dân gốc khác, sự xuất hiện của mỗi phần trong một giống dân gốc có thể tương phản với sự xuất hiện như thế trong giống dân gốc kế tiếp.

When **portions of the group soul in one of its seven parts are out of incarnation** they are to be found on the astral plane, even though the **Mothergroup soul is found on the mental plane**.

Khi **những phần của hồn nhóm trong một trong bảy phần của nó ở ngoài lâm phàm** thì chúng được tìm thấy trên cõi cảm dục, mặc dù **hồn nhóm Mẹ được tìm thấy trên cõi trí**.

177. Here we have some very important information speaking of the distribution of the parts of the group soul as found on one or other of the three lower planes.

177. Ở đây chúng ta có một số thông tin rất quan trọng nói về sự phân bố các phần của hồn nhóm như được tìm thấy trên cõi này hay cõi khác trong ba cõi thấp.

178. If the "Mother group soul" is found upon the mental plane, is it the *lower mental plane*? Perhaps since the "Mother group soul" is a group soul for units in the lower kingdoms, this is likely to be the case.

178. Nếu "hồn nhóm Mẹ" được tìm thấy trên cõi trí, thì đó có phải là *cõi hạ trí* không? Có lẽ vì "hồn nhóm Mẹ" là một hồn nhóm dành cho các đơn vị trong các giới thấp, nên điều này rất có thể là như vậy.

179. DK is almost certainly saying that parts of a group soul are not simultaneously in incarnation or that the appearance in incarnation of the various parts are all controlled by certain cyclic laws.

179. DK gần như chắc chắn đang nói rằng các phần của một hồn nhóm không đồng thời lâm phàm, hoặc rằng sự xuất hiện trong lâm phàm của các phần khác nhau đều được kiểm soát bởi những định luật chu kỳ nhất định.

Human units of the fourth kingdom when out of incarnation pass through the astral to the mental and descend again to incarnation from mental levels.[Page 1137]

Các đơn vị nhân loại của giới thứ tư khi ra khỏi lâm phàm đi qua cõi cảm dục đến cõi trí và lại giáng xuống lâm phàm từ các cấp độ trí tuệ.[Page 1137]

180. Mental levels, as discussed in relation to units of the fourth kingdom, are *higher* mental levels. Man takes incarnation from the higher mental plane.

180. Các cấp độ trí tuệ, như được bàn đến liên hệ với các đơn vị của giới thứ tư, là các cấp độ trí tuệ *cao hơn*. Con người lâm phàm từ cõi thượng trí.

181. We are presuming this is not the case for the parts of the group souls within the lower kingdoms.

181. Chúng ta giả định rằng điều này không đúng đối với các phần của các hồn nhóm trong các giới thấp.

Each group soul,

Mỗi hồn nhóm,

182. Presumably, one for each of the three lower kingdoms…

182. Có lẽ là một cho mỗi một trong ba giới thấp…

therefore, **subjectively forms a triangle of force with one point (the highest) to be found on the mental plane, the lowest on the etheric levels of the physical plane, and another on the astral plane.**

do đó, **về mặt chủ quan tạo thành một tam giác mãnh lực với một điểm (cao nhất) được tìm thấy trên cõi trí, điểm thấp nhất trên các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, và một điểm khác trên cõi cảm dục.**

183. It must be the *lower* mental plane that is referenced when the lower three kingdoms are discussed.

183. Hẳn phải là cõi trí *thấp hơn* được nói đến khi ba giới thấp được bàn tới.

184. DK is giving us important information on the planar focus of different kinds of group souls. I have not seen this information given elsewhere.

184. DK đang cho chúng ta thông tin quan trọng về tiêu điểm cõi giới của các loại hồn nhóm khác nhau. Tôi chưa thấy thông tin này được đưa ra ở nơi nào khác.

The third point for the mineral group-soul is found on the second subplane of the astral, the vegetable on the third, and the animal on the fourth.

Điểm thứ ba đối với hồn nhóm khoáng vật được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục, thực vật trên cõi phụ thứ ba, và động vật trên cõi phụ thứ tư.

185. Fascinating information, showing that even the mineral kingdom has a point of subjective astral focus!

185. Thông tin thật hấp dẫn, cho thấy ngay cả giới kim thạch cũng có một điểm tiêu điểm cảm dục chủ quan!

186. Presumably, DK is counting from below upwards.

186. Có lẽ DK đang đếm từ dưới lên trên.

187. We have been told that no unit in the lower kingdoms (since none of them is yet self-conscious) can have permanent atoms—at least this is what we are told in one reference. Now we read of "points" of force within a group soul focussed on various

187. Chúng ta đã được cho biết rằng không một đơn vị nào trong các giới thấp (vì chưa đơn vị nào trong số đó tự ý thức) có thể có nguyên tử trường tồn—ít nhất đó là điều chúng ta được nói trong một chỗ tham chiếu. Giờ đây chúng ta đọc thấy các "điểm"

subplanes. Elsewhere we have been told of permanent atoms associated with the three lower kingdoms (but we are not sure whether these permanent atoms should be associated with the higher lives manifested *through* the kingdoms and group souls, or with the unself-conscious units *within* those kingdoms. The former is probably correct.

mãnh lực trong một hồn nhóm được tập trung trên các cõi phụ khác nhau. Ở nơi khác chúng ta đã được cho biết về các nguyên tử trường tồn liên hệ với ba giới thấp (nhưng chúng ta không chắc liệu những nguyên tử trường tồn này nên được liên hệ với các sự sống cao hơn biểu hiện *qua* các giới và các hồn nhóm, hay với các đơn vị chưa tự ý thức *trong* những giới ấy. Khả năng trước có lẽ là đúng.

It is owing to the fact that a centre of force for the animal group soul is found on the fourth subplane of the astral plane that it is possible for transference eventually to be made out of that kingdom into the fourth.

Chính do sự kiện rằng một trung tâm mãnh lực cho hồn nhóm động vật được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục mà rốt cuộc có thể thực hiện sự chuyển dịch ra khỏi giới ấy vào giới thứ tư.

188. Numerology (indicating numerical resonance) is involved in this transference. The animal group has a center of focus on the *fourth* subplane of the astral plane and can therefore participate in producing the *fourth* kingdom.

188. Số học (chỉ ra sự cộng hưởng số) có liên quan đến sự chuyển dịch này. Nhóm động vật có một trung tâm tập trung trên cõi phụ *thứ tư* của cõi cảm dục và do đó có thể tham gia vào việc tạo ra *giới thứ tư*.

189. Are there analogies here? The vegetable kingdom having a point of focus on the third subplane of the astral plane and therefore able to make a transition into the third kingdom? The mineral kingdom having a focus on the second subplane of the astral plane and, therefore, able to make a transition into the second or vegetable kingdom?

189. Có những sự tương đồng ở đây chăng? Giới thực vật có một điểm tập trung trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục và do đó có thể thực hiện sự chuyển tiếp vào giới thứ ba? Giới kim thạch có một tiêu điểm trên cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục và do đó có thể thực hiện sự chuyển tiếp vào giới thứ hai hay giới thực vật?

190. Also, we must consider that the mental unit is focused on the fourth subplane of the mental plane suggesting an imminent shift into the causal body.

190. Ngoài ra, chúng ta phải xét đến việc đơn vị hạ trí được tập trung trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, gợi ý một sự chuyển dịch sắp xảy ra vào thể nguyên nhân.

191. What of man and his transition into the fifth kingdom? From what type of fifth subplane is this transition made—from a fifth (from below) subplane on the astral plane or on the mental plane? May we say

191. Còn con người và sự chuyển tiếp của y vào giới thứ năm thì sao? Sự chuyển tiếp này được thực hiện từ loại cõi phụ thứ năm nào —từ cõi phụ thứ năm (tính từ dưới lên) trên cõi cảm dục hay trên cõi trí? Chúng ta có thể

that, for man, a focus on the fifth (from below) subplane of the astral corresponds with the causal body's lowest focus on the fifth (from below) subplane of the mental plane? The appearance of that causal body on that causal body signals the appearance of man.

nói rằng, đối với con người, một tiêu điểm trên cõi phụ thứ năm (tính từ dưới lên) của cõi cảm dục tương ứng với tiêu điểm thấp nhất của thể nguyên nhân trên cõi phụ thứ năm (tính từ dưới lên) của cõi trí không? Sự xuất hiện của thể nguyên nhân đó trên thể nguyên nhân đó báo hiệu sự xuất hiện của con người.

192. In any case, we learn to pay close attention to numerical links because they indicate lines of relationship and progression.

192. Dù sao đi nữa, chúng ta học cách chú ý sát sao đến các liên kết số vì chúng chỉ ra những đường liên hệ và tiến triển.

S9S7 Part I

TCF 1138-1142

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

TCF 1137-1142

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Certain laws govern the appearance periodically of the three kingdoms of nature, which are the laws of involution, the laws of the elemental kingdoms, and the laws of the three great groups which hold the germs and seeds of all manifested forms.

Một số định luật nhất định chi phối sự xuất hiện theo chu kỳ của ba giới trong thiên nhiên, đó là các định luật của giáng hạ tiến hoá, các định luật của các giới hành khí, và các định luật của ba nhóm lớn nắm giữ các mầm và hạt giống của mọi hình tướng biểu hiện.

1. We are entering a discussion of certain laws which are rather obscure. Let us tabulate them for ease of registration:

1. Chúng ta đang đi vào một cuộc bàn luận về một số định luật khá mơ hồ. Hãy lập bảng chúng để dễ ghi nhận:

a. The laws of involution

a. Các định luật của giáng hạ tiến hoá

b. The laws of the elemental kingdoms

b. Các định luật của các giới hành khí

c. The laws of the three great groups

c. Các định luật của ba nhóm lớn

We have in logoic manifestation the following seven groups for consideration:

Chúng ta có trong biểu hiện logoic bảy nhóm sau đây để xem xét:

2. We are speaking of manifestation within the body of the Solar Logos.

2. Chúng ta đang nói về sự biểu hiện bên trong thân thể của Thái dương Thượng đế.

1. 2. 3. Three groups of superhuman existence:

1. 2. 3. Ba nhóm hiện hữu siêu nhân loại:

3. We note that even the great Existences appear as groups.

3. Chúng ta lưu ý rằng ngay cả các Hiện Hữu vĩ đại cũng xuất hiện như những nhóm.

a. The group forming the Father aspect of which little can here be predicated.

a. Nhóm tạo thành phương diện Cha mà ở đây ít điều có thể được nói về nó.

4. Presumably, included amongst this group are the Three Persons of the Logoic Trinity—the First Logos, the Second Logos and the Third—the solar systemic Shiva, Vishnu and Brahma.

4. Có lẽ trong nhóm này bao gồm Ba Ngôi của Tam Vị Logoic—Đệ Nhất Logos, Đệ Nhị Logos và Đệ Tam—Shiva, Vishnu và Brahma của hệ mặt trời.

5. These Three Persons have Their major focus on the logoic plane of the cosmic physical plane. (cf. Chart V TCF 344)

5. Ba Ngôi này có tiêu điểm chính của Các Ngài trên cõi logoic của cõi hồng trần vũ trụ. (xem Biểu đồ V TCF 344)

b. The group of seven planetary Logoi.

b. Nhóm bảy Hành Tinh Thượng Đế.

6. Presumably, these are the Planetary Logoi of the seven sacred planets.

6. Có lẽ đây là các Hành Tinh Thượng Đế của bảy hành tinh thiêng liêng.

7. The other Planetary Logoi must be considered as included within the major seven.

7. Các Hành Tinh Thượng Đế khác phải được xem là bao hàm trong bảy vị chính yếu.

8. The Planetary Logos are Dragons of Wisdom and therefore are more related to the "Son" aspect than to the "Father" aspect.

8. Các Hành Tinh Thượng Đế là những Rồng Minh Triết và do đó liên hệ nhiều hơn với phương diện "Con" hơn là với phương diện "Cha".

c. The group of seven raja devas, or the life of each of the physical planes.

c. Nhóm bảy raja deva, hay sự sống của mỗi cõi hồng trần.

9. We note their high status. They represent the Brahma aspect of divinity. They have an initiatory status equivalent to the seventh degree. The Deva Lords Who rule the subplanes of the seven solar planes have an initiatory status equivalent to the sixth degree.

9. Chúng ta lưu ý địa vị cao của các vị này. Các vị ấy biểu trưng phương diện Brahma của thiên tính. Các vị ấy có địa vị điểm đạo tương đương bậc thứ bảy. Các Chúa Tể Deva cai quản các cõi phụ của bảy cõi thái dương có địa vị điểm đạo tương đương bậc thứ sáu.

The devas are on the evolutionary path, on the upward way. They are, as you know, the Builders of the system, working in graded and serried ranks. Devas are to be found of the same rank as the Planetary Logoi, and **the Rulers of the five planes of human evolution hold rank equal to that of a Master of the seventh Initiation.** Others are equal in development (along their own line) to a Master of the fifth Initiation, and they work consciously and willingly with the Masters of the Occult Hierarchy. They can be found on all the lesser grades down to the

Các thiên thần ở trên con đường tiến hoá, trên đường đi lên. Như các bạn biết, họ là các Đấng kiến tạo của hệ thống, hoạt động trong những hàng ngũ có cấp bậc và chỉnh tề. Có thể tìm thấy các thiên thần cùng cấp với các Hành Tinh Thượng Đế, và **các Đấng Cai Quản năm cõi của sự tiến hoá nhân loại giữ cấp bậc ngang với một Chân sư của lần điểm đạo thứ bảy.** Những vị khác tương đương về phát triển (theo đường lối riêng của họ) với một Chân sư của lần điểm đạo thứ năm, và họ làm việc một cách hữu thức và tự nguyện với các Chân sư của Thánh

little building devas who work practically unconsciously in their groups, building the many forms necessitated by the evolving life. (LOM 174)

Đoàn Huyền Bí. Có thể tìm thấy họ ở mọi cấp bậc thấp hơn cho đến các thiên thần kiến tạo nhỏ bé làm việc gần như vô thức trong các nhóm của họ, xây dựng nhiều hình tướng cần thiết cho sự sống đang tiến hoá. (LOM 174)

4. A group of solar lives who are the manasaputras or man.

4. Một nhóm các sự sống thái dương là các manasaputra hay con người.

10. These are the Solar Angels and they are definitely "solar" lives.

10. Đây là các Thái dương Thiên Thần và rõ ràng là những sự sống "thái dương".

11. We note that their status is lower than that of the Raja Deva Lords Who rule the seven solar planes.

11. Chúng ta lưu ý rằng địa vị của các vị này thấp hơn địa vị của các Chúa Tể Raja Deva cai quản bảy cõi thái dương.

12. Interestingly they are mentioned fourth in order. They are also associated with the fourth systemic law—the Law of Magnetic Control.

12. Điều thú vị là họ được nhắc đến ở vị trí thứ tư theo thứ tự. Họ cũng liên hệ với định luật hệ thống thứ tư—Định luật Kiểm Soát Từ Tính.

13. We wish to note the phrase "manasaputras **or** man". This conjunction tells us that man is being considered a "solar" life and a manasaputra, and yet we realize that there is a significant distinction between the human Monad and the Solar Angels who are "returning Nivanis from a previous mahamanvantara".

13. Chúng ta muốn lưu ý cụm từ "manasaputras **hay** con người". Liên từ này cho chúng ta biết rằng con người đang được xem là một sự sống "thái dương" và một manasaputra, tuy nhiên chúng ta nhận ra rằng có một sự phân biệt đáng kể giữa chân thần nhân loại và các Thái dương Thiên Thần là "những Nirvani trở về từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó".

14. This equivalence between man and the Solar Angel must be pondered. In our particular chain of the Earth-scheme, man would not have *come to be* without the Solar Angels and yet, following the return of the Solar Angels to the Heart of the Sun and Central Spiritual Sun, man continues to exist, and he is not yet a Solar Angel.

14. Sự tương đương này giữa con người và Thái dương Thiên Thần phải được suy ngẫm. Trong dãy đặc biệt của chúng ta thuộc hệ hành tinh Địa Cầu, con người đã không thể *trở thành* nếu không có các Thái dương Thiên Thần, tuy nhiên sau khi các Thái dương Thiên Thần trở về Tâm của Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương, con người vẫn tiếp tục hiện hữu, và y vẫn chưa phải là một Thái dương Thiên Thần.

15. Because the human Monad is "that which finds its home within the sun" (IHS 195), it is, indeed, a *solar* life as is the Solar Angel. In this tabulation, interestingly, the two types of beings, man and Solar Angel, are considered as one.

15. Bởi vì Chân thần nhân loại là "điều tìm thấy ngôi nhà của nó bên trong mặt trời" (IHS 195), nên quả thật nó là một sự sống *thái dương* cũng như Thái dương Thiên Thần. Trong bảng liệt kê này, thật thú vị, hai loại hữu thể, con người và Thái dương Thiên Thần, được xem là một.

5. 6. 7. Three groups of elemental lives, who form the three involutionary elemental kingdoms.

5. 6. 7. Ba nhóm sự sống hành khí, tạo thành ba giới hành khí giáng hạ tiến hoá.

16. These groups are the lunar lords of three varieties—mental, astral and physical elementals.

16. Các nhóm này là các nguyệt tinh quân thuộc ba loại—hành khí trí tuệ, hành khí cảm dục và hành khí thể xác.

These three lower groups achieve concretion, and enter the upward arc, through the medium of the three lower kingdoms.

Ba nhóm thấp này đạt đến sự kết tụ cụ thể, và đi vào cung đi lên, thông qua trung gian của ba giới thấp.

17. This is a fascinating statement. The three lower kingdoms are *already* on the upward arc; they are evolutionary kingdoms.

17. Đây là một phát biểu đầy hấp dẫn. Ba giới thấp *đã* ở trên cung đi lên; chúng là các giới tiến hoá.

18. The members of the elemental kingdom have not yet entered upon the upward arc and are, thus, not yet evolutionary lives whereas the members of the mineral, vegetable and animal kingdom *are.*

18. Các thành viên của giới hành khí vẫn chưa bước vào cung đi lên và vì thế, chưa phải là các sự sống tiến hoá, trong khi các thành viên của giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật *thì có.*

19. The nature of these three elemental groups needs careful study. In what ways are they *involutionary*? In what ways do they participate in the *evolution* of the three lower kingdoms?

19. Bản chất của ba nhóm hành khí này cần được nghiên cứu cẩn thận. Chúng *giáng hạ tiến hoá* theo những cách nào? Chúng tham dự vào sự *tiến hoá* của ba giới thấp theo những cách nào?

20. Of course, we must ask a tantalizing question—whether the members of the mineral, vegetable and animal kingdoms are not really expressions of the Monads of the

20. Dĩ nhiên, chúng ta phải đặt ra một câu hỏi đầy gợi mở—liệu các thành viên của giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật có thực sự không phải là những biểu hiện của

Fourth Creative Hierarchy? This seems a strange thought, but the human Monad does pass through what has been called its "inmineralization", its "invegetalization" and its "in-zoonation". As we look at the three lower kingdoms we may, indeed, be looking at a non-individualized expression of the human Monad. From this perspective, the Fourth Creative Hierarchy can be considered the macrocosm of the lower kingdoms and the lower Creative Hierarchies (with the exception of at least part of the Fifth Creative Hierarchy.

các Chân thần thuộc Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư hay sao? Đây dường như là một ý nghĩ lạ lùng, nhưng Chân thần nhân loại quả có đi qua điều từng được gọi là "sự khoáng vật hóa" của nó, "sự thực vật hóa" của nó và "sự động vật hóa" của nó. Khi chúng ta nhìn vào ba giới thấp, quả thật chúng ta có thể đang nhìn vào một biểu hiện chưa biệt ngã hóa của Chân thần nhân loại. Từ góc nhìn này, Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư có thể được xem là đại thiên địa của các giới thấp và của các Huyền Giai Sáng Tạo thấp hơn (ngoại trừ ít nhất một phần của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm.

The fourth group is the most important in some ways during the present cycle for it borrows from all the other six groups and is therefore **the synthesis of energies** taken from each and manifested.

Nhóm thứ tư là nhóm quan trọng nhất theo một số phương diện trong chu kỳ hiện tại, vì nó vay mượn từ cả sáu nhóm kia và do đó là **sự tổng hợp các năng lượng** được lấy từ mỗi nhóm và được biểu hiện ra.

21. In this case Master DK is speaking about man as a manasaputra. Man is the meeting place for the higher and lower kingdoms and the higher and lower forms of life. The Solar Angel helps to make man what he is.

21. Trong trường hợp này Chân sư DK đang nói về con người như một manasaputra. Con người là nơi gặp gỡ của các giới cao và thấp cùng các hình thái sự sống cao và thấp. Thái dương Thiên Thần giúp làm cho con người trở thành điều mà y là.

22. Man is definitely a synthesis of a number of groups and Creative Hierarchies, which provide him with his lower and higher vehicles.

22. Con người rõ ràng là một tổng hợp của nhiều nhóm và Huyền Giai Sáng Tạo, những nhóm và Huyền Giai này cung cấp cho y các vận cụ thấp và cao của mình.

The higher three groups are closely allied, and until a man has passed out of the period of existence wherein he is controlled by [Page 1138] that which he has borrowed from the three lower kingdoms, he cannot comprehend the nature and purpose of the three higher.

Ba nhóm cao có liên hệ mật thiết với nhau, và cho đến khi một người đã vượt ra khỏi giai đoạn tồn tại trong đó y bị kiểm soát bởi [Page 1138] điều mà y đã vay mượn từ ba giới thấp, thì y không thể hiểu được bản chất và mục đích của ba nhóm cao hơn.

23. Any control of man by the lunar lords, the lunar elementals, disqualifies him from comprehension of the greater Lives. While

23. Bất kỳ sự kiểm soát nào của con người bởi các nguyệt tinh quân, các hành khí nguyệt tính, đều làm cho y không đủ điều

thus hampered, he cannot respond to their energies.

kiện để hiểu các Sự sống lớn lao hơn. Khi còn bị cản trở như vậy, y không thể đáp ứng với các năng lượng của các Đấng ấy.

24. That phase of human evolution in which the soul-in-incarnation cultivates awareness of the soul on its own plane, is a period in which the human being can *begin* to comprehend the nature and purpose of the three higher groups.

24. Giai đoạn tiến hoá nhân loại trong đó linh hồn đang nhập thể vun bồi sự nhận biết về linh hồn trên cõi riêng của nó, là một thời kỳ trong đó con người có thể *bắt đầu* hiểu được bản chất và mục đích của ba nhóm cao hơn.

We might express the matter as follows:

Chúng ta có thể diễn đạt vấn đề như sau:

The three higher groups are sattvic.

Ba nhóm cao là sattvic.

The three lower groups are tamasic.

Ba nhóm thấp là tamasic.

The fourth group, or human, is rajasic.

Nhóm thứ tư, hay nhân loại, là rajasic.

25. Man as a manasaputra is considered rajasic. From this point of view, the Solar Angel may be considered more rajasic that sattvic. Viewing B/beings in relation to the gunas is a relative matter. It all depends on the perspective of the viewer.

25. Con người như một manasaputra được xem là rajasic. Từ quan điểm này, Thái dương Thiên Thần có thể được xem là rajasic hơn là sattvic. Việc nhìn các hữu thể trong liên hệ với các guna là một vấn đề tương đối. Tất cả đều tùy thuộc vào góc nhìn của người quan sát.

26. A manasaputra is a “mind-born son”. If man, the Jiva, is considered an emanation of the Monad (and not a being created through the conjunction of male and female) then, indeed, he is a mind-born son.

26. Một manasaputra là một “người con sinh ra từ trí tuệ”. Nếu con người, Jiva, được xem là một phát xạ của Chân thần (chứ không phải một hữu thể được tạo ra qua sự kết hợp của nam và nữ) thì quả thật, y là một người con sinh ra từ trí tuệ.

27. The Lives forming the Father Aspect (i.e., the Three Persons of the Logoic Trinity and associated Spirits of Darkness), Planetary Logoi (related to the Seven Ray Lives) and Raja Deva Lords (related to the forty-nine Sons of Fohat) are considered sattvic. The lunar elementals are considered tamasic.

27. Các Sự sống tạo thành Phương diện Cha (tức Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế Logoic và các Tinh thần Bóng tối liên hệ), các Hành Tinh Thượng Đế (liên hệ với Bảy Sự sống Cung) và các Chúa Tể Raja Deva (liên hệ với bốn mươi chín Con của Fohat) được xem là sattvic. Các hành khí nguyệt tính được xem là tamasic.

Again, the three higher groups are energised by three streams of force which enter along the line of the **three spirillae of the logoic permanent atom.**

Một lần nữa, ba nhóm cao được tiếp năng lượng bởi ba dòng mãnh lực đi vào theo đường của **ba loa tuyến của nguyên tử trường tồn logoic.**

28. The Solar Logos has a number of permanent atoms, but only one on the cosmic physical plane and it is probably to this permanent atom that the text refers.

28. Thái dương Thượng đế có một số nguyên tử trường tồn, nhưng chỉ có một trên cõi hồng trần vũ trụ, và có lẽ chính nguyên tử trường tồn này là điều mà bản văn đang nói đến.

29. We are not generally speaking of the higher aspects of the great Lives—those aspects found upon the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

29. Nói chung, chúng ta không đang nói về các phương diện cao hơn của các Sự sống vĩ đại—những phương diện được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

30. Since the spirillae of the logoic permanent atoms are, in fact, *planes,* DK is telling us that the logoic, monadic and atmic planes are involved in the energizing of the three higher groups of Lives.

30. Vì các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn logoic thực ra là các *cõi,* nên Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các cõi logoic, chân thần và atma có liên quan đến việc tiếp năng lượng cho ba nhóm Sự sống cao hơn.

The three lower groups are energised by energy entering by the three lowest spirillae (which we call the three lowest planes)

Ba nhóm thấp được tiếp năng lượng bởi năng lượng đi vào qua ba loa tuyến thấp nhất (mà chúng ta gọi là ba cõi thấp nhất)

31. With regard to the Solar Logos, the planes of His solar system are "spirillae". Here we have a statement which is a confirmation of this thought.

31. Đối với Thái dương Thượng đế, các cõi của hệ mặt trời của Ngài là các "loa tuyến". Ở đây chúng ta có một phát biểu xác nhận ý nghĩ này.

32. It is not only permanent atoms which are energizers but planes as well (or, rather, energies found upon the solar planes).

32. Không chỉ các nguyên tử trường tồn mới là những tác nhân tiếp năng lượng mà các cõi cũng vậy (hay đúng hơn là các năng lượng được tìm thấy trên các cõi thái dương).

and these spirillae energise the logoic dense body, **were vitalised in the previous solar system**, and are no longer in any way controlling factors in logoic existence.

và các loa tuyến này tiếp năng lượng cho thể đậm đặc logoic, **đã được tiếp sinh lực trong hệ mặt trời trước**, và không còn theo bất kỳ

cách nào là những yếu tố kiểm soát trong sự tồn tại logoic nữa.

33. The three lower spirillae are an aspect of logoic existence but, in this solar system, no longer controlling factors as they were in the previous solar system.

33. Ba loa tuyến thấp là một phương diện của sự tồn tại logoic nhưng, trong hệ mặt trời này, không còn là những yếu tố kiểm soát như chúng đã từng là trong hệ mặt trời trước.

34. We may hypothesize that the previous solar system was given to the development of the logoic personality (perhaps as an entirety). Compared to this solar system, it was a 'material' solar system.

34. Chúng ta có thể giả thuyết rằng hệ mặt trời trước đã được dành cho sự phát triển của phàm ngã logoic (có lẽ như một toàn thể). So với hệ mặt trời này, đó là một hệ mặt trời "vật chất".

35. We are being told that the three elemental groups (the lower three of the seven) are to be associated with the three lowest spirillae of the logoic physical permanent atom.

35. Chúng ta đang được cho biết rằng ba nhóm hành khí (ba nhóm thấp trong bảy nhóm) phải được liên kết với ba loa tuyến thấp nhất của nguyên tử trường tồn hồng trần logoic.

36. If we follow an evident analogy, we would ask when the lowest spirillae in the *human* physical permanent atom were energized and what if any effect they have upon the human being at this time?

36. Nếu chúng ta theo một phép loại suy hiển nhiên, chúng ta sẽ hỏi khi nào các loa tuyến thấp nhất trong nguyên tử trường tồn hồng trần *nhân loại* được tiếp năng lượng và hiện nay chúng có tác động gì, nếu có, lên con người?

37. Would we associate such lower spirillae (in the physical permanent atom of the human being) with the gaseous, liquid and dense subplanes of the systemic etheric-physical plane?

37. Liệu chúng ta có liên kết các loa tuyến thấp như thế (trong nguyên tử trường tồn hồng trần của con người) với các cõi phụ khí, lỏng và đậm đặc của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống hay không?

38. If the spirillae of the physical permanent atom of the Solar Logos are each associated with one of the systemic or solar planes, we would think that the third spirilla must still be active in relation to man—a mental being.

38. Nếu các loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế mỗi loa tuyến đều liên kết với một trong các cõi hệ thống hay cõi thái dương, thì chúng ta sẽ nghĩ rằng loa tuyến thứ ba hẳn vẫn còn hoạt động trong liên hệ với con người—một hữu thể trí tuệ.

The fourth group, the human, is energised by the force of the fourth spirilla, to which we give the name of buddhic energy,

Nhóm thứ tư, nhóm nhân loại, được tiếp năng lượng bởi mãnh lực của loa tuyến thứ tư, mà chúng ta gọi là năng lượng Bồ đề,

39. How interesting that without the intervention of buddhi, and its contact with the highest specimens of the animal kingdom, the human kingdom, the fourth, would not have been created.

39. Thật thú vị biết bao khi nếu không có sự can thiệp của Bồ đề, và sự tiếp xúc của nó với những mẫu mực cao nhất của giới động vật, thì giới nhân loại, giới thứ tư, đã không được tạo ra.

40. Buddhi is the *sixth* principle of man but is to be associated with the *fourth* plane (the buddhic plane). There is, therefore, a close association between the energy of the fourth plane and the founding and sustainment of the fourth kingdom, the human.

40. Bồ đề là nguyên khí *thứ sáu* của con người nhưng lại phải được liên kết với cõi *thứ tư* (cõi Bồ đề). Vì vậy, có một mối liên hệ chặt chẽ giữa năng lượng của cõi thứ tư với việc thiết lập và duy trì giới thứ tư, tức giới nhân loại.

41. Is this idea suggesting that the Solar Angels which are so essential to the formation of man in this solar system and in this planetary chain are really *buddhi* beings?

41. Phải chăng ý tưởng này gợi rằng các Thái dương Thiên Thần vốn thiết yếu đến thế đối với sự hình thành con người trong hệ mặt trời này và trong dãy hành tinh này thực sự là các hữu thể *Bồ đề* hay sao?

and **this fourth group has, therefore, the problem of bringing about conditions whereby the buddhic vibrations may dominate the other, and lower, three**.

và **do đó nhóm thứ tư này có vấn đề là phải tạo ra những điều kiện nhờ đó các rung động Bồ đề có thể chi phối ba rung động kia thấp hơn**.

42. The destiny of man is here described in a few words. The purpose of the many millions of years of human evolution is to bring the buddhic vibration into full expression so that it dominates the lower three elemental expressions—the expressions of three types of involutionary lives.

42. Định mệnh của con người ở đây được mô tả trong vài lời. Mục đích của nhiều triệu năm tiến hoá nhân loại là đưa rung động Bồ đề vào biểu hiện trọn vẹn để nó chi phối ba biểu hiện hành khí thấp hơn—những biểu hiện của ba loại sự sống giáng hạ tiến hoá.

43. In doing this the buddhic vibration dominates the mental, astral and etheric-physical vibrations.

43. Khi làm như vậy, rung động Bồ đề chi phối các rung động trí tuệ, cảm dục và dĩ thái-hồng trần.

44. We see that there is a very good reason for the fact that the Fourth Creative Hierarchy finds its field of intended expression upon the buddhic plane, as the Table of Creative Hierarchies on EA 35 illustrates.

44. Chúng ta thấy rằng có một lý do rất xác đáng cho sự kiện Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư tìm thấy lĩnh vực biểu hiện được dự định của nó trên cõi Bồ đề, như Bảng các Huyền Giai Sáng Tạo trong EA 35 minh họa.

It is this imposition which eventually releases the human units, and permits of their **passing into the higher group**.

Chính sự áp đặt này cuối cùng giải thoát các đơn vị nhân loại, và cho phép họ **đi vào nhóm cao hơn**.

45. DK is telling us that the imposition of buddhi into the life of human units prepares conditions for their release—probably at the fourth initiation.

45. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự áp đặt của Bồ đề vào đời sống của các đơn vị nhân loại chuẩn bị các điều kiện cho sự giải thoát của họ—có lẽ vào lần điểm đạo thứ tư.

46. Into which group is this? Seven groups are discussed. There would be ten if the three lower kingdoms were numbered among the seven, but for some reason they are not listed (unless these three kingdoms are all to be considered as expressions of the human Monad).

46. Đó là nhóm nào? Có bảy nhóm được bàn đến. Sẽ là mười nếu ba giới thấp được tính vào trong bảy nhóm, nhưng vì một lý do nào đó chúng không được liệt kê ra (trừ phi cả ba giới này đều phải được xem là những biểu hiện của Chân thần nhân loại).

47. A group into which the majority of human beings normally passes (eventually) is the group of Solar Angels (via the Path to Sirius), but in the enumeration used in this section of text, the manasadevas (Solar Angels) and *men* are seen as equivalent.

47. Một nhóm mà đa số con người bình thường sẽ đi vào (cuối cùng) là nhóm các Thái dương Thiên Thần (qua Con Đường đến Sirius), nhưng trong cách liệt kê được dùng trong phần bản văn này, các manasadeva (Thái dương Thiên Thần) và *con người* được xem là tương đương.

48. Another higher group, however, could be considered the Fifth Kingdom (the Kingdom of Souls), which is still within the Fourth Creative Hierarchy of human Monads.

48. Tuy nhiên, một nhóm cao hơn khác có thể được xem là giới thứ năm (Thiên Giới của các linh hồn), vẫn còn nằm trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư của các Chân thần nhân loại.

The elemental group souls find correspondences in the higher—first, in the

Các hồn nhóm hành khí tìm thấy những tương ứng ở các cấp cao hơn—trước hết,

human kingdom in the three main groups of Egos,

49. There are three elemental group souls working *through* the three lower kingdoms.

50. The three main groups of Egos can be considered those characterized by the three major rays; also the Egos who are in the Department of the Manu, the Bodhisattva and Mahachohan, respectively.

in whom the three types of energy predominate;

51. These are presumably the energies of the seven rays. All seven are really expression of the three major rays.

52. It seems that these human groups are distinguished by *differences in energy expression* rather than differences in degree of unfoldment. It would be somewhat difficult to divide the human family into three parts based upon different degrees of unfoldment. In one way it could be done: the Hall of Ignorance; the Hall of Learning; and the Hall of Wisdom.

again in the three main or major planetary groups,

53. The three main or planetary groups can be considered as the major Planetary Logoi on the Rays of Aspect.

54. One way of understanding this is to look at Chart VI, TCF, 373. Here we find three major planetary groupings: Uranus, Neptune and the many Planetary Logoi gathered around the planet Saturn and

trong giới nhân loại nơi ba nhóm chính của các chân ngã,

49. Có ba hồn nhóm hành khí hoạt động *thông qua* ba giới thấp.

50. Ba nhóm chính của các chân ngã có thể được xem là những nhóm được đặc trưng bởi ba cung chính; đồng thời cũng là các chân ngã thuộc các Ban của Đức Manu, Đức Bồ Tát và Đức Mahachohan, theo thứ tự.

trong các chân ngã ấy ba loại năng lượng chiếm ưu thế;

51. Có lẽ đây là các năng lượng của bảy cung. Cả bảy cung thực sự đều là những biểu hiện của ba cung chính.

52. Dường như các nhóm nhân loại này được phân biệt bởi *những khác biệt trong biểu hiện năng lượng* hơn là những khác biệt về mức độ khai mở. Sẽ có phần khó khăn nếu chia gia đình nhân loại thành ba phần dựa trên những mức độ khai mở khác nhau. Theo một cách thì có thể làm được điều đó: Phòng Vô Minh; Phòng Học Hỏi; và Phòng Minh triết.

rồi lại trong ba nhóm hành tinh chính hay lớn,

53. Ba nhóm chính hay nhóm hành tinh có thể được xem là các Hành Tinh Thượng Đế lớn trên Các Cung Trạng Thái.

54. Một cách để hiểu điều này là nhìn vào Biểu đồ VI, TCF, 373. Ở đó chúng ta thấy ba nhóm hành tinh lớn: Uranus, Neptune và nhiều Hành Tinh Thượng Đế được tập hợp quanh hành tinh Saturn và bên trong "Đại Saturn"—bao gồm tất cả các vị ấy.

within ‘Greater Saturn’—comprising them all.

and finally in the three aspects.

55. The “three aspects” are a still higher Triplicity: the Three Persons of the Logoic Trinity.

56. Of course the third aspect of divinity are *universal* and extend far, far beyond our solar system.

Elemental group animal kingdom Sattvic… Solar Logos

Uranus. Father aspect.

57. This group corresponds to the Three Persons of the Logoic Trinity. Uranus is a more ancient ‘Father’ than even Saturn.

58. Uranus is, in many ways, the ruler of individuality and individualization. It creates the sense of uniqueness (eventually) in the animal consciousness.

Elemental group vegetable… Rajasic… Planetary Logoi

Neptune. Son aspect

59. This group corresponds to the Planetary Logoi.

Elemental group mineral kingdom. Tamasic… Plane devas

Saturn. Mother, Brahma aspect.

[Page 1139]

và cuối cùng trong ba phương diện.

55. “Ba phương diện” là một Bộ ba còn cao hơn nữa: Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế Logoic.

56. Dĩ nhiên phương diện thứ ba của thiên tính là *phổ quát* và mở rộng rất, rất xa vượt ngoài hệ mặt trời của chúng ta.

Hồn nhóm hành khí giới động vật Sattvic… Thái dương Thượng đế

Uranus. Phương diện Cha.

57. Nhóm này tương ứng với Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế Logoic. Uranus là một “Người Cha” cổ xưa hơn Saturn nữa.

58. Uranus, theo nhiều phương diện, là chủ tinh của cá thể tính và sự biệt ngã hóa. Cuối cùng nó tạo ra cảm thức về tính độc đáo trong tâm thức động vật.

Hồn nhóm hành khí giới thực vật… Rajasic… Các Hành Tinh Thượng Đế

Neptune. Phương diện Con

59. Nhóm này tương ứng với các Hành Tinh Thượng Đế.

Hồn nhóm hành khí giới kim thạch. Tamasic… Các thiên thần cõi

Saturn. Mẹ, phương diện Brahma.

[Page 1139]

60. This group corresponds to the Raja Deva Lords

60. Nhóm này tương ứng với các Chúa Tể Raja Deva

61. It is interesting that Saturn is associated with both the Father and the Mother (as found in the Kabala).

61. Thật thú vị khi Saturn được liên kết với cả Cha lẫn Mẹ (như được thấy trong Kabala).

62. It is curious to see (when considering lower correspondences in the lower three kingdoms) that the animal kingdom (so relatively Martian and rajasic) is considered sattvic and the vegetable kingdom, rajasic. That the mineral kingdom is assigned the guna of sattva comes as no surprise.

62. Thật lạ khi thấy (khi xét các tương ứng thấp hơn trong ba giới thấp) rằng giới động vật (vốn tương đối mang tính Sao Hỏa và rajasic) lại được xem là sattvic và giới thực vật là rajasic. Việc giới kim thạch được gán guna sattva thì không có gì đáng ngạc nhiên.

The fourth or human group, unites all three lives.

Nhóm thứ tư hay nhóm nhân loại hợp nhất cả ba sự sống.

63. Humanity is the macrocosm not only for the lower three kingdoms, but for the groups of elemental lives working *through* those kingdoms.

63. Nhân loại là đại thiên địa không chỉ đối với ba giới thấp, mà còn đối với các nhóm sự sống hành khí hoạt động *thông qua* các giới ấy.

64. One of the mysteries to be clarified is the relationship between the three groups of elemental lives and the three lower kingdoms.

64. Một trong những huyền nhiệm cần được làm sáng tỏ là mối liên hệ giữa ba nhóm sự sống hành khí và ba giới thấp.

The **periodic manifestation of the three elemental groups** (**through the medium of the three lower kingdoms**)

Sự biểu hiện chu kỳ của ba nhóm hành khí (**thông qua trung gian của ba giới thấp**)

65. Again we find this formulation —"through the three lower kingdoms". These lower kingdoms are definitely *on* the evolutionary path, but the three elemental groups apparently are not. Theirs, therefore, is a mysterious relationship. How can involutionary elemental groups express through evolutionary kingdoms? Unless, the elemental groups are *not* really involutionary. Perhaps only the building

65. Một lần nữa chúng ta gặp công thức này —"thông qua ba giới thấp". Các giới thấp này rõ ràng *ở trên* con đường tiến hoá, nhưng ba nhóm hành khí thì dường như không phải vậy. Vì thế, mối liên hệ của chúng là một điều huyền bí. Làm sao các nhóm hành khí giáng hạ tiến hoá có thể biểu hiện thông qua các giới tiến hoá? Trừ phi các nhóm hành khí ấy thực ra *không* phải là giáng hạ tiến hoá. Có

essences related to the three lower planes are truly *involutionary.*

lẽ chỉ những tinh chất kiến tạo liên hệ với ba cõi thấp mới thực sự là *giáng hạ tiến hoá.*

66. We take note that the three elemental groups manifest periodically. There are cyclic laws which determine this type of manifestation.

66. Chúng ta lưu ý rằng ba nhóm hành khí biểu hiện theo chu kỳ. Có những định luật chu kỳ quyết định loại biểu hiện này.

is, therefore, governed by factors hidden in the nature of that great vibration which we call *tamasic*, or heavy rhythm.

vì thế được chi phối bởi những yếu tố ẩn giấu trong bản chất của rung động lớn lao mà chúng ta gọi là *tamasic*, hay nhịp điệu nặng nề.

67. Tamas is a "great vibration" including many kinds of lives related to the lunar energy and to the energy of the previous solar system.

67. Tamas là một "rung động lớn lao" bao gồm nhiều loại sự sống liên hệ với năng lượng nguyệt tính và với năng lượng của hệ mặt trời trước.

68. Although the Elemental Groups are each assigned one of the gunas, when considered as a whole, they are *tamasic.*

68. Mặc dù mỗi Nhóm Hành Khí được gán cho một trong các guna, nhưng khi được xét như một toàn thể, chúng là *tamasic.*

It is the vibration of Brahma, the third aspect, the mother or matter aspect.

Đó là rung động của Brahma, phương diện thứ ba, phương diện mẹ hay phương diện vật chất.

69. We can certainly judge that Brahma had much more to do with the previous solar system than with our own, although it is foundational to our present solar system.

69. Chúng ta chắc chắn có thể phán đoán rằng Brahma có liên hệ với hệ mặt trời trước nhiều hơn với hệ mặt trời của chúng ta, mặc dù Ngài là nền tảng cho hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

70. The "Primordial Ray" (the third ray) provides the "vibration of Brahma".

70. "Cung Nguyên Sơ" (cung ba) cung cấp "rung động của Brahma".

Their appearance,

Sự xuất hiện của chúng,

71. The appearance of the "three elemental groups"...

71. Sự xuất hiện của "ba nhóm hành khí"...

therefore, is one of a very slow manifestation,

vì thế, là một sự biểu hiện rất chậm,

72. Presumably with the group soul informing the mineral kingdom appearing first, because the mineral kingdom is the first of the three lower kingdoms to appear; the group soul informing the vegetable kingdom second; and lastly the group soul informing the animal kingdom.

72. Có lẽ hồn nhóm thấm nhuần giới kim thạch xuất hiện trước, bởi vì giới kim thạch là giới đầu tiên trong ba giới thấp xuất hiện; hồn nhóm thấm nhuần giới thực vật xuất hiện thứ hai; và cuối cùng là hồn nhóm thấm nhuần giới động vật.

the seven subsidiary vibrations bringing in one or other of the **seven groups of each group soul** in a very slow alternation.

bảy rung động phụ đưa vào một hay nhóm kia trong **bảy nhóm của mỗi hồn nhóm** trong một sự luân phiên rất chậm.

73. It is vibrations of certain kinds which bring the group souls into incarnation. Seven subsidiary vibrations bring the seven parts of each group soul into incarnation according to certain established cycles.

73. Chính các rung động thuộc những loại nhất định đưa các hồn nhóm vào lâm phàm. Bảy rung động phụ đưa bảy phần của mỗi hồn nhóm vào lâm phàm theo những chu kỳ đã được thiết lập nhất định.

74. Obviously, the Tibetan is not telling us what these cycles are. He does use the word "alternation". Does this mean that these seven subsidiary groups come in one at a time, or is the manner of their appearance more complex?

74. Hiển nhiên, Chân sư Tây Tạng không cho chúng ta biết những chu kỳ này là gì. Ngài có dùng từ "luân phiên". Điều này có nghĩa là bảy nhóm phụ này đi vào từng nhóm một, hay cách thức xuất hiện của chúng phức tạp hơn?

75. We see from this account that there must be twenty-one subsidiary vibrations and twenty-one subsidiary groups in *all* the three group souls combined.

75. Từ trình thuật này chúng ta thấy rằng hẳn phải có hai mươi mốt rung động phụ và hai mươi mốt nhóm phụ trong *toàn bộ* ba hồn nhóm kết hợp lại.

The cycles cannot be given;

Không thể đưa ra các chu kỳ;

76. As stated. We are spared the particulars because we would not know how to do anything constructive with them.

76. Như đã nói. Chúng ta được miễn khỏi các chi tiết vì chúng ta sẽ không biết cách làm gì có tính xây dựng với chúng.

two things only can be said: **the appearance of these groups**

chỉ có thể nói hai điều: **sự xuất hiện của các nhóm này**

77. Groups and seven subsidiary groups in each group soul.

77. Các nhóm và bảy nhóm phụ trong mỗi hồn nhóm.

as units in manifestation

78. We note that each group is considered as a “unit”.

is controlled by three factors:

1. The **moon**, for these are the many lunar fathers.

79. The word “pitri” means “father”. These elemental lives are directly associated with the former chain in the Earth-scheme—the Moon-chain. They still respond, from habit, to the cycles of the Moon, even though the Moon, we are told, has no “radiation” per se.

2. The **ray** in manifestation at any time.

80. We can assume that the seven groups within every group soul are each keyed to the seven rays.

81. The incoming seventh ray probably affects these groups strongly.

3. The **karma** of the informing Life of any kingdom.

82. This is a more abstruse matter. The mineral kingdom, vegetable kingdom and (so we might think) the animal kingdom are all informed by great Lives, high on the ladder of evolution (c.f. TCF 844). However, below, we shall see the human kingdom substituted for the animal kingdom, and we will have to ponder why this might be the case.

như những đơn vị trong biểu hiện

78. Chúng ta lưu ý rằng mỗi nhóm được xem như một “đơn vị”.

được kiểm soát bởi ba yếu tố:

1. **Mặt Trăng**, vì đây là nhiều người cha nguyệt tính.

79. Từ “pitri” có nghĩa là “cha”. Các sự sống hành khí này liên hệ trực tiếp với dãy trước trong hệ hành tinh Địa Cầu—Dãy Mặt Trăng. Chúng vẫn còn đáp ứng, do thói quen, với các chu kỳ của Mặt Trăng, dù như chúng ta được cho biết, Mặt Trăng không có “bức xạ” chính nó.

2. **cung** đang biểu hiện vào bất kỳ thời điểm nào.

80. Chúng ta có thể giả định rằng bảy nhóm trong mỗi hồn nhóm đều được điều chỉnh theo bảy cung.

81. Cung bảy đang đi vào có lẽ tác động mạnh lên các nhóm này.

3. **nghiệp quả** của Sự sống thấm nhuần bất kỳ giới nào.

82. Đây là một vấn đề khó hiểu hơn. Giới kim thạch, giới thực vật và (như chúng ta có thể nghĩ) giới động vật đều được thấm nhuần bởi các Sự sống vĩ đại, cao trên nấc thang tiến hoá (xem TCF 844). Tuy nhiên, ở dưới, chúng ta sẽ thấy giới nhân loại được thay thế cho giới động vật, và chúng ta sẽ phải suy ngẫm vì sao điều này có thể là như vậy.

83. The karma of any Life expressing through incarnation is determined by its past. If the great Life is affected, so will be the aspects of that Life—the group soul and its subsidiary aspects.

83. Nghiệp quả của bất kỳ Sự sống nào biểu hiện qua lâm phàm đều được quyết định bởi quá khứ của nó. Nếu Sự sống vĩ đại ấy bị ảnh hưởng, thì các phương diện của Sự sống ấy—hồn nhóm và các phương diện phụ của nó—cũng sẽ bị ảnh hưởng.

The second consideration

Sự xem xét thứ hai

84. Regarding the manifestation of the group souls…

84. Liên quan đến sự biểu hiện của các hồn nhóm…

is the karma and life-history of the **planetary entity**.

là nghiệp quả và lịch sử sự sống của **Thực Thể Hành Tinh**.

85. The planetary entity is a great, deeply unconscious Life which will only see fuller development in the next solar system.

85. Thực Thể Hành Tinh là một Sự sống vĩ đại, vô thức sâu xa, chỉ sẽ thấy sự phát triển đầy đủ hơn trong hệ mặt trời kế tiếp.

He sleeps and awakes;

Y ngủ và thức dậy;

86. Cycles for this Life are suggested…

86. Các chu kỳ của Sự sống này được gợi ý…

87. That this entity “awakes” does not suggest that it is self-conscious.

87. Việc thực thể này “thức dậy” không gợi ý rằng nó có ngã thức.

he is the embodiment of tamas,

y là hiện thân của tamas,

88. The vibration of this Life is everything that we recognize as tamasic. It must be a Life strongly influenced by the residual Moon-chain energies and the energies of the previous solar system.

88. Rung động của Sự sống này là tất cả những gì chúng ta nhận ra là tamasic. Hẳn đó là một Sự sống chịu ảnh hưởng mạnh của các năng lượng còn sót lại từ Dãy Mặt Trăng và các năng lượng của hệ mặt trời trước.

and as he progresses and evolves so do the lower kingdoms.

và khi y tiến bộ và tiến hoá thì các giới thấp cũng vậy.

89. The evolution of lesser lives is tied to the evolution of the greater Life in which they “live and move and have their being”.

89. Sự tiến hoá của các sự sống nhỏ hơn gắn liền với sự tiến hoá của Sự sống lớn hơn mà trong đó chúng “sống, chuyển động và hiện hữu”.

The lunar pitris are to the planetary entity what the three major centres are to man or to the Logoi.

Các thái âm tổ phụ đối với Thực Thể Hành Tinh cũng như ba trung tâm chính đối với con người hay đối với Các Thượng đế.

90. This suggests the possibility of forms of life (other than the lunar pitris) which embody or express even lower centers.

90. Điều này gợi ra khả năng có những hình thái sự sống (khác với các thái âm tổ phụ) hiện thân hay biểu lộ những trung tâm còn thấp hơn nữa.

91. In the lunar scale of evolution, the lunar pitris are, thus, relatively high.

91. Vì vậy, trên thang tiến hoá nguyệt tính, các thái âm tổ phụ tương đối là cao.

92. Man expresses his essential nature (monadic nature) through the three major centers and especially through one of them.

92. Con người biểu lộ bản chất cốt yếu của mình (bản chất chân thần) qua ba trung tâm chính và đặc biệt qua một trong số đó.

93. The planetary entity, apparently, expresses its essential nature through the lunar pitris considered as its three higher centers.

93. Thực Thể Hành Tinh, dường như, biểu lộ bản chất cốt yếu của nó qua các thái âm tổ phụ được xem như ba trung tâm cao hơn của nó.

The lunar Pitris who contribute the human form are (to the planetary entity) the correspondence to the *head centre.*

Các thái âm tổ phụ góp phần tạo nên hình tướng con người là (đối với Thực Thể Hành Tinh) sự tương ứng với *trung tâm đầu.*

94. Here are some most interesting specifications with respect to the planetary entity.

94. Ở đây có những xác định hết sức thú vị liên quan đến Thực Thể Hành Tinh.

95. We see below that the three *major* centers are involved—head, heard and throat.

95. Chúng ta sẽ thấy ở dưới rằng ba trung tâm *chính* được liên hệ—đầu, tim và cổ họng.

96. It the pitris of the mineral kingdom are analogous to the throat center and those of the vegetable kingdom to the heart center, then why are not the pitris associated with the *animal kingdom* analogous to the head center?

96. Nếu các pitri của giới kim thạch tương tự với trung tâm cổ họng và các pitri của giới thực vật tương tự với trung tâm tim, thì tại sao các pitri liên hệ với *giới động vật* lại không tương tự với trung tâm đầu?

Those who are the fathers of the vegetable forms correspond to his *heart centre*, whilst

Những vị là cha của các hình tướng thực vật tương ứng với *trung tâm tim* của y, trong khi

the Pitris of the mineral kingdom are analogous to the *throat centre*. This is all very obscure but hints of much value lie here.

các Pitri của giới kim thạch tương tự với *trung tâm cổ họng*. Tất cả điều này đều rất mơ hồ nhưng ở đây có những gợi ý rất có giá trị.

97. Yet, in this listing, the animal kingdom is passed over and the pitris associated with the human kingdom are given the role of the head center in the planetary entity.

97. Tuy nhiên, trong sự liệt kê này, giới động vật bị bỏ qua và các pitri liên kết với giới nhân loại được trao vai trò của trung tâm đầu trong Thực Thể Hành Tinh.

98. *One* of the higher centers, however, is not mentioned—the ajna center, so we must wonder whether the pitris associated with the animal kingdom do not fulfill the role of ajna center in the planetary entity.

98. *Một* trong các trung tâm cao hơn, tuy vậy, lại không được nhắc đến—trung tâm ajna, vì thế chúng ta phải tự hỏi liệu các pitri liên kết với giới động vật có phải không đảm nhiệm vai trò của trung tâm ajna trong Thực Thể Hành Tinh.

99. One thing may have to be taken into consideration—the very close relationship, in general, between the lunar pitris and the animal kingdom. There is a line of evolution for lunar pitris leading eventually to individualization and it passes through the animal kingdom.

99. Có một điều có lẽ phải được xét đến—mối liên hệ rất mật thiết, nói chung, giữa các thái âm tổ phụ và giới động vật. Có một đường tiến hoá dành cho các thái âm tổ phụ cuối cùng dẫn đến biệt ngã hóa, và nó đi qua giới động vật.

100. The following from the tabulation on TCF, 844, hold many hints:

100. Điều sau đây từ bảng biểu trong Luận về Lửa Vũ Trụ, 844, chứa đựng nhiều gợi ý:

7.	The lunar Pitris	To become men. They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation.
8.	The animal evolution	Human kingdom.

101. The complexity of these considerations have much to do with the fact that two types of evolution are presently evolving through our Earth-chain—the normal evolution of the fourth chain and the evolution of the third chain (the Moon-chain) transferred from that chain into ours.

101. Tính phức tạp của những điều được xem xét này liên quan rất nhiều đến sự kiện là hiện nay có hai loại tiến hoá đang tiến triển qua Dãy Địa Cầu của chúng ta—sự tiến hoá bình thường của dãy thứ tư và sự tiến hoá của dãy thứ ba (Dãy Mặt Trăng) được chuyển từ dãy ấy sang dãy của chúng ta.

It is not possible to give much further information relative to the **periodical appearing** of the subhuman forms of life.

Không thể cung cấp thêm nhiều thông tin hơn liên quan đến **sự xuất hiện theo chu kỳ** của các hình thái sự sống dưới nhân loại.

102. It would seem that all groups of lives appear periodically and that the sub-aspects of these groups also have their own cycles determining periodic appearance within the larger cycles of the group to which they belong.

102. Có vẻ như mọi nhóm sự sống đều xuất hiện theo chu kỳ và các phương diện phụ của những nhóm này cũng có các chu kỳ riêng của chúng, quyết định sự xuất hiện theo chu kỳ bên trong các chu kỳ lớn hơn của nhóm mà chúng thuộc về.

The subject is too obscure, and the detail too vast.

Chủ đề này quá mơ hồ, và chi tiết thì quá bao la.

103. We can certainly realize this to be the case. All this will have to be solved by the scientific occultists of the future. They will have to be specialists to penetrate the obscurity.

103. Chúng ta chắc chắn có thể chứng nghiệm rằng đúng là như vậy. Tất cả điều này sẽ phải được các nhà huyền bí học khoa học của tương lai giải quyết. Họ sẽ phải là những chuyên gia mới có thể xuyên thấu sự mơ hồ ấy.

Until the student has fitted himself to appreciate [Page 1140] **the symbolic, or hieroglyphic writings of the adepts**,[22] it is impossible for him to grasp the matter.

Cho đến khi đạo sinh tự chuẩn bị mình để đánh giá [Page 1140] **các văn tự biểu tượng hay tượng hình của các chân sư**,22 thì y không thể nắm bắt được vấn đề này.

104. This, in itself, is a hint and encourages us to learn the nature of the Senza Language,

104. Điều này, tự nó, là một gợi ý và khích lệ chúng ta học bản chất của Ngôn ngữ Senza,

study it, and apply it to the interpretation of life.

nghiên cứu nó, và áp dụng nó vào việc giải thích sự sống.

Footnote 22:

Chú thích 22:

Symbols.

Biểu tượng.

"In a symbol lies concealment or revelation."—Carlyle.

"Trong một biểu tượng có sự che giấu hoặc sự mặc khải."—Carlyle.

1. Symbols are intended for:—

1. Các biểu tượng được dùng cho:—

a. The little evolved. They teach great truths in simple form.

a. Những người ít tiến hoá. Chúng dạy các chân lý lớn dưới hình thức đơn giản.

b. The bulk of humanity. They preserve truth intact and embody cosmic facts.

b. Đại đa số nhân loại. Chúng bảo tồn chân lý nguyên vẹn và thể hiện các sự kiện vũ trụ.

c. The pupils of the Masters. They develop intuition.

c. Các môn sinh của các Chân sư. Chúng phát triển trực giác.

105. We see here a *triple function* of symbols. For the first two categories of human beings, the symbol may be taken for the reality. Anyone who takes that which is presented to consciousness by the senses as a reality is mistaking a symbol for a reality. The art of spiritual reading is not yet understood.

105. Ở đây chúng ta thấy một *chức năng tam phân* của các biểu tượng. Đối với hai loại người đầu tiên, biểu tượng có thể bị xem là thực tại. Bất kỳ ai xem điều được các giác quan trình ra cho tâm thức là một thực tại đều đang lầm biểu tượng với thực tại. Nghệ thuật đọc theo tinh thần vẫn chưa được thấu hiểu.

106. The pupils of the Masters know the distinction between rupa and arupa and, thus, use the symbol (as it appears in the rupa worlds) to intuit the nature of the formless reality.

106. Các môn sinh của các Chân sư biết sự phân biệt giữa rupa và arupa và, do đó, dùng biểu tượng (như nó xuất hiện trong các thế giới rupa) để trực giác bản chất của thực tại vô tướng.

2. Symbolic books in the Master's archives used for instruction. These books are interpreted:—

2. Các sách biểu tượng trong văn khố của Chân sư dùng để giảng dạy. Những sách này được giải thích:—

a. By their colour.

a. Bằng màu sắc của chúng.

b. By their position, i.e. above, on and beneath a line.

107. The line probably reveals a degree of evolutionary unfoldment and whether the matters dealt with concern energy patterns which have not yet reached the line or those which have transcended it. Such a line could represent individualization itself.

c. By their connection with each other.

108. A book cannot be understood in isolation. The books of symbols to which it is related must be considered.

d. By their key. One page may be read four ways:—

1. From above downwards... involution.

109. The meaning of this direction for reaching makes perfect sense.

110. Certain of the oriental languages are read in this way.

2. From beneath upwards... evolution.

111. Again this makes perfect sense.

3. Right to left... greater cycles, etc.

112. What does this say about those languages which are read from right to left? Yet, they are usually ancient languages relating to conditions long antedating the modern era.

b. Bằng vị trí của chúng, tức là ở trên, trên, và dưới một đường.

107. Đường này có lẽ tiết lộ một mức độ khai mở tiến hoá và liệu những vấn đề được bàn đến có liên quan đến các mô hình năng lượng chưa đạt đến đường ấy hay những mô hình đã vượt lên trên nó. Một đường như thế có thể tượng trưng cho chính sự biệt ngã hóa.

c. Bằng sự liên hệ của chúng với nhau.

108. Một cuốn sách không thể được hiểu trong sự cô lập. Phải xét đến các sách biểu tượng mà nó có liên hệ.

d. Bằng chìa khóa của chúng. Một trang có thể được đọc theo bốn cách:—

1. Từ trên xuống dưới... giáng hạ tiến hoá.

109. Ý nghĩa của hướng đọc này hoàn toàn hợp lý.

110. Một số ngôn ngữ phương Đông được đọc theo cách này.

2. Từ dưới lên trên... thăng thượng tiến hoá.

111. Một lần nữa, điều này hoàn toàn hợp lý.

3. Từ phải sang trái... các chu kỳ lớn hơn, v.v.

112. Điều này nói gì về những ngôn ngữ được đọc từ phải sang trái? Tuy nhiên, đó thường là những ngôn ngữ cổ xưa liên hệ đến các điều kiện có trước rất lâu thời đại hiện đại.

113. When interpreting the place of, for instance, planetary globes within a chain—for, whether the Venus-globe is the *second* or the *sixth* —this method of reading may have application.

113. Khi giải thích vị trí của, chẳng hạn, các bầu hành tinh trong một dãy—vì bầu Sao Kim là *thứ hai* hay *thứ sáu* —phương pháp đọc này có thể được áp dụng.

114. Two directions are used and they represent respectively mystical interpretation and occult interpretation. Reading from the right to the left may represent the *occult* method of interpretation and in that case the Venus-globe would be the *second.*

114. Có hai hướng được dùng và chúng lần lượt tượng trưng cho cách giải thích thần bí và cách giải thích huyền bí học. Đọc từ phải sang trái có thể tượng trưng cho phương pháp giải thích *huyền bí học* và trong trường hợp đó bầu Sao Kim sẽ là *thứ hai.*

115. Reading from the left to the right might represent the *mystical* way of interpretation and in that case the Venus-globe would be the sixth.

115. Đọc từ trái sang phải có thể tượng trưng cho cách giải thích *thần bí* và trong trường hợp đó bầu Sao Kim sẽ là thứ sáu.

116. In any case, this footnote offers important hints.

116. Dù sao đi nữa, chú thích này đưa ra những gợi ý quan trọng.

4. Left to right... lesser cycles.

4. Từ trái sang phải... các chu kỳ nhỏ hơn.

117. Are we to abandon our usual interpretation of "from left to right" as *forwards?* And "from right to left" as *backwards?* I think there are modes of interpretation in which this abandonment would *not* be justified.

117. Chúng ta có phải từ bỏ cách giải thích thông thường của mình về "từ trái sang phải" như là *tiến tới?* Và "từ phải sang trái" như là *lùi lại?* Tôi nghĩ có những phương thức giải thích mà trong đó sự từ bỏ này *không* được biện minh.

3. The three keys:—

3. Ba chìa khóa:—

1. Cosmic interpretation. **The symbols standing for cosmic facts.** i.e., Darkness. Light. The cross. The triangle.

1. Giải thích vũ trụ. **Các biểu tượng tượng trưng cho các sự kiện vũ trụ.** tức là, Bóng tối. Ánh sáng. Thập giá. Tam giác.

118. The cosmic interpretation will take us outside the realm of our solar system.

118. Cách giải thích vũ trụ sẽ đưa chúng ta ra ngoài phạm vi của hệ mặt trời của chúng ta.

119. The cross and triangle obviously have a *cosmic* significance. Certainly no man-made religion 'owns' either. As for Darkness and Light they are obviously cosmic in their significance.

119. Thập giá và tam giác hiển nhiên có một thâm nghĩa *vũ trụ*. Chắc chắn không có tôn giáo do con người tạo ra nào "sở hữu" riêng một trong hai biểu tượng ấy. Còn về Bóng tối và Ánh sáng, hiển nhiên chúng mang thâm nghĩa vũ trụ.

120. The same symbols, however, can be applied on lesser levels.

120. Tuy nhiên, cùng những biểu tượng ấy cũng có thể được áp dụng ở các cấp độ thấp hơn.

2. Systemic interpretation. Dealing with evolution of system and all therein.

2. Giải thích hệ thống. Bàn đến sự tiến hoá của hệ thống và mọi thứ trong đó.

121. The triangle, for instance, could represent the Three Persons of the Logoic Trinity.

121. Chẳng hạn, tam giác có thể tượng trưng cho Ba Ngôi của Tam Vị Logoic.

122. The cross, for instance, could represent the crucifixion of the Solar Logos on the Cross of Matter.

122. Chẳng hạn, thập giá có thể tượng trưng cho sự đóng đinh của Thái dương Thượng đế trên Thập Giá của Vật Chất.

123. It could also represent the presence of the Four Maharajas, or Lords of Karma.

123. Nó cũng có thể tượng trưng cho sự hiện diện của Bốn Maharaja, hay các Chúa Tể Nghiệp Quả.

124. The cross, as well, could represent the personality of the Solar Logos.

124. Thập giá cũng có thể tượng trưng cho phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

3. Human interpretation. Dealing with man himself. The cross of humanity.

3. Giải thích nhân loại. Bàn đến chính con người. Thập giá của nhân loại.

125. The "cross of humanity" is the fourfold lunar, material nature upon which the consciousness of humanity is bound.

125. "Thập giá của nhân loại" là bản chất vật chất thái âm tứ phân mà tâm thức của nhân loại bị ràng buộc trên đó.

126. As well, man is subject to the cross considered as the four elements of his elemental nature.

126. Ngoài ra, con người còn chịu sự chi phối của thập giá khi được xét như bốn nguyên tố của bản chất hành khí của y.

Seven-branched candlestick.

Chân đèn bảy nhánh.

127. This symbol is similar to the "Saptaparna" –the 'Seven-Leaved Plant"—the symbol of the seven vehicles or seven principles of man.

127. Biểu tượng này tương tự "Saptaparna" – "Cây Bảy Lá"—biểu tượng của bảy vận cụ hay bảy nguyên khí của con người.

4. Four kinds of symbols:—

4. Bốn loại biểu tượng:—

1. Symbols of extraneous objects …physical plane things.

1. Biểu tượng của các đối tượng ngoại tại … các sự vật cõi hồng trần.

128. From this perspective, all forms upon the physical plane are to be considered as symbolic. The interpretation of all physical plane objects can lead towards an understanding of the subtler patterns which are responsible for their existence.

128. Từ góc độ này, mọi hình tướng trên cõi hồng trần đều phải được xem là có tính biểu tượng. Việc giải thích mọi đối tượng trên cõi hồng trần có thể dẫn đến sự thấu hiểu các mô hình vi tế hơn vốn chịu trách nhiệm cho sự hiện hữu của chúng.

2. Symbols of emotional nature… astral plane things; pictures.

2. Biểu tượng của bản chất cảm xúc… các sự vật cõi cảm dục; các hình ảnh.

129. On the astral plane we find an outpicturing of the forms which are found upon the physical plane. There is a distinct similarity between them.

129. Trên cõi cảm dục chúng ta thấy một sự biểu hiện thành hình của các hình tướng được tìm thấy trên cõi hồng trần. Có một sự tương tự rõ rệt giữa chúng.

130. If a picture reflecting the physical plane is presented to consciousness, we know that picture to belong to the astral plane.

130. Nếu một hình ảnh phản chiếu cõi hồng trần được trình ra cho tâm thức, chúng ta biết hình ảnh ấy thuộc về cõi cảm dục.

3. Numerical symbolism… Lower mental.

3. Biểu tượng số học… cõi hạ trí.

Man used himself to count by.

Con người đã dùng chính mình để đếm.

131. We learn that arithmetic and its numbers belong to the lower mental plane.

131. Chúng ta biết rằng số học và các con số của nó thuộc về cõi hạ trí.

132. We are given hints as to the manner in which man began to enumerate his surroundings—probably with reference to the digits of his hands. Many people still

132. Chúng ta được cho những gợi ý về cách con người bắt đầu đếm các sự vật quanh mình—có lẽ bằng cách quy chiếu vào các ngón tay của mình. Nhiều người vẫn còn

count in this manner—to keep track of their enumeration.

đếm theo cách này—để theo dõi sự đếm của họ.

4. Geometrical symbolism abstract symbolism, higher mental.

4. Biểu tượng hình học, biểu tượng trừu tượng, cõi thượng trí.

133. Here we have an important distinction. Geometrical symbolism (expressing patterned relationships) pertains to the higher mental plane and numbers, per se, to the lower. Numbers suggest quantity but not relationship in space.

133. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt quan trọng. Biểu tượng hình học (biểu đạt các tương quan có mô hình) thuộc về cõi thượng trí còn các con số, chính chúng, thuộc về cõi hạ trí. Các con số gợi ra số lượng nhưng không gợi ra tương quan trong không gian.

134. Numbering seems to come under the rulership of Saturn where as geometrization, under the second ray influence of Jupiter.

134. Việc đánh số dường như nằm dưới quyền cai quản của Sao Thổ, trong khi sự hình học hóa thì dưới ảnh hưởng cung hai của Sao Mộc.

Much of the teaching on this matter **is found in records in the department of the Manu**, as it concerns primarily the initial stages of form building.

Phần lớn giáo huấn về vấn đề này **được tìm thấy trong các hồ sơ thuộc bộ phận của Đức Manu**, vì nó chủ yếu liên quan đến các giai đoạn đầu của việc xây dựng hình tướng.

135. This is a fascinating idea., The Manu's Department is involve not only with the creation of the form of man, but apparently, the creation of the forms found in all the lower kingdoms.

135. Đây là một ý tưởng hấp dẫn. Bộ phận của Đức Manu không chỉ liên quan đến việc tạo ra hình tướng của con người, mà hiển nhiên còn liên quan đến việc tạo ra các hình tướng được tìm thấy trong tất cả các giới thấp.

136. The initial stages of form building involve the following apparently:

136. Các giai đoạn đầu của việc xây dựng hình tướng hiển nhiên bao gồm những điều sau:

a. Picturing or outpicturing—an astral activity

a. Sự tạo hình hay biểu hiện thành hình—một hoạt động cảm dục

b. Numbering—a lower mental activity

b. Sự đánh số—một hoạt động hạ trí

c. Geometrization or arranging items in spatial relationships—a higher mental activity.

c. Sự hình học hóa hay sắp xếp các yếu tố trong các tương quan không gian—một hoạt động thượng trí.

137. We are also led to believe that those in the Manu's Department must become adept at understanding symbolic or hieroglyphic writing.

137. Chúng ta cũng được dẫn đến chỗ tin rằng những người trong bộ phận của Đức Manu phải trở nên tinh thông trong việc hiểu văn tự biểu tượng hay tượng hình.

It might be said that the appearance of any life in manifestation is due to primary activity on the part of some Entity, which activity is largely the expression of the first Ray.

Có thể nói rằng sự xuất hiện của bất kỳ sự sống nào trong biểu hiện là do hoạt động sơ khởi từ phía một Thực Thể nào đó, mà hoạt động ấy phần lớn là biểu hiện của Cung một.

138. The first ray always controls the factors of appearance or disappearance, which, from the human perspective, we call "life" and "death"—though philosophically we may find reason to reverse them.

138. Cung một luôn luôn kiểm soát các yếu tố của sự xuất hiện hay biến mất, mà từ góc nhìn nhân loại chúng ta gọi là "sự sống" và "cái chết"—dù về mặt triết học chúng ta có thể thấy có lý do để đảo ngược chúng.

139. We are being given important information on the work of the Manu's Department.

139. Chúng ta đang được cung cấp thông tin quan trọng về công việc của bộ phận Đức Manu.

This concerns the periodical manifestation of the life or lives of any round just as it concerns also the ephemeral existence of a dragon fly;

Điều này liên quan đến sự biểu hiện theo chu kỳ của sự sống hay các sự sống của bất kỳ cuộc tuần hoàn nào cũng như liên quan đến sự tồn tại phù du của một con chuồn chuồn;

140. The emergence or disappearance of any form (great or small) is under the influence of the first ray.

140. Sự xuất hiện hay biến mất của bất kỳ hình tướng nào (lớn hay nhỏ) đều nằm dưới ảnh hưởng của cung một.

it deals with the form through which what we call a race is evolving and concerns itself with the tiny life of an individual in that race.

nó bàn đến hình tướng mà qua đó điều chúng ta gọi là một nhân loại đang tiến hoá và cũng liên quan đến sự sống nhỏ bé của một cá nhân trong nhân loại ấy.

141. All that aggregates must de-aggregate. All that comes together must at length come apart.

141. Mọi cái kết tụ đều phải tan rã. Mọi cái đến với nhau cuối cùng đều phải tách rời.

142. We can see here how the first ray influences the great Law of Attraction, usually considered under the second ray.

142. Ở đây chúng ta có thể thấy cung một ảnh hưởng đến Định luật Hấp Dẫn vĩ đại như thế nào, vốn thường được xét dưới cung hai.

The same laws govern all, though the response to the law may be relative and in degree.

Cùng những định luật ấy chi phối tất cả, dù sự đáp ứng đối với định luật có thể là tương đối và khác nhau về mức độ.

143. This is an important statement because the responses of different forms to the same law differ in scope and extent.

143. Đây là một phát biểu quan trọng vì các đáp ứng của những hình tướng khác nhau đối với cùng một định luật khác nhau về phạm vi và mức độ.

This law has the generic name of the "**Law of Cycles**," and is expressed in terms of time;

Định luật này có tên gọi chung là "**Định luật Chu Kỳ**," và được biểu lộ theo thời gian;

144. We are speaking of the law which concerns the appearance or disappearance of any form. Master DK is calling this the “Law of Cycles”.

144. Chúng ta đang nói đến định luật liên quan đến sự xuất hiện hay biến mất của bất kỳ hình tướng nào. Chân sư DK gọi đây là “Định luật Chu Kỳ”.

145. From this perspective, it is a third ray law and relates to Aquarius, Saturn and Uranus.

145. Từ góc độ này, đó là một định luật cung ba và liên hệ với Bảo Bình, Sao Thổ và Sao Thiên Vương.

146. As the first ray and third ray are closely related, there is obviously a first ray component to this law.

146. Vì cung một và cung ba có liên hệ mật thiết, hiển nhiên có một thành phần cung một trong định luật này.

147. And since we are dealing with aggregation and de-aggregation, the second ray Law of Attraction and Repulsion is involved.

147. Và vì chúng ta đang bàn đến sự kết tụ và tan rã, nên Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi của cung hai có liên quan.

[Page 1141] but the secret to the cycles may not as yet be given as **it would convey to the intuitive too much dangerous information.**

[Page 1141] nhưng bí mật của các chu kỳ thì chưa thể được ban ra vì **nó sẽ truyền đạt cho**

người trực giác quá nhiều thông tin nguy hiểm.

148. Is the "intuitive" here mentioned of good moral character? Perhaps the information would be considered dangerous even if the recipient were an insufficiently developed server of the Great White Lodge.

148. "Người trực giác" được nhắc đến ở đây có phải là người có phẩm hạnh đạo đức tốt không? Có lẽ thông tin ấy sẽ bị xem là nguy hiểm ngay cả khi người tiếp nhận là một người phụng sự chưa phát triển đầy đủ của Thánh đoàn.

149. We note that the concrete mind would not necessarily understand the information conveyed. The intuition would have to be evoked.

149. Chúng ta lưu ý rằng trí cụ thể sẽ không nhất thiết hiểu được thông tin được truyền đạt. Trực giác sẽ phải được gợi lên.

It is the **knowledge of this law as it concerns rounds, races, subraces, groups (involutionary and evolutionary) and individuals (human and superhuman)** which enables the Lords of Karma, and the Adepts of the good Law, to manipulate force or energy, and so carry all that is, on to its triumphant conclusion.

Chính **sự hiểu biết về định luật này khi nó liên quan đến các cuộc tuần hoàn, các nhân loại, các giống dân phụ, các nhóm (giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá) và các cá nhân (nhân loại và siêu nhân loại)** giúp các Chúa Tể Nghiệp Quả, và các chân sư của thiện luật, thao tác mãnh lực hay năng lượng, và như thế đưa mọi cái đang hiện hữu đến kết luận khải hoàn của nó.

150. In the description above, we do see the relation of this law to the third ray.

150. Trong phần mô tả trên, chúng ta thực sự thấy mối liên hệ của định luật này với cung ba.

151. As well, the "Law of Cycles" must be related to the highest of the siddhis which DK has ventured to discuss—the siddhi of "All Knowledge", focused on the third subplane of the atmic plane.

151. Ngoài ra, "Định luật Chu Kỳ" hẳn phải liên hệ với siddhi cao nhất mà DK đã dám bàn đến—siddhi của "Toàn Tri", tập trung trên cõi phụ thứ ba của cõi atma.

In connection with this, students may get much light on this difficult question of force if they bear in mind that every form in every kingdom on the downward, and the upward arc**, is in itself a negative force impelled into activity by a positive force and demonstrating as a combination of the two.**

Liên quan đến điều này, các đạo sinh có thể nhận được nhiều ánh sáng về vấn đề khó khăn này của mãnh lực nếu họ ghi nhớ rằng mọi hình tướng trong mọi giới trên cung đi xuống và cung đi lên**, tự thân đều là một mãnh lực âm bị một mãnh lực dương thúc đẩy vào hoạt động và biểu lộ như một sự kết hợp của cả hai.**

152. This statement holds whether or not the form is found upon the downward or upward arc. There is no such thing as a form which is not impelled into activity by a more positive force than the force embodied in the form.

152. Phát biểu này đúng dù hình tướng được tìm thấy trên cung đi xuống hay cung đi lên. Không có cái gọi là một hình tướng không bị thúc đẩy vào hoạt động bởi một mãnh lực dương hơn mãnh lực được thể hiện trong chính hình tướng ấy.

153. Forms are negative force patterns—relatively.

153. Các hình tướng là những mô hình mãnh lực âm—một cách tương đối.

154. Another way of stating this proposition is that every form consists of *both* Spirit and matter. The form itself represents the second aspect of divinity which is the aspect of *form building.* The second aspect is responsible for the magnetic aggregation of matter, itself ruled by the third aspect of divinity.

154. Một cách khác để phát biểu mệnh đề này là mọi hình tướng đều gồm *cả* tinh thần lẫn vật chất. Bản thân hình tướng tượng trưng cho phương diện thứ hai của thiên tính, là phương diện *xây dựng hình tướng.* Phương diện thứ hai chịu trách nhiệm về sự kết tụ từ tính của vật chất, mà bản thân vật chất lại được cai quản bởi phương diện thứ ba của thiên tính.

The distinctions are demonstrated in the fact that some forms are negative-positive, others positive-negative, whilst still others are at the point of equilibrium.

Các sự phân biệt được biểu lộ trong sự kiện là một số hình tướng thì âm-dương, những hình tướng khác thì dương-âm, trong khi những hình tướng khác nữa ở tại điểm quân bình.

155. This is clear. For involutionary forms the negative energy predominates over the positive. For superhuman forms, the positive, Spirit aspect, definitely prevails over the negative. The human being is a unit of force in which a point of evolution is reached where equilibrium between the two aspects is demonstrated.

155. Điều này rõ ràng. Đối với các hình tướng giáng hạ tiến hoá, năng lượng âm trội hơn năng lượng dương. Đối với các hình tướng siêu nhân loại, phương diện dương, tinh thần, rõ ràng thắng thế phương diện âm. Con người là một đơn vị mãnh lực trong đó đạt đến một điểm tiến hoá nơi sự quân bình giữa hai phương diện được biểu lộ.

156. From another perspective, the point of equilibrium could be considered the 'turn' which distinguishes involutionary forms from evolutionary forms.

156. Từ một góc độ khác, điểm quân bình có thể được xem là "khúc ngoặt" phân biệt các hình tướng giáng hạ tiến hoá với các hình tướng thăng thượng tiến hoá.

This includes all the intermediate stages.

Điều này bao gồm mọi giai đoạn trung gian.

157. The human kingdom, itself, represents an intermediate stage spanning millions of years of process.

157. Chính giới nhân loại tượng trưng cho một giai đoạn trung gian kéo dài hàng triệu năm tiến trình.

The Builders of the cosmos work under cyclic law consciously,

Các Đấng kiến tạo của vũ trụ làm việc dưới định luật chu kỳ một cách hữu thức,

158. We note the word is capitalized —"Builders". These are greater Lives Who are consciously cooperating with the "Law of Cycles".

158. Chúng ta lưu ý rằng từ này được viết hoa—"Đấng kiến tạo". Đây là những Sự sống lớn lao đang hữu thức hợp tác với "Định luật Chu Kỳ".

and utilise the aggregate of these forces in any kingdom, any group or any unit to bring about the consummation of the plan.

và sử dụng tổng thể các mãnh lực này trong bất kỳ giới nào, bất kỳ nhóm nào hay bất kỳ đơn vị nào để mang lại sự hoàn tất của Thiên Cơ.

159. These "Builders" are wise manipulators of energy and force.

159. Những "Đấng kiến tạo" này là những vị thao tác năng lượng và mãnh lực một cách minh triết.

It would interest men much if they could see and interpret some of the records in the hierarchical records, for in them men and angels, minerals and elements, animals and vegetables, kingdoms and groups, Gods and ants ***are specified in terms of energy formulas***

Điều này sẽ khiến những người nam và nữ rất quan tâm nếu họ có thể thấy và giải thích một số hồ sơ trong các hồ sơ của Thánh đoàn, vì trong đó những người nam và nữ và các thiên thần, khoáng vật và các nguyên tố, động vật và thực vật, các giới và các nhóm, các Thượng đế và loài kiến ***được xác định theo các công thức năng lượng***

160. How very fascinating! Occultism (a scientific pursuit) leads directly to the understanding of such formulas. We are being given an entirely impersonal way of regarding the quality of all manner of E/ entities.

160. Thật hấp dẫn biết bao! Huyền bí học (một sự theo đuổi có tính khoa học) dẫn trực tiếp đến sự thấu hiểu những công thức như thế. Chúng ta đang được trao cho một cách hoàn toàn vô ngã để nhìn phẩm tính của mọi loại Thực thể/thực thể.

161. Behind all these formulas stands the One Being Who is the Essence of each. "I mastered energy for I am energy itself. The Master and the mastered are but One." (EP I 417)

161. Đằng sau tất cả những công thức này là Đấng Duy Nhất, Đấng là Tinh Túy của mỗi hữu thể. "Tôi đã làm chủ năng lượng vì tôi chính là năng lượng. Chân sư và cái được làm chủ chỉ là Một." (EP I 417)

and by a scrutiny of these records **the approximate increase of vibration in any form of any kind** can be found out at any time.

162. Even the Master must study these records carefully.

163. There records can be used to ascertain the vibratory differences between various kinds of forms, but, perhaps, as well, the increase of vibration which distinguishes forms of the same general type.

This might be expressed in terms also of the Gunas; it will be found by disciples (when permitted access to the records) that they themselves, along with every other expression of the divine life, are **described by a triple formula** which conveys to the mind of the initiate the **proportions of tamas or inertia, of rajas or activity, and of sattva or rhythm** to be found in any form.

164. This is comprehensible. Relative to the average human being, the Master would be a sattvic manifestation of Divinity.

165. The proportion of the Gunas active in a human being would have a correspondence to the groups of chakras which were more or less active.

166. In the tamasic period the lower centers would be the most active; in the rajasic period, the middle centers; in the sattvic period, obviously the highest centers.

This, therefore, through correspondences, imparts knowledge as to past achievement, present opportunity and the immediate

và bằng sự khảo sát các hồ sơ này **sự gia tăng rung động xấp xỉ trong bất kỳ hình tướng nào thuộc bất kỳ loại nào** có thể được tìm ra vào bất cứ lúc nào.

162. Ngay cả Chân sư cũng phải nghiên cứu cẩn thận những hồ sơ này.

163. Những hồ sơ này có thể được dùng để xác định các khác biệt rung động giữa những loại hình tướng khác nhau, nhưng có lẽ cũng để xác định sự gia tăng rung động phân biệt các hình tướng thuộc cùng một loại tổng quát.

Điều này cũng có thể được diễn tả theo các Guna; các đệ tử sẽ thấy (khi được phép tiếp cận các hồ sơ) rằng chính họ, cùng với mọi biểu hiện khác của sự sống thiêng liêng, đều **được mô tả bằng một công thức tam phân** truyền đạt cho trí tuệ của điểm đạo đồ **các tỉ lệ của tamas hay quán tính, của rajas hay hoạt động, và của sattva hay nhịp điệu** được tìm thấy trong bất kỳ hình tướng nào.

164. Điều này có thể hiểu được. So với con người trung bình, Chân sư sẽ là một biểu hiện sattva của Thiên tính.

165. Tỉ lệ các Guna hoạt động trong một con người sẽ có sự tương ứng với các nhóm luân xa hoạt động nhiều hay ít.

166. Trong thời kỳ tamas, các trung tâm thấp sẽ hoạt động mạnh nhất; trong thời kỳ rajas, các trung tâm giữa; trong thời kỳ sattva, hiển nhiên là các trung tâm cao nhất.

Do đó, điều này, thông qua các tương ứng, truyền đạt tri thức về thành tựu quá khứ, cơ hội hiện tại và tương lai gần [Page 1142] của

[Page 1142] future of any unit or embodied life, manifesting under any of the three aspects.

bất kỳ đơn vị hay sự sống nhập thể nào, biểu hiện dưới bất kỳ phương diện nào trong ba phương diện.

167. The Lords of Karma would find the use of such information indispensable.

167. Các Chúa Tể Nghiệp Quả hẳn sẽ thấy việc sử dụng loại thông tin như thế là không thể thiếu.

168. Presumably, for man at this time, an increase of the sattvic vibration is what is required. Modern man is certainly a rajasic being.

168. Có lẽ, đối với con người vào lúc này, điều cần thiết là sự gia tăng rung động sattva. Con người hiện đại chắc chắn là một hữu thể rajas.

S9S7 Part II

TCF 1142-1146

TCF 1142-1146

Not Yet Proofed

Chưa hiệu đính

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của Luận về Lửa Vũ Trụ được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *Luận về Lửa Vũ Trụ* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Another series of files in the records give

Một loạt hồ sơ khác trong các văn khố cho biết

169. We must note the remarkable organization and thoroughness of these records, must be not?

—under a different formula—information as to what is esoterically called "the heat content" of any unit, "the radiating light" of any form, and the "magnetic force" of every life.

170. These terms are not equivalent: in this case it is likely that “the heat content” relates to the third aspect; “the radiating light” to the second; and the “magnetic force” to the first. We remember that “magnetism” is esoterically known as a first ray demonstration.

There is still another point upon which I would like to touch. Owing to the fact that the Law which governs the Hierarchy is the second systemic law, the Law of Attraction, students are apt to think that magnetism is a second ray quality. They are right in so far that all the systemic laws are expressions of the life of God through the medium, at this time, of the second ray, which makes our solar system a second ray system. All other laws and qualities (for a law from the divine angle is the motivating, qualified agent of the divine will, as understood in Shamballa) are related to the second ray as it manifests through our planetary Logos. **Nevertheless, magnetic action is more closely allied to first ray functioning than it is to the second ray, and is an aspect or quality of the Law of Synthesis.** It was this magnetic power of the first ray to which the Christ referred when He said "I, if I be lifted up (The Ascension Initiation. A.A.B.), will draw all men unto me." He faced then those initiations which would qualify Him to become what is esoterically called "a

169. Chúng ta phải lưu ý đến sự tổ chức đáng kinh ngạc và tính triệt để của những hồ sơ này, phải không?

—theo một công thức khác—thông tin về điều được gọi một cách huyền bí là “nhiệt lượng chứa đựng” của bất kỳ đơn vị nào, “ánh sáng bức xạ” của bất kỳ hình tướng nào, và “mãnh lực từ tính” của mọi sự sống.

170. Những thuật ngữ này không tương đương nhau: trong trường hợp này có lẽ “nhiệt lượng chứa đựng” liên hệ với phương diện thứ ba; “ánh sáng bức xạ” với phương diện thứ hai; và “mãnh lực từ tính” với phương diện thứ nhất. Chúng ta nhớ rằng “từ điện” được biết một cách huyền bí là một biểu hiện của cung một.

Vẫn còn một điểm khác mà tôi muốn đề cập đến. Do sự kiện rằng Định luật chi phối Thánh Đoàn là định luật hệ thống thứ hai, Định luật Hấp Dẫn, nên các đạo sinh dễ nghĩ rằng từ điện là một phẩm tính của cung hai. Họ đúng trong chừng mực mọi định luật hệ thống đều là những biểu hiện của sự sống của Thượng đế qua trung gian, vào lúc này, của cung hai, vốn khiến hệ mặt trời của chúng ta là một hệ thống cung hai. Mọi định luật và phẩm tính khác (vì một định luật, xét từ góc độ thiêng liêng, là tác nhân thúc đẩy và định tính của ý chí thiêng liêng, như được thấu hiểu tại Shamballa) đều liên hệ với cung hai khi nó biểu hiện qua Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. **Tuy nhiên, hoạt động từ tính liên kết mật thiết với sự vận hành của cung một hơn là với cung hai, và là một phương diện hay phẩm tính của Định luật Tổng Hợp.** Chính quyền năng từ tính của cung một này mà Đức Christ đã nói đến khi Ngài phán: "Ta, nếu được nâng lên cao (Cuộc Điểm Đạo Thăng Thiên. A.A.B.), sẽ kéo mọi người đến với ta." Khi ấy Ngài đang đối diện với những lần điểm đạo sẽ làm cho

Shamballa recipient." There is, in magnetic action, more of the element of the will and of an expressing purpose. (R&I 375)

Ngài đủ tư cách để trở thành điều mà huyền bí học gọi là "một vị tiếp nhận Shamballa". Trong hoạt động từ tính có nhiều yếu tố của ý chí và của một mục đích đang biểu lộ hơn. (R&I 375)

3. This Shamballic magnetism not only relates the Ashrams to each other, but it is also the potency which evokes the will or the first ray nature inherent in every man but which is only consciously and definitely unfolded within the periphery of the great Ashram. (R&I 376)

3. Từ điện Shamballa này không những liên kết các ashram với nhau, mà còn là tiềm lực gợi lên ý chí hay bản chất cung một vốn tiềm ẩn trong mỗi người nhưng chỉ được khai mở một cách hữu thức và xác định trong chu vi của đại ashram. (R&I 376)

It is through this knowledge that the Lipikas control the bringing in, and the passing out, of every Life, divine, superhuman, solar and human,

Chính nhờ tri thức này mà các Lipika kiểm soát sự đi vào và sự đi ra của mọi Sự sống, thiêng liêng, siêu nhân, thái dương và nhân loại,

171. The Lipika have control of planetary Lives and, presumably over the Three Persons of the Logoic Trinity. Perhaps, They have control over the coming in and passing out of the Solar Logos, Himself.

171. Các Lipika kiểm soát các Sự Sống Hành tinh và, có lẽ, cả Ba Ngôi của Tam Vị Logoic. Có lẽ Các Ngài còn kiểm soát cả sự đi vào và đi ra của chính Thái dương Thượng đế.

172. We can see that the Lipikas have a definitely *first ray* function—appearance and disappearance.

172. Chúng ta có thể thấy rằng các Lipika có một chức năng rõ rệt của *cung một* —xuất hiện và biến mất.

and it is **through a consideration of that formula which is the basic formula for a solar system** that the physical plane appearance of a solar Logos is controlled, and the length of a cosmic pralaya settled.

và chính **qua việc xem xét công thức vốn là công thức căn bản cho một hệ mặt trời** mà sự xuất hiện trên cõi hồng trần của một Thái dương Thượng đế được kiểm soát, và độ dài của một Giai kỳ qui nguyên vũ trụ được quyết định.

173. A cosmic pralaya, in this instance, is analogous to the interval between human incarnations. It involves release of the Solar Logos from the cosmic physical plane and focus, successively, upon the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

173. Trong trường hợp này, một Giai kỳ qui nguyên vũ trụ tương tự như khoảng thời gian giữa các lần lâm phàm của con người. Nó bao hàm sự giải thoát Thái dương Thượng đế khỏi cõi hồng trần vũ trụ và sự tập trung, kế tiếp nhau, vào cõi cảm dục vũ trụ rồi cõi trí vũ trụ.

We must not forget that **the Lipika Lords of the solar system have Their cosmic prototypes**, and that **These have Their feeble and groping human reflections in the great astronomical scientists who endeavour to ascertain facts anent the heavenly bodies**, being subconsciously aware of the existence of these cosmic formulas conveying information as to the specific gravity, constitution, radiation, magnetic pull, heat and light of any sun, solar system, or constellation.

Chúng ta không được quên rằng **các Đấng Lipika của hệ mặt trời có những nguyên mẫu vũ trụ của Các Ngài**, và rằng **Những Đấng này có những phản ánh nhân loại yếu ớt và dò dẫm của Các Ngài nơi các nhà khoa học thiên văn vĩ đại đang nỗ lực xác định các sự kiện liên quan đến các thiên thể**, vì họ một cách tiềm thức nhận biết sự hiện hữu của các công thức vũ trụ này, vốn truyền đạt thông tin về trọng lượng riêng, cấu tạo, bức xạ, lực hút từ tính, nhiệt và ánh sáng của bất kỳ mặt trời, hệ mặt trời hay chòm sao nào.

174. We have a triple analogy between Cosmic Lipika Lords, solar systemic Lipika Lords and human astrophysicists. It is clear that the fifth ray is involved in producing a Lipika Lord.

174. Chúng ta có một sự tương đồng tam phân giữa các Đấng Lipika Vũ Trụ, các Đấng Lipika của hệ mặt trời và các nhà vật lý thiên văn nhân loại. Rõ ràng cung năm có liên quan trong việc tạo ra một Đấng Lipika.

175. The Second Path on the Way of Higher Evolution leads to the cosmic astral plane and is pursued by a number of those who are, monadically, upon the fifth ray. By a process of alchemization they are lifted to the cosmic mental plane, and onto the Path of Absolute Sonship (which is an aspect of training to become a Lipika Lord).

175. Con đường thứ hai trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ và được theo đuổi bởi một số vị mà, về mặt chân thần, thuộc cung năm. Qua một tiến trình thuật luyện kim, họ được nâng lên cõi trí vũ trụ, rồi lên Con Đường Tuyệt Đối Tử Hệ (vốn là một phương diện của sự huấn luyện để trở thành một Đấng Lipika).

176. We do note that Lipikas are *both* of the systemic and cosmic varieties.

176. Chúng ta lưu ý rằng các Lipika thuộc *cả* loại hệ thống lẫn loại vũ trụ.

177. The formulas under discussion convey various types of information. Let us tabulate them:

177. Các công thức đang được bàn đến truyền đạt nhiều loại thông tin khác nhau. Chúng ta hãy liệt kê chúng:

a. Specific gravity

a. Trọng lượng riêng

b. Constitution

b. Cấu tạo

c. Radiation

c. Bức xạ

d. Magnetic pull

e. Heat

f. Light

178. I think we can see that even constellations and their Lords are supervised by a type of Lipika Lord.

Many of them in future and remote ages

179. In this case the term “ages” means Mahamanvantaras. It takes many mahamanvantaras for a man (or group of men) to develop into a Lipika Lord.

will pass to a full comprehension, and will have the formulas committed to their care, thus joining the ranks of the Lipikas. It is a peculiar line, requiring cycles of careful training in divine mathematics.

180. This is a fascinating statement and one that shows that the mental discipline of mathematics (as humanity understands it) is but the tiny and dim anticipation of a vast, cosmically applicable subject.

181. The calculations required to ensure an exact working out of karma must be mathematically staggering. If we consider that every human being (or being of any kind) is really an *energy formula* we can see why karmic adjustments between such formulas must be approached through divine mathematics.

d. Lực hút từ tính

e. Nhiệt

f. Ánh sáng

178. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy rằng ngay cả các chòm sao và các Chúa Tể của chúng cũng được giám sát bởi một loại Đấng Lipika.

Nhiều vị trong số đó, trong những thời đại tương lai và xa xôi,

179. Trong trường hợp này, thuật ngữ “thời đại” có nghĩa là các Đại giai kỳ sinh hóa. Cần nhiều đại giai kỳ sinh hóa để một người (hay một nhóm người) phát triển thành một Đấng Lipika.

sẽ đạt đến sự thấu hiểu trọn vẹn, và sẽ được giao phó các công thức để chăm nom, nhờ đó gia nhập hàng ngũ các Lipika. Đây là một tuyến đường đặc biệt, đòi hỏi những chu kỳ huấn luyện cẩn trọng trong toán học thiêng liêng.

180. Đây là một phát biểu hấp dẫn và cho thấy rằng sự rèn luyện trí tuệ của toán học (theo cách nhân loại hiểu) chỉ là sự báo trước nhỏ bé và mờ nhạt của một bộ môn bao la có thể áp dụng ở cấp vũ trụ.

181. Những phép tính cần thiết để bảo đảm sự vận hành chính xác của nghiệp quả hẳn phải gây choáng ngợp về mặt toán học. Nếu chúng ta xét rằng mỗi con người (hay hữu thể thuộc bất kỳ loại nào) thực sự là một *công thức năng lượng* thì có thể thấy vì sao những điều chỉnh nghiệp quả giữa các công thức như thế phải được tiếp cận qua toán học thiêng liêng.

The Lipika Lords, controlling the periodical manifestation of life are, roughly speaking, divided into the following groups, which it might be of interest to note:

Các Đấng Lipika, kiểm soát sự biểu hiện tuần hoàn của sự sống, nói một cách khái quát, được chia thành các nhóm sau đây, điều mà có lẽ đáng lưu ý:

182. Here we gather some idea of the scope of these great Beings.

182. Ở đây chúng ta có được một ý niệm nào đó về phạm vi của các Đấng vĩ đại này.

1. Three extra-systemic or cosmic Lords of Karma, Who work from a centre in Sirius

1. Ba Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả ngoài-hệ-thống hay vũ trụ, Đấng làm việc từ một trung tâm trong Sirius

183. It is clear that Master DK knows something about the internal structure of Sirius.

183. Rõ ràng Chân sư DK biết điều gì đó về cấu trúc nội tại của Sirius.

184. We have been told of three orders of Lives who live on/in Sirius and now about three "cosmic Lords of Karma" also associated with that great Being.

184. Chúng ta đã được cho biết về ba cấp Sự sống sống trên/trong Sirius và giờ đây lại biết thêm về ba "Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả vũ trụ" cũng liên hệ với Đấng vĩ đại ấy.

through the medium of three representatives.

qua trung gian của ba vị đại diện.

185. The three representatives are active within our solar system.

185. Ba vị đại diện này hoạt động trong hệ mặt trời của chúng ta.

These form a group around the solar Logos, and hold to Him a position analogous to the three Buddhas of Activity Who stand around Sanat Kumara.

Các vị này tạo thành một nhóm quanh Thái dương Thượng đế, và giữ đối với Ngài một vị trí tương tự như ba Đức Phật Hoạt Động đứng quanh Đức Sanat Kumara.

[Page 1143]

[Page 1143]

186. There are at least two groups gathered around our Solar Logos. One group consists of the Three Logoi or Three Persons of the Logoic Trinity. These great Beings also seem to be analogous to the three Buddhas of Activity.

186. Có ít nhất hai nhóm tập hợp quanh Thái dương Thượng đế của chúng ta. Một nhóm gồm Ba Thượng đế hay Ba Ngôi của Tam Vị Logoic. Các Đấng vĩ đại này dường như cũng tương tự với ba Đức Phật Hoạt Động.

187. We cannot say that the three Cosmic Lipika Lords are the same as the Three Logoi or Three Persons.

188. Perhaps we can solve this if we consider the Three Persons as emanations or aspects of the Solar Logos, Himself.

189. From what we can understand the three Buddhas of Activity are *not* emanations of Sanat Kumara, but were distinct Planetary Logoi in the previous solar system.

2. Three Lipika Lords Who are the karmic agents working through the three aspects.

190. We have to determine whether these are three *additional* Lipika Lords—additional to the one mentioned under Point 1 above, or whether the three representatives of the Three Cosmic Lipika Lords are the very Entities here referenced.

191. Given what is stated in Point 3, the three Lipika Lords under Point 2 *could be* other than the three mentioned in Point 1.

3. Nine Lipikas Who are the sumtotal of the agents for the Law working through what the *Qabbalah* calls the nine Sephiroth.

192. We note that these nine Lipikas work *through* the Sephiroth. They are not necessarily equivalent to the Sephiroth.

193. The Sephiroth, from another point of view, are the Planetary Logoi, and what is here said is that these nine Lipikas work *through* the Planetary Logoi.

187. Chúng ta không thể nói rằng ba Đấng Lipika Vũ Trụ là cùng một với Ba Thượng đế hay Ba Ngôi.

188. Có lẽ chúng ta có thể giải quyết điều này nếu xem Ba Ngôi như những phát xạ hay phương diện của chính Thái dương Thượng đế.

189. Từ những gì chúng ta có thể hiểu, ba Đức Phật Hoạt Động *không* phải là những phát xạ của Đức Sanat Kumara, mà là những Hành Tinh Thượng Đế riêng biệt trong hệ mặt trời trước.

2. Ba Đấng Lipika là các tác nhân nghiệp quả hoạt động qua ba phương diện.

190. Chúng ta phải xác định liệu đây có phải là ba Đấng Lipika *bổ sung* —bổ sung cho vị được nêu ở Điểm 1 trên đây—hay ba vị đại diện của Ba Đấng Lipika Vũ Trụ chính là những Thực Thể được nói đến ở đây.

191. Xét theo điều được nêu ở Điểm 3, ba Đấng Lipika ở Điểm 2 *có thể là* khác với ba vị được nhắc đến ở Điểm 1.

3. Chín Lipika là tổng thể các tác nhân của Định luật hoạt động qua điều mà *Qabbalah* gọi là chín Sephiroth.

192. Chúng ta lưu ý rằng chín Lipika này hoạt động *qua* các Sephiroth. Chúng không nhất thiết tương đương với các Sephiroth.

193. Các Sephiroth, từ một quan điểm khác, là các Hành Tinh Thượng Đế, và điều được nói ở đây là chín Lipika này hoạt động *qua* các Hành Tinh Thượng Đế.

194. All in all there are twelve Lipikas mentioned under Points 2 and 3. It is possible, perhaps, to correlate them with the twelve planets which, eventually, will be known to be associated with each of the twelve zodiacal signs.

194. Tính chung lại có mười hai Lipika được nhắc đến ở các Điểm 2 và 3. Có lẽ có thể liên hệ chúng với mười hai hành tinh mà rốt cuộc sẽ được biết là gắn liền với mỗi một trong mười hai dấu hiệu hoàng đạo.

4. Seven presiding agents of karma for each one of the seven schemes.

4. Bảy tác nhân chủ trì của nghiệp quả cho mỗi một trong bảy hệ hành tinh.

195. We must wonder whether there are seven presiding agents, one of the seven for each of the seven major planetary schemes, OR whether each of the seven schemes has seven presiding agents.

195. Chúng ta phải tự hỏi liệu có bảy tác nhân chủ trì, mỗi vị trong bảy vị dành cho mỗi một trong bảy hệ hành tinh chính, HAY mỗi một trong bảy hệ hành tinh đều có bảy tác nhân chủ trì.

196. Only seven planetary schemes are here mentioned, whereas there are really many more. Perhaps the seven sacred schemes in some way *include* all the others.

196. Ở đây chỉ nhắc đến bảy hệ hành tinh, trong khi thực ra còn nhiều hơn thế. Có lẽ bảy hệ thiêng liêng bằng cách nào đó *bao gồm* tất cả những hệ khác.

197. If the Sephiroth are really Planetary Logoi then there is at least one major Lipika for each of the nine or twelve planetary schemes. Of a lesser nature than the nine or twelve Lipika (mentioned, collectively, in Points 2 and 3) may be these "seven presiding agents" – presumably *seven* for each planetary scheme. One wonders whether these seven in some way are associated with each of the seven major chains of any Planetary Logos.

197. Nếu các Sephiroth thực sự là các Hành Tinh Thượng Đế thì có ít nhất một Lipika lớn cho mỗi một trong chín hay mười hai hệ hành tinh. Có bản chất thấp hơn chín hay mười hai Lipika (được nhắc đến tập thể ở các Điểm 2 và 3) có thể là những "bảy tác nhân chủ trì" này – có lẽ là *bảy* cho mỗi hệ hành tinh. Người ta tự hỏi liệu bảy vị này bằng cách nào đó có liên hệ với mỗi một trong bảy dãy chính của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào hay không.

198. In any case, we have received detailed information about extra-systemic or Cosmic Lipika Lords; solar systemic Lipika Lords; planetary Lipika Lords; and intra-planetary Lipika Lords.

198. Dù sao đi nữa, chúng ta đã nhận được thông tin chi tiết về các Đấng Lipika ngoài-hệ-thống hay Vũ Trụ; các Đấng Lipika của hệ mặt trời; các Đấng Lipika hành tinh; và các Đấng Lipika nội hành tinh.

These four groups correspond in manifestation to the Unmanifested, manifesting through the triple Aspects,

Bốn nhóm này tương ứng trong biểu hiện với cái Không Biểu Hiện, biểu lộ qua ba Phương diện,

199. We have four ‘above’ and three ‘below’. This relationship corresponds to the structure of planes in which there are four subplanes of a higher order and three of a lower.

199. Chúng ta có bốn cái “ở trên” và ba cái “ở dưới”. Tương quan này tương ứng với cấu trúc các cõi, trong đó có bốn cõi phụ thuộc một trật tự cao hơn và ba cõi phụ thuộc một trật tự thấp hơn.

200. Relative to physicality, that which is etheric is “unmanifested”.

200. So với tính hồng trần, điều thuộc dĩ thái là “không biểu hiện”.

and under Them work an infinity of lesser agents.

và dưới Các Ngài hoạt động một vô số tác nhân nhỏ hơn.

201. In any case, a very great number, countless from the human perspective.

201. Dù sao đi nữa, đó là một số lượng rất lớn, không thể đếm được từ góc nhìn nhân loại.

These lesser agents

Những tác nhân nhỏ hơn này

202. Though some of these are “lesser agents” they nevertheless, have great scope.

202. Dù một số vị trong số này là “tác nhân nhỏ hơn”, tuy vậy các vị ấy vẫn có phạm vi hoạt động lớn.

might again be somewhat differentiated, each of the following groups being found in every scheme and on every ray-emanation.

lại có thể được biến phân phần nào, mỗi nhóm sau đây đều hiện diện trong mọi hệ hành tinh và trên mọi phát xạ cung.

203. From one perspective, schemes and ray emanations can be considered equivalent.

203. Từ một góc nhìn, các hệ hành tinh và các phát xạ cung có thể được xem là tương đương.

1. The Lipika Lords of a scheme Who, through the manipulation of forces, make it possible for a planetary Logos to incarnate under the Law, and work out His cyclic problem.

1. Các Đấng Lipika của một hệ hành tinh, Đấng, qua sự vận dụng các mãnh lực, làm cho một Hành Tinh Thượng Đế có thể lâm phàm dưới Định luật, và giải quyết vấn đề chu kỳ của Ngài.

204. We have descended to the scheme level. Presumably the Lipika Lords mentioned here are of a lesser order that the “seven presiding agents of karma for each one of the seven schemes”.

204. Chúng ta đã đi xuống cấp độ hệ hành tinh. Có lẽ các Đấng Lipika được nhắc đến ở đây thuộc một cấp thấp hơn “bảy tác nhân chủ trì của nghiệp quả cho mỗi một trong bảy hệ hành tinh”.

2. Those who (under the first group) control the destiny of a chain.

205. Are there seven of these Lipika or perhaps *ten* as at some points in the planetary evolutionary process there are *ten* planetary chains.

206. In what way are these controllers of the destiny of a chain different from the "seven presiding agents" listed in Point 4, above?

3. Those who are the energy-directors of a globe.

207. Of these there must be in any planetary scheme no fewer than forty-nine and probably seventy, if the ten chains with seven globes each are considered.

208. Some books suggest that there may be even twelve chains in a planetary scheme and the number of globes in a chain need not be limited to seven. So we can see that the numbers of Lipika Lords who are energy-directors of the globes in a planetary scheme could be variable.

4. Agents of every kind Who are concerned with the karmic adjustments, incident upon the periodical manifestation of such forms as:

209. The various types of agents are highly organized and have functions which pertain to the various structural elements and cycles of a Planetary Logos functioning through a planetary scheme.

a. A round, seven in all.

2. Những vị (dưới nhóm thứ nhất) kiểm soát vận mệnh của một Dãy.

205. Có phải có bảy Lipika loại này hay có lẽ là *mười* vì tại một số điểm trong tiến trình tiến hoá hành tinh có *mười* dãy hành tinh.

206. Những vị kiểm soát vận mệnh của một Dãy này khác với "bảy tác nhân chủ trì" được liệt kê ở Điểm 4 trên đây ở phương diện nào?

3. Những vị là các vị chỉ đạo năng lượng của một bầu hành tinh.

207. Trong bất kỳ hệ hành tinh nào, số vị này hẳn không dưới bốn mươi chín và có lẽ là bảy mươi, nếu tính mười dãy với mỗi dãy bảy bầu hành tinh.

208. Một số sách gợi ý rằng thậm chí có thể có mười hai dãy trong một hệ hành tinh và số bầu hành tinh trong một dãy không nhất thiết bị giới hạn ở bảy. Vì vậy chúng ta có thể thấy rằng số lượng các Đấng Lipika là những vị chỉ đạo năng lượng của các bầu hành tinh trong một hệ hành tinh có thể thay đổi.

4. Các tác nhân thuộc mọi loại, Đấng liên quan đến những điều chỉnh nghiệp quả phát sinh từ sự biểu hiện tuần hoàn của những hình tướng như:

209. Các loại tác nhân khác nhau được tổ chức rất cao và có những chức năng liên quan đến các yếu tố cấu trúc và các chu kỳ khác nhau của một Hành Tinh Thượng Đế đang vận hành qua một hệ hành tinh.

a. Một cuộc tuần hoàn, tổng cộng là bảy.

210. We must differentiate between chain rounds and scheme rounds. In any planetary scheme there are probably seven *major* or *scheme* rounds, and forty-nine chain rounds —again depending on how many chains there really are in a planetary scheme.

210. Chúng ta phải phân biệt giữa các cuộc tuần hoàn của dãy và các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh. Trong bất kỳ hệ hành tinh nào có lẽ có bảy cuộc tuần hoàn *chính* hay *của hệ hành tinh* và bốn mươi chín cuộc tuần hoàn của dãy—một lần nữa còn tùy vào thực sự có bao nhiêu dãy trong một hệ hành tinh.

b. A kingdom in nature, seven in all.

b. Một giới trong thiên nhiên, tổng cộng là bảy.

211. Kingdoms of nature are found throughout the solar system and also in every planetary scheme. DK is telling us that there are agents of Lipika Lords associated with each of the seven kingdoms beginning with the mineral kingdom and ending with the Kingdom of Solar Lives.

211. Các giới trong thiên nhiên hiện diện khắp hệ mặt trời và cũng trong mọi hệ hành tinh. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng có những tác nhân của các Đấng Lipika gắn với mỗi một trong bảy giới, bắt đầu từ giới kim thạch và kết thúc với Giới của các Sự sống Thái Dương.

c. The human kingdom.

c. Giới nhân loại.

212. The human kingdom has seven major divisions or root-races.

212. Giới nhân loại có bảy phân bộ chính hay bảy giống dân gốc.

d. A rootrace, subrace and branch race.

d. Một giống dân gốc, giống dân phụ và giống dân nhánh.

213. Every root-race has seven subraces and each sub-race has seven branch races. There are also lesser divisions probably controlled by the number seven.

213. Mỗi giống dân gốc có bảy giống dân phụ và mỗi giống dân phụ có bảy giống dân nhánh. Cũng có những phân chia nhỏ hơn có lẽ được chi phối bởi số bảy.

e. A nation, a family, a group, and their correspondences in all the kingdoms.

e. Một quốc gia, một gia tộc, một nhóm, và các tương ứng của chúng trong mọi giới.

214. We note that the term “family” seems to be of larger scope than the term “group”. The families here references must be very extended families—almost “tribes”.

214. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ “gia tộc” dường như có phạm vi lớn hơn thuật ngữ “nhóm”. Những gia tộc được nói đến ở đây hẳn phải là những gia tộc rất mở rộng—gần như “bộ lạc”.

f. A plane.

215. Planes and subplanes will naturally have their karmic rulers.

g. The reptile and insect world.

216. There must be a reason why these are mentioned together.

217. Why are the animal kingdom and the vegetable kingdom not mentioned in this enumeration.

h. The bird evolution.

218. We note how the "bird evolution" is separated from that of the reptile. In some descriptions of evolutionary process, the bird evolution is said to arise from that of the reptile, but occultism sees things differently.

i. The devas.

219. It is interesting that the many types of devas are managed by various agents of the Lipika Lords. Presumably, the devas here referenced are the unconscious ones.

j. **Human units, egoic groups, monadic lives**, [Page 1144] and myriads of other forms, objective and subjective, planetary and interplanetary, in connection with the Sun, and in connection with the planetoids.

220. DK does not use the phrase "in connection with the planets", because He has already given much information about the relation of Lipika Lords and Their agents in relation to the planets.

f. Một cõi.

215. Các cõi và cõi phụ dĩ nhiên sẽ có những vị cai quản nghiệp quả của chúng.

g. Thế giới loài bò sát và côn trùng.

216. Hẳn phải có một lý do vì sao chúng được nhắc đến cùng nhau.

217. Vì sao giới động vật và giới thực vật không được nhắc đến trong sự liệt kê này.

h. Sự tiến hoá của loài chim.

218. Chúng ta lưu ý cách "sự tiến hoá của loài chim" được tách riêng khỏi loài bò sát. Trong một số mô tả về tiến trình tiến hoá, sự tiến hoá của loài chim được nói là phát sinh từ loài bò sát, nhưng huyền bí học nhìn sự việc khác đi.

i. Các thiên thần.

219. Thật thú vị khi nhiều loại thiên thần được quản lý bởi các tác nhân khác nhau của các Đấng Lipika. Có lẽ các thiên thần được nói đến ở đây là những vị vô thức.

j. **Các đơn vị nhân loại, các nhóm chân ngã, các sự sống chân thần**, [Page 1144] và vô số hình tướng khác, khách quan và chủ quan, hành tinh và liên hành tinh, liên hệ với Mặt Trời, và liên hệ với các tiểu hành tinh.

220. Chân sư DK không dùng cụm từ "liên hệ với các hành tinh", vì Ngài đã cung cấp nhiều thông tin về mối liên hệ của các Đấng Lipika và các tác nhân của Các Ngài đối với các hành tinh.

221. Notice the use of the terms “units”, “groups” and “lives” applied to the three levels of man. Each of them contains a hint. “Lives” certainly break through barriers which still operative in “groups”.

221. Hãy lưu ý việc dùng các thuật ngữ “đơn vị”, “nhóm” và “sự sống” áp dụng cho ba cấp độ của con người. Mỗi thuật ngữ đều hàm chứa một gợi ý. “Sự sống” chắc chắn vượt qua những rào cản vẫn còn hoạt động trong “nhóm”.

222. I think we can gather that all manner of lives are under karmic regulation.

222. Tôi nghĩ chúng ta có thể suy ra rằng mọi loại sự sống đều nằm dưới sự điều chỉnh của nghiệp quả.

All

Tất cả

223. Agents…

223. Các tác nhân…

work with energy emanations, and with force units under cyclic law, and all have the same objective,—the producing of perfected activity, **intensification of heat,** and of **radiant magnetic light** as an **expression of the will or purpose of each embodied life**.

đều làm việc với các phát xạ năng lượng, và với các đơn vị lực dưới định luật chu kỳ, và tất cả đều có cùng một mục tiêu,—tạo ra hoạt động hoàn hảo, **sự tăng cường nhiệt,** và **ánh sáng từ tính rạng ngời** như một **biểu hiện của ý chí hay mục đích của mỗi sự sống nhập thể**.

224. Here we are faced again, with a triplicity: heat, light and will. Somewhat above in this text we encountered heat, light and magnetism.

224. Ở đây chúng ta lại đối diện với một bộ ba: nhiệt, ánh sáng và ý chí. Ở phần trên của đoạn văn này, chúng ta đã gặp nhiệt, ánh sáng và từ điện.

225. We should note then that light is magnetic and that the will is a demonstration of magnetism of a different kind.

225. Vậy chúng ta nên lưu ý rằng ánh sáng có tính từ tính và ý chí là một biểu hiện của từ điện thuộc một loại khác.

Periodicity of manifestation is the **cyclic appearance of certain forms of specified energy**, and this is true whether a man is speaking of a solar system, of a Ray, of the appearance of a planet in space, or of the phenomenon of human birth.

Tính chu kỳ của biểu hiện là **sự xuất hiện theo chu kỳ của những hình tướng nhất định của năng lượng được xác định**, và điều này đúng dù một người đang nói về một hệ mặt trời, một cung, sự xuất hiện của một hành tinh trong không gian, hay hiện tượng sinh ra của con người.

226. This is an excellent definition of periodicity. We are speaking scientifically of the "cyclic appearance of certain forms of specified energy" and not about the appearance of certain B/beings—though this, too, is true.

226. Đây là một định nghĩa rất xuất sắc về tính chu kỳ. Chúng ta đang nói một cách khoa học về "sự xuất hiện theo chu kỳ của những hình tướng nhất định của năng lượng được xác định" chứ không phải về sự xuất hiện của những H/hữu thể nhất định—dù điều này cũng đúng.

227. Energy patterns appear and disappear cyclically and all this is controlled by the Law of Periodicity which certainly is related to the Law of Cycles.

227. Các mô hình năng lượng xuất hiện và biến mất theo chu kỳ và tất cả điều này được kiểm soát bởi Định luật Chu kỳ, vốn chắc chắn có liên hệ với Định luật các Chu kỳ.

Certain factors extraneous to any energy unit under consideration, will inevitably affect its appearance, and act as deflecting or directing agents.

Một số yếu tố ở bên ngoài bất kỳ đơn vị năng lượng nào đang được xem xét chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sự xuất hiện của nó, và hoạt động như những tác nhân làm lệch hướng hay định hướng.

228. These "deflecting or directing agents" involve themselves with any energy unit under cyclic law.

228. Những "tác nhân làm lệch hướng hay định hướng" này can dự vào bất kỳ đơn vị năng lượng nào dưới định luật chu kỳ.

The Law of Cycles has ever been regarded as one of the most difficult for a man to master, and it has been truly said that when a man has mastered its technicalities, and can understand its methods of time computation, he has attained initiation.

Định luật các Chu kỳ từ lâu vẫn được xem là một trong những định luật khó nhất để con người làm chủ, và người ta đã nói rất đúng rằng khi một người đã làm chủ các chi tiết kỹ thuật của nó, và có thể hiểu các phương pháp tính thời gian của nó, y đã đạt đến điểm đạo.

229. No third degree initiate has mastered the Law of Cycles. We are speaking of a mastery which pertains to the third subplane of the atmic plane. The initiation referenced here is probably the fifth, which gives the initiate certain abilities upon the atmic plane.

229. Không một điểm đạo đồ cấp ba nào đã làm chủ Định luật các Chu kỳ. Chúng ta đang nói đến một sự làm chủ thuộc về cõi phụ thứ ba của cõi atma. Lần điểm đạo được nói đến ở đây có lẽ là lần thứ năm, vốn ban cho điểm đạo đồ một số năng lực nhất định trên cõi atma.

Its intricacies are so numerous and so bound up with the still greater law, that of cause and effect,

Những phức tạp của nó nhiều đến mức và gắn chặt với định luật còn lớn hơn nữa, tức định luật nhân quả,

230. I.e., the Law of Karma…

that practically the whole range of possible knowledge is thereby surmounted.

231. Thus the mastery of the Law of Cycles is connected with the atmic siddhi called "All Knowledge".

232. The term "surmounted" makes one wonder about the function of a kind of atmic 'causal body' found, perhaps, on the second and third subplane of the atmic plane. If this is the case, one must watch every work suggested by the Master as He may be hinting at unsuspected associations.

To comprehend this law involves ability to:

a. Deal with the higher mathematical formulas of the solar system.

233. DK has already told us that to calculate the approximately 100,000 year rotation of the solar systemic "atom" involves a type of solar mathematics far beyond human ken.

b. Compute the relationship between a unit of any degree and the greater whole upon whose vibration that unit is swept into periodic display.

234. We can consider this computation as part of the mathematics which obtains between the whole and any one of its parts. What energy effect, exactly, does the whole have on the part?

235. We should note the meaning of the term "compute", suggesting that we are

230. Tức là, Định luật Nghiệp quả…

đến nỗi trên thực tế toàn bộ phạm vi của tri thức khả hữu nhờ đó được vượt qua.

231. Như vậy sự làm chủ Định luật các Chu kỳ gắn liền với siddhi atma được gọi là "Toàn Tri".

232. Thuật ngữ "được vượt qua" khiến người ta tự hỏi về chức năng của một loại "thể nguyên nhân" atma, có lẽ được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai và thứ ba của cõi atma. Nếu đúng như vậy, người ta phải chú ý đến mọi tác phẩm do Chân sư gợi ý vì có thể Ngài đang ám chỉ những liên hệ chưa từng được ngờ tới.

Để thấu hiểu định luật này cần có khả năng:

a. Xử lý các công thức toán học cao hơn của hệ mặt trời.

233. Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng việc tính toán sự quay khoảng 100.000 năm của "nguyên tử" hệ mặt trời đòi hỏi một loại toán học thái dương vượt xa sự hiểu biết của con người.

b. Tính toán mối liên hệ giữa một đơn vị ở bất kỳ cấp độ nào với toàn thể lớn hơn mà trên rung động của nó đơn vị ấy bị cuốn vào sự biểu lộ tuần hoàn.

234. Chúng ta có thể xem phép tính này như một phần của toán học tồn tại giữa toàn thể và bất kỳ phần nào của nó. Chính xác thì toàn thể có tác động năng lượng nào lên phần ấy?

looking for a *number* or *formula* which will describe the effect.

235. Chúng ta nên lưu ý ý nghĩa của thuật ngữ "tính toán", gợi rằng chúng ta đang tìm một *con số* hay *công thức* mô tả tác động đó.

c. Read the akashic records of a planetary system.

c. Đọc các hồ sơ akasha của một hệ hành tinh.

236. This will put in the hands of one who masters the Law of Cycles the record of the past. Seeing how various cycles worked out in the past, the master of this law will be able to anticipate how such cycles might work out in the present or in the future.

236. Điều này sẽ đặt vào tay người làm chủ Định luật các Chu kỳ hồ sơ của quá khứ. Khi thấy các chu kỳ khác nhau đã vận hành ra sao trong quá khứ, vị làm chủ định luật này sẽ có thể dự đoán các chu kỳ ấy có thể vận hành ra sao trong hiện tại hay tương lai.

d. Judge of karmic effects in time and space.

d. Phán đoán các hiệu quả nghiệp quả trong thời gian và không gian.

237. How else can one plan intelligently within a karmic context?

237. Nếu không thì làm sao người ta có thể hoạch định một cách thông minh trong một bối cảnh nghiệp quả?

e. Differentiate between the four streams of karmic effects as they concern the four kingdoms of nature.

e. Phân biệt giữa bốn dòng chính của các hiệu quả nghiệp quả khi chúng liên quan đến bốn giới trong thiên nhiên.

238. Presumably, DK is speaking of the three lower kingdoms and the human kingdom.

238. Có lẽ Chân sư DK đang nói đến ba giới thấp và giới nhân loại.

239. Having master of the Law of Cycles makes one a master at least of the three lower worlds. A Master of the Wisdom is one Who has mastered the three lower worlds.

239. Làm chủ Định luật các Chu kỳ khiến một người trở thành bậc làm chủ ít nhất đối với ba cõi thấp. Một Chân sư Minh Triết là Đấng đã làm chủ ba cõi thấp.

240. It seems quite probable that only a Master of the Wisdom can have the kind of master of the Law of Cycles here discussed, and even such mastery is only the beginning. There are cycles, it is obvious, that even a Master of the Wisdom cannot understand.

240. Có vẻ khá có thể là chỉ một Chân sư Minh Triết mới có thể có loại sự làm chủ Định luật các Chu kỳ được bàn đến ở đây, và ngay cả sự làm chủ như thế cũng chỉ là khởi đầu. Hiển nhiên có những chu kỳ mà ngay cả một Chân sư Minh Triết cũng không thể thấu hiểu.

f. Distinguish between the three main streams of energy [Page 1145] —the units of inertia, mobility and rhythm — and note the key of each unit, and its place in the great group of transitional points.

f. Phân biệt giữa ba dòng năng lượng chính [Page 1145]—các đơn vị của quán tính, tính động và nhịp điệu—và ghi nhận chủ âm của mỗi đơn vị, cùng vị trí của nó trong đại nhóm các điểm chuyển tiếp.

241. How interesting that energy streams are called “units”. Well, “units” are energy patterns.

241. Thật thú vị khi các dòng năng lượng được gọi là “đơn vị”. Vâng, “đơn vị” là các mô hình năng lượng.

242. We are dealing here with a very obscure sentence.

242. Ở đây chúng ta đang xử lý một câu rất tối nghĩa.

243. Probably each energy-stream has its own keynote, and each unit within any of the energy-streams has a keynote as well.

243. Có lẽ mỗi dòng năng lượng đều có chủ âm riêng của nó, và mỗi đơn vị bên trong bất kỳ dòng năng lượng nào cũng có một chủ âm riêng.

244. We read earlier of “transitional points” or those forms of lives which bridged between kingdoms. This could be one meaning of this term.

244. Trước đó chúng ta đã đọc về các “điểm chuyển tiếp” hay những dạng sự sống làm cầu nối giữa các giới. Đây có thể là một ý nghĩa của thuật ngữ này.

245. Another meaning could relate to the flow of circumstances and those points in that flow when transition to a higher or lower state of vibration is a likely outcome.

245. Một ý nghĩa khác có thể liên hệ đến dòng chảy của các hoàn cảnh và những điểm trong dòng chảy ấy khi sự chuyển tiếp sang một trạng thái rung động cao hơn hoặc thấp hơn là một kết quả có khả năng xảy ra.

These latter units are those who are on the crest of one of the three waves, and ready, therefore, to be transferred into a wave of a higher vibratory capacity.

Những đơn vị thuộc loại sau này là những đơn vị đang ở trên đỉnh của một trong ba làn sóng, và vì vậy sẵn sàng được chuyển dịch vào một làn sóng có năng lực rung động cao hơn.

246. Here it is explained. The transitional points are, indeed, those at which transference from one Guna to another is possible—for instance, from Tamas to Rajas, or from Rajas to Sattva.

246. Ở đây điều đó được giải thích. Quả thật, các điểm chuyển tiếp là những điểm tại đó sự chuyển dịch từ Guna này sang Guna khác là có thể xảy ra—thí dụ, từ Tamas sang Rajas, hoặc từ Rajas sang Sattva.

247. It is very interesting that the Gunas are referred to as energy-streams or as “waves”. We should think of them in energic terms.

247. Điều rất thú vị là các Guna được nói đến như những dòng năng lượng hay như các “làn sóng”. Chúng ta nên nghĩ về chúng theo các thuật ngữ năng lượng.

g. Enter the Hall of Records and there read a peculiar group of documents dealing with planetary manifestation in a fourfold manner.

g. Hãy đi vào Phòng Hồ Sơ và ở đó đọc một nhóm tài liệu đặc biệt bàn về sự biểu hiện hành tinh theo cách tứ phân.

248. We remember from a footnote above the fourfold way of reading a page of symbols.

248. Chúng ta nhớ từ một chú thích ở trên về cách đọc một trang biểu tượng theo lối tứ phân.

249. The libraries of the Masters must be incredibly interesting. One day, when we have earned the right and can use wisely the kind of information there to be found, we will have right of entry.

249. Các thư viện của các Chân sư hẳn phải vô cùng lý thú. Một ngày nào đó, khi chúng ta đã xứng đáng với quyền ấy và có thể sử dụng một cách minh triết loại thông tin được tìm thấy ở đó, chúng ta sẽ có quyền bước vào.

It concerns the planetary Logos, and deals with the transference of energy from the moon chain. It concerns the transmission of energy to another planetary scheme, and concerns the interaction between the human Hierarchy (the fourth Kingdom) and the great informing Life of the animal kingdom.

Điều đó liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế, và bàn về sự chuyển dịch năng lượng từ Dãy Mặt Trăng. Điều đó liên quan đến sự truyền dẫn năng lượng sang một hệ hành tinh khác, và liên quan đến sự tương tác giữa Thánh Đoàn nhân loại (giới thứ tư) và Sự sống phú linh vĩ đại của giới động vật.

250. What is said here is of great interest.

250. Điều được nói ở đây hết sức đáng quan tâm.

251. What may be this other planetary scheme? Probably Mars or Venus. The “great informing Life of the animal kingdom” is far more closely related to Mars than to Venus.

251. Hệ hành tinh khác này có thể là gì? Có lẽ là Sao Hỏa hoặc Sao Kim. “Sự sống phú linh vĩ đại của giới động vật” liên hệ với Sao Hỏa chặt chẽ hơn nhiều so với Sao Kim.

When a man can do all these things and has earned the right to know that which produces the phenomenon of manifestation,

Khi con người có thể làm được tất cả những điều này và đã xứng đáng với quyền biết điều tạo ra hiện tượng biểu hiện, y đã xứng

he has earned the right to enter into the councils of the planetary Hierarchy,

đáng với quyền bước vào các hội đồng của Thánh Đoàn hành tinh,

252. This may be another way of calling the man a Master of the Wisdom.

252. Đây có thể là một cách khác để gọi con người ấy là một Chân sư Minh triết.

and himself to direct streams of energy upon, through and out of the planet.

và chính y điều khiển các dòng năng lượng tác động lên, xuyên qua và phát ra khỏi hành tinh.

253. When the Law of Cycles is mastered the Master becomes not only a *knower* of all pertinent cycles but a *director* of the same. We understand that the atmic plane is both a plane of knowledge and a plane of will.

253. Khi Định luật Chu Kỳ được làm chủ, Chân sư không chỉ trở thành một *thức giả* về mọi chu kỳ thích đáng mà còn là một *đấng điều khiển* các chu kỳ ấy. Chúng ta hiểu rằng cõi atma vừa là một cõi của tri thức vừa là một cõi của ý chí.

Some idea **of the complexity governing the periodical manifestation of a human being** may be gathered by a consideration of the **forces which bring human units into manifestation, which produce individualisation**;

Một vài ý niệm **về sự phức tạp chi phối sự biểu hiện theo chu kỳ của một con người** có thể được rút ra bằng cách xem xét các **mãnh lực đưa các đơn vị nhân loại vào biểu hiện, tạo ra sự biệt ngã hóa**;

254. DK attempts to preserve the subject from a superficial estimation of its factors.

254. Chân sư DK cố gắng giữ cho chủ đề này không bị đánh giá hời hợt về các yếu tố của nó.

this is, after all, the appearing of a third stream of energy in conjunction with two others.

rốt cuộc, đây là sự xuất hiện của một dòng năng lượng thứ ba kết hợp với hai dòng khác.

255. The third stream of energy is specially the *human.* The two other streams are monadic/angelic and the animal stream.

255. Dòng năng lượng thứ ba đặc biệt là dòng *nhân loại.* Hai dòng kia là dòng chân thần/thiên thần và dòng động vật.

A man is the meeting ground of three streams of force, one or other preponderating according to his peculiar type.

Con người là điểm gặp gỡ của ba dòng mãnh lực, trong đó dòng này hay dòng kia trội hơn tùy theo loại hình đặc thù của y.

256. The three types of forces are the force of Spirit, the force of soul and the forces of matter—i.e., of the lunar elementals.

256. Ba loại mãnh lực ấy là mãnh lực của tinh thần, mãnh lực của linh hồn và các mãnh lực của vật chất—tức là của các hành khí thái âm.

Let us briefly enumerate these factors and thus get some idea as to the complexity of the matter:

Hãy liệt kê vắn tắt các yếu tố này để nhờ đó có được một vài ý niệm về sự phức tạp của vấn đề:

257. DK does not do this to confuse us, but to encourage in us an attitude of patient approach to a vitally important though complex matter.

257. Chân sư DK không làm điều này để gây rối cho chúng ta, mà để khuyến khích nơi chúng ta một thái độ tiếp cận kiên nhẫn đối với một vấn đề cực kỳ quan trọng tuy phức tạp.

The first and paramount factor is the ray upon which a particular human unit is found. **This means, that there are seven specialised force streams, each with its peculiar quality, type and rhythm.**

Yếu tố đầu tiên và tối quan trọng là cung mà trên đó một đơn vị nhân loại đặc thù được tìm thấy. **Điều này có nghĩa là có bảy dòng mãnh lực chuyên biệt, mỗi dòng có phẩm tính, loại hình và nhịp điệu riêng của nó.**

258. This informs us that there are seven monadic streams of force. The question sometimes arises whether there are three or seven types of Monads. When considering the monadic plane, there are seven. When considering the life of the Monad upon the logoic plane, there are, in all likelihood, three.

258. Điều này cho chúng ta biết rằng có bảy dòng mãnh lực chân thần. Đôi khi nảy sinh câu hỏi liệu có ba hay bảy loại Chân thần. Khi xét cõi chân thần, có bảy. Khi xét sự sống của chân thần trên cõi logoic, rất có thể chỉ có ba.

The matter is further complicated by the fact that though the Ray of **the Monad is its [Page 1146] main qualifying factor**,

Vấn đề còn phức tạp thêm bởi sự kiện rằng tuy Cung của **Chân thần là yếu tố quy định chính [Page 1146] của nó**,

259. We should not this. Although apparently remote, the ray of the Monad is the most important when considering the periodical manifestation of the human being.

259. Chúng ta không nên bỏ qua điều này. Dù có vẻ xa xôi, cung của chân thần vẫn là điều quan trọng nhất khi xét đến sự biểu hiện theo chu kỳ của con người.

260. It is above all the Monad which bring the human being into manifestation—i.e., which produces individualization.

260. Trên hết, chính chân thần là cái đưa con người vào biểu hiện—tức là cái tạo ra sự biệt ngã hóa.

yet two subsidiary Rays, those of the Ego and of the personality, have likewise to be considered.

tuy nhiên hai Cung phụ thuộc, tức cung của chân ngã và của phàm ngã, cũng phải được xét đến.

261. If we are talking about the Monad's influence in the individualization process, it is very interesting to consider that the personality ray is also involved. At the beginning of human evolution and during its early days, this ray must be latent, unexpressed, yet present.

261. Nếu chúng ta đang nói về ảnh hưởng của chân thần trong tiến trình biệt ngã hóa, thì thật rất thú vị khi xét rằng cung phàm ngã cũng có liên quan. Vào lúc khởi đầu của tiến hóa nhân loại và trong những ngày đầu của nó, cung này hẳn còn tiềm ẩn, chưa biểu lộ, nhưng vẫn hiện diện.

262. What this means is that the *emergence* of the egoic ray and the personality ray within the lower worlds is not the same as their existence. They can exist and yet not emerge. We know this to be true of the egoic ray, of course, but what we learn here is that it is also true of the personality ray.

262. Điều này có nghĩa là sự *xuất hiện* của cung chân ngã và cung phàm ngã trong các cõi thấp không đồng nghĩa với sự hiện hữu của chúng. Chúng có thể hiện hữu mà vẫn chưa xuất hiện. Dĩ nhiên, chúng ta biết điều này là đúng đối với cung chân ngã, nhưng điều chúng ta học được ở đây là nó cũng đúng đối với cung phàm ngã.

Secondly, it must be borne in mind that the human units now upon this planet fall naturally into two great groups—those who reached individualisation, or became "**units of self-directing energy,**" upon the moon, and those who attained self-consciousness upon the earth.

Thứ hai, cần ghi nhớ rằng các đơn vị nhân loại hiện nay trên hành tinh này tự nhiên rơi vào hai nhóm lớn—những đơn vị đã đạt đến sự biệt ngã hóa, hay trở thành "**những đơn vị năng lượng tự định hướng,**" trên Mặt Trăng, và những đơn vị đã đạt ngã thức trên Trái Đất.

263. We see how the factor of will is involved in the individualization process. It is impossible to become self-directing without some representation of the will.

263. Chúng ta thấy yếu tố ý chí có liên quan như thế nào trong tiến trình biệt ngã hóa. Không thể trở nên tự định hướng nếu không có một biểu hiện nào đó của ý chí.

264. These are, among all divisions, the major ones.

264. Trong mọi sự phân chia, đây là những phân chia chính yếu.

There are important distinctions between these two groups, for the units of the moon chain are distinguished, not only by a **more advanced development,** owing to the **longer period of their evolution**, but also by**the quality of great and intelligent activity**, for (as might be expected) on the third or moon chain, the third Ray was a dominant factor.

Có những khác biệt quan trọng giữa hai nhóm này, vì các đơn vị của Dãy Mặt Trăng được phân biệt không chỉ bởi một **sự phát triển cao hơn,** do **thời kỳ tiến hoá dài hơn của họ**, mà còn bởi**phẩm tính của hoạt động lớn lao và thông tuệ**, vì (như có thể chờ đợi) trên dãy thứ ba hay Dãy Mặt Trăng, cung ba là một yếu tố chi phối.

265. Here we have important correspondences associating Moon-chain humanity with the qualities of the number *three*.

265. Ở đây chúng ta có những tương ứng quan trọng liên kết nhân loại Dãy Mặt Trăng với các phẩm tính của con số *ba.*

In this fourth chain, the quaternary dominates,

Trong dãy thứ tư này, bộ tứ chi phối,

266. The quaternary in this context is to be understood as the four aspects of the personality.

266. Bộ tứ trong ngữ cảnh này cần được hiểu là bốn phương diện của phàm ngã.

267. One can wonder whether on the Moon-chain whether the three personality vehicles were commonly synthesized into the integrated personality. Yet, it must have been so for a number of human beings, as it was possible to reach the third degree initiate and even the fourth on that chain.

267. Người ta có thể tự hỏi liệu trên Dãy Mặt Trăng, ba vận cụ phàm ngã có thường được tổng hợp thành Phàm ngã tích hợp hay không. Tuy nhiên, điều đó hẳn đã xảy ra đối với một số con người, vì trên dãy ấy có thể đạt đến điểm đạo đồ cấp ba và thậm chí cấp bốn.

or the synthesis of the three so as to produce a fourth,

hoặc sự tổng hợp của ba để tạo ra một cái thứ tư,

268. DK seems to be telling us that this fourth chain is the chain of the integrated personality.

268. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng dãy thứ tư này là dãy của Phàm ngã tích hợp.

and this is one reason for the intensely material nature of those who entered the human kingdom on this planet.

và đây là một lý do cho bản chất vật chất mãnh liệt của những người đã đi vào giới nhân loại trên hành tinh này.

269. Materialism is, therefore, a greater problem amongst Earth-humanity than it is for Moon-chain humanity.

269. Vì vậy, chủ nghĩa duy vật là một vấn đề lớn hơn nơi nhân loại Trái Đất so với nhân loại Dãy Mặt Trăng.

270. The fourth factor is the factor of matter to which Earth-chain humanity is related.

270. Yếu tố thứ tư là yếu tố vật chất mà nhân loại Dãy Địa Cầu có liên hệ.

The distinctions between the two groups are very great, and one of the mysteries lying behind the main divisions of humanity—rulers and the ruled, capitalists and labourers, the governed and those who govern—is found right here.

Những khác biệt giữa hai nhóm là rất lớn, và một trong những huyền nhiệm nằm sau các phân chia chính của nhân loại—những người cai quản và những người bị cai quản, các nhà tư bản và người lao động, những người bị trị và những người cai trị—được tìm thấy ngay tại đây.

271. The root of many of the problems of humanity is found in the disparity between these two types of humanity.

271. Cội rễ của nhiều vấn đề của nhân loại được tìm thấy trong sự chênh lệch giữa hai loại nhân loại này.

272. It is not easy for the average disciple to discern whether an individual individualized on the Moon-chain or on the Earth-chain, but there are probably certain guidelines to follow. Not only the degree of intelligence but the *quality* of intelligence should be noted as well as the development of the throat center.

272. Đối với đệ tử trung bình, không dễ để phân biện một cá nhân đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng hay trên Dãy Địa Cầu, nhưng có lẽ có một số chỉ dẫn để theo đó mà nhận biết. Không chỉ mức độ thông minh mà cả *phẩm tính* của trí tuệ cũng cần được lưu ý, cùng với sự phát triển của trung tâm cổ họng.

No system of sociological reform will be successfully worked out without a due consideration of this important fact.

Không một hệ thống cải cách xã hội học nào có thể được triển khai thành công nếu không lưu tâm đúng mức đến sự kiện quan trọng này.

273. This distinction is not common knowledge amongst reformers. It is important that some of the main ideas of occultism reach those in governing positions.

273. Sự phân biệt này không phải là tri thức phổ biến trong giới cải cách. Điều quan trọng là một số ý tưởng chính của huyền bí học phải đến được với những người đang ở vị trí cai quản.

Other distinguishing features might be enumerated but would only serve at this stage to complicate the matter.

Có thể liệt kê thêm những đặc điểm phân biệt khác, nhưng ở giai đoạn này điều đó chỉ làm cho vấn đề thêm phức tạp.

274. Yet they must be of great fascination. This is a period, however, when perception of the unity of humanity is a desirable objective. It might not, therefore, be advisable to offer too many ways of discriminating one type of humanity from another.

274. Tuy vậy, chúng hẳn rất hấp dẫn. Tuy nhiên, đây là một thời kỳ mà sự nhận thức về tính hợp nhất của nhân loại là một mục tiêu đáng mong muốn. Vì vậy, có lẽ không nên đưa ra quá nhiều cách để phân biện loại nhân loại này với loại nhân loại khác.

S9S8 Part I

TCF 1147-1152

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

A third factor differentiating the groups of human units who reached self-consciousness on our planet is hidden in the **methods employed by the Lords of the Flame** at that time. They, we are told, employed three methods.

1. We have been looking at the manner in which groups of human units are differentiated.

TCF 1146-1152

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Một yếu tố thứ ba phân biệt các nhóm đơn vị nhân loại đã đạt ngã thức trên hành tinh chúng ta được ẩn giấu trong các **phương pháp được các Đấng Chúa Tể của Lửa sử dụng** vào thời đó. Chúng ta được cho biết rằng Các Ngài đã dùng ba phương pháp.

1. Chúng ta đã xem xét cách thức mà các nhóm đơn vị nhân loại được phân biệt.

2. We now begin an important study which differentiates the methods used by the Lords of the Flame at the time when animal-men of this chain were being individualized.

2. Giờ đây chúng ta bắt đầu một nghiên cứu quan trọng phân biệt các phương pháp được các Đấng Chúa Tể của Lửa sử dụng vào thời kỳ những người-thú của dãy này đang được biệt ngã hóa.

First, **They themselves took bodies** and thus energised certain of the higher forms of the animal kingdom, **so that they appeared as man**,

Trước hết, **Chính Các Ngài đã nhận lấy các thể** và nhờ đó tiếp sinh lực cho một số hình tướng cao hơn của giới động vật, **để chúng xuất hiện như con người**,

3. The Solar Angels *appeared* as men but were obviously much higher. This was, we can imagine, a *great sacrifice* on the part of the Solar Angels who engaged in this process.

3. Các Thái dương Thiên Thần *xuất hiện* như những con người nhưng hiển nhiên cao hơn rất nhiều. Như chúng ta có thể hình dung, đây là một *sự hi sinh lớn lao* về phía các Thái dương Thiên Thần đã tham gia vào tiến trình này.

4. The Monad involved was the solar angelic Monad; the vehicle was the human vehicle.

4. Chân thần liên hệ là chân thần thái dương thiên thần; vận cụ là vận cụ nhân loại.

and thus initiated a particular group.

và nhờ đó điểm đạo cho một nhóm đặc thù.

5. Probably it was a group consisting of the very highest type of animal-men of the period. Probably certain Solar Angels 'entered' in the midst of such a group and their influence moulded the outer vehicular forms of that group. Outwardly they would have appeared rather the same as the human Monads who continued to use the type of vehicle which the Solar Angels entered. Inwardly, they would have been greatly more advanced. They would have been the God-Kings of that early period. In time, the effect of their presence and psyche upon the vehicles they used would be noted. The outer forms of the vehicles would change.

5. Có lẽ đó là một nhóm gồm loại người-thú cao nhất của thời kỳ ấy. Có lẽ một số Thái dương Thiên Thần đã "đi vào" giữa một nhóm như thế và ảnh hưởng của các Ngài đã nhào nặn các hình thể vận cụ bên ngoài của nhóm ấy. Bề ngoài, họ hẳn xuất hiện khá giống với các chân thần nhân loại tiếp tục sử dụng loại vận cụ mà các Thái dương Thiên Thần đã đi vào. Bên trong, họ hẳn tiến hóa cao hơn rất nhiều. Họ hẳn là những Vua-Thần của thời kỳ sơ khai ấy. Theo thời gian, hiệu quả của sự hiện diện và tâm lý của họ trên các vận cụ mà họ sử dụng sẽ được nhận thấy. Các hình tướng bên ngoài của các vận cụ sẽ thay đổi.

Their descendants can be seen in the highest [Page 1147] specimens of the earth humanity now on earth.

Hậu duệ của họ có thể được thấy nơi những mẫu người cao nhất [Page 1147] của nhân loại Trái Đất hiện đang ở trên địa cầu.

6. This is a fascinating thought. Who are these human beings? Can they be distinguished readily from those who individualized on the Moon-chain? DK does not specify.

6. Đây là một ý tưởng thật hấp dẫn. Những con người này là ai? Có thể dễ dàng phân biệt họ với những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng không? Chân sư DK không nói rõ.

7. Note DK's rather objective perspectives, speaking of groups of human beings as "specimens".

7. Hãy lưu ý quan điểm khá khách quan của Chân sư DK khi nói về các nhóm người như những "mẫu vật".

They are not even now, however, as far advanced as the groups of units from the moon chain who came in in Atlantean days.

Tuy nhiên, ngay cả hiện nay họ vẫn chưa tiến xa bằng các nhóm đơn vị từ Dãy Mặt Trăng đã đi vào trong thời Atlantis.

8. We wish to know how close they are in their development to Moon-chain humanity.

8. Chúng ta muốn biết họ gần với nhân loại Dãy Mặt Trăng đến mức nào về mặt phát triển.

Their heredity is peculiar.

Di truyền của họ là đặc biệt.

9. DK says no more about their nature, but one would expect a certain kind of *refinement*. We must remember that there are some members of Earth-humanity already are part of the Spiritual Hierarchy of our planet—some, perhaps, who are Masters of the Wisdom. The Christ is the foremost among these.

9. Chân sư DK không nói thêm gì về bản chất của họ, nhưng người ta có thể chờ đợi một loại *tinh luyện* nào đó. Chúng ta phải nhớ rằng đã có một số thành viên của nhân loại Trái Đất là thành phần của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta—một số, có lẽ, là các Chân sư Minh triết. Đức Christ là Đấng đứng đầu trong số này.

10. In the particular group under discussion, we might expect a relative absence of the third ray, which was the predominating ray (monadically) of Moon-chain humanity. 25% of Earth-chain humanity had the third ray Monad.

10. Trong nhóm đặc thù đang được bàn đến, chúng ta có thể chờ đợi sự vắng mặt tương đối của cung ba, vốn là cung trội hơn (về mặt chân thần) của nhân loại Dãy Mặt Trăng. 25% nhân loại Dãy Địa Cầu có chân thần cung ba.

11. We realize that the presence of the Solar Angels *within* the vehicles of early man must have had a tremendous conditioning effect upon those vehicles. Such 'conditioned' vehicles then became available for the members of the human race and, because of

11. Chúng ta nhận ra rằng sự hiện diện của các Thái dương Thiên Thần *bên trong* các vận cụ của con người sơ khai hẳn đã có một tác động định hình to lớn lên các vận cụ ấy. Những vận cụ đã được "tác động" như thế sau đó trở nên sẵn có cho các thành viên của

the conditioning, provided them with additional evolutionary opportunities.

nhân loại và, do sự tác động ấy, cung cấp cho họ thêm những cơ hội tiến hóa.

They implanted a germ of mind in the secondary group of animal-men who were **ready for individualisation**.

Các Ngài đã cấy vào một mầm trí tuệ trong nhóm thứ cấp những người-thú đã **sẵn sàng cho sự biệt ngã hóa**.

12. We note that this method involves direct implantation.

12. Chúng ta lưu ý rằng phương pháp này bao hàm sự cấy trực tiếp.

13. We understand that this could only happen for animal-men who had reached a sufficient degree of development or refinement.

13. Chúng ta hiểu rằng điều này chỉ có thể xảy ra đối với những người-thú đã đạt đến một mức phát triển hay tinh luyện đầy đủ.

14. DK does not give the requirements for those who could receive this implantation, but we know that such requirements must have existed.

14. Chân sư DK không nêu ra các điều kiện đối với những ai có thể tiếp nhận sự cấy này, nhưng chúng ta biết rằng hẳn phải có những điều kiện như thế.

This group, for a long time, was unable to express itself,

Nhóm này, trong một thời gian dài, không thể tự biểu lộ,

15. This probably means that the developing causal body was unable to find expression through the vehicle—and largely the *physical* vehicle, as we are speaking of developments in Lemurian times.

15. Điều này có lẽ có nghĩa là thể nguyên nhân đang phát triển không thể tìm được sự biểu lộ qua vận cụ—và phần lớn là qua vận cụ *hồng trần*, vì chúng ta đang nói về những phát triển trong thời Lemuria.

16. DK seems to be telling us that the developing human qualities (inwardly 'stored') probably were not easily expressed upon the physical plane.

16. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng các phẩm tính nhân loại đang phát triển (được "cất giữ" bên trong) có lẽ không dễ biểu lộ trên cõi hồng trần.

and was most carefully nurtured by the Lords of Flame,

và đã được các Đấng Chúa Tể của Lửa nuôi dưỡng hết sức cẩn trọng,

17. We can see that these early stages of development must have demanded close solar angelic supervision. We must compare this thought with the thought that the Solar Angel usually does not interest itself in the

17. Chúng ta có thể thấy rằng các giai đoạn phát triển ban đầu này hẳn đã đòi hỏi sự giám sát chặt chẽ của các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta phải so sánh ý tưởng này với ý tưởng cho rằng Thái dương Thiên Thần

developing human being until the fifth petal of the egoic lotus is being organized and beginning to unfold.

thường không quan tâm đến con người đang phát triển cho đến khi cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã đang được tổ chức và bắt đầu khai mở.

nearly proving a failure.

suýt nữa đã chứng tỏ là một thất bại.

18. We see that experiments exist even for beings far in advance of the present-day human being. We understand nothing of the risks and obstacles which may have rendered this great experiment a failure.

18. Chúng ta thấy rằng ngay cả đối với những hữu thể vượt xa con người ngày nay, các cuộc thử nghiệm vẫn tồn tại. Chúng ta không hiểu gì về những rủi ro và chướng ngại có thể đã khiến cuộc thử nghiệm lớn lao này trở thành một thất bại.

19. What would it here again have meant for the group to have become a "failure"? Perhaps that the spark of mind might not have germinated sufficiently to become the directing power of the life? That, therefore, the lower elemental life would have remained completely in control, overwhelming the developing human consciousness? Perhaps that no true recognition of individuality might have developed?

19. Ở đây, việc nhóm ấy trở thành một "thất bại" một lần nữa có thể đã có nghĩa là gì? Có lẽ là tia lửa trí tuệ đã không nảy mầm đủ để trở thành quyền năng chỉ đạo của sự sống? Và vì vậy, sự sống hành khí thấp hơn sẽ vẫn hoàn toàn kiểm soát, áp đảo tâm thức nhân loại đang phát triển? Có lẽ là không có sự nhận biết chân thực nào về cá tính có thể phát triển?

By the time, however, that **the last subrace of the Lemurian root race was at its height**

Tuy nhiên, vào lúc mà **giống dân phụ cuối cùng của giống dân gốc Lemuria đạt đến đỉnh cao**

20. The seventh sub-race of the Lemurian root-race…

20. Giống dân phụ thứ bảy của giống dân gốc Lemuria…

21. Would this have occurred in early Atlantean times as there is always an overlapping of one root-race with the following root-race? I believe there is merit to this thought.

21. Điều này có xảy ra vào đầu thời Atlantis không, vì luôn có sự chồng lấn của một giống dân gốc với giống dân gốc kế tiếp? Tôi tin rằng ý tưởng này có giá trị.

it suddenly came into the forefront of the then civilisation, and justified hierarchical effort.

nó đột nhiên tiến lên hàng đầu của nền văn minh lúc bấy giờ, và biện minh cho nỗ lực của Thánh Đoàn.

22. What types of human beings comprised the "then civilisation"? Did it consist of those who were the descendants of the Solar Angels who actually *embodied* the forms of early animal-man? Were there also lesser humans for whom the mental unit had been "fanned" but the spark of mind not implanted?

22. Những loại người nào đã cấu thành nền văn minh "lúc bấy giờ"? Nó có gồm những người là hậu duệ của các Thái dương Thiên Thần đã thực sự *nhập thể vào* các hình thể của người-thú sơ khai không? Có phải cũng có những con người thấp hơn mà đơn vị hạ trí đã được "quạt lên" nhưng tia lửa trí tuệ chưa được cấy vào không?

23. Were there, possibly, individuals who had come in from the Moon-chain? This latter possibility may be unlikely because we are told that Moon-chain humanity came in during the early fourth root-race, specifically the third sub-race of the fourth root-race.

23. Có thể chăng đã có những cá nhân đi vào từ Dãy Mặt Trăng? Khả năng sau này có lẽ không cao vì chúng ta được cho biết rằng nhân loại Dãy Mặt Trăng đã đi vào trong thời đầu của giống dân gốc thứ tư, cụ thể là giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc thứ tư.

24. However, if there was an overlap between the Lemurian and Atlantean civilizations (as very likely there would have been) then the Atlantean group could have begun coming in when the Lemurian root-race reached the fourth sub-race of the third root race. In that case, some Moon-chain humanity could certainly have comprised some of the membership of the seventh sub-race of the third root race.

24. Tuy nhiên, nếu có sự chồng lấn giữa các nền văn minh Lemuria và Atlantis (như rất có thể đã có) thì nhóm Atlantis có thể đã bắt đầu đi vào khi giống dân gốc Lemuria đạt đến giống dân phụ thứ tư của giống dân gốc thứ ba. Trong trường hợp đó, một số nhân loại Dãy Mặt Trăng chắc chắn có thể đã cấu thành một phần thành viên của giống dân phụ thứ bảy của giống dân gốc thứ ba.

25. Yet, it is hard to imagine (were the Moon-chainers part of that later Lemurian civilization) how those in whom the spark of mind was implanted might have "come to the fore". One would presume that they would be still far behind the Moon-chainers.

25. Tuy vậy, thật khó hình dung rằng (nếu những người từ Dãy Mặt Trăng là một phần của nền văn minh Lemuria muộn ấy) thì những người mà tia lửa trí tuệ đã được cấy vào lại có thể đã "nổi lên hàng đầu" như thế nào. Người ta sẽ cho rằng họ vẫn còn ở rất xa phía sau những người từ Dãy Mặt Trăng.

26. We can see how important it will be to have accurate knowledge of the Science of Cycles.

26. Chúng ta có thể thấy việc có được tri thức chính xác về Khoa Học Chu Kỳ sẽ quan trọng đến mức nào.

Thirdly, **They fostered the germ of instinct in certain groups of animal-men until it flowered into mind**.

27. The mental unit itself grew out of "instinct". This process can be understood as "fanning" the germ of mind provided by instinct, but not as direct implantation.

28. The mental unit would naturally have developed (and unfolded) under the pressure of 'rising' instinct, but nowhere nearly as rapidly without the intervention of the Solar Angels.

29. In each case the Solar Angels did what they could, given the caliber of the diverse types of animal-men of the period.

It must never be forgotten that **men have within themselves (apart from any extraneous fostering)**

30. The fostering power of the Solar Angels..

the ability to arrive, and to achieve full self-consciousness.

31. Yes, these types would have arrived at individualization and self-consciousness even without the Solar Angels, but how many millions of years might it have taken?

32. The ability to achieve full self-consciousness (without extraneous intervention) was demonstrated on the Moon-chain. We do not know the manner of individualization as it occurred in the previous solar system, but perhaps the

Thứ ba, **Các Ngài đã nuôi dưỡng mầm bản năng trong một số nhóm người-thú cho đến khi nó nở hoa thành trí tuệ**.

27. Chính đơn vị hạ trí đã phát triển ra từ "bản năng". Tiến trình này có thể được hiểu là "quạt lên" mầm trí tuệ do bản năng cung cấp, chứ không phải là sự cấy trực tiếp.

28. Đơn vị hạ trí tự nhiên hẳn đã phát triển (và khai mở) dưới áp lực của bản năng đang "dâng lên", nhưng sẽ không thể nhanh gần đến thế nếu không có sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần.

29. Trong mỗi trường hợp, các Thái dương Thiên Thần đã làm điều các Ngài có thể làm, tùy theo phẩm cấp của các loại người-thú khác nhau trong thời kỳ ấy.

Không bao giờ được quên rằng **con người có bên trong chính mình (không kể bất kỳ sự nuôi dưỡng ngoại lai nào)**

30. Quyền năng nuôi dưỡng của các Thái dương Thiên Thần..

khả năng đi đến đích, và đạt được ngã thức trọn vẹn.

31. Đúng vậy, các loại này hẳn đã đi đến sự biệt ngã hóa và ngã thức ngay cả không có các Thái dương Thiên Thần, nhưng điều đó có thể đã mất bao nhiêu triệu năm?

32. Khả năng đạt đến ngã thức trọn vẹn (không có sự can thiệp từ bên ngoài) đã được chứng minh trên Dãy Mặt Trăng. Chúng ta không biết cách thức biệt ngã hóa như đã xảy ra trong hệ mặt trời trước, nhưng có lẽ phương pháp của Dãy Mặt Trăng là một

Moon-chain method was a reflection of that far earlier method.

phản ánh của phương pháp xa xưa hơn nhiều ấy.

These three methods bring us to **the fourth factor** which must be remembered, that of the three modes of motion which powerfully affect the incarnating jivas.

Ba phương pháp này đưa chúng ta đến **yếu tố thứ tư** cần phải được ghi nhớ, đó là ba phương thức chuyển động tác động mạnh mẽ đến các jiva đang lâm phàm.

33. Here Master DK will speak of the three Gunas in relation to the individualization process.

33. Ở đây Chân sư DK sẽ nói về ba Guna trong liên hệ với tiến trình biệt ngã hóa.

The Sons of Mind are distinguished by the three qualities of matter as has been earlier brought out, and they have been generically called:

Các Con của Trí Tuệ được phân biệt bởi ba phẩm tính của vật chất như đã được nêu ra trước đây, và một cách tổng quát đã được gọi là:

1. The Sons of sattvic rhythm,

1. Các Con của nhịp điệu sattva,

34. These are the most advanced human beings. We could call them initiates. This group can be associated with the Hall of Wisdom.

34. Đây là những con người tiến hóa nhất. Chúng ta có thể gọi họ là các điểm đạo đồ. Nhóm này có thể được liên kết với Phòng Minh triết.

2. The Sons of mobility,

2. Các Con của tính động,

35. These are intelligent and awakening human beings.

35. Đây là những con người thông minh và đang thức tỉnh.

36. This group can be associated with the Hall of Learning.

36. Nhóm này có thể được liên kết với Phòng Hiểu Biết.

3. The Sons of inertia.

3. Các Con của quán tính.

37. These are the least awakened human beings.

37. Đây là những con người ít thức tỉnh nhất.

38. This group can be associated with the Hall of Ignorance.

38. Nhóm này có thể được liên kết với Phòng Vô Minh.

These qualities are the characteristics of the three major Rays, and of the three Persons of the Godhead;

Những phẩm tính này là các đặc trưng của ba Cung chính, và của ba Ngôi của Thượng đế;

39. This association is not exactly straightforward. Tamas can represent the inertia of unresponsive matter but also the changelessness of Spirit. Rajas can represent a life of material desire but also the life of ceaseless spiritual aspiration. Sattva generally has the connotation of balance. It can represent the balance between consciousness and activity achieved in states of high soul development. There is also an early state before the balance is preserved and true development in matter begins.

39. Sự liên kết này không hoàn toàn trực tiếp. Tamas có thể biểu thị quán tính của vật chất không đáp ứng nhưng cũng có thể biểu thị tính bất biến của tinh thần. Rajas có thể biểu thị đời sống ham muốn vật chất nhưng cũng có thể biểu thị đời sống khát vọng tinh thần không ngừng. Sattva nói chung mang hàm ý quân bình. Nó có thể biểu thị sự quân bình giữa tâm thức và hoạt động đạt được trong các trạng thái phát triển linh hồn cao. Cũng có một trạng thái ban đầu trước khi sự quân bình được duy trì và sự phát triển chân chính trong vật chất bắt đầu.

they are the qualities of consciousness—material, intelligent, and divine.

chúng là các phẩm tính của tâm thức—vật chất, thông tuệ và thiêng liêng.

40. If we look at the three words: “material”, “intelligent” and “divine”, they (as usually understood) correlate with tamas, rajas and sattva *respectively*.

40. Nếu chúng ta nhìn vào ba từ: “vật chất”, “thông tuệ” và “thiêng liêng”, thì chúng (theo cách hiểu thông thường) tương ứng với tamas, rajas và sattva *theo thứ tự*.

They are the predominating characteristics of the **chains** of which our earth is one.

Chúng là những đặc tính trội hơn của các **dãy** mà Trái Đất chúng ta là một trong số đó.

41. There is always a question about how to interpret the term “earth”, as it may signify our dense physical globe (not really entirely dense) or, perhaps, the entire Earth-scheme.

41. Luôn luôn có một câu hỏi về cách diễn giải thuật ngữ “Trái Đất”, vì nó có thể chỉ bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của chúng ta (thật ra không hoàn toàn đậm đặc), hoặc có lẽ là toàn bộ hệ hành tinh Địa Cầu.

42. How shall we consider the meaning of this statements. Sometimes the Earth-scheme is called, accurately, a “scheme” but in the older theosophical literature, a “chain”.

42. Chúng ta nên hiểu ý nghĩa của phát biểu này như thế nào? Đôi khi hệ hành tinh Địa Cầu được gọi một cách chính xác là một “hệ hành tinh”, nhưng trong văn liệu Thông Thiên Học cổ hơn, nó được gọi là một “Dãy”.

43. I think we can agree that (at their present stages of unfoldment) some of these chains (really schemes) are presently tamasic, some of them are presently rajasic and some are presently sattvic. Whether they are tamasic, rajasic or sattvic (from one perspective) can depend not so much on the inherent spiritual status of the Planetary Logos in question, but on the degree of unfoldment of that Logos through its various vehicles.

43. Tôi nghĩ chúng ta có thể đồng ý rằng (ở các giai đoạn khai mở hiện nay của chúng) một số dãy này (thật ra là các hệ hành tinh) hiện nay mang tính tamas, một số hiện nay mang tính rajas và một số hiện nay mang tính sattva. Việc chúng là tamas, rajas hay sattva (xét từ một góc nhìn) có thể không phụ thuộc nhiều vào địa vị tinh thần cố hữu của Đức Hành Tinh Thượng Đế đang được xét, mà phụ thuộc vào mức độ khai mở của Thượng đế ấy qua các vận cụ khác nhau của Ngài.

44. On the other hand, it is possible that the terms "tamasic", "rajasic" and "tamasic" *could* refer to the actual degree of spiritual status, with the non-sacred planets deemed to be "tamasic" and the highest of the planetary Deities (the Logoi of the synthesizing planets for instance) deemed as "sattvic".

44. Mặt khác, cũng có thể là các thuật ngữ "tamasic", "rajasic" và "tamasic" *có thể* chỉ địa vị tinh thần thực sự, trong đó các hành tinh không thiêng liêng được xem là "tamasic" và các Thượng đế hành tinh cao nhất (chẳng hạn các Logoi của những hành tinh tổng hợp) được xem là "sattvic".

45. If we look at this sentence in the context of the chains of the Earth-scheme, then "our earth" is probably considered to be the Earth-chain. Clearly there is an etheric plane, an astral plane, a mental plane etc. associated with "our earth" so I do not think that DK is referring only to the physical crust of our planet.

45. Nếu chúng ta nhìn câu này trong bối cảnh các dãy của hệ hành tinh Địa Cầu, thì "địa cầu của chúng ta" có lẽ được xem là Dãy Địa Cầu. Rõ ràng có một cõi dĩ thái, một cõi cảm dục, một cõi trí v.v. gắn liền với "địa cầu của chúng ta", vì vậy tôi không nghĩ rằng Chân sư DK chỉ nói đến lớp vỏ hồng trần của hành tinh chúng ta mà thôi.

46. The chains are really both independent and interdependent spheres of planetary activity. Knowledge of what occurs within them is sketchy at this time.

46. Các dãy thật ra vừa là những khối cầu độc lập vừa là những khối cầu tương thuộc của hoạt động hành tinh. Hiểu biết về những gì xảy ra trong đó hiện nay còn sơ lược.

47. In the tabulation below we are considering whether the various chains of the Earth-scheme are tamasic, rajasic or sattvic. We can see that one begins with the chain located on the highest planes and ends with a corresponding chain on an equally high level of development.

47. Trong bảng dưới đây, chúng ta đang xét xem các dãy khác nhau của hệ hành tinh Địa Cầu là tamasic, rajasic hay sattvic. Chúng ta có thể thấy rằng người ta bắt đầu với dãy nằm trên các cõi cao nhất và kết thúc với một dãy tương ứng ở một cấp độ phát triển cao tương đương.

Earth Planetary Scheme

First Chain..... Archetypal.

Second Chain..... Sattvic Rhythm. [1148]

Third Chain..... Mobility.

Fourth Chain..... Inertia.

Fifth Chain..... Mobility.

Sixth Chain..... Sattvic Rhythm.

Seventh Chain..... Perfection.

48. By the time the process on the Seventh Chain is fulfilled, that which is archetypal in the first chain has been manifested or realized. The seventh chain sees the embodiment of first chain archetypes.

49. The chains most associated with the third and fifth rays (and thus with mentality) are the third and fifth chains.

50. We can expect that a condition of harmony prevails or prevailed upon the second chain, but that if would be a more passive harmony. By the time the sixth chain is reached and many planetary processes undergone, the harmony is amongst the embodied expressions of divinity. That which intelligence has produced is harmonized.

51. There would also probably be a method of applying the general structure of the tabulation to the planetary *schemes*, but

Hệ Hành Tinh Địa Cầu

Dãy Thứ Nhất..... Nguyên mẫu.

Dãy Thứ Hai..... Nhịp điệu sattvic. [Page 1148]

Dãy Thứ Ba..... Tính động.

Dãy Thứ Tư..... Quán tính.

Dãy Thứ Năm..... Tính động.

Dãy Thứ Sáu..... Nhịp điệu sattvic.

Dãy Thứ Bảy..... Sự toàn thiện.

48. Vào lúc tiến trình trên Dãy Thứ Bảy được hoàn tất, điều vốn là nguyên mẫu trong dãy thứ nhất đã được biểu hiện hay được chứng nghiệm. Dãy thứ bảy chứng kiến sự hiện thân của các nguyên mẫu thuộc dãy thứ nhất.

49. Các dãy gắn liền nhiều nhất với cung ba và cung năm (và do đó với trí tuệ) là dãy thứ ba và dãy thứ năm.

50. Chúng ta có thể chờ đợi rằng một trạng thái hài hòa đang hoặc đã chi phối dãy thứ hai, nhưng đó sẽ là một sự hài hòa thụ động hơn. Khi đạt đến dãy thứ sáu và đã trải qua nhiều tiến trình hành tinh, sự hài hòa hiện hữu giữa các biểu hiện đã hiện thân của thiên tính. Điều mà trí tuệ đã tạo ra được hài hòa hóa.

51. Có lẽ cũng sẽ có một phương pháp áp dụng cấu trúc tổng quát của bảng này vào các hệ hành tinh *schemes*, nhưng "vị trí" của

their 'location' of the various planes does not exactly parallel the method of distribution of the planetary chains within a planetary scheme. In making application to the planetary schemes we would also have to consider Planetary Logoi whose schemes are in process of 'descent' and those whose schemes are in process of 'abstraction'. These are sciences of the future.

các cõi khác nhau trong đó không hoàn toàn song hành với phương pháp phân bố các dãy hành tinh trong một hệ hành tinh. Khi áp dụng vào các hệ hành tinh, chúng ta cũng sẽ phải xét đến các Đức Hành Tinh Thượng Đế có hệ hành tinh đang trong tiến trình "giáng xuống" và những vị có hệ hành tinh đang trong tiến trình "trừu xuất". Đây là những khoa học của tương lai.

The factors which we have considered as affecting the different incarnating units have a vital effect on their cyclic evolution, **and the ray and the three main types produce varying periodic appearance**.

Những yếu tố mà chúng ta đã xét như tác động đến các đơn vị đang lâm phàm khác nhau có ảnh hưởng thiết yếu lên sự tiến hoá theo chu kỳ của chúng, **và cung cùng ba loại chính tạo ra những lần sắc tướng theo chu kỳ khác nhau**.

52. The cycles of "appearance" and "disappearance" of human units depend upon the rays of those units and also whether they are tamasic, rajasic or sattvic units. Certain units appear when their ray (i.e., soul ray) is in incarnation and may be held in abstraction when that ray is temporarily out of expression. There are also cycles of 'entry' and 'exit' which depend upon whether the human unit is expressing in terms of inertia, mobility or rhythm.

52. Các chu kỳ "xuất hiện" và "biến mất" của các đơn vị nhân loại tùy thuộc vào các cung của những đơn vị ấy và cũng tùy thuộc việc chúng là những đơn vị tamasic, rajasic hay sattvic. Một số đơn vị xuất hiện khi cung của chúng (tức cung linh hồn) đang lâm phàm và có thể bị giữ trong trạng thái trừu xuất khi cung ấy tạm thời không biểu lộ. Cũng có những chu kỳ "đi vào" và "đi ra" tùy thuộc việc đơn vị nhân loại đang biểu lộ theo quán tính, tính động hay nhịp điệu.

Certain statements have been made in occult books as to the **length of time varying between incarnations.** Such statements are in the main**inaccurate**, for they make no allowance for Ray difference, and permit of no calculations as to whether the human unit involved is a unit of inertia, a sattvic point, or a rajasic entity.

Một số phát biểu đã được nêu trong các sách huyền bí về **độ dài thời gian khác nhau giữa các lần nhập thể.** Những phát biểu như thế phần lớn là**không chính xác**, vì chúng không tính đến sự khác biệt về cung, và không cho phép tính toán xem đơn vị nhân loại liên hệ là một đơn vị quán tính, một điểm sattvic, hay một thực thể rajasic.

53. The statements made have come mostly from the works of C.W. Leadbeater, whom the Tibetan regards as a disciple of considerable attainment. But the matter is intricate and the many ray distinctions and one or other of the gunas which characterize

53. Những phát biểu ấy phần nhiều xuất phát từ các tác phẩm của C.W. Leadbeater, người mà Chân sư Tây Tạng xem là một đệ tử có thành tựu đáng kể. Nhưng vấn đề này rất phức tạp, và nhiều phân biệt về cung cùng guna này hay guna kia đặc trưng cho các đơn

human units, must be factored in. We can see that only a Master or high initiate would be able to do this, though perhaps some general principles can be laid down.

vị nhân loại đều phải được tính đến. Chúng ta có thể thấy rằng chỉ một Chân sư hay một điểm đạo đồ cao cấp mới có thể làm được điều này, dù có lẽ một số nguyên tắc tổng quát có thể được nêu ra.

54. For instance, a very primitive human being does not have much upon which to 'work' while in the subtle worlds and so will probably return rapidly for the accumulation of earthly experience, which, eventually, will become a developed sentient and mental nature requiring 'work' following abstraction from the physical plane.

54. Chẳng hạn, một con người rất nguyên thủy không có nhiều điều để "xử lý" khi ở trong các cõi vi tế, và vì vậy có lẽ sẽ nhanh chóng quay lại để tích lũy kinh nghiệm trần thế; kinh nghiệm này rốt cuộc sẽ trở thành một bản chất cảm giác và trí tuệ phát triển, đòi hỏi phải được "xử lý" sau khi trừu xuất khỏi cõi hồng trần.

No hard and fast rule can be laid down at this time for the general public, **though such rules exist**, and are governed by **seven different formulas for the three main types**.

Hiện nay không thể đặt ra một quy luật cứng nhắc cho công chúng nói chung, **dù những quy luật như thế có tồn tại**, và được chi phối bởi **bảy công thức khác nhau cho ba loại chính**.

55. We have some really intriguing statements here.

55. Ở đây chúng ta có một số phát biểu thật sự rất gợi suy nghĩ.

56. When we know more about ray cycles we will be in a position to better assess the duration of the discarnate states.

56. Khi chúng ta biết nhiều hơn về các chu kỳ cung, chúng ta sẽ ở vào vị thế đánh giá tốt hơn thời lượng của các trạng thái không nhập thể.

57. It is probable that by "the three main types" DK is referring to whether the unit concerned is tamasic, rajasic or sattvic in nature.

57. Có lẽ khi nói "ba loại chính", Chân sư DK đang chỉ việc đơn vị liên hệ có bản chất tamasic, rajasic hay sattvic.

58. In each of the three groups determined by one of three gunas seven ray types are to be found—at least in principle. We must remember, however, that the undeveloped human being is not possessed of a soul on the first, second or third ray and must make transition to one of these three Rays of

58. Trong mỗi một trong ba nhóm được xác định bởi một trong ba guna, đều có thể tìm thấy bảy loại cung—ít nhất là trên nguyên tắc. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng con người chưa phát triển không sở hữu một linh hồn thuộc cung một, cung hai hay cung ba, và phải chuyển tiếp sang một trong ba

Aspect at some later point in his long pilgrimage.

Các Cung Trạng Thái này ở một thời điểm nào đó về sau trong cuộc hành hương dài lâu của y.

59. DK is telling us there are, in fact, rules relating to the cycle of incarnation and discarnate cycles, but that they are not for the general public.

59. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng quả thật có những quy luật liên hệ đến chu kỳ nhập thể và các chu kỳ không nhập thể, nhưng chúng không dành cho công chúng nói chung.

60. The trends stated by early theosophists opened the door to thought about the matter. The real *science* of the discarnate state must, however, be slowly and accurately revealed.

60. Những khuynh hướng do các nhà Thông Thiên Học thời kỳ đầu nêu ra đã mở cánh cửa cho tư tưởng về vấn đề này. Tuy nhiên, *khoa học* đích thực về trạng thái không nhập thể phải được mặc khải dần dần và chính xác.

Within this sevenfold differentiation, exist many lesser,

Trong sự biến phân thất phân này, có nhiều yếu tố nhỏ hơn,

61. We can see that the matter of determining the duration of 'dis-carnation' depends on a number of factors *additional* to ray type and guna type.

61. Chúng ta có thể thấy rằng vấn đề xác định thời lượng của trạng thái "không nhập thể" phụ thuộc vào một số yếu tố *bổ sung* ngoài loại cung và loại guna.

62. In which stage do any of us find ourselves? Can we say that we have reached the sattvic stage?

62. Mỗi người trong chúng ta đang ở giai đoạn nào? Chúng ta có thể nói rằng mình đã đạt đến giai đoạn sattvic chưa?

and the wise student refrains from dogmatic assertion on this most peculiar and difficult subject.

và đạo sinh khôn ngoan tránh đưa ra những khẳng định giáo điều về chủ đề hết sức đặc biệt và khó khăn này.

63. It may be less satisfying to be forced to restrain our curiosity about this very interesting matter, but is only the part of wisdom—the subject being "most peculiar and difficult".

63. Có thể việc bị buộc phải kiềm chế tính tò mò của mình về vấn đề rất thú vị này kém thỏa mãn hơn, nhưng đó mới chính là phần của minh triết—vì chủ đề này "hết sức đặc biệt và khó khăn".

64. All of this is complicated by the fact that the usual interim period between incarnations can be relinquished by the

64. Tất cả điều này còn phức tạp hơn bởi sự kiện rằng giai đoạn trung gian thông thường giữa các lần nhập thể có thể được linh hồn

prepared soul-in-incarnation for the sake of service.

đang nhập thể đã chuẩn bị từ bỏ vì mục đích phụng sự.

The fringe of the matter has but been touched upon here. It should be remembered that in the **earlier stages of incarnation, the unit is governed mainly by group appearance, and comes into incarnation with his group.**

Ở đây mới chỉ chạm đến phần rìa của vấn đề mà thôi. Cần nhớ rằng trong **các giai đoạn đầu của nhập thể, đơn vị chủ yếu bị chi phối bởi sự xuất hiện theo nhóm, và đi vào nhập thể cùng với nhóm của y.**

65. It is likely that there are three stages: group appearance in the early states; individual appearance during the stage of intelligent, individualistic man; again, group appearance for those who are governed by their soul ray and are becoming affiliated with an Ashram over time. The members of the Ashram are, of course, *group conscious.*

65. Có lẽ có ba giai đoạn: xuất hiện theo nhóm trong các trạng thái đầu; xuất hiện cá nhân trong giai đoạn của con người thông minh, cá nhân chủ nghĩa; rồi lại xuất hiện theo nhóm đối với những ai bị cung linh hồn của mình chi phối và đang dần dần liên kết với một ashram. Các thành viên của ashram dĩ nhiên là *có tâm thức nhóm.*

As time progresses and his own will or purpose becomes more distinctive, he will at times force himself into manifestation independently of his group, as will other group units,

Khi thời gian trôi qua và ý chí hay mục đích riêng của y trở nên rõ nét hơn, đôi khi y sẽ tự buộc mình đi vào biểu hiện một cách độc lập với nhóm của mình, cũng như các đơn vị khác trong nhóm sẽ làm như vậy,

66. Presumably the supervising Solar Angels have something to say about whether this is possible. But, apparently, the choice of 'man-the-Ego' is a strong part of the determination.

66. Có lẽ các Thái dương Thiên Thần giám sát có tiếng nói nào đó về việc điều này có khả thi hay không. Nhưng rõ ràng sự chọn lựa của "con người-chân ngã" là một phần quan trọng trong sự quyết định ấy.

67. We gather that this breaking out of the group rhythm is an act of will. This stage may be correlated with activity in the fifth, correlated with Leo, the sign of the individual.

67. Chúng ta hiểu rằng sự bứt ra khỏi nhịp điệu nhóm này là một hành vi của ý chí. Giai đoạn này có thể được tương quan với hoạt động trong cánh hoa thứ năm, tương ứng với Leo, dấu hiệu của cá nhân.

and this leads to an apparent confusion which is detrimental to the surface calculations of the superficial student.

và điều này dẫn đến một sự lẫn lộn bề ngoài gây bất lợi cho những tính toán bề mặt của đạo sinh hời hợt.

68. It would seem necessary both to know the incarnational cycles of various groups

68. Dường như cần phải vừa biết các chu kỳ nhập thể của nhiều nhóm và hồn nhóm

and soul groups and to, also, be able to trace the individual motive and program of any particular soul-in-incarnation.

khác nhau, vừa có thể truy ra động cơ và chương trình cá nhân của bất kỳ linh hồn đang nhập thể cụ thể nào.

69. I cannot see how (at this time) we can think of ourselves as anything but "superficial" students.

69. Hiện nay tôi không thấy làm sao chúng ta có thể nghĩ về mình như bất cứ điều gì khác ngoài những đạo sinh "hời hợt".

When this is the case, the particular unit concerned has his record transferred into another file in the hierarchical archives, and becomes what is occultly termed "**a self directed point of fire.**"

Khi đó là trường hợp như vậy, hồ sơ của đơn vị đặc thù liên hệ được chuyển sang một hồ sơ khác trong văn khố của Thánh đoàn, và trở thành điều được gọi một cách huyền bí là "**một điểm lửa tự định hướng.**"

70. How fascinating! The inner organization is considerable. All process on the outer planes is supervised inwardly.

70. Thật hấp dẫn biết bao! Tổ chức bên trong thật đáng kể. Mọi tiến trình trên các cõi bên ngoài đều được giám sát từ bên trong.

71. Later we will learn of the developed unit who is an "aligned point of fire".

71. Về sau chúng ta sẽ học về đơn vị phát triển là một "điểm lửa được chỉnh hợp".

72. A individual taking an incarnation out of phase with his group and as a result of free choice is called "a self directed point of fire".

72. Một cá nhân nhập thể lệch pha với nhóm của mình và là kết quả của sự chọn lựa tự do được gọi là "một điểm lửa tự định hướng".

73. DK spoke of many artists who were 'asked' to 'come in' early (i.e., during the nineteenth century) to offset the danger of materialism (which, unfortunately, prevailed).

73. Chân sư DK đã nói về nhiều nghệ sĩ được "yêu cầu" "đi vào" sớm (tức trong thế kỷ mười chín) để hóa giải nguy cơ của chủ nghĩa duy vật (điều mà đáng tiếc là đã thắng thế).

He is then **strongly individualised**, **entirely self-engrossed**, **free of** [Page1149] **all group sense**, except the earthly affiliations to which he adheres from the instinct of self-protection and personal well-being.

Khi ấy y **được biệt ngã hóa mạnh mẽ**, **hoàn toàn tự cuốn hút vào chính mình**, **không còn** [Page1149] **bất kỳ ý thức nhóm nào**, ngoại trừ những liên hệ trần thế mà y bám vào do bản năng tự bảo vệ và an ổn cá nhân.

74. We are speaking of a very individualistic stage of man's development during which

74. Chúng ta đang nói về một giai đoạn rất cá nhân chủ nghĩa trong sự phát triển của

his essential group affiliations are not recognized.

In this stage he **remains for a vast period of time**, and has before him the mastering of a later stage **in which he returns to the earlier group recognition on a higher turn of the spiral**.

75. What is meant by the term "vast"? Millions of years, perhaps?

76. One would think that during the opening of the middle circle of petals, this period could occur. From the fifth petal onwards, the process of unfoldment turns individualistic. By the time the later stages of unfoldment of the eighth petal and stage of the ninth petal are reached, the group sense again controls.

77. We note that a rhythm of incarnation controlled by group process returns after tine individualistic stage. It is probably a much shorter period.

The rules governing the incarnations of average man have been considered elsewhere, and much information has been given in this treatise and in *Letters on Occult Meditation* which—if collated—will provide sufficient data for study for a long time.

78. Do we realize this?

con người, trong đó những liên hệ nhóm cốt yếu của y không được nhận ra.

Trong giai đoạn này y **ở lại trong một khoảng thời gian vô cùng dài**, và trước mặt y là việc làm chủ một giai đoạn về sau **trong đó y quay trở lại với sự nhận biết nhóm trước kia trên một vòng xoắn cao hơn**.

75. Thuật ngữ "vô cùng dài" có nghĩa là gì? Có lẽ là hàng triệu năm chăng?

76. Người ta có thể nghĩ rằng trong thời kỳ mở ra của vòng cánh hoa giữa, giai đoạn này có thể xảy ra. Từ cánh hoa thứ năm trở đi, tiến trình khai mở chuyển sang tính cá nhân chủ nghĩa. Khi đạt đến các giai đoạn khai mở sau của cánh hoa thứ tám và giai đoạn của cánh hoa thứ chín, ý thức nhóm lại kiểm soát.

77. Chúng ta lưu ý rằng một nhịp điệu nhập thể do tiến trình nhóm kiểm soát quay trở lại sau giai đoạn cá nhân chủ nghĩa. Có lẽ đó là một thời kỳ ngắn hơn nhiều.

Các quy luật chi phối những lần nhập thể của con người trung bình đã được xét ở nơi khác, và nhiều thông tin đã được đưa ra trong bộ luận này và trong *Letters on Occult Meditation* mà—nếu được đối chiếu—sẽ cung cấp đủ dữ liệu để nghiên cứu trong một thời gian dài.

78. Chúng ta có nhận ra điều này không?

79. Does average man incarnate in groups, or, to some degree individually?

79. Con người trung bình nhập thể theo nhóm, hay ở một mức độ nào đó theo cá nhân?

80. We need to restudy LOM with this idea in mind.

80. Chúng ta cần nghiên cứu lại LOM với ý tưởng này trong tâm trí.

Not much has been given anent the incarnations of disciples and the methods involved in the later stages of evolution.

Không có nhiều điều được đưa ra liên quan đến những lần nhập thể của các đệ tử và các phương pháp liên hệ đến các giai đoạn tiến hoá về sau.

81. One would imagine them to be very variable. The disciple is at once self-determining *and* responsive to the group. Thus, there must be considerable inner tension to resolve during the period of decision predating incarnation.

81. Người ta có thể tưởng tượng rằng chúng rất biến thiên. Đệ tử vừa tự quyết định *vừa* đáp ứng với nhóm. Vì vậy, hẳn phải có sự căng thẳng bên trong đáng kể cần được giải quyết trong giai đoạn quyết định trước khi nhập thể.

82. Fortunately the Solar Angel is wise beyond human reckoning and can successfully balance individual demands (dharmic and karmic) and group demands.

82. May thay, Thái dương Thiên Thần minh triết vượt quá sự tính toán của con người và có thể quân bình thành công những đòi hỏi cá nhân (thuộc dharma và nghiệp quả) với những đòi hỏi của nhóm.

It should here be borne in mind that (for a disciple) **direct alignment with the Ego via the centres and the physical brain is the goal of his life of meditation and of discipline**.

Ở đây cần ghi nhớ rằng (đối với một đệ tử) **sự chỉnh hợp trực tiếp với chân ngã qua các trung tâm và bộ não hồng trần là mục tiêu của đời sống tham thiền và kỷ luật của y**.

83. It may be presumed that the achieving of this alignment has much to do with the duration of the interval between lives and whether or not the astral body and mental body must be dissolved and reconstituted before incarnation is again sought.

83. Có thể giả định rằng việc đạt được sự chỉnh hợp này có liên hệ rất nhiều đến thời lượng của khoảng cách giữa các kiếp sống và việc thể cảm dục cùng thể trí có phải bị giải thể rồi tái cấu tạo trước khi việc nhập thể lại được tìm kiếm hay không.

84. This type of alignment is necessary to produce the white magician.

84. Loại chỉnh hợp này là cần thiết để tạo ra nhà huyền thuật chánh đạo.

This is in order that **the Inner God may function in full consciousness and wield full control on the physical plane**. Thus will humanity be helped and group concerns furthered.

Điều này là để **Thượng đế Bên Trong có thể hoạt động trong tâm thức trọn vẹn và nắm quyền kiểm soát trọn vẹn trên cõi hồng trần**. Nhờ đó nhân loại sẽ được giúp đỡ và những mối quan tâm của nhóm được thúc đẩy.

85. As it becomes possible for the "Inner God" thus to function, the need for intervals between incarnations is drastically reduced. With the full functioning of the "Inner God" at the fourth initiation, there is no longer a need to take incarnation at all except for deliberate service purposes.

85. Khi "Thượng đế Bên Trong" có thể hoạt động như thế, nhu cầu về những khoảng cách giữa các lần nhập thể giảm đi mạnh mẽ. Khi "Thượng đế Bên Trong" hoạt động trọn vẹn ở lần điểm đạo thứ tư, không còn cần phải nhập thể nữa, ngoại trừ vì những mục đích phụng sự có chủ ý.

Again it must be remembered that the **basic Ray laws and the disciple's particular type will paramountly dictate his appearances**, but certain other forces begin to hold sway which might here be touched upon.

Một lần nữa cần nhớ rằng **các định luật cung căn bản và loại hình đặc thù của đệ tử sẽ quyết định một cách tối thượng những lần xuất hiện của y**, nhưng một số mãnh lực khác bắt đầu nắm quyền chi phối, và ở đây có thể được chạm đến.

86. The "basic Ray laws" will probably correlated with the disciple's soul ray.

86. "Các định luật cung căn bản" có lẽ sẽ tương quan với cung linh hồn của đệ tử.

87. As for the "disciple's particular type" many things could be meant, but the degree of unfoldment will count. In *A Treatise on Cosmic Fire* DK discusses perhaps seven or eight distinct kinds of egoic lotuses (depending upon the degree of unfoldment):

87. Còn về "loại hình đặc thù của đệ tử", nhiều điều có thể được hàm ý, nhưng mức độ khai mở sẽ được tính đến. Trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* Chân sư DK bàn đến có lẽ bảy hay tám loại Hoa Sen Chân Ngã khác biệt (tùy theo mức độ khai mở):

a. Brahmic Lotuses

a. Các Hoa Sen Brahmic

b. Lotuses of Brahman

b. Các Hoa Sen của Brahman

c. Primary Lotuses

c. Các Hoa Sen Sơ cấp

d. Lotuses of Passion and Desire

d. Các Hoa Sen của Đam Mê và Ham Muốn

e. Radiant Lotuses

e. Các Hoa Sen Rạng Ngời

f. Lotuses with Perfume

g. Lotuses of Revelation

h. Etc.

88. Now DK touches upon *additional factors* which will affect a man's cycles of incarnation.

The factors governing the appearance in incarnation of a disciple are as follows:

First, ***his desire to work off karma rapidly*** **and so liberate himself for service.**

89. Some, caught in the midst of difficult situations, may not realize that they have 'contracted' before rebirth to encounter or participate in these situations.

90. In such cases, undue relief of the pre-designed 'encounter' is tantamount to delayed liberation.

The Ego impresses this desire upon the disciple during incarnation, and thus obviates any counter desire on his part for the bliss of devachan, or even for work on the astral plane.

91. This is the 'downward' Vulcanian pressure from the Ego. It works contrary to the wish-life of the disciple ruled by Neptune.

f. Các Hoa Sen Có Hương Thơm

g. Các Hoa Sen của Mặc Khải

h. Vân vân.

88. Giờ đây Chân sư DK đề cập đến *những yếu tố bổ sung* sẽ ảnh hưởng đến các chu kỳ nhập thể của một con người.

Các yếu tố chi phối sự xuất hiện trong nhập thể của một đệ tử như sau:

Thứ nhất, ***ham muốn của y muốn giải quyết nghiệp quả một cách nhanh chóng*** **và nhờ đó tự giải thoát mình để phụng sự.**

89. Một số người, bị cuốn vào giữa những hoàn cảnh khó khăn, có thể không nhận ra rằng trước khi tái sinh họ đã "giao ước" sẽ gặp gỡ hay tham dự vào những hoàn cảnh ấy.

90. Trong những trường hợp như thế, việc giải tỏa quá mức cuộc "gặp gỡ" đã được định trước tương đương với sự trì hoãn giải thoát.

Chân ngã gây ấn tượng ham muốn này lên đệ tử trong khi nhập thể, và nhờ đó loại bỏ bất kỳ ham muốn đối nghịch nào nơi y đối với chí phúc của devachan, hay thậm chí đối với công việc trên cõi cảm dục.

91. Đây là áp lực Vulcan "hướng xuống" từ chân ngã. Nó hoạt động ngược lại với đời sống ham muốn của đệ tử do Neptune cai quản.

92. The responsive disciple *wills* to accomplish a number of tasks on the physical plane and desires only to return with great rapidity so that the a number of pending tasks can be completed.

92. Người đệ tử đáp ứng *muốn* hoàn thành một số nhiệm vụ trên cõi hồng trần và chỉ mong quay lại thật nhanh để một số nhiệm vụ còn dang dở có thể được hoàn tất.

93. After the death of the physical body, work on the astral plane is possible, but in the case of some who are urgently pressing forward, not desirable.

93. Sau cái chết của thể xác, công việc trên cõi cảm dục là điều có thể, nhưng trong trường hợp của một số người đang khẩn thiết tiến lên, lại không đáng mong muốn.

94. It is interesting to see that the impression of the Ego in a way 'negates' any counter desire on the part of the disciple.

94. Thật thú vị khi thấy rằng sự gây ấn tượng của chân ngã theo một cách nào đó "phủ định" bất kỳ ham muốn đối nghịch nào từ phía đệ tử.

The **whole objective, therefore, of the disciple after death is to get rid of his subtler bodies, and acquire new ones**.

Mục tiêu **toàn bộ, do đó, của đệ tử sau khi chết là loại bỏ các thể vi tế hơn của mình, và có được những thể mới**.

95. This is certainly *one* way of proceeding. It involves the rapid discarding of identification with various desires and mental formulations.

95. Đây chắc chắn là *một* cách tiến hành. Nó bao hàm việc nhanh chóng loại bỏ sự đồng hoá với các ham muốn khác nhau và các công thức trí tuệ khác nhau.

96. It is also possible for some, we are told, to remain upon the astral plane for a relatively short time and take incarnation from that point, with the astral body and mental body preserved. DK tells us that for this possibility to become an actuality continuity of consciousness must be somewhat established.

96. Chúng ta được cho biết rằng đối với một số người, cũng có thể ở lại trên cõi cảm dục trong một thời gian tương đối ngắn rồi nhập thể từ điểm đó, với thể cảm dục và thể trí được bảo tồn. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng để khả năng này trở thành hiện thực, tính liên tục của tâm thức phải được thiết lập phần nào.

The three Masters so closely allied with the theosophical movement are already making Their preparations, and will also move among men, recognised by Their Own and by those who have eyes to see. **To those of Their chelas on earth who undergo the necessary discipline, opportunity will be offered to work on the astral plane and,**

Ba Chân sư gắn bó mật thiết với phong trào Thông Thiên Học đã đang chuẩn bị, và cũng sẽ đi lại giữa những người nam và nữ, được nhận ra bởi người của Các Ngài và bởi những ai có mắt để thấy. **Đối với những đệ tử của Các Ngài trên trần gian, những người trải qua kỷ luật cần thiết, cơ hội sẽ được trao để làm việc trên cõi cảm dục và, nếu họ**

should they so choose, an immediate incarnation, provided they have achieved continuity of consciousness. (TCF 759)

chọn như vậy, được nhập thể ngay tức khắc, với điều kiện họ đã đạt được tính liên tục của tâm thức. (TCF 759)

There is no desire for a period of rest, and as desire is the governing factor in this system of desire, and particularly in this planetary scheme,

Không có ham muốn về một thời kỳ nghỉ ngơi, và vì ham muốn là yếu tố chi phối trong hệ thống ham muốn này, và đặc biệt trong hệ hành tinh này,

97. A scheme in which the Planetary Logos is not in entire control of His astral vehicle and is still battling on the cosmic astral plane to achieve that control…

97. Một hệ hành tinh trong đó Đức Hành Tinh Thượng Đế chưa hoàn toàn kiểm soát được vận cụ cảm dục của Ngài và vẫn còn đang chiến đấu trên cõi cảm dục vũ trụ để đạt được sự kiểm soát ấy…

if it exists not, there is no incentive to fulfilment.

nếu nó không hiện hữu, thì không có động lực để hoàn tất.

98. Thus, we must watch our desires as they will determine whether we are destined for the heaven worlds or for service possibilities presented through rapid reincarnation.

98. Vì vậy, chúng ta phải canh chừng các ham muốn của mình vì chúng sẽ quyết định liệu chúng ta được định cho các cõi thiên giới hay cho những khả năng phụng sự được trình ra qua sự tái sinh nhanh chóng.

99. Even now, we can tell whether we are motivated by a desire for "rest" or are animated by the desire-to-return reinforced by the will-to-return.

99. Ngay cả bây giờ, chúng ta có thể biết liệu mình được thúc đẩy bởi ham muốn "nghỉ ngơi" hay được sinh động hóa bởi ham muốn quay lại được củng cố bởi ý chí quay lại.

[Page 1150] The man, therefore, absents himself from the physical plane for a very brief time, and is **driven by his Ego** into a physical body with great rapidity.

[Page 1150] Vì vậy, con người vắng mặt khỏi cõi hồng trần trong một thời gian rất ngắn, và được **chân ngã của y thúc đẩy** đi vào một thể xác với tốc độ rất nhanh.

100. DK does not say *how* rapidly this return is made. It is probably a relative matter

100. Chân sư DK không nói *nhanh đến mức nào* sự quay lại này được thực hiện. Có lẽ đó là một vấn đề tương đối.

101. We sense the power of the first ray being asserted by the Ego who *drives* his reflection back into incarnation.

101. Chúng ta cảm nhận quyền năng của cung một đang được chân ngã khẳng định, chân ngã ấy *thúc đẩy* sự phản chiếu của mình quay trở lại nhập thể.

102. It is apparent that the Ego has a *plan* and exerts pressure upon the man in order to see this plan into expression.

102. Rõ ràng chân ngã có một *Thiên Cơ* và gây áp lực lên con người để thấy Thiên Cơ này đi vào biểu lộ.

103. Probably by "Ego" DK means the Solar Angel, but there is a sense in which the jiva in the causal body can be considered an aspect of the consciousness of the Ego.

103. Có lẽ khi nói "chân ngã", Chân sư DK muốn nói đến Thái dương Thiên Thần, nhưng cũng có một ý nghĩa trong đó jiva trong thể nguyên nhân có thể được xem là một phương diện của tâm thức của chân ngã.

Second, *to work out some piece of service* under direction of his Master.

Thứ hai, *để thực hiện một phần việc phụng sự nào đó* dưới sự chỉ đạo của Chân sư của y.

104. In this case the disciple is definitely a part of plans far greater than his own individual plans.

104. Trong trường hợp này, đệ tử rõ ràng là một phần của những kế hoạch lớn hơn rất nhiều so với những kế hoạch cá nhân của riêng y.

105. One would think that the most recent incarnation of A.A.B. was just such an incarnation under the direction of Master KH.

105. Người ta có thể nghĩ rằng lần nhập thể gần đây nhất của A.A.B. chính là một lần nhập thể như thế dưới sự chỉ đạo của Chân sư KH.

This will involve some adjustments, and **occasionally the temporary arresting of his karma**.

Điều này sẽ bao hàm một số điều chỉnh, và **đôi khi là sự tạm thời đình chỉ nghiệp quả của y**.

106. The staving off of karmic forces which otherwise might overwhelm the disciple is called for.

106. Việc ngăn chặn các mãnh lực nghiệp quả vốn có thể áp đảo đệ tử trong trường hợp khác là điều cần thiết.

107. We see that the arresting of karma does not *always* occur and that it is always "temporary". The Master has the right to temporarily adjust the karma of his disciple

107. Chúng ta thấy rằng việc đình chỉ nghiệp quả không *luôn luôn* xảy ra và luôn luôn chỉ là "tạm thời". Chân sư có quyền tạm thời điều chỉnh nghiệp quả của đệ tử mình

so that a greater purpose and, thus, a greater good can be served.

để một mục đích lớn hơn và do đó một thiện ích lớn hơn có thể được phụng sự.

These adjustments are made by the Master with the concurrence of the disciple,

Những điều chỉnh này được Chân sư thực hiện với sự đồng thuận của đệ tử,

108. The disciple must agree and understand the consequences.

108. Đệ tử phải đồng ý và hiểu các hậu quả.

109. One presumes that the disciple (fully aware in the egoic state between incarnations) concurs with the Master.

109. Người ta cho rằng đệ tử (hoàn toàn tỉnh thức trong trạng thái chân ngã giữa các lần nhập thể) đồng thuận với Chân sư.

and are only possible in the case of an accepted disciple of some standing.

và chỉ có thể xảy ra trong trường hợp một đệ tử được chấp nhận có vị thế nhất định.

110. This means that a *newly* accepted disciple is not qualified to participate in this type of process. One must be well-tested before it becomes possible.

110. Điều này có nghĩa là một đệ tử mới được chấp nhận không đủ tư cách để tham gia loại tiến trình này. Người ta phải được thử thách kỹ lưỡng trước khi điều đó trở nên khả thi.

It does not mean that karma is set aside, but only **that certain forces are kept in abeyance** until a designated group work has been accomplished.

Điều đó không có nghĩa là nghiệp quả bị gạt sang một bên, mà chỉ là **một số mãnh lực được giữ trong trạng thái đình lưu** cho đến khi một công việc nhóm được chỉ định đã hoàn tất.

111. It is interesting to realize that the Master can indeed keep certain forces in abeyance. How He manages this must be mysterious to those with our limited experience. We might call this process 'delayed karmic impact'.

111. Thật thú vị khi nhận ra rằng Chân sư quả thật có thể giữ một số mãnh lực trong trạng thái đình lưu. Ngài thực hiện điều này như thế nào hẳn là điều huyền nhiệm đối với những người có kinh nghiệm hạn chế như chúng ta. Chúng ta có thể gọi tiến trình này là "tác động nghiệp quả bị trì hoãn".

Third, *a disciple will return into incarnation occasionally so as to fit into the plan of a greater than himself.*

Thứ ba, *một đệ tử thỉnh thoảng sẽ trở lại lâm phàm để phù hợp với kế hoạch của một Đấng cao cả hơn y.*

112. This is intimate work and requires, minimally, that the disciple have the sixth petal of his egoic lotus fully open. In short the disciple must be, minimally, an initiate of the second degree.

112. Đây là công việc mật thiết và đòi hỏi, tối thiểu, đệ tử phải có cánh hoa thứ sáu của hoa sen chân ngã hoàn toàn khai mở. Nói ngắn gọn, tối thiểu đệ tử phải là một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ hai.

When a messenger of the Great Lodge **needs a vehicle through which to express Himself**, and cannot use a physical body Himself, owing to the rarity of its substance, He will utilise the body of a disciple.

Khi một sứ giả của Thánh đoàn **cần một vận cụ để qua đó biểu lộ Chính Ngài**, và không thể tự mình sử dụng một thể xác, do chất liệu của nó quá hiếm có, Ngài sẽ sử dụng thể của một đệ tử.

113. The best known incident of this in the West is the use by the Lord Maitreya of the body of the initiate Jesus.

113. Trường hợp nổi tiếng nhất về điều này ở phương Tây là việc Chúa Maitreya sử dụng thể của điểm đạo đồ Jesus.

114. It may well be that the high initiate Jesus used the body of His disciple, Apollonius of Tyana, to do the same.

114. Rất có thể điểm đạo đồ cao cấp Jesus đã dùng thể của đệ tử của Ngài là Apollonius xứ Tyana để làm điều tương tự.

115. One can wonder about Gautama. Were he and the one we call the Buddha identical? This demands some investigation. The question is: "Was the individual Gautama, born in the usual manner, a fifth degree initiate?" The Buddha had been head of the Spiritual Hierarchy for some two thousand years when Gautama was born. Then, must the Head of the Hierarchy be a fifth degree initiate? It would seem so,

115. Người ta có thể tự hỏi về Gautama. Ngài và vị mà chúng ta gọi là Đức Phật có đồng nhất hay không? Điều này đòi hỏi một sự khảo cứu nào đó. Câu hỏi là: "Cá nhân Gautama, sinh ra theo cách thông thường, có phải là một điểm đạo đồ cấp năm không?" Đức Phật đã là vị đứng đầu Thánh đoàn tinh thần khoảng hai ngàn năm khi Gautama ra đời. Vậy thì, Vị đứng đầu Thánh đoàn hẳn phải là một điểm đạo đồ cấp năm chăng? Có vẻ là như vậy,

We have an instance of this in the **manner the Christ used the body of the initiate Jesus, taking possession of it at the time of the Baptism.**

Chúng ta có một trường hợp về điều này trong **cách Đức Christ sử dụng thể của điểm đạo đồ Jesus, tiếp quản nó vào lúc Lễ Rửa Tội.**

116. There is much symbolism here as the one who passes through the "Baptism" is an initiate of the second degree. John the Baptist, we are told, was an initiate of the second degree. Was it the initiate Jesus who was baptized or what is the Lord Maitreya,

116. Ở đây có nhiều tính biểu tượng, vì người trải qua "Lễ Rửa Tội" là một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ hai. Chúng ta được cho biết John the Baptist là một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ hai. Vậy người được rửa tội là điểm đạo đồ Jesus, hay là Chúa

Himself (having taken possession of Jesus' body)?

Maitreya Chính Ngài (sau khi đã tiếp quản thể của Jesus)?

117. In either case, the Baptism has to be *symbolic* in nature, for in a former life the initiate Jesus had already passed through the third degree, and as Joshua, Son of Nun, was a second degree initiate.

117. Trong cả hai trường hợp, Lễ Rửa Tội phải có bản chất *biểu tượng*, vì trong một kiếp trước điểm đạo đồ Jesus đã vượt qua lần điểm đạo thứ ba, và với tư cách Joshua, con trai của Nun, ông là một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ hai.

118. As for the Lord Maitreya, the Christ, His status at that time was already an initiate of the fifth degree, tending rapidly towards the sixth degree.

118. Còn về Chúa Maitreya, Đức Christ, địa vị của Ngài vào thời điểm đó đã là một điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ năm, đang nhanh chóng tiến tới lần điểm đạo thứ sáu.

119. The initiate Jesus has no need of the Baptism nor had the Christ. But the Christ may have considered the symbolic undertaking of the Baptism as part of His Teaching, and so, indeed, it may have been Him who passed through the process administered by John the Baptist.

119. Điểm đạo đồ Jesus không cần Lễ Rửa Tội, và Đức Christ cũng không cần. Nhưng Đức Christ có thể đã xem việc đảm nhận Lễ Rửa Tội một cách biểu tượng là một phần trong Giáo Huấn của Ngài, và quả thật, có thể chính Ngài là Đấng đã trải qua tiến trình do John the Baptist thực hiện.

Again when a message has to be given out to the world during some recurring cycle, **a disciple of high position in a Master's group will appear in physical incarnation, and be "overshadowed" or "inspired"** (in the technically occult sense) by some teacher greater than he.

Lại nữa, khi một thông điệp phải được ban ra cho thế giới trong một chu kỳ tái diễn nào đó, **một đệ tử có địa vị cao trong nhóm của một Chân sư sẽ xuất hiện trong lâm phàm hồng trần, và được "phủ bóng" hoặc "cảm hứng"** (theo nghĩa huyền bí học chuyên môn) bởi một huấn sư cao cả hơn y.

120. This is not the same method as surrendering the body, but does require the closest contact between the Master and the one to be overshadowed. It would seem that such an "overshadowed" disciple would have to be, minimally, a "Chela within the Master's Aura".

120. Đây không phải là cùng một phương pháp như việc trao nộp thể xác, nhưng quả có đòi hỏi sự tiếp xúc mật thiết nhất giữa Chân sư và người được phủ bóng. Có vẻ như một đệ tử được "phủ bóng" như vậy, tối thiểu, phải là một "Đệ tử trong hào quang của Chân sư".

121. DK uses the word "appear". What shall we judge? That the appearance is through natural birth? This would be the most likely. Or that the appearance is, itself, a

121. Chân sư DK dùng từ "xuất hiện". Chúng ta nên phán đoán thế nào? Rằng sự xuất hiện ấy là qua sinh ra tự nhiên chăng? Điều này có vẻ có khả năng nhất. Hay rằng chính sự xuất

Mayavirupa? That would be a very unusual case.

Fourth, a disciple may, through lack of rounded development, be very far advanced along certain lines **but lack what is called the full intensification of a particular principle.** He may, therefore, decide (with the full concurrence of his Ego and of his Master) to ***take a series of rapidly recurring incarnations*** **with the intention of working specifically at bringing a certain quality, or series of qualities, to a point of higher vibratory content, thus completing the rounding of his sphere of manifestation.**

122. To the superficial eye, the manner in which such a disciple works might be considered *fanaticism*. In fact, its objective is just the opposite of the fanatical response—completion of a *balanced*, rounding-out process.

123. Would a sixth ray personality be valuable in such a process? It is, after all, the "ray…of undue emphasis". (DINA I 322-323)

124. We see that it is the *disciple* who is deciding to undertake this series of rapid incarnation, for he has the agreement of his Ego and his Master.

125. Again, only a highly advanced individual can do this.

126. In this case the "Ego" is definitely the Solar Angel, but let us not forget the senses in which the disciple within his consciousness on the higher mental plane is also to be considered the "Ego".

hiện ấy tự nó là một Mayavirupa? Đó sẽ là một trường hợp rất bất thường.

Thứ tư, một đệ tử có thể, do thiếu sự phát triển viên mãn, đã tiến rất xa trên một số đường lối nhất định **nhưng lại thiếu điều được gọi là sự tăng cường trọn vẹn của một nguyên khí đặc biệt.** Vì vậy, y có thể quyết định (với sự đồng thuận trọn vẹn của chân ngã và của Chân sư của y) ***đảm nhận một loạt các kiếp lâm phàm tái diễn nhanh chóng*** **với ý định chuyên biệt là nỗ lực đưa một phẩm tính nào đó, hoặc một chuỗi phẩm tính nào đó, đến một điểm có nội dung rung động cao hơn, nhờ đó hoàn tất sự viên mãn của khối cầu biểu hiện của y.**

122. Đối với con mắt hời hợt, cách làm việc của một đệ tử như thế có thể bị xem là *cuồng tín*. Thực ra, mục tiêu của nó hoàn toàn ngược lại với sự đáp ứng cuồng tín—hoàn tất một tiến trình *cân bằng*, làm cho tròn đầy.

123. Một phàm ngã cung sáu có giá trị trong một tiến trình như thế chăng? Rốt cuộc, đó là "cung... của sự nhấn mạnh quá mức". (DINA I 322-323)

124. Chúng ta thấy rằng chính *đệ tử* là người quyết định đảm nhận loạt lâm phàm nhanh chóng này, vì y có sự đồng ý của chân ngã và Chân sư của y.

125. Một lần nữa, chỉ một cá nhân rất cao cấp mới có thể làm điều này.

126. Trong trường hợp này, "Chân ngã" rõ ràng là Thái dương Thiên Thần, nhưng chúng ta đừng quên những ý nghĩa theo đó đệ tử, trong tâm thức của y trên Cõi thượng trí, cũng được xem là "Chân ngã".

This accounts for the peculiar, yet powerful, people who are [Page 1151] met at times; **they are so one-pointed and apparently so unbalanced that their sole attention is given to one line of development only, so much so that the other lines are hardly apparent.**

Điều này giải thích cho những con người đặc biệt nhưng đầy mãnh lực, đôi khi gặp phải; [Page 1151] **họ nhất tâm đến mức và dường như mất cân bằng đến mức toàn bộ sự chú ý của họ chỉ dành cho một đường phát triển duy nhất, đến nỗi các đường khác hầu như không biểu lộ.**

127. Yes, it would seem that a sixth ray personality *would* be of value for these types of incarnation.

127. Đúng vậy, có vẻ như một phàm ngã cung sáu *sẽ* có giá trị đối với các loại lâm phàm này.

Yet their influence seems great, and out of all proportion to their *superficial*worth. **A realisation of these factors will deter the wise student from hasty judgments, and from rapid conclusions concerning his fellow men**.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của họ dường như rất lớn, và hoàn toàn không tương xứng với giá trị *bề ngoài* của họ. **Sự chứng nghiệm các yếu tố này sẽ ngăn cản đạo sinh minh triết khỏi những phán đoán vội vàng, và khỏi những kết luận hấp tấp về đồng loại của mình**.

128. We have very important advice here given. We cannot yet see the *causal* whole. Until we have a very full causal consciousness we are in no position to judge the reason for this one-pointed dedication.

128. Ở đây chúng ta được ban cho một lời khuyên rất quan trọng. Chúng ta chưa thể thấy toàn thể *nguyên nhân*. Chừng nào chúng ta chưa có một tâm thức nguyên nhân thật đầy đủ, chúng ta chưa ở vào vị thế để phán đoán lý do của sự tận hiến nhất tâm này.

129. The degree of balance cannot be determined by referencing the personality alone. This is a very important point. Understanding of the development of the soul is indispensable for correct interpretation of what appears to be expressed through the personality.

129. Mức độ cân bằng không thể được xác định chỉ bằng cách quy chiếu vào riêng phàm ngã. Đây là một điểm rất quan trọng. Sự thấu hiểu về sự phát triển của linh hồn là điều không thể thiếu để diễn giải đúng đắn điều dường như đang được biểu lộ qua phàm ngã.

Occasionally a variation of this reason for rapid and immediate incarnation is seen when an initiate (who has nearly completed his cycle)

Thỉnh thoảng, một biến thể của lý do này đối với sự lâm phàm nhanh chóng và tức thời được thấy khi một điểm đạo đồ (người gần như đã hoàn tất chu kỳ của mình)

130. Presumably we are speaking of the moment of completion as the fourth initiation.

130. Có lẽ chúng ta đang nói đến thời điểm hoàn tất như là lần điểm đạo thứ tư.

appears in incarnation to express almost entirely one perfected principle.

xuất hiện trong lâm phàm để biểu lộ gần như hoàn toàn một nguyên khí đã được hoàn thiện.

131. We can think of the Christ in this regard as expressing the Principle of Love and the Buddha as expressing the Principle of Wisdom. This discussion should be linked with the information in EP II on "Presented Attributes".

131. Về phương diện này, chúng ta có thể nghĩ đến Đức Christ như biểu lộ Nguyên khí Bác ái và Đức Phật như biểu lộ Nguyên khí Minh triết. Cuộc thảo luận này nên được liên kết với thông tin trong EP II về "Các Thuộc Tính Được Trình Hiện".

This he does for the good of a particular group which—though engaged in work for humanity—is **failing somewhat in its objective through the lack of a particular quality, or stream of force.**

Điều này y làm vì lợi ích của một nhóm đặc biệt, nhóm mà—dù đang dấn thân vào công việc vì nhân loại—lại **phần nào thất bại trong mục tiêu của mình do thiếu một phẩm tính đặc biệt, hoặc một dòng mãnh lực.**

132. So the 'intervention', if we can call it that, is for the purpose of supplementation.

132. Vì vậy, nếu có thể gọi như thế, thì sự "can thiệp" này nhằm mục đích bổ sung.

133. Can we link this information with the reformation of Buddhism undertaken by Tsongkhapa in the fourteenth century?

133. Chúng ta có thể liên kết thông tin này với cuộc cải cách Phật giáo do Tsongkhapa thực hiện vào thế kỷ mười bốn không?

134. We see and understand how the Hierarchy seeks to maintain the balance.

134. Chúng ta thấy và hiểu cách Thánh đoàn tìm cách duy trì sự cân bằng.

When this becomes apparent on the inner side, **some advanced disciple**puts the energy of that particular quality at the disposal of the Hierarchy,

Khi điều này trở nên hiển nhiên ở mặt bên trong, **một đệ tử tiến bộ nào đó** đặt năng lượng của phẩm tính đặc biệt ấy vào quyền sử dụng của Thánh đoàn,

135. We may understand this as a sacrificial act.

135. Chúng ta có thể hiểu điều này như một hành vi hi sinh.

and **is sent forth to *balance* that group**, and frequently to do so for a period of rapidly succeeding lives.

và **được phái đi để *cân bằng* nhóm đó**, và thường là làm như vậy trong một thời kỳ gồm những kiếp sống nối tiếp nhanh chóng.

136. One wonders if the efforts of the present Dalai Lama can be understood in this way.

136. Người ta tự hỏi liệu những nỗ lực của Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện nay có thể được hiểu theo cách này hay không.

These are a few of the causes governing the periodic manifestation of those who are grouped in the Hierarchical records as "**the aligned points of fire**."

Đây là một vài nguyên nhân chi phối sự biểu hiện theo chu kỳ của những vị được ghi trong hồ sơ của Thánh đoàn như là "**những điểm lửa được chỉnh hợp**."

137. All of us are points of fire and light, but are we truly "aligned"? If so, there are reincarnational implications. The incarnations of "aligned points of fire" have a special character and may be unusual in the ways related in the foregoing section of text.

137. Tất cả chúng ta đều là những điểm lửa và ánh sáng, nhưng chúng ta có thật sự "được chỉnh hợp" không? Nếu có, thì sẽ có những hàm ý về tái sinh. Những kiếp lâm phàm của "những điểm lửa được chỉnh hợp" mang một tính chất đặc biệt và có thể khác thường theo những cách được nêu trong phần văn bản trước.

They are distinguished by the energy flowing through them, by the magnetic quality of their work, by their powerful group effects, and by their physical plane realisation of the plan.

Họ được phân biệt bởi năng lượng tuôn chảy qua họ, bởi phẩm tính từ tính của công việc họ làm, bởi những hiệu quả nhóm mạnh mẽ của họ, và bởi sự chứng nghiệm Thiên Cơ của họ trên cõi hồng trần.

138. For us these are points of aspiration. Let us tabulate these qualities of "the aligned points of fire" for the sake of emphasis. The aligned points of fire are distinguished by:

138. Đối với chúng ta, đây là những điểm khát vọng. Chúng ta hãy lập bảng các phẩm tính này của "những điểm lửa được chỉnh hợp" để nhấn mạnh. Những điểm lửa được chỉnh hợp được phân biệt bởi:

a. The energy flowing through them. This factor correlates with the first ray.

a. Năng lượng tuôn chảy qua họ. Yếu tố này tương quan với cung một.

b. The magnetic quality of their work. This factor correlates with the second ray.

b. Phẩm tính từ tính của công việc họ làm. Yếu tố này tương quan với cung hai.

c. Their powerful group effects. Again, a correlated with the second ray, and other rays.

c. Những hiệu quả nhóm mạnh mẽ của họ. Một lần nữa, điều này tương quan với cung hai, và các cung khác.

d. Their physical plane realization of the Plan. Here we have a correlation with the third ray.

d. Sự chứng nghiệm Thiên Cơ của họ trên cõi hồng trần. Ở đây chúng ta có một sự tương quan với cung ba.

The coming into manifestation of the superhuman lives (such as greater liberated Existences, or the raja-devas of a plane),

Sự đi vào biểu hiện của các sự sống siêu nhân loại (chẳng hạn như những Hiện Hữu giải thoát cao cả hơn, hoặc các raja-deva của một cõi),

139. Is DK distinguishing the Raja Deva Lords from the "greater liberated Existences"? Perhaps He is speaking in quite general terms.

139. Chân sư DK có đang phân biệt các Chúa Tể Raja Deva với "những Hiện Hữu giải thoát cao cả hơn" không? Có lẽ Ngài đang nói theo những thuật ngữ khá tổng quát.

the appearing of the **planetary Logoi and the solar Logoi in physical incarnation**

sự xuất hiện của **các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế trong lâm phàm hồng trần**

140. We hear of the appearing of the Planetary Logos in physical incarnation as Sanat Kumara, but what of the Solar Logos and Solar Logoi? We are presented with an intriguing idea.

140. Chúng ta nghe nói về sự xuất hiện của Hành Tinh Thượng Đế trong lâm phàm hồng trần như Đức Sanat Kumara, nhưng còn Thái dương Thượng đế và các Thái dương Thượng đế thì sao? Chúng ta được trình bày một ý tưởng đầy hấp dẫn.

is governed by laws similar in nature to those governing the human unit, but of a cosmic scope.

được chi phối bởi những định luật tương tự về bản chất với những định luật chi phối đơn vị nhân loại, nhưng ở tầm mức vũ trụ.

141. We can question the nature of the Solar Logos appearing in physical incarnation. Can we analogize? If our Planetary Logos appears as Sanat Kumara, in what manner would an incarnation/emanation of the Solar Logos appear?

141. Chúng ta có thể đặt câu hỏi về bản chất của Thái dương Thượng đế xuất hiện trong lâm phàm hồng trần. Chúng ta có thể suy theo phép tương đồng chăng? Nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta xuất hiện như Đức Sanat Kumara, thì một sự lâm phàm/ xuất lộ của Thái dương Thượng đế sẽ xuất hiện theo cách nào?

It will be apparent to the most superficial student that the gradual emergence of a plane out of the darkness which exists between systems

Điều này sẽ hiển nhiên đối với cả đạo sinh hời hợt nhất rằng sự xuất hiện dần dần của một cõi từ bóng tối vốn tồn tại giữa các hệ thống

142. DK is speaking of the condition which exists between physical incarnations of a Solar Logos.

142. Chân sư DK đang nói về trạng thái tồn tại giữa các lần lâm phàm hồng trần của một Thái dương Thượng đế.

is produced not only as the result of vibratory response to the enunciated Word, but as the working out of the karma of a [Page 1152] cosmic Life

được tạo ra không chỉ như kết quả của sự đáp ứng rung động đối với Linh từ được xướng lên, mà còn như sự triển khai nghiệp quả của một [Page 1152] Sự sống vũ trụ

143. A plane continues very much as it had been in the previous system. The condition in which that plane existed before inter-systemic pralaya determines the karma of that plane in the present solar system.

143. Một cõi tiếp tục rất nhiều như nó đã từng có trong hệ thống trước. Trạng thái mà cõi ấy tồn tại trước giai kỳ qui nguyên liên-hệ-thống quyết định nghiệp quả của cõi ấy trong hệ mặt trời hiện tại.

and the relationship existing between that particular Life and the cosmic Existence Whom we call Brahma or the third Person of the Trinity.

và mối liên hệ hiện hữu giữa Sự sống đặc biệt ấy với Hiện Hữu vũ trụ mà chúng ta gọi là Brahma hay Ngôi thứ ba của Tam Vị.

144. The Solar Logos is a “cosmic Existence”. We may conceive of Brahma as the “Third Person of the Logoic Trinity”. There are also ways in which the term “Brahma” can indicate a far greater Entity.

144. Thái dương Thượng đế là một “Hiện Hữu vũ trụ”. Chúng ta có thể quan niệm Brahma như “Ngôi thứ ba của Tam Vị Logoic”. Cũng có những cách mà thuật ngữ “Brahma” có thể chỉ một Thực Thể còn lớn lao hơn nhiều.

145. When dealing with the emergence of planes into manifestation, we are dealing not only the with reflection of the archetype but with the continuation or perpetuation of previous *conditions*— for instance planar conditions as they existed in a previous solar system.

145. Khi bàn đến sự xuất hiện của các cõi vào biểu hiện, chúng ta không chỉ bàn đến sự phản chiếu của nguyên mẫu mà còn đến sự tiếp tục hay duy trì của những *điều kiện trước đó*— chẳng hạn như các điều kiện của cõi như chúng đã tồn tại trong một hệ mặt trời trước.

The deva Ruler of a plane is a superhuman Entity Who comes in under a great cosmic

Vị chủ tinh deva của một cõi là một Thực Thể siêu nhân loại Đấng đi vào dưới một

impulse to provide the vibratory form which will make possible the appearing of other and lesser forms.

xung lực vũ trụ lớn để cung ứng hình tướng rung động sẽ làm cho sự xuất hiện của những hình tướng khác và nhỏ hơn trở nên khả hữu.

146. We are discussing the appearance of lesser forms within a greater form.

146. Chúng ta đang bàn về sự xuất hiện của những hình tướng nhỏ hơn bên trong một hình tướng lớn hơn.

147. We must ask about the Entities to Whom the name "superhuman Entity" are applicable. Is the Solar Angel the first? Or can we say that a Chohan is also a superhuman Entity "They are no longer men as are the Masters…" (Rule VII)

147. Chúng ta phải hỏi về những Thực Thể mà danh xưng "Thực Thể siêu nhân loại" có thể áp dụng. Thái dương Thiên Thần có phải là vị đầu tiên không? Hay chúng ta có thể nói rằng một Chohan cũng là một Thực Thể siêu nhân loại: "Các Ngài không còn là con người như các Chân sư nữa…" (Quy luật VII)

The Lords of the Rays, or the planetary Logoi, are similarly and karmically linked with the second aspect **logoic**, or with that manifesting Life we call Vishnu.

Các Chúa Tể của các cung, hay các Hành Tinh Thượng Đế, cũng tương tự như vậy và được liên kết theo nghiệp quả với phương diện thứ hai **logoic**, hay với Sự sống biểu hiện mà chúng ta gọi là Vishnu.

148. DK is contrasting the cosmic Life associated with the Raja Deva Lords with the cosmic Life associated with the Planetary Logoi or "Lords of the Rays".

148. Chân sư DK đang đối chiếu Sự sống vũ trụ gắn liền với các Chúa Tể Raja Deva với Sự sống vũ trụ gắn liền với các Hành Tinh Thượng Đế hay "các Chúa Tể của các cung".

149. Notice that, from one perspective, the "Ray Lords" are definitely Planetary Logoi.

149. Hãy lưu ý rằng, từ một góc nhìn, "các Chúa Tể Cung" rõ ràng là các Hành Tinh Thượng Đế.

150. Vishnu may be understood as the "Second Person of the Logoic Trinity".

150. Vishnu có thể được hiểu như "Ngôi thứ hai của Tam Vị Logoic".

It will thus be seen that three main impulses, each emanating from the will, plan, or conscious purpose of a cosmic Entity

Như vậy sẽ thấy rằng ba xung lực chính, mỗi xung lực phát ra từ ý chí, Thiên Cơ, hay mục đích hữu thức của một Thực Thể vũ trụ

151. We may presume that the major "cosmic Entity" involved is our Solar Logos.

151. Chúng ta có thể giả định rằng "Thực Thể vũ trụ" chủ yếu liên hệ ở đây là Thái dương Thượng đế của chúng ta.

152. Brahma, Vishnu and Shiva, however, are also to be considered as *cosmic Entities,* but *within* the expression of our Solar Logos.

152. Tuy nhiên, Brahma, Vishnu và Shiva cũng phải được xem là những *Thực Thể vũ trụ,* nhưng *bên trong* sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

are responsible for all that is seen and known in our solar system.

chịu trách nhiệm cho tất cả những gì được thấy và được biết trong hệ mặt trời của chúng ta.

This, of course, has been oft emphasised in different occult books but the following tabulation may be of service:

Điều này, dĩ nhiên, đã thường được nhấn mạnh trong nhiều sách huyền bí học khác nhau, nhưng bảng sau đây có thể hữu ích:

Cosmic Entity Systemic Entities Number of Impulses Quality

Thực Thể Vũ Trụ Các Thực Thể Hệ Thống Số Xung Lực Phẩm tính

1. Brahma..... The Raja Lords 7...Activity.....Inertia.

1. Brahma..... Các Chúa Tể Raja 7...Hoạt động.....Quán tính.

2. Vishnu..... The Planetary Logoi 7...Wisdom.....Mobility.

2. Vishnu..... Các Hành Tinh Thượng Đế 7...Minh triết.....Tính động.

3 Shiva..... The Solar Logos 1....Will.....Rhythm.

3 Shiva..... Thái dương Thượng đế 1....Ý chí.....Nhịp điệu.

153. In one way this tabulation is very interesting as it is also possible to consider the Solar Logos as the systemic "point within the triangle". In such a case, Shiva would also have *seven* impulses, and the "Seven Spirits of Darkness" would be connected with these impulses. The total number of impulses would then be 21 + 1 or 22.

153. Theo một cách nào đó, bảng này rất thú vị vì cũng có thể xem Thái dương Thượng đế là "điểm bên trong tam giác" của hệ thống. Trong trường hợp như vậy, Shiva cũng sẽ có *bảy* xung lực, và "Bảy Thánh Linh của Bóng Tối" sẽ được nối kết với các xung lực này. Khi đó tổng số xung lực sẽ là 21 + 1 hay 22.

Sevenfold electric fire. The seven types of spiritual existences, or the seven Spirits before the Throne in Their essential essence; the dynamic force or will lying back of all

Lửa điện thất phân. Bảy loại hiện hữu tinh thần, hay Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai trong tinh chất cốt yếu của Các Ngài; mãnh lực động hay ý chí nằm phía sau mọi biểu

manifestation. They form on their own plane in a peculiar sense the logoic "Jewel in the Lotus," and hence are inconceivable to our intelligence in this solar system, as They are not revealed until the "Son be made perfect," or the logoic consciousness is fully awakened. They are esoterically the "Spirits of Darkness." (TCF 628-629)

hiện. Trên cõi riêng của Các Ngài, theo một ý nghĩa đặc biệt, Các Ngài tạo thành "Ngọc trong Hoa Sen" logoic, và do đó không thể được trí tuệ của chúng ta trong hệ mặt trời này quan niệm nổi, vì Các Ngài không được mặc khải cho đến khi "Người Con được làm cho hoàn hảo", hay tâm thức logoic hoàn toàn thức tỉnh. Một cách huyền bí, Các Ngài là "các Thánh Linh của Bóng Tối". (TCF 628-629)

154. Perhaps it is because we live in a second ray solar system that the Solar Logos (a very largely second ray Being) is considered the representative of Shiva (a first ray Deity).

154. Có lẽ vì chúng ta sống trong một hệ mặt trời cung hai nên Thái dương Thượng đế (một Hữu thể phần lớn thuộc cung hai) được xem là đại diện của Shiva (một Thượng đế cung một).

155. Given the nature of this tabulation, the number 15 takes on a new significance. It turns into a climactic number when considered in relation to the three aspects of divinity.

155. Xét theo bản chất của bảng này, con số 15 mang một thâm nghĩa mới. Nó trở thành một con số cao trào khi được xét trong mối liên hệ với ba phương diện của thiên tính.

It should be noted here that the above tabulation will apply to the microcosm as well as the macrocosm, and **students will find it interesting to work it out**.

Cần lưu ý rằng ở đây bảng trên sẽ áp dụng cho tiểu thiên địa cũng như đại thiên địa, và **đạo sinh sẽ thấy thú vị khi tự triển khai nó**.

156. If we try to work out this tabulation in relation to the microcosm, we may find ourselves considering the seven vehicles, the seven principles and the Spirit aspect as the fifteenth point.

156. Nếu chúng ta cố triển khai bảng này trong liên hệ với tiểu thiên địa, chúng ta có thể thấy mình đang xét đến bảy vận cụ, bảy nguyên khí và phương diện tinh thần như điểm thứ mười lăm.

S9S8 Part II

TCF 1152-1155

TCF 1152-1155

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ

14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Đề nghị nên **đọc phần Bình Luận này với cuốn *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi mới nghiên cứu phần Bình Luận**

3. Triangular Linking.

3. Liên Kết Tam Giác.

Enough has been indicated in this *Treatise* to show the general plan underlying and accounting for **systemic emergence**

Đã có đủ điều được chỉ ra trong *Luận thuyết* này để cho thấy kế hoạch tổng quát nằm bên dưới và giải thích cho **sự xuất hiện của hệ thống**

1. This denotes incarnation as a rhythmic process.

1. Điều này chỉ sự lâm phàm như một tiến trình có nhịp điệu.

or incarnation, and it is not my purpose here to enlarge at great length. Just as it is not possible for man in an early incarnation to conceive of the effects of evolution upon him and to realise the nature of the man upon the Path, **so it is not possible for even great [Page 1153] systemic existences to conceive (except in the broadest and most general terms) of the nature of the solar Logos, and of the effect evolution will have on Him**.

hay sự lâm phàm, và ở đây không phải mục đích của tôi là khai triển dài dòng. Cũng như con người trong một kiếp đầu không thể quan niệm được những tác động của tiến hoá lên mình và chứng nghiệm bản chất của con người trên Con Đường, **thì ngay cả những [Page 1153]hiện hữu hệ thống vĩ đại cũng không thể quan niệm được (ngoại trừ theo những nét rộng nhất và tổng quát nhất) về bản chất của Thái dương Thượng đế, và về tác động mà tiến hoá sẽ có lên Ngài**.

2. We might consider the Planetary Logoi as “great systemic existences”. We can imagine that there is much about the life and evolution of the Solar Logos which is beyond their understanding.

2. Chúng ta có thể xem các Hành Tinh Thượng Đế như là “những hiện hữu hệ thống vĩ đại”. Chúng ta có thể hình dung rằng có rất nhiều điều về sự sống và tiến hoá của Thái dương Thượng đế vượt ngoài sự thấu hiểu của Các Ngài.

3. And yet the Tibetan tells us a great deal about the Solar Logos (in general terms). We are far from being "great systemic existences", but we have been told enough to gather some conception of the life, nature and destiny of this great Being, the Solar Logos, and of our evolution within His ring-pass-not (for as long as we, as Monads, express within that ring-pass-not).

3. Tuy nhiên Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết khá nhiều về Thái dương Thượng đế (theo những nét tổng quát). Chúng ta còn xa mới là "những hiện hữu hệ thống vĩ đại", nhưng chúng ta đã được cho biết đủ để có thể hình thành một quan niệm nào đó về sự sống, bản chất và định mệnh của Hữu thể vĩ đại này, Thái dương Thượng đế, và về sự tiến hoá của chúng ta bên trong vòng-giới-hạn của Ngài (miễn là chúng ta, với tư cách các chân thần, còn biểu lộ bên trong vòng-giới-hạn ấy).

Suffice it to add, anent this matter, that when certain vast cosmic alignments have been made and the energy from the **logoic causal ovoid**

Chỉ cần nói thêm, liên quan đến vấn đề này, rằng khi một số chỉnh hợp vũ trụ bao la đã được thực hiện và năng lượng từ **noãn thể nguyên nhân logoic**

4. Thus, we are told that the causal body of the Solar Logos is an "ovoid" and is not a sphere, as is the case with some human causal bodies.

4. Như vậy, chúng ta được cho biết rằng thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế là một "noãn thể" chứ không phải một khối cầu, như trường hợp của một số thể nguyên nhân của con người.

5. The "vast cosmic alignments" are probably occurring within the "One About Whom Naught May Be Said" in which our Solar Logos plays a small but significant part.

5. Những "chỉnh hợp vũ trụ bao la" này có lẽ đang xảy ra bên trong Đấng Bất Khả Tư Nghị, trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta giữ một phần nhỏ nhưng quan trọng.

on the cosmic mental planes is able to flow unimpeded through to the physical plane atom (our solar system) great eventualities and unconceived of possibilities will then take place.

trên các cõi trí vũ trụ có thể tuôn chảy không bị ngăn trở xuống đến nguyên tử cõi hồng trần (hệ mặt trời của chúng ta), thì những biến cố lớn lao và những khả thể không thể hình dung sẽ xảy ra.

6. This alignment is a higher correspondence to the type of alignment which must occur for the human being on the physical plane in relation to his own causal body.

6. Sự chỉnh hợp này là một tương ứng cao hơn với loại chỉnh hợp phải xảy ra cho con người trên cõi hồng trần trong liên hệ với chính thể nguyên nhân của y.

7. Even our higher *microcosmic* possibilities are not revealed until this type of alignment occurs—for the human being.

7. Ngay cả những khả thể *vi mô* cao hơn của chúng ta cũng không được mặc khải cho đến khi loại chỉnh hợp này xảy ra—đối với con người.

8. From the macrocosmic perspective, we can assume that the logoic astral body and mental body present some form of impediment to this type of unimpeded flow from the logoic causal body. Microcosmically, so it is for a human being. As above, so below.

8. Từ góc nhìn đại thiên địa, chúng ta có thể giả định rằng thể cảm dục logoic và thể trí logoic tạo ra một hình thức cản trở nào đó đối với loại tuôn chảy không bị ngăn trở này từ thể nguyên nhân logoic. Ở tiểu thiên địa cũng vậy đối với con người. Trên sao, dưới vậy.

9. We note that our solar system is called a physical plane atom. By analogy, and microcosmically, the etheric-physical nature of a human being could be called a "physical plane atom".

9. Chúng ta lưu ý rằng hệ mặt trời của chúng ta được gọi là một nguyên tử cõi hồng trần. Theo phép tương đồng, và ở cấp tiểu thiên địa, bản chất dĩ thái-hồng trần của con người có thể được gọi là một "nguyên tử cõi hồng trần".

10. We note that DK did not call the solar system the physical permanent atom.

10. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã không gọi hệ mặt trời là nguyên tử trường tồn hồng trần.

11. The cosmic mental plane is intended to be a great source of inspiration for our solar system. So it is for the human being on the physical plane; the higher mental plane is intended to be a great source of inspiration.

11. Cõi trí vũ trụ được dự định là một nguồn cảm hứng lớn cho hệ mặt trời của chúng ta. Đối với con người trên cõi hồng trần cũng vậy; Cõi thượng trí được dự định là một nguồn cảm hứng lớn.

Certain phenomena likewise of a secondary nature to this major happening will also take place as the cycles slip away which may be generally summarised as follows:

Một số hiện tượng nào đó cũng có tính chất thứ yếu so với biến cố lớn này cũng sẽ xảy ra khi các chu kỳ trôi qua, và có thể được tóm lược khái quát như sau:

12. We are being informed of a very big picture, the acquisition of which serves to stabilize our consciousness and inspire us. The details which are given to us are not immediately practicable, but they serve as points of motivation towards the "Great

12. Chúng ta đang được thông báo về một bức tranh rất lớn, và việc tiếp nhận nó giúp ổn định tâm thức của chúng ta và truyền cảm hứng cho chúng ta. Những chi tiết được ban cho chúng ta không thể áp dụng ngay lập tức, nhưng chúng phục vụ như những điểm động cơ hướng về "Cõi Vượt Xa Vĩ Đại"

Beyond" and thus heighten our aspiration—always useful.

First. Certain systemic triangles will be formed which will **permit of the interplay of energy between the different planetary schemes**, and thus bring to more rapid maturity the plans and purposes of the Lives concerned.

13. We can apply this idea microcosmically. When certain of the chakric triangles in the human energy system are formed, the chakras themselves will undergo more rapid evolution.

14. We could think of a number of important triangles within the solar system and how a better flow of energy within these triangles could advance the development of the Planetary Logoi involved. I will list a few important triangles involving the Earth.

a. Earth—Venus—Mercury

b. Earth—Mars—Venus

c. Earth—Jupiter—Saturn

d. Earth—Vulcan—Pluto

15. I have undertaken an analysis of many systemic triangles long ago, and must bring this forward in coherent form.

It should be noted here that when we are considering the transmission of energy through alignment and through the forming of certain triangles, **it is always in connection with the energy of the first aspect**.

và nhờ đó nâng cao khát vọng của chúng ta—điều luôn hữu ích.

Thứ nhất. Một số tam giác hệ thống nào đó sẽ được hình thành, điều này sẽ **cho phép có sự tương tác năng lượng giữa các hệ hành tinh khác nhau**, và nhờ đó đưa các kế hoạch và mục đích của những Sự Sống liên hệ đến chỗ chín muồi nhanh hơn.

13. Chúng ta có thể áp dụng ý tưởng này ở cấp tiểu thiên địa. Khi một số tam giác luân xa nào đó trong hệ thống năng lượng của con người được hình thành, chính các luân xa sẽ trải qua sự tiến hoá nhanh hơn.

14. Chúng ta có thể nghĩ đến một số tam giác quan trọng trong hệ mặt trời và cách một dòng năng lượng lưu thông tốt hơn trong các tam giác này có thể thúc đẩy sự phát triển của các Hành Tinh Thượng Đế liên hệ. Tôi sẽ liệt kê một vài tam giác quan trọng liên quan đến Trái Đất.

a. Trái Đất—Sao Kim—Sao Thủy

b. Trái Đất—Sao Hỏa—Sao Kim

c. Trái Đất—Sao Mộc—Sao Thổ

d. Trái Đất—Vulcan—Sao Diêm Vương

15. Tôi đã thực hiện một phân tích về nhiều tam giác hệ thống từ lâu, và phải đưa điều này ra dưới một hình thức mạch lạc.

Cần lưu ý rằng ở đây khi chúng ta xét đến sự truyền dẫn năng lượng qua chỉnh hợp và qua việc hình thành một số tam giác nào đó, **điều đó luôn luôn liên hệ với năng lượng của phương diện thứ nhất**.

16. The three and the one are united as is the case in esotericism. The third aspect of divinity and the first are closely aligned.

16. Ba và một được hợp nhất như vẫn là trường hợp trong huyền bí học. Phương diện thứ ba của thiên tính và phương diện thứ nhất được chỉnh hợp chặt chẽ.

It deals with the *transmission of electric fire*.

Điều này liên quan đến *sự truyền dẫn Lửa Điện*.

17. This reminds us that in esoteric astrology when dealing with triangular relationships between signs or planets as opposed to stars or crosses, it is the *Spirit* that is indicated.

17. Điều này nhắc chúng ta rằng trong chiêm tinh học nội môn, khi bàn đến các mối liên hệ tam giác giữa các dấu hiệu hay các hành tinh, đối lại với các ngôi sao hay các thập giá, thì điều được chỉ ra là *Tinh thần*.

"The *squares* or quaternaries relate to material appearance or form expression; the *stars* concern the states of consciousness, and **the *triangles*are related to spirit and to synthesis.** In the archives of the esoteric astrologers connected with the Hierarchy, charts are kept of those members of the human family who have achieved adeptship and upwards. They are composed of superimposed squares, stars and triangles, contained within the zodiacal wheel and mounted upon the symbol of the Cardinal Cross. The squares, having each of their four angles and points in one or other of four zodiacal constellations, are depicted in black; the five-pointed star is depicted yellow or golden colour and its five points are in contact with five of the constellations on the great wheel; the triangles are in blue and have, above each point of the triangle, an esoteric symbol, standing for the constellations of the Great Bear, Sirius and the Pleiades. These symbols may not here be revealed but indicate the point of spiritual consciousness achieved and the responsiveness of the initiate to these major cosmic influences. A glance at these geometrical charts will indicate in a moment the status of the initiate, and also the point towards which he is striving.

"Các *vuông góc* hay các bộ bốn liên hệ đến sắc tướng vật chất hay sự biểu lộ của hình tướng; các *ngôi sao* liên quan đến các trạng thái tâm thức, và **các *tam giác*liên hệ với tinh thần và với tổng hợp.** Trong các hồ sơ của những nhà chiêm tinh học nội môn liên kết với Thánh Đoàn, có lưu giữ các biểu đồ của những thành viên trong gia đình nhân loại đã đạt đến chân sư vị và cao hơn nữa. Chúng được cấu thành bởi những hình vuông, ngôi sao và tam giác chồng lên nhau, được chứa trong vòng bánh xe hoàng đạo và đặt trên biểu tượng của Thập Giá Chủ Yếu. Các hình vuông, với mỗi một trong bốn góc và điểm của chúng nằm trong một hay một khác của bốn chòm sao hoàng đạo, được vẽ bằng màu đen; ngôi sao năm cánh được vẽ bằng màu vàng hay màu kim sắc và năm điểm của nó tiếp xúc với năm chòm sao trên bánh xe lớn; các tam giác có màu lam và phía trên mỗi đỉnh của tam giác có một biểu tượng nội môn, tượng trưng cho các chòm sao Đại Hùng Tinh, Sirius và Thất Nữ Tinh Đoàn. Những biểu tượng này không thể được tiết lộ ở đây nhưng cho biết điểm tâm thức tinh thần đã đạt được và khả năng đáp ứng của điểm đạo đồ đối với các ảnh hưởng vũ trụ lớn lao này. Chỉ cần nhìn lướt qua các biểu đồ hình học này là trong chốc lát sẽ cho biết địa vị của điểm đạo đồ, và cả điểm mà y

These charts are fourth dimensional in nature and not flat surfaces as are our charts. This is an interesting piece of information but of no value, except in so far that it indicates synthesis, the fusion of spirit, soul and body, and the point of development. It [306] proves also the fact that "God geometrises" where the soul is concerned. These charts are most interesting." (EA 305-306)

đang phấn đấu hướng tới. Các biểu đồ này có bản chất bốn chiều chứ không phải là những mặt phẳng như các biểu đồ của chúng ta. Đây là một mẩu thông tin thú vị nhưng không có giá trị gì, ngoại trừ ở chỗ nó chỉ ra sự tổng hợp, sự dung hợp của tinh thần, linh hồn và thể xác, cùng điểm phát triển. Nó [306] cũng chứng minh sự kiện rằng "Thượng đế hình học hóa" khi liên quan đến linh hồn. Những biểu đồ này hết sức thú vị." (EA 305-306)

It is important to bear this in mind, as it preserves the analogy between the macrocosm and the microcosm with accuracy.

Điều quan trọng là phải ghi nhớ điều này, vì nó bảo toàn định luật tương đồng giữa đại thiên địa và tiểu thiên địa một cách chính xác.

18. Within our own microcosmic energy system, the spiritual triad is a *triangle* and represents the Spirit. The Monad or Spirit is also a triangle consisting of Will, Wisdom and Activity.

18. Trong hệ thống năng lượng tiểu thiên địa của chính chúng ta, Tam nguyên tinh thần là một *tam giác* và tượng trưng cho Tinh thần. Chân thần hay Tinh thần cũng là một tam giác gồm Ý Chí, Minh triết và Hoạt động.

19. The one and the three are everywhere connected.

19. Một và ba ở khắp nơi đều liên kết với nhau.

Second. A final **systemic triangle** will be formed which will be **one of supreme force**,

Thứ hai. Một **tam giác hệ thống** sau cùng sẽ được hình thành, và nó sẽ là **một tam giác có mãnh lực tối thượng**,

20. Because this triangle is a "systemic triangle" we can see that it must occur *within* the solar system.

20. Bởi vì tam giác này là một "tam giác hệ thống", chúng ta có thể thấy rằng nó hẳn phải xuất hiện *bên trong* hệ mặt trời.

21. This triangle "of supreme force" *might* well be the triangle of synthesizing planets —Saturn, Neptune and Uranus.

21. Tam giác "có mãnh lực tối thượng" này rất *có thể* là tam giác của các hành tinh tổng hợp—Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

22. The triangle between the Three Persons of the Logoic Trinity could be considered

22. Tam giác giữa Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế có thể được xem là siêu-hệ thống.

super-systemic. Such a triangle might or might not have planetary expression.

Một tam giác như thế có thể có hoặc không có biểu hiện hành tinh.

for **it will be utilised by the abstracted essence and energies of the septenate of schemes**

vì **nó sẽ được sử dụng bởi tinh túy và các năng lượng đã được trừu xuất của bộ bảy các hệ hành tinh**

23. Does Master DK mean the seven schemes appearing in Chart VI, in TCF? Or is does the septenate consist only of the sacred planetary schemes?

23. Phải chăng Chân sư DK muốn nói đến bảy hệ hành tinh xuất hiện trong Biểu đồ VI, trong Luận về Lửa Vũ Trụ? Hay bộ bảy này chỉ gồm các hệ hành tinh thiêng liêng?

as the negative basis for the reception of positive electric energy.

như nền tảng âm để tiếp nhận năng lượng điện dương.

24. This is a deeply occult statement and there is no certainty that we will be able to interpret it accurately.

24. Đây là một phát biểu huyền bí học sâu xa và không có gì chắc chắn rằng chúng ta sẽ có thể diễn giải nó một cách chính xác.

25. We must question whether this triangle will exist between planetary schemes *as they exist now* (i.e., materially), or between the abstracted essences of planetary schemes.

25. Chúng ta phải đặt câu hỏi liệu tam giác này sẽ tồn tại giữa các hệ hành tinh *như chúng hiện đang tồn tại* (tức là, về mặt vật chất), hay giữa các tinh túy đã được trừu xuất của các hệ hành tinh.

26. On the other hand, this triangle may not consist of the three synthesizing planets at all, but may be a lower type of triangle which acts as the "negative basis" for higher planetary energies *already abstracted* which may have merged with the higher two synthesizing schemes.

26. Mặt khác, tam giác này có thể hoàn toàn không gồm ba hành tinh tổng hợp, mà có thể là một loại tam giác thấp hơn, hoạt động như "nền tảng âm" cho các năng lượng hành tinh cao hơn *đã được trừu xuất* và có thể đã hòa nhập với hai hệ tổng hợp cao hơn.

27. In this case we *could* have:

27. Trong trường hợp này, chúng ta *có thể* có:

a. The source of the positive electrical energy —perhaps the energies of Uranus and Neptune

a. Nguồn của năng lượng điện dương—có lẽ là các năng lượng của Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương

b. The abstracted essence of the seven planetary schemes (including Saturn),

b. Tinh túy đã được trừu xuất của bảy hệ hành tinh (bao gồm Sao Thổ), cùng nhau

together acting as intermediaries between positive and negative

hoạt động như các trung gian giữa dương và âm

c. The triangle in question acting as a negative basis or pole for the positive energies.

c. Tam giác đang được nói đến hoạt động như một nền tảng hay cực âm cho các năng lượng dương.

28. *Or*, Uranus could be the point of positive electrical energy; Neptune a planet of meditation; and Saturn and six surrounding planets (once in a state of abstracted essence) serving as "the negative basis for the reception of positive electric energy". All triangles must have *three* points and so, in this case, an intermediary point would be needed—Neptune perhaps serving as that point.

28. *Hoặc*, Sao Thiên Vương có thể là điểm của năng lượng điện dương; Sao Hải Vương là một hành tinh của tham thiền; và Sao Thổ cùng sáu hành tinh bao quanh (một khi ở trong trạng thái tinh túy đã được trừu xuất) phục vụ như "nền tảng âm để tiếp nhận năng lượng điện dương". Mọi tam giác đều phải có *ba* điểm, và vì vậy, trong trường hợp này sẽ cần một điểm trung gian—có lẽ Sao Hải Vương phục vụ như điểm đó.

29. If the triangle in question is a "negative basis" it is hard to conceive of it as the triangle of the three synthesizing planets.

29. Nếu tam giác đang được nói đến là một "nền tảng âm" thì thật khó hình dung nó là tam giác của ba hành tinh tổng hợp.

30. Of importance to realize is that many events and relations occurring in the later days of our solar system *will occur between the abstracted essences and energies* of the formerly fully embodied planetary schemes.

30. Điều quan trọng cần chứng nghiệm là nhiều biến cố và mối liên hệ xảy ra trong những ngày sau cùng của hệ mặt trời chúng ta *sẽ xảy ra giữa các tinh túy và năng lượng đã được trừu xuất* của các hệ hành tinh trước đây từng được nhập thể đầy đủ.

This electric energy is able to circulate through the schemes owing to the bringing about of a cosmic alignment.

Năng lượng điện này có thể lưu chuyển qua các hệ hành tinh nhờ việc tạo ra một sự chỉnh hợp vũ trụ.

31. We need to gather that circulation is always dependent upon the quality of alignment.

31. Chúng ta cần hiểu rằng sự lưu chuyển luôn luôn tùy thuộc vào phẩm tính của sự chỉnh hợp.

32. The source or positive energy of which we are speaking seems to be cosmic in nature rather than systemic.

32. Nguồn hay năng lượng dương mà chúng ta đang nói đến dường như có bản chất vũ trụ hơn là hệ thống.

It is the bringing in of this terrific spiritual force during the final stages of

Chính việc đưa mãnh lực tinh thần khủng khiếp này vào trong các giai đoạn cuối của

manifestation which results in the blazing forth of the seven suns.[23]

33. What analogy can we draw from what we know about the conflagration of the human causal body at the fourth initiation? The "Jewel in the Lotus" is sevenfold and may display as seven jewels in the blazing forth of the causal body.

34. The “seven suns” however, are probably cosmic etheric in nature rather than demonstrations upon the higher levels of the cosmic mental plane where the solar "Jewel in the Lotus" is found.

35. We must question whether there is an etheric reflection of the causal blazing forth at the time of the fourth initiation.

36. The destruction of the logoic causal body will, we suspect, occur towards the end of this present solar system, even though another solar system is to follow, for our Solar Logos is to take His fourth or fifth cosmic initiation in this solar system!

37. This means that our next solar system might be more in the nature of a mayavirupa —a will-created body, just as is the case for the manifesting human being following the fourth initiation.

38. Will the cosmic source of the energy which will cause the disintegration of the solar system have an analogy to the human Monad, for some of the force which destroys the human causal body is drawn from the human Monad.

biểu hiện đã dẫn đến sự bùng cháy rực rỡ của bảy mặt trời.[23]

33. Chúng ta có thể rút ra sự tương đồng nào từ điều mình biết về sự bốc cháy của thể nguyên nhân con người trong lần điểm đạo thứ tư? “Viên Ngọc trong Hoa Sen” là thất phân và có thể biểu lộ như bảy viên ngọc trong sự bùng cháy rực rỡ của thể nguyên nhân.

34. Tuy nhiên, “bảy mặt trời” có lẽ mang bản chất dĩ thái vũ trụ hơn là những biểu hiện trên các cấp cao của cõi trí vũ trụ, nơi “Viên Ngọc trong Hoa Sen” của thái dương được tìm thấy.

35. Chúng ta phải đặt câu hỏi liệu có một phản ánh dĩ thái của sự bùng cháy nguyên nhân vào lúc lần điểm đạo thứ tư hay không.

36. Sự hủy diệt thể nguyên nhân của Thượng đế sẽ, theo chúng tôi suy đoán, xảy ra vào gần cuối hệ mặt trời hiện tại này, mặc dù một hệ mặt trời khác sẽ tiếp nối, vì Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thứ năm của Ngài trong hệ mặt trời này!

37. Điều này có nghĩa là hệ mặt trời kế tiếp của chúng ta có thể mang bản chất của một mayavirupa hơn—một thể do ý chí tạo ra, cũng như trường hợp của con người biểu hiện sau lần điểm đạo thứ tư.

38. Liệu nguồn vũ trụ của năng lượng sẽ gây ra sự tan rã của hệ mặt trời có một sự tương đồng với chân thần con người hay không, vì một phần mãnh lực hủy diệt thể nguyên nhân con người được rút ra từ chân thần con người.

39. Some idea of the process may be gathered from the following, though it refers Planetary Logoi rather than to the Solar Logos:

Again the Kumaras are *embodied principles*, but in this connection we must remember that this means that the **force and energy of one of the principles of the Logos are pouring through Them via that which—to Them—corresponds to the Monad. Through Them, during Their period of incarnation and voluntary sacrifice, the great Prototype of the planetary Logos begins to make His Presence felt, and force from the constellation of the Great Bear faintly vibrates on earth**. (TCF 752)

39. Một vài ý niệm về tiến trình có thể được rút ra từ đoạn sau đây, dù nó nói đến các Hành Tinh Thượng Đế hơn là Thái dương Thượng đế:

Lại nữa, các Kumara là những *nguyên khí nhập thể*, nhưng trong mối liên hệ này chúng ta phải nhớ rằng điều này có nghĩa là **mãnh lực và năng lượng của một trong các nguyên khí của Thượng đế đang tuôn đổ qua Các Ngài thông qua điều mà—đối với Các Ngài—tương ứng với chân thần. Qua Các Ngài, trong thời kỳ lâm phàm và hi sinh tự nguyện của Các Ngài, Nguyên Mẫu vĩ đại của Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu làm cho Sự Hiện Diện của Ngài được cảm nhận, và mãnh lực từ chòm sao Đại Hùng Tinh rung động mờ nhạt trên địa cầu**. (TCF 752)

Footnote 23:

The rising and setting of the Sun symbolises manifestation and obscuration.—S. D., II, 72.

Cước chú 23:

Sự mọc và lặn của Mặt Trời tượng trưng cho biểu hiện và sự che khuất.—Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 72.

40. This is one of the great symbols of the universal process.

Pralaya is of different kinds:—

40. Đây là một trong những biểu tượng lớn của tiến trình vũ trụ.

Giai kỳ qui nguyên có nhiều loại khác nhau: —

1. Cosmic pralaya....The obscuration of the three suns, or of three solar systems.

1. Giai kỳ qui nguyên vũ trụ....Sự che khuất của ba mặt trời, hay của ba hệ mặt trời.

41. We assume there is a very lengthy period which occurs after the major three solar systems have run their course.

41. Chúng ta giả định rằng có một thời kỳ rất dài xảy ra sau khi ba hệ mặt trời chính đã hoàn tất tiến trình của chúng.

42. Generally, in the old chronologies, periods of pralaya are equivalent to periods of manifestation. Thus, the pralaya would

42. Nói chung, trong các niên đại học cổ xưa, các thời kỳ giai kỳ qui nguyên tương đương với các thời kỳ biểu hiện. Vì vậy, giai kỳ qui

last as long as the duration of the *three* solar systems, IF those solar systems are sequential as *seems* to be the case.

nguyên sẽ kéo dài bằng thời lượng của *ba* hệ mặt trời, NẾU các hệ mặt trời ấy tuần tự nối tiếp nhau như *dường như* là vậy.

43. Additionally, such a Cosmic Pralaya might include a period as long as three solar systems *and* the pralayas of those solar systems!

43. Ngoài ra, một Giai kỳ qui nguyên Vũ trụ như thế có thể bao gồm một thời kỳ dài bằng ba hệ mặt trời *và* các giai kỳ qui nguyên của những hệ mặt trời ấy nữa!

2. Solar pralaya....The obscuration of a system at the end of one hundred years of Brahma. Period between solar systems.

2. Giai kỳ qui nguyên thái dương....Sự che khuất của một hệ thống vào cuối một trăm năm Brahma. Thời kỳ giữa các hệ mặt trời.

44. This, of course, is a period of immense duration. We can read the numbers but they cannot mean much to us because (if the Hindu Chronology is correct) we are speaking of trillions of Earth-years.

44. Dĩ nhiên, đây là một thời kỳ có độ dài vô cùng to lớn. Chúng ta có thể đọc các con số nhưng chúng không thể có nhiều ý nghĩa đối với chúng ta vì (nếu niên đại học Ấn Độ giáo là đúng) chúng ta đang nói đến hàng ngàn tỉ năm Trái Đất.

45. We should bear in mind that pralayas of far greater duration than the ones here listed are also part of the entirety of the Great Cosmos, the Universe in its totality. Pondering on these durations should put our little incarnations into perspective.

45. Chúng ta nên ghi nhớ rằng những giai kỳ qui nguyên có thời lượng lớn hơn rất nhiều so với những loại được liệt kê ở đây cũng là một phần của toàn thể Đại Vũ Trụ, tức Vũ Trụ trong tính toàn vẹn của nó. Việc suy ngẫm về những thời lượng này sẽ đặt các lần lâm phàm nhỏ bé của chúng ta vào đúng tỉ lệ.

3. Incidental pralaya....The obscuration of a scheme. Period between manvantaras.

3. Giai kỳ qui nguyên ngẫu phát....Sự che khuất của một hệ hành tinh. Thời kỳ giữa các giai kỳ sinh hóa.

46. The term “manvantara” is deeply blinded. We do not know whether we are speaking of the duration of a planetary scheme, a planetary chain or the duration of planetary globes. The term “manvantaras” can also indicate a chain round.

46. Thuật ngữ “giai kỳ sinh hóa” bị che giấu rất sâu. Chúng ta không biết liệu mình đang nói đến thời lượng của một hệ hành tinh, một dãy hành tinh hay thời lượng của các bầu hành tinh. Thuật ngữ “các giai kỳ sinh hóa” cũng có thể chỉ một cuộc tuần hoàn của dãy.

47. There are also what we might call ‘systemic rounds’ during which the solar

47. Cũng có những gì mà chúng ta có thể gọi là các “cuộc tuần hoàn hệ thống”, trong đó

life-impulse moves from planetary scheme to planetary scheme. Such great rounds would account for periods of planetary activity and relative latency.

xung lực sự sống thái dương di chuyển từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác. Những cuộc tuần hoàn lớn lao như thế sẽ giải thích các thời kỳ hoạt động hành tinh và tiềm ẩn tương đối.

48. We can judge that there are many kinds of manvantaras.

48. Chúng ta có thể phán đoán rằng có nhiều loại giai kỳ sinh hóa.

49. How many incarnations does a Planetary Logos undergo in a single solar system. There is sound reason to think—only one, for the Planetary Logoi are as chakras to the Solar Logos Who has but one incarnation, and chakras cannot 'come and go' in any coherent energy system though they can go through periods of activity and latency.

49. Một Hành Tinh Thượng Đế trải qua bao nhiêu lần lâm phàm trong một hệ mặt trời duy nhất? Có lý do vững chắc để nghĩ rằng—chỉ một, vì các Hành Tinh Thượng Đế là như các luân xa đối với Thái dương Thượng đế, Đấng chỉ có một lần lâm phàm, và các luân xa không thể "đến rồi đi" trong bất kỳ hệ thống năng lượng mạch lạc nào, dù chúng có thể trải qua những thời kỳ hoạt động và tiềm ẩn.

50. But the different *parts* of a planetary scheme may undergo obscurations and pralayas. Still there will be laws to be followed for they, too, are chakras and a certain number of chakras are necessary if the life of any system is to be sustained.

50. Nhưng các *phần* khác nhau của một hệ hành tinh có thể trải qua các sự che khuất và các giai kỳ qui nguyên. Tuy nhiên, vẫn sẽ có những định luật phải được tuân theo vì chúng cũng là các luân xa, và một số lượng luân xa nhất định là cần thiết nếu sự sống của bất kỳ hệ thống nào muốn được duy trì.

51. If "manvantaras" mean "rounds" then we are taking about periods of activation within a planetary scheme and periods of quiescence or pralaya. This is understandable.

51. Nếu "các giai kỳ sinh hóa" có nghĩa là "các cuộc tuần hoàn" thì chúng ta đang nói đến những thời kỳ hoạt hóa bên trong một hệ hành tinh và những thời kỳ tĩnh lặng hay giai kỳ qui nguyên. Điều này có thể hiểu được.

Man repeats this at seventh, fifth initiations and at each rebirth in three worlds.

Con người lặp lại điều này ở lần điểm đạo thứ bảy, thứ năm và ở mỗi lần tái sinh trong ba cõi giới.

52. This is a fascinating piece of occult information. We are told of a long interval (a kind of pralaya) which may follow the fifth initiation. Of course we may wonder

52. Đây là một mẩu thông tin huyền bí học hấp dẫn. Chúng ta được cho biết về một khoảng thời gian dài (một loại giai kỳ qui nguyên) có thể tiếp theo sau lần điểm đạo

whether the changes which have occurred in hierarchical procedure have not affected this process. Much that was once undertaken at the fifth initiation has been deferred until the sixth initiation. Choosing one of the Seven Paths used to occur after the fifth initiation; now it occurs at the sixth.

thứ năm. Dĩ nhiên chúng ta có thể tự hỏi liệu những thay đổi đã xảy ra trong thủ tục của Thánh Đoàn có ảnh hưởng đến tiến trình này hay không. Nhiều điều trước kia từng được thực hiện ở lần điểm đạo thứ năm nay đã được dời sang lần điểm đạo thứ sáu. Việc chọn một trong Bảy Con Đường trước đây diễn ra sau lần điểm đạo thứ năm; nay nó diễn ra ở lần điểm đạo thứ sáu.

53. We are to expect, probably, an even longer pralaya after the seventh initiation. What could be the duration of such a pralaya? Would it last as long as the time taken to reach the seventh initiation from the time a human being passed through individualization? Are the Buddha and the Christ (now in process of completing the seventh initiation) due to experience such a pralaya?

53. Có lẽ chúng ta phải chờ đợi một giai kỳ qui nguyên còn dài hơn nữa sau lần điểm đạo thứ bảy. Thời lượng của một giai kỳ qui nguyên như thế có thể là bao lâu? Liệu nó có kéo dài bằng thời gian cần để đạt đến lần điểm đạo thứ bảy kể từ lúc một con người đi qua biệt ngã hóa không? Đức Phật và Đức Christ (nay đang trong tiến trình hoàn tất lần điểm đạo thứ bảy) có phải sẽ trải qua một giai kỳ qui nguyên như thế không?

54. We know, on a smaller scale, that each human incarnation is followed by a kind of pralaya on the subtle planes and later within the causal body before renewing approach to incarnation.

54. Ở một quy mô nhỏ hơn, chúng ta biết rằng mỗi lần lâm phàm của con người đều được tiếp theo bởi một loại giai kỳ qui nguyên trên các cõi vi tế và về sau bên trong thể nguyên nhân trước khi lại tiến gần đến sự lâm phàm.

55. Clearly, there is so much about the Science of Cycles which is unknown to us and without which no true interpretation of the timing in the development of man can be determined. The Masters know the "times and seasons" and thus their judgment of time is far wiser than ours. They know the periods in which tasks must be completed. Additional opportunities to complete may be a long time in coming.

55. Rõ ràng, có quá nhiều điều về Khoa Học Chu Kỳ mà chúng ta chưa biết, và nếu thiếu chúng thì không thể xác định được bất kỳ sự diễn giải chân chính nào về thời điểm trong sự phát triển của con người. Các Chân sư biết "thời và kỳ", và vì vậy sự phán đoán của Các Ngài về thời gian minh triết hơn chúng ta rất nhiều. Các Ngài biết những thời kỳ trong đó các nhiệm vụ phải được hoàn tất. Những cơ hội bổ sung để hoàn tất có thể rất lâu mới đến.

The Pleiades are the centre around which our solar system revolves.—S. D., II, 251, 581, 582.

Thất Nữ Tinh Đoàn là trung tâm mà quanh đó hệ mặt trời của chúng ta xoay chuyển.—Giáo Lý Bí Nhiệm, II, 251, 581, 582.

56. This is one of those amazing statement with which present day astronomers will take great exception. They do not think it is possible, based upon the laws of physics as presently understood.

57. Yet, this assertion is frequently repeated in our literature and, *if true*, represents a stupendous statement. Of course it *is true*—but there still remain important questions about whether the statement is to be interpreted literally on the dense physical plane, or whether it represents a deeper, inner truth—or whether both are true.

58. We do know that the Pleiades are hugely important to our solar system, our zodiacal constellations and to the various constellations in our local cosmosystem. In fact, the Pleiades may be the "Hub of the Wheel" as far as that cosmic system is concerned.

The Sun is the **kernel and matrix of all in the solar system**.—S. D., I, 309, 310, 590, 591.

59. These words are not used arbitrarily. We are speaking of centrality and etheric extension. The solar system is underlay by the etheric body of the Solar Logos.

Kernel comes from the same word as corn.

Compare the words in Bible:—

"Except a corn of wheat fall into the ground and die it abideth alone, but if it die it bringeth forth much fruit."

56. Đây là một trong những phát biểu đáng kinh ngạc mà các nhà thiên văn học ngày nay sẽ cực lực phản đối. Họ không nghĩ điều đó là có thể, dựa trên các định luật vật lý như hiện nay được hiểu.

57. Tuy vậy, khẳng định này thường xuyên được lặp lại trong văn liệu của chúng ta và, *nếu đúng*, thì là một phát biểu vô cùng trọng đại. Dĩ nhiên nó *là đúng*— nhưng vẫn còn những câu hỏi quan trọng về việc liệu phát biểu này phải được diễn giải theo nghĩa đen trên cõi hồng trần đậm đặc, hay liệu nó tượng trưng cho một chân lý sâu xa, bên trong hơn—hay cả hai đều đúng.

58. Chúng ta quả thật biết rằng Thất Nữ Tinh Đoàn có tầm quan trọng vô cùng lớn đối với hệ mặt trời của chúng ta, các chòm sao hoàng đạo của chúng ta và các chòm sao khác nhau trong hệ vũ trụ địa phương của chúng ta. Thật vậy, Thất Nữ Tinh Đoàn có thể là "Trục của Bánh Xe" xét theo hệ vũ trụ ấy.

Mặt Trời là **hạt nhân và khuôn mẫu của mọi sự trong hệ mặt trời**.—Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 309, 310, 590, 591.

59. Những từ này không được dùng một cách tùy tiện. Chúng ta đang nói về tính trung tâm và sự mở rộng dĩ thái. Hệ mặt trời được nâng đỡ bên dưới bởi thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

Kernel bắt nguồn từ cùng một từ như corn.

So sánh những lời trong Kinh Thánh:—

"Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, nó vẫn trơ trọi một mình; nhưng nếu nó chết đi, nó sinh ra nhiều hoa trái."

60. Through this Biblical saying, we are being taught something about the Solar Logos' relation to sacrifice. The will of the Solar Logos is to sacrifice for all B/beings contained within His ring-pass-not.

60. Qua lời dạy trong Kinh Thánh này, chúng ta được dạy điều gì đó về mối liên hệ của Thái dương Thượng đế với sự hi sinh. Ý chí của Thái dương Thượng đế là hi sinh cho mọi hữu thể được chứa trong vòng-giới-hạn của Ngài.

61. We have a similar though far lesser destiny which we will discover when we identify with the nature of solar energies within our energy system.

61. Chúng ta cũng có một định mệnh tương tự, dù nhỏ bé hơn rất nhiều, mà chúng ta sẽ khám phá khi đồng hoá với bản chất của các năng lượng thái dương bên trong hệ thống năng lượng của mình.

The Sun is governed by the same laws as all other atoms.—S. D., I, 168, 667.

Mặt Trời được cai quản bởi cùng những định luật như mọi nguyên tử khác.—Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 168, 667.

62. The Sun is an atom. Through the Law of Analogy, if we know the laws according to which the Sun expresses its nature, we will know the same for the tiny atom of substance. Likewise, knowledge of the nature of the atom of substance will throw light upon the nature of the Sun.

62. Mặt Trời là một nguyên tử. Qua định luật tương đồng, nếu chúng ta biết các định luật theo đó Mặt Trời biểu lộ bản chất của nó, chúng ta sẽ biết điều tương tự đối với nguyên tử nhỏ bé của chất liệu. Tương tự như vậy, tri thức về bản chất của nguyên tử chất liệu sẽ soi sáng bản chất của Mặt Trời.

Though the seven have become the three, this is only in **[Page 1154]connection with the dense physical planets**.

Dù bảy đã trở thành ba, điều này chỉ là liên quan đến **[Page 1154]các hành tinh hồng trần đậm đặc**.

63. We have much to learn about the nature of synthesis, obscuration, absorption and pralaya at the end of a solar system. The processes described such as the blazing forth of the "Seven Suns" are etheric in nature.

63. Chúng ta còn nhiều điều phải học về bản chất của sự tổng hợp, sự che khuất, sự hấp thụ và giai kỳ qui nguyên vào cuối một hệ mặt trời. Những tiến trình được mô tả, chẳng hạn như sự bùng cháy rực rỡ của "Bảy Mặt Trời", mang bản chất dĩ thái.

64. It can be expected that as the solar system moves towards its pralaya, fewer and fewer dense physical planets will exist, but what of the planets which have dropped their dense physical shell? They may exist in their etheric bodies. Later those etheric

64. Có thể chờ đợi rằng khi hệ mặt trời tiến về giai kỳ qui nguyên của nó, sẽ có ngày càng ít hành tinh hồng trần đậm đặc tồn tại; nhưng còn những hành tinh đã từ bỏ lớp vỏ hồng trần đậm đặc của chúng thì sao? Chúng có thể tồn tại trong các thể dĩ thái của mình. Về sau, những thể dĩ thái ấy có thể được hấp

bodies may be absorbed into the etheric bodies of greater planets.

thụ vào các thể dĩ thái của những hành tinh lớn hơn.

The blazing forth spoken of in the occult books and in the *Secret Doctrine* **is in etheric matter**;

Sự bùng cháy rực rỡ được nói đến trong các sách huyền bí học và trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* **là trong vật chất dĩ thái**;

65. This is the statement on which to focus. We are not speaking of *a final dense physical conflagration.*

65. Đây là phát biểu cần được tập trung vào. Chúng ta không nói về *một cuộc đại hỏa hoạn hồng trần đậm đặc sau cùng.*

it is this etheric fiery energy which brings to a consummation (and so destroys) the remaining three major schemes.

chính năng lượng lửa dĩ thái này đưa ba hệ hành tinh chính còn lại đến chỗ hoàn tất (và do đó hủy diệt chúng).

66. This destruction, we may suspect, is not simultaneous but sequential.

66. Sự hủy diệt này, như chúng ta có thể suy đoán, không phải là đồng thời mà là tuần tự.

67. Is DK telling us that the blazing forth of the "Seven Suns" is instrumental in destroying the remaining planetary schemes

67. Phải chăng DK đang cho chúng ta biết rằng sự bùng cháy rực rỡ của "Bảy Mặt Trời" là công cụ trong việc hủy diệt các hệ hành tinh còn lại

68. As is said in *Esoteric Healing* when describing the processes of the fourth initiation, "the form then severs the connection"

68. Như đã nói trong *Trị Liệu Huyền Môn* khi mô tả các tiến trình của lần điểm đạo thứ tư, "khi ấy hình tướng cắt đứt mối liên kết"

69. DK's statement above leads us to wonder how the earlier schemes (no longer existent physically) were destroyed. Is the destruction of the final three a special type of destruction compared to the destruction of the other planetary schemes?

69. Phát biểu trên của DK khiến chúng ta tự hỏi các hệ hành tinh trước đó (không còn tồn tại về mặt hồng trần) đã bị hủy diệt như thế nào. Phải chăng sự hủy diệt của ba hệ cuối cùng là một loại hủy diệt đặc biệt so với sự hủy diệt của các hệ hành tinh khác?

70. We note the phrase "the remaining three **major** schemes". Could there also be *minor* schemes remaining (three perhaps) providing the negative basis for positive electrical energy as discussed above?

70. Chúng ta lưu ý cụm từ "ba hệ hành tinh **chính** còn lại". Liệu cũng có thể có những hệ hành tinh *phụ* còn lại (có lẽ là ba) cung cấp nền tảng âm cho năng lượng điện dương như đã bàn ở trên chăng?

71. To know these things is not of immediate practical value except to suggest the beauty of the Divine Plan. We also must learn something of value concerning our own chakra system during the final days of necessary expression through the human kingdom.

71. Biết những điều này không có giá trị thực tiễn tức thời, ngoại trừ ở chỗ gợi ra vẻ đẹp của Thiên Cơ. Chúng ta cũng phải học điều gì đó có giá trị liên quan đến hệ thống luân xa của chính mình trong những ngày cuối cùng của sự biểu lộ cần thiết qua giới nhân loại.

In this we have a correspondence to the burning of the causal body at the fourth Initiation through the merging of the three fires. It is only a correspondence, and the details must not be pushed too far.

Trong điều này chúng ta có một sự tương ứng với sự thiêu hủy thể nguyên nhân ở lần điểm đạo thứ tư qua sự hợp nhất của ba ngọn lửa. Đây chỉ là một sự tương ứng, và các chi tiết không được đẩy đi quá xa.

72. We can see that Master DK is sounding a cautionary note.

72. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang cất lên một lời cảnh báo.

73. The analogy to the three major schemes (as found in humanity) can be understood in various ways. Perhaps this is one way: Saturn represents the three atomic units in the atomic triangle; Neptune represents the nine petals in the egoic lotus or perhaps even twelve petals; Uranus could represent the "Jewel in the Lotus" or the "Jewel in the Lotus" *and* the synthesis petals.

73. Sự tương đồng với ba hệ hành tinh chính (như được tìm thấy trong nhân loại) có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Có lẽ đây là một cách: Sao Thổ tượng trưng cho ba đơn vị nguyên tử trong tam giác nguyên tử; Sao Hải Vương tượng trưng cho chín cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã hay có lẽ thậm chí mười hai cánh hoa; Sao Thiên Vương có thể tượng trưng cho "Viên Ngọc trong Hoa Sen" hay "Viên Ngọc trong Hoa Sen" *và* các cánh hoa tổng hợp.

74. There are many possible correspondences. For man at the fourth initiation, we can also expect an etheric "blazing forth". Additionally, for man, we find a blazing forth upon the plane of higher mind whereon the causal body is focused.

74. Có nhiều sự tương ứng khả hữu. Đối với con người ở lần điểm đạo thứ tư, chúng ta cũng có thể chờ đợi một sự "bùng cháy rực rỡ" dĩ thái. Ngoài ra, đối với con người, chúng ta thấy một sự bùng cháy rực rỡ trên cõi thượng trí, nơi thể nguyên nhân được tập trung.

The Saturn scheme is esoterically regarded as having absorbed the "frictional fires of systemic space"; Neptune is looked upon as the repository of the "solar flames," and Uranus as the home of "fire electric."

Hệ Sao Thổ được xem một cách huyền bí là đã hấp thụ "các lửa ma sát của không gian hệ thống"; Sao Hải Vương được nhìn nhận như nơi chứa đựng "các ngọn lửa thái dương", và Sao Thiên Vương như nơi cư ngụ của "lửa điện".

75. Here we have another occult statement of profound value. The "frictional fires of systemic space" concern the personality natures of perhaps all planets, but certainly the non-sacred planets and lesser sacred planets.

75. Ở đây chúng ta có một phát biểu huyền bí học khác có giá trị sâu sắc. "Các lửa ma sát của không gian hệ thống" liên quan đến các bản chất phàm ngã của có lẽ mọi hành tinh, nhưng chắc chắn là các hành tinh không thiêng liêng và các hành tinh thiêng liêng thấp hơn.

76. Neptune has a correlation with the Heart of the Sun and no doubt expresses the energy of that "Heart" within the solar system. It is in the Heart of the Sun (upon the higher cosmic mental plane) that the "solar flames" reside.

76. Sao Hải Vương có một tương quan với Trái Tim của Mặt Trời và hẳn nhiên biểu lộ năng lượng của "Trái Tim" ấy trong hệ mặt trời. Chính trong Trái Tim của Mặt Trời (trên cõi trí vũ trụ cao hơn) mà "các ngọn lửa thái dương" cư ngụ.

77. A connection of Neptune with the petals of the solar Egoic Lotus can certainly be reasoned, for Neptune is ultimately the planet of love and the petals of any type of egoic lotus express love.

77. Một mối liên hệ của Sao Hải Vương với các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã thái dương chắc chắn có thể được suy luận, vì Sao Hải Vương rốt cuộc là hành tinh của tình thương và các cánh hoa của bất kỳ loại hoa sen chân ngã nào cũng biểu lộ tình thương.

78. The Monad of Uranus is on the first ray (EP I 420) and so its association with the electric fire of the "Jewel in the Lotus" is not farfetched.

78. Chân thần của Sao Thiên Vương thuộc cung một (EP I 420), và vì vậy sự liên kết của nó với lửa điện của "Viên Ngọc trong Hoa Sen" không phải là điều gượng ép.

79. We can be quite sure that Saturn, Neptune and Uranus are the last three dense physical planets to remain in our solar system. By that time all the other planets will have lost their dense physical bodies and will be in an etheric state—a state perhaps initially independent of the synthesizing planets or later absorbed into

79. Chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương là ba hành tinh hồng trần đậm đặc cuối cùng còn lại trong hệ mặt trời của chúng ta. Vào lúc đó, mọi hành tinh khác sẽ đã mất các thể hồng trần đậm đặc của chúng và sẽ ở trong trạng thái dĩ thái—một trạng thái có lẽ ban đầu độc lập với các hành tinh

the etheric nature of those synthesizing planets.

tổng hợp hoặc về sau được hấp thụ vào bản chất dĩ thái của các hành tinh tổng hợp ấy.

When, through extra-systemic activity based upon three causes:

Khi, qua hoạt động ngoài-hệ thống dựa trên ba nguyên nhân:

1. Logoic alignment,

1. Sự chỉnh hợp của Thượng đế,

80. Presumably between the systemic body and the causal body of the Solar Logos.

80. Có lẽ là giữa thể hệ thống và thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

2. The taking of a logoic Initiation,

2. Việc nhận một lần Điểm đạo của Thượng đế,

81. Presumably the fourth initiation of the Solar Logos.

81. Có lẽ là lần điểm đạo thứ tư của Thái dương Thượng đế.

3. The action of the "ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID,"

3. Tác động của "ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ",

82. This is cosmic stimulation and is analogous to the manner in which the human Monad participates in the destruction of the human causal body and dense physical body (and personality) at the time of the fourth initiation.

82. Đây là sự kích thích vũ trụ và tương tự với cách mà chân thần con người tham gia vào sự hủy diệt thể nguyên nhân con người và thể hồng trần đậm đặc (và phàm ngã) vào lúc lần điểm đạo thứ tư.

these three schemes are simultaneously stimulated and the fires pass from one to another in a triangular manner, they then too pass into obscuration.

ba hệ hành tinh này được kích thích đồng thời và các ngọn lửa truyền từ hệ này sang hệ khác theo cách tam giác, khi ấy chúng cũng đi vào sự che khuất.

83. The obscuration of the dense physical planets is, we see, based upon three grand requirements: alignment, initiation and superior, extraneous action.

83. Như chúng ta thấy, sự che khuất của các hành tinh hồng trần đậm đặc dựa trên ba đòi hỏi lớn lao: chỉnh hợp, điểm đạo và tác động cao hơn từ bên ngoài.

84. Might we not say that the activation of the various triangles within our own energy system would be based upon the same three factors? We align; we take initiation; the Solar Angel or our Monad takes action.

84. Chẳng phải chúng ta có thể nói rằng sự hoạt hóa các tam giác khác nhau trong hệ thống năng lượng của chính mình cũng sẽ dựa trên cùng ba yếu tố ấy sao? Chúng ta chỉnh hợp; chúng ta nhận điểm đạo; Thái

dương Thiên Thần hay chân thần của chúng ta hành động.

Naught is left save the blazing etheric suns and these—through very intensity of burning—dissipate with great rapidity. [Page 1155]

Không còn gì sót lại ngoài những mặt trời dĩ thái rực cháy và những mặt trời này—do cường độ cháy quá mãnh liệt—tan biến với tốc độ rất nhanh. [Page 1155]

85. DK presents a vision of fiery consummation—etheric consummation. The destiny of incarnational life (whether human, planetary, systemic or cosmic) is cessation through fire.

85. DK trình bày một linh ảnh về sự hoàn tất bằng lửa—sự hoàn tất dĩ thái. Định mệnh của sự sống lâm phàm (dù là con người, hành tinh, hệ thống hay vũ trụ) là sự chấm dứt qua lửa.

86. We are on our way to this fiery consummation, and once it is completed, countless such consummations lie before us.

86. Chúng ta đang trên đường đi đến sự hoàn tất bằng lửa này, và một khi nó hoàn tất, vô số những sự hoàn tất như thế còn ở phía trước chúng ta.

87. The following from *A Treatise on Cosmic Fire* may shed light upon the process from the microcosmic angle:

87. Đoạn sau đây từ *Luận về Lửa Vũ Trụ* có thể soi sáng tiến trình này từ góc độ tiểu thiên địa:

"The centres, therefore, when functioning properly, form the "body of fire" which eventually is all that is left, first to man in the three worlds, and later to the Monad. This body of fire is "the body incorruptible"[72] or indestructible, spoken of by St. Paul, and is the product of evolution, of the perfect blending of the three fires, which ultimately destroy the form. When the form is destroyed there is left this intangible spiritual body of fire, one pure flame, distinguished by **seven brilliant centres of intenser burning**. This electric fire is the result of the bringing together of the two poles and demonstrates at the moment of complete at-one-ment, the occult truth of the words "Our God is a consuming Fire."[73] (TCF 166-167)

Vì vậy, các trung tâm, khi hoạt động đúng đắn, tạo thành "thể lửa", là điều rốt cuộc còn lại duy nhất, trước hết đối với con người trong ba cõi giới, và về sau đối với chân thần. Thể lửa này là "thể bất hoại"72 hay bất khả hủy diệt, được Thánh Paul nói đến, và là sản phẩm của tiến hoá, của sự hòa trộn hoàn hảo của ba ngọn lửa, vốn rốt cuộc hủy diệt hình tướng. Khi hình tướng bị hủy diệt, còn lại thể lửa tinh thần vô hình này, một ngọn lửa thuần nhất, được phân biệt bởi **bảy trung tâm rực sáng với cường độ cháy mãnh liệt hơn**. Lửa điện này là kết quả của việc đưa hai cực lại với nhau và chứng minh, vào lúc hợp nhất hoàn toàn, chân lý huyền bí của lời nói: "Thượng đế của chúng ta là một Ngọn Lửa thiêu đốt."73 (TCF 166-167)

S9S9 Part I

TCF 1156-1160

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

4. Relation between the Throat, Alta Major and Mental Centres.

1. DK now takes up a subject of great practical interest.

2. We note that he will be speaking of the "mental centers" about which practically nothing is said in His voluminous Teaching. They are, however, illustrated in TCF, Chart VIII, p. 817.

3. We can judge by their association that the alta major center is related to the mental centers. There are four mental centers (on the lower mental plane) and **the alta major center is the synthesizers of four head centers**.

4. We already know that the throat center is related to the mental body and to mentality

TCF 1155-1160

Phần lớnvăn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì lợi ích của tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

4. Mối liên hệ giữa các trung tâm cổ họng, alta major và trí tuệ.

1. Giờ đây Chân sư DK đề cập đến một chủ đề có mối quan tâm thực tiễn lớn.

2. Chúng ta lưu ý rằng Ngài sẽ nói về các "trung tâm trí tuệ", về chúng hầu như không có gì được nói đến trong Giáo Huấn đồ sộ của Ngài. Tuy nhiên, chúng được minh họa trong TCF, Biểu đồ VIII, tr. 817.

3. Chúng ta có thể phán đoán qua sự liên kết của chúng rằng trung tâm alta major có liên hệ với các trung tâm trí tuệ. Có bốn trung tâm trí tuệ (trên cõi hạ trí) và **trung tâm alta major là trung tâm tổng hợp của bốn trung tâm đầu**.

4. Chúng ta đã biết rằng trung tâm cổ họng có liên hệ với thể trí và với trí tuệ nói chung,

in general, and, thus, it would be related to the mental centers.

và do đó, nó sẽ có liên hệ với các trung tâm trí tuệ.

The question of the centres has always had a great deal of interest for men, and **much harm has been done through the directing of attention upon the physical centres**.

Vấn đề các trung tâm luôn luôn có rất nhiều sức hấp dẫn đối với những người nam và nữ, và **nhiều tổn hại đã được gây ra do việc hướng sự chú ý vào các trung tâm hồng trần**.

5. Human beings are still very concrete in their thinking and can relate to concretions (such as the centers, especially the physical centers) much more easily.

5. Con người vẫn còn rất cụ thể trong tư duy của mình và có thể liên hệ với những sự vật cụ thể hóa (như các trung tâm, đặc biệt là các trung tâm hồng trần) dễ dàng hơn nhiều.

6. By "physical centers" DK could mean one of two things: either the precipitations of the etheric centers, i.e., the glands; *or* the etheric centers, themselves, since that which is *etheric* is really *physical.*

6. Bởi "các trung tâm hồng trần", Chân sư DK có thể muốn nói một trong hai điều: hoặc là các sự ngưng tụ của các trung tâm dĩ thái, tức là các tuyến; *hoặc* chính các trung tâm dĩ thái, bởi vì điều gì là *dĩ thái* thì thực sự là *hồng trần.*

Unfortunately, names have been given to the centres which have their counterparts in the physical form, and with the **usual aptitude of man to identify himself with that which is tangible and physical**,

Đáng tiếc thay, các tên gọi đã được đặt cho các trung tâm vốn có các đối phần của chúng trong hình thể hồng trần, và với **khuynh hướng thường thấy của con người là đồng hoá mình với điều gì hữu hình và hồng trần**,

7. Here, DK names the problem exactly. He seems to refer to centers (glands) in dense physical matter. Later, His use of the term "physical" is related to the etheric body.

7. Ở đây, Chân sư DK nêu đích xác vấn đề. Dường như Ngài đang nói đến các trung tâm (các tuyến) trong vật chất hồng trần đậm đặc. Về sau, cách Ngài dùng thuật ngữ "hồng trần" lại có liên hệ với thể dĩ thái.

a mass of data has accumulated which is based (not on spiritual knowledge) but on a study of the effects produced through meditation on the physical centres.

một khối lượng dữ kiện đã tích lũy, dựa không phải trên tri thức tinh thần mà trên sự nghiên cứu những hiệu quả được tạo ra qua việc tham thiền trên các trung tâm hồng trần.

8. DK is attempting to help man remove his attention from the dense and physical, i.e., from a materialistic consciousness.

8. Chân sư DK đang cố giúp con người rút sự chú ý của mình khỏi cái đậm đặc và hồng trần, tức là khỏi một tâm thức duy vật.

9. We are attempting to learn to live in the world of causes and not the world of effects. The dense physical plane is strictly a world of effects.

9. Chúng ta đang cố học cách sống trong thế giới của các nguyên nhân chứ không phải thế giới của các hiệu quả. Cõi hồng trần đậm đặc hoàn toàn là một thế giới của các hiệu quả.

Such meditation is only safely undertaken when a man is **no longer polarised in the lower personal self but views all things from the standpoint of the Ego with whom he is completely identified.**

Việc tham thiền như thế chỉ có thể được thực hiện một cách an toàn khi con người **không còn phân cực trong phàm ngã thấp nữa mà nhìn mọi sự từ quan điểm của chân ngã mà y đã hoàn toàn đồng hoá với.**

10. We see our objective and the attainments which are necessary if we are to safely work with the centers.

10. Chúng ta thấy mục tiêu của mình và những thành tựu cần thiết nếu chúng ta muốn làm việc với các trung tâm một cách an toàn.

11. This type of identification is much discussed but rarely achieved among the ranks of the disciples.

11. Kiểu đồng hoá này được bàn đến rất nhiều nhưng hiếm khi đạt được trong hàng ngũ các đệ tử.

12. Imagine— *complete* identification with the Ego!

12. Hãy hình dung— *sự đồng hoá* hoàn toàn với chân ngã!

When this is the case, the centres in physical matter are recognised as **being simply focal points of energy located in the etheric body, and having a definite use.**

Khi điều này xảy ra, các trung tâm trong vật chất hồng trần được nhận biết là **chỉ đơn giản là những điểm hội tụ của năng lượng nằm trong thể dĩ thái, và có một công dụng xác định.**

13. Here DK specifies that by "physical centres" He does mean *etheric* centers. As we have studied the last few sections of text, we have found two indications: one in which the centers are considered to be densely physical; the other in which the centers have been considered as etheric focal points.

13. Ở đây Chân sư DK xác định rằng bởi "các trung tâm hồng trần" Ngài thực sự muốn nói đến các trung tâm *dĩ thái*. Khi chúng ta nghiên cứu vài phần văn bản cuối cùng, chúng ta đã thấy hai dấu hiệu: một dấu hiệu trong đó các trung tâm được xem là hồng trần đậm đặc; dấu hiệu kia trong đó các

trung tâm được xem là các điểm hội tụ dĩ thái.

14. Attention will be given to the etheric body during the New Age and it will be considered the *true* physical body. Yet, overall, the Lemurians focused their consciousnesses on the etheric-physical plane and the type of yoga they were taught focused on the uniting of these two aspects (dense and etheric) of their physical nature. Our consciousness is to be focussed much higher—preferably, before long, on the higher mental plane, and the centers in the etheric body are meant to become merely distributors of the higher energies. Our consciousness is not meant to be *fixated* on the physical plane—whether dense physical or etheric though there will soon arise far greater awareness of the etheric plane and its centers.

14. Trong Kỷ Nguyên Mới, sự chú ý sẽ được dành cho thể dĩ thái và nó sẽ được xem là thể hồng trần *đích thực*. Tuy nhiên, xét tổng quát, người Lemuria đã tập trung tâm thức của họ trên cõi dĩ thái-hồng trần và loại yoga được dạy cho họ tập trung vào việc hợp nhất hai phương diện này (đậm đặc và dĩ thái) của bản chất hồng trần của họ. Tâm thức của chúng ta phải được tập trung cao hơn nhiều —tốt nhất là chẳng bao lâu nữa, trên Cõi thượng trí, và các trung tâm trong thể dĩ thái chỉ nhằm trở thành những bộ phân phối các năng lượng cao hơn. Tâm thức của chúng ta không nhằm bị *cố định* trên cõi hồng trần— dù là hồng trần đậm đặc hay dĩ thái—mặc dù chẳng bao lâu nữa sẽ xuất hiện sự nhận biết lớn hơn nhiều về cõi dĩ thái và các trung tâm của nó.

This use is to act as transmitters of certain forms of energy consciously directed by the Ego or Self, with the intent of driving the physical body (which is not a principle) to fulfil egoic purpose.

Công dụng này là hoạt động như những bộ truyền dẫn của một số dạng năng lượng nhất định được chân ngã hay Bản Ngã Cao Siêu điều khiển một cách hữu thức, với ý định thúc đẩy thể xác (vốn không phải là một nguyên khí) hoàn thành mục đích chân ngã.

15. Here the intended process is clearly described. We are to regard the centers in the etheric body merely as transmitters of higher energies. Our consciousness, as souls in incarnation, is to be with the energies transmitted and with the source of those energies and not with the vehicle of transmission.

15. Ở đây tiến trình được dự định đã được mô tả rõ ràng. Chúng ta phải xem các trung tâm trong thể dĩ thái chỉ đơn thuần là những bộ truyền dẫn các năng lượng cao hơn. Tâm thức của chúng ta, với tư cách các linh hồn đang nhập thể, phải ở cùng các năng lượng được truyền dẫn và cùng nguồn của các năng lượng ấy chứ không phải với vận cụ truyền dẫn.

16. In other words, *we*, fully identified with or as the Ego on the higher mental plane, are to use the etheric centers as means of

16. Nói cách khác, *chúng ta*, hoàn toàn đồng hoá với hay như chân ngã trên Cõi thượng trí, phải sử dụng các trung tâm dĩ thái như

transmission of the energies which *we* direct.

những phương tiện truyền dẫn các năng lượng mà *chúng ta* điều khiển.

To do this the Ego has to follow certain rules, to conform to law, and to have attained not only conscious control of the physical body, but a knowledge of the laws of energy, and of the constitution of the etheric body, and its relation to the physical.

Để làm điều này, chân ngã phải tuân theo một số quy luật, phù hợp với định luật, và phải đạt được không chỉ sự kiểm soát hữu thức đối với thể xác, mà còn cả tri thức về các định luật năng lượng, về cấu tạo của thể dĩ thái, và mối liên hệ của nó với thể hồng trần.

17. In this instance, the Ego is the 'higher man'. We could not be speaking of necessity of the Solar Angel to follow certain rules and to conform to law, etc. The Solar Angel long ago accomplished these things.

17. Trong trường hợp này, chân ngã là "con người cao hơn". Chúng ta không thể nói về sự cần thiết để Thái dương Thiên Thần phải tuân theo một số quy luật và phù hợp với định luật, v.v. Thái dương Thiên Thần từ lâu đã hoàn thành những điều này.

18. In this context, the term "Ego" can mean two things. The soul-in-incarnation is the Ego within the fields of the personality. This is an important realization.

18. Trong ngữ cảnh này, thuật ngữ "chân ngã" có thể mang hai nghĩa. Linh hồn đang nhập thể là chân ngã trong các trường của phàm ngã. Đây là một sự chứng nghiệm quan trọng.

19. The Ego *on its own plane* is the man (the 'extension' of the Monad) on the higher mental plane.

19. Chân ngã *trên cõi riêng của nó* là con người ("sự mở rộng" của chân thần) trên Cõi thượng trí.

20. We, the man, must learn to identify *as the Ego* and not as the personality. First we recognize ourselves as the soul-in-incarnation and, eventually, as that soul-in-incarnation disidentifies with the personality fields in which it is immersed, we, the soul-in-incarnation, learn to identify *as* the Ego on its own plane.

20. Chúng ta, con người, phải học cách đồng hoá *như chân ngã* chứ không phải như phàm ngã. Trước hết chúng ta nhận ra mình là linh hồn đang nhập thể và, cuối cùng, khi linh hồn đang nhập thể ấy tách rời khỏi các trường phàm ngã mà nó đang chìm đắm trong đó, chúng ta, linh hồn đang nhập thể, học cách đồng hoá *như* chân ngã trên cõi riêng của nó.

The **attention of students must be called to certain fundamental facts anent the centres** and thus supplement, correlate, and summarise that already given in this *Treatise*.

Sự **chú ý của các đạo sinh phải được hướng đến một số sự kiện căn bản liên quan đến các trung tâm** và nhờ đó bổ sung, tương liên và tóm lược điều đã được trình bày trong *Luận* này.

21. This is the requirement so that we, the man-as-Ego, can learn to control and express through our energy system.

21. Đây là yêu cầu để chúng ta, con người-như-chân ngã, có thể học cách kiểm soát và biểu lộ qua hệ thống năng lượng của mình.

That a certain amount of repetition will be necessary is of value, and the information here given and the correspondences indicated, **should provide all followers of raja yoga with a basis for sane consideration, wise meditation and a fuller comprehension of the truths involved**.

Việc cần có một mức độ lặp lại nhất định là điều có giá trị, và thông tin được đưa ra ở đây cùng các tương ứng được chỉ ra **sẽ cung cấp cho tất cả những người theo raja yoga một nền tảng cho sự xem xét lành mạnh, sự tham thiền minh triết và sự thấu hiểu đầy đủ hơn về các chân lý liên hệ**.

22. Certain additional details can be given to the practitioners of Raja Yoga to facilitate their practice.

22. Một số chi tiết bổ sung có thể được trao cho những người thực hành Raja Yoga để tạo thuận lợi cho việc thực hành của họ.

23. DK does not here mention Agni Yoga. Later in His Teaching He does. The information here imparted on the centers will also be of value in that still more advanced and inclusive form of yoga.

23. Ở đây Chân sư DK không nhắc đến Agni Yoga. Về sau trong Giáo Huấn của Ngài, Ngài có nhắc đến. Thông tin được truyền đạt ở đây về các trung tâm cũng sẽ có giá trị trong hình thức yoga còn tiến bộ và bao gồm hơn ấy.

Owing to the rapid development of the race, and the future [Page 1156] quick unfoldment of etheric vision,

Do sự phát triển nhanh chóng của nhân loại, và sự [Page 1156] khai mở nhanh chóng trong tương lai của linh thị dĩ thái,

24. DK predicted that etheric vision would unfold significantly by the end of the twentieth century and into the twenty-first.

24. Chân sư DK đã tiên đoán rằng linh thị dĩ thái sẽ khai mở đáng kể vào cuối thế kỷ hai mươi và sang thế kỷ hai mươi mốt.

the gain will be very real if occult students have at least a theoretical concept of the nature of that which will be seen relatively so soon.

lợi ích sẽ rất thực tế nếu các đạo sinh huyền bí học có ít nhất một khái niệm lý thuyết về bản chất của điều sẽ được thấy trong một thời gian tương đối gần.

25. This book was written in the early to middle 1920's. A theoretical basis for understanding newly emerging energies is always of value if those energies are to be handled wisely.

25. Quyển sách này được viết vào đầu đến giữa thập niên 1920. Một nền tảng lý thuyết để hiểu các năng lượng mới xuất hiện luôn có giá trị nếu các năng lượng ấy phải được xử lý một cách minh triết.

26. Of course, by the time He had reached the final pages of TCF, DK had already said a great deal about the centers, so we may assume that what He is about to say here is not *entirely* repetition.

26. Dĩ nhiên, vào lúc Ngài đi đến những trang cuối của TCF, Chân sư DK đã nói khá nhiều về các trung tâm, vì vậy chúng ta có thể giả định rằng điều Ngài sắp nói ở đây không phải là sự lặp lại *hoàn toàn*.

The centres, as we know, are seven in number and are formed in matter of the etheric subplanes of the physical plane.

Các trung tâm, như chúng ta biết, có số lượng là bảy và được hình thành trong vật chất của các cõi phụ dĩ thái của cõi hồng trần.

27. DK is now speaking of the "physical centers"—really the *etheric* centers.

27. Giờ đây Chân sư DK đang nói về "các trung tâm hồng trần"—thực ra là các trung tâm *dĩ thái*.

As we have been told, **there are literally ten, but the lower three are not considered as subjects for the direction of egoic energy**.

Như chúng ta đã được cho biết, **thực sự có mười, nhưng ba trung tâm thấp hơn không được xem là đối tượng cho sự điều hướng của năng lượng chân ngã**.

28. Here DK tells us of *ten* centers, just as He tells us of *ten* planetary schemes, and *ten* chains. The tens probably extend far more widely through cosmos than this.

28. Ở đây Chân sư DK cho chúng ta biết về *mười* trung tâm, cũng như Ngài cho chúng ta biết về *mười* hệ hành tinh, và *mười* dãy. Các số mười này có lẽ còn mở rộng khắp vũ trụ rộng lớn hơn nhiều so với thế.

29. We may presume that the seven centers are found above the diaphragm. Perhaps the solar plexus is included, and the base of the spine center, the sacral center and the spleen dis-included. However, can we really ever dis-include the base of the spine center when it plays so prominent a place in the fifth initiation of man and presumably, in the fifth initiation of far greater beings?

29. Chúng ta có thể giả định rằng bảy trung tâm được tìm thấy phía trên cơ hoành. Có lẽ tùng thái dương được bao gồm, còn trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và luân xa lá lách thì bị loại ra. Tuy nhiên, liệu chúng ta có thực sự có thể loại trừ trung tâm đáy cột sống khi nó giữ một vị trí nổi bật như vậy trong lần điểm đạo thứ năm của con người và có lẽ cả trong lần điểm đạo thứ năm của những hữu thể còn vĩ đại hơn nhiều?

30. There are a number of lesser centers, some found in the lower area of the etheric body, but is Master DK including such rarely mentioned centers? The likelihood is that He is not.

30. Có một số trung tâm nhỏ hơn, một số nằm ở vùng thấp của thể dĩ thái, nhưng liệu Chân sư DK có bao gồm những trung tâm hiếm khi được nhắc đến như thế không? Khả năng là không.

31. We cannot be certain how to enumerate the higher seven. There are many centers in and surrounding the head and we cannot be sure if DK is counting these centers or, if so, the manner in which He is counting.

31. Chúng ta không thể chắc chắn phải liệt kê bảy trung tâm cao hơn như thế nào. Có nhiều trung tâm trong và quanh đầu, và chúng ta không thể chắc liệu Chân sư DK có đang tính các trung tâm này hay không, hoặc nếu có, Ngài tính theo cách nào.

32. If we number from the solar plexus upwards, we could have: the solar plexus, the heart, the throat center, the alta major center, the ajna center, the head center, the heart-in-the-head center.

32. Nếu chúng ta đếm từ tùng thái dương trở lên, chúng ta có thể có: tùng thái dương, tim, trung tâm cổ họng, trung tâm alta major, trung tâm ajna, trung tâm đầu, trung tâm tim-trong-đầu.

33. There is also the possibility that a very occult and rarely mentioned 'mental center' or "manasic center" in the vicinity of the lungs could be included, in which case the two aspects of the highest head center would be considered as one.

33. Cũng có khả năng rằng một "trung tâm trí tuệ" hay "trung tâm manas" rất huyền bí và hiếm khi được nhắc đến ở vùng lân cận phổi có thể được bao gồm, trong trường hợp đó hai phương diện của trung tâm đầu cao nhất sẽ được xem là một.

34. Perhaps we shall learn more immediately ahead.

34. Có lẽ ngay phía trước chúng ta sẽ học được thêm.

They relate to the perpetuation of the physical form

Chúng liên hệ đến sự duy trì hình thể hồng trần

35. Without the presence and activation of the centers, the physical plane will not be vitalized; it will not live.

35. Không có sự hiện diện và hoạt hóa của các trung tâm, cõi hồng trần sẽ không được tiếp sinh lực; nó sẽ không sống.

36. Here we are speaking specifically of the lower three centers mentioned above. These three are the most active in the perpetuation of the physical form. From this perspective, the base of the spine center must certainly be involved, as must the sacral center and spleen.

36. Ở đây chúng ta đang nói riêng về ba trung tâm thấp hơn đã được nhắc đến ở trên. Ba trung tâm này hoạt động mạnh nhất trong việc duy trì hình thể hồng trần. Từ góc độ này, trung tâm đáy cột sống chắc chắn phải được bao gồm, cũng như trung tâm xương cùng và lá lách.

and have a close connection with:

và có mối liên hệ mật thiết với:

a. The three lower kingdoms in nature.

a. ba giới thấp trong thiên nhiên.

37. These are the sub-human kingdoms; mineral, vegetable and animal.

37. Đây là các giới dưới nhân loại; giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật.

b. The three lower subplanes of the physical plane.

b. Ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần.

38. By this we man the dense physical subplane, the liquid subplane and the gaseous subplane.

38. Bởi điều này chúng ta muốn nói đến cõi phụ hồng trần đậm đặc, cõi phụ lỏng và cõi phụ khí.

c. The third solar system, from the logoic standpoint.

c. Hệ mặt trời thứ ba, từ quan điểm logoic.

39. This is a curious statement. Does DK actually mean the solar system which is to come? Or does He mean the solar system preceding this one? From the correspondential angle, one would think He is referring to the rather material solar system which preceded ours.

39. Đây là một phát biểu kỳ lạ. Liệu Chân sư DK thực sự muốn nói đến hệ mặt trời sẽ đến? Hay Ngài muốn nói đến hệ mặt trời đi trước hệ này? Từ góc độ tương ứng, người ta sẽ nghĩ rằng Ngài đang nói đến hệ mặt trời khá vật chất đã đi trước hệ của chúng ta.

It must be borne in mind that though the three solar systems (the past, the present and that which is to come) **are differentiated in time and space where the consciousness of man is concerned**, from the point of view of the Logos they represent more accurately, highest, intermediate and lowest, and the three form but one expression.

Cần ghi nhớ rằng mặc dù ba hệ mặt trời (quá khứ, hiện tại và hệ sẽ đến) **được phân biệt trong thời gian và không gian xét theo tâm thức của con người**, nhưng từ quan điểm của Thượng đế, chúng biểu hiện chính xác hơn là cao nhất, trung gian và thấp nhất, và cả ba chỉ tạo thành một biểu hiện duy nhất.

40. The consciousness of the Solar Logos is not subject to the time-space limitations afflicting our consciousness.

40. Tâm thức của Thái dương Thượng đế không chịu những giới hạn thời-không đang gây khổ cho tâm thức của chúng ta.

41. DK seems to be telling us that the three solar systems are both consecutive and simultaneous—depending on the nature of the perceiving consciousness.

41. Dường như Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng ba hệ mặt trời vừa liên tiếp vừa đồng thời—tùy theo bản chất của tâm thức đang tri giác.

42. Another way of saying this is that the consciousness of the previous solar system

42. Một cách khác để nói điều này là tâm thức của hệ mặt trời trước vẫn còn hiện diện

is still very much with us within the second solar system; during the next or coming solar system, the consciousness of the first *and* second solar systems may be evident even though the emphasis will be on the first aspect of divinity, the will.

rất mạnh nơi chúng ta trong hệ mặt trời thứ hai; trong hệ mặt trời kế tiếp hay sắp đến, tâm thức của hệ mặt trời thứ nhất *và* thứ hai có thể vẫn hiển lộ mặc dù trọng tâm sẽ đặt trên phương diện thứ nhất của thiên tính, tức ý chí.

The past system, therefore, is deemed esoterically the third, being the lowest and being related to the dense and negative matter.

Vì vậy, hệ quá khứ được xem một cách huyền bí là hệ thứ ba, vì là thấp nhất và có liên hệ với vật chất đậm đặc và âm tính.

43. Thus, DK answer the question which I posed. The first (or previous) solar system is qualitatively the third because it is related to the third aspect of divinity.

43. Như vậy, Chân sư DK trả lời câu hỏi mà tôi đã nêu ra. Hệ mặt trời thứ nhất (hay trước đó) về phẩm tính là hệ thứ ba vì nó có liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

It will be apparent that the past solar system has consequently a close relation to the third or animal kingdom, and this, man has presumably transcended.

Rõ ràng là hệ mặt trời quá khứ do đó có mối liên hệ mật thiết với giới thứ ba hay giới động vật, và điều này con người hẳn đã vượt qua.

44. This is because the animal kingdom is the *third* kingdom and the human kingdom is the *fourth.*

44. Điều này là vì giới động vật là giới *thứ ba* và giới nhân loại là giới *thứ tư.*

45. It is intended that man must and will transcend the influence of the previous solar system, which here, DK deems the “third”.

45. Mục đích là con người phải và sẽ vượt qua ảnh hưởng của hệ mặt trời trước, mà ở đây Chân sư DK xem là hệ “thứ ba”.

The seven centres with which man is concerned are themselves found to exist in two groups:

Bảy trung tâm mà con người quan tâm đến tự chúng được thấy là tồn tại trong hai nhóm:

46. It does seem that man is concerned with all the seven centers as usually enumerated. This would include the base of the spine center, the sacral center and the solar plexus. The splenic center is also of considerable importance to him.

46. Quả thực dường như con người có liên hệ với cả bảy trung tâm như thường được liệt kê. Điều này sẽ bao gồm trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và tùng thái dương. Trung tâm lá lách cũng có tầm quan trọng đáng kể đối với y.

a lower four, which are related to the four Rays of Attributes, or the four minor rays,

một nhóm bốn thấp hơn, có liên hệ với bốn Các Cung Thuộc Tính, hay bốn cung phụ, và

and are, therefore, closely connected with the quaternary, both microcosmic and macrocosmic, and a higher three which are transmitters for the three rays of aspect.

vì vậy có liên hệ mật thiết với bộ tứ, cả trong tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa, và một nhóm ba cao hơn là những bộ truyền dẫn cho ba Các Cung Trạng Thái.

47. If we keep the number *ten* too firmly in mind we shall have trouble with this enumeration.

47. Nếu chúng ta giữ con số *mười* quá chặt trong tâm trí, chúng ta sẽ gặp khó khăn với cách liệt kê này.

48. Which, really, are the lower four centers? Is the spleen to be included, along with the solar plexus, the sacral center and the base of the spine center?

48. Thực sự, bốn trung tâm thấp hơn là những trung tâm nào? Liệu lá lách có được bao gồm cùng với tùng thái dương, trung tâm xương cùng và trung tâm đáy cột sống không?

49. And if so, there are then *four* higher centers remaining and not just three: heart center, throat center, ajna center and head center.

49. Và nếu vậy, khi đó còn lại *bốn* trung tâm cao hơn chứ không chỉ ba: trung tâm tim, trung tâm cổ họng, trung tâm ajna và trung tâm đầu.

50. The three higher centers are usually considered throat center, heart center, and head center and these three *are* the transmitters of the three Rays of Aspect.

50. Ba trung tâm cao hơn thường được xem là trung tâm cổ họng, trung tâm tim và trung tâm đầu, và ba trung tâm này *là* những bộ truyền dẫn của ba Các Cung Trạng Thái.

51. There persistently arises the question of whether the heart center is to be included in the lower quaternary. It can be reasoned in both the affirmative and in the negative. It is interesting that even when man is controlled from the astral plane, the heart center is one point in the controlling triangle of centers.

51. Câu hỏi vẫn liên tục nảy sinh là liệu trung tâm tim có nên được bao gồm trong bộ tứ thấp hơn hay không. Có thể lập luận theo cả khẳng định lẫn phủ định. Điều thú vị là ngay cả khi con người bị kiểm soát từ cõi cảm dục, trung tâm tim vẫn là một điểm trong tam giác kiểm soát của các trung tâm.

These energy centres are **transmitters of energy from** [Page 1157] **many and varied sources** which might be briefly enumerated as follows:

Các trung tâm năng lượng này là **những bộ truyền dẫn năng lượng từ** [Page 1157] **nhiều nguồn đa dạng khác nhau** có thể được liệt kê vắn tắt như sau:

52. These and other sources are sources of transmission *through* the centers.

52. Những nguồn này và các nguồn khác là các nguồn truyền dẫn *qua* các trung tâm.

a. From the seven Rays, via the **seven subrays of any specific monadic ray.**

53. The sources of the seven rays are usually thought to be the seven major stars of the Great Bear.

54. What, exactly, are the seven subrays of any "specific monadic ray". There are several options:

a. The seven types of soul rays considered as subrays of any particular monadic ray.

b. The seven *sub* -monadic rays found on the monadic plane (cf. TCF 176)

c. The seven ray types of Monads on the monadic plane, considering these seven monadic types actually to be subtypes of the three types of 'true Monad', which three types are found on the logoic plane. (cf. TCF Chart V, 344)

55. In any case there are higher septenates on egoic and monadic levels, the energies of which pour through the seven types of chakras here being discussed.

b. From the triple aspects of the planetary Logos as He manifests through a scheme.

a. Từ bảy cung, qua **bảy cung phụ của bất kỳ cung chân thần đặc thù nào.**

53. Các nguồn của bảy cung thường được cho là bảy ngôi sao lớn của Đại Hùng Tinh.

54. Chính xác thì bảy cung phụ của bất kỳ "cung chân thần đặc thù" nào là gì? Có một số khả năng:

a. Bảy loại cung linh hồn được xem như các cung phụ của bất kỳ cung chân thần riêng biệt nào.

b. Bảy cung *phụ* -chân thần được tìm thấy trên cõi chân thần (xem TCF 176)

c. Bảy loại cung của các chân thần trên cõi chân thần, xem bảy loại chân thần này thực ra là các loại phụ của ba loại "Chân Thần đích thực", mà ba loại này được tìm thấy trên cõi logoic. (xem Biểu đồ V của TCF, 344)

55. Dù sao đi nữa, vẫn có những bộ bảy cao hơn trên các cấp độ chân ngã và chân thần, mà các năng lượng của chúng tuôn qua bảy loại luân xa đang được bàn đến ở đây.

b. Từ các phương diện tam phân của Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài biểu lộ qua một hệ hành tinh.

56. Presumably we have the Rays of Aspect connected with our Planetary Logos manifesting through the chakras keyed to them, and through those other chakras which are in resonance with these keyed three. The three aspects of the Planetary Logos demonstrate both above and below the diaphragm.

56. Có lẽ chúng ta có Các Cung Trạng Thái nối kết với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta biểu lộ qua các luân xa được chỉnh hợp với chúng, và qua những luân xa khác cộng hưởng với bộ ba được chỉnh hợp này. Ba phương diện của Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ cả phía trên lẫn phía dưới cơ hoành.

57. We note that the source given in point "b." is a higher source than that given in point "a."

57. Chúng ta lưu ý rằng nguồn được nêu ở điểm "b." là một nguồn cao hơn nguồn được nêu ở điểm "a."

c. From what are called "the sevenfold divisions of the logoic Heart," or the sun in its sevenfold essential nature, as it is seen lying esoterically behind the outer physical solar form.

c. Từ điều được gọi là "những phân chia thất phân của Tim logoic", hay mặt trời trong bản chất cốt yếu thất phân của nó, như nó được thấy một cách huyền bí nằm phía sau hình thể thái dương hồng trần bên ngoài.

58. This is a still higher source.

58. Đây là một nguồn còn cao hơn nữa.

59. Here we are not so much speaking of the Heart of the Sun on the higher levels of the cosmic mental plane, but of the logoic etheric heart center presumably to be found upon the cosmic etheric planes—perhaps on its second level (correlated with the origin of the human Monads).

59. Ở đây chúng ta không nói nhiều đến Trái Tim Mặt Trời trên các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ, mà nói đến trung tâm tim dĩ thái logoic, có lẽ được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ—có thể ở cấp độ thứ hai của nó (tương ứng với nguồn gốc của các chân thần nhân loại).

60. It is the etheric aspect of the Solar Logos which lies "behind the outer physical solar form".

60. Chính phương diện dĩ thái của Thái dương Thượng đế nằm "phía sau hình thể thái dương hồng trần bên ngoài".

61. The Heart of the Sun substands not only the vehicles of the Logos on the cosmic physical plane but also on the cosmic astral plane and lower cosmic mental plane.

61. Trái Tim Mặt Trời không chỉ nâng đỡ các vận cụ của Thượng đế trên cõi hồng trần vũ trụ mà còn cả trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi hạ trí vũ trụ.

62. Heart centers are usually considered twelvefold, but there is a way of deriving the twelve from the seven. This way is given in a footnote in *A Treatise on Cosmic Fire*.

62. Các trung tâm tim thường được xem là thập nhị phân, nhưng có một cách để rút ra số mười hai từ số bảy. Cách này được nêu

trong một chú thích cuối trang của *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

31: The Twelve Creative Hierarchies. Students are often puzzled in trying to account for the "twelves" in the cosmos. A correspondent sends the following suggestion: In a Study in Consciousness, the three, by an arrangement of internal groupings, show seven groups; these may be represented as ABC, ACB, BCA BAC, CAB, CBA, and a seventh, a synthesis in which the three are equal. A second six would be represented by (AB) C, C (AB), A (BC), (BC) A, (CA) B, B (AC), the two bracketed being equal and the third stronger or weaker. The two groups of six, and the group in which the three are equal, would make thirteen. "This thirteen may be arranged as a circle of twelve, with one in the centre. The central one will be synthetic, and will be that class in which all three are equal. The physical correspondence of this will be the twelve signs of the Zodiac with the Sun at the centre, synthesising all of them. The spiritual correspondence will be the twelve Creative Orders with the Logos at the centre, synthesising all." The arrangement is quite legitimate.—The Theosophist, Vol. XXIX, p. 100. (TCF 1195)

31: Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo. Các đạo sinh thường bối rối khi cố giải thích các "bộ mười hai" trong vũ trụ. Một người trao đổi thư từ gửi đến gợi ý sau đây: Trong A Study in Consciousness, bộ ba, bằng một sự sắp xếp các nhóm nội tại, cho thấy bảy nhóm; chúng có thể được biểu diễn là ABC, ACB, BCA BAC, CAB, CBA, và một nhóm thứ bảy, là một tổng hợp trong đó cả ba bằng nhau. Một nhóm sáu thứ hai sẽ được biểu diễn bằng (AB) C, C (AB), A (BC), (BC) A, (CA) B, B (AC), trong đó hai yếu tố trong ngoặc bằng nhau và yếu tố thứ ba mạnh hơn hay yếu hơn. Hai nhóm sáu, và nhóm trong đó cả ba bằng nhau, sẽ tạo thành mười ba. "Mười ba này có thể được sắp xếp thành một vòng tròn mười hai, với một ở trung tâm. Điểm trung tâm sẽ có tính tổng hợp, và sẽ là loại trong đó cả ba bằng nhau. Tương ứng hồng trần của điều này sẽ là mười hai dấu hiệu hoàng đạo với Mặt Trời ở trung tâm, tổng hợp tất cả chúng. Tương ứng tinh thần sẽ là mười hai Huyền Giai Sáng Tạo với Thượng đế ở trung tâm, tổng hợp tất cả." Sự sắp xếp này hoàn toàn hợp lý. —The Theosophist, Tập XXIX, tr. 100. (TCF 1195)

63. The egoic lotus of the Solar Logos is also considered twenty-one-fold (twenty-one being the number of its petals). It is possible that these petals may appear in seven groups of three each.

63. Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế cũng được xem là nhị thập nhất phân (hai mươi mốt là số cánh hoa của nó). Có thể những cánh hoa này xuất hiện trong bảy nhóm, mỗi nhóm ba cánh.

d. From the seven Rishis of the Great Bear; this pours in via the Monad and is transmitted downward, merging on the higher levels of the mental plane with seven streams of energy from the Pleiades **which come in as the psychical force demonstrating through the solar Angel.**

d. Từ bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh; điều này tuôn vào qua chân thần và được truyền xuống dưới, hòa nhập trên các cấp độ cao hơn của cõi trí với bảy dòng năng lượng từ Thất Nữ Tinh **đi vào như mãnh lực thông linh biểu lộ qua Thái dương Thiên Thần.**

64. We continue the sources of energies which pour through the seven chakras.

64. Chúng ta tiếp tục các nguồn năng lượng tuôn qua bảy luân xa.

65. This is a most occult statement for several reason.

65. Đây là một phát biểu hết sức huyền bí vì nhiều lý do.

a. The link between the Rishis of the Great Bear and the human Monad. We would assume that the seven monadic demonstrations on the monadic plane are linked by the *intra* -planetary Lords of the Seven Rays with the seven types of Monads. The planetary Ray Lords may also be part of this linking as the Planetary Logoi are all connected with the Seven Rishis.

a. Mối liên kết giữa các Rishi của Đại Hùng Tinh và chân thần con người. Chúng ta có thể giả định rằng bảy biểu hiện chân thần trên cõi chân thần được nối kết bởi các Chúa Tể nội-hành-tinh của Bảy Cung với bảy loại chân thần. Các Chúa Tể Cung hành tinh cũng có thể là một phần của sự nối kết này vì các Hành Tinh Thượng Đế đều được liên kết với Bảy Rishi.*nội* -hành-tinh của Bảy Cung với bảy loại chân thần. Các Chúa Tể Cung hành tinh cũng có thể là một phần của sự nối kết này vì các Hành Tinh Thượng Đế đều được liên kết với Bảy Rishi.

b. The link between the Pleiades and the higher mental plane.

b. Mối liên kết giữa Thất Tinh và cõi thượng trí.

c. The unusual linking of the Pleiades with the Solar Angels! This is an important reference. We see from this linking that that which is transmitted via the Pleiades is *more than manasic force*. It is also related to soul and consciousness and is thus called “psychical force” and must be considered *sentient* in nature. The Pleiades are qualified by the third ray, yes, but also by the second and some have suggested the first ray as well as the Pleiades may be reasoned to represent the “Hub of the Wheel” of the "One About Whom Naught May Be Said".

c. Mối liên kết khác thường giữa Thất Tinh với các Thái dương Thiên Thần! Đây là một quy chiếu quan trọng. Từ mối liên kết này, chúng ta thấy rằng điều được truyền qua Thất Tinh là *nhiều hơn mãnh lực manas*. Nó cũng liên hệ với linh hồn và tâm thức, và vì thế được gọi là “mãnh lực thông linh”, và phải được xem là có bản chất *cảm tri*. Thất Tinh được điều kiện hóa bởi cung ba, đúng vậy, nhưng cũng bởi cung hai, và một số người còn gợi ý cả cung một nữa, vì có thể lập luận rằng Thất Tinh tượng trưng cho “Trục của Bánh Xe” của "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

All these various streams of energy are passed through certain groups or centres, becoming more active and **demonstrating with a freer flow as the course of evolution is pursued**.

Tất cả các dòng năng lượng khác nhau này đều được chuyển qua những nhóm hay trung tâm nhất định, trở nên hoạt động hơn và **biểu hiện với một dòng chảy tự do hơn khi tiến trình tiến hoá được tiếp tục**.

66. Some of the highest sources send their energies through chakras which are super-human altogether. Each Sun is a chakra. Each planet is a chakra.

66. Một số nguồn cao nhất truyền năng lượng của chúng qua các luân xa hoàn toàn siêu nhân loại. Mỗi Mặt Trời là một luân xa. Mỗi hành tinh là một luân xa.

67. We have a large number of sources. Some of the higher sources are probably passed through groupings on triadal levels and also through egoic groupings on the higher mental plane before reaching the human chakric system.

67. Chúng ta có một số lượng lớn các nguồn. Một số nguồn cao hơn có lẽ được chuyển qua các tập hợp ở các cấp độ tam nguyên tinh thần và cũng qua các tập hợp chân ngã trên cõi thượng trí trước khi đến hệ thống luân xa của con người.

68. We realize that the transmission is not now flowing as freely as later it will when humanity is more highly evolved.

68. Chúng ta nhận ra rằng sự truyền dẫn hiện nay chưa chảy tự do như về sau nó sẽ chảy khi nhân loại tiến hoá cao hơn.

As far as man is concerned at present, **this energy all converges, and seeks to energise his physical body, and direct his action via the seven etheric centres.**

Xét theo phương diện con người hiện nay, **toàn bộ năng lượng này đều hội tụ lại, và tìm cách tiếp sinh lực cho thể xác của y, đồng thời điều khiển hành động của y qua bảy trung tâm dĩ thái.**

69. DK may be speaking of average man. We know that for more highly evolved human beings, the centers in the astral body and those on the lower mental plane are *also* stimulated

69. Chân sư DK có thể đang nói về con người trung bình. Chúng ta biết rằng đối với những con người tiến hoá cao hơn, các trung tâm trong thể cảm dục và những trung tâm trên cõi hạ trí *cũng* được kích thích

70. When we look for structures in the human energy system which these energy flows may stimulate, we should *also* include the stimulation of the tiers and petals of the egoic lotus.

70. Khi chúng ta tìm kiếm những cấu trúc trong hệ thống năng lượng con người mà các dòng năng lượng này có thể kích thích, chúng ta *cũng* nên bao gồm sự kích thích các tầng và các cánh hoa của hoa sen chân ngã.

71. Finally, however, even if the energies do pass through the tiers and petals of the egoic

71. Tuy nhiên, sau cùng, ngay cả nếu các năng lượng ấy có đi qua các tầng và các cánh

lotus and through the mental and astral chakras, they *do* energize the etheric chakras and finally the dense physical body.

hoa của hoa sen chân ngã và qua các luân xa trí tuệ và cảm dục, thì chúng *quả thực* tiếp sinh lực cho các luân xa dĩ thái và cuối cùng cho thể xác đậm đặc.

72. We are probably not yet at the stage where we can detect the flow of these various type of energies through our etheric chakras through we do note the stimulation.

72. Có lẽ chúng ta vẫn chưa ở giai đoạn có thể phát hiện dòng chảy của các loại năng lượng khác nhau này qua các luân xa dĩ thái của mình, dù chúng ta có ghi nhận sự kích thích.

These centres receive the force in a threefold manner:

Các trung tâm này tiếp nhận mãnh lực theo cách tam phân:

73. Now we are becoming quite specific. We are speaking of the receptivity of the seven etheric chakras.

73. Giờ đây chúng ta đang trở nên khá cụ thể. Chúng ta đang nói về khả năng tiếp nhận của bảy luân xa dĩ thái.

a. **Force from the Heavenly Man** and, therefore, from the seven Rishis of the Great Bear via the Monad.

a. **Mãnh lực từ Đấng Thiên Nhân** và, do đó, từ bảy Rishi của Đại Hùng Tinh qua chân thần.

74. There is an alignment between the seven Rishis of the Great Bear, the Heavenly Man, the Monad (which is a cell within the Heavenly Man) and (via various descending septenates) to the seven etheric chakras.

74. Có một sự chỉnh hợp giữa bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, Đấng Thiên Nhân, chân thần (vốn là một tế bào bên trong Đấng Thiên Nhân) và (qua nhiều bộ bảy giáng hạ khác nhau) đến bảy luân xa dĩ thái.

b. **Force from the Pleiades**, via the solar Angel or Ego.

b. **Mãnh lực từ Thất Tinh**, qua Thái dương Thiên Thần hay chân ngã.

75. There is an alignment from the Pleiades to the Solar Angel or Ego and thence to the chakric system, including, one supposes, the lower mental and astral chakras.

75. Có một sự chỉnh hợp từ Thất Tinh đến Thái dương Thiên Thần hay chân ngã, và từ đó đến hệ thống luân xa, bao gồm, như người ta có thể giả định, cả các luân xa hạ trí và cảm dục.

76. We also are aware of the alignment from the Pleiades to the Heavenly Men—a largely manasic alignment.

76. Chúng ta cũng nhận biết sự chỉnh hợp từ Thất Tinh đến các Đấng Thiên Nhân—một sự chỉnh hợp phần lớn mang tính manas.

77. We can wonder, given the implications of alignment "b.", whether the Pleiades have a connection with the Heart of the Sun to which the Solar Angels are so closely related. We usually think of Sirius as having such an alignment.

77. Xét theo những hàm ý của sự chỉnh hợp "b.", chúng ta có thể tự hỏi liệu Thất Tinh có một liên hệ nào với Trái Tim của Mặt Trời, nơi các Thái dương Thiên Thần gắn bó mật thiết đến thế hay không. Chúng ta thường nghĩ Sirius có một sự chỉnh hợp như vậy.

c. **Force from the planes**, from the Raja Devas of a plane, or fohatic energy, via the spirillae of a permanent atom.

c. **Mãnh lực từ các cõi**, từ các Raja Deva của một cõi, hay năng lượng fohat, qua các loa tuyến của một nguyên tử trường tồn.

78. This is an alignment from solar planes and Solar Plane Lords (considered in their broader *solar systemic* context) to the Raja Deva Lords of whom the *planetary* planes are an embodiment, through to the planes and via these spirillae (for planes are spirillae) to the various etheric chakras. We might ask, "To what extent to the systemic planes and subplanes (considered as spirillae) *feed* the chakras of the human energy system?"

78. Đây là một sự chỉnh hợp từ các cõi thái dương và các Chúa Tể Cõi Thái Dương (được xét trong bối cảnh *hệ mặt trời* rộng lớn hơn của các Ngài) đến các Chúa Tể Raja Deva mà các cõi *hành tinh* là hiện thân, rồi đến các cõi và qua các loa tuyến này (vì các cõi là các loa tuyến) đến các luân xa dĩ thái khác nhau. Chúng ta có thể hỏi: "Các cõi và cõi phụ của hệ thống (được xem như các loa tuyến) nuôi dưỡng các luân xa của hệ thống năng lượng con người đến mức độ nào?"*nuôi dưỡng* các luân xa của hệ thống năng lượng con người đến mức độ nào?"

The permanent atom of a human being sustains an entire vehicle in which the seven chakras make their appearance. Without the permanent atom, the seven chakras would have no medium in which to appear.

Nguyên tử trường tồn của một con người duy trì toàn bộ một vận cụ trong đó bảy luân xa xuất hiện. Không có nguyên tử trường tồn, bảy luân xa sẽ không có môi trường để xuất hiện.

79. We wonder what might be the stellar source of this third type of energy. At first one might think it to be the Pleiades, but the Pleiades in this context have been assigned to the second aspect of divinity.

79. Chúng ta tự hỏi nguồn sao nào có thể là nguồn của loại năng lượng thứ ba này. Lúc đầu người ta có thể nghĩ đó là Thất Tinh, nhưng trong bối cảnh này Thất Tinh đã được gán cho phương diện thứ hai của thiên tính.

80. Both Sirius and the Pleiades demonstrate both the second and third aspects and it behooves us to notice the contexts in which one or the other aspect is being discussed in relation to either one.

80. Cả Sirius lẫn Thất Tinh đều biểu hiện cả phương diện thứ hai lẫn thứ ba, và điều cần thiết đối với chúng ta là lưu ý những bối cảnh trong đó phương diện này hay phương diện kia đang được bàn đến trong liên hệ với một trong hai.

It is this fact which accounts for the gradual growth and development of a man.

Chính sự kiện này giải thích cho sự tăng trưởng và phát triển dần dần của con người.

81. All these energies pouring through the various chakras account for the gradual growth and development of a man. The energies do not flow in a manner completed unimpeded or with full force. Thus the growth and development of man is "gradual".

81. Tất cả những năng lượng này tuôn qua các luân xa khác nhau giải thích cho sự tăng trưởng và phát triển dần dần của con người. Các năng lượng không chảy theo cách hoàn toàn không bị cản trở hay với toàn bộ mãnh lực. Vì vậy sự tăng trưởng và phát triển của con người là "dần dần".

At first it is the force of the plane substance, which directs him, **causing him to identify** [Page 1158] **himself with the grosser substance and to consider himself a man**, a member of the fourth Kingdom, and to be convinced, therefore, that he is the Not-Self.

Thoạt đầu, chính mãnh lực của chất liệu cõi giới điều khiển y, **khiến y đồng hoá với** [Page 1158] **chất liệu thô nặng hơn và xem mình là một con người**, một thành viên của giới thứ tư, và do đó tin chắc rằng mình là Phi-Ngã.

82. When the man is solidly a member of the fourth kingdom of nature, he is entirely identified with planar substance. There are four divisions to be considered:

82. Khi con người đã vững chắc là một thành viên của giới thứ tư trong thiên nhiên, y hoàn toàn đồng hoá với chất liệu cõi giới. Có bốn phân bộ cần được xét đến:

a. The dense physical level

a. Cấp độ hồng trần đậm đặc

b. The etheric level

b. Cấp độ dĩ thái

c. The astral level

c. Cấp độ cảm dục

d. The lower mental level

d. Cấp độ hạ trí

83. At this stage, he does not consider himself to be a soul. He has no experience to

83. Ở giai đoạn này, y không xem mình là một linh hồn. Y không có kinh nghiệm nào

reveal to him what it would mean to be a soul.

để mặc khải cho y biết làm một linh hồn sẽ có nghĩa là gì.

84. He is under the sway of the Raja Deva Lords and their many subsidiary representatives—conscious and unconscious. The permanent atoms are more important than the chakras.

84. Y ở dưới sự chi phối của các Chúa Tể Raja Deva và nhiều đại diện phụ thuộc của các vị ấy—hữu thức và vô thức. Các nguyên tử trường tồn quan trọng hơn các luân xa.

Later as force from the Ego pours in, his **psychical evolution proceeds** (I use the word "psychical" here in its higher connotation)

Về sau, khi mãnh lực từ chân ngã tuôn vào, **sự tiến hoá thông linh của y tiếp diễn** (ở đây tôi dùng từ "thông linh" theo hàm nghĩa cao hơn của nó)

85. When considering the term “psychical” as it is used in relation to the Pleiades, we must consider that it does not have to do with lower psychism but with soul consciousness.

85. Khi xét thuật ngữ “thông linh” như được dùng trong liên hệ với Thất Tinh, chúng ta phải hiểu rằng nó không liên quan đến thông linh thấp mà đến tâm thức linh hồn.

86. This section of text confirms that DK is speaking of the second aspect of divinity when referencing “psychical force” and the Pleiades.

86. Phần văn bản này xác nhận rằng Chân sư DK đang nói về phương diện thứ hai của thiên tính khi quy chiếu đến “mãnh lực thông linh” và Thất Tinh.

and he begins to consider himself as the Ego, the Thinker, the One who uses the form.

và y bắt đầu xem mình là chân ngã, Đấng Tư Tưởng, Đấng sử dụng hình tướng.

87. From the sections of text above we have learned that the Pleiades (the source of a certain type of “psychical” energy) are involved in helping the man to consider himself as the Ego, the Thinker, the One who uses the form. This should be remembered alongside the many references which refer the Pleiades as bestowers of manas.

87. Từ các phần văn bản trên, chúng ta đã học được rằng Thất Tinh (nguồn của một loại năng lượng “thông linh” nào đó) có liên quan đến việc giúp con người xem mình là chân ngã, Đấng Tư Tưởng, Đấng sử dụng hình tướng. Điều này cần được ghi nhớ cùng với nhiều quy chiếu nói đến Thất Tinh như những đấng ban phát manas.

88. Under the influence, the man, the man dissociates himself from devic influence and identification, and becomes increasingly the ‘Spiritual Observer’. He no longer thinks of himself as devic matter and form.

88. Dưới ảnh hưởng ấy, con người tự tách mình ra khỏi ảnh hưởng và sự đồng hoá với deva, và ngày càng trở thành ‘Nhà Quan Sát Tinh Thần’. Y không còn nghĩ mình là vật chất và hình tướng deva nữa.

Finally, **energy from the Monad begins to be responded to and he knows himself to be neither the man nor the angel, but a divine essence or Spirit**.

Sau cùng, **năng lượng từ chân thần bắt đầu được đáp ứng và y biết mình không phải là con người cũng không phải là thiên thần, mà là một tinh chất thiêng liêng hay tinh thần**.

89. This is the third step and is the objective of all those who approach the third and later initiations. Man must find himself as a Monad, as Spirit, and Essence, a *Being*.

89. Đây là bước thứ ba và là mục tiêu của tất cả những ai tiến gần đến lần điểm đạo thứ ba và các lần sau đó. Con người phải tìm thấy chính mình như một chân thần, như tinh thần, và tinh chất, một *Bản Thể*.

These three types of energy demonstrate during manifestation as Spirit, Soul, and Body,

Ba loại năng lượng này biểu hiện trong thời kỳ biểu hiện như Tinh thần, Linh hồn và Thể,

90. How do they demonstrate *outside* of manifestation? Obviously the three source energies which manifest as "Spirit, Soul and Body" exist even when body and soul no longer exist.

90. Chúng biểu hiện như thế nào *bên ngoài* sự biểu hiện? Hiển nhiên ba năng lượng nguồn biểu hiện thành "Tinh thần, Linh hồn và Thể" vẫn tồn tại ngay cả khi thân thể và linh hồn không còn hiện hữu nữa.

and through them the three aspects of the Godhead meet and converge in man, and lie latent in every atom.

và qua chúng, ba phương diện của Thượng đế gặp nhau và hội tụ trong con người, và tiềm ẩn trong mỗi nguyên tử.

91. Man is a reflection of the "Godhead". We notice that the word "head" is incorporated in the word "Godhead", suggesting that the "head" is the occult, first ray source of energy. Shamballa is the "Head Center" of our Planetary Logos as He manifests on the cosmic physical plane.

91. Con người là một phản chiếu của "Thượng đế tính". Chúng ta lưu ý rằng từ "đầu" được bao hàm trong từ "Thượng đế tính", gợi ý rằng "đầu" là nguồn năng lượng huyền bí, cung một. Shamballa là "Trung tâm Đầu" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta khi Ngài biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ.

92. The usual constellational sources corresponding to the three aspects of the Godhead are the Great Bear, Sirius/Little Bear and the Pleiades, but in the sections of text under discussion, the Pleiades are given the place usually occupied by Sirius.

92. Các nguồn chòm sao thông thường tương ứng với ba phương diện của Thượng đế tính là Đại Hùng Tinh, Sirius/Tiểu Hùng Tinh và Thất Tinh, nhưng trong các phần văn bản đang được bàn đến, Thất Tinh được đặt vào vị trí thường do Sirius chiếm giữ.

The sevenfold energy of the planes, and therefore of substance, finds its consummation when the four lower centres are fully active.

Năng lượng thất phân của các cõi, và do đó của chất liệu, đạt đến sự viên mãn khi bốn trung tâm thấp hoàn toàn hoạt động.

93. Presumably, we must include the splenic center which is sub-diaphragmatic and, so, related to the third aspect of divinity.

93. Có lẽ chúng ta phải bao gồm trung tâm lá lách, vốn ở dưới cơ hoành và vì thế liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

94. The planar energy, the devic energy is, thus, related to the lower quaternary.

94. Do đó, năng lượng cõi giới, năng lượng deva, liên hệ với bộ tứ thấp.

95. We remember that personality cycles manifest in fours and in sevens. The numbers, at least, are linked.

95. Chúng ta nhớ rằng các chu kỳ phàm ngã biểu hiện theo bộ bốn và bộ bảy. Ít nhất, các con số ấy có liên hệ với nhau.

96. The devas create the "square".

96. Các deva tạo ra "hình vuông".

The sevenfold energy of the psyche, the consciousness aspect, demonstrates when the three higher in the three worlds are vibrating with accuracy.

Năng lượng thất phân của tâm thể, phương diện tâm thức, biểu hiện khi ba trung tâm cao hơn trong ba cõi giới rung động một cách chính xác.

97. The psyche has a sevenfold energy.

97. Tâm thể có một năng lượng thất phân.

98. We remember that soul cycles manifest in sevens and in threes. The numbers are linked.

98. Chúng ta nhớ rằng các chu kỳ linh hồn biểu hiện theo bộ bảy và bộ ba. Các con số ấy có liên hệ với nhau.

99. By the "three higher" is probably meant the three higher centers as they appear on the three planes—the etheric plane, the 'etheric' levels of the astral body and the higher mental plane (which are, except for the fourth subplane) the 'etheric' levels of the mental plane.

99. "Ba trung tâm cao hơn" có lẽ có nghĩa là ba trung tâm cao hơn như chúng xuất hiện trên ba cõi—cõi dĩ thái, các cấp độ 'dĩ thái' của thể cảm dục, và cõi thượng trí (vốn, ngoại trừ cõi phụ thứ tư, là các cấp độ 'dĩ thái' của cõi trí).

100. The psyche is the consciousness aspect which is related to the Seven Ways of Light. Rayology is related to the second ray just as astrology is related to the third.

100. Tâm thể là phương diện tâm thức liên hệ với Bảy Con Đường Ánh Sáng. Cung học liên hệ với cung hai cũng như chiêm tinh học liên hệ với cung ba.

101. On the soul level the seven rays represent seven aspects of consciousness.

101. Ở cấp độ linh hồn, bảy cung tượng trưng cho bảy phương diện của tâm thức.

102. DK seems to be talking about an alignment between the head, heart and throat centers as found on the etheric plane and the astral plane, and the three tiers of petals as found on the higher mental plane. (Note that only four chakras, the lower ones, are found on the lower four subplanes of the mental plane.)

102. Chân sư DK dường như đang nói về một sự chỉnh hợp giữa các trung tâm đầu, tim và cổ họng như được tìm thấy trên cõi dĩ thái và cõi cảm dục, và ba tầng cánh hoa như được tìm thấy trên cõi thượng trí. (Lưu ý rằng chỉ có bốn luân xa, tức các luân xa thấp hơn, được tìm thấy trên bốn cõi phụ thấp của cõi trí.)

103. We can wonder whether the ajna center is to be included as a separate center or whether it is to be considered as an aspect of the head center—as if all the many centers in and above the head are really *one center.*

103. Chúng ta có thể tự hỏi liệu trung tâm ajna có được bao gồm như một trung tâm riêng biệt hay không, hay nó phải được xem như một phương diện của trung tâm đầu—như thể tất cả nhiều trung tâm trong và trên đầu thực sự là *một trung tâm.*

The sevenfold activity of spirit

Hoạt động thất phân của tinh thần

104. It is interesting and important that Spirit is considered not only threefold but *sevenfold.* There are “Seven Spirits of Darkness” and seven types of Monads.

104. Thật thú vị và quan trọng khi Tinh thần được xem không chỉ là tam phân mà còn *thất phân.* Có “Bảy Thánh Linh của Bóng Tối” và bảy loại chân thần.

makes itself felt when each of these seven centres is not only fully active but is rotating as **"wheels turning upon themselves," when they are fourth dimensional**

tự làm cho mình được cảm nhận khi mỗi một trong bảy trung tâm này không những hoàn toàn hoạt động mà còn đang quay như **"những bánh xe tự quay trên chính mình," khi chúng có tính bốn chiều**

105. This happens sequentially at each of the initiations—the fourth dimensionality of the etheric centers occurring at the first initiation; the fourth dimensionality of the astral centers occurring at the second and, for the mental centers, at the third.

105. Điều này xảy ra tuần tự ở mỗi lần điểm đạo—tính bốn chiều của các trung tâm dĩ thái xảy ra ở lần điểm đạo thứ nhất; tính bốn chiều của các trung tâm cảm dục xảy ra ở lần điểm đạo thứ hai; và đối với các trung tâm trí tuệ, ở lần điểm đạo thứ ba.

106. What is here said suggests that the sevenfold Spirit is involved even in the earlier phases of the initiatory process. We

106. Điều được nói ở đây gợi ý rằng Tinh thần thất phân có liên quan ngay cả trong những giai đoạn sớm hơn của tiến trình

do know that from the time of the first initiation, the Monad makes a contact with the soul on the higher mental plane though the personality does not register this contact.

điểm đạo. Chúng ta biết rằng từ thời điểm lần điểm đạo thứ nhất, chân thần tạo một tiếp xúc với linh hồn trên cõi thượng trí dù phàm ngã không ghi nhận tiếp xúc này.

107. The manner in which the Spirit is sevenfold must be pondered just as the sevenfold psyche must be pondered.

107. Cách thức mà Tinh thần là thất phân phải được suy gẫm cũng như tâm thể thất phân phải được suy gẫm.

108. In one sense, Spirit is sevenfold because it expresses through seven principles.

108. Theo một nghĩa nào đó, Tinh thần là thất phân vì nó biểu hiện qua bảy nguyên khí.

and are not only individually alive but are all linked up with the **sevenfold head centre.**

và không những sống động một cách riêng lẻ mà còn đều được nối kết với **trung tâm đầu thất phân.**

109. Which of the head centers is sevenfold, or is DK speaking of what are called the "greater seven"—the higher correspondences to most of the normal chakric system.

109. Trung tâm đầu nào là thất phân, hay Chân sư DK đang nói về cái được gọi là "bảy lớn hơn"—những đối phần cao hơn của phần lớn hệ thống luân xa thông thường.

110. We are given a picture in which each of the chakras in the etheric body is turning on itself, rotating fourth dimensionally and is linked up with one aspect of the sevenfold head center, presumably with one of the "greater seven".

110. Chúng ta được trao cho một bức tranh trong đó mỗi luân xa trong thể dĩ thái đều tự quay trên chính nó, quay theo chiều thứ tư và được nối kết với một phương diện của trung tâm đầu thất phân, có lẽ là với một trong "bảy lớn hơn".

111. We know that there are seven superior head centers which stand as the "greater seven" to the "lesser seven". What is not clear at this point is whether these seven are to be considered as *within* the head or *above* the head.

111. Chúng ta biết rằng có bảy trung tâm đầu cao hơn đứng như "bảy lớn hơn" đối với "bảy nhỏ hơn". Điều chưa rõ ở điểm này là liệu bảy trung tâm ấy phải được xem là ở *trong* đầu hay *trên* đầu.

112. This leads to the question of whether the entire crown chakra can, in some sense, be considered sevenfold?

112. Điều này dẫn đến câu hỏi liệu toàn bộ luân xa vương miện có thể, theo một nghĩa nào đó, được xem là thất phân hay không?

A man is then seen as he is truly—**a network of fire with flaming focal points, transmitting and circulating fiery energy**.

Con người khi ấy được thấy đúng như y thật sự là—**một mạng lưới lửa với những tiêu điểm rực cháy, truyền dẫn và lưu chuyển năng lượng lửa**.

113. Some modern spiritual artists have given us this image in a very compelling way.

113. Một số nghệ sĩ tinh thần hiện đại đã trao cho chúng ta hình ảnh này theo một cách rất mạnh mẽ.

114. Our usual conception of the human form recedes into the background and man is seen as a dynamic pattern of energy-flows or streams.

114. Quan niệm thông thường của chúng ta về hình thể con người lùi vào hậu cảnh và con người được thấy như một mô hình động của các dòng hay luồng năng lượng.

115. It behooves us to think of man in these terms. This would help to dispel the habitual materialism of our consciousness.

115. Chúng ta cần nghĩ về con người theo những thuật ngữ này. Điều đó sẽ giúp làm tiêu tan chủ nghĩa duy vật quen thuộc trong tâm thức của chúng ta.

These centres not only receive the energy through the top of the head, **or through a point slightly above the top of the head, to be more accurate,** but pass it out through the head centre likewise, **that which is being passed out being seen as differing in colour, being brighter and vibrating more rapidly than that which is being received**.

Các trung tâm này không những tiếp nhận năng lượng qua đỉnh đầu, **hay qua một điểm hơi ở trên đỉnh đầu, nói cho chính xác hơn,** mà cũng truyền nó ra qua trung tâm đầu theo cùng cách ấy, **điều được truyền ra được thấy là khác về màu sắc, sáng hơn và rung động nhanh hơn điều đang được tiếp nhận**.

116. Here again we have an important piece of occultism. DK is identifying a point which some call the "soul star". It is a point of energy reception *and* transmission.

116. Ở đây một lần nữa chúng ta có một mẩu huyền bí học quan trọng. Chân sư DK đang xác định một điểm mà một số người gọi là "sao linh hồn". Đó là một điểm tiếp nhận năng lượng *và* truyền dẫn.

117. We see that circulation through the centers of man intensifies the energy received from the point slightly above the top of the head.

117. Chúng ta thấy rằng sự lưu chuyển qua các trung tâm của con người làm tăng cường năng lượng tiếp nhận từ điểm hơi ở trên đỉnh đầu.

118. What will be this color difference. Will the color passed out carry the color of the ray of the personality? Will the color received reflect the color of the Spirit or that of the soul or both? We are in a section of text which is dealing with the sevenfold activity of Spirit.

118. Sự khác biệt màu sắc này sẽ là gì? Màu được truyền ra có mang màu của cung phàm ngã không? Màu được tiếp nhận có phản ánh màu của Tinh thần hay của linh hồn hay cả hai? Chúng ta đang ở trong một phần văn bản bàn về hoạt động thất phân của Tinh thần.

The etheric body is formed of a negative aspect of fire, and is the recipient of a positive fire.

Thể dĩ thái được tạo thành từ một phương diện âm của lửa, và là kẻ tiếp nhận một lửa dương.

119. The etheric body is a receptacle. We can consider that prana, per se, is *positive* to the aspect of fire of which the etheric body is constructed.

119. Thể dĩ thái là một vật chứa. Chúng ta có thể xem rằng prana, chính nó, là *dương* đối với phương diện lửa mà từ đó thể dĩ thái được cấu tạo.

As the various types of fire blend, merge, and circulate, they gain therebyand produce definite effects in the fires of the microcosmic system. [Page1159]

Khi các loại lửa khác nhau dung hợp, hòa trộn và lưu chuyển, nhờ đó chúng tăng thêmvà tạo ra những hiệu quả xác định trong các ngọn lửa của hệ thống tiểu thiên địa. [Page1159]

120. Various kinds of fire circulate through the vessel of the etheric body formed of a negative aspect of fire.

120. Các loại lửa khác nhau lưu chuyển qua bình chứa của thể dĩ thái được tạo thành từ một phương diện âm của lửa.

The centre at the base of the spine (the lowest with which man has consciously to deal)

Trung tâm ở đáy cột sống (trung tâm thấp nhất mà con người phải đề cập đến một cách hữu thức)

121. So there may be still lower centers with which man is in touch only unconsciously?

121. Vậy có thể còn những trung tâm thấp hơn nữa mà con người chỉ tiếp xúc với chúng một cách vô thức chăng?

is one of a peculiar interest, owing to its being the originating centre for three long streams of energy which pass up and down the spinal column.

là một trung tâm đặc biệt đáng quan tâm, do nó là trung tâm khởi nguyên cho ba dòng năng lượng dài đi lên và đi xuống cột sống.

122. We are given a further piece of information about the kundalini energy.

122. Chúng ta được cung cấp thêm một mẩu thông tin về năng lượng kundalini. Người ta

One wonders whether these three streams of energy can be *long* before the purification process has occurred.

tự hỏi liệu ba dòng năng lượng này có thể *dài* trước khi tiến trình thanh lọc xảy ra hay không.

This **triple stream of force** has most interesting correspondences which can be worked out by the intuitive student.

Dòng mãnh lực tam phân này**dòng mãnh lực tam phân** có những tương ứng rất thú vị mà đạo sinh trực giác có thể khai triển.

123. Presumably those correspondences involve the three energy threads which traverse the mental plane and unite the lower triad to the higher triad.

123. Có lẽ những tương ứng ấy liên quan đến ba sợi dây năng lượng đi xuyên cõi trí và hợp nhất tam nguyên thấp với tam nguyên cao.

124. We note that DK calls it a "triple stream of force" and not a triple stream of energy.

124. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK gọi đó là một "dòng mãnh lực tam phân" chứ không phải một dòng năng lượng tam phân.

Some hints may here be given. This channel of threefold energy has itself three points of **supreme** interest, which (to word it so as to convey sense to the interested) may be regarded as:

Ở đây có thể đưa ra vài gợi ý. Kênh năng lượng tam phân này tự nó có ba điểm đáng quan tâm **tối thượng**, mà (nói theo cách để truyền đạt ý nghĩa cho người quan tâm) có thể được xem là:

1. The basic centre at the extreme lowest point of the spine.

1. Trung tâm căn bản ở điểm thấp tận cùng của cột sống.

2. The alta major centre at the top of the spine.

2. Trung tâm alta major ở đỉnh cột sống.

3. **The supreme head centre**.

3. **Trung tâm đầu tối thượng**.

125. DK seems to be telling us that the triple stream either originates from, passes through or terminates in one or other of these three centers.

125. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng dòng tam phân ấy hoặc khởi nguồn từ, hoặc đi qua, hoặc chấm dứt ở một trong ba trung tâm này.

126. We note that DK says of the alta major center that it is at the "top of the spine" and not at the 'bottom of the skull'. Yet for all that, it can be considered as a center found in relation to the head.

126. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói về trung tâm alta major rằng nó ở "đỉnh cột sống" chứ không ở 'đáy hộp sọ'. Tuy vậy, nó vẫn có thể được xem là một trung tâm được tìm thấy trong liên hệ với đầu.

127. When DK uses the term *supreme* head center He is hinting that there are centers other than the alta major center which are *not* supreme. Perhaps there are many. The head is the macrocosm of the remainder of the body and can be expected to have one center found within it or in its vicinity correlated with each of the other centers.

127. Khi Chân sư DK dùng thuật ngữ trung tâm đầu *tối thượng* Ngài đang gợi ý rằng có những trung tâm khác ngoài trung tâm alta major mà *không* phải là tối thượng. Có lẽ có nhiều trung tâm như thế. Đầu là đại thiên địa của phần còn lại của thể và có thể được kỳ vọng có một trung tâm nằm trong nó hay gần nó tương quan với mỗi trung tâm khác.

128. One wonders if there is a hint in the word "supreme" indicating the acme of the highest of all centers. We note that the word "supreme" is used twice in the section of text above.

128. Người ta tự hỏi liệu có một gợi ý nào trong từ "tối thượng" chỉ đỉnh cao của trung tâm cao nhất trong mọi trung tâm hay không. Chúng ta lưu ý rằng từ "tối thượng" được dùng hai lần trong phần văn bản trên.

129. One further wonders why the terms "extreme" and "supreme" are featured in this paragraph.

129. Người ta còn tự hỏi thêm vì sao các từ "tận cùng" và "tối thượng" lại được nhấn mạnh trong đoạn này.

It is, therefore, a miniature picture of the whole evolution of spirit and matter for,

Do đó, nó là một bức tranh thu nhỏ của toàn bộ sự tiến hoá của tinh thần và vật chất vì,

1. The lowest centre corresponds to the personality,

1. Trung tâm thấp nhất tương ứng với phàm ngã,

2. The middle centre to the Ego, or the Thinker,

2. Trung tâm giữa tương ứng với chân ngã, hay Đấng Tư Tưởng,

3. The supreme head centre to the Monad.

3. Trung tâm đầu tối thượng tương ứng với chân thần.

130. So the base of the spine center with its four petals corresponds to the fourfold personality. The alta major center (and this is interesting) corresponds to the Ego or Thinker. Usually, it has a third aspect association. The "supreme head centre" predictably corresponds to the Monad.

130. Vậy trung tâm đáy cột sống với bốn cánh hoa của nó tương ứng với phàm ngã tứ phân. Trung tâm alta major (và điều này thật thú vị) tương ứng với chân ngã hay Đấng Tư Tưởng. Thông thường, nó có một liên hệ với phương diện thứ ba. "Trung tâm đầu tối thượng" như có thể dự đoán tương ứng với chân thần.

131. We have noticed that the ajna center has, at various points of evolution, a

131. Chúng ta đã lưu ý rằng trung tâm ajna, ở những điểm tiến hoá khác nhau, có một

correspondence with the first, second and third rays. We now note that the alta major center has a correspondence with at least the third and second aspects.

tương ứng với cung một, cung hai và cung ba. Giờ đây chúng ta lưu ý rằng trung tâm alta major có một tương ứng với ít nhất phương diện thứ ba và thứ hai.

In the evolution of the fires of the spine, we have a **correspondence to the sutratma** with its **three points of interest, the monadic auric egg, its emitting point, the egoic auric egg, the medial point, and the body or gross form, its lowest point**.

Trong sự tiến hoá của các ngọn lửa nơi cột sống, chúng ta có một **tương ứng với sutratma** với **ba điểm đáng quan tâm của nó, noãn hào quang chân thần, điểm phát xạ của nó, noãn hào quang chân ngã, điểm trung gian, và thể hay hình tướng thô nặng, điểm thấp nhất của nó**.

132. Here is another fitting correspondence —three fires of the spine are a correspondence to the sutratma (or life thread, which could be conceived as containing the two other threads—the creative thread and the consciousness thread).

132. Đây là một tương ứng thích hợp khác— ba ngọn lửa của cột sống là một tương ứng với sutratma (hay sợi dây sự sống, có thể được quan niệm là chứa hai sợi dây kia—sợi dây sáng tạo và sợi dây tâm thức).

133. We learn, that for practical purposes, the monadic auric egg is considered the "emitting point" of the sutratma. The sutratma passes through the egoic auric egg as a medial point and, fittingly, the body or gross form is the lowest point.

133. Chúng ta học được rằng, cho các mục đích thực tiễn, noãn hào quang chân thần được xem là "điểm phát xạ" của sutratma. Sutratma đi qua noãn hào quang chân ngã như một điểm trung gian, và một cách thích hợp, thể hay hình tướng thô nặng là điểm thấp nhất.

134. Of course, from a superhuman perspective, there is much more to the sutratma than its origin within the monadic auric egg; the Universal Sutratma connects all living B/beings in cosmos.

134. Dĩ nhiên, từ một viễn tượng siêu nhân loại, sutratma còn nhiều hơn rất nhiều so với nguồn gốc của nó bên trong noãn hào quang chân thần; Sutratma Vũ Trụ nối kết mọi B/bản thể sống trong vũ trụ.

Another hint of interest lies in the fact that **there exist between these spinal centres, certain gaps** (if I may so express it) which have (in the course of evolution) to be bridged by the energetic action of the rapidly growing vibration of the force unit.

Một gợi ý thú vị khác nằm ở sự kiện rằng **giữa các trung tâm cột sống này có những khoảng trống nhất định** (nếu tôi có thể diễn đạt như vậy), mà (trong tiến trình tiến hoá) phải được bắt cầu bằng tác động năng động của rung động đang tăng trưởng nhanh chóng của đơn vị lực.

135. These “gaps” are an example of hermetic sealing. They prevent the premature mixing and blending of energies.

135. Những “khoảng trống” này là một ví dụ về sự niêm phong huyền môn. Chúng ngăn cản sự pha trộn và dung hợp các năng lượng một cách non sớm.

136. The entire integrative process, humanly considered, is intended to overcome various gaps between energies and gaps between aspects of consciousness. Premature mixing will lead to confusion, disorganization and disintegration.

136. Toàn bộ tiến trình tích hợp, xét theo phương diện con người, nhằm vượt qua các khoảng trống khác nhau giữa các năng lượng và các khoảng trống giữa các phương diện của tâm thức. Sự pha trộn non sớm sẽ dẫn đến hỗn loạn, vô tổ chức và tan rã.

Between the triple energy of the spinal column and the alta major centre, there is a hiatus,

Giữa năng lượng tam phân của cột sống và trung tâm alta major có một khoảng gián cách,

137. The alta major center may be at the top of the spinal column, but this reference seems to locate it at the base of the skull towards which the energy rising in the spinal column must reach.

137. Trung tâm alta major có thể ở đỉnh cột sống, nhưng chỗ nói này dường như đặt nó ở đáy sọ, là nơi mà năng lượng dâng lên trong cột sống phải vươn tới.

just as **there exists that which must be bridged between the triple lower man and the egoic body**,

cũng như **có một điều phải được bắt cầu giữa phàm ngã tam phân và thể chân ngã**,

138. This is a hiatus which is not so often considered as the one existing between the mental unit and the manasic permanent atom.

138. Đây là một khoảng gián cách không thường được xét đến bằng khoảng gián cách hiện hữu giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas.

139. This hiatus (between the lower man and the egoic body) is represented on charts by the dotted line separating the lower and higher mental planes.

139. Khoảng gián cách này (giữa phàm nhân và thể chân ngã) được biểu thị trên các biểu đồ bằng đường chấm phân cách cõi hạ trí và Cõi thượng trí.

140. The presence of this hiatus accounts for the fact that the aspiring man cannot (immediately) achieve soul consciousness by desiring and willing to do so.

140. Sự hiện diện của khoảng gián cách này giải thích vì sao người chí nguyện không thể (ngay lập tức) đạt được tâm thức linh hồn chỉ bằng cách mong muốn và quyết chí làm như vậy.

or between the mental unit on the fourth subplane of the mental plane and the solar Angel on the third subplane.

141. This is another way of expressing the same "gap". The mental unit is part of man's personality and is the center around which he integrates his personality. The Solar Angel focuses either on the third subplane or the second and these two spheres of activity (lower mental and higher mental) are, at first, not interpenetrating. At least we should say that the lower man cannot with facility embrace the sphere of activity of the Solar Angel, though the Solar Angel has already, long ago, stimulated the mental unit and can be aware of the content of mind of the lower man.

Though we are told that the permanent atomic triad is enclosed in the [Page 1160] causal periphery, nevertheless, from the standpoint of consciousness there is that which must be bridged.

142. It is important to realize that the "permanent atomic triad" is, indeed, enclosed within the causal periphery. This is an energic *fact*— though it is not initially a *fact in consciousness* for the man focussed in his personality consciousness.

143. Thus we see that the fact of enclosure does not guarantee facile communication between that which is enclosed and that which has enclosed it.

Again, between the alta major centre and the supreme head centre, exists another gulf—a correspondence to the gulf found between the plane of the Ego and the

hoặc giữa đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí và Thái dương Thiên Thần trên cõi phụ thứ ba.

141. Đây là một cách khác để diễn đạt cùng một "khoảng trống". Đơn vị hạ trí là một phần của phàm ngã con người và là trung tâm quanh đó y tích hợp phàm ngã của mình. Thái dương Thiên Thần tập trung hoặc trên cõi phụ thứ ba hoặc thứ hai, và hai khối cầu hoạt động này (hạ trí và thượng trí) lúc đầu không xuyên nhập lẫn nhau. Ít nhất chúng ta nên nói rằng phàm nhân không thể dễ dàng bao quát khối cầu hoạt động của Thái dương Thiên Thần, mặc dù Thái dương Thiên Thần từ lâu đã kích thích đơn vị hạ trí và có thể nhận biết nội dung trí tuệ của phàm nhân.

Mặc dù chúng ta được cho biết rằng tam nguyên nguyên tử trường tồn được bao bọc trong [Page 1160] chu vi nhân thể, tuy nhiên, từ quan điểm của tâm thức vẫn có điều phải được bắt cầu.

142. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng "tam nguyên nguyên tử trường tồn" quả thực được bao bọc bên trong chu vi nhân thể. Đây là một *sự kiện*— xét về năng lượng, dù ban đầu nó không phải là một *sự kiện trong tâm thức* đối với người tập trung trong tâm thức phàm ngã của mình.

143. Như vậy chúng ta thấy rằng sự kiện được bao bọc không bảo đảm sự giao thông dễ dàng giữa cái được bao bọc và cái đã bao bọc nó.

Một lần nữa, giữa trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao lại có một vực ngăn khác—một tương ứng với vực ngăn được tìm thấy giữa cõi của chân ngã và điểm

lowest point of the Triad, the manasic permanent atom.

144. This is a *most* important statement. We now see **why the circulation between the three major centers related to the head is not readily accomplished**. The gap between the alta major center and the supreme head center is like the gap existing between humanity and Shamballa.

145. One wonders then—if the alta major center is to be associated with the Ego (as here and heretofore stated), then is the fourfold ajna center to be associated with the fourfold mental unit? The numbering is correct. Usually within this triangle associated with the head, the ajna center represents the second aspect of divinity and the alta major center the third aspect, but there seems to be a reversal in this presentation.

146. In TCF, Chart IX, 823, we see that the antahkarana is threefold. There is a relationship existing between the mental unit and the egoic lotus; there is a relationship existing between the mental unit and the manasic permanent atom; there is also another relationship existing between the egoic lotus and the manasic permanent atom. This last relationship is the one we are discussing in the section of text immediately above.

147. There is no question but that the gulf between the Ego and the manasic permanent atom must be bridged and when it is, the gulf, in the head, between the alta major center and the supreme head center will also be bridged. To bridge the gulf between the Ego and the manasic permanent atom is to bridge the gulf

thấp nhất của Tam nguyên tinh thần, tức nguyên tử trường tồn manas.

144. Đây là một phát biểu *hết sức* quan trọng. Giờ đây chúng ta thấy **vì sao sự tuần hoàn giữa ba trung tâm chính liên hệ với đầu không dễ dàng được hoàn thành**. Khoảng trống giữa trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao giống như khoảng trống hiện hữu giữa nhân loại và Shamballa.

145. Khi ấy người ta tự hỏi—nếu trung tâm alta major được liên kết với chân ngã (như ở đây và trước đó đã nói), thì trung tâm ajna tứ phân có được liên kết với đơn vị hạ trí tứ phân chăng? Cách đánh số là đúng. Thông thường trong tam giác liên hệ với đầu này, trung tâm ajna biểu thị phương diện thứ hai của thiên tính và trung tâm alta major biểu thị phương diện thứ ba, nhưng dường như có một sự đảo ngược trong cách trình bày này.

146. Trong Luận về Lửa Vũ Trụ, Biểu đồ IX, trang 823, chúng ta thấy antahkarana là tam phân. Có một mối liên hệ hiện hữu giữa đơn vị hạ trí và Hoa Sen Chân Ngã; có một mối liên hệ hiện hữu giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas; cũng có một mối liên hệ khác hiện hữu giữa Hoa Sen Chân Ngã và nguyên tử trường tồn manas. Mối liên hệ sau cùng này là điều chúng ta đang bàn đến trong phần văn bản ngay bên trên.

147. Không còn nghi ngờ gì rằng vực ngăn giữa chân ngã và nguyên tử trường tồn manas phải được bắt cầu, và khi điều đó xảy ra, vực ngăn trong đầu, giữa trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao, cũng sẽ được bắt cầu. Bắt cầu vực ngăn giữa chân ngã và nguyên tử trường tồn manas là bắt cầu vực ngăn giữa chân ngã trên Cõi thượng trí và Tam Nguyên Tinh Thần.

between the Ego on the higher mental plane and the spiritual triad.

148. The threefold antahkarana as shown on TCF, 823, will be completed in satisfactory measure at the third initiation.

148. Antahkarana tam phân như được trình bày trong Luận về Lửa Vũ Trụ, trang 823, sẽ được hoàn tất ở mức thỏa đáng vào lần điểm đạo thứ ba.

149. Note this piece of information because it is indispensable for understanding the circulation of energy within the major triangle associated with the head.

149. Hãy lưu ý mẩu thông tin này vì nó không thể thiếu để hiểu sự tuần hoàn năng lượng bên trong tam giác chính liên hệ với đầu.

When man has constructed the antaskarana (which he does during the final stages of his evolution in the three worlds) that gulf is bridged and the Monad and the Ego are closely linked.

Khi con người đã xây dựng antaskarana (điều mà y thực hiện trong các giai đoạn cuối của tiến hoá của mình trong ba cõi giới), thì vực ngăn ấy được bắt cầu và chân thần cùng chân ngã được liên kết chặt chẽ.

150. The Monad is linked to the Ego via the spiritual triad but also directly from the “Monadic Jewel" to the "Jewel in the Lotus" within the Ego.

150. Chân thần được liên kết với chân ngã qua Tam Nguyên Tinh Thần, nhưng cũng trực tiếp từ “Bảo Châu Chân Thần” đến “Bảo Châu trong Hoa Sen” bên trong chân ngã.

151. From one point of view the alta major center is the symbol of the personality and the relationship between the supreme head center and the alta major center is like the relationship in astrology between the Sun-sign (alta major center) and the point opposite the Sun-sign—the supreme head center.

151. Từ một quan điểm, trung tâm alta major là biểu tượng của phàm ngã, và mối liên hệ giữa trung tâm đầu tối cao và trung tâm alta major giống như mối liên hệ trong chiêm tinh học giữa dấu hiệu Mặt Trời (trung tâm alta major) và điểm đối diện với dấu hiệu Mặt Trời—trung tâm đầu tối cao.

152. All this tells us that as we work to link the mental unit via the antahkarana to the manasic permanent atom, thus relating the lower and higher triads, we are linking the Monad with the personality and are facilitating the linkage not only of the mental unit with the spiritual triad, but of the Ego with the manasic permanent atom (and, hence, with the lower point of the spiritual triad)!

152. Tất cả điều này cho chúng ta biết rằng khi chúng ta làm việc để liên kết đơn vị hạ trí qua antahkarana với nguyên tử trường tồn manas, nhờ đó liên hệ tam nguyên thấp với Tam Nguyên Tinh Thần, thì chúng ta đang liên kết chân thần với phàm ngã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự liên kết không chỉ của đơn vị hạ trí với Tam Nguyên Tinh Thần, mà còn của chân ngã với nguyên tử trường

tồn manas (và do đó với điểm thấp của Tam Nguyên Tinh Thần)!

153. DK is also hinting that at the third initiation when the antahkarana is completed (in its first phase, that is) the Monad, the Ego and personality are also linked.

153. Chân sư DK cũng đang gợi ý rằng vào lần điểm đạo thứ ba, khi antahkarana được hoàn tất (nghĩa là trong giai đoạn đầu tiên của nó), chân thần, chân ngã và phàm ngã cũng được liên kết.

When man is **polarised in his mental body**, he begins to bridge the antaskarana.

Khi con người **phân cực trong thể trí của mình**, y bắt đầu bắt cầu antaskarana.

154. Is the achievement of "mental polarization" the same as becoming "polarised in his mental body"? If so, this means that the bridging process known as building the antahkarana can only occur truly after the second initiation, because mental polarization only occurs midway between the second and third initiations.

154. Thành tựu "sự phân cực trí tuệ" có phải cũng là trở nên "phân cực trong thể trí của mình" không? Nếu vậy, điều này có nghĩa là tiến trình bắt cầu được biết như việc xây dựng antahkarana chỉ thực sự có thể xảy ra sau lần điểm đạo thứ hai, bởi vì sự phân cực trí tuệ chỉ xảy ra ở điểm giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba.

155. Perhaps that moment which occurs between the second and third initiation should be called *full* or *complete* mental polarization.

155. Có lẽ khoảnh khắc xảy ra giữa lần điểm đạo thứ hai và thứ ba nên được gọi là sự phân cực trí tuệ *trọn vẹn* hay *hoàn toàn*.

When the **centre between the shoulder blades**, referred to earlier in this*Treatise* as the **manasic centre**,

Khi **trung tâm giữa hai bả vai**, được nói đến trước đây trong bộ *Luận* này như là **trung tâm manas**,

156. We must note that the form of words "manasic centre" is only used *once*— at this point in the text. (I am trying to find the previous reference which does not include the words "manasic centre")

156. Chúng ta phải lưu ý rằng dạng từ "trung tâm manas" chỉ được dùng *một lần*— ngay tại điểm này trong văn bản. (Tôi đang cố tìm chỗ nhắc trước đó mà không bao gồm các từ "trung tâm manas")

157. This "manasic centre" is clearly *not* the heart center. We could also wonder whether the "manasic center" is the same as the highest point in the pranic triangle located in the *lower* region between the shoulder blades. Whether or not it is the same as this highest point in the pranic triangle, we

157. "Trung tâm manas" này rõ ràng *không* phải là trung tâm tim. Chúng ta cũng có thể tự hỏi liệu "trung tâm manas" có phải là cùng một trung tâm với điểm cao nhất trong tam giác prana nằm ở vùng *thấp hơn* giữa hai bả vai hay không. Dù có hay không là cùng một điểm cao nhất trong tam giác

realize that it, too, is between the shoulder blades.

158. If we think about this carefully, we realize that there is a possibility of *three* centers between the shoulder blades:

a. The highest pranic center, at the lowest possible position between the shoulder blades

b. The heart center at the midway point between the shoulder blades

c. A “manasic center” which may be inferred to be still between the shoulder blades but in a position higher than the heart center.

is **vibrating forcefully**, then the alta major centre and the head centre, via the throat centre can be united.

159. It should be noted that the alta major center is placed in a higher position than the throat center. This is significant.

160. In the Fifth Ray Formula for uniting the man with the "Angel of the Presence", we have what may be another hint concerning this “manasic centre”:

“The light that radiates from the heart, the throat, **and from the centre which stands midway meet and merge.**” (EP II 47)

161. The fifth ray is a highly manasic ray and we are dealing with a “manasic centre” which may be found between the throat center and the heart center.

162. The following reference (very obscure) will have to be correlated:

prana này, chúng ta nhận ra rằng nó cũng nằm giữa hai bả vai.

158. Nếu suy nghĩ cẩn thận về điều này, chúng ta nhận ra rằng có khả năng có *ba* trung tâm giữa hai bả vai:

a. Trung tâm prana cao nhất, ở vị trí thấp nhất có thể giữa hai bả vai

b. Trung tâm tim ở điểm giữa giữa hai bả vai

c. Một “trung tâm manas” có thể được suy ra là vẫn nằm giữa hai bả vai nhưng ở vị trí cao hơn trung tâm tim.

đang **rung động mạnh mẽ**, thì trung tâm alta major và trung tâm đầu, qua trung tâm cổ họng, có thể được hợp nhất.

159. Cần lưu ý rằng trung tâm alta major được đặt ở vị trí cao hơn trung tâm cổ họng. Điều này có ý nghĩa.

160. Trong Công thức Cung năm để hợp nhất con người với “Thiên Thần của Hiện Diện”, chúng ta có điều có thể là một gợi ý khác liên quan đến “trung tâm manas” này:

“Ánh sáng phát ra từ tim, cổ họng, **và từ trung tâm đứng ở giữa gặp nhau và hòa nhập.**” (EP II 47)

161. Cung năm là một cung rất manas, và chúng ta đang bàn đến một “trung tâm manas” có thể được tìm thấy giữa trung tâm cổ họng và trung tâm tim.

162. Chỗ dẫn sau đây (rất tối nghĩa) sẽ phải được đối chiếu tương quan:

The significance of the four circles in the egoic lotus, and the eight circles of twelve petals each in the etheric lotuses on the mental plane is of great importance. (TCF 861)

Ý nghĩa của bốn vòng tròn trong Hoa Sen Chân Ngã, và tám vòng tròn mỗi vòng có mười hai cánh hoa trong các hoa sen dĩ thái trên cõi trí là điều hết sức quan trọng. (TCF 861)

163. In some systems of Laya Yoga, the alta major center is said to have 96 petals. 8 x 12 = 96. There may be a correlation between the alta major center and the eight circles of twelve petals each to be found on the mental plane.

163. Trong một số hệ thống Laya Yoga, trung tâm alta major được nói là có 96 cánh hoa. 8 x 12 = 96. Có thể có một sự tương quan giữa trung tâm alta major và tám vòng tròn mỗi vòng có mười hai cánh hoa được tìm thấy trên cõi trí.

164. We have still more hints.

164. Chúng ta còn có thêm nhiều gợi ý nữa.

165. The "center between the shoulder blades" is not the heart center. Our question: is it the highest point in the pranic triangle or a center still higher than the heart center and associated with the lungs. And does it have eight petals, suggesting the influence of Mercury?

165. "Trung tâm giữa hai bả vai" không phải là trung tâm tim. Câu hỏi của chúng ta là: nó có phải là điểm cao nhất trong tam giác prana hay là một trung tâm còn cao hơn trung tâm tim và liên hệ với phổi? Và nó có tám cánh hoa chăng, gợi ý ảnh hưởng của Sao Thủy?

166. We have an alignment between the center between the shoulder blades, the throat center, the alta major center and the supreme head center.

166. Chúng ta có một sự chỉnh hợp giữa trung tâm giữa hai bả vai, trung tâm cổ họng, trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao.

167. We have a series of dependencies:

167. Chúng ta có một chuỗi các sự tùy thuộc:

a. The link between the Ego and the manasic permanent atom is dependent upon

a. Sự liên kết giữa chân ngã và nguyên tử trường tồn manas tùy thuộc vào

b. The link between the alta major center and the supreme head center, which is dependent upon…

b. Sự liên kết giữa trung tâm alta major và trung tâm đầu tối cao, mà điều này lại tùy thuộc vào…

c. A link of a certain intensity between the throat center and the alta major center, which is dependent upon…

c. Một sự liên kết có cường độ nhất định giữa trung tâm cổ họng và trung tâm alta major, mà điều này lại tùy thuộc vào…

d. The forceful vibration of the center between the shoulder blades—here called the "manasic centre".

d. Sự rung động mạnh mẽ của trung tâm giữa hai bả vai—ở đây được gọi là "trung tâm manas".

Man, when he reaches this stage, is a **creator in mental matter of a calibre different from the unconsciously working average man**.

Con người, khi đạt đến giai đoạn này, là một **đấng sáng tạo trong chất liệu trí tuệ với một tầm mức khác hẳn con người trung bình hoạt động một cách vô thức**.

168. Here we have the chakric formula for a mental creator

168. Ở đây chúng ta có công thức luân xa dành cho một đấng sáng tạo trí tuệ

He constructs in unison with the plan

Y kiến tạo trong sự đồng nhất với Thiên Cơ

169. The man obeys the following injunction: "The energy of thought is for the good of all and the furtherance of thee Plan of God. Use it not, therefore, for they selfish ends." (TWM 473)

169. Con người tuân theo mệnh lệnh sau đây: "Năng lượng của tư tưởng là vì lợi ích của tất cả và vì sự thúc đẩy Thiên Cơ của Thượng đế. Vì vậy, đừng dùng nó cho những mục đích ích kỷ của bạn." (TWM 473)

170. We remember that the Divine Plan is formulated on the atmic plane.

170. Chúng ta nhớ rằng Thiên Cơ được hoạch định trên cõi atma.

and the divine Manasaputra, the Son of Mind, will turn his attention from being a Son of Power in the three worlds

và Manasaputra thiêng liêng, Con của Trí Tuệ, sẽ chuyển sự chú ý của mình khỏi việc là một Con của Quyền năng trong ba cõi giới

171. Is DK speaking of the human being as an Ego (a Divine Manasaputra or Son of Mind) or is He speaking of a Solar Angel?

171. Chân sư DK đang nói về con người như một chân ngã (một Manasaputra Thiêng liêng hay Con của Trí Tuệ) hay Ngài đang nói về một Thái dương Thiên Thần?

172. The "Son of Mind" is a great *power* in the lower worlds. This power is meant to *dominate* all that transpires in the lower worlds.

172. "Con của Trí Tuệ" là một *quyền năng* lớn trong các cõi thấp. Quyền năng này được định để *chi phối* mọi điều diễn ra trong các cõi thấp.

and centre his attention in the Spiritual Triad, thus recapitulating on a higher turn

và tập trung sự chú ý của mình vào Tam Nguyên Tinh Thần, nhờ đó lặp lại, trên một

of the spiral, the work he earlier did as man.

173. If one thinks carefully about this, we have a very strange statement. We could be speaking of the reorientation of the Solar Angel, but then the Solar Angel *already is* polarized, minimally, within the spiritual triad and has no need to turn his attention thither. Perhaps, however, we are speaking of the time when the service-mission of the Solar Angel is completed, and it can refocus entirely upon the cosmic etheric planes without attending to the affairs of the human being in the three lower worlds which it has had under supervision.

174. This refocusing is followed at the point of the fourth initiation by the return of the Solar Angel to the Heart of the Sun or the Central Spiritual Sun.

175. So the question is: is the Divine Manasaputra or Son of Mind a *man* or a *Solar Angel?*

176. If a man, then we are speaking about a reorientation of the man from the fourth kingdom of nature into the fifth, which is accomplished by learning to build the antahkarana and center consciousness within the spiritual triad. A higher initiate can do this—an initiate of the third, fourth or fifth degree.

177. We see that if the earlier state was the state of "man", then the "Son of Mind" or "Divine Manasaputra" cannot be considered to be 'man-as-man', but rather the Jiva, who is the extension-into-matter of the Monad. This Jiva is that which, on the higher mental plane, can be considered the "Ego" in

vòng xoắn cao hơn, công việc mà trước đây y đã làm với tư cách con người.

173. Nếu suy nghĩ cẩn thận về điều này, chúng ta có một phát biểu rất lạ. Chúng ta có thể đang nói về sự tái định hướng của Thái dương Thiên Thần, nhưng khi ấy Thái dương Thiên Thần *đã* phân cực, ít nhất là tối thiểu, trong Tam Nguyên Tinh Thần và không cần phải chuyển sự chú ý của mình về đó. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta đang nói về thời điểm khi sứ mệnh phụng sự của Thái dương Thiên Thần được hoàn tất, và nó có thể tái tập trung hoàn toàn vào các cõi dĩ thái vũ trụ mà không còn phải lưu tâm đến các công việc của con người trong ba cõi thấp mà nó đã giám sát.

174. Sự tái tập trung này được tiếp nối, tại điểm của lần điểm đạo thứ tư, bằng sự trở về của Thái dương Thiên Thần vào Trái Tim Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

175. Vậy câu hỏi là: Manasaputra Thiêng liêng hay Con của Trí Tuệ là một *con người* hay một *Thái dương Thiên Thần?*

176. Nếu là một con người, thì chúng ta đang nói về sự tái định hướng của con người từ giới thứ tư của bản chất vào giới thứ năm, điều này được hoàn thành bằng cách học xây dựng antahkarana và tập trung tâm thức trong Tam Nguyên Tinh Thần. Một điểm đạo đồ cao cấp có thể làm được điều này—một điểm đạo đồ bậc ba, bốn hoặc năm.

177. Chúng ta thấy rằng nếu trạng thái trước đó là trạng thái của "con người", thì "Con của Trí Tuệ" hay "Manasaputra Thiêng liêng" không thể được xem là 'con người-với-tư-cách-con-người', mà đúng hơn là Jiva, tức sự mở rộng-vào-vật-chất của chân thần. Jiva này là điều mà trên Cõi thượng trí có thể

distinction from the Solar Angel or "returning Nirvani".

178. The true man *is* "mind-born" which is the meaning of Manasaputra. The Solar Angel is *also* "mind-born" but the Monad that sends it forth is more highly 'positioned' than is the Monad of man.

179. There is quite a distinction between 'man-as-Ego' and the 'Solar Angel-as-Ego'. Both are needed to make the Ego as it appears on the higher mental plane, but the Solar Angel is no longer needed to participate in the Ego when that Ego appears as the spiritual triad and, later, as the Monad.

This becomes possible when the growth of the triangle just above dealt with (**base of spine, alta major centre and throat**, as they unify in the head) is paralleled by another triplicity, the **solar plexus, the heart and the third eye**; the energy merging through them is similarly unified in the same head centre.

180. We are speaking of two unifications in the supreme head center:

a. The base of the spine, alta major center and throat center are unified in the supreme head center

b. The solar plexus, the heart center and third eye are also unified in the supreme head center.

c. We seem to be dealing with the merging of two 'lines'—a 'hard line' and a 'soft line'.

được xem là "chân ngã", phân biệt với Thái dương Thiên Thần hay "nirvani hồi quy".

178. Con người đích thực *là* "được sinh ra từ trí tuệ", đó là ý nghĩa của Manasaputra. Thái dương Thiên Thần *cũng* "được sinh ra từ trí tuệ", nhưng chân thần phát xuất nó có vị thế cao hơn chân thần của con người.

179. Có một sự phân biệt khá rõ giữa 'con người-với-tư-cách-chân-ngã' và 'Thái dương Thiên Thần-với-tư-cách-chân-ngã'. Cả hai đều cần thiết để tạo nên chân ngã như nó xuất hiện trên Cõi thượng trí, nhưng Thái dương Thiên Thần không còn cần thiết để tham dự vào chân ngã khi chân ngã ấy xuất hiện như Tam Nguyên Tinh Thần và về sau như chân thần.

Điều này trở nên khả hữu khi sự tăng trưởng của tam giác vừa được bàn ở trên (**đáy cột sống, trung tâm alta major và cổ họng**, khi chúng hợp nhất trong đầu) được song hành bởi một bộ ba khác, là **tùng thái dương, tim và con mắt thứ ba**; năng lượng dung hợp qua chúng cũng được hợp nhất tương tự trong cùng trung tâm đầu ấy.

180. Chúng ta đang nói đến hai sự hợp nhất trong trung tâm đầu tối cao:

a. Đáy cột sống, trung tâm alta major và trung tâm cổ họng được hợp nhất trong trung tâm đầu tối cao

b. Tùng thái dương, trung tâm tim và con mắt thứ ba cũng được hợp nhất trong trung tâm đầu tối cao.

c. Dường như chúng ta đang bàn đến sự dung hợp của hai 'đường'—một 'đường cứng' và một 'đường mềm'.

d. Let us tabulate the centers involved: base of the spine; solar plexus, heart center, throat center, alta major center, third cosmic ether, supreme head center. We note that the third eye is, in this enumeration, considered an *etheric center*: it is a magnetized area in the center of the etheric brain.

d. Chúng ta hãy lập bảng các trung tâm liên quan: đáy cột sống; tùng thái dương, trung tâm tim, trung tâm cổ họng, trung tâm alta major, dĩ thái vũ trụ thứ ba, trung tâm đầu tối cao. Chúng ta lưu ý rằng con mắt thứ ba, trong sự liệt kê này, được xem là một *trung tâm dĩ thái*: nó là một vùng bị từ hóa trong trung tâm của bộ não dĩ thái.

e. To be complete we must also include the "manasic centre", in which case eight centers will be involved in the alignment uniting the base of the spine center with the supreme head center.

e. Để đầy đủ, chúng ta cũng phải bao gồm "trung tâm manas", trong trường hợp ấy sẽ có tám trung tâm tham gia vào sự chỉnh hợp hợp nhất trung tâm đáy cột sống với trung tâm đầu tối cao.

f. If we included the "manasic centre" we would have seven merging into one making eight altogether.

f. Nếu chúng ta bao gồm "trung tâm manas" thì sẽ có bảy trung tâm dung nhập vào một, thành tám tất cả.

181. I think we can begin to sense the depth of the occultism here under discussion.

181. Tôi nghĩ chúng ta có thể bắt đầu cảm nhận được chiều sâu của huyền bí học đang được bàn đến ở đây.

S9S9 Part II

TCF 1160-1166

TCF 1160-1166

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

an entire paragraph and then study the Commentary

The third eye is an energy centre constructed by man; it is a correspondence to the energy centre, the causal body, constructed by the Monad.

1. This is a fascinating and important statement. The human being is not born with a third eye. During the processes of evolution he builds it. It is an evocation arising from the interplay of three energy-streams.

2. Likewise, the Monad does not come forth on its own plane with a causal body already constructed. By a deliberate act-of-will the causal body is constructed at a certain point in the monadic process. Are there, we might wonder, the correspondence for the Monad of the three energy-streams from which the third eye arises within man?

The alta major centre is **similarly constructed** by other streams of force and**corresponds interestingly to the triple form constructed by the ego in the three worlds**.

3. Are we to think that in the case of each type of construction *three* streams of force are involved?

4. This is certainly the case in relation to the formation of the third eye. We can conceive it to be so for the formation of the causal body.

5. DK is telling us that the alta major center is, in a way, threefold, and corresponds to the triple instrument of the soul in the three

Con mắt thứ ba là một trung tâm năng lượng do con người kiến tạo; nó là một tương ứng với trung tâm năng lượng, thể nguyên nhân, do chân thần kiến tạo.

1. Đây là một phát biểu hấp dẫn và quan trọng. Con người không sinh ra đã có con mắt thứ ba. Trong các tiến trình tiến hoá, y xây dựng nó. Nó là một sự gợi lên phát sinh từ sự tương tác của ba dòng năng lượng.

2. Tương tự như vậy, chân thần không xuất hiện trên cõi riêng của nó với một thể nguyên nhân đã được kiến tạo sẵn. Bằng một hành vi cố ý của ý chí, thể nguyên nhân được kiến tạo tại một điểm nhất định trong tiến trình chân thần. Chúng ta có thể tự hỏi liệu đối với chân thần có một tương ứng nào của ba dòng năng lượng mà từ đó con mắt thứ ba phát sinh trong con người hay không?

Trung tâm alta major cũng **được kiến tạo tương tự** bởi các dòng lực khác và**tương ứng một cách thú vị với hình thức tam phân do chân ngã kiến tạo trong ba cõi giới**.

3. Chúng ta có nên nghĩ rằng trong trường hợp của mỗi loại kiến tạo đều có *ba* dòng lực tham gia không?

4. Điều này chắc chắn đúng liên quan đến sự hình thành con mắt thứ ba. Chúng ta có thể hình dung rằng điều ấy cũng đúng đối với sự hình thành thể nguyên nhân.

5. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trung tâm alta major, theo một nghĩa nào đó, là tam phân, và tương ứng với công cụ

lower worlds. Is He giving us hints about the structure of the alta major center?

tam phân của linh hồn trong ba cõi thấp. Phải chăng Ngài đang cho chúng ta những gợi ý về cấu trúc của trung tâm alta major?

6. Ultimately, all chakras are constructed from energy-streams emanating from the Monad. Chakras are the presence of monadic influence and action within the various vehicles.

6. Rốt cuộc, mọi luân xa đều được kiến tạo từ các dòng năng lượng phát xuất từ chân thần. Các luân xa là sự hiện diện của ảnh hưởng và hoạt động chân thần trong các vận cụ khác nhau.

7. Here is the quotation which confirms this:

7. Đây là trích dẫn xác nhận điều này:

"The centres are formed entirely of streams of force, pouring down from the Ego, who transmits it from the Monad." (TCF 166)

"Các trung tâm được hình thành hoàn toàn từ các dòng lực, tuôn xuống từ chân ngã, là đấng truyền chúng từ chân thần." (TCF 166)

When this dual work has proceeded to a certain evolutionary point, **another triplicity becomes alive** within the [Page 1161] head itself as the result of these **dual streams of triple energy**. This triangle transmits fiery energy via the **pineal gland, the pituitary body and the alta major centre** and this reaches the head centre.

Khi công việc kép này đã tiến triển đến một điểm tiến hoá nhất định, **một bộ ba khác trở nên sống động** bên trong chính [Page 1161] đầu như là kết quả của các **dòng kép của năng lượng tam phân** này. Tam giác này truyền năng lượng hỏa qua **tuyến tùng, tuyến yên và trung tâm alta major** và năng lượng này đi đến trung tâm đầu.

8. Tremendous hints re consummatory process are here given:

8. Ở đây có những gợi ý to lớn về tiến trình hoàn tất:

9. We have three triangles involved. (Remember that this discussion began in the previous commentary: S9S9 Part I.) Let us tabulate them:

9. Chúng ta có ba tam giác liên quan. (Hãy nhớ rằng cuộc thảo luận này đã bắt đầu trong phần bình luận trước: S9S9 Phần I.) Chúng ta hãy lập bảng chúng:

a. Base of the spine, alta major center and throat center. (Why are they listed in this order, when the alta major center is 'above' the throat center)?

a. Đáy cột sống, trung tâm alta major và trung tâm cổ họng. (Vì sao chúng được liệt kê theo thứ tự này, khi trung tâm alta major ở 'trên' trung tâm cổ họng?)

b. Solar plexus, heart center and third eye

b. Tùng thái dương, trung tâm tim và con mắt thứ ba

c. And now, pineal gland, pituitary gland, and again, the alta major center. Could DK be referring more to the gland which corresponds to the alta major center?

c. Và bây giờ, tuyến tùng, tuyến yên, và một lần nữa, trung tâm alta major. Có thể Chân sư DK đang nói nhiều hơn về tuyến tương ứng với trung tâm alta major chăng?

d. Or since the alta major center is repeated, should there be an interpolation of the "manasic centre" between the base of the spine center and the throat center?

d. Hay vì trung tâm alta major được lặp lại, có nên có sự xen vào của "trung tâm manas" giữa trung tâm đáy cột sống và trung tâm cổ họng chăng?

In this way in these three triangles we have **nine streams of energy** converging and passing into the highest head lotus.

Theo cách này, trong ba tam giác này chúng ta có **chín dòng năng lượng** hội tụ và đi vào hoa sen đầu cao nhất.

10. One of the streams seem repeated, and this we have to solve—namely the stream of energy from the alta major center. However, if we consider that the carotid gland represents the alta major center, then this third triangle would be occurring not on an etheric level but between precipitations of etheric centers—namely the glands which represent those etheric centers.

10. Một trong các dòng dường như bị lặp lại, và đây là điều chúng ta phải giải quyết—cụ thể là dòng năng lượng từ trung tâm alta major. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem tuyến cảnh là đại diện cho trung tâm alta major, thì tam giác thứ ba này sẽ không xảy ra trên cấp độ dĩ thái mà giữa các sự ngưng tụ của các trung tâm dĩ thái—tức là các tuyến đại diện cho những trung tâm dĩ thái ấy.

11. But is it justified to exclude the centers corresponding, for instance, to the pineal gland and the pituitary body? These would be, respectively, at least part of the highest head center and the ajna center (which one would think, should not be excluded).

11. Nhưng liệu có chính đáng không khi loại trừ các trung tâm tương ứng chẳng hạn với tuyến tùng và tuyến yên? Theo thứ tự, các trung tâm này ít nhất sẽ là một phần của trung tâm đầu cao nhất và trung tâm ajna (mà người ta nghĩ rằng không nên bị loại trừ).

The correspondence to **certain macrocosmical forces** will here be apparent to all discerning students.

Sự tương ứng với **một số mãnh lực đại thiên địa** nhất định ở đây sẽ hiển nhiên đối với mọi đạo sinh có khả năng phân biện tinh thần.

12. We have only to consult Chart VI in TCF, 373, to see some probably important correspondences to this idea of nine merging into one.

12. Chúng ta chỉ cần tham khảo Biểu đồ VI trong TCF, trang 373, để thấy một số tương ứng có lẽ quan trọng với ý tưởng chín dung nhập vào một này.

13. We could also look for a correspondential threefold configuration by considering the relationship between three non-sacred planets, certain intermediary planets (which are sacred) and the three synthesizing planets. The numbers are close but do not work out exactly. Perhaps Mercury, in a special category (that of an intermediary?), must be excluded.

13. Chúng ta cũng có thể tìm một cấu hình tam phân tương ứng bằng cách xét mối liên hệ giữa ba hành tinh không thiêng liêng, một số hành tinh trung gian (là thiêng liêng) và ba hành tinh tổng hợp. Các con số gần đúng nhưng không khớp hoàn toàn. Có lẽ Sao Thủy, trong một loại đặc biệt (loại trung gian chăng?), phải được loại ra.

We have seen the close connection between the different centres and the gradually demonstrating effects to be noted as they are linked up and **eventually produce a synthetic circulatory system for egoic energy in conjunction with the energy of the lower man, which forms a kind of medium by which the egoic force makes itself felt**.

Chúng ta đã thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa các trung tâm khác nhau và những hiệu quả dần dần biểu lộ cần được ghi nhận khi chúng được liên kết với nhau và **cuối cùng tạo ra một hệ tuần hoàn tổng hợp cho năng lượng chân ngã kết hợp với năng lượng của phàm nhân, hệ này hình thành một loại môi giới nhờ đó lực chân ngã tự làm cho mình được cảm nhận**.

14. Within the lower man it is the linking of the centers in various triangles which produce that "synthetic circulatory system" which makes the circulation of egoic energy within the form possible. This circulating egoic energy conjoins the energy of the lower man. This conjoining can be thought of as the process of soul infusion.

14. Bên trong phàm nhân, chính sự liên kết các trung tâm trong những tam giác khác nhau tạo ra "hệ tuần hoàn tổng hợp" ấy, khiến cho sự tuần hoàn của năng lượng chân ngã trong hình tướng trở nên khả hữu. Năng lượng chân ngã tuần hoàn này kết hợp với năng lượng của phàm nhân. Sự kết hợp này có thể được xem như tiến trình được linh hồn thấm nhuần.

Macrocosmically, but little can be said which would prove intelligible to man at his present stage of evolution.

Xét theo đại thiên địa, chỉ có thể nói rất ít điều mà con người ở giai đoạn tiến hoá hiện nay của y có thể hiểu được.

15. Though Master DK makes valiant attempts…

15. Dù Chân sư DK có những nỗ lực dũng mãnh…

16. In this case, He would be speaking of the circulation of the solar logoic Ego through the triangles of energy between the various planets of our solar system.

16. Trong trường hợp này, Ngài sẽ nói về sự tuần hoàn của Chân ngã logoi thái dương qua các tam giác năng lượng giữa các hành tinh khác nhau trong hệ mặt trời của chúng ta.

17. Which planet, we might wonder, has a correspondence to the alta major center? It is possible to see relationship for Pluto, Earth and even Saturn. As has been stated numerous times throughout these commentaries, more than one planet can be seen as related to the same center. We have a situation of mutable function over time.

17. Chúng ta có thể tự hỏi hành tinh nào có sự tương ứng với trung tâm alta major? Có thể thấy mối liên hệ với Sao Diêm Vương, Trái Đất và cả Sao Thổ. Như đã được phát biểu nhiều lần xuyên suốt các phần bình luận này, có thể xem hơn một hành tinh là có liên hệ với cùng một trung tâm. Chúng ta có một tình huống trong đó chức năng biến đổi theo thời gian.

Some brief statements might, nevertheless, be given which (if pondered on and correlated with each other) may throw some light on planetary evolution and on the relation of the planetary Logoi to the solar Logos.

Tuy nhiên, có thể đưa ra một vài phát biểu ngắn, mà nếu được suy ngẫm và liên hệ với nhau, có thể soi sáng phần nào về tiến hoá hành tinh và về mối liên hệ của các Hành Tinh Thượng Đế với Thái dương Thượng đế.

18. We welcome the opportunity to expand our minds in this regard.

18. Chúng ta hoan nghênh cơ hội mở rộng trí tuệ của mình về phương diện này.

A solar Logos uses for His energy centres the planetary schemes, each of which embodies a peculiar type of energy, and each of which, therefore, **vibrates to the key of the logoic solar Angel, of which the human solar Angel is a dim reflection.**

Một Thái dương Thượng đế dùng các hệ hành tinh làm các trung tâm năng lượng của Ngài, mỗi hệ hành tinh hiện thân cho một loại năng lượng đặc thù, và vì thế, mỗi hệ hành tinh **rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoi, mà Thái dương Thiên Thần của con người chỉ là một phản ánh mờ nhạt.**

19. It is amazing to think that the Solar Logos 'has' a Solar Angel just as we do. And there must be great hosts of such tremendous Solar Angels who work in connection with Grand Heavenly Men just as far lesser Solar Angels work in connection with men. I have often speculated whether the Monads of such stupendous Solar Angels might not be located on the 'super-cosmic astral plane'.

19. Thật đáng kinh ngạc khi nghĩ rằng Thái dương Thượng đế cũng 'có' một Thái dương Thiên Thần giống như chúng ta. Và hẳn phải có những đạo quân vĩ đại của các Thái dương Thiên Thần to lớn như thế hoạt động liên hệ với các Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, cũng như các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn rất nhiều hoạt động liên hệ với con người. Tôi thường suy đoán liệu các chân thần của những Thái dương Thiên Thần kỳ vĩ như thế có thể không nằm trên 'cõi cảm dục siêu-vũ-trụ'.

20. If Sirius is the source of the Solar Angels which now serve humanity on this planet, is it also the source of the greater Solar Angels which inform the causal body of our Solar Logos, or is there a far greater source? Would such greater Solar Angels emanate from a source of greater importance than Sirius within the encompassing life of the "One About Whom Naught May Be Said"?

20. Nếu Sirius là nguồn của các Thái dương Thiên Thần hiện đang phụng sự nhân loại trên hành tinh này, thì liệu nó cũng là nguồn của các Thái dương Thiên Thần lớn hơn, những Đấng thấm nhuần thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế của chúng ta, hay còn có một nguồn còn vĩ đại hơn nữa? Liệu những Thái dương Thiên Thần lớn hơn như thế có phát xuất từ một nguồn quan trọng hơn Sirius trong sự sống bao trùm của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" chăng?

21. We have reaffirmed for us that the planetary schemes are to the Solar Logos as the chakras are to man.

21. Chúng ta lại được khẳng định rằng các hệ hành tinh đối với Thái dương Thượng đế cũng như các luân xa đối với con người.

22. It should be noted that the astral and mental chakras of a Solar Logos would relate to the astral and mental natures of the planetary schemes which serve as etheric chakras. In other words, if, for instance, the planetary scheme of Mars functions as the sacral center of the Solar Logos, then the astral nature of Mars would function as the astral sacral center and the mental nature of the Mars-scheme would function as the mental sacral center.

22. Cần lưu ý rằng các luân xa cảm dục và trí tuệ của một Thái dương Thượng đế sẽ liên hệ với các bản chất cảm dục và trí tuệ của các hệ hành tinh vốn phục vụ như các luân xa dĩ thái. Nói cách khác, chẳng hạn, nếu hệ hành tinh Sao Hỏa hoạt động như trung tâm xương cùng của Thái dương Thượng đế, thì bản chất cảm dục của Sao Hỏa sẽ hoạt động như trung tâm xương cùng cảm dục và bản chất trí tuệ của hệ Sao Hỏa sẽ hoạt động như trung tâm xương cùng trí tuệ.

23. It would be interesting to consider the different rays assigned to the different chakras in the energy system of man. If we analogize to the macrocosm—the solar system—could these different rays shed light upon different rays pouring through the various planetary schemes?

23. Sẽ rất thú vị nếu xem xét các cung khác nhau được gán cho các luân xa khác nhau trong hệ thống năng lượng của con người. Nếu chúng ta áp dụng phép loại suy vào đại thiên địa—hệ mặt trời—thì liệu các cung khác nhau này có thể soi sáng những cung khác nhau đang tuôn qua các hệ hành tinh khác nhau hay không?

24. The implications of DK's statement above are interesting. If each of the planetary schemes in our solar system vibrates to the key of the logoic Solar Angel, then, analogously, each of the chakras in the human being vibrate to the key of the lesser

24. Những hàm ý trong phát biểu trên của DK thật đáng chú ý. Nếu mỗi hệ hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta rung động theo chủ âm của Thái dương Thiên Thần logoi, thì theo phép tương tự, mỗi luân xa trong con người rung động theo chủ âm của

Solar Angel which supervises the development of the man in whom those chakras serve as energy centers. This would be the case regardless of the ray which is usually transmitted through or from a particular chakra.

vị tiểu Thái dương Thiên Thần giám sát sự phát triển của con người mà trong đó các luân xa ấy phục vụ như những trung tâm năng lượng. Điều này sẽ đúng bất kể cung nào thường được truyền qua hoặc từ một luân xa nhất định.

25. We do have to ask ourselves, however, about the "key" of a Solar Angel? Is it a *ray* key? And what would it mean for a chakra to vibrate to that key? Would it mean that it had to *harmonize* with that key?

25. Tuy nhiên, chúng ta quả thật phải tự hỏi về "chủ âm" của một Thái dương Thiên Thần. Đó có phải là chủ âm của một *cung* không? Và việc một luân xa rung động theo chủ âm ấy sẽ có nghĩa là gì? Có phải điều đó có nghĩa là nó phải *hài hoà* với chủ âm ấy không?

26. We are led to the hypothesis that the ray of the soul (for man the microcosm) definitely conditions each of his chakras, and that this conditioning is likewise operative in the case of the Solar Logos.

26. Chúng ta được dẫn đến giả thuyết rằng cung của linh hồn (đối với con người là tiểu thiên địa) chắc chắn tác động lên mỗi luân xa của y, và sự tác động này cũng vận hành tương tự trong trường hợp của Thái dương Thượng đế.

27. One could wonder whether each chakra within the energy system of a human being is *colored* by the specific ray quality of the supervisory Solar Angel. In other words, but 'looking' at the chakras of a human being (whether on the etheric, astral or mental level) could the soul ray be determined and the nature of the supervisory Solar Angel?

27. Người ta có thể tự hỏi liệu mỗi luân xa trong hệ thống năng lượng của một con người có được *nhuốm màu* bởi phẩm tính cung đặc thù của Thái dương Thiên Thần giám sát hay không. Nói cách khác, bằng cách 'nhìn' vào các luân xa của một con người (dù ở cấp độ dĩ thái, cảm dục hay trí tuệ), liệu có thể xác định được cung linh hồn và bản chất của Thái dương Thiên Thần giám sát hay không?

28. And would there be a note sounding from each of the chakras of the human energy system which would reveal the nature of the Solar Angel involved?

28. Và liệu từ mỗi luân xa trong hệ thống năng lượng của con người có phát ra một âm điệu tiết lộ bản chất của Thái dương Thiên Thần liên hệ hay không?

It is interesting here to note that as the human solar Angel is a unity, manifesting through three tiers of petals,

Ở đây thật thú vị khi lưu ý rằng cũng như Thái dương Thiên Thần của con người là một hợp nhất, biểu lộ qua ba tầng cánh hoa,

29. We note that the "human solar Angel" is not the petals through which it manifests. The petals are instruments for manifestation.

29. Chúng ta lưu ý rằng "Thái dương Thiên Thần của con người" không phải là các cánh hoa mà qua đó nó biểu lộ. Các cánh hoa là những công cụ để biểu lộ.

30. The human Solar Angel is a unity, yes, but it is also suggested that a number of Solar Angels participate in (or, better, underlie) the structure of the egoic lotus.

30. Thái dương Thiên Thần của con người là một hợp nhất, đúng vậy, nhưng cũng có gợi ý rằng một số Thái dương Thiên Thần tham dự vào (hay đúng hơn, làm nền tảng cho) cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã.

the logoic correspondence is even more interesting, for **that great cosmic Entity demonstrates on the cosmic mental plane as a triple flame working through seven tiers of petals,**

sự tương ứng logoi còn thú vị hơn nữa, vì **Thực Thể vũ trụ vĩ đại ấy biểu lộ trên cõi trí vũ trụ như một ngọn lửa tam phân hoạt động qua bảy tầng cánh hoa,**

31. The number *ten* seems to be suggested—the triple flame and the seven tiers.

31. Con số *mười* dường như được gợi ra—ngọn lửa tam phân và bảy tầng.

32. As well, the number twenty-four could be suggested (a far higher correspondence of Shamballa) IF each tier or circle of petals has three petals. 3 x 7 = 21 + 3 = 24

32. Ngoài ra, con số hai mươi bốn cũng có thể được gợi ra (một sự tương ứng cao hơn rất nhiều của Shamballa) NẾU mỗi tầng hay vòng cánh hoa có ba cánh. 3 x 7 = 21 + 3 = 24

33. Here we could have a kind of greater and lesser zodiac—a lesser twelve and a greater twelve, but how the twenty-four centers would be divided remains to be seen.

33. Ở đây chúng ta có thể có một loại hoàng đạo lớn và nhỏ—một bộ mười hai nhỏ và một bộ mười hai lớn, nhưng hai mươi bốn trung tâm ấy sẽ được phân chia như thế nào thì vẫn còn phải chờ xem.

34. When considering the demonstration of an egoic lotus, we cannot escape its function as a heart; thus we retain the significance of the twelve, even if (in the case of the egoic lotus of the Solar Logos) we double it.

34. Khi xem xét sự biểu lộ của một Hoa Sen Chân Ngã, chúng ta không thể thoát khỏi chức năng của nó như một trái tim; vì vậy chúng ta giữ lại ý nghĩa của số mười hai, ngay cả khi (trong trường hợp Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế) chúng ta nhân đôi nó.

35. We can imagine that the heart center and heart-in-the-head center of the Solar Logos (with petals totaling twenty-four—so

35. Chúng ta có thể hình dung rằng trung tâm tim và trung tâm tim-trong-đầu của Thái dương Thượng đế (với tổng số cánh hoa

we may infer) both become active in relation to the egoic lotus through which the Cosmic Solar Angel expresses.

là hai mươi bốn—như chúng ta có thể suy ra) đều trở nên hoạt động trong liên hệ với Hoa Sen Chân Ngã mà qua đó Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ biểu lộ.

36. The heart center and heart-in-the-head center (whether of man or of the Solar Logos) are probably correspondences to the lesser and greater zodiac respectively.

36. Trung tâm tim và trung tâm tim-trong-đầu (dù của con người hay của Thái dương Thượng đế) có lẽ lần lượt là những sự tương ứng với hoàng đạo nhỏ và hoàng đạo lớn.

and it is the energy from these seven circles of energy

và chính năng lượng từ bảy vòng năng lượng này

37. Note that "tiers" are often called "circles"—"circles of energy".

37. Lưu ý rằng "tiers" thường được gọi là "circles"—"những vòng năng lượng".

which pulsates through the medium of any scheme.

đập nhịp qua trung gian của bất kỳ hệ hành tinh nào.

38. Do the sevenfold energies of this 'Cosmic Solar Angel' pulsate through *all* planetary schemes within the solar system? This is probably *generally* so, because, the human Solar Angel pulsates (as a whole) through *all* the chakras of a human being). But, additionally there could be more specificity? For instance, we can wonder if *each* of the seven tiers is connected with *one* or other of the seven sacred planets and thus, with some specificity, to other planets (non-sacred planets) connected with the sacred planets.

38. Liệu các năng lượng thất phân của 'Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ' này có đập nhịp qua *mọi* hệ hành tinh trong hệ mặt trời không? Điều này có lẽ *nói chung* là như vậy, bởi vì Thái dương Thiên Thần của con người đập nhịp (như một toàn thể) qua *mọi* luân xa của một con người). Nhưng ngoài ra, có thể còn có tính đặc thù hơn chăng? Chẳng hạn, chúng ta có thể tự hỏi liệu *mỗi* trong bảy tầng có liên kết với *một* trong bảy hành tinh thiêng liêng, và do đó, với một mức độ đặc thù nào đó, cũng liên kết với các hành tinh khác (các hành tinh không thiêng liêng) vốn nối kết với các hành tinh thiêng liêng hay không.

39. Seven energies are transmitted, but also ten, and perhaps also twenty-one and, as well, twenty-four.

39. Bảy năng lượng được truyền đi, nhưng cũng là mười, và có lẽ cũng là hai mươi mốt và thêm nữa là hai mươi bốn.

40. We can imagine that these Cosmic Solar Angels become newly active within any solar system when that system is on the point of having its heart center opened (to

40. Chúng ta có thể hình dung rằng các Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ này trở nên hoạt động mới mẻ trong bất kỳ hệ mặt trời nào khi hệ ấy sắp mở trung tâm tim của mình (ở

what degree we do not know) just as the lesser Solar Angels become activated when a Planetary Logos is on the point of having its heart center opened. The awakening of the lesser Solar Angels in relation to the Planetary Logoi probably has the force of the solar logoic Cosmic Solar Angel behind it.

mức độ nào thì chúng ta không biết), cũng như các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn trở nên hoạt hoá khi một Hành Tinh Thượng Đế sắp mở trung tâm tim của Ngài. Sự thức tỉnh của các Thái dương Thiên Thần nhỏ hơn trong liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế có lẽ có đằng sau nó mãnh lực của Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ logoi thái dương.

41. Those Planetary Logoi within our solar system which are related to the logoic heart center would be implicated in this process. One thinks of Venus, Jupiter and Neptune.

41. Những Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời của chúng ta có liên hệ với trung tâm tim logoi sẽ dính líu vào tiến trình này. Người ta nghĩ đến Sao Kim, Sao Mộc và Sao Hải Vương.

42. If we learn that the egoic body of the Solar Logos has at its center a “triple flame”, we must look for the correspondence of this triple flame within the causal body of man. Can we ally the "Jewel in the Lotus" in the egoic lotus of man to a “triple flame”? Certainly the spiritual triad can be considered a “triple flame” and the Monad is also threefold and has its ‘extended presence’ within the human "Jewel in the Lotus".

42. Nếu chúng ta biết rằng thể chân ngã của Thái dương Thượng đế có ở trung tâm của nó một “ngọn lửa tam phân”, thì chúng ta phải tìm sự tương ứng của ngọn lửa tam phân này trong thể nguyên nhân của con người. Liệu chúng ta có thể liên kết "Ngọc trong Hoa Sen" trong Hoa Sen Chân Ngã của con người với một “ngọn lửa tam phân” không? Chắc chắn Tam Nguyên Tinh Thần có thể được xem là một “ngọn lửa tam phân”, và chân thần cũng là tam phân và có ‘sự hiện diện mở rộng’ của nó trong "Ngọc trong Hoa Sen" của con người.

All this is hidden in the mystery of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and it is not possible for men to solve it,—the truth being obscure to even the **highest Dhyan Chohan of our system**.

Tất cả điều này đều ẩn giấu trong huyền nhiệm của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, và con người không thể giải được điều đó,—vì chân lý ấy còn mờ tối ngay cả đối với **Dhyan Chohan cao nhất của hệ chúng ta**.

43. Master DK really proves that the mind of the Thinker upon the second ray “is ever unsatisfied with his highest attainments; no matter how great his knowledge, his mind is still fixed on the unknown, the beyond, and on the heights as yet unscaled.” (EP I 203)

43. Chân sư DK thật sự chứng minh rằng trí tuệ của Nhà Tư Tưởng trên cung hai “luôn luôn không thoả mãn với những thành tựu cao nhất của mình; dù tri thức của y có lớn đến đâu, trí tuệ của y vẫn hướng vào điều chưa biết, cái vượt xa hơn, và những đỉnh cao chưa được leo tới.” (EP I 203)

44. So the solution to this mystery is obscure even to Planetary Logoi, considering them as Dhyan Chohans of the highest level within our solar system?

44. Vậy thì lời giải cho huyền nhiệm này còn mờ tối ngay cả đối với các Hành Tinh Thượng Đế, nếu xem Các Ngài như những Dhyan Chohan ở cấp độ cao nhất trong hệ mặt trời của chúng ta sao?

45. In this context the meaning of the term "Dhyan Chohan" is uncertain, but we can imagine that it references Beings of very exalted intelligence compared with the intelligence of man.

45. Trong ngữ cảnh này, ý nghĩa của thuật ngữ "Dhyan Chohan" không chắc chắn, nhưng chúng ta có thể hình dung rằng nó chỉ đến những Đấng có trí tuệ cực kỳ cao siêu so với trí tuệ của con người.

The energy centres of the solar Logos are themselves [Page 1162] in the form of vast lotuses[24] or wheels, at the centre of which lies hidden that central cosmic Life, we call a planetary Logos.

Các trung tâm năng lượng của Thái dương Thượng đế tự chúng là [Page 1162] dưới hình thức những hoa sen bao la24 hay những bánh xe, ở trung tâm của chúng ẩn giấu Sự sống vũ trụ trung tâm mà chúng ta gọi là một Hành Tinh Thượng Đế.

46. We learn that the Planetary Logos express through vast lotuses. We might suspect that such lotuses are multi-dimensional and are not found *only* on the etheric-physical plane.

46. Chúng ta biết rằng các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua những hoa sen bao la. Chúng ta có thể ngờ rằng những hoa sen như thế có tính đa chiều và không *chỉ* được tìm thấy trên cõi hồng trần-dĩ thái.

47. The Planetary Logos, as here considered, is ultimately the planetary logoic Monad.

47. Hành Tinh Thượng Đế, như được xét ở đây, rốt cuộc là chân thần logoi hành tinh.

Footnote 24:

See Section VIII, *Secret Doctrine,* Volume I.

Cước chú 24:

Xem Phần VIII, *Giáo Lý Bí Nhiệm,* Tập I.

The Lotus is symbolical of both the Macrocosm and of the Microcosm.

Hoa Sen là biểu tượng của cả Đại thiên địa lẫn Tiểu thiên địa.

48. And, thus, revelatory analogies can be drawn between macrocosmic and microcosmic lotus development.

48. Và như vậy, có thể rút ra những phép loại suy mặc khải giữa sự phát triển hoa sen của đại thiên địa và tiểu thiên địa.

a. The seeds of the Lotus contain in miniature the perfect plant.

a. Những hạt giống của Hoa Sen chứa đựng trong dạng thu nhỏ cây hoàn hảo.

49. This is a rarity.

49. Đây là một điều hiếm thấy.

50. What is the 'seed' of the human egoic lotus and in what way is its perfection contained within that seed?

50. "Hạt giống" của Hoa Sen Chân Ngã của con người là gì, và bằng cách nào sự hoàn hảo của nó được chứa đựng trong hạt giống ấy?

b. It is the product of fire and matter.

b. Nó là sản phẩm của lửa và vật chất.

51. In occultism, matter and water are equivalent terms.

51. Trong huyền bí học, vật chất và nước là những thuật ngữ tương đương.

52. The heart of the lotus is fire.

52. Trái tim của hoa sen là lửa.

53. Fire and matter, then, are spirit and matter.

53. Vậy thì lửa và vật chất là tinh thần và vật chất.

c. It has its roots in the mud, it grows up through the water, it is fostered by the warmth of the sun, it blossoms in the air.

c. Nó cắm rễ trong bùn, lớn lên qua nước, được nuôi dưỡng bởi hơi ấm của mặt trời, và nở hoa trong không khí.

54. The analogies here given relate to four planes and four elements: the physical-etheric plane and the element of earth; the astral plane and the element of water; the mental plane and the element of fire (the Sun); the buddhic plane and the element of air.

54. Những phép loại suy được nêu ở đây liên hệ đến bốn cõi và bốn nguyên tố: cõi hồng trần-dĩ thái và nguyên tố đất; cõi cảm dục và nguyên tố nước; cõi trí và nguyên tố lửa (Mặt Trời); cõi Bồ đề và nguyên tố khí.

55. Notice that the buddhic energy is needed for the final blossoming. This energy begins to infuse the human egoic lotus more fully after the third initiation.

55. Hãy lưu ý rằng năng lượng Bồ đề là cần thiết cho sự nở hoa cuối cùng. Năng lượng này bắt đầu thấm nhuần Hoa Sen Chân Ngã của con người đầy đủ hơn sau lần điểm đạo thứ ba.

56. We can look at the following explanation in two ways. In the first way the interpretation relates only to that which transpires on the cosmic physical plane. In the second we can extrapolate to a larger picture.

56. Chúng ta có thể nhìn lời giải thích sau đây theo hai cách. Theo cách thứ nhất, cách diễn giải chỉ liên hệ đến điều diễn ra trên cõi hồng trần vũ trụ. Theo cách thứ hai, chúng ta có thể ngoại suy sang một bức tranh lớn hơn.

MACROCOSM

The mud.....The objective physical solar system.

57. First interpretation; we are speaking of the systemic etheric-physical plane.

58. Second interpretation: This objective physical solar system includes the cosmic etheric planes—buddhic, atmic, monadic and logoic.

Water.....The emotional or astral nature.

59. First interpretation: we are dealing with the systemic astral plane.

60. Second interpretation: the "water" is the cosmic astral plane.

Flower on water....Fruition of the spiritual.

61. First interpretation: fruition occurs on the mental and buddhic planes

62. Second interpretation: fruition occurs on the cosmic mental plane and even on the cosmic buddhic plane.

Method.....Cosmic fire or intelligence.

63. The method is of great interest. Here, "cosmic fire" is related to intelligence, and presumably, *divine* intelligence. It is the energy of the cosmic mental plane leading to the possibility of fruition first on the buddhic plane (the plane, in one respect, of the Solar Angels directly related to humanity) or (on a much higher turn of the

ĐẠI THIÊN ĐỊA

Bùn.....Hệ mặt trời hồng trần khách quan.

57. Cách diễn giải thứ nhất; chúng ta đang nói về cõi hồng trần-dĩ thái của hệ thống.

58. Cách diễn giải thứ hai: hệ mặt trời hồng trần khách quan này bao gồm các cõi dĩ thái vũ trụ—Bồ đề, atma, chân thần và logoi.

Nước.....Bản chất cảm xúc hay cảm dục.

59. Cách diễn giải thứ nhất: chúng ta đang đề cập đến cõi cảm dục của hệ thống.

60. Cách diễn giải thứ hai: "nước" là cõi cảm dục vũ trụ.

Hoa trên nước....Sự viên mãn của tinh thần.

61. Cách diễn giải thứ nhất: sự viên mãn xảy ra trên cõi trí và cõi Bồ đề

62. Cách diễn giải thứ hai: sự viên mãn xảy ra trên cõi trí vũ trụ và thậm chí trên cõi Bồ đề vũ trụ.

Phương pháp.....Lửa vũ trụ hay trí tuệ.

63. Phương pháp này rất đáng quan tâm. Ở đây, "lửa vũ trụ" được liên hệ với trí tuệ, và có lẽ là trí tuệ *thiêng liêng*. Đó là năng lượng của cõi trí vũ trụ dẫn đến khả năng viên mãn trước hết trên cõi Bồ đề (cõi, theo một phương diện, của các Thái dương Thiên Thần liên hệ trực tiếp với nhân loại) hoặc (trên một vòng xoắn ốc cao hơn rất nhiều)

spiral) on the cosmic buddhic plane which is the lowest of the cosmic etheric planes in the Life of the *Super-Cosmic* Logos.

trên cõi Bồ đề vũ trụ, là cõi thấp nhất trong các cõi dĩ thái vũ trụ trong Sự sống của Thượng đế *Siêu-Vũ-Trụ*.

64. Is the plane of the Cosmic Solar Angels the cosmic buddhic plane just as the plane of the humanly-related Solar Angels the systemic buddhic plane? Perhaps, in each case, the *true* plane of these Beings is quite a bit higher.

64. Liệu cõi của các Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ có phải là cõi Bồ đề vũ trụ, cũng như cõi của các Thái dương Thiên Thần liên hệ với con người là cõi Bồ đề của hệ thống hay không? Có lẽ, trong mỗi trường hợp, cõi *đích thực* của các Đấng này còn cao hơn khá nhiều.

65. It is as if cosmic fire guides the entire unfoldment of the Macrocosm. From this perspective we can consider cosmic fire as Divine Mind expressed through a Cosmic Solar Angel.

65. Dường như lửa vũ trụ hướng dẫn toàn bộ sự khai mở của Đại thiên địa. Từ góc nhìn này, chúng ta có thể xem lửa vũ trụ như Trí của Thượng đế được biểu lộ qua một Thái dương Thiên Thần Vũ Trụ.

MICROCOSM

TIỂU THIÊN ĐỊA

The mud.....The physical body.

Bùn.....Thể xác.

Water.....Emotional or astral nature.

Nước.....Bản chất cảm xúc hay cảm dục.

Flower on water....Fruition of the buddhic or spiritual.

Hoa trên nước....Sự viên mãn của Bồ đề hay tinh thần.

Method.....Fire of mind.

Phương pháp.....Lửa của trí tuệ.

66. DK keeps the same order, interestingly placing the energy of the mental plane *after* noting the 'place of fruition' (which involves the buddhic plane).

66. Thật thú vị, DK giữ nguyên cùng một trật tự, đặt năng lượng của cõi trí *sau khi* nêu "nơi viên mãn" (điều này liên quan đến cõi Bồ đề).

67. When we think of buddhi, the concept of "fruition" is descriptive. Fruition is related to *perfection*— a quality related to the number four as that number is related to the buddhic plane—the fourth systemic plane.

67. Khi chúng ta nghĩ đến Bồ đề, khái niệm "viên mãn" là một mô tả thích hợp. Sự viên mãn liên hệ với *sự hoàn hảo*— một phẩm tính liên hệ với số bốn, vì con số ấy liên hệ với cõi Bồ đề—cõi thứ tư của hệ thống.

"The significance of the tradition that Brahma is born from or in the lotus, is the same. The lotus symbolises a world-system, and Brahma dwells therein representing action;

"Ý nghĩa của truyền thống cho rằng Brahma được sinh ra từ hay trong hoa sen cũng là như vậy. Hoa sen tượng trưng cho một hệ thống thế giới, và Brahma ngự trong đó, đại diện cho hoạt động;

68. Brahma is associated with the third aspect of divinity—the "Activity Aspect". He is called the "lotus-born".

68. Brahma được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính—"Phương diện Hoạt động". Ngài được gọi là "đấng sinh từ hoa sen".

69. We think of the Planetary Logoi and their relation to both Brahma (the activity aspect) and to the lotus.

69. Chúng ta nghĩ đến các Hành Tinh Thượng Đế và mối liên hệ của Các Ngài với cả Brahma (phương diện hoạt động) lẫn hoa sen.

70. With regard to certain Planetary Logoi the following is said:

70. Liên quan đến một số Hành Tinh Thượng Đế, điều sau đây được nói:

"One group is called the "Lotus Lords of deep unseeing sleep." They dream, and as Their dreams take form, the worlds speed on. The great and cruel maya of the planes of sweet illusion comes into being, draws into its snare the points of unconnected light, and dims their lustre." (TCF 1272)

"Một nhóm được gọi là "Các Chúa Tể Hoa Sen của giấc ngủ sâu không thấy." Các Ngài mơ, và khi những giấc mơ của Các Ngài thành hình, các thế giới lao nhanh tới. Ảo lực lớn lao và tàn nhẫn của các cõi ảo tưởng ngọt ngào đi vào hiện hữu, kéo những điểm sáng rời rạc vào chiếc bẫy của nó, và làm mờ ánh huy hoàng của chúng." (TCF 1272)

he is therefore called the Kamal-asana, the Lotus-seated.

vì vậy ông được gọi là Kamal-asana, Đấng ngự trên Hoa Sen.

71. We see how the term "asana" represents posture, a certain physical attitude.

71. Chúng ta thấy thuật ngữ "asana" biểu thị tư thế, một thái độ thể xác nhất định.

72. We will analyze the fascinating quotation above when we come to that section of the book. We do notice that may is both "sweet" and "cruel". The points of unconnected light" have not built their antahkarana and thus are prey to maya, glamor and illusion.

72. Chúng ta sẽ phân tích đoạn trích dẫn hấp dẫn trên khi đến phần đó của cuốn sách. Chúng ta có lưu ý rằng ảo lực vừa "ngọt ngào" vừa "tàn nhẫn". "Những điểm sáng rời rạc" chưa xây dựng antahkarana của chúng và vì thế là con mồi của ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng.

The lotus, again, is said to arise from or in the navel of Vishnu, because the navel of Vishnu or all-knowledge

Hoa sen, một lần nữa, được nói là phát sinh từ hay trong rốn của Vishnu, bởi vì rốn của Vishnu hay toàn tri

73. Vishnu represents the second aspect of divinity which is associated with Omniscience or all-knowledge.

73. Vishnu đại diện cho phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện được liên kết với Toàn Tri hay toàn tri thức.

is necessary desire, the primal form of which, as embodied in the Veda-text, is: May I be born forth (as multitudinous progeny).

là dục vọng cần thiết, mà hình thức nguyên sơ của nó, như được thể hiện trong văn bản Veda, là: Cầu mong tôi được sinh ra (như hậu duệ đa tạp).

74. From the solar plexus comes the desire to manifest multitudinously.

74. Từ tùng thái dương phát sinh dục vọng biểu lộ trong tính đa tạp.

75. All-Knowledge seeks to be born through or in many forms which express that knowledge.

75. Toàn Tri tìm cách được sinh ra qua hay trong nhiều hình tướng biểu lộ tri thức ấy.

76. Thus far we have dealt with a more material lotus. There are also lotuses or centers on the plane of desire.

76. Cho đến đây chúng ta đã bàn đến một hoa sen vật chất hơn. Cũng có những hoa sen hay trung tâm trên cõi dục vọng.

From such central and essential desire, the will to live,

Từ dục vọng trung tâm và cốt yếu như thế, ý chí sống,

77. This text equates “essential desire” with the “will to live”. This will is the power which sustains the desire to manifest all-knowledge multitudinously.

77. Bản văn này đồng nhất “dục vọng cốt yếu” với “ý chí sống”. Ý chí này là quyền năng duy trì dục vọng biểu lộ toàn tri thức trong tính đa tạp.

arises the whole of becoming, all the operations, all the whirls and whorls, of change and manifestation, which make up life.

phát sinh toàn bộ sự trở thành, mọi hoạt động, mọi vòng xoáy và xoắn ốc, của sự thay đổi và biểu lộ, những điều cấu thành sự sống.

78. The World of Becoming is being described in terms of vortices—whirls and whorls. A vortex is, in this context, a descending spiral embracing *all three* aspects of divinity. A vortex can also be

78. Thế Giới Đang Trở Thành đang được mô tả theo các xoáy lực—những vòng xoáy và xoắn ốc. Một xoáy lực, trong ngữ cảnh này, là một vòng xoắn đi xuống bao trùm *cả ba* phương diện của thiên tính. Một xoáy lực

ascending. When we think of vortices acting in a horizontal manner they 'tunnel through space' and represent that type of motion called "driving forward through space".

đi lên. Khi chúng ta nghĩ đến các xoáy lực hoạt động theo chiều ngang, chúng 'đào đường xuyên không gian' và biểu thị loại chuyển động được gọi là "lao tới xuyên qua không gian".

In such becoming dwells Brahma, and from him and by him, i.e., by incessant activity, arises and manifests the organised world, the tribhuvanam, the triple world.

Trong sự trở thành như thế, Brahma ngự trị, và từ Ngài và bởi Ngài, tức là bởi hoạt động không ngừng, thế giới có tổ chức, tribhuvanam, tam giới, phát sinh và biểu lộ.

79. Brahma produces the "triple world". We note the factor of *organization* associated with Brahma. From Shamballa emanate three basic energies associated with the third aspect of divinity—destruction, purification and organization respectively.

79. Brahma tạo ra "tam giới". Chúng ta lưu ý yếu tố *tổ chức* gắn liền với Brahma. Từ Shamballa phát ra ba năng lượng căn bản liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính—hủy diệt, thanh lọc và tổ chức tương ứng.

Because first manifested,

Bởi vì được biểu lộ trước tiên,

80. The third aspect of divinity precedes in manifestation the other two aspects. Brahma is the "Builder of the Foundation" and prepares the way for the manifestation of the other two aspects.

80. Phương diện thứ ba của thiên tính đi trước hai phương diện kia trong biểu lộ. Brahma là "Đấng Kiến Tạo Nền Tảng" và chuẩn bị con đường cho sự biểu lộ của hai phương diện kia.

therefore is Brahma named the first of the gods;

nên Brahma được gọi là vị thần thứ nhất;

81. He is the *first* in *appearance* though He represents the third aspect.

81. Ngài là *đầu tiên* trong *sắc tướng* dù Ngài đại diện cho phương diện thứ ba.

by action is manifestation, and he is the actor; and because actor,

bởi hành động mà có biểu lộ, và ông là tác nhân; và bởi là tác nhân,

82. The third ray is the Ray of Intelligent *Activity.*

82. Cung ba là Cung của Hoạt Động *Thông Minh.*

therefore is he also **sometimes** called the preserver or protector of the world;

nên ông cũng **đôi khi** được gọi là đấng bảo tồn hay bảo hộ thế giới;

83. This is the role usually reserved for Vishnu, the Representative of the second aspect of divinity. Perhaps Brahma *with* Vishnu expresses the *manifestation* of the principle of preservation or protection.

83. Đây là vai trò thường được dành cho Vishnu, Đấng Đại Diện của phương diện thứ hai của thiên tính. Có lẽ Brahma *cùng với* Vishnu biểu lộ *sự biểu lộ* của nguyên khí bảo tồn hay bảo hộ.

for he who makes a thing desires also the maintenance and preservation of his handiwork,

vì kẻ tạo ra một vật cũng mong muốn duy trì và bảo tồn công trình của mình,

84. It would seem that cooperation with the second aspect of divinity would be required. Of course, as is said: Vishnu and Shiva are in Brahma; Shiva and Brahma are in Vishnu; Brahma and Vishnu are in Shiva. There is a ninefold demonstration.

84. Có vẻ như cần có sự hợp tác với phương diện thứ hai của thiên tính. Dĩ nhiên, như đã nói: Vishnu và Shiva ở trong Brahma; Shiva và Brahma ở trong Vishnu; Brahma và Vishnu ở trong Shiva. Có một sự biểu lộ cửu phân.

and, moreover, by the making of the thing supplies the basis and opportunity for the operation of preservation, which, in strictness, of course, belong to Vishnu."—Pranava-Vada, pp. 84, 311.

và hơn nữa, bằng việc tạo ra vật ấy, ông cung cấp nền tảng và cơ hội cho hoạt động bảo tồn, vốn, nói một cách nghiêm ngặt, dĩ nhiên thuộc về Vishnu."—Pranava-Vada, tr. 84, 311.

85. The author concludes as is suggested above. On our planet the Earth and within our Solar system, the second aspect of divinity is being blended into the third aspect of divinity. Consummation in this solar system will see their union.

85. Tác giả kết luận như điều đã được gợi ý ở trên. Trên hành tinh của chúng ta là Trái Đất và trong hệ mặt trời của chúng ta, phương diện thứ hai của thiên tính đang được hòa trộn vào phương diện thứ ba của thiên tính. Sự viên mãn trong hệ mặt trời này sẽ chứng kiến sự hợp nhất của chúng.

[A Planetary Logos or a Solar Logos—the antecedent "He" is uncertain here, but let us assume that we are speaking of the Planetary Logos as in this section the focus seems to be on Planetary Logoi.] He is the meeting place for two types of force, spiritual or logoic, which reaches Him (via the logoic Lotus on cosmic mental planes)

[Một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế—tiền ngữ "Ngài" ở đây không chắc chắn, nhưng chúng ta hãy giả định rằng chúng ta đang nói về Hành Tinh Thượng Đế vì trong phần này trọng tâm dường như đặt vào các Hành Tinh Thượng Đế.] Ngài là nơi gặp gỡ của hai loại mãnh lực, tinh thần hay logoi, vốn đến với Ngài (qua Hoa Sen logoi trên các cõi trí vũ trụ)

86. We seem to be speaking of the structure of the Planetary Logos including the

86. Dường như chúng ta đang nói về cấu trúc của Hành Tinh Thượng Đế, bao gồm Hoa Sen

planetary logoic egoic lotus on the higher subplanes of the cosmic mental plane.

Chân Ngã logoi hành tinh trên các cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ.

87. Spiritual and logoic force are seen as equivalent and emanate from the Seven Rishis of the Great Bear.

87. Mãnh lực tinh thần và logoi được xem là tương đương và phát ra từ Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh.

88. We note that the "spiritual or logoic" force from the Seven Rishis reaches a Planetary Logos *via* the logoic egoic lotus, and, perhaps, not directly—i.e., unmediated by the Solar Logos and His egoic lotus.

88. Chúng ta lưu ý rằng mãnh lực "tinh thần hay logoi" từ Bảy Rishi đến với một Hành Tinh Thượng Đế *qua* Hoa Sen Chân Ngã logoi, và có lẽ không trực tiếp—tức là không không qua trung gian của Thái dương Thượng đế và Hoa Sen Chân Ngã của Ngài.

89. The true plane of focus for these Rishis is likely the cosmic atmic plane and not the cosmic buddhic plane on which the Rishis are 'placed' in Chart V, TCF 344. The section of text below suggests this.

89. Cõi tập trung đích thực của các Rishi này có lẽ là cõi atma vũ trụ chứ không phải cõi Bồ đề vũ trụ, nơi các Rishi được 'đặt' trong Biểu đồ V, TCF 344. Phần văn bản dưới đây gợi ý điều này.

from the seven Rishis of the Great Bear **on Their own plane**, and, secondly, of buddhic force,

từ bảy Rishis của Đại Hùng Tinh **trên cõi riêng của Các Ngài**, và, thứ hai, của mãnh lực Bồ đề,

90. Cosmic buddhic force…

90. Mãnh lực Bồ đề vũ trụ…

91. The words "on Their own plane" *in this context* suggests that "Their own plane" is *not* the cosmic buddhic plane.

91. Các từ "trên cõi riêng của Các Ngài" *trong ngữ cảnh này* gợi ý rằng "cõi riêng của Các Ngài" *không* phải là cõi Bồ đề vũ trụ.

92. The Seven Rishis are normally associated with the *will aspect* and it can be readily understood that atma is spiritual will. Thus, the likely association of the Seven Rishis with the cosmic atmic plane, even though they are represented on the cosmic buddhic plane. Probably they *express* on the cosmic buddhic plane but have a still higher focus on the cosmic atmic plane.

92. Bảy Rishi thường được liên kết với *phương diện ý chí* và có thể dễ dàng hiểu rằng atma là ý chí tinh thần. Vì vậy, có khả năng Bảy Rishi được liên kết với cõi atma vũ trụ, dù các Ngài được biểu hiện trên cõi Bồ đề vũ trụ. Có lẽ các Ngài *biểu lộ* trên cõi Bồ đề vũ trụ nhưng có một tiêu điểm còn cao hơn trên cõi atma vũ trụ.

which is transmitted via the Seven Sisters or the Pleiades from a constellation called the Dragon in some books, and from which has

được truyền qua Bảy Chị Em hay Pleiades từ một chòm sao được gọi là Con Rồng trong

come the appellation "The Dragon of Wisdom."

một số sách, và từ đó phát sinh danh xưng "Con Rồng Minh Triết."

93. Draco seems, in this context, to be a constellation which is *superior* to the Pleiades or, at least, to *some aspect* of the Pleiades which is associated with cosmic buddhi. It seems that the Logos of Draco is even a more potent source of cosmic buddhi than the Logos of the Pleiades. We must determine whether the Seven Sisters can be separated in any way from the 800 to 1000 stars which are presently judged to constitute the entirety of the Pleiades.

93. Trong văn cảnh này, Draco dường như là một chòm sao *cao hơn* Pleiades hoặc, ít nhất, cao hơn *một phương diện nào đó* của Pleiades vốn được liên kết với Bồ đề vũ trụ. Dường như Logos của Draco còn là một nguồn Bồ đề vũ trụ mạnh mẽ hơn Logos của Pleiades. Chúng ta phải xác định liệu Bảy Chị Em có thể được tách biệt theo cách nào đó khỏi 800 đến 1000 ngôi sao hiện nay được cho là cấu thành toàn bộ Pleiades hay không.

94. When thinking about the Logoi of great constellations, it should be remembered that such Logoi will *not* be characterized by only *one* ray, but by several just as for the human being. In this case it would seem that the Logos of Draco and the Logos of the Pleiades *both* have aspects of Themselves which express on the second ray (the ray of buddhi).

94. Khi suy nghĩ về các Logoi của những chòm sao lớn, cần nhớ rằng các Logoi như thế sẽ *không* được đặc trưng chỉ bởi *một* cung duy nhất, mà bởi nhiều cung cũng như nơi con người. Trong trường hợp này, có vẻ như Logos của Draco và Logos của Pleiades *đều* có những phương diện của Chính Các Ngài biểu lộ trên cung hai (cung của Bồ đề).

A third type of energy is added and, therefore, can be detected in these centres,

Một loại năng lượng thứ ba được thêm vào và, do đó, có thể được phát hiện trong các trung tâm này,

95. We continue to speak of the Planetary Logoi as centers within the Solar Logos.

95. Chúng ta tiếp tục nói về các Hành Tinh Thượng Đế như những trung tâm bên trong Thái dương Thượng đế.

that of manasic type.

đó là loại manas.

96. One aspect of the Sirian energy is certainly manasic. The fifth ray is prominent in Sirian expression, though it is not the *only* ray expressed through Sirius.

96. Một phương diện của năng lượng Sirian chắc chắn là manas. Cung năm nổi bật trong sự biểu lộ của Sirius, dù đó không phải là *cung duy nhất* được biểu lộ qua Sirius.

This reaches the logoic centres

Điều này đạt đến các trung tâm logoic

97. The Planetary Logoi…

97. Các Hành Tinh Thượng Đế…

via the star Sirius,

qua ngôi sao Sirius,

98. It is being established that the Planetary Logos receive a stream of energy from Sirius just as they do from the Pleiades and from the Great Bear. Interesting, however, these Planetary Logoi are usually considered to receive manasic energy from the Pleiades!

98. Đang được xác lập rằng các Hành Tinh Thượng Đế tiếp nhận một dòng năng lượng từ Sirius cũng như từ Pleiades và Đại Hùng Tinh. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là các Hành Tinh Thượng Đế này thường được xem là tiếp nhận năng lượng manas từ Pleiades!

The sun "Sirius" is the source of logoic manas in the same sense as the**Pleiades are connected with the evolution of manas in the seven Heavenly Men**, and Venus was responsible for the coming in of mind in the Earth chain. (TCF 347)

Mặt trời "Sirius" là nguồn của manas logoic theo cùng ý nghĩa như việc**Pleiades được liên kết với sự tiến hoá của manas nơi bảy Đấng Thiên Nhân**, và Sao Kim chịu trách nhiệm cho sự xuất hiện của trí tuệ trong Dãy Địa Cầu. (TCF 347)

99. The term “connected with” is not necessarily the same as “source of”.

99. Thuật ngữ “được liên kết với” không nhất thiết đồng nghĩa với “nguồn của”.

100. Are we saying that everything that reaches the Planetary Logoi from these three great sources (the Great Bear, the Pleiades and Sirius) must be transmitted to the Planetary Logoi via the Solar Logos?

100. Có phải chúng ta đang nói rằng mọi thứ đến với các Hành Tinh Thượng Đế từ ba nguồn lớn này (Đại Hùng Tinh, Pleiades và Sirius) đều phải được truyền đến các Hành Tinh Thượng Đế qua Thái dương Thượng đế?

and is transmitted from that constellation which (as earlier I have [Page 1163]hinted) must remain obscure at present.

và được truyền từ chòm sao ấy, chòm sao mà (như trước đây tôi đã [Page 1163]gợi ý) hiện nay phải vẫn còn mơ hồ.

101. Is it that Sirius is known as “that constellation” but that knowledge about it must remain obscure, or that there is a constellation which transmits manas *through* Sirius and thence to the Heavenly Men, but that the name of this constellation cannot be revealed?

101. Có phải Sirius được biết như “chòm sao ấy” nhưng tri thức về nó phải vẫn còn mơ hồ, hay là có một chòm sao truyền manas *qua* Sirius rồi từ đó đến các Đấng Thiên Nhân, nhưng tên của chòm sao này không thể được tiết lộ?

102. The latter possibility is more probable.

102. Khả năng sau có vẻ xác đáng hơn.

These three great streams of energy form the total manifestation of a logoic centre. This is known to us as a planetary scheme.

Ba dòng năng lượng lớn này tạo thành toàn bộ sự biểu hiện của một trung tâm logoic. Điều này được chúng ta biết đến như một hệ hành tinh.

103. In various ways we have been discussing how a center can be formed by three streams of energy; the third eye is one such center. We are also told that the alta major center is formed of streams of energy (though the number of streams is not given).

103. Theo nhiều cách khác nhau, chúng ta đã bàn đến việc một trung tâm có thể được hình thành bởi ba dòng năng lượng; con mắt thứ ba là một trung tâm như thế. Chúng ta cũng được cho biết rằng trung tâm alta major được hình thành từ các dòng năng lượng (dù số lượng các dòng không được nêu ra).

104. DK seems to be telling us that a planetary scheme is formed by these three great streams of energy. Perhaps He is telling that *all* the planetary schemes in our solar system are formed by the combination of these three great streams.

104. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng một hệ hành tinh được hình thành bởi ba dòng năng lượng lớn này. Có lẽ Ngài đang nói rằng *mọi* hệ hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta đều được hình thành bởi sự kết hợp của ba dòng lớn này.

105. Is it being indicated to us that "three great streams" somehow combine to form of vortex from which proceeds manifestation? Are three always involved in the manifestation of one?

105. Có phải điều đang được chỉ ra cho chúng ta là "ba dòng lớn" bằng cách nào đó kết hợp để tạo thành một xoáy lực từ đó sự biểu hiện tiến ra? Phải chăng ba luôn luôn tham dự vào sự biểu hiện của một?

Within the planetary scheme, these streams of energy work paramountly in the following manner:

Bên trong hệ hành tinh, các dòng năng lượng này hoạt động chủ yếu theo cách sau:

a. Spiritual energy..three higher planes.... the Monads.

a. Năng lượng tinh thần..ba cõi cao.... các Chân thần.

106. This is logoic/spiritual force. The three higher planes, in this case, are the logoic, the monadic and the atmic planes.

106. Đây là mãnh lực logoic/tinh thần. Ba cõi cao, trong trường hợp này, là cõi logoic, cõi chân thần và cõi atma.

107. Yet there are four "gates" to Shamballa. Are not Monads capable of functioning through the buddhic permanent atom on the buddhic plane?

107. Tuy nhiên có bốn "cổng" vào Shamballa. Chẳng phải các Chân thần có khả năng hoạt động qua nguyên tử trường tồn Bồ đề trên cõi Bồ đề sao?

108. Notice in this case that Monads are associated with the term “spiritual” and not only with the term “divine”.

108. Hãy lưu ý rằng trong trường hợp này các Chân thần được liên kết với thuật ngữ “tinh thần” chứ không chỉ với thuật ngữ “thiêng liêng”.

109. What is also evident is that every planetary scheme includes the logoic dimension. This stands to reason as the Logos of such a scheme has vehicles which extend far ‘above’ and ‘beyond’ the logoic plane in subtlety.

109. Điều cũng hiển nhiên là mọi hệ hành tinh đều bao gồm chiều kích logoic. Điều này là hợp lý vì Logos của một hệ như thế có những hiện thể vươn xa “cao hơn” và “vượt ngoài” cõi logoic về mức độ vi tế.

b. Buddhic force.....fourth plane..... the solar Angels.

b. Mãnh lực Bồ đề.....cõi thứ tư..... các Thái dương Thiên Thần.

110. It cannot yet be easily established which plane is the *true* plane of the Solar Angels (‘their *own* plane’). We do know, however, that these Angels are much associated with the energy of buddhi. Checking Tabulation II in *Esoteric Astrology* we find that Solar Angels are definitely assigned to the buddhic plane, though they express, sacrificially, on the higher mental plane.

110. Hiện chưa thể dễ dàng xác lập cõi nào là cõi *đích thực* của các Thái dương Thiên Thần (“cõi *riêng* của các Ngài”). Tuy nhiên, chúng ta biết rằng các Thiên Thần này được liên kết rất nhiều với năng lượng Bồ đề. Khi kiểm tra Bảng II trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* chúng ta thấy rằng các Thái dương Thiên Thần rõ ràng được quy vào cõi Bồ đề, dù các Ngài biểu lộ, một cách hi sinh, trên Cõi thượng trí.

c. Manasic force.....two lower planes..... the four kingdoms of nature.

c. Mãnh lực manas.....hai cõi thấp..... bốn giới trong thiên nhiên.

111. A plane is missing. Which is it? Can we consider it to be the physical-etheric plane? The four kingdoms of nature, do manifest, however, on the *three* lower planes and not only one two.

111. Thiếu một cõi. Đó là cõi nào? Chúng ta có thể xem đó là cõi hồng trần-dĩ thái chăng? Tuy nhiên, bốn giới trong thiên nhiên quả thật biểu hiện trên *ba* cõi thấp chứ không chỉ trên hai cõi.

112. Is DK, in some manner, skipping the systemic astral plane as something that does not exist.

112. Có phải Chân sư DK, theo một cách nào đó, đang bỏ qua cõi cảm dục hệ thống như một điều không tồn tại?

113. It is always interesting when Master DK appears to leave out an expected item in an

113. Luôn luôn thú vị khi Chân sư DK dường như bỏ qua một mục vốn được chờ đợi trong

enumeration. One has to enquire why he has done so.

một sự liệt kê. Người ta phải tự hỏi vì sao ông làm như vậy.

Physical energy, the left-over of a previous solar system, demonstrates through the **dense physical form** and in the material which is energised during the involutionary cycle.

Năng lượng hồng trần, phần còn lại của một hệ mặt trời trước, biểu lộ qua **hình tướng hồng trần đậm đặc** và trong chất liệu được tiếp sinh lực trong chu kỳ giáng hạ tiến hoá.

114. Is "physical energy" the seventh in relation to "the three higher planes", "the fourth plane" and "two lower planes"?

114. "Năng lượng hồng trần" có phải là yếu tố thứ bảy trong tương quan với "ba cõi cao", "cõi thứ tư" và "hai cõi thấp" không?

115. DK appears to be talking about the *very densest material energy* related to the three lowest subplanes of the systemic etheric-physical plane. It seems that the systemic ethers are not included in which He describes as "physical energy".

115. Chân sư DK dường như đang nói về *năng lượng vật chất đậm đặc nhất* liên hệ với ba cõi phụ thấp nhất của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống. Dường như các dĩ thái hệ thống không được bao gồm trong điều Ngài mô tả là "năng lượng hồng trần".

It is not considered a principle; and is regarded as the basis of maya or illusion.

Nó không được xem là một nguyên khí; và được coi là nền tảng của ảo lực hay ảo tưởng.

116. From one perspective, the entirety of the eighteen lower subplanes are the dense physical body of the Planetary Logos and the twenty-one lower systemic subplanes are the dense physical body of the Solar Logos. The twenty-one are not a principle to the Solar Logos and the eighteen are not a principle to our Planetary Logos.

116. Từ một góc nhìn, toàn bộ mười tám cõi phụ thấp là thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế và hai mươi mốt cõi phụ thấp của hệ thống là thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Hai mươi mốt cõi ấy không phải là một nguyên khí đối với Thái dương Thượng đế và mười tám cõi ấy không phải là một nguyên khí đối với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

117. But DK may be focusing His attention on the three lowest systemic subplanes alone, stating that the energies of the three very lowest subplanes are the basis of maya or illusion.

117. Nhưng Chân sư DK có thể đang tập trung sự chú ý của Ngài chỉ vào ba cõi phụ thấp nhất của hệ thống, và nói rằng các năng lượng của ba cõi phụ thấp nhất ấy là nền tảng của ảo lực hay ảo tưởng.

The various planetary schemes are not all alike and differ as to:

Các hệ hành tinh khác nhau không hoàn toàn giống nhau và khác biệt về:

a. Type of energy,

b. Point in evolution,

c. Position in the general plan,

d. Karmic opportunity,

e. Rate of vibration.

118. These are very important distinctions. Our knowledge of planetary lore is small (in fact, such knowledge is deliberately veiled from us), but Master DK has given us enough to make some comparisons.

119. These schemes differ in ray energy; degree of unfoldment (which may not be the same as evolutionary status or "point in evolution"); the chakra or chakras a planetary scheme represents; the degree to which the possibility of stimulated unfoldment is presently offered to the Logos of such a planetary scheme; the key or keynote which the particular Planetary Logos is expressing. Each Planetary Logos has *many* rates of vibration depending upon which ones of His vehicles we are considering, but perhaps there is an overall rate of vibration.

The main distinction exists in the fact, as we have so oft repeated, **that three of them form the three higher etheric energy centres of the Logos, and four constitute the lower centres.**

a. Loại năng lượng,

b. điểm tiến hoá,

c. Vị trí trong kế hoạch tổng quát,

d. Cơ hội nghiệp quả,

e. Tốc độ rung động.

118. Đây là những phân biệt rất quan trọng. Tri thức của chúng ta về huyền sử hành tinh còn ít ỏi (thực ra, tri thức ấy được cố ý che màn đối với chúng ta), nhưng Chân sư DK đã cho chúng ta đủ để thực hiện một số so sánh.

119. Các hệ này khác nhau về năng lượng cung; mức độ khai mở (điều này có thể không giống với tình trạng tiến hoá hay "điểm tiến hoá"); luân xa hay các luân xa mà một hệ hành tinh đại diện; mức độ mà khả năng khai mở được kích thích hiện đang được trao cho Logos của hệ hành tinh ấy; chìa khóa hay chủ âm mà Hành Tinh Thượng Đế đặc thù ấy đang biểu lộ. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế có *nhiều* tốc độ rung động tùy theo chúng ta đang xét những hiện thể nào của Ngài, nhưng có lẽ vẫn có một tốc độ rung động tổng quát.

Sự phân biệt chính nằm ở sự kiện, như chúng ta đã lặp đi lặp lại nhiều lần, **rằng ba trong số đó tạo thành ba trung tâm năng lượng dĩ thái cao của Logos, và bốn cái tạo thành các trung tâm thấp.**

120. This is confirmation of something long suspected—namely that the arrangement of human chakras found in TCF, Chart VIII, may have its higher correspondence. This would mean that just as not all seven chakras are located in the same systemic ethers in the case of the human being, so it is the case for the subplane distribution of the chakras of a Solar Logos or Planetary Logos.

120. Đây là sự xác nhận cho một điều đã bị nghi ngờ từ lâu—cụ thể là sự sắp xếp các luân xa của con người được tìm thấy trong TCF, Biểu đồ VIII, có thể có tương ứng cao hơn của nó. Điều này có nghĩa là cũng như không phải cả bảy luân xa đều nằm trong cùng các dĩ thái hệ thống nơi con người, thì điều ấy cũng đúng đối với sự phân bố theo cõi phụ của các luân xa của một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế.

121. There is some question as to whether solar logoic etheric chakras are *all* to be found on the systemic buddhic plane or whether they are distributed over the various cosmic-etheric subplanes as the chakras of the human being are distributed over the various systemic subplanes. In this case, for the Planetary Logos, the supreme head center would be found on the logoic plane; His heart center would be found on the monadic plane; His throat center would be found on the atmic plane; and the other four chakras (solar plexus, splenic center, sacral center and base of the spine) would be found on the buddhic plane. As for the ajna center, it could also be found on the logoic plane but on a different subplane from that of the supreme head center.

121. Có một số nghi vấn về việc liệu các luân xa dĩ thái logoic thái dương có *đều* được tìm thấy trên cõi Bồ đề hệ thống hay không, hay chúng được phân bố trên các cõi phụ dĩ thái vũ trụ khác nhau giống như các luân xa của con người được phân bố trên các cõi phụ hệ thống khác nhau. Trong trường hợp này, đối với Hành Tinh Thượng Đế, trung tâm đầu tối cao sẽ được tìm thấy trên cõi logoic; trung tâm tim của Ngài sẽ được tìm thấy trên cõi chân thần; trung tâm cổ họng của Ngài sẽ được tìm thấy trên cõi atma; và bốn luân xa còn lại (tùng thái dương, Luân xa lá lách, xương cùng và đáy cột sống) sẽ được tìm thấy trên cõi Bồ đề. Còn đối với trung tâm ajna, nó cũng có thể được tìm thấy trên cõi logoic nhưng trên một cõi phụ khác với cõi phụ của trung tâm đầu tối cao.

Saturn is of interest to us here because the Logos of Saturn holds a position in the body logoic similar to that held by the throat centre in the microcosm.

Sao Thổ đáng quan tâm đối với chúng ta ở đây vì Logos của Sao Thổ giữ một vị trí trong thể logoic tương tự như vị trí do trung tâm cổ họng nắm giữ trong tiểu thiên địa.

122. This is a definite statement of fact (if we believe that the Tibetan offers only that which is true and factual—which most of us *do*).

122. Đây là một phát biểu xác định về sự kiện (nếu chúng ta tin rằng Chân sư Tây Tạng chỉ đưa ra điều gì là chân thật và thực tế—điều mà hầu hết chúng ta *đều* tin).

123. So the logoic throat center is identified with Saturn but other centers are not so

123. Vì vậy trung tâm cổ họng logoic được đồng nhất với Sao Thổ, nhưng các trung tâm

definitively given. Venus is given as representing the heart center, but there are problems and ambiguities surrounding this assignment.

124. We may wish to remember that Saturn has also been identified as a correspondence to the logoic permanent atom on the logoic plane.

125. In what way the Logos of Saturn can stand for *both* 'positions' is uncertain. It may be that the planet Saturn is the correspondence to the logoic physical permanent atom but that the *Logos* of Saturn is the correspondence to the logoic throat center on all its levels on the cosmic planes through which the energy system of the Solar Logos manifests—including the cosmic astral plane and the cosmic mental plane.

Neptune, Uranus, and Saturn will, therefore, have absorbed the essence of manifestation and (in connection with the solar Logos) they correspond to the three permanent atoms in the causal body of a man. We say "correspond" for the analogy is not in detail. Uranus and Neptune are reflections of the logoic astral and mental permanent atoms. Saturn is *in fact* the correspondence to the logoic physical permanent atom. This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme. (TCF 406)

Three centres towards the close of manifestation will become aligned in the same way as the centre at the base of the spine, the throat centre and the alta major centre.

khác thì không được nêu ra một cách dứt khoát như vậy. Sao Kim được cho là đại diện cho trung tâm tim, nhưng có những vấn đề và mơ hồ bao quanh sự quy định này.

124. Chúng ta có thể muốn nhớ rằng Sao Thổ cũng đã được đồng nhất như một tương ứng với nguyên tử trường tồn logoic trên cõi logoic.

125. Theo cách nào Logos của Sao Thổ có thể đại diện cho *cả hai* "vị trí" ấy thì chưa rõ. Có thể hành tinh Sao Thổ là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic, nhưng *Logos* của Sao Thổ là tương ứng với trung tâm cổ họng logoic trên mọi cấp độ của nó trong các cõi vũ trụ qua đó hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế biểu lộ—bao gồm cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

Sao Hải Vương, Sao Thiên Vương và Sao Thổ, vì vậy, sẽ hấp thu tinh chất của sự biểu hiện và (liên hệ với Thái dương Thượng đế) chúng tương ứng với ba nguyên tử trường tồn trong thể nguyên nhân của một con người. Chúng ta nói "tương ứng" vì phép loại suy không đi vào chi tiết. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những phản chiếu của nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ logoic. Sao Thổ *thật ra* là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic. Đây là một huyền nhiệm huyền bí và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ thống vũ trụ. (TCF 406)

Ba trung tâm vào lúc gần kết thúc sự biểu hiện sẽ trở nên chỉnh hợp theo cùng cách như trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm cổ họng và trung tâm alta major.

126. Which logoic centers are these? The Earth is commonly associated with the base of the spine center. The Logos of Saturn, we have just seen, is the correspondence to the logoic throat center. Which, then is the correspondence to the alta major center—could it be Pluto, as a sort of base of the spine center in the head?

126. Những trung tâm logoic này là những trung tâm nào? Trái Đất thường được liên kết với trung tâm đáy cột sống. Như chúng ta vừa thấy, Logos của Sao Thổ là tương ứng với trung tâm cổ họng logoic. Vậy thì trung tâm nào là tương ứng với trung tâm alta major—có thể là Sao Diêm Vương chăng, như một loại trung tâm đáy cột sống trong đầu?

Here it must be pointed out that there are **three planetary schemes which [1164] hold a place analogous to that held by the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre**, but they are not the schemes referred to as centres, or known to us as informed by planetary Logoi.

Ở đây cần phải chỉ ra rằng có **ba hệ hành tinh mà [Page 1164]giữ một vị trí tương tự như vị trí của tuyến tùng, thể tuyến yên và trung tâm alta major**, nhưng chúng không phải là các hệ được nói đến như những trung tâm, hay được chúng ta biết đến như được các Hành Tinh Thượng Đế thấm nhuần.

127. We can sense the presence of an occult blind. Who is "us"? Is "us" the Members of the Spiritual Hierarchy? Or is "us" humanity, which simply does not yet know enough to understand what type of Planetary Logoi could be associated with such centers?

127. Chúng ta có thể cảm nhận sự hiện diện của một bức màn huyền bí. "Chúng ta" là ai? "Chúng ta" là các Thành viên của Thánh đoàn tinh thần chăng? Hay "chúng ta" là nhân loại, vốn đơn giản là chưa biết đủ để hiểu loại Hành Tinh Thượng Đế nào có thể được liên kết với những trung tâm như thế?

128. When we speak of dense precipitations such as glands or "bodies" (pituitary body), the type of Logoi associated with them (IF Planetary Logoi *are* associated with them) seem not to be the same as those Planetary Logoi associated with the etheric centers.

128. Khi chúng ta nói đến những sự ngưng tụ đậm đặc như các tuyến hay "thể" (thể tuyến yên), loại Logoi liên kết với chúng (NẾU các Hành Tinh Thượng Đế *quả thật* được liên kết với chúng) dường như không giống với những Hành Tinh Thượng Đế liên kết với các trung tâm dĩ thái.

129. Can there be planetary schemes which are *not* informed by Planetary Logoi? It would seem not. Perhaps, DK is simply indicating that we (humanity) are ignorant of which Planetary Logoi and which *type* of Planetary Logoi inform such apparently lesser systemic centers.

129. Có thể có những hệ hành tinh *không* được các Hành Tinh Thượng Đế thấm nhuần chăng? Có vẻ là không. Có lẽ Chân sư DK chỉ đang chỉ ra rằng chúng ta (nhân loại) không biết những Hành Tinh Thượng Đế nào và *loại* Hành Tinh Thượng Đế nào thấm nhuần những trung tâm hệ thống có vẻ thấp hơn như thế.

130. There are many types of Logoi in our solar system, and many *unknown* Planetary Logoi. At the time that this book was written, Pluto, for instance, had not be discovered.

130. Có nhiều loại Logoi trong hệ mặt trời của chúng ta, và nhiều Hành Tinh Thượng Đế *chưa được biết đến*. Vào thời điểm cuốn sách này được viết, chẳng hạn, Sao Diêm Vương vẫn chưa được khám phá.

131. The principle is that glands and "bodies" are of lesser status than etheric centers, and, accordingly, the type of Logoi to be associated with them are of lesser status than the Planetary Logoi associated with etheric centers.

131. Nguyên tắc là các tuyến và "thể" có địa vị thấp hơn các trung tâm dĩ thái, và theo đó, loại Logoi được liên kết với chúng có địa vị thấp hơn các Hành Tinh Thượng Đế liên kết với các trung tâm dĩ thái.

Certain of the planetoids

Một số tiểu hành tinh

132. But not all…

132. Nhưng không phải tất cả…

have their place here,

có vị trí của chúng ở đây,

133. Perhaps as analogues of the endocrine glands in the human energy system…

133. Có lẽ như những tương tự với các tuyến nội tiết trong hệ thống năng lượng của con người…

134. We must ask, however, the nature of the Lives informing the planetoids. If they are not called "Planetary Logoi", what are they called? Are they in some way *lesser* Planetary Logoi? Yet, it is not probable that they will be Chain-Lords as Chain-Lords are the chakras of the Planetary Logoi who express through planetary schemes.

134. Tuy nhiên, chúng ta phải hỏi về bản chất của các Sự Sống thấm nhuần các tiểu hành tinh. Nếu chúng không được gọi là "Hành Tinh Thượng Đế", thì chúng được gọi là gì? Có phải theo một cách nào đó chúng là những Hành Tinh Thượng Đế *thấp hơn* không? Tuy vậy, không có khả năng chúng là các Chúa Tể Dãy vì các Chúa Tể Dãy là các luân xa của các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua các hệ hành tinh.

135. Are planetoids to be considered as associated with a planet (for instance, the moons of certain planets), or are planetoids bodies which like the greater planets have their orbit around the Sun?

135. Có nên xem các tiểu hành tinh là được liên kết với một hành tinh nào đó (chẳng hạn, các mặt trăng của một số hành tinh), hay các tiểu hành tinh là những thiên thể mà giống như các hành tinh lớn hơn, có quỹ đạo quanh Mặt Trời?

136. What human astronomers call "moons", DK could regard as planetoids. Yet it may be, after all, that planetoids have their own orbit around the Sun whereas moons orbit around the planet with which they are in closest association. This is perhaps the distinction between them.

136. Điều mà các nhà thiên văn học gọi là "mặt trăng", Chân sư DK có thể xem là các tiểu hành tinh. Tuy nhiên, rốt cuộc cũng có thể là các tiểu hành tinh có quỹ đạo riêng quanh Mặt Trời, trong khi các mặt trăng quay quanh hành tinh mà chúng liên kết gần gũi nhất. Có lẽ đó là sự phân biệt giữa chúng.

and one scheme which has passed out of activity, and is in a condition of quiescence and nonactivity.

và một hệ đã ra khỏi hoạt động, và đang ở trong trạng thái tĩnh lặng và bất hoạt.

137. This does not mean that it has passed out of manifestation entirely. This scheme may be one of those which we recognize as a planet.

137. Điều này không có nghĩa là nó đã hoàn toàn ra khỏi sự biểu hiện. Hệ này có thể là một trong những hệ mà chúng ta nhận biết như một hành tinh.

138. This scheme is probably not Mars, but we are told that it is in a state of quiescence.

138. Hệ này có lẽ không phải là Sao Hỏa, nhưng chúng ta được cho biết rằng nó ở trong trạng thái tĩnh lặng.

139. Of interest is the fact that for most human beings, the pineal gland is in a state of relative quiescence of inactivity.

139. Điều đáng chú ý là đối với phần lớn con người, tuyến tùng ở trong trạng thái tương đối tĩnh lặng hay bất hoạt.

140. One is forced to consider the history of the planet Vulcan. Was Vulcan in the past more active? Has it passed out of activity? Will it return to greater activity? One can find a number of convincing associations relating the function of Vulcan to the function of the third eye.

140. Người ta buộc phải xét đến lịch sử của hành tinh Vulcan. Trong quá khứ Vulcan có hoạt động mạnh hơn chăng? Nó đã ra khỏi hoạt động chăng? Nó sẽ trở lại hoạt động mạnh hơn chăng? Người ta có thể tìm thấy một số liên hệ khá thuyết phục nối chức năng của Vulcan với chức năng của con mắt thứ ba.

This latter scheme is the correspondence in the logoic body to the atrophied third eye in the fourth kingdom of nature.

Hệ sau này là tương ứng trong thể logoic với con mắt thứ ba bị teo đi trong giới thứ tư của thiên nhiên.

141. Yes, exactly. Of course the real third eye is etheric in nature. It is not correct to call

141. Vâng, chính xác là như vậy. Dĩ nhiên con mắt thứ ba thực sự có bản chất dĩ thái.

the pineal gland (a dense physical structure) the "third eye".

Không đúng khi gọi tuyến tùng (một cấu trúc hồng trần đậm đặc) là "con mắt thứ ba".

142. We should not consider that this scheme will be unimportant, even though in a state of quiescence. The third eye is a very important etheric/magnetic field within the human energy system, and, therefore, the scheme in question may be proven to be of quite some importance.

142. Chúng ta không nên cho rằng hệ này sẽ không quan trọng, dù đang ở trong trạng thái tĩnh lặng. Con mắt thứ ba là một trường dĩ thái/từ tính rất quan trọng trong hệ thống năng lượng của con người, và vì vậy hệ đang được nói đến có thể được chứng minh là có tầm quan trọng đáng kể.

When man has developed etheric vision and thus has expanded his range of vision, he will become aware of these facts, for he will see.

Khi con người đã phát triển linh thị dĩ thái và nhờ đó đã mở rộng phạm vi tầm nhìn của mình, y sẽ nhận biết những sự kiện này, vì y sẽ thấy.

143. When we speak of a scheme which has passed out of activity, does it then mean that it has also passed out of dense physicality? This statement immediately above seems to direct our thought to strictly *etheric* centers —i.e., planetary schemes which have no dense physical body.

143. Khi chúng ta nói về một hệ đã ra khỏi hoạt động, vậy điều đó có nghĩa là nó cũng đã ra khỏi trạng thái hồng trần đậm đặc chăng? Phát biểu ngay bên trên này dường như hướng tư tưởng của chúng ta đến những trung tâm hoàn toàn *dĩ thái* —tức là những hệ hành tinh không có thể xác đậm đặc.

Many planetary schemes which are found only in etheric matter will be revealed to his astonished gaze,

Nhiều hệ hành tinh chỉ được tìm thấy trong vật chất dĩ thái sẽ được phơi bày trước ánh nhìn kinh ngạc của y,

144. Perhaps, then, the scheme which stands for the third eye of the Logos is to be found only in etheric matter.

144. Vậy thì có lẽ hệ tượng trưng cho con mắt thứ ba của Logos chỉ được tìm thấy trong vật chất dĩ thái.

145. One wonders, somewhat, about the role of Vulcan in relation to these matters. Is Vulcan an etheric planet or a planet which has a dense physical body. In TCF it is listed as one of the "Dense Physical Planets" (TCF 373)

145. Người ta có phần băn khoăn về vai trò của Vulcan trong liên hệ với những vấn đề này. Vulcan là một hành tinh dĩ thái hay là một hành tinh có thể xác đậm đặc? Trong TCF nó được liệt kê là một trong những "Hành Tinh Hồng Trần Đậm Đặc" (TCF 373)

and he will find that (as in the body microcosmic) there are seven (or ten),

và y sẽ thấy rằng (như trong thể tiểu thiên địa) có bảy (hay mười),

146. This alternation between seven and ten always requires interpretation. We have different ways by which we can number the energy system of man.

146. Sự luân phiên giữa bảy và mười này luôn đòi hỏi phải được diễn giải. Chúng ta có những cách khác nhau để đếm hệ thống năng lượng của con người.

paramount centres

các trung tâm chủ yếu

147. It is easy to number seven paramount centers, but can one number ten such? Will the higher correspondences of the human "pranic triangle" be included? Will the alta major center be included? It would seem that certain planets which we now call "non-sacred" would have to be included.

147. Thật dễ để đếm bảy trung tâm chủ yếu, nhưng có thể đếm mười trung tâm như thế chăng? Những tương ứng cao hơn của "tam giác prana" nơi con người có được bao gồm không? Trung tâm alta major có được bao gồm không? Có vẻ như một số hành tinh mà hiện nay chúng ta gọi là "không thiêng liêng" sẽ phải được bao gồm.

but numbers of other centres for the purpose of energising various organs.

nhưng còn có nhiều trung tâm khác nhằm mục đích tiếp sinh lực cho các cơ quan khác nhau.

148. A book on the chakras by Malvin Artley is called "A Thousand Points of Light". There are chakras—major, minor and minute, and perhaps miniscule. Logoi of certain kinds must necessarily inform them.

148. Một cuốn sách về các luân xa của Malvin Artley có tên là "Một Ngàn Điểm Ánh Sáng". Có những luân xa—lớn, nhỏ và vi tế, và có lẽ còn cực vi tế. Các Logoi thuộc một số loại nhất định hẳn phải thấm nhuần chúng.

So likewise the body macrocosmic has myriads of energy focal points or feeders

Tương tự như vậy, thể đại thiên địa có vô số tiêu điểm năng lượng hay các đường tiếp năng lượng

149. "Feeders" sound like nadis. A "feeder" is an energy-stream and a point is a nexus (we might presume), for a number of feeders.

149. "Các đường tiếp năng lượng" nghe giống như các nadi. Một "đường tiếp năng lượng" là một dòng năng lượng và một điểm là một nút giao (chúng ta có thể giả định như vậy) của một số đường tiếp năng lượng.

which have their place, their function, and their felt effects.

có vị trí, chức năng và tác dụng cảm nhận được của chúng.

150. DK us widening for us the possibility of apprehension. There is so much more to

150. Chân sư DK đang mở rộng cho chúng ta khả năng lĩnh hội. Có nhiều điều để tri nhận

perceive than that which is thus far perceived.

These centres, with no dense physical globe, constitute what has sometimes been called "the inner round" and transmit their force through those greater centres which have been spoken of in occult books as having a connection with the inner round.

151. To understand the “inner round” then, we have to identify certain etheric planets (planets with no dense physical body) and determine the connection of these etheric planets with well-known planets which are connected to the etheric planets.

152. Mercury, often associated with the “inner round” must be such a planet connected to planets which have no dense physical body.

Each of these planetary schemes can be seen as a lotus having **seven major petals, of which each chain forms one petal, but having also subsidiary petals of a secondary colour according to the nature and karma of the Entity concerned**.

153. We could perhaps think we are dealing with the number twelve—seven plus five, just as there are seven sacred planets and five non-sacred planets, but it is highly unlikely that the various planetary lotuses all have the same number of petals (whether those petals are to be considered primary, secondary or tertiary).

154. It is interesting that the colors of the secondary petals are determined partially by the “karma” of the Entity. One would expect the color to be determined by the inner

hơn rất nhiều so với điều cho đến nay đã được tri nhận.

Những trung tâm này, không có bầu hành tinh hồng trần đậm đặc, cấu thành điều đôi khi được gọi là "cuộc tuần hoàn bên trong" và truyền mãnh lực của chúng qua những trung tâm lớn hơn đã được nói đến trong các sách huyền bí là có liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong.

151. Vậy để hiểu “cuộc tuần hoàn bên trong”, chúng ta phải nhận diện một số hành tinh dĩ thái (những hành tinh không có thể hồng trần đậm đặc) và xác định mối liên hệ của các hành tinh dĩ thái này với những hành tinh quen thuộc vốn có liên hệ với chúng.

152. Sao Thủy, thường được liên kết với “cuộc tuần hoàn bên trong”, hẳn phải là một hành tinh như thế, được nối kết với những hành tinh không có thể hồng trần đậm đặc.

Mỗi hệ hành tinh này có thể được xem như một hoa sen có **bảy cánh hoa chính, trong đó mỗi Dãy tạo thành một cánh hoa, nhưng cũng có các cánh hoa phụ với một màu thứ cấp tùy theo bản chất và nghiệp quả của Thực Thể liên hệ**.

153. Có lẽ chúng ta có thể nghĩ rằng mình đang xử lý con số mười hai—bảy cộng năm, cũng như có bảy hành tinh thiêng liêng và năm hành tinh không thiêng liêng, nhưng rất khó có khả năng các hoa sen hành tinh khác nhau đều có cùng một số cánh hoa (dù những cánh hoa ấy được xem là chính, phụ hay thứ ba).

154. Điều thú vị là màu sắc của các cánh hoa phụ được quyết định một phần bởi “nghiệp quả” của Thực Thể. Người ta sẽ mong đợi màu sắc được quyết định bởi bản chất bên

nature of the planet and not by its *condition* in time and space.

155. Is only *one* secondary colour involved (according to the nature and karma of the Planetary Logos concerned) or do all the subsidiary petals have different colors.

156. It seems evident from what is said that the seven major petals of each Planetary Logos are characterized by a certain color which is different to the "secondary colour" of the subsidiary petals.

157. It is also possible that while there may be "seven major petals" for each Planetary Logos, that not all of them are yet unfolded or that not all of them, as yet, are manifesting as major.

It is in the enumeration of these solar lotuses that occult students go astray.

158. By this, DK means the enumeration of the number of major and minor petals in each of these lotuses.

159. While the heart center of each Planetary Logos may be a twelve-petalled lotus, the planetary schemes in which this heart centers are found may be seen as a lotuses with differing numbers of petals.

160. The following tabulation re twelve-petalled lotuses contains this hint:

a. The logoic twelve-petalled egoic Lotus. Cosmic mental plane.

b. The solar twelve-petalled Lotus.

trong của hành tinh chứ không phải bởi *tình trạng* của nó trong thời gian và không gian.

155. Chỉ có *một* màu thứ cấp được liên hệ (tùy theo bản chất và nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ) hay tất cả các cánh hoa phụ đều có những màu khác nhau?

156. Từ điều được nói ra, có vẻ hiển nhiên rằng bảy cánh hoa chính của mỗi Hành Tinh Thượng Đế được đặc trưng bởi một màu nhất định, khác với "màu thứ cấp" của các cánh hoa phụ.

157. Cũng có thể là tuy mỗi Hành Tinh Thượng Đế có "bảy cánh hoa chính", nhưng không phải tất cả chúng đều đã khai mở, hoặc không phải tất cả chúng hiện nay đều đang biểu hiện như những cánh hoa chính.

Chính trong việc liệt kê các hoa sen thái dương này mà các đạo sinh huyền bí học đi lạc hướng.

158. Qua đó, Chân sư DK muốn nói đến việc liệt kê số lượng các cánh hoa chính và phụ trong mỗi hoa sen này.

159. Trong khi trung tâm tim của mỗi Hành Tinh Thượng Đế có thể là một hoa sen mười hai cánh, thì các hệ hành tinh trong đó các trung tâm tim này được tìm thấy có thể được xem như những hoa sen với số cánh khác nhau.

160. Bảng liệt kê sau đây về các hoa sen mười hai cánh chứa đựng gợi ý này:

a. Hoa Sen chân ngã mười hai cánh của Thượng đế. Cõi trí vũ trụ.

b. Hoa Sen thái dương mười hai cánh.

c. The planetary logoic Heart, also a twelve-petalled Lotus.

d. The twelve-petalled human egoic lotus on the mental plane.

e. The twelve-petalled heart centre in a human being. (TCF 1205)

It is, for instance, correct to say that the planetary scheme corresponding to the microcosmic base of the spine is a fourfold lotus and has, therefore, four petals.

161. Is Master DK here describing the Earth which is hinted as the macrocosmic base of the spine center?

162. We are told that the microcosmic base of the spine center has *four* petals.

There are four outstanding petals of a peculiar hue, but there are three of a secondary colour, and nine of a tertiary nature. (To students with intuition the hint here conveyed may reveal the name of the planet, and the nature of its evolution). [Page 1165]

163. Could the three hues relate to the three major rays of the Planetary Logos in question.

164. Would the hue of the "outstanding petals" related to the monadic ray, and the secondary and tertiary colors relate to the soul ray and personality ray respectively?

165. The number sixteen *can* be related to Earth, because microcosmically the Earth can stand for the throat center (in the average person) along with Saturn (standing

c. Tim của Hành Tinh Thượng Đế, cũng là một Hoa Sen mười hai cánh.

d. Hoa sen chân ngã mười hai cánh của con người trên cõi trí.

e. Trung tâm tim mười hai cánh trong một con người. (TCF 1205)

Chẳng hạn, nói rằng hệ hành tinh tương ứng với đáy cột sống vi mô là một hoa sen tứ phân và vì thế có bốn cánh là điều đúng.

161. Ở đây Chân sư DK có đang mô tả Trái Đất, vốn được ám chỉ là trung tâm đáy cột sống đại vĩ mô, hay không?

162. Chúng ta được cho biết rằng trung tâm đáy cột sống vi mô có *bốn* cánh.

Có bốn cánh nổi bật mang một sắc thái đặc biệt, nhưng có ba cánh mang màu phụ, và chín cánh có bản chất màu bậc ba. (Đối với những đạo sinh có trực giác, gợi ý được truyền đạt ở đây có thể tiết lộ tên của hành tinh, và bản chất của sự tiến hoá của nó). [Page 1165]

163. Ba sắc thái ấy có thể liên hệ với ba cung chính của Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến chăng.

164. Sắc thái của các "cánh nổi bật" có liên hệ với cung chân thần, còn các màu phụ và màu bậc ba lần lượt liên hệ với cung linh hồn và cung phàm ngã chăng?

165. Con số mười sáu *có thể* được liên hệ với Trái Đất, bởi vì ở cấp vi mô Trái Đất có thể tượng trưng cho trung tâm cổ họng (ở người trung bình) cùng với Sao Thổ (tượng trưng

for the throat center in the disciple). The number of petals in the microcosmic throat center is sixteen.

166. However, it is clear from what has been said in this commentary that Saturn, not Earth, is the macrocosmic throat center to which the number sixteen should apply—especially if there is a parallelism to be found between the number of petals in the microcosmic and macrocosmic lotuses.

167. Perhaps a hint is given suggesting that the number of major petals in any planetary lotus will correspond to the number of petals in a paralleling microcosmic lotus, but that additional petals will be found in the macrocosmic lotus. One could, however, wonder whether there are additional subsidiary petals (not mentioned, thus far in the Teaching) which are to be found in relation to the *microcosmic* lotuses as well?

168. In this particular case, since Earth is directly related to Saturn in a number of ways, perhaps the total number of petals relate any given planetary lotus to the numbering of another (and higher?) planetary chakra to which it is closely related.

169. If for instance, Mercury can be thought to stand for the solar logoic ajna center, and Uranus for the solar logoic head center, we can see how the number 96 relates to both. The microcosmic ajna center has 96 (plus two great petals) petals and the microcosmic head center has 960 petals (plus twelve greater petals—ruled probably by Neptune and not by Uranus).

cho trung tâm cổ họng nơi đệ tử). Số cánh trong trung tâm cổ họng vi mô là mười sáu.

166. Tuy nhiên, từ những gì đã được nói trong phần bình luận này, rõ ràng rằng Sao Thổ, chứ không phải Trái Đất, là trung tâm cổ họng đại vĩ mô mà con số mười sáu phải được áp dụng—đặc biệt nếu có thể tìm thấy sự song hành giữa số cánh trong các hoa sen vi mô và đại vĩ mô.

167. Có lẽ một gợi ý được đưa ra, cho thấy rằng số cánh chính trong bất kỳ hoa sen hành tinh nào sẽ tương ứng với số cánh trong một hoa sen vi mô song hành, nhưng những cánh bổ sung sẽ được tìm thấy trong hoa sen đại vĩ mô. Tuy nhiên, người ta có thể tự hỏi liệu có những cánh phụ bổ sung nào nữa (cho đến nay chưa được nhắc đến trong Giáo Huấn) được tìm thấy liên hệ với các hoa sen *vi mô* hay không?

168. Trong trường hợp đặc biệt này, vì Trái Đất liên hệ trực tiếp với Sao Thổ theo nhiều cách, có lẽ tổng số cánh liên hệ bất kỳ hoa sen hành tinh nào với số lượng của một luân xa hành tinh khác (và cao hơn?) mà nó có liên hệ mật thiết.

169. Chẳng hạn, nếu Sao Thủy có thể được xem là tượng trưng cho trung tâm ajna của Thái dương Thượng đế, và Sao Thiên Vương tượng trưng cho trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế, chúng ta có thể thấy con số 96 liên hệ với cả hai như thế nào. Trung tâm ajna vi mô có 96 (cộng thêm hai cánh lớn) cánh và trung tâm đầu vi mô có 960 cánh (cộng thêm mười hai cánh lớn hơn—có lẽ do Sao Hải Vương cai quản chứ không phải Sao Thiên Vương).

170. VSK enters here with some speculations on the colors involved:

a. This could be blue-green, this may be the sacred blue (as a combination of ray two and ray three (blue and green), and shows up in the Earth as four petals.

b. Or in higher turn, a relation to Saturn, as *sixteen* suggests relation to the throat centre. Silvery blue? If cyan, the aqua of the ball of earth, be suggested, whichever: cyan is the true opposite (optically) of red (complement, i.e., in the secondary trinity of light, with yellow and magenta-violet). Cyan is a result of red and blue light combined.

c. Note that cyan is the result of stimulation of red light on light-sensitive medium? The 'negative' of a silver oxide, or photographic film.)

d. In an order of counting from the colours of light, the primaries are red, blue, green, for 1, 2, and 3. The secondaries produced by red plus green plus blue are, violet-magenta (red plus blue), cyan (blue plus green), and yellow (red plus green).

e. The seventh is the synthesis, which, in light, is white. Synthesis of all pigments of matter (red plus blue plus yellow), is (dirty) black, with the inability to absorb (or reject) light (white) by a material.

Each of these solar lotuses, or planetary schemes,

170. Ở đây VSK đưa vào một số suy đoán về các màu sắc liên quan:

a. Đây có thể là xanh lam-lục; đây có thể là màu lam thiêng liêng (như sự kết hợp của cung hai và cung ba (xanh lam và xanh lục), và xuất hiện nơi Trái Đất như bốn cánh.

b. Hoặc ở vòng cao hơn, là một liên hệ với Sao Thổ, vì *mười sáu* gợi ý liên hệ với trung tâm cổ họng. Xanh lam bạc chăng? Nếu cyan, màu nước của quả cầu địa cầu, được gợi ra, thì dù thế nào: cyan là đối cực thực sự (về quang học) của đỏ (màu bổ sung, tức trong bộ ba thứ cấp của ánh sáng, cùng với vàng và tím đỏ-magenta). Cyan là kết quả của ánh sáng đỏ và xanh lam kết hợp.

c. Lưu ý rằng cyan là kết quả của sự kích thích của ánh sáng đỏ trên môi trường nhạy sáng? "Âm bản" của oxit bạc, hay của phim ảnh.)

d. Theo một trật tự đếm từ các màu của ánh sáng, các màu cơ bản là đỏ, xanh lam, xanh lục, ứng với 1, 2 và 3. Các màu thứ cấp được tạo ra bởi đỏ cộng xanh lục cộng xanh lam là tím đỏ-magenta (đỏ cộng xanh lam), cyan (xanh lam cộng xanh lục), và vàng (đỏ cộng xanh lục).

e. Màu thứ bảy là sự tổng hợp, mà trong ánh sáng là màu trắng. Sự tổng hợp của mọi sắc tố của vật chất (đỏ cộng xanh lam cộng vàng) là màu đen (bẩn), với sự bất lực của một chất liệu trong việc hấp thụ (hay khước từ) ánh sáng (trắng).

Mỗi hoa sen thái dương này, hay các hệ hành tinh,

171. A planetary scheme is a solar lotus. It is good to understand the various ways of describing the same thing.

171. Một hệ hành tinh là một hoa sen thái dương. Thật tốt khi thấu hiểu các cách khác nhau để mô tả cùng một điều.

unfolds in three great stages of activity, in each one of which one of the three types of energy dominates.

khai mở trong ba giai đoạn hoạt động lớn, trong mỗi giai đoạn ấy một trong ba loại năng lượng chiếm ưu thế.

172. A hint is here given that there will be secondary and tertiary colors found in each solar lotus and that at different stages of unfoldment, different colors in the lotus will stand forth.

172. Ở đây có một gợi ý rằng sẽ có các màu phụ và màu bậc ba được tìm thấy trong mỗi hoa sen thái dương, và ở những giai đoạn khai mở khác nhau, những màu khác nhau trong hoa sen sẽ nổi bật lên.

173. Is it possible that these secondary and tertiary colors correspond to the two 'other' rays of the Planetary Logos in question?>

173. Có thể nào những màu phụ và màu bậc ba này tương ứng với hai cung "khác" của Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến không?>

174. We know (from writing in a later book, *Esoteric Astrology*) that three major rays of the Earth are the first, second and third, corresponding roughly to red, blue and green. Is it reasonable to think that the colors of the major petals correspond to the monadic ray, with the other two colors corresponding to the soul and personality rays?

174. Chúng ta biết (từ những gì được viết trong một quyển sách sau này, *Chiêm Tinh Học Nội Môn*) rằng ba cung chính của Trái Đất là cung một, cung hai và cung ba, tương ứng đại khái với đỏ, xanh lam và xanh lục. Có hợp lý không khi nghĩ rằng màu của các cánh chính tương ứng với cung chân thần, còn hai màu kia tương ứng với cung linh hồn và cung phàm ngã?

175. We can see how a planet could play three different roles in a solar system, depending upon the color which it was most vibrantly demonstrating at a particular time.

175. Chúng ta có thể thấy một hành tinh có thể đóng ba vai trò khác nhau trong một hệ mặt trời như thế nào, tùy theo màu mà nó đang biểu lộ rung động mạnh mẽ nhất vào một thời điểm nhất định.

176. Earth, for instance, is most powerfully demonstrating the third ray—the ray of its personality. Does it presently have a function which is more of third ray nature than of a second or first ray nature?

176. Chẳng hạn, Trái Đất đang biểu lộ mạnh mẽ nhất cung ba—cung phàm ngã của nó. Hiện nay nó có một chức năng mang bản chất cung ba nhiều hơn là bản chất cung hai hay cung một chăng?

177. Eventually, perhaps in the next solar system, but perhaps slightly before, the Earth will begin responding to its monadic ray, which is now occultly "non-effective" (EA 363). Does this mean that, at that time, the color red will be the primary color demonstration of this planet?

177. Cuối cùng, có lẽ trong hệ mặt trời kế tiếp, nhưng cũng có lẽ sớm hơn đôi chút, Trái Đất sẽ bắt đầu đáp ứng với cung chân thần của nó, vốn hiện nay một cách huyền bí là "không hữu hiệu" (EA 363). Điều này có nghĩa là vào lúc ấy, màu đỏ sẽ là màu biểu lộ chính yếu của hành tinh này chăng?

178. We are dealing with the mystery of mutability or relativity of planetary function in time and space.

178. Chúng ta đang đề cập đến huyền nhiệm của tính biến đổi hay tính tương đối của chức năng hành tinh trong thời gian và không gian.

As the unfolding proceeds, the vibratory activity increases, and the ***appearance*** **of the manifesting activity changes.**

Khi sự khai mở tiếp diễn, hoạt động rung động gia tăng, và ***vẻ ngoài*** **của hoạt động biểu hiện thay đổi.**

179. Due to increase of vibration, any sphere of expression alters its appearance. Does it also alter its *function* within the whole of which it is a part?

179. Do sự gia tăng rung động, bất kỳ khối cầu biểu hiện nào cũng thay đổi vẻ ngoài của nó. Nó cũng có thay đổi *chức năng* của nó trong toàn thể mà nó là một phần của toàn thể ấy không?

a. The motion of the lotus or wheel for a long time is simply that of a slow revolution.

a. Chuyển động của hoa sen hay bánh xe trong một thời gian dài đơn giản chỉ là một sự quay vòng chậm.

180. This is certainly so for the microcosmic chakras. They are relatively quiescent, saucer-like depressions which pulsate and which rotate very slowly.

180. Điều này chắc chắn đúng đối với các luân xa vi mô. Chúng tương đối tĩnh, là những chỗ lõm giống chiếc đĩa, có sự rung nhịp và quay rất chậm.

181. Macrocosmically, do we have any planetary schemes which are presently in this condition? If so, how would we identify them?

181. Ở cấp đại vĩ mô, hiện nay có hệ hành tinh nào ở trong tình trạng này không? Nếu có, chúng ta sẽ nhận diện chúng như thế nào?

b. Later, for a **still vaster period**, each petal revolves within the greater whole, and at an angle different to that of the whole revolution.

b. Về sau, trong một **thời kỳ còn bao la hơn nữa**, mỗi cánh quay vòng bên trong toàn thể lớn hơn, và theo một góc khác với góc của toàn bộ sự quay vòng.

182. Analogically, it seems that petals could almost have their own 'orbits' around the center of the lotus.

182. Theo phép tương đồng, dường như các cánh gần như có thể có những "quỹ đạo" riêng quanh trung tâm của hoa sen.

183. It is interesting that this second phase last even *longer* than the first. In the unfoldment of the egoic lotus, the first phase of unfoldment (that of the first circle of petals) is by far the longest.

183. Điều thú vị là giai đoạn thứ hai này kéo dài còn *lâu hơn* giai đoạn đầu. Trong sự khai mở của hoa sen chân ngã, giai đoạn khai mở đầu tiên (giai đoạn của vòng cánh thứ nhất) là dài nhất vượt xa.

184. We can say that "revolution" is a type of movement corresponding to the second ray, and rotation to the third.

184. Chúng ta có thể nói rằng "quay vòng" là một loại chuyển động tương ứng với cung hai, còn quay tròn tương ứng với cung ba.

185. When we consider this "angle different to that of the whole revolution", we may wish to remember that planes rotate from east to west and rays from north to south. Are we dealing with the formation of the cross?

185. Khi xem xét "góc khác với góc của toàn bộ sự quay vòng" này, chúng ta có thể muốn nhớ rằng các cõi quay từ đông sang tây và các cung từ bắc xuống nam. Chúng ta có đang đề cập đến sự hình thành của thập giá không?

c. Finally, these two activities are increased by the appearance of a form of energy which, originating from the centre, **pulsates** so powerfully that it produces what look to be streams of energy passing backwards and forwards from the centre to the periphery.

c. Cuối cùng, hai hoạt động này được gia tăng bởi sự xuất hiện của một dạng năng lượng, khởi phát từ trung tâm, **rung nhịp** mạnh mẽ đến mức tạo ra điều trông như những dòng năng lượng đi qua đi lại từ trung tâm đến chu vi.

186. This type activity is more of a pulsation and corresponds to the first ray. We have the appearance of that which goes 'out' and then 'returns'. The first ray impulses an entity along the path of its 'journey' and then draws it back

186. Loại hoạt động này mang tính rung nhịp nhiều hơn và tương ứng với cung một. Chúng ta có vẻ ngoài của điều gì đó đi "ra ngoài" rồi "trở về". Cung một thúc đẩy một thực thể dọc theo con đường "hành trình" của nó rồi lại kéo nó trở về

187. The following quotation will have its relevance in this context:

187. Trích dẫn sau đây sẽ có liên hệ trong bối cảnh này:

188.

188.

"The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; **it**

"Bản thân Bảo Châu vẫn ở trạng thái tĩnh một cách huyền bí, và không tuần hoàn. Nó

pulsates rhythmically as does the heart of man, and from it ray forth eight streams of living fire which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold energy is atma-buddhi. It is this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego." (TCF 1118-1119)

là một điểm bình an; **nó rung nhịp theo nhịp điệu như tim con người**, và từ đó phóng ra tám dòng lửa sống động vươn đến chót của bốn cánh bác ái và bốn cánh hi sinh. Năng lượng bát phân này là atma-buddhi. Chính sự phóng xạ cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể của Chân ngã." (TCF 1118-1119)

d. When these three are working in unison, the effect is wonderful in the extreme, and impossible for the eye to follow, the mind of man to conceive, or the pen to express in words.

d. Khi ba điều này hoạt động đồng nhất, hiệu quả là kỳ diệu đến tột bậc, và mắt không thể theo dõi, trí tuệ con người không thể hình dung, hay ngòi bút không thể diễn tả thành lời.

189. DK seems to be speaking of the consummation of any lotus, including the egoic lotus at the fourth initiation.

189. DK dường như đang nói về sự viên mãn của bất kỳ hoa sen nào, kể cả hoa sen chân ngã ở lần điểm đạo thứ tư.

It is this stage, macrocosmic and microcosmic, which constitutes the different grades of alignment, for it must never be forgotten by students that all that manifests is a sphere,

Chính giai đoạn này, ở cấp đại vĩ mô và vi mô, tạo thành các cấp độ chỉnh hợp khác nhau, vì đạo sinh không bao giờ được quên rằng mọi thứ biểu hiện đều là một khối cầu,

190. All forms of manifestation are essentially spherical. This has to do with the inner forms. Perhaps, eventually, the outer form, too, will take on a spherical appearance—even the appearance of man.

190. Mọi hình tướng biểu hiện về bản chất đều có dạng hình cầu. Điều này liên quan đến các hình thức bên trong. Có lẽ cuối cùng, hình thức bên ngoài cũng sẽ mang dáng vẻ hình cầu—ngay cả dáng vẻ của con người.

191. The consummatory phase is a spherical phase.

191. Giai đoạn viên mãn là một giai đoạn hình cầu.

and **alignment really consists in unimpeded communication between the heart of the sphere and the periphery or the bound of the influence of the dynamic will and the centre**.

và **chỉnh hợp thực sự bao gồm sự giao tiếp không bị cản trở giữa tim của khối cầu và chu vi hay ranh giới của ảnh hưởng của ý chí năng động và trung tâm**.

192. This is a *most important* definition of alignment, and transfers our thought

192. Đây là một định nghĩa *hết sức quan trọng* về chỉnh hợp, và chuyển tư tưởng của

towards the dynamic of “in and out” rather than “up and down”.

chúng ta về phía động lực của “vào và ra” hơn là “lên và xuống”.

193. “Up and down” and “in and out” are really arbitrary descriptions of the increase and decrease of vibration, however there is seemingly more occult reality in “in and out” than in “up and down”. For example, we are told that “the Kingdom of God is *within* ”. We are not told (esoterically), as so many believers seem to believe, that the ‘Kingdom of God is *above* ”.

193. “Lên và xuống” và “vào và ra” thực ra chỉ là những mô tả tùy ý về sự tăng và giảm rung động; tuy nhiên dường như có nhiều thực tại huyền bí hơn trong “vào và ra” so với “lên và xuống”. Thí dụ, chúng ta được bảo rằng “Thiên Giới ở *bên trong* ”. Chúng ta không được bảo (một cách huyền bí), như rất nhiều tín đồ dường như tin, rằng “Thiên Giới *ở phía trên* ”.

Within each planetary scheme, are found the seven chains which are the seven planetary centres,

Bên trong mỗi hệ hành tinh, có bảy dãy là bảy trung tâm hành tinh,

194. This corresponds to the seven major planetary schemes which serve as the seven major chakras in the energy system of the Solar Logos.

194. Điều này tương ứng với bảy hệ hành tinh chính, vốn phục vụ như bảy luân xa chính trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế.

and again within the chain are the seven globes which are the chain centres,

và lại nữa, bên trong dãy có bảy bầu hành tinh là các trung tâm của dãy,

195. The septenates continue to descend (and ascend).

195. Các bộ bảy tiếp tục giáng xuống (và đi lên).

but students would do well not to study the globes from the point of view of centres until their knowledge of the mystery underlying dense physical substance is greater, or they will be led into error.

nhưng các đạo sinh nên tránh nghiên cứu các bầu hành tinh từ quan điểm các trung tâm cho đến khi kiến thức của họ về huyền nhiệm nằm bên dưới chất liệu hồng trần đậm đặc lớn hơn, nếu không họ sẽ bị dẫn vào sai lầm.

196. Master DK did not say not to study the *chains* from the point of view of centres.

196. Chân sư DK không nói rằng không nên nghiên cứu các *dãy* từ quan điểm các trung tâm.

197. The study of globes must include a solution to the question of whether globes are mono-dimensional or multidimensional. Chains are obviously multidimensional. I

197. Việc nghiên cứu các bầu hành tinh phải bao gồm lời giải cho câu hỏi liệu các bầu hành tinh là đơn chiều hay đa chiều. Các dãy hiển nhiên là đa chiều. Tôi cũng nghĩ rằng

also think that the best solution to discover the true nature of a globe is to consider it multi-dimensional as well.

198. This will mean, in very practical terms, that the Earth-globe of the Earth-chain of the Earth-scheme is *not* made simply of dense physical matter as some theosophical books may seem to suggest.

The lower down one seeks to carry the correspondence, the more the likelihood of error. **The correspondence must lie in quality and in principle expressed, but not in form**. [Page 1166]

199. This is a general principle concerning the way to pursue an understanding of correspondences. It would be well for us not to force analogies or correspondences in detail. Similarity lies in general structure and quality, but the uniqueness of each E/entity demands diversification and, thus, deviation from the hypothesized correspondence.

giải pháp tốt nhất để khám phá bản chất thật của một bầu hành tinh là xem nó cũng là đa chiều.

198. Điều này sẽ có nghĩa, theo những thuật ngữ rất thực tiễn, rằng địa cầu của Dãy Địa Cầu trong hệ hành tinh Trái Đất *không* được cấu thành đơn giản chỉ bằng vật chất hồng trần đậm đặc như một số sách Thông Thiên Học dường như gợi ý.

Càng tìm cách mang sự tương ứng xuống thấp hơn, khả năng sai lầm càng lớn. **Sự tương ứng phải nằm trong phẩm tính và trong nguyên khí được biểu lộ, chứ không phải trong hình tướng**. [Page 1166]

199. Đây là một nguyên lý tổng quát liên quan đến cách theo đuổi sự thấu hiểu về các tương ứng. Chúng ta nên tránh ép buộc các phép loại suy hay các tương ứng vào chi tiết. Sự tương tự nằm trong cấu trúc tổng quát và phẩm tính, nhưng tính độc đáo của mỗi thực thể đòi hỏi sự biến phân và do đó sự lệch khỏi sự tương ứng được giả định.

S9S10 Part I

TCF 1167-1173

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the

TCF 1166-1173

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi trình chiếu trong lớp học. Cước chú và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ

overall meaning of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

1. We now enter a very important section dealing with occult law. Upon occult law the workings of our planet, our solar system and our cosmos are based.

SECTION TWO

DIVISION F

THE LAW OF ATTRACTION

I. The Subsidiary laws.

1. Law of Chemical Affinity.

2. This is largely attraction within the field of matter. Of course, there must also be etheric, astral and mental chemistry, but usually when we speak of "chemical affinity" we are dealing with atoms of what is conventionally regarded as material substance.

2. Law of Progress.

3. Progress (i.e., movement from present conditions to conditions more resembling archetypal patterns) occurs because of the great *drawing power* of the second ray of Love-Wisdom. One could say that archetypes are *magnetic.*

3. Law of Sex.

4. This is one of the great laws obviously related to the Law of Attraction. It involves, as we all realize, attraction between the

truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. Giờ đây chúng ta bước vào một phần rất quan trọng đề cập đến quy luật huyền bí. Trên quy luật huyền bí mà các hoạt động của hành tinh chúng ta, hệ mặt trời chúng ta và vũ trụ chúng ta được đặt nền tảng.

PHẦN HAI

PHÂN ĐOẠN F

ĐỊNH LUẬT HẤP DẪN

I. Các định luật phụ thuộc.

1. Định luật Ái lực Hóa học.

2. Đây phần lớn là sự hấp dẫn trong phạm vi của vật chất. Dĩ nhiên, cũng phải có hóa học dĩ thái, cảm dục và trí tuệ, nhưng thông thường khi chúng ta nói về "ái lực hóa học" thì chúng ta đang đề cập đến các nguyên tử của điều vốn theo quy ước được xem là chất liệu vật chất.

2. Định luật Tiến bộ.

3. Tiến bộ (tức là sự chuyển động từ các điều kiện hiện tại đến các điều kiện giống hơn với các mô hình nguyên mẫu) xảy ra do *mãnh lực lôi kéo* vĩ đại của cung hai Bác Ái – Minh Triết. Có thể nói rằng các nguyên mẫu có tính *từ tính.*

3. Định luật Tính dục.

4. Đây là một trong những định luật lớn hiển nhiên có liên hệ với Định luật Hấp dẫn. Nó bao hàm, như tất cả chúng ta đều nhận ra, sự

poles. As we usually understand it, it is active in relation to the lower four kingdoms.

hấp dẫn giữa các cực. Theo cách chúng ta thường hiểu, nó hoạt động liên hệ với bốn giới thấp.

4. Law of Magnetism.

4. Định luật Từ điện.

5. The Law of Attraction is inseparable from the Law of Magnetism. We know that the Law of Attraction (and Repulsion) is largely a second ray law. We have also been told that magnetism is as much a first ray phenomenon as one related to the second ray. It will be interesting to see how Master DK treats this distinction.

5. Định luật Hấp dẫn không thể tách rời khỏi Định luật Từ điện. Chúng ta biết rằng Định luật Hấp dẫn (và Đẩy lùi) phần lớn là một định luật cung hai. Chúng ta cũng đã được bảo rằng từ điện cũng là một hiện tượng cung một không kém gì là điều liên hệ với cung hai. Sẽ rất thú vị khi xem Chân sư DK xử lý sự phân biệt này như thế nào.

5. Law of Radiation.

5. Định luật Phóng xạ.

6. When the Law of Attraction has done its work, the configurations completed are archetypal in nature and thus radiant.

6. Khi Định luật Hấp dẫn đã hoàn thành công việc của nó, các cấu hình được hoàn tất có bản chất nguyên mẫu và do đó có tính phóng xạ.

6. Law of the Lotus.

6. Định luật của Hoa Sen.

7. We will look for DK's specific method of describing this law. We know that lotuses unfold (a great symbol of the unfoldment of consciousness) and that this unfoldment proceeds once the qualities and energies needed are magnetically gathered into the right configuration.

7. Chúng ta sẽ tìm kiếm phương pháp đặc thù của DK trong việc mô tả định luật này. Chúng ta biết rằng các hoa sen khai mở (một biểu tượng lớn của sự khai mở tâm thức) và sự khai mở này tiến hành một khi các phẩm tính và năng lượng cần thiết được tập hợp bằng từ tính vào đúng cấu hình.

7. Law of Colour.

7. Định luật Màu sắc.

8. The phenomenon of color is specifically related to the fourth ray and the Law of Attraction to the second ray. The fourth and second rays are intimately related, just as harmony and unity are related.

8. Hiện tượng màu sắc liên hệ đặc biệt với cung bốn và Định luật Hấp dẫn với cung hai. Cung bốn và cung hai liên hệ mật thiết với nhau, cũng như hòa điệu và hợp nhất liên hệ với nhau.

8. Law of Gravitation.

8. Định luật Trọng lực.

9. We can understand the direct connection here. Gravitation is a direct expression of the Law of Attraction; in space bodies are drawn together (yet also repelled).

9. Chúng ta có thể hiểu mối liên hệ trực tiếp ở đây. Trọng lực là một biểu hiện trực tiếp của Định luật Hấp dẫn; trong không gian các thiên thể bị kéo lại gần nhau (nhưng cũng bị đẩy ra).

9. Law of Planetary Affinity.

9. Định luật Ái lực Hành tinh.

10. If one is an astrologer, one understands this law on an elementary level. Certain planets have a natural affinity for each other and others an antipathy. Yet all, because they are all the members of a 'solar group', have a deep level of affinity.

10. Nếu một người là nhà chiêm tinh học, người ấy hiểu định luật này ở cấp độ sơ đẳng. Một số hành tinh có ái lực tự nhiên với nhau và những hành tinh khác thì có phản cảm. Tuy nhiên tất cả, bởi vì tất cả đều là thành viên của một "nhóm thái dương", đều có một cấp độ ái lực sâu xa.

11. Venus and Neptune, for instance, have a strong affinity. Mercury and Uranus also. Mars and Pluto also. But Saturn and Jupiter are in a way, opposites, as are Saturn and Neptune and even Saturn and Uranus (though here affinity can be more easily found.)

11. Chẳng hạn, Sao Kim và Sao Hải Vương có ái lực mạnh. Sao Thủy và Sao Thiên Vương cũng vậy. Sao Hỏa và Sao Diêm Vương cũng vậy. Nhưng Sao Thổ và Sao Mộc theo một nghĩa nào đó là các đối cực, cũng như Sao Thổ và Sao Hải Vương, và ngay cả Sao Thổ và Sao Thiên Vương (dù ở đây ái lực có thể được tìm thấy dễ hơn.)

10. Law of Solar Unity. [full extent of this commentary]

10. Định luật Hợp nhất Thái dương. [full extent of this commentary]

12. Nothing more is said of this law, but we can imagine that through its effects all B/beings within our solar system are held together coherently and, finally, in complete mutual support and enhancement.

12. Không có gì thêm được nói về định luật này, nhưng chúng ta có thể hình dung rằng qua các hiệu quả của nó, mọi hữu thể bên trong hệ mặt trời của chúng ta được giữ lại với nhau một cách cố kết và cuối cùng trong sự hỗ trợ và tăng cường lẫn nhau hoàn toàn.

13. The following laws will be dealt with in Semester 9 Section 11.

13. Các định luật sau đây sẽ được bàn đến trong Học kỳ 9 Phần 11.

11. Law of the Schools. [see S9S11]

11. Định luật của các Trường phái. [see S9S11]

II. Its Effects.

1. Association.

2. Form Building.

3. Adaptation of form to life.

4. Group Unity.

III. Group Relations.

1. Three atomic relations.

2. Seven laws of group work.

3. Twenty-two methods of interplay.

II. Các hiệu quả của nó.

1. Sự kết hợp.

2. Sự kiến tạo hình tướng.

3. Sự thích ứng của hình tướng với sự sống.

4. Hợp nhất nhóm.

III. Các liên hệ nhóm.

1. Ba liên hệ nguyên tử.

2. Bảy định luật của công việc nhóm.

3. Hai mươi hai phương pháp tương tác.

This law is, as we know, the basic law of all manifestation, and the paramount law for this solar system.

Định luật này, như chúng ta biết, là định luật căn bản của mọi biểu hiện, và là định luật tối thượng đối với hệ mặt trời này.

14. We are speaking of the Law of Attraction. Since our solar system is profoundly a second ray solar system (perhaps the final monadic ray of the Solar Logos is the second ray) we can see why the Law of Attraction is *paramount* for our Solar Logos.

14. Chúng ta đang nói về Định luật Hấp dẫn. Vì hệ mặt trời của chúng ta sâu xa là một hệ mặt trời cung hai (có lẽ cung chân thần cuối cùng của Thái dương Thượng đế là cung hai), chúng ta có thể thấy vì sao Định luật Hấp dẫn là *tối thượng* đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

15. This means, of course, that no matter what may be our individual monadic ray, it must, in this solar system, be considered subsidiary to the Law of Attraction and to the great Second Ray of Love-Wisdom.

15. Dĩ nhiên điều này có nghĩa là bất kể cung chân thần cá nhân của chúng ta là gì, trong hệ mặt trời này nó phải được xem là phụ thuộc vào Định luật Hấp dẫn và vào cung Hai vĩ đại của Bác Ái – Minh Triết.

It might strictly be called the **Law of Adjustment or of Balance**,

Nói một cách nghiêm ngặt, nó có thể được gọi là **Định luật Điều chỉnh hay Cân bằng**,

16. Dường như có điều gì đó của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình cũng được hàm ý,

16. Something of the sign Libra seems implicated as well as a certain suggestion of the third ray in the term “Adjustment”.

cùng với một gợi ý nào đó về cung ba trong thuật ngữ “Điều chỉnh”.

17. Libra is, in many ways, a sign transmitting the second ray and so can be closely related to the second ray Law of Attraction.

17. Thiên Bình, theo nhiều cách, là một dấu hiệu truyền dẫn cung hai và vì thế có thể liên hệ chặt chẽ với Định luật Hấp dẫn của cung hai.

for it **conditions that aspect of electrical phenomena which we call *neutral*.**

vì nó **tác động lên phương diện của các hiện tượng điện mà chúng ta gọi là *trung tính*.**

18. This type of electrical phenomenon occupies the midway point between positive and negative electrical phenomena. ‘Neutral’ electricity is not yet understood, the Tibetan tells us. Probably when the nature of solar fire is better understood there will also come an understanding of this intermediary type of electricity.

18. Loại hiện tượng điện này chiếm điểm ở giữa giữa các hiện tượng điện dương và âm. Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết rằng điện “trung tính” vẫn chưa được hiểu. Có lẽ khi bản chất của Lửa Thái dương được hiểu rõ hơn thì cũng sẽ xuất hiện sự thấu hiểu về loại điện trung gian này.

19. It appears that ‘neutral electricity’ (if we can rightfully call it that) balances and equilibrates the relationship between positive and negative electricity.

19. Dường như “điện trung tính” (nếu chúng ta có thể gọi nó như vậy một cách chính đáng) cân bằng và quân bình hóa mối liên hệ giữa điện dương và điện âm.

20. One wonders, since electrical phenomena are based on the relation between the poles, whether the star “Electra” in the Pleiades is not an expression of the Law of Attraction and the second ray.

20. Người ta tự hỏi, vì các hiện tượng điện dựa trên mối liên hệ giữa các cực, liệu ngôi sao “Electra” trong chòm Thất Nữ có phải là một biểu hiện của Định luật Hấp dẫn và cung hai hay không.

The Law of Economy is the basic law of one pole, that of the negative aspect;

Định luật Tiết Kiệm là định luật căn bản của một cực, tức cực âm;

21. This is the material pole. The Law of Economy characterized systemic processes in the previous incarnation of our Solar Logos, i.e., in the previous solar system.

21. Đây là cực vật chất. Định luật Tiết Kiệm đặc trưng cho các tiến trình hệ thống trong lần lâm phàm trước của Thái dương Thượng đế của chúng ta, tức là trong hệ mặt trời trước.

the Law of Synthesis is the basic law of the positive pole,

Định luật Tổng hợp là định luật căn bản của cực dương,

22. This is the law which will characterize the solar system to come—the next incarnation of our Solar Logos. Under the Law of Synthesis we can expect culminative results in that system— *if* any of us actually participate in it. It is suggested that those whose monadic ray is the first are now forming a kind of 'seed-group' for developments in that system. Naturally, this cannot apply to all first ray Monads.

22. Đây là định luật sẽ đặc trưng cho hệ mặt trời sắp đến—lần lâm phàm kế tiếp của Thái dương Thượng đế của chúng ta. Dưới Định luật Tổng hợp, chúng ta có thể mong đợi các kết quả viên mãn trong hệ ấy— *nếu* bất kỳ ai trong chúng ta thực sự tham dự vào đó. Có gợi ý rằng những ai có cung chân thần là cung một hiện đang hình thành một loại "Nhóm hạt giống" cho các phát triển trong hệ ấy. Dĩ nhiên, điều này không thể áp dụng cho mọi Chân thần cung một.

but the Law of Attraction is the law for the fire which is produced [Page 1167] by the merging during evolution of the two poles.

nhưng Định luật Hấp dẫn là định luật dành cho ngọn lửa được tạo ra [Page 1167] bởi sự hòa nhập trong tiến hoá của hai cực.

23. Then did not solar fire pre-exist the merging of the two poles? Is it merely a byproduct of that merging? Or is it the manifestation of solar fire (neutral electricity) *through form* which occurs as a result of the merging of the two poles?

23. Vậy thì chẳng phải Lửa Thái dương đã hiện hữu từ trước khi hai cực hợp nhất hay sao? Có phải nó chỉ đơn thuần là một sản phẩm phụ của sự hợp nhất ấy không? Hay nó là sự biểu hiện của Lửa Thái dương (điện trung hòa) *thông qua hình tướng* xảy ra như là kết quả của sự hợp nhất hai cực?

24. Certainly solar fire and neutral electricity (*cosmically* considered) pre-existed the merging of the two poles in the constitution of intra-systemic B/beings including man. We must realize that there are many strata of solar fire.

24. Chắc chắn Lửa Thái dương và điện trung hòa (nếu xét *về mặt vũ trụ*) đã hiện hữu trước sự hợp nhất của hai cực trong cấu tạo của các hữu thể nội hệ thống, kể cả con người. Chúng ta phải nhận ra rằng có nhiều tầng lớp của Lửa Thái dương.

25. It would seem that the great cosmic Second Aspect has been present in universe since its beginning on planes far higher than the cosmic physical.

25. Dường như Phương diện thứ hai vĩ đại của vũ trụ đã hiện diện trong vũ trụ ngay từ khởi thủy của nó trên những cõi cao hơn rất nhiều so với cõi hồng trần vũ trụ.

26. Yet we can also ask if it did not appear when the Universal Father and the Universal

26. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể hỏi liệu nó đã không xuất hiện khi Người Cha Vũ Trụ và Người Mẹ Vũ Trụ hợp nhất qua một tiến

Mother merged through a process endlessly beyond our understanding.

trình vượt xa sự thấu hiểu của chúng ta đến vô tận hay sao.

From the standpoint of the human being, **it is that which brings about the realisation of self-consciousness**;

Xét từ quan điểm của con người, **chính nó mang lại sự chứng nghiệm ngã thức thực sự**;

27. For man, it is the Solar Angel which provides the presence of this 'neutral electricity' or solar fire—at least in this solar system and on this chain.

27. Đối với con người, chính Thái dương Thiên Thần cung cấp sự hiện diện của "điện trung hòa" hay Lửa Thái dương này—ít nhất là trong hệ mặt trời này và trên dãy này.

28. In an earlier chain, animal man 'worked his way into' solar fire through an unconscious aspiration towards the Spirit aspect inherent in his nature.

28. Trong một dãy trước đây, người thú đã "tự mình tiến vào" Lửa Thái dương qua một khát vọng vô thức hướng về phương diện Tinh thần vốn cố hữu trong bản chất của y.

from the point of view of the subhuman beings it is that which draws all forms of life on to self-realisation;

xét từ quan điểm của các hữu thể dưới nhân loại, chính nó lôi cuốn mọi hình thức sự sống tiến tới sự tự chứng ngộ;

29. We can see that 'neutral electricity' does have a *drawing* power with respect to the third aspect of divinity through which subhuman beings express.

29. Chúng ta có thể thấy rằng "điện trung hòa" quả thật có một quyền năng *lôi cuốn* đối với phương diện thứ ba của thiên tính, qua đó các hữu thể dưới nhân loại biểu lộ.

30. 'Neutral electricity' is not neutral in the sense of being *inert*— such as a neutral element in the periodic table. It would seem that 'neutral electricity' is attracted to the positive pole and attracts the negative pole. Through solar fire or 'neutral electricity' the poles are mediated and brought together. We would think that Venus should be a very powerful representative of 'neutral electricity'.

30. "Điện trung hòa" không trung hòa theo nghĩa là *trơ ì*— như một nguyên tố trung tính trong bảng tuần hoàn. Dường như "điện trung hòa" bị hút về cực dương và hút cực âm. Thông qua Lửa Thái dương hay "điện trung hòa", các cực được làm trung gian và được đưa lại gần nhau. Chúng ta hẳn sẽ nghĩ rằng Sao Kim phải là một đại diện rất mạnh mẽ của "điện trung hòa".

31. Subhuman beings are 'raised' towards individualization or initial self-realization. We thus see that the neutrality of 'neutral electricity' does not prevent it from being magnetic.

31. Các hữu thể dưới nhân loại được "nâng lên" hướng tới sự biệt ngã hóa hay sự tự chứng ngộ ban đầu. Vì vậy, chúng ta thấy rằng tính trung hòa của "điện trung hòa" không ngăn cản nó mang tính từ tính.

whilst in connection with the superhuman aspect it may be stated that **this law of life expands into the processes conditioned by the higher law of Synthesis**, of which the **Law of Attraction is but a subsidiary branch.**

trong khi liên hệ với phương diện siêu nhân loại, có thể nói rằng **định luật sự sống này mở rộng vào các tiến trình được tác động bởi định luật cao hơn của Tổng Hợp**, mà trong đó **Định luật Hấp Dẫn chỉ là một nhánh phụ thuộc.**

32. Is the Law of Economy also a subsidiary branch of the Law of Synthesis or is it a subsidiary branch of the Law of Attraction?

32. Vậy Định luật Tiết Kiệm cũng là một nhánh phụ thuộc của Định luật Tổng Hợp hay là một nhánh phụ thuộc của Định luật Hấp Dẫn?

33. There is a definite connection between the Law of Attraction and the Law of Synthesis. The results of the Law of Attraction must, however, precede the application of the Law of Synthesis.

33. Có một mối liên hệ xác định giữa Định luật Hấp Dẫn và Định luật Tổng Hợp. Tuy nhiên, các kết quả của Định luật Hấp Dẫn phải đi trước sự áp dụng của Định luật Tổng Hợp.

34. We see that the work of expansive Jupiter is, in our solar system, involved in the transition from the Law of Attraction to the Law of Synthesis. Jupiter has a powerful second ray and it has also been seriously questioned whether the *ultimate* monadic ray of Jupiter might not be the *first*.

34. Chúng ta thấy rằng công việc của Sao Mộc có tính mở rộng, trong hệ mặt trời của chúng ta, có liên quan đến sự chuyển tiếp từ Định luật Hấp Dẫn sang Định luật Tổng Hợp. Sao Mộc có một cung hai rất mạnh, và người ta cũng đã nghiêm túc đặt câu hỏi liệu cung chân thần *tối hậu* của Sao Mộc có thể lại không phải là cung *một*.

35. What is important for us to realize is that the Law of Attraction, if followed wisely, will lead towards synthesis.

35. Điều quan trọng để chúng ta chứng nghiệm là Định luật Hấp Dẫn, nếu được tuân theo một cách minh triết, sẽ dẫn tới tổng hợp.

36. One difference between the Law of Attraction and the Law of Synthesis is that under the Law of Synthesis difference is hidden and form is blotted out. This is not the case once the Law of Attraction has completed its work. Form still exists, but the relationship between forms is *unitive* rather than characterized by *homogeneity* as under the Law of Synthesis.

36. Một khác biệt giữa Định luật Hấp Dẫn và Định luật Tổng Hợp là dưới Định luật Tổng Hợp, sự khác biệt bị che khuất và hình tướng bị xóa mờ. Điều này không xảy ra khi Định luật Hấp Dẫn đã hoàn tất công việc của nó. Hình tướng vẫn còn tồn tại, nhưng mối liên hệ giữa các hình tướng thì *hợp nhất* hơn là mang đặc tính *đồng nhất* như dưới Định luật Tổng Hợp.

37. The Law of Synthesis carries a second ray connotation within a first ray context. It creates certain dynamics which express the Law of Attraction on a higher turn of the spiral.

37. Định luật Tổng Hợp mang một hàm ý cung hai trong một bối cảnh cung một. Nó tạo ra những động lực nhất định biểu lộ Định luật Hấp Dẫn trên một vòng xoắn cao hơn.

38. It would seem that the Law of Synthesis will reach its apotheosis in the next solar system. Inherently, it is a higher law than the Law of Attraction, yet one wonders whether in this second ray solar system the Law of Attraction might not be preeminent. One would expect that a *thorough* synthesis is not possible in *this* system as it will be in the next. In *this* system it might be more logical to expect a *thorough* expression of the Law of Attraction.

38. Dường như Định luật Tổng Hợp sẽ đạt đến cực điểm vinh quang của nó trong hệ mặt trời kế tiếp. Vốn tự thân, nó là một định luật cao hơn Định luật Hấp Dẫn, tuy nhiên người ta vẫn tự hỏi liệu trong hệ mặt trời cung hai này, Định luật Hấp Dẫn có thể không phải là định luật trổi vượt hay sao. Người ta hẳn sẽ mong đợi rằng một sự tổng hợp *triệt để* không thể có được trong hệ thống *này* như nó sẽ có trong hệ thống kế tiếp. Trong hệ thống *này* có lẽ hợp lý hơn khi mong đợi một sự biểu lộ *triệt để* của Định luật Hấp Dẫn.

Strictly speaking, the Law of Attraction is **a generic term** under which are grouped several other laws similar in nature but diverse in their manifestations.

Nói một cách nghiêm ngặt, Định luật Hấp Dẫn là **một thuật ngữ tổng quát**, dưới đó được gom nhóm một số định luật khác tương tự về bản chất nhưng khác nhau trong biểu hiện.

39. Discrimination will now be needed. Nature may be similar but manifestation distinct.

39. Giờ đây cần đến sự phân biện. Bản chất có thể tương tự nhưng biểu hiện lại khác biệt.

40. We have to isolate that factor, that common denominator which can be identified as “similar”.

40. Chúng ta phải cô lập yếu tố ấy, mẫu số chung ấy, cái có thể được nhận diện là “tương tự”.

41. It is interesting that laws often spoken of as if they were unitary actually represent a grouping of processes.

41. Điều thú vị là những định luật thường được nói đến như thể chúng là đơn nhất, thực ra lại biểu thị một sự gom nhóm các tiến trình.

It might be useful if we enumerated a few of these laws, thereby enabling the student to get (as he studies them in their totality) a broad general idea as to the Law **and its**

Sẽ hữu ích nếu chúng ta liệt kê một vài định luật này, nhờ đó giúp đạo sinh có được (khi nghiên cứu chúng trong tính toàn thể của chúng) một ý niệm khái quát rộng lớn về

modifications, its spheres of influence and the scope of its activity.

Định luật **và các biến thể của nó, các phạm vi ảnh hưởng của nó và tầm mức hoạt động của nó**.

42. We can imagine that the Tibetan's treatment will not be extremely detailed. We are meant to get an overview.

42. Chúng ta có thể hình dung rằng cách Chân sư Tây Tạng trình bày sẽ không cực kỳ chi tiết. Điều chúng ta cần đạt được là một cái nhìn tổng quan.

43. In looking for the distinctions, we will be focusing on

43. Khi tìm kiếm các điểm phân biệt, chúng ta sẽ tập trung vào

a. Modifications

a. Các biến thể

b. Spheres of influence

b. Các phạm vi ảnh hưởng

c. Scope of activity

c. Tầm mức hoạt động

44. We will be searching for 'diversity in unity.'

44. Chúng ta sẽ tìm kiếm "sự đa dạng trong hợp nhất".

45. As we read *A Treatise on Cosmic Fire* we are affirmed in the idea that it is very much a treatise on Occult Law.

45. Khi đọc *Luận về Lửa Vũ Trụ* chúng ta càng được xác nhận trong ý tưởng rằng đây rất nhiều là một luận thuyết về Quy Luật Huyền Bí.

It should be noted here as a basic proposition in connection with all atoms that the **Law of Attraction governs the Soul aspect.**

Cần lưu ý ở đây như một mệnh đề căn bản liên quan đến mọi nguyên tử rằng **Định luật Hấp Dẫn chi phối phương diện linh hồn.**

46. By "atoms" DK will mean all the various kinds of atoms He has discussed in this book —even Solar Logoi considered as atoms.

46. Với từ "nguyên tử", Chân sư DK muốn nói đến mọi loại nguyên tử khác nhau mà Ngài đã bàn đến trong quyển sách này—ngay cả các Thái dương Thượng đế cũng được xem như những nguyên tử.

47. The soul is the great attractive factor within our nature.

47. Linh hồn là yếu tố hấp dẫn lớn lao bên trong bản chất của chúng ta.

48. Thus, within out energy system, our soul nature is most representative of the Law of Attraction.

48. Vì vậy, trong hệ thống năng lượng của chúng ta, bản chất linh hồn của chúng ta là đại diện rõ nhất cho Định luật Hấp Dẫn.

The Law of Economy is the law of the negative electron; the Law of Synthesis is the Law of the positive central life;

Định luật Tiết Kiệm là định luật của điện tử âm; Định luật Tổng Hợp là Định luật của sự sống trung tâm dương tính;

49. Shall we call this "positive central life" the "proton"? Or is it something still more?

49. Chúng ta có nên gọi "sự sống trung tâm dương tính" này là "proton" không? Hay nó còn là một cái gì hơn nữa?

whilst the Law of Attraction governs that which is produced by the relation of these two,

trong khi Định luật Hấp Dẫn chi phối cái được tạo ra bởi mối liên hệ của hai điều này,

50. What is produced by the relation between the two? Coherence? Cosmos? Ordered beauty?

50. Điều gì được tạo ra bởi mối liên hệ giữa hai điều ấy? Sự cố kết? Vũ trụ? Vẻ đẹp có trật tự?

51. Something is produced by the relation between the Law of Synthesis and the Law of Economy. It does not say that the Law of Attraction is produced by this relation, but that the Law of Attraction governs "that" which is produced by the relation.

51. Có một cái gì đó được tạo ra bởi mối liên hệ giữa Định luật Tổng Hợp và Định luật Tiết Kiệm. Ở đây không nói rằng Định luật Hấp Dẫn được tạo ra bởi mối liên hệ này, mà là Định luật Hấp Dẫn chi phối "cái" được tạo ra bởi mối liên hệ ấy.

52. In some ways, it would seem that that which is called by physicists the "neutron" would relate to the Law of Attraction, solar fire and "neutral electricity".

52. Theo một vài phương diện, dường như cái mà các nhà vật lý gọi là "neutron" sẽ liên hệ với Định luật Hấp Dẫn, Lửa Thái dương và "điện trung hòa".

and is itself controlled by a greater cosmic law which is the principle of the intelligence of substance. **It is the law of Akasha**.

và bản thân nó được kiểm soát bởi một định luật vũ trụ lớn hơn, là nguyên khí của trí tuệ của chất liệu. **Đó là định luật của Akasha**.

53. This is quite an arresting statement. The Law of Akasha is certainly a *cosmic* law, yet so is the Law of Attraction. Perhaps the Law of Akasha originates for our local cosmosystem from the cosmic monadic plane—the 'cosmic akashic plane'.

53. Đây quả là một phát biểu rất gây chú ý. Định luật Akasha chắc chắn là một định luật *vũ trụ*, nhưng Định luật Hấp Dẫn cũng vậy. Có lẽ Định luật Akasha phát sinh đối với vũ trụ-hệ thống cục bộ của chúng ta từ cõi chân thần vũ trụ—"cõi akasha vũ trụ".

54. Perhaps DK is telling us that Akasha, so closely related to various monadic planes, is deeply involved in some kind of cosmic attraction impulsed through cosmic sound.

54. Có lẽ Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng Akasha, vốn liên hệ rất mật thiết với nhiều cõi chân thần khác nhau, có dính líu sâu xa đến một loại hấp dẫn vũ trụ nào đó được thúc đẩy qua âm thanh vũ trụ.

55. Is the Law of Akasha in some respects a super-cosmic law?

55. Phải chăng Định luật Akasha, trong một vài phương diện, là một định luật siêu vũ trụ?

56. When dealing with *akasha* we deal with sound, pattern, attraction and with the first formal differentiations into *seven.* By referring to Chart V, 344, some hints regarding sevenfoldness of akashic planes (solar and cosmic) can be gathered.

56. Khi đề cập đến *akasha* chúng ta đề cập đến âm thanh, mô hình, hấp dẫn và những biến phân hình thức đầu tiên thành *bảy.* Khi tham chiếu đến Biểu đồ V, 344, có thể thu thập được một vài gợi ý liên quan đến tính thất phân của các cõi akasha (thái dương và vũ trụ).

It must be borne in mind that these three laws are the expression of the **intent or purpose of the three Logoic Aspects.**

Cần ghi nhớ rằng ba định luật này là sự biểu lộ của **ý định hay mục đích của ba Phương diện Thượng đế.**

57. From another point of view the "three Logoic Aspects" can be considered the "Three Persons" of the Logoic Trinity.

57. Từ một quan điểm khác, "ba Phương diện Thượng đế" có thể được xem là "Ba Ngôi" của Tam Vị Thượng đế.

58. We are now speaking of these laws as they operate within a solar logoic context. They certainly must have higher correspondences. At one point DK tells us that we have been given only *three* cosmic laws and that other, not yet revealed, do exist.

58. Giờ đây chúng ta đang nói về các định luật này khi chúng vận hành trong một bối cảnh thái dương thượng đế. Chắc chắn chúng phải có những tương ứng cao hơn. Có lúc Chân sư DK nói với chúng ta rằng chúng ta chỉ mới được ban cho *ba* định luật vũ trụ và rằng những định luật khác, chưa được mặc khải, quả thật có tồn tại.

The Law of Economy is the governing principle of Brahma or the Holy Spirit;

Định luật Tiết Kiệm là nguyên khí chi phối của Brahma hay Chúa Thánh Thần;

59. Esoterically, this law rules the five systemic planes. From a higher perspective, it rules five *cosmic* planes.

59. Một cách huyền bí, định luật này cai quản năm cõi hệ thống. Từ một viễn tượng cao hơn, nó cai quản năm cõi *vũ trụ.*

the Law of Synthesis is the law of the Father's life;

Định luật Tổng Hợp là định luật của sự sống của Người Cha;

60. This law rulers the systemic and cosmic logoic planes.

60. Định luật này cai quản cõi thượng đế của hệ thống và của vũ trụ.

whilst the Son's life is governed by, and manifests forth divine attraction.

trong khi sự sống của Người Con được chi phối bởi, và biểu lộ ra, hấp dẫn thiêng liêng.

61. The Law of Attraction rules, particularly, the systemic and probably the cosmic monadic plane, but has resonance with the systemic and cosmic buddhic and astral planes.

61. Định luật Hấp Dẫn cai quản, đặc biệt, cõi chân thần của hệ thống và có lẽ cả cõi chân thần vũ trụ, nhưng có cộng hưởng với các cõi Bồ đề và cảm dục của hệ thống và của vũ trụ.

62. The “Son’s life” is an aspect of “that” which is produced by the relation of the Law of Synthesis and the Law of Economy: “that” is ruled by the Law of Attraction.

62. “Sự sống của Người Con” là một phương diện của “cái” được tạo ra bởi mối liên hệ giữa Định luật Tổng Hợp và Định luật Tiết Kiệm: “cái” ấy được Định luật Hấp Dẫn cai quản.

Yet these three are the **three subsidiary laws** of a greater impulse

Tuy nhiên, ba định luật này là **ba định luật phụ thuộc** của một xung động lớn hơn

63. We notice that a law is called an “impulse”. The dynamic of pulsation is ruled by the first ray. One example is the pulsating "Jewel in the Lotus"

63. Chúng ta lưu ý rằng một định luật được gọi là một “xung động”. Động lực của sự rung nhịp được cai quản bởi cung một. Một ví dụ là “Bảo Châu trong Hoa Sen” đang rung nhịp

which governs the life of the Unmanifested Logos.[25] S. D., I, 56, 73, 74.[Page 1168]

điều khiển sự sống của Thượng đế Không Biểu Hiện.25 G. L. B. N., I, 56, 73, 74.[Page 1168]

64. How can we think of the “Unmanifested Logos”? Are we to think of the Solar Logos in His soul nature or in His monadic nature? Surely, both are unmanifested at this time (at least on the cosmic physical plane), especially His monadic nature which is due to manifest more fully towards the end of

64. Làm sao chúng ta có thể nghĩ về “Thượng đế Không Biểu Hiện”? Chúng ta có nên nghĩ về Thái dương Thượng đế trong bản chất linh hồn của Ngài hay trong bản chất chân thần của Ngài không? Chắc chắn cả hai đều không biểu hiện vào lúc này (ít nhất là trên cõi hồng trần vũ trụ), đặc biệt là bản chất chân thần của Ngài, vốn sẽ biểu

this solar system and particularly in the next.

65. I do not think we should think of the "Unmanifested Logos" as any of the Three Persons of the Logoic Trinity.

66. The "Unmanifested Logos" seems to be the synthesis of the Three Persons and the three laws which express these Persons.

hiện đầy đủ hơn vào cuối hệ mặt trời này và nhất là trong hệ kế tiếp.

65. Tôi không nghĩ rằng chúng ta nên xem "Thượng đế Không Biểu Hiện" là bất kỳ Ngôi nào trong Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế.

66. "Thượng đế Không Biểu Hiện" dường như là sự tổng hợp của Ba Ngôi và của ba định luật biểu lộ các Ngôi ấy.

S9S10 Part II

TCF 1168-1170

TCF 1168-1170

I. THE SUBSIDIARY LAWS

The subsidiary aspects, or laws, of the Law of Attraction might be enumerated as follows:

1. The Law of Chemical Affinity.

This law governs the **soul aspect** in the mineral kingdom.

1. Here we are dealing with the "anima mundi" or "soul of the world"—the lower worlds especially.

2. We notice that it is the consciousness or "soul aspect" of the mineral kingdom which is governed by this law more than the matter aspect.

3. It may seem unusual to think of the mineral kingdom as possessing "soul", but according to the Hylozoistic Theory there is no aspect of Creation devoid of soul or consciousness of some type.

I. CÁC ĐỊNH LUẬT PHỤ THUỘC

Các phương diện phụ thuộc, hay các định luật, của Định luật Hấp Dẫn có thể được liệt kê như sau:

1. Định luật Ái lực Hóa học.

Định luật này cai quản **phương diện linh hồn** trong giới kim thạch.

1. Ở đây chúng ta đang đề cập đến "anima mundi" hay "linh hồn của thế giới"—đặc biệt là các thế giới thấp.

2. Chúng ta lưu ý rằng chính tâm thức hay "phương diện linh hồn" của giới kim thạch được định luật này cai quản nhiều hơn là phương diện vật chất.

3. Có thể có vẻ lạ khi nghĩ rằng giới kim thạch sở hữu "linh hồn", nhưng theo Thuyết Vật Linh thì không có phương diện nào của Sáng Tạo lại thiếu vắng linh hồn hay một loại tâm thức nào đó.

It concerns the marriage of the atoms, and the romance of the elements.

Nó liên quan đến cuộc hôn phối của các nguyên tử, và mối lãng mạn của các nguyên tố.

4. DK is deliberately using analogical terms which apply more to the human level of existence than to the world of so-called "inanimate matter". Really, He is telling us that the mineral kingdom is *animate.*

4. Chân sư DK cố ý dùng những thuật ngữ tương đồng áp dụng cho cấp độ hiện hữu của con người nhiều hơn là cho thế giới của cái gọi là "vật chất vô tri". Thực ra, Ngài đang nói với chúng ta rằng giới kim thạch là *hữu sinh.*

5. He is also telling us that all the issues of affinity, attraction and repulsion exist in this mineral world (governed by its soul) just as they exist in the human kingdom governed by the soul aspect (both the incarnated soul aspect and the aspect of soul which is said to be "on its own plane").

5. Ngài cũng đang nói với chúng ta rằng mọi vấn đề về ái lực, hấp dẫn và đẩy lùi đều tồn tại trong thế giới kim thạch này (được linh hồn của nó cai quản) cũng như chúng tồn tại trong giới nhân loại được phương diện linh hồn cai quản (cả phương diện linh hồn nhập thể lẫn phương diện linh hồn được nói là "ở trên cõi riêng của nó").

6. He seems to be working against the prevalent thought that the mineral kingdom is lifeless, inert, unconscious.

6. Dường như Ngài đang chống lại quan niệm phổ biến cho rằng giới kim thạch là vô sinh, trơ lì, vô thức.

It serves to perpetuate the life of the mineral kingdom and to preserve its integrity.

Nó giúp duy trì sự sống của giới kim thạch và bảo tồn tính toàn vẹn của giới ấy.

7. This is an interesting idea. Is DK saying that without the marriage of the atoms and the romance of the elements the life of the mineral kingdom would *not* be perpetuated?

7. Đây là một ý tưởng thú vị. Phải chăng Chân sư DK đang nói rằng nếu không có cuộc hôn phối của các nguyên tử và mối lãng mạn của các nguyên tố thì sự sống của giới kim thạch sẽ *không* được duy trì?

8. This leads one to consider the question of 'sex' within the mineral kingdom and the methods of death and reproduction related to it, *if* such truly exists.

8. Điều này khiến người ta suy nghĩ đến vấn đề "giới tính" trong giới kim thạch và các phương pháp chết và sinh sản liên hệ với nó, *nếu* quả thật điều ấy có tồn tại.

9. If reincarnation is a universal law, in what manner does it operate within the mineral kingdom with its group soul and many group soul subdivisions? Are there incarnate

9. Nếu luân hồi là một định luật phổ quát, thì nó vận hành theo cách nào trong giới kim thạch với hồn nhóm của nó và nhiều phân bộ hồn nhóm? Có những thành viên nhập

and discarnate members of this kingdom? Is it possible that certain 'units' in the mineral kingdom are 'out of incarnation' while, presumably, a smaller proportion are 'in incarnation'? These are odd thoughts but it seems that the Tibetan is inclining us to think along such lines.

thể và không nhập thể của giới này chăng? Có thể nào một số "đơn vị" trong giới kim thạch đang "không lâm phàm" trong khi, có lẽ, một tỷ lệ nhỏ hơn thì "đang lâm phàm"? Đây là những ý nghĩ lạ lùng nhưng dường như Chân sư Tây Tạng đang khiến chúng ta nghiêng về cách suy nghĩ như thế.

It is the cause of the **immetalisation of the Monad**.

Nó là nguyên nhân của **sự kim thạch hóa của Chân thần**.

10. DK is telling us that the Law of Chemical Affinity is the "cause of the immetalisation of the Monad". Has the 'soul' of the mineral kingdom attracted the descending Monad from its high estate? During the Second Outpouring, a Monad on the monadic plane takes to itself an atom of etheric substance which becomes, for it, a *permanent* atom. In this way that this permanent atom must 'journey' through the mineral kingdom in its many subdivisions and that this 'journey' is part of the pre-individualization pilgrimage of that which will one day be called the "human Monad". Speculation on this possibility leads us towards some thoughts seldom thought!

10. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng Định luật Ái lực Hóa học là "nguyên nhân của sự kim thạch hóa của Chân thần". Phải chăng "linh hồn" của giới kim thạch đã hút Chân thần đang giáng xuống từ địa vị cao của nó? Trong Lần tuôn đổ thứ hai, một chân thần trên cõi chân thần lấy cho mình một nguyên tử chất liệu dĩ thái, nguyên tử này trở thành, đối với nó, một nguyên tử trường tồn *trường tồn*. Theo cách này, nguyên tử trường tồn ấy hẳn phải "du hành" qua giới kim thạch trong nhiều phân bộ của nó, và "cuộc hành trình" này là một phần của cuộc hành hương tiền biệt ngã hóa của cái mà một ngày kia sẽ được gọi là "Chân thần nhân loại". Suy đoán về khả thể này dẫn chúng ta đến những ý nghĩ hiếm khi được nghĩ tới!

11. In this process of monadic immetalisation, would Monads of certain types 'incarnate' within certain elements resonant to that type? These are questions which we are probably not accustomed to consider but all have to do with the possible relation between spiritual affinity and material affinity.

11. Trong tiến trình kim thạch hóa chân thần này, phải chăng các Chân thần thuộc những loại nhất định sẽ "nhập thể" trong những nguyên tố nhất định cộng hưởng với loại ấy? Đây là những câu hỏi mà có lẽ chúng ta không quen xem xét, nhưng tất cả đều liên quan đến mối liên hệ khả hữu giữa ái lực tinh thần và ái lực vật chất.

2. The Law of Progress.

2. Định luật Tiến Bộ.

It is called this in the vegetable kingdom owing to the fact that **it is in this kingdom**

Nó được gọi như thế trong giới thực vật vì **chính trong giới này có thể ghi nhận được**

that definite objective response to stimulation can be noted.

12. Because the word “objective response” is used in relation to the vegetable kingdom, does this mean that “subjective response” is possible in the mineral kingdom?

13. Or is it possible that “objective response” occurs even in relation to the mineral kingdom but cannot be “noted”—at least not by ordinary means and methods of perception?

14. Since there is a hierarchy in the mineral kingdom it must be possible for the lives ensouling various elements to ‘ascend’ and so, progress or progression of a type must exist.

15. Yet the type of response to impact possible in the mineral kingdom must be very much less than that possible in the vegetable kingdom.

16. To us, the vegetable kingdom seems very much ‘alive’ whereas to all but the most knowledgeable occult investigator, the mineral kingdom seems rather ‘dead’.

17. There have been experiments by the famous Indian scientist J.C. Bose pointing to the kind of ‘reaction’ in metals which suggest that they are living rather than inanimate.

18. Here we learn something of great importance from one of Bose’s most famous lectures:

"I dedicate today this Institute as not merely a laboratory but a temple." His reverent

sự đáp ứng khách quan rõ rệt đối với kích thích.

12. Bởi vì từ “đáp ứng khách quan” được dùng liên hệ với giới thực vật, điều này có nghĩa là “đáp ứng chủ quan” là điều có thể có trong giới kim thạch chăng?

13. Hay có thể nào “đáp ứng khách quan” cũng xảy ra ngay cả trong giới kim thạch nhưng không thể được “ghi nhận”—ít nhất không phải bằng những phương tiện và phương pháp tri giác thông thường?

14. Vì có một huyền giai trong giới kim thạch nên hẳn phải có khả năng để các sự sống phú linh cho những nguyên tố khác nhau “thăng lên”, và như vậy, một loại tiến bộ hay tiến trình tiến bộ nào đó hẳn phải tồn tại.

15. Tuy nhiên, loại đáp ứng đối với tác động có thể có trong giới kim thạch hẳn phải ít hơn rất nhiều so với loại có thể có trong giới thực vật.

16. Đối với chúng ta, giới thực vật dường như rất “sống”, trong khi đối với tất cả mọi người trừ nhà khảo cứu huyền bí hiểu biết nhất, giới kim thạch lại có vẻ khá “chết”.

17. Đã có những thí nghiệm của nhà khoa học Ấn Độ nổi tiếng J.C. Bose chỉ ra loại “phản ứng” trong kim loại, gợi ý rằng chúng là hữu sinh hơn là vô tri.

18. Ở đây chúng ta học được điều gì đó rất quan trọng từ một trong những bài diễn thuyết nổi tiếng nhất của Bose:

"Hôm nay tôi hiến dâng Viện này không chỉ như một phòng thí nghiệm mà còn như một

solemnity stole like an unseen cloak over the crowded auditorium. "In the pursuit of my investigations I was unconsciously led into the border region of physics and physiology. To my amazement, I found boundary lines vanishing, and points of contact emerging, between the realms of the living and the non-living. Inorganic matter was perceived as anything but inert; it was a thrill under the action of multitudinous forces.

ngôi đền." Sự trang nghiêm đầy kính cẩn của ông phủ xuống khán phòng đông nghịt như một tấm áo choàng vô hình. "Trong khi theo đuổi các cuộc khảo cứu của mình, tôi đã vô thức được dẫn vào vùng biên giữa vật lý học và sinh lý học. Trước sự kinh ngạc của tôi, các đường ranh giới đã biến mất, và các điểm tiếp xúc đã xuất hiện giữa các lĩnh vực của cái sống và cái không sống. Vật chất vô cơ được nhận thấy hoàn toàn không phải là trơ lì; nó rung động dưới tác động của vô số mãnh lực.

"**A universal reaction seemed to bring metal, plant and animal under a common law. They all exhibited essentially the same phenomena of fatigue and depression, with possibilities of recovery and of exaltation, as well as the permanent irresponsiveness associated with death.**Filled with awe at this stupendous generalization, it was with great hope that I announced my results before the Royal Society—results demonstrated by experiments. But the physiologists present advised me to confine myself to physical investigations, in which my success had been assured, rather than encroach on their preserves. I had unwittingly strayed into the domain of an unfamiliar caste system and so offended its etiquette."

"**Một phản ứng phổ quát dường như đưa kim loại, thực vật và động vật vào dưới một định luật chung. Tất cả chúng đều biểu lộ về căn bản cùng những hiện tượng mệt mỏi và suy giảm, với những khả năng phục hồi và hưng khởi, cũng như sự vô đáp ứng vĩnh viễn gắn liền với cái chết.**Tràn đầy kinh ngạc trước sự khái quát hóa kỳ vĩ này, tôi đã công bố các kết quả của mình trước Hội Hoàng gia với niềm hy vọng lớn lao—những kết quả được chứng minh bằng thực nghiệm. Nhưng các nhà sinh lý học hiện diện đã khuyên tôi nên giới hạn mình trong các khảo cứu vật lý, nơi thành công của tôi đã được bảo đảm, thay vì xâm phạm vào lãnh địa của họ. Tôi đã vô tình lạc vào phạm vi của một hệ thống đẳng cấp xa lạ và vì thế xúc phạm đến lễ nghi của nó."

It is the basis of the phenomenon of sensation, which is the key to this solar system of love, our system being a "Son of Necessity" or of desire.

Nó là nền tảng của hiện tượng cảm giác, vốn là chìa khóa của hệ mặt trời tình thương này, vì hệ thống của chúng ta là một "Con của Tất Yếu" hay của dục vọng.

19. We are obliged to relate *progression* to *sensation.* We can infer that because of capacity of consciousness to respond sentiently to contacts, progression is possible (through adaptation). This response produces that interactivity (exhibiting the dynamics of attraction and repulsion) which

19. Chúng ta buộc phải liên hệ *tiến trình tiến bộ* với *cảm giác.* Chúng ta có thể suy ra rằng vì khả năng của tâm thức đáp ứng một cách cảm tri đối với các tiếp xúc, nên tiến bộ là điều có thể có (thông qua thích nghi). Sự đáp ứng này tạo ra tính tương tác ấy (biểu lộ động lực của hấp dẫn và đẩy lùi) làm cho

makes possible the gathering of all sentient beings into groups reflective of archetypal patterns.

việc tập hợp mọi hữu thể cảm tri vào những nhóm phản ánh các mô hình nguyên mẫu trở nên khả hữu.

20. We live in a *sentient,* astral-buddhic solar system. It was the *desire* of the Solar Logos which brought our Solar Logos into manifestation on the cosmic physical plane. Once His desire was sufficiently intense, the precipitation of the solar system became inevitable, unavoidable, *necessary.* Thus He is called a "Son of Necessity".

20. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời *cảm tri,* cảm dục-Bồ đề. Chính *dục vọng* của Thái dương Thượng đế đã đưa Thái dương Thượng đế của chúng ta vào biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ. Một khi dục vọng của Ngài đủ mãnh liệt, sự ngưng tụ của hệ mặt trời trở nên tất yếu, không thể tránh khỏi, *cần thiết.* Vì vậy Ngài được gọi là một "Con của Tất Yếu".

This law is the **working out into manifestation of the informing consciousness of a part of the deva kingdom**, and of certain pranic energies.

Định luật này là **sự triển khai vào biểu hiện của tâm thức thấm nhuần một phần của giới thiên thần**, và của một số năng lượng prana.

21. These are very occult statements which must await full clarification until another time.

21. Đây là những phát biểu rất huyền bí, phải chờ đến một lúc khác mới được làm sáng tỏ đầy đủ.

22. We may gather that certain devas and certain pranic energies are responsible for *progression.* These devas are builders which build in such a way that progress according to the desire and will of the Greater Being is instituted.

22. Chúng ta có thể suy ra rằng một số thiên thần và một số năng lượng prana chịu trách nhiệm về *tiến trình tiến bộ.* Những thiên thần này là các đấng kiến tạo, kiến tạo theo cách sao cho sự tiến bộ phù hợp với dục vọng và ý chí của Đấng Vĩ Đại hơn được thiết lập.

23. In general, prana is vitality itself, and contributes to the *animation* which keeps the units in any living system *moving* towards a more desirable arrangement.

23. Nói chung, prana chính là sinh lực, và góp phần vào *tính hữu sinh* giữ cho các đơn vị trong bất kỳ hệ thống sống nào cũng *chuyển động* hướng tới một sự sắp xếp đáng mong muốn hơn.

24. We may imagine that the "part of the deva kingdom" concerned is not the *highest* part but rather the consciousness of those unconscious though evolutionary Builders who work specifically with the vegetable kingdom.

24. Chúng ta có thể hình dung rằng "phần của giới thiên thần" được nói đến không phải là phần *cao nhất* mà đúng hơn là tâm thức của những Đấng Kiến Tạo vô thức nhưng thăng thượng tiến hoá, những vị làm việc đặc biệt với giới thực vật.

The student will find much of esoteric interest in the following line of living forces:

Đạo sinh sẽ tìm thấy nhiều điều huyền bí đáng quan tâm trong tuyến các mãnh lực sống sau đây:

a. The second chain, globe and round,

a. Dãy thứ hai, bầu hành tinh và cuộc tuần hoàn thứ hai,

25. In relation to the Earth-scheme, we are speaking of the Venus-chain and globe.

25. Liên hệ với hệ hành tinh Địa Cầu, ở đây chúng ta đang nói đến Dãy Sao Kim và bầu hành tinh Sao Kim.

26. The "round" can be the scheme round related to the Planetary Logos as a whole, or a chain round related, for instance, to the fourth chain and to the Chain-Lord of the fourth chain.

26. "Cuộc tuần hoàn" có thể là cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh liên hệ với toàn thể Hành Tinh Thượng Đế, hoặc một cuộc tuần hoàn của dãy liên hệ, chẳng hạn, với dãy thứ tư và với Chúa Tể Dãy của dãy thứ tư.

b. The vegetable kingdom,

b. Giới thực vật,

27. The vegetable kingdom is the kingdom ruled by Venus and expressing all the soft line rays: two, four and six. Hence the affinity with the *second* round, for rays four and six are subsidiaries of the second ray.

27. Giới thực vật là giới do Sao Kim cai quản và biểu lộ tất cả các cung thuộc tuyến mềm: hai, bốn và sáu. Do đó có ái lực với cuộc tuần hoàn *thứ hai*, vì cung bốn và cung sáu là những cung phụ thuộc của cung hai.

c. The devas of desire in their second *reflected* groupings,

c. Các thiên thần của dục vọng trong những nhóm *phản chiếu* thứ hai của họ,

28. How many groupings are there—perhaps seven? The second grouping links with the second kingdom and the second round(s), the second chain and second globe.

28. Có bao nhiêu nhóm—có lẽ là bảy chăng? Nhóm thứ hai liên kết với giới thứ hai và cuộc tuần hoàn thứ hai, dãy thứ hai và bầu hành tinh thứ hai.

29. From whence the reflection? Are we speaking of a reflection from the Agnisuryans of the buddhic plane (through which the principle of Love-Wisdom is expressed)? The devas of desire are keyed to the astral plane (which resonates to the buddhic plane), yet are there "devas of desire" to be found upon the buddhic plane

29. Sự phản chiếu ấy từ đâu mà có? Chúng ta có đang nói đến một sự phản chiếu từ các Agnisuryan của cõi Bồ đề (qua đó nguyên khí Bác Ái – Minh Triết được biểu lộ) chăng? Các thiên thần của dục vọng được chỉnh âm theo cõi cảm dục (cõi này cộng hưởng với cõi Bồ đề), nhưng liệu có thể tìm thấy những "thiên thần của dục vọng" trên cõi Bồ đề, có lẽ biểu

expressing, perhaps, the " *heart's* desire" of the Solar Logos?

lộ " *khát vọng* của trái tim" của Thái dương Thượng đế chăng?

d. The heart of the Sun,

d. Trái tim của Mặt Trời,

30. This is a very high link to the soul nature of the Solar Logos. Naturally a second ray quality emanates from this center and this correlates with the various entries on this listing.

30. Đây là một liên kết rất cao với bản chất linh hồn của Thái dương Thượng đế. Đương nhiên, một phẩm tính cung hai phát xạ từ trung tâm này, và điều này tương ứng với các mục khác nhau trong bảng liệt kê này.

e. The second Ray force.

e. mãnh lực Cung hai.

31. Finally, the supreme forces (for our solar system, at least) which conditions all the entries on the listing.

31. Sau cùng, đó là các mãnh lực tối thượng (ít nhất là đối với hệ mặt trời của chúng ta) tác động lên mọi mục trong bảng liệt kê này.

32. The relationship of numerical resonance to *alignment* is of great importance.

32. Mối liên hệ giữa cộng hưởng số học và sự *chỉnh hợp* có tầm quan trọng rất lớn.

3. The Law of Sex.

3. Định luật về Giới tính.

This is the term applied to the force which brings about **the physical merging of the two poles** in connection with the animal kingdom, and of man, viewing him as responsive to the call of his animal nature.

Đây là thuật ngữ được áp dụng cho mãnh lực tạo ra **sự hợp nhất hồng trần của hai cực** liên quan đến giới động vật, và của con người, khi nhìn y như đáp ứng với tiếng gọi của bản chất thú tính của mình.

33. We note that the Law of Sex is the *third* subsidiary law; both the sacral center and throat center are on the *third* ray line (with the seventh ray involved in relation to both centers at various points in the evolutionary process). Sex pertains more to the third aspect than to the love aspect, though it is related to the second aspect in various secondary ways.

33. Chúng ta lưu ý rằng Định luật về Giới tính là định luật phụ thuộc *thứ ba*; cả trung tâm xương cùng lẫn trung tâm cổ họng đều nằm trên tuyến cung *ba* (với cung bảy có liên hệ đến cả hai trung tâm tại nhiều điểm khác nhau trong tiến trình tiến hoá). Giới tính liên quan đến phương diện thứ ba nhiều hơn là phương diện bác ái, dù nó có liên hệ với phương diện thứ hai theo nhiều cách thứ yếu khác nhau.

34. DK is interpreting this law in relation to the human being and that aspect of his

34. Ở đây Chân sư DK đang diễn giải định luật này trong liên hệ với con người và

nature which is directly related to the animal kingdom, the *third* kingdom.

35. We note that the idea expressed here is not only about "merging" but, specifically, about "**physical** merging". So the aspect of sex here emphasized is particularly "physical" in nature.

36. Of course, if sex is more broadly understood, it can be found operative in relation to *all* kingdoms of nature even the Solar Kingdom. Our Solar Logos is said to have His "polar opposite"—His 'marriage partner' and even galactic 'marriages' can be inferred.

It concerns itself with the **due guarding of the form** in this particular cycle and its perpetuation.

37. If we consider this requirement, we see how far humanity has deviated from the intended approach to sex. The human form is not at all well-guarded at this time and sex is prostituted for personal pleasure rather than used *responsibly* for the perpetuation of the race. That sex inevitably leads to perpetuation cannot be denied, but is the approach to perpetuation conscious and responsible, that is the question!

It is only powerful during the period of the duality of the sexes and their separation and, in the case of man, **will be offset by a higher expression of the law when man is again androgynous**.

38. We see that humanity is *definitely* heading towards androgyny. There are many human beings who (in their present state of

phương diện bản chất của y vốn trực tiếp liên hệ với giới động vật, tức giới *thứ ba*.

35. Chúng ta lưu ý rằng ý tưởng được diễn đạt ở đây không chỉ nói về "sự hợp nhất" mà, cụ thể, là về "sự hợp nhất **hồng trần**". Vì vậy, phương diện của giới tính được nhấn mạnh ở đây đặc biệt mang tính "hồng trần".

36. Dĩ nhiên, nếu giới tính được hiểu theo nghĩa rộng hơn, thì có thể thấy nó hoạt động liên hệ với *mọi* giới trong thiên nhiên, kể cả Thiên Giới Thái Dương. Thái dương Thượng đế của chúng ta được nói là có "cực đối nghịch" của Ngài—"bạn đời" của Ngài—và ngay cả những "cuộc hôn phối" thiên hà cũng có thể được suy ra.

Nó liên quan đến **sự bảo vệ đúng đắn hình tướng** trong chu kỳ đặc biệt này và sự duy trì của nó.

37. Nếu xét yêu cầu này, chúng ta sẽ thấy nhân loại đã lệch xa đến mức nào khỏi cách tiếp cận giới tính được dự định. Hình tướng con người hiện nay hoàn toàn không được bảo vệ tốt, và giới tính bị đem ra làm công cụ cho khoái lạc cá nhân thay vì được sử dụng một cách *có trách nhiệm* để duy trì nhân loại. Không thể phủ nhận rằng giới tính tất yếu dẫn đến sự duy trì nòi giống, nhưng vấn đề là: cách tiếp cận đối với sự duy trì ấy có ý thức và có trách nhiệm hay không!

Nó chỉ mạnh mẽ trong thời kỳ nhị nguyên tính của hai giới và sự phân ly của chúng, và trong trường hợp con người, **sẽ được hóa giải bởi một biểu hiện cao hơn của định luật khi con người lại trở nên lưỡng tính**.

38. Chúng ta thấy rằng nhân loại *rõ rệt* đang tiến về trạng thái lưỡng tính. Có nhiều con người mà (trong trạng thái tâm thức hiện

consciousness) would not welcome this eventuality and certainly disbelieve in the possibility.

39. It would seem that androgyny will begin to appear in the sixth root-race with its emphasis upon the buddhic plane and perhaps be consummated in the seventh when Uranus rules. The fifth rootrace operates under the Law of Cleavages and, so it would seem, the separation of the sexes will persist during its period of expression. Yet, even now, tendencies towards at least *psychological androgyny* can be detected.

40. The Law of Sex has been operative, then, since approximately the middle of the Lemurian root race and will probably persist until well into the succeeding root-races, as it cannot be expected that all men (some of whom will not even achieve entry on the Path until the next round) are to achieve androgyny at the same time. Some may, we may anticipate, during the final root-races of *this* round—the fourth.

41. Truly, the Divine Plan holds in store many changes of form and consciousness which cannot easily be understood at this point in our development.

It is [Page 1169] the law of marriage,

42. Here DK will lift the understanding of the Law of Sex onto various higher turns of the spiral. Just above he has told us that when man is again androgynous the Law of Sex will not be entirely suspended but a higher expression of the law will be operative.

nay của họ) sẽ không hoan nghênh viễn cảnh này và chắc chắn không tin vào khả năng ấy.

39. Dường như trạng thái lưỡng tính sẽ bắt đầu xuất hiện trong giống dân gốc thứ sáu với sự nhấn mạnh của nó lên cõi Bồ đề, và có lẽ được hoàn tất trong giống dân gốc thứ bảy khi Sao Thiên Vương cai quản. Giống dân gốc thứ năm hoạt động dưới Định luật Phân Ly, và vì thế dường như sự phân chia hai giới sẽ còn kéo dài trong thời kỳ biểu lộ của nó. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ, những khuynh hướng hướng tới ít nhất là *trạng thái lưỡng tính tâm lý* cũng có thể được nhận ra.

40. Như vậy, Định luật về Giới tính đã hoạt động từ khoảng giữa giống dân gốc Lemuria và có lẽ sẽ còn tiếp tục sâu vào các giống dân gốc kế tiếp, vì không thể mong đợi rằng mọi người nam và nữ (một số người trong họ thậm chí sẽ chưa đạt được sự bước vào Con Đường cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp) đều đạt trạng thái lưỡng tính cùng một lúc. Có thể dự đoán rằng một số người sẽ đạt được điều đó trong các giống dân gốc cuối cùng của cuộc tuần hoàn *này*—cuộc tuần hoàn thứ tư.

41. Quả thật, Thiên Cơ cất giữ nhiều biến đổi về hình tướng và tâm thức mà ở điểm hiện nay trong sự phát triển của chúng ta, khó có thể thấu hiểu được.

Đó là [Page 1169] định luật của hôn nhân,

42. Ở đây Chân sư DK sẽ nâng sự thấu hiểu về Định luật về Giới tính lên nhiều vòng xoắn cao hơn. Ngay phía trên, Ngài đã cho chúng ta biết rằng khi con người lại trở nên lưỡng tính, Định luật về Giới tính sẽ không hoàn toàn bị đình chỉ, mà một biểu hiện cao hơn của định luật sẽ hoạt động.

and finds some aspects of its manifestation not only in marriage of men and animals in the physical sense, but in the "occult marriage" of

và tìm thấy một số phương diện biểu lộ của nó không chỉ trong hôn nhân của con người và động vật theo nghĩa hồng trần, mà còn trong "hôn nhân huyền bí" của

43. Here DK discriminates between physical marriage and "occult marriage". This is an important discrimination for all who study the occult sciences, as there is a type of marriage possible for the soul under the Law of Magnetic Impulse when physical marriage, per se, is not. The Law of Magnetic Impulse is ruled by Libra just as is the process of physical-plane marriage.

43. Ở đây Chân sư DK phân biện giữa hôn nhân hồng trần và "hôn nhân huyền bí". Đây là một sự phân biện quan trọng đối với tất cả những ai nghiên cứu các khoa học huyền bí, vì có một loại hôn nhân khả hữu cho linh hồn dưới Định luật Xung Động Từ Tính khi chính hôn nhân hồng trần tự nó lại không khả hữu. Định luật Xung Động Từ Tính được Libra cai quản cũng như tiến trình hôn nhân trên cõi hồng trần.

44. As students of occultism we must be alert to an understanding of the higher implications of apparently 'lower' laws. The Law of Analogy will assist us.

44. Là những đạo sinh của huyền bí học, chúng ta phải tỉnh thức trước sự thấu hiểu những hàm ý cao hơn của các định luật bề ngoài có vẻ "thấp". Định luật tương đồng sẽ trợ giúp chúng ta.

a. The Soul and the Spirit.

a. Linh hồn và tinh thần.

45. This is an advanced form of marriage, lying quite far ahead of the average probationer or disciple. The function of Jupiter in relation to Gemini contributes to the consummation of this kind of marriage. One cannot begin to think of its possibility until the third initiation has been taken. The Masters have achieved this type of "marriage". The Chohans have, in a way, transcended it.

45. Đây là một hình thức hôn nhân cao cấp, còn ở khá xa phía trước đối với người dự bị trung bình hay đệ tử trung bình. Chức năng của Sao Mộc trong liên hệ với Gemini góp phần vào sự hoàn tất loại hôn nhân này. Người ta không thể bắt đầu nghĩ đến khả năng của nó cho đến khi đã trải qua lần điểm đạo thứ ba. Các Chân sư đã đạt được loại "hôn nhân" này. Các Chohan, theo một nghĩa nào đó, đã vượt qua nó.

b. The Son with his Mother (or the Soul with the physical substance).

b. Người Con với Mẹ của mình (hay linh hồn với chất liệu hồng trần).

46. To those who do not approach philosophically, this type of "marriage" cannot help but seem incestuous, but we understand that we are speaking of the

46. Đối với những ai không tiếp cận theo lối triết học, loại "hôn nhân" này hẳn sẽ có vẻ như loạn luân, nhưng chúng ta hiểu rằng ở

merging of the second and third aspects of divinity.

đây đang nói về sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính.

47. The curriculum of the modern disciple is precisely this and his meditations are primarily aimed at soul-infusion.

47. Chương trình huấn luyện của đệ tử hiện đại chính là điều này, và các bài tham thiền của y chủ yếu nhắm đến sự linh hồn thấm nhuần.

c. The negative planetary lives with the positive ones earlier pointed out.

c. Các sự sống hành tinh âm tính với các sự sống dương tính đã được chỉ ra trước đó.

48. In one sense we are speaking of the marriage of the evolutionary devas with the elemental lives. But questions of positive and negative are relative and so there are many 'marriages' which involve lives which are relatively positive with those which are relatively negative.

48. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta đang nói về cuộc hôn phối giữa các thiên thần thăng thượng tiến hoá với các sự sống hành khí. Nhưng các vấn đề về dương và âm là tương đối, và vì thế có nhiều "cuộc hôn phối" liên quan đến những sự sống tương đối dương tính với những sự sống tương đối âm tính.

49. Here we are largely speaking of the relationship between the members of the Army of the Voice with the elemental building essences of the various planes and subplanes.

49. Ở đây phần lớn chúng ta đang nói về mối liên hệ giữa các thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh với các tinh chất kiến tạo hành khí của các cõi và cõi phụ khác nhau.

d. The **systemic marriage**, or the merging of the two final planetary schemes after their absorption of the other forces.

d. **Cuộc hôn phối hệ thống**, hay sự hợp nhất của hai hệ hành tinh cuối cùng sau khi chúng hấp thu các mãnh lực khác.

50. This is a very interesting kind of marriage and will take us to an examination of Chart VI, TCF 373. We note that over and above the large Saturn-scheme (may it be the scheme of "esoteric Saturn"?) stand Uranus and Neptune—very likely the final two schemes which, having etherically absorbed all the planets in the Saturn-scheme, subsequently merge with each other.

50. Đây là một loại hôn phối rất thú vị và sẽ dẫn chúng ta đến việc khảo sát Biểu đồ VI, TCF 373. Chúng ta lưu ý rằng vượt lên trên hệ Saturn lớn lao (có thể đó là hệ của "Saturn nội môn" chăng?) là Uranus và Neptune—rất có thể là hai hệ cuối cùng, sau khi đã hấp thu bằng dĩ thái tất cả các hành tinh trong hệ Saturn, rồi sau đó hợp nhất với nhau.

51. We remember that these final mergings do not involve the *dense physical* planets at

51. Chúng ta nhớ rằng những sự hợp nhất cuối cùng này hoàn toàn không liên quan

all, but only their subtle principles, beginning, probably, with their etheric natures.

đến các hành tinh *hồng trần đậm đặc*, mà chỉ liên quan đến các nguyên khí vi tế của chúng, có lẽ bắt đầu với các bản chất dĩ thái của chúng.

e. The cosmic marriage, or the merging of our solar system with its opposite cosmic pole, another constellation

e. Cuộc hôn phối vũ trụ, hay sự hợp nhất của hệ mặt trời chúng ta với cực vũ trụ đối nghịch của nó, một chòm sao khác

52. Here is an interesting, possibly blinded, statement. Is our solar system a "constellation" (and our planets really "stars") as some theorists have speculated? Is the "opposite cosmic pole" of our Solar Logos and His system really another "constellation" or is it a solar system?

52. Đây là một phát biểu thú vị, có thể đã được che giấu. Hệ mặt trời của chúng ta có phải là một "chòm sao" (và các hành tinh của chúng ta thật ra là những "ngôi sao") như một số nhà lý thuyết đã suy đoán không? "Cực vũ trụ đối nghịch" của Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ của Ngài thật sự là một "chòm sao" khác hay là một hệ mặt trời?

53. If the opposite pole should happen to be Sirius, would we define Sirius as a solar system or constellation? Sirius A does have at least one other star associated with it, Sirius B, and perhaps Sirius C? Is this association enough to give it the status of the "constellation"?

53. Nếu cực đối nghịch ấy lại là Sirius, thì chúng ta sẽ định nghĩa Sirius là một hệ mặt trời hay một chòm sao? Sirius A quả thật có ít nhất một ngôi sao khác liên kết với nó, Sirius B, và có lẽ cả Sirius C? Sự liên kết này có đủ để cho nó địa vị của một "chòm sao" hay không?

54. The word "another" seems to suggest that our solar system is really a "constellation"—a thought of some interest since *The Secret Doctrine* seems to imply that Mars was once a Sun!

54. Từ "khác" dường như gợi ý rằng hệ mặt trời của chúng ta thật sự là một "chòm sao"—một ý tưởng khá đáng chú ý vì *Giáo Lý Bí Nhiệm* dường như hàm ý rằng Sao Hỏa đã từng là một Mặt Trời!

55. There is some discussion whether Sirius should be included within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One" or whether it should stand on its own (associated with two companion stars) as a "constellation"? (cf. EA 50)

55. Có một số bàn luận về việc liệu Sirius có nên được bao gồm trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một" hay liệu nó nên đứng riêng (liên kết với hai ngôi sao đồng hành) như một "chòm sao"? (xem EA 50)

56. Of course we do not know whether Sirius B and Sirius C (inferred) are really ensouled bodies or whether they *were* ensouled by the

56. Dĩ nhiên, chúng ta không biết liệu Sirius B và Sirius C (được suy ra) có thật sự là những thể được phú linh hay không, hoặc

Logos which now ensouls Sirius A. The question of the livingness of Sirius B and Sirius C will have to be closely examined when such examination is possible.

liệu chúng *đã từng* được phú linh bởi Thượng đế hiện đang phú linh Sirius A hay không. Vấn đề về tính sống động của Sirius B và Sirius C sẽ phải được khảo sát kỹ lưỡng khi việc khảo sát ấy trở nên khả hữu.

57. In the Egyptian Mysteries however, a place is given to Sirius B as ruling the fourth initiation, in which case it would seem to be something more than an unensouled remnant.

57. Tuy nhiên, trong các Mật Nghi Ai Cập, Sirius B được dành cho một vị trí cai quản lần điểm đạo thứ tư; trong trường hợp đó, dường như nó là một cái gì hơn là một tàn dư không được phú linh.

The cosmic marriage of stars and Systems

Cuộc hôn phối vũ trụ của các ngôi sao và các Hệ

58. By "Systems" does DK mean solar systems or systems of stars? The distinction could be important.

58. Bởi "các Hệ", Chân sư DK muốn nói đến các hệ mặt trời hay các hệ sao? Sự phân biệt này có thể quan trọng.

59. There is much to relate the star Sirius (A) with the star Sol (our Sun).

59. Có nhiều điều liên kết ngôi sao Sirius (A) với ngôi sao Sol (Mặt Trời của chúng ta).

is the cause of the occasional irregular flaring-up or intensification of suns and their increased luminosity which is sometimes seen, and which has frequently been the subject of discussion.

là nguyên nhân của sự bùng phát bất thường từng lúc hay sự tăng cường của các mặt trời và sự gia tăng độ sáng của chúng, điều đôi khi được thấy và thường xuyên là chủ đề bàn luận.

60. Do we find Master DK speaking here of supernovae? If so, these spectacular events have usually not been seen as related to *two* stars but only to one.

60. Ở đây Chân sư DK có đang nói về các siêu tân tinh không? Nếu vậy, những hiện tượng ngoạn mục này thường không được xem là liên hệ với *hai* ngôi sao mà chỉ với một ngôi sao.

61. Where we see the intensification of one sun, then, are we supposed to search for another which, as the 'marriage partner' of the former, may be involved in the process of "flaring up"?

61. Vậy thì, ở nơi chúng ta thấy sự tăng cường của một mặt trời, có phải chúng ta được giả định là phải tìm kiếm một mặt trời khác mà, với tư cách "bạn đời" của mặt trời trước, có thể đang tham dự vào tiến trình "bùng phát" ấy không?

4. The Law of Magnetism.

4. Định luật Từ Điện.

This is the law which produces the unifying of a personality, and though it is an expression of lunar force, is, nevertheless, of a much higher order than the law of physical sex.

62. Here Master DK seems to be discriminating between the "Law of Physical Sex" and the "Law of Sex" which is capable of being interpreted on a number of different turns of the spiral.

63. We can see that DK has in mind some very specific levels of application when He discusses these laws. The concept of "magnetism" in general is so much greater than the application here discussed, but it is certainly an interesting application.

64. In essence we see that the Law of Magnetism is responsible for the integration of the personality in various stages—the unification of the lunar lords (and their tiny elemental lives) which compose and constitute the personality vehicles.

65. We are speaking here of magnetism as it operates in the lunar realm. Obviously it has applications (if broadly understand) in much higher realms. If the Law of Sex has higher applications, we can expect that this will be true of the Law of Magnetism.

It is the expression of the law as it is demonstrated by **the three major groups of lunar pitris**.

Đây là định luật tạo ra sự hợp nhất của một phàm ngã, và dù là một biểu hiện của mãnh lực nguyệt tính, nhưng nevertheless, nó thuộc một trật tự cao hơn nhiều so với định luật về giới tính hồng trần.

62. Ở đây Chân sư DK dường như đang phân biện giữa "Định luật về Giới tính Hồng trần" và "Định luật về Giới tính", vốn có thể được diễn giải trên một số vòng xoắn khác nhau.

63. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang nghĩ đến một số cấp độ áp dụng rất đặc thù khi Ngài bàn về các định luật này. Khái niệm "từ điện" nói chung lớn lao hơn rất nhiều so với sự áp dụng được bàn ở đây, nhưng đây chắc chắn là một sự áp dụng thú vị.

64. Về bản chất, chúng ta thấy rằng Định luật Từ Điện chịu trách nhiệm cho sự tích hợp của phàm ngã trong nhiều giai đoạn—sự hợp nhất của các nguyệt tinh quân (và các sự sống hành khí nhỏ bé của chúng) vốn cấu thành và tạo nên các vận cụ phàm ngã.

65. Ở đây chúng ta đang nói về từ điện khi nó hoạt động trong lĩnh vực nguyệt tính. Hiển nhiên, nó có những ứng dụng (nếu được hiểu rộng) trong những lĩnh vực cao hơn nhiều. Nếu Định luật về Giới tính có những ứng dụng cao hơn, chúng ta có thể mong đợi điều này cũng đúng với Định luật Từ Điện.

Đó là biểu hiện của định luật như được chứng tỏ bởi **ba nhóm lớn của thái âm tổ phụ**.

66. Ba nhóm lớn này, dĩ nhiên, liên kết với các cõi hồng trần-dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

66. These three major groups are, of course, associated with the physical-etheric, astral and lower mental planes.

These three groups are not concerned with the building of the forms of the animal kingdom,

67. Because they are *major* groups…

for they are the builders of the body of man in the final three stages of the path of evolution:

68. There is an implication that there are other lunar pitris who are builders of the body of man in the earlier stages of the Path of Evolution.

69. The lunar pitris as builders are clearly on the Path of Evolution and are not, strictly speaking, elementals or elemental lives.

70. We would have, then, for each level (physical-etheric, astral and mental) three categories of lives:

a. The inert building essence of each level

b. The elemental unities (sometimes called the "lunar lords" or "lunar elementals" comprised of the aggregated building essence once they have been gathered and shaped by the building forces.

Ba nhóm này không liên quan đến việc xây dựng các hình tướng của giới động vật,

67. Bởi vì chúng là những nhóm *lớn*…

vì chúng là những đấng kiến tạo thân thể của con người trong ba giai đoạn cuối cùng của con đường tiến hoá:

68. Ở đây có một hàm ý rằng có những thái âm tổ phụ khác là các đấng kiến tạo thân thể của con người trong những giai đoạn sớm hơn của Con Đường Tiến Hóa.

69. Các thái âm tổ phụ với tư cách là những đấng kiến tạo rõ ràng đang ở trên Con Đường Tiến Hóa và, nói một cách nghiêm ngặt, không phải là các hành khí hay các sự sống hành khí.

70. Vậy thì, đối với mỗi cấp độ (hồng trần-dĩ thái, cảm dục và trí tuệ), chúng ta sẽ có ba loại sự sống:

a. Tinh chất kiến tạo trì trệ của mỗi cấp độ

b. Các hợp nhất hành khí (đôi khi được gọi là "các nguyệt tinh quân" hay "các hành khí nguyệt tính") gồm tinh chất kiến tạo đã được tập hợp lại một khi chúng đã được các mãnh lực kiến tạo gom lại và định hình.

c. The lunar pitris as evolutionary though unconscious "builders" which build the forms of the lunar elementals.

c. Các thái âm tổ phụ như những "đấng kiến tạo" thăng thượng tiến hoá nhưng vô thức, xây dựng các hình tướng của các hành khí nguyệt tính.

a. The stage of high intellectuality, or of artistic attainment,

a. Giai đoạn của trí tuệ cao, hay của thành tựu nghệ thuật,

71. This is the stage, technically considered, of "advanced man".

71. Xét về mặt kỹ thuật, đây là giai đoạn của "con người tiến bộ".

b. The stage of discipleship,

b. Giai đoạn của địa vị đệ tử,

72. In this case, the stage of discipleship seems to *precede* that stage of treading the Path.

72. Trong trường hợp này, giai đoạn của địa vị đệ tử dường như *đi trước* giai đoạn bước đi trên Con Đường ấy.

c. The stage of treading the Path.

c. Giai đoạn bước đi trên Con Đường.

73. Perhaps we can consider this stage as beginning at the first initiation, though the idea of various Paths, such as the Path of Aspiration, and the Path of Probationary Discipleship, precede the first initiation.

73. Có lẽ chúng ta có thể xem giai đoạn này là bắt đầu từ lần điểm đạo thứ nhất, dù ý niệm về nhiều Con Đường khác nhau, như Con Đường Khát Vọng và Con Đường Địa vị Đệ tử Dự bị, có trước lần điểm đạo thứ nhất.

74. It seems clear that DK in speaking of the "major groups of lunar pitris", is speaking of those who *only* build during the final stages of the Path!

74. Dường như rõ ràng rằng Chân sư DK, khi nói về các nhóm thái âm tổ phụ "lớn", đang nói về những vị *chỉ* xây dựng trong các giai đoạn cuối cùng của Con Đường!

75. Clearly some form of building was necessary long before these advanced stages are reached. Were the earlier stages of building performed by lunar pitris who were *not* among the "major groups"? This seems to be the implication.

75. Rõ ràng là một hình thức xây dựng nào đó đã cần thiết từ rất lâu trước khi đạt đến các giai đoạn cao cấp này. Phải chăng các giai đoạn xây dựng sớm hơn đã được thực hiện bởi những thái âm tổ phụ không nằm trong các "nhóm lớn"? Dường như đó là hàm ý.

The lower four groups concern themselves with the earlier stages, and with the **animal aspects of attraction in both the kingdoms**. [Page 1170]

Bốn nhóm thấp hơn liên quan đến các giai đoạn sớm hơn, và với các **phương diện thú tính của sự hấp dẫn trong cả hai giới**. [Page 1170]

76. Here the clarification comes—there are four lower groups of lunar pitris associated with the human kingdom and also with the animal kingdom.

76. Ở đây sự làm rõ xuất hiện—có bốn nhóm thấp hơn của thái âm tổ phụ liên kết với giới nhân loại và cũng với giới động vật.

77. We might think, then, that the four elemental vehicles of man—the physical elemental, the astral elemental, the mental elemental and the personality elemental are built by the members of these lower four groups, and that the higher three groups build only once there has been a great deal of evolutionary experience.

77. Vậy thì, chúng ta có thể nghĩ rằng bốn hiện thể hành khí của con người—tinh linh thể xác, hành khí cảm dục, hành khí trí tuệ và hành khí phàm ngã—được xây dựng bởi các thành viên của bốn nhóm thấp hơn này, và rằng ba nhóm cao hơn chỉ xây dựng một khi đã có rất nhiều kinh nghiệm tiến hoá.

78. Where are the three major group and what are they 'doing' as the four lower groups are doing their work preparing the way?

78. Ba nhóm lớn ở đâu và chúng đang "làm" gì trong khi bốn nhóm thấp hơn đang làm công việc chuẩn bị con đường?

S9S10 Part III

TCF 1170-1173

TCF 1170-1173

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* đặt bên cạnh,** vì mục đích duy trì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

5. The Law of Radiation.

5. Định luật Phóng Xạ.

This is one of the most interesting of the laws for **it only comes into activity in connection with the highest specimens of the various kingdoms**,

1. This is a most important statement. We usually consider radiation to exist only in terms of the mineral kingdom. To be a "radiant" human being is considered a metaphor rather than a fact, but under the influence of occultism, the understanding of human radiation and radiation as expressed in the other kingdoms will change.

2. One is reminded of Rule XIII for Applicants to Initiation:

"Four things the disciple must learn and comprehend before he can be shewn that inmost mystery: **first, the laws of that which radiates**; the five meanings of magnetisation make the second; the third is transmutation, or the secret lost of alchemy; and lastly the first letter of the Word which has been imparted, or the hidden name egoic.

and concerns itself with **the attraction that a higher kingdom of nature will have for the highest lives of the next lower kingdom**.

3. We note that even thought radiation is often and largely associated with the first ray, its expression is dependent upon the Law of Attraction. It is as if radiation is *drawn forth* by the magnetism exerted by a higher kingdom upon a lower.

4. Really, it is impossible to separate radiation from magnetism.

Đây là một trong những định luật thú vị nhất vì **nó chỉ đi vào hoạt động liên hệ với những mẫu mực cao nhất của các giới khác nhau**,

1. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Chúng ta thường chỉ xem phóng xạ là tồn tại theo nghĩa của giới kim thạch. Việc là một con người "rạng chiếu" được xem là một ẩn dụ hơn là một sự kiện, nhưng dưới ảnh hưởng của huyền bí học, sự hiểu biết về phóng xạ nơi con người và phóng xạ như được biểu lộ trong các giới khác sẽ thay đổi.

2. Người ta được nhắc nhớ đến Quy luật XIII dành cho những người xin Điểm đạo:

"Có bốn điều người đệ tử phải học và thấu hiểu trước khi y có thể được chỉ cho thấy huyền nhiệm thâm sâu nhất ấy: **thứ nhất, các định luật của điều phát xạ**; năm ý nghĩa của sự từ hoá tạo thành điều thứ hai; điều thứ ba là sự chuyển hoá, hay bí mật đã mất của thuật luyện kim; và sau cùng là chữ cái đầu tiên của Linh từ đã được truyền trao, hay danh xưng chân ngã ẩn kín.

và nó liên quan đến **sự hấp dẫn mà một giới thiên nhiên cao hơn sẽ có đối với những sự sống cao nhất của giới thấp hơn kế tiếp**.

3. Chúng ta lưu ý rằng dù phóng xạ thường và phần lớn được liên kết với cung một, biểu hiện của nó vẫn tùy thuộc vào Định luật Hấp Dẫn. Dường như phóng xạ được *rút ra* bởi từ điện do một giới cao hơn tác động lên một giới thấp hơn.

4. Thật ra, không thể tách rời phóng xạ khỏi từ điện.

It governs the radioactivity of minerals, the radiations of the vegetable kingdom and (curiously enough) the entire question of *perfumes*.

Nó chi phối tính phóng xạ của khoáng vật, các sự phát xạ của giới thực vật và (điều khá lạ) toàn bộ vấn đề về *hương thơm*.

5. Perfume is a form of *essential* radiation.

5. Hương thơm là một hình thức phóng xạ *tinh yếu*.

6. Since the upward thrusting stem of a plant is ruled by the sixth ray, the color by the fourth ray, the perfume must be ruled by the second ray. Again we see the connection of radiation to the second ray. Is the perfume being drawn forth and drawn up by the magnetism of the second ray?

6. Vì thân cây vươn lên trên của thực vật được cung sáu cai quản, màu sắc được cung bốn cai quản, nên hương thơm hẳn phải được cung hai cai quản. Một lần nữa, chúng ta thấy mối liên hệ của phóng xạ với cung hai. Phải chăng hương thơm được rút ra và kéo lên bởi từ điện của cung hai?

Smell is the highest of the purely physical senses;

Khứu giác là giác quan cao nhất trong các giác quan thuần hồng trần;

7. It is also considered to be, from the strictly physical point of view, the lowest and most primitive.

7. Nó cũng được xem, từ quan điểm hồng trần thuần túy, là thấp nhất và nguyên sơ nhất.

8. The higher correspondences of smell represent the highest occult senses available to man on each plane.

8. Các tương ứng cao hơn của khứu giác biểu thị những giác quan huyền bí cao nhất mà con người có thể sử dụng trên mỗi cõi.

so in the vegetable kingdom **a certain series of perfumes** are evidence of radiation in that kingdom.

vì vậy trong giới thực vật, **một chuỗi hương thơm nhất định** là bằng chứng của phóng xạ trong giới ấy.

9. This "series of perfumes" may be a septenate, one perfume correlated with each of the seven rays. While there are *many* types of natural scents and perfumes, perhaps only seven are fundamental.

9. "Chuỗi hương thơm" này có thể là một bộ bảy, mỗi hương thơm tương ứng với một trong bảy cung. Dù có *nhiều* loại mùi hương và hương thơm tự nhiên, có lẽ chỉ có bảy loại là căn bản.

10. The book "777", by Aleister Crowley (with many 'borrowed' tables of correspondences) offers lists of the important perfumes.

10. Quyển sách "777" của Aleister Crowley (với nhiều bảng tương ứng được "mượn") đưa ra các danh sách về những hương thơm quan trọng.

There is, moreover, an interesting link between those who are members of the fifth kingdom (the spiritual) and the vegetable, **for in esotericism the two and the five, the Son, and the Sons of Mind, are closely allied.**

Hơn nữa, có một mối liên hệ thú vị giữa những ai là thành viên của giới thứ năm (giới tinh thần) và giới thực vật, **vì trong huyền bí học, số hai và số năm, Người Con và các Con của Trí Tuệ, liên hệ mật thiết với nhau.**

11. One type of human egoic lotus called "Lotuses with Perfume". It is the phase of development following "Radiant Lotuses" and preceding "Lotuses of Revelation".

11. Có một loại Hoa Sen Chân Ngã của con người được gọi là "Hoa Sen Có Hương". Đó là giai đoạn phát triển tiếp theo sau "Hoa Sen Rạng Chiếu" và đi trước "Hoa Sen Mặc Khải".

12. The "Lotuses with Perfume" may indicate a stage of evolution in which the second initiation (correlated with the vegetable kingdom) has been passed.

12. "Hoa Sen Có Hương" có thể chỉ ra một giai đoạn tiến hoá trong đó lần điểm đạo thứ hai (tương ứng với giới thực vật) đã được vượt qua.

13. As an example of the close relation between the five and the two, we have Venus expressing both the fifth and second rays and intimately associated with both the vegetable kingdom and with the Solar Angels and their expression through the egoic lotus.

13. Như một ví dụ về mối liên hệ chặt chẽ giữa số năm và số hai, chúng ta có Sao Kim biểu lộ cả cung năm lẫn cung hai và liên hệ mật thiết với cả giới thực vật lẫn các Thái dương Thiên Thần cùng sự biểu lộ của các vị ấy qua Hoa Sen Chân Ngã.

It is not possible to indicate more, but **it is not without significance that certain Rays are, through the initiates and Masters, represented by vegetable perfumes.**

Không thể chỉ ra thêm nữa, nhưng **không phải là không có thâm nghĩa khi một số Cung, qua các điểm đạo đồ và các Chân sư, được biểu trưng bằng các hương thơm thực vật.**

14. One of the Tibetan's last living disciples said that Master DK was connected with the fragrance of carnation; Master KH with the white rose; Master M. with freesias. This cannot be immediately verified. One wonders whether the Lord Maitreya could be associated with the fragrance of the red rose, but then there is no uniformity in such fragrances (and some red roses may have no fragrance at all).

14. Một trong những đệ tử còn sống cuối cùng của Chân sư Tây Tạng nói rằng Chân sư DK liên hệ với hương thơm của hoa cẩm chướng; Chân sư KH với hoa hồng trắng; Chân sư M. với hoa lan Nam Phi. Điều này không thể được kiểm chứng ngay lập tức. Người ta tự hỏi liệu Đức Maitreya có thể liên hệ với hương thơm của hoa hồng đỏ hay không, nhưng rồi không có sự đồng nhất trong những hương thơm như thế (và một số hoa hồng đỏ có thể hoàn toàn không có hương).

15. The sevenfold correspondences of gems, perfumes, colors, notes, etc. to the seven rays is worthy of very serious study.

15. Các tương ứng thất phân của đá quý, hương thơm, màu sắc, âm điệu, v.v. với bảy cung rất đáng được nghiên cứu hết sức nghiêm túc.

It signifies radiation, and to those who have the key reveals the *quality* of the egoic lotus

Nó biểu thị phóng xạ, và đối với những ai có chìa khóa, nó tiết lộ *phẩm tính* của Hoa Sen Chân Ngã

16. Each egoic lotus, probably according to its ray, will eventually, when sufficiently unfolded, radiate a certain quality of perfume.

16. Mỗi Hoa Sen Chân Ngã, có lẽ tùy theo cung của nó, cuối cùng sẽ, khi đã khai mở đầy đủ, phát ra một phẩm tính hương thơm nào đó.

and the place it holds in any particular planetary lotus, **as well as a connection with certain devas who are the sevenfold life of the vegetable kingdom.**

và vị trí mà nó giữ trong bất kỳ Hoa Sen Hành Tinh đặc thù nào, **cũng như một mối liên hệ với một số thiên thần là sự sống thất phân của giới thực vật.**

17. As egoic lotuses, we all have a certain "place" in our own "planetary lotus". Maybe according to the ray of our Ego we are also related to a particular "planetary lotus" which is not the Planetary Logos of the Earth!

17. Là những Hoa Sen Chân Ngã, tất cả chúng ta đều có một "vị trí" nhất định trong "Hoa Sen Hành Tinh" của chính mình. Có lẽ tùy theo cung của Chân ngã chúng ta, chúng ta cũng có liên hệ với một "Hoa Sen Hành Tinh" đặc thù nào đó, vốn không phải là Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất!

18. So the following factors are correlated:

18. Vì vậy các yếu tố sau đây có tương quan với nhau:

a. This quality of the radiation or perfume of an egoic lotus

a. Phẩm tính của sự bức xạ hay hương thơm của một Hoa Sen Chân Ngã

b. The quality of the egoic lotus

b. Phẩm tính của Hoa Sen Chân Ngã

c. The place of the an egoic lotus within a “planetary lotus”

c. Vị trí của một Hoa Sen Chân Ngã trong một “Hoa Sen Hành Tinh”

d. One type of deva (of seven) connected with the deva kingdom

d. Một loại thiên thần (trong bảy loại) có liên hệ với giới thiên thần

We must not forget that man is occultly a "seven-leaved plant, the saptaparna."[26] [S. D., I, 251; II, 626.]

Chúng ta không được quên rằng con người, theo huyền bí học, là một "cây bảy lá, saptaparna."26 [S. D., I, 251; II, 626.]

19. This is an alternative way of thinking of man. Often he is conceived as an animal. To conceive of him as a “saptaparna” is a more occult conception and reveals man’s septenary nature as well as his spiritual connection to the vegetable kingdom and the planet Venus.

19. Đây là một cách khác để suy nghĩ về con người. Thường thì y được quan niệm như một con vật. Quan niệm y như một “saptaparna” là một quan niệm huyền bí hơn và cho thấy bản chất thất phân của con người cũng như mối liên hệ tinh thần của y với giới thực vật và hành tinh Sao Kim.

This law in a mysterious manner, inexplicable to those ignorant of the karma of our planetary Logos,

Định luật này, theo một cách huyền nhiệm, không thể giải thích được đối với những ai không biết về nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta,

20. We are speaking of the Law of Radiation.

20. Chúng ta đang nói về Định luật Bức Xạ.

21. As those who are merely *students* of the Great Tradition, we are certainly among those who are ignorant of the karma of our Planetary Logos. We have been told a few things, but of the entirety of the mysterious karmic process through which our Planetary Logos has passed, we really know nothing.

21. Là những người chỉ đơn thuần là *đạo sinh* của Truyền Thống Vĩ Đại, chắc chắn chúng ta thuộc vào số những người không biết về nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Chúng ta đã được cho biết một vài điều, nhưng về toàn bộ tiến trình nghiệp quả huyền nhiệm mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã trải qua, chúng ta thực sự không biết gì cả.

is not operative in the animal kingdom during this Cycle or chain.

22. Interestingly this tells us that animals are not 'radiant' in the manner here discussed. The reaching forth of their nascent intelligence towards the human kingdom can, however, be considered a form of radiation. Can the love and devotion the domestic animals feel towards their human master also be considered a form of 'radiation'?

One of the problems of the next chain

23. This will be the *fifth* chain in our planetary scheme.

will be **the bringing in of animal radiation**; thus offsetting the method of initiation now pursued.

24. The method of divine intervention (by solar angels Beings) is to be offset.

25. Perhaps animal radiation was involved in the individualization process as that process was practiced on the Moon-chain.

26. Perhaps these future developments will bring the animal kingdom in line with the method of radiatory advancement of the other kingdoms of nature.

27. One wonders whether the animal kingdom (associated as it is with the number three) has not fallen behind in its evolutionary progress. The number three, is for us, in many ways, as symbol of *retardation.* It may well be the *third* star of

không hoạt động trong giới động vật trong Chu Kỳ hay dãy này.

22. Điều này cho chúng ta biết một cách thú vị rằng động vật không "bức xạ" theo cách đang được bàn đến ở đây. Tuy nhiên, sự vươn tới của trí tuệ đang nảy sinh của chúng hướng về giới nhân loại có thể được xem là một hình thức bức xạ. Tình thương và sự tận tụy mà các thú vật nuôi trong nhà cảm nhận đối với người chủ con người của chúng cũng có thể được xem là một hình thức "bức xạ" chăng?

Một trong những vấn đề của dãy kế tiếp

23. Đây sẽ là dãy *thứ năm* trong hệ hành tinh của chúng ta.

sẽ là **việc đưa bức xạ động vật vào**; nhờ đó hóa giải phương pháp điểm đạo hiện đang được theo đuổi.

24. Phương pháp can thiệp thiêng liêng (do các Thái dương Thiên Thần là những Thực Thể thực hiện) sẽ được hóa giải.

25. Có lẽ bức xạ động vật đã tham gia vào tiến trình biệt ngã hóa như tiến trình ấy đã được thực hành trên Dãy Mặt Trăng.

26. Có lẽ những phát triển tương lai này sẽ đưa giới động vật phù hợp với phương pháp thăng tiến bằng bức xạ của các giới khác trong tự nhiên.

27. Người ta tự hỏi liệu giới động vật (vốn gắn liền với số ba) có phải đã tụt lại phía sau trong tiến trình tiến hoá của nó hay không. Số ba, đối với chúng ta, theo nhiều cách, là biểu tượng của sự *trì trệ.* Rất có thể chính ngôi sao *thứ ba* của Đại Hùng Tinh đang lệch

the Great Bear which is out of alignment and a major contributor to cosmic evil as it affects our solar system.

khỏi sự chỉnh hợp và là một tác nhân lớn góp phần vào điều ác vũ trụ khi nó ảnh hưởng đến hệ mặt trời của chúng ta.

It must never be forgotten that the chain process of individualisation, and **the earlier three Initiations concern the animal kingdom and man is viewed therein as an animal**.

Không bao giờ được quên rằng tiến trình biệt ngã hóa theo dãy, và **ba lần điểm đạo đầu tiên liên quan đến giới động vật và trong đó con người được xem như một con vật**.

28. Is there a process of individualization which is not a "chain process"?

28. Có một tiến trình biệt ngã hóa nào không phải là một "tiến trình theo dãy" chăng?

29. Usually man at the first *two* initiations is still considered to be in the "animal" state. However, since Mars is one of the prominent planets at the third initiation, we can understand why even at that initiation man is viewed as an animal.

29. Thông thường con người ở *hai* lần điểm đạo đầu tiên vẫn còn được xem là ở trong trạng thái "động vật". Tuy nhiên, vì Sao Hỏa là một trong những hành tinh nổi bật ở lần điểm đạo thứ ba, chúng ta có thể hiểu vì sao ngay cả ở lần điểm đạo ấy con người vẫn được xem như một con vật.

30. Perhaps at the third initiation may truly achieves a kind of liberation from the animal kingdom. The peculiar testing potency of Scorpio, which is esoterically ruled by Mars, is no longer applied *after* the third initiation.

30. Có lẽ ở lần điểm đạo thứ ba con người mới thực sự đạt được một loại giải thoát khỏi giới động vật. Mãnh lực thử thách đặc thù của Hổ Cáp, vốn được Sao Hỏa cai quản một cách huyền bí, không còn được áp dụng *sau* lần điểm đạo thứ ba.

In the final Initiation or the **offering up of the entire bodily nature**,

Trong Cuộc Điểm Đạo cuối cùng hay **sự dâng hiến toàn bộ bản chất thể xác**,

31. Here it appears that Master DK is calling the fourth initiation the "final initiation", for it is at that initiation that the "entire bodily nature is offered up"—both the first of the four elementals within the personality and the personality as a whole; the personality can be considered "body" in the trinity of Spirit, soul and body.

31. Ở đây dường như Chân sư DK đang gọi lần điểm đạo thứ tư là "cuộc điểm đạo cuối cùng", vì chính ở lần điểm đạo ấy mà "toàn bộ bản chất thể xác được dâng hiến" — cả hành khí đầu tiên trong bốn hành khí bên trong phàm ngã lẫn toàn thể phàm ngã; phàm ngã có thể được xem là "thể" trong bộ ba tinh thần, linh hồn và thân thể.

[Page 1171] this part

[Page 1171] phần này

32. The tiny part that the individual initiate represents...

of the general karma of the planetary Logos and the Life of the informing Spirit of the animal kingdom become adjusted.

33. The fourth initiation is a highly *karmic* initiation. The individual initiate is expiating a tiny part of the general karma of the Planetary Logos in relation to the Life of the Entity informing the animal kingdom.

If this is meditated upon, some light may be thrown upon the problem as to why the Adepts of the left hand path in Atlantean days were called "the Trees,"[27] [S. D., II, 519, 520, 521] and **were destroyed with the entire Atlantean vegetation**.

34. We must connect the fact that man is called the “Saptaparna” with the fact that Adepts of the left hand path were called “the Trees”.

35. It is fascinating to realize that no vegetation now found upon the Earth can rightly be called “Atlantean vegetation”, though there must necessarily be *some* kind of continuity between that earlier form of vegetation and the type *now* found—shall we call it ‘Aryan vegetation’?

36. The Adept of left hand path was reaping karma in relation to the *vegetable* kingdom and not participating in the fulfillment of planetary logoic karma in relation to the animal kingdom, as does the one who presently passed through the fourth initiation. So many of them were destroyed in the great “floods” of the times. It is

32. Phần cực nhỏ mà điểm đạo đồ cá nhân đại diện...

của nghiệp quả chung của Hành Tinh Thượng Đế và Sự sống của Tinh Linh đang thấm nhuần giới động vật được điều chỉnh.

33. Lần điểm đạo thứ tư là một lần điểm đạo có tính *nghiệp quả* rất cao. Điểm đạo đồ cá nhân đang đền bù một phần cực nhỏ của nghiệp quả chung của Hành Tinh Thượng Đế trong liên hệ với Sự sống của Thực Thể đang thấm nhuần giới động vật.

Nếu điều này được tham thiền, một ít ánh sáng có thể được rọi vào vấn đề vì sao các chân sư của tả đạo trong thời Atlantis được gọi là "Những Cây Cối,"27 [S. D., II, 519, 520, 521] và **đã bị hủy diệt cùng với toàn bộ thảm thực vật Atlantis**.

34. Chúng ta phải nối kết sự kiện con người được gọi là “Saptaparna” với sự kiện các chân sư của tả đạo được gọi là “Những Cây Cối”.

35. Thật hấp dẫn khi nhận ra rằng không có thảm thực vật nào hiện nay trên Trái Đất có thể được gọi đúng là “thảm thực vật Atlantis”, mặc dù tất yếu phải có *một vài* loại tính liên tục nào đó giữa hình thức thực vật trước kia ấy và loại hiện *nay* đang tồn tại — chúng ta có nên gọi nó là ‘thảm thực vật Arya’ chăng?

36. Chân sư của tả đạo đang gặt nghiệp quả trong liên hệ với giới *thực vật* và không tham dự vào sự hoàn thành nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế trong liên hệ với giới động vật, như người hiện nay đã đi qua lần điểm đạo thứ tư đang làm. Vì thế nhiều kẻ trong số họ đã bị hủy diệt trong những trận “đại hồng thủy” thời ấy. Đáng chú ý là Noah đã

noteworthy that Noah took into his ark pairs of *animals*. Animals were mobile. The standing "Trees" rooted in the Earth (the past) were destroyed.

đem vào con tàu của mình từng cặp *động vật*. Động vật thì di động. Những "Cây Cối" đứng yên, cắm rễ trong Trái Đất (quá khứ), đã bị hủy diệt.

37. The title, "the Trees" may suggest that such Adepts may have stood very tall. One wonders whether these "Trees" produced any "fruit", and if so, about the nature of such "fruit".

37. Danh xưng "Những Cây Cối" có thể gợi ý rằng những chân sư ấy hẳn đã đứng rất cao. Người ta tự hỏi liệu những "Cây Cối" này có tạo ra "quả" nào không, và nếu có, thì bản chất của những "quả" ấy là gì.

In the oldest of all the Commentaries the mystery is expressed thus:

Trong bản Cổ Luận cổ xưa nhất, huyền nhiệm được diễn tả như sau:

"They (the Adepts of the Left Hand Path) became thus separated through their own fault. Their smell rose not up to Heaven; they refused to merge.

"Họ (các chân sư của Tả Đạo) vì thế đã trở nên tách biệt do chính lỗi của họ. Mùi của họ không bay lên Thiên giới; họ từ chối hòa nhập.

38. The stench of separatism characterized them.

38. Mùi hôi của sự phân ly là đặc điểm của họ.

39. They had no fragrance such as flowering plants produce. From another perspective they refused to *flower.* If they did flower, they likely produced what could be called "flowers of evil" (after the French Poet, Baudelaire).

39. Họ không có hương thơm như loài thực vật có hoa tạo ra. Từ một góc nhìn khác, họ từ chối *nở hoa.* Nếu họ có nở hoa, có lẽ họ đã tạo ra cái có thể gọi là "những đóa hoa của điều ác" (theo nhà thơ Pháp Baudelaire).

No perfume was theirs.

Họ không có hương thơm.

40. They did not express the radiation of the second ray—perfume, the subtle emanated essence expressing beautiful, coherent qualities.

40. Họ không biểu lộ bức xạ của cung hai — hương thơm, tinh chất vi tế được phát xạ biểu lộ những phẩm tính đẹp đẽ, cố kết.

41. They had no true relation to the fifth kingdom of nature which expresses the second ray, nor to the Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels, also largely expressive of the second ray.

41. Họ không có mối liên hệ chân chính nào với giới thứ năm của tự nhiên, vốn biểu lộ cung hai, cũng không với Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm là các Thái dương Thiên Thần, cũng phần lớn biểu lộ cung hai.

They hugged to their greedy bosoms all the gains of the flowering plant."

Họ ôm chặt vào lòng tham lam của mình mọi thành quả của loài thực vật có hoa."

42. They did not *release*, did not *share*, the advanced qualities (the fruits or "gains") which they cultivated. They used such qualities only for their own selfish purposes. Various siddhis, for instance, are such qualities. Strong intelligence is another such quality.

42. Họ không *giải phóng*, không *chia sẻ*, những phẩm tính cao cấp (những quả hay "thành quả") mà họ đã vun trồng. Họ chỉ dùng những phẩm tính ấy cho những mục đích ích kỷ của riêng mình. Chẳng hạn, các siddhi là những phẩm tính như vậy. Trí tuệ mạnh mẽ là một phẩm tính khác như thế.

43. They did not conform to the Law of Radiation and consequently did not (through radiation) begin to merge with the fifth or spiritual kingdom of nature.

43. Họ không tuân theo Định luật Bức Xạ và do đó đã không bắt đầu hòa nhập (thông qua bức xạ) với giới thứ năm hay giới tinh thần của tự nhiên.

6. The Law of the Lotus.

6. Định luật Hoa Sen.

44. As we continue to study these laws, we notice that they have increasingly advanced applications.

44. Khi tiếp tục nghiên cứu các định luật này, chúng ta nhận thấy rằng chúng có những ứng dụng ngày càng cao hơn.

This is the name given to the mysterious influence from the cosmic Law of Attraction which brought in the divine Sons of Mind,

Đây là tên được đặt cho ảnh hưởng huyền nhiệm từ Định luật Hấp Dẫn vũ trụ, vốn đã đưa vào các Con thiêng liêng của Trí Tuệ,

45. In this case, the "divine Sons of Mind" are to be considered the Solar Angels who, at the individualization of animal-man, intervened in order to bestow that which would flower as self-consciousness upon certain advanced members of the third kingdom, thereby transforming them into human beings.

45. Trong trường hợp này, "các Con thiêng liêng của Trí Tuệ" phải được xem là các Thái dương Thiên Thần, những Đấng đã can thiệp vào lúc người-thú biệt ngã hóa để ban cho một số thành viên tiến hóa cao của giới thứ ba điều sẽ nở hoa thành ngã thức, nhờ đó chuyển đổi họ thành những con người.

46. Solar Angels, we are told, are trained on or in Sirius. Sirius might be considered a *source* of "the cosmic Law of Attraction". Of course, our Solar Logos is a cosmic Being and is the source of the Law of Attraction which we feel most intensely within our solar system.

46. Chúng ta được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần được huấn luyện trên hoặc trong Sirius. Sirius có thể được xem là một *nguồn* của "Định luật Hấp Dẫn vũ trụ". Dĩ nhiên, Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Thực Thể vũ trụ và là nguồn của Định luật Hấp Dẫn mà chúng ta cảm nhận mãnh liệt nhất trong hệ mặt trời của mình.

and thus linked the two poles of Spirit and matter, producing upon the plane of mind that which we call **the egoic lotus, or "the Flower of the Self.**"

và nhờ đó nối kết hai cực của tinh thần và vật chất, tạo ra trên cõi trí điều mà chúng ta gọi là **Hoa Sen Chân Ngã, hay "Hoa của Bản Ngã".**"

47. The egoic lotus of the human being was produced under the Law of the Lotus. Since there are higher forms of egoic lotus, we can imagine that a higher aspect of this law was operative in their production—for instance the production of the egoic lotus of the Planetary Logos or Solar Logos.

47. Hoa Sen Chân Ngã của con người được tạo ra dưới Định luật Hoa Sen. Vì có những hình thức Hoa Sen Chân Ngã cao hơn, chúng ta có thể hình dung rằng một phương diện cao hơn của định luật này đã hoạt động trong việc tạo ra chúng — chẳng hạn việc tạo ra Hoa Sen Chân Ngã của Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế.

48. We note with care that the egoic lotus is also known as “the Flower of the Self”—an important and revelatory name. It seems that consciousness is always associated with the symbol of the flower because consciousness unfolds just as the flower unfolds.

48. Chúng ta cẩn trọng lưu ý rằng Hoa Sen Chân Ngã cũng được biết đến như “Hoa của Bản Ngã” — một danh xưng quan trọng và đầy mặc khải. Dường như tâm thức luôn gắn liền với biểu tượng của hoa bởi vì tâm thức khai mở cũng như hoa khai mở.

It is the law which enables the lotus to draw from the lower nature (the matter aspect and the water aspect) the **moisture and heat** necessary for its unfoldment,

Đó là định luật giúp hoa sen rút từ bản chất thấp hơn (phương diện vật chất và phương diện nước) **độ ẩm và nhiệt** cần thiết cho sự khai mở của nó,

49. The life of man lived in the three lower worlds produces moisture and heat which are built into the egoic lotus as *quality*.

49. Đời sống của con người được sống trong ba cõi thấp tạo ra độ ẩm và nhiệt, những thứ được xây dựng vào Hoa Sen Chân Ngã như *phẩm tính*.

50. The Law of the Lotus (related as it is to the Law of Attraction) produces that ‘drawing power’ which draws that which is below and builds it into that which is above.

50. Định luật Hoa Sen (có liên hệ như nó vốn có với Định luật Hấp Dẫn) tạo ra “quyền năng thu hút” kéo cái ở dưới lên và xây dựng nó vào cái ở trên.

51. There must be greater and lesser (macrocosmic and microcosmic) applications of this law

51. Ắt hẳn phải có những ứng dụng lớn hơn và nhỏ hơn (đại thiên địa và tiểu thiên địa) của định luật này

52. It is interesting that the unfoldment of the egoic lotus does not occur with the aid of spiritual energies alone.

52. Thật thú vị khi sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã không chỉ xảy ra với sự trợ giúp của riêng các năng lượng tinh thần.

53. All this suggests that there would be no unfoldment of the egoic lotus unless man lives his life in the lower three worlds and offers up his experience to the Solar Angel.

53. Tất cả điều này gợi ý rằng sẽ không có sự khai mở nào của Hoa Sen Chân Ngã nếu con người không sống đời mình trong ba cõi thấp và dâng kinh nghiệm của mình lên cho Thái dương Thiên Thần.

54. One may gather that the building of substance into the egoic lotus occurs under the direction not only of the Spirit of man but that the Solar Angel (identified with the Spirit aspect) has its part to play.

54. Người ta có thể suy ra rằng việc xây dựng chất liệu vào Hoa Sen Chân Ngã diễn ra không chỉ dưới sự chỉ đạo của tinh thần con người mà Thái dương Thiên Thần (đồng hóa với phương diện tinh thần) cũng có phần của nó trong đó.

and to bring down from the levels of the Spirit that which is to it what the rays of the sun are to the vegetable kingdom.

và mang xuống từ các cấp độ của tinh thần điều mà đối với nó cũng như tia nắng mặt trời đối với giới thực vật.

55. The rays of the Spirit are to the egoic lotus what the rays of the sun are to the vegetable kingdom. The substance required for the unfoldment of a plant is drawn from earth and moisture, but without the rays of the sun it could not be built into the plant and contribute to the growth of the plant.

55. Các tia của tinh thần đối với Hoa Sen Chân Ngã cũng như tia nắng mặt trời đối với giới thực vật. Chất liệu cần cho sự khai mở của một cây được rút từ đất và độ ẩm, nhưng nếu không có tia nắng mặt trời thì nó không thể được xây dựng vào cây và góp phần vào sự tăng trưởng của cây.

56. Thus it is for the substance drawn from the lower worlds into the egoic lotus; in order for this substance to be built into the egoic lotus and contribute to its unfoldment, the rays of the Spirit are required.

56. Đối với chất liệu được rút từ các cõi thấp vào Hoa Sen Chân Ngã cũng vậy; để chất liệu này được xây dựng vào Hoa Sen Chân Ngã và góp phần vào sự khai mở của nó, các tia của tinh thần là điều cần thiết.

57. The rays of the Spirit, in this case, are identified with *solar* fire and not with electric fire.

57. Trong trường hợp này, các tia của tinh thần được đồng hóa với Lửa Thái dương chứ không phải với Lửa Điện.

58. We see that Master DK is speaking in rich analogical language.

58. Chúng ta thấy Chân sư DK đang nói bằng ngôn ngữ tương đồng rất phong phú.

It governs the process of petal unfoldment,

59. The Law of the Lotus governs the process of petal unfoldment.

and therefore itself demonstrates as a triple law:

a. The Law of Solar Heat.....Knowledge petals.

b. The Law of Solar Light....Love petals.

c. The Law of Solar Fire.....Sacrifice petals.

60. The Law of the Lotus demonstrates as a triple law.

61. The three types of petals are related to the three aspects of divinity. Thus we see (in this context) that heat is related to the third aspect, light to the second aspect and fire to the first aspect.

62. We usually speak principally of "solar fire". It is interesting and instructive to see it divided into three parts.

63. From a planetary perspective, we can understand the non-sacred planet Mars as related to heat; the sacred planet Venus as related to light; and the planet of spiritual will, Vulcan, related to Fire.

64. From a certain perspective, these three planets can be considered the rulers of the three circles of petals. Another set of rulers is Saturn, Neptune and Uranus.

Nó cai quản tiến trình khai mở các cánh hoa,

59. Định luật Hoa Sen cai quản tiến trình khai mở các cánh hoa.

và do đó tự biểu lộ như một định luật tam phân:

a. Định luật Nhiệt Thái dương.....cánh hoa tri thức.

b. Định luật Ánh sáng Thái dương....cánh hoa bác ái.

c. Định luật Lửa Thái dương.....cánh hoa hi sinh.

60. Định luật Hoa Sen biểu lộ như một định luật tam phân.

61. Ba loại cánh hoa có liên hệ với ba phương diện của thiên tính. Vì vậy chúng ta thấy (trong ngữ cảnh này) rằng nhiệt liên hệ với phương diện thứ ba, ánh sáng với phương diện thứ hai, và lửa với phương diện thứ nhất.

62. Chúng ta thường nói chủ yếu về "Lửa Thái dương". Thật thú vị và bổ ích khi thấy nó được chia thành ba phần.

63. Từ góc nhìn hành tinh, chúng ta có thể hiểu hành tinh không thiêng liêng Sao Hỏa là liên hệ với nhiệt; hành tinh thiêng liêng Sao Kim là liên hệ với ánh sáng; và hành tinh của ý chí tinh thần, Vulcan, liên hệ với Lửa.

64. Từ một góc nhìn nào đó, ba hành tinh này có thể được xem là các chủ tinh của ba vòng cánh hoa. Một bộ chủ tinh khác là Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

7. The Law of Colour.

To get any comprehension of this law students should remember that colour serves a twofold purpose. **It acts as a veil for that which lies behind, and is therefore attracted [Page 1172] to the central spark; it demonstrates the attractive quality of the central life.**

65. Master DK has given us two purposes of colour. If it is a veil for the central spark, it prevents the full nature of that spark from demonstrating. We have the triplicity colour, light and darkness. "That which lies behind" could be considered as light—light attracted to darkness.

66. Another way of understanding this is that color, itself, (considered as quality) is attracted to the central spark and is magnetically held by the central spark.

67. The second purpose is the demonstration of the attractive quality inherent in the central life or spark. Color is more related to the *second* aspect of divinity (the attractive aspect) than to the first aspect (the central life or spark). Through color (which is, in a way, identical to quality) living energies and forces which can be served by the central spark or life are attracted around it. The inherent sevenfold nature of the central spark (with some aspects of that nature emphasized over others) is also demonstrated through the colors associated with the central spark—seven colors, yes, but with some emphasized over others.

68. We may judge that the central life is threefold (just as the Monad is shown as

7. Định luật Màu sắc.

Để có được bất kỳ sự thấu hiểu nào về định luật này, các đạo sinh nên nhớ rằng màu sắc phục vụ một mục đích nhị phân. **Nó hoạt động như một bức màn che cho điều nằm phía sau, và do đó bị hút [Page 1172] về tia lửa trung tâm; nó biểu lộ phẩm tính hấp dẫn của sự sống trung tâm.**

65. Chân sư DK đã cho chúng ta hai mục đích của màu sắc. Nếu nó là một bức màn che cho tia lửa trung tâm, nó ngăn không cho bản chất trọn vẹn của tia lửa ấy biểu lộ. Chúng ta có bộ ba màu sắc, ánh sáng và bóng tối. "Điều nằm phía sau" có thể được xem là ánh sáng — ánh sáng bị hút về bóng tối.

66. Một cách khác để hiểu điều này là màu sắc, tự nó, (được xem như phẩm tính) bị hút về tia lửa trung tâm và được tia lửa trung tâm giữ lại bằng từ tính.

67. Mục đích thứ hai là sự biểu lộ phẩm tính hấp dẫn vốn có trong sự sống hay tia lửa trung tâm. Màu sắc liên hệ với phương diện *thứ hai* của thiên tính (phương diện hấp dẫn) hơn là với phương diện thứ nhất (sự sống hay tia lửa trung tâm). Thông qua màu sắc (vốn, theo một cách nào đó, đồng nhất với phẩm tính) các năng lượng và mãnh lực sống mà tia lửa hay sự sống trung tâm có thể phụng sự được hút lại quanh nó. Bản chất thất phân cố hữu của tia lửa trung tâm (với một số phương diện của bản chất ấy được nhấn mạnh hơn những phương diện khác) cũng được biểu lộ qua các màu sắc gắn liền với tia lửa trung tâm — bảy màu, đúng vậy, nhưng có một số màu được nhấn mạnh hơn những màu khác.

68. Chúng ta có thể phán đoán rằng sự sống trung tâm là tam phân (cũng như chân thần

threefold on a number of the charts) and that it is the *second aspect* of the Monad which is involved in determining the colors which represent the life of the central spark.

được trình bày là tam phân trên một số biểu đồ) và rằng chính *phương diện thứ hai* của chân thần tham gia vào việc xác định các màu sắc biểu trưng cho sự sống của tia lửa trung tâm.

All colours, therefore, are centres of attraction,

Vì vậy, mọi màu sắc đều là những trung tâm hấp dẫn,

69. As human beings we are attracted or repelled by colors (i.e., by qualities). The colors or qualities which any being represents (or through which it expresses) determine whether we will draw near to that being or distance ourselves from it.

69. Là con người, chúng ta bị màu sắc thu hút hoặc đẩy lùi (tức là bởi các phẩm tính). Những màu sắc hay phẩm tính mà bất kỳ hữu thể nào biểu lộ (hay qua đó nó biểu hiện) quyết định liệu chúng ta sẽ đến gần hữu thể ấy hay tách xa khỏi nó.

are complementary, or are antipathetic to each other, and students who study along these lines can find out the law, and comprehend its working through a realisation of the purpose, the activity, and the relation of colours to or for each other.

có tính bổ sung cho nhau, hoặc đối nghịch nhau, và các đạo sinh nghiên cứu theo những đường hướng này có thể tìm ra định luật ấy, và thấu hiểu sự vận hành của nó thông qua sự chứng nghiệm về mục đích, hoạt động, và mối liên hệ của các màu sắc với nhau hay đối với nhau.

70. Under the Law of Attraction, harmonious colors are drawn together. This drawing reflects the purpose of the archetypal world. Antipathetic colors are not drawn together. When (through the application of the energy of ignorance) there arise combinations of antipathetic colors, such combinations do not reflect the patterns of the archetypal world and are characterized by dissonance (not only of color but of sound).

70. Dưới Định luật Hấp Dẫn, những màu sắc hài hòa bị hút lại với nhau. Sự hút này phản ánh mục đích của thế giới nguyên mẫu. Những màu sắc đối nghịch không bị hút lại với nhau. Khi (thông qua việc áp dụng năng lượng của vô minh) xuất hiện những tổ hợp của các màu sắc đối nghịch, những tổ hợp như vậy không phản ánh các mô hình của thế giới nguyên mẫu và được đặc trưng bởi sự bất hòa (không chỉ về màu sắc mà còn về âm thanh).

71. Clashing colors are like clashing notes or tones. They do not contribute to the intended harmony of the Divine Purpose and are tolerable (sometimes piquant) only in passing.

71. Những màu sắc xung khắc cũng như những âm điệu hay thanh âm xung khắc. Chúng không góp phần vào sự hài hòa được dự định của Thiên Ý và chỉ có thể chấp nhận được (đôi khi gây ấn tượng mạnh) trong thoáng chốc.

72. So we are to endeavor to determine the workings of the Law of Colour by learning about color harmony and color antipathy.

72. Vì vậy chúng ta phải cố gắng xác định sự vận hành của Định luật Màu sắc bằng cách học về sự hài hòa màu sắc và sự đối nghịch màu sắc.

73. If there were a Law of Music (considered as a subset of the Law of Sound) we would determine its nature in an analogous manner.

73. Nếu có một Định luật Âm nhạc (được xem như một bộ phận của Định luật Âm thanh) thì chúng ta sẽ xác định bản chất của nó theo một cách tương tự.

8. The Law of Gravitation.

8. Định luật Trọng lực.

This law is for the non-occult student the most puzzling and confusing of all the laws.

Đối với đạo sinh không huyền bí học, định luật này là điều gây bối rối và khó hiểu nhất trong tất cả các định luật.

74. And yet modern physics seems to be making some penetration into it nature. The true nature of gravitation, however, has not been solved as it is essentially an occult phenomenon.

74. Tuy nhiên, vật lý học hiện đại dường như đang thâm nhập phần nào vào bản chất của nó. Dẫu vậy, bản chất thật sự của trọng lực vẫn chưa được giải quyết vì về căn bản nó là một hiện tượng huyền bí học.

It shows itself in one aspect

Nó biểu lộ trong một phương diện

75. It, therefore, has more than one aspect.

75. Vì vậy, nó có nhiều hơn một phương diện.

as the power, and the stronger urge that a more vital life may have upon the lesser, such as the power of the spirit of the Earth (the planetary Entity, not the planetary Logos) to hold all physical forms to itself and prevent their "scattering."

như quyền năng, và sự thúc đẩy mạnh hơn mà một sự sống sinh động hơn có thể có đối với sự sống nhỏ hơn, chẳng hạn như quyền năng của tinh linh địa cầu (Thực Thể Hành Tinh, chứ không phải Hành Tinh Thượng Đế) giữ mọi hình tướng hồng trần lại với chính nó và ngăn chúng “phân tán.”

76. Master DK immediately launches into an occult interpretation of this law.

76. Chân sư DK lập tức đi vào một cách giải thích huyền bí học về định luật này.

77. The “Planetary Spirit” is different from and far higher than the “spirit of the Earth”.

77. “Chân Linh Hành Tinh” khác với và cao hơn rất nhiều so với “tinh linh địa cầu”. Chúng ta cũng lưu ý rằng trong cụm từ

We note too, that in the phrase "spirit of the Earth" the term "spirit" is not capitalized.

"spirit of the Earth", từ "spirit" không được viết hoa.

78. We can see that this interpretation of the Law of Gravitation is related to systemic Law of Cohesion. We see the greater Entity (though, relatively, not a highly developed Entity) holding together many lesser entities preventing their "scattering".

78. Chúng ta có thể thấy rằng cách giải thích này về Định luật Trọng lực có liên hệ với Định luật Cố Kết có tính hệ thống. Chúng ta thấy Thực Thể lớn hơn (dù tương đối mà nói không phải là một Thực Thể phát triển cao) đang giữ nhiều thực thể nhỏ hơn lại với nhau, ngăn chúng "phân tán".

79. We see, too, that *vitality* is involved. Gravitation, from this perspective, is a kind of 'vital grip' which a B/being of greater vitality exerts upon a being of lesser vitality.

79. Chúng ta cũng thấy rằng *sinh lực* có liên quan. Trọng lực, từ góc nhìn này, là một loại 'sự nắm giữ bằng sinh lực' mà một H/hữu thể có sinh lực lớn hơn tác động lên một hữu thể có sinh lực nhỏ hơn.

This is due to the heavier vibration, the greater accumulative force, and the aggregated tamasic lives of the body of the planetary Entity.

Điều này là do rung động nặng hơn, mãnh lực tích lũy lớn hơn, và các sự sống tamas kết tụ của thể của Thực Thể Hành Tinh.

80. Not much is said about the "planetary Entity". This is one of the clearest explanations of one of its functions. It is, in a way, a positive function though it can also be understood as a retarding function.

80. Không có nhiều điều được nói về "Thực Thể Hành Tinh". Đây là một trong những giải thích rõ ràng nhất về một trong các chức năng của nó. Theo một cách nào đó, đó là một chức năng tích cực dù nó cũng có thể được hiểu như một chức năng làm trì hoãn.

81. The "planetary Entity" has a heavier vibration and greater accumulative force than the many physical forms which it *aggregates* and holds to itself.

81. "Thực Thể Hành Tinh" có rung động nặng hơn và mãnh lực tích lũy lớn hơn so với nhiều hình tướng hồng trần mà nó *kết tụ* và giữ lại với chính nó.

82. It should be remembered that "form" per se, is related to the second aspect of divinity, whereas matter/substance is related to the third.

82. Cần nhớ rằng chính hình tướng, tự nó, liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính, trong khi vật chất/chất liệu liên hệ với phương diện thứ ba.

83. One of the major purposes of the advancing unit of consciousness is to gain release form the "planetary Entity".

83. Một trong những mục đích lớn của đơn vị tâm thức đang tiến lên là đạt được sự giải thoát khỏi "Thực Thể Hành Tinh".

This force works upon the negative, or lowest, aspect of all physical forms.

Mãnh lực này tác động lên phương diện âm, hay thấp nhất, của mọi hình tướng hồng trần.

84. This is the lowest aspect of the Law of Gravitation. Physical forms have higher and lower aspects and this force works upon the lowest, we are told.

84. Đây là phương diện thấp nhất của Định luật Trọng lực. Chúng ta được cho biết rằng các hình tướng hồng trần có những phương diện cao hơn và thấp hơn, và mãnh lực này tác động lên phương diện thấp nhất.

85. Physical forms may also be considered to have their *etheric* aspect. From this perspective the dense material aspect of physical form is naturally *lower* than the etheric aspect.

85. Các hình tướng hồng trần cũng có thể được xem là có phương diện *dĩ thái* của chúng. Từ góc nhìn này, phương diện vật chất đậm đặc của hình tướng hồng trần tự nhiên là *thấp hơn* so với phương diện dĩ thái.

The Law of Gravitation **shows itself also in the response of the soul of all things to the greater Soul in which the lesser finds itself.**

Định luật Trọng lực **cũng biểu lộ trong sự đáp ứng của linh hồn của vạn vật đối với Đại Hồn mà trong đó linh hồn nhỏ hơn tự thấy mình ở trong đó.**

86. Here we have a higher application of the law. When studying these laws we must always remain open to their application on various levels of systemic and cosmic life.

86. Ở đây chúng ta có một ứng dụng cao hơn của định luật. Khi nghiên cứu các định luật này, chúng ta phải luôn mở ngỏ trước việc chúng được áp dụng trên nhiều cấp độ khác nhau của sự sống hệ thống và vũ trụ.

87. The “greater Souls” have an occult gravitational effect upon the ‘lesser souls’.

87. Các “Đại Hồn” có một hiệu ứng trọng lực huyền bí lên các ‘linh hồn nhỏ hơn’.

88. We seem to be told that in relation to this law, the greater always attracts the lesser, whether in the world of matter/form or of consciousness.

88. Dường như chúng ta được cho biết rằng, trong liên hệ với định luật này, cái lớn hơn luôn hút cái nhỏ hơn, dù trong thế giới vật chất/hình tướng hay trong thế giới tâm thức.

89. In the following excerpt from the second ray Technique of Integration, this higher form of the Law of Gravitation is at work:

89. Trong đoạn trích sau từ Kỹ Thuật Tích Hợp của cung hai, hình thức cao hơn này của Định luật Trọng lực đang hoạt động:

'Release thyself from all that stands around, for it has naught for thee, so look to me**. I am**

'Hãy giải thoát chính ngươi khỏi mọi điều đang đứng quanh ngươi, vì chúng chẳng có

the One who builds, sustains and draws thee on and up. Look unto me with eyes of love, and seek the path which leads from the outer circle to the point.

gì cho ngươi, vậy hãy nhìn về ta**. Ta là Đấng xây dựng, duy trì và kéo ngươi tiến lên và đi lên.** Hãy nhìn về ta bằng đôi mắt bác ái, và tìm con đường dẫn từ vòng tròn bên ngoài đến điểm.

I, at the point, sustain**. I, at the point, attract.** I, at the point, direct and choose and dominate. **I, at the point, love all, drawing them to the centre and moving forward with the travelling points towards that great Centre where the One Point stands.** (EP II 355)

Ta, tại điểm, duy trì**. Ta, tại điểm, thu hút.** Ta, tại điểm, chỉ đạo và chọn lựa và chi phối. **Ta, tại điểm, yêu thương tất cả, kéo họ về trung tâm và tiến bước cùng các điểm đang du hành hướng tới Trung Tâm vĩ đại nơi Đấng Điểm Duy Nhất đứng đó.** (EP II 355)

This law, therefore, affects the two lowest forms of divine life, but not the highest. It emanates in the first instance from the physical sun and the heart of the Sun.

Vì vậy, định luật này tác động đến hai hình thức thấp nhất của sự sống thiêng liêng, nhưng không tác động đến hình thức cao nhất. Trước hết, nó phát xuất từ mặt trời hồng trần và trái tim của Mặt Trời.

90. It is interesting to hear the soul aspect called one of the “two lowest forms of divine life”.

90. Thật thú vị khi nghe phương diện linh hồn được gọi là một trong “hai hình thức thấp nhất của sự sống thiêng liêng”.

91. We are here given the sources of the Law of Gravitation: first the physical sun and then the “Heart of the Sun”.

91. Ở đây, chúng ta được cho biết các nguồn của Định luật Hấp dẫn: trước hết là mặt trời vật chất và rồi đến “Trái Tim của Mặt Trời”.

92. The type of gravitation sourced in the Heart of the Sun provides eventual release for those entities who are held in the gravitational field sourced in the physical sun. Thus does the world of the soul overcome the world of lower form.

92. Loại hấp dẫn phát xuất từ Trái Tim của Mặt Trời rốt cuộc đem lại sự giải thoát cho những thực thể bị giữ trong trường hấp dẫn phát xuất từ mặt trời vật chất. Như thế, thế giới của linh hồn vượt thắng thế giới của hình tướng thấp.

93. We may infer, the, that the Law of Gravitation is not related to the Central Spiritual Sun—at least not in the way here described.

93. Vậy thì, chúng ta có thể suy ra rằng Định luật Hấp dẫn không liên hệ với Mặt trời Tinh thần Trung Ương—ít nhất không theo cách được mô tả ở đây.

The final synthesising forces which might be regarded as forms of spiritual gravitational activity are, nevertheless, **not**

Tuy nhiên, các mãnh lực tổng hợp tối hậu có thể được xem như những hình thức hoạt động hấp dẫn tinh thần, nevertheless,

so, but are due to the working of another law, emanating from the central spiritual Sun. The one is purely systemic, the other a cosmic law.

không phải như vậy, mà là do sự vận hành của một định luật khác, phát xuất từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương. Một bên hoàn toàn thuộc hệ thống, bên kia là một định luật vũ trụ.

94. Can we say that this other law (a comic law) is the Law of Synthesis?

94. Chúng ta có thể nói rằng định luật kia (một định luật vũ trụ) là Định luật Tổng Hợp chăng?

95. Master DK acknowledges that this final drawing together seems like "spiritual gravitational activity" but is not. The law involved is *not* a systemic but a cosmic law. It emanates from the Central Spiritual Sun which, in this case, seems not to be the monadic nature of the Solar Logos, but a cosmic Source altogether. Can this Source be the "One About Whom Naught May Be Said"?

95. Chân sư DK thừa nhận rằng sự quy tụ tối hậu này dường như là "hoạt động hấp dẫn tinh thần" nhưng không phải vậy. Định luật liên hệ *không* phải là một định luật thuộc hệ thống mà là một định luật vũ trụ. Nó phát xuất từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương, mà trong trường hợp này dường như không phải là bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế, mà là một Nguồn vũ trụ hoàn toàn khác. Nguồn này có thể là "Đấng Bất Khả Tư Nghị" chăng?

96. So, gravitation pertains to the physical sun and to the Heart of the Sun, but *not* to the level of Spirit (the Central Spiritual Sun), howevermuch similarities may appear.

96. Vì vậy, hấp dẫn liên quan đến mặt trời vật chất và Trái Tim của Mặt Trời, nhưng *không* liên quan đến cấp độ của tinh thần (Mặt trời Tinh thần Trung Ương), cho dù những điểm tương đồng có thể xuất hiện nhiều đến đâu.

9. The Law of Planetary Affinity.

9. Định luật Tương Hợp Hành Tinh.

This term is used in the occult teaching **specifically** in connection with the interaction of the planets with each other **and their eventual marriage**.

Thuật ngữ này được dùng trong giáo huấn huyền bí **một cách đặc biệt** liên hệ với sự tương tác của các hành tinh với nhau **và sự kết hợp cuối cùng của chúng**.

97. We see that this ninth law is operative on a rather macrocosmic level, though for man, the true macrocosm is the Solar Logos and His solar system.

97. Chúng ta thấy rằng định luật thứ chín này hoạt động trên một cấp độ khá đại thiên địa, dù đối với con người, đại thiên địa đích thực là Thái dương Thượng đế và hệ mặt trời của Ngài.

98. It would seem that in the process of synthesis and absorption, the planets *do marry* and merge before their final absorption into the synthesizing planets and into the Sun.

98. Dường như trong tiến trình tổng hợp và hấp thụ, các hành tinh *quả thật kết hợp* và hòa nhập trước khi được hấp thụ cuối cùng vào các hành tinh tổng hợp và vào Mặt Trời.

99. The number nine, numerologically indicates *completion.*

99. Về mặt số học huyền bí, số chín biểu thị *sự hoàn tất.*

As we know, the planetary schemes (the seven sacred planets) will eventually synthesise, or absorb the **life** of the planets which are not termed sacred and the numerous planetoids, as far as the four kingdoms [Page 1173] of nature are concerned.

Như chúng ta biết, các hệ hành tinh (bảy hành tinh thiêng liêng) rốt cuộc sẽ tổng hợp, hay hấp thụ **sự sống** của các hành tinh không được gọi là thiêng liêng và vô số tiểu hành tinh, xét theo bốn giới [Page 1173] trong thiên nhiên.

100. It seems that this synthesizing and absorption concerns only the lower four kingdoms.

100. Dường như sự tổng hợp và hấp thụ này chỉ liên quan đến bốn giới thấp.

101. The lesser planetary Entities are absorbed into greater planetary Entities and these into the synthesizing schemes, and finally into the Sun, the final synthesizer.

101. Các Thực Thể Hành Tinh nhỏ hơn được hấp thụ vào các Thực Thể Hành Tinh lớn hơn, rồi các thực thể này vào các hệ tổng hợp, và cuối cùng vào Mặt Trời, đấng tổng hợp tối hậu.

102. We note that what is absorbed is the "life" of the planets and probably the life aspect (the monadic aspect) of the lives of the four kingdoms of nature.

102. Chúng ta lưu ý rằng điều được hấp thụ là "sự sống" của các hành tinh và có lẽ là phương diện sự sống (phương diện chân thần) của các sự sống thuộc bốn giới trong thiên nhiên.

103. It is difficult to say which planets will be "sacred" by the time absorption comes. The Earth may well be "sacred" by the time the process begins. Earth, itself, may absorb planets expressing a lesser degree of sacredness. I have speculated upon the order of possible planetary absorption in earlier commentaries.

103. Thật khó nói hành tinh nào sẽ là "thiêng liêng" vào lúc sự hấp thụ diễn ra. Trái Đất rất có thể sẽ là "thiêng liêng" vào lúc tiến trình bắt đầu. Chính Trái Đất có thể hấp thụ các hành tinh biểu lộ mức độ thiêng liêng thấp hơn. Tôi đã suy đoán về trật tự có thể có của sự hấp thụ hành tinh trong các phần bình luận trước.

The absorption of the Spirit aspect proceeds under the Law of Synthesis.

Sự hấp thụ phương diện tinh thần diễn ra dưới Định luật Tổng Hợp.

104. Yes, here it is directly stated. The Law of Synthesis is a *cosmic* law. It is concerned with the Central Spiritual Sun, as mentioned above. It is, however, connected to the monadic aspect of the Solar Logos (when that aspect is named the "Central Spiritual Sun")?

104. Vâng, ở đây điều ấy được phát biểu trực tiếp. Định luật Tổng Hợp là một định luật *vũ trụ*. Nó liên hệ với Mặt trời Tinh thần Trung Ương, như đã nói ở trên. Tuy nhiên, nó có liên hệ với phương diện chân thần của Thái dương Thượng đế chăng (khi phương diện ấy được gọi là "Mặt trời Tinh thần Trung Ương")?

105. Do we hear speaking of the absorption of Monads into great Monads? Yet in all of cosmos the Monad (essentially) is One.

105. Phải chăng chúng ta đang nghe nói về sự hấp thụ các chân thần vào những chân thần vĩ đại? Tuy nhiên, trong toàn thể vũ trụ, Chân thần (về bản chất) là Một.

106. The Monad of man is not a *pure* Monad. It is accompanied by its vehicle. Even the One Universal Monad has its vehicle—on the highest of all possible universal planes.

106. Chân thần của con người không phải là một chân thần *thuần túy*. Nó đi kèm với vận cụ của nó. Ngay cả Chân thần Vũ trụ Duy Nhất cũng có vận cụ của Ngài—trên cõi cao nhất trong mọi cõi phổ quát khả hữu.

The minor four planetary schemes become first the two, and then the one. This one, with the major three, forms a second and higher quaternary which again repeats the process, producing from the four, the two, and from the two, the one.

Bốn hệ hành tinh nhỏ trước hết trở thành hai, rồi thành một. Một này, cùng với ba hệ lớn, tạo thành một bộ bốn thứ hai và cao hơn, rồi lại lặp lại tiến trình, tạo ra từ bốn thành hai, và từ hai thành một.

107. In a previous commentary I have discussed this paragraph in some detail.

107. Trong một phần bình luận trước, tôi đã bàn đến đoạn này khá chi tiết.

108. As we presently know of only *three* minor planetary schemes, it would seem that the minor four planetary schemes still consist of sacred planets. Some absorption among non-sacred planets will have already occurred before the absorption here discussed is in process.

108. Vì hiện nay chúng ta chỉ biết có *ba* hệ hành tinh nhỏ, nên dường như bốn hệ hành tinh nhỏ vẫn còn bao gồm các hành tinh thiêng liêng. Một số sự hấp thụ giữa các hành tinh không thiêng liêng hẳn đã xảy ra trước khi sự hấp thụ được bàn ở đây bắt đầu diễn tiến.

109. Among the sacred planets the four minor planetary schemes are Venus, Mercury, Vulcan and Jupiter. There are various pairs which could be proposed: Mercury with Vulcan or Mercury with Jupiter; Venus with Vulcan and Mercury with Jupiter; Mercury with Venus and Vulcan with Jupiter.

109. Trong số các hành tinh thiêng liêng, bốn hệ hành tinh nhỏ là Sao Kim, Sao Thủy, Vulcan và Sao Mộc. Có nhiều cặp khác nhau có thể được đề nghị: Sao Thủy với Vulcan hoặc Sao Thủy với Sao Mộc; Sao Kim với Vulcan và Sao Thủy với Sao Mộc; Sao Thủy với Sao Kim và Vulcan với Sao Mộc.

110. Justifications can be found for any of these types of pairing. What is probable, however, is that Jupiter will be the remaining planet of the sacred lower four and that it will face the three synthesizing planets.

110. Có thể tìm thấy những lý do biện minh cho bất kỳ kiểu ghép cặp nào trong số này. Tuy nhiên, điều có vẻ khả dĩ là Sao Mộc sẽ là hành tinh còn lại của bốn hành tinh thiêng liêng thấp và nó sẽ đối diện với ba hành tinh tổng hợp.

111. When thinking of the pattern of pairings among Jupiter, Saturn, Neptune and Uranus, there are again a number of possibilities. Since it seems advisable to leave Neptune and Uranus for the final pairing, it seem logical that Jupiter would merge into Neptune and Saturn into Uranus. Then Uranus and Neptune would merge. Which would be the final planet—Neptune or Uranus? Justifications could be found for either one.

111. Khi suy nghĩ về mô hình ghép cặp giữa Sao Mộc, Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương, lại có một số khả năng. Vì dường như nên để Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương cho lần ghép cặp cuối cùng, nên có vẻ hợp lý khi Sao Mộc sẽ hòa nhập vào Sao Hải Vương và Sao Thổ vào Sao Thiên Vương. Sau đó Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương sẽ hòa nhập. Hành tinh cuối cùng sẽ là hành tinh nào—Sao Hải Vương hay Sao Thiên Vương? Có thể tìm thấy lý do biện minh cho cả hai.

112. Uranus is the ultimate first ray planet and Neptune the ultimate second ray planet. Usually the first ray is considered the last to remain, and yet we live in a second ray solar system.

112. Sao Thiên Vương là hành tinh cung một tối hậu và Sao Hải Vương là hành tinh cung hai tối hậu. Thông thường, cung một được xem là cung còn lại sau cùng, thế nhưng chúng ta đang sống trong một hệ mặt trời cung hai.

113. This final planet (whether Uranus or Neptune) would merge into the Sun.

113. Hành tinh cuối cùng này (dù là Sao Thiên Vương hay Sao Hải Vương) sẽ hòa nhập vào Mặt Trời.

114. At this stage of our knowledge and understanding, the accurate patterns of merging must remain a subject for

114. Ở giai đoạn hiện nay của tri thức và sự thấu hiểu của chúng ta, các mô hình hòa nhập chính xác hẳn vẫn phải là một đề tài để

speculation. It would be important to know the relative status of the four lesser sacred Planetary Logoi as then we could see which planet would be the absorber and which the absorbed. It can be presumed that Jupiter is of higher evolutionary status that Vulcan, Venus or Mercury, but which among these latter three is the most and least advanced. Certainly, Mercury is the 'oldest' of the three and Venus (for all its accelerated unfoldment), perhaps spiritually the 'youngest', but we have no certainty.

suy đoán. Sẽ rất quan trọng nếu biết được địa vị tương đối của bốn Đức Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng nhỏ hơn, vì khi ấy chúng ta có thể thấy hành tinh nào sẽ là bên hấp thụ và hành tinh nào là bên bị hấp thụ. Có thể giả định rằng Sao Mộc có địa vị tiến hoá cao hơn Vulcan, Sao Kim hay Sao Thủy, nhưng trong ba hành tinh sau này, hành tinh nào tiến bộ nhất và kém tiến bộ nhất? Chắc chắn, Sao Thủy là hành tinh 'già' nhất trong ba hành tinh ấy và Sao Kim (dù có sự khai mở được gia tốc) có lẽ về mặt tinh thần là hành tinh 'trẻ' nhất, nhưng chúng ta không có gì chắc chắn.

This final one is eventually merged in the Sun, producing in this prolonged process, and **over a vast period of time**, the appearance of the "**seven Suns who run together, and thus blaze forth, producing one flaming ball of fire**."

Đơn vị cuối cùng này rốt cuộc được hòa nhập vào Mặt Trời, tạo ra trong tiến trình kéo dài này, và **trong một khoảng thời gian vô cùng rộng lớn**, sự xuất hiện của "**bảy Mặt Trời cùng chạy lại với nhau, và do đó bùng cháy rực lên, tạo thành một khối cầu lửa duy nhất**."

115. DK is here speaking of the climactic solar systemic display of glory.

115. Ở đây, DK đang nói về sự biểu hiện vinh quang cao trào của hệ mặt trời.

116. Are the seven sacred planets in their etheric natures the "seven Suns who run together" with the absorbing etheric Sun representing "one flaming ball of fire"? Or does the Sun in its etheric nature seem to subdivide in this final demonstration?

116. Phải chăng bảy hành tinh thiêng liêng trong bản chất dĩ thái của chúng là "bảy Mặt Trời cùng chạy lại với nhau", còn Mặt Trời dĩ thái hấp thụ tượng trưng cho "một khối cầu lửa duy nhất"? Hay Mặt Trời trong bản chất dĩ thái của nó dường như tự phân chia trong sự biểu hiện cuối cùng này?

117. Spiritually, we must think of the Planetary Logoi as expression of the chakric nature of the Solar Logos. Since all chakras come from the Monad, the Planetary Logoi may be thought of as emanating from the Monad – at least *spiritually* or *divinely*— which is a better descriptor.

117. Về mặt tinh thần, chúng ta phải nghĩ đến các Hành Tinh Thượng Đế như những biểu hiện của bản chất luân xa của Thái dương Thượng đế. Vì mọi luân xa đều đến từ Chân thần, các Hành Tinh Thượng Đế có thể được xem là phát xuất từ Chân thần – ít nhất là *về mặt tinh thần* hay *thiêng liêng*— mà đây là cách mô tả đúng hơn.

118. However it may be, it is likely that the final demonstration is etheric in nature.

118. Dù thế nào đi nữa, có lẽ sự biểu hiện cuối cùng ấy có bản chất dĩ thái.

119. This would precede the taking by the Solar Logos of the fourth initiation, which is also 'scheduled' by the conclusion of our solar system. Even the fifth cosmic initiation is a possibility but would not be associated with a phenomenal display as it is possible that for its fifth initiation, the Solar Logos' phenomenal vehicles (its personality vehicles) would have been destroyed and dispersed – though taking the analogy from the human being, it is also possible that the personality vehicles may remain for the taking of a fifth initiation, as among men, it is possible to take the fourth and fifth initiations *in the same life.*

119. Điều này sẽ đi trước việc Thái dương Thượng đế tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư, vốn cũng được "ấn định" vào lúc kết thúc hệ mặt trời của chúng ta. Ngay cả lần điểm đạo vũ trụ thứ năm cũng là một khả năng, nhưng sẽ không gắn với một sự biểu hiện hiện tượng giới, vì có thể đối với lần điểm đạo thứ năm của Ngài, các vận cụ hiện tượng giới của Thái dương Thượng đế (các vận cụ phàm ngã của Ngài) sẽ bị hủy diệt và phân tán – dù theo phép loại suy từ con người, cũng có thể các vận cụ phàm ngã vẫn còn để tiếp nhận lần điểm đạo thứ năm, vì nơi những người nam và nữ, có thể tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư và thứ năm *trong cùng một kiếp sống.*

On a lesser scale the same law governs the merging of the chains in a scheme.

Ở quy mô nhỏ hơn, cũng chính định luật ấy chi phối sự hòa nhập của các dãy trong một hệ hành tinh.

120. Again there are higher and lower applications of a given law: in this case, The Law of Planetary Affinity. We must not think of these laws as confined to only one level.

120. Một lần nữa, có những ứng dụng cao hơn và thấp hơn của một định luật nhất định: trong trường hợp này là Định luật Tương Hợp Hành Tinh. Chúng ta không được nghĩ rằng các định luật này chỉ giới hạn trong một cấp độ duy nhất.

121. If we are astute we may be able to study the merging of chains and learn something about the merging of schemes and vice-versa.

121. Nếu đủ sắc bén, chúng ta có thể nghiên cứu sự hòa nhập của các dãy và học được điều gì đó về sự hòa nhập của các hệ hành tinh, và ngược lại.

122. When dealing with these mergings we must realize that DK often speaks of *ten* planetary schemes or even *twelve.* The correct pattern of merging will have to take these numbers into account.

122. Khi bàn đến các sự hòa nhập này, chúng ta phải nhận ra rằng DK thường nói đến *mười* hệ hành tinh hay thậm chí *mười hai.* Mô hình hòa nhập đúng đắn sẽ phải tính đến các con số này.

123. One general principle may be correct: the lesser Entities merge into greater Entities, and these greater into still greater. Greater Entities do not begin to merge before lesser Entities have completed their merging.

123. Một nguyên lý tổng quát có thể là đúng: các Thực Thể nhỏ hơn hòa nhập vào các Thực Thể lớn hơn, và các thực thể lớn hơn này lại hòa nhập vào những Thực Thể còn lớn hơn nữa. Các Thực Thể lớn hơn không bắt đầu hòa nhập trước khi các Thực Thể nhỏ hơn hoàn tất sự hòa nhập của chúng.

124. To understand the systemic mergings is beyond our ken, but to understand the microcosmic mergings within the human energy system (which reflects the greater system) is practically possible.

124. Việc thấu hiểu các sự hòa nhập thuộc hệ thống vượt ngoài tầm biết của chúng ta, nhưng việc thấu hiểu các sự hòa nhập vi mô trong hệ thống năng lượng con người (phản ánh hệ thống lớn hơn) thì có thể thực hiện được trên thực tế.

10. The Law of Solar Union.

10. Định luật Hợp Nhất Thái Dương.

When the interplay of the Suns is being dealt with from the material aspect and from the consciousness aspect, this term is occultly used. It is not possible to enlarge upon it, but only to point out the universality of this Law of Attraction.

Khi sự tương tác của các Mặt Trời được bàn đến từ phương diện vật chất và từ phương diện tâm thức, thuật ngữ này được dùng một cách huyền bí. Không thể khai triển thêm về nó, mà chỉ có thể chỉ ra tính phổ quát của Định luật Hấp Dẫn này.

125. This law appears to rule the merging of solar systems. Our Solar Logos for instance, has His polar opposite, and this is probably true of other Solar Logoi Who are related to our Solar Logos.

125. Định luật này dường như cai quản sự hòa nhập của các hệ mặt trời. Chẳng hạn, Thái dương Thượng đế của chúng ta có cực đối nghịch của Ngài, và điều này có lẽ cũng đúng với các Thái dương Thượng đế khác có liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

126. But our Solar Logos is a member of the lower *quaternary* in a great being, whereas, Sirius may not be—in fact, probably is not (though Venus, its lower correspondence, *is* a member of the solar logoic lower quaternary).

126. Nhưng Thái dương Thượng đế của chúng ta là một thành viên của bộ *bốn* thấp trong một Hữu Thể Vĩ Đại, trong khi Sirius có thể không phải như vậy—thật ra, có lẽ không phải (dù Sao Kim, đối phần thấp hơn của nó, *là* một thành viên của bộ bốn thấp của Thái dương Thượng đế).

127. Will our Sun/Solar Logos merge with the Sirian Sun/Logos? If so, we would be dealing with the merging of a Sun from the

127. Phải chăng Mặt Trời/Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ hòa nhập với Mặt Trời/Thượng đế Sirius? Nếu vậy, chúng ta sẽ

lower quaternary with a Sun from the higher triplicity. This would be an important consideration, and is certainly beyond the possibility of ascertainment—for us.

bàn đến sự hòa nhập của một Mặt Trời từ bộ bốn thấp với một Mặt Trời từ bộ ba cao. Đây sẽ là một điều cần cân nhắc quan trọng, và chắc chắn vượt ngoài khả năng xác định—đối với chúng ta.

128. Would our Sun then correspond to the planet Jupiter when it, hypothetically, merges with one of the three synthesizing planets?

128. Vậy thì Mặt Trời của chúng ta có tương ứng với hành tinh Sao Mộc khi nó, theo giả thuyết, hòa nhập với một trong ba hành tinh tổng hợp chăng?

129. If the Law of Attraction is universal, the merging of Suns/Logoi must be followed by the merging of Constellational Logoi and Their constellations. The process would continue until galaxies are found merging and families of galaxies and still greater groupings. Eventually all would merge into the One and Only Form of Cosmos—the Form of the Universal Logos.

129. Nếu Định luật Hấp Dẫn là phổ quát, thì sự hòa nhập của các Mặt Trời/Các Thượng đế phải được tiếp nối bởi sự hòa nhập của các Thượng đế Chòm Sao và các chòm sao của Các Ngài. Tiến trình ấy sẽ tiếp tục cho đến khi các thiên hà được thấy là đang hòa nhập, rồi các họ thiên hà và những tập hợp còn lớn hơn nữa. Rốt cuộc, tất cả sẽ hòa nhập vào Hình Tướng duy nhất và độc nhất của Vũ trụ—Hình Tướng của Thượng đế Vũ Trụ.

S9S11, Part I

TCF 1174-1177

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

TCF 1173-1177

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị nên **đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

11. The Law of the Schools. (The Law of Love and Light.)

1. The name of this law is unusual, especially when it is translated as "The Law of Love and Light".

This is a mysterious term used to cover the law as it affects the expansions of consciousness which an initiate undergoes,

2. In "schools" one undergoes expansions of consciousness. The idea of the "school" is related to the second aspect of divinity under which this expansion occurs.

3. The higher expression of teaching on the second ray is "The process of initiation as taught by the hierarchy of adepts." (EP I 50)

and **his ability to attract to himself through knowledge**,

4. The initiate is endowed with certain attractive powers. We notice, importantly, that it is the *knowledge* of the initiate which serves as an attractive power.

a. His own Higher Self, so as to produce alignment and illumination,

5. The initiate is the soul-in-incarnation who has awakened to a certain level of consciousness. The "Higher Self" in this case can stand for both the supervisory Solar Angel and also the spiritual triad and Monad.

11. Định luật của Các Trường Phái. (Định luật của Tình thương và Ánh sáng.)

1. Tên của định luật này thật khác thường, nhất là khi nó được dịch là "Định luật của Tình thương và Ánh sáng".

Đây là một thuật ngữ huyền nhiệm được dùng để bao quát định luật khi nó tác động đến những sự mở rộng tâm thức mà một điểm đạo đồ trải qua,

2. Trong các "trường phái", người ta trải qua những sự mở rộng tâm thức. Ý niệm về "trường phái" liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính, dưới đó sự mở rộng này xảy ra.

3. Biểu hiện cao hơn của giáo huấn trên cung hai là "Tiến trình điểm đạo như được giảng dạy bởi thánh giai các chân sư." (EP I 50)

và **khả năng thu hút về phía mình thông qua tri thức của y**,

4. Điểm đạo đồ được phú cho một số quyền năng thu hút nhất định. Điều quan trọng mà chúng ta nhận thấy là chính *tri thức* của điểm đạo đồ đóng vai trò như một quyền năng thu hút.

a. Chân ngã của y, để tạo ra sự chỉnh hợp và soi sáng,

5. Điểm đạo đồ là linh hồn đang nhập thể đã thức tỉnh đến một mức tâm thức nhất định. "Higher Self" trong trường hợp này có thể chỉ cả Thái dương Thiên Thần giám hộ lẫn Tam Nguyên Tinh Thần và Chân thần.

6. It is also hinted that there are *known methods* of attracting these higher aspects of the self.

6. Ở đây cũng hàm ý rằng có những *phương pháp đã biết* để thu hút các phương diện cao hơn này của bản ngã.

b. His Guru,

b. Guru của y,

7. The "Guru" does not appear unless the knowledge of the initiate has reached a certain sufficiency. It would be against the Law of Economy for the Guru to waste His time on the unprepared.

7. "Guru" không xuất hiện trừ phi tri thức của điểm đạo đồ đã đạt đến một mức đầy đủ nào đó. Sẽ trái với Định luật Tiết Kiệm nếu Guru lãng phí thời gian của Ngài vào người chưa được chuẩn bị.

c. That which he seeks to know,

c. Điều mà y tìm cách biết,

8. The desire or aspiration to know is important, but a sufficiency of knowledge is magnetic and attracts still higher knowledge; revelation of a certain scope attracts revelation of a still greater scope. There is always a next step ahead related to the quantity and quality of knowledge accumulated.

8. Ham muốn hay khát vọng muốn biết là điều quan trọng, nhưng một mức tri thức đầy đủ thì có từ tính và thu hút tri thức còn cao hơn; sự mặc khải ở một tầm mức nào đó thu hút sự mặc khải ở một tầm mức còn lớn hơn. Luôn luôn có một bước kế tiếp ở phía trước liên hệ với số lượng và phẩm tính của tri thức đã tích lũy.

d. That which he can utilise in his work of service,

d. Điều mà y có thể sử dụng trong công việc phụng sự của y,

9. The knowledge of the initiate is sufficient to attract those resources and energies needed for the service he intends.

9. Tri thức của điểm đạo đồ đủ để thu hút những nguồn lực và năng lượng cần thiết cho sự phụng sự mà y dự định.

e. Other souls with whom he can work.

e. Những linh hồn khác mà y có thể cùng làm việc.

10. This is an important point. The consciousness of the initiate and his knowledge are radiatory and call to those who can fit in with the plans of the initiate. Not all are called—only those who respond to the level of consciousness and knowledge of the initiate and recognize that they have something of importance to gain from association with this level.

10. Đây là một điểm quan trọng. Tâm thức của điểm đạo đồ và tri thức của y có tính phóng xạ và kêu gọi những ai có thể phù hợp với các kế hoạch của điểm đạo đồ. Không phải tất cả đều được kêu gọi—chỉ những ai đáp ứng với mức tâm thức và tri thức của điểm đạo đồ và nhận ra rằng họ có điều gì quan trọng để đạt được từ sự liên kết với cấp độ này.

It will be evident, therefore, to the thoughtful student that this Law of the Schools is primarily applicable to all units of divine life who have arrived at, or **transcended the stage of self-consciousness**.

Do đó, đối với đạo sinh biết suy tư, sẽ hiển nhiên rằng Định luật của Các Trường Phái này trước hết áp dụng cho mọi đơn vị của sự sống thiêng liêng đã đạt đến, hoặc **vượt qua giai đoạn ngã thức**.

11. When we speak of "self-consciousness" we are not speaking of "*Self*-consciousness". The first relates to the consciousness of the fourth kingdom of nature, the second to the consciousness of the fifth kingdom.

11. Khi chúng ta nói đến "ngã thức", chúng ta không nói đến "tâm thức về *Bản Ngã* ". Điều thứ nhất liên hệ với tâm thức của giới thứ tư trong thiên nhiên, điều thứ hai liên hệ với tâm thức của giới thứ năm.

12. Strictly speaking, "self-consciousness" began, inchoately, at individualization and ends (though its ending is not a full ending) at the first initiation.

12. Nói một cách nghiêm ngặt, "ngã thức" bắt đầu, ở dạng phôi thai, từ biệt ngã hóa và chấm dứt (dù sự chấm dứt ấy không phải là chấm dứt hoàn toàn) ở lần điểm đạo thứ nhất.

13. When one enters the fifth kingdom (and especially when one graduates from the fifth kingdom at the fifth initiation) one transcends the stage of self-consciousness. This transcendence is 'engineered' upon the Fixed Cross.

13. Khi một người bước vào giới thứ năm (và đặc biệt khi tốt nghiệp khỏi giới thứ năm ở lần điểm đạo thứ năm), người ấy vượt qua giai đoạn ngã thức. Sự vượt qua này được "kiến tạo" trên Thập Giá Cố Định.

14. From the first initiation onwards, one identifies as a *self* which is more than the individual, lower ego. The objective is become in consciousness the Higher Self which one believes oneself to be and which one more authentically *is.*

14. Từ lần điểm đạo thứ nhất trở đi, người ta đồng hoá như một *bản ngã* vượt hơn chân ngã cá nhân thấp. Mục tiêu là trở thành trong tâm thức Bản Ngã Cao Siêu mà người ta tin mình là, và mà người ta một cách chân thực hơn *thật sự là.*

15. In deciding the various levels at which this law applies to humanity, we will have to think of the transcendence of self-consciousness as a gradual process—something which does not immediately occur at the first initiation.

15. Khi quyết định các cấp độ khác nhau mà định luật này áp dụng cho nhân loại, chúng ta sẽ phải nghĩ đến việc vượt qua ngã thức như một tiến trình dần dần—điều gì đó không xảy ra ngay lập tức ở lần điểm đạo thứ nhất.

It has consequently a vital connection with the human kingdom,

Do đó, nó có một liên hệ thiết yếu với giới nhân loại,

16. This is the kingdom in which self-consciousness is expressed and in which the movement towards the transcendence of self-consciousness is commenced.

16. Đây là giới trong đó ngã thức được biểu lộ và trong đó sự chuyển động hướng tới việc vượt qua ngã thức được khởi sự.

and there is an occult significance in the fact that this is the eleventh [Page1174] Law.

và có một thâm nghĩa huyền bí trong sự kiện rằng đây là Định luật thứ mười một [Page1174].

17. Perhaps we can relate the number eleven to the *initiate.* "Forget not that eleven is the number of the Initiate and that today it is the eleventh house which is so dominant; forget not that Aquarius, the eleventh sign, is the sign of universal relationships, interplay and consciousness." (EA 542)

17. Có lẽ chúng ta có thể liên hệ số mười một với *điểm đạo đồ.* "Đừng quên rằng mười một là con số của điểm đạo đồ và rằng ngày nay chính nhà thứ mười một đang rất trội vượt; đừng quên rằng Bảo Bình, dấu hiệu thứ mười một, là dấu hiệu của những tương quan phổ quát, sự tương tác và tâm thức." (EA 542)

18. By absorbing and expressing the meaning of the number eleven the human being moves from individual self-consciousness into group consciousness represented particularly by the energy of the Aquarius. Group consciousness represents a transcendence of ordinary self-consciousness. The human being who

18. Bằng cách hấp thụ và biểu lộ ý nghĩa của số mười một, con người chuyển từ ngã thức cá nhân sang tâm thức nhóm, được biểu trưng đặc biệt bởi năng lượng của Bảo Bình. Tâm thức nhóm biểu thị sự vượt qua ngã thức thông thường. Con người đồng hoá như Bản Ngã Cao Siêu thì *có tâm thức nhóm.*

identifies as the Higher Self is *group conscious.*

19. The number eleven also suggests the sign Gemini and its relationship to the great second ray—the ray, per se, of consciousness and its expansion.

20. More mundanely, Gemini is often associated with the educational process and with *schools.*

It is the law which enables a man to unite two of his aspects (the personal self and the Higher Self).

21. It seems that many laws, including the Laws of the Soul contribute to this merging.

22. Since there is a considerable merging of the man and the "Angel of the Presence" at the third initiation, one wonders whether the Law of the Schools should have particularly applicability to this stage of initiation.

23. The statement above concerning the uniting the personal and Higher Self again point to Gemini in which the existence and interaction of these two *selves* are highlighted. There is much similarity between the number 11 and the glyph of Gemini.

It is the law which governs the transition of the human atom into another and a higher kingdom.

24. So far we see that this law governs a uniting and now a transition. The higher

19. Số mười một cũng gợi ý dấu hiệu Song Tử và mối liên hệ của nó với cung hai vĩ đại —chính cung, per se, của tâm thức và sự mở rộng của tâm thức.

20. Ở mức đời thường hơn, Song Tử thường được liên kết với tiến trình giáo dục và với *trường học.*

Đó là định luật giúp con người hợp nhất hai phương diện của mình (bản ngã cá nhân và Bản Ngã Cao Siêu).

21. Dường như nhiều định luật, kể cả các Định luật của Linh Hồn, góp phần vào sự hòa nhập này.

22. Vì có một sự hòa nhập đáng kể giữa con người và "Thiên Thần của Hiện Diện" ở lần điểm đạo thứ ba, người ta tự hỏi liệu Định luật của Các Trường Phái có đặc biệt áp dụng cho giai đoạn điểm đạo này hay không.

23. Phát biểu trên về việc hợp nhất bản ngã cá nhân và Bản Ngã Cao Siêu một lần nữa chỉ về Song Tử, trong đó sự hiện hữu và tương tác của hai *bản ngã* này được làm nổi bật. Có nhiều điểm tương đồng giữa số 11 và ký hiệu của Song Tử.

Đó là định luật chi phối sự chuyển tiếp của nguyên tử nhân loại vào một giới khác và cao hơn.

24. Cho đến đây chúng ta thấy rằng định luật này chi phối một sự hợp nhất và giờ đây

kingdom here mentioned is, of course, the *fifth* kingdom.

25. That transition must occur across a 'bridge' and Mercury (the ruler of Gemini and conveyer of the bridging fourth ray) can represent that bridge.

26. A school is a greater concentration of light which magnetically draws a lesser such concentration towards magnetically. The lesser is drawn towards the greater across a 'Bridge of Light', a kind of Mercurian antahkarana.

It is the law which (when comprehended and conformed to) enables a man to enter into a new cycle.

27. Life within the fourth kingdom of nature follows a particular cycle ruled by the numbers four and seven. Life within the Kingdom of Souls is governed by cycles related to the numbers seven and three.

28. The cycle entered into will be the cycle of expanding consciousness *as a conscious soul-in-incarnation.*

29. We note that the law must be understood and that there must be conformity to this law if it is to have its proper effect of creating union with the soul on its own plane and a merging into a higher kingdom of nature. Laws exist, and to a degree force compliance, but they are far more effective when they are understood and when voluntarily obeyed.

30. The cycle of reincarnation into the lower three world is one which will shortly be

là một sự chuyển tiếp. Giới cao hơn được nhắc đến ở đây dĩ nhiên là giới *thứ năm.*

25. Sự chuyển tiếp ấy phải diễn ra qua một "cây cầu", và Sao Thủy (chủ tinh của Song Tử và là đấng chuyển tải cung bốn bắt cầu) có thể tượng trưng cho cây cầu ấy.

26. Một trường phái là một sự tập trung ánh sáng lớn hơn, có từ tính lôi kéo một sự tập trung nhỏ hơn cùng loại về phía nó. Cái nhỏ hơn bị lôi kéo về phía cái lớn hơn qua một "Cầu Ánh Sáng", một loại antahkarana kiểu Sao Thủy.

Đó là định luật mà (khi được thấu hiểu và tuân theo) giúp con người bước vào một chu kỳ mới.

27. Sự sống trong giới thứ tư của thiên nhiên đi theo một chu kỳ đặc thù do các số bốn và bảy chi phối. Sự sống trong giới các linh hồn được chi phối bởi các chu kỳ liên hệ với các số bảy và ba.

28. Chu kỳ được bước vào sẽ là chu kỳ của sự mở rộng tâm thức *như một linh hồn đang nhập thể có ý thức.*

29. Chúng ta lưu ý rằng định luật này phải được thấu hiểu và phải có sự tuân hợp với định luật này nếu nó muốn có tác dụng đúng đắn là tạo ra sự hợp nhất với linh hồn trên cõi riêng của nó và một sự hòa nhập vào một giới cao hơn của thiên nhiên. Các định luật hiện hữu, và ở một mức độ nào đó buộc phải tuân theo, nhưng chúng hiệu quả hơn nhiều khi được thấu hiểu và khi được tự nguyện vâng theo.

30. Chu kỳ tái sinh vào ba cõi thấp là một chu kỳ sẽ sớm bị bãi bỏ khi Định luật của Các Trường Phái được chấp nhận đúng đắn.

abrogated when the Law of the Schools is rightly accepted.

It is the law of the adept, of the Master, and of the perfected man.

Đó là định luật của chân sư, của Chân sư, và của con người hoàn thiện.

31. This means it is the law of those who are truly and definitely initiate. This means they have taken at least the third initiation.

31. Điều này có nghĩa đó là định luật của những ai thực sự và rõ rệt là điểm đạo đồ. Điều này có nghĩa là họ đã tiếp nhận ít nhất lần điểm đạo thứ ba.

32. Who is the "perfected man"? Really, only the Master of the Wisdom. In a sense, the Chohan of the sixth degree is no longer considered a "man" per se.

32. Ai là "con người hoàn thiện"? Thật ra, chỉ có Chân sư Minh Triết. Theo một nghĩa nào đó, Chohan cấp sáu không còn được xem là "con người" per se nữa.

For this reason it might be of profit here if we dealt with it a little more fully than with the other laws, **for mankind is now at the stage where a number of its units are ready to come under the specific influence of this law**,

Vì lý do này, ở đây có lẽ sẽ hữu ích nếu chúng ta bàn đến nó đầy đủ hơn đôi chút so với các định luật khác, **vì hiện nay nhân loại đang ở giai đoạn mà một số đơn vị của nó đã sẵn sàng đi vào dưới ảnh hưởng đặc thù của định luật này**,

33. This indicates that there has been considerable development within the human race and that the possibility of true initiate lies not far ahead for many.

33. Điều này cho thấy đã có sự phát triển đáng kể bên trong nhân loại và rằng khả năng trở thành điểm đạo đồ chân chính không còn xa phía trước đối với nhiều người.

34. Under this law enough light can be received by the lower concentration of light to lift it, by approved methods, into the radius of the higher concentration of light. The magnetic force of this law facilitates a dramatic change of the point of tension.

34. Dưới định luật này, đủ ánh sáng có thể được tiếp nhận bởi sự tập trung ánh sáng thấp hơn để nâng nó lên, bằng những phương pháp đã được chuẩn nhận, vào trong bán kính của sự tập trung ánh sáng cao hơn. Mãnh lực từ tính của định luật này tạo điều kiện cho một sự thay đổi đầy kịch tính của điểm tập trung nhất tâm.

and thus be transferred out of the Hall of Learning, via the Hall of Wisdom, into the fifth or spiritual kingdom.

và nhờ đó được chuyển ra khỏi Phòng Học Tập, qua Phòng Minh triết, vào giới thứ năm hay giới tinh thần.

35. This is an interesting progression because usually entry into the Hall of

35. Đây là một sự tiến triển thú vị vì thông thường việc đi vào Phòng Minh triết xảy ra ở

Wisdom occurs at the first initiation and is considered to be entry into the fifth or spiritual kingdom. It seems from what is here said, that after one enters the Hall of Wisdom, of which one is a full member by the time the third initiation has taken place, *true* entry into the fifth kingdom can occur. Graduation from the fifth kingdom of nature occurs at Mastership at which time one begins to turn one's attention to become a member of the Kingdom of Planetary Lives.

lần điểm đạo thứ nhất và được xem là đi vào giới thứ năm hay giới tinh thần. Từ điều được nói ở đây, dường như sau khi người ta đi vào Phòng Minh triết, mà đến lúc lần điểm đạo thứ ba diễn ra thì người ta là một thành viên trọn vẹn của phòng ấy, thì sự đi vào *thực sự* giới thứ năm mới có thể xảy ra. Sự tốt nghiệp khỏi giới thứ năm của thiên nhiên xảy ra vào lúc đạt Chân sư vị, khi ấy người ta bắt đầu hướng sự chú ý của mình đến việc trở thành một thành viên của Giới Các Sự Sống Hành tinh.

36. The true overcoming of self-consciousness does not occur at the first initiation, and yet the Kingdom of Souls, the Hall of Wisdom, and the period of the Fixed Cross are *all* entered at the first initiation. Usually entry into the Hall of Wisdom and into the fifth or spiritual kingdom are usually considered synonymous, but here they are considered sequential.

36. Sự vượt thắng ngã thức đích thực không xảy ra ở lần điểm đạo thứ nhất, thế nhưng Vương Quốc của các linh hồn, Phòng Minh triết, và giai đoạn của Thập Giá Cố Định lại đều được đi vào ở lần điểm đạo thứ nhất. Thông thường việc đi vào Phòng Minh triết và vào giới thứ năm hay giới tinh thần thường được xem là đồng nghĩa, nhưng ở đây chúng được xem là tuần tự nối tiếp nhau.*tất cả*

37. It would seem that the Law of the Schools does not *fully* apply to initiates of the first degree but that, by the time they have fulfilled the third degree, it surely does.

37. Dường như Định luật của các Trường Phái không áp dụng *trọn vẹn* cho các điểm đạo đồ bậc một, nhưng đến lúc họ hoàn tất bậc ba thì chắc chắn là có.

This Law of the Schools does not specifically apply to the deva evolution.

Định luật của các Trường Phái này không áp dụng một cách chuyên biệt cho tiến hoá thiên thần.

38. Perhaps this is the case because the devas do not participate in the process of initiation as does the human being.

38. Có lẽ là như vậy vì các thiên thần không tham dự vào tiến trình điểm đạo như con người tham dự.

They come under another law called "The Law of Passive Resistance" which does not concern us here, nor would it profit us to consider it.

Họ chịu dưới một định luật khác gọi là "Định luật Kháng Cự Thụ Động", điều này không liên quan đến chúng ta ở đây, và việc xem xét nó cũng không đem lại ích lợi gì cho chúng ta.

39. If we compare these two laws, we can see that the Law of the Schools suggests a type of activity which is definitely more assertive and expansive. It concerns *initiation* or an active "entering into". The "Law of Passive Resistance" suggests receptivity and a certain kind of resistance to that which intends to mould substance.

39. Nếu chúng ta so sánh hai định luật này, chúng ta có thể thấy rằng Định luật của các Trường Phái gợi ra một loại hoạt động rõ rệt là quyết đoán và mở rộng hơn. Nó liên quan đến *điểm đạo* hay một sự "đi vào" chủ động. "Định luật Kháng Cự Thụ Động" gợi ra tính tiếp nhận và một loại kháng cự nào đó đối với điều có ý định nhào nặn chất liệu.

40. Passive resistance requires *work* from the influencing, moulding agency. It requires occult knowledge for the human unit to master the deva kingdom which, though passive, is resistant to the will of the human being as well.

40. Sự kháng cự thụ động đòi hỏi *công việc* từ tác nhân gây ảnh hưởng và nhào nặn. Nó đòi hỏi tri thức huyền bí để đơn vị nhân loại làm chủ giới thiên thần, giới này tuy thụ động nhưng cũng kháng cự ý chí của con người.

Three main groups of existences are controlled by it:

Ba nhóm hiện hữu chính được nó kiểm soát là:

41. We are speaking of the groups of existences ruled by the Law of the Schools.

41. Chúng ta đang nói về các nhóm hiện hữu được cai quản bởi Định luật của các Trường Phái.

1. Human beings from the moment they tread the Probationary Path.

1. Con người kể từ lúc họ bước lên Con Đường Dự Bị.

42. Thus, the law begins to operate well before the first initiation. We can say that certain activities within the illuminative fifth petal of the egoic lotus may come under the Law of the Schools.

42. Như vậy, định luật này bắt đầu vận hành từ rất lâu trước lần điểm đạo thứ nhất. Chúng ta có thể nói rằng một số hoạt động nào đó bên trong cánh hoa thứ năm soi sáng của hoa sen chân ngã có thể thuộc dưới Định luật của các Trường Phái.

43. We may judge that the factor of illumination is an aspect of the Law of the Schools and that the sign Leo, which rules the fifth petal of the ego, is one of the major signs of illumination. Leo expresses the Will-to-Illumine.

43. Chúng ta có thể phán đoán rằng yếu tố soi sáng là một phương diện của Định luật của các Trường Phái và rằng dấu hiệu Sư Tử, dấu hiệu cai quản cánh hoa thứ năm của chân ngã, là một trong những dấu hiệu lớn của sự soi sáng. Sư Tử biểu lộ Ý Chí-Soi Sáng.

2. All the units of the fifth kingdom, therefore, all the members of the Hierarchy.

2. Do đó, tất cả các đơn vị của giới thứ năm, tức là tất cả các thành viên của Thánh Đoàn.

44. Here, first and second degree initiates should be included as, technically (judging from Chart XIII, 1238, in TCF) they are members of the planetary Hierarchy.

44. Ở đây, các điểm đạo đồ bậc một và bậc hai nên được bao gồm, vì về mặt kỹ thuật (xét theo Biểu đồ XIII, 1238, trong Luận về Lửa Vũ Trụ) họ là các thành viên của Thánh Đoàn hành tinh.

45. We see that the application of this law is broad. It applies to those who are only beginning to transcend self-consciousness to those who have transcended it entirely.

45. Chúng ta thấy rằng phạm vi áp dụng của định luật này rất rộng. Nó áp dụng từ những người chỉ mới bắt đầu vượt lên trên ngã thức cho đến những người đã vượt qua nó hoàn toàn.

3. The planetary Logoi throughout the system.

3. Các Hành Tinh Thượng Đế trong toàn hệ thống.

46. We see that the Law of the Schools is a very advanced law and will apply to the form of life expression who is now a human being for vast cycles ahead.

46. Chúng ta thấy rằng Định luật của các Trường Phái là một định luật rất cao cấp và sẽ áp dụng cho hình thức biểu lộ sự sống hiện nay là con người trong những chu kỳ mênh mông phía trước.

47. One wonders whether there is not a manner in which this law can even be applied to Solar Logoi and still greater Lives.

47. Người ta tự hỏi liệu có phải không có một cách nào đó để định luật này thậm chí còn có thể được áp dụng cho các Thái dương Thượng đế và những Sự Sống còn vĩ đại hơn nữa.

48. While this law does apply incipiently to those who are treading the Path of Probation, its extends vastly beyond that preliminary stage.

48. Tuy định luật này quả thật áp dụng ở mức khởi đầu cho những ai đang bước trên Con Đường Dự Bị, nhưng nó mở rộng vượt xa giai đoạn sơ bộ ấy.

49. There are many kingdoms into which one can enter as a being possessed minimally of self-consciousness. It would seem that the Law of the Schools will apply to those entering true Self-consciousness which is *group consciousness;* to those moving from group consciousness to planetary consciousness; to those moving from planetary consciousness to universal consciousness—etc.

49. Có nhiều giới mà người ta có thể đi vào với tư cách một hữu thể sở hữu tối thiểu ngã thức. Dường như Định luật của các Trường Phái sẽ áp dụng cho những ai đi vào Tự-ngã-thức chân chính, tức là *tâm thức nhóm;* cho những ai chuyển từ tâm thức nhóm sang tâm thức hành tinh; cho những ai chuyển từ tâm thức hành tinh sang tâm thức vũ trụ—v.v.

It will be apparent, therefore, that this law concerns **the great experiment which has been inaugurated on earth by our planetary Logos in connection with the process of initiation**,

Do đó, hiển nhiên là định luật này liên quan đến **thí nghiệm lớn lao đã được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta khởi xướng trên Trái Đất liên hệ với tiến trình điểm đạo**,

50. Again the sign Gemini is suggested for its glyph signifies the Pillars of Wisdom through which the candidate for initiation must pass.

50. Một lần nữa dấu hiệu Song Tử được gợi ra vì biểu tượng của nó biểu thị các Trụ Cột của Minh triết mà ứng viên điểm đạo phải đi qua.

and it has only held sway since the Door of Initiation was opened in Atlantean days.

và nó chỉ mới nắm quyền kể từ khi Cánh Cửa Điểm Đạo được mở ra vào thời Atlantis.

51. The Law of the Schools is related to initiation. Upon our planet there is a particular experiment occurring. This does not mean, however, that there are not other planets on which various methods of initiation are also employed. On our planet, however, the process of initiation involves a particularly intensive solar angelic intervention. It would seem that initiation as a process must be universal in cosmos.

51. Định luật của các Trường Phái có liên hệ với điểm đạo. Trên hành tinh chúng ta đang diễn ra một thí nghiệm đặc biệt. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là không có những hành tinh khác nơi các phương pháp điểm đạo khác nhau cũng được sử dụng. Tuy nhiên, trên hành tinh chúng ta, tiến trình điểm đạo bao hàm một sự can thiệp thái dương thiên thần đặc biệt mãnh liệt. Dường như điểm đạo như một tiến trình hẳn phải có tính phổ quát trong vũ trụ.

52. That Venus (the planet which conveys illumination and initiation to humanity) is the esoteric ruler of Gemini seems significant in relation to the Law of the Schools. Mercury another ruler must also be brought into consideration.

52. Việc Sao Kim (hành tinh truyền đạt sự soi sáng và điểm đạo cho nhân loại) là chủ tinh nội môn của Song Tử dường như có ý nghĩa liên hệ với Định luật của các Trường Phái. Sao Thủy, một chủ tinh khác, cũng phải được đưa vào xem xét.

53. In a way, Gemini undertakes the higher education of man. It is interesting, in relation to the A.A.B. Movement, how many of the leading figures had prominent Gemini in their horoscopes. One suspects a prominent Gemini in the horoscope of the Tibetan Teacher since He is called the "messenger of the Masters".

53. Theo một cách nào đó, Song Tử đảm nhận nền giáo dục cao hơn của con người. Thật thú vị, liên hệ với Phong Trào A.A.B., là có biết bao nhiêu nhân vật lãnh đạo có Song Tử nổi bật trong lá số chiêm tinh của họ. Người ta ngờ rằng Song Tử nổi bật trong lá số chiêm tinh của huấn sư Tây Tạng vì Ngài được gọi là "sứ giả của các Chân sư".

54. We could say that the Law of the Schools has only been applicable on Earth (with respect to man) since middle Atlantean times when the Door of Initiation was opened.

54. Chúng ta có thể nói rằng Định luật của các Trường Phái chỉ mới có thể áp dụng trên Trái Đất (xét đối với con người) kể từ thời Atlantis trung kỳ khi Cánh Cửa Điểm Đạo được mở ra.

55. We shall be alert to the manner in which this law could be active on other planets. Certainly, on other planets, various kinds of "Schools" exist.

55. Chúng ta sẽ cảnh giác với cách thức mà định luật này có thể hoạt động trên các hành tinh khác. Chắc chắn, trên các hành tinh khác, có nhiều loại "Trường Phái" khác nhau tồn tại.

It does not, therefore, apply **to all** the members of the human family; some of whom will achieve slowly and under the sway of the basic Law of Evolution.

Do đó, nó không áp dụng **cho tất cả** các thành viên của gia đình nhân loại; một số trong họ sẽ thành tựu một cách chậm chạp và dưới sự chi phối của Định luật Tiến hoá căn bản.

56. DK makes this distinction in various places throughout the text. The process of initiation is not for all. Some human beings will rise through a more general process inherent in the Law of Evolution.

56. Chân sư DK nêu ra sự phân biệt này ở nhiều chỗ khác nhau trong toàn bộ bản văn. Tiến trình điểm đạo không dành cho tất cả mọi người. Một số con người sẽ vươn lên qua một tiến trình tổng quát hơn vốn cố hữu trong Định luật Tiến hoá.

57. Probably, then, the particular type of initiation now current on our planet will only have a limited duration, until those for whom it is intended have, as much as possible, passed through the initiatory process.

57. Vậy thì có lẽ loại điểm đạo đặc thù hiện đang lưu hành trên hành tinh chúng ta sẽ chỉ có một thời hạn giới hạn, cho đến khi những người mà nó nhắm đến, trong mức độ có thể, đã đi qua tiến trình điểm đạo.

58. The current period is said to be the time of achievement for third ray Monads, who, presumably, have been involved for a longer period of time in the process of evolution than the majority of those whose monadic rays are the second and first.

58. Thời kỳ hiện nay được nói là thời gian thành tựu dành cho các chân thần cung ba, những vị này, có lẽ, đã tham dự trong tiến trình tiến hoá lâu hơn phần lớn những người có cung chân thần là cung hai và cung một.

It does not affect, in any way, for instance, **those members of the human family who have individualised on the earth chain through the fanning of the spark of mind**—

Chẳng hạn, nó hoàn toàn không ảnh hưởng đến **những thành viên của gia đình nhân loại đã biệt ngã hóa trên dãy địa cầu qua việc quạt bùng tia lửa trí tuệ**—một trong

one of the methods employed by the Lords of the Flame, as earlier seen. [Page 1175]

59. We have here a very important distinction. There are certain members of Earth-chain humanity to whom initiation does not apply and others to whom it does.

60. Two methods of individualization were used in relation to Earth-humanity. The first method was "implantation" and the second was "fanning".

61. Implantation of the spark of mind was only used for the more advanced of the animal-men destined to because human beings. Through implantation the Solar Angel became 'present' in the consciousness of the developing man.

62. The method of "fanning" was more 'distant' in a way. The nascent mental faculty of certain animal men was stimulated to the point at which individualization became possible, but the Solar Angel did not remain 'within' such emerging human beings as a presence.

63. Here is the quotation from *The Secret Doctrine* which applies:

Mankind is obviously divided into god-informed men and lower human creatures. The intellectual difference between the Aryan and other civilized nations and such savages as the South Sea Islanders, is inexplicable on any other grounds. No amount of culture, nor generations of training amid civilization, could raise such human specimens as the Bushmen, the Veddhas of Ceylon, and some African tribes,

những phương pháp được các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa sử dụng, như đã thấy trước đây. [Page 1175]

59. Ở đây chúng ta có một sự phân biệt rất quan trọng. Có những thành viên nhất định của nhân loại dãy địa cầu mà điểm đạo không áp dụng, và có những người khác mà nó có áp dụng.

60. Hai phương pháp biệt ngã hóa đã được dùng liên hệ với nhân loại Trái Đất. Phương pháp thứ nhất là "cấy vào" và phương pháp thứ hai là "quạt bùng".

61. Việc cấy vào tia lửa trí tuệ chỉ được dùng cho những người-thú tiến bộ hơn, những kẻ được định để trở thành con người. Qua sự cấy vào, Thái dương Thiên Thần trở nên 'hiện diện' trong tâm thức của con người đang phát triển.

62. Phương pháp "quạt bùng" theo một nghĩa nào đó thì 'xa cách' hơn. Năng lực trí tuệ đang nảy sinh của một số người thú được kích thích đến mức biệt ngã hóa trở nên khả hữu, nhưng Thái dương Thiên Thần không lưu lại 'bên trong' những con người đang xuất hiện ấy như một sự hiện diện.

63. Đây là trích dẫn từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* áp dụng ở đây:

Nhân loại hiển nhiên được chia thành những con người được Thượng đế thấm nhuần và những tạo vật nhân loại thấp kém hơn. Sự khác biệt trí tuệ giữa người Arya và các dân tộc văn minh khác với những người man dã như dân đảo Nam Hải là điều không thể giải thích trên bất kỳ cơ sở nào khác. Không một mức độ văn hóa nào, cũng không nhiều thế hệ được huấn luyện giữa nền văn minh, có thể nâng những mẫu người như

to the same intellectual level as the Aryans, the Semites, and the Turanians so called. **The "sacred spark" is missing in them and it is they who are the only inferior races on the globe, now happily -- owing to the wise adjustment of nature which ever works in that direction -- fast dying out.** Verily mankind is "of one blood," but not of the same essence. **We are the hot-house, artificially quickened plants in nature, having in us a spark, which in them is latent.** (*The Secret Doctrine* 421 Vol. 2)

dân Bushmen, người Veddhas ở Tích Lan, và một số bộ lạc Phi châu lên cùng trình độ trí tuệ như người Arya, người Semite, và cái gọi là người Turanian. **"Tia lửa thiêng liêng" thiếu vắng nơi họ, và chính họ là những chủng tộc thấp kém duy nhất trên địa cầu, hiện nay may thay—nhờ sự điều chỉnh khôn ngoan của bản chất vốn luôn hoạt động theo hướng đó—đang nhanh chóng tuyệt diệt.**Quả thật nhân loại là "cùng một huyết thống", nhưng không cùng một tinh chất. **Chúng ta là những cây trồng trong nhà kính, được thúc đẩy tăng trưởng một cách nhân tạo trong bản chất, mang trong mình một tia lửa mà nơi họ còn tiềm ẩn.** (*Giáo Lý Bí Nhiệm* 421 Tập 2)

64. This distinction should be held clearly in mind when thinking about the fate and destiny of various groups within the human race. The same destiny and method to that destiny are not for all.

64. Sự phân biệt này cần được giữ rõ trong tâm trí khi suy nghĩ về số phận và định mệnh của các nhóm khác nhau trong nhân loại. Cùng một định mệnh và cùng một phương pháp đi đến định mệnh ấy không dành cho tất cả mọi người.

65. The Law of the Schools…

65. Định luật của các Trường Phái…

can be studied in two main divisions, first, in connection with the human units passing under hierarchical influence in the Hall of Wisdom,

có thể được nghiên cứu trong hai phần chính, thứ nhất, liên hệ với các đơn vị nhân loại đi vào dưới ảnh hưởng của Thánh đoàn trong Phòng Minh triết,

66. Presumably this will be a study of the human units found within the Earth-scheme.

66. Có lẽ đây sẽ là một nghiên cứu về các đơn vị nhân loại được tìm thấy bên trong hệ hành tinh Địa Cầu.

67. We would be studying, minimally, those human beings in whom the aspiration towards an unseen "higher power" has awakened. The Hall of Wisdom holds many grades of human beings including those who are true initiates.

67. Tối thiểu, chúng ta sẽ nghiên cứu những con người nơi họ khát vọng hướng đến một "quyền năng cao hơn" vô hình đã thức tỉnh. Phòng Minh triết chứa đựng nhiều cấp bậc con người, kể cả những người là điểm đạo đồ chân chính.

and also in connection with the various planetary schemes.

và cũng liên hệ với các hệ hành tinh khác nhau.

68. This would represent an expansion of our subject and must obviously remain beyond the possibility of confirmation for us.

68. Điều này sẽ biểu thị một sự mở rộng đề tài của chúng ta và hiển nhiên phải nằm ngoài khả năng xác nhận của chúng ta.

Each scheme exists in order to teach a specific aspect of consciousness,

Mỗi hệ hành tinh tồn tại để dạy một phương diện tâm thức đặc thù,

69. We note this. The relationship between *schools* and *consciousness* is inseparable.

69. Chúng ta lưu ý điều này. Mối liên hệ giữa *các trường phái* và *tâm thức* là không thể tách rời.

70. These aspects of consciousness are being cultivated with the ring-pass-not of our Solar Logos (on the cosmic physical plane), the solar system.

70. Những phương diện tâm thức này đang được vun bồi bên trong vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế của chúng ta (trên cõi hồng trần vũ trụ), tức hệ mặt trời.

71. Each such type of consciousness is influential on Earth via various Ashrams, globes and chains.

71. Mỗi loại tâm thức như thế đều có ảnh hưởng trên Trái Đất qua các ashram, các bầu hành tinh và các dãy khác nhau.

and each planetary school or Hierarchy subjects its pupils to this law, only in manners diverse.

và mỗi trường phái hành tinh hay Thánh Đoàn đều đặt các môn sinh của mình dưới định luật này, chỉ khác nhau về cách thức.

72. Some conceive as the entire universe as a school. Through occult study we come to learn that each of our system's Planetary Logoi is certainly a 'Teacher' of some kind.

72. Một số người quan niệm toàn thể vũ trụ như một trường học. Qua nghiên cứu huyền bí học, chúng ta đi đến chỗ biết rằng mỗi Hành Tinh Thượng Đế trong hệ thống của chúng ta chắc chắn là một loại 'Huấn sư' nào đó.

73. The particular mode of 'education' is most intense on the planet on which it originated, but does manage to spread its influence to the other planets via various sympathetic channels of energy.

73. Phương thức 'giáo dục' đặc thù mãnh liệt nhất trên hành tinh nơi nó khởi nguồn, nhưng vẫn xoay xở lan truyền ảnh hưởng của nó đến các hành tinh khác qua những kênh năng lượng đồng cảm khác nhau.

These planetary schools are necessarily governed by certain factors of which the two most important **are the peculiar karma of the planetary Logos concerned, and His particular Ray.**

74. We have been told that the karma of our Planetary Logos has much to do with the factor of "personality".

Herein lies the mystery of our planet, the most mysterious of all the planets. Just as the karma of individuals differs, so differs the karma of the various Logoi, and the **karma of our planetary Logos has been a heavy one, and veiled in the mystery of personality at this time. (TCF 207)**

75. Which ray is meant? On our planet, presently, the quality of the school is probably not influenced by the quality of the monadic ray because on non-sacred planets the monadic ray is occultly "non-effective".

76. Will it be the soul ray then?

77. The name of Earth School suggests a ray in which the Law of Attraction is prominent: the School on our planet is called the "School of Magnetic Response". So, perhaps, it is the soul ray of our Planetary Logos which, at this time, conditions the nature of His School.

It is not possible at this stage to convey to students the information as to the nature of each planetary school.

78. Master DK lists only some.

Những trường phái hành tinh này tất yếu được cai quản bởi một số yếu tố, trong đó hai yếu tố quan trọng nhất **là nghiệp quả đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ, và cung riêng biệt của Ngài.**

74. Chúng ta đã được cho biết rằng nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có liên hệ rất nhiều với yếu tố "phàm ngã".

Chính trong đây có huyền nhiệm của hành tinh chúng ta, hành tinh huyền bí nhất trong tất cả các hành tinh. Cũng như nghiệp quả của các cá nhân khác nhau, nghiệp quả của các Thượng đế khác nhau cũng khác nhau, và **nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một nghiệp quả nặng nề, và hiện nay được che phủ trong huyền nhiệm của phàm ngã. (TCF 207)**

75. Cung nào được hàm ý ở đây? Trên hành tinh chúng ta, hiện nay, phẩm tính của trường phái có lẽ không bị ảnh hưởng bởi phẩm tính của cung chân thần vì trên các hành tinh không thiêng liêng, cung chân thần một cách huyền bí là "không hữu hiệu".

76. Vậy thì đó sẽ là cung linh hồn chăng?

77. Tên gọi Trường Địa Cầu gợi ra một cung trong đó Định luật Hấp Dẫn nổi trội: trường phái trên hành tinh chúng ta được gọi là "Trường Đáp Ứng Từ Tính". Vì vậy, có lẽ chính cung linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, vào lúc này, đang tác động lên bản chất của Trường của Ngài.

Ở giai đoạn này, không thể truyền đạt cho các đạo sinh thông tin về bản chất của từng trường phái hành tinh.

78. Chân sư DK chỉ liệt kê một số mà thôi.

They exist in five great groups:

1. *The exoteric non-sacred planets,* called in occult parlance "the outer round" or outer circle of initiates**. Of these our earth is one, but being aligned in a peculiar fashion with certain spheres on the inner round, a dual opportunity exists for mankind, which facilitates, whilst it complicates, the evolutionary process.**

79. Diverse definitions exist for the state we call “the inner round”. Are we to infer from what is here said that sacred planets or spheres have types of schools which have an inner circle of initiates related to an “inner round”? Or are only *some* Planetary Logoi Who manifest through sacred planets (for instance those who manifest through the synthesizing planets) expressing through the “inner round”?

80. We can see that Earth is a planet in transition. Perhaps it is meaningful to recollect at this point that, inwardly, the Earth is considered a “sacred planet” but outwardly its sacredness is not fully in expression.

81. We might, then, understand something more about the complexity of living as a human being within the Earth-scheme. Facilitation and complication go hand in hand. It seems that a contradictory, perhaps fourth ray experience, is natural to those who are ‘schooled’ within out planetary scheme.

Chúng tồn tại trong năm nhóm lớn:

1. *Các hành tinh ngoại môn không thiêng liêng,* được gọi trong thuật ngữ huyền bí là “cuộc tuần hoàn bên ngoài” hay vòng tròn bên ngoài của các điểm đạo đồ**. Trong số này, Trái Đất của chúng ta là một, nhưng vì được chỉnh hợp theo một cách đặc biệt với một số khối cầu trong cuộc tuần hoàn bên trong, nên tồn tại một cơ hội kép cho nhân loại, điều này tạo thuận lợi đồng thời làm phức tạp tiến trình tiến hoá.**

79. Có nhiều định nghĩa khác nhau cho trạng thái mà chúng ta gọi là “cuộc tuần hoàn bên trong”. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có nên suy ra rằng các hành tinh hay khối cầu thiêng liêng có những loại trường phái có một vòng tròn bên trong của các điểm đạo đồ liên hệ với một “cuộc tuần hoàn bên trong” chăng? Hay chỉ *một số* Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua các hành tinh thiêng liêng (chẳng hạn những vị biểu lộ qua các hành tinh tổng hợp) mới biểu lộ qua “cuộc tuần hoàn bên trong”?

80. Chúng ta có thể thấy rằng Trái Đất là một hành tinh đang chuyển tiếp. Có lẽ thật có ý nghĩa khi nhớ lại vào lúc này rằng, về mặt nội tại, Trái Đất được xem là một “hành tinh thiêng liêng”, nhưng về mặt ngoại tại tính thiêng liêng của nó chưa biểu lộ trọn vẹn.

81. Vậy thì chúng ta có thể hiểu thêm đôi chút về tính phức tạp của việc sống như một con người bên trong hệ hành tinh Địa Cầu. Sự thuận lợi và sự phức tạp đi đôi với nhau. Dường như một kinh nghiệm mâu thuẫn, có lẽ thuộc cung bốn, là điều tự nhiên đối với những ai được ‘giáo dục’ bên trong hệ hành tinh của chúng ta.

82. We note that we are speaking of the Planetary Logoi as “initiates” of a certain kind. Planetary Logoi Who manifest through non-sacred planets are members of “an outer circle of initiates”. They are part of what is called “the outer round”.

82. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta đang nói về các Hành Tinh Thượng Đế như những “điểm đạo đồ” thuộc một loại nào đó. Các Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua các hành tinh không thiêng liêng là thành viên của “một vòng tròn bên ngoài của các điểm đạo đồ”. Họ là một phần của điều được gọi là “cuộc tuần hoàn bên ngoài”.

83. This does not mean, however, that the Logoi of all sacred planets are part of the “inner round”.

83. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các Thượng đế của mọi hành tinh thiêng liêng đều là một phần của “cuộc tuần hoàn bên trong”.

2. The sacred planets, called sometimes (when this Law of the Schools is under consideration) the "**seven grades of psychic knowledge**" or the "**seven divisions of the field of knowledge**."

2. Các hành tinh thiêng liêng, đôi khi được gọi (khi Định luật của các Trường Phái này được xem xét) là “**bảy cấp độ tri thức thông linh**” hay “**bảy phần của lĩnh vực tri thức**.”

84. We note that for the sacred planets, per se, the term “inner round” is not mentioned.

84. Chúng ta lưu ý rằng đối với chính các hành tinh thiêng liêng, thuật ngữ “cuộc tuần hoàn bên trong” không được nhắc đến.

85. The term “psychic” is particularly connected with the second ray. The initiate on the second ray becomes the true “Psychic”. This is what the Christ has become just as the initiate on the first ray becomes the true “Occultist”.

85. Thuật ngữ “thông linh” đặc biệt liên hệ với cung hai. Điểm đạo đồ trên cung hai trở thành “Nhà Thông Linh” chân chính. Đây là điều mà Đức Christ đã trở thành, cũng như điểm đạo đồ trên cung một trở thành “Nhà Huyền Bí Học” chân chính.

86. Just as the non-sacred planets are connected generically with the third ray, so the sacred planets which are not synthesizing planets are connected with the second ray and the synthesizing planets more with the first ray (under the first ray Law of Synthesis).

86. Cũng như các hành tinh không thiêng liêng liên hệ một cách tổng quát với cung ba, thì các hành tinh thiêng liêng không phải là hành tinh tổng hợp liên hệ với cung hai, còn các hành tinh tổng hợp liên hệ nhiều hơn với cung một (dưới Định luật Tổng Hợp của cung một).

87. It would seem that the type of knowledge taught or acquired on the sacred

87. Dường như loại tri thức được dạy hay đạt được trên các hành tinh thiêng liêng là một

planets is a more *inner* type of knowledge, thus *psychic.*

loại tri thức *bên trong* hơn, do đó mang tính *thông linh.*

88. All Planetary Logoi are "Dragons of Wisdom" and have achieved a quite full expression of the second aspect of divinity. This associates Them with a high type of psychism.

88. Tất cả các Hành Tinh Thượng Đế đều là "Những Rồng Minh triết" và đã đạt được một sự biểu lộ khá trọn vẹn của phương diện thứ hai của thiên tính. Điều này liên kết Các Ngài với một loại thông linh cao cấp.

89. Notice that the planets are called "grades" and "divisions". It the energy they represent which is emphasized and the fact that this energy is only one of a number of grades or divisions. The Planetary Logoi and Their planets are known by the energy patterns they expression.

89. Hãy lưu ý rằng các hành tinh được gọi là "cấp độ" và "phần". Chính năng lượng mà chúng biểu thị là điều được nhấn mạnh, và sự kiện rằng năng lượng này chỉ là một trong nhiều cấp độ hay phần. Các Hành Tinh Thượng Đế và các hành tinh của Các Ngài được biết đến qua các mô hình năng lượng mà Các Ngài biểu lộ.

3. The inner round, which carries with it **vast opportunity for those who can surmount its problems and withstand its temptations**.

3. Cuộc tuần hoàn bên trong, mang theo nó **cơ hội to lớn cho những ai có thể vượt qua các vấn đề của nó và đứng vững trước những cám dỗ của nó**.

90. One wonders whether its "temptations" have to do with the 'Path of Exaltation'. Can it be that when pursuing the inner round it is possible to ignore the requirement to serve within the lower spheres? Temptations are not always pulls from 'below' but from 'above' as well.

90. Người ta tự hỏi liệu những "cám dỗ" của nó có liên quan đến 'Con Đường Tôn Vinh' hay không. Có thể chăng khi theo đuổi cuộc tuần hoàn bên trong, người ta có thể phớt lờ đòi hỏi phải phụng sự trong các khối cầu thấp hơn? Cám dỗ không phải lúc nào cũng là những lực kéo từ 'bên dưới' mà còn từ 'bên trên' nữa.

91. We might be tempted to must ask whether the "inner round" has any particular relation to the synthesizing planets. Later, it seems confirmed that it does not.

91. Chúng ta có thể bị cám dỗ mà hỏi liệu "cuộc tuần hoàn bên trong" có bất kỳ liên hệ đặc biệt nào với các hành tinh tổng hợp hay không. Về sau, dường như điều đó được xác nhận là không phải.

92. We are told, however, that the inner round is connected with Mercury and Mercury is not a synthesizing planet.

92. Tuy nhiên, chúng ta được cho biết rằng cuộc tuần hoàn bên trong có liên hệ với Sao Thủy, và Sao Thủy không phải là một hành tinh tổng hợp.

93. A round is a 'cyclic path of development'

93. Một cuộc tuần hoàn là một 'con đường phát triển có tính chu kỳ'

This inner round has a peculiar appeal to units on certain Rays, and has its own specific dangers.

Cuộc tuần hoàn bên trong này có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với các đơn vị trên một số cung nhất định, và có những nguy hiểm đặc thù của riêng nó.

94. DK is not telling us which rays these may be. Perhaps we can gather more by dealing with developments which DK suggests as associated with the inner round.

94. Chân sư DK không cho chúng ta biết đó có thể là những cung nào. Có lẽ chúng ta có thể thu thập thêm bằng cách bàn đến những sự phát triển mà Chân sư DK gợi ý là liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong.

The inner round is the round that is followed by those who have passed through the human stage and **have consciously developed the faculty of etheric living and can follow the etheric cycles, functioning consciously on the three higher etheric planes in all parts of the system**.

Cuộc tuần hoàn bên trong là cuộc tuần hoàn được theo bởi những ai đã vượt qua giai đoạn nhân loại và **đã phát triển một cách hữu thức năng lực sống dĩ thái và có thể theo các chu kỳ dĩ thái, hoạt động một cách hữu thức trên ba cõi dĩ thái cao hơn trong mọi phần của hệ thống**.

95. So, those who follow the inner round must be members of the fifth kingdom which those who have passed through the human stage necessarily join.

95. Vậy thì, những ai theo cuộc tuần hoàn bên trong hẳn phải là thành viên của giới thứ năm, giới mà những ai đã vượt qua giai đoạn nhân loại tất yếu gia nhập.

96. Is DK speaking of the *systemic* ethers or *cosmic* ethers. Obviously, once having passed through the human stage there is no longer a necessity to have dense physical body and so etheric living would be natural.

96. Chân sư DK đang nói về các dĩ thái *hệ thống* hay các dĩ thái *vũ trụ*? Hiển nhiên, một khi đã vượt qua giai đoạn nhân loại thì không còn cần phải có thể xác đậm đặc nữa, và vì thế sống dĩ thái sẽ là điều tự nhiên.

97. If He is referring to the cosmic ethers, then such individuals would be 'living' on the atmic, monadic and logoic planes—the three higher cosmic ethers.

97. Nếu Ngài đang nói đến các dĩ thái vũ trụ, thì những cá nhân như thế sẽ 'sống' trên các cõi atma, chân thần và logoi—ba dĩ thái vũ trụ cao hơn.

98. If one has passed *through* the human kingdom, then one is an initiate of the fourth degree who no longer has to incarnate, and who has his 'home' upon the

98. Nếu người ta đã vượt *qua* giới nhân loại, thì người ta là một điểm đạo đồ bậc bốn không còn phải lâm phàm nữa, và có 'nhà' của mình trên cõi thứ nhất của các dĩ thái vũ

first of the cosmic ethers, the buddhic plane. There would no longer be a need for evolution within the solar ethers and on the first three subplanes of the etheric plane.

trụ, tức cõi Bồ đề. Sẽ không còn nhu cầu tiến hoá trong các dĩ thái thái dương và trên ba cõi phụ đầu của cõi dĩ thái nữa.

99. If etheric living is involved, is there a possibility that the ray most associated with the ether—the seventh ray—conditions some of those most attracted to the inner round? The third ray could also be involved, as Mercury, a planet much associated with the inner round is a profoundly third ray planet. And what of the fifth ray—also a ray much associated with Mercury?

99. Nếu sống dĩ thái có liên quan, liệu có khả năng rằng cung gắn liền nhất với dĩ thái—cung bảy—đang tác động lên một số người bị hấp dẫn mạnh nhất đối với cuộc tuần hoàn bên trong chăng? Cung ba cũng có thể liên quan, vì Sao Thủy, một hành tinh gắn nhiều với cuộc tuần hoàn bên trong, là một hành tinh cung ba sâu sắc. Và còn cung năm thì sao—cũng là một cung gắn nhiều với Sao Thủy?

100. Could it be possible that those who pursued the inner round are not bound by any planetary ring-pass-not, as they can function "in all parts of the system"—as, in a way, Mercury, the Intermediary, can? Or could it be possible that planets in all parts of the system provide inner round opportunities?—less likely, perhaps.

100. Có thể nào những ai theo đuổi cuộc tuần hoàn bên trong không bị ràng buộc bởi bất kỳ vòng-giới-hạn hành tinh nào, vì họ có thể hoạt động "trong mọi phần của hệ thống"—như, theo một nghĩa nào đó, Sao Thủy, Đấng Trung Gian, có thể làm? Hay có thể nào các hành tinh trong mọi phần của hệ thống đều cung cấp những cơ hội của cuộc tuần hoàn bên trong?—có lẽ ít khả năng hơn.

101. In any case, no one can follow the inner round who is not an advanced human being.

101. Dù sao đi nữa, không ai có thể theo cuộc tuần hoàn bên trong nếu không phải là một con người tiến bộ cao.

They have—for certain occult and specific purposes—broken the connection between the third etheric and the **four lower subplanes of the physical plane**.

Họ đã—vì những mục đích huyền bí và đặc thù nào đó—cắt đứt sự liên kết giữa cõi dĩ thái thứ ba và **bốn cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần**.

102. Here, however, even though these beings have passed through the human kingdom, the three higher subplanes of the solar physical plane seem to be involved, and *not* the higher ethers.

102. Tuy nhiên, ở đây, dù những hữu thể này đã vượt qua giới nhân loại, ba cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần thái dương dường như có liên quan, chứ *không* phải các dĩ thái cao hơn.

103. It would seem that those who follow the inner round are, in a sense, *remote* from the affairs of ordinary human living.

103. Dường như những ai theo cuộc tuần hoàn bên trong, theo một nghĩa nào đó, *xa cách* với các công việc của đời sống nhân loại thông thường.

104. We note that their actions have emphasized a three/four division. They are, in a sense, living in abstraction and their experiences must be related to the number three, to Brahma. Are the third ray and Saturn then involved? Yet Saturn seems to lead to manifestation. Uranus (as the planet of the seventh ray) and a planet strongly connected to the ethers could certainly be involved. With Uranus there could be what we might call 'abstractive temptations'.

104. Chúng ta lưu ý rằng các hành động của họ đã nhấn mạnh một sự phân chia ba/bốn. Theo một nghĩa nào đó, họ đang sống trong sự trừu xuất và các kinh nghiệm của họ hẳn phải liên hệ với số ba, với Brahma. Vậy thì cung ba và Sao Thổ có liên quan chăng? Tuy nhiên, Sao Thổ dường như dẫn đến biểu hiện. Sao Thiên Vương (với tư cách hành tinh của cung bảy) và một hành tinh gắn mạnh với các dĩ thái chắc chắn có thể liên quan. Với Sao Thiên Vương có thể có điều mà chúng ta có thể gọi là những 'cám dỗ trừu xuất'.

105. Later we will see that the three particular planets quoted as associated with inner round opportunities form an "etheric triangle" in relation to one planetary Lord. We will wonder whether Saturn or Uranus could be that Lord.

105. Về sau chúng ta sẽ thấy rằng ba hành tinh đặc biệt được nêu ra là liên hệ với các cơ hội của cuộc tuần hoàn bên trong tạo thành một "tam giác dĩ thái" liên hệ với một Chúa Tể hành tinh. Chúng ta sẽ tự hỏi liệu Chúa Tể ấy có thể là Sao Thổ hay Sao Thiên Vương chăng.

106. It begins to seem more and more that the "temptations" may be the shunning of embodiment for purposes of service.

106. Ngày càng có vẻ rằng những "cám dỗ" ấy có thể là sự lẩn tránh nhập thể vì mục đích phụng sự.

This [Page 1176] round is followed only by a **prepared percentage of humanity,**

Cuộc tuần hoàn này [Page 1176] chỉ được theo bởi một **tỷ lệ nhân loại đã được chuẩn bị,**

107. Is it, then, a matter of choice or not? We will be interested to know something of the nature of the preparation which must be undergone.

107. Vậy thì đây có phải là vấn đề lựa chọn hay không? Chúng ta sẽ quan tâm muốn biết đôi điều về bản chất của sự chuẩn bị phải trải qua.

108. DK is not giving us the percentage, which would certainly be of interest. Probably the percentage is not large.

108. Chân sư DK không cho chúng ta biết tỷ lệ ấy là bao nhiêu, điều chắc chắn sẽ rất đáng quan tâm. Có lẽ tỷ lệ ấy không lớn.

109. We can see that the entire matter of the inner round is dealt with in a manner veiled. Only a few hints are given.

109. Chúng ta có thể thấy rằng toàn bộ vấn đề về cuộc tuần hoàn nội tại được bàn đến theo một cách che giấu. Chỉ có một vài gợi ý được đưa ra.

and is closely associated **with a group** who pass with facility and develop with equal facility on the three planets that make a triangle with the earth, namely Mars, Mercury, and Earth.

và có liên hệ mật thiết **với một nhóm** những người đi qua một cách dễ dàng và phát triển cũng dễ dàng như thế trên ba hành tinh tạo thành một tam giác với Trái Đất, tức là Sao Hỏa, Sao Thủy và Trái Đất.

110. Here there is a clarification concerning which types of human units may be associated with the inner round: those who pass *through,* let us say, or who develop upon Mars, Mercury and the Earth.

110. Ở đây có một sự làm sáng tỏ liên quan đến những loại đơn vị nhân loại nào có thể được liên kết với cuộc tuần hoàn nội tại: những người đi *qua,* chúng ta hãy nói vậy, hoặc phát triển trên Sao Hỏa, Sao Thủy và Trái Đất.

111. So we have established that inner round opportunities are available to those who are undergoing development on Earth.

111. Vì vậy, chúng ta đã xác lập rằng các cơ hội của cuộc tuần hoàn nội tại sẵn có cho những ai đang trải qua sự phát triển trên Trái Đất.

112. Mercury certainly has an etheric connection. The fourth ray which is transmitted through Mercury and the four ethers are certainly related. The etheric nature of Mercury is also related to the ethers.

112. Sao Thủy chắc chắn có một liên hệ dĩ thái. cung bốn được truyền qua Sao Thủy và bốn dĩ thái chắc chắn có liên hệ với nhau. Bản chất dĩ thái của Sao Thủy cũng liên hệ với các dĩ thái.

113. Why opportunities to pursue the inner round should be related to Mars remains in question.

113. Vì sao các cơ hội theo đuổi cuộc tuần hoàn nội tại lại phải liên hệ với Sao Hỏa thì vẫn còn là một câu hỏi.

114. We see that following the inner round is a *group* opportunity. It must be that certain groups are prepared to follow this path.

114. Chúng ta thấy rằng việc theo cuộc tuần hoàn nội tại là một cơ hội *nhóm*. Hẳn là có những nhóm nhất định được chuẩn bị để đi theo con đường này.

115. What is being said here is that units who develop on these planets may pass in groups into the Inner Round, but we are not told that the 'location' of the inner round is within the ring-pass-not of all of these planets.

115. Điều đang được nói ở đây là các đơn vị phát triển trên những hành tinh này có thể đi vào cuộc tuần hoàn nội tại theo nhóm, nhưng chúng ta không được cho biết rằng "vị trí" của cuộc tuần hoàn nội tại nằm trong vòng-giới-hạn của tất cả các hành tinh này.

116. We do remember that when the names Mars, Earth and Mercury are used in relation to globes of the Earth-chain, they represent, sequentially, the third, fourth and fifth globe.

116. Chúng ta quả có nhớ rằng khi các tên Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy được dùng liên hệ với các bầu hành tinh của Dãy Địa Cầu, chúng lần lượt tượng trưng cho bầu hành tinh thứ ba, thứ tư và thứ năm.

117. The Earth-chain and the Mercury-chain are sequentially the fourth and fifth chains, but the Mars-chain is not the third, but rather the sixth. Still, they are sequential, beginning with Earth and moving through Mercury to Mars.

117. Dãy Địa Cầu và Dãy Sao Thủy lần lượt là dãy thứ tư và thứ năm, nhưng Dãy Sao Hỏa không phải là dãy thứ ba mà đúng hơn là dãy thứ sáu. Tuy nhiên, chúng vẫn là tuần tự, bắt đầu với Trái Đất và đi qua Sao Thủy đến Sao Hỏa.

These three planets—**in connection with this inner round**

Ba hành tinh này—**liên hệ với cuộc tuần hoàn nội tại này**

118. What is meant by "this" inner round. Are there more than one inner round in our solar system? Are we speaking of an inner round to which the human beings on Earth have particular access?

118. "cuộc tuần hoàn nội tại này" có nghĩa là gì? Có hơn một cuộc tuần hoàn nội tại trong hệ mặt trời của chúng ta chăng? Có phải chúng ta đang nói đến một cuộc tuần hoàn nội tại mà con người trên Trái Đất có quyền tiếp cận đặc biệt không?

—are considered only as existing in etheric matter, and (in relation to one of the Heavenly Men) hold a place analogous **to the etheric triangle found in the human etheric body**.

—chỉ được xem như hiện hữu trong vật chất dĩ thái, và (liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân) giữ một vị trí tương tự **với tam giác dĩ thái được tìm thấy trong thể dĩ thái của con người**.

119. We are given an interesting piece of occult information. Even though we are dealing with dense, material planets, they are only viewed etherically. Dense physical bodies are never considered 'real', but only as

119. Chúng ta được cung cấp một mẩu thông tin huyền bí thú vị. Dù chúng ta đang bàn đến các hành tinh vật chất đậm đặc, chúng chỉ được nhìn theo phương diện dĩ thái. Các thể xác hồng trần đậm đặc không bao giờ được xem là "thực", mà chỉ như

aggregations built upon the real physical body—the etheric.

120. What is this "etheric triangle" found within the human etheric body. Can we call it the pranic triangle? If we do so, this triangle consists of the spleen, a center just above the diaphragm and a center located between the shoulder blades and called "the shoulder centre". (TCF 169)

121. It is clear that the cycle of development called the "inner round" is pursued etherically, and now it is quite certain that whether or not the higher ethers are involved, the lower ones certainly are.

122. Is "one of the Heavenly Men" a Logos expressing through the planet Saturn or Uranus?

123. We might consider the Earth as the splenic center, Mars as the center just above the diaphragm, and Mercury (so connected with Gemini, the breath and the lungs) to be found in the lower part of the space between the shoulder blades.

124. After the "pranic triangle" (which may here be designated as the "etheric triangle") we have the astral triangle, followed by the mental triangle, etc.

125. It is interesting that DK remains vague about the nature of this triangle calling only "the" etheric triangle, when in fact there are many etheric triangles.

126. It is interesting to realize that *all* the three planets mentioned (Mars, Earth and Mercury) are associated with the base of the spine center which, itself, is fourfold and has an *etheric* connection. "The other two

những tập hợp được xây dựng trên thể hồng trần thực sự—thể dĩ thái.

120. "Tam giác dĩ thái" này được tìm thấy trong thể dĩ thái của con người là gì? Chúng ta có thể gọi nó là tam giác prana không? Nếu gọi như vậy, tam giác này gồm luân xa lá lách, một trung tâm ngay phía trên cơ hoành và một trung tâm nằm giữa hai bả vai, được gọi là "trung tâm vai". (TCF 169)

121. Rõ ràng là chu kỳ phát triển được gọi là "cuộc tuần hoàn nội tại" được theo đuổi một cách dĩ thái, và giờ đây khá chắc chắn rằng dù các dĩ thái cao có tham dự hay không, thì các dĩ thái thấp chắc chắn có tham dự.

122. "một trong các Đấng Thiên Nhân" có phải là một Thượng đế biểu lộ qua hành tinh Sao Thổ hay Sao Thiên Vương không?

123. Chúng ta có thể xem Trái Đất là trung tâm lá lách, Sao Hỏa là trung tâm ngay phía trên cơ hoành, và Sao Thủy (liên hệ rất nhiều với Song Tử, hơi thở và phổi) được tìm thấy ở phần dưới của khoảng không giữa hai bả vai.

124. Sau "tam giác prana" (ở đây có thể được chỉ định là "tam giác dĩ thái"), chúng ta có tam giác cảm dục, tiếp theo là tam giác trí tuệ, v.v.

125. Điều thú vị là Chân sư DK vẫn mơ hồ về bản chất của tam giác này khi chỉ gọi nó là "tam giác dĩ thái", trong khi thực ra có nhiều tam giác dĩ thái.

126. Thật thú vị khi nhận ra rằng *cả* ba hành tinh được nhắc đến (Sao Hỏa, Trái Đất và Sao Thủy) đều liên hệ với trung tâm đáy cột sống, mà bản thân nó là tứ phân và có một liên hệ *dĩ thái*. "Hai trung tâm kia chủ yếu

centres have to do primarily with the etheric body and with the astral plane. (TCF 167)

liên quan đến thể dĩ thái và cõi cảm dục. (TCF 167)

127. DK gives an analogy which places the Earth as the base of the spine center of the Solar Logos. He also calls Mercury "kundalini active" and Mars "kundalini latent". "Mercury demonstrates kundalini in intelligent activity, while Mars demonstrates kundalini latent." (TCF 181)

127. Chân sư DK đưa ra một phép loại suy đặt Trái Đất như trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế. Ngài cũng gọi Sao Thủy là "kundalini hoạt động" và Sao Hỏa là "kundalini tiềm ẩn". "Sao Thủy biểu lộ kundalini trong hoạt động thông minh, trong khi Sao Hỏa biểu lộ kundalini tiềm ẩn." (TCF 181)

128. So we might think that the base of the spine center has much to do the inner round, and with three basally associated planets which are considered to be etheric in nature—not dense.

128. Vì vậy, chúng ta có thể nghĩ rằng trung tâm đáy cột sống có liên hệ rất nhiều với cuộc tuần hoàn nội tại, và với ba hành tinh liên hệ căn bản được xem là có bản chất dĩ thái—không đậm đặc.

I have here conveyed more than has as yet been exoterically communicated anent this inner round and by the study of the human etheric triangle,

Tôi ở đây đã փոխանց đạt nhiều hơn những gì cho đến nay đã được truyền đạt công truyền liên quan đến cuộc tuần hoàn nội tại này, và nhờ nghiên cứu tam giác dĩ thái của con người,

129. Again, we may infer the pranic triangle (cf. TCF 169)…

129. Một lần nữa, chúng ta có thể suy ra tam giác prana (xem TCF 169)…

130. Does the word "etheric" in this context, mean "pranic"? It may and we may, therefore, be dealing with a blind.

130. Từ "dĩ thái" trong ngữ cảnh này có nghĩa là "prana" không? Có thể là như vậy, và do đó chúng ta có thể đang đối diện với một bức màn che.

its function, and the type of force which circulates around it, much may be deduced about the planetary inner round.

chức năng của nó, và loại mãnh lực lưu chuyển quanh nó, nhiều điều có thể được suy ra về cuộc tuần hoàn nội tại hành tinh.

131. It would seem that we should study what DK has said about the pranic triangle and its circulation of force in order to learn something about "the planetary inner round" or planetary inner round *s*.

131. Có vẻ như chúng ta nên nghiên cứu điều Chân sư DK đã nói về tam giác prana và sự lưu chuyển mãnh lực của nó để học được điều gì đó về "cuộc tuần hoàn nội tại hành tinh" hay các cuộc tuần hoàn nội tại hành tinh.

132. If Mercury rules the solar logoic ajna center and if the base of the spine center is involved, then we are reminded of how the being must be "seated on the throne between the eyebrows" in order to direct the kundalini.

132. Nếu Sao Thủy cai quản trung tâm ajna logoi thái dương và nếu trung tâm đáy cột sống có liên hệ, thì chúng ta được nhắc nhớ về cách hữu thể phải được "an tọa trên ngai giữa hai chân mày" để điều khiển kundalini.

We must bear in mind in this connection that just as the human etheric triangle is but the **preparatory stage** to a vast circulation within the sphere of the entire etheric body,

Chúng ta phải ghi nhớ trong mối liên hệ này rằng cũng như tam giác dĩ thái của con người chỉ là **giai đoạn chuẩn bị** cho một sự lưu chuyển rộng lớn trong khối cầu của toàn bộ thể dĩ thái,

133. If the etheric triangle is equivalent to the "pranic triangle" then it is followed in development by five other triangles. By the time the sixth triangle is functioning the circulation of energies in the human etheric body is extensive.

133. Nếu tam giác dĩ thái tương đương với "tam giác prana" thì trong sự phát triển, nó được tiếp nối bởi năm tam giác khác. Đến khi tam giác thứ sáu hoạt động, sự lưu chuyển các năng lượng trong thể dĩ thái của con người đã rất rộng lớn.

134. The fact that DK speaks of the preparatory nature of the "etheric triangle" makes one think it could representative the most primitive of the etheric triangles—one which substands all the others, called also the "pranic triangle".

134. Việc Chân sư DK nói về tính chất chuẩn bị của "tam giác dĩ thái" khiến người ta nghĩ rằng nó có thể tượng trưng cho tam giác dĩ thái nguyên sơ nhất—tam giác làm nền cho tất cả các tam giác khác, cũng được gọi là "tam giác prana".

so the etheric planetary triangle—passing from the Earth to Mars and Mercury—is but the preparatory circulatory system **to a vaster round included within the sphere of influence of one planetary Lord.**

thì tam giác hành tinh dĩ thái—đi từ Trái Đất đến Sao Hỏa và Sao Thủy—chỉ là hệ tuần hoàn chuẩn bị **cho một cuộc tuần hoàn rộng lớn hơn được bao gồm trong khối cầu ảnh hưởng của một Chúa Tể Hành Tinh.**

135. Can planets be assigned to more than one chakra in the chakric system of the Solar Logos? We have suggested at various times that this is possible.

135. Các hành tinh có thể được gán cho hơn một luân xa trong hệ thống luân xa của Thái dương Thượng đế không? Chúng tôi đã nhiều lần gợi ý rằng điều này là có thể.

136. Who is this "one planetary Lord"? Given the planets involved, it would seem that either Saturn or Uranus could be considered candidates. Earth, Mercury and Mars are all within the greater Saturn Scheme. Earth and

136. "một Chúa Tể Hành Tinh" này là ai? Xét các hành tinh liên hệ, có vẻ như hoặc Sao Thổ hoặc Sao Thiên Vương có thể được xem là ứng viên. Trái Đất, Sao Thủy và Sao Hỏa đều nằm trong hệ hành tinh Sao Thổ lớn

Mars are, respectively, the physical body and astral body of a great third ray Entity which may be 'Greater Saturn' (cf. TCF, Chart VI) or the Brahma of our solar system. Mercury is certainly related to Uranus (Uranus is for Mercury the final absorber) and Earth shares the same monadic ray with Uranus—the first ray.

hơn. Trái Đất và Sao Hỏa lần lượt là thể xác và thể cảm dục của một Thực Thể vĩ đại cung ba, có thể là 'Đại Sao Thổ' (xem TCF, Biểu đồ VI) hoặc Brahma của hệ mặt trời chúng ta. Sao Thủy chắc chắn có liên hệ với Sao Thiên Vương (đối với Sao Thủy, Sao Thiên Vương là đấng hấp thụ cuối cùng) và Trái Đất chia sẻ cùng một cung chân thần với Sao Thiên Vương—cung một.

137. So we have Earth and Mercury related to Uranus and Mars and Earth related to Saturn.

137. Vì vậy, chúng ta có Trái Đất và Sao Thủy liên hệ với Sao Thiên Vương, còn Sao Hỏa và Trái Đất liên hệ với Sao Thổ.

138. Uranus is also a planet much associated with etheric life. It rules the systemic etheric body and also, generically, the four cosmic etheric planes.

138. Sao Thiên Vương cũng là một hành tinh liên hệ rất nhiều với sự sống dĩ thái. Nó cai quản thể dĩ thái hệ thống và cũng, một cách tổng quát, cai quản bốn cõi dĩ thái vũ trụ.

139. Uranus, however, is one of the last two synthesizing planets (to retain their planetary integrity) and may be the final synthesizing planet which merges into the Sun. It must be established whether Uranus absorbs Neptune or Neptune absorbs Uranus. The fact that our present solar system is a second ray system may have to be taken into consideration.

139. Tuy nhiên, Sao Thiên Vương là một trong hai hành tinh tổng hợp cuối cùng (còn giữ tính toàn vẹn hành tinh của mình) và có thể là hành tinh tổng hợp cuối cùng hòa nhập vào Mặt Trời. Cần phải xác định liệu Sao Thiên Vương hấp thụ Sao Hải Vương hay Sao Hải Vương hấp thụ Sao Thiên Vương. Sự kiện rằng hệ mặt trời hiện tại của chúng ta là một hệ cung hai có thể phải được xét đến.

140. Via Uranus comes the first ray power of abstraction or disconnection. Since it is also a planet energizing ethers of various types, it may signify a round of development in which there is no connection with the redemptive purposes of our Solar Logos in relation to the vestigial matter of the previous solar system.

140. Qua Sao Thiên Vương đến quyền năng trừu xuất hay cắt lìa của cung một. Vì nó cũng là một hành tinh tiếp năng lượng cho các dĩ thái thuộc nhiều loại khác nhau, nên nó có thể biểu thị một cuộc tuần hoàn phát triển trong đó không có liên hệ nào với các mục đích cứu chuộc của Thái dương Thượng đế của chúng ta đối với vật chất tàn dư của hệ mặt trời trước.

141. The accuracy of our interpretation will depend upon the meaning of the term "the etheric triangle". Is it or is it not equivalent to "the pranic triangle"?

141. Độ chính xác của cách giải thích của chúng ta sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa của thuật ngữ "tam giác dĩ thái". Nó có hay không tương đương với "tam giác prana"?

4. The circle of the planetoids.

142. These are not asteroids. The two types of solar systemic lives have to be kept distinct.

Students of the Ageless Wisdom are apt to forget that the Life of the Logos manifests itself through those circling spheres which (though not large enough to be regarded as planets) pursue their orbital paths around the solar centre

143. Therefore, they are not "moons", per se, as moons seem to circle a particular planet and these planetoids pursue their orbital paths around the solar centre.

144. Should Chiron be considered a planetoid? What of Pluto and other extra-Plutonic spheres?

and have their own evolutionary problems

145. This is interesting. Every Planetary Logos (major or minor) seems to have its own evolutionary problems. The problems of Earth are distinct, considerable and, from what we understand, complicated.

and are functioning as part of the solar Body.

146. The "solar Body" is the solar system, which cosmically is confined to the cosmic physical plane.

4. Vòng tròn của các tiểu hành tinh.

142. Đây không phải là các tiểu hành tinh asteroid. Hai loại sự sống hệ mặt trời phải được giữ phân biệt.

Các đạo sinh của Minh Triết Ngàn Đời dễ quên rằng Sự sống của Thượng đế biểu lộ chính nó qua những khối cầu quay tròn ấy, những khối cầu mà (dù không đủ lớn để được xem là các hành tinh) vẫn theo đuổi quỹ đạo của chúng quanh trung tâm mặt trời

143. Do đó, chúng không phải là "mặt trăng", chính chúng, vì các mặt trăng dường như quay quanh một hành tinh nhất định còn các tiểu hành tinh này theo đuổi quỹ đạo của chúng quanh trung tâm mặt trời.

144. Chiron có nên được xem là một tiểu hành tinh không? Còn Sao Diêm Vương và các khối cầu ngoài Sao Diêm Vương khác thì sao?

và có những vấn đề tiến hoá riêng của chúng

145. Điều này thật thú vị. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế (lớn hay nhỏ) dường như đều có những vấn đề tiến hoá riêng. Các vấn đề của Trái Đất là riêng biệt, đáng kể và, theo điều chúng ta hiểu, rất phức tạp.

và đang hoạt động như một phần của Thể mặt trời.

146. "Thể mặt trời" là hệ mặt trời, mà về mặt vũ trụ bị giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ.

They are informed—as are the planets—by a cosmic Entity

Chúng được thấm nhuần—cũng như các hành tinh—bởi một Thực Thể vũ trụ

147. Note, then, that Planetary Logoi are *cosmic* Entities. This must be so if even the Logoi of planetoids are *cosmic* Entities. One can be a cosmic entity and still express within the solar system.

147. Vậy thì hãy lưu ý rằng các Hành Tinh Thượng Đế là các Thực Thể *vũ trụ*. Điều này hẳn phải như vậy nếu ngay cả các Thượng đế của các tiểu hành tinh cũng là các Thực Thể *vũ trụ*. Một hữu thể có thể là một thực thể vũ trụ mà vẫn biểu lộ trong hệ mặt trời.

and are under the influence of the Life impulses of the solar Logos as are the greater bodies.

và ở dưới ảnh hưởng của các xung lực sự sống của Thái dương Thượng đế cũng như các thể lớn hơn.

148. All planetary bodies are subservient to the central Life—that of the Solar Logos.

148. Mọi thể hành tinh đều phụ thuộc vào Sự sống trung tâm—đó là Thái dương Thượng đế.

The evolutions upon them are analogous to, though not identical with, those of our planet,

Các tiến hoá trên chúng là tương tự, dù không đồng nhất, với những tiến hoá trên hành tinh của chúng ta,

149. There are evolutions upon and within planetoids which are analogous to the evolutions which are pursuing their path on Earth. There must be an immense variety of lives within our solar system.

149. Có những tiến hoá trên và trong các tiểu hành tinh tương tự với những tiến hoá đang theo đuổi con đường của chúng trên Trái Đất. Hẳn phải có một sự đa dạng vô cùng lớn của các sự sống trong hệ mặt trời của chúng ta.

150. Do we think that Master DK is singling out *our* planet in particular and drawing a particular comparison between our Planetary Logos and the Logoi of the planetoids?

150. Chúng ta có nghĩ rằng Chân sư DK đang đặc biệt nêu bật *hành tinh* của chúng ta và rút ra một sự so sánh đặc biệt giữa Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với các Thượng đế của các tiểu hành tinh không?

and they swing through their cycles in the Heavens under the same laws as do the greater planets.

và chúng dao động qua các chu kỳ của mình trong các cõi trời dưới cùng những định luật như các hành tinh lớn hơn.

151. We are probably dealing with Kepler's laws of planetary motion. There are probably subtler laws as well.

151. Có lẽ chúng ta đang bàn đến các định luật chuyển động hành tinh của Kepler. Có lẽ cũng có những định luật tinh tế hơn.

*5. **The absorbing Triangles**.* This term is applied to the evolutionary schools found located in the three major [Page 1177] planets of our system—Uranus, Neptune and Saturn—and to those found in the three major chains, and three major globes in a planetary scheme.

*5. **Các Tam Giác Hấp Thụ**.* Thuật ngữ này được áp dụng cho các trường phái thăng thượng tiến hoá được đặt tại ba hành tinh lớn [Page 1177] của hệ chúng ta—Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ—và cho những trường phái được tìm thấy trong ba dãy lớn, và ba bầu hành tinh lớn trong một hệ hành tinh.

152. If there are "evolutionary schools" are there also "involutionary schools"?

152. Nếu có các "trường phái thăng thượng tiến hoá" thì cũng có các "trường phái giáng hạ tiến hoá" chăng?

153. We see that there are indeed schools associated with the synthesizing planets but the inner round is not mentioned in this context, though one of these synthesizing planets if probably involved, as discussed above.

153. Chúng ta thấy rằng quả thực có các trường phái liên hệ với các hành tinh tổng hợp, nhưng cuộc tuần hoàn nội tại không được nhắc đến trong ngữ cảnh này, dù một trong các hành tinh tổng hợp này có lẽ có liên hệ, như đã bàn ở trên.

154. We notice that in any type of system—a solar system, a planetary system or a chain system, there are three spheres which, together, can be considered an "absorbing triangle".

154. Chúng ta lưu ý rằng trong bất kỳ loại hệ thống nào—một hệ mặt trời, một hệ hành tinh hay một hệ dãy—đều có ba khối cầu mà cùng nhau có thể được xem là một "tam giác hấp thụ".

155. Just as there are major planetary schemes, there are major chains and major globes. It would seem that the sixth and seventh chain or globe have to be considered as of a synthesizing nature, just as (if we begin with Vulcan and exclude the non-sacred planets like Earth and Mars, then) Neptune and Uranus (two definitely synthesising planets) are the respectively the sixth and seventh planetary schemes.

155. Cũng như có các hệ hành tinh lớn, có các dãy lớn và các bầu hành tinh lớn. Có vẻ như dãy hay bầu hành tinh thứ sáu và thứ bảy phải được xem là có bản chất tổng hợp, cũng như (nếu chúng ta bắt đầu với Vulcan và loại trừ các hành tinh không thiêng liêng như Trái Đất và Sao Hỏa, thì) Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (hai hành tinh tổng hợp rõ rệt) lần lượt là hệ hành tinh thứ sáu và thứ bảy.

156. Should the fifth scheme, chain or globe (which are usually called the "Mercury"

156. Hệ, dãy hay bầu hành tinh thứ năm (thường được gọi là hệ, dãy hay bầu hành

scheme, chain or globe) be considered "major"? Rather, if we count outward from the Sun (excluding again, Earth and Mars) another synthesizing planet, Saturn, is found to be the fifth in order.

157. In any case, we can infer that the fifth, sixth and seventh chains or globes are of a more synthetic nature than the ones preceding it, but are these three necessarily the *major* ones as DK is here using the word "major"?

158. So much, however, depends on whether we count seven schemes, chains and globes or *ten*! If we are dealing with a model like that of the "Tree of Life" then the three synthesizers are found 'above' the seven and correspond to Kether, Chochma and Binah.

The Rulers of these planets, chains and globes are called the **"Divine Examiners,"** and **Their work concerns the human kingdom specifically and entirely**.

159. Something about the name "Divine Examiners" suggests the forty-two "Assessors" in the Egyptian Mysteries.

160. It is interesting that the work of the "Divine Examiners" rises no higher than work with the human kingdom. What is *not* being said?

161. From what is here said we can infer that the Logoi of Saturn, Neptune and Uranus are called "Divine Examiners". This appellation has its parallel on the chain and globe level, but we must determine with certainty which, really, are the three major

tinh "Sao Thủy") có nên được xem là "lớn" không? Đúng hơn, nếu chúng ta đếm ra ngoài từ Mặt Trời (một lần nữa loại trừ Trái Đất và Sao Hỏa), thì một hành tinh tổng hợp khác, Sao Thổ, được thấy là đứng thứ năm theo thứ tự.

157. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể suy ra rằng các dãy hay bầu hành tinh thứ năm, thứ sáu và thứ bảy có bản chất tổng hợp hơn những cái đi trước, nhưng liệu ba cái này có nhất thiết là những cái *lớn* như Chân sư DK đang dùng từ "lớn" ở đây không?

158. Tuy nhiên, rất nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta đếm bảy hệ hành tinh, dãy và bầu hành tinh hay *mười*! Nếu chúng ta đang bàn đến một mô hình như "Cây Sự Sống" thì ba đấng tổng hợp được tìm thấy 'ở trên' bảy và tương ứng với Kether, Chochma và Binah.

Các Đấng cai quản các hành tinh, dãy và bầu hành tinh này được gọi là **"Các Đấng Khảo Xét Thiêng Liêng,"** và **công việc của Các Ngài liên hệ riêng biệt và hoàn toàn với giới nhân loại**.

159. Có điều gì đó trong tên gọi "Các Đấng Khảo Xét Thiêng Liêng" gợi nhớ đến bốn mươi hai "Vị Phán Xét" trong các Mật Nghi Ai Cập.

160. Điều thú vị là công việc của "Các Đấng Khảo Xét Thiêng Liêng" không vươn cao hơn công việc với giới nhân loại. Điều gì *không* được nói ra?

161. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể suy ra rằng các Thượng đế của Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương được gọi là "Các Đấng Khảo Xét Thiêng Liêng". Danh xưng này có sự tương ứng của nó ở cấp độ dãy và bầu hành tinh, nhưng chúng ta phải

chains and globes of our solar system. The major chains and globes may not correspond to the three synthesizing planets.

xác định chắc chắn đâu thực sự là ba dãy và bầu hành tinh lớn của hệ mặt trời chúng ta. Các dãy và bầu hành tinh lớn có thể không tương ứng với ba hành tinh tổng hợp.

162. The following table which includes at least the major chains of our Earth-chain (probably that is the meaning) is indicative, but the term "major" may be relative and time-dependent:

162. Bảng sau đây, bao gồm ít nhất các dãy lớn của Dãy Địa Cầu chúng ta (có lẽ đó là ý nghĩa), có tính chỉ dẫn, nhưng thuật ngữ "lớn" có thể là tương đối và tùy thuộc thời gian:

7 Rays Major 1-2-7 Four subsidiary converging on the fifth.

7 Cung Chính 1-2-7 Bốn cung phụ hội tụ vào cung thứ năm.

7 Principles 3 Major Monad, Ego and Personality, synthesising at various stages the four subsidiary.

7 Nguyên khí 3 Chính Chân thần, Chân ngã và phàm ngã, tổng hợp bốn nguyên khí phụ ở những giai đoạn khác nhau.

7 Chains Major 1-4-7, etc. (TCF 600.)

7 Dãy Chính 1-4-7, v.v. (TCF 600.)

163. The first, fourth and seventh chains are Neptune, Earth and Jupiter chains, respectively, and constitute a triangle which is different from the triangle of the three synthesizing planets.

163. Dãy thứ nhất, thứ tư và thứ bảy lần lượt là các dãy Sao Hải Vương, Trái Đất và Sao Mộc, và tạo thành một tam giác khác với tam giác của ba hành tinh tổng hợp.

They are responsible for the work of

Các Ngài chịu trách nhiệm về công việc

a. Transferring men from one school to another, and from one grade to another.

a. Chuyển những người nam và nữ từ trường này sang trường khác, và từ cấp bậc này sang cấp bậc khác.

164. The three major rulers (whether on a planetary, chain or globe level) seem to give 'permission for passage'. They control the process of elevation.

164. Ba đấng cai quản lớn (dù ở cấp độ hành tinh, dãy hay bầu hành tinh) dường như ban "sự cho phép đi qua". Các Ngài kiểm soát tiến trình nâng lên.

165. It may be necessary to deduce that there are "schools" on globes and chains as well as planetary schools. Perhaps the planetary schools have their different divisions on different chains and globes.

165. Có thể cần phải suy ra rằng có các "trường phái" trên các bầu hành tinh và các dãy cũng như các trường phái hành tinh. Có lẽ các trường phái hành tinh có những phân

bộ khác nhau của chúng trên các dãy và bầu hành tinh khác nhau.

166. It is hard to believe, however, that the three synthesizing planets operate only with respect to the human kingdom. The human kingdom, of course, is found throughout the solar system, but such great Logoi it seems, would have other and higher work.

166. Tuy nhiên, thật khó tin rằng ba hành tinh tổng hợp chỉ hoạt động liên hệ với giới nhân loại. Dĩ nhiên, giới nhân loại được tìm thấy khắp hệ mặt trời, nhưng những Thượng đế vĩ đại như thế, dường như còn có những công việc khác và cao hơn.

167. Perhaps we are speaking of planetary function only with respect to the Law of the Schools.

167. Có lẽ chúng ta chỉ đang nói về chức năng hành tinh liên hệ với Định luật của các Trường Phái.

b. For the expanding of the human consciousness under the law,

b. Để mở rộng tâm thức con người dưới định luật,

168. Are not other Planetary Logoi responsible for expanding human consciousness under the law? Only these three? What of Jupiter?

168. Chẳng phải các Hành Tinh Thượng Đế khác cũng chịu trách nhiệm mở rộng tâm thức con người dưới định luật sao? Chỉ riêng ba vị này thôi ư? Còn Sao Mộc thì sao?

169. At least we can see that these three Lords of the schemes Saturn, Neptune and Uranus are *definitely* responsible for expanding human consciousness. They are rulers of the spiritual triad in which human consciousness undergoes an extraordinary expansion beyond its strictly 'individual' ring-pass-not.

169. Ít nhất chúng ta có thể thấy rằng ba Chúa Tể của các hệ hành tinh Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương *chắc chắn* chịu trách nhiệm mở rộng tâm thức con người. Các Ngài là những đấng cai quản Tam Nguyên Tinh Thần, trong đó tâm thức con người trải qua một sự mở rộng phi thường vượt ra ngoài vòng-giới-hạn "cá nhân" nghiêm ngặt của nó.

c. For the transmutation of the forms of the human unit in the three worlds and the consequent negation of the form,

c. Để chuyển hoá các hình tướng của đơn vị nhân loại trong ba cõi giới và do đó phủ nhận hình tướng,

170. From this we can assume that the influences of Saturn, Neptune and Uranus definitely lift the human consciousness towards and into the cosmic ethers—the true arupa levels of two thirds of the spiritual triad.

170. Từ đây chúng ta có thể giả định rằng các ảnh hưởng của Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương chắc chắn nâng tâm thức con người hướng tới và đi vào các dĩ thái vũ trụ—các cấp độ arupa đích thực của hai phần ba Tam Nguyên Tinh Thần.

171. Saturn, Neptune and Uranus are abstractors and absorbers and would naturally promote the disengagement of the human consciousness from lower form, considering even the egoic lotus as a lower form.

171. Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương là những đấng trừu xuất và hấp thụ, và một cách tự nhiên sẽ thúc đẩy sự tách rời của tâm thức con người khỏi hình tướng thấp, ngay cả khi xem Hoa Sen Chân Ngã như một hình tướng thấp.

d. For the radioactivity of the fourth kingdom in nature.

d. Để tạo tính phóng xạ của giới thứ tư trong thiên nhiên.

172. The initiatory process induces human radioactivity. The man is potently radioactive by the time the fourth initiation is reached and it is this radioactivity which contributes to the destruction of the causal body.

172. Tiến trình điểm đạo gây ra tính phóng xạ nơi con người. Con người trở nên có tính phóng xạ mạnh mẽ vào lúc đạt đến lần điểm đạo thứ tư, và chính tính phóng xạ này góp phần vào sự hủy diệt thể nguyên nhân.

173. It makes sense that the synthesizing planets (and probably within those planets the synthesizing chains and synthesizing globes) tend to produce the climactic result that radioactivity represents.

173. Điều hợp lý là các hành tinh tổng hợp (và có lẽ trong các hành tinh ấy là các dãy tổng hợp và các bầu hành tinh tổng hợp) có khuynh hướng tạo ra kết quả cao trào mà tính phóng xạ biểu thị.

174. This must mean that the three synthesizing planets are associated with the "Jewel in the Lotus" and its 'setting' in the synthesizing petals.

174. Điều này hẳn có nghĩa là ba hành tinh tổng hợp liên hệ với "Ngọc trong Hoa Sen" và "đế" của nó trong các cánh hoa tổng hợp.

175. Among these three, Uranus is known as the "Hierophant" or "Initiator".

175. Trong ba hành tinh này, Sao Thiên Vương được biết đến như "Đấng Chủ Lễ" hay "Đấng Điểm đạo".

We might regard the **presiding lives in these departmental schools**

Chúng ta có thể xem **các sự sống chủ trì trong các trường phái bộ môn này**

176. Is DK still discussing the schools on the three synthesizing planets or is He speaking generally of *all* planetary schools?

176. Chân sư DK ở đây vẫn đang bàn về các trường phái trên ba hành tinh tổng hợp hay Ngài đang nói một cách tổng quát về *mọi* trường phái hành tinh?

177. From what is said immediately below about the "final stages" of the Path, He

177. Từ điều được nói ngay bên dưới về các "giai đoạn cuối cùng" của Con Đường, có vẻ

seems still to be dealing with the synthesizing planets but this is not certain and, in fact, seems to be abrogated below. What exactly does He mean by "final stages"?

như Ngài vẫn đang bàn đến các hành tinh tổng hợp, nhưng điều này không chắc chắn và thực ra dường như bị hủy bỏ ở dưới. Chính xác thì Ngài muốn nói gì bởi "các giai đoạn cuối cùng"?

as the custodians of the Path, and responsible, **therefore, for the divine Pilgrim during the final stages of the treading of the Path of Evolution**.

như những vị hộ trì của Con Đường, và do đó chịu trách nhiệm **về Người Lữ Hành thiêng liêng trong các giai đoạn cuối cùng của việc bước đi trên Con Đường Tiến Hóa**.

178. When thinking of these "final stages" do they concern only the very highest initiations? Below we learn that even the Path of Probation is considered included within the final stages of the Path of Evolution.

178. Khi nghĩ về các "giai đoạn cuối cùng" này, liệu chúng chỉ liên hệ với những lần điểm đạo rất cao nhất không? Ở dưới chúng ta biết rằng ngay cả Con Đường Dự Bị cũng được xem là nằm trong các giai đoạn cuối cùng của Con Đường Tiến Hóa.

179. The "divine Pilgrim" is the Monad-in-incarnation.

179. "Người Lữ Hành thiêng liêng" là Chân Thần-trong-sự-mở-rộng.

They begin to work with men from the moment they first set foot upon the Probationary Path and They continue Their work until the seventh initiation is taken.

Các Ngài bắt đầu làm việc với những người nam và nữ từ lúc họ lần đầu đặt chân lên Con Đường Dự Bị và Các Ngài tiếp tục công việc của mình cho đến khi lần điểm đạo thứ bảy được tiếp nhận.

180. Here our questions are answered. The Path of Evolution discussed is, indeed, the *entire* Path of Evolution and the later or final stages are considered to begin from the Path of Probation onwards until, at last, the ultimate or seventh initiation is taken. The eighth and ninth initiations we have learned, are rarely taken within our planetary ring-pass-not.

180. Ở đây các câu hỏi của chúng ta được giải đáp. Con Đường Tiến Hóa được bàn đến quả thực là *toàn bộ* Con Đường Tiến Hóa, và các giai đoạn sau hay cuối cùng được xem là bắt đầu từ Con Đường Dự Bị trở đi cho đến khi, cuối cùng, lần điểm đạo tối hậu hay thứ bảy được tiếp nhận. Chúng ta đã biết rằng các lần điểm đạo thứ tám và thứ chín hiếm khi được tiếp nhận trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta.

181. So, even before the first initiation is taken, the Lords Who preside over the various planetary schools become active influences upon such relatively advanced human beings.

181. Vì vậy, ngay cả trước khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận, các Chúa Tể chủ trì các trường phái hành tinh khác nhau đã trở thành những ảnh hưởng tích cực đối với những con người tương đối tiến bộ như thế.

182. The *very final phases* of training for the human Monad are, it would seem, under the sway of the three synthesizing planets and their Logoi.

182. Các giai đoạn huấn luyện *cuối cùng nhất* cho Chân thần nhân loại, dường như, nằm dưới quyền chi phối của ba hành tinh tổng hợp và các Thượng đế của chúng.

The Masters, therefore, Who take pupils for training, are numbered amongst them, whilst the Masters Who do not concern Themselves with individuals and their development are not.

Do đó, các Chân sư nhận đệ tử để huấn luyện được kể vào số đó, trong khi các Chân sư không quan tâm đến các cá nhân và sự phát triển của họ thì không.

183. The Masters active with humanity are to be considered "presiding lives in these departmental schools".

183. Các Chân sư hoạt động với nhân loại phải được xem là "những sự sống chủ trì trong các trường ban ngành này".

184. There are many Masters, however, who are not concerned with human initiation and they are *not* considered presiding lives in departmental schools.

184. Tuy nhiên, có nhiều Chân sư không quan tâm đến điểm đạo của nhân loại và các Ngài *không* được xem là những sự sống chủ trì trong các trường ban ngành.

It is not possible to give fully the types of schools and teaching which is given on the different planets. All that can be done is to give an occult phrase which will convey to the intuitive student the necessary hint.

Không thể trình bày đầy đủ các loại trường học và giáo huấn được ban ra trên những hành tinh khác nhau. Tất cả những gì có thể làm là đưa ra một cụm từ huyền bí, cụm từ này sẽ chuyển đạt cho đạo sinh trực giác manh mối cần thiết.

185. So we are given important occult hints about quite a number of the schools. A few of the schools are missing from the enumeration and it would be interest to speculate *why* this might be so.

185. Vì vậy, chúng ta được ban cho những gợi ý huyền bí quan trọng về khá nhiều trường học. Một vài trường không có trong bản liệt kê, và sẽ là điều thú vị nếu suy đoán *vì sao* điều này có thể là như vậy.

186. Notable as missing is the School on Saturn, a planet closely associated with the Earth (and Mars) and of great importance in our solar system. If there is a School of Pluto, it too is missing.

186. Điều đáng chú ý là Trường trên Sao Thổ không được nhắc đến, một hành tinh gắn bó mật thiết với Trái Đất (và Sao Hỏa) và có tầm quan trọng lớn trong hệ mặt trời của chúng ta. Nếu có một Trường của Sao Diêm Vương, thì trường ấy cũng vắng mặt.

187. The order in which these schools are discussed is also a matter of interest. Why

187. Thứ tự mà các trường này được bàn đến cũng là một điều đáng quan tâm. Tại sao lại

begin with Uranus? And then go immediately to Earth? Probably there are important hints in the order. Both of these Planetary Logoi have the same monadic ray.

bắt đầu với Sao Thiên Vương? Và rồi lập tức chuyển sang Trái Đất? Có lẽ có những gợi ý quan trọng trong thứ tự ấy. Cả hai Đức Hành Tinh Thượng Đế này đều có cùng một cung chân thần.

188. If we knew something about the School on Saturn, we would know of three schools on three closely related planets—Earth, Mars and Saturn.

188. Nếu chúng ta biết điều gì đó về Trường trên Sao Thổ, chúng ta sẽ biết về ba trường trên ba hành tinh có liên hệ mật thiết với nhau—Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Thổ.

S9S11 Part II

TCF 1177-1180

TCF 1177-1180

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCFare put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCFđược trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.**So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Xin đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.**Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

Planetary Schools

Các Trường Hành Tinh

URANUS—The School of Magic of the tenth order. It is sometimes called "the planet of the violet [Page 1178] force," and its graduates wield the power of cosmic etheric prana.

SAO THIÊN VƯƠNG—Trường Huyền Thuật của cấp mười. Đôi khi nó được gọi là "hành tinh của mãnh lực tím [Page 1178]," và các học viên tốt nghiệp của nó vận dụng quyền năng của prana dĩ thái vũ trụ.

1. The seventh ray nature of Uranus is here accented. We may presume that the soul ray

1. Ở đây bản chất cung bảy của Sao Thiên Vương được nhấn mạnh. Chúng ta có thể giả

of Uranus is the seventh ray based upon the inference that when the ray of the sacred planets are given, it is the soul ray of each planet that is given, principally because sacred planets express principally the soul rather than the personality. They also express, to a degree, the monadic ray.

định rằng cung linh hồn của Sao Thiên Vương là cung bảy, dựa trên suy luận rằng khi các cung của những hành tinh thiêng liêng được nêu ra, thì chủ yếu chính là cung linh hồn của mỗi hành tinh được nêu ra, bởi vì các hành tinh thiêng liêng biểu hiện chủ yếu linh hồn hơn là phàm ngã. Chúng cũng biểu hiện, ở một mức độ nào đó, cung chân thần.

2. The color violet, of course, correlates with the seventh ray.

2. Dĩ nhiên, màu tím tương ứng với cung bảy.

3. In some sense Uranus must be considered the *tenth* scheme. From a certain perspective, it is the planet which has the highest spiritual status. Its monadic ray is the first and the number ten reduces to the number one. We cannot yet determine, however, whether Uranus is the *final* of the three synthesizing planets.

3. Theo một ý nghĩa nào đó, Sao Thiên Vương phải được xem là hệ hành tinh *thứ mười*. Từ một góc nhìn nào đó, đó là hành tinh có địa vị tinh thần cao nhất. Cung chân thần của nó là cung một và số mười quy về số một. Tuy nhiên, chúng ta chưa thể xác định liệu Sao Thiên Vương có phải là hành tinh *cuối cùng* trong ba hành tinh tổng hợp hay không.

4. Cosmic etheric prana is found upon the highest four levels of the cosmic physical plane—i.e., upon the cosmic ethers. We can assume that the graduates of the school on Uranus wield forces upon the buddhic, atmic, monadic and logoic planes. In some sense, Uranus 'rules' those planes collectively.

4. Prana dĩ thái vũ trụ được tìm thấy trên bốn cấp độ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ —tức là trên các dĩ thái vũ trụ. Chúng ta có thể giả định rằng các học viên tốt nghiệp của trường trên Sao Thiên Vương vận dụng các mãnh lực trên các cõi Bồ đề, atma, chân thần và logoic. Theo một ý nghĩa nào đó, Sao Thiên Vương "cai quản" các cõi ấy như một toàn thể.

5. Just as the human etheric body can be considered under two aspects—the etheric structure and the pranic energy that animates that structure and flows through that structure, so it must be for the cosmic ethers. It would seem, then, that these graduates are more associated with the animating prana than with the etheric structure of the cosmic etheric planes.

5. Cũng như thể dĩ thái của con người có thể được xét dưới hai phương diện—cấu trúc dĩ thái và năng lượng prana tiếp sinh lực cho cấu trúc ấy và chảy qua cấu trúc ấy—thì điều đó cũng phải đúng đối với các dĩ thái vũ trụ. Do đó, dường như các học viên tốt nghiệp này liên hệ nhiều hơn với prana tiếp sinh lực hơn là với cấu trúc dĩ thái của các cõi dĩ thái vũ trụ.

6. We could wonder if there are schools of magic of *other* orders, or whether the school on Uranus is the *only* school of magic and also happens to be a school of the tenth order.

6. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có những trường huyền thuật thuộc các cấp *khác* hay không, hoặc liệu trường trên Sao Thiên Vương có phải là trường huyền thuật *duy nhất* và đồng thời cũng là một trường thuộc cấp mười hay không.

7. Uranus can be associated with Kether—the tenth Sephiroth atop the Tree of Life.

7. Sao Thiên Vương có thể được liên kết với Kether—Sephiroth thứ mười ở đỉnh Cây Sự Sống.

8. Must one leave one's own planet to participate in this school? Do the schools have representatives on various planets and can one pursue curricula related to each school on one's own planet? Perhaps there are preparatory curricula on each planet which could relate 'students' to particular planetary schools.

8. Có phải người ta phải rời hành tinh của mình để tham dự trường này không? Các trường ấy có đại diện trên nhiều hành tinh khác nhau không, và người ta có thể theo đuổi các chương trình học liên hệ với mỗi trường ngay trên hành tinh của mình không? Có lẽ trên mỗi hành tinh đều có những chương trình dự bị có thể liên hệ các "đạo sinh" với những trường hành tinh đặc thù.

EARTH—The School of Magnetic Response. Another name given to its pupils is "The graduates of painful endeavour" or the "adjudicators between the polar opposites."

TRÁI ĐẤT—Trường Đáp Ứng Từ Tính. Một tên gọi khác dành cho các học viên của trường này là "Những người tốt nghiệp của nỗ lực đau đớn" hoặc "những người phân xử giữa các cực đối nghịch".

1. Earth has a first ray Monad just as does Uranus. Could this be the reason why it is mentioned immediately after Uranus. There must be a reason for the order. In mythology, Uranus and Gaia are always closely related.

1. Trái Đất có một Chân thần cung một cũng như Sao Thiên Vương. Có phải đây là lý do vì sao nó được nhắc đến ngay sau Sao Thiên Vương chăng. Hẳn phải có một lý do cho thứ tự này. Trong thần thoại, Uranus và Gaia luôn có liên hệ mật thiết với nhau.

2. To what type of magnetism are the students within the School of Magnetic Response subjected? There is always a question for Monads working through the Earth-scheme regarding the type of magnetism to which they shall respond. They will be attracted to the vestigial energies of the Moon-chain or the previous

2. Các đạo sinh trong Trường Đáp Ứng Từ Tính chịu tác động của loại từ điện nào? Luôn luôn có một vấn đề đối với các chân thần hoạt động qua hệ hành tinh Địa Cầu liên quan đến loại từ điện mà họ sẽ đáp ứng. Họ sẽ bị thu hút vào các năng lượng tàn dư của Dãy Mặt Trăng hay của hệ mặt trời trước, hoặc họ sẽ bị thu hút vào các năng lượng

solar system or they will be attracted to the energies promoting logoically-intended development and expression in our solar present system.

thúc đẩy sự phát triển và biểu hiện được Thượng đế dự định trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

3. The "painful endeavor" arises because those working through the Earth-scheme must, as it were, work against well-entrenched, older forms of magnetism related to the third aspect of divinity. They are torn between conflicting energies. This rending process is acutely active within the planetary scheme of Earth.

3. "Nỗ lực đau đớn" phát sinh bởi vì những ai hoạt động qua hệ hành tinh Địa Cầu phải, nói như vậy, làm việc chống lại những hình thức từ điện cũ hơn, đã bám rễ vững chắc, liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính. Họ bị xé kéo giữa những năng lượng xung đột. Tiến trình xé rách này hoạt động hết sức mãnh liệt trong hệ hành tinh của Trái Đất.

4. It would seem that the fourth ray must play an important part in the Earth process because earthlings are always 'torn' between the opposites representing the third and second aspects.

4. Dường như cung bốn phải đóng một vai trò quan trọng trong tiến trình của Trái Đất bởi vì người địa cầu luôn bị "xé kéo" giữa các cặp đối nghịch tượng trưng cho phương diện thứ ba và thứ hai.

5. At length, those graduating from Earth-school learn to judge wisely between the pairs of opposites—the 'high' and 'low' which have persistently attracted them. They learn to discriminate between energy-streams which are progressive and those which retard progress, and this they learn through much pain and suffering. Pain and suffering are always related to the factor of division.

5. Cuối cùng, những ai tốt nghiệp từ trường Trái Đất học được cách phán đoán một cách minh triết giữa các cặp đối nghịch—cái "cao" và cái "thấp" vốn đã liên tục thu hút họ. Họ học cách phân biện giữa những dòng năng lượng mang tính tiến bộ và những dòng làm chậm sự tiến bộ, và họ học điều này qua rất nhiều đau đớn và khổ đau. Đau đớn và khổ đau luôn liên hệ với yếu tố phân ly.

A further hint to be taken in connection with the two names above given, **is that its graduates are said to undergo examination upon the third subplane of the astral plane**.

Một gợi ý thêm cần được tiếp nhận liên hệ với hai tên gọi nêu trên, **là các học viên tốt nghiệp của trường này được nói là phải trải qua kỳ khảo hạch trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục**.

1. The siddhi associated with the third subplane of the astral plane is clairvoyance.

1. Siddhi liên hệ với cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục là thông nhãn.

2. We can expect that since the number three is involved the factor of *discrimination*

2. Chúng ta có thể chờ đợi rằng vì số ba có liên hệ ở đây nên yếu tố *phân biện* sẽ có mặt,

will be involved, since the Third Ray Lord is called "The Discriminating Essential Life".

3. Adjudication also suggests Libra, which is closely connected at this time with the third ray, which by numerical resonance is connected with all third planes or subplanes.

4. The third subplane of any plane is the doorway to the esoteric portion of that plane. The third subplane is the height of the Brahmic influence on any plane but has not yet entered the truly esoteric domain where Vishnu and Shiva are influential.

5. The examination may relate to the question of whether the "graduates" are prepared to enter a dimension in which the influence the second aspect is greater than that of the third.

6. We must also question the meaning of the word "graduate". What spiritual status does it indicate? Presumably this means an initiate of the fourth degree, and yet it could represent a higher initiatory stage. The astral plane discussed, however, must be the *systemic* astral plane as the Planetary Logos is presently involved with a struggle involving the fourth subplane of the cosmic astral plane and transition 'upward' to the third or fifth depending on whether one is counting from 'below' or 'above'.

VULCAN—The School for Fiery Stones. <u>There is a curious connection between the human units who pass through its halls and the mineral kingdom.</u> The human units on the earth scheme are called in mystical parlance "**<u>the living stones</u>**"; on Vulcan they are called "**<u>fiery stones</u>**."

bởi vì Đấng Chúa Tể Cung ba được gọi là "Sự Sống Cốt Yếu Phân Biện".

3. Sự phân xử cũng gợi đến Thiên Bình, vốn hiện nay liên hệ mật thiết với cung ba, cung này theo cộng hưởng số học có liên hệ với mọi cõi hay cõi phụ thứ ba.

4. Cõi phụ thứ ba của bất kỳ cõi nào cũng là cánh cửa dẫn vào phần huyền bí của cõi ấy. Cõi phụ thứ ba là đỉnh cao của ảnh hưởng Brahma trên bất kỳ cõi nào nhưng vẫn chưa bước vào lãnh vực thực sự huyền bí, nơi Vishnu và Shiva có ảnh hưởng.

5. Kỳ khảo hạch có thể liên hệ đến câu hỏi liệu các "học viên tốt nghiệp" có sẵn sàng bước vào một chiều kích trong đó ảnh hưởng của phương diện thứ hai lớn hơn phương diện thứ ba hay không.

6. Chúng ta cũng phải đặt câu hỏi về ý nghĩa của từ "tốt nghiệp". Nó chỉ ra địa vị tinh thần nào? Có lẽ điều này có nghĩa là một điểm đạo đồ bậc bốn, tuy nhiên nó cũng có thể tượng trưng cho một giai đoạn điểm đạo cao hơn. Tuy nhiên, cõi cảm dục được bàn đến ở đây hẳn phải là cõi cảm dục *hệ thống* vì Đức Hành Tinh Thượng Đế hiện đang dính líu vào một cuộc đấu tranh liên quan đến cõi phụ thứ tư của cõi cảm dục vũ trụ và sự chuyển tiếp "đi lên" đến cõi phụ thứ ba hay thứ năm tùy theo người ta đếm từ "dưới" hay từ "trên".

VULCAN—Trường dành cho Những Viên Đá Rực Lửa. <u>Có một mối liên hệ kỳ lạ giữa các đơn vị nhân loại đi qua các đại sảnh của trường này và giới kim thạch.</u> Các đơn vị nhân loại trong hệ hành tinh Địa Cầu được gọi theo cách nói thần bí là "**<u>những viên đá</u>**

sống"; trên Vulcan họ được gọi là "**những viên đá rực lửa**."

1. Why should Vulcan be mentioned *next* in order. It too is a planet in which the first ray is prominent, but it is more likely that the soul ray of Vulcan is the first rather than the monadic ray. Vulcan is deeply associated with the Heart of the Sun, which does not suggest the first ray.

1. Tại sao Vulcan lại được nhắc đến *tiếp theo* trong thứ tự. Nó cũng là một hành tinh trong đó cung một nổi bật, nhưng có nhiều khả năng cung linh hồn của Vulcan là cung một hơn là cung chân thần. Vulcan liên hệ sâu sắc với Trái Tim của Mặt Trời, điều này không gợi ý cung một.

"2. Vulcan.—The one who reveals that which is deeply hidden and brings it up into the light. Esoterically—the heart of the Sun." (EA 393)

"2. Vulcan.—Đấng mặc khải điều được ẩn giấu sâu xa và đưa nó ra ánh sáng. Một cách huyền bí—trái tim của Mặt Trời." (EA 393)

1. There is a close relationship between Vulcan and the Earth; both are connected with the state of crystallization of which the "stone" is the symbol.

1. Có một mối liên hệ mật thiết giữa Vulcan và Trái Đất; cả hai đều liên hệ với trạng thái kết tinh mà "đá" là biểu tượng.

2. Because of the connection between Vulcan and the mineral kingdom, it is also related to life upon the systemic etheric-physical plane upon which the mineral kingdom is subtly focused.

2. Vì mối liên hệ giữa Vulcan và giới kim thạch, nó cũng liên hệ với sự sống trên cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, nơi giới kim thạch được tập trung một cách vi tế.

3. Vulcan is presently a planet more *fiery* than Earth, but, symbolically at least, life is fire and fire is life, so there is a close connection between these two types of graduates—the *fiery* stones and the *living* stones.

3. Hiện nay Vulcan là một hành tinh *rực lửa* hơn Trái Đất, nhưng ít nhất về mặt biểu tượng, sự sống là lửa và lửa là sự sống, vì vậy có một mối liên hệ mật thiết giữa hai loại học viên tốt nghiệp này—những viên đá *rực lửa* và những viên đá *sống*.

4. When a human being from the Earth-scheme has achieved the state of "Diamond Soul" in which the "Jewel in the Lotus" is fully revealed, that state has a strong connection to the energy of the planet Vulcan.

4. Khi một con người từ hệ hành tinh Địa Cầu đã đạt đến trạng thái "Linh Hồn Kim Cương", trong đó "Bảo Châu trong Hoa Sen" được bộc lộ trọn vẹn, thì trạng thái ấy có một liên hệ mạnh mẽ với năng lượng của hành tinh Vulcan.

5. We would expect that the energies of Vulcan have a very strong influence upon

5. Chúng ta có thể chờ đợi rằng các năng lượng của Vulcan có một ảnh hưởng rất

that part of man which is called the "Jewel in the Lotus"—a projection of the monadic "Jewel".

6. The following demonstrates the existence of the "Jewel" in dimensions higher than the causal and at initiatory levels higher than the fourth degree:

When the adept enters through the "luminous door" he has before him four very peculiar and esoteric IDENTIFICATIONS. This entrance takes place **after he has passed the fifth Initiation** and has demonstrated his fitness so to do through a long period of service in connection with our planetary evolution. **These identifications eventually bring about within the jewel, which is essentially the true spiritual unit, a momentous happening, and are undergone within the monadic consciousness after the transcendence of the atmic sheath.** (TCF 1246)

1. The "true spiritual unit" seems to be the Monad, the only unit available *after* the "transcendence of the atmic sheath".

2. The livingness of Earth seems more hospitable to all the elements. Vulcan seems to be the host, especially, to fire.

3. These two planets do share some of the same rays on different levels: the second ray soul of Earth and, inferentially, the major second ray Monad of Vulcan. The first ray Monad of Earth and the first ray soul of Vulcan. Both, it seems have a connection with the fourth ray, the lesser monadic ray of Vulcan being, inferentially, the fourth, and the fourth ray conditioning the Earth (the fourth major planet from the Sun)

mạnh lên phần nơi con người được gọi là "Bảo Châu trong Hoa Sen"—một sự phóng chiếu của "Bảo Châu" chân thần.

6. Đoạn sau đây chứng minh sự hiện hữu của "Bảo Châu" trong những chiều kích cao hơn thể nguyên nhân và ở những cấp điểm đạo cao hơn bậc bốn:

Khi chân sư đi vào qua "cánh cửa sáng chói", trước mặt y là bốn sự ĐỒNG NHẤT HÓA rất đặc biệt và huyền bí. Sự đi vào này diễn ra **sau khi y đã vượt qua lần điểm đạo thứ năm** và đã chứng tỏ sự xứng đáng của mình để làm như vậy qua một thời kỳ dài phụng sự liên hệ với sự tiến hoá hành tinh của chúng ta. **Những sự đồng nhất hóa này cuối cùng tạo ra bên trong bảo châu, vốn về bản chất là đơn vị tinh thần chân thực, một biến cố trọng đại, và chúng được trải qua trong tâm thức chân thần sau khi vượt lên trên thể atma.** (TCF 1246)

1. "Đơn vị tinh thần chân thực" dường như là chân thần, đơn vị duy nhất còn có thể có *sau* "sự vượt lên trên thể atma".

2. Tính sống động của Trái Đất dường như hiếu khách hơn đối với mọi nguyên tố. Vulcan dường như là nơi cư ngụ, đặc biệt, của lửa.

3. Hai hành tinh này quả thật chia sẻ một số cung giống nhau trên những cấp độ khác nhau: cung linh hồn hai của Trái Đất và, theo suy luận, Chân thần cung hai chính của Vulcan. Chân thần cung một của Trái Đất và cung linh hồn một của Vulcan. Cả hai, dường như, đều có liên hệ với cung bốn, cung chân thần phụ của Vulcan theo suy luận là cung bốn, và cung bốn tác động lên Trái Đất (hành

perhaps through one or more of its personality vehicles.

4. There are Monads/lotuses which have come from Vulcan to Earth and their influence, it would seem, would contribute to the increased radiance of the "living stones". Their effect will be to increase the radiation of various levels of matter including, eventually, the "Jewel".

JUPITER—The School of Beneficent Magicians. This planet is sometimes called in the parlance of the schools, **the "College of Quadruple Force units,"** for its members wield four kinds of force in constructive magical work. Another name given to its halls is "The Palace of Opulence" for its graduates work with the Law of Supply, and are frequently called "The Sowers."

1. Why should Jupiter be mentioned next. Is it again a question of ray? It is inferred by some that Jupiter's monadic rays are the seventh (secondarily) and finally the first.

2. We note the relation between Uranus and Jupiter—both are schools of magicians.

3. If Jupiter is a school of magic we could wonder about the "order" of the school. Uranus is a school of the tenth order. The number *four* is much mentioned. If the tenth order is really, numerologically, the *first;* if Neptune relates to the second order and Saturn to the third, then Jupiter could easily be seen in relation to the fourth. Such thought, however, must be regarded as purely speculative.

tinh lớn thứ tư tính từ Mặt Trời) có lẽ qua một hay nhiều vận cụ phàm ngã của nó.

4. Có những chân thần/hoa sen đã đến từ Vulcan sang Trái Đất và ảnh hưởng của chúng, dường như, sẽ góp phần làm tăng sự rạng ngời của "những viên đá sống". Tác động của chúng sẽ là làm tăng sự phóng xạ của nhiều cấp độ vật chất khác nhau, kể cả cuối cùng là của "Bảo Châu".

SAO MỘC—Trường của Những Nhà Huyền Thuật Từ Thiện. Hành tinh này đôi khi được gọi theo cách nói của các trường là, **"Học Viện của các đơn vị Mãnh Lực Tứ Phân,"** vì các thành viên của nó vận dụng bốn loại mãnh lực trong công việc huyền thuật xây dựng. Một tên gọi khác dành cho các đại sảnh của nó là "Cung Điện Phong Phú" vì các học viên tốt nghiệp của nó làm việc với Định luật Cung Ứng, và thường được gọi là "Những Người Gieo Hạt".

1. Tại sao Sao Mộc lại được nhắc đến tiếp theo. Có phải lại là vấn đề cung không? Một số người suy luận rằng các cung chân thần của Sao Mộc là cung bảy (thứ yếu) và cuối cùng là cung một.

2. Chúng ta lưu ý mối liên hệ giữa Sao Thiên Vương và Sao Mộc—cả hai đều là những trường của các nhà huyền thuật.

3. Nếu Sao Mộc là một trường huyền thuật, chúng ta có thể tự hỏi về "cấp" của trường. Sao Thiên Vương là một trường thuộc cấp mười. Con số *bốn* được nhắc đến rất nhiều. Nếu cấp mười thực sự, theo số học, là cấp *một;* nếu Sao Hải Vương liên hệ với cấp hai và Sao Thổ với cấp ba, thì Sao Mộc có thể dễ dàng được xem là liên hệ với cấp bốn. Tuy nhiên, lối suy nghĩ ấy phải được xem là hoàn toàn suy đoán.

4. Jupiter wields a type of energy which is beneficent towards the form as it expresses consciousness. Jupiter expands the consciousness and prepares the form to receive and support a *full measure* of consciousness.

4. Sao Mộc vận dụng một loại năng lượng có tính từ thiện đối với hình tướng khi hình tướng biểu hiện tâm thức. Sao Mộc mở rộng tâm thức và chuẩn bị hình tướng để tiếp nhận và nâng đỡ một *mức độ trọn vẹn* của tâm thức.

5. We note that the glyph for the planet Jupiter can be seen as a *four.* This correlates superficially with its name, "The College of Quadruple Force Units".

5. Chúng ta lưu ý rằng ký hiệu của hành tinh Sao Mộc có thể được nhìn như một số *bốn.* Điều này tương ứng một cách bề ngoài với tên gọi của nó, "Học Viện của các đơn vị Mãnh Lực Tứ Phân".

6. We note that the school on Jupiter is a "college" thus associating is energies with those of "higher education", Sagittarius (ruled by Jupiter) and the ninth house in which Jupiter has what astrologers call "accidental dignity". The second ray is suggested by the word "college".

6. Chúng ta lưu ý rằng trường trên Sao Mộc là một "học viện", do đó liên kết các năng lượng của nó với những năng lượng của "giáo dục cao hơn", Nhân Mã (do Sao Mộc cai quản) và nhà chín, nơi Sao Mộc có điều mà các nhà chiêm tinh gọi là "phẩm giá ngẫu nhiên". Cung hai được gợi ý bởi từ "học viện".

7. Since four types of force are wielded, there is a connection with the four elements and perhaps with the four ethers.

7. Vì bốn loại mãnh lực được vận dụng, nên có một mối liên hệ với bốn nguyên tố và có lẽ với bốn dĩ thái.

8. Since there is a seventh ray component to the energy expressed by Jupiter, it is fitting that it be associated with magic. Jupiter, the 'Lord of Ceremony', being associated also with magic, is naturally the planet of Ceremonial Magic—moreso, one could think, than Uranus.

8. Vì có một thành phần cung bảy trong năng lượng được Sao Mộc biểu hiện, nên thật thích hợp khi nó được liên kết với huyền thuật. Sao Mộc, "Chúa Tể của Nghi Lễ", cũng liên hệ với huyền thuật, nên tự nhiên là hành tinh của Huyền Thuật Nghi Lễ—thậm chí, người ta có thể nghĩ, còn hơn cả Sao Thiên Vương.

9. Jupiter has much second ray associated with it (we infer that it expresses a second ray soul) and therefore it is fitting that Jupiter is involved in "constructive" magical work. Jupiter on some level may wield "thunderbolts" connected with the first ray, but in esotericism it is Jupiter's second ray nature that we first encounter.

9. Sao Mộc có nhiều liên hệ với cung hai (chúng ta suy luận rằng nó biểu hiện một linh hồn cung hai) và do đó thật thích hợp khi Sao Mộc dính líu đến công việc huyền thuật "xây dựng". Ở một cấp độ nào đó Sao Mộc có thể vận dụng những "tia sét" liên hệ với cung một, nhưng trong huyền bí học, bản chất cung hai của Sao Mộc là điều chúng ta gặp trước tiên.

10. Jupiter, therefore, as it now usually expresses, is more a builder than a destroyer. When we think of "constructive magical work" we notice a combination of the second and seventh rays. Both are rays of 'construction' and of building. They are also rays of healing and we can imagine Jupiter involved in the restorative part of the healing process.

10. Vì vậy, Sao Mộc, như hiện nay nó thường biểu hiện, là một đấng kiến tạo hơn là một đấng hủy diệt. Khi nghĩ đến "công việc huyền thuật xây dựng", chúng ta nhận thấy một sự kết hợp của cung hai và cung bảy. Cả hai đều là những cung của "xây dựng" và kiến tạo. Chúng cũng là những cung của trị liệu và chúng ta có thể hình dung Sao Mộc dính líu đến phần phục hồi của tiến trình trị liệu.

11. If "Nature Abhors a Vacuum", Jupiter is the influence which *fills* that vacuum—hence its association with the source of supply. Desire senses a lack and seeks to be granted fulfillment. Jupiter controls this fulfillment.

11. Nếu "Thiên Nhiên Ghét Sự Trống Rỗng", thì Sao Mộc là ảnh hưởng *lấp đầy* sự trống rỗng ấy—do đó có liên hệ với nguồn cung ứng. Dục vọng cảm nhận sự thiếu hụt và tìm kiếm sự viên mãn. Sao Mộc kiểm soát sự viên mãn này.

12. Sowers are those who plant the seeds of abundance which Jupiter rules. Jupiter is associated with the scattering of seed producing fecundity. The behavior of the mythological deity, Jupiter, demonstrates this.

12. Những Người Gieo Hạt là những người gieo các hạt giống của sự phong phú mà Sao Mộc cai quản. Sao Mộc liên hệ với sự rải hạt giống tạo nên tính phì nhiêu. Hành vi của vị thần thoại Jupiter chứng minh điều này.

13. In general, it could be said that Jupiter provides abundant opportunity and is associated with new potentialities.

13. Nói chung, có thể nói rằng Sao Mộc cung cấp cơ hội dồi dào và liên hệ với những tiềm năng mới.

14. Because Jupiter is exalted in Cancer, the fourth sign of the zodiac, we see its relationship to the number four and to form. Jupiter brings fulfillment of the four kinds

14. Bởi vì Sao Mộc được tôn vinh trong Cự Giải, dấu hiệu hoàng đạo thứ tư, chúng ta thấy mối liên hệ của nó với số bốn và với hình tướng. Sao Mộc mang lại sự viên mãn

of energies/forces which are found expressing through the world of form.

15. One might also expect Jupiter to have sway, at least secondarily, over the four cosmic ethers, which it seems that Uranus rules primarily.

16. Both of these planets have an interesting connection with the heart center—Jupiter moreso, but Uranus in terms of electrical impulse.

MERCURY

1. Mercury has a close relation to Jupiter. Together they are the orthodox rulers of the entre Mutable Cross.

2. Both Mercury and Jupiter are planets which resist confinement.

—The pupils

1. When DK uses this word, does it mean that the “eye” is particularly involved in the learning process on Mercury? One must be aware of possible hints.

in this planetary school are called "**The Sons of Aspiration"**

1. This is an unusual title for this planetary school when one thinks of the usual interpretations of the planet Mercury.

2. There is a connection however with Taurus. Mercury is closely related to Taurus and the highest type of aspirational idealism is found in this sign. (cf. EA 391)

của bốn loại năng lượng/mãnh lực được tìm thấy đang biểu hiện qua thế giới hình tướng.

15. Người ta cũng có thể chờ đợi rằng Sao Mộc có quyền lực, ít nhất là thứ yếu, trên bốn dĩ thái vũ trụ, những cõi mà dường như Sao Thiên Vương cai quản chủ yếu.

16. Cả hai hành tinh này đều có một mối liên hệ thú vị với trung tâm tim—Sao Mộc nhiều hơn, nhưng Sao Thiên Vương thì theo phương diện xung lực điện.

SAO THỦY

1. Sao Thủy có một mối liên hệ mật thiết với Sao Mộc. Cùng nhau chúng là các chủ tinh chính thống của toàn bộ Thập Giá Biến đổi.

2. Cả Sao Thủy lẫn Sao Mộc đều là những hành tinh chống lại sự giam hãm.

—Các học viên

1. Khi Chân sư DK dùng từ này, có phải điều đó có nghĩa là “mắt” đặc biệt liên hệ với tiến trình học tập trên Sao Thủy không? Người ta phải lưu ý đến những gợi ý khả dĩ.

trong trường hành tinh này được gọi là “**Các Con của Khát Vọng”**

1. Đây là một tước hiệu khác thường cho trường hành tinh này khi người ta nghĩ đến những cách giải thích thông thường về hành tinh Sao Thủy.

2. Tuy nhiên, có một mối liên hệ với Kim Ngưu. Sao Thủy liên hệ mật thiết với Kim Ngưu và loại lý tưởng khát vọng cao nhất được tìm thấy trong dấu hiệu này. (x. EA 391)

or **"The Points of Yellow Life."**

1. Yellow is a color always associated with Gemini and within Mercury.

2. Mercury is closely associated with the third, fourth and fifth rays and, under various assignments, Mercury is or can be reasonably associated with each of these rays.

3. It can be inferred that the personality ray of Mercury is the third; its soul ray the fourth; and its monadic ray both the fifth (secondarily) and the third (primarily).

4. We note the use of the word "Points" as lives are, indeed, points. This is an important point! ☿

They have a close connection with our Earth scheme,

1. As do the lives on Vulcan. We can conceive a triangle between Vulcan, Mercury and Earth. This triangle would suggest the head, ajna and throat centers.

and the old Commentary refers to this in the words:

"The points of golden flame merge and blend with the four-leaved plant of tender green, and change its colour to a tinge of autumn yellow.

1. We seem to be dealing with a 'ripening' process on Earth proceeding under the influence of Mercury. It is as if the energy of

hoặc **"Các Điểm của Sự Sống Vàng."**

1. Màu vàng là một màu luôn liên hệ với Song Tử và trong Sao Thủy.

2. Sao Thủy liên hệ mật thiết với các cung ba, bốn và năm, và theo những cách quy định khác nhau, Sao Thủy đang hoặc có thể được liên kết một cách hợp lý với từng cung trong số này.

3. Có thể suy ra rằng cung phàm ngã của Sao Thủy là cung ba; cung linh hồn của nó là cung bốn; và cung chân thần của nó vừa là cung năm (thứ yếu) vừa là cung ba (chủ yếu).

4. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "Điểm" vì các sự sống quả thật là những điểm. Đây là một điểm quan trọng! ☿

Chúng có một mối liên hệ mật thiết với hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta,

1. Cũng như các sự sống trên Vulcan. Chúng ta có thể hình dung một tam giác giữa Vulcan, Sao Thủy và Trái Đất. Tam giác này sẽ gợi đến các trung tâm đầu, ajna và cổ họng.

và Cổ Luận đề cập đến điều này bằng những lời sau:

"Những điểm của ngọn lửa vàng hòa nhập và dung hợp với cây bốn lá xanh non, và đổi màu của nó thành một sắc vàng thu.

1. Dường như chúng ta đang đề cập đến một tiến trình "chín muồi" trên Trái Đất diễn ra dưới ảnh hưởng của Sao Thủy. Như thể năng

Mercury brings to an earthly process to maturation.

2. DK tells us of the importance of the color yellow as a color of harmonization, noted during autumn in temperate climates. Fourth ray Mercury is obviously involved in this progress of transformation from green to yellow—a process of maturation.

lượng của Sao Thủy đưa một tiến trình trần thế đến chỗ trưởng thành.

2. Chân sư DK cho chúng ta biết tầm quan trọng của màu vàng như một màu của sự hài hòa hóa, được ghi nhận trong mùa thu ở các khí hậu ôn đới. Sao Thủy cung bốn rõ ràng có liên hệ trong tiến trình chuyển đổi từ xanh sang vàng này—một tiến trình trưởng thành.

The four-leaved plant

Cây bốn lá

1. Man is known as the “Seven-leaved Plant” the “Saptaparna”. When he is the “four-leaved plant”, he is manifesting consciously only through the lower three worlds ruled by the four elements. He is in the phase of personality development.

1. Con người được biết đến như “Cây Bảy Lá”, “Saptaparna”. Khi y là “cây bốn lá”, y chỉ đang biểu hiện một cách hữu thức qua ba cõi thấp do bốn nguyên tố cai quản. Y đang ở trong giai đoạn phát triển phàm ngã.

through new and fresh [Page 1179] inflow becomes the plant with seven leaves and three white flowers."

qua sự tuôn đổ [Page 1179] mới mẻ và tươi mới trở thành cây có bảy lá và ba hoa trắng.”

1. We presume that the “fresh inflow” comes from Mercury (a planet of vitalization related to the vitalizing breath). Through the agency of Mercury, the higher three of man’s constitution (the spiritual triad) can be added to the lower four. The higher triad is merged with the lower quaternary via the antahkarana.

1. Chúng ta giả định rằng “sự tuôn đổ tươi mới” đến từ Sao Thủy (một hành tinh của sự tiếp sinh lực liên hệ với hơi thở tiếp sinh lực). Qua tác nhân của Sao Thủy, ba phần cao hơn trong cấu tạo của con người (Tam Nguyên Tinh Thần) có thể được thêm vào bốn phần thấp hơn. Tam nguyên cao hơn được hòa nhập với bộ bốn thấp hơn qua antahkarana.

2. There can be various meanings for the seven leaves. The three unfolded tiers of petals of the egoic lotus can each be considered as a leaf, making with the four personality vehicles, the seven. The three white flowers can then be considered the synthesis petals.

2. Có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau cho bảy lá. Ba tầng cánh hoa đã khai mở của Hoa Sen Chân Ngã mỗi tầng có thể được xem như một lá, hợp với bốn vận cụ phàm ngã thành bảy. Khi đó ba hoa trắng có thể được xem là các cánh hoa tổng hợp.

3. It is interesting that the third Creative Hierarchy associated with the atmic plane is

3. Thật thú vị khi Huyền Giai Sáng Tạo thứ ba liên hệ với cõi atma được gọi là “Ba Hoa”.

called the “Triple Flowers”. This plane is positioned at the ‘height’ of the spiritual triad.

Cõi này được đặt ở “đỉnh cao” của Tam Nguyên Tinh Thần.

4. The “three white flowers” represent a spiritual blossoming which occurs at a very high level of man’s constitution.

4. “Ba hoa trắng” tượng trưng cho một sự nở hoa tinh thần xảy ra ở một cấp độ rất cao trong cấu tạo của con người.

5. White symbolizes purity and spirit. The appearance of the three white flowers could also occur on triadal levels where the initiatory blossoming of man occurs, or the blossoms could even refer to the three aspects of the Monad. In this case the seven leaves could be the seven principles of man, ‘above’ which the Monad presides.

5. Màu trắng tượng trưng cho sự thanh khiết và tinh thần. Sự xuất hiện của ba hoa trắng cũng có thể xảy ra trên các cấp độ tam nguyên nơi sự nở hoa điểm đạo của con người diễn ra, hoặc các đóa hoa thậm chí có thể chỉ đến ba phương diện của chân thần. Trong trường hợp này bảy lá có thể là bảy nguyên khí của con người, “bên trên” chúng chân thần chủ trì.

6. In general, through this blossoming, man becomes in consciousness the higher triad.

6. Nói chung, qua sự nở hoa này, con người trở thành trong tâm thức là tam nguyên cao hơn.

7. When Mercury rules the ajna center later in man’s development (probably after the third initiation), that center is directly connected with the spiritual triad.

7. Khi Sao Thủy cai quản trung tâm ajna ở giai đoạn sau trong sự phát triển của con người (có lẽ sau lần điểm đạo thứ ba), trung tâm ấy được nối trực tiếp với Tam Nguyên Tinh Thần.

VENUS

SAO KIM

1. Venus is closely related to Mercury and follows it in planetary order from the Sun.

1. Sao Kim liên hệ mật thiết với Sao Thủy và theo sau nó theo thứ tự hành tinh tính từ Mặt Trời.

2. Venus and Mercury have some rays in common, notably the fifth, and on some level of Venus, perhaps the fourth.

2. Sao Kim và Sao Thủy có chung một số cung, đáng chú ý là cung năm, và ở một cấp độ nào đó của Sao Kim, có lẽ là cung bốn.

—The School with five strict Grades.

—Trường với năm Cấp nghiêm ngặt.

1. Có lẽ thông thường chúng ta không liên kết *sự nghiêm ngặt* với Sao Kim, tuy nhiên

1. Perhaps we do not ordinarily associate *strictness* with Venus, yet its fifth ray soul could contribute to this strictness.

linh hồn cung năm của nó có thể góp phần vào sự nghiêm ngặt này.

2. When we think of the term "strict" we can associate the term "restrict". Entry into each of the five initiatory levels (which the "five strict grades" can represent) occurs only under very stringent *restrictions*. Each initiatory level is strictly separated from the others and has its own strict requirements. Each level is "hermetically sealed" from the others, though the higher can penetrate the lower at will.

2. Khi nghĩ đến từ "nghiêm ngặt", chúng ta có thể liên hệ với từ "hạn chế". Việc bước vào mỗi một trong năm cấp độ điểm đạo (mà "năm cấp nghiêm ngặt" có thể tượng trưng) chỉ xảy ra dưới những *hạn chế*rất nghiêm nhặt. Mỗi cấp độ điểm đạo được tách biệt nghiêm ngặt khỏi các cấp khác và có những đòi hỏi nghiêm ngặt riêng. Mỗi cấp độ được "niêm kín một cách kín nhiệm" khỏi các cấp khác, dù cấp cao hơn có thể xuyên nhập cấp thấp hơn theo ý muốn.

3. For humanity on Earth there are principally five initiatory levels. Five initiations make the Master. Both Sirius and Venus supervise this fivefold process of ascent. The rules governing the ascent are "strict" and all-exacting.

3. Đối với nhân loại trên Trái Đất, chủ yếu có năm cấp độ điểm đạo. Năm lần điểm đạo làm nên Chân sư. Cả Sirius lẫn Sao Kim đều giám sát tiến trình thăng tiến ngũ phân này. Các quy luật chi phối sự thăng tiến ấy đều "nghiêm ngặt" và đòi hỏi tất cả.

This again is a planetary scheme closely related to ours,

Đây lại là một hệ hành tinh liên hệ mật thiết với hệ của chúng ta,

1. Like Mercury and like Vulcan. Mars as well is closely related.

1. Giống như Sao Thủy và giống như Vulcan. Sao Hỏa cũng liên hệ mật thiết.

but its planetary Logos is in a more advanced group of students in the cosmic sense than is our planetary Logos.

nhưng Hành Tinh Thượng Đế của nó ở trong một nhóm đạo sinh tiến bộ hơn theo nghĩa vũ trụ so với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

1. We register the thought that a Planetary Logos is, after all, a *Student.*

1. Chúng ta ghi nhận ý tưởng rằng rốt cuộc một Hành Tinh Thượng Đế là một *Đạo sinh.*

2. Venus is a sacred planet and the sacred planets represent a more advanced group than do the Planetary Logoi who express through non-sacred planets (for instance,

2. Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng và các hành tinh thiêng liêng tượng trưng cho một nhóm tiến bộ hơn so với các Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện qua những hành tinh không thiêng liêng (chẳng hạn, các Thượng

the Logoi of Earth, Mars and Pluto—and others as well).

Most of its hierarchical instructors come from the fifth cosmic plane, and are**a peculiar group of Manasadevas of very exalted rank**.

1. The fifth cosmic plane is the cosmic mental plane.

2. Venus is a planet much associated with the deva kingdom. We notice that the hierarchical instructors who work within the Venus-scheme are *devas*—in this instance "Manasadevas". We remember DK telling us that some planetary schemes are primarily devic in their nature and others more associated with the human stream.

3. We can judge that these "hierarchical instructors" are of greater advancement than the Solar Angels who supervise the development of man. Yet, after all, the two may be related.

They are each depicted in the archives of our Hierarchy as holding a trident of fire surmounted by five green emeralds.

1. The trident is interesting because it relates symbolically to both Neptune and to Shiva. Neptune is one of those planets which may be involved in the expression of a great first ray solar systemic Entity.

2. As Neptune is the higher octave of the planet Venus (and is the planet into which the subtler principles of Venus are finally absorbed), the trident can be seen as the

đế của Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Diêm Vương —và cả những vị khác nữa).

Phần lớn các huấn sư thuộc Thánh đoàn của nó đến từ cõi vũ trụ thứ năm, và là **một nhóm Manasadeva đặc biệt có cấp bậc rất cao**.

1. Cõi vũ trụ thứ năm là cõi trí vũ trụ.

2. Sao Kim là một hành tinh liên hệ rất nhiều với giới thiên thần. Chúng ta lưu ý rằng các huấn sư thuộc Thánh đoàn hoạt động trong hệ Sao Kim là *các thiên thần*—trong trường hợp này là "Manasadevas". Chúng ta nhớ Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng một số hệ hành tinh về bản chất chủ yếu là thiên thần, còn những hệ khác thì liên hệ nhiều hơn với dòng nhân loại.

3. Chúng ta có thể phán đoán rằng các "huấn sư thuộc Thánh đoàn" này tiến bộ hơn các Thái dương Thiên Thần giám sát sự phát triển của con người. Tuy nhiên, rốt cuộc, hai bên có thể có liên hệ với nhau.

Mỗi vị trong số họ được mô tả trong văn khố của Thánh Đoàn chúng ta là cầm một cây đinh ba lửa có năm viên ngọc lục bảo xanh ở trên cùng.

1. Cây đinh ba thật thú vị vì về mặt biểu tượng nó liên hệ với cả Sao Hải Vương lẫn Shiva. Sao Hải Vương là một trong những hành tinh có thể dính líu vào sự biểu hiện của một Thực Thể hệ thống mặt trời cung một vĩ đại.

2. Vì Sao Hải Vương là quãng tám cao hơn của hành tinh Sao Kim (và là hành tinh mà vào đó các nguyên khí vi tế hơn của Sao Kim cuối cùng được hấp thu), cây đinh ba có thể

symbol of the connection between these two planets.

3. Shiva is the 'God of Abstraction' and it is through the fivefold initiatory process that man achieves abstraction.

4. Venus, Sanat Kumara and Narada should be connected. These three exert a Shivic influence on the aspiring consciousness and tend towards the production of asceticism when compared with lower Jupiter.

5. The emerald is the precious stone associated with Venus. The color green suggests the third aspect of divinity. The five, of course, is the number we would expect in this context. The symbol may also suggest the manner in which the factor of manas is developed to perfection, surmounting the aspiration which the trident represents.

6. Venus does not express the third ray but it does powerfully express the manasic aspect associated with the color green. The fifth ray can be considered an aspect of the third.

7. The trident as symbol of Neptune is also the symbol of the astral plane, just as the five and the green suggest manas. Venus is a planet associated with kama-manas (just as Sirius, on the stellar level, has a similar association). The symbol could suggest the surmounting of kama by manas through the fivefold process of initiation.

8. Sirius is said to have an even closer relation to the previous solar system than to this one. Since Venus (on the planetary level) is such a clear reflection of Sirius (on the stellar level) one wonders about the relation of the Logos of Venus to the Logos of our

được xem là biểu tượng của mối liên hệ giữa hai hành tinh này.

3. Shiva là "Thượng đế của Sự Trừu Xuất" và chính qua tiến trình điểm đạo ngũ phân mà con người đạt được sự trừu xuất.

4. Sao Kim, Đức Sanat Kumara và Narada nên được liên kết với nhau. Ba vị này tác động một ảnh hưởng Shivic lên tâm thức chí nguyện và có khuynh hướng tạo ra tính khổ hạnh khi so với Sao Mộc thấp hơn.

5. Ngọc lục bảo là đá quý liên hệ với Sao Kim. Màu xanh gợi ý phương diện thứ ba của thiên tính. Dĩ nhiên, số năm là con số mà chúng ta chờ đợi trong bối cảnh này. Biểu tượng này cũng có thể gợi ý cách thức mà yếu tố manas được phát triển đến mức hoàn hảo, vượt lên trên khát vọng mà cây đinh ba tượng trưng.

6. Sao Kim không biểu hiện cung ba nhưng nó biểu hiện rất mạnh phương diện manas liên hệ với màu xanh. Cung năm có thể được xem là một phương diện của cung ba.

7. Cây đinh ba như biểu tượng của Sao Hải Vương cũng là biểu tượng của cõi cảm dục, cũng như số năm và màu xanh gợi ý manas. Sao Kim là một hành tinh liên hệ với thể trí cảm (cũng như Sirius, ở cấp độ tinh tú, có một liên hệ tương tự). Biểu tượng này có thể gợi ý sự vượt thắng kama bởi manas qua tiến trình điểm đạo ngũ phân.

8. Sirius được nói là có một mối liên hệ còn mật thiết hơn với hệ mặt trời trước so với hệ này. Vì Sao Kim (ở cấp độ hành tinh) là một phản ánh rõ rệt như thế của Sirius (ở cấp độ tinh tú), người ta tự hỏi về mối liên hệ của

solar system during the previous solar system.

Thượng đế Sao Kim với Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta trong hệ mặt trời trước.

9. One also wonders whether the first three initiations could be indicated by the trident of fire and still higher initiations be indicated by the five green emeralds.

9. Người ta cũng tự hỏi liệu ba lần điểm đạo đầu tiên có thể được biểu thị bằng cây đinh ba lửa, và các điểm đạo còn cao hơn được biểu thị bằng năm ngọc lục bảo xanh.

10. It would seem that something begun under the regime of Brahma (Whose number if *five*) is being completed through the Venusian process.

10. Dường như một điều gì đó được khởi sự dưới chế độ của Brahma (Đấng có con số là *năm*) đang được hoàn tất qua tiến trình Kim Tinh.

11. We are told that the initiatory process in our solar system (and on our planet, perhaps particularly) is a reflection of the initiatory process on Sirius. Venus and Sirius are closely related. It would seem, then, that the five initiations on our planet (whether the first five though probably the major five) are reflections of the initiatory process on Venus.

11. Chúng ta được cho biết rằng tiến trình điểm đạo trong hệ mặt trời của chúng ta (và có lẽ đặc biệt là trên hành tinh của chúng ta) là một phản ánh của tiến trình điểm đạo trên Sirius. Sao Kim và Sirius có liên hệ mật thiết. Khi ấy, dường như năm lần điểm đạo trên hành tinh chúng ta (dù là năm lần đầu tiên, nhưng có lẽ là năm lần chính yếu) là những phản ánh của tiến trình điểm đạo trên Sao Kim.

12. These symbols demand deep pondering over many years. Only thus will a fuller meaning be grasped.

12. Những biểu tượng này đòi hỏi sự chiêm ngưỡng sâu xa trong nhiều năm. Chỉ như thế một ý nghĩa đầy đủ hơn mới được nắm bắt.

MARS—

SAO HỎA—

1. Venus and Mars can be considered a planetary pair just as Venus and Mercury.

1. Sao Kim và Sao Hỏa có thể được xem là một cặp hành tinh cũng như Sao Kim và Sao Thủy.

The School for Warriors, or the open grades for soldiers.

Trường dành cho các Chiến binh, hay các cấp mở cho binh sĩ.

1. There is no surprise when we examine the name of this school—"The School of Warriors". It fits so well with the recognized meaning of Mars.

1. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chúng ta khảo sát tên của ngôi trường này—"Trường của các Chiến binh". Nó rất phù hợp với ý nghĩa đã được công nhận của Sao Hỏa.

2. As far as the meaning of “open grades” perhaps this school admits many (those primarily associated with the third aspect of divinity) and is not so “strict” as is the school on Venus.

2. Về ý nghĩa của “các cấp mở”, có lẽ trường này tiếp nhận nhiều người (những ai chủ yếu liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính) và không “nghiêm ngặt” như trường trên Sao Kim.

3. Mars is a non-sacred planet of even lower development than the Earth. Perhaps, taking the analogy from educational institutions in human society, its ‘standards of admission’ are not so high.

3. Sao Hỏa là một hành tinh không thiêng liêng, có mức phát triển còn thấp hơn cả Trái Đất. Có lẽ, nếu lấy phép tương đồng từ các cơ sở giáo dục trong xã hội loài người, thì ‘tiêu chuẩn tuyển nhận’ của nó không cao đến thế.

Four of these planetary schools are responsible for the energy flowing through the foremost exponents of the four castes and this not only in India but in all parts of the world.

Bốn trường hành tinh này chịu trách nhiệm về năng lượng tuôn chảy qua những đại biểu hàng đầu của bốn giai cấp, và điều này không chỉ ở Ấn Độ mà còn ở mọi nơi trên thế giới.

1. DK tells us that the “Caste System” is prevalent throughout the world. Its meaning is spiritual rather than concrete as India has, shall we say “recently”, interpreted it.

1. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng “Hệ thống Giai cấp” hiện diện khắp thế giới. Ý nghĩa của nó mang tính tinh thần hơn là cụ thể, thay vì như Ấn Độ đã, chúng ta hãy nói rằng, diễn giải nó một cách “gần đây”.

2. One of these castes is surely influenced by Mars the energies of which relate to the Warrior Caste in India—the “Kshatriya”.

2. Một trong các giai cấp này hẳn chịu ảnh hưởng của Sao Hỏa, mà các năng lượng của nó liên hệ với Giai cấp Chiến binh ở Ấn Độ —“Kshatriya”.

3. Here from the Wikipedia we have a statement on the castes of India:

3. Ở đây, từ Wikipedia, chúng ta có một phát biểu về các giai cấp của Ấn Độ:

According to the ancientHindu scriptures, there are four "varnas". The Bhagavad Gita says varnas are decided based on Guna and Karma. Manusmriti and some other shastras name four varnas: the Brahmins (teachers, scholars and priests), the Kshatriyas (kings and warriors), the Vaishyas (agriculturists and traders), and Shudras (artisans, service providers, laborers).

Theo các kinh điển Hindu cổ xưa, có bốn "varna". Bhagavad Gita nói rằng varna được quyết định dựa trên Guna và Karma. Manusmriti và một số shastra khác nêu tên bốn varna: Brahmin (huấn sư, học giả và tu sĩ), Kshatriya (vua chúa và chiến binh), Vaishya (nông gia và thương nhân), và Shudra (thợ thủ công, người cung cấp dịch vụ, lao động).

1. It may be that the Vaishyas would be related to Mercury—the planet (in its lower third ray expressions) of trade and commerce. Saturn, for which no school is mentioned in this text, is associated with agriculture.

1. Có thể Vaishya sẽ liên hệ với Sao Thủy—hành tinh của thương mại và mậu dịch (trong các biểu hiện cung ba thấp của nó). Sao Thổ, mà không có trường nào được nhắc đến trong bản văn này, thì gắn liền với nông nghiệp.

2. When it comes to the Shudras, the energies of the Earth (and Moon) may be involved.

2. Khi nói đến Shudra, các năng lượng của Trái Đất (và Mặt Trăng) có thể có liên quan.

3. As for the Brahmins, one would expect the energies of the school on Jupiter to be influential.

3. Còn đối với Brahmin, người ta sẽ mong đợi các năng lượng của trường trên Sao Mộc có ảnh hưởng.

4. It is curious yet understandable that the teachers, scholars and priests hold a position 'above' those of the warriors (first ray). Ours is a second ray solar system and that ray is presently preeminent over the first, though in the next solar system it will not be.

4. Thật kỳ lạ nhưng cũng dễ hiểu khi các huấn sư, học giả và tu sĩ giữ một vị trí 'cao hơn' các chiến binh (cung một). Hệ mặt trời của chúng ta là một hệ mặt trời cung hai, và hiện nay cung ấy trội hơn cung một, dù trong hệ mặt trời kế tiếp thì sẽ không như vậy.

Its teachers are spoken of as the "Graduates of the ruddy Fire,"

Các huấn sư của trường này được nói đến như là "Những Người Tốt Nghiệp của ngọn Lửa đỏ rực,"

1. Mars is always associated with the color red.

1. Sao Hỏa luôn gắn liền với màu đỏ.

and are frequently portrayed as clothed in red robes, and carrying ebony wands.

và thường được mô tả là khoác áo choàng đỏ, mang theo những cây trượng gỗ mun.

1. Not only is the sixth ray associated with Mars but the first ray as well. Hence the colors red and black. Interestingly, ebony is a very dense and heavy wood, telling us something about the density of the non-sacred planets such as Mars.

1. Không chỉ cung sáu gắn với Sao Hỏa mà cả cung một cũng vậy. Do đó có các màu đỏ và đen. Điều thú vị là gỗ mun là một loại gỗ rất đậm đặc và nặng, cho chúng ta biết điều gì đó về tính đậm đặc của các hành tinh không thiêng liêng như Sao Hỏa.

2. Scorpio, the ruler of which is Mars, is a sign associated with both red and black.

2. Hổ Cáp, mà chủ tinh của nó là Sao Hỏa, là một dấu hiệu hoàng đạo gắn với cả màu đỏ lẫn màu đen.

3. The ebony wand suggests the power of death, or power over life and death. Ebony is a black wood.

3. Cây trượng gỗ mun gợi ý quyền năng của cái chết, hay quyền năng trên sự sống và cái chết. Gỗ mun là gỗ màu đen.

4. It is amazing to think that soldiers on our planet have, unknown to themselves, derived their inspiration from such teachers, 'clothed' in this manner.

4. Thật đáng kinh ngạc khi nghĩ rằng các binh sĩ trên hành tinh chúng ta đã, mà không hề biết, nhận cảm hứng từ những huấn sư như thế, được 'khoác áo' theo cách này.

They work under the first Aspect logoic and train those whose work is along the lines of the destroyer.

Họ hoạt động dưới Phương diện thứ nhất của Thượng đế và huấn luyện những ai có công việc đi theo đường lối của đấng hủy diệt.

1. Here is the a clear statement linking the ray structure of Mars with the first ray of Will and Power. The first ray is, we know, the 'Ray of the Destroyer'.

1. Ở đây là một phát biểu rõ ràng nối kết cấu trúc cung của Sao Hỏa với cung một của Ý Chí và Quyền Năng. Như chúng ta biết, cung một là 'Cung của Đấng Hủy Diệt'.

2. Is the soul ray of Mars the first? Is the final monadic ray of Mars the first? This has yet to be determined. The fifth ray is also closely related to Mars (as it rules the five senses and the concrete mind) and the fifth ray has a close relationship to the first. Fifth ray souls can and, usually at some point, do transfer onto the first ray.

2. Cung linh hồn của Sao Hỏa có phải là cung một không? Cung chân thần chung cuộc của Sao Hỏa có phải là cung một không? Điều này vẫn còn phải được xác định. Cung năm cũng liên hệ mật thiết với Sao Hỏa (vì nó cai quản năm giác quan và trí cụ thể), và cung năm có quan hệ gần gũi với cung một. Các linh hồn cung năm có thể, và thường vào một thời điểm nào đó, chuyển dịch sang cung một.

3. The mental nature of Mars is not to be discounted.

3. Bản chất trí tuệ của Sao Hỏa không nên bị xem nhẹ.

NEPTUNE—This school concerns itself with the development and fostering of the desire element and its graduates are called **"the Sons of Vishnu." Their symbol is a robe with a full sailed boat portrayed over the**

SAO HẢI VƯƠNG—Trường này quan tâm đến sự phát triển và nuôi dưỡng yếu tố dục vọng, và những người tốt nghiệp của nó được gọi là **"các Con của Vishnu." Biểu tượng của họ là một chiếc áo choàng với**

heart,the significance of which will be apparent to those who have eyes to see.

một con thuyền căng buồm được mô tả trên tim,ý nghĩa của điều này sẽ hiển nhiên đối với những ai có mắt để thấy.

1. We notice that in this listing, Uranus (the first synthesizing planet) is listed first in order and Neptune (the second synthesizing planet) is listed last in order. Uranus is, we know, associated with the higher head center and Neptune has, interestingly, been associated with the base of the spine center. (cf. EA 301)

1. Chúng ta nhận thấy rằng trong danh sách này, Sao Thiên Vương (hành tinh tổng hợp thứ nhất) được liệt kê đầu tiên theo thứ tự, còn Sao Hải Vương (hành tinh tổng hợp thứ hai) được liệt kê cuối cùng theo thứ tự. Như chúng ta biết, Sao Thiên Vương gắn với trung tâm đầu cao hơn, còn Sao Hải Vương, một cách thú vị, đã được gắn với trung tâm đáy cột sống. (x. EA 301)

2. The desire element is related to both the sixth and second rays. Neptune is a planet which transmits the sixth ray (probably from its soul nature) and the second ray from its monadic nature (EP I 420)

2. Yếu tố dục vọng liên hệ với cả cung sáu lẫn cung hai. Sao Hải Vương là một hành tinh truyền dẫn cung sáu (có lẽ từ bản chất linh hồn của nó) và cung hai từ bản chất chân thần của nó (EP I 420)

3. Vishnu is the God of the second aspect of divinity, correlating with the second ray Monad of Neptune.

3. Vishnu là Thượng đế của phương diện thứ hai của thiên tính, tương ứng với Chân thần cung hai của Sao Hải Vương.

4. On their robe (and it seems that a number of the graduates or instructors wear robes—the symbol of the aura) depicts over the heart a boat in full sail. The sail could not be *full* unless the winds were blowing and the winds must come from the buddhic plane—the plane of "air". Neptune is closely associated with the buddhic plane and the energy of intuition, compassion and oneness.

4. Trên áo choàng của họ (và dường như một số người tốt nghiệp hay huấn sư có mặc áo choàng—biểu tượng của hào quang) có mô tả một con thuyền căng buồm trên tim. Cánh buồm không thể *căng đầy* nếu gió không thổi, và gió ấy hẳn phải đến từ cõi Bồ đề—cõi của "khí". Sao Hải Vương liên hệ mật thiết với cõi Bồ đề và năng lượng của trực giác, lòng từ bi và sự hợp nhất.

5. Neptune, therefore, provides buddhic inspiration and is instrumental in transforming desire into love—the energy of the astral plane into the energy of buddhi.

5. Vì vậy, Sao Hải Vương cung cấp cảm hứng Bồ đề và là tác nhân trong việc chuyển hoá dục vọng thành bác ái—năng lượng của cõi cảm dục thành năng lượng của Bồ đề.

6. From another perspective, the boat can be seen as the causal vehicle inspired by the energies of the spiritual triad.

6. Từ một góc nhìn khác, con thuyền có thể được xem như vận cụ nguyên nhân được

truyền cảm hứng bởi các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần.

7. As “Sons of Vishnu” the graduates are strongly conditioned by the second ray. Vishnu represents the second aspect of the Hindu Trimurti.

7. Là “các Con của Vishnu”, những người tốt nghiệp này được tác động mạnh mẽ bởi cung hai. Vishnu biểu trưng cho phương diện thứ hai của Tam Vị Hindu.

It is not permissible to touch upon the other planetary schools, nor would it profit.

Không được phép đề cập đến các trường hành tinh khác, và điều đó cũng không có ích lợi.

1. One could wonder why it would not be profitable to touch upon the School on Saturn.

1. Người ta có thể tự hỏi vì sao việc đề cập đến Trường trên Sao Thổ lại không có ích lợi.

2. In this book, *A Treatise on Cosmic Fire*, Pluto is not mentioned because Pluto had not yet been ‘discovered’. Yet DK speaks of “other planetary schools”. Does He mean only the schools on Saturn and Pluto? Or does He seem to suggest that there are schools on a number of other undiscovered planets and planetoids?

2. Trong cuốn sách này, *Luận về Lửa Vũ Trụ*, Sao Diêm Vương không được nhắc đến vì khi ấy Sao Diêm Vương vẫn chưa được ‘khám phá’. Tuy nhiên Chân sư DK nói đến “các trường hành tinh khác”. Ngài chỉ muốn nói đến các trường trên Sao Thổ và Sao Diêm Vương thôi sao? Hay Ngài dường như gợi ý rằng có các trường trên một số hành tinh và tiểu hành tinh khác chưa được khám phá?

Certain further facts can be ascertained by the student of meditation who is aligned with his Ego, and in touch with his egoic group. [Page 1180]

Những sự kiện sâu hơn nữa có thể được đạo sinh tham thiền nào chỉnh hợp với chân ngã của y, và tiếp xúc với nhóm chân ngã của y, xác định. [Page 1180]

1. We note that DK has only given us some rudimentary indications, but He suggests that further facts are available to us. The requirement is that we not only be aligned with our Ego but with our *egoic group* as well.

1. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK chỉ cho chúng ta một vài chỉ dẫn sơ đẳng, nhưng Ngài gợi ý rằng những sự kiện sâu hơn nữa vẫn có sẵn cho chúng ta. Điều kiện là chúng ta không chỉ chỉnh hợp với Chân ngã của mình mà còn với *nhóm chân ngã* của mình nữa.

2. The schools suggest progress *in groups* and those who can come under the Law of the Schools (and aspect of the second ray

2. Các trường này gợi ý sự tiến bộ *theo nhóm* và những ai có thể đến dưới Định luật của các Trường (và phương diện của Định luật Hấp Dẫn cung hai—một cung đặc biệt liên

Law of Attraction—a ray particularly related to groups) are becoming group conscious.

hệ với các nhóm) đang trở nên có tâm thức nhóm.

3. It is clear that revelation is dependent upon alignment. Alignment is an absolute prerequisite if one seeks to experience revelation rather than simply be told of the revelation of others.

3. Rõ ràng sự mặc khải tùy thuộc vào sự chỉnh hợp. Sự chỉnh hợp là một điều kiện tiên quyết tuyệt đối nếu người ta tìm cách kinh nghiệm sự mặc khải thay vì chỉ đơn thuần được kể cho nghe về sự mặc khải của người khác.

The teaching given on our earth scheme in the Hall of Wisdom has been dealt with in many occult books, including *Initiation, Human and Solar,* and need not be enlarged upon here.

Giáo huấn được ban ra trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta tại Phòng Minh triết đã được bàn đến trong nhiều sách huyền bí học, kể cả *Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương,* và không cần được khai triển thêm ở đây.

1. We naturally know more about that which is imparted in the Hall of Wisdom within the Earth-scheme than we do about any other planetary school.

1. Đương nhiên chúng ta biết nhiều hơn về điều được truyền đạt trong Phòng Minh triết bên trong hệ hành tinh Trái Đất so với bất kỳ trường hành tinh nào khác.

2. *Initiation: Human and Solar* is a very rich little book to which it is necessary to return time after time to retrieve essential pieces of knowledge—often overlooked in earlier readings.

2. *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương* là một cuốn sách nhỏ rất phong phú, cần phải quay lại hết lần này đến lần khác để thu hồi những mảnh tri thức cốt yếu—thường bị bỏ sót trong những lần đọc trước.

3. We remember, however, that following the writing of *A Treatise on Cosmic Fire* the Tibetan wrote many, many books. We may infer than the teaching given on our Earth-scheme is found, as well, in those books.

3. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng sau khi viết *Luận về Lửa Vũ Trụ* Chân sư Tây Tạng đã viết rất, rất nhiều sách. Chúng ta có thể suy ra rằng giáo huấn được ban ra trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta cũng được tìm thấy trong những sách ấy.

Some of the aspects of this law are here indicated.

Một vài phương diện của định luật này được chỉ ra ở đây.

1. The Law of the Schools…

1. Định luật của các Trường…

The ground is by no means covered but enough has been shown to indicate its magnitude and extent.

Nền tảng hoàn toàn chưa được bao quát, nhưng đã trình bày đủ để chỉ ra tầm vóc và phạm vi của nó.

1. A tremendous magnitude offering a vast scope for intra-systemic learning…

1. Một tầm vóc to lớn, mở ra một phạm vi rộng lớn cho việc học hỏi nội hệ…

In closing, it must be pointed out that the **Law of Karma is from some angles of vision the sum total of this Law of Attraction**

Khi kết thúc, cần phải chỉ ra rằng **Định luật Nghiệp Quả, từ một số góc độ tầm nhìn, là tổng thể của Định luật Hấp Dẫn này**

1. A revelatory statement…

1. Một phát biểu mang tính mặc khải…

for it governs the relation of all forms to that which uses the form, and of all lives to each other.

vì nó chi phối mối liên hệ của mọi hình tướng với cái sử dụng hình tướng ấy, và của mọi sự sống với nhau.

1. We are being told that the Law of Karma is related to both the third and second rays, and even to the first. That which uses the form is a combination of the first and second rays. The manifested form relates more to the third ray.

1. Chúng ta được cho biết rằng Định luật Nghiệp Quả liên hệ với cả cung ba và cung hai, và thậm chí cả cung một. Cái sử dụng hình tướng là một kết hợp của cung một và cung hai. Hình tướng biểu hiện liên hệ nhiều hơn với cung ba.

2. We remember that the "Intermediate Law of Karma" seems to stand 'above' the three cosmic laws presently known: the Law of Synthesis; the Law of Attraction; the Law of Economy.

2. Chúng ta nhớ rằng "Định luật Nghiệp Quả Trung Gian" dường như đứng 'trên' ba định luật vũ trụ hiện được biết: Định luật Tổng Hợp; Định luật Hấp Dẫn; Định luật Tiết Kiệm.

3. In other words, the 'Law of Relationship' is key to the workings of the Law of Karma. The Law of Attraction draws together those energies and forces which suit each other and are harmonious with each other. All this patterning proceeds under the direction of the Archetypal World.

3. Nói cách khác, 'Định luật của Mối Liên Hệ' là chìa khóa cho sự vận hành của Định luật Nghiệp Quả. Định luật Hấp Dẫn kéo lại gần nhau những năng lượng và mãnh lực phù hợp với nhau và hài hòa với nhau. Tất cả mô hình hóa này diễn ra dưới sự chỉ đạo của Thế Giới Nguyên Mẫu.

4. It is as if the Law of Karma is responsible for those adjustments in relationship which

4. Dường như Định luật Nghiệp Quả chịu trách nhiệm về những điều chỉnh trong mối liên hệ khiến Thế Giới Đang Trở Thành trở

make the World of Becoming the true reflector of the World of Being.

thành phần chiếu chân thực của Thế Giới Bản Thể.

5. The many painful adjustments experienced under the Law of Karma lead eventually to harmony and right relations. The means are much more harsh than the objective.

5. Nhiều điều chỉnh đau đớn được kinh nghiệm dưới Định luật Nghiệp Quả cuối cùng dẫn đến sự hài hòa và các mối liên hệ đúng đắn. Phương tiện khắc nghiệt hơn mục tiêu rất nhiều.

6. We can judge that the Law of Karma has *second ray objectives*— certainly in this solar system. It is, DK tells us, the sumtotal of the second ray Law of Attraction.

6. Chúng ta có thể phán đoán rằng Định luật Nghiệp Quả có những *mục tiêu cung hai*— chắc chắn là trong hệ mặt trời này. Như Chân sư DK nói với chúng ta, nó là tổng thể của Định luật Hấp Dẫn cung hai.

7. As a kind of *fourth* cosmic law it is related to the second—the Law of Attraction.

7. Như một loại định luật vũ trụ *thứ tư* nó liên hệ với định luật thứ hai—Định luật Hấp Dẫn.

8. This raises the important question of the relation of the planet Saturn (the 'Planet of Karma') to the energy of Love. While Saturn does not appear to have any soft-line rays in its energy system, there may be more to this question than meets the eye.

8. Điều này nêu lên câu hỏi quan trọng về mối liên hệ của hành tinh Sao Thổ (hành tinh của Nghiệp Quả) với năng lượng của Bác ái. Dù Sao Thổ dường như không có các cung tuyến mềm trong hệ năng lượng của nó, có thể vấn đề này còn nhiều điều hơn những gì bề ngoài cho thấy.

S9S11 Part III

TCF 1180-1184

TCF 1180-1184

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn bản văn của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued,

Người ta đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích bản văn được tiếp tục,

many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi mới nghiên cứu phần Bình Giải**

Students of the Law of Attraction must be careful to bear in mind certain things.

Những đạo sinh của Định luật Hấp Dẫn phải cẩn thận ghi nhớ một số điều.

1. There will be students of the various laws. Since the Law of Attraction is paramount in our second ray solar system, it will be among the laws most studied.

1. Sẽ có những đạo sinh của nhiều định luật khác nhau. Vì Định luật Hấp Dẫn là tối quan trọng trong hệ mặt trời cung hai của chúng ta, nó sẽ nằm trong số những định luật được nghiên cứu nhiều nhất.

These should be carefully considered and realised as the subject is studied.

Những điều này cần được cân nhắc cẩn thận và chứng nghiệm khi chủ đề này được nghiên cứu.

2. We have seen the wide variety of laws which arise as expression of the Law of Attraction and can, therefore, see its importance to the evolutionary process on Earth.

2. Chúng ta đã thấy sự đa dạng rộng lớn của các định luật phát sinh như biểu hiện của Định luật Hấp Dẫn và vì vậy có thể thấy tầm quan trọng của nó đối với tiến trình tiến hoá trên Trái Đất.

They must remember first, that all these subsidiary laws are really only the manifestation of the One Law;

Trước hết, họ phải nhớ rằng tất cả những định luật phụ này thực ra chỉ là biểu hiện của Định luật Duy Nhất;

3. In this case we are speaking of the Law of Attraction as the “One Law”.

3. Trong trường hợp này, chúng ta đang nói về Định luật Hấp Dẫn như là “Định luật Duy Nhất”.

that they are but differentiated terms, employed to express one great method of manifestation.

rằng chúng chỉ là những thuật ngữ biến phân, được dùng để diễn tả một phương pháp biểu hiện vĩ đại.

4. Our task is to locate and understand the specific contexts in which the various subsidiary laws apply. These are sometimes surprising and may not be deducible by the name of the law itself.

4. Nhiệm vụ của chúng ta là xác định và thấu hiểu những bối cảnh cụ thể trong đó các định luật phụ khác nhau được áp dụng. Đôi khi những bối cảnh này gây ngạc nhiên

và có thể không suy ra được từ chính tên gọi của định luật.

Secondly, **that all energy, demonstrating in the solar system, is after all the energy of the logoic physical permanent atom**, having its nucleus on the atomic subplane of the cosmic physical.

Thứ hai, **rằng mọi năng lượng biểu lộ trong hệ mặt trời, rốt cuộc đều là năng lượng của nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế**, có hạt nhân của nó trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ.

5. Shall we think that all energies manifesting upon the cosmic physical plane derives from "the energy of the logoic physical permanent atom"? This is an astonishing statement giving that physical permanent atom great emphasis.

5. Chúng ta có nên nghĩ rằng mọi năng lượng biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ đều phát sinh từ "năng lượng của nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế" không? Đây là một phát biểu đáng kinh ngạc, đặt nguyên tử trường tồn hồng trần ấy vào một vị trí hết sức nhấn mạnh.

6. Since Saturn is the correspondence to the logoic physical permanent atom, the energy of Saturn must be intimately related to the all energies demonstrating in our solar system.

6. Vì Sao Thổ là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế, nên năng lượng của Sao Thổ hẳn phải liên hệ mật thiết với mọi năng lượng biểu lộ trong hệ mặt trời của chúng ta.

7. If we follow the analogy, then all the energies demonstrating in any particular human vehicle is really the energy of the permanent atom from which that vehicle derives.

7. Nếu chúng ta theo phép tương đồng, thì mọi năng lượng biểu hiện trong bất kỳ vận cụ nhân loại đặc thù nào thực ra là năng lượng của nguyên tử trường tồn mà từ đó vận cụ ấy phát sinh.

8. This seems to place the power of the permanent atom over the power of the chakras which manifest through particular vehicles.

8. Điều này dường như đặt quyền năng của nguyên tử trường tồn lên trên quyền năng của các luân xa biểu hiện qua những vận cụ đặc thù.

This physical permanent atom (as is the case with the corresponding atom of the incarnating jiva), has its place within the causal body of the Logos on His own plane;

Nguyên tử trường tồn hồng trần này (cũng như trường hợp nguyên tử tương ứng của jiva đang lâm phàm), có vị trí của nó bên trong thể nguyên nhân của Thượng đế trên chính cõi của Ngài;

9. This means that although the logoic physical permanent atom has its nucleus upon the atomic subplane of the cosmic

9. Điều này có nghĩa là mặc dù nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế có hạt nhân của nó trên cõi phụ nguyên tử của cõi

physical plane, it *also* "has its place within the causal body of the Logos on His own plane".

hồng trần vũ trụ, nó *cũng* "có vị trí của nó bên trong thể nguyên nhân của Thượng đế trên chính cõi của Ngài".

10. Lesser planes are included within the sphere of greater planes.

10. Các cõi thấp hơn được bao hàm trong khối cầu của các cõi cao hơn.

11. To understand planar structure we must disabuse our minds of the 'pancake model' with which we are so often presented as a preliminary aid to understanding.

11. Để hiểu cấu trúc các cõi, chúng ta phải loại bỏ khỏi trí óc mình 'mô hình bánh kếp' mà người ta thường trình bày như một trợ giúp sơ bộ cho sự thấu hiểu.

it is, therefore, impressed by the totality of the force of the egoic cosmic lotus, or the attractive quality of cosmic love.

vì vậy, nó được ghi ấn bởi toàn thể mãnh lực của hoa sen chân ngã vũ trụ, hay phẩm tính hấp dẫn của bác ái vũ trụ.

12. Since the logoic physical permanent atom is within the logoic causal body, the energy of that causal body impresses that permanent atom and, therefore, impresses all energies which manifest upon the cosmic physical plane.

12. Vì nguyên tử trường tồn hồng trần của Thượng đế nằm trong thể nguyên nhân của Thượng đế, nên năng lượng của thể nguyên nhân ấy ghi ấn lên nguyên tử trường tồn đó và do đó ghi ấn lên mọi năng lượng biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ.

13. In this manner, via the permanent atoms, cosmic love makes its way into the personality vehicles of the Solar Logos.

13. Theo cách này, qua các nguyên tử trường tồn, bác ái vũ trụ đi vào các vận cụ phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

This force is transmitted to the solar system in two ways:

Mãnh lực này được truyền vào hệ mặt trời theo hai cách:

Through the medium of the Sun, which is **in an occult sense the physical permanent atom**;

Qua trung gian của Mặt Trời, vốn **theo một ý nghĩa huyền bí là nguyên tử trường tồn hồng trần**;

14. This sounds much more reasonable than considering Saturn as the correspondence to the physical permanent atom of the Solar Logos.

14. Điều này nghe có vẻ hợp lý hơn nhiều so với việc xem Sao Thổ là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế.

15. If, *in an occult sense,* the Sun is the physical permanent atom of the Solar Logos, then the Sun is the source of all the energies

15. Nếu, *theo một ý nghĩa huyền bí,* Mặt Trời là nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế, thì Mặt Trời là nguồn của

expressing within our solar system. This, of course, makes a great deal of sense.

mọi năng lượng biểu hiện trong hệ mặt trời của chúng ta. Điều này, dĩ nhiên, rất có ý nghĩa.

it, therefore, attracts, and holds attracted, all within its sphere of influence, thus producing the logoic physical body:

vì vậy, nó hấp dẫn, và giữ cho mọi thứ trong phạm vi ảnh hưởng của nó bị hấp dẫn, nhờ đó tạo ra thể hồng trần của Thượng đế:

16. The Sun is given the responsibility of producing the logoic physical body, which includes Saturn, of course.

16. Mặt Trời được giao trách nhiệm tạo ra thể hồng trần của Thượng đế, dĩ nhiên bao gồm cả Sao Thổ.

17. We must question, "What aspect of the Sun is found upon the systemic logoic plane?" where the physical permanent atom of the Solar Logos must be located?

17. Chúng ta phải đặt câu hỏi, "Phương diện nào của Mặt Trời được tìm thấy trên cõi thượng đế hệ thống?" nơi nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế phải tọa lạc?

... through the medium of the planes which are the correspondences to the seven spirillae of the physical permanent atom of a human being.

... qua trung gian của các cõi là những tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của một con người.

18. Here is the flat statement that the systemic planes correspond to the seven spirillae of the physical permanent atom of a human being.

18. Đây là phát biểu trực tiếp rằng các cõi hệ thống tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của một con người.

19. The Sun expresses the energy of attraction and coherence through all the seven systemic planes.

19. Mặt Trời biểu lộ năng lượng hấp dẫn và cố kết qua cả bảy cõi hệ thống.

Thus a dual type of attractive force is found: one, basic and fundamental; the other more differentiated and secondary.

Như vậy có một loại mãnh lực hấp dẫn nhị phân: một loại căn bản và nền tảng; loại kia biến phân hơn và thứ yếu hơn.

20. The fundamental attractive force is that of the Sun, per se, and the differentiation of that force occurs through the seven systemic planes.

20. Mãnh lực hấp dẫn nền tảng là của chính Mặt Trời, còn sự biến phân của mãnh lực ấy xảy ra qua bảy cõi hệ thống.

[Page 1181]

[Page 1181]

CHART XI — ETHERIC-ATOMIC PHILOSOPHY OF FORCE

21. Here we have the diagram, one would think, of a physical permanent atom as seen on the atomic subplane of any particular plane.

22. This is a diagram which admits of almost endless amplification. Analysis of Babbitt's atom has been undertaken by those who are interested in occult chemistry and physics. To go into a detailed analysis of this figure would not be worthwhile at this point as other texts have done so in much fuller scope than would be here possible.

23. There may also be some books in which the atom is drawn in color, as "electric colors" and "thermal colors" are suggested.

24. We note the direction of the circulatory flow of energies into and out of the atom is suggested by the numbers from 1 to 10. There seems to be constant reciprocity. The top of the atom is not only for influx but an efflux is also suggested. The same for the bottom of the atom; it does not demonstrate only efflux but influx as well.

25. It is noteworthy that the entirety of the atom is not represented—a challenge for future modes of depiction. Probably now in the 21st century we have at our disposal the means of representing greater subtlety and intricacy.

26. Even the picture thus far presented is one of amazing intricacy. If there is truth and merit to this representation, it will be the responsibility of some occult physicist to compare and contrast modern science's view

BIỂU ĐỒ XI — TRIẾT HỌC DĨ THÁI-NGUYÊN TỬ VỀ MÃNH LỰC

21. Ở đây chúng ta có sơ đồ, người ta sẽ nghĩ vậy, của một nguyên tử trường tồn hồng trần như được thấy trên cõi phụ nguyên tử của bất kỳ cõi đặc thù nào.

22. Đây là một sơ đồ cho phép được khai triển gần như vô tận. Việc phân tích nguyên tử của Babbitt đã được thực hiện bởi những ai quan tâm đến hóa học và vật lý huyền bí học. Đi vào phân tích chi tiết hình này vào lúc này sẽ không đáng làm, vì các bản văn khác đã làm điều đó với phạm vi đầy đủ hơn nhiều so với điều có thể thực hiện ở đây.

23. Cũng có thể có một số sách trong đó nguyên tử được vẽ bằng màu sắc, vì "các màu điện" và "các màu nhiệt" được gợi ý.

24. Chúng ta lưu ý rằng hướng của dòng lưu chuyển các năng lượng vào và ra khỏi nguyên tử được gợi ý bởi các con số từ 1 đến 10. Dường như có sự tương hỗ liên tục. Đỉnh của nguyên tử không chỉ dành cho dòng nhập mà còn gợi ý cả dòng xuất. Điều tương tự cũng đúng với đáy của nguyên tử; nó không chỉ biểu lộ dòng xuất mà còn cả dòng nhập.

25. Đáng lưu ý là toàn bộ nguyên tử không được biểu diễn—một thách thức cho các phương thức mô tả trong tương lai. Có lẽ giờ đây trong thế kỷ 21st chúng ta có trong tay những phương tiện để biểu diễn sự tinh tế và phức tạp lớn hơn.

26. Ngay cả hình ảnh được trình bày cho đến nay cũng đã có độ phức tạp đáng kinh ngạc. Nếu biểu diễn này có chân lý và giá trị, thì sẽ là trách nhiệm của một nhà vật lý huyền bí học nào đó phải so sánh và đối chiếu quan

of the atom with that presented by occultism. The differences now seem very great, but it is certain that the two models cannot remain forever dissonant. Where will the adjustments have to be made. Probably in the domain of modern physics, which still does not accept the actuality of the ether, which is the very foundation of the representation of the atom as here given.

27. We also have to remember that modern physics is dealing mostly with dense physical atoms and their relation to phenomena of the fourth ether. The atom here depicted may well be found upon the atomic subplane of the systemic physical plane and is thus entirely etheric. The etheric nature of the occult atom immediately presents a difficulty to the investigator who would reconcile its nature with that of the atom as conceived by modern science.

[Page 1182]

These streams of energy, judged by their effects, are called in human terminology laws, because their results are ever immutable and irresistible, and their effects remain unchangeably the same, varying only according to the form which is the subject of the energic impulse.

28. Here DK has given us a very solid definition of an "law". There are certain words here which we should have constantly in mind when we contemplate the nature of law: "immutable", "irresistible", 'unchangeable'.

29. Different forms will, however, respond to laws in different ways.

điểm của khoa học hiện đại về nguyên tử với quan điểm do huyền bí học trình bày. Hiện nay những khác biệt dường như rất lớn, nhưng chắc chắn hai mô hình này không thể mãi mãi bất hòa. Những điều chỉnh sẽ phải được thực hiện ở đâu? Có lẽ trong lĩnh vực vật lý hiện đại, vốn vẫn chưa chấp nhận thực tại của dĩ thái, là chính nền tảng của sự biểu diễn nguyên tử như được trình bày ở đây.

27. Chúng ta cũng phải nhớ rằng vật lý hiện đại chủ yếu đang xử lý các nguyên tử hồng trần đậm đặc và mối liên hệ của chúng với các hiện tượng của dĩ thái thứ tư. Nguyên tử được mô tả ở đây rất có thể được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần hệ thống và do đó hoàn toàn là dĩ thái. Bản chất dĩ thái của nguyên tử huyền bí ngay lập tức tạo ra một khó khăn cho nhà nghiên cứu muốn hòa giải bản chất của nó với nguyên tử như khoa học hiện đại quan niệm.

[Page 1182]

Những dòng năng lượng này, xét theo các hiệu quả của chúng, được gọi trong thuật ngữ nhân loại là các định luật, vì các kết quả của chúng luôn luôn bất biến và không thể cưỡng lại, và các hiệu quả của chúng vẫn không thay đổi, chỉ biến thiên tùy theo hình tướng là đối tượng của xung động năng lượng.

28. Ở đây Chân sư DK đã cho chúng ta một định nghĩa rất vững chắc về một "định luật". Có một số từ ở đây mà chúng ta nên luôn ghi nhớ khi chiêm ngưỡng bản chất của định luật: "bất biến", "không thể cưỡng lại", "không thay đổi".

29. Tuy nhiên, các hình tướng khác nhau sẽ đáp ứng với các định luật theo những cách khác nhau.

Thirdly, the student must bear in mind that the seven planes, or the seven spirillae of the logoic permanent atom,

Thứ ba, đạo sinh phải ghi nhớ rằng bảy cõi, hay bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn của Thượng đế,

30. We continue to note this occult definition of a plane.

30. Chúng ta tiếp tục lưu ý định nghĩa huyền bí này về một cõi.

31. The "logoic permanent atom" mentioned above must be the logoic *physical* permanent atom.

31. "Nguyên tử trường tồn của Thượng đế" được nhắc đến ở trên hẳn phải là nguyên tử trường tồn *hồng trần* của Thượng đế.

32. By inference we must assume that the seven subplanes of the cosmic astral plane are the seven spirillae of the logoic astral permanent atom, and that the seven subplanes of the cosmic mental plane are the seven spirillae of the logoic manasic permanent atom.

32. Theo suy luận, chúng ta phải giả định rằng bảy cõi phụ của cõi cảm dục vũ trụ là bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn cảm dục của Thượng đế, và bảy cõi phụ của cõi trí vũ trụ là bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn manas của Thượng đế.

33. We may run into difficulty, however, if the structure of the logoic higher permanent atoms is similar to that of the higher permanent atoms of the man, for the permanent atoms in the spiritual triad of man have only *three* spirillae. As there has been nothing to indicate that there are not seven subplanes in each of the cosmic planes, this problem will have to be solved for the cosmic mental plane and planes above. If there is logoic mental unit on the cosmic mental plane, and this mental unit corresponds to the human mental unit, then the problem is solved for the cosmic mental plane: the mental unit will possess four spirillae (four subplanes planes) and the manasic permanent atom will possess three spirillae (three more planes). Thus the full seven subplanes will appear.

33. Tuy nhiên, chúng ta có thể gặp khó khăn nếu cấu trúc của các nguyên tử trường tồn cao hơn của Thượng đế tương tự như cấu trúc của các nguyên tử trường tồn cao hơn của con người, vì các nguyên tử trường tồn trong Tam Nguyên Tinh Thần của con người chỉ có *ba* loa tuyến. Vì không có gì cho thấy rằng không có bảy cõi phụ trong mỗi cõi vũ trụ, nên vấn đề này sẽ phải được giải quyết đối với cõi trí vũ trụ và các cõi cao hơn. Nếu có đơn vị hạ trí của Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, và đơn vị hạ trí này tương ứng với đơn vị hạ trí của con người, thì vấn đề được giải quyết đối với cõi trí vũ trụ: đơn vị hạ trí sẽ sở hữu bốn loa tuyến (bốn cõi phụ) và nguyên tử trường tồn manas sẽ sở hữu ba loa tuyến (ba cõi nữa). Như vậy đủ bảy cõi phụ sẽ xuất hiện.

are not all equally vitalised by the attractive pull emanating from the logoic lotus via the heart of the Sun.

34. We are clear about the meaning of the "heart of the Sun"; it is the logoic egoic lotus on the first subplane of the cosmic mental plane. But what is meant here by the "logoic lotus"? If it is not the logoic Heart of the Sun, is it the solar logoic etheric heart center found, presumably, on the monadic plane of the cosmic physical plane?

Five of them

35. The systemic or solar planes…

are more "alive" than the other two; these five do not include the highest and the lowest.

36. It is interesting that the highest and the lowest are not included. The relatively-reduced vibrancy of the highest and lowest of the seven solar planes that correspond in the human being, the base of the spine center and the highest head center, are the last to fully awaken.

The words "the heart of the Sun" must be understood to mean more than a locality situated in the interior recesses of the solar body,

37. Actually, the "Heart of the Sun" is usually related to the solar logoic egoic lotus on the cosmic higher mental plane.

and have reference to the nature of the solar sphere.

không phải tất cả đều được tiếp sinh lực ngang nhau bởi lực kéo hấp dẫn phát ra từ hoa sen của Thượng đế qua tim của Mặt Trời.

34. Chúng ta rõ ràng về ý nghĩa của "tim của Mặt Trời"; đó là hoa sen chân ngã của Thượng đế trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí vũ trụ. Nhưng ở đây "hoa sen của Thượng đế" có nghĩa là gì? Nếu nó không phải là Tim của Mặt Trời của Thượng đế, thì có phải đó là trung tâm tim dĩ thái của Thái dương Thượng đế, được tìm thấy, có lẽ, trên cõi chân thần của cõi hồng trần vũ trụ chăng?

Năm trong số đó

35. Các cõi hệ thống hay cõi thái dương…

"sống động" hơn hai cõi kia; năm cõi này không bao gồm cõi cao nhất và cõi thấp nhất.

36. Thật thú vị khi cõi cao nhất và cõi thấp nhất không được bao gồm. Sự rung động tương đối giảm bớt của cõi cao nhất và thấp nhất trong bảy cõi thái dương, tương ứng trong con người với trung tâm đáy cột sống và trung tâm đầu cao nhất, là những trung tâm thức tỉnh trọn vẹn sau cùng.

Những lời "tim của Mặt Trời" phải được hiểu là có nghĩa nhiều hơn một vị trí nằm trong những chỗ sâu bên trong của thể thái dương,

37. Thực ra, "Tim của Mặt Trời" thường liên hệ với hoa sen chân ngã của Thái dương Thượng đế trên cõi thượng trí vũ trụ.

và có liên quan đến bản chất của khối cầu thái dương.

38. Then is Master DK saying that the Heart of the Sun *does* have reference to the nature of the solar sphere?

38. Vậy thì Chân sư DK có đang nói rằng Tim của Mặt Trời *quả thực* có liên quan đến bản chất của khối cầu thái dương không?

This solar sphere is closely similar to the atom pictured in the book by Babbitt and later in *Occult Chemistry* by Mrs. Besant.

Khối cầu thái dương này rất giống với nguyên tử được minh họa trong sách của Babbitt và sau đó trong *Occult Chemistry* của bà Besant.

39. This is a statement which it will be necessary for the science of the future to digest.

39. Đây là một phát biểu mà khoa học tương lai sẽ cần phải tiêu hóa.

The Sun is heart-shaped, and (seen from cosmic angles) has a depression at what we might call its north pole.

Mặt Trời có hình tim, và (khi được nhìn từ các góc độ vũ trụ) có một chỗ lõm tại điều mà chúng ta có thể gọi là cực bắc của nó.

40. We have to understand the nature of the cosmic vision involved. Presumably, we are dealing minimally with etheric vision.

40. Chúng ta phải hiểu bản chất của linh thị vũ trụ có liên quan ở đây. Có lẽ, tối thiểu chúng ta đang xử lý linh thị dĩ thái.

41. Does the Sun, then, *not* have a depression at its south pole?

41. Vậy thì Mặt Trời *không* có một chỗ lõm ở cực nam của nó sao?

42. The astral permanent atom of the human being is also said to be relatively "heart shaped" which may tell us something about the function of our astrally polarized Solar Logos and His astral-buddhic system.

42. Nguyên tử trường tồn cảm dục của con người cũng được nói là tương đối "có hình tim", điều này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về chức năng của Thái dương Thượng đế phân cực cảm dục của chúng ta và hệ thống cảm dục-Bồ đề của Ngài.

This is formed by the impact of logoic energy upon solar substance.

Điều này được hình thành bởi tác động của năng lượng của Thượng đế lên chất liệu thái dương.

43. A human being has the fontanel at the top of the head, formed, we may infer, by the impact of higher energies upon the substance of the head.

43. Con người có thóp ở đỉnh đầu, được hình thành, như chúng ta có thể suy ra, bởi tác động của các năng lượng cao hơn lên chất liệu của đầu.

44. The "logoic energy" in question is that emanating from the Solar Logos. Again, such

44. "Năng lượng của Thượng đế" được nói đến là năng lượng phát ra từ Thái dương

energy must be minimally etheric, but other and higher energies could be involved.

Thượng đế. Một lần nữa, năng lượng như thế tối thiểu phải là dĩ thái, nhưng các năng lượng khác và cao hơn cũng có thể có liên quan.

This energy which impinges upon the solar sphere, and is thence distributed to all parts of the entire system, emanates from three cosmic centres

Năng lượng này tác động lên khối cầu thái dương, và từ đó được phân phối đến mọi phần của toàn thể hệ thống, phát ra từ ba trung tâm vũ trụ

45. Each of the sources below is considered to be a “cosmic centre”, presumably a center within the "One About Whom Naught May Be Said".

45. Mỗi nguồn dưới đây được xem là một “trung tâm vũ trụ”, có lẽ là một trung tâm bên trong Đấng Bất Khả Tư Nghị.

46. Logoic energy impinges upon the solar sphere, but, it appears that this logoic energy is impulsed from the three cosmic centers.

46. Năng lượng của Thượng đế tác động lên khối cầu thái dương, nhưng dường như năng lượng của Thượng đế này được thúc đẩy từ ba trung tâm vũ trụ.

47. When we think of sources of energy, we can think of evident sources, penultimate sources and ultimate sources. For instance, what seems to originate from the soul (and for all practical purposes, *does*) may really be impulsed from the Monad and mediated via the soul.

47. Khi nghĩ đến các nguồn năng lượng, chúng ta có thể nghĩ đến các nguồn hiển nhiên, các nguồn cận tối hậu và các nguồn tối hậu. Chẳng hạn, điều dường như phát sinh từ linh hồn (và cho mọi mục đích thực tiễn, quả thực *là như vậy*) có thể thật ra được thúc đẩy từ chân thần và được trung giới qua linh hồn.

and, therefore, is triple during this particular cycle.

và, do đó, là tam phân trong chu kỳ đặc thù này.

48. One wonders about the energies impinging upon the solar sphere in other cycles. Permutation is ever active.

48. Người ta tự hỏi về các năng lượng tác động vào khối cầu thái dương trong những chu kỳ khác. Sự hoán chuyển luôn luôn hoạt động.

a. From the sevenfold great Bear.

a. Từ Đại Hùng Tinh thất phân.

49. Considered, let us remember, as a single center—a sevenfold center in the head, so it would seem.

49. Xin nhớ rằng, được xem như một trung tâm duy nhất—một trung tâm thất phân trong đầu, dường như là như vậy.

b. From the Sun Sirius.

50. Does He mean the single "Sun", Sirius, or does He consider Sirius (with Sirius Body, and a potential Sirius C) to be a constellation.

c. From the Pleiades.

51. The Pleiades are definitely a constellation. We are, however, probably speaking only of seven or nine of them.

It must be remembered that **the possible cosmic streams of energy available for use in our solar system are seven in number**, of which three are major. **These three vary during vast and incalculable cycles.**

52. Here is a very important statement. A number of great importance for the previous solar system was *five.* The number of similar importance for our present solar system—the second *major* solar system of our Solar Logos—is *seven.* The corresponding number for the next solar system will be *nine.*

53. There must be seven sources of energy for our solar system—three of which are the energy of the Great Bear, the energy of seven of the Pleiades, and the energy of Sirius (the Sun, Sirius, or the constellation).

54. It is very interesting that different energy-streams may be *major* at different times in the long evolutionary history of the Solar Logos. At the moment it would seem that the three centers mentioned carry the first, second and third rays, but there are also other rays which may be rightly

b. Từ Mặt Trời Sirius.

50. Ngài có muốn nói đến "Mặt Trời" đơn nhất là Sirius, hay Ngài xem Sirius (cùng với Sirius Body, và một Sirius C tiềm năng) là một chòm sao?

c. Từ Pleiades.

51. Pleiades chắc chắn là một chòm sao. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta chỉ đang nói đến bảy hoặc chín ngôi sao trong số đó.

Cần nhớ rằng **các dòng năng lượng vũ trụ khả hữu có thể dùng trong hệ mặt trời chúng ta có số lượng là bảy**, trong đó có ba dòng là chính. **Ba dòng này biến đổi trong những chu kỳ bao la và không thểtính đếm.**

52. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Một con số có tầm quan trọng lớn đối với hệ mặt trời trước đây là *năm.* Con số có tầm quan trọng tương tự đối với hệ mặt trời hiện tại của chúng ta—hệ mặt trời *chính* thứ hai của Thái dương Thượng đế của chúng ta—là *bảy.* Con số tương ứng cho hệ mặt trời kế tiếp sẽ là *chín.*

53. Phải có bảy nguồn năng lượng cho hệ mặt trời của chúng ta—ba trong số đó là năng lượng của Đại Hùng Tinh, năng lượng của bảy ngôi sao trong Pleiades, và năng lượng của Sirius (Mặt Trời Sirius, hay chòm sao này).

54. Điều rất thú vị là các dòng năng lượng khác nhau có thể là *chính* vào những thời điểm khác nhau trong lịch sử tiến hoá lâu dài của Thái dương Thượng đế. Hiện nay dường như ba trung tâm được nhắc đến mang cung một, cung hai và cung ba, nhưng cũng có những cung khác có thể được liên hệ

associated with these three sources, and these rays may be operative at this time in the solar logoic process.

một cách đúng đắn với ba nguồn này, và những cung ấy có thể đang hoạt động vào lúc này trong tiến trình logoi thái dương.

Students may find it of use to remember that,

Các đạo sinh có thể thấy hữu ích khi nhớ rằng,

55. The words below offer important differentiations.

55. Những từ dưới đây đưa ra các sự phân biệt quan trọng.

a. The Law of Economy demonstrates as an **urge**,

a. Định luật Tiết Kiệm biểu lộ như một **sự thôi thúc**,

56. Usually the source of an "urge" is quite unconscious. The urge arises from *within* the substance of the form.

56. Thông thường nguồn gốc của một "sự thôi thúc" là khá vô thức. Sự thôi thúc phát sinh từ *bên trong* chất liệu của hình tướng.

b. The Law of Attraction as a **pull**,

b. Định luật Hấp Dẫn như một **sức kéo**,

57. A "pull" arises from *without* the form.

57. Một "sức kéo" phát sinh từ *bên ngoài* hình tướng.

c. The Law of Synthesis as a tendency to **concentrate at a centre,** or to **merge**. [Page 1183]

c. Định luật Tổng Hợp như một khuynh hướng **tập trung vào một trung tâm,** hay **hòa nhập**. [Page 1183]

58. If we could reduce all apparent "extension" (philosophically considered) to *point,* we would be operating under the Law of Synthesis.

58. Nếu chúng ta có thể quy mọi "sự mở rộng" biểu kiến (xét về mặt triết học) về thành *điểm,* thì chúng ta sẽ đang vận hành dưới Định luật Tổng Hợp.

59. The term "merge", however, cannot be completely dissociated from the second ray.

59. Tuy nhiên, thuật ngữ "hòa nhập" không thể hoàn toàn tách rời khỏi cung hai.

60. In relation to the Law of Synthesis, we are dealing with the 'merging of *essences*'. The form may suffer destruction in this process.

60. Liên quan đến Định luật Tổng Hợp, chúng ta đang bàn đến 'sự hòa nhập của các *tinh túy*'. Hình tướng có thể bị hủy diệt trong tiến trình này.

The streams of energy which pour forth through the medium of the Sun from the egoic lotus

Các dòng năng lượng tuôn ra qua trung gian Mặt Trời từ Hoa Sen Chân Ngã

61. The “egoic lotus” here mentioned seems to be the egoic lotus of the Solar Logos.

61. “Hoa Sen Chân Ngã” được nhắc đến ở đây dường như là Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế.

and which are in reality "logoic Soul energy" attract to them that which is akin to them in vibration.

và thực ra là "năng lượng Linh hồn logoi" thu hút về phía chúng những gì đồng điệu với chúng về rung động.

62. The soul of the Solar Logos attracts to the souls of all, and especially those who are conscious as souls—spiritually awakened human beings (and, of course, Be/beings higher still).

62. Linh hồn của Thái dương Thượng đế thu hút các linh hồn của tất cả mọi hữu thể, và đặc biệt là những ai có ý thức như linh hồn—những con người được thức tỉnh tinh thần (và dĩ nhiên, các hữu thể còn cao hơn nữa).

This may sound rather like the statement of a platitude, but is susceptible of really deep significance to the student, being **accountable for all systemic phenomena.**

Điều này có thể nghe như một lời nói sáo, nhưng lại hàm chứa thâm nghĩa thật sâu xa đối với đạo sinh, vì nó **giải thích cho mọi hiện tượng có tính hệ thống.**

63. From the solar logoic soul, there is exerted a “pull” upon all souls. This “pull’, is for practical purposes within the solar system, the “Cosmic Magnet”—perhaps, more properly, the ‘Systemic Magnet’. It arranges all things according to the logoically-intended archetype.

63. Từ linh hồn logoi thái dương, một “sức kéo” được tác động lên mọi linh hồn. “Sức kéo” này, xét cho mục đích thực tiễn trong hệ mặt trời, là “Nam Châm Vũ Trụ”—có lẽ nói đúng hơn là ‘Nam Châm Hệ Thống’. Nó sắp xếp mọi sự theo nguyên mẫu được logoi chủ ý.

64. It seems that the pull of the solar logoic soul is even responsible for the revolution and rotation of the planets and all process which occur on those planets.

64. Dường như sức kéo của linh hồn logoi thái dương thậm chí còn chịu trách nhiệm cho sự quay quanh và tự quay của các hành tinh cùng mọi tiến trình xảy ra trên các hành tinh ấy.

These streams **pass in different directions**, and **in the knowledge of occult direction comes knowledge of the various hierarchies of being, and the secret of the esoteric symbols**.

Các dòng này **đi theo những hướng khác nhau**, và **trong tri thức về phương hướng huyền bí có tri thức về các huyền giai khác nhau của hữu thể, và bí mật của các biểu tượng huyền bí**.

65. I suppose we should know when an esoteric 'bomb', full of blinding revelation, lands. I think one just dropped.

65. Tôi cho rằng chúng ta nên biết khi nào một 'quả bom' huyền bí, đầy ắp mặc khải chói lòa, rơi xuống. Tôi nghĩ vừa có một quả như thế rơi xuống.

66. There seems to be an implication that various "hierarchies of being" are found in certain "directions"—occultly considered. Symbols, also, will indicate the six directions of which we are presently aware.

66. Dường như có một hàm ý rằng các "huyền giai của hữu thể" khác nhau được tìm thấy trong những "phương hướng" nhất định—xét theo huyền bí học. Các biểu tượng cũng sẽ chỉ ra sáu phương hướng mà hiện nay chúng ta nhận biết.

67. The solar system is a great *sphere* and the direction taken by various energies within the sphere are of great importance in interpreting the dynamics of the system.

67. Hệ mặt trời là một *khối cầu* vĩ đại, và hướng đi của các năng lượng khác nhau bên trong khối cầu ấy có tầm quan trọng lớn trong việc giải thích động lực học của hệ thống.

The **main stream of energy** enters at the **top depression** in the solar sphere and passes through the entire ring-pass-not, **bisecting it into two halves.**

Dòng năng lượng chính đi vào tại **chỗ lõm phía trên** trong khối cầu thái dương và đi xuyên qua toàn bộ vòng-giới-hạn, **chianóthành hai nửa.**

68. Here we have an occultly factual basis for Sacred Geometry.

68. Ở đây chúng ta có một cơ sở thực kiện huyền bí cho Hình Học Thiêng Liêng.

69. Is the stream from the Great Bear and its Seven Rishis to be considered as the "main stream". Certainly the Great Bear has a direct connection with the head. And yet, as we read further, we may find a surprising reversal of our first estimation. In fact we may find the for our Solar Logos, the main stream of energy comes from Sirius. We will reserve judgment at first.

69. Có phải dòng từ Đại Hùng Tinh và Bảy Rishi của nó được xem là "dòng chính" hay không? Chắc chắn Đại Hùng Tinh có liên hệ trực tiếp với đầu. Tuy nhiên, khi đọc tiếp, chúng ta có thể thấy một sự đảo ngược đáng ngạc nhiên đối với ước lượng ban đầu của mình. Thật vậy, chúng ta có thể thấy rằng đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, dòng năng lượng chính đến từ Sirius. Trước hết chúng ta sẽ tạm giữ phán đoán.

With this stream enters that group of active lives whom we call the "Lords of Karma."

Cùng với dòng này đi vào là nhóm các sự sống hoạt động mà chúng ta gọi là "các Đấng Nghiệp Quả."

70. The “Lords of Karma” are, for our Solar Logos, Sirian Lives.

70. “Các Đấng Nghiệp Quả”, đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, là các Sự Sống Sirian.

71. It would seem that at least *eight* “Lords of Karma” enter.

71. Dường như có ít nhất *tám* “Đấng Nghiệp Quả” đi vào.

They preside over the attractive forces, and distribute them justly. They enter, pass to the centre of the sphere and there (if I may so express it) locate, and set up the "**Holy Temple of Divine Justice**," sending out to the four quarters of the circle the four Maharajahs, their representatives.

Các Ngài chủ trì các mãnh lực hấp dẫn, và phân phối chúng một cách công bằng. Các Ngài đi vào, tiến đến trung tâm của khối cầu và tại đó (nếu tôi có thể nói như vậy) định vị, và thiết lập "**Đền Thờ Thiêng Liêng của Công Lý Thiêng Liêng**," gửi ra bốn phương của vòng tròn bốn Maharajah, là các đại diện của Các Ngài.

72. The systemic and cosmic occultism is *profound!*

72. Huyền bí học có tính hệ thống và vũ trụ thật là *sâu thẳm!*

73. Those Lords of Karma (greater than the "Four Maharajas") locate themselves in the midst of the “Holy Temple of Divine Justice” *within* the center of the sphere of the Sun!

73. Những Đấng Nghiệp Quả ấy (cao cả hơn "Bốn Maharaja") định vị chính mình ở giữa “Đền Thờ Thiêng Liêng của Công Lý Thiêng Liêng” *bên trong* trung tâm của khối cầu Mặt Trời!

74. There can be a debate concerning whether there are three or four Lipika Lords. Perhaps on Sirius there are *three* major Lipika Lords. In this context, it seems that there must be *four* Lipika Lords and *four* Maharajas.

74. Có thể có tranh luận về việc có ba hay bốn Đấng Lipika. Có lẽ trên Sirius có *ba* Đấng Lipika chính. Trong ngữ cảnh này, dường như phải có *bốn* Đấng Lipika và *bốn* Maharaja.

75. The following reference suggests four, each corresponding to one of the "Four Maharajas".

75. Trích dẫn sau đây gợi ý là bốn, mỗi vị tương ứng với một trong "Bốn Maharaja".

2. The four Lipika Lords.

2. Bốn Đấng Lipika.

The four Maharajahs. (LOM 229)

Bốn Maharajah. (LOM 229)

76. The following reference, however, indicates that there is a group of *three*

76. Tuy nhiên, trích dẫn sau đây cho thấy có một nhóm gồm *ba* Lipika (hay các Đấng

Lipikas (or Cosmic Karmic Lords) Who may be superior to the four Lipikas which enter through the solar depression.

Nghiệp Quả Vũ Trụ) có thể cao hơn bốn Lipika đi vào qua chỗ lõm thái dương.

"The Lipika Lords, controlling the periodical manifestation of life are, roughly speaking, divided into the following groups, which it might be of interest to note:

"Các Đấng Lipika, kiểm soát sự biểu hiện tuần hoàn của sự sống, nói một cách khái quát, được chia thành các nhóm sau đây, điều mà có thể đáng lưu ý:

1. **Three extra-systemic or cosmic Lords of Karma,** Who work from a centre in Sirius through the medium of three representatives. These form a group **around the solar Logos**, and hold to Him a position analogous to the three Buddhas of Activity Who stand around Sanat Kumara.

1. **Ba Đấng Nghiệp Quả ngoài hệ thống hay vũ trụ,** hoạt động từ một trung tâm trên Sirius qua trung gian của ba đại diện. Các Ngài tạo thành một nhóm **xung quanh Thái dương Thượng đế**, và giữ đối với Ngài một vị trí tương tự như ba Đức Phật Hoạt Động đứng quanh Đức Sanat Kumara.

2. Three Lipika Lords Who are the karmic agents working through the three aspects.

2. Ba Đấng Lipika là các tác nhân nghiệp quả hoạt động qua ba phương diện.

3. Nine Lipikas Who are the sumtotal of the agents for the Law working through what the Qabbalah calls the nine Sephiroth.

3. Chín Lipika là tổng số các tác nhân của Định luật hoạt động qua điều mà Qabbalah gọi là chín Sephiroth.

4. Seven presiding agents of karma for each one of the seven schemes." (TCF 1142-1143)

4. Bảy tác nhân chủ trì nghiệp quả cho mỗi một trong bảy hệ hành tinh." (TCF 1142-1143)

77. The groups of *four* Lipikas are not here discussed. While the representatives of the three "cosmic Lords of Karma" as it were "surround" the Solar Logos, the four Lipikas and the four Maharajas Who enter through the top depression of the solar sphere, are, as it were, *within* the center of the etheric-physical body of the Solar Logos—His spherical solar system.

77. Các nhóm gồm *bốn* Lipika không được bàn đến ở đây. Trong khi các đại diện của ba "Đấng Nghiệp Quả vũ trụ" dường như "bao quanh" Thái dương Thượng đế, thì bốn Lipika và bốn Maharaja đi vào qua chỗ lõm phía trên của khối cầu thái dương lại, dường như, ở *bên trong* trung tâm của thể dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế—hệ mặt trời hình cầu của Ngài.

78. If the Lords of Karma are Sirian in origin, and if they enter through the top of the solar sphere, then does the stream from the Great Bear enter via the top of this sphere, or does the Sirian influence accompany the

78. Nếu các Đấng Nghiệp Quả có nguồn gốc Sirian, và nếu Các Ngài đi vào qua đỉnh của khối cầu thái dương, thì dòng từ Đại Hùng Tinh có đi vào qua đỉnh của khối cầu này không, hay ảnh hưởng Sirian đi kèm với các

influences of the Great Bear? Or does the stream from the Great Bear *not* enter at the top of the sphere?

ảnh hưởng của Đại Hùng Tinh? Hoặc dòng từ Đại Hùng Tinh *không* đi vào ở đỉnh khối cầu?

So is the equal armed Cross formed

Như vậy Thập Giá có các cánh tay bằng nhau được hình thành

79. This is also the "Aquarian Cross".

79. Đây cũng là "Thập Giá Bảo Bình".

—and all the wheels of energy set in motion.

—và mọi bánh xe năng lượng được đặt vào chuyển động.

80. The "wheels of energy" may be considered, the various Planetary Logoi in their orbits.

80. "Các bánh xe năng lượng" có thể được xem là các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau trong quỹ đạo của Các Ngài.

This is conditioned by the karmic seeds of an earlier system,

Điều này được tác động bởi các hạt giống nghiệp quả của một hệ thống trước đó,

81. Is Master DK saying that the motion of the wheels is dependent upon the "karmic seeds of an earlier system".

81. Có phải Chân sư DK đang nói rằng chuyển động của các bánh xe phụ thuộc vào "các hạt giống nghiệp quả của một hệ thống trước đó" hay không?

and **only that substance is utilised by the Logos, and only those lives come into manifestation who have set up a mutual attraction**.

và **chỉ chất liệu ấy mới được Thượng đế sử dụng, và chỉ những sự sống ấy mới đi vào biểu hiện là những sự sống đã thiết lập một sức hút hỗ tương**.

82. We have here an example of 'systemic group work'. Those who are to work together must be mutually attracted to each other. We are told that this is so on macrocosmic levels. We can infer that this is the case on microcosmic as well.

82. Ở đây chúng ta có một ví dụ về 'công việc nhóm có tính hệ thống'. Những ai sẽ cùng làm việc với nhau phải có sức hút hỗ tương đối với nhau. Chúng ta được bảo rằng điều này đúng ở các cấp độ đại thiên địa. Chúng ta có thể suy ra rằng ở tiểu thiên địa cũng vậy.

83. The Planetary Logoi of our solar system, no matter how different to each other they may seem, are a 'systemic group' and are mutually attracted to each other.

83. Các Hành Tinh Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta, dù có vẻ khác nhau đến đâu, vẫn là một 'nhóm có tính hệ thống' và có sức hút hỗ tương đối với nhau.

These **five streams of living energy (the one and the four)** are the basis of the **onward march of all things**; these are sometimes esoterically called "**the forward moving Lives.**"

Năm dòng năng lượng sống động này (một và bốn) là nền tảng của **bước tiến không ngừng của vạn vật**; đôi khi chúng được gọi một cách huyền bí là "**các Sự Sống tiến về phía trước.**"

84. This is a clarification. DK has described the energy-basis of the *pyramid.* One can consider the enter solar system to be in the form of the pyramid.

84. Đây là một sự làm sáng tỏ. DK đã mô tả nền tảng năng lượng của *kim tự tháp.* Người ta có thể xem toàn bộ hệ mặt trời như có hình dạng của kim tự tháp.

85. Thus we have a major vertical energy and, apparently, four horizontal energies.

85. Như vậy chúng ta có một năng lượng thẳng đứng chính và, dường như, bốn năng lượng nằm ngang.

86. We continue to hold in mind the sources of the three major energy-streams which DK is in process of describing—the Great Bear, Sirius and the Pleiades.

86. Chúng ta tiếp tục ghi nhớ các nguồn của ba dòng năng lượng chính mà DK đang trong tiến trình mô tả—Đại Hùng Tinh, Sirius và Pleiades.

87. Yet, at this point we should recall that energies from the highest and lowest planes are not among the five!

87. Tuy nhiên, tại điểm này chúng ta nên nhớ rằng các năng lượng từ cõi cao nhất và cõi thấp nhất không nằm trong số năm dòng ấy!

88. The idea of “forward moving” suggests the first ray. It is very possible that Sirius, actually *can* be associated with the “forward moving Lives”, since in relation to our Sun (the heart center of a Cosmic Logos), the Logos of Sirius and His system may hold a *first ray* function.

88. Ý tưởng về “tiến về phía trước” gợi ý cung một. Rất có thể Sirius thực sự *có thể* được liên hệ với “các Sự Sống tiến về phía trước”, vì trong tương quan với Mặt Trời của chúng ta (trung tâm tim của một Thượng đế Vũ Trụ), Thượng đế của Sirius và hệ thống của Ngài có thể giữ một chức năng *cung một.*

89. It has been hypothesized that within the sevenfold Cosmic Logos within whom our Solar Logos expresses as a heart center, the Logos of Sirius expresses as a *head* center. This would bring in the first ray implication.

89. Đã có giả thuyết rằng trong Thượng đế Vũ Trụ thất phân mà trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta biểu lộ như một trung tâm tim, thì Thượng đế của Sirius biểu lộ như một trung tâm *đầu*. Điều này sẽ đưa vào hàm ý cung một.

They embody the Will of the Logos.

Chúng thể hiện Ý Chí của Thượng đế.

90. These five streams embody the *Will* of the Solar Logos. We can conceive that our Solar Logos looks to the Logos of Sirius and 'says', "Not my will but Thine be done."

90. Năm dòng này thể hiện *Ý Chí* của Thái dương Thượng đế. Chúng ta có thể hình dung rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta hướng về Thượng đế của Sirius và 'nói': "Không phải ý chí của con mà là Ý Chí của Ngài được thực hiện."

It is the note they sound and the attractive pull which they initiate which **bring into contact with the solar sphere a group of existences whose mode of activity is spiral and not forward**.

Chính âm điệu mà chúng xướng lên và sức kéo hấp dẫn mà chúng khởi phát **đưa vào tiếp xúc với khối cầu thái dương một nhóm các hiện hữu có phương thức hoạt động là xoắn ốc chứ không phải tiến thẳng**.

91. The motion of the energies we have been discussing is "forward". They are, thus, to be related to the first ray the motion of which is "progress onward" or "driving forward through space".

91. Chuyển động của các năng lượng mà chúng ta vừa bàn đến là "tiến về phía trước". Vì vậy, chúng phải được liên hệ với cung một, mà chuyển động của cung này là "tiến bộ đi tới" hay "thúc đẩy tiến lên xuyên qua không gian".

92. Now we are to contrast two modes of activity—the one we have been discussion the motion of this is "forward" with another group of existences whose mode of motion is "cyclic".

92. Giờ đây chúng ta sẽ đối chiếu hai phương thức hoạt động—một phương thức mà chúng ta vừa bàn đến có chuyển động là "tiến về phía trước", với một nhóm hiện hữu khác có phương thức chuyển động là "chu kỳ".

These **groups** are **seven in number**

Các nhóm này có **số lượng là bảy**

93. The number *seven* is more readily correlated with the Great Bear than it is with Sirius as *usually* understood. If, however, we were to understand the term "Sirius" as representing the leading Logos and His star within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One", then we could relate the number seven to Sirius as well.

93. Con số *bảy* dễ được tương liên với Đại Hùng Tinh hơn là với Sirius theo cách *thường* được hiểu. Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu thuật ngữ "Sirius" như đại diện cho Thượng đế dẫn đầu và ngôi sao của Ngài trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một", thì chúng ta cũng có thể liên hệ con số bảy với Sirius.

and pass into manifestation [Page 1184] through what is for them a great door of Initiation.

và đi vào biểu hiện [Page 1184] qua điều đối với chúng là một cánh cửa lớn của điểm đạo.

94. The nature of this “door” is not specified. But we notice that the top depression of the solar sphere is not discussed.

94. Bản chất của “cánh cửa” này không được xác định. Nhưng chúng ta lưu ý rằng chỗ lõm phía trên của khối cầu thái dương không được bàn đến.

In some of the occult books, these seven groups are spoken of as the "seven cosmic Initiates Who have passed within the Heart, and there remain until the test is passed."

Trong một số sách huyền bí, bảy nhóm này được nói đến như là "bảy Điểm đạo đồ vũ trụ đã đi vào trong Tim, và ở lại đó cho đến khi cuộc thử thách được vượt qua."

95. We are now speaking of a great group of Lives associated, it would seem, with “cyclic” activity or with “spiral-cyclic”.

95. Giờ đây chúng ta đang nói về một nhóm lớn các Sự Sống dường như liên hệ với hoạt động “chu kỳ” hay “xoắn ốc-chu kỳ”.

96. The energies of the Great Bear are sevenfold and much associated with the first ray. The energies of the Pleiades (are from this point of view) also sevenfold and are to be associated with the third and second rays.

96. Các năng lượng của Đại Hùng Tinh là thất phân và gắn nhiều với cung một. Các năng lượng của Pleiades (xét từ quan điểm này) cũng là thất phân và phải được liên hệ với cung ba và cung hai.

97. What is the source, then, of the “seven cosmic Initiates Who have passed within the Heart, and there remain until the test if passed.”?

97. Vậy thì nguồn gốc của “bảy Điểm đạo đồ vũ trụ đã đi vào trong Tim, và ở lại đó cho đến khi cuộc thử thách được vượt qua” là gì?

98. Notice that we are speaking of seven “groups” and not just of seven Entities, per se. The Entities in question manifest through groups.

98. Hãy lưu ý rằng chúng ta đang nói về bảy “nhóm” chứ không chỉ bảy Thực Thể, chính chúng. Các Thực Thể đang được nói đến biểu hiện qua các nhóm.

These are the seven Hierarchies of Beings,

Đây là bảy Huyền Giai của các Hữu Thể,

99. These are seven great groups or hosts of Monads. It is possible to correlate them with the Seven Rishis of the Great Bear.

99. Đây là bảy nhóm hay đạo quân lớn của các Chân thần. Có thể tương liên chúng với Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh.

the seven Dhyan Chohans. They spiral into manifestation, **cutting across the fourfold cross, and touching the cruciform stream of energy in certain places**.

bảy Dhyan Chohan. Các Ngài xoắn ốc đi vào biểu hiện, **cắt ngang thập giá tứ phân, và chạm vào dòng năng lượng hình thập tự tại những điểm nhất định**.

100. We see that the groups which take up their position “within the Heart” are the Informing Lives of the Seven Creative Hierarchies.

100. Chúng ta thấy rằng các nhóm chiếm vị trí “bên trong Tim” là các Sự Sống Phú Linh của Các Huyền Giai Sáng Tạo bảy phân.

101. The term “Dhyan Chohan” has various uses. Here we see it applied to those Lives Who inform or express through vast hosts of Monads. Creative Hierarchies are hosts of Monads.

101. Thuật ngữ “Dhyan Chohan” có nhiều cách dùng khác nhau. Ở đây chúng ta thấy nó được áp dụng cho những Sự Sống phú linh hay biểu lộ qua những đạo quân rộng lớn các Chân thần. Các Huyền Giai Sáng Tạo là những đạo quân của các Chân thần.

102. We see that the “certain places in which these seven Dhyan Chohans “spiral into manifestation” are not specified.

102. Chúng ta thấy rằng những “điểm nhất định” nơi bảy Dhyan Chohan này “xoắn ốc đi vào biểu hiện” không được xác định.

103. Thus far, we have the one, the four and the seven, making twelve in all.

103. Cho đến nay, chúng ta có một, bốn và bảy, tổng cộng là mười hai.

104. We have three major groupings and, it would seem, we will have to find a way to related the three great constellations to one or other of these three groups.

104. Chúng ta có ba nhóm lớn và dường như sẽ phải tìm ra cách liên hệ ba chòm sao lớn với một hay nhóm nào đó trong ba nhóm này.

The places where the **streams of love energy cross the streams of will and karmic energy are mystically called the "Caves of dual light"**

Những nơi mà **các dòng năng lượng bác ái cắt ngang các dòng năng lượng ý chí và nghiệp quả được gọi một cách thần bí là "Các Hang của ánh sáng nhị nguyên"**

105. We can conceive of this “dual light” as the light of fate and the light of destiny. Fate is associated with karma and destiny with the destination of the Monad.

105. Chúng ta có thể hình dung “ánh sáng nhị nguyên” này như ánh sáng của số mệnh và ánh sáng của thiên mệnh. Số mệnh gắn với nghiệp quả và thiên mệnh gắn với đích đến của Chân thần.

and **when a reincarnating or liberated jiva enters one of these Caves in the course of his pilgrimage, he takes an initiation, and passes on to a higher turn of the spiral**.

và **khi một jiva tái sinh hay được giải thoát đi vào một trong những Hang này trong tiến trình cuộc hành hương của y, y tiếp nhận một điểm đạo, và tiến lên một vòng xoắn cao hơn**.

106. The “caves of dual light” then, are also places of passage from the lower to the higher.

106. Như vậy, “các hang của ánh sáng nhị nguyên” cũng là những nơi chuyển tiếp từ thấp lên cao.

107. This is some of the most occult information DK has ever given. He is defining the cause of human initiation from a solar systemic perspective.

107. Đây là một phần thông tin huyền bí nhất mà DK từng ban ra. Ngài đang xác định nguyên nhân của điểm đạo nhân loại từ một viễn cảnh hệ thống thái dương.

108. The one and the four are streams of will and karma. One stream, the major one, seems related to will. The group which reaches the center of the solar sphere, and divides in four, is the fourfold stream of karmic energy. The sevenfold energy are seven streams of love associated with the Creative Hierarchies.

108. Một và bốn là các dòng ý chí và nghiệp quả. Một dòng, là dòng chính, dường như liên hệ với ý chí. Nhóm đi đến trung tâm của khối cầu thái dương và chia thành bốn là dòng năng lượng nghiệp quả tứ phân. Năng lượng thất phân là bảy dòng bác ái gắn với các Huyền Giai Sáng Tạo.

109. The major stream of energy is propagated along all four karmic streams. Thus each of the four karmic streams is also a stream of will. Will and karma are closely related.

109. Dòng năng lượng chính được truyền dọc theo cả bốn dòng nghiệp quả. Vì vậy mỗi một trong bốn dòng nghiệp quả cũng là một dòng ý chí. Ý chí và nghiệp quả có liên hệ chặt chẽ với nhau.

110. The first, second and third rays are all involved just as are the energy-streams from the Great Bear, Sirius and the Pleiades.

110. Cung một, cung hai và cung ba đều được bao hàm, cũng như các dòng năng lượng từ Đại Hùng Tinh, Sirius và Pleiades.

111. Assigning these three to the three types of direction under discussion, however, may not be entirely straightforward.

111. Tuy nhiên, việc gán ba nguồn này cho ba loại phương hướng đang được bàn đến có thể không hoàn toàn đơn giản.

112. The seven Creative Hierarchies are not usually associated with the second ray of love. The forces from Sirius, from whence the Lords of Karma emanate, can be associated with the third or manasic ray, but often with the second. Are the forces of the Pleiades to be associated with the seven Creative Hierarchies, or are the forces of the Great Bear (representing Monads) more appropriate? Are those from Sirius to be seen as generating the Cross of Karma which is

112. Bảy Huyền Giai Sáng Tạo thường không được liên hệ với cung hai của bác ái. Các mãnh lực từ Sirius, nơi các Đấng Nghiệp Quả xuất lộ, có thể được liên hệ với cung ba hay cung manas, nhưng thường là với cung hai. Có phải các mãnh lực của Pleiades nên được liên hệ với bảy Huyền Giai Sáng Tạo, hay các mãnh lực của Đại Hùng Tinh (đại diện cho các Chân thần) thích hợp hơn? Có phải các mãnh lực từ Sirius nên được xem như tạo ra Thập Giá Nghiệp Quả được thiết lập bên

established within the solar sphere and which emanates from "Holy Temple of Divine Justice"? Then would the forces of the Great Bear be the main stream entering through the top of the solar sphere? Yet the "main stream" and the "karmic stream" may be one.

trong khối cầu thái dương và xuất lộ từ "Đền Thờ Thiêng Liêng của Công Lý Thiêng Liêng"? Vậy thì các mãnh lực của Đại Hùng Tinh có phải là dòng chính đi vào qua đỉnh của khối cầu thái dương không? Tuy nhiên, "dòng chính" và "dòng nghiệp quả" có thể là một.

113. Yet, we must not jump to conclusions, as perhaps only two influences have thus far been mentioned and not three. Another is going to be revealed as we will see.

113. Tuy nhiên, chúng ta không được vội kết luận, vì có lẽ cho đến nay chỉ mới nhắc đến hai ảnh hưởng chứ chưa phải ba. Một ảnh hưởng khác sẽ được tiết lộ như chúng ta sẽ thấy.

Another stream of energy

Một dòng năng lượng khác

114. We can call this the *third* stream of energy.

114. Chúng ta có thể gọi đây là dòng năng lượng *thứ ba*.

follows a different route, which is a little difficult to make clear. This particular set of active lives enter the heart shaped depression,

đi theo một lộ trình khác, điều này hơi khó làm cho rõ. Tập hợp đặc biệt này của các sự sống hoạt động đi vào chỗ lõm hình tim,

115. It seems that three streams of force have entered through the heart shaped depression: the main stream, the karmic stream, and now, what DK will call the "lunar stream". But it is very possible, depending on our interpretation, that the "main stream" and the "karmic stream" are identical.

115. Dường như có ba dòng lực đã đi vào qua chỗ lõm hình tim: dòng chính, dòng nghiệp quả, và giờ đây là điều DK sẽ gọi là "dòng nguyệt". Nhưng rất có thể, tùy theo cách giải thích của chúng ta, "dòng chính" và "dòng nghiệp quả" là đồng nhất.

116. Is this stream following a different route to be associated with the Pleiades?

116. Có phải dòng đi theo lộ trình khác này nên được liên hệ với Pleiades không?

pass around the edge of the ring-pass-not to the lowest part of the solar sphere and then mount upwards, **coming into opposition therefore with the stream of downpouring energy.**

đi quanh mép của vòng-giới-hạn đến phần thấp nhất của khối cầu thái dương rồi sau đó đi lên, **do đó đi vào thế đối kháng với dòng năng lượng tuônxuống.**

117. This is really interesting. We see that the solar system is looking more and more like a vast version of Babbitt's Atom.

117. Điều này thật sự rất thú vị. Chúng ta thấy hệ mặt trời ngày càng giống một phiên bản khổng lồ của Nguyên tử Babbitt.

118. In one way, the energy of the Great Bear and the energy of the Pleiades do stand in opposition as male energy to female energy.

118. Theo một cách nào đó, năng lượng của Đại Hùng Tinh và năng lượng của Pleiades quả thật đứng trong thế đối kháng như năng lượng nam đối với năng lượng nữ.

119. In another way, the forces of matter so often represented by the Pleiades are opposed by the forces of Sirius, which create an abstraction or a drawing away from matter.

119. Theo một cách khác, các mãnh lực của vật chất thường được Pleiades tượng trưng bị đối kháng bởi các mãnh lực của Sirius, vốn tạo ra sự trừu xuất hay sự kéo ra khỏi vật chất.

This stream of force is called "lunar" force for lack of a better term.

Dòng lực này được gọi là lực "nguyệt" vì thiếu một thuật ngữ tốt hơn.

120. It is probably not the term which DK desires to use but it does suggest the third aspect and association with matter.

120. Có lẽ đây không phải là thuật ngữ mà DK muốn dùng, nhưng nó quả có gợi ý phương diện thứ ba và sự liên hệ với vật chất.

They form the body of the raja Lord of each of the planes, and are governed by the Law of Economy.

Chúng tạo thành thể của vị chúa tể raja của mỗi cõi, và được chi phối bởi Định luật Tiết Kiệm.

121. We are learning about the way which certain major forces establish themselves within our solar system.

121. Chúng ta đang học về cách mà một số mãnh lực lớn thiết lập chính mình bên trong hệ mặt trời của chúng ta.

122. This group of forces are sounding more Pleiadian all the time.

122. Nhóm mãnh lực này nghe ngày càng giống Pleiades hơn.

123. We must determine whether there are three such streams or four. There would be four if the *will* stream were divided from the *karmic* stream, and yet in the preamble to this section, DK discussed only *three* great energy sources—the Great Bear, the Pleiades and Sirius.

123. Chúng ta phải xác định xem có ba dòng như thế hay bốn. Sẽ là bốn nếu dòng *ý chí* được tách khỏi dòng *nghiệp quả*, nhưng trong phần mở đầu của mục này, DK chỉ bàn đến *ba* nguồn năng lượng lớn—Đại Hùng Tinh, Pleiades và Sirius.

All these streams of energy form geometrical designs of great beauty to the eye of the initiated seer.

Tất cả các dòng năng lượng này tạo thành những mô hình hình học có vẻ đẹp lớn lao đối với con mắt của nhà thông nhãn đã được điểm đạo.

124. "God Geometrizes." We are studying the Sacred Geometry of our solar system.

124. "Thượng đế hình học hóa." Chúng ta đang nghiên cứu Hình Học Thiêng Liêng của hệ mặt trời chúng ta.

We have the **transverse** and **bisecting lines**,

Chúng ta có các **đường ngang** và **đường phân đôi**,

125. These form the "Cross of Karma"

125. Chúng tạo thành "Thập Giá Nghiệp Quả"

the seven lines of force which form the planes,

bảy đường lực tạo thành các cõi,

126. Are they stratified?

126. Chúng có phân tầng không?

127. Seven is a number conventionally associated with the seven Pleiades who are the "Wives" of the Seven Rishis of the Great Bear.

127. Bảy là một con số theo quy ước được liên hệ với bảy ngôi sao Pleiades là "Những Người Vợ" của Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh.

and the seven spiralling lines, thus forming lines of systemic latitude and longitude,

và bảy đường xoắn ốc, do đó tạo thành các đường vĩ độ và kinh độ của hệ thống,

128. We recall from earlier references the lines from east to west are lines of latitude and in this case would be associated with the seven planes and the Pleiades.

128. Chúng ta nhớ từ các tham chiếu trước rằng các đường từ đông sang tây là các đường vĩ độ và trong trường hợp này sẽ được liên hệ với bảy cõi và Pleiades.

129. The lines running from north to south are lines of longitude and would be associated with the seven rays.

129. Các đường chạy từ bắc xuống nam là các đường kinh độ và sẽ được liên hệ với bảy cung.

130. We realize that the Great Bear is the most noted source of the seven rays in our solar system.

130. Chúng ta nhận ra rằng Đại Hùng Tinh là nguồn nổi bật nhất của bảy cung trong hệ mặt trời chúng ta.

and their interplay and interaction produce a whole of wondrous beauty and design.

131. I suspect it will soon be the destiny of some esoteric artist to convey his impression of these interacting lines of force.

When these are visualised in colour,

132. We may presume that each of the three or four lines or spirals of force has its own color.

and seen in their true radiance, it will be realised that **the point of attainment of our solar Logos is very high**, for the beauty of the logoic Soul is expressed by that which is seen.

133. Beauty (which is the degree of conformity with the intended archetype) reveals attainment. Attainment means approximation to the archetype.

134. Clearly there is great beauty to be seen, but what is the meaning of "very high"? Our Solar Logos is apparently a Cosmic Initiate of the second degree, but not yet of the third degree. Is this very high?

135. It would seem that the fourth ray must be involved (perhaps monadically) in relation to our Solar Logos, Who is a Logos of the fourth order—at this time.

136. If there are only three sources of energy, then perhaps Sirius is responsible for five of them—the major stream and the resultant cross. Then the Great Bear would

và sự tương tác qua lại của chúng tạo ra một toàn thể có vẻ đẹp và mô hình kỳ diệu.

131. Tôi ngờ rằng chẳng bao lâu nữa sẽ là định mệnh của một nghệ sĩ huyền bí nào đó truyền đạt ấn tượng của ông về những đường lực tương tác này.

Khi những điều này được hình dung trong màu sắc,

132. Chúng ta có thể giả định rằng mỗi một trong ba hay bốn đường hay xoắn lực đều có màu sắc riêng của nó.

và được thấy trong sự rực sáng chân thực của chúng, người ta sẽ chứng nghiệm rằng **điểm thành tựu của Thái dương Thượng đế của chúng ta là rất cao**, vì vẻ đẹp của Linh hồn logoi được biểu lộ qua điều được thấy.

133. Vẻ đẹp (là mức độ phù hợp với nguyên mẫu đã được chủ định) tiết lộ thành tựu. Thành tựu có nghĩa là sự tiệm cận nguyên mẫu.

134. Rõ ràng có vẻ đẹp lớn lao để được thấy, nhưng "rất cao" có nghĩa là gì? Thái dương Thượng đế của chúng ta dường như là một Điểm đạo đồ Vũ Trụ cấp hai, nhưng chưa phải cấp ba. Điều đó có phải là rất cao không?

135. Dường như cung bốn phải được bao hàm (có lẽ về mặt chân thần) trong liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta, Đấng là một Thượng đế thuộc bậc thứ tư—vào lúc này.

136. Nếu chỉ có ba nguồn năng lượng, thì có lẽ Sirius chịu trách nhiệm cho năm dòng trong số đó—dòng chính và thập giá phát sinh từ đó. Khi ấy Đại Hùng Tinh sẽ được

be associated with the seven Creative Hierarchies and the Pleiades would provide the forces through which the Raja Deva Lords work.

liên hệ với bảy Huyền Giai Sáng Tạo và Pleiades sẽ cung cấp các mãnh lực mà qua đó các Chúa Tể Raja Deva hoạt động.

137. The entry of the main stream will have to be considered carefully.

137. Sự đi vào của dòng chính sẽ phải được xem xét cẩn thận.

138. If Sirius is considered major, it will not be because it is absolutely major, but is major in relation to our Solar Logos. Then both the Great Bear and Pleiades (which are really of greater advancement than Sirius) will play secondary roles—at least with respect to our Solar Logos.

138. Nếu Sirius được xem là chính yếu, thì không phải vì nó tuyệt đối chính yếu, mà là chính yếu trong liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta. Khi ấy cả Đại Hùng Tinh lẫn Pleiades (thực ra đều tiến hoá cao hơn Sirius) sẽ đóng các vai trò thứ yếu—ít nhất là xét theo Thái dương Thượng đế của chúng ta.

S9S12, Part I

TCF 1185-1188

TCF 1185-1188

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích duy trì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

[Page 1185]

[Trang 1185]

II. THE EFFECTS OF THE LAW OF ATTRACTION

II. CÁC HIỆU QUẢ CỦA ĐỊNH LUẬT HẤP DẪN

The Law of Attraction produces certain effects which it might profit us to touch upon here, provided we remember that only **a few effects out of many possible** are being considered.

Định luật Hấp Dẫn tạo ra một số hiệu quả mà ở đây có lẽ sẽ có ích cho chúng ta khi đề cập đến, miễn là chúng ta nhớ rằng chỉ **một vài hiệu quả trong số rất nhiều hiệu quả khả hữu** đang được xem xét.

1. Master DK intends to touch lightly on the subject, but that touch will surely give us more than enough to ponder.

1. Chân sư DK dự định chỉ đề cập nhẹ đến chủ đề này, nhưng sự đụng chạm ấy chắc chắn sẽ cho chúng ta quá đủ điều để suy ngẫm.

2. We must always be wary if we think that DK has said all that might be said on a subject. For instance, on the types of second ray souls—He describes three types but adds, "there are naturally numerous exceptions".

2. Chúng ta phải luôn thận trọng nếu nghĩ rằng DK đã nói hết mọi điều có thể nói về một chủ đề. Chẳng hạn, về các loại linh hồn cung hai—Ngài mô tả ba loại nhưng thêm rằng, "dĩ nhiên có rất nhiều ngoại lệ".

*1. **Association**.*

*1. **Sự kết hợp**.*

The first effect might be called association. Under this law the karmic Lords are enabled to **bring together those lives** (human, subhuman, and superhuman) **which have earlier been associated**, and have, therefore, somewhat to work out.

Hiệu quả đầu tiên có thể được gọi là sự kết hợp. Dưới định luật này, các Đấng Nghiệp Quả có thể **đưa lại gần nhau những sự sống** (nhân loại, dưới nhân loại, và siêu nhân loại) **đã từng được kết hợp trước đây**, và do đó, có điều gì đó cần cùng giải quyết.

3. This thought leads us to the conclusion that there are many human beings with whom we have never been personally associated and that the human beings with whom we are now associated are likely to be those with whom we have been associated many times before.

3. Tư tưởng này dẫn chúng ta đến kết luận rằng có nhiều con người mà chúng ta chưa bao giờ từng được kết hợp một cách cá nhân, và rằng những con người mà hiện nay chúng ta đang được kết hợp cùng rất có thể là những người mà chúng ta đã từng được kết hợp nhiều lần trước đây.

The seven Heavenly Men, for instance, are a few out of the great band of associated Lives who have chosen to come into incarnation in this kalpa **for purposes of mutual help and mutual correction**.

Chẳng hạn, bảy Đấng Thiên Nhân chỉ là một số ít trong đại đoàn các Sự Sống đã được kết hợp, những Đấng đã chọn đi vào lâm phàm trong kalpa này **vì những mục đích trợ giúp lẫn nhau và điềuchỉnh lẫn nhau**.

4. The Planetary Logoi Who comprise this solar system are of long association. This suggests that throughout our galaxy there are many Heavenly Men.

4. Các Hành Tinh Thượng Đế cấu thành hệ mặt trời này đã có sự kết hợp lâu dài. Điều này gợi ý rằng trong toàn thiên hà của chúng ta có nhiều Đấng Thiên Nhân.

5. It is interesting to read of their purpose for association: "mutual help and mutual correction". They all have somewhat to learn from each other and each is helped by the other in his or her next step ahead.

5. Thật thú vị khi đọc về mục đích liên kết của họ: "giúp đỡ lẫn nhau và sửa chữa lẫn nhau". Tất cả họ đều có đôi điều để học hỏi từ nhau và mỗi người đều được người kia giúp đỡ trong bước tiến kế tiếp của y.

6. When we think of those individuals with whom we are closely and inevitably associated, do we find the ways in which our mutual interaction is for "mutual help and mutual correction"?

6. Khi chúng ta nghĩ đến những cá nhân mà chúng ta gắn bó mật thiết và không thể tránh khỏi, liệu chúng ta có nhận ra những cách thức mà sự tương tác lẫn nhau của chúng ta là để "giúp đỡ lẫn nhau và sửa chữa lẫn nhau" hay không?

They are really destined to work together, but nevertheless on other cosmic planes have points of contact unknown to us.

Họ thực sự được định mệnh để cùng làm việc với nhau, nhưng tuy vậy trên các cõi vũ trụ khác lại có những điểm tiếp xúc mà chúng ta không biết.

7. DK seems to be speaking of the psychological interaction of the Heavenly Men on the cosmic astral and cosmic mental plane.

7. DK dường như đang nói về sự tương tác tâm lý của các Đấng Thiên Nhân trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

Under this attractive **pull the informing existences of the various kingdoms of nature are engaged in mutual interaction**,

Dưới **sức hút** hấp dẫn này, **các sự sống phú linh của các giới khác nhau trong thiên nhiên tham gia vào sự tương tác lẫn nhau**,

8. The same idea seems true of any members within one of Nature's wholes—kingdoms, Hierarchies, and various other structural groupings.

8. Cùng một ý tưởng ấy dường như cũng đúng đối với bất kỳ thành viên nào bên trong một toàn thể của Thiên Nhiên—các giới, các Huyền Giai, và nhiều nhóm cấu trúc khác nhau.

and thus swing into lesser but similar activity all the lives of these various bodies of manifestation.

và do đó đưa tất cả các sự sống của những thể biểu hiện khác nhau này vào một hoạt động nhỏ hơn nhưng tương tự.

9. For instance, it seems that the informing life of the human kingdom and of the animal kingdom are long associated.

These lines of attraction are veiled in mystery, and **all that it is possible to indicate is the karma of the Lord of the second or vegetable kingdom with the Lord of the fifth kingdom, and a close line of linking energy between the Lord of the mineral kingdom and the human.**

10. In the relation between the Lords of the second and fifth kingdoms, we can see the influence of Venus.

11. In the relation between the Lords of the mineral kingdom and the human, the role of Vulcan stands out. The structure we know as the “stone” is prominent in each—in the first, literally, and in the second, metaphysically.

These points are only for reference to our own planetary scheme.

12. The kingdoms of nature as they express on other planetary schemes may be different, and differently related.

The Lord of the Moon chain and the Lord of our present animal kingdom are "blood brothers"

13. Presumably the Lord of a Chain is of much higher status than the Lord of a Kingdom.

14. One wonders about the present ‘location’ and activities of the Lord of the Moon chain. We know that the animal kingdom certainly exists. And notice the word, “are”, is in the

9. Thí dụ, dường như sự sống phú linh của giới nhân loại và của giới động vật đã liên kết lâu dài.

Những đường hút này được che phủ trong huyền nhiệm, và **tất cả những gì có thể chỉ ra là nghiệp quả của Chúa Tể của giới thứ hai hay giới thực vật với Chúa Tể của giới thứ năm, và một đường năng lượng liên kết chặt chẽ giữa Chúa Tể của giới kim thạch và giới nhân loại.**

10. Trong mối liên hệ giữa các Chúa Tể của giới thứ hai và giới thứ năm, chúng ta có thể thấy ảnh hưởng của Sao Kim.

11. Trong mối liên hệ giữa các Chúa Tể của giới kim thạch và giới nhân loại, vai trò của Vulcan nổi bật lên. Cấu trúc mà chúng ta biết là “đá” nổi bật trong cả hai—ở trường hợp thứ nhất là theo nghĩa đen, và ở trường hợp thứ hai là theo nghĩa siêu hình.

Những điểm này chỉ nhằm tham chiếu đến hệ hành tinh riêng của chúng ta.

12. Các giới trong thiên nhiên khi biểu lộ trên những hệ hành tinh khác có thể khác đi, và có những tương quan khác đi.

Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng và Chúa Tể của giới động vật hiện nay của chúng ta là "anh em máu mủ"

13. Có lẽ Chúa Tể của một Dãy có địa vị cao hơn rất nhiều so với Chúa Tể của một Giới.

14. Người ta tự hỏi về ‘vị trí’ và các hoạt động hiện nay của Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng. Chúng ta biết rằng giới động vật chắc chắn đang tồn tại. Và hãy lưu ý từ “are” ở thì hiện

present tense, telling us that the Lord of the Moon-chain is still very much with us. Has He been absorbed in some way into the Earth-chain? Is our Earth-chain supervised by two such Lords?

tại, cho chúng ta biết rằng Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng vẫn còn hiện diện rất nhiều với chúng ta. Phải chăng Ngài đã được hấp thu theo một cách nào đó vào Dãy Địa Cầu? Phải chăng Dãy Địa Cầu của chúng ta được giám sát bởi hai Chúa Tể như thế?

15. There is a mystery of "blood" in their relationship. Mars is one of the planets which rules the blood and there is a close connection between the Moon and Mars through the lunar lords.

15. Có một huyền nhiệm về "máu" trong mối liên hệ của họ. Sao Hỏa là một trong những hành tinh cai quản máu, và có một liên hệ chặt chẽ giữa Mặt Trăng và Sao Hỏa thông qua các nguyệt tinh quân.

and in their relationship and the **esoteric interference of the "Man of Men" (the human family personified) is hidden the mystery of present animal karma** and the slaughter of animal forms, the terror of wild beasts and the work of vivisectionists.

và trong mối liên hệ của họ cùng với **sự can thiệp huyền bí của "Con Người của những con người" (gia đình nhân loại được nhân cách hóa) ẩn giấu huyền nhiệm của nghiệp quả động vật hiện nay** và sự tàn sát các hình tướng động vật, nỗi kinh hoàng của thú dữ và công việc của những kẻ mổ xẻ sinh thể.

16. We are being told of the origins of matters which are still deeply troubling upon our planet.

16. Chúng ta đang được cho biết về nguồn gốc của những vấn đề vẫn còn gây xáo trộn sâu sắc trên hành tinh chúng ta.

17. The human kingdom has somehow interfered esoterically with the relationship between the Lord of the Moon-chain and the Lord of the animal kingdom and this has led to the great sacrifice of the animal form. The animal forms of human beings (for they are animal forms) were constantly attacked by animals in olden days, we are told, and this has figured into the development of the kind of retributive karma, discussed above.

17. Giới nhân loại bằng cách nào đó đã can thiệp một cách huyền bí vào mối liên hệ giữa Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng và Chúa Tể của giới động vật, và điều này đã dẫn đến sự hi sinh lớn lao của hình tướng động vật. Các hình tướng động vật của con người (vì chúng là những hình tướng động vật) đã liên tục bị động vật tấn công trong thời xưa, như chúng ta được cho biết, và điều này đã góp phần vào sự phát triển của loại nghiệp quả báo ứng đã được bàn đến ở trên.

18. The phrase "Man of Men" to personify the nature of the human kingdom is interesting and unusual. We are being led into the mystery of two kingdoms sharing forms which are similar in many ways.

18. Cụm từ "Con Người của những con người" để nhân cách hóa bản chất của giới nhân loại thật thú vị và khác thường. Chúng ta đang được dẫn vào huyền nhiệm của hai giới cùng chia sẻ những hình tướng tương tự nhau trên nhiều phương diện.

Under this Law,

19. The Law of Association…

too, is found "the Path" upon which [Page 1186] men lift themselves out of the human state of consciousness into the divine, but on this there is no need to enlarge.

20. It seems that when and as we fulfill karma with those with whom we have been long associated, we are led into an association with those who are already treading the Path. These individuals, too, are those with whom we have been long associated, but all along (given the normal progression) they have been 'ahead of us' in their degree of evolutionary unfoldment.

2..

21. This is another subsidiary law related to the Law of Attraction.

The second effect is form building. Upon this we will not enlarge at any length, as all that it is at present possible to impart anent this subject has already been given in this *Treatise*, and other works of a similar nature.

22. Much has been given in *A Treatise on Cosmic Fire* and later was given in *A Treatise on White Magic*. If we examine the Tibetan's later writings, we shall see how pervasive this type of information is.

Dưới Định luật này,

19. Định luật Liên Kết…

cũng tìm thấy "Con Đường" mà trên đó [Page 1186] con người nâng mình ra khỏi trạng thái tâm thức nhân loại để đi vào tâm thức thiêng liêng, nhưng về điều này không cần phải khai triển thêm.

20. Dường như khi và trong chừng mực chúng ta hoàn tất nghiệp quả với những người mà chúng ta đã liên kết lâu dài, chúng ta được dẫn vào một sự liên kết với những người đã đang bước đi trên Con Đường. Những cá nhân này cũng là những người mà chúng ta đã liên kết lâu dài, nhưng suốt từ trước đến nay (nếu sự tiến triển diễn ra bình thường) họ đã 'đi trước chúng ta' về mức độ khai mở tiến hoá của họ.

2..

21. Đây là một định luật phụ khác có liên hệ với Định luật Hấp Dẫn.

Hiệu quả thứ hai là sự xây dựng hình tướng. Về điều này chúng ta sẽ không khai triển dài dòng, vì tất cả những gì hiện nay có thể truyền đạt liên quan đến chủ đề này đã được trình bày trong *Luận* này, và trong những tác phẩm khác có tính chất tương tự.

22. Nhiều điều đã được trình bày trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* và về sau đã được trình bày trong *Luận về Chánh Thuật*. Nếu chúng ta khảo sát các trước tác về sau của Chân sư Tây Tạng, chúng ta sẽ thấy loại thông tin này thấm khắp đến mức nào.

Chính phương diện giữa, hay phương diện thứ hai, luôn luôn chịu trách nhiệm cho việc

It is the middle, or second aspect which is ever responsible for the construction of a form around a central nucleus.

kiến tạo một hình tướng quanh một hạt nhân trung tâm.

23. The first aspect sustains all with power, but the second aspect *builds.*

23. Phương diện thứ nhất duy trì tất cả bằng quyền năng, nhưng phương diện thứ hai *xây dựng.*

Students would find it useful to study and meditate upon the appended tabulation of energy streams and their objectivising through mutual interplay.

Các đạo sinh sẽ thấy hữu ích nếu nghiên cứu và tham thiền về bảng liệt kê đính kèm các dòng năng lượng và sự khách quan hóa của chúng thông qua sự tương tác lẫn nhau.

24. This tabulation is on the next several pages.

24. Bảng liệt kê này nằm trong vài trang kế tiếp.

25. The principle to grasp is that energy-streams are *objectivized* through mutual interplay. We say an example of this in the way that chakras and other types of centers (such as the third eye) were objectivized by the interplay of three energy-streams.

25. Nguyên lý cần nắm bắt là các dòng năng lượng được *khách quan hóa* thông qua sự tương tác lẫn nhau. Chúng ta thấy một thí dụ về điều này trong cách các luân xa và những loại trung tâm khác (chẳng hạn như con mắt thứ ba) đã được khách quan hóa bởi sự tương tác của ba dòng năng lượng.

As time goes on, science will become aware of **the basic nature and fundamental accuracy of the method whereby every form can be divided into its three aspects**, and viewed as an Entity energised by three types of force, emanating from various points extraneous to the form under consideration.

Theo thời gian, khoa học sẽ nhận biết **bản chất căn bản và tính chính xác nền tảng của phương pháp nhờ đó mọi hình tướng có thể được phân chia thành ba phương diện của nó**, và được nhìn như một Thực Thể được tiếp năng lượng bởi ba loại mãnh lực, phát ra từ những điểm khác nhau ở bên ngoài hình tướng đang được xem xét.

26. We have just been studying this process in relation to our Solar Logos and solar system, energized by three sources extraneous to our solar system—the Great Bear, the Pleiades and Sirius.

26. Chúng ta vừa nghiên cứu tiến trình này trong liên hệ với Thái dương Thượng đế và hệ mặt trời của chúng ta, được tiếp năng lượng bởi ba nguồn ở bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta—Đại Hùng Tinh, Pleiades và Sirius.

27. The threefold nature of all form is naturally assumed by all of us (if we have studied the Tibetan with any degree of

27. Bản chất tam phân của mọi hình tướng dĩ nhiên được tất cả chúng ta thừa nhận (nếu chúng ta đã nghiên cứu Chân sư Tây

persistence) and yet it is not generally recognized by most human beings when they consider the nature of form.

Tạng với một mức độ kiên trì nào đó), tuy nhiên nó không được đa số con người nhìn nhận một cách phổ biến khi họ xem xét bản chất của hình tướng.

28. Man as a personality is mind, emotions and body and, likewise, three sources extraneous to the man himself have provided these three aspects of his lower nature. The same is true of man's threefold physical body, etc.

28. Con người với tư cách một phàm ngã là trí tuệ, cảm xúc và thể xác; và tương tự như vậy, ba nguồn ở bên ngoài chính con người đã cung cấp ba phương diện này của bản chất thấp của y. Điều tương tự cũng đúng đối với thể xác tam phân của con người, v.v.

It can be considered also as expressing in some way or another, in its various parts, force or energy originating in the three forces of manifestation, Brahma, Vishnu and Shiva.

Nó cũng có thể được xem như biểu lộ theo cách này hay cách khác, trong các phần khác nhau của nó, mãnh lực hay năng lượng phát sinh từ ba mãnh lực biểu hiện là Brahma, Vishnu và Shiva.

29. This is the great Triplicity (in our solar system) lying behind the threefold division of each form.

29. Đây là Bộ Ba vĩ đại (trong hệ mặt trời của chúng ta) nằm phía sau sự phân chia tam phân của mỗi hình tướng.

30. As we ascend the "Ladder of Evolution" we shall find Entities Who represent Brahma, Vishnu and Shiva on various higher planes and within various higher dimensions.

30. Khi chúng ta đi lên "Thang Tiến Hóa", chúng ta sẽ gặp những Thực Thể đại diện cho Brahma, Vishnu và Shiva trên nhiều cõi cao hơn khác nhau và trong nhiều chiều kích cao hơn khác nhau.

Where this is the case and the premise admitted, the entire outlook on life, on nature, medicine and science and on methods of construction or destruction will be changed.

Khi điều này là như thế và tiền đề ấy được chấp nhận, toàn bộ quan điểm về sự sống, về thiên nhiên, y học và khoa học, cũng như về các phương pháp kiến tạo hay hủy diệt sẽ thay đổi.

31. Such a simple realization will change so much about the way humanity lives its life.

31. Một chứng nghiệm đơn giản như thế sẽ làm thay đổi rất nhiều cách mà nhân loại sống cuộc đời của mình.

Things will be viewed as essential triplicities,

Sự vật sẽ được nhìn như những bộ ba cốt yếu,

32. This is shown in how Tabulation VII below is constructed.

32. Điều này được cho thấy qua cách Bảng Liệt Kê VII dưới đây được cấu tạo.

men will be regarded as a combination of energy units, and work with things and with men from the form aspect will be revolutionised.

con người sẽ được xem như một sự kết hợp của các đơn vị năng lượng, và công việc với sự vật và với con người từ phương diện hình tướng sẽ được cách mạng hóa.

33. A great simplification of perception is on its way and with it the possibility of bringing greater balance to human living. The triangle is the symbol of balance.

33. Một sự đơn giản hóa lớn lao trong nhận thức đang đến gần, và cùng với nó là khả năng đem lại sự quân bình lớn hơn cho đời sống con người. Tam giác là biểu tượng của sự quân bình.

34. Five great orders of life are described in the tabulation below. These are the types of lives with which we have been dealing throughout this book.

34. Năm đại đẳng cấp sự sống được mô tả trong bảng liệt kê dưới đây. Đây là những loại sự sống mà chúng ta đã bàn đến trong suốt quyển sách này.

It has been necessary to somewhat alter the spacing of Tabulation VII so that comment may be interleaved.

Cần phải điều chỉnh đôi chút khoảng cách của Bảng Liệt Kê VII để có thể xen vào phần bình luận.

35. I would recommend that you study what is said below with the original form of Tabulation VII before your eyes so that the comparisons discussed can be easily seen.

35. Tôi muốn khuyên các bạn hãy nghiên cứu điều được nói dưới đây trong khi đặt trước mắt hình thức nguyên thủy của Bảng Liệt Kê VII để những sự so sánh được bàn đến có thể dễ dàng được nhận ra.

[Page 1187]

[Page 1187]

TABULATION VII [Reconstituted by VSK]

BẢNG LIỆT KÊ VII [Được VSK tái lập]

SOLAR LOGOS:

Source	*Focal Point*	*Medium*	*Type of Energy*	*Nature of Fire*

36. We notice that the first three categories correspond to the first three aspects of divinity in the following order: first, third, second.

36. Chúng ta nhận thấy rằng ba loại đầu tiên tương ứng với ba phương diện đầu tiên của thiên tính theo thứ tự sau: thứ nhất, thứ ba, thứ hai.

37. We notice also that the “Type of Energy” is discriminated from the “Nature of Fire”, though energy and fire are in many ways equivalent.

37. Chúng ta cũng nhận thấy rằng “Loại Năng Lượng” được phân biệt với “Bản Chất của Lửa”, mặc dù năng lượng và lửa trên nhiều phương diện là tương đương.

SOLAR LOGOS

THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ

38. For the purposes of this tabulation the Solar Logos is the macrocosm.

38. Vì mục đích của bảng liệt kê này, Thái dương Thượng đế là đại thiên địa.

39. The next greater Macrocosm about which Master DK says anything extensive is the "One About Whom Naught May Be Said".

39. Đại thiên địa lớn hơn kế tiếp mà Chân sư DK có nói điều gì đó khá rộng là "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

1.	Causal Body.....	Jewel.....	Central ..... Spiritual Sun.	Cosmic Will.....	Electric Fire. Positive.

40. Like man, the Solar Logos has a causal body. There is something strange about this first listing and it is repeated for the lesser beings: the causal body is listed twice and appears in the row in which the first aspect of divinity is described.

40. Giống như con người, Thái dương Thượng đế có một thể nguyên nhân. Có điều gì đó lạ trong mục liệt kê đầu tiên này và nó được lặp lại đối với các hữu thể nhỏ hơn: thể nguyên nhân được liệt kê hai lần và xuất hiện trong hàng mô tả phương diện thứ nhất của thiên tính.

41. One can wonder why the ‘Monadic Body’ or ‘Monadic Vehicle’ is not offered, with its "Jewel". This corresponds well to the presence of the Central Spiritual Sun.

41. Người ta có thể tự hỏi vì sao ‘Thể Chân Thần’ hay ‘Vận cụ Chân Thần’ không được nêu ra, cùng với "Ngọc". Điều này tương ứng rất tốt với sự hiện diện của Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

42. Yet just as man cannot yet access his Monad and can somewhat access his causal body so it may be for the Solar Logos at His present stage of development. Thus, it is the first aspect of the causal body which is used to represent the first aspect of divinity. The "Jewel in the Lotus" is the reflection of the Monad and its source is the Central Spiritual Sun, which is the monadic nature of the Solar Logos.

42. Tuy nhiên, cũng như con người chưa thể tiếp cận chân thần của mình mà chỉ có thể phần nào tiếp cận thể nguyên nhân của mình, thì đối với Thái dương Thượng đế ở giai đoạn phát triển hiện nay của Ngài cũng có thể như vậy. Vì thế, chính phương diện thứ nhất của thể nguyên nhân được dùng để biểu thị phương diện thứ nhất của thiên tính. "Ngọc trong Hoa Sen" là sự phản chiếu của chân thần và nguồn của nó là Mặt trời

Tinh thần Trung Ương, vốn là bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế.

43. In this second ray solar system this representation will have to do. In the next solar system, the solar logoic Monad and the "Jewel", which we may presume to be found within it, would probably be listed.

43. Trong hệ mặt trời cung hai này, cách biểu thị ấy sẽ phải tạm dùng như vậy. Trong hệ mặt trời kế tiếp, chân thần logoi thái dương và "Ngọc", mà chúng ta có thể giả định là được tìm thấy bên trong nó, có lẽ sẽ được liệt kê.

44. For now, the main source of the first aspect for the Solar Logos, our Planetary Logos and man is the first aspect of divinity as it manifests through the causal body of all these B/beings.

44. Hiện nay, nguồn chính của phương diện thứ nhất đối với Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và con người là phương diện thứ nhất của thiên tính khi nó biểu lộ qua thể nguyên nhân của tất cả các H/hữu thể này.

2.	Causal Body.....	Lotus ..... (two petalled)..	Heart of the Sun.....	Cosmic Love ..... (The Son)	Solar Fire. Harmony. Equilibrium.

45. Here the emphasis is upon the second aspect of the Solar Logos. The causal body is the expected source of this type of energy.

45. Ở đây trọng tâm đặt vào phương diện thứ hai của Thái dương Thượng đế. Thể nguyên nhân là nguồn được chờ đợi của loại năng lượng này.

46. Probably the “Lotus” discussed is the egoic lotus of the Solar Logos. Elsewhere, we are told that this lotus consists of seven tiers of petals and a triple flame. It number is thus, *ten*. If there are three petals in each of the seven circles the number to be associated with the lotus is twenty-four. Yet here we read that it is a “two-petalled” lotus. The lotus usually considered as two petalled is the ajna lotus—at least this is the case for man. So what can these two petals indicate, especially if they are to be associated with the solar logoic egoic lotus?

46. Có lẽ “Hoa Sen” được bàn đến là Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế. Ở nơi khác, chúng ta được cho biết rằng hoa sen này gồm bảy tầng cánh và một ngọn lửa tam phân. Do đó số của nó là, *mười*. Nếu có ba cánh trong mỗi một trong bảy vòng thì con số gắn với hoa sen sẽ là hai mươi bốn. Tuy nhiên ở đây chúng ta đọc thấy rằng đó là một hoa sen “hai cánh”. Hoa sen thường được xem là hai cánh là hoa sen ajna—ít nhất đối với con người là như vậy. Vậy hai cánh này có thể chỉ điều gì, nhất là nếu chúng được gắn với Hoa Sen Chân Ngã logoi thái dương?

47. We have something of a mystery here. The only ‘twoness’ in the way the egoic lotus of the Solar Logos is usually described is the

47. Ở đây chúng ta có phần nào một huyền nhiệm. Tính ‘hai’ duy nhất trong cách Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế

relationship between the seven tiers of petals (taken as a whole) and the triple flame —and the flame cannot be counted as petals.

thường được mô tả là mối liên hệ giữa bảy tầng cánh (được lấy như một toàn thể) và ngọn lửa tam phân—và ngọn lửa không thể được tính là cánh.

48. The Heart of the Sun is predictably aspect of the solar logoic nature which works through is causal body. There are a number of thoughts concerning the nature of the Heart of the Sun, but it should rightly be associated with the soul-demonstration of the Solar Logos on the higher three cosmic subplanes (to be specific, the first subplane) of the cosmic mental plane.

48. Trái Tim của Mặt Trời có thể dự đoán được là phương diện của bản chất logoi thái dương hoạt động qua thể nguyên nhân của Ngài. Có một số tư tưởng liên quan đến bản chất của Trái Tim của Mặt Trời, nhưng nó đúng ra phải được gắn với sự biểu lộ linh hồn của Thái dương Thượng đế trên ba cõi phụ vũ trụ cao hơn (nói chính xác là cõi phụ thứ nhất) của cõi trí vũ trụ.

49. Since the energy is "Cosmic Love" we notice a relation to cosmic buddhi, and thus to the Pleiades and the Dragon as sources of cosmic buddhi.

49. Vì năng lượng là "Bác Ái Vũ Trụ", chúng ta nhận thấy một mối liên hệ với Bồ đề vũ trụ, và do đó với Pleiades và Con Rồng như những nguồn của Bồ đề vũ trụ.

50. A very high form of solar fire expresses through the solar logoic causal lotus. Since this fire brings harmony and equilibrium, it too must be associated with the buddhic energy—the *cosmic* buddhic energy.

50. Một hình thức rất cao của Lửa Thái dương biểu lộ qua hoa sen nguyên nhân logoi thái dương. Vì lửa này mang lại hòa điệu và quân bình, nên nó cũng phải được gắn với năng lượng Bồ đề—năng lượng Bồ đề *vũ trụ*.

3.	Physical..... Plane Nucleus.	Permanent Atom.....	The Physical Sun.....	Cosmic Activity ..... (Universal Mind).	Fire by Friction. Negative.

51. The words "Physical Plane Nucleus" are usual and vague. Perhaps DK is speaking of the entirety of the Sun as it manifests on the cosmic physical plane, a plane which has two aspects—the dense physical body of the Solar Logos and the four cosmic etheric planes.

51. Những từ "Hạt Nhân Cõi Hồng Trần" vừa quen thuộc vừa mơ hồ. Có lẽ DK đang nói về toàn thể Mặt Trời khi nó biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ, một cõi có hai phương diện —thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và bốn cõi dĩ thái vũ trụ.

52. The permanent atom here mentioned is likely to be the solar logoic physical permanent atom, which has been related to the planet Saturn.

52. Nguyên tử trường tồn được nhắc đến ở đây có lẽ là nguyên tử trường tồn hồng trần của logoi thái dương, vốn đã được liên hệ với hành tinh Sao Thổ.

53. We are dealing with solar energies related to the third aspect of divinity. The "Physical Sun" is the medium of transmission for these energies.

53. Chúng ta đang bàn đến các năng lượng thái dương liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính. "Mặt Trời Hồng Trần" là môi giới truyền dẫn cho các năng lượng này.

54. Thus far we have had Cosmic Will, Cosmic Love and now Cosmic Activity. Notice how when we speak of the Solar Logos the adjective "cosmic" is used. The Solar Logos is considered not a *systemic* Being but a *cosmic* Being.

54. Cho đến nay chúng ta đã có Ý Chí Vũ Trụ, Bác Ái Vũ Trụ và giờ đây là Hoạt Động Vũ Trụ. Hãy lưu ý rằng khi chúng ta nói về Thái dương Thượng đế thì tính từ "vũ trụ" được dùng. Thái dương Thượng đế không được xem là một Hữu thể *hệ thống* mà là một Hữu thể *vũ trụ*.

55. What are the sources of these great Energies. It would be right to say that Cosmic Will, Cosmic Love and Cosmic Activity are *sourced* from the cosmic planes —the cosmic atmic plane, the cosmic buddhic plane and the cosmic mental plane, respectively.

55. Những Năng Lượng Vĩ Đại này có những nguồn nào? Sẽ đúng khi nói rằng Ý Chí Vũ Trụ, Bác Ái Vũ Trụ và Hoạt Động Vũ Trụ được *phát xuất* từ các cõi vũ trụ—lần lượt là cõi atma vũ trụ, cõi Bồ đề vũ trụ và cõi trí vũ trụ.

56. Although the systemic atmic plane is closely related to Universal Mind, this plane is certainly not its source, but only its expression on the cosmic physical plane.

56. Mặc dù cõi atma hệ thống có liên hệ chặt chẽ với Vũ Trụ Trí, cõi này chắc chắn không phải là nguồn của nó, mà chỉ là sự biểu lộ của nó trên cõi hồng trần vũ trụ.

57. We see the close relationship between "Mind" and "Activity". Mind is that factor which arranges and re-arranges all in keeping with the perceived archetype.

57. Chúng ta thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa "Trí" và "Hoạt Động". Trí là yếu tố sắp xếp và tái sắp xếp mọi sự phù hợp với nguyên mẫu được nhận biết.

58. Fire by friction is *negative* fire, just as solar fire was *equilibrizing* fire producing equilibrium.

58. Lửa ma sát là lửa *âm*, cũng như Lửa Thái dương là lửa *quân bình hóa* tạo ra sự quân bình.

59. For the Solar Logos, and cosmically considered, fire by friction is found on the lower eighteen *cosmic* subplanes.

59. Đối với Thái dương Thượng đế, và xét theo vũ trụ, lửa ma sát được tìm thấy trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn.

60. For the Solar Logos, the lowest form of fire by friction is found on the cosmic physical plane and especially on the three

60. Đối với Thái dương Thượng đế, hình thức thấp nhất của lửa ma sát được tìm thấy

lowest subplanes of the cosmic physical plane.

trên cõi hồng trần vũ trụ và đặc biệt trên ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

PLANETARY LOGOS:

1.	Planetary Causal Body.	Jewel	Heavenly Man (On his own plane.)	Systemic Will	Electric Fire. Positive.

61. We have the same situation for the Planetary Logos as we had for the Solar Logos. The first aspect is expressed through the causal body—the *planetary* causal body in this case, found on the third subplane of the cosmic mental plane and not, as in the case for the Solar Logos, upon the first subplane.

61. Chúng ta có cùng một tình huống đối với Hành Tinh Thượng Đế như đã có đối với Thái dương Thượng đế. Phương diện thứ nhất được biểu lộ qua thể nguyên nhân—thể nguyên nhân *hành tinh* trong trường hợp này, được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ chứ không phải, như trong trường hợp của Thái dương Thượng đế, trên cõi phụ thứ nhất.

62. Again, as for the Solar Logos, the “Focal Point” is the "Jewel" and the “Medium” is not the Central Spiritual Sun but the “Heavenly Man (On his own plane)”. In this case the term “Heavenly Man” is equivalent to “Planetary Logos”, and we may suspect that the monadic nature of the Heavenly Man or Planetary Logos is indicated.

62. Một lần nữa, cũng như đối với Thái dương Thượng đế, “Điểm Hội Tụ” là "Ngọc" và “Môi Giới” không phải là Mặt trời Tinh thần Trung Ương mà là “Đấng Thiên Nhân (Trên cõi riêng của Ngài)”. Trong trường hợp này, thuật ngữ “Đấng Thiên Nhân” tương đương với “Hành Tinh Thượng Đế”, và chúng ta có thể ngờ rằng bản chất chân thần của Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế được chỉ ra.

63. If for the Solar Logos the *macrocosmic* Central Spiritual Sun is found on the cosmic monadic plane, there is no reason why this should not be the case for the Planetary Logos as well. Their causal bodies are found on the same cosmic plane (though not the same cosmic subplane) and we may expect that the monadic nature will also be found on the same cosmic plane (the cosmic monadic plane) though probably not on the same subplane of that cosmic plane.

63. Nếu đối với Thái dương Thượng đế, Mặt trời Tinh thần Trung Ương *đại thiên địa* được tìm thấy trên cõi chân thần vũ trụ, thì không có lý do gì điều này lại không đúng đối với Hành Tinh Thượng Đế. Các thể nguyên nhân của các Ngài được tìm thấy trên cùng một cõi vũ trụ (dù không cùng một cõi phụ vũ trụ) và chúng ta có thể chờ đợi rằng bản chất chân thần cũng sẽ được tìm thấy trên cùng cõi vũ trụ ấy (cõi chân thần vũ trụ), dù có lẽ không trên cùng cõi phụ của cõi vũ trụ đó.

64. The nature of planetary logoic Will is similar to solar logoic Will, but of lesser scope, being *systemic* rather than cosmic.

64. Bản chất của Ý Chí logoi hành tinh tương tự với Ý Chí logoi thái dương, nhưng có

phạm vi nhỏ hơn, mang tính *hệ thống* chứ không phải vũ trụ.

65. The type of fire is the same: “Electric Fire Positive”.

65. Loại lửa là như nhau: “Lửa Điện Dương”.

66. As we study this tabulation, constructed very much under the Law of Analogy, we should notice the slight differences in wording. These can reveal blinds.

66. Khi nghiên cứu bảng liệt kê này, được xây dựng rất nhiều dưới định luật tương đồng, chúng ta nên lưu ý những khác biệt nhỏ trong cách dùng từ. Chúng có thể tiết lộ những bức màn che.

2. Planetary.....Lotus.....Egoic Groups.....Systemic Love.....Solar Fire. Harmony. Balance. Causal Body.

67. As in the case of the Solar Logos, the source of the second aspect is again the causal body—this time of the Planetary Logos. —

67. Cũng như trong trường hợp của Thái dương Thượng đế, nguồn của phương diện thứ hai lại một lần nữa là thể nguyên nhân—lần này là của Hành Tinh Thượng Đế. —

68. Again the “Focal Point” is the “Lotus” but there is no designation of it being “two-petalled”. We learned of the tenfold structure of the egoic lotus of the Solar Logos, but not much about the structure of the Planetary Logos’s causal body.

68. Một lần nữa “Điểm Hội Tụ” là “Hoa Sen” nhưng không có chỉ định rằng nó là “hai cánh”. Chúng ta đã biết về cấu trúc thập phân của Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế, nhưng không biết nhiều về cấu trúc của thể nguyên nhân của Hành Tinh Thượng Đế.

69. The following may be indicative though not conclusive:

69. Điều sau đây có thể mang tính chỉ dấu dù không có tính kết luận:

We have, therefore, a direct stream of energy flowing through:

Vì vậy, chúng ta có một dòng năng lượng trực tiếp chảy qua:

a. The logoic twelve-petalled egoic lotus, cosmic mental plane.

a. Hoa Sen Chân Ngã mười hai cánh của logoi, cõi trí vũ trụ.

b. The solar twelve-petalled lotus.

b. Hoa sen mười hai cánh thái dương.

c. The planetary logoic heart, also a twelve-petalled lotus.

c. tim logoi hành tinh, cũng là một hoa sen mười hai cánh.

d. The twelve-petalled human egoic lotus on the mental plane.

e. The twelve-petalled heart centre in a human being. (EA 47)

70. It is interesting that in this reference the egoic lotus of the Solar Logos is referred to as twelve-petalled. In the other significant reference regarding this lotus it is said to have seven tiers. Perhaps it is an assumption that each tier has three petals. Perhaps this is not the case—we don't know. Perhaps it is possible that the number of petals of the solar egoic lotus actually is *twelve* but how would they be arranged? We do have a seeming contradiction here and will have to reconcile it.

71. The "Medium" in this case is interesting: "Egoic Groups". This term is the equivalent of "Heart of the Sun" for the Solar Logos and "Solar Angel" for man (below). For man, the Solar Angel contributes to the energy of the microcosmic "Heart of the Sun". One would think that there must be a planetary logoic Solar Angel, just as there is a solar logoic Solar Angel and a Solar Angel for the individual human being. Somehow the various "Egoic Groups" must be the constituents of the planetary logoic Solar Angel or "Heart of the Sun".

72. Now, where will these "Egoic Groups" be found? Shall we look for them only on the mental plane of the cosmic physical plane? To do so would not follow the analogy, for the "Heart of the Sun" for the Solar Logos is found (as usually considered) upon the cosmic mental plane, and the Solar Angel for

d. Hoa Sen Chân Ngã mười hai cánh của con người trên cõi trí.

e. trung tâm tim mười hai cánh trong một con người. (EA 47)

70. Thật thú vị là trong đoạn tham chiếu này, Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế được gọi là mười hai cánh. Trong đoạn tham chiếu quan trọng khác liên quan đến hoa sen này, nó được nói là có bảy tầng. Có lẽ người ta giả định rằng mỗi tầng có ba cánh. Có lẽ không phải như vậy—chúng ta không biết. Có lẽ số cánh của hoa sen chân ngã thái dương thực sự là *mười hai* nhưng chúng sẽ được sắp xếp như thế nào? Ở đây rõ ràng chúng ta có một mâu thuẫn bề ngoài và sẽ phải dung hòa nó.

71. "Môi Giới" trong trường hợp này thật thú vị: "Các Nhóm Chân Ngã". Thuật ngữ này tương đương với "Trái Tim của Mặt Trời" đối với Thái dương Thượng đế và "Thái dương Thiên Thần" đối với con người (ở dưới). Đối với con người, Thái dương Thiên Thần đóng góp vào năng lượng của "Trái Tim của Mặt Trời" vi mô. Người ta sẽ nghĩ rằng hẳn phải có một Thái dương Thiên Thần logoi hành tinh, cũng như có một Thái dương Thiên Thần logoi thái dương và một Thái dương Thiên Thần cho từng con người cá biệt. Bằng cách nào đó, các "Nhóm Chân Ngã" khác nhau hẳn phải là các thành phần cấu tạo nên Thái dương Thiên Thần logoi hành tinh hay "Trái Tim của Mặt Trời".

72. Giờ đây, những "Nhóm Chân Ngã" này sẽ được tìm thấy ở đâu? Chúng ta có nên chỉ tìm chúng trên cõi trí của cõi hồng trần vũ trụ không? Làm như vậy sẽ không theo định luật tương đồng, vì "Trái Tim của Mặt Trời" đối với Thái dương Thượng đế được tìm thấy (theo cách thường được hiểu) trên cõi trí vũ

the human being works upon the higher mental plane. It would seem that the "Egoic Groups" should have some relation to the cosmic mental plane (albeit on a lower subplane than the "Heart of the Sun" of the Solar Logos). I do not think we can solve this at this time.

trụ, và Thái dương Thiên Thần đối với con người hoạt động trên cõi thượng trí. Dường như các "Nhóm Chân Ngã" phải có một liên hệ nào đó với cõi trí vũ trụ (dù ở một cõi phụ thấp hơn "Trái Tim của Mặt Trời" của Thái dương Thượng đế). Tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể giải quyết điều này vào lúc này.

73. If we confined our search for "Egoic Groups" to the cosmic physical plane, in *Letters on Occult Meditation* that there are various groups which could be called "Egoic Groups" found on planes *higher* than the systemic higher mental plane:

73. Nếu chúng ta giới hạn việc tìm kiếm "Các Nhóm Chân Ngã" của mình vào cõi hồng trần vũ trụ, thì trong *Letters on Occult Meditation* có nói rằng có nhiều nhóm khác nhau có thể được gọi là "Các Nhóm Chân Ngã" được tìm thấy trên những cõi *cao hơn* cõi thượng trí hệ thống:

(1st subplane 35 groups, 7 x 5	(cõi phụ thứ 1 35 nhóm, 7 x 5
Mental plane (2nd subplane 42 groups, 7 x 6	*Cõi trí* (cõi phụ thứ 2 42 nhóm, 7 x 6
(3rd subplane 49 groups, 7 x 7	(cõi phụ thứ 3 49 nhóm, 7 x 7
(3rd subplane 28 groups, 7 x 4	(cõi phụ thứ 3 28 nhóm, 7 x 4
Buddhic plane (1st subplane 21 groups, 7 x 3	*Cõi Bồ đề* (cõi phụ thứ 1 21 nhóm, 7 x 3
Atmic plane Atomic subplane 14 groups, 7 x 2	*Cõi atma* cõi phụ nguyên tử 14 nhóm, 7 x 2
Monadic plane 7 great groups (LOM 38-39)	*Cõi chân thần* 7 đại nhóm (LOM 38-39)

74. It would seem reasonable that when looking for the 'heart function' for the Planetary Logos (on the cosmic physical plane) these groups should not be overlooked.

74. Có vẻ hợp lý rằng khi tìm kiếm 'chức năng tim' của Hành Tinh Thượng Đế (trên cõi hồng trần vũ trụ), không nên bỏ qua những nhóm này.

75. The type of energy for the Planetary Logos in relation to the second aspect of

75. Loại năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ với phương diện thứ hai của thiên

divinity is “Systemic Love”. And, just as we would expect, the type of fire is again *solar* fire, but this time the words “Harmony” and “Balance” are used as descriptors and not “Harmony” and “Equilibrium”. There is not much difference. The term “Equilibrium” seems richer and more demanding that the term “Balance” but maybe there is little indicated by these two related words.

tính là “Bác Ái Hệ Thống”. Và đúng như chúng ta mong đợi, loại lửa lại là Lửa Thái dương, nhưng lần này các từ “Hòa Điệu” và “Quân Bình” được dùng như những từ mô tả chứ không phải “Hòa Điệu” và “Cân Bằng”. Không có nhiều khác biệt. Thuật ngữ “Cân Bằng” dường như phong phú hơn và đòi hỏi hơn thuật ngữ “Quân Bình”, nhưng có lẽ hai từ liên hệ này không chỉ ra nhiều lắm.

3. Physical Plane.....Permanent Atom.....Physical Planet.....Systemic Activity.....Fire by Friction. Negative. Nucleus.

76. Again, as in the case of the Solar Logos we have the same ambiguous term for the “Source”, “Physical Plane Nucleus”. One would think that this nucleus would be the physical permanent atom, but apparently it is not.

76. Một lần nữa, cũng như trong trường hợp của Thái dương Thượng đế, chúng ta có cùng một thuật ngữ mơ hồ cho “Nguồn”, “Hạt Nhân Cõi Hồng Trần”. Người ta sẽ nghĩ rằng hạt nhân này là nguyên tử trường tồn hồng trần, nhưng dường như không phải vậy.

77. One angle of vision might point to the mental unit (on cosmic planes) and its connection to the collection of mental units found on the systemic lower mental plane). The Solar Logos does seem to have a mental unit according to the following: “…the force flowing through the mental unit of the Logos.” (TCF 623) We will not go far in understanding this type of “mental unit” for the following reasons: “What we understand by the fifth principle is but the expression on the causal plane of that force or energy which emanates from the logoic causal body on the fifth cosmic plane, **via the logoic correspondence to the mental unit**. (These correspondences involve a concept far in advance of what is possible even to an initiate at this time).” (TCF 691)

77. Một góc nhìn có thể hướng đến đơn vị hạ trí (trên các cõi vũ trụ) và mối liên hệ của nó với tập hợp các đơn vị hạ trí được tìm thấy trên cõi hạ trí hệ thống). Thái dương Thượng đế dường như có một đơn vị hạ trí theo đoạn sau: “…mãnh lực chảy qua đơn vị hạ trí của Thượng đế.” (TCF 623) Chúng ta sẽ không tiến xa trong việc hiểu loại “đơn vị hạ trí” này vì những lý do sau: “Điều chúng ta hiểu là nguyên khí thứ năm chỉ là sự biểu lộ trên cõi nguyên nhân của mãnh lực hay năng lượng phát ra từ thể nguyên nhân logoi trên cõi vũ trụ thứ năm, **thông qua sự tương ứng logoi với đơn vị hạ trí**. (Những sự tương ứng này bao hàm một khái niệm vượt rất xa điều hiện nay có thể có ngay cả đối với một điểm đạo đồ).” (TCF 691)

78. Since for these great Beings the physical plane relates to either all of the twenty-one systemic subplanes (in the case of the Solar Logos), or to the eighteen lower subplanes (in the case of the Planetary Logos), the physical plane nucleus could be found on the mental plane as a collection of lesser mental

78. Vì đối với những Hữu thể vĩ đại này, cõi hồng trần liên hệ hoặc với toàn bộ hai mươi mốt cõi phụ hệ thống (trong trường hợp của Thái dương Thượng đế), hoặc với mười tám cõi phụ thấp hơn (trong trường hợp của Hành Tinh Thượng Đế), nên hạt nhân cõi hồng trần có thể được tìm thấy trên cõi trí

units connected with the Logos' mental unit. Through such a concentration of energy, the dense physical plane expression of the Logos could be organized. This is merely a speculation attempting to deal with the vague term "Physical Plane Nucleus".

79. The focal point should be the *physical* permanent atom of the Planetary Logos. While we are told that Saturn is a correspondence to the physical permanent atom for the Solar Logos, we are not given any recognizable center which corresponds to the physical permanent atom of the Planetary Logos. If to the Solar Logos, planetary schemes are as chakra-chains, could the correspondence to the physical permanent atom of the Planetary Logos be one of its chains? This may seem a little far-fetched.

80. Whereas for the Solar Logos the physical permanent atom is found on the logoic plane (probably on the first subplane), would the physical permanent atom for the Planetary Logos also be found on the logoic plane, though on a lower subplane?

81. The terms "Systemic Activity" and "Fire by Friction Negative" have an exact correspondence to the terms used to describe the energy and type of fire of the Solar Logos.

82. If "Universal Mind" is associated with "Cosmic Activity" of the Solar Logos, what kind of activity should be associated with the Planetary Logos? Perhaps a lower stratum of the Universal Mind? The Planetary Logos and the Solar Logos are,

như một tập hợp các đơn vị hạ trí nhỏ hơn nối kết với đơn vị hạ trí của Thượng đế. Thông qua một sự tập trung năng lượng như thế, biểu hiện cõi hồng trần đậm đặc của Thượng đế có thể được tổ chức. Đây chỉ là một suy đoán nhằm đề cập đến thuật ngữ mơ hồ "Hạt Nhân Cõi Hồng Trần".

79. Điểm hội tụ hẳn phải là nguyên tử trường tồn *hồng trần* của Hành Tinh Thượng Đế. Trong khi chúng ta được cho biết rằng Sao Thổ là một sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế, chúng ta không được cho biết bất kỳ trung tâm khả nhận nào tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế. Nếu đối với Thái dương Thượng đế, các hệ hành tinh giống như các dãy-luân xa, thì sự tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế có thể là một trong các Dãy của Ngài chăng? Điều này có thể có vẻ hơi gượng ép.

80. Trong khi đối với Thái dương Thượng đế, nguyên tử trường tồn hồng trần được tìm thấy trên cõi logoi (có lẽ trên cõi phụ thứ nhất), thì nguyên tử trường tồn hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế cũng sẽ được tìm thấy trên cõi logoi, dù ở một cõi phụ thấp hơn chăng?

81. Các thuật ngữ "Hoạt Động Hệ Thống" và "Lửa ma sát Âm" có sự tương ứng chính xác với các thuật ngữ được dùng để mô tả năng lượng và loại lửa của Thái dương Thượng đế.

82. Nếu "Vũ Trụ Trí" được gắn với "Hoạt Động Vũ Trụ" của Thái dương Thượng đế, thì loại hoạt động nào nên được gắn với Hành Tinh Thượng Đế? Có lẽ là một tầng lớp thấp hơn của Vũ Trụ Trí? Rốt cuộc, Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế là

after all, “Brothers”. Perhaps we still should look towards the higher mental plane for the stratum of Universal Mind related to the Planetary Logos. At the same time, the atmic plane (an expression of Universal Mind) should be indicated.

“Huynh Đệ”. Có lẽ chúng ta vẫn nên hướng về cõi thượng trí để tìm tầng lớp của Vũ Trụ Trí liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế. Đồng thời, cõi atma (một biểu lộ của Vũ Trụ Trí) cũng nên được chỉ ra.

MAN:

1.	Human	Jewel	Monad Spirit	Atma-Buddhi	Electric Fire. Positive Force. Causal Body.

—

83. We now enter more familiar territory with a consideration of man.

83. Giờ đây chúng ta bước vào lãnh vực quen thuộc hơn với việc xem xét con người.

84. The “Source” is the “Human Causal Body”. Again the "Jewel" is found as the “Focal Point”. The “Medium” is the “Monad Spirit” (in this case, equivalent terms). The use of this term for man points to the justifiability of thinking that the “Heavenly Man (On his own plane)” refers to the monadic nature of the Planetary Logos. This is interesting because it has sometimes been stated that the term “Heavenly Man” refers only to the *egoic nature* of the Planetary Logos where as the term, “Planetary Logos” refers to the *monadic* nature of that great Entity. We would see, however, that this distinction should be considered false. It appears that “Heavenly Man” refers to the entirety of that great Entity we, in different terms, call the “Planetary Logos”.

84. “Nguồn” là “Thể Nguyên Nhân của Con Người”. Một lần nữa "Ngọc" được tìm thấy như “Điểm Hội Tụ”. “Môi Giới” là “Tinh Thần Chân Thần” (trong trường hợp này là những thuật ngữ tương đương). Việc dùng thuật ngữ này cho con người chỉ ra tính chính đáng của việc nghĩ rằng “Đấng Thiên Nhân (Trên cõi riêng của Ngài)” ám chỉ bản chất chân thần của Hành Tinh Thượng Đế. Điều này thật thú vị vì đôi khi đã có lời nói rằng thuật ngữ “Đấng Thiên Nhân” chỉ ám chỉ *bản chất chân ngã* của Hành Tinh Thượng Đế, trong khi thuật ngữ “Hành Tinh Thượng Đế” ám chỉ *bản chất chân thần* của Thực Thể vĩ đại ấy. Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy rằng sự phân biệt này nên được xem là sai. Dường như “Đấng Thiên Nhân” ám chỉ toàn thể Thực Thể vĩ đại mà chúng ta, bằng những thuật ngữ khác nhau, gọi là “Hành Tinh Thượng Đế”.

85. Atma-Buddhi is the correspondence to Cosmic Will and Systemic Will. What is unusual here is that buddhic is included in the type of energy which corresponds to *will* when the usual correspondence of buddhi is with *love*. We see that in the correspondences we are studying there is not always an exact equivalences—at least

85. Atma-Buddhi là sự tương ứng với Ý Chí Vũ Trụ và Ý Chí Hệ Thống. Điều bất thường ở đây là Bồ đề được bao gồm trong loại năng lượng tương ứng với *ý chí* trong khi sự tương ứng thông thường của Bồ đề là với *bác ái*. Do đó chúng ta thấy rằng trong những sự tương ứng mà chúng ta đang nghiên cứu, không phải lúc nào cũng có những tương đương

seemingly so. We learn then, that as far as man is concerned, buddhi is considered a directing force, akin to will.

chính xác—ít nhất là có vẻ như vậy. Khi ấy chúng ta học được rằng, xét theo con người, Bồ đề được xem là một mãnh lực chỉ đạo, gần với ý chí.

86. When we compare Cosmic Will and Systemic Will to the Atma-Buddhi of man, we might come to the conclusion that Cosmic Will and Systemic Will are *monadic* in origin (as cosmic atma and buddhi and systemic atma and buddhi are not mentioned), but that the will which man must apply is not purely monadic in origin, but originates from the atmic-buddhic expression of the human Monad.

86. Khi chúng ta so sánh Ý Chí Vũ Trụ và Ý Chí Hệ Thống với Atma-Buddhi của con người, chúng ta có thể đi đến kết luận rằng Ý Chí Vũ Trụ và Ý Chí Hệ Thống có nguồn gốc *chân thần* (vì atma và Bồ đề vũ trụ cùng atma và Bồ đề hệ thống không được nhắc đến), nhưng ý chí mà con người phải vận dụng không hoàn toàn có nguồn gốc chân thần, mà phát sinh từ biểu lộ atma-buddhi của chân thần con người.

87. The Nature of Fire for man is exactly the same as the Nature of Fire for the Planetary Logos, but there is subtle difference distinguishing both from the Nature of Fire for the Solar Logos: the word "Force" is not used, but "Positive".

87. Bản Chất của Lửa đối với con người hoàn toàn giống với Bản Chất của Lửa đối với Hành Tinh Thượng Đế, nhưng có một khác biệt tinh tế phân biệt cả hai với Bản Chất của Lửa đối với Thái dương Thượng đế: từ "Mãnh Lực" không được dùng, mà là "Dương".

2. Human .....Lotus..... Solar Angel.....Manasic Ego.....Solar Fire. Equilibrising Force. Causal Body.

—

88. The Human Causal Body is the exact parallel of the solar logoic causal body and the planetary logoic causal body. Similarly, this category remains the same for category one and two of the human group.

88. Thể Nguyên Nhân của Con Người là sự song hành chính xác với thể nguyên nhân logoi thái dương và thể nguyên nhân logoi hành tinh. Tương tự như vậy, loại này vẫn giữ nguyên đối với loại một và loại hai của nhóm con người.

89. Similarly, the "lotus" corresponds to the planetary logoic lotus and the solar logoic lotus ("two-petalled").

89. Tương tự, "hoa sen" tương ứng với hoa sen logoi hành tinh và hoa sen logoi thái dương ("hai cánh").

90. It is interesting to consider the Solar Angel as a "Medium" in this context and not a "Source", as one would normally think of the Solar Angel as *superior* to the causal body which it informs and sustains and participated in creating. But there are

90. Thật thú vị khi xem xét Thái dương Thiên Thần như một "Môi Giới" trong ngữ cảnh này chứ không phải là một "Nguồn", vì thông thường người ta sẽ nghĩ Thái dương Thiên Thần *cao hơn* thể nguyên nhân mà nó thấm nhuần, duy trì và đã tham gia tạo ra.

various ways of thinking about the Solar Angel. One is as a superior Being Who was responsible for creating the causal body. The other is as the part of that Being (not the whole of it) which has informed the causal body and 'takes up residence' within it. So we would be dealing with the Solar Angel, itself, and that emanation of the Solar Angel which "having pervaded the entire universe [of the causal body] with a fragment of itself, remains".

Nhưng có nhiều cách khác nhau để suy nghĩ về Thái dương Thiên Thần. Một là như một Hữu thể cao cả chịu trách nhiệm tạo ra thể nguyên nhân. Cách kia là như phần của Hữu thể ấy (không phải toàn thể của nó) đã thấm nhuần thể nguyên nhân và 'cư ngụ' bên trong đó. Vì vậy chúng ta sẽ phải bàn đến chính Thái dương Thiên Thần, và sự phát xạ của Thái dương Thiên Thần ấy, vốn "sau khi thấm khắp toàn thể vũ trụ [của thể nguyên nhân] bằng một mảnh của chính nó, vẫn còn lại".

91. We must notice that for man, under the category "Type of Energy" a vehicle is listed and not an energy at all, though presumably the vehicle listed is the repository of the *love energy* for man. The "Manasic Ego" is clearly a vehicle, but Cosmic Love and Systemic Love are *not.*

91. Chúng ta phải lưu ý rằng đối với con người, dưới loại "Loại Năng Lượng", một vận cụ được liệt kê chứ hoàn toàn không phải một năng lượng, dù có lẽ vận cụ được liệt kê là nơi chứa đựng *năng lượng bác ái* cho con người. "Chân ngã manas" rõ ràng là một vận cụ, nhưng Bác Ái Vũ Trụ và Bác Ái Hệ Thống thì *không phải.*

92. Perhaps there is an analogy between the "Son" (for the Solar Logos) and the "Manasic Ego" for the man. The "Son" is sometimes considered the solar system on the cosmic physical plane, but it might also be considered as the logoic egoic lotus which has parallels with the human Ego on the higher mental plane.

92. Có lẽ có một sự tương đồng giữa "Con" (đối với Thái dương Thượng đế) và "Chân ngã Manas" đối với con người. "Con" đôi khi được xem là hệ mặt trời trên cõi hồng trần vũ trụ, nhưng cũng có thể được xem là hoa sen chân ngã của Thượng đế mà có những điểm song hành với Chân ngã của con người trên Cõi thượng trí.

93. The point is, however, that the term "Manasic Ego" emphasizes an energy encapsulated in the humanity causal body, or a state of consciousness which is typical of consciousness *within* that causal body, whereas "Cosmic Love" and "Systemic Love" are definitely *energies* rather than an energy within a vehicle.

93. Tuy nhiên, điểm chính là thuật ngữ "Chân ngã Manas" nhấn mạnh một năng lượng được bao bọc trong thể nguyên nhân của nhân loại, hay một trạng thái tâm thức vốn tiêu biểu cho tâm thức *trong* thể nguyên nhân ấy, trong khi "Bác ái Vũ trụ" và "Bác ái Hệ thống" rõ ràng là những *năng lượng* hơn là một năng lượng ở bên trong một vận cụ.

94. For man, the type of fire is "Solar Fire. Equilibrising Force". This is slightly different from the parallels on the solar logoic and planetary logoic levels where we have "Solar

94. Đối với con người, loại lửa là "Lửa Thái dương. Mãnh lực quân bình hóa". Điều này hơi khác với những điểm song hành trên các cấp độ thái dương thượng đế và hành tinh

Fire. Harmony. Equilibrium" for the Solar Logos, and "Solar Fire. Harmony. Balance" for the Planetary Logos.

thượng đế, nơi chúng ta có "Lửa Thái dương. Hài hòa. Quân bình" đối với Thái dương Thượng đế, và "Lửa Thái dương. Hài hòa. Cân bằng" đối với Hành Tinh Thượng Đế.

95. I have spoken of the contrast between equilibrium and balance. All three groups have "Solar Fire", but the word "Force" is mentioned only for man. While there are definite parallels for all three, the word "Force" usually signifies a process which derived from an "Energy". What we can gather is that "Equilibrising Force" derives from the "Manasic Ego".

95. Tôi đã nói về sự tương phản giữa quân bình và cân bằng. Cả ba nhóm đều có "Lửa Thái dương", nhưng từ "Mãnh lực" chỉ được nêu ra đối với con người. Dù có những điểm song hành rõ rệt cho cả ba, từ "Mãnh lực" thường biểu thị một tiến trình phát sinh từ một "Năng lượng". Điều chúng ta có thể rút ra là "Mãnh lực quân bình hóa" phát sinh từ "Chân ngã Manas".

3. Plane Nucleus.....Permanent Atom.....Lunar Angels.....Lower .....Fire by Friction. Negative. Three-fold Man.

96. When it comes to the "Source" for the third category under "MAN", the qualifier "Physical" is missing. We have only "Plane Nucleus". It would seem then, that the nuclei on *all three planes* is indicated and the associated permanent atoms.

96. Khi nói đến "Nguồn" cho phạm trù thứ ba dưới mục "CON NGƯỜI", từ hạn định "Hồng trần" lại vắng mặt. Chúng ta chỉ có "Hạt nhân cõi". Khi ấy dường như các hạt nhân trên *cả ba cõi* đều được chỉ ra cùng với các nguyên tử trường tồn liên hệ.

97. We have still to solve the question of whether the term "Nucleus" represents a energetic structure of a higher order than "Permanent Atom".

97. Chúng ta vẫn còn phải giải quyết câu hỏi liệu thuật ngữ "Hạt nhân" có biểu thị một cấu trúc năng lượng thuộc trật tự cao hơn "Nguyên tử trường tồn" hay không.

98. It becomes clear that the "Physical Plane Nucleus" indicated for the Solar Logos and the Planetary Logos refers to a nucleus on the *cosmic* physical plane, probably as a whole. Nothing much is said about the expression of the Solar Logos and Planetary Logos on the cosmic lower mental and astral planes.

98. Rõ ràng rằng "Hạt nhân cõi hồng trần" được nêu ra đối với Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế là nói đến một hạt nhân trên cõi hồng trần *vũ trụ* có lẽ xét như một toàn thể. Không có nhiều điều được nói về biểu hiện của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế trên các cõi hạ trí và cảm dục vũ trụ.

99. In the world of man, the planes involved are the three planes of the lower three worlds which are part of the dense physical body of the Solar Logos and Planetary Logos.

99. Trong thế giới của con người, các cõi liên hệ là ba cõi của ba cõi thấp, vốn là một phần của thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế.

100. The term “Nucleus”, however, remains vague and is hard to discriminate from “Focal Point”, which position the “Permanent Atom” holds, and reasonably so.

100. Tuy nhiên, thuật ngữ “Hạt nhân” vẫn mơ hồ và khó phân biện với “Tiêu điểm”, là vị trí mà “Nguyên tử trường tồn” nắm giữ, và điều đó cũng hợp lý.

101. When comparing the “Lunar Angels” to the “Physical Sun” and the “Physical Planet”, one wonders about large physical elementals or entities of which the “Physical Sun” and “Physical Planet” could be considered the expression.

101. Khi so sánh “Các Thiên Thần Nguyệt” với “Mặt Trời Hồng trần” và “Hành tinh Hồng trần”, người ta tự hỏi về những hành khí hồng trần lớn lao hay những thực thể mà “Mặt Trời Hồng trần” và “Hành tinh Hồng trần” có thể được xem là biểu hiện của chúng.

102. If there are Solar Angels on a solar and planetary scale, there, likewise must be lunar angels and elementals also on that scale.

102. Nếu có các Thái dương Thiên Thần ở quy mô thái dương và hành tinh, thì tương tự như vậy cũng phải có các thiên thần nguyệt và các hành khí ở quy mô ấy.

103. When we deal with the category “Lower Threefold Man” we see a vehicle rather than an energy. For man, this is true in two of three instances, as “Atma-Buddhi” is a *principle* and not a vehicle. There is an atmic vehicle and a buddhic vehicle (both eventually organized) but not until a high level of evolution is reached.

103. Khi chúng ta bàn đến phạm trù “Con Người Tam Phân Thấp”, chúng ta thấy một vận cụ hơn là một năng lượng. Đối với con người, điều này đúng trong hai trên ba trường hợp, vì “Atma-Bồ đề” là một *nguyên khí* chứ không phải một vận cụ. Có một vận cụ atma và một vận cụ Bồ đề (cả hai cuối cùng đều được tổ chức), nhưng chỉ khi đạt đến một cấp độ tiến hoá cao.

104. The type of lower fire for man is identical to the type of lower fire for both the Planetary Logos and the Solar Logos. We have to be alert for three things when comparing the way the five types of E/ entities are described: identicality, similarity and definite contrast. Attention to these three categories of comparison hold important clues regarding the nature of the E/entities under discussion.

104. Loại lửa thấp đối với con người giống hệt loại lửa thấp đối với cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế. Chúng ta phải tỉnh táo trước ba điều khi so sánh cách năm loại E/thực thể được mô tả: tính đồng nhất, tính tương tự và sự tương phản rõ rệt. Sự chú ý đến ba phạm trù so sánh này nắm giữ những manh mối quan trọng liên quan đến bản chất của các E/thực thể đang được bàn đến.

PLANES:

1.	Plane Raja.....	A Deva Hierarchy.....	Atomic Sub-plane.....	Fohatic.....	Central Fire. Initiatory. Lord.

105. When we begin to discuss “PLANES” and “ATOMS” we enter the world of the third aspect of divinity. Important contrasts will appear.

105. Khi chúng ta bắt đầu bàn về “CÁC CÕI” và “CÁC NGUYÊN TỬ”, chúng ta đi vào thế giới của phương diện thứ ba của thiên tính. Những tương phản quan trọng sẽ xuất hiện.

106. The Entity in this case is the “Plane Raja Lord”, as each of the systemic planes has one.

106. Thực thể trong trường hợp này là “Chúa Tể Raja của Cõi”, vì mỗi cõi hệ thống đều có một vị như vậy.

107. It is curious however that with regard to the three previous E/entities (the Solar Logos, the Planetary Logos and Man) the true B/being is listed under the category of “Medium” and not under the category, “Source”. What is curious is that the solar logoic Central Spiritual Sun should be considered a “Source” and not the solar logoic causal body which derives from the solar logoic Central Spiritual Sun.

107. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là đối với ba E/thực thể trước đó (Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người), B/bản thể đích thực lại được liệt kê dưới phạm trù “Trung gian” chứ không phải dưới phạm trù “Nguồn”. Điều đáng chú ý là Mặt trời Tinh thần Trung Ương của thái dương thượng đế lại được xem là một “Nguồn” chứ không phải thể nguyên nhân của thái dương thượng đế, vốn phát sinh từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương của thái dương thượng đế.

108. The same is true for the Planetary Logos, for the “Heavenly Man on His own Plane” is one of the principle causes of the planetary logoic causal body.

108. Điều tương tự cũng đúng với Hành Tinh Thượng Đế, vì “Đấng Thiên Nhân trên Cõi của Chính Ngài” là một trong những nguyên nhân chính của thể nguyên nhân của hành tinh thượng đế.

109. The same for man—his “Monad Spirit” is the cause of the causal body.

109. Điều ấy cũng đúng với con người —“Tinh thần Chân thần” của y là nguyên nhân của thể nguyên nhân.

110. The only way that the term “Medium” would make sense in these contexts is if the very highest part of these three E/entities (the Spirit Aspect) was the “Medium” for a still higher force. But there seems to be some logic missing as the term “Source” represents a point highest on the pyramid of causation, andit is listed first in the fivefold row of categories under discussion. And yet the terms listed under “Source” seem derivative from the categories listed under “Medium”, at least with regard to the first

110. Cách duy nhất để thuật ngữ “Trung gian” có ý nghĩa trong những ngữ cảnh này là phần cao nhất của ba E/thực thể ấy (Phương diện Tinh thần) là “Trung gian” cho một mãnh lực còn cao hơn nữa. Nhưng dường như có thiếu một phần logic nào đó, vì thuật ngữ “Nguồn” biểu thị một điểm cao nhất trên kim tự tháp nhân quả, và nó được liệt kê trước tiên trong hàng phạm trù ngũ phân đang được bàn đến. Thế nhưng các thuật ngữ được liệt kê dưới “Nguồn” dường như lại phát sinh từ các phạm trù được liệt

three E/entities (the Solar Logos, Planetary Logos, and Man). There is much, therefore, to be worked on in relation to Tabulation VII.

kê dưới "Trung gian", ít nhất là đối với ba E/thực thể đầu tiên (Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người). Vì vậy, còn rất nhiều điều phải được nghiên cứu liên hệ đến Bảng VII.

111. In the second position in the row, it is fascinating to realize "A Deva Hierarchy" holds the same position as the term "Jewel" for the three higher E/entities.

111. Ở vị trí thứ hai trong hàng này, thật hấp dẫn khi nhận ra rằng "Một Huyền Giai thiên thần" giữ cùng vị trí như thuật ngữ "Bảo châu" đối với ba E/thực thể cao hơn.

112. As an aside, one wonders why the term "PLANES" *follows* that of "MAN", as the Raja Deva Lord of a plane is a far greater Entity than man. Probably it is because *the Tabulation is divided in two parts—the first part, threefold, relates generically to all that we call "Man" (cosmically, systemically and planetarily). The second part relates to the deva kingdom and the third aspect of divinity.*

112. Nhân tiện, người ta tự hỏi vì sao thuật ngữ "CÁC CÕI" lại *theo sau* thuật ngữ "CON NGƯỜI", vì Chúa Tể Raja thiên thần của một cõi là một Thực thể lớn lao hơn con người rất nhiều. Có lẽ là vì *Bảng được chia thành hai phần—phần thứ nhất, tam phân, liên hệ một cách tổng quát đến tất cả những gì chúng ta gọi là "Con Người" (về mặt vũ trụ, hệ thống và hành tinh). Phần thứ hai liên hệ đến giới thiên thần và phương diện thứ ba của thiên tính.*

113. What is the analogy between "A Deva Hierarchy" and the term "Jewel"? Could the "Jewel" be composed of a number of deva entities?

113. Sự tương đồng giữa "Một Huyền Giai thiên thần" và thuật ngữ "Bảo châu" là gì? Liệu "Bảo châu" có thể được cấu thành bởi một số thực thể thiên thần chăng?

114. The tabulation seems to be saying that a "Plane Raja Lord" works through a *particular* "Deva Hierarchy". We may that for the particular "Plane Raja Lord" of each plane, there is a *particular* "Deva Hierarchy" which serves as its focal point.

114. Bảng này dường như đang nói rằng một "Chúa Tể Raja của Cõi" hoạt động thông qua một *Huyền Giai thiên thần* "đặc thù". Chúng ta có thể nói rằng đối với "Chúa Tể Raja của Cõi" đặc thù của mỗi cõi, có một *Huyền Giai thiên thần* "đặc thù" phục vụ như tiêu điểm của vị ấy.

115. For the Raja Deva Lord of the atmic plane, would the Deva Hierarchy called the "Triple Flowers" serve as its focal point? For the Raja Deva Lord called "Kshiti" would the Deva Hierarchy known as the "Baskets of Nourishment" serve as its focal point? One can see the trend of this line of thought. One

115. Đối với Chúa Tể Raja thiên thần của cõi atma, liệu Huyền Giai thiên thần được gọi là "Ba Đóa Hoa" có phục vụ như tiêu điểm của vị ấy không? Đối với Chúa Tể Raja thiên thần được gọi là "Kshiti", liệu Huyền Giai thiên thần được biết đến như "Những Giỏ Dưỡng Nuôi" có phục vụ như tiêu điểm của vị ấy không? Người ta có thể thấy xu hướng của đường tư tưởng này. Một trong những điều

of the most important things to determine is what a focal point *does.*

116. We know somewhat what a "Jewel in the Lotus" does; it is the seat of the will of the Monad for three types of B/beings (Solar Logos, Planetary Logos and Man). Could the Deva Hierarchy serving as the focal point for the "Plane Raja Lord" also be a transmitter of a certain kind of will, and likewise the "Nucleus" of the atom which hold the same position?

117. The category "Medium" holds the term "Atomic Subplanes". We see that we are dealing with perhaps seven different "Planet Raja Lords" each of which has for a focal point a "Deva Hierarchy" and each of which uses as a medium of transmission a particular "Atomic Subplane". We can presume that the atomic subplane of any particular plane is the subplane of major focus for the "Plane Raja Lord". Just as the highest point of power and expression for Sanat Kumara within Shamballa is the logoic plane, which is the highest cosmic etheric subplane, so the highest point of power and expression for the "Plane Raja Lord" is the atomic subplane of the plane which that Lord rules. We can infer that the highest specimens of the "Deva Hierarchy" which serves as the focal point for the Raja Deva Lord are also 'located' on the atomic subplane of the particular plane in question.

118. The "Type of Energy" involved in the expression of the "Plane Raja Lord" is "Fohatic". We immediately can see the *first ray nature* of Fohat even though it is much associated with the third aspect of divinity. Fohat is essentially "cosmic electricity".

quan trọng nhất cần xác định là một tiêu điểm *làm gì.*

116. Chúng ta biết phần nào "Bảo châu trong Hoa sen" làm gì; nó là chỗ ngự của ý chí của chân thần đối với ba loại B/bản thể (Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người). Liệu Huyền Giai thiên thần phục vụ như tiêu điểm cho "Chúa Tể Raja của Cõi" cũng có thể là một tác nhân truyền dẫn một loại ý chí nào đó, và tương tự như vậy "Hạt nhân" của nguyên tử giữ cùng vị trí ấy chăng?

117. Phạm trù "Trung gian" chứa thuật ngữ "Các cõi phụ nguyên tử". Chúng ta thấy rằng có lẽ mình đang bàn đến bảy "Chúa Tể Raja Hành tinh" khác nhau, mỗi vị có một "Huyền Giai thiên thần" làm tiêu điểm và mỗi vị dùng một "Cõi phụ nguyên tử" đặc thù làm trung gian truyền đạt của mình. Chúng ta có thể giả định rằng cõi phụ nguyên tử của bất kỳ cõi đặc thù nào là cõi phụ có tiêu điểm chính đối với "Chúa Tể Raja của Cõi". Cũng như điểm quyền năng và biểu hiện cao nhất của Đức Sanat Kumara trong Shamballa là cõi thượng đế, vốn là cõi phụ dĩ thái vũ trụ cao nhất, thì điểm quyền năng và biểu hiện cao nhất của "Chúa Tể Raja của Cõi" là cõi phụ nguyên tử của cõi mà vị Chúa Tể ấy cai quản. Chúng ta có thể suy ra rằng những mẫu mực cao nhất của "Huyền Giai thiên thần" phục vụ như tiêu điểm cho Chúa Tể Raja thiên thần cũng được 'định vị' trên cõi phụ nguyên tử của cõi đặc thù đang được nói đến.

118. "Loại Năng lượng" liên hệ đến biểu hiện của "Chúa Tể Raja của Cõi" là "Fohat". Chúng ta có thể thấy ngay *bản chất cung một* của Fohat dù nó gắn bó nhiều với phương diện thứ ba của thiên tính. Fohat về bản chất là "điện vũ trụ".

119. The nature of the fire involved with the "Plane Raja Lord" is "Central Fire. Initiatory". This is the correspondence to "Electric Fire" in the three previous categories of E/entities. The *centrality* of the fire indicates its connection to the first ray. When we read the term "Initiatory" one wonders whether this type of fire is utilized by the Hierophant in the process of initiation. It is likely the atomic subplane energy is applied in the initiatory process.

119. Bản chất của lửa liên hệ với "Chúa Tể Raja của Cõi" là "Lửa Trung tâm. Khởi phát". Đây là sự tương ứng với "Lửa Điện" trong ba phạm trù E/thực thể trước đó. Tính *trung tâm* của lửa cho thấy mối liên hệ của nó với cung một. Khi chúng ta đọc thuật ngữ "Khởi phát", người ta tự hỏi liệu loại lửa này có được Đấng Điểm đạo sử dụng trong tiến trình điểm đạo hay không. Có khả năng là năng lượng cõi phụ nguyên tử được áp dụng trong tiến trình điểm đạo.

120. From another perspective, the term "Initiatory" may indicate that that which occurs on the lower subplanes is *initiated* on the atomic subplane.

120. Từ một góc nhìn khác, thuật ngữ "Khởi phát" có thể chỉ ra rằng điều xảy ra trên các cõi phụ thấp được *khởi phát* trên cõi phụ nguyên tử.

2. Plane Devas.....Centres.....Prana.....Solar Energy.....Form building Fire.

121. The next category of entity (and lower than the Plane Raja Lord) consists of "Plane Devas". This is potentially a huge category. The greatest of these Plane Devas may be the ones who rule each subplane of a particular plane. Of these there are seven.

121. Phạm trù thực thể kế tiếp (và thấp hơn Chúa Tể Raja của Cõi) gồm "Các thiên thần của Cõi". Đây có thể là một phạm trù rất rộng lớn. Những vị lớn nhất trong số các thiên thần của Cõi này có thể là những vị cai quản mỗi cõi phụ của một cõi đặc thù. Có bảy vị như vậy.

122. In a way a Plane Raja Lord of a systemic plane is a Plane Deva if we consider the systemic planes as *subplanes* of the cosmic physical plane.

122. Theo một nghĩa nào đó, Chúa Tể Raja của một cõi hệ thống là một thiên thần của Cõi nếu chúng ta xem các cõi hệ thống là những *cõi phụ* của cõi hồng trần vũ trụ.

123. In addition there are many lesser types of devas, each type associated mostly with one of the subplanes of any particular plane. These, too, could be called "Plane Devas".

123. Ngoài ra còn có nhiều loại thiên thần nhỏ hơn, mỗi loại chủ yếu gắn với một trong các cõi phụ của bất kỳ cõi đặc thù nào. Những vị này cũng có thể được gọi là "Các thiên thần của Cõi".

124. Each subplane of a systemic plane, has certain etheric centres usually associated with it. The head center is usually associated with the atomic subplane and the heart center with the sub-atomic subplane. The

124. Mỗi cõi phụ của một cõi hệ thống đều có những trung tâm dĩ thái nhất định thường gắn với nó. Trung tâm đầu thường gắn với cõi phụ nguyên tử và trung tâm tim với cõi phụ hạ nguyên tử. Trung tâm cổ

throat center is usually associated with the super-etheric subplane and the other etheric centers with the etheric subplane (the fourth and lowest subplane).

họng thường gắn với cõi phụ siêu dĩ thái và các trung tâm dĩ thái khác với cõi phụ dĩ thái (cõi phụ thứ tư và thấp nhất).

125. The "Centres" have, within the constitution, lesser "Plane Devas".

125. "Các Trung tâm" có, bên trong cấu tạo của chúng, những "thiên thần của Cõi" nhỏ hơn.

126. In this enumeration the strictly physical centers such as glands (and their correspondences on subplanes other than the lowest three physical subplanes) may also be considered. The first four subplanes of any systemic plane can be considered the 'etheric' subplanes of that systemic plane; the lowest three subplanes can be considered correspondences to the dense subplanes of the systemic physical plane.

126. Trong sự liệt kê này, các trung tâm hồng trần theo nghĩa chặt chẽ như các tuyến nội tiết (và các tương ứng của chúng trên những cõi phụ khác ngoài ba cõi phụ hồng trần thấp nhất) cũng có thể được xét đến. Bốn cõi phụ đầu của bất kỳ cõi hệ thống nào có thể được xem là các cõi phụ 'dĩ thái' của cõi hệ thống ấy; ba cõi phụ thấp nhất có thể được xem là những tương ứng với các cõi phụ đậm đặc của cõi hồng trần hệ thống.

127. One would presume that a "Deva Hierarchy" would have its centers of force just as has a man, a Planetary Logos, or a Solar Logos. Perhaps these centers are distributed on the various subplanes.

127. Người ta có thể giả định rằng một "Huyền Giai thiên thần" sẽ có các trung tâm mãnh lực của nó cũng như con người, Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế đều có. Có lẽ các trung tâm này được phân bố trên các cõi phụ khác nhau.

128. DK has not revealed much about the internal structure of devas. We do know they have *centers* as has a man, because He has spoken about the heart center of the Solar Angel. If there is one center, there are others.

128. Chân sư DK chưa tiết lộ nhiều về cấu trúc nội tại của các thiên thần. Chúng ta biết rằng họ có các *trung tâm* như con người, vì Ngài đã nói về trung tâm tim của Thái dương Thiên Thần. Nếu có một trung tâm, thì có những trung tâm khác.

129. We know that the egoic lotus is considered a "centre", in fact the heart center of the Monad which expresses through it. The "centres" of Plane Devas are the correspondences to the lotus appearing in the first three categories.

129. Chúng ta biết rằng hoa sen chân ngã được xem là một "trung tâm", thực ra là trung tâm tim của chân thần biểu hiện qua nó. "Các trung tâm" của các thiên thần của Cõi là những tương ứng với hoa sen xuất hiện trong ba phạm trù đầu tiên.

130. The medium of expression for the Plane Devas is "Prana". Usually prana is considered

130. Trung gian biểu hiện của các thiên thần của Cõi là "Prana". Thông thường prana được

as existing on all the four etheric subplanes of the systemic physical plane and also, we may infer, on the four 'etheric' subplanes of *any* systemic plane. We may question, however, whether the energy of the atomic subplane is to be excluded from that which is designated as "Prana".

xem là hiện hữu trên cả bốn cõi phụ dĩ thái của cõi hồng trần hệ thống và, như chúng ta có thể suy ra, cũng trên bốn cõi phụ 'dĩ thái' của *bất kỳ* cõi hệ thống nào. Tuy nhiên, chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu năng lượng của cõi phụ nguyên tử có bị loại ra khỏi điều được chỉ định là "Prana" hay không.

131. The higher correspondences of "Prana" are the "Heart of the Sun", "Egoic Groups" and "Solar Angel"—a mixed assortment. We can see by this grouping that "Prana" is definitely considered a *solar* force and possesses on its own level the same *factor of coherence* as it found in the higher three categories.

131. Những tương ứng cao hơn của "Prana" là "Trái Tim Mặt Trời", "Các Nhóm Chân ngã" và "Thái dương Thiên Thần"—một tập hợp pha trộn. Qua sự nhóm lại này, chúng ta có thể thấy rằng "Prana" rõ ràng được xem là một mãnh lực *thái dương* và trên cấp độ riêng của nó sở hữu cùng một *yếu tố cố kết* như được thấy trong ba phạm trù cao hơn.

132. We remember that the Solar Angels are emanated from the Heart of the Sun. From a higher perspective can they be considered a type of *cosmic* prana?

132. Chúng ta nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần được xuất lộ từ Trái Tim Mặt Trời. Từ một góc nhìn cao hơn, liệu chúng có thể được xem là một loại prana *vũ trụ* không?

133. The "Type of Energy" is "Solar Energy" which is predictable and which contrasts with "Fohatic". "Solar Energy" in this context expresses the second ray just as "Fohatic" Energy expresses the first.

133. "Loại Năng lượng" là "Năng lượng Thái dương", điều này có thể dự đoán được và tương phản với "Fohat". "Năng lượng Thái dương" trong ngữ cảnh này biểu hiện cung hai cũng như năng lượng "Fohat" biểu hiện cung một.

134. The "Nature of Fire" is predictably "Form Building Fire" which is a lower correspondence to solar fire. We may infer that "Prana" is a form-building and form-sustaining expression of "Solar Fire". We may also infer that the "Plane Devas" are primarily 'Form Builders'.

134. "Bản chất của Lửa" theo dự đoán là "Lửa Kiến Tạo Hình Tướng", vốn là một tương ứng thấp hơn của lửa thái dương. Chúng ta có thể suy ra rằng "Prana" là một biểu hiện kiến tạo hình tướng và duy trì hình tướng của "Lửa Thái dương". Chúng ta cũng có thể suy ra rằng "Các thiên thần của Cõi" chủ yếu là những 'đấng kiến tạo hình tướng'.

3. Elementals.....Elemental Essence....Molecular.....Lunar Force.....The Mother's Heat. Substance.

135. The third category of "Source" under division, "PLANES" are the "Elementals". The

135. Phạm trù thứ ba của "Nguồn" dưới phân bộ "CÁC CÕI" là "Các hành khí". Việc

use of this term in the third position suggests what a wide range of E/entities must have been included amongst "Plane Devas", because "Elementals" are lower than the lowest unconscious devas.

dùng thuật ngữ này ở vị trí thứ ba gợi ý phạm vi rộng lớn của các E/thực thể hẳn đã được bao gồm trong "Các thiên thần của Cõi", vì "Các hành khí" thấp hơn những thiên thần vô thức thấp nhất.

136. We must consider these "Elementals" as higher than the living atoms and tiny living particles or lesser atoms which constitute "Elemental Essence". Sometimes these tiny lives have also been called "Elementals", and yet, if this name is appropriate, they are "Elementals" of a much lower order than the "Elementals" here discussed.

136. Chúng ta phải xem những "hành khí" này là cao hơn các nguyên tử sống và những hạt sống cực nhỏ hay các nguyên tử nhỏ hơn cấu thành "Tinh chất hành khí". Đôi khi những sự sống nhỏ bé này cũng được gọi là "hành khí", tuy nhiên nếu tên gọi ấy thích hợp thì chúng là những "hành khí" thuộc một trật tự thấp hơn nhiều so với các "hành khí" đang được bàn đến ở đây.

137. The "Elementals" have "Elemental Essence" as their focal point, just as the "Plane Devas" have "Centers" as their focal points, and a "Plane Raja Lord" has a "Deva Hierarchy" as its focal point. A focal point is a specific concentration of energy through which an E/entity can work and express.

137. "Các hành khí" có "Tinh chất hành khí" làm tiêu điểm của chúng, cũng như "Các thiên thần của Cõi" có "Các trung tâm" làm tiêu điểm, và một "Chúa Tể Raja của Cõi" có một "Huyền Giai thiên thần" làm tiêu điểm. Một tiêu điểm là một sự tập trung năng lượng đặc thù mà qua đó một E/thực thể có thể hoạt động và biểu hiện.

138. The terms used are somewhat vague, or at least lacking is structural specifics. This is understandable until man comes into closer relation with the deva kingdom.

138. Các thuật ngữ được dùng có phần mơ hồ, hoặc ít nhất là thiếu những chi tiết cấu trúc cụ thể. Điều này có thể hiểu được cho đến khi con người đi vào mối liên hệ gần gũi hơn với giới thiên thần.

139. The medium of expression in this third category under the major category "PLANES" is "Molecular Substance". We much watch the terms used closely. "Elemental Essence" is a lower expression of "Monadic Essence" and "Molecular Substance" is a lower and more aggregated expression of "Atomic Substance".

139. Trung gian biểu hiện trong phạm trù thứ ba này dưới phạm trù lớn "CÁC CÕI" là "Chất liệu phân tử". Chúng ta phải theo dõi chặt chẽ các thuật ngữ được dùng. "Tinh chất hành khí" là một biểu hiện thấp hơn của "Tinh chất chân thần" và "Chất liệu phân tử" là một biểu hiện thấp hơn và kết tụ hơn của "Chất liệu nguyên tử".

140. The divisions suggested are 1—3—3. It would appear that "Prana" applies on three subplanes and "Molecular Substance" on the lowest three subplanes. Technically,

140. Các phân chia được gợi ý là 1—3—3. Dường như "Prana" áp dụng trên ba cõi phụ và "Chất liệu phân tử" trên ba cõi phụ thấp nhất. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, bất kỳ

however, any substance less than atomic substance (which is confined to the first subplane) can be considered *molecular* substance.

chất liệu nào thấp hơn chất liệu nguyên tử (vốn chỉ giới hạn ở cõi phụ thứ nhất) đều có thể được xem là chất liệu *phân tử*.

141. The term "molecular" suggests "aggregation".

141. Thuật ngữ "phân tử" gợi ý "sự kết tụ".

142. Putting together the first three factors of the third row under "PLANES", we find that "Elementals" use for their focal point "Elemental Essence" which uses as its medium of expression "Molecular Substance".

142. Khi ghép ba yếu tố đầu tiên của hàng thứ ba dưới mục "CÁC CÕI" lại với nhau, chúng ta thấy rằng "Các hành khí" dùng "Tinh chất hành khí" làm tiêu điểm, và "Tinh chất hành khí" dùng "Chất liệu phân tử" làm trung gian biểu hiện.

143. It is important to read not only in rows but in columns as well to understand the hierarchical order of the items found in the columns. Obviously "Prana" is of a higher order than "Molecular Substance". It seems suggested that "Molecular Substance" is to be found on the three lower subplanes of each of the three lower systemic planes. Perhaps the three lower subplanes of *all* the systemic planes can be considered "molecular", as each systemic plane is divided in two parts—four subplanes correspondentially 'etheric' and three subplanes correspondentially 'physical'.

143. Điều quan trọng là phải đọc không chỉ theo hàng mà còn theo cột để hiểu trật tự phân cấp của các mục được tìm thấy trong các cột. Hiển nhiên "Prana" thuộc một trật tự cao hơn "Chất liệu phân tử". Dường như có sự gợi ý rằng "Chất liệu phân tử" được tìm thấy trên ba cõi phụ thấp của mỗi một trong ba cõi hệ thống thấp. Có lẽ ba cõi phụ thấp của *mọi* cõi hệ thống đều có thể được xem là "phân tử", vì mỗi cõi hệ thống được chia thành hai phần—bốn cõi phụ tương ứng là 'dĩ thái' và ba cõi phụ tương ứng là 'hồng trần'.

144. Again "molecular" means "aggregated" and that which is aggregated is denser than that which is not.

144. Một lần nữa, "phân tử" có nghĩa là "kết tụ", và cái gì đã kết tụ thì đậm đặc hơn cái chưa kết tụ.

145. What emerges is that the "Elementals" express through both "Elemental Essence" (focally) and "Molecular Substance" (distributively).

145. Điều nổi lên là "Các hành khí" biểu hiện qua cả "Tinh chất hành khí" (theo tiêu điểm) lẫn "Chất liệu phân tử" (theo sự phân bố).

146. "Lunar Force" follows naturally after "Solar Energy" in the column related to the "Type of Energy". We consistently see that

146. "Mãnh lực Nguyệt" theo tự nhiên xuất hiện sau "Năng lượng Thái dương" trong cột liên hệ đến "Loại Năng lượng". Chúng ta luôn

force is considered a lower and more concrete expression of *energy.*

147. The "Nature of Fire" is "The Mother's Heat" which sustains the constituents of the form. "Heat" is almost always associated with fire by friction and the third aspect of divinity (which is the "Activity Aspect"). We know that the degree of heat corresponds to the degree of activity of the constituents of any field.

ATOMS

1... Atom... Nucleus... Plane Deva... Positive... Electric

148. We now deal with the lowest of the five E/entities which have been selected for comparison.

149. The "Atom" is the correspondence to the Solar Logos, Planetary Logos, Man and the Plane Raja Lord.

150. The "Nucleus" of the "Atom" corresponds to the "Jewels" (in the lotus) of the first three E/entities and to the "Deva Hierarchy" through which the Plane Raja Lord expresses itself focally.

151. It is reasonable to think that the "Atom" works through its "Nucleus" as a focal point.

152. But now we come to the same kind of ambiguity (heretofore encountered) related to the term "Medium". Is the "Medium" a medium of expression for the "Source", or is the "Medium" actually *higher* than the "Source" and a "Medium of Expression" for an E/entity still higher than itself? As I pointed out, the "Monad Spirit" considered

thấy rằng *mãnh lực* được xem là một biểu hiện thấp hơn và cụ thể hơn của *năng lượng.*

147. "Bản chất của Lửa" là "Nhiệt của Mẹ", thứ duy trì các thành phần của hình tướng. "Nhiệt" hầu như luôn gắn với lửa ma sát và phương diện thứ ba của thiên tính (vốn là "Phương diện Hoạt động"). Chúng ta biết rằng mức độ nhiệt tương ứng với mức độ hoạt động của các thành phần trong bất kỳ trường nào.

CÁC NGUYÊN TỬ

1... Nguyên tử... Hạt nhân... Thiên thần của Cõi... Dương... Điện

148. Giờ đây chúng ta bàn đến loại thấp nhất trong năm E/thực thể đã được chọn để so sánh.

149. "Nguyên tử" là sự tương ứng với Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, Con Người và Chúa Tể Raja của Cõi.

150. "Hạt nhân" của "Nguyên tử" tương ứng với các "Bảo châu" (trong hoa sen) của ba E/thực thể đầu tiên và với "Huyền Giai thiên thần" mà qua đó Chúa Tể Raja của Cõi biểu hiện một cách tiêu điểm.

151. Thật hợp lý khi nghĩ rằng "Nguyên tử" hoạt động thông qua "Hạt nhân" của nó như một tiêu điểm.

152. Nhưng giờ đây chúng ta lại gặp cùng một loại mơ hồ (đã gặp trước đây) liên hệ đến thuật ngữ "Trung gian". "Trung gian" có phải là trung gian biểu hiện cho "Nguồn" không, hay "Trung gian" thực ra lại *cao hơn* "Nguồn" và là một "Trung gian Biểu hiện" cho một E/thực thể còn cao hơn chính nó? Như tôi đã chỉ ra, "Tinh thần Chân thần"

as a “Medium” is much higher than the “Causal Body” considered as a “Source” in the first row under “MAN”. And, likewise, the “Central Spiritual Sun” of the Solar Logos is much higher than the “Causal Body” of the Solar Logos considered as a “Source”, and so for the Planetary Logos as well.

được xem là một “Trung gian” thì cao hơn rất nhiều so với “Thể nguyên nhân” được xem là một “Nguồn” trong hàng đầu tiên dưới mục “CON NGƯỜI”. Và tương tự như vậy, “Mặt trời Tinh thần Trung Ương” của Thái dương Thượng đế cao hơn rất nhiều so với “Thể nguyên nhân” của Thái dương Thượng đế được xem là một “Nguồn”, và Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy.

153. Similarly, a “Plane Deva” is, it would seem, depending on its scope, a greater entity than an “Atom”, unless we are thinking of a “Plane Deva” as extremely minute and as a constituent of an “Atom”. Yet such constituents, or particles of an “Atom” should be called “Elementals” and not “Plane Devas”.

153. Tương tự, một “Thiên thần của Cõi”, dường như tùy theo phạm vi của nó, là một thực thể lớn hơn một “Nguyên tử”, trừ phi chúng ta đang nghĩ đến một “Thiên thần của Cõi” như cực kỳ vi tế và là một thành phần của một “Nguyên tử”. Tuy nhiên, những thành phần hay hạt của một “Nguyên tử” như thế phải được gọi là “hành khí” chứ không phải “thiên thần của Cõi”.

154. Perhaps it begins to dawn upon us how very *occult* Tabulation VII really is and how much is concealed under the naming the ordering of the terms. Through comparison much can be discovered, but the possible illumination is not always easy to evoke.

154. Có lẽ chúng ta bắt đầu nhận ra Bảng VII thật sự *huyền bí* đến mức nào và biết bao điều được che giấu dưới cách gọi tên và cách sắp xếp các thuật ngữ. Qua so sánh, nhiều điều có thể được khám phá, nhưng sự soi sáng khả dĩ không phải lúc nào cũng dễ được gợi lên.

155. It is no surprise to see that the “Nucleus” is considered to possess a “Type of Energy” which is “Positive” and a representative of a fire called “Electric”.

155. Không có gì ngạc nhiên khi thấy “Hạt nhân” được xem là sở hữu một “Loại Năng lượng” là “Dương” và là đại diện của một loại lửa được gọi là “Điện”.

156. The mystery is the term “Plane Deva” as representing the “Medium”. Much will depend upon how we consider the term “Medium”. Perhaps we can consider it as the “Medium” in which the “Source” is *immersed.* This would be different from considering the “Medium” as a medium of expression.

156. Điều bí ẩn là thuật ngữ “Thiên thần của Cõi” khi đại diện cho “Trung gian”. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào cách chúng ta hiểu thuật ngữ “Trung gian”. Có lẽ chúng ta có thể xem nó là “Trung gian” mà trong đó “Nguồn” được *nhúng vào.* Điều này sẽ khác với việc xem “Trung gian” như một trung gian biểu hiện.

157. But there seems to be no true consistency in the relationship between

157. Nhưng dường như không có sự nhất quán thực sự nào trong mối liên hệ giữa

"Source" and "Medium" that would allow us to do this. Whereas we might say that the three types of causal bodies are *immersed* in the greater scope of the "Central Spiritual Sun" for the "Causal Body" of the Solar Logos, "Heavenly Man On His own Plane" for the "Causal Body" of the Planetary Logos, and "Monad Spirit" for the "Causal Body" of the "Man", it is surely difficult to say that the "Plane Raja Lord" (considered as a "Source") is *immersed* in an "Atomic Subplane".

"Nguồn" và "Trung gian" cho phép chúng ta làm như vậy. Trong khi chúng ta có thể nói rằng ba loại thể nguyên nhân được *nhúng* trong phạm vi lớn hơn của "Mặt trời Tinh thần Trung Ương" đối với "Thể nguyên nhân" của Thái dương Thượng đế, "Đấng Thiên Nhân trên Cõi của Chính Ngài" đối với "Thể nguyên nhân" của Hành Tinh Thượng Đế, và "Tinh thần Chân thần" đối với "Thể nguyên nhân" của "Con Người", thì quả thật khó mà nói rằng "Chúa Tể Raja của Cõi" (được xem là một "Nguồn") lại được *nhúng* trong một "Cõi phụ nguyên tử".

158. Of course there are at least two types of Plane Raja Lords—one which rules a plane within the constitution of a Planetary Logos. Such a one would be Varuna in relation to our planetary logoic astral plane. The other rules an *entire systemic plane* (throughout the solar system) and would be, in this case, the higher correspondence to Varuna.

158. Dĩ nhiên có ít nhất hai loại Chúa Tể Raja của Cõi—một loại cai quản một cõi trong cấu tạo của một Hành Tinh Thượng Đế. Một vị như thế sẽ là Varuna trong liên hệ với cõi cảm dục của hành tinh thượng đế của chúng ta. Loại kia cai quản một *toàn bộ cõi hệ thống* (trong toàn thể hệ mặt trời) và trong trường hợp này sẽ là tương ứng cao hơn của Varuna.

159. Let us say that although the relationship between a "Plane Raja Lord" and an "Atomic Subplane" does not seem to correspond with the other relationships between "Source" and "Medium", for four of the E/entities, it *is* possible to consider the "Source" as immersed in the "Medium" given.

159. Chúng ta hãy nói rằng mặc dù mối liên hệ giữa một "Chúa Tể Raja của Cõi" và một "Cõi phụ nguyên tử" dường như không tương ứng với các mối liên hệ khác giữa "Nguồn" và "Trung gian", nhưng đối với bốn E/thực thể, *vẫn* có thể xem "Nguồn" là được nhúng trong "Trung gian" đã cho.

160. An "Atom" can certainly be considered immersed in a "Plane Deva", yet, there is a degree of ambiguity concerning the scope of the "Plane Deva". Is it meant to be the same kind of "Plane Deva" mentioned in the second row under the large division called "PLANES"? If so, quite large Entities are indicated (i.e., they are rulers of systemic subplanes) and so it would be natural for an "Atom" to be immersed in such a "Medium" *within* which the "Atom" can express.

160. Một "Nguyên tử" chắc chắn có thể được xem là được nhúng trong một "Thiên thần của Cõi", tuy nhiên vẫn có một mức độ mơ hồ liên quan đến phạm vi của "Thiên thần của Cõi". Có phải nó được hiểu là cùng loại "Thiên thần của Cõi" được nêu trong hàng thứ hai dưới phân bộ lớn gọi là "CÁC CÕI" không? Nếu vậy, thì những Thực thể khá lớn đang được chỉ ra (tức là họ là những vị cai quản các cõi phụ hệ thống), và như thế sẽ là điều tự nhiên khi một "Nguyên tử" được

nhúng trong một "Trung gian" như vậy, *trong đó* "Nguyên tử" có thể biểu hiện.

2... Atomic Unit of Form... Sphere... Plane Devas... Balancing... Solar Fire

161. In the first column of the second row under "ATOMS" we have an unusual term —"Atomic Unit of Form". Form relates to the second aspect of divinity, so it is fitting to be discussing it in the second row. But how does the "Atom" per se, differ from the "Atomic Unit of Form"?

162. Since, under "PLANES" the "Plane Devas" are subordinate to the "Plane Raja Lord" we would expect the "Atomic Unit of Form" to be subordinate to the "Atom".

163. Perhaps the term "Atom" signifies the atom as a *life* where as the term "Atomic Unit of Form" signifies the atom as a *form.*

164. We may be speaking of the formal relationship and unity of all constituents within an atom.

165. We may also wonder whether that constituent within the "Atom" called the "neutron" is not implicated. It has neither a positive nor a negative charge but is related to the factor of balance and equilibrium.

166. There are simply a number of terms which are conspicuously unusual, and so the correspondences are not entirely straightforward.

2... Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng... Khối cầu... Các thiên thần của Cõi... Cân bằng... Lửa Thái dương

161. Trong cột đầu tiên của hàng thứ hai dưới mục "CÁC NGUYÊN TỬ", chúng ta có một thuật ngữ khác thường—"Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng". Hình tướng liên hệ đến phương diện thứ hai của thiên tính, nên việc bàn về nó trong hàng thứ hai là thích hợp. Nhưng "Nguyên tử" chính nó khác với "Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng" như thế nào?

162. Vì dưới mục "CÁC CÕI", "Các thiên thần của Cõi" ở dưới "Chúa Tể Raja của Cõi", nên chúng ta sẽ mong đợi "Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng" ở dưới "Nguyên tử".

163. Có lẽ thuật ngữ "Nguyên tử" biểu thị nguyên tử như một *sự sống* trong khi thuật ngữ "Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng" biểu thị nguyên tử như một *hình tướng.*

164. Có lẽ chúng ta đang nói đến mối liên hệ hình tướng và sự hợp nhất của mọi thành phần bên trong một nguyên tử.

165. Chúng ta cũng có thể tự hỏi liệu thành phần bên trong "Nguyên tử" được gọi là "neutron" có liên can ở đây hay không. Nó không mang điện tích dương cũng không mang điện tích âm, nhưng liên hệ đến yếu tố cân bằng và quân bình.

166. Đơn giản là có một số thuật ngữ khác thường một cách nổi bật, nên các tương ứng không hoàn toàn trực tiếp.

167. In the second row and second column under "ATOMS" we have the term "Sphere", which indicates that the wholeness of the atomic form may be referenced. In this case the sphere has an inclusive, second ray connotation.

167. Trong hàng thứ hai và cột thứ hai dưới mục "CÁC NGUYÊN TỬ", chúng ta có thuật ngữ "Khối cầu", cho thấy tính toàn thể của hình tướng nguyên tử có thể đang được nói đến. Trong trường hợp này, khối cầu mang hàm ý bao gồm của cung hai.

168. Noting the correspondences we see that the "Sphere" corresponds to the "Centres" under PLANES, and to the term "Lotus" under each of the three types of "Man" (Solar Logos, Planetary Logos and Man).

168. Khi ghi nhận các tương ứng, chúng ta thấy rằng "Khối cầu" tương ứng với "Các Trung tâm" dưới mục CÁC CÕI, và với thuật ngữ "Hoa sen" dưới mỗi một trong ba loại "Con Người" (Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người).

169. The correspondence between a "Sphere" and the terms "Lotus" and "Centre" can easily be seen.

169. Sự tương ứng giữa một "Khối cầu" với các thuật ngữ "Hoa sen" và "Trung tâm" có thể dễ dàng nhận ra.

170. Instead of the term "Plane Deva" related as a "Medium" to "Atom", we have "Plane Devas" as the "Medium" to the "Atomic Unit of Form". Using the idea of the "Medium" as indicating 'immersion in a medium within which expression occurs', we can understand "Atomic Unit(s) of Form" immerse in the "Plane Devas" of various kinds.

170. Thay vì thuật ngữ "Thiên thần của Cõi" liên hệ như một "Trung gian" với "Nguyên tử", chúng ta có "Các thiên thần của Cõi" như "Trung gian" đối với "Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng". Dùng ý niệm "Trung gian" như chỉ sự 'được nhúng trong một môi trường mà trong đó sự biểu hiện xảy ra', chúng ta có thể hiểu "(Các) Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng" được nhúng trong "Các thiên thần của Cõi" thuộc nhiều loại khác nhau.

171. "Plane Devas" are included within the larger "Plane Deva". The "Atom" considered as a *life* finds its place within the greater "Plane Deva". The "Atomic Unit of Form" finds its expression within the medium of various kinds of "Plane Devas". Admittedly, there is ambiguity in this comparison. We must assume that the "Plane Devas" are lesser than *the* "Plane Deva".

171. "Các thiên thần của Cõi" được bao gồm trong "Thiên thần của Cõi" lớn hơn. "Nguyên tử" được xem như một *sự sống* tìm thấy vị trí của nó trong "Thiên thần của Cõi" lớn hơn. "Đơn vị Nguyên tử của Hình tướng" tìm thấy sự biểu hiện của nó trong trung gian của nhiều loại "Các thiên thần của Cõi". Phải thừa nhận rằng có sự mơ hồ trong sự so sánh này. Chúng ta phải giả định rằng "Các thiên thần của Cõi" nhỏ hơn "*Thiên thần của Cõi*".

172. The term "Balancing" fits well with the second aspect and is predictably placed between "Positive" and "Negative". Again

172. Thuật ngữ "Cân bằng" rất phù hợp với phương diện thứ hai và được đặt một cách có thể dự đoán giữa "Dương" và "Âm". Một lần

one things of that type of electricity which is called neutral or equilibrizing. The atomic constituent called the "neutron" again comes to mind.

nữa người ta nghĩ đến loại điện được gọi là trung hòa hay quân bình hóa. Thành phần nguyên tử được gọi là "neutron" lại hiện ra trong tâm trí.

173. The "Nature of Fire" is predictably "Solar Fire".

173. "Bản chất của Lửa" theo dự đoán là "Lửa Thái dương".

3... Electrons... Nuclei... Elementals... Negative... Fire by Friction

3... Các electron... Các hạt nhân... Các hành khí... Âm... Lửa ma sát

174. "Electrons" are the correspondence within the atom to the third or substantial aspect. They are a *part* of the atomic whole.

174. "Các electron" là sự tương ứng bên trong nguyên tử với phương diện thứ ba hay phương diện chất liệu. Chúng là một *phần* của toàn thể nguyên tử.

175. Considered as a "Source" the "Electrons" work through "Nuclei"—their *own* presumably, and not through the "Nucleus" of the "Atom" itself. "Electrons" are still mega-structures compared to still lesser particles which comprise them. So even the tiny electron has its nucleus and those lives which are to it as "Electrons" are to "Atoms".

175. Khi được xem là một "Nguồn", "Các electron" hoạt động thông qua "Các hạt nhân"—có lẽ là các hạt nhân *riêng của chúng* chứ không phải thông qua "Hạt nhân" của chính "Nguyên tử". "Các electron" vẫn là những cấu trúc khổng lồ so với những hạt còn nhỏ hơn cấu thành chúng. Vì vậy ngay cả electron nhỏ bé cũng có hạt nhân của nó và những sự sống đối với nó cũng như "Các electron" đối với "Các nguyên tử".

176. The electron is an elemental life, so when we reach the third column of the third row and read the word "Elementals" we have to wonder about the scope and size of the "Elementals" concerned.

176. Electron là một sự sống hành khí, nên khi chúng ta đến cột thứ ba của hàng thứ ba và đọc từ "Các hành khí", chúng ta phải tự hỏi về phạm vi và kích thước của các "hành khí" liên hệ.

177. Are the "Elementals" listed here (presumably smaller than the "Elementals" listed under "PLANES") a "Medium" *within* which "Electrons" express themselves, or are these "Elementals" lives of even lesser scope than the "Electrons" *through* which the "Electrons" express themselves. Perhaps both are possible.

177. Những "hành khí" được liệt kê ở đây (có lẽ nhỏ hơn các "hành khí" được liệt kê dưới mục "CÁC CÕI") có phải là một "Trung gian" *trong đó* "Các electron" biểu hiện chính chúng, hay những "hành khí" này là những sự sống có phạm vi còn nhỏ hơn "Các electron" *mà qua đó* "Các electron" biểu hiện chính chúng? Có lẽ cả hai khả năng đều có thể.

178. The “Type of Energy” of the “Electrons” is, of course, “Negative” and the “Nature of Fire” is, predictably, “Fire by Friction”.

178. “Loại Năng lượng” của “Các electron” dĩ nhiên là “Âm” và “Bản chất của Lửa”, theo dự đoán, là “Lửa ma sát”.

179. Analyzing Tabulation VII has been an exacting process and far more is left unanswered than answered. The Tibetan has veiled, or perhaps disclosed to some, certain very subtle relationships. He has shows that analogies presented in this tabulation are not *exact* though naturally there are striking similarities. When He has presented a term which is at variance with one which we might expect, He has revealed, perhaps, some ways in which the five types of E/entities and the forms through which they express are at variance with one another.

179. Việc phân tích Bảng VII là một tiến trình đòi hỏi sự chính xác cao và còn lại nhiều điều chưa được giải đáp hơn là đã được giải đáp. Chân sư Tây Tạng đã che giấu, hay có lẽ đã tiết lộ cho một số người, những mối liên hệ rất vi tế nào đó. Ngài đã cho thấy rằng những sự tương đồng được trình bày trong bảng này không *chính xác tuyệt đối* mặc dù dĩ nhiên có những điểm tương tự nổi bật. Khi Ngài đưa ra một thuật ngữ khác với điều chúng ta có thể mong đợi, có lẽ Ngài đã tiết lộ một số cách thức mà năm loại E/thực thể và những hình tướng mà qua đó chúng biểu hiện khác biệt với nhau.

180. Perhaps we have often wondered why analogies and correspondences may not be exact. What is it about the structure of things which correspond which make analogies possible but *exact correspondences* impossible? I think DK has hinted at structural attributes which make *exact* correspondences amongst these E/entities impossible.

180. Có lẽ chúng ta thường tự hỏi vì sao những sự tương đồng và tương ứng lại không thể chính xác tuyệt đối. Điều gì trong cấu trúc của những sự vật tương ứng khiến cho sự tương đồng là có thể nhưng những *tương ứng chính xác tuyệt đối* lại là không thể? Tôi nghĩ Chân sư DK đã gợi ý về những thuộc tính cấu trúc khiến cho những sự tương ứng *chính xác tuyệt đối* giữa các E/thực thể này là không thể.

181. Obviously, in this analysis we have only scratched the surface of illuminating the nature of these E/entities and their relationship with one another.

181. Hiển nhiên, trong sự phân tích này, chúng ta mới chỉ chạm vào bề mặt của việc soi sáng bản chất của các E/thực thể này và mối liên hệ của chúng với nhau.

[Page 1188] In the tabulation much information is given anent the form building aspects of energy and the Law of Attraction

[Page 1188] Trong bảng này, nhiều thông tin được đưa ra liên quan đến các phương diện kiến tạo hình tướng của năng lượng và Định luật Hấp Dẫn

182. We remember that in this section of the book we are still dealing with the Law of Attraction.

182. Chúng ta nhớ rằng trong phần này của cuốn sách, chúng ta vẫn đang bàn đến Định luật Hấp Dẫn.

as it shows itself in the working of the various groups of the Army of the Voice.

khi nó biểu lộ trong hoạt động của các nhóm khác nhau của Đạo Quân của Âm Thanh.

183. Did we realize as we were studying Tabulation VII that the Army of the Voice was under discussion? I think that it is the information given regarding the last two types of E/entities "PLANES" and "ATOMS" that the greatest amount of information is given on the Army of the Voice.

183. Khi nghiên cứu Bảng VII, liệu chúng ta có nhận ra rằng Đạo Quân của Âm Thanh đang được bàn đến không? Tôi nghĩ rằng chính trong thông tin được đưa ra liên quan đến hai loại E/thực thể cuối cùng là "CÁC CÕI" và "CÁC NGUYÊN TỬ" mà lượng thông tin lớn nhất về Đạo Quân của Âm Thanh được cung cấp.

184. The Tibetan is amazing with regard to the amount of information He can compress in a small space.

184. Chân sư Tây Tạng thật đáng kinh ngạc về lượng thông tin mà Ngài có thể cô đọng trong một không gian nhỏ.

185. The term "Army of the Voice" is, of course, relative. There are Beings in relation to whom the human being can be considered a member of the Army of the Voice. There are still greater Beings in relation to whom even Planetary Logos and Solar Logos may be viewed as tiny devas and, thus, members of a far vaster Army of the Voice.

185. Thuật ngữ "Đạo Quân của Âm Thanh", dĩ nhiên, có tính tương đối. Có những Đấng mà trong tương quan với Các Ngài, con người có thể được xem là một thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh. Lại có những Đấng còn vĩ đại hơn nữa mà trong tương quan với Các Ngài, ngay cả Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế cũng có thể được xem như những thiên thần bé nhỏ và do đó là những thành viên của một Đạo Quân của Âm Thanh bao la hơn rất nhiều.

186. Tabulation VII will be very useful to the occult scientists of the future.

186. Bảng VII sẽ rất hữu ích cho các nhà khoa học huyền bí của tương lai.

It is this Army which is responsible for the attraction which is the medium of **bringing together the material** required by the **free Spirits** in order to construct their bodies of manifestation.

Chính Đạo Quân này chịu trách nhiệm về lực hút vốn là môi giới của việc **quy tụ chất liệu** mà các **Tinh thần tự do** cần đến để kiến tạo các thể biểu hiện của mình.

187. This is an excellent description of the function of the Army of the Voice and its relation to the Law of Attraction.

187. Đây là một mô tả xuất sắc về chức năng của Đạo Quân của Âm Thanh và mối liên hệ của nó với Định luật Hấp Dẫn.

188. The term "free Spirits" suggests the Monad as the ultimate Creator, commanding the Army of the Voice.

188. Thuật ngữ "Tinh thần tự do" gợi ý chân thần như Đấng Sáng Tạo tối hậu, chỉ huy Đạo Quân của Âm Thanh.

189. It is clear that the "bodies of manifestation" are constructed through the use of sound. It would seem that the vehicles of the spiritual triad and the causal vehicle are both constructed by monadic sound (the latter with the assistance of the Solar Angel).

189. Rõ ràng là các "thể biểu hiện" được kiến tạo thông qua việc sử dụng âm thanh. Có vẻ như các vận cụ của Tam nguyên tinh thần và vận cụ nguyên nhân đều được kiến tạo bởi âm thanh chân thần (vận cụ sau với sự trợ giúp của Thái dương Thiên Thần).

190. Sound and the Voice are factors inducing coherence. (Of course, they can also be destructive, but we are speaking of their magnetic qualities.) We are dealing with the second ray nature of Sound and Voice.

190. Âm thanh và Âm Thanh là những yếu tố tạo ra sự cố kết. (Dĩ nhiên, chúng cũng có thể mang tính hủy diệt, nhưng ở đây chúng ta đang nói về các phẩm tính từ tính của chúng.) Chúng ta đang đề cập đến bản chất cung hai của Âm thanh và Âm Thanh.

The vibration initiated by the Sound, which is the expression of the Law of Synthesis, is succeeded by the Voice or Word,

Rung động được khởi phát bởi Âm Thanh, vốn là biểu hiện của Định luật Tổng Hợp, được tiếp nối bởi Âm Thanh hay Linh từ,

191. The "Sound" (sometimes called the "O") always precedes the "Word" enunciated by the "Voice" (that Word being the "OM"). We might consider the "O" as a blend of the first and second rays, just as synthesis represents the second aspect of the first ray.

191. "Âm Thanh" (đôi khi được gọi là "O") luôn luôn đi trước "Linh từ" được phát ra bởi "Âm Thanh" (Linh từ ấy là "OM"). Chúng ta có thể xem "O" như một sự hòa trộn của cung một và cung hai, cũng như tổng hợp biểu hiện phương diện thứ hai của cung một.

192. The "Sound" expresses on the monadic plane (though not necessarily *exclusively* so). On the monadic plane the "Law of Synthesis" prevails as the rounded "O" suggests. The "A" is reserved of the logoic plane.

192. "Âm Thanh" biểu lộ trên cõi chân thần (dù không nhất thiết *chỉ* như vậy). Trên cõi chân thần, "Định luật Tổng Hợp" ngự trị như hình tròn của "O" gợi ra. "A" được dành cho cõi logoi.

193. Each of the seven great monadic groupings is expressive of unique *sound.* That "Sound" is carried into the lower five planes and expresses the *will* of that monadic grouping which is but an aspect of the Will of the One.

193. Mỗi một trong bảy nhóm chân thần lớn đều biểu lộ một *âm thanh* độc nhất. "Âm Thanh" ấy được mang xuống năm cõi thấp hơn và biểu lộ *ý chí* của nhóm chân thần ấy, vốn chỉ là một phương diện của Ý Chí của Đấng Duy Nhất.

and that Word as it progresses outward **from the centre** to the periphery (for, occultly understood, the Word is "spoken from the Heart") becomes

và Linh từ ấy, khi tiến ra bên ngoài **từ trung tâm** đến chu vi (vì, được hiểu theo huyền bí học, Linh từ được "nói ra từ Trái Tim") trở thành

194. The heart *is* the centre.

194. trái tim *là* trung tâm.

a. A phrase.

a. Một cụm từ.

b. Phrases.

b. Những cụm từ.

c. Sentences.

c. Những câu.

d. Speech.

d. Lời nói.

e. The myriad sounds of nature.

e. Vô số âm thanh của thiên nhiên.

195. This is the progression from simplicity to complexity. Sentences are composed of phrases and speech of sentences. The myriad sounds of nature are composed of the 'speech' of all entities.

195. Đây là sự tiến triển từ đơn giản đến phức tạp. Những câu được cấu thành từ các cụm từ, và lời nói được cấu thành từ các câu. Vô số âm thanh của thiên nhiên được cấu thành từ "lời nói" của mọi thực thể.

196. Another section in *A Treatise on Cosmic Fire* which deals with these matters specifically can be found in TCF 926-929. A necessary amplification of these ideas exists there.

196. Một phần khác trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* bàn riêng về những vấn đề này có thể được tìm thấy ở TCF 926-929. Ở đó có một sự khai triển cần thiết của các ý tưởng này.

Each of these terms

Mỗi thuật ngữ này

197. A phrase, phrases, sentence, speech, the myriad sounds of nature…

197. Một cụm từ, những cụm từ, câu, lời nói, vô số âm thanh của thiên nhiên…

can be explained in terms of attractive energy,

198. Because they depend upon the coherence of their constituents…

and this attractive energy is likewise the demonstration of the life of an Existence of some grade or other.

199. Various lives demonstrate through the expression of attractive energy. The capitalization of the term "Existence" tells us that we are dealing with an Entities of great scope—"Gods".

"God speaks and the forms are made."

200. Through speech the forms of nature arise. God's Speech produces the coherence of the constituents of which forms are made.

This tabulation should form the basis of a complete phase of study along this line and is one of the most basic given in this *Treatise*.

201. The tabulation gives us information regarding a wide span of E/entities—from a Solar Logos to an atom.

202. We offered many thoughts regarding the tabulation, but this effort only represents the beginning of much more exhaustive study.

đều có thể được giải thích theo năng lượng hấp dẫn,

198. Bởi vì chúng tùy thuộc vào sự cố kết của các thành phần cấu tạo nên chúng…

và năng lượng hấp dẫn này cũng là sự biểu lộ sự sống của một Hiện Hữu ở cấp độ này hay cấp độ khác.

199. Nhiều sự sống khác nhau biểu lộ qua sự diễn đạt năng lượng hấp dẫn. Việc viết hoa thuật ngữ "Hiện Hữu" cho chúng ta biết rằng chúng ta đang đề cập đến những Thực Thể có tầm mức lớn lao—những "Thượng đế".

"Thượng đế phán và các hình tướng được tạo thành."

200. Thông qua lời nói, các hình tướng của thiên nhiên phát sinh. Lời Phán của Thượng đế tạo ra sự cố kết của các thành phần cấu thành nên các hình tướng.

Bảng này nên tạo thành nền tảng cho một giai đoạn nghiên cứu hoàn chỉnh theo đường hướng này và là một trong những điều căn bản nhất được đưa ra trong *Luận thuyết* này.

201. Bảng này cung cấp cho chúng ta thông tin về một phạm vi rộng lớn các thực thể—từ một Thái dương Thượng đế đến một nguyên tử.

202. Chúng tôi đã đưa ra nhiều suy nghĩ liên quan đến bảng này, nhưng nỗ lực ấy chỉ mới là khởi đầu của một sự nghiên cứu đầy đủ hơn nhiều.

S9S12, Part II

TCF 1188-1194

Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

3. Adaptation of the form to the life.

This is the process of gradually **providing forms which are due expressions of the indwelling consciousness** which is the great purpose of what we call "Mother Nature";

1. This is an important statement giving the purpose of "Mother Nature". The intimate link between the inner or indwelling consciousness and form must ever be remembered. Every natural form is an expression of that consciousness.

this she does, working under the Law of Attraction which we are considering.

2. We now must discover the manner in which the Law of Attraction is responsible

TCF 1188-1194

Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

3. Sự thích ứng của hình tướng với sự sống.

Đây là tiến trình dần dần **cung cấp những hình tướng là những biểu hiện thích đáng của tâm thức nội tại**, vốn là mục đích lớn lao của điều mà chúng ta gọi là "Mẹ Thiên Nhiên";

1. Đây là một phát biểu quan trọng nêu ra mục đích của "Mẹ Thiên Nhiên". Mối liên hệ mật thiết giữa tâm thức bên trong hay nội tại và hình tướng phải luôn luôn được ghi nhớ. Mọi hình tướng tự nhiên đều là một biểu hiện của tâm thức ấy.

điều này bà thực hiện khi hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn mà chúng ta đang xem xét.

2. Giờ đây chúng ta phải khám phá cách thức mà Định luật Hấp Dẫn chịu trách nhiệm

for providing the forms which express the indwelling consciousness.

cung cấp những hình tướng biểu lộ tâm thức nội tại.

This law, therefore, **governs two aspects of unfoldment**, that which concerns the soul or consciousness aspect and that relating to the Spirit on its own plane.

Vì vậy, định luật này **chi phối hai phương diện của sự khai mở**, phương diện liên quan đến linh hồn hay phương diện tâm thức và phương diện liên quan đến tinh thần trên cõi riêng của nó.

3. This is interesting. We would expect the Law of Attraction to cover the soul or consciousness aspect, but we might expect Spirit [on its own plane] to be governed by the Law of Synthesis. We must remember, however, that the Law of Attraction is the preeminent cosmic law governing this second ray solar system.

3. Điều này thật thú vị. Chúng ta sẽ mong đợi Định luật Hấp Dẫn bao trùm phương diện linh hồn hay tâm thức, nhưng có thể lại mong đợi Tinh thần [trên cõi riêng của nó] được chi phối bởi Định luật Tổng Hợp. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng Định luật Hấp Dẫn là định luật vũ trụ nổi trội chi phối hệ mặt trời cung hai này.

It is the cause of that continuous cycle of form taking,

Nó là nguyên nhân của chu kỳ liên tục ấy của việc mang lấy hình tướng,

4. According to the nature and pattern of the indwelling consciousness, the elements of form are attracted into forms.

4. Theo bản chất và mô hình của tâm thức nội tại, các yếu tố của hình tướng được hút vào trong các hình tướng.

of form utilisation and of form rejection

của việc sử dụng hình tướng và của việc từ bỏ hình tướng

5. This statement reminds us of the Law of Repulse.

5. Phát biểu này nhắc chúng ta nhớ đến Định luật Đẩy Lùi.

6. Three phases are discussed: form creation, form utilisation and form rejection. When the form which has been created is no longer a faithful reflection of the nature and pattern of the indwelling consciousness (which, presumably, has advanced through the process of form utilisation) then the form is rejected so that a new and more adequate form can be created.

6. Ba giai đoạn được bàn đến: tạo dựng hình tướng, sử dụng hình tướng và từ bỏ hình tướng. Khi hình tướng đã được tạo ra không còn là sự phản chiếu trung thực của bản chất và mô hình của tâm thức nội tại nữa (mà giả định là đã tiến bộ qua tiến trình sử dụng hình tướng), thì hình tướng ấy bị từ bỏ để một hình tướng mới và thích đáng hơn có thể được tạo ra.

which characterises the incarnations of every kind and type of living being.

điều vốn đặc trưng cho các lần lâm phàm của mọi loại và mọi kiểu hữu thể sống.

7. We are dealing with a universal law which is involved in creating incarnations of the greatest and smallest entities.

7. Chúng ta đang đề cập đến một định luật phổ quát có liên quan đến việc tạo ra các lần lâm phàm của những thực thể lớn nhất cũng như nhỏ nhất.

The student should here remember that the Existences who are the attractive force in manifestation, the Dhyan Chohans, are seven in number,

Ở đây đạo sinh nên nhớ rằng các Hiện Hữu là lực hấp dẫn trong biểu hiện, các Dhyan Chohan, có số lượng là bảy,

8. It is evident that the term "Dhyan Chohans", in this context, has many levels of application: they can be "Monadic Wheels", Kumaras, Planetary Kumaras (or Planetary Logoi), etc.

8. Rõ ràng là thuật ngữ "Dhyan Chohan", trong ngữ cảnh này, có nhiều cấp độ áp dụng: các Ngài có thể là "Những Bánh Xe Chân Thần", các Kumara, các Hành Tinh Kumara (hay các Hành Tinh Thượng Đế), v.v.

and that, therefore, the quality of the vehicles which form Their bodies

và do đó, phẩm tính của các vận cụ tạo thành thể của Các Ngài

9. As all forms display quality according to the consciousness of the being who created them…

9. Vì mọi hình tướng đều biểu lộ phẩm tính tùy theo tâm thức của hữu thể đã tạo ra chúng…

will have the sevenfold variation according to the specific nature of the Lords of Life. [Page 1189]

sẽ có sự biến thiên thất phân tùy theo bản chất đặc thù của các Chúa Tể của Sự Sống. [Page 1189]

10. Master DK is speaking in terms of the influence of the universal Septenates of which the Seven Rays are but one example.

10. Chân sư DK đang nói theo ảnh hưởng của các bộ bảy phổ quát mà Bảy Cung chỉ là một ví dụ.

11. What may be that "specific nature" we do not know. We know of many ways to describe the principle qualities and many attributes of all seven rays, but we do not understand the exact occult pattern which distinguishes one from another.

11. "Bản chất đặc thù" ấy có thể là gì thì chúng ta không biết. Chúng ta biết nhiều cách để mô tả các phẩm tính nguyên lý và nhiều thuộc tính của cả bảy cung, nhưng chúng ta không hiểu mô hình huyền bí chính xác phân biệt cung này với cung kia.

The only way to arrive at a realisation of the basic qualities of these planetary Logoi

Cách duy nhất để đi đến sự chứng nghiệm về các phẩm tính căn bản của các Hành Tinh Thượng Đế này

12. Here DK is specific in telling us that the "Dhyan Chohans" under discussion are, indeed, Planetary Logos. But the Solar Angel are Dhyan Chohans and so are the intra-planetary Kumaras. Many great Beings are names "Dhyan Chohans". The Masters Who have become Chohans are also, at times, called "Dhyan Chohans".

12. Ở đây DK nói rõ cho chúng ta biết rằng các "Dhyan Chohan" đang được bàn đến quả thực là các Hành Tinh Thượng Đế. Nhưng các Thái dương Thiên Thần là các Dhyan Chohan và các Kumara nội hành tinh cũng vậy. Nhiều Đấng vĩ đại được gọi là "Dhyan Chohan". Các Chân sư đã trở thành Chohan cũng đôi khi được gọi là "Dhyan Chohan".

is through a consideration of the energy emanating from Them,

là thông qua việc xem xét năng lượng phát ra từ Các Ngài,

13. We will know Them by the energy which They emanate. We cannot yet know Them *as They are.*

13. Chúng ta sẽ biết Các Ngài qua năng lượng mà Các Ngài phát ra. Chúng ta chưa thể biết Các Ngài *như Các Ngài là.*

and it is this which the true esoteric astrology will eventually reveal.

và chính điều này mà Chiêm Tinh Học Nội Môn chân chính cuối cùng sẽ tiết lộ.

14. The nature of the energy emanating from the Planetary Logos is one of the most important revelations of the "true esoteric astrology". *A Treatise on Cosmic Fire* was written well before *Esoteric Astrology.* We realize that in that latter book, the Tibetan went far in the process of revelation He here mentions.

14. Bản chất của năng lượng phát ra từ Hành Tinh Thượng Đế là một trong những mặc khải quan trọng nhất của "Chiêm Tinh Học Nội Môn chân chính". *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết sớm hơn rất lâu so với *Chiêm Tinh Học Nội Môn.* Chúng ta nhận ra rằng trong quyển sách sau, Chân sư Tây Tạng đã tiến rất xa trong tiến trình mặc khải mà Ngài đề cập ở đây.

The time is not yet

Thời điểm ấy vẫn chưa đến

15. In fact, even with all that Master DK *has* revealed in *Esoteric Astrology,* He has revealed but little of what *could* be revealed.

15. Thật ra, ngay cả với tất cả những gì Chân sư DK *đã* mặc khải trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* Ngài cũng chỉ mặc khải rất ít về điều *có thể* được mặc khải.

it will come when the scientific consideration of human magnetism, of the

nó sẽ đến khi việc khảo cứu khoa học về từ điện của con người, về những khác biệt giữa

distinctions between the seven types of men, and the nature of the Ego is more truly followed.

bảy loại người, và về bản chất của chân ngã được theo đuổi chân thực hơn.

16. Three discoveries are involved before esoteric astrology can reveal more fully the nature of the emanations from the Planetary Logoi:

16. Có ba khám phá liên quan trước khi chiêm tinh học nội môn có thể mặc khải đầy đủ hơn bản chất của các phát xạ từ các Hành Tinh Thượng Đế:

a. A scientific consideration of human magnetism.

a. Một sự khảo cứu khoa học về từ điện của con người.

b. Realization of the distinction between the seven types of men. (We can see the importance of the careful study of the Science of the Seven Rays.)

b. Chứng nghiệm về sự khác biệt giữa bảy loại người. (Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu cẩn trọng Khoa Học về Bảy Cung.)

c. Understanding of the true nature of the Ego.

c. Thấu hiểu bản chất chân thực của chân ngã.

17. It may be that several centuries will be needed to fulfill these requirements.

17. Có thể sẽ cần đến vài thế kỷ để đáp ứng những yêu cầu này.

Then will be revealed the nature of planetary magnetism and **the quality of any specific planetary soul** as it is known through the aggregated nature of the men, responsive to and exponents of any particular planetary Ray.

Khi ấy sẽ được tiết lộ bản chất của từ điện hành tinh và **phẩm tính của bất kỳ linh hồn hành tinh đặc thù nào** như nó được biết đến qua bản chất tổng hợp của những người nam và nữ, những người đáp ứng với và là những kẻ biểu lộ bất kỳ cung hành tinh đặc thù nào.

18. This, then, is the revelation which will come when the three requirements are fulfilled.

18. Vậy thì đây là sự mặc khải sẽ đến khi ba yêu cầu được hoàn tất.

19. DK speaks of the quality of any specific planetary soul, but not of the 'Planetary Monad'. It does seem correct that the soul ray of a Planetary Logos would be the one to which the souls of men would most respond at this time. The revelation of the nature of the Monad for non-sacred Planetary Logoi

19. DK nói về phẩm tính của bất kỳ linh hồn hành tinh đặc thù nào, nhưng không nói về 'Chân Thần Hành Tinh'. Có vẻ đúng rằng cung linh hồn của một Hành Tinh Thượng Đế sẽ là cung mà các linh hồn của con người đáp ứng nhiều nhất vào lúc này. Sự mặc khải về bản chất của chân thần đối với các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng như

such as the Planetary Logos of the Earth-scheme would be premature.

Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Trái Đất sẽ là quá sớm.

20. Apparently we shall have to study not only individuals, but *groups of men*— seven large groups and the way they respond to the seven rays as expressed on Earth, even though the sources of these rays are in most instances Planetary Logoi other than our Planetary Logos.

20. Hiển nhiên chúng ta sẽ phải nghiên cứu không chỉ các cá nhân, mà còn cả *những nhóm người*— bảy nhóm lớn và cách họ đáp ứng với bảy cung như được biểu lộ trên Trái Đất, dù nguồn gốc của các cung này trong phần lớn trường hợp là các Hành Tinh Thượng Đế khác với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

The mystery is increased by the fact that there are not only certain logoic qualities manifesting which are not included by the term "sacred," but that there are numerous other aspects of what we might term "secondary centres of fire," generated and making their presence felt.

Bí ẩn gia tăng bởi sự kiện rằng không chỉ có một số phẩm tính logoi đang biểu lộ mà không được bao hàm trong thuật ngữ "thiêng liêng", mà còn có nhiều phương diện khác của điều mà chúng ta có thể gọi là "các trung tâm lửa thứ cấp", được tạo ra và làm cho sự hiện diện của chúng được cảm nhận.

21. DK let us know that understanding the nature of the quality of any specific planetary soul will not be an entirely straightforward matter as so much must be taken into consideration.

21. DK cho chúng ta biết rằng việc hiểu bản chất của phẩm tính của bất kỳ linh hồn hành tinh đặc thù nào sẽ không phải là một vấn đề hoàn toàn trực tiếp vì có quá nhiều điều phải được xem xét.

22. We have also to consider non-sacred qualities (presumably the qualities of the personality and personality vehicles of the Planetary Logos under consideration).

22. Chúng ta cũng phải xem xét các phẩm tính không thiêng liêng (có lẽ là các phẩm tính của phàm ngã và các vận cụ phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế đang được xét).

23. As for the "secondary centres of fire" they may be operative but vestigial—in process of being outlived—more active in a previous incarnation of our Planetary Logos but less active now, though still influential.

23. Còn về "các trung tâm lửa thứ cấp", chúng có thể đang hoạt động nhưng chỉ là tàn dư—đang trong tiến trình bị vượt qua—tích cực hơn trong một lần lâm phàm trước đây của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhưng nay kém hoạt động hơn, dù vẫn còn ảnh hưởng.

We have a correspondence to this in the fact **that there are centres of energy in man which are not purely etheric centres but are the product of the interaction of the**

Chúng ta có một sự tương ứng với điều này trong sự kiện **rằng có những trung tâm năng lượng trong con người không thuần túy là các trung tâm dĩ thái mà là sản phẩm**

etheric centres and certain forms of negative energy of the lowest kind.

của sự tương tác giữa các trung tâm dĩ thái và một số dạng năng lượng âm thuộc loại thấp nhất.

24. This is most interesting. It could be that Master DK is referring to certain organs of the body and perhaps the endocrine glands. We will see.

24. Điều này rất thú vị. Có thể Chân sư DK đang nói đến một số cơ quan của cơ thể và có lẽ cả các tuyến nội tiết. Chúng ta sẽ thấy.

Such, for instance, is the heart.

Chẳng hạn như tim.

25. We see that important organs are definitely included.

25. Chúng ta thấy rằng các cơ quan quan trọng chắc chắn được bao gồm.

There is the heart centre, one of the major centers on the etheric planes, but there is also the physical heart which is an energy generator also;

Có trung tâm tim, một trong những trung tâm chính trên các cõi dĩ thái, nhưng cũng có trái tim hồng trần, vốn cũng là một bộ phát sinh năng lượng;

26. It is very interesting to think of the heart as a "product of the interaction of the etheric centres and certain forms of negative energy of the lowest kind". Presumably, the Tibetan means the energy of matter denser than etheric matter.

26. Thật rất thú vị khi nghĩ về trái tim như một "sản phẩm của sự tương tác giữa các trung tâm dĩ thái và một số dạng năng lượng âm thuộc loại thấp nhất". Có lẽ Chân sư Tây Tạng muốn nói đến năng lượng của vật chất đậm đặc hơn vật chất dĩ thái.

there are the lower organs of generation which are equally a reflex product

có các cơ quan sinh sản thấp hơn, vốn cũng là một sản phẩm phản chiếu

27. A reflex product. The reflexive or reflective product of the sacral center?

27. Một sản phẩm phản chiếu. Sản phẩm phản chiếu hay phản xạ của trung tâm xương cùng chăng?

with an energy which is the resultant of the higher vibrations yet which has a quality all its own.

với một năng lượng là kết quả của các rung động cao hơn nhưng lại có một phẩm tính hoàn toàn riêng của nó.

28. DK is telling us that the sacral center has a quality which is distinct from that of the physical organs of generation. By calling the sex organs the "organs of generation" He is letting us know their specific function—the

28. DK đang cho chúng ta biết rằng trung tâm xương cùng có một phẩm tính khác biệt với phẩm tính của các cơ quan sinh sản hồng trần. Khi gọi các cơ quan tính dục là "các cơ quan sinh sản", Ngài cho chúng ta biết chức

function for which they were intended. [Vsk: And this is curious about the "reflex product", a sum of two or more elements but its own unique quality.

năng đặc thù của chúng—chức năng mà chúng được dự định để thực hiện. [Vsk: Và điều này thật lạ về "sản phẩm phản chiếu", một tổng của hai hay nhiều yếu tố nhưng lại có phẩm tính độc đáo riêng của nó.

This has its correspondence in the solar system.

Điều này có sự tương ứng của nó trong hệ mặt trời.

29. Again we have a most interesting statement which accords with the Law of Analogy.

29. Một lần nữa chúng ta có một phát biểu rất thú vị phù hợp với định luật tương đồng.

Many are the lesser planets

Có rất nhiều hành tinh nhỏ hơn

30. Presumably, many of these are beyond the orbit of Pluto, but researchers have identified some lesser planets of an etheric nature *within* the customary boundaries of our solar system.

30. Có lẽ nhiều hành tinh trong số này nằm ngoài quỹ đạo của Sao Diêm Vương, nhưng các nhà nghiên cứu đã nhận diện một số hành tinh nhỏ hơn có bản chất dĩ thái *bên trong* những ranh giới thông thường của hệ mặt trời chúng ta.

and **numerous are the planetoids** which have an energy or attractive quality all their own and which, from the systemic standpoint, must be allowed for in the measuring of the attraction producing the forms of or upon any particular planet.

và **rất nhiều tiểu hành tinh** vốn có một năng lượng hay phẩm tính hấp dẫn hoàn toàn riêng của chúng và từ quan điểm hệ thống, phải được tính đến trong việc đo lường lực hút tạo ra các hình tướng của hay trên bất kỳ hành tinh đặc thù nào.

31. Are these planetoids considered to have a *physical* function as have the heart and organs of general in comparison to the heart center and sacral center respectively?

31. Những tiểu hành tinh này có được xem là có một chức năng *hồng trần* như tim và các cơ quan sinh sản so với trung tâm tim và trung tâm xương cùng tương ứng hay không?

32. Or is DK simply telling us that when we try to gauge the nature of forms upon any planet, largely through astrology, we will have to take the many lesser planets and the planetoids into consideration?

32. Hay DK chỉ đơn giản cho chúng ta biết rằng khi chúng ta cố gắng đánh giá bản chất của các hình tướng trên bất kỳ hành tinh nào, phần lớn thông qua chiêm tinh học, chúng ta sẽ phải tính đến nhiều hành tinh nhỏ hơn và các tiểu hành tinh?

As we know from a study of the *Secret Doctrine,* certain of the planetary Logoi are pure and passionless

Như chúng ta biết từ việc nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm,* một số Hành Tinh Thượng Đế thì thanh khiết và vô dục

33. Among these our Planetary Logos is *not yet* to be found.

33. Trong số này, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta *chưa* được tìm thấy.

whilst others are still under the domination of desire and [Page 1190] of passion.[28] [S. D. I., 214, 449; II, 223]

trong khi những vị khác vẫn còn dưới sự thống trị của dục vọng và [Page 1190] của đam mê.28 [S. D. I., 214, 449; II, 223]

34. Among such the Planetary Logos of Earth is to be found along with the other non-sacred Planetary Logoi, and including, it would seem, the lesser Logoi of the many lesser planets and the planetoids.

34. Trong số đó có Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất cùng với các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng khác, và dường như còn bao gồm cả các Logoi nhỏ hơn của nhiều hành tinh nhỏ hơn và các tiểu hành tinh.

This quality of Theirs necessarily attracts to Them that which They need for the due expression of Their life in any scheme, and **controls the nature of those egoic groups who are (for Them) generating force centres.**

Phẩm tính này của Các Ngài tất yếu hút về phía Các Ngài điều mà Các Ngài cần để biểu lộ thích đáng sự sống của Các Ngài trong bất kỳ hệ hành tinh nào, và **kiểm soát bản chất của những nhóm chân ngã đang (đối với Các Ngài) tạo ra các trung tâm lực.**

35. So all these lesser Logoi operate under the power of attraction and build forms within the vehicle of expression which are faithful expressions of the nature and pattern of their consciousnesses.

35. Vì vậy tất cả các Logoi nhỏ hơn này hoạt động dưới quyền năng của lực hút và xây dựng các hình tướng bên trong vận cụ biểu hiện, là những biểu hiện trung thực của bản chất và mô hình của các tâm thức của các Ngài.

36. We remember from Tabulation VII that the causal body of the Planetary Logoi are associated with “Egoic Groups” as “Medium”, within which or through which these Logoi express.

36. Chúng ta nhớ từ Bảng VII rằng thể nguyên nhân của các Hành Tinh Thượng Đế được liên kết với “Các Nhóm Chân Ngã” như “Môi giới”, bên trong đó hay thông qua đó các Logoi này biểu lộ.

Hence the nature of men upon earth.

Do đó mới có bản chất của con người trên Trái Đất.

37. This probably means that we are all affected not only by the planets with which

37. Điều này có lẽ có nghĩa là tất cả chúng ta đều bị ảnh hưởng không chỉ bởi các hành

we are familiar, but the many lesser planets and the planetoids.

tinh mà chúng ta quen thuộc, mà còn bởi nhiều hành tinh nhỏ hơn và các tiểu hành tinh.

All human beings are paramountly governed by certain planetary attractions, impressions or influences which might be enumerated in the order of their importance.

Mọi con người đều chủ yếu bị chi phối bởi một số lực hút, ấn tượng hay ảnh hưởng hành tinh nhất định, có thể được liệt kê theo thứ tự quan trọng của chúng.

38. Here, Master DK is laying out important information for the Science of Esoteric Astrology which He will later develop in the book *Esoteric Astrology.*

38. Ở đây, Chân sư DK đang trình bày thông tin quan trọng cho Khoa Học Chiêm Tinh Học Nội Môn mà về sau Ngài sẽ phát triển trong quyển *Chiêm Tinh Học Nội Môn.*

There is, first of all, the attractive pull of the Life of the planetary Logos of this particular planet. This is necessarily the strongest and is one of the basic factors which have settled the lines the human form has taken upon this planet.

Trước hết là lực hút của Sự sống của Hành Tinh Thượng Đế của chính hành tinh này. Điều này tất yếu là mạnh nhất và là một trong những yếu tố căn bản đã định hình các đường nét mà hình tướng con người đã mang lấy trên hành tinh này.

39. And yet, in the ordinary horoscope, the Earth is given small attention. Its effects are so omnipresent that it is overlooked. Even placing it in its heliocentric position is insufficient because, in fact, it is *central* to the entire astrological chart. Vsk: DK's implication further is that of the definite construction of the human body being dictated by the attractive pull of Earth.

39. Tuy nhiên, trong lá số chiêm tinh thông thường, Trái Đất lại ít được chú ý. Các tác động của nó quá hiện diện khắp nơi nên bị bỏ qua. Ngay cả việc đặt nó vào vị trí nhật tâm của nó cũng không đủ bởi vì thật ra nó *ở trung tâm* của toàn bộ biểu đồ chiêm tinh. Vsk: Hàm ý xa hơn của DK là sự kiến tạo xác định của thể người bị quy định bởi lực hút của Trái Đất.

There are human beings, or exponents of self-consciousness on other planets, but the forms they utilise are not the same as ours.

Có những con người, hay những kẻ biểu lộ ngã thức trên các hành tinh khác, nhưng các hình tướng mà họ sử dụng không giống như của chúng ta.

40. The mystery of the nature of their forms will slowly be revealed and is presently the focus of much fanciful use of the creative imagination.

40. Bí ẩn về bản chất các hình tướng của họ sẽ dần dần được tiết lộ và hiện nay là trọng tâm của nhiều sự sử dụng đầy tưởng tượng của sự tưởng tượng sáng tạo.

41. We note that DK is giving us the *order* of the influences affecting man and all forms on our planet.

41. Chúng ta lưu ý rằng DK đang cho chúng ta biết *thứ tự* của các ảnh hưởng tác động lên con người và mọi hình tướng trên hành tinh chúng ta.

There is next, the attractive pull of the planetary Logos Who is the complementary Life to that of our Logos.

Tiếp theo là lực hút của Hành Tinh Thượng Đế là Sự sống bổ sung cho Sự sống của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta.

42. DK is using the word "complementary" and not "polar opposite". This must be noted; they are not the same.

42. DK dùng từ "bổ sung" chứ không phải "đối cực phân cực". Điều này phải được lưu ý; chúng không giống nhau.

This involves a planetary Logos responsive to a vibration which harmonises with that of our Logos

Điều này bao hàm một Hành Tinh Thượng Đế đáp ứng với một rung động hài hòa với rung động của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta

43. Only certain intervals of music will be allowed. The third is harmonious (whether the minor third or the major). The fourth *may* be considered harmonious. We should not go beyond the perfect fifth.

43. Chỉ một số quãng nhạc nhất định mới được chấp nhận. Quãng ba là hài hòa (dù là quãng ba thứ hay quãng ba trưởng). Quãng bốn *có thể* được xem là hài hòa. Chúng ta không nên vượt quá quãng năm đúng.

44. The vibration may be a greater *ray* vibration to which that particular Planetary Logos responds and which it expresses. Rays are Entities are of a higher order than the Planetary Logoi.

44. Rung động ấy có thể là một rung động *cung* lớn hơn mà Hành Tinh Thượng Đế đặc thù ấy đáp ứng và biểu lộ. Các cung là những Thực Thể thuộc một trật tự cao hơn các Hành Tinh Thượng Đế.

but Who, when in union with Him, forms what might be called "the Third" or His dominant, as the case may be.

nhưng Đấng ấy, khi hiệp nhất với Ngài, tạo thành điều có thể được gọi là "quãng ba" hay quãng át chủ của Ngài, tùy trường hợp.

45. The "third" is not the same as a "dominant", so there is much concealed in this sentence. All depends upon the note of music assigned to the Earth.

45. "Quãng ba" không giống như "quãng át chủ", vì vậy có nhiều điều được che giấu trong câu này. Tất cả tùy thuộc vào nốt nhạc được gán cho Trái Đất.

46. Usually Mars or Mercury are considered possible "complementary" Planetary Logoi to our Planetary Logos. Mars is usually

46. Thông thường Sao Hỏa hay Sao Thủy được xem là những Hành Tinh Thượng Đế "bổ sung" khả dĩ đối với Hành Tinh Thượng

associated with the note “C” and Mercury with the note “E”, which in the usual C major scale is the major third.

Đế của chúng ta. Sao Hỏa thường được liên kết với nốt “C” và Sao Thủy với nốt “E”, mà trong gam Đô trưởng thông thường là quãng ba trưởng.

47. Much depends upon whether we consider the note of the Planetary Logos of Earth to accord with His personality ray (the third) or His soul ray (the second). The personality ray is the third ray and correlates with the note FA or “F”. The note of Mercury (“E”) would not be in harmony with that “F”, but the note of Mars, “C” would form a fifth or dominant.

47. Nhiều điều tùy thuộc vào việc chúng ta có xem nốt của Hành Tinh Thượng Đế Trái Đất phù hợp với cung phàm ngã của Ngài (cung ba) hay cung linh hồn của Ngài (cung hai) hay không. Cung phàm ngã là cung ba và tương ứng với nốt FA hay “F”. Nốt của Sao Thủy (“E”) sẽ không hài hòa với “F” ấy, nhưng nốt của Sao Hỏa, “C”, sẽ tạo thành một quãng năm hay quãng át chủ.

48. Hidden in the words “as the case may be” may refer to whether we are beginning with the personality or soul ray of our Planetary Logos.

48. Điều được ẩn giấu trong các từ “tùy trường hợp” có thể liên quan đến việc chúng ta bắt đầu từ cung phàm ngã hay cung linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta.

49. From another perspective, however, there is no reason why the Logos of Mars, Who is less developed than the Logos of Earth, should exercise the function of “dominant” (the fifth). The fifth of Mars, from one perspective, is also related as a fourth or subtone. From the note “C” (Mars) to “F” (the personality ray of Earth) the interval is the fourth.

49. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, không có lý do gì để Hành Tinh Thượng Đế của Sao Hỏa, Đấng kém phát triển hơn Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất, lại thực hiện chức năng của “quãng át chủ” (quãng năm). Quãng năm của Sao Hỏa, từ một góc nhìn, cũng liên hệ như một quãng bốn hay hạ âm. Từ nốt “C” (Sao Hỏa) đến “F” (cung phàm ngã của Trái Đất), quãng là quãng bốn.

50. When dealing with the soul ray of Earth, it is the second ray, and can perhaps be correlated with the second ray note “G” (a note assigned in one reference to the seventh ray and not the second). But this assignment of “G” is based upon a scale starting on the note “A”, from which “G” is the seventh step.

50. Khi đề cập đến cung linh hồn của Trái Đất, đó là cung hai, và có lẽ có thể được tương ứng với nốt cung hai là “G” (một nốt được gán trong một tài liệu cho cung bảy chứ không phải cung hai). Nhưng sự gán “G” này dựa trên một gam bắt đầu từ nốt “A”, từ đó “G” là bậc thứ bảy.

51. The note of Mercury, a sacred planet, remains for the moment a steady “E”, the note correlated with the fourth ray. The “F” of the personality of the Planetary Logos of Earth is only a minor second from “E” and

51. Nốt của Sao Thủy, một hành tinh thiêng liêng, hiện vẫn là một “E” ổn định, nốt tương ứng với cung bốn. “F” của phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế Trái Đất chỉ là một quãng hai thứ so với “E” và đây là một quãng

this is an ‘inharmonious’ interval. However, the note “G”, which we can correlate with the second ray soul of the Planetary Logos of Earth is a minor third from Mercury (suggesting a relationship based on the previous solar system) and also Mercury is a major sixth from the soul note from Earth. The minor third and the major sixth are *both* harmonious intervals.

‘bất hòa’. Tuy nhiên, nốt “G”, mà chúng ta có thể tương ứng với linh hồn cung hai của Hành Tinh Thượng Đế Trái Đất, là một quãng ba thứ so với Sao Thủy (gợi ý một mối liên hệ dựa trên hệ mặt trời trước) và đồng thời Sao Thủy cũng là một quãng sáu trưởng so với nốt linh hồn của Trái Đất. Quãng ba thứ và quãng sáu trưởng *đều* là những quãng hài hòa.

52. This approach suggests that it is possible to consider complementary planets in terms the relationship between personality rays, between the personality ray of the lesser and the soul ray of the greater, or in terms of soul rays.

52. Cách tiếp cận này gợi ý rằng có thể xem xét các hành tinh bổ sung theo mối quan hệ giữa các cung phàm ngã, giữa cung phàm ngã của hành tinh thấp hơn và cung linh hồn của hành tinh cao hơn, hoặc theo các cung linh hồn.

53. Perhaps a little tabulation will clarify the possibilities:

53. Có lẽ một bảng nhỏ sẽ làm sáng tỏ các khả năng:

Rays	Các cung
Earth	Trái Đất
Mars	Sao Hỏa
Mercury	Sao Thủy
Personality ray	Cung phàm ngã
R3 - F	R3 - F
R6 - C	R6 - C
R3 -F	R3 -F
Soul ray	Cung linh hồn
R2 - G	R2 - G
R1? – C or D	R1? – C or D

54. We can discern the following possible relationships, though it must be noticed that the R1 soul for Mars is inferred just as is the R3 personality for Mercury. There are good reasons, however, for the inferences.

55. Interval Relationships:

a. From Earth to Mars according to personality rays – a perfect fifth with Mars as the dominant

b. From Mars to Earth according to personality rays – a perfect fourth

c. From Earth to Mercury according to personality rays – a unison not producing harmony.

d. From Mercury to Earth according to personality rays – same

e. From the personality ray note of Earth to the soul ray note of Mars – either a perfect fifth (if the first ray note is considered C; or a major sixth if the first ray note is considered a D).

f. From the soul ray note of Mars to the personality ray note of Earth – either a perfect fourth of the soul ray note of mars is considered a C; or a minor third if the soul ray note of Mars is considered a D.

g. From the personality ray note of Earth to the soul ray note of Mercury – a major seventh—a highly inharmonious interval

R4 - E

54. Chúng ta có thể phân biện các mối quan hệ khả dĩ sau đây, dù cần lưu ý rằng linh hồn R1 của Sao Hỏa được suy ra cũng như phàm ngã R3 của Sao Thủy. Tuy nhiên, có những lý do xác đáng cho các suy luận ấy.

55. Các mối quan hệ quãng:

a. Từ Trái Đất đến Sao Hỏa theo các cung phàm ngã – một quãng năm đúng với Sao Hỏa là quãng át chủ

b. Từ Sao Hỏa đến Trái Đất theo các cung phàm ngã – một quãng bốn đúng

c. Từ Trái Đất đến Sao Thủy theo các cung phàm ngã – một đồng âm không tạo ra hòa âm.

d. Từ Sao Thủy đến Trái Đất theo các cung phàm ngã – cũng vậy

e. Từ nốt cung phàm ngã của Trái Đất đến nốt cung linh hồn của Sao Hỏa – hoặc là một quãng năm đúng (nếu nốt cung một được xem là C; hoặc là một quãng sáu trưởng nếu nốt cung một được xem là D).

f. Từ nốt cung linh hồn của Sao Hỏa đến nốt cung phàm ngã của Trái Đất – hoặc là một quãng bốn đúng nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là C; hoặc là một quãng ba thứ nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là D.

g. Từ nốt cung phàm ngã của Trái Đất đến nốt cung linh hồn của Sao Thủy – một quãng bảy trưởng—một quãng cực kỳ bất hòa

h. From the soul ray note of Mercury to the personality ray note of Earth – a minor second, also a highly inharmonious interval.

h. Từ nốt cung linh hồn của Sao Thủy đến nốt cung phàm ngã của Trái Đất – một quãng hai thứ, cũng là một quãng cực kỳ bất hòa.

i. From the soul ray note of Earth to the soul ray note of Mars – either a perfect fourth is the soul ray note of Mars is considered to be C; or a perfect fifth if the soul ray note of Mars is considered to be a D.

i. Từ nốt cung linh hồn của Trái Đất đến nốt cung linh hồn của Sao Hỏa – hoặc là một quãng bốn đúng nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là C; hoặc là một quãng năm đúng nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là D.

j. From the soul ray note of Mars to the soul ray note of Earth – either a perfect fifth of the soul ray note of Mars is considered to be a C; or a perfect fourth if the soul ray note of Mars is considered to be a D. (The problem with choosing a C or D for Mars involves the fact that the note "C" is traditionally the "red note" correlating with the first ray esoterically.

j. Từ nốt cung linh hồn của Sao Hỏa đến nốt cung linh hồn của Trái Đất – hoặc là một quãng năm đúng nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là C; hoặc là một quãng bốn đúng nếu nốt cung linh hồn của Sao Hỏa được xem là D. (Vấn đề khi chọn C hay D cho Sao Hỏa liên quan đến sự kiện rằng nốt "C" theo truyền thống là "nốt đỏ" tương ứng với cung một theo huyền bí học.

k. From the soul ray note of Earth to the soul ray note of Mercury – a major sixth, a harmonious interval.

k. Từ nốt cung linh hồn của Trái Đất đến nốt cung linh hồn của Sao Thủy – một quãng sáu trưởng, một quãng hài hòa.

l. From the soul ray note of Mercury to the soul ray note of Earth, a minor third – also a harmonious interval.

l. Từ nốt cung linh hồn của Sao Thủy đến nốt cung linh hồn của Trái Đất, một quãng ba thứ – cũng là một quãng hài hòa.

56. Within all the above there are many possibilities of relationship, and DK is definitely making a *veiled* reference. The musical language of planetary relationships is not being fully revealed, however certain hints are being given and can be elaborated, as has been the attempt above.

56. Trong tất cả những điều trên có rất nhiều khả năng về mối quan hệ, và DK rõ ràng đang đưa ra một ám chỉ *che giấu*. Ngôn ngữ âm nhạc của các mối quan hệ hành tinh không được tiết lộ đầy đủ, tuy nhiên một số gợi ý đang được đưa ra và có thể được khai triển, như đã được thử thực hiện ở trên.

It is not possible to reveal whether the blending of the note

Không thể tiết lộ liệu sự hòa trộn của nốt

57. Between Earth and its complementary planet…(whichever of the two it might be)…

57. Giữa Trái Đất và hành tinh bổ sung của nó…(dù đó là hành tinh nào trong hai hành tinh ấy)…

58. It is not possible to consider Saturn as the planet complementary to Earth, because Saturn is definitely in a higher category. Not only it Saturn a sacred planet but also a synthesizing planet. Yet, Saturn will eventually absorb the Earth at the time of solar systemic synthesis.

58. Không thể xem Sao Thổ là hành tinh bổ sung cho Trái Đất, bởi vì Sao Thổ rõ ràng thuộc một phạm trù cao hơn. Không những Sao Thổ là một hành tinh thiêng liêng mà còn là một hành tinh tổng hợp. Tuy nhiên, cuối cùng Sao Thổ sẽ hấp thu Trái Đất vào thời điểm tổng hợp hệ mặt trời.

will mean that our scheme will absorb that which expresses the note of another scheme, or vice versa.

sẽ có nghĩa là hệ hành tinh của chúng ta sẽ hấp thu điều biểu lộ nốt của một hệ hành tinh khác, hay ngược lại.

59. The blending of the personality notes of Earth and Mars yields a perfect fifth, which is a soul relationship, in which case, it is possible that one day Earth may become what is called the “alter ego” of Mars.

59. Sự hòa trộn của các nốt phàm ngã của Trái Đất và Sao Hỏa tạo ra một quãng năm đúng, vốn là một mối quan hệ linh hồn; trong trường hợp ấy, có thể một ngày nào đó Trái Đất sẽ trở thành điều được gọi là “đối phần” của Sao Hỏa.

60. I have speculated earlier that Earth may well absorb Mars just as Venus (the alter ego of Earth) may well absorb Earth.

60. Trước đây tôi đã suy đoán rằng Trái Đất rất có thể sẽ hấp thu Sao Hỏa, cũng như Sao Kim (đối phần của Trái Đất) rất có thể sẽ hấp thu Trái Đất.

61. We can be sure that Mars, of lesser development than Earth, will *not* absorb the subtle principles of Earth at the time of systemic synthesis.

61. Chúng ta có thể chắc chắn rằng Sao Hỏa, kém phát triển hơn Trái Đất, *sẽ không* hấp thu các nguyên khí vi tế của Trái Đất vào thời điểm tổng hợp hệ thống.

62. There are many reasons to consider Mars as the complement of Earth and Venus as its polar opposite, but there is at least one reference which points to Mercury as an equilibrising, complementary force relating Earth and Venus.

62. Có nhiều lý do để xem Sao Hỏa là phần bổ sung của Trái Đất và Sao Kim là đối cực phân cực của nó, nhưng có ít nhất một tham chiếu chỉ ra Sao Thủy như một lực quân bình, bổ sung, liên hệ Trái Đất và Sao Kim.

63. Should both Mars and Earth manage to express their soul rays in this solar system

63. Nếu cả Sao Hỏa và Trái Đất đều có thể biểu lộ các cung linh hồn của mình trong hệ

(and it will certainly happen for Earth), then again a perfect fifth is possible. The G or Earth can related to either the C or D or Mars as a perfect fifth. If Mars relates to C, then Mars forms the base note of the perfect fifth with Earth's G. If Mars relates to first ray D, then Earth's G will be the base note and Mars on D will sound 'above' the G to create, again, another, yet perfect fifth.

mặt trời này (và điều đó chắc chắn sẽ xảy ra đối với Trái Đất), thì một lần nữa một quãng năm đúng là có thể. Nốt G của Trái Đất có thể liên hệ với C hoặc D của Sao Hỏa như một quãng năm đúng. Nếu Sao Hỏa liên hệ với C, thì Sao Hỏa tạo thành nốt nền của quãng năm đúng với G của Trái Đất. Nếu Sao Hỏa liên hệ với D cung một, thì G của Trái Đất sẽ là nốt nền và D của Sao Hỏa sẽ vang lên 'ở trên' G để lại tạo thành một quãng năm đúng khác.

64. The thought that Earth will absorb Mars is already hinted by the presence of so many Martian Egos or Monads within the planetary scheme of Earth.

64. Ý tưởng rằng Trái Đất sẽ hấp thu Sao Hỏa đã được gợi ý bởi sự hiện diện của rất nhiều Chân ngã hay chân thần của Sao Hỏa bên trong hệ hành tinh của Trái Đất.

65. I think we will soon discover how many important hints Master DK is given in relation to musical relations between complementary planets and those which are polar opposites of each other.

65. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ sớm khám phá ra có bao nhiêu gợi ý quan trọng được ban cho Chân sư DK liên hệ đến các tương quan âm nhạc giữa những hành tinh bổ sung cho nhau và những hành tinh là các cực đối nghịch của nhau.

It means that somewhere in the solar system is a planetary scheme of some kind (not necessarily one of the seven or of the ten) which has an interplay with ours and which, therefore, inevitably affects the egoic groups.

Điều đó có nghĩa là ở đâu đó trong hệ mặt trời có một hệ hành tinh nào đó (không nhất thiết là một trong bảy hay một trong mười) có sự tương tác với hệ của chúng ta và vì vậy tất yếu ảnh hưởng đến các nhóm chân ngã.

66. The first thing we should notice is that *all* planetary schemes interplay with each other and thus affect each other. DK however is pointing to a specific planetary scheme.

66. Điều đầu tiên chúng ta nên lưu ý là *mọi* hệ hành tinh đều tương tác với nhau và do đó ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, DK đang chỉ đến một hệ hành tinh đặc biệt.

67. The hint here is tantalizing. Is the planetary scheme of which He is speaking really not yet discovered or not one of the conventional ten including Vulcan. We must remember that at the time this book was written, Pluto had not yet been discovered.

67. Gợi ý ở đây thật khêu gợi. Có phải hệ hành tinh mà Ngài đang nói đến thực sự chưa được khám phá, hay không phải là một trong mười hành tinh thông thường kể cả Vulcan? Chúng ta phải nhớ rằng vào thời

điểm cuốn sách này được viết, Sao Diêm Vương vẫn chưa được khám phá.

68. I think He is still speaking of the planet which is complementary to the Earth. It would be hard to conceive of Earth's complement as not one of the seven or ten. Could He possibly be inserting this thought to throw a veil over the possibility that the complementary planet of the Earth is one very close to Earth and also one of the ten?

68. Tôi nghĩ rằng Ngài vẫn đang nói về hành tinh bổ sung cho Trái Đất. Thật khó hình dung đối phần bổ sung của Trái Đất lại không phải là một trong bảy hay một trong mười. Có thể nào Ngài đưa vào ý tưởng này để che phủ khả năng rằng hành tinh bổ sung của Trái Đất là một hành tinh rất gần Trái Đất và cũng là một trong mười hành tinh ấy chăng?

69. Or could a planet veiled by the Moon or Sun fulfill this function. We will have to wait until more discoveries are made before we know whether the planet complementary to Earth could be an etheric planet—like "Rex", for instance.

69. Hoặc liệu một hành tinh được Mặt Trăng hay Mặt Trời che phủ có thể đảm nhiệm chức năng này chăng? Chúng ta sẽ phải chờ cho đến khi có thêm nhiều khám phá trước khi biết được liệu hành tinh bổ sung cho Trái Đất có thể là một hành tinh dĩ thái—chẳng hạn như "Rex"—hay không.

70. If I were to make an estimate at this point, I would say that Mars stands a very good chance of being the complementary planet and Mercury a complementary equilibrizing planet in certain relationships between Earth and Venus.

70. Nếu vào lúc này tôi phải đưa ra một ước đoán, tôi sẽ nói rằng Sao Hỏa có rất nhiều khả năng là hành tinh bổ sung, còn Sao Thủy là một hành tinh bổ sung có tính quân bình hóa trong một số tương quan nhất định giữa Trái Đất và Sao Kim.

We must note also the fact that—in connection with the expression of a Heavenly Man—. **the egoic groups are energy centres and make His dense physical body eventually an accomplished fact**

Chúng ta cũng phải lưu ý sự kiện rằng—liên hệ với sự biểu lộ của một Đấng Thiên Nhân —. **các nhóm chân ngã là những trung tâm năng lượng và cuối cùng làm cho thể xác đậm đặc của Ngài trở thành một sự kiện hoàn tất**

71. This is because the egoic groups are found upon the cosmic ethers which are responsible for precipitating the dense physical form.

71. Điều này là vì các nhóm chân ngã được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ, là những cõi chịu trách nhiệm ngưng tụ hình thể hồng trần đậm đặc.

72. We have seen from *Letters on Occult Meditation* that egoic groups are not confined to the higher mental plane or to the

72. Chúng ta đã thấy từ *Thư về Tham Thiền Huyền Bí* rằng các nhóm chân ngã không bị giới hạn trong cõi thượng trí hay cõi Bồ đề,

buddhic plane, but also are found on the atmic and monadic planes. Still all of these planes are within the cosmic ethers which are responsible for gathering the matter of the three purely physical subplanes into forms.

mà còn được tìm thấy trên các cõi atma và chân thần. Tuy nhiên, tất cả các cõi này đều nằm trong các cõi dĩ thái vũ trụ, là những cõi chịu trách nhiệm tập hợp vật chất của ba cõi phụ thuần hồng trần thành các hình tướng.

73. If we extend the analogy to the microcosmic, then the egoic groups are to the Planetary Logos as different chakras are to man. The chakras of man are responsibility for the precipitation of the dense physical body of man with all its physical centers such as glands and organs.

73. Nếu chúng ta mở rộng phép loại suy đến tiểu thiên địa, thì các nhóm chân ngã đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng như các luân xa đối với con người. Các luân xa của con người chịu trách nhiệm cho sự ngưng tụ thể xác đậm đặc của con người với tất cả các trung tâm hồng trần của nó như các tuyến và các cơ quan.

Finally, there is the attractive pull of that planetary scheme which is esoterically regarded as our polar opposite.

Sau cùng, còn có lực hút hấp dẫn của hệ hành tinh ấy, hệ được xem một cách huyền bí là cực đối nghịch của chúng ta.

74. This can be none other than Venus.

74. Điều này không thể là gì khác ngoài Sao Kim.

75. We have been talking about which planets (and later planetoids) are most magnetically influential upon man. The Earth is first; then the complementary planet (which if Mars, speaks to the importance of the dense physical body and of the personality); and then Venus, the representative of the soul.

75. Chúng ta đã bàn đến những hành tinh nào (và về sau là các tiểu hành tinh) có ảnh hưởng từ tính mạnh nhất lên con người. Trái Đất là trước hết; rồi đến hành tinh bổ sung (mà nếu là Sao Hỏa, điều đó nói lên tầm quan trọng của thể xác đậm đặc và của phàm ngã); và rồi đến Sao Kim, đại diện của linh hồn.

[Page 1191] (What is here said has reference to the other schemes, for the law persists throughout the solar system.)

[Page 1191] (Điều được nói ở đây có liên hệ đến các hệ khác, vì quy luật này vẫn tồn tại khắp hệ mặt trời.)

76. This will mean that the lives living on each planet will first of all be responsible to the life of the planet itself; then to the planet's complementary planet and then to the planet's polar opposite.

76. Điều này sẽ có nghĩa là các sự sống đang sống trên mỗi hành tinh trước hết sẽ đáp ứng với sự sống của chính hành tinh ấy; rồi đến hành tinh bổ sung của hành tinh đó; và sau đó đến cực đối nghịch của hành tinh ấy.

It will be apparent, therefore, that the real and esoteric astrology will deal with four kinds of force, when it seeks to explain the nature of the **Energies which influence any human being**:

77. Almost a decade before He dictated *Esoteric Astrology* Master DK is presenting seeds for that more-specifically astrological work.

1. The quality of the solar system.

78. In the case of our solar system, that quality is the second ray expressing both Love and Wisdom.

2. The quality of the Logos of the planet as it pours through the chains and globes and rounds in a sevenfold differentiation.

79. In the case of our Planetary Logos, the three major rays are given in *Esoteric Astrology,* page 619. These are the first, second and third—the monadic, soul and personality rays respectively.

3. The quality of our earth's complementary planet.

80. This planet is likely Mars, though Mercury has sometimes been considered as a complementary equilibrizing planet.

81. It is more likely that Mercury is Venus' complementary planet.

4. The quality of the attraction of our earth's polar opposites.

Do đó, rõ ràng là chiêm tinh học chân chính và huyền bí sẽ bàn đến bốn loại mãnh lực khi tìm cách giải thích bản chất của các **Năng Lượng ảnh hưởng đến bất kỳ con người nào**:

77. Gần một thập niên trước khi Ngài đọc cho chép *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, Chân sư DK đã trình bày những hạt giống cho công trình chuyên biệt hơn về chiêm tinh ấy.

1. Phẩm tính của hệ mặt trời.

78. Trong trường hợp hệ mặt trời của chúng ta, phẩm tính ấy là cung hai biểu lộ cả Tình thương và minh triết.

2. Phẩm tính của Thượng đế của hành tinh khi nó tuôn đổ qua các dãy, các bầu hành tinh và các cuộc tuần hoàn trong một sự biến phân thất phân.

79. Trong trường hợp Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, ba cung chính được nêu trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* trang 619. Đó là cung một, cung hai và cung ba—lần lượt là cung chân thần, cung linh hồn và cung phàm ngã.

3. Phẩm tính của hành tinh bổ sung cho Trái Đất của chúng ta.

80. Hành tinh này có lẽ là Sao Hỏa, mặc dù đôi khi Sao Thủy cũng được xem là một hành tinh bổ sung có tính quân bình hóa.

81. Có nhiều khả năng hơn là Sao Thủy là hành tinh bổ sung của Sao Kim.

4. Phẩm tính của lực hút từ các cực đối nghịch của Trái Đất chúng ta.

82. This planet, as often stated, is Venus. All opposite poles attract each other, but Venus is a planet which is particularly magnetic and attractive.

82. Hành tinh này, như thường được nói, là Sao Kim. Mọi cực đối nghịch đều hút nhau, nhưng Sao Kim là một hành tinh đặc biệt từ tính và hấp dẫn.

This involves information as yet veiled in deepest mystery,

Điều này bao hàm những thông tin hiện còn được che phủ trong huyền nhiệm sâu thẳm nhất,

83. Much was unveiled when the Tibetan wrote *Esoteric Astrology,* though, in many ways, the mystery remains.

83. Nhiều điều đã được vén mở khi Chân sư Tây Tạng viết *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* mặc dù, trên nhiều phương diện, huyền nhiệm vẫn còn đó.

but which will unfold as the true psychology is studied,

nhưng sẽ được khai mở khi tâm lý học chân chính được nghiên cứu,

84. Presumably, the "true psychology" is not just the psychology of human beings but the psychology of the major Entities comprising our solar system.

84. Có lẽ "tâm lý học chân chính" không chỉ là tâm lý học của con người mà còn là tâm lý học của các Thực Thể lớn cấu thành hệ mặt trời của chúng ta.

and which will eventually embody itself in a fourth fundamental of the *Secret Doctrine* so that later students will have the three as they are now found in the Proem to that book, plus the fourth.[29] [S. D. I, 42-46]

và cuối cùng sẽ tự thể hiện thành một mệnh đề căn bản thứ tư của *Giáo Lý Bí Nhiệm* để các đạo sinh về sau sẽ có ba mệnh đề như hiện nay được tìm thấy trong Lời Mở Đầu của cuốn sách ấy, cộng thêm mệnh đề thứ tư.29 [S. D. I, 42-46]

85. A number of students have taken this sentence as the hint that they can or should provide this fourth fundamental. It would seem that Master DK, Himself, has come closest to providing this fundamental.

85. Một số đạo sinh đã xem câu này như gợi ý rằng họ có thể hoặc nên cung cấp mệnh đề căn bản thứ tư này. Có vẻ như chính Chân sư DK là Đấng đã tiến gần nhất đến việc cung cấp mệnh đề căn bản ấy.

86. There is a hint suggesting that the Fourth Fundamental of the Secret Doctrine will be *psychological* in nature. Interestingly, this very book, *A Treatise on Cosmic Fire,* is considered to be the "psychological key to the Secret Doctrine". It would seem that through this book Master DK, Himself, has

86. Có một gợi ý cho thấy Mệnh Đề Căn Bản Thứ Tư của Giáo Lý Bí Nhiệm sẽ có bản chất *tâm lý học*. Điều thú vị là chính cuốn sách này, *Luận về Lửa Vũ Trụ,* được xem là "chìa khóa tâm lý học cho Giáo Lý Bí Nhiệm". Có vẻ như qua cuốn sách này, chính Chân sư DK đã

offered at least the seed to the fourth fundamental.

cống hiến ít nhất hạt giống của mệnh đề căn bản thứ tư ấy.

This might be expected in this fourth round.

Điều này có thể được mong đợi trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

87. The conditional word "might" is offered. Apparently, it is not a complete certainty that this fourth fundamental will be formulated in this fourth round, but likely. In this little sentence there is the 'feeling' of a later date.

87. Từ điều kiện "có thể" được đưa ra. Rõ ràng không hoàn toàn chắc chắn rằng mệnh đề căn bản thứ tư này sẽ được hình thành trong cuộc tuần hoàn thứ tư này, nhưng điều đó có khả năng xảy ra. Trong câu ngắn này có "cảm giác" về một thời điểm muộn hơn.

The true astrology

Chiêm tinh học chân chính

88. At the time of this writing the "true astrology" was not in the possession of any non-hierarchical astrologer. We can wonder whether, even with Master DK's great work, *Esoteric Astrology,* it yet is.

88. Vào thời điểm viết điều này, "chiêm tinh học chân chính" chưa nằm trong tay bất kỳ nhà chiêm tinh nào không thuộc Thánh Đoàn. Chúng ta có thể tự hỏi liệu, ngay cả với công trình vĩ đại của Chân sư DK là *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* nó đã ở trong tay họ hay chưa.

will reveal the nature of this fourth proposition at some later date.

sẽ tiết lộ bản chất của mệnh đề thứ tư này vào một ngày nào đó về sau.

89. Though there have been at least two attempts (of which I am aware) to reveal the nature of this fourth proposition, the phrase "some later date" does not sound immediate. More, it seems, would have to be revealed to make it possible.

89. Dù đã có ít nhất hai nỗ lực (mà tôi biết) nhằm tiết lộ bản chất của mệnh đề thứ tư này, cụm từ "vào một ngày nào đó về sau" không gợi cảm giác là điều đó sẽ xảy ra ngay. Có vẻ như cần phải được tiết lộ thêm nữa mới có thể làm được điều ấy.

90. We can wonder whether the first four fundamentals of the Secret Doctrine were formulated by disciples, or whether such a formulation arose in the minds of great sages and seers (the Masters of the past). I think this is probable.

90. Chúng ta có thể tự hỏi liệu bốn mệnh đề căn bản đầu tiên của Giáo Lý Bí Nhiệm có được các đệ tử hình thành hay không, hay việc hình thành như thế đã nảy sinh trong tâm trí của các bậc hiền triết và nhà thông nhãn vĩ đại (các Chân sư của quá khứ). Tôi nghĩ điều này là có thể.

91. Since the proposition is the *fourth*, the presence of a powerful fourth ray in

91. Vì mệnh đề này là mệnh đề *thứ tư*, nên có thể cần đến sự hiện diện của một cung bốn

incarnation in this fourth round might be required. The fourth ray, we know, is deeply connected with the development of the Science of Psychology as is the fifth (which has yet to reach its apotheosis in this present world period).

mạnh mẽ đang lâm phàm trong cuộc tuần hoàn thứ tư này. Như chúng ta biết, cung bốn có liên hệ sâu sắc với sự phát triển của Khoa Học Tâm Lý Học, cũng như cung năm (cung này vẫn chưa đạt đến đỉnh cao của nó trong chu kỳ thế giới hiện tại).

More attention will eventually be paid to the planetary influences, and not so much to the signs of the zodiac where the nature of an Ego is concerned.

Về sau, người ta sẽ chú ý nhiều hơn đến các ảnh hưởng hành tinh, và không quá chú trọng đến các dấu hiệu hoàng đạo khi xét đến bản chất của một Chân ngã.

92. This sentence seems something of a contradiction when compared with statements in *Esoteric Astrology* which speak of the influence of the planets being superseded by the influence of the signs of the zodiac.

92. Câu này dường như có phần mâu thuẫn khi so với những phát biểu trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* nói rằng ảnh hưởng của các hành tinh bị thay thế bởi ảnh hưởng của các dấu hiệu hoàng đạo.

93. Yet, when we read of the higher nature of the planetary influences we do see that they are connected with the development of the Ego on the higher mental plane.

93. Tuy nhiên, khi chúng ta đọc về bản chất cao hơn của các ảnh hưởng hành tinh, chúng ta thấy rằng chúng có liên hệ với sự phát triển của Chân ngã trên cõi thượng trí.

94. Here is one of the apparently contradictory sections from *EA*.

94. Đây là một trong những đoạn có vẻ mâu thuẫn từ *EA*.

First of all, I would point out that the twelve planets, governing the twelve houses, concern primarily the physical plane expression of the man; they affect potently the personality aspect; their influence, plus inherited karmic conditions, produces those environing states and those circumstances which give opportunity for the development and eventually the control of the form side of life.

Trước hết, tôi muốn chỉ ra rằng mười hai hành tinh, cai quản mười hai nhà, chủ yếu liên quan đến sự biểu lộ trên cõi hồng trần của con người; chúng ảnh hưởng mạnh mẽ đến phương diện phàm ngã; ảnh hưởng của chúng, cộng với các điều kiện nghiệp quả di truyền, tạo ra những trạng thái bao quanh và những hoàn cảnh đem lại cơ hội cho sự phát triển và cuối cùng là sự kiểm soát mặt hình tướng của sự sống.

Secondly, the twelve constellations are concerned primarily with the stimulation of the soul within the form, producing subjective activity which, in its turn, causes changes in the outer expression, through the

Thứ hai, mười hai chòm sao chủ yếu liên quan đến sự kích thích linh hồn bên trong hình tướng, tạo ra hoạt động chủ quan, đến lượt nó gây nên những thay đổi trong biểu hiện bên ngoài, thông qua sự dung hợp năng

fusion of the energy of the constellation with the energy of the planets. (EA 51)

lượng của chòm sao với năng lượng của các hành tinh. (EA 51)

95. We would be in error, however, if we disregarded the planets as they condition the expression of the soul. The planets are not involved *only* with the outer activity of the man (i.e., with the personality).

95. Tuy nhiên, chúng ta sẽ sai lầm nếu bỏ qua các hành tinh trong khi chúng tác động lên sự biểu lộ của linh hồn. Các hành tinh không chỉ liên quan *duy nhất* đến hoạt động bên ngoài của con người (tức là đến phàm ngã).

The great signs of the zodiac concern the Heavenly Man,

Các dấu hiệu hoàng đạo lớn liên quan đến Đấng Thiên Nhân,

96. One wonder, then, if there are "lesser" signs of the zodiac which concern the human being.

96. Khi ấy, người ta tự hỏi liệu có những dấu hiệu hoàng đạo "nhỏ hơn" liên quan đến con người hay không.

and necessarily, therefore, the Monads of every human being.

và do đó tất yếu liên quan đến các chân thần của mọi con người.

97. Since the Monads constitute the centers of the Heavenly Man, when the Heavenly Man is affected the signs of the zodiac, the Monads are affected.

97. Vì các chân thần cấu thành các trung tâm của Đấng Thiên Nhân, nên khi Đấng Thiên Nhân bị các dấu hiệu hoàng đạo tác động, các chân thần cũng bị tác động.

98. There is much ambiguity around such statements. In *A Treatise on White Magic* DK tells us that the signs have a lower influence than the rays. Note the following:

98. Có rất nhiều sự mơ hồ quanh những phát biểu như thế. Trong *Luận về Chánh Thuật* DK cho chúng ta biết rằng các dấu hiệu có ảnh hưởng thấp hơn các cung. Hãy lưu ý điều sau:

The signs which fall therefore into the four categories of earth, water, fire and air, concern primarily the man who lives below the diaphragm, and who utilises the lower four centres:—the centre at the base of the spine, the sacral centre, the solar plexus and the spleen. The inner group of seven major or systemic energies produce their effect upon the man who is living above the diaphragm, and work through the seven representative centres in the head. ***(TWM 438)***

Do đó, các dấu hiệu thuộc vào bốn loại đất, nước, lửa và khí chủ yếu liên quan đến con người sống dưới cơ hoành, và sử dụng bốn trung tâm thấp:—trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm xương cùng, tùng thái dương và luân xa lá lách. Nhóm bên trong gồm bảy năng lượng chính hay năng lượng hệ thống tạo ra ảnh hưởng của chúng lên con người đang sống phía trên cơ hoành, và hoạt động qua bảy trung tâm đại diện trong đầu. ***(TWM 438)***

99. There may, indeed, be a difference between "great" signs of the zodiac and the signs as ordinarily considered.

99. Quả thực có thể có sự khác biệt giữa các dấu hiệu hoàng đạo "lớn" và các dấu hiệu như thường được xét đến.

The planetary influences must be studied to find out the quality of a man's Ray,

Các ảnh hưởng hành tinh phải được nghiên cứu để tìm ra phẩm tính của cung của một người,

100. Here we have **another 'apparent' contradiction when compared with advice given in *Esoteric Astrology*.** I always use the word "apparent" when noticing what seems to be a contradiction as the contradiction is almost certainly found in the mind of the human interpreter and not in the presentation of the Master.

100. Ở đây chúng ta có **một mâu thuẫn 'bề ngoài' khác khi so với lời khuyên được đưa ra trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn*.** Tôi luôn dùng từ "bề ngoài" khi nhận thấy điều gì đó có vẻ là mâu thuẫn, vì mâu thuẫn ấy gần như chắc chắn nằm trong tâm trí của người diễn giải là con người chứ không nằm trong sự trình bày của Chân sư.

101. Note the following, in which it is evident that the rays have to be known before undertaking the interpretation of the chart:

101. Hãy lưu ý điều sau đây, trong đó rõ ràng là các cung phải được biết trước khi tiến hành giải thích lá số chiêm tinh:

This brings me to two points about which I would like to speak a word. In dealing with the horoscope of the personality and with the average non-aspiring man, **the astrologer should endeavour to discover the personality ray from a study of character, of the physical indications, of the emotional qualities, of the type of**

Điều này đưa tôi đến hai điểm mà tôi muốn nói đôi lời. Khi bàn đến lá số chiêm tinh của phàm ngã và của con người trung bình không chí nguyện, **nhà chiêm tinh nên cố gắng khám phá cung phàm ngã qua việc nghiên cứu tính cách, các dấu hiệu hồng trần, các phẩm tính cảm xúc, loại hình trí tuệ và bản chất của môi trường.** Khi đó y sẽ

mind and the nature of the environment. He will then be able to lay out a far more useful chart with the orthodox planets ruling the life. In the case of the horoscope of a disciple, **he should do the same, endeavouring to discover the ray of the soul.** The soul ray only sets its mark and emphasises its quality and nature in the case of advanced people, and when that emerges clearly, the man is obviously a disciple and the esoteric planets will then govern his chart. Having determined the ray of the man undergoing tests in Scorpio, the astrologer can then place the other rays in relation to him and his probable experience. ***(EA 222-223)***

có thể lập ra một lá số hữu ích hơn nhiều với các hành tinh chính thống cai quản đời sống. Trong trường hợp lá số chiêm tinh của một đệ tử, **y cũng nên làm như vậy, cố gắng khám phá cung của linh hồn.** Cung linh hồn chỉ ghi dấu ấn của nó và nhấn mạnh phẩm tính cùng bản chất của nó trong trường hợp những người tiến bộ, và khi điều đó xuất hiện rõ rệt, con người ấy hiển nhiên là một đệ tử và khi đó các hành tinh huyền bí sẽ cai quản lá số của y. Sau khi đã xác định cung của người đang trải qua các thử thách trong Hổ Cáp, nhà chiêm tinh khi ấy có thể đặt các cung khác trong tương quan với y và với kinh nghiệm có thể xảy ra của y. ***(EA 222-223)***

102. This does not mean that the study of the planets may not be useful in helping to determine a man's rays, but that the method of determination above given does not, at first, involve the planets.

102. Điều này không có nghĩa là việc nghiên cứu các hành tinh không thể hữu ích trong việc giúp xác định các cung của một người, mà là phương pháp xác định được nêu ở trên lúc đầu không bao hàm các hành tinh.

and this in the above indicated threefold manner.

và điều này theo cách tam phân đã được chỉ ra ở trên.

103. DK seems to hint that the planetary influences can be applied to the determination of the three major rays of the individual.

103. DK dường như gợi ý rằng các ảnh hưởng hành tinh có thể được áp dụng vào việc xác định ba cung chính của cá nhân.

Man is the Monad, therefore, he expresses a small part of his enfolding life.

Do đó, con người là chân thần, và y biểu lộ một phần nhỏ của sự sống bao bọc y.

104. Because this is not yet the solar system in which the Solar Logos will fully express His monadic ray, the monadic ray of the creature man is also not fully expressed. Only a small part of the enfolding life of the Monad is expressed, and yet the Master can determine the nature of the monadic ray.

104. Bởi vì đây chưa phải là hệ mặt trời trong đó Thái dương Thượng đế sẽ biểu lộ trọn vẹn cung chân thần của Ngài, nên cung chân thần của tạo vật là con người cũng chưa được biểu lộ trọn vẹn. Chỉ một phần nhỏ của sự sống bao bọc của chân thần được biểu lộ, thế nhưng Chân sư vẫn có thể xác định bản chất của cung chân thần.

In this solar system he is essentially the Ego.

Trong hệ mặt trời này, về bản chất y là Chân ngã.

105. This, then, is true of all of us in general. It may also be true of the Heavenly Men. The ray which is most expressive in this solar system, even for these great Beings, is the egoic ray.

105. Vậy thì điều này đúng với tất cả chúng ta nói chung. Nó cũng có thể đúng với các Đấng Thiên Nhân. Cung biểu lộ mạnh nhất trong hệ mặt trời này, ngay cả đối với những Hữu thể vĩ đại ấy, là cung chân ngã.

106. This is true as well of the Solar Logos.

106. Điều này cũng đúng đối với Thái dương Thượng đế.

Astrologers should study the planetary schemes in the light of the Heavenly Man,

Các nhà chiêm tinh nên nghiên cứu các hệ hành tinh dưới ánh sáng của Đấng Thiên Nhân,

107. Astrologers should study the *Life* which is expressing itself through a planetary scheme. These great Lives are qualified by rays and perhaps by zodiacal constellations just as a human being is.

107. Các nhà chiêm tinh nên nghiên cứu *Sự sống* đang biểu lộ chính nó qua một hệ hành tinh. Những Sự sống vĩ đại này được định tính bởi các cung và có lẽ bởi các chòm sao hoàng đạo cũng như một con người vậy.

viewing them as an incarnation [Page 1192] of a planetary Logos,

xem chúng như một lần lâm phàm [Page 1192] của một Hành Tinh Thượng Đế,

108. Truly, a more occult way of understanding the nature of a planet…

108. Quả thật, đây là một cách thấu hiểu huyền bí hơn về bản chất của một hành tinh…

and thus strive to cast the horoscope of the planetary Logos.

và như thế cố gắng lập lá số chiêm tinh của Hành Tinh Thượng Đế.

109. DK means, I think, that we should try to cast the horoscope of *our* Planetary Logos. We cannot even hope to do this with accuracy and so it would be utterly impossible for us, at this time, to attempt to do this for the other Planetary Logoi in our solar system.

109. Theo tôi nghĩ, DK muốn nói rằng chúng ta nên cố gắng lập lá số chiêm tinh của Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta*. Chúng ta thậm chí không thể hy vọng làm điều này một cách chính xác, và vì vậy vào lúc này việc thử làm điều đó cho các Hành Tinh Thượng Đế khác trong hệ mặt trời của chúng ta lại càng hoàn toàn bất khả.

They cannot succeed in doing so, but in the attempt may learn much and achieve new light upon a most difficult subject.

Họ không thể thành công trong việc ấy, nhưng trong nỗ lực đó có thể học được nhiều điều và đạt được ánh sáng mới về một đề tài hết sức khó khăn.

110. Where would one begin? Perhaps with the precipitation of our physical plane which science tells us began some four billion or so years ago. The time of physical appearance, however, is very much in doubt if we study the occult chronologies. Further, this event must hierarchy have been preceded by much internal preparation and appropriation of subtler vehicles all of which are significant in the life of the Planetary Logos.

110. Người ta sẽ bắt đầu từ đâu? Có lẽ từ sự ngưng tụ cõi hồng trần của chúng ta mà khoa học cho biết đã bắt đầu cách đây khoảng bốn tỉ năm. Tuy nhiên, thời điểm xuất hiện hồng trần vẫn còn rất đáng nghi ngờ nếu chúng ta nghiên cứu các niên đại huyền bí. Hơn nữa, biến cố này hẳn đã được đi trước bởi rất nhiều sự chuẩn bị nội tại và sự chiếm hữu các vận cụ tinh tế hơn, tất cả đều có ý nghĩa trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế.

111. The time scales between occultism and modern science are totally at variance and cannot yet be rectified with respect to each other.

111. Các thang thời gian giữa huyền bí học và khoa học hiện đại hoàn toàn khác biệt và vẫn chưa thể điều chỉnh cho phù hợp với nhau.

In considering this question of the adaptation of the form to vibration,

Khi xem xét vấn đề này về sự thích nghi của hình tướng với rung động,

112. DK reminds us that this is the subject under discussion.

112. DK nhắc chúng ta rằng đây là chủ đề đang được bàn đến.

or the construction of a vehicle which will be a fitting instrument for spirit,

hay việc kiến tạo một vận cụ sẽ là một công cụ thích hợp cho tinh thần,

113. This construction accomplished under the influence of the Law of Attraction…

113. Sự kiến tạo này được hoàn thành dưới ảnh hưởng của Định luật Hấp Dẫn…

the following factors must be borne in mind:

cần ghi nhớ các yếu tố sau đây:

1. That it is the quality of the indwelling life which decides the type of form.

1. Rằng chính phẩm tính của sự sống nội tại quyết định loại hình tướng.

114. When we look at human beings, for instance, this is something we should

114. Chẳng hạn, khi chúng ta nhìn vào con người, đây là điều chúng ta nên nhớ: hình

remember: the outer form expresses (for those with eyes to see) the inner quality.

115. We are speaking of the cooperation between the second and third aspects of divinity in the matter of creating form.

2. That these qualities are the sumtotal of the attributes of divinity which the indwelling life has succeeded in unfolding.

116. Quality is cumulative just as it is for man. The ray of the soul may endure for a great period of time but the qualities generated or accumulated under that major quality depend upon the lengthy process of unfoldment. Think for instance of the qualities which are stored within the egoic lotus of the individual human being.

3. That these qualities—as may well be surmised—fall into the usual septenate.

117. DK seems to be saying that the natures of the accumulated qualities can be discriminated along the lines of the seven rays.

118. As well, the qualities may relate to the seven principles.

4. That they fall also into two groups, those which concern the lower principles, and are, therefore, four in number, and those which concern the higher and middle and are, therefore, three.

119. Here we have a definite statement that the qualities are correlated with the seven principles—both higher and lower.

tướng bên ngoài biểu lộ (đối với những ai có mắt để thấy) phẩm tính bên trong.

115. Chúng ta đang nói về sự hợp tác giữa phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính trong vấn đề tạo ra hình tướng.

2. Rằng các phẩm tính này là tổng số các thuộc tính của thiên tính mà sự sống nội tại đã thành công trong việc khai mở.

116. Phẩm tính có tính tích lũy cũng như nơi con người. Cung của linh hồn có thể kéo dài trong một thời kỳ rất dài nhưng các phẩm tính được tạo ra hay tích lũy dưới phẩm tính chính ấy lại tùy thuộc vào tiến trình khai mở lâu dài. Chẳng hạn, hãy nghĩ đến những phẩm tính được cất giữ trong Hoa Sen Chân Ngã của cá nhân con người.

3. Rằng các phẩm tính này—như có thể dễ dàng suy ra—cũng rơi vào thất phân thông thường.

117. DK dường như đang nói rằng bản chất của các phẩm tính tích lũy có thể được phân biện theo các đường hướng của bảy cung.

118. Ngoài ra, các phẩm tính cũng có thể liên hệ đến bảy nguyên khí.

4. Rằng chúng cũng rơi vào hai nhóm, những phẩm tính liên quan đến các nguyên khí thấp, và do đó là bốn; và những phẩm tính liên quan đến các nguyên khí cao và trung gian, và do đó là ba.

119. Ở đây chúng ta có một phát biểu rõ ràng rằng các phẩm tính tương quan với bảy nguyên khí—cả cao lẫn thấp.

120. Presumably, the middle principle relates to higher manas, the causal body and eventually the lowest aspect of the spiritual triad.

120. Có lẽ nguyên khí trung gian liên hệ đến thượng manas, thể nguyên nhân và cuối cùng là phương diện thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần.

This is true of all men, of the Heavenly Men and of the solar Logos likewise,

Điều này đúng với mọi người, với các Đấng Thiên Nhân và với Thái dương Thượng đế cũng vậy,

121. We are dealing with broad principles applicable to a wide range of beings and Beings. As we study forms (microcosmic and macrocosmic) we will have to attend to the ways in which inner quality and qualities express through forms.

121. Chúng ta đang bàn đến những nguyên lý rộng lớn có thể áp dụng cho một phạm vi rộng các hữu thể và các Hữu thể. Khi nghiên cứu các hình tướng (tiểu thiên địa và đại thiên địa), chúng ta sẽ phải chú ý đến những cách mà phẩm tính và các phẩm tính bên trong biểu lộ qua các hình tướng.

and there is a mysterious analogy concerned in the manifestation of the three higher principles in man (which may be considered as demonstrating through the perfected Adept, the Bodhisattva) and the three higher principles of the solar Logos as they demonstrate through the major three aspects. They form but one principle showing forth in three ways.

và có một phép loại suy huyền nhiệm liên quan đến sự biểu lộ của ba nguyên khí cao nơi con người (có thể được xem như được chứng minh qua chân sư toàn hảo, Đức Bồ Tát) và ba nguyên khí cao của Thái dương Thượng đế khi chúng biểu lộ qua ba phương diện chính. Chúng chỉ tạo thành một nguyên khí biểu lộ theo ba cách.

122. We seem to be dealing with the “point within the triangle”, and the mystery that the Trinity is three and yet one. The three Logoi are a threefold expression of the one Solar Logos. The spiritual triad of man is the threefold expression of the one Monad.

122. Dường như chúng ta đang bàn đến “điểm bên trong tam giác”, và huyền nhiệm rằng Ba Ngôi là ba mà vẫn là một. Ba Thượng đế là biểu lộ tam phân của một Thái dương Thượng đế. Tam Nguyên Tinh Thần của con người là biểu lộ tam phân của một chân thần.

So it is with the unmanifested Monad (unmanifested from the standpoint of the lower man).

Điều này cũng đúng với chân thần không biểu lộ (không biểu lộ theo quan điểm của phàm nhân).

123. And manifested, in part, once the third initiation is taken…

123. Và được biểu lộ phần nào một khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận…

That Monad can—at a certain very advanced stage in evolution, and one far beyond that of the Adept—have its triple simultaneous manifestation, and show forth as a Master in the three worlds, as a Bodhisattva on His own plane and as the emancipated Dhyani Buddha;

124. We are really dealing here with *esoteric* Buddhism, and in these words may find the explanation of some of the more arcane Buddhist Doctrines.

125. An Adept is a Master and the words, "far beyond" are used. Thus we may be speaking of those who have taken the seventh or later initiations.

126. The Master represents the energy of humanly perfected manas; the Bodhisattva, the energy of humanly perfected buddhi; the Dhyani Buddha (presumably of the seventh degree or beyond) represents the energy of atma.

yet these Three will be but One, will be [Page 1193] the result of a great spiritual vibration and will perform the triple work which may (from the standpoint of the three worlds) appear as the work of three separate great Existences.

127. What an extraordinary idea—three great Existences, apparently independent and of independent origin, but really all emanations of a One. One of the mysteries of the Trinity is here expressed.

128. Apparently, if we were to raise our consciousness out of the three lower worlds, the three would not appear as "separate

Chân thần ấy có thể—ở một giai đoạn rất cao trong tiến hoá, và vượt xa giai đoạn của chân sư—có sự biểu lộ tam phân đồng thời của nó, và biểu lộ như một Chân sư trong ba cõi giới, như một Đức Bồ Tát trên cõi riêng của Ngài và như một Dhyani Buddha đã được giải thoát;

124. Ở đây thực sự chúng ta đang bàn đến Phật giáo *huyền bí*, và trong những lời này có thể tìm thấy lời giải thích cho một số giáo lý Phật giáo huyền nhiệm hơn.

125. Một chân sư là một Chân sư, và các từ "vượt xa" được dùng. Vì vậy, có thể chúng ta đang nói đến những vị đã trải qua lần điểm đạo thứ bảy hoặc cao hơn.

126. Chân sư đại diện cho năng lượng của manas được hoàn thiện nơi con người; Đức Bồ Tát, năng lượng của Bồ đề được hoàn thiện nơi con người; Dhyani Buddha (có lẽ ở cấp thứ bảy hoặc cao hơn) đại diện cho năng lượng của atma.

tuy nhiên Ba Đấng này chỉ là Một, sẽ là [Page 1193] kết quả của một rung động tinh thần vĩ đại và sẽ thực hiện công việc tam phân mà (theo quan điểm của ba cõi giới) có thể xuất hiện như công việc của ba Hiện Hữu vĩ đại riêng biệt.

127. Thật là một ý tưởng phi thường—ba Hiện Hữu vĩ đại, dường như độc lập và có nguồn gốc độc lập, nhưng thực ra đều là những phát xạ của Một Đấng. Một trong những huyền nhiệm của Ba Ngôi được diễn tả ở đây.

128. Rõ ràng, nếu chúng ta nâng tâm thức của mình ra khỏi ba cõi thấp, thì ba Đấng ấy sẽ không xuất hiện như những "Hiện Hữu vĩ

great Existences" but their Oneness would be perceived.

129. There is, perhaps, a hint relating to the mystery concerning the relationship between Gautama and the Buddha. If it is true that as Christ was the initiate Jesus, the Buddha was to the initiate Gautama, we have much of an obscure nature demanding solution.

They are forms of three monadic "vestures," worn by the one Monad as a man wears his three bodies simultaneously, and functions in them separately.[30]

130. The mystery of the "vestures of the Buddha" which the Christ has assumed, comes to mind.

131. The analogy lies in our ordinary functioning within the three lower worlds. We may function in these vehicles separately, as the Tibetan suggests, or simultaneously in an integrated manner. That type of integrated functioning must also be possible for the great One Who expresses Himself as an apparently independent three.

Footnote 30:

The Three Vestures.—"The stream is crossed. 'Tis true thou hast a right to Dharmakaya vesture; but Sambhogakaya is greater than a Nirvani, and greater still is a Nirmanakaya—the Buddha of Compassion." —Voice of the Silence, p. 97.

đại riêng biệt" nữa mà tính Nhất thể của các Ngài sẽ được nhận biết.

129. Có lẽ ở đây có một gợi ý liên quan đến huyền nhiệm về mối liên hệ giữa Gautama và Đức Phật. Nếu đúng rằng cũng như Đức Christ là điểm đạo đồ Jesus, thì Đức Phật là đối với điểm đạo đồ Gautama, chúng ta có rất nhiều điều mơ hồ đòi hỏi phải được giải đáp.

Các Ngài là những hình tướng của ba "pháp y" chân thần, được một chân thần khoác lấy cũng như con người đồng thời mặc ba thể của mình và hoạt động riêng biệt trong chúng.30

130. Huyền nhiệm về "các pháp y của Đức Phật" mà Đức Christ đã đảm nhận hiện lên trong tâm trí.

131. Phép loại suy nằm trong sự hoạt động thông thường của chúng ta trong ba cõi thấp. Chúng ta có thể hoạt động trong các vận cụ này một cách riêng biệt, như Chân sư Tây Tạng gợi ý, hoặc đồng thời theo cách tích hợp. Kiểu hoạt động tích hợp ấy hẳn cũng phải có thể đối với Đấng Vĩ Đại biểu lộ chính Ngài như một bộ ba có vẻ độc lập.

Cước chú 30:

Ba Pháp Y.—"Dòng sông đã được vượt qua. Đúng vậy, con có quyền đối với pháp y Dharmakaya; nhưng Sambhogakaya còn cao hơn một nirvani, và cao hơn nữa là Nirmanakaya—Đức Phật của Lòng Từ Bi." —Tiếng Nói của Im Lặng, tr. 97.

132. Here we have the discussion of the three vestures from the perspective of an ancient book.

132. Ở đây chúng ta có cuộc bàn luận về ba pháp y từ quan điểm của một cuốn sách cổ.

"The three Buddhic bodies or forms are styled: Nirmanakaya, Sambhogakaya, Dharmakaya.

“Ba thể hay hình tướng Bồ đề được gọi là: Nirmanakaya, Sambhogakaya, Dharmakaya.

133. There is a discrepancy between the first listing of three and this listing. Here Nirmanakaya is listed first, and in the first reference, Nirmanakaya is the final vesture.

133. Có một sự sai khác giữa cách liệt kê đầu tiên của bộ ba này và cách liệt kê ở đây. Ở đây Nirmanakaya được liệt kê trước, còn trong dẫn chiếu đầu tiên, Nirmanakaya là pháp y cuối cùng.

134. Again, in the first listing, Dharmakaya is listed as the least of the three vestures, but here, above, it is presented as the greatest of them.

134. Một lần nữa, trong cách liệt kê đầu tiên, Dharmakaya được nêu như pháp y thấp nhất trong ba pháp y, nhưng ở đây, phía trên, nó lại được trình bày là cao nhất trong số đó.

The first is that ethereal form which one would assume when leaving his physical he would appear in his astral body—having in addition all the knowledge of an Adept.

Pháp y thứ nhất là hình tướng dĩ thái mà người ta sẽ đảm nhận khi rời bỏ thể xác; y sẽ xuất hiện trong thể cảm dục của mình—đồng thời có thêm toàn bộ tri thức của một chân sư.

135. By “astral body”, we may well mean the etheric vehicle. Sanat Kumara apparently has such a vehicle.

135. Bởi “thể cảm dục”, rất có thể chúng ta nên hiểu là vận cụ dĩ thái. Đức Sanat Kumara dường như có một vận cụ như thế.

The Bodhisattva develops it in himself as he proceeds on the path. Having reached the goal and refused its fruition, he remains on earth, as an Adept;

Đức Bồ Tát phát triển nó trong chính mình khi Ngài tiến bước trên đường đạo. Khi đã đạt đến mục tiêu và từ chối quả vị của nó, Ngài vẫn ở lại trên Trái Đất như một chân sư;

136. From this perspective, the one who accepts the fruition of His Path is no longer an Adept, technically considered.

136. Theo quan điểm này, người chấp nhận quả vị của Con Đường của Ngài thì về mặt kỹ thuật không còn là một chân sư nữa.

and when he dies, instead of going into Nirvana, he remains in that glorious body he has woven for himself, invisible to

và khi Ngài chết, thay vì đi vào Niết Bàn, Ngài ở lại trong thể huy hoàng mà Ngài đã dệt nên cho chính mình, vô hình đối với

uninitiated mankind, to watch over and protect it.

137. This is very likely a “body of fire” which is, essentially, an etheric body, as discussed in *A Treatise on Cosmic Fire*:

The centres, therefore, when functioning properly, form the "body of fire" which eventually is all that is left, first to man in the three worlds, and later to the Monad. This body of fire is "the body incorruptible"[72] or indestructible, spoken of by St. Paul, and is the product of evolution, of the perfect blending of the three fires, which ultimately destroy the form. When the form is destroyed there is left this intangible spiritual body of fire, one pure flame, distinguished by seven brilliant centres of intenser burning. This electric fire is the result of the bringing together of the two poles and demonstrates at the moment of complete at-one-ment, the occult truth of the words "Our God is a consuming Fire."[73] (TCF 166-167)

138. From another perspective the Nirmanakaya may be a vehicle expressing as the spiritual triad, and capable of generating at will, any of the vehicles in the three lower worlds.

139. The term “astral body”, however, does not suggest a vehicles beyond the causal vehicle, unless the term is being used much differently than usual.

Sambhogakaya is the same, but with the additional lustre of three perfections, one of which is entire obliteration of all earthly concerns.

nhân loại chưa được điểm đạo, để canh chừng và bảo vệ họ.

137. Điều này rất có thể là một “thể lửa”, về bản chất là một thể dĩ thái, như được bàn đến trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*:

Do đó, các trung tâm, khi hoạt động đúng đắn, tạo thành “thể lửa”, là điều cuối cùng còn lại, trước hết đối với con người trong ba cõi giới, và về sau đối với chân thần. Thể lửa này là “thể bất hoại”72 hay bất khả hủy diệt, được Thánh Paul nói đến, và là sản phẩm của tiến hoá, của sự hòa trộn hoàn hảo của ba ngọn lửa, cuối cùng hủy diệt hình tướng. Khi hình tướng bị hủy diệt, còn lại thể lửa tinh thần vô hình này, một ngọn lửa thuần nhất, được phân biệt bởi bảy trung tâm rực sáng với cường độ cháy mạnh hơn. Lửa Điện này là kết quả của việc đưa hai cực lại với nhau và chứng minh, vào khoảnh khắc nhất thể hóa hoàn toàn, chân lý huyền bí của lời nói “Thượng đế của chúng ta là một Ngọn Lửa thiêu đốt.”73 (TCF 166-167)

138. Từ một góc nhìn khác, Nirmanakaya có thể là một vận cụ biểu lộ như Tam Nguyên Tinh Thần, và có khả năng tạo ra theo ý muốn bất kỳ vận cụ nào trong ba cõi thấp.

139. Tuy nhiên, thuật ngữ “thể cảm dục” không gợi ý một vận cụ vượt quá thể nguyên nhân, trừ phi thuật ngữ này đang được dùng theo một nghĩa rất khác thường lệ.

Sambhogakaya cũng như vậy, nhưng có thêm hào quang của ba sự toàn hảo, một trong số đó là sự xóa bỏ hoàn toàn mọi mối quan tâm trần thế.

140. Such an individual has certainly passed the fourth initiation. Perhaps we might call the Sambhogakaya a special and advanced condition of the triadal vehicles belonging to the Adept who can also function etheric in the "body of fire".

140. Một cá nhân như thế chắc chắn đã vượt qua lần điểm đạo thứ tư. Có lẽ chúng ta có thể gọi Sambhogakaya là một trạng thái đặc biệt và cao cấp của các vận cụ tam nguyên thuộc về chân sư, vị cũng có thể hoạt động bằng dĩ thái trong "thể lửa".

The Dharmakaya body is that of complete Buddha, i.e., no body at all, but an ideal breath; consciousness merged in the universal consciousness, or soul devoid of every attribute.

Thể Dharmakaya là thể của một vị Phật hoàn toàn, tức là không có thể nào cả, mà là một hơi thở lý tưởng; tâm thức hòa nhập vào tâm thức vũ trụ, hay linh hồn không còn bất kỳ thuộc tính nào.

141. We can wonder if the Dharmakaya body is actually the monadic sheath. From the perspective of the lower three worlds, it would seem like "no body at all". One pauses to reflect, however, when one realizes that greater Beings than man are certainly conditioned by qualities and are not "devoid of every attribute".

141. Chúng ta có thể tự hỏi liệu thể Dharmakaya có thực sự là vỏ bọc chân thần hay không. Từ quan điểm của ba cõi thấp, nó sẽ có vẻ như "không có thể nào cả". Tuy nhiên, người ta phải dừng lại để suy ngẫm khi nhận ra rằng những Hữu thể lớn hơn con người chắc chắn vẫn bị các phẩm tính tác động và không phải là "không còn bất kỳ thuộc tính nào".

Once a Dharmakaya, an Adept or Buddha leaves behind every possible relation with, or thought for, this earth. Thus to be enabled to help humanity, an Adept who has won the right to Nirvana, 'renounces the Dharmakaya body' in mystic parlance; keeps, of the Sambhogakaya, only the great and complete knowledge, and remains in his Nirmanakaya.

Một khi là Dharmakaya, một chân sư hay một vị Phật bỏ lại phía sau mọi mối liên hệ có thể có với, hay mọi ý nghĩ dành cho, Trái Đất này. Vì vậy, để có thể giúp đỡ nhân loại, một chân sư đã đạt được quyền vào Niết Bàn "từ bỏ thể Dharmakaya", theo cách nói thần bí; chỉ giữ lại, từ Sambhogakaya, tri thức lớn lao và trọn vẹn, và ở lại trong Nirmanakaya của mình.

142. This is the summary of the interaction of the three vestures. What is "this earth"? Is the dense physical planet meant? The three lower worlds? Or the entire cosmic physical plane as it applies to the Earth-scheme?

142. Đây là phần tóm lược về sự tương tác của ba pháp y. "Trái Đất này" là gì? Có phải hành tinh hồng trần đậm đặc được nói đến không? Ba cõi thấp? Hay toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ trong chừng mực nó áp dụng cho hệ Trái Đất?

143. What, too, is "Nirvana" as here discussed? Are these degrees of Nirvana? Is it entry into atmic life, monadic life, or

143. Và "Niết Bàn" như được bàn ở đây là gì? Có phải là các cấp độ của Niết Bàn không? Có phải là sự đi vào đời sống atma, đời sống

logoic life? The Buddha achieved Nirvana, but as a partial seventh degree initiate, is focused on the logoic plane (as is the Christ). So perhaps, the type of "Nirvana" here mentioned does not take the Adept beyond the cosmic physical plane as would be the case at the ninth degree.

chân thần, hay đời sống thượng đế không? Đức Phật đã đạt Niết Bàn, nhưng với tư cách là một điểm đạo đồ cấp bảy bán phần, Ngài tập trung trên cõi thượng đế (cũng như Đức Christ). Vì vậy, có lẽ loại "Niết Bàn" được nói đến ở đây không đưa chân sư vượt ra ngoài cõi hồng trần vũ trụ như trường hợp ở cấp thứ chín.

144. The terms are not exactly those which we have found in the Western version of Trans-Himalayan Occultism presented by the Tibetan.

144. Các thuật ngữ này không hoàn toàn giống với những thuật ngữ mà chúng ta đã gặp trong phiên bản phương Tây của Huyền Bí Học Xuyên Hy Mã Lạp Sơn do Chân sư Tây Tạng trình bày.

145. The summation can be thought of in this way: the Dharmakaya does not enter the monadic state, but remains focussed in the spiritual triad (Sambhogakaya) can precipitate at will a mayavirupa built upon the "body of fire". I suspect that there are other valid lines of interpretation.

145. Có thể nghĩ đến phần tổng kết theo cách này: Dharmakaya không đi vào trạng thái chân thần, mà vẫn tập trung trong Tam Nguyên Tinh Thần (Sambhogakaya) và có thể ngưng tụ theo ý muốn một mayavirupa được xây dựng trên "thể lửa". Tôi ngờ rằng còn có những đường lối diễn giải hợp lệ khác.

The esoteric school teaches that Gautama Buddha, with several of his Arhats, is such a Nirmanakaya, higher than whom, on account of his great renunciation and sacrifice for mankind, there is none known."—Voice of the Silence, p. 98

Trường phái huyền bí dạy rằng Đức Phật Gautama, cùng với một số vị A-la-hán của Ngài, là một Nirmanakaya như thế; cao hơn Ngài, do sự từ bỏ và hi sinh lớn lao của Ngài cho nhân loại, không ai được biết đến." — Tiếng Nói của Im Lặng, tr. 98

146. And yet, the Buddha, in Shamballa, is necessarily focussed on the logoic plane as is the Christ—both of them partial seventh degree initiates.

146. Tuy nhiên, Đức Phật, trong Shamballa, tất yếu tập trung trên cõi thượng đế cũng như Đức Christ—cả hai Ngài đều là các điểm đạo đồ cấp bảy bán phần.

147. It would seem that while the Buddha functions as a Nirmanakaya, He also has the Sambhogakaya vehicle and is, essentially, a Dharmakaya Who has refused *ultimate* Nirvana, which would detach Him from all human concerns.

147. Có vẻ như trong khi Đức Phật hoạt động như một Nirmanakaya, Ngài cũng có vận cụ Sambhogakaya và về bản chất là một Dharmakaya đã từ chối *Niết Bàn tối hậu*, điều vốn sẽ tách Ngài khỏi mọi mối quan tâm của nhân loại.

One or other of these three

Một hay một khác trong ba Đấng này

148. “Separate Existences”…

148. “Các Hiện Hữu riêng biệt”…

can, if so He will, occupy a body on the physical plane which will not be simply a created mayavirupa.

có thể, nếu Ngài muốn, chiếm cứ một thể trên cõi hồng trần mà không chỉ đơn thuần là một mayavirupa được tạo ra.

149. It seems that we are coming very close to unveiling certain aspects of the Mystery of the Buddha.

149. Có vẻ như chúng ta đang đến rất gần việc vén mở một số phương diện của Huyền Nhiệm về Đức Phật.

This is done in one of two ways: either through the occupancy of a willingly vacated body, as was the case when the Christ occupied the body of Jesus,

Điều này được thực hiện theo một trong hai cách: hoặc bằng cách chiếm cứ một thể được tự nguyện bỏ trống, như trường hợp Đức Christ chiếm cứ thể của Đức Jesus,

150. Did Gautama do the same?

150. Gautama có làm điều tương tự không?

or by a divine overshadowing of a disciple, as has been and will be the case.

hoặc bằng sự phủ bóng thiêng liêng lên một đệ tử, như đã từng và sẽ còn là như vậy.

151. Or was this the way the relationship between the Head of the Spiritual Hierarchy at that time (the Buddha) functioned with the one who appears to be a seeking initiate —Gautama?

151. Hay đây có phải là cách mà mối liên hệ giữa Vị đứng đầu Thánh đoàn tinh thần vào thời điểm ấy (Đức Phật) đã vận hành với vị dường như là một điểm đạo đồ đang tìm cầu —Gautama?

The quality of the form occupied or used, and the nature of its work depends upon which of the three higher aspects of the initiating impulse, is manifesting.

Phẩm tính của hình tướng được chiếm cứ hay được sử dụng, và bản chất công việc của nó, tùy thuộc vào việc phương diện cao nào trong ba phương diện của xung lực điểm đạo đang biểu lộ.

152. The whole matter is very intricate and of a most arcane nature.

152. Toàn bộ vấn đề này rất phức tạp và có bản chất hết sức huyền nhiệm.

153. The form occupied may be a dense physical form, or, apparently, it may be a higher form.

153. Hình tướng được chiếm cứ có thể là một hình tướng hồng trần đậm đặc, hoặc rõ ràng cũng có thể là một hình tướng cao hơn.

Very rarely a more mysterious phenomenon occurs and the overshadowing Buddha, Bodhisattva, or Adept

Rất hiếm khi một hiện tượng còn huyền nhiệm hơn xảy ra và Đức Phật, Đức Bồ Tát, hay chân sư phủ bóng

154. These three are three distinct presentations of one Being.

154. Ba Đấng này là ba sự trình hiện riêng biệt của một Hữu thể.

each makes His "appearance" [Page 1194] upon earth thus demonstrating the three aspects of knowledge, love and will and all taking form.

mỗi Đấng đều tạo nên "sự xuất hiện" của Ngài [Page 1194] trên Trái Đất, như thế biểu lộ ba phương diện của tri thức, bác ái và ý chí, và tất cả đều mang hình tướng.

155. We have here, apparently, three distinct dense physical appearances of one threefold Being.

155. Ở đây, dường như chúng ta có ba sắc tướng hồng trần đậm đặc riêng biệt của một Hữu thể tam phân.

This may seem to be a great complexity, but it is not so much stranger after all than the phenomenon of the Monad (in time and space and during evolution) demonstrating forth as the Triad, the Ego and the Personality.

Điều này có thể có vẻ là một sự phức tạp lớn, nhưng rốt cuộc cũng không lạ lùng hơn bao nhiêu so với hiện tượng chân thần (trong thời gian và không gian và trong tiến hoá) biểu lộ ra thành Tam nguyên tinh thần, chân ngã và phàm ngã.

156. In case we had any doubts, it should be reaffirmed that:

156. Trong trường hợp chúng ta còn có bất kỳ nghi ngờ nào, cần phải tái khẳng định rằng:

a. The Monad *is* the Monad

a. Chân thần *là* chân thần

b. The Monad *is* the Triad

b. Chân thần *là* Tam nguyên tinh thần

c. The Monad *is* the soul or Ego

c. Chân thần *là* linh hồn hay chân ngã

d. The Monad *is* the personality

d. Chân thần *là* phàm ngã

157. The only difference is that each of the three physical appearances would appear to have a personality,. The Ego within the causal body would have been long ago destroyed. The spiritual triad would be the same for each as would the Monad.

157. Sự khác biệt duy nhất là mỗi một trong ba sắc tướng hồng trần ấy dường như đều có một phàm ngã. Chân ngã bên trong thể nguyên nhân hẳn đã bị hủy diệt từ lâu. Tam nguyên tinh thần sẽ là như nhau đối với mỗi vị, cũng như chân thần cũng vậy.

This type of triple Avatar

158. This is a great hint as only a *very* high Being descending into the lower worlds with no thought of gain for Himself, could accomplish what the Tibetan is discussing.

only makes its appearance under a peculiar series of cycles concerned with a group of Monads who were the most progressed and advanced **at the opening of the mahamanvantara.**

159. This means that the Buddha and the others came from the previous solar system. The only way the could have been progressed and advanced at the *opening* of the mahamanvantara is to have come into this mahamanvantara with experience from the previous mahamanvantara!

As yet, there are not many progressed enough to do this triple work; the Buddha and nine others being the only Ones as yet remaining in touch with our particular planet in this particular manner.

160. It becomes obvious that the Buddha is a Being far greater than the Prince, Gautama.

161. We have ten in all, associated with our planet and able to do this triple work. These ten, presumably, are from the first solar system. The seeds of the first solar system, we are told, ripened within the Buddha. And yet He also progressed upon the Moon-chain which demonstrates that some of those from the first major solar system could also have had extensive experience upon the Moon-chain instead of skipping development upon that sphere and entering

Loại Đấng Hoá Thân tam phân này

158. Đây là một gợi ý lớn, vì chỉ một Hữu thể *rất* cao cả giáng xuống các cõi thấp mà không hề nghĩ đến lợi ích cho chính Ngài, mới có thể hoàn thành điều mà Chân sư Tây Tạng đang bàn đến.

chỉ xuất hiện dưới một chuỗi chu kỳ đặc biệt liên quan đến một nhóm chân thần là những vị đã tiến hoá và phát triển nhất **vào lúc mở đầu Đại giai kỳ sinh hóa.**

159. Điều này có nghĩa là Đức Phật và những vị khác đến từ hệ mặt trời trước. Cách duy nhất để Các Ngài có thể đã tiến hoá và phát triển ở mức cao vào lúc *mở đầu* Đại giai kỳ sinh hóa là đã đi vào Đại giai kỳ sinh hóa này với kinh nghiệm từ Đại giai kỳ sinh hóa trước!

Cho đến nay, chưa có nhiều vị đủ tiến hoá để thực hiện công việc tam phân này; Đức Phật và chín vị khác là những Đấng duy nhất hiện còn giữ liên hệ với hành tinh đặc thù của chúng ta theo cách đặc thù này.

160. Hiển nhiên Đức Phật là một Hữu thể vĩ đại hơn rất nhiều so với Thái tử Gautama.

161. Chúng ta có tất cả mười vị, liên kết với hành tinh của chúng ta và có khả năng thực hiện công việc tam phân này. Mười vị này, có lẽ, đến từ hệ mặt trời thứ nhất. Chúng ta được cho biết rằng các hạt giống của hệ mặt trời thứ nhất đã chín muồi trong Đức Phật. Tuy nhiên, Ngài cũng đã tiến hoá trên Dãy Mặt Trăng, điều này chứng tỏ rằng một số vị từ hệ mặt trời lớn thứ nhất cũng có thể đã có kinh nghiệm sâu rộng trên Dãy Mặt Trăng thay vì bỏ qua sự phát triển trên khối cầu đó

only within Lemuria within our Earth-chain.

và chỉ đi vào trong Lemuria thuộc Dãy Địa Cầu của chúng ta.

A few are as Christ is,

Một vài vị thì như Đức Christ,

162. And one would wonder how many and *Who* They are…

162. Và người ta hẳn sẽ tự hỏi có bao nhiêu vị và *Các Ngài là Ai* …

163. In this section of text we have learned that the Buddha is a third ray Monad and also originated from the previous solar system.

163. Trong phần văn bản này, chúng ta đã biết rằng Đức Phật là một chân thần cung ba và cũng có nguồn gốc từ hệ mặt trời trước.

and have the power to make a dual appearance.

và có quyền năng tạo ra một sự xuất hiện nhị phân.

164. But the Christ-Jesus phenomenon was *not* this. How interesting it would be to know which such appearances had been made in the course of human history.

164. Nhưng hiện tượng Christ-Jesus *không* phải là điều này. Sẽ thú vị biết bao nếu biết được những sự xuất hiện như thế đã từng được thực hiện trong tiến trình lịch sử nhân loại.

This type of monad is only found on Rays two, four, six.

Loại chân thần này chỉ được tìm thấy trên các cung hai, bốn, sáu.

165. All is controlled by *number.* If the third ray Monad can present itself as three distinct yet simultaneous Existences, and the Monad on the second, fourth and sixth ray is capable of a *dual* 'Presentation of Self', then is the first ray Monad (and perhaps the fifth) capable of only *one* Self-Presentation?

165. Mọi sự đều được kiểm soát bởi *con số.* Nếu chân thần cung ba có thể tự trình hiện như ba Hiện hữu riêng biệt nhưng đồng thời, và chân thần trên cung hai, bốn và sáu có khả năng có một sự *nhị phân* "Tự Trình Hiện", thì phải chăng chân thần cung một (và có lẽ cả cung năm) chỉ có khả năng *một* Tự Trình Hiện duy nhất?